LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 120

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

SỐ 1719
(QUYỂN 6 →10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1719

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

Đời Đường Tông Thiên Thai Sa-Môn Trạm Nhiên Thuật

QUYỂN 6

PHẦN THƯỢNG

Tiếp, "Kệ" văn: Trên nói kệ văn lãnh giải đều trình bày. Trước trong trường hàng thì lấy thân làm lãnh, dùng ý làm giải hoàn toàn Tựa như đều trình bày; mà nói "hợp": là trong lãnh hợp giải, trong giải hợp lãnh cho nên nói hợp. Nay nói "các" (mỗi đều): là ba nghiệp đều có lãnh cùng giải, mặc dù giống như hợp nêu nhưng trong mỗi một nghiệp tự phân lãnh giải, cho nên gọi là "mỗi đều". Lược nên phân tiết, sau có thể y văn. Đã phân làm ba tức Nêu ra, Giải thích, Kết. Đầu tiên là thông nêu: "Con nghe" là nêu khẩu, "vui mừng" là nêu tâm. Nói "kiêm Phật": là kiêm theo Phật tức là kiêm nêu thân. Đã là tổng nêu lại dùng "Con nghe pháp âm ấy..." là lãnh, "Lòng rất đổi vui mừng" là giải.

Tiếp giải thích ba nghiệp: trong một hàng rưỡi đầu tụng thân lãnh giải, thì một hàng đầu là thân lãnh, tiếp nữa hàng là thân giải. Tiếp, "Con ở...": mười một hàng nêu khẩu lãnh giải, trong đó lại chia làm hai: Chín hàng đầu nêu thân xa, tiếp hai hàng nêu nhập pháp tánh. Chín hàng đầu chia làm hai: Tám hàng đầu nêu khẩu lãnh, tiếp một hàng nêu khẩu giải. Do lãnh mà giải (hiểu) lỗi ở khẩu xưa. Trong nhập pháp tánh lại chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu tụng nêu khẩu lãnh, tiếp nửa hàng nêu khẩu giải. Do lãnh mà giải được sở đắc từ khẩu xưa.

Tiếp, “Mà nay...”: chín hàng rưỡi tụng ý lãnh giải, chia làm hai: Tám hàng đầu tụng ý lãnh, sau một hàng rưỡi tụng ý giải. Cuối, hai hàng rưỡi tụng kết thông, có hai: Một hàng rưỡi đầu tụng kết lãnh, tiếp một hàng tụng kết giải. Lãnh là ngoài lãnh Phật thuyết, giải tức trong thọ ý Phật. Do đó trong trường hàng thì hợp, kệ tụng thì ly mà chung làm một ý. Lại tổng chín hàng rưỡi đây ý văn lãnh giải, tụng tâm đắc diệu giải bên trên. Vả lại, y văn trước đồng dùng giải làm danh, nhưng trong đó lại phải phân nhỏ, cũng có thể chia làm tám:

l) Hai hàng đầu tụng: xưa chẳng thật.

2) Một hàng: chánh tụng nghe diệu giải ở chu đầu, tức tụng trong phương tiện hiển thật.

3) Một hàng: trở lại tụng trên pháp thuyết thời chu đầu lược nói mà sinh nghi hối.

4) Một hàng: tụng chương môn chư Phật bên trên: chủng chủng lãnh khai quyền bên trên, thí dụ tụng Đàm hoa bên trên.

5) Từ “Phật thuyết...” trở xuống một hàng tụng chương môn Phật quá khứ.

6) “Hiện tại...” một hàng tụng chương môn Phật hiện tại, vị lai.

7) “Như nay...” một hàng tụng chương môn Phật Thích-ca bên trên.

8) “Thế Tôn...” một hàng rưỡi tụng hối lỗi tự trách.

Nghiệm biết đầu tiên nghi, lỗi tại mình. Trước trong thân lãnh giải: Kinh nói: “Sắc vàng ba mươi hai tướng cho đến mười tám pháp bất cộng...” đều như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Nay văn thuộc Viên tỷ dụ nói có thể thấy. Lại, tám mươi tướng tốt: Căn cứ văn Đại kinh nói tướng tốt của Phật thì vô lượng, đây ứng trong sắc chỉ có tám mươi. Chúng sinh thế gian thờ tám mươi thần, cho nên đức Phật có đầy đủ để sinh tôn kính. Nay kinh văn ý tổng trình bày lỗi xưa. Nhưng Tám mươi tướng tốt đều có đủ tứ Tất-đàn để lợi tha không hẳn hoàn toàn là tám mươi thần, cho nên mỗi một tướng tốt đều là biển tốt. Nay nghe khai quyền chánh lãnh lỗi xưa, là tướng tốt không thể nghĩ bàn.

“Đầy đủ như...” trong Điều-đạt nói: Ta từng ngày đêm...: Nếu các Thánh lại dùng tối sáng mà làm đêm tối, thì đối điều này tư duy đâu đủ để trình bày, cho nên trong đây nên theo sở biểu. Giải thích có hai lớp đều căn cứ giáo xưa. Trong cơ nhậm vận sâu kín có cái nghi này, vì chưa được rõ ràng nên có thuyết này. Nếu trong sinh tử có, thì là ý Đại thừa. Nếu trong sinh tử không có, thì là ý Tiểu thừa. Đã đắc Tiểu thừa rồi, không biết đây chứng tại nơi nào chấp nhận. Xưa trong căn cơ từng

có nghi này đến nay, đây chính là dùng Tạng đối Diễn mà làm trong ngoài. Nếu nay thâu hoạch ngộ thì cái nghi này ắt bỏ. Lại “Sinh tử...”: tiếp theo, vì sinh tử và Niết-bàn đều gọi là đêm, được nghe lý Trung đạo gọi là ngày, đây chính Biệt Viên dùng đối Tạng, Thông tối tăm sinh nghi. Sau nghe khai hiển thì nghi này mới trừ, đây là đối Phương-đẳng Bát-nhã đều nghe: Nhưng văn sớ nói ít, lẽ ra lại nói: Thật lý trung đạo làm ngày. Tại xưa đối với Đại thừa nghe lý Trung đạo này tuy đối đã chứng mà còn tối tăm sinh do dự; chưa chứng lý Trung này như mặt trời vẫn ẩn dấu, vừa nghe lược khai vẫn còn có nghi đây, huống chi xưa ở Tiểu thừa. Nay nghe năm Đức Phật rộng hiển thật quyền mới trừ bỏ được hai nghi như mặt trời xuất hiện. Lại “Người đời...”: Ý thí dụ Thanh văn từng trải qua các pháp hội, hoặc bị la mắng hoặc được gia-bị, hoặc vui hoặc lo buồn, đến Pháp Hoa trải các đủ các gian khổ, tự hành lợi tha đều nghe biết chỉ vì cho rằng không phải nhiệm vụ của mình nên tự tha có chút sai biệt, nên cùng các vị mới bắt đầu thì khác. Cho nên biết bắt đầu từ vi tiện trải qua đầy đủ văn võ, hiểu rõ từ cạn dần đến sâu, biết vật có khả năng hay là không. Như Hương Tích Bồ-tát lại học song lưu (hai dòng), cho nên thảo sáng (mới bắt đầu) ít am hiểu các hành. Nhưng lại hai đường xen lẫn làm hơn thua không thể nhất hướng.

Nói “Năm vị đào thải”: là thông chỉ năm vị lấy làm đào thải, chẳng riêng gì Bát-nhã. Kinh nói: “Vô lậu khó nghĩ bàn...”: Xưa nói rằng vô lậu chỉ đến Vô dư, nay mới biết đến thật đạo tràng. “Hiểu ma phi ma....”: Xưa nghe khác bản, cho rằng Phật là ma. Nay mới biết vốn ngu, giác biết chỗ lầm ấy tức là Phật cho nên nói vậy. Kinh nói: “Phật dùng các món duyên...”: Trước dùng Thích-ca khai quyền giải thích chư Phật hiển thật, nói: “Ta dùng vô số phương tiện các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ...” cho đến “chương tam thế Phật”, mỗi mỗi đều nói “cũng dùng” cho đến “pháp ấy đều là nhất Phật thừa”. Trong Kết nói “Kết thành” lại có thể chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu tụng Kết, tiếp một hàng tụng Thành. Phần đầu Kết có hai: Ba câu đầu kết âm thanh Phật tức khẩu hỷ. Ba câu sau kết ý hỷ. Lại do nghe Phật, dùng kiêm thân cho nên có hoan hỷ nghi trừ, sở chứng sở thành cảm báo tác dụng. Thuật thành ba ý trên: Thấy Phật thuật thân hỷ, nghe pháp thuật khẩu hỷ, ngộ giải thuật ý hỷ. Xưa vẫn từng giáo hóa Đại, đâu chỉ ngày nay mới được thân cận ư! Tuy lại mê trong đó mà từng nghe chẳng sai lầm, tức hiển ngày nay lập lại duyên nghe; giữa đường giáo hóa (dạy) Tiểu thừa còn không làm tiểu, nay lại được nghe thì tin do bởi xưa đã được dạy. Nghiệm nay ý giải căn cứ xưa không hư dối. Nhưng thấy Phật... ba thứ

thông có ba lãnh. Nói "duyên thấy Phật": Do xưa thấy Đại thừa cho nên ngày nay đắc Thật là duyên, thật mới gọi là "thấy". Nói "duyên ưu hối nghe pháp": Tự mình trong đó quên đến nay, là do chấp Tiểu, lại nghe hai tô đến lược thuyết ở nay. Phàm ưu hối, đều do xưa chấp Tiểu thừa. Nói "bất hư": Xưa vốn nghe Đại, tin nay không dối gạt.

Tiếp, "dẫn Thập trụ Tì-bà-sa luận" để giải thích "Vô thượng"; tiếp "dẫn kinh Anh Lạc" để giải thích "Đạo", lại nhờ danh Biệt để hiển nghĩa Viên, nghĩa Viên danh Biệt tất cả đều rõ. Chỗ khác không có ý đây không thể lạm dụng. Bảy thứ vô thượng này văn chia hai lớp: Lớp đầu, một thứ trước là quả, sáu thứ sau là nhân. Hai nhân đầu là Lục hòa, hai nhân tiếp theo là Phước trí, hai nhân sau là Chứng hành. Tuy phân làm ba cặp xen nhau mà tướng và lực, cho nên sáu nhân đều gọi là Vô thượng. Vọng quả hành nhân cho nên quả trước nhân sau. Nói "Lục hòa": Đầu tiên thọ trì vô thượng tức thân khẩu ý, do có ba hòa cho nên tự lợi ích vô thượng. Đại thừa lục hòa nhiếp trọn các pháp. Hai chướng chỉ là phiền não và sở tri, hai chướng đây nếu biệt luận thì tại Biệt Địa tiền, Vô tri chỉ là ngoại giới trần sa. Nếu thông trên dưới, thì vô tri tức nhiếp vô tri trong ngoài và do vô minh, cho nên tri chỉ là khai hợp sai khác. Trong hành vô thượng chỉ nói Thánh phàm không có ba thứ khác. Thiên là sở chứng, bệnh trẻ con là quả dụng, tu hai chứng một có hai khả năng đây, vì vậy nên chỉ nêu hai mà không liệt kê ba thứ còn lại. Lớp thứ hai, lại từ quả lập tức do sáu nhân từ quả lập xưng, tầm danh dựa theo giải thích để xuất ý chỉ của kinh. Dưới đã kết nói chủng chủng là nêu rõ vô thượng đạo, cho nên đạo nghĩa vô lượng tùy giáo nào mà thành! Cho nên nói kinh này Viên Vô thượng đạo tức là đạo của Vô thượng gia gọi là Vô thượng đạo. Mỗi mỗi Vô thượng đều đầy đủ Vô thượng của các đạo. "Xưa tuy Đại hóa..." : Giới nội vô minh cũng chưa từng phá, nên nói "Hoặc ám". Nếu sơ tâm Viên tu thì dù chưa phá Kiến tư, chỉ nghe một câu nạp chủng vào thức thì muôn kiếp không quên mất. Dùng ám vọng minh (tối đối sáng) mà còn chẳng lầm chân ngộ thì lẽ nào lại hư dối? Huống chi là ngộ chân có thứ lớp có siêu vượt đầy đủ như trước nói. Cho nên, "Hoặc ám" là chỉ sáu căn về trước. Sáu căn tuy tức chưa phá vô minh, tương tợ địa vị bất thoái còn gọi là "Bất ám". "Nếu đắc đại giải...": là trưng hỏi. "Thọ ký có bốn ý...": Đáp ý là "cần phải thọ ký". Bốn ý thọ ký đây nói đủ tại ba chu. Tại chu giữa, trong bốn ý ấy chỉ trừ chữ "trung" trong ý thứ hai. Cho nên, đến chu cuối thì chỉ có ba không có bốn ý. Lại trong bốn ý ở đây thì ý đầu có đầy đủ ba ý dưới. Lại, ý đầu và ý thứ tư thì đối xưa, ý thứ hai và thứ ba chỉ nay. Lại

ý đầu và thứ tư chỉ "tự", ý thứ hai và thứ ba căn cứ "tha". Lại ý thứ ba thì thông hiện tại và vị lai, ý đầu chỉ hiện tại, ý thứ hai chỉ vị lai, ý thứ tư chỉ quá khứ. Gia Tường có mười ý nhiều mà không hợp. Nay điểm thô chỉ bày, khiến biết nhiều và lược.

l) Chứng giải bất hư.

2) Khiến không nghi hối. Hai thứ này thuộc Thuật thành, đâu cần lại nói thọ ký.

3) Dẫn vật sinh tin thuộc nay thứ ba.

4) Khiến Thân-tử hâm mộ quả, đây thuộc chương đầu tán thán hai trí của năm Đức Phật, vì muốn khai quyền, kiêm khiến mộ cực. Nay đây chỉ là thọ ký tám tướng, Sơ trụ tự đắc không cần nói "mộ".

5) Vì dẫn tám bộ, chánh dẫn đồng loại, bát bộ là phụ. Đây đồng văn nay ý phụ thứ hai. Xưa chưa thọ ký nhị thừa cho nên nhị thừa căn tánh vĩnh viễn tuyệt dứt kỳ vọng kia, mà nay thọ ký, phụ dẫn bát bộ cho nên nói "cần phải thọ ký".

6) Vì dẫn vật xưa sinh cùng ý nay đồng.

7) Hiển kinh bí mật, bí mật thuộc lý, thọ ký Tiểu thuộc sự. Lại, thọ ký thuộc hiển lộ, không gọi là bí mật, đây thuộc giáo xưa.

8) Muốn thành Đại thừa, đây thuộc ý đầu.

9) Hòa hội Đại tiểu nói "như xưa trách Di-lặc được nhận...". Hòa hội là biệt danh của Khai quyền, do khai quyền nên mới được thọ ký.

10) Vì dẫn người có duyên, cũng là ý thứ ba.

Mười ý số nhiều nghĩa ít nhưng thiếu văn ý thứ tư này. Nguyên phát tâm Đại thừa thì hy vọng được thọ ký, cho nên biết mười nghĩa đó tuy nhiều mà không đủ. Các văn của sớ kia, đây theo lệ rất nhiều, ngoài ra không thể trình bày. Chánh trong Thọ ký thì mười thứ: Hành nhân....., kinh văn đều có hai. Trong Thời tiết có thế có số, trong Hành nhân có cúng Phật và tu hành, trong Đắc quả có thông hiệu và biệt hiệu, trong Quốc tịnh có quốc danh (tên) và quốc tịnh, trong Thuyết pháp có tam thừa và nhất thừa. Kinh văn tuy không nói nhất thừa, đã đáp lời nguyện nói Tam, nói Nhất làm chánh, chánh phụ gồm đầy đủ. Trong Kiếp danh có nêu có giải, trong Chúng số có nhân có hạnh, trong Thọ lượng có thọ lượng của Phật và thọ lượng của nhân dân. Riêng luận thọ mạng sau thành Phật, cho nên trừ vương tử. Trong Bổ xứ có y báo có chánh báo, trong Pháp trụ có chánh pháp và tượng pháp. Trong Viên tịnh, "trước, lập danh cõi kia....": là tướng. Không cao thấp gọi là "bình", không thiên lệch gọi là "chánh". "An ổn....": là độ (cõi), "dùng lưu ly.....": là nêu tướng thù thắng. Trong Thuyết pháp thì căn cứ nay Đức Thích-ca

cho nên nói "cũng vậy".

"Xá-lợi....": là nêu thuyết ý Tam thừa. Cõi tịnh chỉ có một, đáp lời nguyện thuyết Tam, tức thiết lập tức phế bỏ.

Hỏi: Nguyện nói nơi nào?

Đáp: Căn cứ kinh Đại Bi Không Tạng nói: "Trong sáu mươi kiếp hành Bồ-tát đạo, nhân khi Bà-la-môn xin mắt, mà thoái lui. Nguyện ngày thành Phật khai pháp tam thừa".

Hỏi: Đã được thọ ký rồi, vì sao lại trải qua bao nhiêu kiếp ư?

Đáp: Nếu thọ ký Bồ-tát thì chỉ thông đồ (đường lớn) nói "đắc vô sinh....". Nay thọ ký Thanh-văn phải căn cứ kiếp nước, nơi Phật ứng thân thành cần có cơ duyên. Các Thanh-văn đây xưa chưa từng có hạnh của tịnh độ, nhờ thọ ký rồi sau mới cùng chúng sinh kết duyên. Căn cơ chúng sinh không đồng dẫn đến có kiếp nhiều ít. Long nữ tuy là Súc sinh mà dùng "thừa cấp" cho nên trước tu tập phương tiện. Nếu căn cứ quyền tích thì đây lại biệt luận. Lại các Thanh văn thời không đồng: Vì thích hợp chúng sinh nên tùy căn cơ dài ngắn, cơ duyên không đồng sơ trụ đâu có gì sai khác. Người đời thấy Thanh-văn được thọ ký thì cơ hiềm kiếp số dài xa, thấy Long nữ thành Phật bèn nghi thời tiết ngắn ngủi? Hoặc nghi ít lỗi mà mắc tội rất lớn, hoặc suy nghĩ ít thiện mà chiêu cảm công tự nhiên nhiều; hoặc chỉ trích Phật nói hồi hoặc bất định; hoặc trách Bồ-tát chỉ bày tích sai khác. Hoặc nghe thắng hạnh nhiều kiếp thì nghi giáo môn hư cấu, nghe chư Phật thần biến thì cho là tướng thuật thế gian bao gồm. Hoặc nghi sáu mươi tiểu kiếp coi như nửa ngày; hoặc mê một sát-na trải qua vô lượng kiếp. Nói như vậy là tà thì không thể biết số, chính vì hạt giống tà kiến mạnh, đời trước sức huân tập tu yếu, chấp tay ngay ngắn mà giữ cái tệ lậu, nhàn rỗi mà đàm luận thị phi. Chỉ tin giáo ngưỡng mộ lý, đâu cần suy đoán chủ quan. Phó duyên ích vật chẳng phải điều mà thế gian biết. Phải biết người này đâu hiểu Sơ trụ đắc tám tướng thọ ký, mười phương làm Phật thị hiện các thứ. Tuy thị hiện các thứ mà cùng Pháp thân thọ ký sai khác. Nếu không vì vật tu hạnh tịnh độ, thì nơi thành Phật vì sao chấp cõi? Trong phần "Kệ tụng", kinh nói "Thập lực đẳng": tức chỉ Phật quả mới gọi là "lực". Sơ trụ phần đắc, gọi là "công đức".

Nói "đẳng" là chẳng những chỉ cúng Phật kiêm tu hạnh tịnh độ, hoặc có thể do đắc thập lực công đức phần, thành sơ trụ thọ ký. Nếu dẫn Đại luận thì Bồ-tát có mười thứ lực phần, tức đây nêu nhập trụ Bồ-tát đầy đủ nhân thập lực. Kinh nói "Mỗi người đều cởi y trên của mình....": Trong đây chung nói bốn chúng tám bộ và hai chúng xuất gia. Nói "y

trên": tức Đại y. Nếu luận ba y thì đều không thể bỏ, do pháp ở phương Tây phần nhiều chỉ ba y. Như trong kinh Đại Phẩm, thì ba trăm Tỳ-kheo nghe Bát-nhã rồi đều lấy Tăng-già-lê để cúng dường. Trong Luận hoặc nói "quên tướng là pháp"; hoặc nói "ngày ấy lại đắc". Hoặc chung nói "đó vì bao gồm tục". Hoặc như Đại luận. Kinh nói "mà tự xoay chuyển": là tiêu biểu nghe Thân-tử được thọ ký, pháp tánh tự nhiên mà chuyển, nhân quả y chánh tự tha đều chuyển.

Kinh nói "Tối đại Pháp luân" (Pháp luân rất lớn): "Tối" là kinh này khai trong Viên. "Đại" là Nhân (người)....bốn thứ Diệu, hoặc là mười thứ: Cảnh v.v..., hoặc là ba thứ: Phật v.v..... Luân của diệu pháp gọi là "Diệu pháp luân". Đây lược đối đầu cuối, không thuật chặng giữa Phương-đẳng Bát-nhã, đầy đủ như trong Huyền Văn. Kinh Hoa Nghiêm nói mười việc gọi là chuyển pháp luân, đây mới thông phương. Lại nói Viên âm không còn Đại tiểu, mà chúng sinh tự sai khác. Đây chính là từ chối chê bai diệu pháp, sao gọi là xưng tán, sao cho là hoằng kinh? Bốn hàng rưỡi cuối là tự thuật: Chỉ liệt kê ba danh. Trong đó nên phân một hàng đầu tự thuật. Tiếp hai hàng rưỡi tùy hỷ. Một hàng cuối là hồi hướng. Nên cần đối với văn, vi tế thuật ý kia. Trong năm pháp (sám) hối không có ba loại này, đã dự biệt ký không có tội có thể hối. Đã thâu hoạch phần thọ ký cho nên không khuyến thỉnh, đã có chỗ đến nên lược không phát nguyện, nếu vọng cực quả chỉ trừ sám hối. Bốn thứ còn lại đều trong năm hối, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. "Như Thân-tử...": ở trước bốn văn chỉ thuật ba đoạn: Pháp trước cùng nghe không cần thuật lại, chỉ thấy Thân-tử lãnh giải... ba thứ, con nay đồng nghe cũng nên cùng đắc đều là quyền: chỉ vì duyên thật hành chưa thuần thục, quyền hạnh đồng sinh, cho nên hơn bốn mươi năm không hiển chân thật, vừa nghe diệu lý của năm Đức Phật, bỗng nhiên liền phá vô minh, tìm kiếm có thể được thọ ký. Thật bệnh đã lành, Quyền tật cũng giảm, lẽ nào một đời giáo hóa công toàn là đảm nhiệm thật hành? Trong cụm từ "Bồ-tát cũng chưa lành bệnh vân vân", thì "vân vân" là: lẽ ra rộng trình bày các cõi, chỉ bệnh và lành bệnh.

Trong câu "A-nan dẫn nhân duyên Không Vương mà được thọ ký vân vân" thì "vân vân" là: cũng nên vượt qua nơi đây và bốn đoạn của chu dưới, đều căn cứ Thí và Nhân duyên. "Văn sau ở trong phẩm Pháp Sư vân vân": văn nói nhân duyên đời trước sau đó bốn chúng hoan hỷ, là chỉ đoạn đầu văn trường hàng trong phẩm Pháp Sư. Đầu tiên nêu ra nhân loại trong đó liệt kê đầy đủ hàng tứ chúng tam thừa. Đã nói: "Các loại như vậy đều ở trước Phật nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa một câu,

một bài kệ, nhất niệm tùy hỷ”, cũng phải là văn hoan hỷ. “Nay mới vận đại bi...”: Chu đầu vốn là tự nghi, trong đây nhất hướng lợi vật mới vận đại bi, đây tức cần phải tu hạnh tịnh độ, là nền tảng của Bồ-tát hạnh. Căn cứ đây giải thích ý trước thì có thể thấy. “Có người nói...”: là người xưa nói. Thân-tử pháp thí đầu hai chu đều có một nghi, cho nên nói “mới cũ (tân cựu)”. Dùng 1200 người tại chu đầu chưa nghi, cho nên chỉ có “tân”. “Nay cho rằng thượng căn...”: là Thượng căn ban đầu nghe lược thuyết động chấp sinh nghi, nhờ chương ngũ Phật liền thâu hoạch đại ngộ. Trung căn chấp nặng khi nghe lược thuyết thì cùng thượng căn đồng nghi, tại pháp thuyết mà chưa ngộ thì nghi kia vẫn còn. Lẽ nào chẳng phải trung căn nghi nhiều hơn thượng căn? Cho nên, Thân-tử tự trình bày nói: “Con nay không còn nghi hối”.

“Các vị một ngàn hai trăm đây...”: là thuật chúng đồng có nghi hoặc, sao lại nói Thân-tử nghi nhiều?

Hỏi: Phàm phu cũng có người một phen nghe liền ngộ, đã nghe lược rộng năm Đức Phật khai quyền, và nghe Thân-tử lãnh thuật được thọ ký, long quỉ còn hay dẫn theo lệ, trung hạ căn tại sao ngu độn còn mê ư?

Đáp: Đây có hai nghĩa: 1) Chấp lâu; 2) Nhập vị. Giải tức phá chấp, chấp phá thì nhập trụ. Phàm phu không có hoặc đây sẽ dễ lãnh ngộ. Hàng Thanh văn do hai nghĩa, tuy nghe mà chưa chứng, đối với hạng chấp lâu này căn tánh không đồng, cho nên chia làm ba phẩm.

Kinh nói: “Nghe những điều chưa từng nghe”: Nghe Thân-tử bốn đoạn mà giáo xưa không có, căn cứ chương môn năm Đức Phật, ta chẳng phải tri kiến Phật. Nghiệm sở đắc xưa biết là không chân thật. Nay xưa chân thật đồng khác không phân biệt, cho nên nói “nghi hoặc”. “Vì bốn chúng phổ thỉnh...”.

Hỏi: Trước trong Pháp thuyết cũng trước ba sau một, nghe đã không ngộ. Nay lại thỉnh cũng trước ba sau một, thì cùng trước có gì sai khác?

Đáp: Nói “nhân duyên” tức là trước ba sau một, đầu cuối căn do, cho nên nói nhân duyên. Chương bốn Đức Phật lược, Thích-ca hơi rộng, tuy dùng Ngũ trược để giải thích nơi Quyền, mà đầu cuối chưa rõ cho nên khiến trung căn nơi đây không hiểu. Thí thuyết nêu rõ tướng luân hồi, nêu đầy đủ nguyên do cho ba xe để ra khỏi nhà lửa, kiêm chỉ ý đòi ba cho một. Rộng trình bày đồng ban cho, con bình đẳng, tâm bình đẳng, đây mới đáp nhân duyên thỉnh.

Trong đây “bốn chúng”, ở trong chương bốn Phật trước, chẳng

những hai chúng Đương cơ và Kết duyên, mà còn phát ngôn và lãnh giải, tức là hai chúng Phát khởi và Ảnh hưởng. “Đỗi”: là oán hận. “Khai thí”: Căn cứ Đại kinh dụ có thể nói “biến dụ”, thông giới nội ngoại và Đại tiểu thừa... Cũng có thể nói “phi dụ”: Thế gian không có nhà lửa đây từ đầu đến cuối và người cứu lửa ắt dùng xe vận chuyển. Trước cho sau đoạt, trước ba sau một, nhưng Thí cùng Hợp xen nhau có rộng lược. Nếu Thí lược hợp rộng, thì trước nhiếp Hợp văn đến đối Thí xong, đến Hợp lại phải đều hiểu rõ. Nếu Thí rộng Hợp lược, thì Thế Tôn đâu có thể lo lắng, phải hiểu rõ Thí hợp chỉ lược đối. Trong “Tổng thí” nói “Một môn”: Trên nói chủng chủng đối bất chủng chủng tức “một môn”. Trên nêu sở thi đối Phật đạo thuyết; Phật đạo tức là “một môn”, chủng chủng tức là thi quyền. Nay đưa ra sở hiển chỉ nói một môn; cũng là đều đưa ra khả năng kia, dùng năng đối sở, ý kia không khác biệt, tư duy có thể thấy. “Danh như khách...”: Hành thì tại ngã rồi, danh thì từ người khác truyền, Thật hành thì thân, Quyền hành thì sơ. Hành thân thì danh xa, khắp ba cõi. Hành sơ thì danh gần, chỉ tại Đồng cư. Phương tiện Thật báo thay đổi làm xa gần. Tuy là thân sơ lại xen nhau hiển danh hạnh tương xứng, người khác không lầm truyền. Bởi vì hạnh cao thì danh xa, danh dày ắt hạnh thân, cho nên dùng “xứ” để tiêu biểu đó, nghiệm danh hạnh không xen lạm. “Phong cương...”: “Phong” nghĩa là được thống lĩnh khu vực có giới hạn, “cương”: tức bờ cõi sở phong. Nhỏ thì gọi là “bang”, lớn thì gọi là “quốc”.

Lại nói: Thiên tử kiến lập quốc thì dùng nơi rất xa làm “quốc”, “tể” là chủ tể, chỗ có chủ cai trị là “ấp”, trong ấp đều ở gọi là “tụ lạc”, cho nên ấp, tụ lạc... xuống dần nhỏ lại. “Không dùng cựu thích”: Chỉ dùng hư không đối nơi Tam thiên cõi Đồng cư, thiếu hai cõi Phương tiện và Thật báo, vì vậy nên không dùng. Tiếp, dẫn ý luận: Rộng bàn đồng và khác, phàm nói lập Thí dụ thì thủ xả không đồng, luận thì nhân quả đều luận, nay tạm đơn cử nói quả báo. Vả lại thí dụ “Trưởng giả” là quả Phật, tức nghĩa tu nhân chẳng phải là điều nay luận. Trong cực quả vẫn dùng Y báo để hiển Chánh báo, cực quả nói thành ắt khắp ba cõi. Thể của cõi tuy tức ngang dọc tương “đới”, nhị mà bất nhị, nay theo dụng của cõi chỉ căn cứ dọc mà luận, cho nên rộng hẹp không đồng để hiển ở khắp. “Từ Bản thùy tích...”: Ngày nay, trước thì từ bản Tịch quang thị hiện ba cõi tích, đến hội Pháp Hoa thì nhiếp ba cõi tích, quy về bản Tịch quang. Hành sở khế lý bản, danh sở cập xứ tích. Lý khắp ba cõi, hóa cảnh ắt khắp, trọn không có hành kém mà danh rộng. Tức thể dụng tương xứng, cho nên nói không có khách chủ sai khác, tức danh hạnh

thân cõi đều tương xứng. Như xưa giải thích không chọn hai cõi, chính vì dùng xứ được từ bi gia-bị làm "quốc", thì khiến cõi Đồng cư và "ấp" không sai khác. Cho nên không biết xứ được từ bi gia-bị kia rộng hẹp, mà làm quốc, thì hoàn toàn lỗi ở Thật báo, Phương tiện. Văn vẽ rực rỡ sáng tỏ, tức văn thể phân minh tướng đáng sợ. "Dương dật" (biển lớn tràn đầy): Trong đầy ngoài đủ. Trong đầy cho nên hành khắp, ngoài đủ cho nên danh bố. "Tam hoàng": Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế. "Ngũ đế": Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường và Ngu. Hai thứ này đồng chỉ Sát-đế-lợi. Lại mượn đây để so sánh kia. "Hoàng" là trung, "Đế" là đức, tượng trưng thiên địa. Cõi đây các "tánh" (họ) ai mà không nương theo? Hể trước nay còn dùng thì chẳng phải là giữa đường hẻo lánh xa xôi riêng được, mà là dòng dõi của gốc kia (kỳ bản duệ). "Duệ" là y mạt (gấu áo), tức có bản (thân áo) để nương theo. Có người nói: Miêu duệ: Cỏ mới sinh gọi là miêu (mầm mống), tức bắt đầu có tánh (họ), nối dòng không lẫn lộn như mầm mống đầu nối dõi sau. "Tả điêu hữu sáp" (đuôi chim điêu cắm vào). "Điêu": sách Thuyết Văn nói: "Điêu" tợ như chuột, xe cộ y phục rộng lớn thong thả đi. Chú giải rằng: giữa mũ tả điêu hữu thiền hầu hai bên, như (thiền) con ve sầu thanh cao uống giọt sương chứ không ăn. Lại nói "hữu sáp" (cắm vào) là cài trâm. "Tả phụ hữu bật" (phụ tá vua) là thừa tướng. "Diêm mai a hành": là giải thích thừa tướng. Như giàu sang cao quí đáng tôn trọng thăm hỏi truyền nói, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. "A" là "ỷ"(dựa, tựa). Ỷ là ký (nhờ). "Hành" là "bình" (công bằng). Đồng lăng.....: Như Đặng Thông. Hán Văn đế mộng thấy rơi xuống giếng được Thông cứu, liền triệu Thông đến xem bói nói là không tránh khỏi chết đói, Đế liền sai người đến núi Thục Đồng đúc tiền, cung cấp thì đâu còn chết đói ư! Sau Ai Đế đăng vị mang tố cáo đúc tiền riêng dùng, nhân đó bị giam tù chết đói.

Có người nói chỉ là Văn Đế bị người khác ghen ghét, sau liền đói chết. Lại nhờ ban đầu giàu sang mà nói. Như Sách đời Tấn nói: Thạch Sùng có Kim cốc (hang vàng) tại phía Đông tỉnh Lạc Dương kéo dài sự tiến tới cũng là dẫn dắt. Nghĩa là uy do nghiêm túc vật không gắng gỏi mà thành, nghiêm cẩm tinh khiết như sương, lắng cao, cao mà lại nặng không sai mà tự đi, có thể đi vạn dặm, cũng như kho vũ khí, binh khí nào mà không có dùng thì hành động, bỏ thì cất giữ... Bạch khuê: Là ngọc tốt Thuyết văn nói: Ngọc may mắn, trên tròn dưới vuông. Bạch hổ thông nói: Ngọc trong sáng ưa chiêm ngưỡng.

"Nhất nhân (một người)": Hiếu kinh nói Thiên tử. "Xuất thế

trưởng giả”: mười văn đầy đủ. “Phật từ...”: là tánh, “công thành...”: là vị, “pháp tài...”: là (sang giàu) phú, “thập lực...”: là uy, “nhất tâm...”:là trí, “sớm thành...”: là kỳ (già), “ba nghiệp...”: là hạnh, “cụ Phật...”: là lễ, “mười phương...”: là kính, “bảy thứ......”: là qui. Nếu dùng quả vọng nhân thì nên gọi là Viên giáo từ Đẳng giác trở lại, kỳ thật nhân phát tâm cứu cánh hai không sai biệt, cho nên mười đức đây đều từ cực quả. Nếu từ đương phần quả phân quyền thật thì Quyền ba Thật một, mười đức danh đồng, danh... thể đương giáo biện rõ sai khác, cho nên khiến thật tế ba đế không đồng, cho đến sở qui nhiều ít cũng sai biệt. Sở dĩ “Trưởng giả” danh thông nay phải theo biệt, do biệt đứng đầu thông tức vượt bậc.

“Quán tâm Trưởng giả” có mười: “Quán tâm...”: là tánh, “tam hoặc...”: là vị, “tam đế...”: là phú, “chánh quán...”: là uy, “trung đạo...”: là trí, “cửu tích (lâu đã tích chứa)....”: là già dặn “đây quán...”: là hành, “lịch duyên...”: là lễ, “năng như...”: là kính, “thiên long...”: là qui. Mười đức này không ra ngoài Cảnh, Trí, Hạnh ba thứ. Tuy chưa nhập vị như vương tử ở trong thai, cho nên gọi là “quán hành mười đức của Như Lai”. Nếu đối xuất thế lại tùy giáo kia quán biệt, quả biệt; chuẩn theo giáo vọng quán nhân quả tự phân tức dùng tam quán đối nơi tứ giáo, đủ xem đức tướng để tán thán nơi quán, khiến người học sau tu nhân đầy đủ. Do quán mười đức thành quả mười đức, do năng nhất tâm chiếu đủ ba pháp, tức là quán tâm mười đức đầy đủ. Cho nên văn “dẫn Phật tử...” lấy làm chứng minh quán tâm, như trong Chỉ Quán đủ thành oai nghi. Lại mười đức đây tức mười pháp thành thừa, thứ lớp hợp thì có thủ đắc. Vì sao? Vì thật tướng tức là chánh cảnh, duyên lý khởi thệ nguyện cho nên gọi là trụ nhẫn. Do tâm an lý xứng lý hàm tàng, trừ ba đế hoặc, được phá danh khắp, Trung đạo song chiếu không tắc không thông, vô tác đạo phẩm quá Thất phương tiện, trợ giúp khiến ba nghiệp đối lý không có lỗi, đối cảnh không lầm do y chân vị. Tín giải đã sâu cho nên năng an nhẫn, không sinh pháp ái mới cảm sự cung cấp kẻ dưới. Ba giáo mười pháp triển chuyển giải thích nêu khiến thành mười pháp quán tâm của kinh này. Mười quán như đây không những ngang trong quán hạnh vị, mà từ sơ tâm đến mười quán sau đều đầy đủ. Cho nên mười đức đây nghĩa lại dọc sâu, lại cùng ngang dọc mười thừa hợp hết. Huống chi mười đức điểm tô kinh nghĩa đầy đủ. Phân lược xem khắp: Bộ phân mưu lược cho nên có xem khắp đại độ thông thấy. “Ti” : Sách Thuyết Văn nói: “ti” là tài (của cải). Sở dĩ nên lập ba loại Trưởng giả là vì: Hiệu “trưởng giả” vốn dùng thế đạo (đạo thế gian) để thí dụ xuất thế. Nguyên do xuất thế

đều cần phải quán, cho nên biết thẳng nói xuất thế quán tâm, không phân quyền giáo và dùng viễn bản nhưng vẫn còn lược. Trong đây đã thành ba cách giải thích: theo Nhân duyên, căn cứ Giáo, và Quán tâm. Lược thì mười tám...: Giải thích trí năng thác (nương gá). Môn tuy lược rộng không ra khỏi nhà sở nhập. Nói lược rộng: Nhất cảnh nhất không, cũng có thể cảnh cảnh đầy đủ tất cả mười tám cho nên nói vô lượng. Như cho rằng nhất sắc nhất tâm đều đủ mười tám, như sắc đối căn, căn nội sắc ngoại và nội ngoại đều có, Không đây cũng Không cho nên nói Không Không. Nếu đắc ý này cho đến không có pháp, có pháp căn cứ đây nói có thể biết, chỉ từ tổng nói Không mười tám hữu, gọi là "Mười tám Không", cho nên nói lược. Trong Mười tám có rộng lược nhiều ít, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói, và Pháp Giới Thứ Đệ, Đại luận rộng nêu. "Nếu luận...": nêu phước tuệ để giải thích ruộng vườn nhà cửa. "Có nhiều ruộng nhà": một nhà một cửa mà cửa kia còn nhiều, huống chi nhà giàu nhà rộng. Một nhà nhiều cửa lý hợp vô lượng, cửa là đường đi ra khỏi nhà, đường đi vào nhà, cho nên cửa không thể một. "Điền" (ruộng vườn): Nghĩa là phương thức nuôi sống thân mạng, đối với mạng, ruộng không thể hẹp. Lại, bao gồm khắp Quyền Thật, cho nên gọi là nhiều môn (nhiều cửa). Nếu y tứ quán đồng quán thì xa môn trạch môn (cửa xe cửa nhà) không sai khác.

"Đồng bộc" đến "đầy đủ": "Đồng bộc" như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Xét đồng bộc: Là giúp đỡ thân mạng, cho nên biết đều là trợ giúp định tuệ nhất Thật, trợ giúp không thiếu nên gọi là "đầy đủ". Dụng cùng quyền biến cho nên gọi là "hòa quang...". "Huyệt huyệt": là Thặng (dư thừa), cũng là địa vị quan ngoại nhàn rỗi, chúng sinh ở ngoài Thánh vị cho nên nói "huyệt huyệt". Đối các giáo quán khác còn lại còn không sở thuộc, huống chi năng thuộc vị Thánh tột cùng! "Đều là trạch (nhà)": Nhà là Chỗ ở, không ra ngoài ba cõi, từ lâu ở, cho nên gọi là nhà (trạch), thế gian đều như vậy, cho nên nói "đều" (giai). Như Lai dẫn dụ "Vật thống nhi (giống như) gia". "Thống" là chủ. "Gia" cũng là chỗ ở. Có người lấy đệ bát thức làm "gia" (nhà), đều là tùy mê, tại sao không tổng tám mà nói đệ bát? Đạo tràng quán ý lý là trí thông, lý đã là một môn đâu dung chứa hai, xuất ắt do môn cho nên không khác đường. Quang Trạch lấy giáo làm môn. Trạch (nhà): Là tam giới. "Chín mươi": Văn nói theo lược, tức chín mươi sáu. Chín mươi sáu: là nhiều đường: Nếu muốn ra khỏi nhà thì chỉ dùng một cửa. Chín mươi sáu đường tuy đều nói là đường chân thật. Như theo chiều ngang qua lại rong ruổi chạy, cho nên Chín mươi sáu đạo thì kinh nói chỉ có một đạo là chánh,

(dư) còn ngoài ra đều là tà. Có người dẫn nhiều luận nói: Lục sư đều có mười lăm đệ tử và Bản sư sáu, tức Chín mươi sáu. Căn cứ Kinh Cửu Thập Lục Đạo: không nói điều này, Kia luận tự là một đường, đâu có thể lục sư nhất định mỗi sư đều chỉ mười lăm đệ tử. Trong chín mươi sáu có tà có chánh, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói. "Nay nói...": là phá hai luận già. Trong đó chia làm năm:

1) Trước phá hai sư. "Nếu riêng lý...": trước nạn vấn đạo tràng, lý là sở thông. Nếu dùng sở làm năng, thì năng thông là sở, sao lại sở thông? Nghĩa môn không thành thì sao gọi là môn? "Riêng giáo...": tiếp phá Quang Trạch. Nếu không vì sở lập năng đắc năng, thì chúng cuối cùng không có chỗ đến, nhưng lý không dung nạp nhiều, môn lẽ nào chỉ có một? Nay nói "một": đầy đủ như sau giải thích. Nhà đã là nơi nghỉ ngơi thì chỉ nên dựng lập một, còn nói là có nhiều, huống chi môn năng thông tức môn Bất nhị trong kinh Tịnh Danh có tám ngàn. Nay lý giáo tương vọng không thể riêng luận.

2) "Tiếp nay dùng...": là định tướng môn kia tức lấy giáo của lý làm môn, lý đã là một giáo không chứa hai, lại tổng làm một. Chỉ một câu đây song phá hai sư, tức lấy năng của sở, cho nên từ năng có đến. Tuy không chánh phá đạo tràng dụng trí mà trí vọng nơi giáo đồng là năng lấy, giáo năng đã phế bỏ, trí năng cũng như vậy. Nhưng trí chắc y giáo mà quán nơi cảnh, nghĩa đã kiêm năng sở, lại không thể nói đắc trí. Tuy nhiên, hiện trái kinh văn. Kinh nói giáo môn, mà Quán sư nói lý trí, cho nên cũng cùng Quang Trạch đồng hoại.

3) "Văn nói...": là dẫn chứng, giáo là năng thuyên Niết-bàn là sở đều khác với hai sư.

4) "Môn lại có hai..." phân biệt, giải thích. Trong giải thích lại có hai: Đầu phân biệt Đại tiểu tuy đồng mà có năng sở, Đại tiểu ngăn cách như trời vực vì vậy cho nên cần phải biện rõ Quyền Thật hai năng. Nếu biết hai năng, thì hai sở có tồn tại. Nếu biết Thực sở thì năng sở quyền đều thành thực năng. Khéo biết phân biệt rồi sau mới luận hội.

5) "Nếu trạch (nhà)...": thiết lập nạn vấn, lại dùng xưa nay đối đãi nhau làm vấn nạn. Trạch là sở xuất, xe là sở nhập, cửa nhà là đường đi ra, cửa xe là đường đi vào. Hai đường đã không đồng, ra vào đều sai khác; vì vậy cho nên cửa nhà chẳng phải cửa xe. Cho nên nay nạn rằng: Nếu cửa xe và cửa nhà là một, thì tại sao ra khỏi nhà vẫn chưa được xe?

Nếu tuyệt đối đãi thì nay nên nêu câu hỏi: Nếu cửa của xe lớn chẳng phải cửa nhà thì khi đòi cũng nên riêng có đường ra, vì sao lại từ

nơi ra xin xe lớn? Trưởng giả cũng chỉ ở đây cho xe lớn (Đại). Lại, hỏi: Được trạch môn rồi mà chưa được xa môn thì trú ở nơi nào? Đáp: Đại tiểu khác đường cho nên nói "biệt", khai tiểu tức Đại đồng khác như thế nào! Cho nên nay trình bày bài xích thì xa và trạch (xe nhà) hoàn toàn sai khác.

Khai thì hai môn không khác, nhà cùng xe một, hai môn đâu có sai khác. Cho nên tam thừa có đủ hai nghĩa: Nương giáo ra khỏi nhà không thấy tiểu xa (xe nhỏ), trung gian đã trải qua hai vị điều hòa thuần thục mới theo cha đòi xe mà trước cha đã hứa cho. Đã đòi thì phải cho, khai tiểu môn kia đều là Đại giáo. "Môn...": tiểu lý trọn không sai biệt, tuyệt lý không hai thô diệu, thể chỉ một. "Pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường", thì tam giới còn có gì sai khác? Nếu không trước khác thì làm sao luận đồng? Người không có khổ đối nay đều hội . "An ổn đối pháp không an ổn": Như Lai đã trụ Niết-bàn an ổn, đối với pháp ngũ trược kia không an ổn, cơ cảm gặp nhau gọi là "đối"; nơi không an ổn cũng lại như vậy.

"Tường bích" (vách phên) dụ chi tứ đại: Ứng thông ba cõi đều giảm tổn, vô sắc tuy không có tứ đại tạo sắc mà định quả sở vị đều là vách phên. Ba cõi đều do ý thức duy trì. Nếu căn cứ các tông, thì vô sắc chẳng phải hoàn toàn không có sắc tứ đại, mà tao nhã thích hợp kia. "Muốn khiến..." là quán giải: Trước thì thông ba cõi mình người, cho nên thuộc nơi sự, đây quán thân mình tức nghĩa quán tâm. Có người đến đây lại dùng y chánh hai báo hợp dụ có gì không thể ư? Lại như thành hoại mỗi hai mươi trung kiếp. Nếu không có hữu tình thì làm sao giải thích trược? Nghĩa thiêu ít ngăn cách, cho nên không dùng. Văn nay chỉ căn cứ ba cõi chánh báo nhân quả, lấy Chánh báo nhiếp Y báo, nghĩa kia tự đủ. "Hốt nhiên (bỗng nổi lên)....": Nếu chỉ căn cứ tiểu thừa thì vô thủy tương tục bèn thành bản hữu (vốn có), niệm niệm sinh diệt bèn là nay không có. Nay thêm Đại thừa tánh lý vốn không, do vô minh cho nên "có". Cho nên, nói "xưa không, nay có". Nói "vô minh" là bao hàm thô tế; nay chỉ thô là tế lẽ nào có thể có các đường khác? Nhưng nói "vốn không" thì người thường nói, đây là rất khó. Cho nên Đại kinh nói: "Vốn không nay có, vốn có nay không, ba đời có pháp, thì không có lý đó". Nay tuy dẫn một câu cùng ba câu liên quan nhau, cho nên cần lược biện phân biệt Đại ý. Nhưng một bài kệ này bốn xứ xuất, người xưa gọi là Niết-bàn tứ trú cũng gọi là tứ xuất kệ. Cho nên biết giải thích không đúng lý thì nhà Niết-bàn nghiêng đổ. Nói "tứ xuất": Nghĩa là Thứ chín, Mười lăm, Hai mươi lăm, Hai mươi sáu. Đại lý tuy đồng nhưng đối văn

thì có chút sai khác. Thứ chín: Giải thích phẩm Bồ-tát, nghĩa sai biệt không sai biệt. Thứ mười lăm: Giải thích phẩm Phạm Hạnh, nêu đắc tức không đắc, không đắc tức đắc. Thứ hai mươi lăm: Phẩm Sư Tử Hống, giải thích hữu bất định hữu, vô bất định vô. Thứ hai mươi sáu: Phá định tánh, nêu vô tánh. Xưa nay giải thích tùy tình không đồng. Thành luận sư nói: Trước Kim cang tâm thì vô thường, thường thì vốn có nay không, vô thường thì vốn không nay có. Lại nói: Vốn có phiền não nay không Bát-nhã, như đây có không đều tại xưa, cho nên ở trước Kim Cang, sau ba đời có pháp thì không có lý đó. Địa luận sư nói: Thường pháp thể dụng vốn có nay không. Chương An vấn nạn rằng: Bản ẩn nay hiển, cũng nên hiển rồi lại ẩn. Tam tạng nói: Chúng sinh vô thủy mà hữu chung, Niết-bàn vô chung mà hữu thủy. Nay nạn vấn, pháp vô thủy chính là vô chung, pháp vô chung ắt phải vô thủy. Nếu phiền não hữu chung là pháp có thể hoại, pháp đáng hoại nghĩa ắt có thủy, hữu thủy hữu chung đều từ duyên sinh tại sao đắc Niết-bàn mà nói hữu thủy. Hữu thủy ắt chung toàn đồng phiền não. Lẽ ra nói phiền não vô thủy thể tức Bồ-đề, cho nên vô chung; Bồ-đề vô thủy tức phiền não. Niết-bàn sinh tử cũng có thể căn cứ đây biết. Nay tức căn cứ Đại, cho nên lại nói "vốn (xưa) không, nay có". Kỳ thật vốn có, tức sinh tử là Niết-bàn; do từ mê cho nên mà nay không, lý tịnh vốn không từ mê mà nay có, cho nên nói vốn không nay có. Tiểu tông nếu nói "vốn không nay có" thì từ duyên sinh cho nên nói vô minh. Quán sát ý các sư cùng Niết-bàn lý đều không tương đương.

Chương An có năm giải thích:

1) Căn cứ ba đế.

2) Căn cứ thường vô thường.

3) Căn cứ trí ba trí.

4) Căn cứ Tứ Tất-đàn.

5) Căn cứ bốn môn.

Nay văn chính là cùng nghĩa thứ hai đồng, vốn không nay có thường tức vô thường... Riêng căn cứ Tiểu tông, chỉ nên căn cứ kệ bên dưới đầu tiên giải thích nghĩa "lâu cũ", mà nói ba cõi vô thủy là "lâu", chẳng phải nay tạo cho nên gọi là "cũ". Nay khai giáo vi diệu, cần phụ tông vi diệu. Cho nên giải thích "hốt nhiên" nói "vốn không nay có", chỉ y Chương An ý giải thích thứ hai, văn nghĩa thì hợp. Cho nên, biết lại dụng vô thường một bên, tức thường một bên nghĩa sẽ lại che phủ. Lại người khác đến đây rộng nêu bày chương nghĩa bát khổ tứ sinh, chẳng phải chánh ý văn chỉ biết mà thôi. "Không có căn cơ này là Năm trăm

người” là các con nói chung. “Ba mươi người” là chỉ riêng, cho nên biết lúc trước thông năm đường, nay tại chúng Kết duyên. Nói đây không có căn cơ là từ khước chỉ trước liệt nêu, vậy thì nói Năm trăm chỉ có Chánh nhân. Luận ba mươi biệt tại Duyên và Liễu. Trong văn liệt, do năm trăm người đây là sinh cơ xứ. “Hoặc là Tiểu thừa nhiếp...”: Gặp đời có Phật đời không có Phật không đồng. “Đều nói mười”: Trong văn hợp nói hoặc mười, hoặc hai mươi cho đến ba mươi. Ý nói tam thừa đều mười mà thôi. Đều nói “trong có trí tánh”, là trí ắt đầy đủ mười, so với mười một trí trong kinh Đại Phẩm vì không có Như thật trí. Nói mười trí: Nghĩa là Thế trí, Tha tâm trí, Khổ, Tập, Diệt, Đạo trí, Pháp Tỷ trí, Tận, Vô sinh trí, lược như trong Huyền Văn Diệu trí nói, rộng như trong phẩm Trí ở luận Câu-xá nói.

Văn kia tổng làm sáu môn giải thích:

l) Hữu lậu vô lậu.

2) Triển chuyển tương nhiếp.

3) Cùng tam Tam-muội tương ưng.

4) Cùng căn tương ưng.

5) Nêu duyên cảnh nhiều ít... Như mười trí này thì Tam tạng, tam thừa trước sau đều tu, cho nên người tam thừa nhờ đó mà ra khỏi nhà, chẳng phải chánh ý nay không tiện rộng nói. “Thân thọ...”: đảo sở y. “Từ đây...”: là đảo tướng. Lược như trong Chỉ Quán quyển bảy văn ghi chép. Chuẩn theo kinh luận thứ lớp lập. Đây trước nên lập Ngũ đình tâm vị. Luận Câu-xá nói: Nhập tu cần hai môn là Bất tịnh quán và Sổ tức. Người tham tầm tăng thượng, như thứ lớp nên tu. Vì thông trị bốn thứ tham lại biện quán xương tiêu, rộng đến như biển. Lại lược gọi là “bắt đầu huân tập nghiệp vị”, trừ chân đến nửa đầu gọi là “đã tu thuần thục”. Buộc tâm tại mi gian (giữa chân mày) gọi là “siêu tác ý vị”. Cái gọi là tham: Hiển sắc hình sắc cung phụng xúc cảm. Với Đại luận nói sáu tức thiếu nhân tướng, âm thanh phóng túng. Sổ tức...: A-na đây nói bỏ đến, Ban-na đây nói bỏ đi chỉ là hơi thở ra vào. “Bát khổ”: là đảo quả. Đại Kinh quyển 12 nói: “Cái gọi là khổ: Lấy sự bức bách làm nghĩa”. Nói bức bách: Là ba khổ, tám khổ. Nói ba khổ: Là y ba thọ mà sinh. Khổ thọ sinh khổ khổ, sinh tại Dục giới. Khổ v.v.... ba đường cho nên gọi là khổ khổ. Tam giới đã khổ, Dục giới lại khổ, cho nên nói khổ khổ. Lạc thọ sinh hoại khổ, khi lạc hoại thì khổ... nơi ba đường cho nên nói hoại khổ. Khổ trong hành xử, gọi là hành khổ, thông đến Vô sắc. Câu-xá nói: Như để một lông mi trong lòng bàn tay thì người không biết, nếu để trên tròng con mắt thì làm tổn hại không an. Phàm phu như bàn tay,

bất giác hạnh khổ như mí mắt Cho nên Đại kinh nói: Ở trong khổ các cõi dưới, ngang nhiên sinh lạc tưởng. Biệt luận tuy vậy mà thông khắp tam giới, đều đủ ba khổ. Nói tám khổ: Tức sinh....

Sinh khổ có năm: 1) Sinh khổ tức lúc đầu thọ thai. 2) Đến cuối cùng. 3) Tăng trưởng. 4) Xuất thai. 5) Chủng loại.

Lão khổ có hai thứ: Niệm niệm, chung thân. Lại có hai thứ: Tăng trưởng và Diệt hoại.

Bệnh khổ: Một tứ đại không điều hòa, tức có hai thứ nghĩa là thân bệnh, tâm bệnh.

Tử khổ: Có ba: l) Nghiệp báo. 2) Ác đối. 3) Thời tiết đối dứt. Lại có hai thứ: Bệnh tử, ngoại duyên....

Ái biệt ly khổ: Xả đối tượng ái tức là hoại khổ.

Oán tắng hội khổ: Tức là khổ tâm, khổ tâm lãnh nhận nơi khổ cảnh.

Cầu bất đắc khổ: Trở lại căn cứ ái biệt ly, oán tắng hội để nói.

Ngũ ấm xí thạnh khổ: Kinh giải thích bảy thứ khổ trước là ngũ ấm xí thạnh khổ.

Ca-diếp hỏi rằng: Nghĩa ấy không đúng. Như xưa đức Phật nói tất cả chúng sinh đều mong cầu nơi sắc, sắc nếu là khổ thì không nên cầu sắc? Phật dạy: Khổ có ba thứ: Tức là ba thọ, tuy cầu không được không khổ như trước. “Nếu biết....”: khởi quán niệm xứ. Luận Câu-xá nói: Tu Ngũ đình rồi thì tiếp tu Niệm xứ, nghĩa là dùng chỉ quán tự tướng cộng tướng tu thân thọ tâm pháp, tự tướng biệt tu. Tất cả các pháp hữu vi đều là tướng Vô thường, tất cả hữu lậu đều là tướng Khổ và tất cả pháp tướng Không, ngoài ba thứ này đều là pháp niệm xứ thu nhiếp. Mỗi mỗi đều có ba duyên: Nghĩa là tự, tha, đều có tổng thành mười hai, từ thô đến tế. Nói tổng tướng: Hoặc tổng hai, ba, bốn, đây tổng nhưng biệt, chỉ pháp niệm tổng, đầy đủ như trong Huyền Văn tứ cú phân biệt. Tứ sinh: Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh, đầy đủ như trong luận Câu-xá quyển 8 phẩm Thế gian nói rõ. Luận nói: Trong đó có tứ sinh hữu tình, nghĩa là noãn..., người, bàng sinh đầy đủ bốn, địa ngục và chư thiên, trong đó có chỉ hóa sinh; quỉ thì chung thai hóa hai thứ.

“Liền rất kinh sợ” đến “có khổ”: Trưởng giả đại bi ứng Tiểu thừa và thoái tâm Đại thừa kia, đồng thời mà khởi. Nói “không vui, có khổ” nghĩa bao gồm Đại tiểu. Xưa từng nghe Đại nghĩa như có vui, thoái Đại thừa lưu chuyển quên mất quán giải kia. “Từ niệm không vui (lạc)”, chỉ có khổ kia, vì khổ cho nên thích hợp “bi”. Đại tiểu ứng pháp cần phải giải thích “xuất”. “Ta dù có thể” đến “nghĩa từ bi”: Tuy xuất mà

nhập, cho nên thành “từ bi”. Tiếp, “Tuy là...”: giải thích chữ “tuy”. Trong đó trước là thông thích đại ý, tiếp là biệt thích môn sở cảnh. Đầu văn: Trưởng giả trước đã ở ngoài an ổn, tuy an ổn mà sợ, tuy xuất mà nên nhập, mới biết Như Lai thường trụ Đại bi, ở yên trong Niết-bàn mà không lìa tam giới, cho nên dùng “an ổn đắc xuất” để giải thích “kinh sợ”. Thấy con về bản chất có chí lớn (Đại) như từ lâu đã an ổn, do thoái đoạ khổ, lại khởi tiểu bi như bắt đầu kinh sợ. An ổn không lâu cho nên gọi là “tuy”. “Mà chúng sinh...”: giải thích nguyên do khiến cha kinh sợ, do chưa được cùng cha đồng an ổn.

“Như Lai...”: Nêu nguyên do vào nhà lửa là do tiểu bi. Con đã đọa khổ, dùng nơi con khổ để giải thích an ổn, cho nên nói “không bị tám khổ bốn đảo...”. Cho nên nói “Phật trí” tuy thông Bản thật, lại phân quyền tích mà làm chánh giáo. Cho nên dưới giải thích “môn” thì từ thuyên giảng tiểu thừa mà giải thích. Tiếp, “Kinh nói...”: Là biệt nêu nghĩa môn để giải thích nghi. Trước, lại nêu kinh. Tiếp, “Nay hỏi...”: Là biệt giải thích. Đầu tiên, lập nghi. “Bào chữa nói...”: là người khác tuy bào chữa vẫn chưa thông, sợ thiêu giáo có lỗi, bèn tránh giáo mà thiêu người, người còn bị thiêu thì cần gì giáo ấy. “Như môn...”: người khác lập dụ. Nay hỏi: dù khiến không thiêu, từ nhân (người) được tên, người quyết định bị thiêu không? Người nếu quyết định bị thiêu thì đâu khác Chín mươi (ngoại đạo)? Huống chi kinh nói: “Dùng Phật giáo môn xuất khổ tam giới”, thì người đâu từng bị thiêu? Nếu vậy, cả hai đều không bị thiêu thì có hai lỗi (thất): 1) Đều thường, mà đây chưa nêu thường. 2) Trái kinh. Kinh nói: cửa nhà bị cháy an ổn đắc xuất, khiến không có gì ngăn ngại. Từ “Lại hỏi...” trở xuống: lập lại ý nạn vấn: Lại lập nạn vấn thiêu cháy nhà. Nếu không cho phép thiêu giáo thì nên thường trụ, nay muốn chánh giải. “Nay giải...”: là chánh giải thích. Có thí dụ có hợp. Ý nêu Tiểu giáo đã chẳng phải sắc, tức Trung đạo pháp giới, giáo đây sao được không gọi là Vô thường? Nhưng Tiểu lý bất diệt Đại giáo ức chế. Tiểu giáo vô thường, nghĩa đồng bị thiêu, cũng như cửa gỗ. Lý chẳng phải vô thường, cũng như cửa Không. “Thiêu” và “an ổn” hai nghĩa đều thành. Nếu y cứ người xưa, thì người đã bị thiêu không được gọi là “an ổn đắc xuất”. Bản ý lập môn khiến kia không thiêu, chỉ có bị thiêu mà không có xuất thì nghĩa “môn (cửa)” không thành, “Đại kinh...”: Dẫn chứng. Kinh: Dùng nhân trước của mười tiên, nghĩa đồng năng thuyên, dùng nhân vọng quả cũng có thể mượn để dùng, như nhân Tiểu chứng Đại. Tiểu không có vô thường, thì Đại lẽ nào vô thường? “Nếu tiểu...”: đây lại đem Tiểu thông đối Diễn môn.

Nói “Văn tự tức giải thoát....”: Đại Tiểu sắc giáo đều là thường. Chỉ có tức bất tức sai khác, mới thành thiêu bất thiêu sai biệt. Tùy nghi cho nên “bất tức”, thuận lý cho nên “không thiêu”. Nay đều khai hiển tức thiêu không thiêu. “Nếu căn cứ...”: lại dùng Quyền Thật hai trí đối giải thích. Từ thi (thiết lập) Quyền biên cho nên nói “Quyền từ sở thiêu”. Đồng thể Quyền vốn tự thường trụ, dù tùy theo che phủ mà nói Quyền là sở thiêu, vẫn phải phân biệt, thì trong Quyền của ba giáo chỉ có Quyền của Tam tạng sinh diệt gọi là thiêu, hai thứ còn lại thì có chút sai khác. “Cho nên trước...”: dẫn chứng Đức Phật vốn muốn dụng Thật trí ví như kỷ án (bàn ghế), sự không thâu hoạch rồi mới thiết lập nơi vô thường, tức là sở thiêu Quyền trí. Có người nói: Căn cứ người không tin gọi là “sở thiêu”, đức Phật xưa từ đó mà xuất ra cho nên gọi là “an ổn”. Tuy là một đường không bằng văn nay. Kinh nói: “Nếu không kịp thời ra thì ắt sẽ bị thiêu cháy”. Cho nên nói “đắc xuất” (được ra) thì chẳng phải riêng trưởng giả, nói “bị thiêu” lẽ nào chỉ là kẻ không tin? Nên biết giáo pháp sinh diệt gọi là “sở thiêu”, chẳng phải do chúng sinh không tin cho nên diệt, nhà do trược (xấu) cho nên bị thiêu cháy, giáo môn tại sao có trược? Chỉ thanh giáo không trụ, nghĩa đồng sinh diệt, sinh diệt nói thiêu cho nên phải phân phán.

“Nhạo trước hi hí....”(Ưa vui chơi....): Trước là phân chữ để giải thích. “Hi” là du nhạo. Du gọi là vui thích khắp, cho nên thí dụ Kiến hoặc khắp tam giới. “Hí” tuy cũng nhạo mà tùy chỗ, chẳng khắp vì trong tam giới bị trói buộc riêng biệt. “Lại, đam miện...”: hợp chữ mà giải thích: hai chữ này nghĩa thông gọi là “nhạo”, cho nên dùng hai chữ đều thông Kiến Tu, do “trước” ái kiến đều mất đạo. Ái Kiến là Tập, Tập ắt chiêu Khổ; đầy đủ Khổ, Tập nên ắt không có Đạo, Diệt.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 6

PHẦN TRUNG

"Bất giác bất tri...": Căn cứ Tứ đế giải thích bốn câu đây. Chỉ đầu tiên nêu văn nên liệt kê đủ bốn câu, chỉ là văn lược trong đó chia làm ba:

1) Căn cứ phàm giải thích.

2) Căn cứ vị giải thích.

3) Căn cứ ba đời.

Phần một lại có ba: Nêu, Giải thích, Kết.

Phần Nêu: "Đều không nói...": là nêu Khổ. "Hỏa": Tam giới ngũ trược bát khổ. "Không hiểu hỏa...": là nêu Tập. Hỏa vốn năng thiêu như Tập chiêu cảm khổ. "Đã không biết...": là nêu lỗi Đạo. Đã không sợ tổn thương cho nên nói "bất kinh" (không sợ), thương tổn tức lỗi. "Không lo đoạn... ": là nêu lỗi Diệt. Không đạo đế thân, thì Tuệ mạng cũng đoạn.

"Chúng sinh...": giải thích bốn câu trước. Ấm ắt là khổ giải thích khổ trước có. Đã hoàn toàn bất giác tức là không biết khổ. "Bất tri...": giải thích Tập trước. "Bốn đảo ba độc" giải thích Tập trước có, đã hoàn toàn bất tri (không biết), cho nên không biết Tập. Ba độc là Tu hoặc, bốn đảo là Kiến hoặc. "Đã không...": giải thích lỗi Đạo Diệt. Do bất tri khổ Tập nên Đạo Diệt đều lỗi. "Không biết Hoặc" là không biết Tập. Đã không biết tập nên không ưu lo khổ. Hoặc xâm tổn pháp thân lỗi Đạo đế, ắt tổn tuệ mạng lỗi Diệt đế.

"Như thị...": là kết. "Do không nghe...": là tiếp, nương vị giải thích. Trong đó, đầu tiên là dùng hai câu đầu hai lớp thuận giải thích. Tiếp, dùng hai câu sau trở lại giải thích. Đầu văn trước dùng hai câu đối nơi Văn, Tư, nên nói "bất giác Văn, Tư, bất tri Tu tuệ", chỉ là văn lược, Tiếp dùng hai câu tiến đến Thánh vị. Tiếp trở lại giải thích: Lẽ ra nói không kiến đế cho nên "bất kinh (không sợ)", không tư duy cho nên "bất bố"(không hãi). Trong văn phản thích, nên nói "Kiến đế tức kinh

ngộ".... Đây nêu Tứ đế quán thành Kiến hoặc và Tư hoặc cứu cánh tận. Do Hoặc tận cho nên Tứ đế hoàn toàn hiển. Bắt đầu đắc Kiến đế mê ngộ bắt đầu phân, như từ lâu mê bắt đầu chánh cho nên nói "kinh ngộ". Lại nhàm chán sợ hãi thi đường mê mới tận (hết). Tiếp, căn cứ ba đời: Không nói quá khứ và dùng Tập, tức hiện tại quán vị lai Khổ là do hiện tại Tập. Lại quán hiện tại Khổ là do quá khứ Tập, như trong nhân duyên gọi là luân hồi. Tuy luận ba đời mà chánh là quán hiện tại Khổ; do đoạn Tập hiện tại, nay sẽ dứt khổ. Cho nên biết bất giác hiện khổ, tức Khổ Tập đều mê. Do đây năng chiêu Khổ đời vị lai, đã mê Khổ Tập, thì về lý tất nhiên là không có Đạo Diệt. Nêu hai đời khổ để nhiếp ba đời, đầy đủ như dẫn văn, cũng chỉ dùng Khổ mà nhiếp nơi Tập. Nhưng ba giải thích trước tuy lại căn cứ phàm, căn cứ vị... ba thứ. Tóm lại mà nói: Đều là mê đế, do mê đế nên tám khổ bức bách thân.

"Năm thức...": Bức bách gần. Trược tại năm thức, gọi là "gần", vì rất gần với mình nên gọi là "bức thân", đồng thời ý thức đều thọ cảnh khổ, chẳng phải sát-na đầu tiên khi chưa phân biệt. Lại chỉ thể của năm thức này là dị thục bát khổ. Gần lẽ nào quá đây, cho nên đây đồng thời đâu có thể chán lo. Cho nên ở đây tâm vương tâm sở không thể do ý thức đây thành quán, chỉ có thể phân biệt để thành ba thọ. Ba thọ nghĩa thành cho nên nói rất gần với mình. Rất bức bách nên gọi là rất gần. Cho nên mỗi một khổ đều do năm thức để đối nơi cảnh. Tiếp, đến thứ sáu mà lập lại phân biệt, lại lập khổ nhân, tại sao năng sinh nhàm chán?

"Cũng nói...": xuất các giải thích khác. Xưa kết Đại thừa gọi là "chủng". "Công đức" tức là "pháp thân trí tuệ", tức lấy trí này làm thể. Bị khổ bức bách, đại lý trí thừa đều gặp khổ tập. Bất giác bất tri gọi là bị lửa bức. "Nay cho rằng...": chỉ căn cứ tên "trược", không cần đối Đại thừa. Đã lưu chuyển rồi, thì Tiểu còn không biết, cho nên tổng các nghĩa cộng thành năm trược. Bốn câu Bất giác v.v... là Chúng sinh trược, vì bốn câu chỉ là mê nơi Tứ đế. Do mê đế cho nên Chúng sinh tức trược.

Tiếp, "Lửa đến...": là Mạng trược: Khổ thạnh, thọ ngắn ngủi, khiến mạng thành trược. "Tâm chẳng nhàm...": là Kiếp trược. Do không nhàm khổ, thường tại tam giới ắt gặp tam tiểu, gọi là Kiếp trược. Trong câu "Như thế cùng Năm trược tương đương vân vân" thì "vân vân" là: Ý bài xích sư xưa không cần đem đây đối Đại thừa nói. Dùng năm trược chỉ là rộng nói thấy lửa bên trên, bởi vì trên chỉ nói "thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên". "Ông Trưởng giả đó lại nghĩ...": Trước, giải thích "năng thi" tay và thân. Tiếp, giải thích "sở thi" vạt áo. Năng sở đều phế bỏ, cho

nên nói "không được". Phần trước, văn chia làm mười phần:

1) Nêu.

2) Dẫn hợp thí.

3) "Y Tam-muội...": nêu hai nghĩa sở y.

4) "Trí đoạn...": nêu hai nghĩa công năng.

5) "Đây là...": nêu hai nghĩa môn.

6) "Khuyến tức...": dùng tứ Tất-đàn giải thích.

7) "Như Lai...": nêu ý dùng hai nghĩa.

8) "Cho nên biết...": là kết quy.

9) "Cho nên văn trên...": dẫn chứng.

10) "Trước tán thán...": lập lại chỉ trước chứng.

Bốn phần trước có thể biết. Phần thứ năm: "Đây là...": Tức dùng nhân quả tương đối, Khuyến là môn của Trí, Giới (răn) là môn của Đoạn, cho nên nói "từ hai môn nhập". Nay trong môn Khuyến lại nói Giới (răn), thì thể môn lý hợp xen nhau đầy đủ, đều một nghĩa tiện cho nên lại biệt nói. Trong phần thứ sáu: dùng tứ Tất, nói "Hai Tất-đàn này là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn mà làm phương tiện": hai Tất-đàn là tu đắc Trí, Đoạn. Đệ nhất nghĩa tức tánh đức pháp thân. Đầu phẩm Phương Tiện do Pháp thân Trí Đoạn áp dụng cho vật không được, cho nên thôi hóa.

Hỏi: Vì sao không nói Thế giới Tất-đàn?

Đáp: Đều hai môn không đồng tùy thích đều có biệt. Lại nghe hai việc hoan hỷ đều là Thế giới, cho nên Phật thừa đây sinh thiện diệt ác, sinh khắp tám môn, Viên Biệt bốn môn đều hai đều bốn. Cho nên hai môn đây nhiếp tất cả pháp, ngoài ra như văn.

"Trong Giải thích sở thi" văn chia làm ba phần:

1) Xuất sở y Tam tạng.

2) Xuất cựu giải.

3) "Nay dùng...": là chánh giải thích.

Phần đầu tuy y Tam tạng chỉ biện rõ vật tướng, chưa nêu pháp môn. Tiếp, trong phần cựu giải, Sư đầu tiên nói: Đại thừa nhân quả, lý tại sao không thể? Chỉ thiếu tướng thi hóa, cho nên không dụng. Sư thứ hai đã nói rút trong kinh A-hàm, không nên dùng Tiểu mà giải thích về Đại. Dù nói Đại thừa tại sao có khác Tứ giai (thành đạo)? Có người nói "giới" (vạt áo) là tay áo. Nay không dùng, lẽ nào dùng tay áo chứa đựng con (thạnh tử) để cứu lửa? Tiếp, trong phần Chánh giải thích "Cũng dùng...." là hợp thí. Phật tự giải thích nghĩa, lẽ nào đồng tình thế gian? Trong đó chia làm năm phần:

1) Dẫn văn dưới.

2) “Thần lực...”: là chánh giải thích, thân tay chỉ trước giải thích vạt áo...

3) “Như Lai...”: nêu rõ dùng ba ý.

4) “Vạt áo...” nêu ý lập danh. Ba phần trước: có thể biết. Nói “Danh lược nghĩa huyền”: Biết và thấy là hai chữ, cho nên “danh lược”, nhiếp tất cả pháp cho nên “nghĩa huyền”, như một vạt áo cũng đủ cho nên “lược”, chứa đựng (thạnh) nhiều gọi là “huyền”. “Bốn vô sở úy” lược như trong Pháp Giới Thứ Lớp và Chỉ Quán quyển bảy nói, Trí luận rộng giải thích. Thông nói “Vô úy”: Thập lực nội sung ngoại dụng không khiếp sợ, gọi là “vô úy”. Đức Phật tự thành thật nói: “Ta là bậc nhất thiết tri nhất thiết kiến, không có tất cả Sa-môn và Bà-la-môn, hoặc Thiên; Ma, Phạm và các chúng khác nói Như Lai bất tri (không biết)”, cho đến “không có chút tướng sợ hãi”. “Dùng đối Tứ đế”: Tận khổ đạo tức Khổ đế, nói chướng đạo tức Tập đế, nhất thiết trí tức Đạo đế, lậu tận tức Diệt đế. Tứ chủng tứ đế tức bốn tứ vô úy. Nay nên tại Viên khắp tất cả bốn, ly hai làm bốn. Hai đều y đế, đế làm sở y cho nên gọi là “an”.

Tiếp, trong “Thập lực”, Thông nói “lực”: Bên trong cái mà chư Phật chứng đắc Thật trí dụng rõ ràng phân minh. Không gì có thể hơn, không gì có thể hoại được, cho nên gọi là “lực”. “Vô úy” và “lực” trong ngoài sai biệt, mỗi mỗi nhiếp khắp cho nên gọi là “hoành (ngang)”, thập lực y lý cho nên gọi là “thụ (dọc)”, thì mười xứ rõ đế lẽ nào không “đại an” ư? “Vô úy” và “lực” tuy có trong ngoài, nay đều căn cứ dụng cho nên trong ngoài đầy đủ. Năm, ba, bảy... là kết ý thi hóa. Nói “mà chúng sinh không kham”: đây chánh thiết lập Đại; nói “không kham” là chọn ý nói. “Chỉ có một cửa” cho đến “ hẹp nhỏ”: Trong đó có hai phần: 1) Chỉ trên loại đồng. 2) Phân môn giải thích. Đầu tiên nói “Nghĩa như trên nói”: Như xa môn nói trên, trong đây cũng là tuyên bày xa môn nhất Phật thừa. Hoặc là đã xuất trạch môn mà chưa nhập xa môn, dùng khó xứng cho nên gọi là “hẹp nhỏ”. Đầu tiên nói “biệt”: Biệt là dựa ba nghĩa phân chữ giải thích. Trong đó, trước là chánh giải thích. “Giáo lý...”: là giải thích lý do. Chánh giải thích: Đã là lý môn lại thuộc giáo, Tiểu tức không có căn cơ, do vô hành cho nên không nhập lý giáo, gọi là “hẹp nhỏ”. Nói “Không dung đoạn thường Thất phương tiện”: lẽ ra nói đoạn thường và Thất phương tiện, đối Thật không nhập nghĩa nói là “không dung”. Nói “Chúng sinh không thể dùng giáo lý đây để tự thông”: tức chỉ tuân theo phương tiện mà thực hành. Nói “thông thích”: Lý, giáo, hạnh ba thứ, mỗi mỗi thông nêu một môn hẹp nhỏ. Do không nhập nên không đắc đến quả. Đầu tiên, căn cứ lý, chỉ một pháp giới cho

nên nói “không tạp”. Do lý nhất nên khắp thông tất cả, khiến đến lý đây cho nên nói “năng thông”. Do con không vào nên nói “khó biết”. “Căn cứ giáo”: Chỉ căn cứ Viên lý đối giáo để nêu, vì xuất nhập chỉ là lý giáo. Nói “phàm phu không biết xuất xứ” tức là không bằng nhị thừa đã từ trạch môn Tiểu giáo mà xuất. “Không biết nhập”: là không biết cửa xe (xa môn). Hai giáo nhị thừa chỉ từ môn mà xuất cho nên nói “ít biết”. Xưa giáo chưa thuyên bày thì vĩnh viễn không biết nhập. “Bồ-tát tuy tự biết xuất...”: là Thông giáo Bồ-tát. Tam tạng Bồ-tát tuy có xuất giáo trải qua ba tăng-kỳ trăm kiếp đều chưa xuất. Lại, Thông giáo Bồ-tát căn cứ độn căn, chưa biết nhập xứ cùng Nhị thừa đồng cho nên nói là “cũng chưa biết nhập”.

“Đoạt Thất phương tiện”: Trước cho nói phương tiện cũng nói “biết xuất”, còn chưa nhập thật gọi là “không biết nhập”. Nếu đoạt thuyết thì xuất cũng không biết. Vì sao? Vì không tự biết thượng trung hạ tánh cho nên không biết xuất, nên nói như thế. Thông biệt Diễn môn còn có thể biết nhập, nhưng “đới” giáo đạo. Cho nên, đoạt thuyết tức là Biệt giáo địa tiền đều không biết, còn không tự biết thượng trung hạ tánh, huống chi một tiếng động đất một trận mưa. Từ không biết Quyền biên mà nói “đều không biết”. Cho nên, Biệt giáo địa tiền tuy biết Trung đạo mà giáo đạo vẫn là Quyền. Căn cứ giáo đạo mà luận cho đến nhập địa. Nhập địa ắt chứng cho nên phế bỏ không luận. Tiếp, “Văn trên nói...”: dẫn văn. Người Thất phương tiện đều chưa nhập Phật thừa. “Không thể dùng giáo...”: Nói “phương tiện” ắt là dùng để thông Thật. Nếu Phật chưa khai thì đều không thể dùng giáo mình thông đến tột cùng. Nói “sẽ luận đàm”: bởi vì trước lúc ấy, chưa bài xích cho nên không nói “không có căn cơ”, lược khai phương tiện cho nên nói “sẽ luận đàm”. “Căn cứ hạnh”: có thể biết.

“Ấu trĩ (thơ bé) không biết”: Sư xưa hoặc nói thiện của nhân thiên là ấu trĩ. Nay thì Đại thiện chưa sinh tại sao gọi là ấu trỉ ? Y nay làm chánh. “Luyến trước (mê đắm)...”: Trước nêu thiện yếu cho nên chưa hiểu biết, nay nêu ác mạnh đùa giỡn cho nên bị thiêu cháy. “Nhân thời”: Khi bắt đầu thoái Đại. “Quả thời”: Thời thọ tám khổ. Thoái Đại về sau đắm nhân ái kiến. Y báo Chánh báo tức là quả ái kiến. “Dục giới” đắm Y báo. “Sắc giới và Vô sắc giới” đắm Chánh báo, cho nên nói “thiền vị, định...”. “Tướng đối trị” đến “Tiểu thừa”. Giới môn của Đại thừa gọi là đối trị, không đồng Vô thường v.v... của Tiểu thừa , cho nên dẫn kinh Đại Phẩm nói Tứ niệm xứ... đều là Ma-ha-diễn. Quán bất tịnh... năng sở đều vong đều “bất khả đắc”.

Hỏi: Nếu như vậy thì chỉ là quán lý, tại sao gọi là đối trị?

Đáp: Khi tu đối trị thì năng sở đều không, nay đây cũng vậy.

Căn cứ thiết lập Đại thừa giáo hóa lại khiến lìa trược, đối với Đức Phật chính là tướng Ma-ha-diễn, vì vậy cho nên được gọi là tướng Đại thừa trị. “Đã mê đắm...”: sở trị của Đại thì thích nghi nên dùng Đại để xả ác. “Nếu từ lâu (cửu)...”: Từ lâu trụ ở Kiến Tư, Đại tiểu đều lỗi. “Chẳng sợ” đến “như trên”: Như các văn giải thích bất giác v.v.. bên trên, rộng căn cứ phàm phu và ba đời. “Bối minh...”: Đông Tây ví như Khổ tập, nếu thấy rõ Khổ tập thì Đông Tây hướng đến sáng. Do không biết Khổ cho nên khởi nơi Tập, như mặt trời mọc hướng Đông mà rong ruổi hướng Tây. Không biết Tập cho nên chiêu cảm Khổ, như mặt trời phía Tây mà rong ruổi hướng Đông. Rong chạy nghĩa một cho nên kinh nói “hý”. Tử như qua, sinh như lại, trở lại rồi qua, sinh tử không dứt, không có thọ mạng biến dịch hai cõi kia như tốc tật (nhanh chóng). Lại từ Khổ khởi Tập như qua, từ Tập thọ Khổ như lại. Một Khổ một Tập, một Sinh một tử, cho nên gọi là chạy rong qua lại. “Tuy dùng Đại dự định thích nghi”: Nghe mà không chịu, “nhìn cha mà thôi”, như tuy thấy cha mà sợ bỏ trốn, mất cái lợi ích của thấy nghe, cho nên nói “mà thôi”. Dĩ là thôi. Lại, căn cơ bấu víu ở ứng, nên gọi là “nhìn”, cơ sinh không thọ nên nói “mà thôi”.

Từ “Đại thừa” đến “mạng cha đoạn”: Đều dùng Đại thừa làm mạng cha con, tuy Đại thừa cứu chưa được mà hạt giống không thể vong (mất), do đó tuy muốn tiểu hóa, vì còn Đại mạng nên không phế bỏ công hóa độ. Trước nói “thiết dĩ”: đầu tiên khi thoái Đại chợt khởi năm trược, như mới bức bách thân, đại thiện dung chứa vẫn còn. Nếu lâu không xuất lưu chuyển năm trược, thì gọi là “chắc bị thiêu cháy”, tức Đại tiểu đều thất (mất). Đây nói khi khởi tiểu ứng, cho nên nói “nếu không kịp thời”. Đại thừa thiện căn lý thật không đoạn, ý khiến mau xuất ắt là do chết bức bách. Nếu lâu không xuất, thì nghĩa đồng nơi chết, cho nên nói “nghĩa chết”. Tức văn trên từ “bị thiêu” đến “nếu không kịp thời ra”.

Hỏi ý: “Được ra” và “đều bị cháy” trong ngoài nghĩa khác biệt, hai văn tương phản nghĩa kia như thế nào? Tiếp, “Trước đắc xuất...”: là Đáp ý: Pháp ứng không đồng hai nghĩa đều khác biệt, theo văn theo lý hai ý không đồng. Nếu căn cứ văn trước thì văn đã ký Tiểu (nương Tiểu thừa). Trở lại từ Tiểu giáo cửa bị cháy mà ra, thì trở lại căn cứ ngũ phần pháp thân. Nếu nghĩa kiêm nơi lý, thì pháp thông hai thứ. Nếu Pháp, Ứng tương đối; thì lý nên thường trú pháp thân đã xuất, nay luận ứng

thân vật cơ thọ hóa thì cơ ứng đều cứu giúp cho nên nói “kịp thời ra”, không thọ hóa thì cơ dứt nên thôi. Khôi Đoạn, nhập diệt nghĩa “đều sẽ bị cháy”. “Bị cháy”, cho nên nghĩa sẽ là cha con mạng đoạn, lấy đây dự định thích nghi mà bức bách thúc giục.

Hỏi: Trước đã nói “được ra” là Pháp thân, Đại cùng Tiểu pháp đều không bị cháy, thì đâu cần nói “ra”?

Đáp: Chỉ do không bị cháy, gọi đó là “ra”, vậy thì Pháp thân, Ứng thân đều không bị thiêu, Ứng vốn đồng vật, từ vật nói là thiêu, theo lý thì Pháp Ứng không hoại, theo sự thì vật bị thiêu, Phật ra. Nay nói “đều bị thiêu”, ý tại đồng ra, cho nên nói: “Nếu không kịp thời ra.....”.

Có người nói: Cảm ứng đồng thời. Nay cho rằng chỉ được lý đều được ra mà mất nghĩa đều bị thiêu, cho nên dùng đều bị thiêu để chủ yếu là khiến đồng ra. “Từ Biết tâm con lúc trước...”: là nêu rõ có tiểu cơ nên tiếp dùng tiểu. Khai một làm ba, cho nên gọi là “đều”. “Lại biết” đến “tiểu mạnh”: Đại thoái cho nên yếu, Tiểu mạnh hai nghĩa : 1) Nhàm chán khổ. 2) Chính là trị. “Trong sáu tâm thoái”: Căn cứ theo ý Kinh Anh Lạc, Thân-tử trong Thập trụ tâm thứ sáu thoái. Sợ là trước lúc ấy Kiến hoặc Tư hoặc đều đoạn, khi đến tâm thứ sáu, Kiến còn chưa tận, lục tâm còn thoái.

“Tán thán ba xe”: Có người hỏi: Vì sao dùng xe thì ba, Sứ giả thì hai, thành thì một, thành thì có, xe thì không? Đều là thí phương tiện mà số không đồng? Người khác đáp có dư, nay lại vì đáp. Phàm lập thí đều từ một bên, không thể chấp một mà nghi đường khác. Cho nên một hai ba chỉ là ly hợp, vì đối tam chu thì tín giải... sai khác cho nên khác biệt đó thôi! Đều thí dụ phương tiện nghĩa kia không khác. Xe thì thông nêu phương tiện cho nên có ba. Sứ giả thì từ nạn biệt đối cho nên có hai. Thành là xứ của hai, ba cho nên một. Nên biết thành cũng từ người cho nên hai, cho nên nói chỗ nghỉ ngơi thì nói hai. Xe cũng từ nạn chỉ có hai. Sứ giả cũng nghĩa kiêm Bồ-tát. Ba thứ đây đều có Nhân (người) Lý, Giáo Hạnh. Thành hoặc nói hóa, cho nên cũng không. Xe dựa vào tạo tác, cho nên lại có. Sứ giả căn cứ Quyền đồng cho nên cũng có, Quyền chính là chẳng Thật, cho nên cũng không. Quyền Thật tương đối đều thông bốn câu, theo Quyền hóa cho nên đều có, theo Thật nghĩa cho nên đều không, đều thông Quyền Thật cho nên có không, đồng căn cứ một lý cho nên cả hai phế bỏ.

“Khuyên, chỉ, chứng”: Chỉ bày lẽ ra phải ở trước, theo thứ lớp trong kinh cho nên trước khuyên sau chỉ, cũng ưng không lỗi. Trong chứng, đều nói “cùng” (dữ): chỉ là mình đã chứng cũng khiến người

khác chứng, cho nên gọi là “cùng”. Nói “Kệ trước bản lược”: thí bản chỉ nói “đó gọi là chuyển pháp luân...”. “Rộng nêu” đến “sáu câu”: Hiền hợp làm bốn, Kiến Tu làm hai. Hiền sở dĩ hợp: Pháp tứ niệm đồng cho nên làm một; Noãn, Đảnh đồng thoái cho nên làm một; Nhẫn không ngoài quán cho nên làm một; Thế đệ nhất vô thượng cho nên tự làm một. Kiến Tu đạo khác cho nên đều là một. Rộng như luận Câu-xá trong phẩm Hiền Thánh nói. Đây chỉ cần lược nêu. “Ba mươi hai đế”: Trên dưới đều có mười sáu hạnh tướng, trên dưới hợp luận, cho nên thành ba mươi hai, đầy đủ thì như trong Câu-xá, Thích Tiêm chỉ lược nêu. “Cùng Khổ pháp nhẫn không khác biệt”: Thế Đệ nhất tâm đồng sát-na này, tức nhập Khổ nhẫn, đồng quán Khổ đế. Lẽ ra nói: Trong bốn tùy quán một hạnh, cùng Khổ nhẫn đồng cho nên tổng nêu. “Rong chạy, là nhập Kiến đạo mười lăm tâm”: Sau thế đệ nhất, sát-na thứ mười sáu đều là vô lậu.

Có người nói: “Mười sáu tâm vẫn tại kiến đạo”, vì bộ khác không đồng.

“Tiện có Niết-bàn âm”: Đây căn cứ sơ chuyển mà nói. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” dùng Đại thừa quán: Phàm phụ thêm văn làm quán phần nhiều tại Viên, khiến mỗi mỗi văn không trái sự tu tập chẳng kể đến cái khác. Từ đầu đến “sở nguyện”: Tâm vọng quán cảnh, gọi đó là “nguyện”, tâm chưa xứng cảnh cho nên chẳng thích ứng nguyện. “Cảnh” đến “dõng mãnh”: Cảnh nhiều quán ít không phải dõng mãnh tiến. “Cảnh nghiên tâm”: Trở lại dùng tâm tư duy diệu cảnh mà nghiên cứu tâm, luôn luôn làm điều đó, tâm quán mới lợi. “Tâm cảnh tương nghiên”: Hướng khiến dùng cảnh nghiên cứu (tìm đến) tâm, trước lại dùng tâm quán cảnh cho nên gọi là “hỗ tương”. “Tâm vương...”: Bắt đầu tâm tu quán đều dùng đệ lục vương sở làm khởi đầu phát quán. Dù khiến quán cảnh viên dung không hai, mà kia như thô hoặc còn chưa rơi trước, cho nên vẫn đều thuộc đệ lục vương sở, cho đến chưa tịnh lục căn đến nay cũng chưa lìa vương sở. Đây là tâm vương, sở của nhà Kiến Tư. Nếu muốn căn cứ giáo thì có bốn giáo Hiền, Thánh vị biệt. “Chạy rong” không đồng nay tại Tam tạng. “Trên trong Pháp thuyết trước nêu...”: là trên chương Thích-ca tụng trong hiển thật có sáu hàng kệ. Trước, căn cứ Tứ nhất tức là hiểu rõ văn. Tiếp, căn cứ đòi xe tức là căn bản thí dụ, nghĩa là hai hàng đầu từ “Ta thấy Phật tử...” tức là nghe các phương tiện giáo trước tam Bồ-tát. Tiếp, “Ta liền nghĩ...” hai hàng và một câu, nêu chướng trừ, Phật hoan hỷ. Nói “Nay ta vui vô úy”: Tức chướng trừ cho nên vui. Nay trước nêu thoát nạn sau nêu đòi xe: trước

sau đã khác lạ. Quang Trạch thẳng đem căn cơ Đại thừa để đối thoát nạn, do đó phá. Đây nêu rõ kinh văn trước sau không đồng, chẳng cho rằng chướng từ có trước sau. Do các Thanh-văn đều có trược trước trừ, thì Đại cơ nay phát. "Khổ đầy đủ...": Do văn pháp thí, thoát nạn cùng cơ, trước sau hồi hỗ, nương đây không đồng giải thích ra bốn câu. Trước giải thích hai câu, còn lại hai câu chỉ trên. Nay hai câu: Dùng hai câu trước, chỉ kinh văn xen lẫn nhau nghĩa không thành. Muốn khiến thành thì xen nhau đối Hoa Nghiêm..., tức danh đồng nghĩa khác. Câu đầu tuy dẫn bốn đại Thanh-văn mà thông chỉ La-hán nghĩa kịp tam chu. Câu tiếp sở dẫn phàm phu lý thông đầu cuối, trong câu tiếp nghĩa bao gồm giáo Hoa Nghiêm và Pháp Hoa: là khác câu đầu trước, hai câu còn lại nói như trên, chỉ trên tụng chương Thích-ca.

Trong kệ Tứ nhất nêu ở cuối văn. Trong bốn câu liệu giản, hai câu một và hai cùng đây giống nhiều, nhưng có chút ít sai biệt cho nên lại giải thích. Câu đầu kia nói tại thời Tam tạng, chưa nói cuối Đại Phẩm... Câu tiếp chỉ nói các phàm phu trong Pháp Hoa, không nói người trong Hoa Nghiêm. Kia nói tuy thiếu, nhưng phần lớn ý chỉ đồng. Nói "Hai câu còn lại như trên": tức câu thứ ba và thứ tư. Kia nói "chướng tức trừ, cơ tức phát", như trong Vô-lượng-nghĩa đắc Tiểu quả, thì liền tại pháp hội nghe Đại thừa. "Chướng chưa trừ, cơ chưa phát", như năm ngàn người đứng dậy bỏ đi, chỉ có câu thứ tư, chẳng phải người trong Pháp Hoa. "Nếu Đại căn cơ...": lập lại chỉ kinh văn trước nay hồi hỗ. "Nếu Đại căn cơ...": Như trước nay dẫn văn của phẩm Phương Tiện, chỉ vì văn phẩm kia, văn có trước sau, không phải cho rằng phẩm kia nói trước Đại cơ phát sau chướng trừ. Nếu trước chướng trừ: thì như văn trước dẫn nói "Nay trong thí đã...". " Tứ đế đồng hội Kiến đế": Trong Kinh A-hàm cũng có "Tứ cù" dụ cho Tứ đế... Hoặc tận.

Tiếp, nêu nghĩa "Đòi xe", nói "Nêu mười vấn nạn": Người xưa lập vấn nạn, không chấp nhận Bồ-tát có nghĩa đòi xe, hội hai qui một. Thời đại gần đây bỏ dùng, đâu đủ làm lạ! Cho nên, nay trình bày phá, khiến có đòi có hội. Trước là thuật, tiếp là phá. "Hai vấn nạn đầu" có thể thấy. "Vấn nạn thứ ba": Nói sở hóa là phàm phu chưa xuất tam giới, không nên có đòi, năng hóa vị ở Tam thập tam tâm, không thể nơi đây lại nói có đòi. Nếu nhập Phật quả, thì Phật quả không hai, Phật theo ai để đòi? "Vấn nạn thứ tư": Nêu trước đoạn chánh sử, tu tập không biết tại lý không hợp nghĩa đòi, đoạn tận thành Phật, Phật lại không đòi. "Vấn nạn thứ năm": Dẫn kinh văn nay để chứng Bồ-tát. "Vấn nạn thứ sáu": Nói "Từ Đại Phẩm...": Xưa để Bát-nhã ở trước Phương-đẳng,

cho nên nói “Đại Phẩm về sau”. Trước dẫn ngăn ngại, nói “Pháp Hoa về trước đều là phương tiện”, trước định giao phó cho cùng tử... là thiết lập nạn, Nhị thừa lãnh thọ nghiệp đều là Bồ-tát pháp. Nếu là phương tiện thì của cải giao phó, vì sao lại nói đều là ta có? Nếu giao phó tài... là lập lại trưng dẫn. Nếu của cải giao phó là chân thật, thì Bồ-tát đối kia trước được tài vật đây đã thành chân thật, lẽ nào đến Pháp Hoa lại đòi chân thật. “Vấn nạn thứ bảy”: Phẩm Phương Tiện nói: “Hết thảy Thanh-văn Bích-chi-phật không thể biết việc ấy”, cho nên Tiểu gọi là phương tiện, cho nên phải đòi. Phật tử Đại thừa: Kệ nói: “Phật tử hành đạo rồi, đời sau được làm Phật”. Làm Phật là thật, thật thì không cần đòi. “Ba vấn nạn cuối”: có thể thấy. Xưa nay sở chấp không ngoài mười thứ này. Tiếp trong phần phá, nói riêng tổng biệt lẫn lộn, nên riêng phá. “Bác” là ban bác (loang lỗ), hình trạng không thuần cũng là lẫn lộn. Phá: cho rằng kia như lẫn lộn, chánh giải thích như thuần nhất.

“Cái gọi là Tổng”: Là thông lập Bồ-tát có nghĩa đòi xe thì mười nghĩa đều phá. “Đòi là cầu thỉnh” đến “gọi là cầu đòi”: dẫn trước ba nghiệp đều có văn đòi, có pháp dụ hợp. Pháp ý: là hàng tam thừa thành tựu chưa đủ, đều chưa khéo hành, đến kinh này đều phải có “đòi”. Ba câu trong Dụ thứ lớp để đối ba pháp. “Phàm cư...”: trong Hợp đầu tiên nêu ý đòi. Nghĩa “Đòi” gồm ba và dẫn văn chứng đủ từ đầu đến cuối. Do “đòi” cho nên “hứa”, do “hứa” nên “cho”. “Hứa và cho” có văn, thì đâu được không “đòi”. Đầu tiên nêu thỉnh, trung thỉnh đã nêu Di-lặc ở trước, hứa lẽ nào riêng đáp lời Thân-tử? Huống chi Thân-tử thấm nhuần ân khắp thỉnh vì tự tha, cho nên nói “nguyện vì bốn chúng”. Bốn chúng lẽ nào riêng Nhị thừa? Đức Phật hứa chẳng chuyên chúng Tiểu thừa, cho nên chỉ nói chung: “sẽ vì nói...”. Văn hứa, có thể thấy. Cho nên biết tam chu thông nói tam thừa. Pháp thuyết xong Thân-tử hoan hỷ, tức đầu quyển thứ hai. Thí thuyết xong Ca-diếp hoan hỷ, như đầu phẩm Tín Giải nói: “Nghe Đức Thế Tôn thọ ký Xá-lợi-phất, thì các ngài Ca-diếp phát tâm hy hữu vui mừng hớn hở”. Nghe nói nhân duyên đời trước thì Phú-lâu-na hoan hỷ. Như đầu phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký nói: “Lại nghe việc nhân duyên đời trước, tâm thanh tịnh hớn hở”. Tiếp “Biệt bác (lẫn lộn)”: Trước phá nạn thứ nhất, nói “Tề Tam tạng nêu rõ Bồ-tát không đoạn Hoặc”: trước nói Bồ-tát chưa đến nơi hứa, do không đoạn Hoặc, cho nên không cùng Nhị thừa đồng đến nơi hứa quả. Cho nên không đòi, tức là chỉ trong Tam tạng nêu rõ Bồ-tát không đoạn, cho nên phán là “Tề”. Nói “Y Pháp Hoa có bốn câu”: nghĩa là căn cứ kinh này nên làm bốn câu thì nhiếp căn cơ mới tận. Nếu không có bốn

câu thì sợ người cho rằng cơ phát chỉ tại nơi người không chướng ngại, cho nên câu thứ hai tức Tam tạng Bồ-tát. Nếu riêng Nhị thừa, thì Nhị thừa sao từng có chướng chưa trừ? Cần phải liệt kê hai câu căn cơ phát phá xưa không đòi. Nếu không đòi thì do đâu cơ phát? Nhưng cơ không động cũng có chướng trừ tức câu thứ ba vậy. Chưa phát vả lại chỉ Pháp Hoa về trước. Nếu đến Pháp Hoa thì trừ năm ngàn người bỏ đi, ngoài ra không có người nào không phát. Phá nghĩa thứ hai: ý Sư kia nói: Đòi chỉ tại Tiểu, các kinh Đại thừa đều không có nói Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa, kinh này Bồ-tát lẽ nào ưng đòi Tiểu quả? Cho nên nay phá, nói: “Nhập Niết-bàn đã đồng, sao được không đòi?”, nghĩa là chính dùng Thông giáo phá. Ông nói Bồ-tát không đòi Tiểu quả, nhưng thông hàng Tam thừa đắc lý đã đồng, đều bị bài xích, nói: “Đều là phương tiện”. Muốn lại cầu thật lý cần phải đều đòi, Thông giáo còn đòi huống chi Tam tạng ư! Phá thứ ba: Văn kia nói: Sở hóa ba A-tăng-kỳ, trăm kiếp đến Bổ xứ, còn là phàm phu đạo lý không đòi. Đây là chê bai thái quá, lẽ nào ba tăng-kỳ trăm kiếp hoàn toàn đồng phàm? Văn vẫn không phá, chỉ phá năng hóa tam thập tam tâm kia tư duy vẫn chưa tận cho nên không ưng đòi, đến nghĩa Phật lại không đòi xe, chỉ tổng phê phán nói Thuộc tam tạng đó thôi! Cho nên “Bồ-đề thọ hạ tam thập nhị tâm” còn gọi là Bồ-tát, thời tiết đã ngắn, nghĩa đòi không thành, đây thì có thể như vậy.

Nói “tư duy chưa tận”, đây không nên như vậy cho nên lấy Kiến-hoặc phàm phu so sánh thì Hoặc chướng toàn tại Đại cơ còn phát, huống tam thập tam tâm? Nói “Phật không đòi”, đạo lý như vậy. Kia cũng không biết nhân không đến quả, đến tam thập tam tâm ắt không thật hành. Có thể trong đây Phật thật là ba tăng-kỳ đến quả chỉ đoạn Kiến Tu mà thôi! Lại đồng La-hán, như nói thế gian có sáu La-hán, La-hán đâu được không đòi xe ư? Chỉ do kia không biết Quyền, cho nên lại nạn vấn. Giáo kia đã Quyền, tiến thoái có ngăn ngại. Trong phá ý thứ tư, cũng trước lập lại nói: “Bồ-tát chưa đoạn tập” cho đến “đoạn tận...”: đây dùng văn thứ ba làm theo lệ. Văn thứ ba trước, nói nếu Bồ-tát tiến tới đoạn tập khí vô tri, lý hợp thành Phật, nghĩa “đòi” không thành. “Đây tam thừa...”: chánh phán xét thuộc Thông giáo, đã chưa thật Bồ-tát phải “đòi”.

Tiếp, dùng “cụ phược” để so sánh, phá ý thứ năm: Kia cho rằng trong tam thừa, Bồ-tát là duy nhất (chỉ riêng). Tiếp, “Bị hội...”: là phá. Dù cho phép Bồ-tát phục đoạn không đồng, nhưng vọng người Nhị thừa cũng gọi “duy nhất”. Nên biết, nói “duy nhất” là thông đối đãi Nhị thừa không hạn cuộc. Kia lấy đối tượng đối đãi là Nhị thừa, ngoài đó ra chỉ

một duy nhất, mà không biết bốn giáo đương giáo Bồ-tát đều gọi là "duy nhất", cho nên ba mà duy nhất cần đòi xe. Nên biết ba trước là đối đãi hai duy nhất, Viên giáo duy nhất mới là tuyệt đãi; như ngoài Tam tạng duy nhất, còn có tam giáo, Thông, Biệt có thể biết, như ngọc châu, trăng sáng tỏ về đêm.

"Phá ý thứ sáu": Kia nói Bát-nhã đến Pháp Hoa một mực chân thật. "Ông không...": là dùng cộng bất cộng để trách. "Cộng bất cộng" văn xuất từ Đại luận. Bất cộng Bồ-tát cho phép có thể không đòi, vì kia có Viên. Lại Bất cộng kiêm Biệt. Biệt còn phải đòi huống chi Cộng Bồ-tát, cho nên ông không biết tài sản giao phó bao gồm Cộng và Bất cộng, mà chỉ một hướng nói chân thật không đòi! Lại, nếu nói trong Bát-nhã Bồ-tát chân thật không đòi, thì nay hỏi ngược lại: Nhị thừa ở Bát-nhã được giao phó chân thật, tức đồng Bồ-tát tại sao lại cần đòi? Huống chi ông tự nói đến Pháp Hoa đều là chân thật, do ông không biết Tam-muội sai khác. Trong "Phá ý thứ bảy", lập lại nạn vấn đã xong. Tiếp, trong phá dẫn văn Bản môn, văn Bản môn kia vì Đại tiểu mình người đều là phương tiện. Vọng bản văn kia thì Viên còn là phương tiện huống chi Thiên ư! Nay trong Tích thì tam giáo đều là phương tiện, huống chi đầu phẩm Phương Tiện nói: "Phật dùng phương tiện lực dạy cho ba thừa giáo", sao riêng nói duy chỉ dạy cho Nhị thừa, cả ba đều phương tiện cho nên đều đòi. "Phá ý thứ tám": Cũng trước trình bày nạn vấn. Tiếp "Ông không nghe...": là phá, cũng nên dẫn mười nghĩa đầu của tam chu bên trên, trong đó có văn lãnh. "Phá ý thứ chín": Đã như trước phá. "Phá ý thứ mười": Nói cũng như là nghĩa trước, không ngoài Tam tạng, phá cũng như trước. Người đời làm rõ nghĩa phần nhiều không chịu nói theo Tứ giáo, nay chỉ phá nói "Tứ giai" và dùng Tam thừa cộng vị cùng Bồ-tát trong Hoa Nghiêm không đồng. Nếu lại không chấp nhận, thì xin xem luận Bà-sa Câu-xá và kinh Đại Phẩm hoặc trở lại Thiên Trúc! "Tự có hành thôi nghỉ...": là đại tiểu sai biệt cho nên Tiểu thừa thôi đòi, Bồ-tát chưa thôi giáo Quyền, cho nên đòi.

"Lại, Bồ-tát...": lại dùng nghĩa phá. Xin là tên khác của cầu thỉnh, lẽ nào có không cầu mà đắc. "Quán kỳ quỷ lũy": "Quỷ" là dối trá; "lũy" là chồng chất. Mười nghĩa phần nhiều giả vờ chồng chất Thông Tạng, cho nên ý câu một, ba, chín, mười toàn là Tam tạng; bốn, năm, sáu rộng phụ Thông giáo; ba ý còn lại nghĩa bao hàm Tạng, Thông. Kia do thông thấy Anh-lạc, hạnh vị còn thuộc thiết lập Quyền, phi thị phát tâm cả hai không khác. Nếu là thực, thì hạnh nguyện Phổ Hiền ở kinh Hoa Nghiêm là đồng hay khác? Nên một nhà lập nghĩa biệt còn phải

có "Đòi", huống chi tại Tạng Thông, do kia lập Bồ-tát không đoạn, và do đoạn Hoặc chưa cùng tận đều không cần đòi ?! Nhị thừa đoạn Hoặc, nên cần phải đòi! Đây tức hoàn toàn mê ở đoạn Hoặc Bồ-tát cũng phải xin xe, huống chi chướng chưa trừ Đại cơ động nhân. "Nay sẽ...": tách làm bốn câu: Đoạn, không đoạn, có đòi, không đòi. Huống lại mười sáu câu biến khắp. Căn cứ năm thời, đầu tiên chấp nhận người xưa rơi tại một câu, nếu đến mười sáu câu tức khiến không đòi thành đòi thì hoàn toàn khiến rơi vào câu nghĩa phi, vô mà có thể đắc. Trong đó trước nêu bốn câu.

Hỏi: Câu đầu cùng người xưa Bồ-tát không đòi có gì sai biệt?

Đáp: Nay biệt có ý phê phán ở Tam tạng. Kia nói tất cả Bồ-tát không đoạn cho nên đều không đòi, hoặc là đoạn chưa tận cho nên không đòi.

Lại dẫn kinh luận hợp thành Thông Tạng, do kia không biết nghĩa Biệt Viên. Nếu bản biết thì việc gì không lập? Cho nên nay đầu tiên lại tách làm bốn câu, dùng đối bốn giáo thứ lớp trải qua năm vị. Trong câu đầu vọng ba câu sau, danh đồng Sư xưa mà ý hoàn toàn khác. Một phen đối câu lại lập căn bản, gọi là "không đòi". Do Tam tạng Bồ-tát từ đầu đến cuối không đoạn, dù bị bài xích thì cũng không thể đòi. Nhất vãng (một phen) tuy vậy, còn chưa tận lý cho nên lại khai làm mười sáu câu. Lại trong câu căn bản câu thứ hai là Thông giáo, tam thừa đều đoạn cho nên đều đòi xe. Câu thứ ba căn cứ chưa phá vô minh gọi là không đoạn, cho nên phải đòi. Đăng địa đã đoạn, cho nên không đòi. Đây thì vĩnh viễn khác xưa nay các Sư, huống chi câu thứ tư đều là pháp giới, lại làm sao đoạn đòi? Cho nên câu thứ tư mới gọi là không đòi. Trong ba câu trước, câu đầu tuy không đòi nhưng cuối cùng phải đòi, cho nên trong ba câu đều gọi là đòi. "Lợi": thì trước đòi. "Độn": thì nay đòi. Do cần phải khai cho nên cần phải đòi. Viên giáo còn không thích hợp đối với không đòi, thì làm gì có đòi ư? Cho nên không đồng xưa lập mười nghĩa.

Tiếp, lại tùy vị đầy đủ giáo nhiều ít chuẩn theo lệ nói, cho nên trước Pháp Hoa Tam giáo Bồ-tát hết thảy chấp nhận đòi. Hai giáo Nhị thừa căn cứ thời trước sau, hiển mật không đồng, lại căn cứ năm vị bởi có nguyên do. Hoằng cương đại thống (rộng bày cương lãnh, thống lãnh đại ý): Lại lập bốn câu để đối năm vị, chưa phân nhỏ. Nói "mỗi một câu": tức như bốn câu trước. "Mỗi một ý": Nếu trực đối câu thì chỉ là câu nói bốn giáo lại chia làm bốn, cho nên câu cũng gọi là ý. Ý: Chỉ là câu trong giáo, như nói "nhũ vị hai ý...". Cho nên biết chướng trừ chỉ là Hoặc đoạn, cơ động lý hợp đòi xe. Căn cứ câu trong đây nếu từ căn

bản, thì câu đầu trong bốn làm đứng đầu, lẽ ra trước từ chương chưa trừ cơ chưa động, tách làm bốn câu, nên nói chưa trừ chưa phát, đã trừ chưa phát, cũng trừ cũng chưa trừ chưa phát. Không phải trừ, không phải chưa trừ chưa phát. Chưa phát chẳng phải tông cho nên không dụng. Văn đầu vả lại dùng trừ... đối động, tợ như trong căn bản, trên câu thứ hai khai xuất. Đã nói mỗi một câu đều khai làm bốn, chỉ là đều dùng bốn câu trong văn liệt nêu trên các giáo. Vậy thì bốn giáo đều dùng trừ..., đối động làm câu để nêu rõ đòi xe. Chính tại động, cho nên trong mỗi một giáo đều dùng trừ... đối động mà nói. Cho nên văn chỉ liệt kê bốn câu làm thử (thí), vẫn đem câu đây trãi qua năm vị để xem, khiến biết trong bốn vị các cơ chưa thuần. Cho nên có đương giáo, hậu giáo không đồng. Dựa theo ý kinh này, tuy có các giáo chương trừ không trừ, mà cơ động ắt chỉ có Viên giáo.

Hỏi: Ba giáo trước đương giáo luận phát, trở lại đối đương giáo trừ không trừ... Đây thì có thể thấy. Nếu đều hướng về Viên cơ luận phát thì Bồ-tát thông với Nhị thừa trước bất định, Viên giáo làm sao luận bốn câu: đoạn... ư? Vì sao lại động ?

Đáp: Nên đem Sơ trụ để đối trước trụ mà luận bốn câu, tất cả phàm phu không đoạn năm phẩm gọi là “đoạn”. Sơ tâm tu quán tuy tức pháp tánh, nhưng phải tác ý đoạn cho nên tạm lập tên “đoạn”. Lục căn tức là câu thứ ba, dùng câu thứ tư làm câu căn bản Viên giáo, cần trở về Sơ trụ nên như vậy. Cho nên các câu giáo trước Pháp Hoa, thì giáo chưa dung thông, đến Pháp Hoa chỉ có bốn trừ dùng đối một phát, nên đến Pháp Hoa đều có đòi. Miệng đòi đã như vậy cơ tình có thể biết, vậy thì mỗi một vị, không vị nào có không đòi, chỉ cơ tình bí mật cho nên không luận. Do đó lại đối hiển giáo các vị để thành các câu, “đòi” cùng “đoạn” nghĩa kia rất nhiều, vì sao chỉ dùng một lời liền phê phán, cho nên nói “tông đây không thấy...”.

Tiếp, nêu “Thể, số không đồng”: Xưa trong ba sư, sư đầu nhất toàn sai, sư tiếp tợ như đương nhiên, sư thứ ba nay không hoàn toàn chấp nhận. Lý kia chưa hiển, đều do không nói Phật, Bồ-tát thừa ly hợp đầu cuối đồng khác. Sở dĩ nên hợp không hợp. “Sở dĩ...”: phá xưa. Trước, Thông không phải; tiếp, Biệt dẫn giáo. Đầu dẫn xưa ba, ba đã tại xưa nghiệm biết một tại nay. Tiếp, “Hoa Nghiêm...”: đều dẫn chứng bốn, tức năng sở liệt kê đủ. Đầu, nói thuyết; tiếp, nói xuất Thuyết căn cứ giáo pháp, Xuất căn cứ hạnh nghi. Một và ba từ ứng, thứ hai từ cơ. Nên biết định có bốn pháp. “Địa luận...”: Địa luận tại Biệt, còn liệt kê bốn quán, quán nơi Thập thiện. Nên biết các pháp đều thông bốn quán.

Anh Lạc tam thừa tức ba giáo trước. Ba đều khai ba, tức Biệt giáo thừa, bình đẳng tức Viên giáo thừa. “Nay căn cứ giáo...”: lần nữa lại dùng giáo môn để phê phán ba, bốn trước nay. Chỉ nói ba bốn mà chưa nói hơn, kém, cho nên cần giáo phán xét. Nếu tam thừa đối chân mà luận đồng khác, thì tức phán nhà đầu tiên. Phán ba, bốn, chín thuộc Biệt Viên, lại phải căn cứ Hạnh mới phân biệt Viên, nên biết Tạng, Thông đại ý cũng vậy. Tuy dẫn kinh trước đầy đủ bốn giáo, diệu bộ chưa hiển lại phải trải qua vị mới biện rõ kinh này. Trong Chánh Pháp Hoa cũng trước nói voi, ngựa, dê; sau mới đều ban cho xe đại bạch tượng, đồng một Phạm văn, ai sai ai đúng?

Có người hỏi: Ra không thấy xe cho nên liền đòi, đây chưa lập thành nên phải đòi thành ư? Nay vì đáp: Thành thì căn cứ có thí dụ, thấy tại sao phải đòi?

Hỏi: Xe thành đều là phương tiện, có không nghĩa ắt đồng, vì sao có không khác đến nổi khiến đòi không đồng?

Đáp: Xe do bài xích phương tiện, thất (mất) thật cho nên phải đòi. Thành nếu chẳng chân thật cũng đồng với nơi xe không có.

Hỏi: Nếu vậy thì nên đều đòi, vì sao đòi không đồng?

Đáp: Xe chỉ nói phương tiện cầu thật cho nên có đòi. Thành nói thật ở gần, cho nên không cần đòi.

Hỏi: Phương tiện lược khai ba chưa thật, cho nên có đòi. Đã nghe chương Ngũ Phật, vì sao trong thí dụ đòi ư? Đáp: Trung căn mê pháp thuyết, cho nên nói xe là dối thí dụ, có không rõ ràng. Người đầy đủ trí thì không có vấn nạn đây.

Có người hỏi: Ba xe thì cho phép có thể có thượng hạ, một thành đâu được có xuất nhập ư? Đáp: Xe cũng không có văn nói có hạ, thành cũng không từng nói có xuất. Xe bị bài xích hư dối nghĩa đồng hạ căn. Thành nghe nói hóa nghĩa đồng xuất. Kia đây từ Thí bao hàm nghĩa lập, đều đã nhập chứng đều phải khai.

Đại xa bảo sở đã không sai khác, hai xứ diệu lý tại sao sai khác? “Người đời...”: là nêu rõ thể của Đại xa, nên như Huyền Văn, hiển thể biện rõ; đây vì phá xưa mà lược biện khác đồng. Trên tuy nêu số và đòi không đòi. Nếu không biện thể thì dùng cái gì để nêu nguồn gốc của giải hạnh ư? Sắp xuống các sư Chương An sở dẫn, cho nên nêu nay giải thích nói Thiên Thai sư. Đầu tiên Quang Trạch trang nghiêm tuy đều nói cao rộng, mà căn cứ quả chấp nhân đối xưa chưa dứt, cho nên Quang Trạch chỉ quả đây có năm lỗi:

1) Nhân thừa vô thể thừa làm sao mà xuất?

2) Danh lạm dụng Tiểu thừa quả còn phải đòi.

3) Do dụng làm thể, năng sở không phân.

4) Đợi xưa không tuyệt khai quyền không thành.

5) Nhiếp pháp không khắp vì ngăn cách phàm hạ.

Biệt không nói Tận trí, huống chi Viên ư! Viên Biệt tuy có nói tên Vô sinh mà đồng ý biệt, đoạn chứng vĩnh viễn trái cho nên không dùng, huống chi dụng nay đối đãi xưa mới gọi cao rộng. Nên biết đương thể không cao rộng, trang nghiêm tại nhân quả ắt không có thể, huống chi Hạnh thì đầy đủ độ cũng chẳng phải sở nghiêm. Thượng cầu hạ hóa bốn giáo đều như vậy, huống chi chỉ biết nói kia cao rộng mà không hiểu thủy chung bất nhị. "Cựu sư không dùng công đức" ý để bài xích trang nghiêm, muốn đồng Quang Trạch lại không nói quả. Trí thuộc bạch ngưu, thể cũng không thành, lỗi căn cứ trước nói. Lại "một sư dùng Phước Tuệ" để tổng phá ba thứ trước, dẫn vô lậu căn lực... thuộc Tuệ, Thiền định giải thoát... thuộc Phước. "Lẽ nào chỉ Tuệ ư?": Chính là bài xích ý thứ ba, phước tuệ đã chẳng phải thể xe, lại lầm dẫn văn xưa để chứng nay, sự sâu xa không thể được. Lỗi lầm v.v... lại dùng "Hữu giải", tựa như phù hợp với ngài Quang Trạch. "Không giải" không động cho nên không dùng tức, ý nói nghĩa vận chuyển không thành, không có ý vận đều không có thể. Tận Vô Sinh trí tức "Hữu giải", từ sở tận, sở vô mà lập danh. Lại một sư phân đối Tiểu thừa, Đại thừa chỉ dùng thật tuệ phương tiện, vận động như trước. "Riêng nói...": Chương An bài xích chung. "Ngà...": tuy voi mà thông biệt không đồng, thông thì đều là thân voi, biệt thì thân chẳng phải tai... Căn cứ thí dụ phá nghĩa, ý cũng có thể biết. Cho nên quên thể thì thông biệt đều mê. "Đến trong ban xe điểm xuất": cao rộng làm thể vĩnh viễn khác các sư xưa.

Tiếp, biện "Xe nhỏ và vận, không vận", kiêm biện "nhân quả và đòi không đòi". Nhân tiện nêu rõ khiến biết sở khai. Vì trước đòi Tiểu, thì trước phải biết Tiểu. Nói "Tám trí thông nhân quả": Cũng nên nói thông lậu vô lậu, như tha tâm trí tức dùng pháp, loại, đạo, và Tục trí sở thành. Vì sao? Nếu tha tâm trí duyên tha Vô lậu tâm, thì nên dùng pháp loại đạo tha tâm trí để biết. Nếu tha tâm trí duyên tha Hữu lậu tâm, thì nên dùng thế tục tha tâm trí để biết. Nếu quả địa tha tâm trí, thì dùng quả địa tha tâm thế tục trí để biết. Nếu nhân nhân (người) tha tâm trí, thì dùng nhân địa tha tâm thế tục trí để biết. Tự còn lại sáu trí. Nếu là sơ quả nhân (người) đoạn kiến thì sáu trí rõ ràng thuộc nhân. Nếu là quả thứ hai, thứ ba và vì phi tưởng còn một phẩm, thì sở hữu sáu trí cũng thuộc nơi nhân, một phẩm sau cùng mới thuộc quả. Nếu y người xưa

dẫn giáo phá trước nhất hướng dụng quả. "Nhưng chỉ...": là người xưa chánh giải thích. "Nguyên nhân chủ yếu...": là giải thích sự ngăn ngại có phụ có chánh. "Nếu nội nhân...": lại lập nghĩa ngăn ngại. "Nhưng quả...": là giải thích sự ngăn ngại. Quả không tự khắc, mà do nhân đến, cho nên khiến quả này đắc, gọi là "vận chuyển tốt". Trung đạo không đạt, là tiêu biểu chẳng vận chuyển tốt. Từ "cái chủ yếu" mà đặt tên, cho nên gọi là "vận chuyển tốt". Thừa chỉ là xa, xa (xe) vốn động vận, vận nhân đến quả được gọi là "vận chuyển tốt". Vì có thể đều phân phát, về lý cần phải song lập. "Nếu thừa...": người xưa thừa hướng đến chỗ giải thích, lập sự ngăn ngại đòi xe. "Xưa nói...": là giải thích sự ngăn ngại, giải thích khước thành ngăn ngại. Ý xưa giải thích, nói "Cơ đòi có thể hiểu": tức cơ chứa ở bên trong có thể phát gọi là "đòi", cơ tuy có đòi chỉ âm thầm tại tâm, tình chưa do dự cho nên khiến không thuật. Tuy tình động bên trong nhưng chưa hiển rõ nơi khẩu, chỉ do tình cho nên dùng thiên nhãn quán. Tiến thoái sinh nghi tình theo Phật đòi. "Nếu tìm...": nay phá xưa, có hai sự ngăn ngại của văn và nghĩa. Trong ngăn ngại thứ hai có bốn mâu thuẫn.

1) Cùng đương văn diệt tưởng mâu thuẫn.

2) "Lại, Phật..." cùng cần gặp Phật khác quyết liễu tức mâu thuẫn.

3) "Lại, ban đầu...": cùng dưới không thấy trên tức mâu thuẫn.

4) "Lại La-hán...": Khi cùng tu nhân chưa thấy quả tức mâu thuẫn.

Hai mâu thuẫn đầu có thể thấy; mâu thuẫn thứ ba dẫn theo lệ. Lại "trái với Nhiếp Đại Thừa": Các luận về thiên nhãn (hạ) dưới không thấy trên, ắt không có Nhị thừa thấy ở ngoài giới. "Nay nói...": là chánh giải thích. Nói "ngày xưa": Xưa trụ nơi tiểu giáo, vì kia bị bài xích tình có sở vọng. Căn cứ đây phê phán ý tình thông hai vị, nhân bài xích xưa giải thích tình đòi lý trái, cho nên nay là lập nghĩa tình đòi. Nếu riêng luận tình dùng ý làm lời vì nói, vì cơ Sinh do đó tình động, nên cơ tình đòi thông khắp hai tô, biệt phân hai vị. "Đòi cầu" đến "là thật": nếu là phương tiện, thì xưa thật tại đâu! "Cơ tại Đại thừa...": là giải thích ý cầu thật cho đến miệng đòi thì Đại căn cơ đã phát, tình cầu xưa thật ý tại nay chân thật. Đây thì cơ thật mà tình giả. "Lại, tình...": là lần nữa lại trình bày giả để nêu thật. Cho nên tình thật mà miệng giả, cho nên khi cơ tình chưa hiển rõ nơi miệng, thì ngày miệng đòi ắt đầy đủ cơ tình. "Lục độ Thông giáo theo lệ như vậy": Trước nay nêu rõ hai giáo Nhị thừa đã vậy, cho nên biết hai giáo Bồ-tát cũng vậy. Vì sao? Xưa năm trăm, tám ngàn người đều bị bài xích, Bát-nhã đào thải thọ lợi ích sự đồng. Đã thấy Thân-tử hiện nghi, Phật giải thích lý nên thấm nhuần rồi,

im lặng tại tòa đợi Thánh trình bày thông. “Có hai chương, hai rộng, hai giải thích”: đây y chưa thứ lớp, sở liệt kê có chút ít tợ như khó thấy. Căn cứ văn thứ tự hai chương đều nêu, rộng giải thích trong đó nêu ra.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 6

PHẦN HẠ

Từ " Thứ nhất: Con bình đẳng" trở xuống: là nêu hai chương môn. Nói "Các con thì tâm bình đẳng": Trước nói các con tức đều là con, cho nên tâm ắt bình đẳng. Tâm kia nếu bình đẳng thì đối các con ắt bình đẳng. Tâm tức tâm tánh, cho nên Phật tánh bình đẳng. Do đều là con, cho nên tâm không thiên vị, tài pháp lại nhiều cho nên tâm bình đẳng. "Xe bình đẳng": Đầu tiên nêu ý bình đẳng, vì đối tượng ban cho không có hai cho nên nói "bình đẳng". Chỉ vì điểm sở tập đều là diệu thừa, chỉ duyên tánh đồng, nghĩa ban cho thì bình đẳng. "Mà nói..." lại dùng con bình đẳng để giải thích nghi xe bình đẳng. Đã nói "xe bình đẳng", vì sao "đều ban cho"? Xưa huân tập không đồng, các vị chẳng phải một đến đây nói đều là nhất thừa. Vì sao vậy? Nếu một người không khắp thì không gọi là con bình đẳng. Lại nói xưa huân tập nên biến khắp các pháp. Một vật không cho không gọi là "ban cho bình đẳng". Cái gọi là sắc tâm, nghịch thuận, y chánh, hạnh lý, nhân quả, tự tha, giải hoặc, Đại tiểu, Tuệ phước, cho nên biết: "ban cho bình đẳng" chỉ là khai tam thừa lục đạo kia, đều là nhất như. Cho nên mỗi mỗi như đều nhiếp khắp, đủ khắp, nhập khắp. Hết thảy chúng sinh ai mà không có phần tứ phương đạo tràng, sao vô lý có đại xa cụ độ ư? Đợi thời đợi duyên cho nên như vậy. Cho nên đến ngày nay mới gọi là "đều ban cho (các tứ)".

Nói "hoành chu... (rộng khắp theo chiều ngang)": Pháp giới tam đế đều chẳng ngang dọc, tuy không ngang dọc mà pháp giới theo khắp. Nói "ngang" thì tiện, tam đế tên khác; nói "dọc" thì tiện, bất nhị xen nhau hiển tư duy có thể thấy. Nói "Tứ biện": gọi là Pháp, Nghĩa, Từ, Thuyết. Thất biện đại đồng. Pháp: Là tất cả các pháp danh tự phân biệt không vướng đọng, phân biệt tam thừa không hoại pháp tánh. Nghĩa: Là các pháp nghĩa rõ ràng thông đạt, biết tất cả nghĩa đều nhập thật tướng. Từ: Tức ngôn thuyết danh tự trang nghiêm tùy sở ứng mà năng khiến

đắc giải. Tất cả chúng sinh khác phương, khác loại, nhiều ít rộng hẹp các đạo nam nữ, các giáo các môn ba đời, chín đời người nghe đều hiểu. Nhạo thuyết: Nghĩa là khả năng đối một chữ nói tất cả chữ, đối trong một lời nói tất cả lời, ở trong một pháp nói tất cả pháp, bất kỳ pháp nào nói ra đều là chân thật, mười hai bộ kinh, tám vạn pháp môn tùy căn ưa thích mà vì họ nói. "Tứ vô lượng": Tứ đế làm cảnh, hai khổ hai lạc, bản là phạm hạnh bất tư nghì. Cho nên Đại kinh nói: "Từ", nếu có, không, không phải có, không phải không, Từ như thế gọi là Như Lai từ, cho nên tam đế Từ nhiếp tứ biến. Tứ hoằng tứ nhiếp đều y cảnh phân biệt mới khác các kinh khác. Tứ hoằng đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một và quyển năm nói. Tứ hoằng đây tức là trước đến Tứ vô lượng tâm. Tứ nhiếp: Lược như Chỉ Quán quyển bảy nói. Thần thông Thất giác đều lấy vô duyên làm sở y, như Chỉ Quán quyển bảy trong phần Vô tác Đạo đế nêu rõ. "Uyển diên": Là thêu vẽ trên mũ áo của thiên tử rủ xuống trước sau. Chẳng phải trong ý đây, đây nên làm chiếu tức chiếu ngồi nằm.

"Quán luyện huân tu": như trong sách Pháp Giới Thứ Đệ nêu đủ danh tướng, như trong Chỉ Quán nói thiền cảnh, trong Huyền Văn định Thánh hạnh, đều là thật tướng cho nên tu, đến trong quả thiền trong thắng dụng vô tận. "Đơn chẩm (gối đỏ)": để chống đỡ tức gối để ngoài xe, xe dừng thì phải có gối chống đỡ cho nên gọi là chi ngang (chống đỡ) chi trì (giữ gìn) ngang nêu (dơ cao). "Ví như động tịnh tương tức": xe đi thì gối rãnh, xe dừng thì gối dựng, khi dùng thường tĩnh, khi nhàn thường động, thật thể cùng dụng cũng lại như vậy. Tự nhân quả pháp tánh không động, do đó như gió không dời đổi, vắng lặng mà đến, vạn hạnh vô tác, các trí chẳng quán. Đây thì ba đức đều bất nhị. Do ba tức một cho nên khiến như vậy. "Gối trong xe": trí đầu, hạnh thân, "tam muội" như "gối", chỗ dừng đắc lý pháp lý rõ ràng. "Màu đỏ sáng...": Không có pháp khác xen gọi là "vô phân biệt", dùng "ánh sáng" dụ trí cho nên gọi trí quang, màu chu là chính, màu tía xen lẫn cho nên dùng "màu đỏ" tiêu biểu cho ánh sáng không tạp. Ngài Nam Sơn chú thích âm kinh nói: Người Tây phương (Ấn độ) không có gối gỗ, đều dùng da màu đỏ bên trong độn lông bông chưa kéo sợi dùng để dựa ngồi nằm. "Màu đỏ (xích)" cũng lại sáng. "Bạch ngưu (trâu trắng)" chia làm ba:

1) Nêu công năng.

2) "Bạch (màu trắng) là....": là biện thể đức.

3) "Lại, Tứ niệm...": là luận hành tướng.

Văn đầu: Tu đắc Bát-nhã thì năng dẫn dắt Giả, Trung, tam giáo đế duyên đều đạt đến cùng cực cho nên nói "đáo". Đây danh thông hữu

nên thể giản. Tiếp trong phần Thể đức, nói “bạch” là gốc của các màu (sắc bản), bản thể không dơ nên nói “bản tịnh”, tu xứng với tánh nên nói “tương ưng”. “Thể đầy đủ...”: là hiển Viên trí. Thể của phiền não vốn tịnh (Hoặc thể bản tịnh) căn cứ tánh mà luận tu thì gọi là “không nhiễm”. Đây tức bên trong thì “đầy (sung)” mà ngoài thì “sạch (khiết)”. “Lại, Tứ niệm...”: Tức căn cứ cảnh để giải thích hành tướng, “niệm” tức là trí, “xứ” tức là cảnh. Tứ quán là quán xứ, xứ quán nhất hợp, như toàn thân là trắng, tức đây quán cảnh, thiện mãn ác tận, có thể ví như “Chánh cần”, do đó mà thành. Lại khiến Dục niệm tư duy nhất tâm thành vô ký thông, hóa hóa bất tuyệt nhậm vận thường như vậy. Đi đứng tự tại cho nên gọi là xứng ý, các pháp còn lại theo lệ, như Đạo phẩm nói.

Hỏi: Trong đây đại xa đồng cho các con, các con được rồi mới đến Sơ trụ, cho đến còn tại danh tự Quán hạnh, tại sao thuần dùng nghĩa quả để giải thích?

Đáp: Dùng chứng để chỉ bày người, người hành sai biệt, hiểu rõ các nhân bình đẳng, nêu sự chỉ bày lý, cho nên chỉ bày nói “ Sở hành của các ông là đạo Bồ-tát”.

“Tâm, Phật, chúng sinh” ba thứ không sai biệt cho nên theo lý ban cho, hạnh vị bình đẳng ban cho tức quả ban cho. Quả lý tại hạnh, mới có thể gọi là “ban cho”. Lẽ nào có thể lý quả ban cho chúng sinh? “Bộc tùng (tôi tớ đi theo)”: Chuẩn đối ba đức, nên trong thể của xe phân Chánh và Duyên, đối ngưu làm Liễu. Đây thì nghĩa đương tu hai tánh một. Một lại đủ ba cao rộng không hai. Trong đây “bộc tùng” và trong kệ nói “Tấn tùng”, lời thì khác ý đồng. “Tấn” là tiến, dẫn dắt. “Thị vệ” là cung ứng hai bên. “Bộc” là hạ phẩm. Nay tập Đại thừa, tự lượng tâm mình, cùng kinh văn đây liệt kê có đồng có khác. Nếu một câu tức thị, thì là thị câu gì? Một câu tức đủ thì đâu cần các câu? Lẽ nào Đức Phật lầm nói mạnh thẳng, phiền nêu xe đến làm huyễn hoặc ngài Ca-diếp. Đây là Đại La-hán, đứng đầu chúng Tăng hơn bốn mươi năm không thọ chân hóa, mới nghe phương tiện thông đạt tán thán hai trí, lược khai hiển rồi động chấp sinh nghi tình mới do dự. Ân cần ba phen thỉnh, rộng nghe năm Đức Phật mười phen khai Quyền. Lại thấy Thân-tử ba nghiệp lãnh giải tám bộ dẫn làm ước lệ, bốn chúng đáp ân, Như Lai thuật thành phân minh thọ ký. Trải qua chồng chất hạt giống đời trước chưa khai mở, mới nghe đại xa (xe lớn) liền kham biệt ký, cho nên biết đây nương quán pháp đầy đủ, vẫn còn cắt lược, thô điểm mười quán. Nếu rộng mở hạnh tướng thì do đâu có thể đầy đủ? Không biệt giải thích tức ngộ vô sinh, vọng trên xứng giữa so sánh dưới vẫn lợi. Nếu đây một câu thí dụ

xe uổng công thiết lập, thì rõ ràng Phật có làm ỷ ngữ, hoặc đưa ra lỗi của người kết tập thêm thắt, và trách lỗi dịch giả hỗn tạp. Nếu thuộc đối có nguyên do, thì hạnh nghi có thể làm khuôn phép, lẽ nào học Đại quán nhanh như vậy hoàn toàn vứt bỏ? Đã thất mất kiểm tra Đại, thì đường tắt Tiểu chẳng theo. Đại Tiểu đều vong, e rằng theo tà cứu giúp. Cưỡi xe lừa hư hoại thì vì hướng đến phương nào? Ví như quả địa phước đức viên mãn, thì Hạnh Lý cùng tột, phước thành hạnh, tuệ hướng lý. Tự hạnh đức đầy đủ, cho nên nói "nội sung (trong mập)". Hóa tha đức đầy đủ cho nên nói "ngoại dật (ngoài đầy đủ)". Biến nhất thiết pháp nên "tài (của) vô lượng", đều đầy đủ hai đức nên nói "chủng chủng" . Liệt kê hai tạng, tức Hạnh xứng Lý nên Lý nương Hạnh. Lại thâu nhiếp lẫn nhau mới kham ban cho bình đẳng.

"Nhất thiết...": là dẫn chứng hai tạng, như kia không hiểu Ấm nhập lý tạng, uổng tự gắng tu các độ hạnh tạng. Nói "Nhất thiết thú": Văn tại kinh Đại Phẩm trong phẩm Phát Thú. Thú là thú nhập, tức tất cả pháp nhập trong một pháp. Một pháp đã vậy, các pháp cũng đều như vậy. Hạnh lý nhiếp đủ tất cả pháp. "Tất cả pháp thú" văn tướng khai hợp như trong Chỉ Quán quyển hai dẫn. "Tự hành cái hạnh lý này...": là tiếp giải thích "sung dật (đầy đủ)". Trước là trực tiếp căn cứ Hạnh Lý . Tiếp, "Thật trí...": là năng dẫn dắt năng chiếu, tức là ý tu đắc tam đức. Quả cùng cực lợi vật cho nên gọi là "sung dật (đầy đủ)". Tuy có hai giải thích mà Phật trí không khác. Trong phần "Rộng nêu tâm bình đẳng" cũng có hai, chỉ dùng tâm giải thích con, cho nên nói "tâm". Văn đủ ba nghĩa thì mới gọi là "tâm bình đẳng".

1) Tài phú.

2) Đều là con.

3) Không thiên vị, cho nên nói "tâm bình đẳng".

Cũng nên lại nói "Sở dĩ tâm bình đẳng" là do đều là con. Tài phú vô lượng là tự hạnh mãn. Đều là các con. Không thiên vị tức hóa duyên thuần thục. "Nếu giàu (phú)...": ngược lại dùng nghĩa không bình đẳng để giải thích bình đẳng. Do của cải và con thiếu lẫn nhau, khiến tâm không bình đẳng. Nên biết chẳng phải con sánh kịp tài thì không bình đẳng. Vì dựa vào giáo xưa cho nên xưa Thiên giáo, thì giáo chủ và hóa cơ hai nghĩa đều thiếu. Như hai giáo, vì giáo chủ nghèo pháp tài cho nên không được gọi là "phú". Không biết thường trụ nên không được nói "đều là con". Dù đương giáo gọi là "con" mà thâu nhiếp căn cơ không cùng khắp, cho nên cũng chẳng phải con, tức là thành có thiên vị. Lẫn xen thiếu chẳng bình đẳng, đều thiếu, có thể biết. Biệt giáo giáo đạo

tuy nói đều là con mà hai nghĩa còn không có, chứng đạo tự đồng, phần bình đẳng không thiếu. Dưới giải thích con..., theo lệ có thể biết. Cho nên kinh này ngoài nhất Thật thì hoàn toàn không có pháp nào khác, tất cả chúng sinh đều là con ta. Duyên nhân còn thâu nơi tán thiện. Liễu chủng thông nhiếp một câu, chính là không bỏ vô gián mới xưng gọi "nhất thiết". Cho nên Huyền Văn nêu rõ trong lợi ích thì Tựa, Chánh, Lưu thông vị lai vĩnh vĩnh (lâu dài). Trang Nghiêm Vương, Điều-đạt, Bất Khinh, Long nữ, căn cứ nghĩa thì có thể biết, huống chi ưng nói làm sao giản biệt nơi bốn thú? Giáo tùy nghi không chọn nơi thuận nghịch, đây là Đại thể đồng ban cho. Cho nên, biết rằng nói "con bình đẳng, tâm bình đẳng", lẽ nào riêng bốn đại Thanh văn mà thôi? Vì thế, các pháp đều hàm chứa con không thiên vị.

"Nay bảy báu...": giải thích ba nghĩa: Trước nêu "của cải nhiều". Nói "giáo, hạnh": Cơ ứng tương đối, lại theo văn hiện tại thì lợi ích là thuyết. Tiếp, "Mỗi mỗi...": nêu "Chính là con" không thiên vị. Nói "mỗi mỗi": Do đều là con. "Không sai biệt": là do không thiên vị. "Đều ban cho bình đẳng một" chỉ là khai quyền. Tiếp giải thích nghĩa "các (đều)", cho nên dẫn Thân-tử... Xưa huân tập không đồng cho nên mỗi đều đồng nhập thật nên bình đẳng. Lại Phương-đẳng Bát-nhã: Căn cứ pháp đã khai căn lực tự tại. Người độn căn kia đối hai vị đầu được lợi ích trong phương tiện giáo, đối kia được lợi ích các vị các pháp không đồng, cho nên đều dùng thật đương vị khai. "Sở dĩ...": là giải thích trong nghĩa "các con". Nói "Hai bình đẳng": Lẽ ra chỉ nói đều là con, nói "Hai": e rằng. Văn nêu "của cải bình đẳng" so sánh ở con đồng. Lại dùng xứ bình đẳng mà so sánh con bình đẳng. Con vốn ở một nhà, nay khắp một nước huống gì con ư! Nói "Một nước": là cõi Tịch Quang, khắp lợi ích pháp giới lý cũng không cùng, huống chi cõi Đồng cư kết duyên người ư! Đây nêu xứ rộng, dùng so sánh người lược.

"Tiếp, giải thích...": là chánh nêu rõ "con bình đẳng" lại dùng thí dụ "không phải con" để so sánh. Nói "không phải con" thì chê (biếm) Chánh nhân không đồng Duyên, Liễu, nên gượng nói "không phải con". Các ấm bình đẳng không thiên vị, ví với con kết duyên. Cho nên, căn cứ "Vô duyên từ" đối bản có lý. "Đều là con ta", là nương nghi thức giáo hóa mà nói. Lại, do đời xưa chưa kết duyên, mà làm "không phải con". Như Lai thường hộ giúp (cấp), mà con tự không trở về. Vô duyên che phủ chung cho nên nói "chu cấp (hộ khắp)". Nhân thiên thiện ác cùng pháp giới đồng, cho nên "xe cha coi là quả", thì "xe con coi là lý". Chỉ khai tình kia thì giả gọi "ban cho bình đẳng". Chúng sinh vô tận xe cũng

vô cùng, không cùng cho nên không thiếu thốn, không thiếu nên không thiên vị. Vọng mê mà nói là khai ngộ, Bản thì chẳng đóng. “Vô duyên mà còn độ”: Con Duyên nhân Liễu nhân, là trước kết duyên mà thục thoát. Con Chánh nhân chưa kết duyên, vì là hạ chủng kia, nên nói “mà còn độ”. Cho nên dùng “chủng” là để ví với trước kết duyên. Trong phần giải thích “Bất hư”, thì phần đầu là Phật hỏi: “Trưởng giả hứa ba mà nay cho một, thì có hư vọng hay không?”. Vì muốn khiến Thân-tử lãnh giải Thật, cho nên dùng hư vọng để hỏi! Đáp: Đầu tiên là thoát nạn, trong giải thích bất hư. Kinh nói: “Nếu toàn thân mạng”: nêu đủ thân mạng để ví với bạt tế. Ý nói: Toàn nơi Tiểu thừa ngũ phần pháp thân nhập Không tuệ mạng thì “đã đắc các đồ chơi (sở ngoạn)” xưa nay; huống chi nơi nhà lửa thì phương tiện cứu khổ vốn tại Đại!

Hỏi: Kinh văn tức dùng bạt tế, để ví với thân mạng. “Bạt tế” chánh nên dùng Đại để sánh với thân mạng Tiểu thừa. Vì sao Sớ văn không dùng “bạt tế” mà nói “mạng trọng thân khinh”? Bèn dùng Tiểu thừa ngũ phần làm thân, dùng để so sánh với Đại thừa thật tuệ làm mạng. Tại sao dùng Tiểu thân đối Đại mạng ư?

Đáp: Đây chính là mượn nghĩa xen nhau nói. Trong Tiểu Thừa thì tự lấy Vô lậu tuệ làm mạng, Đại thừa thì tự có bình đẳng pháp thân, đầy đủ nên dùng Đại tiểu thân mạng lấy làm đối so sánh.

“Tránh khỏi tám khổ...”: là kết ý trước nói “mạng trọng thân khinh”. Nên biết: nương nơi Tiểu mạng làm Đại mạng, ban đầu dùng Tiểu để tế tồn ngũ phần thân. Đã được đồ chơi quý giá huống chi thường ở nơi nhà lửa phương tiện dạy Tiểu thừa vốn tại nơi Đại, mà nay thâu hoạch Đại, thì lẽ nào hư vọng? Tiểu thừa ngũ phần pháp thân đầy đủ như luận trong Câu-xá vân vân. “Huống chi hai vạn ức Phật...” là chỉ nhân xưa, trong Kinh chỉ dùng nhà lửa đời nay mà so sánh. Trong Sớ nói thêm nơi xưa Đại thừa để giải thích. Từ “Viên nhân thành...”: chỉ quả nay. “Không trái bản ý”: đây thuật bản ý của trưởng giả hoặc Tiểu hoặc Đại đều có bản tâm. Đại vốn là bản ý tiểu vốn chẳng phải bản ý. Hứa Tiểu mà không cho, vẫn không trái, huống chi lại cho Đại lẽ nào trái bản ý? Như hứa cho ít của cho ít thì chẳng hư vọng, huống chi cho Đại được hơn đối với xưa, lẽ nào chẳng phải bản tâm? Tin biết Như Lai vốn chẳng phải giáo hóa Tiểu thừa, do đó của cải chỉ thoát khởi nơi nghèo phân đoạn, địa vị thì siêu việt sự hèn kém của hai sinh tử, một nghĩa kiêm đủ tại sao có trái nghịch? Nhưng Tiểu thừa chẳng cứu cánh không cần lại cho nên nói “không cho”. “Vốn biết không ba” đến “bản tâm”: là ý nêu rõ không cho, xưa chẳng phải bản ý cho nên nay không cho.

Kinh nói: "Phương tiện khiến ra (xuất)". Sớ nói: "Khiến không rơi vào đường ác". Khiến không đọa lạc nên Phương tiện khiến ra. Phương tiện khiến ra nên khiến không đoạ ác tức là một ý. "Kết chương trước...": là song giải thích hai kết đều an tợ. Văn tợ thiên kết, lý ắt kiêm đủ. Hai luân biệt cho nên sở đối không đồng, cho nên mượn hai luân để hiểu rõ hai kết.

Tự thể: Là cõi Thật báo. Đây là Nhiếp Đại Thừa sư theo nhân lập danh, gọi là: Hữu vi duyên tập tức nhân cõi Đồng cư; Vô vi duyên tập tức nhân cõi Phương tiện; Tự thể duyên tập tức nhân cõi Thật báo. Cũng nói pháp giới duyên tập. Nay sớ thì hai thứ trước vẫn theo xưa từ quả lập danh, một nhân sau y kia từ nhân lập xưng. Đều là diệu sắc diệu tâm báo xứ, tức đã nói là cha của tất cả thế gian cho nên biết ba cõi đều là chứng đạo sắc tâm báo xứ. Cõi Tịch Quang đã biến khắp Giá-na cũng đồng đẳng. Các thân đã cùng pháp thân lượng đồng, thì các cõi cùng cùng Tịch Quang không khác. Như bóng, như ăn, như gương soi, như bát đựng, có thể biết, tất cả chúng sinh đều có đủ các thứ đây. Quả báo chưa mãn hoàn toàn hạn cuộc nơi mê. Mê nên ấm chất hạn cuộc nơi thái hư kia, mãn nên cùng khắp pháp giới đồng lượng. Ứng ba cõi, từ hóa sự mà nói cho nên gọi là "xứ đẳng". Đối với các sự sợ hãi bình đẳng: Lại căn cứ giới nội nhân quả mà nói, do đối với các con là sở úy cho nên nói "vĩnh tận". Sở ly đồng thô năng ly lý cực cho nên nói vô lượng tri kiến đẳng. Có người dùng Sơ địa lìa năm sự sợ hãi, dùng để giải thích trong đây đều không liên quan nhau. Trên không bằng chư Phật, dưới vượt qua cõi lìa, vọng các giải thích nghĩa theo lệ như đây. Chỉ là trong Thí dụ nói "kinh sợ" ở trước thì: Trước, nói "tức rất kinh sợ mà suy nghĩ rằng...". Tiếp, nói "luyến trước (chấp đắm)", tức là lập lại giải thích sở kiến. Nay Hợp "bất giác" ở trước: Trước, nói "Chúng sinh đắm chìm ở trong đó" tức là lược, sau lại nêu rộng. Bạt khổ... ở sau: Tiếp văn này, sau mới nói "Ta là cha của chúng sinh nên cứu khổ nạn v.v...". Từ "nên cứu khổ chúng", đến "sức Từ": là Đại bi, vả lại theo bạt (trừ) trược, Đại từ cho chúng đại lạc (vui lớn). Cho nên Từ là theo ý hóa, Bi là theo dụng tiểu.

Trên Thí dụ có Khuyến và Giới (khuyên răn)...: Giải thích Thí và Pháp ý có không, tức là phụ và chánh tương tức, tức là thể kia vốn đồng, huống chi hai văn đây đã là hai Tất-đàn. Nên biết khuyên thiện vốn khiến đoạn ác, đoạn ác vốn khiến khuyên thiện.

Hỏi: Hai thể đã đồng, tại sao cần lập hai Trước biện hỗ vô (xen nhau không), lẽ nào còn tương tức nữa?

Đáp: Vì môn thì biệt, hai thể thì đồng, tức tuy lại "khuyên" tức là "răn". Chỉ là răn của khuyên; răn tức là khuyên. Chỉ là khuyên của răn, cho nên hai môn đều tồn tại không ngăn ngại thể một.

Hỏi: Nếu vậy một môn lý phế bỏ, thì tại sao sai?

Đáp: Nếu khéo thông đạt hai môn, thì một môn cũng đủ. Chỉ vì một môn nếu phế bỏ thì hai nghĩa đều thiếu, huống chi biểu hiện cha ân cần, trước khuyên lại còn răn.

Hoặc thời đều hợp với cơ nghi không đồng. Hóa thời không riêng, thì chung thành một sự.

"Ta sinh đã tận...": tức là vô học tứ trí La-hán đều đủ, hoặc tuệ giải thoát chưa đắc Vô sinh. Nay lấy "Vô y" (không nương) là hai trí đầu cuối. "không cầu" là hai trí trung gian. Hậu hữu tức là sở y xứ. Nếu sinh đã tận thì vị lai vô y, hai trí trung gian hết nhân ba cõi gọi là "đã làm xong..." cho nên "không cầu". "Trên có bốn vị: Chân, Tương tự v.v...", Hiền hợp làm hai, và Thánh vị hai. Nay y ngoại phàm ở trước cũng chỉ Văn tuệ làm một, Tư Tu làm một. Bích chi là pháp hành nhân: Nhất vãng lại đối Thanh-văn nhờ giáo, do đó Bích-chi-phật tự tư duy làm pháp. Nhưng Bích-chi-phật ắt tự chứng, Thanh-văn đầy đủ Tín, Pháp. Tín, Pháp đủ như Chỉ Quán quyển năm viết dẫn văn Bà-sa luận..: Nghe pháp ít là Bích-chi-phật; hoặc nghe giáo đọa ở Thanh-văn cũng là do tin, chỉ nói "nghe ít". Từ "Môn đây" đến "chẳng phải Phật...": Đại luận nói: Có một đạo nhân hỏi Phật: "Đại đức, mười hai nhân duyên là do Phật sáng tác ư?". Phật đáp: "Ta bất tác". Lại hỏi: "Người khác sáng tác ư?" Phật đáp: "Cũng chẳng phải người khác sáng tác. Có Phật hay không Phật thì bản tánh vẫn có". Có bốn cách trả lời câu hỏi. Đây tức trả lời theo cách quyết định. Hoặc kia rộng nêu tam tạng đế duyên, đầy đủ như trong luận Câu-xá, Bà-sa. Huyền Văn lược nêu. "Chỉ hợp...": Do trong bốn thứ đây thì hai chánh hai phụ. Nên biết do thoát nạn nên đòi xe, do đồng ban cho xe nên hoan hỷ.

"Môn có ba nghĩa": Trong ba đó thì "xuất biệt" là môn, "nhập" là nghĩa lập. Từ một sắc tâm nhập một sắc tâm. Môn lấy việc đi qua làm nghĩa. Chỉ vì chưa xuất thì gọi là nhập. Từ một nhập một nghĩa ngôn làm nhập, thật chẳng phải ngoài đến. Nếu tác xuất thì phải kiêm Tam tạng giáo, nay lập Thông giáo sở thuyên, vì hai giáo này sở thuyên đồng. Nói "Nếu biệt nghĩa": là y người biệt lý. Nói "sở thuyên" là ý hiển riêng giáo môn nghĩa không thành. Kinh tuy nói giáo ắt phải đối lý, cho nên biết biệt giáo, tuy thuyên biệt lý cũng chẳng phải xa môn, chỉ đối Thông Tạng mà lập biệt danh, do duyên biệt lý cho nên gọi là

Biệt. Thứ lớp đầu tiên cùng người Tạng Thông đều ra khỏi nhà lửa, căn cứ ra khỏi nhà lửa đồng, vẫn có thể danh thông. Đầu (sơ) chứng lại đồng Niết-bàn của hai giáo cho nên cũng có thể nói đắc Niết-bàn lạc. Ba đức, đầy đủ như Huyền Văn nói ba pháp và Chỉ Quán quyển ba trong phần hiển thể nói. Đây giải thích có chút khác với trước: Trước nói ý không tại ba, nay nói vốn muốn ban cho Đại, tuy lại có chút sai khác mà danh khác nghĩa đồng.

"Có một nhà rất lớn": Có người nói: Lại chỉ một phương ba cõi cho nên nói "một". Người khác thì rộng liệt kê lợi độn chương môn. Tam giới vô thủy làm nghĩa "lâu".

Hỏi: Nếu theo nhân mà nói thì hoặc đương vô thủy, nếu từ y báo sơ thiền trở xuống thì hiền kiếp cận (gần) thành, vì sao gọi là vô thủy ư?

Đáp: Chúng sinh vô thủy đủ nhân tam giới; chủng Hoặc không mất nên gọi là vô thủy. Cho nên y báo xứ hoại mà lại thành.

Đệ tứ thiền trở đi đến Vô sắc giới, tuy không có tai hoại mà nhân quả tương thành đều là vô thủy vô thường. Nhưng rốt cuộc cũng không bằng căn cứ Chánh báo mà giải thích lý kia rất tiện. Niệm niệm nối tiếp: Nối tiếp nên "cao", vô thường nên "nguy". Ý thức ràng buộc thống ngự một thân kia cũng như cột kèo chống đỡ một nhà. "Bỉ sách: (sụp đổ)": Trên dưới rạn nứt. Lỏa là dáng mạo.

Hai cách giải thích theo Nhân duyên và Quán tâm: như nói đầu là "điện", bụng là "đường"(nhà) tức Quán tâm. Như nói sắc "đường", dục "xá" tức Nhân duyên. "Mạng căn" trở xuống, văn đều nói Quán tâm. Tám loài chim dụ cho tám loại kiêu (mạn): Chỉ vì "mạn" và "kiêu", năng sở sai biệt. Các giáo cũng dùng bảy mạn giải thích mạn, trong đây giải thích phần lớn đồng luận Câu-xá, ý kia có chút sai biệt nay lược so sánh. Nhiều tráng kiện, kiêu căng như ngã mạn cùng Câu-xá danh nghĩa đều đồng. Tráng khỏe nên ngã mạnh, tánh kiêu như đại mạn. Câu-xá nói: Đối với người khác hơn mình mà cho là mình hơn, như họ tộc thấp ít còn chưa từ chối ở nhà cao như chim Kiêu còn ăn thịt mẹ huống chi họ tánh cao quý ư! Giàu sang kiêu như "quá mạn". Câu-xá nói: Đối người hơn mà cho là mình hơn... Như người đời nghèo khổ, còn không hạ thấp với Thạch sùng huống thật giàu ư! Tự tại kiêu như "tà mạn". Câu-xá nói: Bên trong có đức cho là mình có đức. Như bạt hựu (đức mỏng) còn không chịu khuất phục người có đức huống người có tự tại. Thọ mạng kiêu như "tăng thượng mạn". Câu-xá nói: Chưa đắc cho là đắc, thọ mạng cao chấp thường như trẻ tuổi còn chưa chịu tôn kính bậc

lớn tuổi, huống chi thọ mạng cao. Thông minh kiêu như “kiêu mạn”. Câu-xá nói: Đối người khác bằng cho là mình bằng, đối với bằng mà khinh, như sức yếu còn muốn khinh chê người huống chi thật ngang sức ư! Hành thiện kiêu như bất như mạn. Câu-xá nói: Đối người hơn nhiều phần cho là mình thua chút ít, đức nghiệp cách trời vực cho là hơi thấp đối với người cao huống chi thua chút ít ư! Sắc kiêu như “kiêu mạn”. Câu-xá nói: Sắc không bằng người mà cho là mình bằng, lậu mà tự đắc chưa chịu kém hơn huống chi dáng mạo đẹp, lược đối lại như vậy như danh không đồng. Trong đây thẳng vậy có tám việc đây, cho nên kiêu mạn chưa hẳn hoàn toàn có. Tự ái vì tham... lại dùng ba độc theo lệ giải thích đồng khác, cho nên bốn tư duy đều có hai tên đã từ đó được danh bất định. Trùng tướng trạng thú, thể quỷ, hình dáng thần, tuy tức chẳng thiết yếu mà cho khiến làm thí dụ cũng có thể lược biết. “Ngoan” tức loài rắn đen. Cho nên Hán Thư nói: Huyền ngoan phúc. Nhĩ Nhã nói: “Hủy” (rắn) dài ba tấc lớn bằng ngón tay. Ở Giang Nam gọi “Hủy” là “phúc” có răng độc trên mũi có kim châm. “Ngô công”: Là con rết, có người nói loại này năng chế ngự rắn hoặc hàng phục rắn, phần nhiều chân màu đỏ, đây nói có tổn hại không suy nghĩ đến báo. “Thủ cung” là thằn lằn, có người nói tại nhà là “thủ cung”, tại ao đầm là “yển đình”. “Dứu” tợ chuột, hoặc thứu gọi dứu, tợ như “viên” (vượn). Nếu nói Dứu, thì Ngọc Thiên nói giống như Ly cũng ăn. Trời nếu mưa thì trèo lộn ngược đuôi lên cây, có hai cánh tẻ ra dùng che hai lỗ mũi. Chữ “ly”, Thuyết Văn nói “trĩ”. “Hề”, Thuyết Văn nói là chuột nhỏ. Ngọc Thiên nói có nọc độc người và thú không thể chịu được (rất đau đớn) tức từ miệng chuột. “Chớ” (nhấm) chỉ là Tước (nuốt). Đánh tát cũng là tát, cũng là vỗ.

“Ái tâm tham...”: là dựa vào đây cùng độn sử đối biện minh, các kiến ở sau trong thần quỷ nêu rõ cũng có thể là lợi trong độn. Nếu từ độn nói đạo lý cũng là đạo lý trong độn. “Suy cầu...” là giải thích. Như tông chỉ Nho học Trung Hoa cũng chấp thiên mạng khí... đều thuộc độn sử, muốn so sánh với đại lý Tây phương thì cách nhau như trời với vực. “Nói...”: lập lại hoàn toàn giải thích độn sử. Tra: Giải thích gọi là xoa nghĩa là năm ngón tay đều nắm lại xông lên lôi kéo cũng như hướng trước là tra (cấu xé), hướng sau là kích (đấm đá). “Nhai sài (gầm gừ)”: Chữ “sài” cũng là cắn, hở môi lộ răng. “Hào phệ (gào sủa)”: Là phát ra lớn tiếng. “Ly, mị”: Là vật tinh. Thông văn thế tục nói: Quái ở núi đầm gọi là “Ly”. Tây Kinh Vũ nói: Thần núi hình như hổ gọi là Ly. Trạch thần đầu như heo hình như người gọi là “mị”. “Võng lượng”: Gỗ

đá biến quái. Ngọc Thiên nói là thần nước. “Phu Nhũ (ấp trứng)”: Ngọc Thiên nói Phục noãn gọi là “phu”. Thông Tục Văn gọi noãn hóa gọi là phu. Quảng Nhã nói: Phu thì sinh, Nhũ thì dưỡng. Nên loài chim sinh là Phu, Thú sinh là Nhũ. Nói “tự loại...”: Tức đồng loại nhân thì đắc quả đẳng lưu. Do con tợ cha cho nên dùng dụ. Câu-xá nói: Đồng loại nhân tương tợ, tự bộ địa đời trước, tức năm bộ chín địa, chỉ ước quá khứ lấy hiện tại làm nhân, rộng như văn kia.

“Cưu-bàn-trà”: Là loài quỷ đáng sợ, ngồi chồm hổm. Tiếp, “Nắm hai chân của chó...”: Đây có một giải thích cho nên nói một, chân chó như nhân, nắm như hủy báng, nắm chân đánh như muốn cho dứt tiếng cho nên nói: “khiến chúng thất thanh”. Nhân quả pháp nhĩ không thể do chấp không; trước lấy do bắt đánh do đó có tiếng. Như do chấp nên sở dĩ có sinh. “Dùng chân đạp trên cổ”: Tiếng kêu không tuyệt dứt nên lại dùng chân chó chặn lên cổ chó; hủy báng trên không nhân thổ lại bác bỏ không quả khổ, ví như “dùng chân đạp lên cổ chó”, mong ắt được tuyệt dứt tiếng, tiếng kêu lẽ nào không thể; bác nhân còn sinh, bác quả càng quá. “Tập bản đắc quả...”: là giải thích câu trên. Nắm hai chân chó thì lẽ nào có thể tuyệt dứt tiếng? Dua theo hủy báng không nhân quả thì làm sao có thể tránh khỏi quả. “Tập vô đắc khổ...”: giải thích câu dưới. Như đạp cổ chó muốn cho tuyệt dứt tiếng kêu, do thêm tiếng kêu lớn. Lại, hủy không có nhân khổ, chỉ chẳng phải nhân chấp nhân, tức là báng. Xưa là nhân thế gian, nay là xuất thế gian, tức đương hủy báng không có hai nhân.

“Quán giải”: Trước căn cứ sự mà giải thích, phần nhiều tại đoạn kiến cho nên nói “bác không...”. Nay căn cứ Quán giải thì nghĩa thông thường kiến cho đến tà chánh. Do đệ tử Phật cũng có tu hành lục hạnh quán, cho nên nay dụng. Nếu ngoại nhân tu thì phần nhiều chấp thường, hoặc là chấp tứ thiền cho đến Phi tưởng, là thường. Phàm nói Quán giải phải thuận bên trong. “Lại nói Quán bất tịnh...”: ý đây cũng là dùng “xuất” thanh làm “thất”; do quán cho nên sinh, ví như do đánh cho nên kêu. “Khiến không được khởi”: lại dùng tuyệt thanh để giải thích “that”, cho nên nói “bất khởi”. “Thụ (dọc) nhập...”: Như sáu mươi hai kiến tuy có nhiều giải thích, mà phần nhiều căn cứ ba đời: Quá khứ vị lai hiện tại, từ hiện tại nhập vị lai cho nên gọi là “thụ” (dọc). “Hoành (ngang) khắp...”: Như hai mươi thân kiến một ấm bốn câu. Bốn câu hướng vào nhau không còn hơn thua tốt xấu, cho nên gọi là “hoành”. “Không tu thiện pháp” là đây buông lung, cho nên không tu không phải bác bỏ không. Tuy không bác bỏ không cũng gọi là “vô tàm”. Nói

"kiến thủ" là chẳng phải quả mà chấp là quả, Phi tưởng không phải quả Niết-bàn, mà chấp đó là thường. Chấp không có sắc mà chỉ có tâm, gọi là "cổ nhỏ". Thọ tối đa trong tam giới gọi là "mạng nguy", chấp cho là thường gọi là "giữ gìn thọ mạng", chỉ là nghĩa chấp quả. "Phi tưởng...": là lại giải thích lỗi lầm chấp.

"Đầu như...": Ngã căn bản như trâu. Thế gian cho rằng sức trâu là đại tự tại, chấp ngã cũng vậy. Trong đó lại chấp ngã có không, như sinh hai sừng. "Vì thân là ngã...": Do ngã cùng thân lại xen lẫn không và có. "Vì thân là ngã", tức chấp ngã sở vi. "Vì ngã là thân", tức dùng năng làm sở, thân tức là sở, ngã tức là năng; như dùng năm ấm chấp một ấm làm ngã, còn lại đều là ngã sở. Nghĩa là tôi tớ, anh lạc, hang nhà. Nếu chấp thường thì thân chẳng phải là ngã, thân đoạn ngã thường. Nếu chấp đoạn thì thân đoạn ngã đoạn, hoặc là đều thường đoạn, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm, dẫn A-hàm bản kiếp bản kiến mạt kiếp mạt kiến, nhưng kia sở chấp năng sở tuy sai khác chấp có nghĩa... "Hoặc khi...": Là các ngoại đạo trong một thân trước sau chấp chuyển, cùng cực của sở chấp là tột cùng đến Phi tưởng, lấy sở chấp làm "đầu". Địa kia đoạn thường lại xen nhau khởi chấp, như "đầu tóc rối tung lên". "Chấp thường...": Xen nhau phải trái (thị phi). Mạnh hàng phục yếu, yếu thì theo mạnh, đều phá người khác từ bản thân "như tàn hại lẫn nhau". Chấp ngã đây, có đoạn có thường, tức biên kiến.

"Dạ xoa...": hai câu đầu tổng kết dục, chưa phân lợi độn. "Cũng là...": lại biệt nói ý lợi độn, cũng chỉ hai câu đầu tức câu trên lợi câu dưới độn. "Đều là hữu lậu...": là giải thích câu thứ ba, tâm hữu lậu đều không có thức ăn đạo vị. "Cơ" là đói, vì đói cho nên sinh tử, nhanh chóng cho nên gọi là "cấp". Kinh văn nói "Tứ hướng (bốn bề)": Kiến hoặc tuy nhiều không ngoài bốn câu, lợi độn đều có nghĩa "đói gấp (cơ cấp)". Kinh văn lại dùng lợi sử để giải thích. "Khuy khán": là rình xem. Xem bất chánh do ngăn cách cửa sổ, cho nên kiến Không mà thiên lệch. Không thì chẳng có thiên hay chánh. Về lý thì chẳng thị phi, người chấp thành lỗi, nên nói tâm chấp đắm phần nhiều không hợp chánh lý. Cho nên, biết tà chánh ai không đều gọi là ngưỡng mộ đến đạo ư! Hai câu đây thông kết hai sử. Tiếp dưới hai câu thâu rộng kết phi.

"Nhà cũ mục nát ấy...": Văn trên nói: "Nay đây ba cõi này đều là của ta cả", đây theo Hóa chủ tóm lại mà nói, vì sinh chấp cõi. Nói "cũ mục nát" (hủ cố): là tùy thuận chúng sinh mà nói, cho nên văn trước sau nói "nước, thành, nhà..." là tùy xu thế của nghĩa, hoặc hơn hoặc kém đều thuộc chúng sinh, đều quy Trưởng giả, nhất sắc nhất hương

tất cả đều như vậy. “Trưởng giả...”: là giải thích hai câu dưới. “Nội hợp” đến “xả ứng”: hợp hai câu này. Nếu dùng mười sáu vương tử làm thường giáo, thì nên nói “vương tử xả ứng”. Nay theo quả mà nói, cho nên gọi là “Như Lai”. Lại, xả ứng không cô độc do vì đại tương, cho nên biết rằng: “Chẳng những sau xả ứng thì khởi trược, mà còn chính do trược khởi cho nên xả ứng”. Cho nên biết các văn Khởi các trược, Cứu lửa, Đại hóa dự định thích nghi....ở trước, thì ý đều dò xét dùng văn Đại Thông ở sau. Căn cứ trong đây ý tùy căn thượng hạ tam chu không đồng, xét kỹ nguồn gốc kia thảy đều như thế, cho nên được thông dụng. “Thọ lượng”: Trợ giúp thành nghĩa cận (gần) thật thành đã xa trung gian thường thành. Thành tức là “xuất”. Lại căn cứ một kỳ, cho nên không gọi là nhiều. Lại che lấp bản cho nên không thể nói nhiều. “Uy thế lửa bốc cháy”: Trong đây tướng uy thế đều phải làm hai giải thích Kiến, Tu. Nên biết thông luận uy thế có hai thứ: 1) Thế phần. 2) Uy thế. Thế phần thì thông đến Phi tưởng, Uy thế thì thiêu hoại tất cả. Nay đương giới (cõi) hai thứ thế cũng lại như vậy. Trạch (Nhà) rộng, Xá (nhà) hẹp. Ba cõi là trạch (nhà rộng). Năm ấm là xá (nhà hẹp). Nếu lại chỉ Dục giới, thì chuẩn theo lệ có biết. Do trược điên đảo cho nên thân mạng vô thường. Thế nên dùng Vô thường để hiểu rõ văn đây.

Trong “tướng bị thiêu” chia làm ba nghĩa: Hai câu đầu thuộc Kiến, tiếp một câu thuộc Tu, tiếp ba câu không ngoài nguyên do. Chuyên do nơi Kiến, cho nên lập lại nói “bàn-trà”. Lại hai câu đầu thông liệt kê cho nên nói “quỷ thần...” đồng dùng “trùng thú”. Tiếp một hàng biệt liệt kê cho nên lại nói “Cưu-bàn-trà...”: Trong hai câu đầu, câu dưới chính nêu rõ tướng thiêu đốt cho nên nói “kêu to”. Hai câu dưới trong một hàng tiếp nêu “ngu không biết đường ra”, chính do không ra nên bị thiêu cháy, cháy thiêu nên không ra được, cho nên tổng kết thuộc tướng thiêu. “Khóc lóc đồng cất tiếng”: Đây dùng “sầu, than, ưu, não” sau Mười hai chi nhân duyên giải thích văn này. Đây là người xưa giải thích khóc lóc... thông khắp ba cõi. Nay không dùng giải thích của người xưa. Chỉ tại Dục giới trong cõi Nam châu có xứ Lễ-độ, không thuộc về xứ khác. Giới thủ vốn không chấp đoạn như thế, vì nhân dự tính quả. Sắc giới lửa bốc cháy thiêu cháy chúng sinh trong đó, cũng hai câu đầu là độn sử, tiếp hai câu lợi sử. Nhưng văn nói uy thế lửa thì lược, không phân lợi độn, lẽ ra cần nói nghĩa. Cho nên, trong Dục giới cũng không phân lợi độn, nay Sắc giới cũng vậy. Tiếp, nêu rõ trong tướng mới đủ lợi độn, tức tương đoạt... Đã ở trong thiền khởi các Kiến-hoặc, đối kiến tu thiền, hoặc thiền. Đã kiến khởi hoặc thiền kiến đều phát; hoặc thiền

rồi kiến, hoặc có thể kiến còn, hoặc lại đều mất. Sở chấp sai khác, đầy đủ như bản kiếp bản kiến... Nói "mặc nhiên": Đây căn cứ Đại thừa, trong mỗi một thiền đều lập mặc nhiên. Như trong Sơ thiền thì mặc nhiên thứ sáu, cho đến Tứ thiền thì mặc nhiên thứ năm. Do chấp "mặc nhiên" nên mất Vô lậu. Y các kinh luận khác, thì đạo do chấp thiền mà làm mặc nhiên, hoặc dùng chi "Nhất tâm" mà làm "mặc nhiên". Dục giới tham, vị lai định đã đoạn, tức là chướng tánh chưa trừ gọi "phục" là đoạn. Cho nên khi ác thú ăn, thì mới gọi là "tận". "Dục giới" đến "như lửa mạnh...": khói lửa bay lên do khói quá hơn lửa cho nên dùng dụ cho "Sắc". Lại lửa mạnh khói nhẹ như Sắc khinh Dục trọng. "Thân..." là "Tứ đảo" khắp hai cõi, cho nên gọi là "bốn phía..." cũng thông dưới cũng có thể song thí hai loại Bốn phía cho nên da thịt Tứ đại ở bốn bên của thân; như bốn phía đều khổ cho nên nói "Phủ khắp bốn bề".

"Ngô công...": nêu việc ở không trung. Trước nói "núp trong hang" để dụ Sắc giới, nay mới "ra khỏi hang" cho nên dụ Vô sắc. Nói "không trung", chẳng phải là hư không, vì đã dùng "trong nhà" để dụ cho Dục, "vào hang" dụ cho Sắc. Nay dùng "đất trống ngoài hang" làm Không, để dụ cho Vô sắc. Sắc giới như hang, nhàm chán xuống như bị thiêu đốt, vui thích lên như ra khỏi hang. Nếu vậy thì sân thông tam giới: Trước, trong Dục giới thì dùng "ngô công" dụ cho sân, trong đây theo lệ không riêng phân ra. Đã nói "ngô công" lại là Vô sắc, cho nên dụ cho sân của Vô sắc. Trong Sắc giới tuy không có "ngô công" mà nói "độc trùng", tức bao gồm ngô công. Như Sắc giới, lợi gọi Tỳ-xá-xà tức gồm các loài quỷ, cho nên biết "Sân thông tam giới". Trong Tiểu thừa nói thượng giới không có nhuế, thì chẳng tận lý. Song các phiền não khinh trọng tuy sai khác mà còn đến Đẳng giác, lẽ nào bỏ qua Vô sắc? Chỉ vì danh đồng mà thể khác, lý cần phân biệt. Nay loài bị cháy lược không có quỷ thần. "Nếu đắc..." như Vô sắc định khởi tầm tức sinh chấp cho nên gọi là "tùy". Đã lìa duyên dưới nhất định chấp Phi tưởng, cho nên nói "Lại có các ngạ quỷ trên đầu lửa bực cháy". Phi tưởng cũng có tám khổ: Văn đã liệt kê bảy, còn thiếu Ái biệt ly lẽ ra nói "Thất định thời khổ". Gọi là Ái biệt ly, chỉ vì bốn khổ đầu của bảy khổ trong văn. Căn cứ thể của định kia sinh tưởng vi tế; sát-na không trụ gọi là "niệm niệm", bệnh tử có thể biết. Tiếp, có hai khổ dùng đối tu nói tu, trên thất dưới thông được gọi là ly. Tiếp "ngũ thạnh ấm" lại căn cứ quả định. Bốn khổ trước và khổ thứ tám tại quả; Hoặc nhân hoặc quả đều căn cứ định kia, cho nên được nói như thế. "Không ở tòa Đệ nhất nghĩa Không: Là Đệ nhất nghĩa không làm trí, lý hợp cùng bi đồng thể. Nay nói không

trụ trí không có bi, thường ở bi có trí, cho nên nói “bất xử”. Cho nên biết vô duyên từ bi mới có thể cùng trí đồng thể. “Xưa nói...” : Đức Phật lẽ nào không biết mà đợi người khác bảo? “Lại nói...”: Lẽ nào có vật cơ trở lại từ chối nói Phật rằng con ông? Vì dù cảm ứng tương quan để sinh, trông mong Phật vì mọi người thì có gì mà không thể được? Nhưng hiểu kinh văn nói nghe có..., từ chối như lấy dưới nói trên, cho nên không dụng. “Nay nói...”: là chánh giải thích. Phàm nói “ông”: Có thể thiết lập ở Sư, Sư tức pháp, các nghĩa khác và hai lý trên đều thành.

Hỏi: Chân như pháp giới có thể là Phật Sư (thầy Phật), quán cơ Tam-muội ví dù gọi là pháp, chỉ là chiếu Tục, vì sao gọi là Sư?

Đáp: Quán thuộc trí, trí tức là Phật . Y Tam-muội khởi chiếu, cho nên được gọi là Sư. Tuy nói quán cơ mà chiếu thể là pháp, như Phật nhãn quán... Cho nên có nhãn này, mới có thể quán cơ nghĩa như thiếu sót.

“Lại nói...”: căn cứ Đại bi: Các nghĩa “ người khác” lại thân cận, nghĩa “ông” ít cần, vì Vô-duyên-từ hướng về Ứng thân, cho nên Vô-duyên-từ bảo với Ứng thân khiến khởi hóa vật. “Vân vân”: Đối trên biện rõ sai khác, nêu ý quán sơ sài, chỉ khiến thí dụ pháp là chánh, vả lại phân biệt thành.

Hỏi: Con vốn bình đẳng ư? Trong đáp hai giải thích diệu đắc sự lý. Việc đầu đáp: Tuy chưa từng xuất nghĩa tợ như trước xuất, tuy tức chẳng phải nhập nghĩa tợ sau nhập, do xuất chưa xuất cho nên nhập tợ nhập. Lại dưới căn cứ lý giải thích: Bản tịnh cho nên xuất, vô minh cho nên nhập, cũng từ nghĩa lập, chẳng xuất chẳng nhập mà nói xuất nhập. Trong căn cứ sự giải thích, tức sau thoái đại. Do chấp ngũ dục mà làm du hý, căn cứ trong lý giải thích tức dùng hý luận mà làm “du hý”. Nói “hý luận” tức tam giới Kiến Tư. Kiến Tư tức lý cho nên xuất, lý tức Kiến Tư cho nên nhập. Như trong kinh Tịnh Danh còn dùng Tiểu chứng mà làm hý luận, cho nên nói: “Nếu nói ta đương kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thì là hý luận chớ chẳng cầu pháp”. Cho nên ngoài thật tướng đều gọi là hý luận. Cho nên, sự lý hai giải thích đều ở thời Đức Phật Đại Thông. Tuy phát Đại tâm nhưng chưa phá vô minh, cho nên đầy đủ nơi sự lý hai nghĩa.

“Đại thiện...”: là giải thích nguyên do thoái và do đắm trước. Xưa kết duyên nông cạn gọi là “chưa đắm”, sau khi thoái lưu chuyển thì chỉ có vô minh, cho nên gọi là “vô tri”. Tức đây giải thích ý cũng đầy đủ hai giải thích, suy nghĩ có thể thấy. Bốn hàng rưỡi tụng “Ta sẽ...” bên trên: là môn răn bảo, dự định thích nghi nên lại lược phân. Một hàng

đầu chánh nêu dự định thích nghi. Một câu tiếp, tổng lập sở thiêu tức là Kiến Tư. Một câu tiếp tổng nêu uy thế lửa đốt. Hai câu tiếp lược nói tướng thiêu. Một hàng rưỡi, rộng nêu sở thiêu. Trong văn lẫn liệt kê hai loại Kiến, Tư, không theo thứ lớp. Tiếp một hàng, là tụng kết so sánh. Trong đó hai câu đầu nêu đối tượng so sánh, tiếp hai câu là chánh so sánh. Do không có định tuệ, cho nên "đói khát". Đã đáng sợ hãi huống chi lại bị chìm trong lửa thiêu hại, như khi đắc thượng giới hữu lậu định, không có vô lậu định đã bị lửa nhỏ Phạm thiên thiêu đốt huống chi rơi xuống Dục giới bị lửa lớn thiêu đốt, tức chỉ đói khát lấy làm khổ đây. Thế nên ưng cầu Đại thừa vĩnh viễn lìa khổ.

"Các con...": ba câu không thọ tức không có căn cơ, cũng là nhỏ dại không biết. Trong văn lược cho nên chỉ nói "vô tri". Kinh nói "Cứ vẫn còn ham ưa", tức là: Đã không có Đại chí lại không huân tập Tiểu. Đã nói không có Đại tiểu lại chấp đắm ba cõi. Tiếp một câu trong ý thứ ba chánh là dứt hóa, Kiến Tư không ngừng cho nên dứt đại hóa. Nếu Kiến Tư không ngừng, còn có đại cơ, thì Như Lai lúc bấy giờ cũng không tiếc rẻ Đại, chỉ vì duyên Đại tiểu đều mất, chỉ có Kiến Tư cho nên ở hai đường ; lại khiến vượt ra khỏi trược, thì trước nên thiết lập Tiểu đó thôi. Ba hàng tụng trước dụ định thích nghi thì một hàng đầu nêu ý dự định thích nghi, tiếp một hàng dùng nguyên do tiểu. Do chấp Kiến Tư cho nên chỉ cho Tiểu. Tiếp nửa hàng dùng ý Tiểu thừa. Nếu không dùng Tiểu, thì Đại Tiểu đều mất, cho nên nói "sắp bị lửa hại"; hại cho nên bỏ thân, nên mất mạng. Tiếp, nửa hàng chánh tư duy dùng Tiểu. Trong Khuyến chuyển, kinh nói "diệu bảo", vẫn thuộc phương tiện; như Diệt chỉ diệu ly. Kinh A-hàm nói diệu trong diệu... Nếu "diệu bảo" là Đại, thì vì sao đều đến chỗ cha đòi xe? Trong Thị chuyển, kinh nói "ở ngoài cửa", như chỉ bày Tứ đế khiến biết xuất thế, cho nên lập lại trong Khuyến nói : "Các con ra đây" là khuyên hành tướng kia. Cần phải quán đế mà được ra khỏi nhà lửa. Tiếp, trong Chứng chuyển, ý kinh văn nói: "Ta khéo tạo xe để cung cấp cho tất cả". Nghiệm biết tự mình ắt không thiếu xe, dẫn tự mình không lầm, chứng minh ban cho không dối, nên biết lấy xe mình sử dụng, khuyên kia khiến được, là nêu mình làm ước lệ cho kia. Cho nên nói "xe ở ngoài". Kinh nói "tứ cù (ngã tư đường)" tức Tứ đế. Trước không chấp nhận làm bốn trược giải thích, tức là căn cứ ý trong đây: "Bắt đầu, ở nơi ngoài cửa": Đầu tiên con còn ở trong, cho nên cha "đứng ở nơi ngoài cửa", nay con đã ra khỏi nhà cho nên cha "ngồi": Lại đại cơ chưa hợp nên nói "lập (đứng)". Tiểu hóa đã cùng khắp nên nói "an tọa". Cho nên, biết rằng: "đứng" là ngầm

lợi, “ngồi” là hiển ích.

Kinh nói “Mà tự vui mừng nói...”: Vì được căn cơ sở hóa cho nên vui mừng. Hai vạn ức Phật sở giáo làm đại duyên kia cho nên nói “sinh”, trung gian Tiểu thừa thuần thục cho nên nói “dục (nuôi dưỡng)”. Trải qua nhiều thời thường thành thục, nuôi dưỡng không dễ cho nên nói “khó lắm”. Đại yếu ớt cho nên ngu, “tiểu” khởi trược do “vô tri”, do nhân chiêu cảm quả cho nên nói “vào nhà”. Kinh nói “Có nhiều loại trùng độc...”: hai câu thuật kia sinh khởi lửa Kiến Tư. Kinh nói “Đại hỏa...”: hai câu thuật kia bị uy thế lửa thiêu đốt. Kinh nói “Mà các trẻ con đây...” là hai câu hợp Kiến Tư kia. “ Nay Ta đã cứu chúng...”: hai câu nêu nguyên do hoan hỉ. Kinh nói “Vì thế các người ơi...” là kết ý hoan hỷ. “Biết cha...”: ba hàng tụng đòi xe, hai câu đầu nêu khi đòi xe nghiệm biết văn trên là “cha ngồi”. Tiếp hai hàng chánh đòi, tiếp hai câu kết đòi. Ở trong Chánh đòi, thì một hàng đầu là Chánh đòi, tiếp một hàng là thuật hứa. Trong “đồng ban cho” nói văn trên đến hợp có năm văn, tức không hợp giải thích “tâm bình đẳng”. Trong tụng hợp lại “không rộng nêu tâm bình đẳng”. Đã có “xe bình đẳng” ắt biết “tâm bình đẳng”. Hành đủ tất cả pháp gọi là “tàng”. Chỉ căn cứ hàm tàng làm nghĩa. Sáu căn đầy đủ tất cả pháp gọi là “kho”. Tàng thì rộng, kho thì hẹp. Cũng có thể xen lẫn luận v.v... chỉ căn cứ chứa nhiều các kho không đồng. Như căn đều sai khác tuy khác mà đều đủ, cho nên trong các căn đầy đủ tất cả hạnh. Do hành trải qua các căn tức là căn hành đều đủ các pháp, tức tàng sâu kho gần, như hành xa căn cạn. Tuy có xa gần mà đầy đủ các pháp. Căn cứ căn luận hành không còn sai biệt tự chẳng phải một nhà y kinh thuật giải thích theo lệ chương sớ. Lẽ nào có thể nghe đây dùng căn dùng hành làm tàng làm kho, đầy đầy đủ các pháp!

Ý trong kinh nói “xe lớn”: Nhân quả sở hữu tổng gọi “các báu”. Căn cứ giáo tu đắc nghĩa như tạo. Tánh tu không đồng, quyền nghi gọi là “tạo”. Hành nhiều con nhiều, nên xe chẳng phải một, cho nên sở tạo nhiều “chư” mà lại “đại (lớn)”. Lại phải chỉ bày mới biết (tử) con tu gọi là “tạo”. Vì tánh hết tu tạo, trở lại bản hữu tức thể xe. “Trang sức...” : tức cụ độ. Một hàng đầu như trước giải thích. Kinh nói “Chân châu...”: Xuất tướng tràng cái Từ môn chẳng phải một, cũng như lỗ lưới trong mỗi một lỗ đều có một chân châu, như các Từ môn đều xưng là “chân”. Văn trước chỉ nói “treo các hoa anh lạc”, chỉ là khiến người thấy vui mừng. Nay nói “Lòng thòng rũ khắp chỗ”, chính là nêu các căn cơ khắp vui mừng. Kinh nói : “Các màu trang sức...”: Câu trên nêu nơi rũ hoa,

vì bày biện nên không đồng. Câu dưới nêu nhiếp vật thích nghi không chút nào thiếu. “Nhu nhuyến”: Trước nói trải chồng nay thêm tán thán mềm mại (nhu nhuyến), lại dùng vải quý tốt mà trùm phủ lên trên. Các thiền tự tại cho nên nói “nhu nhuyến”, dùng diệu che thô, như vi tế che lên trên. “Nhân”: Thuyết Văn nói là chiếu kép trong xe. Đầy đủ sự thiền có khác phàm phu tiểu thừa, cho nên nói “Bóng láng trắng sạch sẽ”. Trong phần Được xe hoan hỷ, nói “ngang vui chơi (hoành du)...”: Các pháp tại nơi một hành một pháp Quyền Thật đầy đủ. Cho nên tuy hợp nhất mà bốn tướng rõ ràng; “Bốn môn” đến “bốn mươi mốt vị” : đầy đủ như trong pháp thuyết bốn giải thích lý nhất. Vị môn hai giải thích nghĩa kia đã đủ, hai thứ còn lại đã như trước nói. Căn cứ ý giải thích trên, vốn không ngang dọc mà nghĩa phân bốn tướng, nay cũng như vậy. Vốn không có ngang dọc, nương nơi Vị môn mà luận ngang dọc cũng có thể đế là căn cứ trí. Trước từ năng chiếu, nay từ sở y, vọng trước chỉ thiếu một thứ Quán tâm. “Rốt ráo bốn đức” tức đạo tràng. “Chín thứ thế gian” : chỉ là chín giới. Bảy vọng nơi chín, chỉ trừ Tứ thú ly khai Bồ-tát. Do nghĩa con thông, cho nên thế gian theo chín. Vì nghĩa kết duyên hạn cuộc, cho nên phương tiện chỉ bảy. Kinh nói: “Tất cả các chúng sinh đều là con của ta”. Như trong Đại kinh nói tất cả chúng sinh đều đến Đại bát Niết-bàn. Con là nghĩa tại nhân, Niết-bàn tại quả. Đại thừa tông yếu chẳng vượt qua hai thứ này, đều nói là có, sao thuận quyền giáo nói một phần không ? Kinh nói “Không có chút tuệ tâm” tức là thông nói không thật.

“Các khổ...”: trong đó hai câu đầu là tổng nêu, hai câu tiếp là giải thích, hai câu tiếp là kết. Kinh nói “Tịch nhiên...”: Là tại Vương Tam-muội dụng trí tức là “an xử”. Kinh nói “Bất thoái Bồ-tát” tức bất thoái nghĩa Thông, cũng kiêm Tam tạng... Trường hàng không hợp đòi và hoan hỷ, vì thoát nạn kiêm đòi, vì đồng ban cho xe kiêm hoan hỷ. Trong hợp chỉ hợp hai sau, không hợp hai cái trước. Trong bốn đoạn, thì thoát nạn và đòi xe là phụ; ban cho đại và hoan hỷ là chánh. “Ta tuy...” là đoạn thứ ba, một hàng rưỡi chia làm hai: Một hàng đầu nêu chướng trừ, nửa hàng tiếp là toại bản tâm. “Nếu người trí nhỏ...”: bảy hàng, đoạn thứ hai, nêu đủ Tứ đế: hai hàng đầu Khổ đế, tiếp hai hàng Tập đế, tiếp một hàng Diệt đế, tiếp nửa hàng chánh nêu Đạo đế, tiếp một hàng rưỡi nêu Tứ đế đây giải thoát chẳng cứu cánh. Trong hai hàng Khổ đế: một câu đầu nêu nguyên do khổ, do tiểu trí, chỉ có thế trí chỉ kham nói tiểu. Tiếp một câu nêu do tập nặng cho nên phải nêu rõ Khổ đế. Tiếp một câu lập lại chỉ nguyên do khổ. Tiếp một câu chính nêu nói

khổ. “Chúng sinh tâm hỷ...”: một hàng nêu xứng bản huân tập. Trong hai câu đầu nêu (căn) cơ, hai câu tiếp nêu ứng. Trong Ứng, nói “không khác”, là như kinh Di Giáo nói: Thật sự khổ, không thể khiến vui. Tiếp hai hàng trong Tập đế: một hàng đầu chánh nêu Tập đế, tiếp nửa hàng hiển Tập đế năng trị, tiếp nửa hàng nêu lỗi của Tập đế. Tiếp một hàng Diệt đế: Nửa hàng đầu nêu công năng diệt tập, tiếp nửa hàng đắc danh. Tiếp một hàng rưỡi, nói giải thoát chẳng cứu cánh: Nửa hàng đầu lại lần nữa nêu đắc thoát, tiếp “Người đó...”: hai câu trưng hỏi, quán đế đắc thoát gọi là thoát gì? Tiếp “Chỉ xa rời...” : là giải thích lìa giới trói buộc chỉ nêu giải thoát Tiểu thừa.

Tiếp, “Kỳ thật...”: là giải thích, “ly...”: ba hàng giải thích: một hàng rưỡi đầu dùng vô thượng đạo pháp để bài xích. Tiếp một hàng rưỡi, xuất bản tâm Phật. Nêu rõ ác số: nay văn chỉ nói thuyết bất thuyết. Có người phân chia đây nói: Trước liệt kê nhân ác, tiếp nêu quả ác. Nhân ác có mười bốn:

1) Kiêu mạn.
2) Giải đãi.
3) Chấp ngã.
4) Thức cạn.
5) Đắm dục.
6) Không giải.
7) Không tin.
8) Buồn bã.
9) Nghi hoặc.
10) Phỉ báng.
11) Khinh thiện.
12) Ganh thiện.
13) Ghét thiện.
14) Giận thiện.

Tiếp, trong quả ác thì trước là giải thích.

Tiếp, “Xá-lợi-phất...”: hai hàng tụng kết. Đầu lại có hai: Đầu nêu do hủy báng đọa vào đường ác. Tiếp, “Như đây...”: nêu do đọa vào đường ác, nên không được gặp Phật. Văn đầu lại có ba: Đầu tiên là địa ngục, rộng trình bày phi thời. Như dây phân văn không phải bất nhất mà không có nguyên do. Tiếp, trong Súc sinh, nói “đoạn hạt giống Phật” : chỉ là phá hoại hai nhân Duyên Liễu. Văn trước thì “đoạn hết thảy hạt giống Phật ở thế gian”. Đây thì kinh nói “Khắp khai Phật chủng trong sáu đường”. Nếu hủy báng kinh này thì nghĩa sẽ đoạn.

Hỏi: Hủy báng kinh sinh tội, không phải kinh làm duyên tội ư?

Đáp: Tội phước do tâm, kinh chỉ là duyên trợ, kia cũng như tứ đại tổn hại hay ích lợi do đây thành. Nhưng theo Phật dạy vốn ý chỉ là sinh phước. Chính là lỗi của người mê, chẳng phải lỗi của đường đi. Ba tiện nhân (người nghèo). Tiếp, văn lại có ba:

1) Nêu không gặp Phật.

2) Lại vào đường ác.

3) Lại được làm người.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 7

PHẦN THƯỢNG

GIẢI THÍCH PHẨM TÍN GIẢI.

Có người dùng "Tín và Giải" đối nhau mà làm bốn câu: Độn căn chánh kiến thì Tín mà không Giải (hiểu); Lợi căn tà kiến thì Giải mà không Tín; Lợi căn chánh kiến thì có Tín có Giải; Độn căn tà kiến thì không Tín không Giải. Hai câu đầu dựa vào đâu mà được gọi? Nếu câu thứ ba đương nơi phẩm này, thì hoặc là căn cứ Tiểu thừa mà được nói như đây, không hợp giải thích đây. Nếu trong pháp chấp, kiến v.v..., thì Thanh văn khi lãnh giải hợp nhập thất địa, tại sao còn ở sơ tín tâm ư ? Có người dùng thông đại địa, Tín số Tuệ số làm thể Tín Giải. Nay hỏi: Thể lấy nghĩa gì chỉ tâm sở ư? Như tâm sở này Thánh vị nhiếp ư? Hay phàm vị nhiếp ư? Nếu Thánh vị thì đại Thánh hay tiểu Thánh ư? Tiểu thì chẳng phải ý nay. Đại thì sâu cạn? Huống chi nay nghe thật mà lãnh giải ư! Cho nên tín giải kinh này rồi nhập Sơ trụ thì chẳng phải Tiểu thừa tâm sở sở nhiếp. Nêu một lệ, các thứ khác đều chuẩn theo đây.

Có người nói: Đối trước bảy dị (khác) không thành dị:

1) Sở tùng (dị) khác; nay cho là không như vậy, hàng tam căn nghe lược đều sinh nghi động chấp, chỉ vì trước sau Tín giải đâu được nói Thân-tử tùy theo nghi ? Trong đây từ chấp có nghi ắt có chấp; có chấp ắt có nghi, huống chi nghi chấp danh thông mà phải giản Tiểu. Tiểu thừa nghi chấp kiến đạo đã trừ, sao ngăn cách hai tô vẫn phải xen nhau lập?

2) Rộng lược sai khác: Đây cũng không như vậy, chỉ văn khác nghĩa đồng, cho nên Thân-tử nói "Chẳng phải ma..." và thuật năm Đức Phật. Nói lược mà ý rộng, lẽ nào gọi là lược ư?

3) Viễn cận sai khác: Đây cũng không như vậy, văn nghĩa đều đồng, chẳng những văn đây thuật trước đạo thọ, Thân-tử cũng thuật khi

xưa chấp tà kiến, cũng quá đạo thọ cho nên không khác.

4) Thông biệt sai khác: Đây cũng không như vậy, văn khác ý đồng. Thân-tử đã nói: “Chúng con không can dự”; lại nói “Chúng con đồng nhập pháp tánh”, lại nói: “Nếu chúng con đợi nói sở nhân”, lại nói “Chúng con không hiểu phương tiện”. Văn trình bày lỗi bốn độ nói..., lẽ nào có thuật được riêng biệt tại một thân? Đây tuy biệt nêu đứng đầu bốn vị Tăng lại hạn cuộc, vậy thì Thân-tử thông đến tất cả, Ca-diếp biệt tại bốn người. Nếu vậy thì chu đầu tại sao không thọ ký nhiều Thanh văn ư? Đáp: bốn chúng tám bộ tức là người kia.

5) Không luận.

6) Hoan hỷ sai khác: Đây cũng không như vậy, nếu nói một mình Thân-tử có lo trước mừng sau, trước nói sắp xếp... thì lo chung cho tất cả, cho nên biết vui mặc dù có trước sau, mà lo thì không có cấp bậc.

7) Nói một, bốn không đồng. Ý không như vậy, cũng như trước phá có dẫn luận Bà-sa nói: Thân-tử thượng, Mục-Liên trung, các người khác hạ; kia nói tợ đồng Tiểu thừa kia nay thật. Văn ý hoàn toàn sai khác, không thể đồng. Chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Tín Nhạo. Nghĩa kia tuy thông Nhạo (ưa) mà không bằng Giải. Nay nêu lãnh giải, vì sao nói Nhạo? Nay chưa giải thích tên phẩm, tiện dẫn người xưa phê phán ý phẩm, giải thích đề lỗi chính là lý do làm mất ý văn. Trong đó, đầu tiên thông nêu ba thời, nói “Nhất vãng...”: là do trong phẩm này lãnh giải nay đủ từ đầu đến cuối, sau khi thoái thất Đại thừa lại dùng Tiểu thừa khởi phát lấy làm “Nhất vãng”, trung gian làm “đuổi theo”, sau cùng làm “Tất cánh”. Người xưa chỉ đắc danh ba thời, không hiểu ý kia.Nay làm năm thời thêm suy xét lãnh Pháp thân hóa, còn sợ không hiểu lòng Tứ Thánh, mà chỉ làm danh “Nhất vãng...” thì sao có thể hiểu rõ phẩm này? Cho nên, cần phải dẫn phá thì mới hiểu chánh lý. Tổng có sáu sư: Tăng-na, Trung Hoa dịch là Hoằng Thệ. Tiếp “Riêng cho là...”: là phá, đầu tiên tổng bài xích: Sách Thư nói: “Cắt dây tơ đầy tráp, không thể may làm dây lụa, ngọc vụn đầy hộp không thể mài giũa làm ngọc Quế Chương quý giá”. Các giải thích tạp, vụn không thể y cứ.

“Xét rằng nhất vãng...”: là biệt phá, vẫn trước là nêu đầu cuối, lược xuất đại chỉ, trung gian thì theo lệ có thể biết. Tiếp, trong chánh biệt phá, thì hai câu đầu dù cho phá, chính là chấp nhận câu thứ hai, thứ ba “nhất vãng”. Cho nên, lấy “nhất vãng” kia mà phá Sư đầu và Sư thứ năm. Tiếp, “Nếu Pháp Hoa...”: lại dùng Sư thứ năm nhất vãng đối thứ hai nhất vãng mà làm theo lệ. Tiếp “Lại, nhị thừa...”: dùng Sư thứ ba nhất vãng, phá Sư thứ nhất nhất vãng, trong đó trước đều phá. Tiếp,

“Nếu một phá một không phá...”: là lập theo lệ. Tiếp “Lại, cha con...”: là riêng phá Sư đầu Tất cánh. Xa thấy cha ngồi, tức gọi là thấy nhau. Gọi là Tất cánh (rốt ráo), thì thời Hoa Nghiêm giáo đã nên đắc thọ ký, tức Pháp Hoa không dùng. “Nếu hậu cánh...”: là đều đảo ngược, nếu sau đúng thì trước không còn dùng; nếu không còn dùng thì ngày xưa nghe Đại kết duyên không thành. Lại nếu Sư thứ hai, ba, tư lập Tất cánh (rốt ráo) đều tại Pháp Hoa, thì ý có thể như vậy. “Nhất vãng”, “đuổi theo” thì cận viễn khó nương. Sư thứ năm “nhất vãng” đã đồng trước phá, “đuổi theo” “Tất cánh” chẳng phải giải thích Pháp Hoa, đâu có thể hiện tại nhất hóa ắt khiến đến nơi Kim Cang. Sư thứ tư, Ngài Chương An không phá chỉ là lược thôi! Kia nói nhất vãng ở nơi chuyển giáo, thì chuyển giáo trở về trước hướng đến chẳng phải nhất vãng, lấy gì đặt tên để đắc ngộ làm rốt ráo. Năm phẩm sáu căn lại chẳng phải “nhất vãng” cho đến “đuổi theo” đặt những tên gì ? Nhưng các sư nói rốt ráo, đều không phá. Bốn vị trước và thứ năm phần nhiều đều đến Pháp Hoa. Nói đến Phật quả dù có lỗi Tiểu mà không có lỗi Đại, chỉ không thể quyết định dùng Kim Cang tâm làm cứu cánh đó thôi. Nay ý sư: “Nhất vãng...” là nói đợi đến hạ căn luận đời trước thì mới có thể thương lượng. Dùng nhân thiên thừa cho đến nói Đại tại thuở xưa cho nên từ xưa trở về sau đều gọi là “đuổi theo”, vì sao Sư thứ hai, ba, tư dùng ba vị ngày nay mà làm “đuổi theo”? Cho nên không dùng.

Tiếp, “Riêng cho rằng...”: là phá bản tích, nếu chỉ đây làm tích thì nên đã là bản môn động chấp, nếu dự định nói phẩm sau chính là trong đây thành hiển bản xong. Văn sau không dùng cho nên không thể. “Nay giải thích phẩm...”: nay ý lại luận về trung căn tín giải cho nên dùng năm trong mười nghĩa đầu của tam chu, mà phán xét ý kia. Phàm căn có lợi độn, tức trước chuyển căn, không chuyển căn cảm có dày mỏng, tức trước hoặc có dày mỏng. Nói có pháp thí trước thông biệt ngộ có trước sau tức trước ngộ không ngộ và ngộ có sâu cạn, các ý khác chẳng phải chánh, vì nghĩa ấy nên sở dĩ ba căn trước sau đều lãnh giải đâu cần nơi đây lập“nhất vãng...”

“Oản đậu”: Như nói chữ an đao là cắt khoét. Người Nhị thừa đối trước Pháp Hoa như sinh oản đậu (một loại đậu) dao đâm không vào. Chỉ niệm không vô tướng nguyện: Đương giáo kia nhập vô lậu môn cho nên thường tư duy. “Vui mừng hớn hở...”: Trong văn tuy dùng bốn chữ Tín v.v..., dùng đối Tín giải lấy làm Vị nhân, thiện đây ắt nhờ sơ hoan hỷ, huống chi theo lý thiện sinh phá ác thâu hoạch chứng, viên dung tứ Tất-đàn đồng đời đều đắc tức phần chứng Đệ nhất nghĩa. Ba Tất-đàn

còn lại đương vị làm danh, tùy theo nhau nói là phần. Cho nên, tứ Tất-đàn đây phát ắt đồng thời chỉ dùng Tín giải đối Vị nhân cho tiện. Lại biệt nói đây chính là biệt trong. Trong đây vì sao Tứ tất đều thật? Do từ nghe pháp được hiểu, không đồng văn trước liệt chúng theo Tiểu thừa ba Tất-đàn tại sự, Đệ nhất nghĩa vẫn cần giáo phân, cuối năm thời mới biện rõ ý nay.

Tiếp, "Bẩm thọ Tiểu thừa...": căn cứ giáo giải thích, đây muốn căn cứ vị để giải thích "Tín giải", nên nêu đủ bốn giáo, chỉ tổng nêu nói bẩm thọ tiểu Đại giáo. Tiểu tức tam Tạng đại phải chỉ Viên. Lại lược trong hai thứ do Đại giáo tiểu giáo đều lập hai hành hai đạo, cho nên trước nêu tiểu. Tiếp "Chuẩn theo Tiểu v.v...": lấy Đại vọng tiểu bèn phân hai chữ để thuộc hai đạo. Phá nghi cho nên nói "Tín", tiến nhập gọi là "Giải". "Tín" thông hai đạo, "Giải" chỉ ở Tu, cho nên nói Tu đạo gọi là "giải". Nếu căn cứ ý đây, chỉ nên dùng Sơ trụ để làm Kiến đạo, bắt đầu Kiến lý, Sơ trụ gia công gọi là tu đạo y lý tu. Trong văn không nói Nhị trụ trở đi chỉ nói tiến nhập tức từ Sơ trụ ắt có tăng tiến. Cho nên các Thanh-văn nghe pháp rồi, sau phần nhiều nhập Tu đạo, nay từ biên hạn nghe pháp tăng tiến để nói cho nên gọi "Tín giải", cũng như mười sáu tâm gọi là Tu đạo. Nếu xưa mật nhập thì đến đây rõ ràng hoàn toàn thành tu đạo, từ hiển lộ nói Tín giải đồng thời. Tiếp, "Văn nói...": lại thông chứng nhập vị không phân tín giải. "Cận lãnh giải nhà lửa...": Nghe Thí giải (hiểu) rồi ắt giải nơi Pháp, lẽ nào có ngộ sau mà lại mê trước? Vì vậy cho nên đều phải Pháp và Thí song lãnh.

"Tuệ mạng" có hai giải thích: Trước là giải thích theo Nhân duyên, Tiếp "Các tuệ..." là căn cứ Giáo. Ba, một đối biện từ sự hành sai khác, cho nên thuộc Nhân duyên. Phật mệnh chuyển giáo thuộc căn cứ giáo: Đây có hai ý, thuộc Thục-tô giáo. Đã gọi là căn cứ giáo đến Thục tô thời, ngầm thành Biệt nhân. Lại gọi là căn cứ giáo cũng nên đủ đối năm vị bốn giáo, tư duy có thể biết. "Ba đệ tử...": là giải thích nghi, chẳng phải hoàn toàn không chuyển, mà luận nhiều ít đó thôi. Tân dịch gọi là "Cụ thọ", "Cụ" không bằng "Tuệ", "thọ" lẽ nào quá "mạng". Thí dụ bốn phen: Trường hàng kệ tụng đều có tổng biệt, cũng có thể đều có Khai thí Hợp thí. Hai đường bốn phen đều có khai hiển. Nhưng trước giải thích hơn, tức ứng văn sau hai mươi hai phen. "Tâm phát" đến "ý": Căn cứ đây chỉ do nghe Thí, tín sinh, nhập vị, tức Sơ trụ trở đi không luận Kiến Tu. "Ví như Thân-tử...": "phát tâm hy hữu" là tâm lãnh giải, tức "từ tòa đứng dậy" là thân lãnh giải, "mà bạch cùng Phật rằng" là khẩu lãnh giải. Nên chú thích v.v..., là khiến như hướng đối, đầy đủ như

Thân-tử lãnh giải kệ. Văn không có, là lược. Trình bày đứng đầu Tăng cùng ba lỗi không cầu là thuật lỗi xưa. Lỗi thứ nhất: Chấp Tiểu lạp thì Đại pháp hoàn toàn thiếu, không bỏ tiểu do chưa biết khai ba, tự kiên cố thì Tiểu chấp chưa thay đổi, ủng hộ kia bèn mê nơi phép tắc Đại. Lỗi thứ hai: Một đời đoạn chứng nên tự khinh bỉ tuổi cao, bại chủng chưa đuổi trừ, vẫn còn thấy không kham nhậm. Lỗi thứ ba: Xưa mê ý nghĩa luống công chấp chánh vị, do đây cố tình cho nên Đại tâm khó phát.

"Cao nguyên...": là dẫn thí dụ tự bài xích. Trước là thí dụ sau là hợp. Đã có đắc cho nên không cầu. Kinh nói "chỉ nhớ nghĩ ba pháp...": cũng có thể đủ y luận Câu-xá, xuất nêu mười sáu hành lấy làm sở tư. Mười sáu hành đối ba Không, như Chỉ Quán quyển bảy nói. "Hoặc chỉ" đến "Là đứng đầu Tăng không cầu": Do đứng đầu Tăng chúng cho nên ở Đại tiểu các tòa từ lâu đã nghe. "Vô lượng trân bảo": Xưa Bát-nhã lãnh giáo nói là làm Bồ-tát, lẽ nào mong ở đây toàn được đồng ban cho? Trong cụm từ "Tư phát vân vân", thì "vân vân" là: Nên như lễ thế gian muốn có sở quyết; phải trước hỏi han phát biểu. "Văn thí dụ chia làm năm": Bắt đầu từ "thất lạc nhau", tức kết duyên về sau, cuối cùng đến "đồng ban cho" tức khi nghe Thí dụ. Nếu hợp ý thứ tư và thứ năm lại thì chỉ thành bốn đoạn. Mười thí dụ mà Quang Trạch nói thì không ứng với văn nay. Văn trước nói: đối bốn người trái lìa, lìa phá Quang Trạch, trái bài xích các sư. Các sư tuy không tách làm mười thí dụ, mà đối với tướng đương văn lại cũng trái mở, đầy đủ như trước bài xích.

"Tây phương...": Di-đà và Thích-ca, hai đức Phật đã sai khác, lẽ nào khiến Di-đà ẩn mặc y phục trân quý bèn khiến đức Thích-ca mặc y thô xấu? Dáng mạo đức Thích-ca không có y phục trân quý nào có thể che dấu, đức Di-đà duy nhất hình dáng thắng diệu, huống chí duyên đời trước biệt hóa đạo không đồng, kết duyên như sinh, thành thục như dưỡng, sinh dưỡng duyên khác, nghĩa cha con không thành xấu tốt phân đường, mặc cởi ngăn cách sai khác, tiêu kinh sự thiếu, điều thục nghĩa trái văn đương bộ vĩnh viễn không có ý chỉ đây. "Xá-na cởi mặc...": Mê ở Xá-na không động mà đi. Di-đà mặc y xấu thô, các giáo không có văn, nếu luận Bình đẳng ý thú kia thì đâu có tự kiêu căng. Ví dù khác vì thân ta trở lại thành ta hóa, Ta lập hình tượng như người khác, bèn trợ tha duyên (khác), người không thấy hóa duyên liền loạn, cho nên biết luận kết duyên đều căn cứ ứng thân. Như nói "Ta xưa từng ở nơi hai vạn ức Phật...", huống chi mười sáu vương tử từ đầu đến nay cơ cảm tương thành tùy vận dụng phân giải, cho nên không thể dùng Di-đà làm đây biến đổi. Chẳng kết duyên nơi cõi mình: Xưa kết Đại duyên Tịch Quang

làm cõi, kỳ vọng tâm khế hợp pháp giới làm cơ, thoái Đại đến nay cơ cõi đều thất (lỗi). Nay lưu chuyển năm đường vọng bản làm tha. Phương tiện hữu dư còn chẳng phải cõi mình, huống lại năm đường lưu chuyển ư! Nay cùng tử hiện ở trong năm trược lại dùng sở trụ vọng bổn làm tha, từ lúc ấy đến nay thường ở trong tam giới cho nên nói "trụ lâu". "Duyên đây" đến "trưởng thành": trong căn cơ dần dần dày lại cùng chấp danh vẫn chưa trở lại ban đầu chỉ nói ba mươi. "Duyên đã...": lấy khổ làm cơ, cho nên biết cũng ở trước tiểu hóa. "Đến" mà không biết cho nên gọi là "gặp". Do xưa từng thấy cho nên gọi là "bản". Khổ làm cơ: Đã thất Đại tiểu chỉ có sinh tử, ở trong sinh tử có cơ có thể phát, ngầm bấu víu thành Đại bi diệu ứng. Đại ứng còn sơ (sài), cơ lại đối nơi khổ.

"Thứ nhất: khổ vì nhớ nghĩ đến đứa con bị thất lạc...": Do nhớ con khổ, là tư duy các môn; nghĩ tìm được con nên vui, là lại tư duy một môn. Tuy lại song niệm, mà cả hai đều chưa có thể. Nay bỗng được tức từ bản chí nói sẽ tuyên bày Phật đạo lại nói một môn. "Con đã...": là giải thích hai ý trên: thứ nhất, bỏ đại thiện mà nhập sinh tử cho nên nói không đảm đương. Trước giải thích môn trong thí dụ có nghĩa nhập, bởi do đây, cho nên động cha lo lắng giải thích ý thứ nhất. Lìa ý của cha các lời dỗ dành tức vốn dùng viên môn thông, đương có nghĩa đắc, dự báo động cha vui giải thích ý thứ hai. "Thí dụ đầu như" đến "lãnh giải": Thứ ba đầu kinh thuật lãnh giải không sánh bằng ý đây. Trong mười giới bảy thiện tiến thoái... thì Bồ-tát rất khó, do kiêm ba cho nên biệt nói. Bồ-tát còn vậy Phật giới vĩnh viễn tuyệt dứt. "Giải tâm không có sức" đến "trưởng thành": xưa tu quán hạnh tuy quán lý tức mà chưa nhập Tương tợ giải, không thể trừ trược, cho nên nói "không có sức lực", nghĩa là như trẻ con. Thoái Đại về sau danh tự hoàn toàn mê, nghĩa như "dày nặng", trong như huân thêm cho nên gọi là "bị" (gia bị). Đại vẫn chưa toại chỉ có thể trước tiểu, đại thiện sẽ toại gọi là dần dần muốn rõ, đây là dò tìm về sau nói.

"Đào thệ (trốn đi)...": Đức Phật lẽ nào bỏ chúng sinh, vì cách cho nên không thấy, nghĩa đương nơi "đào (trốn)". Nói "Sinh tử ngũ dục lấy làm nước khác": vì Đại Niết-bàn mới thành nước mình, cho nên lại lấy năm đường lưu chuyển làm nước khác. "Hoặc mười đến năm mươi năm": Là tự thoái Đại đến nay thăng trầm bất định, cho nên chấp hoặc nói. "Ấu (trẻ) có hai nghĩa" đến "đam (đắm chấp) thuật nghĩa không trở lại": Đầu nêu hai nghĩa "Thì không...": là kết thành. Tiếp, "Thí dụ...": là trong hợp thí nói kết duyên về sau. Một câu tổng hợp thông suốt hai câu dưới. Tiếp, "Đại giải...": là hợp nghĩa đầu. "Còn có...": là hợp nghĩa

tiếp. Do phát Đại đến nay ba hoặc toàn tại nghĩa như si. Giải tâm tuy mỏng mà ngầm giúp xa thấm nhuần. Mật lợi ích không nhẹ vì duyên chút ít nên khuất phục nói phước tàn, từ đó về sau chưa rơi vào ba đường ác gọi là "chưa gặp khổ", chỉ bảo đảm đời vui cho nên chưa trở lại ban đầu. Tiếp, "Nay huân tập...": ngược lại hai nghĩa trên. Văn đầu ngược lại nghĩa trước tiên. Đã có chút ít hướng đạo có nghĩa đoạn hoặc, nghĩa tương tự khỏi si. "Gặp khổ...": là ngược lại nghĩa kế trước, thâu nạp hạt giống bên trong cho nên gọi là "ngầm huân", lại bị ngoại duyên trung gian kích động từ đó vi tế phát sinh. Lại do gặp khổ làm duyên giúp phát khởi, cho nên thiện ác hai đường mờ tỏ huân tập gia bị. "Hai thứ này làm cơ": Nếu đời trước không có Đại duyên và trung gian Tiểu thuần thục, thì nhờ khiến gặp khổ cơ cảm không thành, chỉ do Đại Tiểu hai nghiệp ngầm huân tập thành cơ cảm Phật. Phật ở bổn quốc (nước mình), nghĩa phải hướng về nước. "Nếu do thiên nhân...": Nếu không có Đại chủng, chỉ riêng nhân thiên thiện, thì không có nghĩa cảm Phật, không thể riêng vì nhân thiên mà Phật thị hiện tám tướng. Nếu có căn cơ xuất thế thì chư Phật Bồ-tát còn vào đường ác, huống chi nhân thiên ư!

"Tại tam giới...": Nêu rõ các con bình đẳng nhưng nếu Đại thiện chưa thuần thục thì dù sinh trong nhân thiên cũng chưa cảm Phật. "Nay Phật...": vì có bài xích không đủ, chỉ Tứ kiến. Nêu rõ cơ thành thì cảm Phật, và Phật xuất thì cơ thành. Nếu thông luận cơ thì tuy thông mười pháp giới, mà cuối cùng ở mười pháp giới nhận lấy căn cơ xuất thế. Nay từ Biệt an trí Thông dùng hiểu rõ phẩm này, cho nên văn dưới nói phương Đông, Nam, Phạm văn nói "Một trăm tám mươi kiếp trống vắng qua không có Phật", cho đến phương trên nói: "Ở trong vô lượng ức kiếp luống quá không có Phật". Đức Đại Thông xuất thế nương ánh sáng mà đến. Phải biết trung gian đều nhờ ngầm gia bị. "Ở trong đó cầu chánh đạo...": lấy chấp thường v.v... mà làm chánh đạo, lấy các thứ khổ hạnh làm trợ đạo. Tuy tư duy tà lý, mà có khả năng làm chánh cơ, do lâu xa Đại chủng đã huân tập gia bị. "Đại kinh nói: Đế quán bốn phương": là Đại kinh quyển ba mươi nói như trong Hằng hà bảy loại chúng sinh: Loại người thứ nhất: Vào nước liền chìm mất ví như Nhất Xiển-đề. Loại người thứ hai: Ra rồi lại chìm, có tin cho nên "ra", không tu cho nên "chìm". Loại người thứ ba: Ra rồi không chìm tức Nội phàm. Loại người thứ tư: Vào rồi chìm, chìm rồi ra, ra rồi trú; quán khắp bốn phương. Thân nặng nên chìm, có lực nên ra, quen nổi nên trụ, không biết chỗ ra. Cơ biến quán bốn phương, ví như Tứ quả quán Tứ đế. Loại gười thứ năm: Vào rồi chìm, chìm rồi ra, ra rồi trú rồi quán phương,

quán phương rồi đi; sợ nên liền đi ví như Bích-chi-Phật. Loại người thứ sáu: Vào rồi liền đi, nơi cạn liền trú. Vì sao vậy? Quán giặc gần xa nên ví như Bồ-tát, không trú trong sinh tử cho nên đi. An tâm nên trú nơi cạn. Loại người thứ bảy: Liền đến bờ bên kia. ngoại đạo đắc độ đều do quán đế, cùng quán phương nghĩa đồng, cho nên tạm dẫn.

"Bản quốc như trên": Trên lấy Phật cõi mình làm bản quốc, ngoài ra đều thuộc nước khác... "Văn dưới...":

Hỏi: Thành nhà nói bên dưới và nước nói ở trên, có gì sai khác? "Tất cả...": là muốn biện rõ đồng khác, lần nữa lại giải thích ra khỏi nước. "Tất cả Phật pháp" và "cõi Phật nói bên trên", lời khác mà ý đồng, thành nhà cũng đều như vậy. Đoạn đức trở lại phải đầy đủ Phật pháp, đại bi cũng từ Đoạn đức mà thành, hai thứ này đều tóm thâu hết thảy Phật pháp. Chỉ căn cứ chọn cơ, dùng nước vọng thành, dùng thành so với nhà, nghĩa lập thưa dầy, chỉ do hết thảy Phật pháp nghĩa rộng. Đoạn đức chế ngự ác tợ hẹp. Đại bi đối con lại gần, đồng là sở y của thật tuệ Trưởng giả, đồng được Ứng thân quyền trí thác gửi. Trước khi khởi ứng, căn cơ bám víu đây trước cho nên nói "đến nước thành...", "dừng lại tại thành nước ấy...".“ Ở lại tại một thành trong nước đó...": Lại dùng một phương một loại mà làm một người con, cho nên tiếp hợp nói không vì một (nơi) xứ, xứ ắt ở người chỉ là đồng cư. Giống loại như người chưa thuần thục, vả lại dừng ở phương tiện, không phế bỏ nghi thức hóa. Luận Bà-sa chỉ kia lấy làm các phương còn lại. Nếu nói căn cứ các phương còn lại thì lẽ ra chỉ mười phương quốc độ thiết lập sự giáo hóa ở mười cõi, đầy đủ như Diệu Âm. Luận Bà-sa đã nói vậy, các phương khác căn cứ theo đây. Trong đây vẫn còn tư duy cõi đồng cư này vì được nghĩa con tiện lợi.

Lại nói Hữu dư, nếu nói thùy hình lục đạo sự thì không tiện vì sau lưu chuyển lẽ nào không như vậy ư? Nay cơ đã thân cận cần phải từ nghĩa hơn mà nói! Nếu vậy thì tại sao không nói tại Thật báo độ ư? Đáp: Về lý không phải không thể, nhưng Thật báo nghĩa đối lúc phát đại tâm nên thoái Đại về sau tư duy cơ Đồng cư, lại hiểu nghĩa chữ " trong" thuận tiện. "Xưa nói..." : là trình bày ý xưa. "Nay cho rằng...": là phá. "Nay dùng...": là chánh giải thích. Lại đối với Niết-bàn trong nước Hữu dư gọi là "thành trong nước", cũng trụ trong Niết-bàn này, gọi đó là "dừng". Lại y Niết-bàn đây mà làm chỗ ở, cho nên gọi là "nhà".

Hỏi: Trước đáp hỏi nói rằng lấy thành đây làm Đoạn đức, lấy ở dưới đều làm từ bi, vì sao đến nay thì nói thành là nhà Hữu dư cũng y Niết-bàn đây?

Đáp: "Nước, thành, nhà" tuy có rộng hẹp sai khác, cũng đều là sở y Hữu dư không vượt qua Đoạn đức. Nhà này đối trân bảo, cho nên nói "thật cảnh"; nhà ở dưới đối căn cơ của con, nên nói từ bi. Cho nên biết nói vô duyên từ bi ắt cần bình đẳng với thật tướng, cho nên hai nhà nghĩa một, tùy sở đối mà thôi!

Câu trên đã nói tìm con không được, đã y cõi Tự-thọ-dụng nhất thật từ bi. Tìm con không được, nên nay dừng ở trung gian tự tha, trụ nơi phương tiện. Trở lại dùng bản nương vào từ bi mà suy nghĩ ở con. Cho nên nước thì dân ở, thành thì chủ an, nhà vốn nuôi dưỡng tánh. Vì chưa nhập Viên, tức thất phương tiện, dân mang hình phương tiện, trụ Hữu dư kia tư duy cầu Viên cơ, cho nên ở kia hóa sự không bỏ, tư duy căn cơ cõi Đồng cư nghĩa đó văn thành. Gia đã là nhà (xá), ở cõi Hữu dư vận dụng Vô-duyên-từ cho nên nói "ở nơi đây", do đó dừng ở nhà Vô-duyên-tư, khởi hai Ứng thân Thắng Liệt, Thiên Viên, nhưng kia chỉ nên dùng Thắng ứng. Nói Thắng liệt, thì Thắng ứng kiêm hai nơi, Liệt ứng thân thì chỉ tại Lộc uyển. Tiểu cơ nếu khởi lý thì sẽ hợp đến. Đầu cuối cả hai nêu rõ ràng, cho nên nói Thắng liệt. Đã nói năm người cõi kia sinh đều là Bồ-tát, cho nên tám, sáu đến cõi kia thì không cần Tiểu hóa. Dẫn đến Viên thật lẽ nào vẫn đắm trệ nơi thiên? Huân tập phương tiện phần nhiều mê nơi giáo. Chỉ Quán quyển bảy phân biệt tám, sáu... giáo đạo phải phế bỏ. Pháp Hoa khai hiển mới kham nổi nghe đây, Bồ-tát cơ thành sở ứng đâu sai khác. "Năm người" tức là bốn quả và Bích-chi-phật, từ bản lập danh, gọi là Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật. Đoạn tận mới gọi là "đoạn Thông hoặc". hoặc là dùng Tam tạng Nhị thừa và Thông Tam thừa làm "đoạn Thông hoặc" đây cũng có thể như vậy. Tam tạng năm người tự nhiếp Thông năm. Thông giáo Bồ-tát trước gọi là Bồ-tát. Không thể lại nói đến kia đều là Bồ-tát. Nên biết toàn chỉ hai giáo Nhị thừa gồm Thông Bồ-tát. Nếu dùng bốn người ví như Thông Bồ-tát đều gọi là Bồ-tát, thì có gì không thể ư? Chỉ kia đối Thắng ứng nghĩa kia không thành, chỉ hai giáo Nhị thừa kia còn hồi tâm, Thông giáo Bồ-tát lẽ nào ứng thủ cựu? Nếu căn cứ sửa đổi quán thì Thông Biệt Bồ-tát đều phải phát tâm. Cho nên nói huấn dạy khiến tu học, thì không thể nói Biệt bởi vì năm người đây chứng đồng. Nếu như vậy Thông luận số người phương tiện thì nên nói chín: Tạng hai, Thông ba, Biệt ba, Viên một, không được nói là năm. Nay tạm đối Tiểu cho nên nói năm. "Đại phú" đến "vô lượng": Cõi tuy Hữu dư thân cận nhà sở y mà không trái thật tướng. Nói "vô lượng": là đầy đủ lục độ, "đại phú" là tổng xưng, "tài bảo" là biệt. Tuy phân tài bảo Bát-nhã dẫn dắt

năm độ mà đều thành thật, huống chi tất cả hạnh đều thành trân quý, cho nên nói “vô lượng”.

“Kim ngân...”: Đẳng cấp báu vật khác, tức các trợ hạnh đạo phẩm khác. “Bảo” không ra ngoài bảy thứ, có thể thí dụ bảy khoa. Thế nên bảy khoa, sáu độ thâu nhiếp hết. Cho nên trong Đại Tập lấy ba mươi bảy phẩm làm bảo cự tổng trì của Bồ-tát, kia quý giá như bảo vật, sáng tỏ như đuốc (cự) lớn phá tan sự tối tăm. Đầy đủ tất cả pháp gọi là tổng trì. Nói “Đại thừa”: Lẽ ra nói Viên thừa, văn tùy tiện đó thôi! Nói “Thiền sinh một trăm lẻ tám”: là đạt thật tướng thiền. “Tự nuôi dưỡng...”: là trí định đều có tự tha nay đủ, như trước giải thích.

“Đồng bộc (người hầu hạ)...”: Phương tiện Ba-la-mật căn cứ tự hành quyền mãn. “Khuất khúc...”: nêu quyền dụng lợi tha đều là công của đồng bộc. Như từ hạng áo vải bị sai khiến cộng đến địa vị giàu sang, đồng thành quyền bên trong thể. Sự lý không hai, nên đều gọi là “xứng”. “Căn cứ vị”: Hướng Thông căn cứ phương tiện chỉ nói đồng bộc. Từ địa vị Biệt phán xét nhiếp Tạng Thông Biệt, vọng thật vọng chánh, nghĩa tương đương hàng hạ tiện phục dịch. Thông luận cũng có thể thâu đắc nhân thiên, dùng phương tiện khác tức là ý này. Biệt Viên Thập địa: Vẫn còn giáo đạo cho nên lập danh Biệt. Do không có hai lớp Thập địa. Trước nay trong “đồng bộc” đã có Biệt tam thập tâm, nay vị “thần tá” là Viên tứ nhất tâm, kiêm thâu Biệt giáo Thập địa mà thôi!

“Tùy theo cõi...”: Ý giải thích thần tá (lại dân)... các địa vị sâu cạn. Thâu tóm đã nhiều gọi là “tùy cõi”, tuy đồng nhà Phật mà không thể không không có đẳng cấp. Sơ Thông đều là Thánh. “Tuy đắc...”: tức là Thập trụ đắc nhập Thánh vị, đồng chỗ vua ở cảnh cõi chân thật, mà địa vị lại thấp nhất. Đầu từ Thập hạnh, cuối đến như địa vị thần đều là Viên tiệm, cho nên cần phải dựa Viên giải thích. Tiếp, “Nhất tâm tam quán” đến “pháp Nhị thừa”: Tiếp nêu đồng bộc (tôi tớ) thần tá lại dân sở thừa, bởi vì sở thừa không ngoài các quán cho nên vậy. Tùy theo giáo dụng quán tức tương đương sở thừa, nhưng cảnh trí đây tuy tức tùy giáo mà đồng là Viên nhân sở dụng đốc thúc sai khiến. Tuy thông nhân quả mà không đồng trải qua địa vị, biệt biệt đương phần, cho nên nhân quả đây đều là Viên gia sở dụng. “Vô số”: Do đây các pháp này không ngoài quyền thật. Thần tá lại dân sở dụng thật. Đồng bộc... là sở dụng quyền. Đây cũng là nhất thể quyền thật, đều là sở hữu của trưởng giả. “Chẳng những...”: là kết nhiếp giải thích trước, không ngoài giáo quán. Giáo quán có nhiều, cho nên mỗi giáo bốn môn, mỗi môn có quán. Tuy là vô lượng mà chúng sinh được gia bị không dư. Hai chữ “nhập xuất”

trong văn có bốn giải thích: Ba giải thích đầu là tự hành, một giải thích sau là tự tha. Trong ba tự hành thì dùng song phi làm "nhập", song chiếu làm "xuất". Phen tiếp: Xuất nhập tương đối, bản tương tức. Gọi là "xuất nhập" cũng lại xen nhau đắc, cho nên trí thể đây xuất nhập xen nhau chiếu. Hai giải thích này căn cứ Tam đế mà nói. Tiếp "vô lượng...": là căn cứ Nhị đế mà nói. Hai, ba khai hợp đầy đủ như Huyền Văn. Thứ tư, trở lại dùng thứ hai, ba trước, tự lợi hóa tha. Cho nên biết đây đều là Thánh vị, nghĩa tự tha bao hàm ý "giàu", nên cần các giải thích. Đây là quán đế, lại chỉ tại Thật, đối Quyền nghĩa lập có gì không thể ư? Chỉ dùng hai đối bất nhị, nhị đã nhiếp Quyền, cho nên không nhọc. "Hành nơi phi đạo": về lý thông ba cõi, ngoài pháp tánh đều gọi là phi đạo, từ pháp tánh mà xuất làm lợi ích cho chúng sanh trong ba cõi. Công quy về nơi Phật, cho nên gọi là trở về chính mình (quy kỷ). Đây chỉ là công quy pháp tánh Phật đạo.

"Khách thương buôn bán (thương cô cổ khách)...": Lẽ ra nói chữ "mãi", nghĩa là ở nơi mua bán gọi là "mãi", thông vật gọi là "thương". Nếu nói chữ "giá" thì chẳng phải chánh ý văn. Chẳng những đức Phật tự hóa chúng sanh vô biên, mà còn khiến Bồ-tát hóa cảnh cùng khắp. Bồ-tát hóa độ lợi ích cũng như giúp cho bản Phật. "Qua lại các nước": đầy đủ như các kinh nói Bồ-tát trong mười phương qua lại thọ lợi ích. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Tập cũng theo lệ kia. "Như thế gian...": Thí dụ hướng hai giải thích, khiến tha như Bồ-tát, cũng tự như hai thân. "Đầu tiên, bên trong hợp...": Đầu tiên thông luận Đại ý. Tiếp, "Quán...": nêu tà tuệ sở quán. Nói "Quán sát năm ấm...": trở lại dùng tà quán, quán ấm đoạn thường. Dùng tà tuệ đây ngầm giúp chánh, trở thành nguyên do thấy Phật. "Khổ cảnh làm cơ": Lại hướng tà tuệ trợ chánh thành cơ, nhưng nhân khổ ngoại đạo ứng chiêu cảm khổ quả, cho nên nói "khổ cảnh". Do đối chánh chủng huân tập tà tuệ tâm, cho nên được thành cơ cảm chánh tuệ Phật. "Niết-bàn thông bán mãn": Danh đồng mà thể khác, đều hiện sở cư, hóa vật danh khác mà cảnh Phật không khác, cho nên chỗ con đến hai nghĩa song thành. Cơ thuần thục, nếu chứng thì chứng cái mà cha chứng, gọi là "đến thành cha". Đây chính là tiểu căn cơ trước bấu víu đại ứng nghĩa lập cùng tử rồi đến thành cha, cho nên khiến thành gọi là "Niết-bàn". Đại tiểu cả hai đều đắc cho nên dùng "bán mãn" chung thâu tóm vật cơ. Cơ đã không đồng thâu cũng trước sau. "Cha hằng nhớ con...": Trước tuy cơ dần dần bám víu Thánh, nay nêu Thánh dần thâu cơ, nghĩ hóa đạo nên nói "lo nghĩ".

"Chưa từng hướng đến người nói...": Văn căn cứ hai ý để trình

bày nghĩa đây. Trước phương tiện, tiếp cõi đây. Đầu tiên, phương tiện: Trong phương tiện kia chẳng những chỉ có Địa tiền, Trụ tiền, mà còn có thùy tích đăng Địa đăng Trụ, tức thần tá... lẽ nào hoàn toàn không biết cơ tánh cùng tử? Chỉ căn cứ cùng tử nói "Thời chưa đến". Chủ bạn cùng nhau che Thật chưa thích nghi, Quyền từ căn cơ chúng sinh cho nên gọi là "không nói". Do trong giới nội năm người đoạn Thông hoặc, tức chưa kham hiện rõ ràng nghe nói "như vậy", cho nên không hướng đến thần tá... nói. Lấy làm thần tá mà ý tại đồng bộc. Trong đó chỉ Tiểu cho nên nói "không hướng đến". Sở dĩ trong tâm trưởng giả đều nghĩ là con mình, nhưng từ cơ khác cho nên lập lấy Tiểu danh, dần dần dẫn dụ mới thành "thần tá". Cho nên biết pháp thân vốn tự cao xa mà sáng suốt. "Lại từ khi xuất thế đến nay...": là ý thứ hai: Dẫn nêu cõi đây giáo xưa hiển lộ chưa nói, đối đây che kia, cho nên gọi là "không nói". Vậy thì trước lập nghĩa thắng Ứng, nghĩa kiêm hai nơi. Nói Liệt ứng để hợp căn cơ thiên lệch kia, cho nên nói là "không nói" thông đến bốn vị, trong bốn vị đầy đủ thần tá và đồng bộc... "Đã chẳng phải...": là giải thích người Tiểu thừa trong ý thứ hai. "Như điếc câm...": chỉ thời Hoa Nghiêm. "Hoặc hoa trước...": chỉ thời Phương-đẳng, nói "không kịp" tức kiêm nơi Bát-nhã, mà không mong cầu lấy tức việc kia. "Hoa trước...": tức Thân-tử. "Khí bát" tức Không-sinh (Tu-bồ-đề). Cho nên phải biết rằng nói "không nói" thì có liên quan gì đến Pháp thân Bồ-tát?

"Tâm rất ăn năn...": Là giải thích nguyên do xa, nguyên do xa tức là duyên không nói. Bởi do xưa khi kết Đại thừa chưa nhập tương tợ. Cảnh tỉnh mình chê trách con cho nên nói không siêng. Do đây thoái đại mất sự điều phục thuần thục giữa đường, cho nên nói "không có dạy bảo". Trái mình hướng đến người, Cho nên nói "trốn chạy". "Trốn chạy" có ba nghĩa:

1) Cơ dứt ứng với từ chối.
2) Trái mình hướng người.
3) Ở nơi không nên ở, tức năm đường.

Cho nên khiến Như Lai vô duyên mà nhớ. "Giận con...": là chuyên bài xích nơi con. Chẳng những hối việc minh sớm dứt cũng chính giận con cơ sinh đến nỗi khiến xa thưa theo chánh pháp ta, thân gần theo sáu trần khác. "Nội hợp...": Vì luận thoát nạn phải tịnh sáu căn. Căn cứ lý thoái, phần nhiều tại trước ngũ phần vị để đối với vị Bất thoái. Lại dùng năm phẩm làm Thoái vị. Văn giải thích hối hận, phân đối tự tha, theo ý cũng có thể đều đối kia đây. "Kỳ hạn hóa độ...": Căn cứ ý sau giải thích, tức ứng thế cho đến trước Pháp Hoa, cho nên nói "già yếu (lão

hủ)". "Cũng không căn cứ đây...": Là không căn cứ ứng hóa Thanh-văn. "Dận" là nối nghiệp. "Nếu Thân-tử thọ quyết" đến "bất đoạn": nghiệm biết thọ ký vì dẫn căn cơ chúng sinh. Quyền Thật đều như vậy cho nên nói "chúng sinh đời sau...". Lại tu tịnh độ cùng chúng sinh kết duyên, khi Thân-tử thành Phật, khai quyền hiển thật thì Phật chủng không đoạn nơi phương kia. Cơ duyên thành thục nơi cõi kia, trong đó cũng có chủng ở nơi Đức Phật Thích-ca, thoát quy về Thân-tử cho nên phải hội đây rõ ràng phát ngôn. "Nếu Thân-tử không thể hóa..." trở lại dùng không để giải thích có. Nếu Thân-tử tự không có căn cơ thành Phật, thì Thân-tử sở hóa sao được thành ư? Cho nên lấy đây hiển nay khiến có cơ sở. Kinh nói "chung một (khi chết)": Là chỉ khi Niết-bàn. "Lại nghĩ...": ý thứ hai: Trước nêu khổ mất con, vốn hiển tìm được con thì vui, cho nên kinh nói "Nếu ta gặp đặng con...". Dùng hiện tại để nói vị lai, là nêu sinh lĩnh giải thuần thục. Tổng thí dụ luận đủ Quyền Thật từ đầu đến cuối cho nên được song biện Thắng liệt hai ứng và dùng Liệt ứng hóa đạo từ đầu đến cuối. Cho nên, trong bản thí một hàng trước nói Thật, một hàng sau nói Quyền, huống chi khai sáu nghĩa Quyền Thật đối nhau. Từ "Pháp thí" đến "xen nhau nêu": Cảm ứng đạo giao không trước không sau, chỉ tùy văn tiện xen nhau nêu một biên. Trước nêu không đồng. Tiếp, "Căn cứ Phật...": căn cứ chúng sinh và Phật xen nhau luận như Chỉ Quán nêu trong ý cảm ứng. Trước phàm Thánh tương vọng xen nhau làm nhân duyên. Tiếp cảm ứng đạo giao tự tha phá rồi thì mới gọi là "bất tư nghì phát". "Nay dùng văn tiện lợi": Đây tuy có ba văn, lại y hai văn giải thích cho tiện, chẳng phải tức hai văn này khiến thấy có trước sau. Cho nên, phần đầu biệt thí lại theo phần sau thoái Đại ở thời ngũ trược, nên có ba văn.

Từ "Nguyên do thấy cha"... đến "triển chuyển (lần hồi đến nhà cha)": Là do chán khổ... Tánh của hai thứ Kiến, Tu đều có nghĩa chán. Tu suy tìm lý, kiến yếu đuối sinh đoạt độn. Các kiến xen nhau hưng khởi đều có thể suy tìm lý. Pháp "dung nhậm (làm thuê làm mướn)" là dùng sức để đổi lấy tài vật. Vốn khởi tà kiến lại mong thoát khổ. Tuy lại là tà cầu mà đã ngầm giúp cho chánh đạo. Cho nên, khiến thế gian chán khổ, bèn trở thành xuất thế thiện cơ. Thế đổi lấy xuất thế cho nên nói "làm thuê làm mướn". Từ một đến một cho nên nói "lần hồi". Nói "thiện căn": Cũng là nghĩa có khả năng sinh, nên có lý chuyển đến. Cho nên nói: do đây bèn đến nhà cha. Không cầu mong mà hội, cho nên gọi là "ngộ" (gặp). Không là ý nhân nơi pháp thế gian bỗng cảm đến từ bi xuất thế gian, lại không là ý thế gian tà suy tìm mà sinh chánh kiến

cảm đến Phật. Lại không là ý trong Tiểu thiện mà ngầm vào Viên môn Đại thừa. Đại Tiểu hai cơ cùng bấu víu nhà này. Đại cơ chưa thuần thục, chính là thấy đó mà xa. Tiểu cơ cảm ứng khá gần nên đứng bên cửa mà trốn. Do đó từ Thoái từ Cuối nghĩa tương đương cả hai cùng bấu víu từ Bản từ Đại riêng tại nơi Viên, từ cận mà luận đàm căn cơ thiên lệch trước cho toại ý. “Nơi thấy cha tức bên cửa”: Trước thì ở nơi Đại Tiểu cùng bấu víu, nay mới riêng chỉ “bên cửa” do Tiểu cơ gần. Nói “Hai quán là phương tiện”: tức là Nhị biên đều có nghĩa được thấy, cho nên tổng mượn chứng. Nhị biên đều thiên, thiên chân rất hẹp. Từ “Chánh kiến có hai” đến “gọi là xa”: là trong chánh kiến lại phân đây làm hai: Gần tức các chúng Bồ-tát trong Hoa Nghiêm; xa tức Nhị thừa, cả hai đều chưa hợp chỉ ở bên cửa. Trong văn có hai giải thích: Trước cơ, sau ứng, đều gọi là “xa”. “Ngồi giường Sư tử”; là giải thích sở biếu: Về sự thì tòa Sư tử cũng không có hình dáng Sư tư, chỉ có sở biểu. Cho nên Đại luận nói: Đức Phật làm Sư tử trong loài người, cho nên chỗ Phật ngồi gọi là “tòa Sư tử”, điều Phật nói gọi là “Sư tử hống”. Các người Thanh-văn thuật lời Phật nói mà còn được gọi là “tác Sư tử hống”. Bộ tuy kiêm Biệt mà theo thắng theo bản, cho nên gọi là “Viên báo”, đây chính là dùng bản của căn cơ. Cho nên từ đây trở xuống đây đều cần giải thích theo Viên giáo.

“Bảo kỷ (ghế báu)...”: một ghế đỡ hai chân, định tuệ sở y không sai khác, từ định gọi là đế, từ tuệ gọi là cảnh, đầy đủ như Chỉ Quán quyển ba nói. Cho nên hợp nói “Vô sinh định tuệ nương Chân như cảnh” tức sức định tuệ trang nghiêm pháp thân, từ sở gọi năng cho nên nói “Vô sinh định tuệ”. Nói “nương Chân như cảnh”: Dựa cảnh thành tựu quán nên gọi là “nương”, quả thể khởi dụng lại gọi là “nương”. Lại từ nhân mà nói, thì nhân tánh có tu cho nên gọi là “nương”. “Xưa nói...” là nêu giải thích của người xưa, hơi giống như nghĩa Biệt, chẳng phải là cái mà nay dùng, chuẩn theo lệ dễ biết cho nên không cần phá. Tiếp, “Xưa nói kinh này...”: là xưa có bốn lỗi:

1) Pháp thân không phải thường.
2) Tha phương vì đây.
3) Lấy ứng làm pháp.
4) Đối diện trái giáo.

“Nay cho rằng...”: trong phần phá nói “cha con...”: Cha con ví như cơ ứng, trước là thí dụ sau là pháp. “Mặc, cởi” ví như thể dụng, đầu là pháp sau thí, cả hai đều không thành, vì “nghĩa mặc cởi” sai khác. Văn trước đã phá.

Từ “Lại không chấp nhận...”: lại phá phương khác tự có ba tiết. Sư đây cũng dùng tha phương là Di-đà. Nếu dùng thân tôn đặc (tôn trọng) làm Di-đà thì đây có ba (thất) lỗi: Đại tiểu hai cơ đều tại Phật nay, chính là thành thấy y xấu làm bấu víu đây, thấy chuỗi anh lạc làm bấu víu Trưởng giả kia. Kết duyên cũng như vậy. Lại, ngày xưa Đại tiểu hai duyên đều tại đức Thích-ca, nay thân tôn đặc, y xấu đều tại Di-đà lại thật đáng cười! Cho nên ý thứ ba lập nạn càng khó. Xưa duyên Đại tiểu nhất định tại Phật nay, lẽ nào ứng ngày nay song ứng phương khác? Lại sao được Đại ứng tại cõi kia, Tiểu ứng tại cõi đây? Ý thú bình đẳng nghĩa cũng chưa thành, đầy đủ như trước phá.

“Nay nêu rõ...”: là chánh giải thích: Đây tức nối tiếp trước giải thích từ Phật ứng thế đến nay. Cho nên, biết Thắng ứng tại Hoa Nghiêm. “Nay kinh...”: là phá không phải thường trụ. Người xưa đều nói: “Niết-bàn nêu thường, Hoa Nghiêm pháp giới, Pháp Hoa không nêu”, tức là không hiểu bộ loại “Kiêm, Đãn, Đối Đới”. “Cấu y (y xấu)”: chính là trình bày xưa nói; xưa còn không nói y xấu, tại sao có thường trú? Từ “Sở thuyết pháp tướng” đến “không khác biệt”: là nay ý kinh kết hội từ đầu đến cuối. Giả sử luận pháp tướng như kia Viên thuyết, thì nay chẳng phải hoàn toàn không có mà văn tướng có lược. Trong bộ Hoa Nghiêm không ngoài bốn mươi hai vị, y chánh tự tại gần thiện tri thức. Kinh nay nêu vị, đầy đủ như mưa bốn thứ hoa. Khai thị ngộ nhập; tri thức đầy đủ như các phẩm Quan Âm, Diệu Âm, Dược Vương, Nghiêm Vương; y chánh đầy đủ như phẩm Phân Biệt Công Đức, Bảo Tháp, Thần Lực, chỉ có lược rộng có chút khác, nêu một ước lệ cho nhiều. Cho nên, bên dưới văn sớ nêu mười nghĩa biện rõ sai khác, đầy đủ như nói mười phương, có chỗ nào không nhiếp? Lý thật tướng không sự nào không thâu! Lẽ nào mê rộng lược mà mất Đại thể? Tổng như Huyền Văn nói Thập diệu dẫn các văn để chứng minh, tức tướng kia. Người không thấy điều đó, thì vọng sinh bỏ chọn. Cho nên, kinh này nói “Không, vô sở hữu...”: là nói Thật tướng các pháp. Thấy Phật thường tại bình đẳng với người cõi này không hủy báng các sự. Lầu nhà các thứ trang nghiêm, chúng sinh đủ thứ dạo chơi trong đó, cho đến tích môn nhân quả các tướng. Phần nhiều người lấy văn Hoa Nghiêm để tiêu kinh, tính toán thông suốt chứa đựng ở kinh điển này là hàng đầu lấy cho phân tán ở các kinh. Nếu Đại bản mất, thì uổng luận Tiểu lợi. Từ: “Cư sĩ” đến “tức tam thập tâm”: giữa đường dừng trong đó lấy “dân” làm Thập trụ, “thần” làm Thập địa, nay cư sĩ là dân, do văn hẹp nên không phân thần... cũng Viên bốn mươi mốt vị vậy. Từ : “Chân châu” đến “Pháp thân”: đều là cứu cánh

giới Lăng Nghiêm định Nhất thiết chủng tuệ Pháp âm Đà-la-ni trang nghiêm Viên nhân bốn mươi mốt địa. Địa là đối tượng bước lên, thân là chủ thể bước lên. Tứ là năng nghiêm, thân là sở nghiêm. Nếu dùng nhân xa cũng dùng sơ tâm viên giới định... để nghiêm tánh đức. Nếu từ nhân nói thì cũng là phục sức của bốn mươi mốt vị đến quả, đồng đều trang nghiêm pháp thân cùng tột.

Nói "giá trị": Có sang, hèn nên như các vị. "Lại, dân...": Trước nói "vây quanh" thì không nói "lại, dân". Nay nêu đứng hầu thì cùng "tôi tớ" chung hạng cho nên biết lập danh tùy nghĩa không thể nhất định. Vốn thí dụ sự lý sao được như ôm cây đợi thỏ, nên trước dùng "lại dân" tại Thật, nay đây "lại dân" Quyền nhiếp. Cho nên, tại đồng khác hai môn, bỏ qua chi tiết là đồng, đương phần là khác. Vậy thì, đồng là đồng thể, khác là khác thể. Khác thì căn cứ thiết lập Quyền, đồng thì dựa theo khai hiển, chỉ một lại dân mà nghĩa đương thuộc hai. "Nội cùng...": Là giải thích chữ "đồng", đồng từ bên trong đồng được tên, bên ngoài đồng làm hiển bên trong. "Dụ như...": là dụ hai nghĩa trước, cũng như quan lại hiền lành thì bên trong ứng ý chủ, bên ngoài dùng sai khiến, cũng như yếu thần bên trong thì làm bầy tôi của nước, bên ngoài thì làm chủ lớn của dân. Thể thần không riêng sở đối không đồng.

Hỏi: Trong đây tuy là tòa Hoa Nghiêm, "Thắng ứng tướng trạng" cùng "trước giữa đường dừng" nghĩa ý phần lớn đồng, vì sao trước dùng "nô tỳ (đồng bộc) làm Biệt giáo Hiền vị, "lại dân" làm Viên giáo Thánh vị ư?

Đáp: Nói tuy có chút khác mà ý cũng không khác, tùy cách nói kia bèn thuận tiện để hiểu kinh, vì ngoài đồng bộc ở trước còn có thần... bốn thứ nên biệt phân. Trong đây chỉ nói: "lại, dân, đồng bộc" chung làm một vị vì làm đối tượng sai khiến. Lại, ý ở đây đoạn Biệt hoặc, tức nhập Địa, Trụ, chẳng phải người sai khiến. Lại, đây cùng dừng lại trong thành, tuy tức đồng mà là tha thọ dụng báo.

Đây đã thị nhập Nhẫn giới làm Bồ-đề tràng, làm khởi đầu các giáo, cho nên thêm như thế để phá bụi trần "bạch phất", che phủ lấy từ bi làm "bảo trướng". Trước trình bày chỗ ở, sở hữu của trưởng giả, nay nêu sở kiến sở hữu của cùng tử. Sở hữu đã đồng rộng lược chuyển dụng. Trong cụm từ "Đứng hầu vân vân" thì "vân vân" là: Trong nay vì là phương tiện trung đạo, đều thích hợp Địa tiền để giải thích "lại dân", giữa chánh, hai bên, dân, chủ sai khác, căn cứ theo bộ nên nêu rõ thứ lớp và không thứ lớp, cho đến hai giáo, giáo chủ không đồng, đều có nghĩa "đứng hầu, quét bụi" khác nhau. "Các hoa phan đẹp thòng

xuống": Tứ nhiếp hiện thần thông lợi hạ gọi là "thùy"; tuy hoa và phan đều rũ xuống mà hoa trang sức cho phan như thần thông có tứ nhiếp, người thấy thì sinh hoan hỷ. Lại tuy phan và hoa đều động mà được danh xứ sai khác. Phan đặc biệt dịch chuyển, hoa thì căn cứ đoan trang tốt đẹp. Thần thông hạ hóa khiến chúng sinh vui thích, vận hai thứ này, ắt là thượng đẳng vô duyên, cho nên đều như "trướng" treo lơ lửng, dụng xứng nơi thể như che khắp trên Phật. "Hương thủy...": Nếu căn cứ tự hành thì như giải thích thứ hai. Nếu không dùng "nước thơm tưới lên đất", thì trướng, phan hoa bị vấy bẩn bụi trần nên dùng nước trí hương tưới đất thật tướng, trị sạch tam hoặc trần thì Như Lai trưởng giả Từ... đều tịnh. Nếu căn cứ giải thích đầu thì nước thơm tưới đất tâm Bồ-tát. Đã từ lợi tha tu nhân để giải thích, cho nên biết bảy thứ tịnh phải từ nhân Bồ-tát hạnh để giải thích, danh tuy đồng tiểu mà đây tức Viên giáo. Cho nên, nêu tam tụ và Lăng-nghiêm... Nếu y phương tiện thì tùy giáo nghĩa biệt. Nay y Viên tâm đều do bảy thứ đây ban khắp các địa. Tự hành thì hành nay, khiến tha tu nay, cho nên trong văn đều y Viên giải thích.

"Trưng bày la liệt...": Hoa tiêu biểu nhân nghiêm, báu tiêu biểu quả đức, nhân quả vạn đức đều nghiêm thật lý cho nên khiến la liệt bày đều tại nơi đất. Đất chẳng phải là hoa báu mà bày khắp hoa báu, lý chẳng phải nhân quả mà tu chứng nhân quả. "Xuất nạp: như trước giải thích vân vân": chỉ bốn lớp trước, chỉ vì trước thì chỉ tại quả nay có thông nhân. "Tướng hải (biển)": Toàn chỉ Hoa Nghiêm phẩm Như Lai Tướng Hải và dùng phẩm Tùy Hảo Quang Minh trong đó nêu rõ Tỳ-lô-giá-na đầy đủ mười Liên-hoa-tạng thế giới hải vi trần số tướng, mỗi mỗi đều dùng diệu tướng trang nghiêm, cho nên nói: "cần giải thích theo nghĩa Phật Xá-na".

"Thấy cha sợ tránh": Cha con thấy nhau tuy ví như cảm ứng đạo giao bất khả tư nghì. Nhưng nếu căn cứ hóa sự tiệm giáo để luận, thì nói "Cha trước thấy con" là Như Lai quán xét căn cơ, đạo lý như đây. Nay nói "Con trước thấy tướng cha và xứ...": chẳng phải tức đã thấy mà đều là căn cứ cơ ứng, thuật đủ đầu đuôi nguyên do thọ hóa. "Hoặc là vua, hay bực đồng vua": Đã nói thấy cha sợ tránh tức tại sơ giáo đốn tiệm. Nếu căn cứ trước đốn tiệm thì chưa có nghĩ sợ ma, căn cứ tiệm cơ đối Đại thì luận "sợ tránh...", cho nên nói "chưa từng thấy nghe...". Từ "Lược khai" trở xuống: là dùng sau để nghiệm trước, nghiệm trong khả năng của xưa, đầu tiên cho Đại thì quá sức Thân-tử khi nghe Phật lược thuyết, cho nên nói: "Quá sức ngày nay". "Lại nữa...": là lập lại

giải thích ý. Căn cơ tiểu thừa lúc ấy lẽ nào biết hai thân? Cho nên thuật trong căn cơ không thọ, cũng như cùng tử thấy vua hoặc bậc đồng vua.

Hỏi: Pháp thân là thầy của Báo, sư đệ nghĩa khác biệt vì sao nói là ngang đồng?

Đáp: Đây đồng là con của thầy như Pháp, Báo tương xứng. "Các kinh phần nhiều gọi là Kinh vương...": Lần nữa lại căn cứ Giáo mà giải thích. Các kinh có nêu nghĩa Pháp thân tức gọi là Kinh vương. Trí khế hợp pháp tương xứng gọi là bình đẳng. Cho nên trong căn cứ cơ đối pháp đối trí, gọi là "vua, bực đồng vua", tức các bộ Đại thừa cùng Tiểu thừa đối nhau. Người đời không hiểu thấy các kinh Đại thừa xưng là Kinh vương, bèn cho rằng kinh Pháp Hoa đồng các giáo kia. Nay cho là nhũ và hai tô đều luận Pháp Báo, tuy đều xưng vua mà chẳng phải vua của các kinh.

Dù có kinh nói: "Vua của các kinh", nhưng không thể nói từ xưa đến nay đương thuyết pháp đệ nhất tối thắng. "Kiêm, Đãn, Đối, Đới" nghĩa kia có thể biết. "Tư" là phóng ra, phô bày ra. "Khi đó ông trưởng giả giàu..." là "thí dụ thấy con": Nhưng các Thanh-văn trước lập thí dụ con thấy cha, ví khéo dụ lãnh Tiểu gặp Đại mà trong căn cơ không thọ. Nay lập thí dụ cha thấy con, là diệu dụ lãnh Phật thấy căn cơ mà không mưu tính nhưng thường biết rõ. "Thấy con, xử lý": Như Lai chẳng khởi Không tòa mà hoan hỷ thích hợp nguyện. Cho nên chỉ căn cứ hóa nghi mà nói cha thấy con. Lẽ nào dùng Phật nhãn mà Phật đợi con thấy rồi sau cha mới thấy ư? "Nay cơ đến xứng hợp lòng Từ", Đại Tiểu đều đắc gọi là "lai xứng". "Kia nêu rõ cứu khổ...": là phẩm Thí Dụ, cũng nên nói Thí dụ trước thì Như Lai ban Từ, sợ chúng đọa khổ. Đây dụ các con lãnh thọ nhận đức Phật ban vui. Như Lai cứu khổ vốn ở ban vui, con lãnh thọ lạc rồi biết cứu khổ. Hai nơi nghĩa đồng, tùy văn xen nhau nêu ra. "Liền suy nghĩ rằng" đến "bất đắc": đây cũng thuật từ nơi thoái đại đến nay. Đã nhập ngũ trần, Đại pháp không phù hợp để trị, tìm mưu tính dùng Tiểu, Tiểu lại liền đến. Nay cơ tiệm đến mới thi thiết Tiểu hóa. Nói "dùng Tiểu": tức không phải cho rằng thời xưa đã đắc nơi tiểu, cũng chẳng phải đời nay mới dần dần đến Tiểu. Cho nên, ngày xưa không gọi là "cơ đến", thì có ai đâu để luận trao của cải? Cũng không hoan hỷ, cho nên chỉ nói "xưa thấy muốn cho bình đẳng...". "Ngày nay" đến "có người để giao phó": thấy Tiểu căn cơ đến, thì biết cách Đại chẳng xa. Cho nên, mừng vì chúng là chỗ để giao tài sản.

"Ta thường...": là giải thích trước nay thoái Đại về sau, trước đốn tiệm không có thời nào mà không tư duy Đại Tiểu nhị hóa. Tuy Đại

Tiểu đều lỗi, mà vì để lưu chuyển đối với tâm bi, nên khiến ngày nay giao phó tài sản có nơi. "Nay có căn cơ đáng độ sinh...".

Hỏi: Căn cơ sinh (là) do Phật, sao nói tự đến ư ?

Đáp: Tuy cơ sinh là do Phật cảm mà cũng do chúng sinh. Lại, nhờ vào Trưởng giả thế gian tán thán con tự đến, tức xưa thì cơ không sinh nhưng nay thì có thể phát, vì tán thán cơ phát nên nói là "tự đến". Nếu cơ vẫn còn sinh thì truy tìm cũng không đến, sao có thể tự đến! "Ta tuy...": là dò xét nói hy vọng về sau. Hoặc như một kỳ báo thân sắp dứt, không có người giao phó nên tiếc. Như xướng diệt độ pháp đều tùy diệt, thị hiện diệt vẫn còn tiếc, cho nên gọi là "tuy".

"Liền sai người hầu bên cạnh...": Từ đây mới lãnh thi thiết đốn tiệm hóa, cho nên biết trước lúc ấy thí dụ đốn, trước tiệm hoặc Đại hoặc Tiểu. "Chỉ vì phẩm Phương Tiện" đến "đều lãnh giải": Ý nói văn tuy giảm, ý ắt đều tồn tại. Phẩm Phương Tiện đã vì thượng căn cho nên không cần biệt nói, Thí thuyết đã vì hàng trung căn cho nên cần phải tách tổng ra biệt. Trong hợp và tụng tuy lại thiếu lược mà dùng thí dụ làm chánh, còn lại đều kiêm xen nhau. Nay đã lãnh thí, cần phải thuật khắp. Nói "Chỉ vì phẩm Phương Tiện tổng răn, khuyên v.v...": sợ người suy tìm lộn xộn nên lập lại sớ nêu xuất. Trong chương Thích-ca ở văn phẩm Phương Tiện, chỉ nói "nghĩ Đại thiết lập Tiểu", tuy không nói khuyên răn sai biệt mà ý nói tại khuyên, cho nên nói "trong ba tuần tư duy các việc như vậy"; tức là dự định cho Đại vậy. Các căn chúng sinh độn, tức không có cơ. Các loại như đây, tức thôi hóa. Tức đến Ba-la-nại... tức thiết lập Tiểu. Tuy không nói răn mà nghĩa bao hàm hai môn. "Nhà lửa khai khuyến xuất giới": trước đây theo pháp thuyết tại Khuyến khai Giới, giải thích đều có ba. Trong Khuyến môn có ba: Đầu tiên nói "Trưởng giả tư duy rằng..." là dự định thích nghi. "Lại tư duy rằng nhà..." tức không có cơ duyên. "Hoặc đương đọa lạc...": tức buông bỏ. Trong Giới môn có ba: Đầu tiên nói: "Ta sẽ vì nói..." tức dự định thích nghi. "Cha tuy thương xót...": tức không có duyên. "Đông Tây ruổi chạy...": tức buông bỏ. Trường hàng hợp Khuyến, không hợp Giới. Trong Khuyến có ba: Đầu tiên nói: "Như Lai lại tư duy rằng: Nếu ta chỉ dùng..." tức dự định thích nghi. "Vì sao vậy? Vì các chúng sinh chưa tránh khỏi...": tức không thọ. "Như Trưởng giả kia tuy lại...": tức thôi hóa. Nói "Thôi hóa văn rộng": Trước trình bày trước sau ba thí dụ. Tiếp mới dùng ba hợp chánh nêu rõ thôi hóa. Đầu tiên, "Như trưởng giả kia": Là trình bày đầu không đắc một thí, chánh nêu rõ thôi hóa. Tiếp, "Chỉ do ân cần...": là thiết lập Tiểu. "Rồi sau đều cùng ban...": là đồng

ban cho. Hai thí dụ này là phụ, hợp nghĩa thôi hóa. Tiếp, “Như Lai cũng lại...”: mười sáu chữ, đầu tiên là chánh hợp thôi hóa cho nên nói rộng.

Trong kệ chỉ nói Giới (răn): Cùng đầy đủ có ba:

1) “Mới thích nghi cứu giúp...”: Xuống bốn hàng rưỡi là tụng dự định thích nghi.

2) “Các con không biết xuống...”: ba câu tụng ý không thọ.

3) “Hy hý...”: một câu tụng thôi hóa.

Từ đây trở xuống dưới thuộc văn dùng xe. Đây tụng văn thí thì đầy đủ có ba. Chỉ tụng trong hợp cũng chỉ hợp Giới (căn). Có một hàng văn trường hàng và tụng vẫn tiến thoái hai giải thích. Đầu tiên giải thích cũng đầy đủ có ba. “Tuy lại dạy bảo”, một câu: Dự định thích nghi. “Mà không tin thọ” một câu: Không có cơ duyên, “Ở các dục nhiễm” hai câu: Thôi hóa. Lại nói: “Hoặc có thể...”: hai câu cũng tụng ý không có cơ duyên. Y giải thích thứ hai, cho nên nói “không tụng thôi hóa”. “Liền sai người hầu bên cạnh...”: là nêu đều lãnh thọ, nhưng nghĩa thì có sáu, văn chỉ có năm: Trước khuyến, giới đều có hai nghĩa là dự định thích nghi và không có cơ duyên. Tiếp, Khuyến và Giới hợp nhất, tức hai môn thôi hóa.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 7

PHẦN TRUNG

Tiếp “Sai người bên cạnh”: Là căn cứ giáo, căn cứ nhân. Căn cứ giáo thì Lý giáo vọng nhau, căn cứ nhân thì Sư đệ vọng nhau. Nhân ắt chỉ giáo, giáo ắt đãi nhân. Hai giải thích mới cùng khắp không thể hiển thiên vị. Đầu tiên ước giáo; lý tức Pháp thân, trí tức Báo thân. Do trí, nên nói “trí gọi là năng sai khiến”, trí tuy năng sai khiến mà sở y thì nơi lý. Năng sai khiến như “thần”, sở y như “vương”. Sở sai khiến là giáo, cho nên lý thì chánh giáo thì phụ. Cho nên, báo vọng giáo, thì báo cũng gọi là chánh. Nhưng báo do lý thành, lý thì gần báo thì xa, cho nên trong hai chánh thì theo gần để nói. “Lại, người bên cạnh...”: là căn cứ nhân giải thích: Trong kinh Hoa Nghiêm sau phẩm Hiền Thủ, phẩm Thập Trụ nói tại cung trời Đao-lợi, thập Tuệ Bồ-tát, thì Pháp tuệ là đứng đầu, chín Tuệ còn lại đều dùng kệ tán thán. Tiếp, Pháp Tuệ Bồ-tát rộng nói Thập trụ. Tiếp, phẩm Dạ-ma Thiên Tự Tại có thập Lâm Bồ-tát, chín Lâm cũng đều dùng kệ tán thán rồi. Công Đức Lâm rộng nói Thập hạnh. Tiếp Phẩm Thăng Đâu-suất có thập Tràng Bồ-tát, chín Tràng cũng đều dùng kệ tán thán rồi tiếp Kim Cang Tràng rộng nói Thập hướng. Tiếp phẩm Thăng Tha Hóa có ba mươi sáu Tạng Bồ-tát, Kim Cang Tạng đứng đầu, có Bồ-tát tên là Giải Thoát Nguyệt thỉnh nói Thập địa. Bốn Bồ-tát khi nói các giai vị “Trụ, Hạnh, Hướng Địa” đây đều nói rằng: “nhờ Phật lực mà nói”, cho nên gọi là “sở sai khiến”.

Tiếp, trong phần “Giải thích Chạy nhanh” cũng căn cứ nhân, giáo. Trước, trong căn cứ giáo chỉ dùng hiển lộ làm “nhanh”. “Nếu dùng Bồ-tát...”: là lần nữa thuật căn cứ nhân. “Bồ-tát tự có thần thông, lại được Phật gia bị”, cho nên gọi là “nhanh”. “Trái tâm...”: Trái ắt không biết kinh sợ, ắt ngạc nhiên như thấy bất ngờ, trái tâm không biết, giáo đây đối với kia cũng lại như vậy. “Lớn tiếng kêu oan”: Kinh chỉ nói “oan” mà không nói khổ, trong sớ văn giải thích sở dĩ kêu lớn tiếng là vì khổ

đau, do đó đầy đủ có hai nghĩa: Gặp oan ắt khổ nên gọi là kêu lớn, nghĩ như thế nghĩa lý hợp đúng. “Nếu khuyến phiền não tức Bồ-đề” thì chính là khiến cùng tử không đoạn phiền não. Phiền não không đoạn ắt chiêu cảm khổ báo; lẽ nào có “sinh tử tức Niết-bàn” ư! Vì vậy cho nên “lớn tiếng kêu oan” nghĩa đương nhân quả, văn ý trình bày cả hai. “Tự nghĩ mình vô tội...”: Là tự tỉnh chưa thể đồng chúng sinh nhập ác khởi tham dục.... Nay nếu làm điều đó thì gọi là tội hành. Bồ-tát ắt vào sinh tử lao ngục, cho nên nói “bắt giữ”. Không có đại phương tiện: Là không nhập giả trí khiến khởi tham dục, vào sinh tử gọi là mất tuệ mạng. “Ắt đọa...”: hai giải thích, “đọa trong ba đường khổ” thì Đại Tiểu đều mất. “Chìm đắm trong vô minh địa”, “địa” cần theo nghĩa bao gồm giới nội và giới ngoại.

“Căn cứ nhân làm sứ giả”: Pháp chọn căn cơ cần thân đồng loại. “Tịnh Danh...”: Sai hóa Bồ-tát qua lấy hương phạn, Bồ tát cõi kia thấy hỏi hóa Bồ-tát. Hóa Bồ-tát đáp, do Bồ-tát kia nghe nói cõi uế đây Đức Phật và Bồ-tát có khả năng nhọc nhằn, khiêm tốn, vị kia nghe muốn đến thành tựu hạnh song lưu. Đức Phật kia khuyên răn dạy rằng: “Nhiếp thân hương...”. Bồ-tát kia đến nơi đây cũng khiến ở cõi này người chưa phát tâm thì phát tâm, người đã phát tâm rồi thì tu hành, cho nên khiến nhiếp thắng theo liệt, hiện đồng loại. “Phổ Hiền nhập Sa-bà...”: Phổ Hiền Bồ-tát thân lượng vô biên âm thanh vô biên, sắc tượng vô biên. Muốn đến nước này, ngài bèn dùng sức tự tại thần thông thúc thân khiến nhỏ, vì người cõi Diêm-phù đề ba chướng nặng nề; dùng sức trí tuệ hóa cưỡi voi trắng, cũng vì chúng sinh không thích nghi thấy Thắng ứng thân. Cho nên Bồ-tát thắng báo thân cũng không thể khiến nhị thừa thấy.

Hỏi: Nếu như vậy, thì kinh tại sao không nói “Ông chớ khiến thấy thân uy đức” mà chỉ nói “Chớ cưỡng đem đến” ư?

Đáp: Thân nếu đồng loại thì dẫn dụ ắt đến, thân ông còn hơn ắt khiến kia sợ hãi. Cho giả rằng: nên bảo sứ không cần cưỡng dùng thắng thân để giáo hóa, cho nên nói “chớ cưỡng ép”.

Nói “chớ cưỡng ép” giải thích thành câu trước. “Riêng bảo rằng...”: trong đây tuy không nói “tư duy”, nhưng tại văn thí dụ Khuyến và Giới môn đều có lời nói này. Trong Khuyến môn, dự định thích nghi tức nói: “Liền suy nghĩ: thân và tay ta có sức mạnh”. Trong Giới môn, dự định thích nghi tức: “Tư duy như vậy đầy đủ, rồi bảo với các con”. Cho nên, riêng dẫn. Cần thì liền sinh thiện cho nên nói “không cần” tức thôi khuyến thiện. “Cưỡng ép” tức răn ác, cho nên nói “chớ cưỡng

ép”, tức thôi răn ác. Từ “Nên dùng” đến “như mặt”: Biết chúng sinh kia chỉ thích hợp nghe giáo sinh diệt, cho nên dùng lý “Khôi thân diệt trí” mà thuyết giáo lý Hữu, cho nên nói “nước Lý”. “Mặt” là dùng hướng để giải thích. Có trái sinh tử hướng cơ Niết-bàn, cho nên gọi là “diện (mặt)”. Chẳng phải cho rằng: “Sái” Niết-bàn kia, gọi là “diện (mặt)”. “Đừng nói chi với nó”: “Nói” chỉ là giáo. “Không nói với người khác” cho đến “Bồ-tát”: Trong đây nhất vãng chỉ nói xưa Tiểu nhưng trước Pháp Hoa các kinh Đại Thừa không nói Nhị thừa là Bồ-tát dẫn hộ trì Nhị thừa, lẽ nào liên quan đến Bồ-tát? Che Thật giữ Quyền cho nên nói “che giữ”, cũng là che ấm đem hộ không hiển rõ Thật kia. Cho nên, trước Pháp Hoa ngoài nhất Thật ra đều gọi là “tùy tha”. Lại nói “ẩn bốn vị”, thông nói Tiểu thừa giáo. Do xưa hai vị còn có Tiểu giáo, nhất định không có nói “Tiểu thừa thành Phật”, cho nên Nhũ và hai tô đều đối với Tiểu cơ mà nói là: “Không nói” đó thôi! Chính do bài xích thêm nói được tên hai vị. “Tức là thôi hóa” đến “từ đất mà đứng dậy”: Trong đây có hai giải thích, hai địa không đồng hai khởi không biệt, cho nên dứt một đại hóa lìa hai chủng địa. Tán thán đại đọa lạc khổ cho nên có trước giải thích, dùng tiểu nhận được cho nên có giải thích tiếp.

Trong phần Giải thích tiếp, nói “Vô minh địa”: Nếu nói “nằm ở đất” tức thí dụ hai vô minh, nếu nói “mà đứng dậy” thì lại từ giới nội, cho nên biết không giải Đại tiểu; đầy đủ hai vô minh đều gọi là “nằm”. Đây phù hợp tiểu pháp, trước là trị giới nội cho nên lại nói “đứng dậy”. “Trong Tứ đế” đến “y thực”: thích nghi hướng đến cảnh sở đối, cho nên nói “qua đến”. Tiểu vẫn tại cơ, cho nên dùng “muốn” để giải thích “cầu”. Câu dưới mới nói “Trưởng giả toan muốn”. Cảnh nhiếp pháp hẹp, cho nên nói “xóm nghèo”. Muốn hướng đến Tiểu quả, lại cần chánh trợ cho nên nói “y thực”. “Lại một ngày khác... là dùng ý lãnh Pháp thân địa”: Kinh văn nói “ông ở trong cửa sổ” thì chữ “trong” đó là nói “tại trước Đạo thọ”; ý thì đều chỉ trước Tiệm Đốn giáo, để nói đến nạn vấn tôn đặc cho nên biết Thông đến trước Đốn.

Hỏi: Bốn đại đệ tử... .Ý trong đáp: Đã nghe thí dụ rồi lãnh đủ hai chu, nhập Đại không dối cho nên tự xét nói “Nếu bắt đầu...” Nạp pháp đã trọng ắt có biết đây.

Căn cứ hóa nghi nói từ chỗ chấp nhận tiến thoái cho nên trước bằng nhau sau dò xét, lẽ nào có tự thâu hoạch Tiểu đến nay mới năm mươi năm mà đủ thấy cảnh giới Bồ-tát khó nghĩ bàn, nghe khắp các pháp dung thông hết thảy? Chẳng phải hoàn toàn không biết, nhưng chưa lường được nguồn gốc, tự xét mình tuyệt phần dự lãnh. Nay nhờ

Pháp Thí, nhiễm được phần nào Viên thường, suy biết Như Lai ngày xưa như mặt trời trước chiếu. Cho nên, dưới đức Phật tán thán rất là hy hữu. Vì thế, dùng hai vị thấy, nghiệm trước thấy chẳng phải chân. "Thoát tướng Đại tiểu": Tướng là biển tướng lớn, hảo là biển tướng nhỏ. Toàn ẩn thân biển vô lượng tướng hảo, cho nên thí dụ nói "thoát". Tướng hảo khó lường dụ cho biển lớn khó lường.

"Mật sai hai người": Trong đó, trước là giải thích "hai người". Tiếp, "Đầu tiên dự định Đại...": mới giải thích "mật sai". Người là sở khiển, mật là ý sai khiển. Đầu văn trước hết nêu rõ ý chỉ có hai, cho nên đối Bồ-tát lại thông chỉ hai người. Tiếp, "Căn cứ pháp...": là căn cứ pháp căn cứ người để phân hai. Tiếp, "Giải thích mật sai": Trước thì đối người bên cạnh để biện rõ khác biệt, tức cùng mật hiển che lấp sai khác. Nay nêu "mật sai": Che thật gọi là "mật", dùng Tiểu gọi là "sai". Che lấp "mãn", nêu "bán", căn cứ theo lệ có thể biết tức là phân bán tự và mãn tự để giải thích. Cũng là từ Đại thiết lập Tiểu cho nên gọi là "sai", Tiểu không lường được Đại, cho nên gọi là "mật". Nhưng "bán tự mãn tự" không đồng giải thích của người xưa, nay phải tại Viên, đầy đủ như Huyền Văn. Căn cứ người, chuẩn theo lệ có thể biết. "Hình...": là tiếp giải thích hình sắc, cũng đầy đủ hai ý: Thứ nhất, căn cứ Tiểu giáo, trăm kiếp sở chủng tuy tại Tiểu luận mà không tại Nhị thừa. Cho nên Nhị thừa giáo không nói sắc hình tốt đẹp, mà nói vô thường gọi là "tiều tụy". Thứ hai "Căn cứ người...": ẩn Bản làm "mật", hiện Tích làm "sai", đầy đủ như văn dưới trong Phú-Lâu-na nói.

Hỏi: Nếu chuẩn theo văn dưới thì chỉ phát các Tích của Mãn nguyện và A-nan, vì các Thanh-văn cũng có bản ư?

Đáp: Nhập Đại Thừa luận nói: Không chỉ La-vân riêng là Bồ-tát, như các đồng tử, A-nan, Nan-đà và Điều-đạt... đều là Bất thoái Bồ-tát. Nếu vậy thì chỉ có Quyền mà không có Thật ư? Đáp: Dùng Quyền dẫn Thật, lẽ nào ngoài các Bồ-tát này đều là Quyền ư? Đây cũng là nghĩa sẽ giải thích nơi bản tích.

Nếu giải thích "vô oai đức" thì tùy nơi hình sắc để giải thích. "Đại giáo...": Trước Đại giáo nhanh, cho nên nói "liền sai". Muốn hộ giúp chí Tiểu thừa, cho nên nói: "từ từ nói". "Trả giá gấp bội...": Trong đó hai giải thích: Đầu dùng Giới thiện đế duyên tương đối làm một gấp bội, giới thiện tại Dục, đế duyên xuất giới. "Lại ngoại đạo...": lậu vô lậu tương đối làm một gấp bội, cũng là nội ngoại hai đối trị không đồng, gọi là một gấp bội. "Sáu hạnh" chẳng vĩnh viễn "đoạn", cho nên chỉ nói "phục hoặc", lược như Chỉ Quán quyển sáu nói. "Cùng tử nếu chịu...":

Là đối kia không chịu, cho nên phải nói "nếu". Hóa nghi chấp nhận cho nếu thuận vật tình, cho nên nói vậy. "Không luận tịnh Phật quốc độ": Tịnh Phật độ, nghĩa lược như trong kinh Tịnh Danh phẩm Phật Quốc nói ngang mười bảy câu, dọc mười ba câu, rộng như trong kinh Hoa Nghiêm phần hồi hướng nói, và các kinh Niết-bàn, Đại Tập, Trí luận các văn đều nêu đủ. Tiểu thừa không có điều này, mà chỉ khiến "hốt (trừ) phân", cho nên được thọ ký rồi mới tạo tu cùng chúng sinh kết duyên, chẳng liên quan đến đủ hạnh . "Nhị thừa" đến "trước hỏi lấy" là: Trước hỏi giá tiền công, cho nên nói "trước hỏi lấy", chẳng phải cho là đã lãnh hội cho nên nói "hâm mộ qua".

"Người cha thấy con...": Hỏi: Nếu "thương xót và trách nó", thì vì sao mật sai dạy cùng tử nhận lấy quả ư?

Đáp: Người bên cạnh đuổi theo không đến sự cần phải mật sai. Tuy dạy "hốt phân" mà chẳng phải cha vĩnh viễn nhớ mong, muốn có sự rõ ràng để nói lời giao phó nên trước thương và trách nó. Đều ở đây là lãnh pháp thí đến văn đó xong, đây là thôi Đại cho Tiểu hai nơi đều có đoạn văn trước xong. Từ văn đây về sau, Pháp thuyết chỉ có khai quyền, Thí thuyết chỉ có đồng ban cho, đều thiếu hai vị trung gian. Nếu luận xét lãnh Pháp Thí hai nơi, thì tuy không có chánh văn nhưng chỉ nhãn (mắt) năng thấy pháp thí tức là Pháp thân. Cho nên tề giáo lãnh mà lại lãnh tiệm sơ, do đó bẩm thọ Tiểu gọi là "tề giáo". Biệt có xét lãnh cho nên nói "Lại một ngày khác", trong đó trước tổng thuật Lai ý, tiếp liệt chương, văn chia bốn đoạn. Nói "dự định thích nghi...": ý nói: Phật tại pháp thân dự biết ta có Đại Tiểu bốn ý cho nên nói "dự định thích nghi...". Tiếp giải thích chữ "lại (hựu)": Trước giải thích chữ, tiếp giải thích nghĩa. Tiếp, giải thích "ngày khác", giải thích hai chữ "ngày khác", trong đó trước tách ra để giải thích hai chữ, tiếp "Tề giáo...": là căn cứ hai lãnh tề thám, hợp xét hai chữ. Đầu tiên trong phần tách để giải thích nghĩa kia thì là tổng, do chưa phân tề giáo thám lãnh, tiếp hợp xét trong đó nghĩa thì phân biệt. "Tự tha..." ba thứ làm giáo thám. Đầu văn giải thích "tha" chia làm hai: Đầu giải thích, tiếp phê phán. Đầu giải thích: Căn cứ người Nhị thừa dùng Tiểu vọng Đại làm "tha". Tiếp phê phán: Trước nay căn cứ Nhị thừa, tuy dùng Đại làm "tha" mà chưa biết Đại đây vốn dùng thân nào? Nay phán đó tức Pháp thân. Tiếp giải thích "nhật": Đối pháp thân địa đã dùng Quyền Thật, Thật tự Quyền tha, trong pháp nhị thừa không có trí pháp thân cho nên gọi là "tha".

"Nếu từ...": là phán xét: Nếu từ pháp thân dùng Quyền trí, thì đối với người Nhị thừa cũng gọi là "tha". Tha đây phải chỉ Quyền trí Phật.

Tiếp, hợp chữ để giải thích: Trong đó có ba giải thích, tức y Đại kinh nói tùy tha v.v... và nói hóa tha..., có làm pháp thức vẫn đối hai thời tề giáo thám lãnh. Văn chia làm ba:

1) Giải thích ba tướng.

2) "Nếu từ...": là phán xét thuộc về nay.

3) "Nay từ...": dùng ý nay kết.

Phần một có hai: Trước, căn cứ hóa tha tức chỉ Tề giáo. Tiếp, căn cứ tự hành và dùng tự tha tức chỉ Thám lãnh. Nói "Tềgiáo": Tức Pháp Thí hai văn chỉ đến Lộc-uyển. Dựa theo giáo cho nên nói Tề giáo. Cái gọi là "Thám": Nghĩa là quá khứ dò xét hướng trước đạo thọ tịch tràng. Đầu tiên, Tề giáo: Tức thuộc nghĩa thứ nhất, trước căn cứ cơ thuyết, vì vậy cho nên Tề giáo chỉ lãnh giải Hóa thân, tức thời không phải hóa thân thì gọi là "ngày khác". Tiếp, "Nếu căn cứ..." thám lãnh. Văn lại có hai: Chánh nêu hai nghĩa. Tiếp "Đây thì...": là kết. Đầu văn: Tuy là Pháp thân đã dùng tự hành đối tha, cho nên dùng hóa tha Quyền Thật đều là tha, do đó Nhị thừa xưa cũng không lường nổi ý chỉ kia. Trong đây nói "tự hành" tợ như "tự tha", dùng đối tự biện tha đều có Quyền Thật, cho nên song nói như thế. Tiếp trong Tự tha, tự cùng tha đều riêng nói Quyền Thật, tức là căn cứ lý hợp song, Trong đây nói "tợ tự hành", vì đối hóa tha thành tự tha, do đó tự hành cũng chỉ hóa tha làm tha, tự tha cũng chỉ hóa tha làm tha. Cho nên biết trong Thám đều chỉ pháp thân thời quyền, Nhị thừa đối kia tuy thọ theo Tiểu hóa, mà đồng thể Quyền thì nhị thừa không hiểu. Đối Phật hai tự đều chỉ đồng thể pháp thân thời Quyền. Tuy có hai ý mà "ngày khác" đều thành.

Tiếp, trong "phần Kết" nói: "Hoặc có hoặc không...": kết nơi pháp thân quyền trí sở chiếu, hoặc có cơ hoặc không cơ. Nói "Có thể không?": Là nêu rõ pháp thân dùng trí hợp vật xứng cơ không thể và xứng cơ hay không? Thời đến làm có thể, đợi thời được không? Tuy có và không có thể hay không đều là quyền trí quyền cơ được gọi là "ngày khác". Tiếp trong phân phán nói: "Nếu từ...": là phán hướng Tề Thám. "Thám lãnh tự tha": "tự" là nghĩa tự hành thứ hai, "tha" là nghĩa tự tha thứ ba. Nên lập lại nói "tự" mới hiển rõ nghĩa thứ ba. Đều là đối pháp thân làm "tha", cho nên chẳng phải việc Nhị thừa. "Tuy có hai y" mà trong hai thứ Tề và Thám đều có nghĩa "tha", cho nên nói "đều thành". Trong Tề thì dùng pháp thân chiếu cơ làm tha; hai nghĩa trong Thám thì dùng trung của Như Lai tự hành đều lấy quyền làm tha, tha tức nhị thừa sở dụng. Tuy có nhị thừa sở dụng và phi nhị thừa sở dụng, hai ý không đồng mà đều được gọi là tha. "Nay y...": thuộc đối ý văn, "Nay y Nhị

thừa sở lãnh” tức Tề giáo Thám lãnh. “Lại theo ngày khác” tức Thám và Tề giáo hai xứ ba tha. Cho nên, Nhị thừa lãnh làm giáo của mình vọng ở Phật. Lại lãnh Như Lai dụng tha. Nói “Thám lãnh” cũng nên nói “Tề giáo”. Chỉ vì là văn lược, cho nên hai lãnh đều chỉ Pháp thân dùng cơ, chỉ theo nghĩa biệt hai tha không đồng.

“Song dũ” (cửa sổ): Thuyết Văn nói: Ở phòng gọi là “song”, ở tường vách gọi la “dũ”. Chẳng phải “hộ” (cửa đi) cho nên “thiên (lệch)”, nêu rõ xứ vẫn là bên kia. Nay cũng như thế. Chẳng phải chính giữa nên “thiên (lệch)”, không khắp nên “hẹp”, nên pháp thân địa quán không có Đại cơ, chỉ thấy thiên hẹp trước thuần thục. Chính do con ngăn cách bên ngoài cửa sổ, đâu liên quan đến lỗi trưởng giả thấy thiên lệch? Huống chi là trưởng giả muốn dùng thiên cơ. Đối với Viên thì vẫn còn xa, cho nên nói “xa”. “Cởi y phục tốt” đến “đồ trang sức”: Như trước đã giải thích. “Sinh nhẫn Pháp nhẫn...”: Nhẫn hữu tình não gọi là “Sinh nhẫn”, nhẫn vô tình não gọi là “Pháp nhẫn”, nghĩa là nhẫn với lạnh, nóng, mưa, gió v.v... thuộc Pháp nhẫn. “Tay trái...”: Quyền thật trong Tiểu. “Tướng trạng có vẽ e sợ”: là trạng tương tợ, quyền dùng thật; đầy đủ như Thích Tiêm dẫn văn Thành Thật luận. “Lại có gió rét...”: Đại luận quyển chín nói Đức Phật có não, nghĩa là sáu năm khổ hạnh. Tôn-đà-lợi hủy báng, Kim Thương, Mã mạch, Lưu ly giết dòng họ Thích, khất thực bát không, Chiên giá nữ hủy báng, Điều-đạt xô núi đá, Gió rét xin y và Song thọ đau lưng, tổng cộng là mười. Nếu căn cứ Hưng Khởi Hạnh kinh chỉ có bảy duyên, không có Tôn-đà-lợi hủy báng và khất thực không được. Đại luận thẳng nêu ra, Hưng Khởi Hạnh kinh dựa theo đều giải thích.

Tiếp, “Bảo những người làm rằng...”: ví như Tứ niệm xứ trở đi tức đối vị. Nay chỉ lược đối không nêu hành tướng nữa. Thất giác ở trước Bát chánh, trong luận Bà-sa, có đầy đủ Liệu giản (giải thích), lược thì như Chỉ Quán quyển bảy nói. Không nói Ngũ đình: vì đình tâm chỉ là đối trị trừ chướng, khiến có khả năng tu quán. Từ Tứ niệm xứ chánh tu để nói; tuy nói “căn cứ vị” mà phải kiêm tương sinh mới kham hiểu ý đây. Cho nên văn dưới nói: “Siêng tu niệm xứ...”. Sinh Không Như Lai: Giáo đây tác pháp sở hữu Sinh Pháp không liên quan Đại thừa, tức trong A-hàm là lão tử, ai lão tử? Cho nên Sinh Pháp hai Không đều thuộc Chánh đạo, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói. Vô thường... là trợ: Như trong Đế quán nói vô thường chính là chánh quán, nay dùng hai Không vọng ở trong sự đối trị vô thường, chỉ được gọi là trợ, huống chi lại do nhất kỳ (một thời kỳ) niệm niệm lấy đó làm trợ. Như trong Đại kinh Đại

thừa trị môn, cho đến dùng thường, tại sao chỉ là vô thường? "Gần" chỉ bốn vị Noãn v.v..., ngoại đạo cầu lý ở trước địa vị này cho nên gọi là xa. Nên nói Tứ niệm xứ..., chỉ là tùy tiện mà nói thôi! Đây văn...: Do Thế đệ nhất là vị Ngũ lực không có năm lỗi. Hạ nhẫn mười sáu sát-na xuống đến Thế đệ nhất pháp vị, tức là Nhẫn ứng thượng hạ đều có mười sáu hành, mới thành ba mươi hai quán. Nay văn lại dùng Tứ đế nói, đối với ba mươi hai tiệm giảm duyên hạnh, hai mươi bốn chu giảm hành, bảy chu giảm duyên cho đến cuối cùng, chỉ lưu một hành. Quán một sát-na nhập Thế đệ nhất, lược như Huyền Văn Thích Tiêm lược dẫn văn Câu-xá. "A-hàm" đến "nghĩa con chưa thành": vì trong kinh A-hàm cũng nêu Bồ-tát không đoạn kết, mà Đại luận bài xích đó là quyền, chẳng phải hoàn toàn không có. Luận nói Ca-chiên-diên tạo: Từ chỗ tạo luận và chỗ tính toán nói, lẽ nào dùng gộp cả hai lại quy về A-hàm. Pháp Hoa căn cứ xưa trước mười hai năm dùng một nghĩa đâu đáng cười ư! "Đắc sơ quả" đến "Đại thừa": ý nói: Từ sau Kiến đạo không phát Đại tâm, trở lại khiến trong đạo Tiểu thừa đoạn kết, cho nên nói "vì cớ đó mà". Nếu căn cứ Đại luận thì đến sơ quả đã gọi đó là chết, không còn phát lại. Đại sư theo sự chấp nhận trong Chỉ Quán, tiến thoái hai giải thích do đó sơ quả cũng gọi là chết...: Có thể phát tâm "hai mươi năm": Văn hiện có bảy giải thích: Đầu giải thích: hợp số làm hai mươi; tiếp sáu giải thích: chỉ lập hai danh, như đoạn Kiến làm một, đoạn Tư làm một. Đầu văn: Kiến đoạn cùng phục không còn trước sau tức dùng tám Nhẫn thông phục tám trí, thông đoạn Tu Đạo chín, chín thông làm một, chín cho nên chỉ tổng lập chín vô ngại chín giải thoát.

"Ngũ thượng phần": Là trạo cử, mạn, vô minh, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. "Ngũ hạ phần": Thân kiến, giới thủ, nghi, tham, sân. Trong Ngũ thượng phần thì Sắc nhiễm và Vô sắc nhiễm hoàn toàn ở thượng. Trạo cử... ba thứ còn lại tuy thượng mà thông hạ, không thể vướng hạ nên gọi là "thượng phần". Nói "hạ phần": Tham tuy thông thượng nhưng không phải chỉ có ở thượng, Sân chỉ ở hạ không thông thượng, ba thứ còn lại nhiếp khắp tất cả Kiến hoặc. Tuy lại thông thượng mà năng vướng hạ, cho nên gọi là "hạ". Do đó Câu-xá luận nói: Do cả hai mà không siêu vượt cõi Dục, do ba lại trở lại hạ phần tức dù đoạn tham... đến Vô sở hữu, do Thân kiến... lại trở lại Dục giới, rộng như trong Câu-xá nói. Nói "Như ở trong pháp Nhị thừa đoạn Tư hoặc": Trước trong kiến đạo không phát, cũng như khiến đoạn tận Tư còn sót lại. Nói "cùng đoạn dư kết": Hoặc ở trong ngoại đạo đoạn chút ít Tư hoặc, lại y Quyền hạnh mà đoạn khiến không còn.

"Thứ tư: Thí dụ lãnh phó chúc": Thứ tư , năm hợp làm một đoạn, tức dùng văn Lộc- uyển sau không nhập văn Phương-đẳng. Đại chương tuy vậy, chia nhỏ vẫn có văn thoát nạn... để ứng thuyết một đời năm thời. Nay cũng còn khai tiêu biểu lãnh và phó chúc. "Lãnh" nghĩa là lãnh gia nghiệp, chỉ trong Phương-Đẳng, Bát-nhã. "Phó" tức giao phó tài sản ở trong Pháp Hoa. Văn thí dụ chia làm bốn chương: đồng ban cho v.v... tức trong văn nay hai trước hai sau: tức thoát nạn, đòi xe, đồng ban, hoan hỷ. Coi Phương-đẳng Bát-nhã là đòi xe: Văn hai chu kia sau thoát nạn tức nói đòi xe. Chỉ văn đòi xe ngắn đã không đối hai vị cho nên dùng miệng đòi đối. Nay dùng hai vị làm đòi cũng chỉ là đối cơ tình. ""Đòi" danh tuy đồng mà không phải là không có chút sai biệt, huống chi văn đòi ở trước nghĩa chẳng hạn cuộc nơi miệng đòi. Nay nói đòi: Không hạn cuộc cơ tình. "Cũng là bốn ý hiển Thật đã nêu trong phẩm Phương Tiện": phần kệ của phẩm Phương Tiện bên trên văn tụng hiển Thật ở chương Thích-ca, trong đó trường hàng chỉ nói "Như vậy đều vì đắc nhất Phật thừa Nhất-thiết-chủng- trí. Trong phần tụng Thí bản chia làm bốn ý:

1) Từ "Xá-lợi-phất phải biết, Ta thấy các Phật tử...": hai hàng nêu Đại cơ động, làm bản thí dụ nay đòi xe.

2) Từ "Ta liền suy nghĩ rằng...": hai hàng và một câu nêu Phật hoan hỷ; làm bản thí dụ nay thoát nạn.

3) "Ở trong hàng Bồ-tát chính bỏ ngay phương tiện...": ba câu chánh là hiển thật, làm bản thí dụ nay đồng ban cho xe.

4) Từ "Bồ-tát nghe pháp ấy...": một hàng nêu thọ hành ngộ nhập làm bản thí dụ nay được xe hoan hỷ. "Do tâm tướng thể tín" trở xuống, sinh khởi bốn dụ. Tiếp, "Trong hợp..." là dự định hợp văn từ trước đến nay sinh khởi bốn thí dụ, tức là bắt đầu từ Phương-đẳng cuối đến Pháp Hoa, trong Thí dụ chỉ là một đồng ban cho xe thôi! Nếu chia mười thí thì không ưng tín giải, bởi do đây.

"Lại trước trong thí Dẫn dụ" đến "Tư tận": Nói "dẫn dụ": Là mật sai hai người. Nói "ra khỏi nhà...": Là "ra khỏi nhà" và "Tư tận", hai thứ cuối cùng nghĩa đồng. Pháp thân và Đạo thọ, cận viễn (gần xa) không đồng. "Nay lãnh cũng có hai": Nay đến lãnh đồng ban cho, trong đó tổng hợp hai thứ thủy chung trong văn trước làm một thủy chung cho nên nói "cận viễn thủy chung". Đó là "Tề giáo" làm "cận thủy", "Thám lãnh" làm "viễn thủy", hai tứ chung (cuối cùng) chỉ cộng làm một. Vọng bên trong dụ dẫn... cuối cùng thì tột cùng nơi đồng ban cho, cho nên nói thủy bốn vị, chung phó tài. Đã dùng bốn vị làm thủy,

nghiệm biết Thám lãnh đến trước tịch tràng. Tiếp, “Vì sao vậy?”: là giải thích, giải thích xuất cộng làm một thủy chung tương tức năm vị. “Người bên cạnh ví như trâu”:

Hỏi: Trước dùng người bên cạnh tức trong Hoa Nghiêm nói bốn đại Bồ-tát, trong Đại kinh nói từ trâu xuất ra nhũ (sữa), dụ cho từ Đức Phật xuất ra mười hai bộ kinh; nay sao được dùng trâu dụ Bồ-tát làm người bên cạnh ư?

Đáp: “Phật thêm Bồ-tát” và “Phật” không khác biệt, tuy chủ bạn sai khác đều là năng thuyết, nghĩa sở thuyết phải đều từ ngưu xuất ra.

“Bao biếm”: “Bao” là khen ngợi, tuyên dương. “Biếm” là chê bai bài xích “Đã lãnh biết” đến “lẽ nào không vui ư?”: là căn cứ không mong cầu lấy thì chưa gọi là vui muốn. Vì lãnh biết rồi thì tăng trưởng hâm mộ vui thích về sau. Cơ hội đến gần được giao phó tài sản, gọi là “thoát đổi”. Cơ đã ngầm hợp cho nên gọi là “vui thay!”. “Phán thiên tánh”: lý tánh đồng. “Định cha con”: Hội kết duyên. Nhị thừa tại xưa thì “thiên tánh, cha con” hai nghĩa đều mê, đến khi Pháp thuyết “khai” tri kiến kia, gọi là hội thiên tánh. Thiên tánh nếu hội thì nghĩa cha con thành “Thị” (chỉ) cho biết sự mê trong đó, nên gọi là hội. Trung căn còn mê muội đến Thí thuyết rồi mới định sở sinh, vì thế bốn người đến phẩm này mới tin ngộ. “Bồ-tát nghi trừ” bởi vì trong Pháp thuyết vì khiến tất cả lẽ nào riêng chỉ Nhị thừa! Trong thí dụ đồng ban cho chẳng phải chỉ có căn bại, chỉ do lực người lãnh giải chưa sánh bằng chúng khác cho nên khiến trong lời nói không liên quan đến chúng khác. Mình là chánh người khác là bên (phụ) chưa vội vã đề cập đến người khác. Bản thân khó, người khác dễ, cho nên lại theo khó. Lại, mình biệt tại nay, người khác thông giáo xưa, cho nên lại theo biệt. Mình chết, người khác sinh, lại theo bắt đầu sống. Người khác theo xưa hiển, bản thân chỉ nay hiển, cho nên lại theo nay. Thấy nhiều ý đây, thì còn lại có thể biết. “Từ Bát-nhã” đến “vị thứ năm”.

Hỏi: Trước hội tam nói thuyết Pháp Hoa, nay trở lại dẫn Đại kinh nói xuất Niết-bàn, thế nào đồng được?

Đáp: một nhà nêu nghĩa nhiều nơi nói không phiền biện rộng. Muốn luận lần nữa, lại trình bày mong muốn Đại, phân biệt vị đồng thời mà có bộ khác. Căn cứ lý, danh biệt đều quy về thường trú, xét về cơ kia xứng nhặt nhạnh. Căn cứ pháp, kia còn ba quyền, luận ý thì kia đới luật nghi, nói chứng thì kia kiêm Tiểu quả, thọ lợi ích kia không rộng thọ ký, thuyết thời dài ngắn vĩnh viễn sai khác, đàm luận thường quá khứ vị lai không đồng. Luận thí dụ đại trận còn lại bè đảng. Hiện điềm

lành tiêu biểu đều sai biệt. Phá chấp khó dễ không đồng. Lãnh giải cận viễn cũng trái, thuật thành căn không đồng, dụng trị sinh tử không đồng. “Phó chúc có...”: có đây, được mười sáu ý, căn cứ đây lược biết. Sự khác ý đồng, không thể mất ý chỉ. Lỗi đây đồng khác giảng giải trao rất khó. Lẽ nào chỉ có hai kinh? Còn lại cũng không dễ. “Nay sơ tướng”: Nếu không xen nhau giải thích thì nghĩa “tướng” không thành. Nhưng con “thể” cha: dùng Đại mà so sánh Tiểu, cha “thể” con: dùng Tiểu mà không trái. Đầu cuối mà luận con chưa “thể” cha, cho nên thấy thân cha tôn quí đặc thù, thấy mà không chịu nhận. Thấy thân đã vậy, các lệ có thể biết. “Do đây thấy thân tôn đặc”: Như trong kinh Tịnh Danh nói “Ví như Tu-di Sơn vương hiển nơi biển lớn, an xử các tòa sư tử báu, che khắp tất cả đại chúng đến”. Trong kinh Dược Sư nói “Cao lớn uy nghiêm như trăng giữa các vì sao”. Trong kinh Đại Tập nói “Tập hợp trong khoảng hai cõi”. Các kinh Phương-đẳng thì theo lệ chẳng phải một. Cho đến nghe thuyết đại pháp, thấy đại thần thông, thấy đại Bồ-tát khó tư duy đại sự..., đều do đã đắc quả A-la-hán. Chê bai đoạt lấy không nghi cho nên nói “do đây”. “Kim (vàng) tức Biệt giáo...”:

Hỏi: Đại Phẩm có Viên, vì sao chỉ nói không xuất Thông Biệt ư ?

Đáp: Chỉ nói lý Thông Biệt thì đã nhiếp hai giáo kia. Luận giáo năng thuyên ắt đủ bốn, “kim” lại theo lý cho nên nói không ngoài hai thứ đây, bao gồm lại Nhị thừa đến đây phần nhiều thành thông Biệt. Cũng tạm nói như thế. “Thông biệt kho đụn”: căn cứ đây có thể biết. “Trong đó nhiều ít” cho đến “tướng rộng lược”: phẩm Phương Tiện thứ hai mươi mốt nói: Tu-bồ-đề bạch Phật: Như Phật đã nói hoặc rộng hoặc lược, các Bồ-tát vì sao cầu ư? Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu đại Bồ-tát học Bát-nhã rộng nhiếp này thì biết tướng rộng lược của tất cả pháp. Lại nói hai chu trước sau thời thuyết Bát-nhã tức tướng rộng lược. “Lại, Nhị thừa...”: lập lại giải thích ý: Là mật “thị” (chỉ) tri kiến đồng cho nên nói “thể ý”.

Nói “thể pháp không”: Thật lý bất nhị. Đây cóba:

1) Chính là ý trong Bát-nhã.

2) Căn cứ lý ở thời Bát-nhã mật nói Bất nhị mà Nhị thừa không biết, nghĩa là tại Bát-nhã ý thông Pháp Hoa.

3) Căn cứ ý nay, đối với Phật tức là phó tài, Nhị thừa tự cho là nói thêm. Cho nên, trong Bát-nhã nói: Lẽ nào hàng Thanh văn dám có sở thuyết? Có sở thuyết, đều nhờ Phật lực, do cơ chưa chuyển, tạm nói “gia bị thêm”. “Phải gắng dụng tâm thêm... “Là trình bày nguyên ý của Phật không ngoài hai thứ đây. Hiển tại Bồ-tát, mật gia bị Nhị thừa, nhưng

lãnh bốn thời trên đều đủ hai ý:

1) Thuật Phật hóa ý.

2) Đã nạp mật cơ.

Vậy thì thân ta lãnh hai nghĩa của Phật, cho nên gọi là "lãnh". Nếu đến Pháp Hoa thì ý Phật cũng tận, cơ hiển chẳng phải mật.

Hỏi: Thời gian nào gọi là "một ít thời gian"?

Trong phần Đáp chia làm hai: Một, căn cứ thời gian giữa hai kinh. Hai căn cứ thời Vô Lượng Nghĩa. Văn đầu, tức là biên hạn giữa hai loại xin ý và miệng, Bát-nhã chẳng phải một nên gián đoạn thời gian rộng. Tổng gọi "một ít thời gian" tức hướng về thời gian bức bách sau cho nên tùy theo lãnh giải một thời một hội đều có suy lường.

"Mất hay không mất": "Mất" thì bản thân không có phần, "không mất" lại chưa đồng Bồ-tát. Trong thời gian do dự tức là thời gian cơ muốn phát; chính thức phát chính là ở ba phen thỉnh. Tiếp, căn cứ Vô Lượng Nghĩa: Cách Pháp Hoa rất gần thời gian rất ít. Đã nghe từ một xuất nhiều nghĩa, ắt thâu nhiều quy về một, là cuối cùng của bốn vị cho nên nói "dần đã". Cơ không con ngăn cách sai khác, cho nên nói "thông thái". Phát tại chốc lát cho nên gọi là "tức phát".

"Chánh giao phó gia nghiệp": Trước nói "giao của" (phó tài) nay nói phó nghiệp. Tài từ chỗ kinh doanh, nghiệp tức tạo tác, đều là tác nghiệp của Bồ-tát tu đắc ba nhân. Danh khác nghĩa đồng nên được xen nhau nêu. "Linh sơn tám phen": Pháp Giới luận của Bồ-đề-lưu-chi nói: Sau khi đức Phật thành đạo bốn mươi hai năm mới thuyết kinh Pháp Hoa.

"Người phương Bắc": được các văn nêu phần nhiều là Tướng châu Bắc đạo Địa luận sư. Xưa hoằng Địa luận Tướng châu tự phân chia Nam Bắc hai đạo sở chấp không đồng, Nam thì chấp pháp tánh sinh tất cả pháp, Bắc thì chấp Lê-da sinh tất cả pháp. Tông phái đã riêng biệt thì giải thích nghĩa không đồng, lẽ nào Địa luận khiến như vậy ư? "Nếu vậy...": phá cả hai nhà.

Nói "Tích môn thuyết pháp": Chỉ là tam chu. "Kia giải rằng...": Địa luận sư bào chữa. "Nay cho rằng...": lại phá. Từ xưa không biết "khai cận hiển viễn" vĩnh viễn sai khác các kinh, cho rằng Tích thuyết xong không thể chứng. Nếu nói là "nói không sắp xếp trùng nhau", tức hướng đến phẩm Pháp Sư ở sau, thì vì sao phẩm Phương Tiện ở trước không biên chép? Nếu nói Phật nhập định rồi xuất không được nói, thì việc gì kinh gia không biên chép trước ư? Nếu đắc Tích môn xong, thì vì sao không đợi sau Bản tích? Duệ công sinh khởi tiện là vô dụng, một

nhà thứ lớp đạo lý lặng lẽ. “Y Tát Vân kinh”: Như phẩm Đa Bảo bên dưới dẫn. Nếu khi ba phen thỉnh mà Phật chưa thuyết kinh, thì sao được kinh nói “Đức Phật thuyết vô ương số kệ” Cho nên biết nói vô số tức phẩm Bảo Tháp về trước. Đã nói vô ương số kệ lẽ nào chỉ có ba quyển rưỡi kinh? Huống chi Bồ tát từ đất vọt lên tán thán kệ văn kia số rất nhiều, xưa truyền Pháp Hoa Tây phương còn rộng căn cứ theo văn đây. “Nay nêu rõ...”: Ý nói tuy chẳng phải thân sanh, mà trong Tích đã đồng nghiệp thì chẳng phải không có liên quan nhau. Cho nên dòng dõi cha theo nghĩa tương đương chú bác nên biết ngày nay hưởng tại xưa đều có cao thấp. Vậy thì xưa chỉ đia vị cao như “bác”, chỉ vị thấp như “chú”, đều là họ hàng cha cho nên nói “thân tộc”, và chữ “hội” xuyên suốt xuống dưới.

Từ “Quốc vương” đến “là vua”: Trước căn cứ các bộ của giáo xưa làm các vua. Nói “hưng phế”: Tùy luận “hưng phế” đầy đủ như trong Huyền Văn quyển chín nêu. Nay muốn lược luận đối bộ nói, thì Hoa Nghiêm có hai hưng hai phế, cho đến Pháp Hoa một hưng ba phế, đây chính phế các tiểu vương chỉ lập một chủ tể, vì vậy cho nên kinh Pháp Hoa gọi là vua trong các (kinh) vua. Tiếp, “Lại kinh đây...”: căn cứ kinh này hội giáo, do bộ trong kinh này không còn có các giáo khác. Bộ tức là tôn trọng cùng cực trong bộ, làm vua. Giáo tức là giáo chủ trong bộ, làm vua. Vì giáo phân Đại tiểu, vương cũng có tôn ty, cõi nước có rộng hẹp, dân có nhiều ít, của cải sản nghiệp đều sai khác, chỗ xuất cũng không đồng, cho nên giáo trong bộ có Thông Biệt hai lối. Biệt thì đương giới thi ân, Thông cần phải quy về nước lớn. Cho nên biết bộ giáo đều phải “hội thông”, nên trước nói bộ, sau mới nói giáo. Tại xưa chưa hội; như trong một nước lớn có hai, ba vua nhỏ đều theo lý phẩm vật buôn bán chưa quy về nước lớn, cho nên phương tiện giáo thì tên chủ vua không thể không có, chỉ vì kiêm Viên cực trong bộ nên chủ non yếu. Nếu hội rồi sau đồng thấm nhuần nhất hóa. Dân không có hai chủ, nước không có hai vua. Từ đây về trước, hoặc trở về không trở về. Không trở về thì vẫn là tiểu vương chịu sự phụ giúp không thâu hoạch mà làm thống lãnh. Tiểu vương vốn không trái nghịch nước lớn bởi do dân tâm chưa quy về. Dân nếu quy về thì từ vua thống nhất một mối, do đây hội tụ pháp nghĩa có thể so sánh biết.

“Trong Vô lượng nghĩa trước đã thâu tập”: Tuy nói từ một xuất nhiều, mật dự định nhiều đều thuộc một, cho nên nói “thâu tập”. Lại chính do trước nói một xuất nhiều mới có thể định khởi thâu nhiều trở về một. Cho nên biết trước lúc ấy đương cơ lợi ích vật, tuy ở một thiết

lập ba, mà ba che đậy một. Muốn nói thâu nhập cho nên dự định luận “khai”. Kia nói dưới dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa “thị” (chỉ bày) tướng, làm sao biết được thâu tập các kinh? Kinh kia đã nói các kinh vô lượng đều từ một mà xuất, cho nên chỉ kinh trước lấy làm vô lượng. Tứ đế, Nhân duyên tức Lộc-uyển, Phương-đẳng Bát-nhã thứ lớp rõ ràng. Nói “Hoa Nghiêm” là có đủ hai nghĩa đã tại Huyền Văn. “Di-lặc...”: Giáo xưa vì thiên viên chưa dung hợp; người cũng là quyền thật chẳng phải một. Nay giáo đã hội thì Bổ xứ lẽ nào nhiều? Bổ xứ đã vậy các thứ còn lại... chuẩn theo đây. Dân quy thuận vua, như trước đã luận. “Sơ địa...”: Là hội thiên giáo cho nên không nói Viên.

“Mổ thành”: Vua vốn cũng chỉ nói ở một thành. “Độn”: nghĩa thông trốn, ẩn. Đây “bỏ trốn” tức là ẩn. “Nay ta” đến “hết thảy sở hữu”: sở phó Bát-nhã có cộng và bất cộng không ngoài nhân quả, Nhân là “vạn hạnh”, Quả là “vạn đức”. Hạnh tức đế, duyên, thập bát không... Đức là thập lực, tứ vô sở úy, bất cộng pháp.... Đầy đủ như Thừa rộng, không gì không phải Diễn. Đây đức của ta đã nói là “con có”. Phải biết các ông đều có kho tàng nhân quả của Như Lai, cho nên thêm nói tức là lãnh khẩu. Lại trong Bát-nhã thường thấy phóng quang, thấy thân khó nghĩ bàn thân tức khiến lãnh thân, Bát-nhã Phương tiện tức lãnh ý. Cho nên biết rằng: “tri” (biết) và “kiến” (thấy) đều là “sở hữu”, vì thế Pháp Hoa chỉ tổng nói “Tri kiến Phật”. “Mà nay bỗng nghe...”: Dùng người khác căn cứ bản thân vì Pháp và Thí đều giải, ắt biết nhất định đồng Thân-tử được thọ ký. Gia Tường đến đây lại trở lại tổng kết trước, đều làm năm cặp mười đơn:

1) Từ “người bên cạnh” chỉ Hoa Nghiêm làm Đốn, từ “nước tưới” đến Pháp Hoa làm Tiệm, tức Tiệm đốn một cặp. Nay hỏi: Nếu làm ba thứ pháp luân mà đây chỉ phán làm hai giáo, thì tự nói tương phản, quy đốn không thành, làm sao xả phương tiện duy có Phật thừa hội vạn thiện hiển giáo lâu xưa mà làm Tiệm ư?

2) Từ “tưới nước trên mặt” trở đi là thế gian, từ “hốt phân” đến Pháp Hoa là xuất thế gian, Thế xuất thế là một cặp. Nay cho là các con không bẩm thọ Nhân thiên thừa, cho nên biết Nhân thiên chẳng phải bắt đầu tiệm giáo. Nếu coi “hốt phân” trở đi là xuất thế thì chưa xét kỹ sau Lộc- uyển nói giới thiện ư! Huống chi mười hai năm đầu cuối đến Pháp Hoa đồng lập nói xuất thế, đâu riêng hiển Pháp Hoa?

3) Căn cứ trong xuất thế thì Đại Tiểu là một cặp. Chưa xét kỹ Phương-đẳng Bát-nhã như thế có Tiểu thừa không? Đại của ba vị đồng làm một phán định, làm sao có thể hiện khả năng diệu pháp?

4) Căn cứ trong Đại thì Tự tha là một cặp. Tức chỉ “phó tài” làm hóa tha, lãnh nghiệp làm tự hành. Chưa xét kỹ các bộ Bát-nhã có tự hành không? Thanh-văn tại xưa nói vì Bồ-tát, Phật hóa vốn ý chánh giao phó khiến biết, huống chi khi lãnh nghiệp vốn ở tự lợi. Từ lúc ấy về sau chưa sửa đổi Tiểu đồ.

5) Từ “sai hai người đến” là mật, lãnh nghiệp là hiển, Hiển mật là một cặp. Nếu vi mật làm mật thì Pháp Hoa là mật. Nếu dùng hiển mật làm mật, thì nay đây Thanh-văn từ Lộc-uyển đến đều bẩm thọ hiển giáo, tại sao gọi là mật? Trước bấy giờ được thọ ký mới gọi là mật, đến đây mới đòi thì nghiệm biết chẳng phải trước bấy giờ huống chi ba thứ và năm cặp lý tự tương phản...

Nếu dùng năm đơn lẽ thì đồng tại Pháp Hoa như trước đã phá. Nếu từ rộng hẹp dùng một cặp sau cùng làm Pháp Hoa, hoàn toàn không nói khai, thì trở lại đồng Đại xưa, dẫn đến khiến người học sau đối số mà thôi! Không cầu giáo chỉ dạy thì dùng giáo làm gì ư? “Quý tại đắc ý”: Trong Thí dụ đã ủy thác cho nên không luận nữa. “Tợ có hai nghĩa”: Do kết duyên không hoại, tuy Đại tiểu mà đều tương tự, tuy chê nói mà nghĩa tương tự con không mất.

Tiếp, “Con đã...”: là nêu chánh nhân để so sánh. Nếu luận chánh nhân thì không tương tợ cũng là con, huống chi tương tợ ư! Đã từng kết duyên thì tại sao chẳng phải con chân thật? Căn cứ từng chạy trốn, cha lại chê bai, do địa vị cạn mê sâu, chê trách nói “tương tợ”. “Vân vân”: là như trên phân biệt.

“Hỏi: Đầu giải thích phẩm nói đã được nhập chân...”: Chân là tu vị tức Sơ trụ trở đi. Đầu phẩm lại nói tuổi đã già yếu, Tiểu còn chẳng phải vị tương tợ, “đây tại sao nói tợ?”

Đáp: Ý nói nếu căn cứ sau con trốn cha thì Đại Tiểu đều chẳng phải tương tợ vị, huống chi chân thật ư! Vẫn chỉ khi kết duyên, đối với nay dần mới được gọi là tợ. Mà “chỉ hợp thấy con liền biết”: Trên thấy cha có bốn là: nguyên do, xứ, tướng và tránh. Thấy con cũng có bốn là: xứ, biết, vui, vừa ý. Nay một câu: “Thấy con liền biết”, tức gồm tám văn trước. Văn tuy có trước sau, ý chắc đồng thời, lẽ nào chẳng phải lúc con thấy cha tức cha thấy con thấy cho nên liền biết. Tuy lại trốn chạy mà cơ tại không lâu cho nên cha cũng vui. Cho nên biết một văn tức thâu nhiếp cả tám văn. “Chúng con do ba món khổ...”: trong Thí dụ hai môn: Khuyến Giới: Trước đều luận dự định thích nghi, không căn cơ; sau hợp luận hai môn thôi hóa. Nay ba cặp hợp lãnh. Đầu từ “Thượng sơ...”: trươc vượt lên ba ý. “Người bên cạnh truy tìm” tức hai ý trong

Khuyến môn. "Truy tìm lần thứ hai" tức hai ý trong Giới môn. "Phóng xả" tức hai môn thôi hóa. Nói "ba khổ": Do có ba khổ nên năm trược thêm nặng, do đó hai môn đều không có Đại cơ, chỉ kham Tiểu hóa. Vì năm trược bức bách cho nên có khổ, vì vô minh che lấp cho nên bị vô tri. "Nay hợp...": chánh hợp "hai môn vô cơ" là: "Vì sao lại bị bắt" tức Khuyến môn vô cơ. "Tự nghĩ mình vô tội" tức Giới môn vô cơ. Không nói "hai môn dự định thích nghi", bởi vì hai môn vô cơ kiêm luôn.

Tiếp, "Ưa thích pháp Tiểu thừa": Hợp có Tiểu chí tức hai môn thôi hóa. Nói "không hợp phóng xả": Xã tức là thôi. Chỉ văn thí dụ bên trên thôi hóa có bốn:

1) Tư duy thôi hóa.
2) Giải thích thôi hóa.
3) Chánh thôi hóa.
4) Thôi hóa được thích nghi.

Phần Tư duy lại có hai: 1) Biết Đại yếu; 2) Biết Tiểu mạnh.

Nay nói "có Tiểu chí" tức văn thứ hai. Nói "không hợp phóng xả", là không hợp ý thứ ba chánh thôi hóa. Vậy thì chỉ hợp văn đầu và thứ hai, tức thu nhiếp thứ ba dưới và thứ nhất đầu. Cho nên văn trên chính phóng xả, nói "Ta nay thả người đi đầu tùy ý". Vì biết có Tiểu chí, cho nên đối Đại phóng xả. "Trên có Tề giáo và Thám lãnh, nay hợp hai ý": Hai văn trên đều có bốn: Tiểu dự định Thích nghi, Biết tâm ngày trước, Tán thán ba xe, Thích hợp sở nguyện. Nay trong Tề giáo chỉ hợp môn thứ ba trình bày đủ việc trên, tức Tán thán ba xe, và thứ tư "trước hỏi lấy giá cả" thích hợp sở nguyện. Thiếu văn thứ nhất, hai. Hai văn này nhậm vận kiêm đắc hai thứ còn lại, tư duy có thể biết. Trên có bốn văn, nay chỉ có ba thiếu một là Thích hợp sở nguyện, ba cái còn lại thứ thứ lớp đối dự định thích nghi... Chỉ đủ văn Tề giáo. "Dạy làm" tức là văn Thám lãnh, hợp thí dụ phó gia nghiệp. Trên có nguyên do có giao phó. Nguyên do trên có viễn cận tức Tiểu quả là viễn, thể nghiệp là cận, nay chỉ hợp cận. Trên có mệnh lệnh có thọ nhận, nay chỉ hợp thọ không hợp mệnh lệnh. Vì có thọ ắt biết đã có mệnh lệnh. "Mà tự...": Là kiêm đắc hai thứ còn lại.

Trên giao phó gia nghiệp có bốn:

1) Thời tiết.
2) Gọi con, tụ hội chúng để làm chứng.
3) Kết hợp cha con.
4) Chánh giao phó gia nghiệp. Nay vì giao phó vẫn gồm ba thứ trên, phải nêu ý kia. Trên khai Thí có bốn tướng thất lạc...: bốn tướng

này nêu văn, văn tợ bốn chương, chỉ thành ba đoạn, mới lược truy đuổi dụ dẫn, dưới giải thích có đủ. “Tạo lập xá trạch”: Cõi Hữu dư chẳng phải Tịch quang tự nhiên, hiện thắng Ứng thân chẳng phải Pháp thân vốn có, đối nơi kia lại vận y Không, Từ bi cho nên nói “tạo lập”.

Kinh nói: “ Liền ở lại (đốn chỉ) một thành”. “Đốn” là đốn phạp, thị (chỉ bày) tướng Tích, nghĩa đồng ở Tích. Lại “Liền ở lại” tức không đi, chỉ ở trong đó tìm cầu căn cơ của con.

“Siêu tụng thứ tư Ưu niệm...”: Chỉ tụng con bỏ cha mà đi tức khổ mất con mà không có vui được gặp con. Khổ do mất con và vui do được con, đều tại hoài bảo của cha, thế nên khi mất đã ôm ấp cái vui ắt biết thời sau sẽ trở lại. Xa xem xét cơ duyên chưa được như Phật. Kinh nói “Ngày đêm luôn suy nghĩ”: Có người nói: Tự hành là “đêm”, lợi tha là “ngày”. Đây không ưng như thế! “Ngày” là sáng sớm, là khởi đầu sáng; “đêm” là tối, là hoàng hôn. Sáng sớm liền hóa, đầu hôm là cuối cùng hóa. Đại hóa từ đầu đến cuối theo thuyết trên có thể biết. Nếu thân Phật một trượng sáu thường thuyết vô thường, thì hóa dục chung thời tiết tiết xướng diệt. Nếu nói tự hành làm đêm, thì không thể tự hành cũng nói là thời chết sắp đến.

“Hữu, vô thiện thượng...”: Tuy lại có khi duyên vô sở đắc thiện mà chưa thể đoạn kết, cho nên đây trên thể vẫn có Kiến Tư. “Pháp thân là vua là sư (thầy)...: Văn đây hợp tại văn tiếp trong đoạn sợ tránh. Nếu căn cứ văn trên thì chỉ ứng pháp thân như vua. Biên soạn thêm chữ “sư”, lại thêm một thí dụ. Báo nên là trưởng giả chỉ nên nói Báo như vua... Kiêm nói ứng thân: báo là thắng ứng. Do trưởng giả như vua, hoặc là bậc đồng vua, cho nên tiện nói. “Riêng nói dùng rộng hiển lược...”: Như trong kinh Hoa Nghiêm rộng nêu thân tướng, quốc độ, hạnh nguyện, vốn muốn dùng Phật tri kiến rộng lớn đây để hiển thể thật tướng cho nên nói “dùng rộng hiển lược”. “Thọ quyết”: Văn trước Hoa Nghiêm không có nói thọ ký, phẩm Nhập Pháp Giới phụ luận thọ ký, cũng được gọi là thọ ký. “Hoằng thệ và hạnh”: Được ủy thác tất cả tốt nhất của Bồ-tát. Lại “thệ là khóan”, thệ hứa lợi tha có như khóan ước, tùy tu tùy thường “Sớ” tùy hoàn, đến Bồ-đề thường (hoàn lại) mới xong. Lại trong Hoa Nghiêm Bồ-tát hạnh nguyện phần nhiều nêu sự số, gọi là kế toán (tính kể). Văn “người truy đuổi” nói trên lại có ba: 1) Hô hóan là hai nghĩa Khuyến môn; 2) Hô hóan là hai nghĩa Giới môn; 3) “Người ấy...”: hai hàng tụng “vô cơ”, tức “phóng xả”. “Vô cơ”: Là lập lại hai môn vô cơ, do vô cơ cho nên mới thôi hóa, nên nói “giải thích phóng xả”. “Ba hàng đầu tụng dụ thuê làm” đến “dạy làm”: “Thuê làm” tức

trên nói Tề giáo, “dạy làm” tức trên nói Thám lãnh. Tề giáo văn ý từ đạo thọ đến. Do chấp nghĩa Tiểu cơ là “thuê làm”. Thám lãnh văn ý pháp thân địa thời không lúc nào không thương, đâu từng không dạy, lẽ nào đợi thuê làm? Cho nên nói “dạy làm”.

“Dầu xoa chân...”: Có người nói: Nước ngoài ẩm ước người làm việc chân phần nhiều hay bị nứt cho nên dùng dầu bôi, đây nói công việc rất hèn hạ. Trong kinh này nói sách (nứt) dụ sông..., sao lại dầu thoa? Trên nhận mệnh lệnh có bốn, nay chỉ tụng ba. Thứ nhất, như văn. Thứ ba là thứ tư, đại cơ sắp động, chỉ thiếu thứ hai: mà không mong lấy. “Thứ nhất: Hai mươi năm”: Văn trên dẫn đủ trong đây hai mươi năm đã biện rõ sai khác xong. Nay “nói chuyển giáo”: Trước nói trụ Nhị thừa chuyển giáo, nay dùng Biệt hoặc Kiến Tư gọi là “hai mươi năm”. Trong hợp thí Đức Phật cũng như vậy. Hợp thất lạc nhau: Trên thất lạc có bốn: Biết con ưa Tiểu, hợp cha con thấy nhau. Văn thấy nhau (tương kiến) ở trên có hai: Con thấy cha lại có bốn, cha thấy con cũng có bốn. Nay lại nên biết nếu riêng dùng một câu: “Đức Phật cũng như thế”, thì hợp cha con thất lạc nhau ý vẫn chưa hiển. Tiếp một câu “Biết con ưa Tiểu thừa”, là hợp cha con tương kiến ý cũng chưa hiển. Vì sao? Vì câu trên mượn câu dưới mà thành, biết ưa Tiểu thừa nên nghĩa đương thất lạc nhau. Tiếp câu dưới mượn câu trên mà thành. Đức Phật biết chúng sinh ưa thích Tiểu thừa cho nên được thấy nhau. Ưa Tiểu do thoái Đại do đó thất lạc nhau. Thoái Đại do ưa Tiểu, do đó thấy nhau. Cho nên, hai câu tương thành nhiếp tám câu. Câu biết ưa Tiểu nghĩa tương đương liền biết. Từ: “Chưa từng” đến “ý kia”: chỉ một phen truy đuổi hô hóan liền đủ hai nghĩa, cho nên nói “tổng”. Văn trên trong thí dụ thì Tề giáo và Thám lãnh đều có bốn đoạn; dự định thích nghi, có cơ, hoan hỷ xe, vừa ý nguyện, đã chỉ nói thành tựu Vô lậu. Trong Tiểu thừa giáo nói Vô lậu thông nơi các quả. Nói “thành tựu”: Chỉ tại vị sau, cho nên cũng tổng nhiếp hai nhóm bốn văn. Trên hợp có hai Tướng Tín ủy nghiệp. Nay không hợp Thể tín, nghiệm biết Tướng Tín là phụ, ủy nghiệp là chánh. Nói “ủy nghiệp”: “Ủy” tức là mệnh lệnh. Nay đầu một hàng trường tụng thọ mệnh lệnh lãnh biết trên tụng sở vô. Trên tụng trong thí dụ hoàn toàn không khiến biết, chỉ có ba thứ trong thọ mệnh lệnh. Một hàng đầu nêu Đoạn đức, để nói rõ “Nội diệt”. Nội tức Hoặc thể, tam giới Hoặc tận, cho nên nói “Nội diệt”, nên thuộc “Đoạn đức”. Tiếp nêu “Trí đức”: Đã nói hoặc nghe, nghe giáo thuộc Trí cho nên nói “Trí đức”. Do Tiểu trí đầy đủ nên không ưa thích Đại trí, hai trí đây đều nêu nghĩa thất lạc hiển lỗi.

Tiếp, “Vì sao vậy?...”: sáu hàng song thích Trí Đoạn. Hai hàng đầu giải thích Đoạn, tiếp một hàng rưỡi giải thích Trí, tiếp một hàng rưỡi lại giải thích Đoạn; tiếp một hàng lại giải thích Trí. Cho nên biết hai hàng đầu nêu rõ tự trụ Tiểu Đoạn; tiếp một hàng rưỡi nêu thất (lạc) Đại trí; tiếp một hàng rưỡi lại giải thích Tiểu Đoạn; tiếp một hàng giải thích thất Đại trí. “Phần đắc Đại thừa tập quả”: Khi đắc Sơ trụ phá một phẩm vô minh gọi là Tập quả. Nói “ngưu đầu (đầu trâu)”: Hoa Nghiêm gọi là xuất Ly-cấu sơn, nếu dùng thoa thân thì lửa không thể cháy.

Trong văn nói “mười ân”; tự đối nhà y tòa ba thứ. Đầu tiên, “nhà” có ba ân: Một ân thứ nhất là Thông gia bị khắp. Hai ân tiếp là Biệt cứu khổ cho vui. Thông bị là khởi đầu của Tứ hoằng thệ nguyện, Biệt bị là cuối cùng của tô bồi nguyện, tức là sau phát tâm thì đến khởi hạnh. Tự thành đạo trước khắp nơi nhuần lợi ích, tướng nhuần lợi ích không ngoài cứu khổ ban vui. Thấm nhuần ân cứu khổ ban vui, biết làm sao có thể báo đáp? Sở dĩ khó báo: Đầu tiên vì chân thật tự hành khiến ta tu tập, tự bẩm thọ giáo sau thoái Đại luân hồi, từ bi không lìa nơi nơi cứu khổ cho vui. Tiếp, ân y (áo) có bốn: Con thọ giáo rồi Đại tiểu đều vong, nơi nơi dừng biết làm toại căn cơ con liền ở cõi này đốn tiệm đạo thành. Tuy trước chính là vì Đại cơ và cũng lo hạt giống thiện của con, cho nên sau Đốn liền thùy Tiểu hóa. Bài xích, đào thải nên giả rèn đúc. Chê bai đó thì dùng bần sự thảo am, dẫn dụ con thì dùng gia nghiệp giàu có. Hạt giống đời trước dần dần nứt ra còn chưa đủ tốt, ân lâu dài do dâu có thể báo? Vì vậy cho nên ân đầu trong bốn là Nhân thiên, tiếp đề cập đến ba vị. Ân tòa Như Lai có ba: Đến thời Pháp Hoa bắt đầu thâu hoạch lợi ích vi diệu, kiêm năng lợi vật hóa đạo ban đầu thành ân khó báo, bởi có nguyên do. Sở dĩ thứ tám là ân thọ ký, ân thứ chín, mười khiến ta năng lợi vật. Do đó nhà được áo, cho nên có ân che chở nuôi dưỡng. Nhà có tòa, nên thành dụng bạt khổ ban vui. Tòa nhờ áo, nhà khiến hạnh tự tha thành. Y nhờ tòa nhà, nay từ đầu đến cuối lý hiển, cho nên ba nghĩa hợp thành đại ân. Ân từ đầu đến cuối này lấy gì báo đáp nổi? Các nhà chú giải chỉ nói vật, không đáp thí nơi thiên địa. Con không cảm ơn cha mẹ sinh vì quên cảm báo ân đây. Nay ý chánh luận mang ân khó báo, tại sao được dùng quên báo ân để giải thích? Huống chi lại chỉ duyên khiến con quên báo ân, ân này báo đáp rất lớn, cho nên không được trực tiếp dùng quên báo để giải thích. Phàm nói “quên”: Trị kia không quên, nay chẳng lãnh quên chỉ lãnh khó báo. Hai thời đã riêng, vả lại giải thích ý mang ân.

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 7

PHẦN HẠ

GIẢI THÍCH PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Pháp Hoa luận dùng bảy thí dụ lập bảy đối trị: Điên đảo công đức tăng thượng mạn phiền não xí nhiên, cầu quả báo Nhân thiên nói dụ Nhà lửa để trị. Hàng Thanh văn cùng Như Lai thừa... nói dụ Cùng tử để trị. Hàng Đại thừa thượng mạn cho rằng không có Nhị thừa, thì nói dụ Mây mưa để trị. Thật không có Niết-bàn mà sanh Niết-bàn tưởng thì nói dụ Hóa thành để trị. Không cầu Đại thừa dùng hư vọng giải thoát làm Đệ nhất nghĩa, thì nói dụ buộc châu để trị. Người có Đại thừa chấp phi Đại thừa thì nói dụ Châu ở búi tóc để trị. Người không có công đức không chấp đệ nhất thừa, thì nói Y sư (thầy thuốc) để trị. Nếu chỉ y bảy thứ đây đều có đối trị, thì tức vì pháp làm thí dụ, nói thí dụ lãnh giải. Đức Phật dùng Thí thuật v.v... về lý tợ như không thành. Nên biết luận ý. Nhà lửa không chỉ đại xa biên. Cùng tử chánh dùng ý lãnh giao phó gia nghiệp. Mây mưa khiến khai Quyền nhị thừa, Hóa thành dùng Bảo sở dẫn, còn lại thì có thể biết. Hoặc người khác nói: Phẩm này chỉ xuất sinh, hoàn toàn thông đạt ý chỉ kinh, huống lại luận văn theo nghĩa năng thấm nhuần, dùng mưa đặt tên. Kinh thì theo đối tượng được thấm nhuần, nên gọi là "Dược thảo". Dược thảo thì Nhị thừa đều có, một trận mưa thì trình bày kia quy về Đại. Gia Tường nói: Thảo mộc có hai:

1) Không biết đồng.

2) Không biết khác.

Nếu có thảo (cỏ) tốt tức năng biết đồng, thì để dụ Ca-diếp. Đây thì chỉ từ điều mà Ca diếp lãnh giải, có thể biết như vậy. Nếu từ Đức Phật thuật thì lẽ nào có thể Dược Thảo khác đều nói không biết? Lại cũng không biết "ba cỏ hai cây"là thụy hay phi thụy? Cho nên cần phải nói "nay xưa" mới hiển sự lành đó là đúng hay sai. Nay cho rằng đến

Pháp Hoa đây tại sao lại có cỏ phi thụy? Nên nói đúng là thảo mộc tuy vốn từ một đất sinh ra một vị, một trạch (thấm nhuần) mà không tự biết, chợt nhờ khai hiển, không gì không là tường thụy (điềm lành)! Mà còn khiến đàn chỉ (gảy móng tay) chắp tay, chung thành Diệu nhân, Sinh Vô sinh tuệ đều thành Chủng trí. Nhưng trong văn tứ Tất-đàn lại từ Ca-diếp lãnh thuật biên nói. Trong đó, trước là tổng trưng khởi. Tiếp, “Đất đai” trở xuống: là biệt giải thích tứ Tất-đàn để đáp câu hỏi ở trước.

Trong nghĩa Thế giới Tất-đàn có hai phần: Trước thí, sau hợp. Trong phần thí dụ, đất đai căn cứ nay, thảo mộc kiêm xưa cho nên nói “thông đều hữu dụng”. “Dược thảo” tại nay, dược là thảo nên gọi dược thảo. “Sở sinh...”: Nếu theo các biên nghĩa do Phật nói thì không gì không phải là dược, cho nên nói “thông đều hữu dụng”. Nếu theo năng lãnh, trung thảo là tên, thì chỉ nên nói phẩm Trung Thảo mà thôi! Cho nên nói Dược Thảo dụng mạnh. “Hữu lậu...” là hợp. Trước, là hợp xưa. Tiếp, “Vô lậu...” là hợp nay. Trong đó trước hợp tiếp dẫn chứng. “Thuật...”: là kết ý.

Văn đầu, hỏi: Nếu theo Phật thuật thì nên nói thảo mộc và do đất mưa. Nay phẩm đã là văn thuật thành, vì sao chỉ chỉ hạng Thanh-văn trung thảo, nói bốn đại đệ tử...ư ? Đáp: Thật như đã hỏi, nói thông ý biệt cho nên gọi là “dược thảo”. Nói biệt ý thông lại chỉ Thanh-văn. Ý Phật tuy thông thuật họ đắc giải mà biệt ở Ca-diếp. Thuật các điều bất cập và cập của họ, là vì muốn lần nữa “thị” (chỉ bày tri kiến Phật). Hoặc biệt hoặc thông đều thành dược thảo. Đất và mưa, lại là thuật kia lãnh giải Thật, cho nên không biệt nói.

“Đức Phật tán thán...” là dẫn chứng. Kinh nói “bảo Ma-ha Ca-diếp”: vì Ca-diếp đứng đầu chúng Tăng. Cho nên, biết trong phẩm Tín Giải tuy liệt kê đủ bốn người, Tu-bồ-đề là người được nêu đầu, nhưng người tự xướng trình bày là Ca-diếp, cho nên nay bảo riêng Ca-diếp. Lại nói “và các đại đệ tử”: Tin biết đắc ngộ không riêng chỉ bốn người. “Thuật kia...”: Ngộ ắt thông khắp, lãnh thuật theo biệt. Đức Phật song thuật “Hay thay! Hay thay”. Ca-diếp lãnh thông gọi là “Dược Thảo” và cùng hoan hỷ ý đồng và lãnh kiêm thuật đồng, gọi là Thế giới Tất-đàn. Cho nên có thể theo thông.

Văn tiếp có hai: Trước thí dụ, sau hợp. Trong thí dụ nói “tòng (tụ họp) có...”: là thí dụ xưa, đều có thói quen lâu đời (tích tập) cho nên gọi là tụ họp nuôi dưỡng. “Thời lâu”: Trải qua hai vạn ức kiếp còn tại phương tiện nay mới khai hiển, nên nói được nhuần một trận mây mưa. “Đây...”: thí dụ nay, “mây mưa” như dưới giải thích. Nói “phù sơ”:

"Phù": là phù trợ. Nhĩ Nhã nói: Rừng có cây cỏ gọi là "sơ". Dùng xưa trợ giúp nay mới có thể kham thọ ký. Nói "Vi hoa": là sáng rực đầy đủ. Một trận mây mưa thấm nhuần khiến cây cỏ tươi tốt. Vô thủy tánh đức như "đất". Phát tâm Đại thừa như trồng cây. Phát tâm Nhị thừa, như cây cỏ nẩy mầm. Nay nhập Sơ trụ như đồng thành mầm cây Phật thừa... Trong đầy đủ mười lực, gọi là "lực", lực có thắng năng làm dụng, đối với mầm giống thân cho nên đầy đủ gọi là bên trong tiểu quả được thọ ký như mầm giống tốt tươi... "Thí các...": hợp xưa. "Nay được...": hợp nay. Trước hợp tiếp chứng, sau kết ý.

Văn đầu: Đã khai hiển rồi tự lợi kiêm vật, từ nơi tự tha thọ lợi ích được tên, gọi là Vị nhân. Tiếp, Đối trị và Đệ nhất nghĩa, trong đó có hai: Thí dụ và hợp. Trong thí dụ cũng đầu tiên là thí dụ xưa. "Nay nhờ...": là thí dụ nay. Nói "Tứ đại...": ba bậc dược ở thế gian đều chẳng phải Dược Vương. Bậc hạ trị tứ đại, bậc trung lợi ích năm tạng, bậc thượng có thể trẻ lại. Nói "gió lạnh": Lược nêu hai đại, xưa trừ bệnh Tứ trí, chỉ nuôi dưỡng ngũ phần thân, kéo trẻ lại chân lý, nghỉ tạm nơi Biến dịch sắc. Nay dùng mây vô duyên từ để che mát, rửa sạch thì dùng mưa pháp vô tư, khiến hạt giống xa thâu hoạch lợi ích không thiên vị, khiến cỏ vô thường yếu ớt bèn trở thành thường trụ Dược Vương. Tự hành kiêm nhân đều trừ ba hoặc, cho nên nói "trị khắp". Phải biết tự tha đều thành thường thân Phật đại tiên. Tiếp, bốn chữ: "Thí chư vô lậu": hợp xưa, từ "Nghe kinh...": là hợp nay, cũng là hợp chứng kết ý. Nói "Gia trước": "Gia" là thiện, "trước" là lậu. Chữ "xứng" đọc khứ thanh. Thiện bắt đầu khiến đến cuối gọi là "Gia trước". Nghe khế lý, nên nói "xứng vi". Lại nương nhị thừa lãnh giải để nói cho nên đều gọi là Vô lậu, đây đều thành Phật thừa. Tứ Tất đàn nói là "Đối trị và Đệ nhất nghĩa": Theo biến trị biên, tức nghĩa Đối trị. Theo thành tiên biên, tức Đệ nhất nghĩa. Ngoài ra ba thứ căn cứ Giáo... không ghi. "Vân vân" là: cỏ cây là ba giáo, đất mưa là Viên giáo, tức là căn cứ Giáo.

Nếu bản tích thì: Bản trụ trí địa từng cho mây mưa, Tích là cỏ cây dẫn kia tăng trưởng. Quán tâm, đầy đủ như trong Huyền Văn lợi vật vi diệu về sau. Lại, căn cứ dược làm quán: Như Chỉ Quán quyển 10 nói. Tứ dược trị kiến đủ thuật quyền thật, tư duy cũng theo lệ như vậy. Các sư xưa tuy nói trình bày ân Phật sâu, mà không có ý mười ân thì thuật cũng không khắp. Sư xưa cũng không dùng "dạy làm" mà làm Thám lãnh. Ví như lập Thám lãnh, đây cũng chỉ như văn dưới Nam Nhạc phán quyền công đức. Sư nói: Chánh chỉ Nam Nhạc Nhị thừa tuy lại tự lãnh biết cõi mình. Đã nói là "khéo thuyết" tức lãnh đủ một đời Quyền Thật.

Nay Đức Phật thuận theo tất cả thuật sở lãnh của họ.

Mười ba hàng kệ văn dưới đem ý xưa đã dẫn trở lại phá xưa. Ca-diếp tuy tự lãnh ân sâu của Phật mà đó như Phật thuật khéo nói công đức chân thật của Như Lai, lẽ nào riêng pháp nhị thừa ư? Thí dụ dạy làm là công đức quyền của Phật, cũng là bài xích người xưa thuật không cùng khắp. 'Thí dụ người dạy làm" là ít phần trong pháp quyền mà thôi! Đầy đủ như trước giải thích nghĩa "Ngày khác" tức là hai nghĩa tha (khác) trước; tha tức là quyền. Lẽ ra nói: Đây thật là con ta, lẽ nào riêng người dạy làm ư? "Nay nói...": là sư nay giải thích. "Bắt đầu thiên tánh...": Thiên tánh tức chỉ nơi Đức Phật Đại Thông, như ý đầu trong mười ân. "Trung gian..." đầy đủ như chín ân dưới. Thiên tánh còn thông kết duyên theo biệt. "Tự vi..." Tự là từ, từ Tiểu đại đến ân thứ mười cho nên nói "nhiều", lẽ nào chỉ một đời giáo ư? "Song thuật...": hai nơi nghĩa là hai phương tiện nhà lửa. Do trong Tín Giải lãnh giải cả hai nơi, nay cũng song thuật hai nơi lãnh giải. Nếu không như vậy, thì luống thuật có lợi ích gì? "Khéo thuyết...": là thuật kia lãnh đủ Như Lai Quyền Thật giáo pháp, đây là căn cứ Nhân duyên mà giải thích, cho nên không đồng nơi khác (tha) dẫn luận phá không có Tiểu. "Lại Hoa Nghiêm nói...": là thuật khắp sở lãnh tức căn cứ Giáo. Trước giải thích còn tổng, đây giải thích thì biệt. Tổng biệt nghĩa một bản tức Quán tâm đại ý đồng trước. "Lãnh sở bất cập": là nêu "bất cập" của Ca-diếp để làm rõ loại chúng khác có phần. Lại, nêu "bất cập"của Ca-diếp chỉ bày sự lãnh khắp của Ca-diếp. Lại, chỉ bày sự lãnh khắp của Ca-diếp, tức biết một nhiếp thu tất cả. Trong đó, trước là nêu, tiếp "Vì sao vậy?...": là giải thích. Giải thích ý: Nếu chỉ thuật Nhị thừa thì chỉ nên theo trung thảo làm đề phẩm và ngoài sở lãnh giải lại thuật "bất cập". Khiến biết ý như sở lệ trước nay. Lại nói "thuyết không thể hết" là nêu bất tận, Phật thuyết còn không hết huống chi Ca-diếp ư! Trong đó, trước trình bày ý Phật, ý Phật đã khắp nghiệm biết sự lãnh giải có tột cùng.

Tiếp "Sao bỗng...": là trách Tề giáo kia thông suốt các câu. "Không nói rõ (Bất đáo)...": là chánh thuật "bất cập thoái tiến..." dùng vị nhị thừa vọng trên làm tiến, vọng dưới làm thoái. Mười giới mỗi mỗi tự có nhân quả, không do thứ lớp cho nên gọi là "ngang", một người tiệm khởi cũng được gọi là "dọc". Nay dùng tạp khởi và đủ hữu biên, chỉ được gọi là "ngang". Lại, do nhiều người thứ lớp tương vọng và pháp sâu cạn cũng được gọi là "dọc". Người người đều trú cũng được gọi là "ngang". Thất phương tiện là dọc. Nếu bảy người đều bảy, thì trước sau tương vọng, bảy người đều một thì Đại Tiểu tương vọng. Bảy

người truyền nhập, bảy người nhập thật, đều được gọi là “dọc”. Lại, ba đời gọi là “cũng ngang cũng dọc”. Đời đời biến khắp mười phương mười giới cũng gọi là “ngang”. Như vậy, phẩm loại đều theo các vị, tám giáo điều thục, mới đối ngày nay cùng Ca-diếp... hoặc là đồng hoặc là biệt, chưa nghe khắp lãnh cho nên Phật chỉ bày. “Phàm núi sông” đến “bất cập”: Đây là “Chẳng ngang chẳng dọc bất cập”. Như các văn dưới kết sai không sai. Không sai tức sai, sai tức không sai, không đúng ngang dọc. Không sai biệt tức sai biệt mà ngang mà dọc, nay theo không sai biệt mà gọi chẳng ngang dọc. Từ mà sai biệt biên, như ngang... nói ở trên. Đầu tiên, “núi sông ...”: đối đủ các pháp, đều cùng lý bình đẳng đồng dùng một đất mà tổng xuyên suốt. Đầu tiên, có người dùng đất ví như Lại-da thường trụ, lý đó không thành. Đối ngũ ấm thế gian để nêu rõ nhất Thật sai biệt không sai biệt, đều là thật tướng cho nên tổng gọi là “địa”.

Tiếp, “Cỏ cây...”: căn cứ nhân tu tập Ngũ thừa Thất thiện. Đối nơi nhất thật nêu sai biệt không sai biệt v.v... Tiếp, “một đám mây...” đến “đầu ba cuối một”: căn cứ năm thời giáo đối nay nhất Thật nêu sai biệt không sai biệt. Trước là thí dụ, tiếp “Như Lai...”: là hợp. Sinh công dùng mây dụ cho pháp. Nhà chú giải dùng mây dụ ứng, làm sao trung đạo thiên chân mà từ chối con thế tục ư? Đốc thúc luận lý kia tại sao nói là tục ư! “Như rồng khởi...” là thí dụ trong thân Phật năng mang pháp thể. “Tổng thí đó là...”: tổng hợp, lại không tiến thoái ngang dọc... Tuy đủ ngang dọc và cũng ngang dọc đối với nhất thật, nhậm vận thiếp lập luận chẳng phải ngang dọc. Căn cứ khai hiển nói, kết sai biệt không sai biệt thì khai tất cả trước đều thành không sai biệt. Tiếp, “Bất cập...”: nêu ý Đức Phật bài xích “bất cập”. Nhị thừa bắt đầu nghe mới nhập Sơ trụ. Lại tự thuật pháp sở nhập của mình, đức Phật muốn qua đó thuật những gì không lãnh, pháp ấy còn nhiều, Nhị thừa nếu nghe cũng thành lãnh khắp, đầy đủ như trước nói. Nói “chưa cùng”: Cực chỉ địa sau dọc nhập biên nói. Nếu muốn thuật khắp thì chưa rỗi thuật đến cuối cùng, do đó Ca-diếp thuật bản thân là vậy.

Đầu tiên là giải thích theo Nhân duyên . “Lại, sơ ngộ...”: là căn cứ giáo. Nếu Ca-diếp lãnh ngộ mình thì tức là nhiếp tất cả, dùng viên đối thiên tức khắp lãnh giáo.

Ca-diếp sở chứng tức bắt đầu chữ A, vì rằng liền sau là chữ Trà, khắp lãnh không sai biệt. “Lại, Quyền hành...” : là Bản tích, chỉ thiếu Quán tâm, đầy đủ như Huyền Văn giải thích pháp. Nếu y nay lãnh, thì tức Không cho nên sai biệt tức không sai biệt, tức Giả cho nên không

sai biệt tức sai biệt; tức Trung nên phi sai biệt phi bất sai biệt. Ngang dọc theo lệ biết. Trong rộng thuật thành có hai đoạn: Văn đầu thuật đủ ba cây hai cây sai biệt không sai biệt, tức là rộng giải thích lãnh sở bất cập. Vì trách Ca-diếp lãnh sở bất cập do đó văn dưới vẫn tán thán Ca-diếp, nêu rõ kia tuy có lãnh bất cập mà dù lãnh các ý cũng không ngoài Quyền thật, lại tiếp dẫn đó . Cho nên kết tán nói: "Các ông năng biết công đức Như Lai". "Khuyên tin": Ở đây các "bất cập" bởi vì chỉ có Như Lai năng biết, cho nên nêu "Pháp vương" để khuyên những gì mà Ca-diếp bất cập, thì càng phải tín thọ. Nếu y đây lãnh rồi thì năng biết.

"Vì nêu thí dụ Mây lớn làm bản": Mây lớn bủa khắp tất cả, mưa lớn thấm khắp tam thiên. Thọ lợi ích đã thật, năng gia-bị đến chẳng dối. "Đối với tất cả...": Nếu không có trí thì không thể thuyết, nếu không có giáo thì không thể thuyên (giảng). Muốn biết trí tại thuyết, quán giáo mà biết trí. Nay theo thuật giáo, cho nên trước là giáo. Nếu đầu phẩm Phương Tiện muốn dẫn năm Đức Phật sở thuyết thì trước tán thán hai trí. Đã là tương thành tức trước sau xen nhau nêu. "Nhất thiết pháp...".

Hỏi: Vì sao Thất phương tiện trong văn trước nói lãnh bất cập, thì phương tiện là dọc, nay sao nói là ngang?

Đáp: Căn cứ nhân (người) cho nên dọc, căn cứ pháp cho nên ngang. Lại nhân pháp đều có ngang cùng dọc, đầy đủ như trước nói không thể phán cố định. Cho nên lại dùng ngang đối Thật, cũng gọi là dọc.

"Nếu nói không như vậy...": là giải thích ngang dọc đây. Đầu tiên trong giải thích dọc nói: Nếu nói tất cả pháp không phải là Thất phương tiện dùng đối nhất Thật làm dọc, thì như ở nơi hai vạn ức Phật sơ phát Đại tâm tức là tất cả pháp thật, trung gian lưu chuyển hoặc lại phát tâm, không ngoài bảy pháp. Cho nên, bảy pháp là ngang đối nhất Thật làm dọc. "Lại, mười pháp giới...": là giải thích ngang. Trong thân một người mà còn đầy đủ mười, huống chi lại không đủ bảy ư! Một người đã vậy, nhiều người cũng vậy. Một thú đã vậy, các thú khác cũng vậy. Cho nên bảy pháp là ngang. Trong thân Như Lai hoặc mười hoặc bảy, nhất niệm chiếu suốt ngang dọc không bỏ sót. "Pháp đây tuy nhiều...": Bảy thu nhiếp Quyền hết tất cả vì hợp cơ không ngoài bảy pháp. "Vì nhân thiên...": nêu rõ Phật năng chiếu cho nên năng thuyết, trong này đã riêng nêu Nhị thừa, cho nên Tam tạng sự độ tức Bồ-tát. Thông vô sinh gọi là Thông tam thừa. Thuật kia khai tam: Trình bày đủ bảy thiện mà nói ba: Ba từ xuất thế chỉ khai Bồ-tát thêm nhân thiên nghĩa nên thông bảy. "Cứu cánh....": Đây nên các Quyền đều quy về Thật tướng, cho

nên tam giáo giáo trí chưa hội thì không gọi là Nhất. Lại không phải chỉ rõ pháp đây từ nơi bản vô trụ mà lập cho nên không được nói “cứu cánh bất nhị”. Nay nói bất nhị, là thủy chung nhất.“Tánh kia...”: “Quảng bác” thì là “nhất”, cho nên gọi là “thiết”. Chữ “thiết” đều thông huấn dạy chúng. Cùng hiển bất nhị là thiết của một nhà, gọi Nhất thiết trí.

“Tịch mà thường chiếu”: Trí sở y địa năng sinh các trí, cho nên gọi là “trí địa”. Đây từ cảnh thuyết. Nếu trí tức địa thì năng sở không hai, cho nên trí cũng gọi là bản vô trụ, cho nên cũng được gọi trí là địa. Chánh hiển năng lập, lập cũng sinh, nên trí địa đây năng sinh các pháp cho nên song song gọi trí địa là bản vô trụ. “Vì sao vậy?...”: Vì để bài xích sư xưa, bỏ ngoài những ý trên, các giải thích khác đều không đúng, như đã trời tối mà lại ngủ mê sâu. Ở đêm vô minh, lại mê muội giải thích lời Thánh, sao có thể hợp lý ư? “Ví như Đại Phẩm...”: là dẫn chứng trí địa cho nên trước dịch tên. Thật tướng là thể, trí tức là dụng. Nếu địa của trí gia tức chỉ thật tướng, thì hết thảy đều là đại. Do trí hiển địa, do thường đến cực cũng là từ thủy đến chung y địa đến cực. Đại sự đại thừa đều phải chọn trang nghiêm trâu trắng. “Ngoài ra hai...”: Chỉ không là một, đều gọi là hai. “Đây là căn cứ” đến “khai Quyền hiển Thật”: vì trong tiệm đốn không ngoài Thất phương tiện, cho nên trong tiệm đốn có Quyền thì đều khai.

“Từ: Như Lai” đến “giải thích giáo”: Quyền giáo đều thành thật Giáo là bởi do dùng trí bất nhị mà đồng chiếu “Biết sở quy thú” đến “đều có quy thú”: năng có sở thú, cho nên gọi là chỗ hướng đến (sở thú). “Giới thiện...”: nêu Thất phương tiện. Pháp đều có viễn cận: Đương vị gọi là cận, đến tột cùng gọi là viễn. Đương vị gọi là Quyền, hướng đến tột cùng gọi là Thực. Quyền dược sở trị thì gọi là Quyền bệnh. Trong quan hệ đó chỉ có viễn thì cũng không đúng. Thiện không tự tánh, viễn cận do người; trong đấy trước nêu giới thiện cận tại người trời. Nói “làm duyên”: Từ viễn được tên, nên nói “nếu làm”. “Niệm xứ...”: nói “phước đức”: là ý Đại kinh. Kinh nói Thanh-văn: Phước đức trang nghiêm hữu vi hữu lậu, cũng do ở sau Pháp Hoa cho nên nói khai tướng có thể trang nghiêm Pháp thân. Niệm xứ kiêm nơi hai giáo Nhị thừa, nay vả lại đối với Tam tạng Thanh-văn. Ở giữa siêu vượt ba người cho nên nói: “cho đến”. “Lục độ Thông Biệt” mỗi mỗi thiện căn đều có hai thú, Đức Như Lai khéo biết.

Hỏi: Biệt thú đã viễn (xa) tại sao cũng hai?

Đáp: Mười hai phẩm hoặc và dùng quả của ngã làm nhân của tha, lẽ nào chẳng phải cận ư?

"Lại, cận viễn": Cận từ vật tình, viễn có ba ý:

1) Thiện thể.

2) Từ bản kỳ.

3) Từ ý Phật.

Ý Phật lại có hai:

1) Thuận cơ.

2) Theo thể.

Chỉ có Như Lai khéo biết thể tánh, nói thể tánh lại thông hai đường, tiếp cận khiến viễn thể tánh đều còn. Đây là ở trong quyền lấy ý thật giải thích, tức là chánh ý quyền thật của kinh này. "Lại, giới thiện...": là lại giải thích: Riêng (đơn) từ bên dược mà giải thích Thất phương tiện, gọi là biết dược (thuốc), thâm tâm sở hành gọi là biết bệnh. Năng tri tức là biết dược. Nói "hai thứ": Sở chấp kiêm Hoặc vi tế, y chánh chỉ có Hoặc thô. "Chướng nhân thiên": lại từ cận nói. "Đắm sở chấp": Do Tứ đảo... đều đối các thừa, nhưng thô Hoặc chẳng phải hoàn toàn không chướng ngại thừa, chỉ vì không chấp lý cho nên nghĩa chướng thừa yếu. "Đắm sở chấp": không phải không có Thập ác làm mất Nhân thiên thừa. Bất cứ sâu cạn đều gọi là "chấp", cho nên dùng chấp... tùy nghĩa đối với nó. "Một trí chiếu khắp" nên chẳng phải chỉ chiếu hết thảy mà thôi, cần phải đối một dược một bệnh mà thấy tất cả dược tất cả bệnh. Văn dưới đã nói tất cả pháp, tức là mười giới cho nên một dược một bệnh đều đủ mười giới. Biết các pháp tận, gọi là biết bệnh, nhờ dược hiển bệnh. "Biết tất cả thâm tâm...": Nếu không biết dược thì không biết thâm thâm, nhờ bệnh hiển rõ dược.

"Nhược can" nghĩa là bao nhiêu, nhiều. Như pháp thể kia pháp thể vốn Không, cho nên "nhược can vô nhược can" (nhiều không nhiều). Lại như dưới nêu tâm pháp trần, ví như sai biệt không sai biệt. Hai câu đầu nêu pháp tướng, căn cứ tâm sở duyên pháp trần để biện rõ. Tiếp, "Tâm có...": là biện rõ biệt: Tiếp, "Tâm bất ly...": là biện rõ tức. Tiếp, "Vô số...": là biện rõ tức tướng. "Quyền thật...": là hợp thí. Chân pháp vốn không do tâm có số gọi pháp là số. Toàn tâm là pháp, toàn pháp là tâm, không thể hợp đủ, chỉ khiến thuật cho nên chú giải "vân vân". "Ví như..." thứ hai là Thí thuyết văn chia làm hai: "Đầu, thí. Sau, lại tông xưng tán": Căn cứ trước sơ khai nói: Đầu thuật khai hiển, tiếp kết tán thán. Trong văn đầu tự phân chia làm ba: Pháp, thí, hợp. Nay đến trong thí lại nói "trước thí, tiếp lại tông". "Bởi do các ông! Ca-diếp..." văn đủ hai nghĩa: Cũng gọi là kết trước khai hiển tức như trước đã khai, cũng gọi là lại tông xưng tán, như sau sở khai. Nói "lại tông": Trong đây đại

ý vốn thuật Ca-diếp, trong đó rộng xưng tán Như Lai nhị trí, tợ như chỉ tán thán Như Lai không liên quan đến thuật thành. Cho nên văn sau nói: "Ca-diếp! Các ông rất là hy hữu". Đây thì lại tông trước thuật Ca-diếp, trong đây dùng thuật Ca-diếp làm tông cho nên nói "lại tông". Do tán thán Như Lai là tán thán Ca-diếp, cho nên nói "xưng tán".

"Ba cỏ, hai cây...": là thuật thí dụ, giải thích nghĩa sai biệt không sai biệt. Tiếp, "Nếu quán...": là biện rõ nguyên do thí dụ sai biệt không sai biệt. Nếu quán ngọn nhánh thảo, mộc thì có sai biệt. "Nội hợp phương tiện...": hợp Quyền trí. "Thật trí...": hợp Thật trí. Trong cụm từ "Sai biệt vân vân" thì "vân vân" là: Đều nên nói chi tiết: lấy sai biệt không sai biệt dùng đối nhất Thật và dùng Thất thiện, Ngũ thừa. Gieo trồng hạt giống do trí địa của Như Lai. Vật tình tự cho là sai biệt, đầy đủ tươi tốt do mưa pháp của Như Lai. Pháp chẳng do tình mà năng sai biệt. Chúng sinh sở thọ cũng là trí địa, địa cũng là pháp chỉ lúc gieo trồng giống. Trí địa nghĩa kiêm tâm địa chúng sinh, cho nên sơ tâm gọi là "địa". Giải thích "Thí dụ sai biệt":

Hỏi: "Đất đai" và dưới nói "một đất" sai khác thế nào, mà trong đây thí dụ sai biệt, bên dưới thí dụ không sai?

Đáp: Dùng thí dụ đều sai biệt, dưới thí dụ thật lý, đây thí dụ báo ấm, cho nên không đồng.

Trong đây trước phá xưa: Tập nhân và báo quả, hai nghĩa không đồng, cho nên biết người xưa không nên dùng sông núi... mà thí dụ Tập nhân, bởi vì tập nhân ắt phải tăng trưởng. Cho nên văn dưới đây thì "Ba cỏ, hai cây" đều có nghĩa tăng trưởng, tức Tập nhân. Nay văn chánh giải thích chỉ dùng sông núi..., dùng thí chúng sinh ngũ ấm hai thứ thế gian giả thật không đồng, cho nên nay dẫn hai văn dưới đều chứng nghĩa báo quả của nhân thiên v.v... "Lại...": là biệt thí: Trước thông vì năm thừa, năm ấm làm thí dụ. Nay đều thí dụ năm thừa năm ấm. Như núi tuy cao nhất cũng có gò cao thấp... năm tướng. Chữ ô: Gò thấp, nếu y nghĩa đây nên viết chữ huyệt, ao. Cũng nên nói chữ sa (trũng) gò cao, nghĩa là sông núi hang cốc khe đất đai trong một mỗi tướng lại có năm tướng. Như đất tuy bằng cũng có cao thấp tợ như núi... xuyên: (sông): Là nước lớn năng xuyên thông cho nên gọi là "xuyên". Phan Nhạc Quan Trung ký nói: Nước có tám dòng sông: Kinh, Vị, Bá, Sản, Phong, Cao, Lao, Duật. Nên biết chỗ nước thông đều gọi là "xuyên". "Khê": Là cùng tận sông ngòi, nguồn xuất ra từ núi cho nên gọi là cùng. "Cốc": Nước chảy ở khe. Lại suối thông sông gọi là cốc, đâu có ngăn ngại gì đây... đều có năm tướng cho nên dùng thí dụ Ngũ thừa ngũ ấm. Trong cụm từ "Sông

núi y thế giới vân vân” thì “vân vân” là: tế hợp ấm nhập Tập nhân pháp tánh ba pháp, tướng xoay chuyển nương nhau. Nên nói Tập nhân khai làm Duyên, Liễu, cùng ấm nhập kia bất tức bất ly. Ấm tập cùng chánh pháp, tánh bất tức bất ly. Sáu văn rõ rằng, trách nơi người xưa không lập thứ sáu làm nghĩa Tập nhân tăng trưởng.

Nói sáu: 1) Đất đai. 2) Thảo mộc cho đến thứ sáu là tăng trưởng.

Cho nên biết nghĩa đầu chỉ tương đương sông núi chưa liên quan đến hai nghĩa chủng tử tăng trưởng. “Lại tiếp... như đây” đến “trước sau ư!” Các sư xưa dùng nghĩa thứ sáu của sư nay đặt làm nghĩa thứ nhất, cho nên trách nói sao chép trước sau. Lại dùng nghĩa đất làm cuối cùng và nghĩa đầu: tam thiên làm tổng mà dùng khe hang... làm phân biệt gián đoạn cho nên nói lẫn lộn kinh văn. Trị bệnh lực dụng thù thắng. Nếu phân biệt hai chữ “dược thảo”, thì dùng tiểu thảo riêng gọi tên “thảo”, ngoài ra thì gọi chung là “dược”, tức chỉ vô lậu. Lại, hàng nhị thừa theo sở thuật mà nói thì gọi là trung thảo, cho nên xưng hạ thảo trị bệnh lực yếu, thượng thảo đồng phàm phu trị bệnh cũng kém. Từ phát đại tâm cho nên cũng gọi là “dược”. Hai cây (mộc) lại từ phú ấm (che lấp) làm công cho nên biết thông đề, biệt tại trung thảo, thông luận đều là dược chỉ lược chữ mộc thôi! Đầy đủ như đầu phẩm phân biệt có thể thấy. “Chất cán” là pháp thể, “Phúc ấm” là từ bi. “Khí dụng” là lợi vật. “Ví như hai Bồ-tát”: Thông Biệt Bồ-tát. Nếu vọng hai giáo thì nhị thừa và Tam tạng Bồ-tát, vả lại nói đại. Nhưng Thông Bồ-tát nếu vọng Tam tạng, cảnh thệ nguyện rộng tuy không hơn kém, mà dùng Thông Bồ-tát: 1) Diễn môn thông viên. 2) Thông nơi biệt cho nên nói rộng. Thất thiện chỉ là Thất phương tiện thôi! Như từ tu tập đương thể đặt tên, phương tiện tiến thú công năng lập xưng. “Mây dày tức tam mật”: Phàm nói tam mật ắt căn cứ Ứng Hóa. Tự thọ dụng báo bình đẳng pháp thân, thì ở đâu mà luận về mật? Phúc ấm ví như từ bi của đức Phật...: Che rộng thì chất lớn, che hẹp thì chất nhỏ, chất nhỏ thì lợi cận, chất lớn thì lợi viễn. Viễn mật cận sơ, tùy đều sai khác, tùy kia mà dụng trí hóa cảnh không đồng.

Trong cụm từ “Không mưa vân vân” thì “vân vân” là: nhân đem mây... để thí dụ tam mật, tiện dẫn sắc mây không đồng. Điện Sư danh khác có lôi (sấm), do duyên mưa không đồng. Nay dùng mây dụ ứng thân, sấm thí dụ danh xưng, sấm dụ phóng quang, mưa dụ thuyết pháp. Trường hàng không có nói sấm chớp, trong tụng có đủ. Có chớp ắt có sấm, sấm ắt có mây, mây ắt rót mưa. Nay không dùng “mưa không có chớp không có sấm, mây không mưa”, làm thí dụ, nên dùng ý đây hợp

thân mây..., ứng sắc chẳng phải một. Vả lại rộng nêu năm để ứng Ngũ thừa. Đức Phật làm giáo chủ, thí như điện sư, căn cơ chúng sinh cũng như điện sư, cảm ứng hợp nhau giống điện sư đấu tranh, tùy cơ có cảm ứng phát ánh sáng. Lại tứ đại đấu tranh cũng thí dụ cơ ứng. Nói "Năm việc không mưa": Tổng dùng không có cơ Ngũ thừa để giải thích có cơ, do không có cơ nên mưa pháp không giáng xuống. Phàm dẫn sự thí đều có cận viễn, trong đó không cần dùng Lục thiên, Tứ vực trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ mượn ý kinh A-hàm làm thí dụ thôi?

Lại nữa Tạp A-hàm nói; Trời Phong Vân suy nghĩ rằng: Ta nay muốn dùng thần lực du hý, suy nghĩ rồi thì gió mây liền nổi. Điện trời sấm chớp, trời tạnh trời lạnh nóng cũng lại như vậy.

Hỏi: sáu thí dụ này vốn thí dụ sai biệt, sao một trận mưa mây dày làm thí dụ không sai biệt?

Đáp:Văn dưới nói mây mưa chỉ là mây mưa trong đây thí thôi! Nay từ sở vũ được gọi là sai biệt.

Hỏi: Nếu như vậy thì cùng thảo mộc đâu khác biệt?

Đáp: Thảo mộc chỉ từ thảo mộc lập tên, mây mưa chính từ sở hiển làm năng, cho nên không đồng.

"Tám âm bốn biện" như trong sách Pháp Giới Thứ Đệ nói. Lẽ ra phân giáo biệt, nay từ tột cùng thuyết. "Thấm khắp...": Tuy nói Ngũ thừa vốn gia bị Nhất thật, lẽ nào khi thọ thấm nhuận ly thật địa ư! "Tín giới...": Ngũ thừa đều nhờ bốn pháp đây, chỉ có Nhân thừa thiếu định tuệ, dùng tâm sở thì xứng. "Nêu rõ thảo mộc kia tùy phần" đến "hai nhân": Tập nhân tăng trưởng để thành báo nhân, cho nên tập nhân tăng trưởng tức báo nhân tăng trưởng, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển 8 ghi. Lược thuật các luận về tập báo nhân..., chỉ kia nêu rõ phát tướng đây biện rõ tu tập. Sáu tế kia độ bảy phương tiện đây, lấy đây làm khác.

"Hoa quả đơm kết" đến "hai quả": Hoa như tập quả, quả như báo quả. Đây cách chữ làm đối, lẽ ra nói đơm hoa kết quả, cũng có hoa mà chưa đơm, quả mà chưa kết. Cũng có thể thí dụ hai nhân. Nay dùng "đã phu đã thật (đã đơm kết)", cho nên khi đến quả thì y chánh rõ ràng. "Đạo tiền tâm địa" đến "Trí địa": Đây gọi là "Đạo tiền hậu", danh có thông biệt, Đạo hậu định tại quả hậu, Đạo tiền thông đến phàm phu. Cho nên trong phẩm Phương Tiện cũng lấy Đẳng giác về trước làm Đạo tiền. Trong đây phải dùng bạc địa phàm phu không giới thiện làm Đạo tiền, dùng Ngũ thừa làm Đạo trung, do đó Đạo tiền Đạo hậu lý chân như bình đẳng đều là địa. Địa thể không sai biệt nhưng đều năng sanh, cho nên biết chúng sanh Đạo tiền tâm địa, sao thường không có tánh năng

sinh ư? Mà không năng sanh không năng thành. Ắt nhờ vào cực quả trí địa của đạo hậu khiến sanh khiến thành. Phát tâm về sau cứu cánh về trước, đều nhờ Trí địa mà thành thục. “Khai phát Đạo trung”: Lại đem sơ vọng hậu, Ngũ thừa ở giữa. Không phải cho rằng Ngũ thừa tức có chân như. Ngũ chủng thiện căn tức Ngũ thừa, đều căn cứ Như Lai hóa ý biên nói, cho nên nói “cuối cùng là nhất âm”. Nói “cuối cùng là”: cuối cùng không định năm, cho nên nói vậy. Chúng sinh được gia bị tuy năm, hóa ý chỉ một, từ biên hạn quyền nghi phải gọi là bốn vị.

“Hợp thí thứ lớp”: Trong đây chỉ nêu trong hợp tương sinh, căn cứ lý thì cũng nên nêu thí dụ tướng sanh. Thí dụ tương sinh: Do có chúng sinh ngũ ấm cho nên có Ngũ thừa thảo mộc. Có ngũ thừa chủng tử cho nên mật vân (mây dày) ứng thế, nên ắt thuyết pháp, thuyết ắt có thấm nhuần, thấm nhuần ắt tăng trưởng. “Vân vân” là: nên dùng sai biệt đối nhuận đồng nói sai biệt không sai biệt bình đẳng. “Chương môn”: “Mười hiệu” như trong Chỉ Quán quyển hai lược giải thích. “Tứ hoằng”: Triệu sư nói: “Phát tăng na ở tâm ban đầu, cuối cùng dùng đại bi ứng phó nạn”. Bản Nghiệp Anh Lạc đủ đối Tứ đế. Nhưng kia thuộc Biệt, nay phải tại Viên. “Tri đạo...”: ba thứ “bất hộ”: Thường cùng trí đồng. Sáu thứ pháp môn bắt đầu từ mười hiệu cuối đến ba nghiệp, các giáo hóa nêu tất cả quả địa, thần dụng pháp môn. Sáu thứ đây nhiếp đủ cho nên lược nêu, huống chi sáu môn đây mỗi môn xen lẫn nhiếp. Đây sáu thứ lớp: Do đủ mười hiệu cho nên có Tứ hoằng cho nên nói người chưa được độ thì làm cho được độ.... Tuy dùng Tứ hoằng, nếu không có Tam đạt chiếu cơ thì bất biến, ba trí đầy đủ mới gọi là “đạt”. Trí ắt có nhãn. Ba pháp đã lấy định tuệ làm nhân, mà thâu hoạch nhãn trí hai quả, cho nên có trí ắt có nhãn. Như đây năm khoa đều do ba nghiệp tùy trí tuệ hành, cho nên lược nêu sáu khoa để chỉ bày năng ứng. Đức Phật tự xưng đây để hiển nghĩa năng mưa pháp. “Tức là mười pháp giới” đến “sai biệt”, tuy thông mười pháp giới mà tứ thú nghĩa không tăng trưởng.

“Bấy giờ”: là khi quán căn cơ. Nói “nếu luận”: Lại nêu Hoa Nghiêm. Nói “lợi độn” thông ba, bốn vị, mười pháp giới. “Thông biệt viên vân vân”: Đây phải cần ba phen lần lượt nêu lợi độn. Nhưng câu đầu nói Thanh-văn quán sanh diệt, Bồ-tát quán bất sanh diệt đã là thông. Văn dưới lại nêu đủ ba Thông v.v..., là chỉ lần nữa nêu đối Biệt, Viên thôi! Tức dùng Thanh-văn khắp thâu Tạng giáo. Trong cụm từ “là tinh tấn vân vân” thì “vân vân” là: Cần căn cứ ba giáo Bồ-tát cầu Phật truyền nêu “tấn đãi” (siêng và lười). “Tùy kia” đến “không có lỗi tăng giảm”: là xứng căn cớ Ngũ thừa cho nên không tăng giảm. Như căn cơ

người trao dùng Thập thiện làm tăng, căn cơ Trời trao dùng Ngũ giới làm giảm. Như vậy cho đến Bồ-tát lần lượt tương vọng cũng vậy. “Báo nhân” đến “tập quả”: Văn trước chỉ nói Đơm hoa kết quả để dụ hai quả. Nay trong hợp bèn dùng hoa hợp Báo quả, quả hợp Tập quả. Nếu không y đây hợp tức căn cứ văn trước; hoặc là biệt có ý. “Như nói Bát-Nhã Phương-Đẳng nêu các địa ngục”: trong kinh Đại Phẩm nói: “Như Lai phóng quang chiếu các địa ngục”, đầy đủ như Thích Tiêm dẫn. Nói kinh Phương-đẳng cũng như Thích Tiêm. Trong đây dẫn ba ác: Trong kinh chỉ nói thiện xứ, nay dùng ác đạo: 1) Vì muốn nhiếp mười pháp giới. 2) Ba ác có bảy thiện cơ, nay nói “cũng” là dùng ý để giải thích. “Sinh thân Bồ-tát” lại chỉ Địa tiền, nhưng căn cứ Quyền giáo địa tiền không thể Nhất sinh cho nên phải y Thật giáo để nói. “Sau sinh Tịnh mãn giới”: Xá-na kia âm, đây chỉ cõi Thật báo là “Tịnh mãn giới”. “Bồ-tát thừa xuất nạp không có lợi trí”: lại chỉ Tam tạng Bồ-tát.

“Hỏi…”: Hiện văn đều có tám lớp hỏi đáp. Ý muốn như hỏi mà không biệt nói, chỉ ghi chú “vân vân” là: Căn cứ nghĩa vẫn có ý đầu trong tám, chỉ nên dùng xuất thế mới chính gọi là thừa. Vì sao phải liệt kê Nhân thiện thừa ư ? Cho nên liệt kê rộng các ý để biện minh tướng tùy nghi hợp vật. “Lại Nhân thiên...”: Căn cứ đây cũng nên nói Bồ-tát cũng đoạn, cũng không đoạn, chỉ là văn lược.

Tiếp, nói “Nhị thừa cũng đoạn, cũng không đoạn”: Nhị thừa tuy đoạn, đoạn vẫn chưa tận cho nên nói “cũng đoạn cũng không đoạn”, các thứ khác có thể biết. Coi đây là mẫu, lấy ý các kinh tự tại mà hỏi, cho đến đầy đủ trải qua tứ giáo Thất phương tiện làm câu hỏi. Đây đều một nhà y nghĩa giả nói hỏi đáp đó thôi! Tiếp ,“Đại luận...”: lại dẫn văn lập câu hỏi, nêu công thức ly hợp, thông các ý trước. Đại luận liền đối Ngũ thừa làm năm thiện căn cho nên được đối với Tạng v.v... làm câu hỏi. “Nhân thiên…”: là đáp, trong năm thừa hợp nhị thừa khai Phật, Bồ-tát làm hai. Đây dùng năm thiện vọng năm thừa mà nói. “Bốn tạng hợp phàm khai Thánh”: đem bốn tạng để vọng năm thừa, cho nên bốn tạng hợp Nhân thiên tại trong Nhị thừa khai Nhị thừa làm hai, Phật Bồ-tát làm hai. Nếu dùng năm thừa vọng bốn tạng, thì là đều khai Nhân thiên nhị thừa mỗi thứ làm hai, vẫn hợp Phật Bồ-tát làm một. Đã nói vì duyên không đồng do đó cũng được làm Tam thừa, chỉ là phàm Thánh đều hợp đó thôi! Chỉ do danh hẹp nhiếp pháp không khắp, nêu các loại không hiển, cho nên không được chỉ dùng Nhị thừa để nhiếp. Nếu trực tiếp luận về thừa thì pháp gì lại không đắc? Đầy đủ căn cứ ý trên tư duy có thể biết. Mưa thấm khắp tất cả thuận hợp sáu chương môn. Sáu chương

chính nêu tướng mưa tuôn.

"Nhất tướng" đến "nhất địa": chân như chỉ là Nhất thật tướng. Bảy tướng chỉ là Thất phương tiện, dùng Thật tướng đối bảy tướng, cho nên nói "tướng", tức hành tướng. Bảy giáo chỉ là Thất phương tiện giáo, lấy giáo đối giáo, cho nên nói "giáo". "Từ "cái gọi là" trở xuống, là song thích": Đầu tiên, song nêu lý giáo. Tiếp, "Chúng sinh...": là trước giải thích tánh đối với tướng lý đức. Đầu tổng nêu. "Giải thoát...": là liệt nêu kết. Tánh này ba đức tuy có ba tướng chỉ là một tướng. "Như Lai...": là giải thích một vị, do Phật thuyết. Tánh đây có thể tu, tánh vốn không có danh mà đầy đủ các danh. Cho nên không nói mà nói, nói tức thành giáo, y giáo tu tập mới gọi là tu tam. Ví như người đọc giáo này mà không biết tu tánh, thì làm sao hiểu mà giải thích sớ văn trong đây? Kính thỉnh người đọc người hành tư duy soi chiếu. "Ba tướng đây...": là lần nữa lại chỉ tánh ba, lấy làm cảnh tu. "Duyên sinh...": là lần nữa lại nêu tướng tu, cho nên gọi là hạnh, hạnh tức nhân. "Cuối cùng thì...": là nêu quả địa ba. Ba trí mãn, cho nên theo trí mà đặt tên, tức là trí ba, hạnh ba, tánh ba. Khai hợp nhiều ít, chuẩn vọng có thể biết. "Có khi...": là nêu phân văn không đồng. "Giải thoát...": là rộng giải thích tướng vị. Trước tướng, sau vị. Đầu tiên, trong giải thích tướng thì tánh đức chỉ là bản hữu ba đường (đạo).

Tướng giải thoát: Tức nơi nghiệp đạo là đức giải thoát. Ly tướng: Tức nơi phiền não là đức Bát-nhã. Tướng tịch diệt: Tức là khổ đạo, tức đức Pháp thân không có sinh tử..., dựa vào tu để giải thích. "Duy có...": là kết, cho nên nói Thật tướng. "Nhất tướng...": là chuyển giải thích Nhất tướng vô trụ bản lập tất cả pháp. Lý thì tánh đức duyên liễu, sự thì tu đắc ba nhân. Mê thì lưu chuyển trong ba đường, ngộ thì thắng dụng trong quả. Như vậy bốn lớp đều do mê trung đạo thật tướng mà lập. Vô trụ đây vốn đầy đủ như trong Thích Tiêm quyển bảy đã giải thích, cho nên vô minh thật tướng đều gọi là vô trụ. Nay dùng vô tướng đối nơi sai biệt, chuyên chỉ Thật tướng gọi là bản vô trú. Vô trụ tức bản, gọi là bản vô trụ. Tùy duyên bất biến lý ở nơi đây. Hai môn Khởi và Trụ, nghĩa căn cứ đây có thể biết. Nhiễm tịnh hai loại đều tại mười môn. "Nhất vị...": là căn cứ giáo giải thích, tướng trên chỉ nói không có sinh tử thôi! Căn cứ sau mới nói không có nhị tử, là vì giáo tại phân biệt. Trước, tướng chỉ nói "ly tướng là không có tướng Niết-bàn", giáo đây mới nói đắc trí tuệ trung đạo cho đến lìa chấp nhị biên. Trước, tướng chỉ nói "vô tướng cũng vô tướng", nay trong giáo nói nhị biên nhân quả diệt, lẽ ra nói Thông Biệt nhị hoặc trong ngoài nhị tử diệt. Nay đối trung đạo,

trung đạo từ lý nên nhân quả gọi là lìa nhị biên, hai thứ Niết-bàn đây vĩnh viễn sai khác sách Tiểu thừa. Sách Tiểu thừa nói nhị diệt ắt không đồng thời, trong đây thì nhị diệt hoàn toàn không có trước sau. "Câu câu theo lệ làm nghĩa sai biệt và không sai biệt": vì câu câu căn cứ giáo, giáo cũng cần hiển nghĩa sai biệt không sai biệt, cho nên lẽ ra đầy đủ như trước nói trong một tướng, tức văn nói từ: "vô trú bản" đến "tức là không sai biệt". Cho nên, nay đối giáo nêu rõ nghĩa sai biệt không sai biệt. Nếu không như vậy thì luống khai, phí hợp, dối nói, hành vô ích, nêu suông cái danh Nhất thừa, cuối cùng không có tôn chỉ Nhất thừa. Người bẩm thọ Quyền giáo còn phải biết Quyền, huống chi đối ở điểm cuối cùng này sao được chẳng sáng Thật? Quên rằng đều chưa nghe nói "tánh ác", thì làm sao tin nổi "có hạnh tánh đức".

"Cứu cánh...": Trước trong tổng giải thích đã lược nêu xong. Nay rộng giải thích lý giáo, song kết chỗ trở về, năng thuyên sở thuyên đều giúp cho quả trí, cho nên nói cứu cánh thông luận lý giáo. Có đủ ba pháp mà chỉ nói Chủng trí, là vì từ trí lấy cảnh. "Thất chủng (bảy thứ)...": Cũng có người nói: Các câu trong đây mỗi mỗi đều nói Ngũ thừa Thất thiện, là ý gì? Quá phiền để lập lại! Nay xin ông lìa ngoài giải thích đây mà hợp với kinh này, thì không có việc ấy! Cho nên, biết không dùng Thất thiện để phân biệt thì không do đâu mà hiển Thật. Thứ hai...: sáu khoa trước hiển Nhân pháp năng tri, nay giảm biện Nhân pháp sở tri, cho nên nêu mười thứ đây nhiếp hết các pháp. Lại trước chỉ là căn cứ nơi năng, nay thì căn cứ năng mà luận sở, các thứ tứ tam tuệ sở thủ. Bốn pháp sở thủ không ra ngoài nhân quả. Thể nhân quả, thể duy thật tánh, nhất nhất đối biện rõ mười pháp ở kinh khác. Ba đạo là ba đức chủng, tức tánh chủng. Vì hữu tánh sinh, cho nên gọi là chủng. Khi sinh chủng đây thuần biến làm tu, tu tánh nhất như không còn thể riêng biệt. Nói tương đối: Lại từ đương thể đối địch ngược nhau. Tức sự lý nhân quả mê ngộ buộc thoát... thủy chung lý nhất cho nên gọi là tánh. Nghĩa sóng nước chuẩn hướng nhau có thể biết. Sóng là, nước lẽ nào không tin ư? Nếu căn cứ loại: Loại nghĩa là giống như lệ, tức tu đức. Chúng sinh từ vô thủy thường ở trong ba đường, trong đó chỗ nào không có một chút chủng loại? "Phàm có tâm... chủng pháp thân": hợp tánh kia ba làm một pháp thân, đối với tu mới hợp căn cứ tánh thường khai. Ba thứ đây từ biệt , nhất nhất đều sai khác.

Hỏi: Nếu như vậy, Bát-nhã giải thoát có chủng loại và dùng đối luận, thì Pháp thân loại chủng và Đối luận chủng là đồng hay khác?

Đáp: Theo lý thì một, còn nghĩa thì khác. Nói "theo lý thì một"

là chỉ duyên Lý nhất, cho nên tánh tu tương đối ly hợp. Nói "nghĩa thì khác": Là đối sinh tử biên gọi là tương đối. Lý thể bản tịnh gọi là chủng loại.

Lại, nghe năng quán trí, gọi là chủng liễu. Nghe sở duyên lý, gọi là chủng chánh. Tức là lý tịnh và sự tịnh làm loại. "Các chủng sai biệt...": Cần căn cứ các giáo các pháp giới mà rộng nói, không thể thuật đủ, chỉ là lý thể nhất ba đức chủng Như Lai năng biết. Nếu căn cứ giáo: Biệt giáo chỉ có chủng loại chủng mà không tương đối, ở trong đó chủng loại pháp thân vẫn Biệt, thủy chung thường tịnh chỉ không từ che lấp cho nên được gọi là chủng. Tạng, Thông hai giáo hoàn toàn không có nghĩa đây chỉ căn cứ đương giáo danh kia chẳng phải không có. Nhân thời ba học làm năm phần chủng. Đạt phần tức là hai giải thoát chủng. Niệm xứ tức là Bát-nhã chủng, ẩn hiển đều biệt đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói. Cho nên ba giáo, giáo đạo có sai biệt, bản tại Viên thật không sai biệt. "Tướng, thể, tánh" ba thứ đã thông đầu cuối. Sở dĩ cần "căn cứ mười pháp giới mười như để giải thích": là ở trước giải thích chữ "chủng" đã dùng tương đối và chủng loại để giải thích, nay đây ba pháp cũng nên theo lệ. Lại, trước trong chủng thì không nói mười giới mà lấy giới thấp nhất, trong loại thì tự nói thế trí... Cho nên mười giới đây không ngoài nhất niệm. Như trong phần rộng giải thích "Thập như" kia đã nêu. Lại, trước giải thích chủng không căn cứ mười giới, là vì muốn nêu rõ ba đức nghĩa tiện. Tướng đây... ba thứ cũng là ba đức. Đã có nghĩa chủng không cần y trước căn cứ giới thì tiện, cho nên trong mười giới có Phật cùng phàm, luận sai biệt không sai biệt, hoặc đối tam đế.

Tiếp, "Căn cứ ba pháp" tức là ba tuệ. Trong ba lớp thì đầu tiên đều nói "niệm", niệm sở thủ cảnh. Tư Tu cũng như vậy. Cảnh tức sở văn, sở tư, sở tu. Đều nói "Vì sao?" là chỉ cảnh sở thủ. "Sở niệm...": là giáo hạ sở thuyên. Trước thì bốn pháp tùy giáo tức là có Tư Tu không đồng, đối giới là cảnh tăng giảm nhiều ít. Quán thể xảo chuyết (khéo, vụng) tùy nghĩa nên biết, là sai biệt không sai biệt dùng quyền đối thật. Đầu tiên nói dụng: Có thủ cảnh tuệ thì mới có sở thủ, nêu sự hiển tuệ cho nên nói dụng. Cái gọi là "thể": tức đương thể. Trong cảnh nêu sự, sự là sở thủ. "Niệm...": ở trước thủ sự sở thủ, nay thì trước nói thế nào? Chỉ năng niệm thể, Tư Tu cũng vậy, cho nên biết tức là đương thể của ba tuệ. Thể đây tức là năng Văn năng Tư năng Tu cho nên nói "ghi chép các pháp sở văn". Nói "nhân duyên": Nghĩa là nói vì sao cần phải nghe giáo! "Niệm...": tức là năng văn... không do năng thủ khiến cho khác mà làm biệt tướng. Chính do pháp sở văn khác nhau mà phân

Ngũ thừa Thất thiện. Năng sở hòa hợp tức nhân duyên văn tư tu. Nói "thủ cảnh nghe (văn) pháp là nhân duyên": Sở thủ năng thủ đều gọi là nhân, nghe pháp là duyên, sinh tuệ tức là sở sinh pháp. Lại, thủ cảnh: thủ cảnh ắt phải nghe pháp làm nhân. Lại trước nêu như thế, cho nên ba cảnh làm nhân, nghe pháp làm duyên. Tức ban đầu tuy có nghe... lại phải nghe pháp lấy làm duyên lành, nên nói nhân duyên. Nên biết ba tuệ cảnh thể và dùng nhân duyên tuy ba mà hai. Lần nữa lại giải thích nhân duyên, hợp cảnh thể trước, thể tức là trí cảnh ắt từ thể đặt tên. Thể ắt do cảnh lập xưng. Lần nữa lại nói nhân duyên: Đã thêm nghe pháp phòng chấp tự tha và lập lại lẫn xen nhân duyên. Ba nghĩa đầy đủ mới thành tuệ và thành sở vi (việc làm). "Như đây tam thừa...": Ngũ thừa trừ Nhân thiên, bởi vì Nhân thiên thừa chưa gọi là tuệ.

Hỏi: Trước nói mười pháp giới, vì sao trong đây chỉ nói ba thừa?

Đáp: Rộng lược tuy khác, lý kia chỉ một, chỉ vì chủng thông, thừa hạn cuộc hợp đại khai tiểu, cho nên chỉ có ba thừa.

Lại nữa, chủng... bốn thứ ắt biến khắp mười pháp giới, trong đó khởi tuệ ắt chỉ có tam thừa, bởi vì tam thừa thông bốn pháp giới. "Nhân của Ngũ thừa...": Tuệ ắt chỉ có ba nhân quả thông năm. Ly Bảy căn cứ giải thích có thể dùng ý hiểu. Không nói bốn thứ khởi: Lại từ thăng xuất, Sinh công căn cứ đủ các pháp: độ... để biện rõ Văn Tư Tu. Nhưng lục độ chưa thể phân nơi tam thừa. Lục độ thì thông khắp, ba thì nhiếp sáu. "Chính là căn cứ một pháp": ba ý trước trong bốn ý, là căn cứ sở mà biện năng, đây thì căn cứ năng mà luận sở. Trong sở không sai biệt tức một pháp, cho nên ba ý trước Như Lai đều có một pháp không sai biệt, chỉ vì lại căn cứ nguyên do đối năng biết. "Không sai biệt vân vân" thì "vân vân" là: Chỉ là như trước nói sai biệt không sai biệt mà làm phân biệt.

"Vô lượng trong một": Ý nói là vô lượng của một nhà, trong mỗi một đức đều có thể làm duyên phân biệt vô lượng, như nói nhiều các danh tự... . "Một trong vô lượng": căn cứ đây có thể biết. "Vì sao?...": đối Tiểu biện rõ Biệt! Vì sao dùng người Nhị thừa cũng có hai, đã lìa (trước) chấp trước mà nhập tịch, danh đồng mà thể khác, lần nữa lại đối giải thích. "Thường tịch diệt...": lại dùng nghĩa không sai biệt kết Nhị thừa sai biệt. "Cuối cùng trở về Không": căn cứ theo lệ có thể thấy. "Trịnh trọng cầm tay": cầm tay là tiêu biểu nhắc nhở siêng năng, trước đã giải thích xong. Nay lại giải thích. Việc đây không dễ cho nên lần nữa lại khuyên siêng năng . Đức Phật tại thế còn như vậy huống chi đời mạt pháp. Bài xích: "Xưa nói" đến "như Phật...": Người xưa dùng đây

giải thích Thọ lượng bên dưới, mất tôn chỉ càng xa. Nay lại dùng đây để giải thích giáo thường trú cho nên nói "làm khổ kinh". Bất sinh bất diệt mà nói gián đoạn (sắp đoạn) cho nên nói "làm khổ Phật". Kinh và Phật không có khổ, lỗi là do thêm vào, cho nên nói "làm khổ Phật...". Ngài Quang Trạch nói Hữu dư mà chưa đủ biện rõ khác, nhưng các văn của Quang Trạch đều phá tam Tăng-kỳ Bồ-tát. "Không biết việc gì" đến "đây tức dùng tên Hữu dư của Tiểu thừa": để hiểu rõ Tất cánh Không. "Có người...": người khác vấn nạn Quang Trạch: Các sư xưa còn có người không chấp nhận sự giải thích này, huống chi các sư nay. "Kinh văn...": Sư nay chính giải thích. Trước, "đối Nhị thừa", lần nữa lại giải thích bởi có nguyên do. "Long Ấn...": dẫn các giải thích xưa để trách ngài Quang Trạch. Nhất vãng lại như vậy. Nhưng cũng không biết xưa Đệ nhất nghĩa Không cùng Tiểu thừa có gì sai khác? "Tùy tam Tất-đàn": cũng lấy nhất thật làm Đệ nhất nghĩa đối Quyền làm ba, tức ngày xưa tùy muốn thuận quyền cơ.

"Lại nữa, tông giải thích nghi": Nói tuy chưa mà chấp nhận làm đồng loại được thọ ký rồi tức chứng phần chân thật Phật, từ sau Lộc uyển thì lãnh đủ Quyền thật, đến thời Đề-hồ thì lãnh nghiệp bất hư. Phải biết trước tán thán Thích-ca, vốn muốn xưng tán Ca-diếp sở lãnh. Nói giải thích nghi là e rằng thời chúng đây nghe đức Phật thuật kia lãnh sở bất cập, không hiểu ý chỉ của Phật mà cho là Ca-diếp lãnh giải không đúng, cho nên thuật mình Quyền thật để tán thán Ca-diếp năng biết Như Lai tùy nghi thuyết pháp. Tuy tự lãnh mà thật đã kiêm tất cả.

Hỏi: Vì sao không giải thích thám nghi (dò xét nghi) ư?

Đáp: Tề giáo hiển lộ hư thật dễ biện. Cho nên đức Phật lại căn cứ Tề giáo thuật tán thán.

Hỏi: Nếu vậy, thì Thám rất đáng nghi, đâu riêng Tề giáo?

Đáp: Tuy khó mà dễ. Thời chúng nghe nói Như Lai nhị trí, biết Pháp thân Phật thường tư duy đại tiểu, chỉ sợ lãnh giáo chưa hẳn tận thiện cho nên Phật dùng hai giáo hai trí thuật Tề giáo kia không có sai lầm.

Lại, Tề giáo thuật còn tự không hư dối, nghiệm biết Thám lãnh cũng nên chẳng sai. "Giải thích ý thuật": Trước vừa bài xích kia sở lãnh bất cập lẽ nào đến trong đây tức nói sở lãnh giải rất là hy hữu? Cho nên biết văn trước chỉ là Như Lai tự thuật năng biết, liên quan gì đến Ca-diếp? Cho nên, nay giải thích rằng: Thế Tôn tuy tức tự thuật mà về lý coi như Ca-diếp tất cả đều lãnh giải. Từ đầu đến cuối Ca-diếp đã tự lãnh giải mà cũng trải qua năm thời quyền thật, nghĩa xả tất cả cho nên

cũng kham tán thán rất là hy hữu. Nhưng Chương An lần nữa lại giải thích chỉ thuật mười ba bài kệ của phẩm trước tán thán ân sâu của Phật, tức là đương giới năng biết tùy nghi. Đương giới sự lý biến thâu tất cả.

Hỏi: Trong đây thuật trước tán thán ân sâu của Đức Phật và người xưa có gì sai biệt?

Đáp: Người xưa trực tiếp nói ân sâu mà không biện rõ ân xa gần, cho nên trước dùng mười ba bài kệ lãnh đầy đủ từ đầu đến cuối. Nay Đức Phật thuật đủ mới gọi là thuật thành.

Đây là Chương An trợ giúp thấy, y ý đại sư tự thành tinh tế sâu xa. “Lẽ nào có...”: tức chỉ Ca-diếp... lấy làm một cơ, chỉ cõi Ta-bà đây lấy làm một phương, các căn cơ khác không lãnh giải cho nên nói thuyết bất khả tận. Ca-diếp... bốn vị ở phẩm trước chưa thể, chỉ nói ân lớn của Như Lai. Như Lai từ xa quán sát biết Ca-diếp đã có khả năng lãnh giải hai thứ Giáo và Thám, thì lẽ nào không thể biết bốn ân đầu sâu rộng lớn ư! Cho đến sau cùng khiến ta hóa tha, nghi thức mười phương cũng không ngoài điều này. Cho nên nay trong văn trường hàng kệ tụng này thông thuật khắp, thì ba cỏ hai cây một đất một mưa thuật hết lãnh giải của Ca-diếp từ đầu đến cuối. “Thân tâm tài pháp”: Thân được thọ ký, tâm thâu hoạch pháp tài. Đã chứng đệ nhất nghĩa nhất thật Không tòa. Nếu y nghĩa đây thì Đức Phật vốn khắp thuật Ca-diếp lãnh giải từ đầu đến cuối. Thời chúng không lãnh giải, cho nên cần phải trừ nghi. Cho nên giải thích nói Ca-diếp năng biết. Nếu suy tìm ý đây thì tại sao được nói dùng bốn phục nạn cùng đây đồng? Nếu không như vậy, thì nói đại ân chủ ở chỗ nào? Thuật ân không khắp, ngược lại thành trái nghĩa. Nếu như vậy, ra đời trở lại nên tự chê, vì sao Phật tán thán năng tín năng thọ?

Tiếp, trong tụng không tụng, lược chỉ tụng rộng, bởi vì rộng nhiếp lược. “Tiếp, Người trí...”: là căn cứ quyền trí.

Hỏi: Đã nói “Người trí nếu được nghe”, đây ắt thuộc cơ, tại sao thuộc Phật?

Đáp: Nếu chẳng phải người có trí nói, thì làm sao có thể khiến người có trí tin. “Từ trước đây đều gọi là tà”. Ca-diếp... bốn vị chưa nghe trước thí dụ , nghĩa đương tà kiến, vì kiến chưa chánh. Cho nên biệt Đại kinh nói Ca-diếp Đồng tử tự thuật làm gương. Kia cũng chưa nghe, Niết-bàn về trước tự xưng tà kiến. Ứng thân” đến “hàm nhuận”: Phàm nói “thuyết pháp” chính là đối “ứng thân”, cho nên Thắng liệt ứng đều là sắc thân khẩu nghiệp tuyên biện. Tân kinh chính dùng Tha thọ dụng báo mà làm Xá-na, còn chẳng phải tự báo, lẽ nào không nói

ư? Nếu nói thể tức, mười thân đều tức, đâu riêng gì ứng ư? Mới có thể nói ba thân tức một, nói nín không khác, tại sao bỏ thân trượng sáu mà thiên chấp tôn tướng như hải? Như Không làm hoa, ngoài hoa thì chẳng có không. Công năng đầy đủ... cho nên biết xưa thì kinh sách nói thiên về Tiểu thừa, như mưa Viên thường không rơi xuống để khai hiển Phật tánh trong mười hai bộ kinh, cho nên mây không thể hàm nhuận. Trong hai vị trước tuy nói không thọ, tuy có nghĩa bất biến mà chẳng hàm nhuận, "Phật Tu Phiến Đa không thuyết pháp" đây dùng "hoàn toàn không thuyết" làm nghĩa "không bao hàm", là ở văn Đại luận. "Đức Phật Đa Bảo không thuyết": nghĩa như văn dưới.

"Chín mươi tám sử", đầu tiên đoạn kiến ái đắc ích chân đế. Nói "địa thượng thanh lương": là vị sáu căn thanh tịnh cũng lại trừ kiến ái. "Nói bách cốc (trăm thứ lúa) thông" đến "trăm điều thiện": là Ngũ thừa đều lấy trăm điều thiện làm gốc. Nói "năng sinh": Là theo quả mà nói, nếu theo nhân thì nói chính là trăm thiện sinh Ngũ thừa. Nhân Đại Tiểu thừa lẽ nào vượt quá mười thiện! Cho nên lấy mười thiện lại xen lẫn trang nghiêm. Nếu không năng tu xen lẫn nhân trang nghiêm, thì nay đã không luận. Nếu vậy thì Nhân thừa không có trăm thiện ư? Đáp: Rượu phòng ý địa, thông nói chẳng phải không có. "Cam giá...": Đã nêu hai vật nên có thuộc đối, nay thử đối nơ . "Cam giá"(mía ngọt) chất chỉ là một, có thể dùng ví như định. "Bồ đào" (nho) hình nhiều dùng dụ cho tuệ. Tuệ căn cứ sở phá, định căn cứ sở duyên, tạm phân làm nhiều một. "Đã hiện ra trong đời..." ba hàng tụng mười hiệu, văn lược nghĩa hợp. "Xuất thế", tức Vô thượng sĩ và Phật. "Vì thuyết" tức Chánh biến tri và Minh mạnh túc. Thế Tôn tức hiệu thứ mười. "Trong hàng Nhân thiên" tức Điều ngự trượng phu và Thiên nhân sư. Như Lai tức hiệu thứ nhất. Đến thiện, đi thiện kiêm nơi Thiện thệ. Lại "xuất thế" tức Thế gian giải. "Thấm nhuần khắp tất cả..." là bốn hoằng thệ: Thấm nhuần chúng sinh đầy đủ tức hoằng thệ đầu, đều khiến lìa khổ tức thệ thứ hai, đều khiến lìa nơi nhân quả khổ cho nên được vui an ổn tức thệ thứ ba, và Niết-bàn lạc tức thệ thứ tư. Ngũ thừa đều có vui thế gian đều khiến được vui Đệ nhất. Trong "Khuyên nghe thọ" lại chia làm hai: hai hàng đầu trước tán thán Phật . Tiếp, "Vì các đại chúng..." : là người năng thuyết thì tôn quý, cho nên sở thuyết là diệu pháp. Thất thiện đều quy nhất thừa, cho nên khuyên nghe thọ. Đây nêu nghĩa không sai biệt để giải thích sai biệt. "Đức Phật bình đẳng thuyết...": Có yêu ghét cho nên có đây kia. Chẳng phải đối với căn cơ Phật thì yêu, cơ khác thì ghét. "Sang hèn và thượng hạ": căn cứ ở vị. "Trì giới hay phá giới": căn cứ

hành. "Lợi căn hay độn căn": căn cứ tu tập. Cũng phải trải qua đủ Ngũ thừa Thất thiện lần lượt nói đó.

"Có người...": tiếp giải thích "ba cỏ hai cây". Sư xưa nói không đồng, chỉ loại cỏ lớn, hai cây, không nhất định dùng danh hợp, hai loại cỏ nhỏ và vừa thì kinh tự kết danh hợp, ắt không nghịch cãi. Nhưng không biết có hai thứ Nhị thừa, cho nên sư đầu tiên nêu đủ năm vị. Sư thứ hai, thứ ba chỉ nêu ba vị, do hai loại cỏ ý đồng ba đều chưa xưng. "Nhưng ba có...": nay giải thích. Trước là tổng phi. Nói "tâm sư phản Phật trái kinh": không thọ theo Phật nên là "tâm sư", ý Phật không như vậy tức "phản Phật". "Trái kinh": Kinh nêu thọ nhuần không đồng để đối Ngũ thừa sai biệt, vì sao ba vị đều đồng tại một giáo? "Trong biệt thọ thấm nhuần" có hai giải thích tiến thoái: Đầu, chánh hiểu rõ kinh văn. Tiếp, dùng mộc lệ thảo căn cứ nghĩa để giải thích, thảo đã có ba, mộc cũng nên theo lệ, Trong phần "Nhân kiến thương thảo", nói "cầu Thế Tôn": là nghĩa cũng thông sau. Trong "kiến tiểu thọ", nói "chuyên tâm nơi Phật đạo": nghĩa là thông từ đầu đến cuối. Trong "kiến đại thọ" nói "độ vô lượng muôn ức": nghĩa, là thông hai thứ trước, tiện làm một thứ trải qua vị giải thích. Dùng cận đại, bỏ kinh xưa, mà luận các giáo Bồ-tát, đây là đại hoạn trong việc hiểu và giải thích kinh. Cho nên, nay biệt giải thích ngầm thuận với kinh văn. Thượng thảo là lục độ, đã nói hành Tinh tấn, Định. Trong lục độ thì Tinh tấn là tối thượng. Cho nên Đại luận nói: Thí, Giới, Nhẫn là thường pháp thế gian. Muốn tu định tuệ ắt phải tinh tấn, huống lại thông tinh tấn nhập khắp trong năm độ kia; vì nghĩa này cho nên tinh tấn nhiếp sáu độ, không thể hai cây (mộc) chỉ tại ba kỳ. Trong phần tiểu thọ, kinh đã nói "Thường thực hành từ bi, tự biết mình làm Phật". Lục độ Bồ-tát đệ tam tăng-kỳ mới quyết định biết, cho nên bất cập Thông, chỉ quá nhị địa ắt biết làm Phật, cho nên cùng trước khác, chính từ nghĩa thù thắng nêu. Trong phần đại thọ đã nói chuyển bất thoái chuyển, Biệt nhân Sơ địa năng chuyển pháp luân, đó là Niệm bất thoái. Tạng, Thông đến quả mới chuyển pháp luân, lẽ nào được gọi là Bồ-tát như vậy? Cho nên, biết là tại Biệt.

Tiếp, nghĩa lập ba cây (mộc) thông ba Bồ-tát. Khiến biết thông phương cho nên lại giải thích. Nên đầu Chánh Pháp Hoa theo lệ thì nói "ba cây hai cỏ", dùng cỏ nhỏ làm "du du dược", dùng cỏ lớn (thượng thảo) làm "thượng tôn dược". Tụng văn chính nói ba loại cỏ thuốc và hai loại cây cho nên văn nay thông biệt hai giải. Trong phần giải thích tăng trưởng, Nhị thừa tăng trưởng hai giải thích không đồng, đều là ý sư nay. Trước giải thích đắc Tiểu thừa, hết sinh tử, mới gọi là "tối hậu".

Tiếp, trong giải thích Đại thừa mới gọi là "hậu thân". Đại Tiểu hai thứ đều gọi là tăng trưởng, tăng trưởng đều do gặp Phật. Chúng sinh tự cho là đương phần tăng trưởng, nay căn cứ ý Phật thì đều là đất, mưa, cho nên khiến đương phần viễn (xa) có tăng trưởng, do đó đến phương này mới biết hợp nhất. Nói "không có hậu" (vô hậu) là tạm tùy Tiểu giáo, tạm gọi là "không có", chẳng phải vĩnh viễn không có. Nếu được pháp thân Đẳng giác một phen chuyển đương nhập Diệu giác thì mới gọi là "tối hậu".

Luận nói: La-hán phát tâm về sau, biên tế định lực khiến Phần đoạn thân kéo dài đến Biến dịch, không còn cải báo, thành tựu quả vô thượng, đây phần nhiều thuộc nghĩa Thông, bởi vì thông Bồ-tát quá Nhị thừa địa, mê hoặc nhuận sinh thân, hoặc là không trải qua sinh mà thành lẽ nào Chánh giác. Hoa vương Phật quả mà dụng Nhị thừa biên tế định thân? Cho nên, ứng với câu hỏi: "Định đây cùng định Thủ Lăng-nghiêm kia đồng hay khác?". Các luận đều nói xả thân Phần đoạn mà nhập Biến dịch. Theo Thiên Thân luận thì chủ ý chưa hẳn vậy; chỉ e rằng luận giải thích nghĩa không chính xác. Cho nên, biết: nói "tối hậu tăng trưởng" thì Đại tiểu đều sai biệt. "Không người có giáo" rất có thể làm pháp tắc.

Hỏi: Nếu vậy thì ba vị còn lại đều ứng với hai giải thích: 1) Ba vị nếu không gặp Phật thì đều không tăng trường, nếu được gặp Phật thì đương vị tăng trưởng. 2) Ở trước Pháp Hoa trú thân bốn vị được Phật điều thục, nếu đến Pháp Hoa được nhập nhất Thật thì mới gọi là tăng trưởng. Phải chăng?

Đáp: Nhưng trong năm vị thì Nhị thừa chấp mạnh cho là tối hậu, cho nên phải hai giải thích, ba thứ còn lại đã có rõ ràng trong văn tất cả văn ý trên dưới đều như vậy.

Hỏi: Nhị thừa đồng nói trú nơi thân tối hậu (sau cùng) ắt phải thấy Phật, Duyên-giác không như vậy là vì sao?

Đáp: Tuy sinh đời sau Phật, nguồn gốc nhân đời có Phật, tư duy có thể thấy. Tăng trưởng hậu..., nêu đủ ý Đại Tiểu xưa nay. Năm vị tuy tức tự nó là tăng trưởng, mà bắt đầu manh động đều là do đất, mưa. Nói đất mưa tuy về sau mới có tăng trưởng mà chắc chắn có từ ban đầu khởi chút ít. Nay mới chỉ do đất mưa từ đầu đến sau vậy. Cũng nên tùy nói ý Thông, Biệt tăng trưởng.

"Hỏi: Một đám mây một trận mưa cùng một âm, là đồng hay khác?" Ý của câu hỏi: dùng một đám mây một trận mưa và giáo một âm là đồng hay khác? Ý của lời đáp: một đám mây, một trận mưa đây

là biệt thí khai hiển, giáo một âm kia thì thông nhân quả và dùng Thiên Viên.

Trong đó, trước là phân nhân quả, tiếp là biện Thiên Viên. Trước nhân quả biệt, biệt ý tuy vậy cũng tùy các giáo. Hai thứ mây mưa dùng thí dụ các giáo, nhân quả tùy phân một âm. Nay từ cứu cánh mây mưa để hỏi, trong đáp thì biệt trình bày hai thứ một âm. Nói "hạ địa": Hoặc là chỉ Viên giáo sáu căn, hoặc chỉ Biệt giáo địa tiền, hoặc là chỉ Sơ trụ trở lên, Đẳng giác về trước. Lẽ nào có thể hoàn toàn không có tùy loại một âm? Tiếp, trong biện Thiên Viên thì trước là nêu xưa trái. Tiếp trong chánh giải thích có ba:

1) Viên,

2) Thiên.

3) Nêu tự báo.

Trong Viên, dẫn Đại luận: Phá ba sư trên. Cái gọi là "báo": tức là đáp trả. Như một âm đây cũng thông hạ địa, chỉ có không liên quan đến sáu căn. Tiếp, "luận Tỳ-Bà-sa...": dẫn Thiên để phát thảoViên, đại khái theo lệ muốn đồng, nhưng kia chỉ là một âm của Phật theo Tam tạng giáo. Nếu không như vậy, thì có thể dùng luận Bà-sa giải thích Hoa Nghiêm chăng? Trong năm trăm La-hán có bảy Bồ-tát kiến giải hay không? Du-già còn biệt đồng khác vĩnh viễn trái nhau.

"Ca-diếp nên biết": Trong tụng Khai thí, đầu tiên đã nói: "Bọn ông, Ca-diếp nên biết..." cho nên tụng văn sau không còn chủ yếu lập lại xưng tán là bởi do đây. Đời Tùy ngài Cấp-đa dịch gọi là "Thêm Phẩm Pháp Hoa", ngoài ra các văn hoàn toàn dựa vào diệu bản. Kia thấy chánh bản sau kệ lại có một trường hàng kệ tụng, bèn dịch lại, thêm sau văn đây; lại dời phẩm Chúc Lụy để sau phẩm Khuyến Phát. Ngoài ra, phần trước giải thích đều không sửa đổi. Dịch lại, ngôn từ phần nhiều tợ như chánh bản. Phần thêm là phần đầu trong trường hàng. Trước dùng thí dụ nhật nguyệt để tán thán Phật trí (đây cùng văn trước cho nên ngài La-Thập không dịch). Tiếp nêu trong Ngũ thú có Tam thừa. Trong Tam thừa mà nói bình đẳng (cũng trùng lặp tợ như văn trước). Tiếp, Ca-diếp hỏi: Vì sao thi thiết Tam thừa giáo? Đức Phật dùng đồ gốm làm thí dụ, nghĩa tiêu biểu không đồng chẳng dính dáng đến bùn sai khác.

Ca-diếp lại hỏi: Các thứ kia giải xuất ngoài tam giới là một hay hai hay ba ư? Đức Phật đáp: Nếu giáo thể bình đẳng thì không còn hai-ba (đây cũng đồng trong quyển thứ nhất nói diệt độ tưởng). Tiếp, nhân đây về sau Đức Phật vì Ca-diếp nói Thí dụ mù bẩm sinh. Đầu tiên, "không thấy sắc", dụ các phàm phu; tiếp, "dùng nhãn khai" ví như Nhị

thừa; tiếp, "thiên nhãn khai", ví Đại thừa. Kệ lập lại tụng đó thôi! Cho nên, biết rằng: không có ở đây thêm văn vì đại chỉ không thiếu. Nếu kia có thì thuật thành lại dư. Ngài Thập Công không dịch ý không phiền văn. Nam Sơn nói: Cấp-đa thì thay đổi phẩm Chúc Lụy. Căn cứ đây cũng nên nói "Di Phẩm Pháp Hoa".

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 8

PHẦN THƯỢNG

GIẢI THÍCH PHẨM THỌ KÝ

Nhà chú giải nói: Nghiệp tợ trước trái tâm phù hợp sau thuận, đã phớt qua âm sai khác đâu sai 1 vị quả ư! Cho nên thọ ký. Nay nói sự tợ trước trái tâm cơ vốn thuận, nhưng các Bồ tát lẽ nào không trước trái sau thuận ư? Cho nên biết nay thọ ký Thanh văn phải trừ thông giải thích. Giải thích tên phẩm đây thì trước là phiên dịch, tiếp là liệu giản. Trong đó đầu "Các kinh..." trước dẫn trong kinh hỏi. Đầu văn tổng nêu ý hỏi. Tiếp, "Tịnh Danh..." là biệt dẫn ba kinh. Đầu dẫn kinh Tịnh Danh: Di-lặc được thọ ký đã là Bổ xứ, ắt sanh Đâu-suất làm chủ cõi trời kia. Các thiên tử kia dự biết đời sau tu kính, Di-lặc nhân vì họ nói nguyên do được thọ ký, do Bất thoái vị, rộng vì thiên tử nói hạnh bất thoái tức nhân bất thoái, mới bị Duy-ma-cật trách rằng: "Tất cả chúng sanh đều Như, các pháp Hiền Thánh đều Như, cho đến Di-lặc cũng Như. Nếu Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sinh cũng nên được thọ ký, đâu riêng gì Di Lặc". Huống chi Như vô sanh diệt vì sao đắc ký?

Tiếp, kinh Tư Ích nói: Do ký hư giả nguyện không nghe danh. Kinh Đại Phẩm cũng vậy. Trong đáp chia làm tám:

1) Thông đáp.
2) Căn cứ Nhị đế.
3) Căn cứ Tứ tất.
4) "Nếu thông suốt...": là chánh căn cứ kinh này.
5) "Các kinh khác...": là đối các kinh để biện rõ có không.
6) "Vốn chư Phật...": rộng căn cứ Tứ tất.
7) "Thọ ký...": phân biệt năng sở khác danh.
8) "Trung căn...": là ý. Văn đầu, nói "kiến đây cần phải phá...": ý nói chấp hữu kiến cần phải phá, nguyện thọ ký cần phải cho, lẽ nào

có thể chuyên dẫn Tịnh Danh... ư? Nếu căn cứ kinh này thì cần phải đủ năm ý.

1) Phá phương tiện giáo sở đắc cận ký.

2) Phá ban đầu thọ ký sanh tâm nhiễm trước.

3) Vì hiển Diễn môn thọ ký không có tướng thọ ký.

4) Vì chưa hợp, thọ ký là dứt tâm hy vọng.

5) Vì thích nghi nghe, phá chấp trước được lợi ích, nên Diễn môn phá Tiểu nghĩa kiêm tướng thọ ký của tam giáo, tứ môn v.v...

Tiếp, "Căn cứ Nhị đế": Tứ giáo đều như vậy, đâu được dùng Chân đế nạn vấn Tục đế?. Tiếp, "Căn cứ Tứ tất": Lược đồng Nhị đế, rộng như dưới giải thích. Đâu được dùng một nạn vấn ba? Tiếp, "Chánh căn cứ kinh này" có năm:

1) Thông biệt.

2) Tam nhân.

3) Nhanh chậm.

4) Thầy trò.

5) Huyền ký.

Nên nói "hiện chưa" chỉ là văn lược, nhưng năm ý đây phải căn cứ kinh này để phân biệt các kinh, hoặc chậm như Thanh-văn hoặc nhanh như Long nữ. Tiếp, "đối các kinh để biện rõ có không" lại có hai: 1) Nêu nay có. 2) "Anh Lạc...": biện không để rõ có. Lại các kinh vì đối Bồ tát, phần nhiều thọ ký quả vị pháp thân cứu cánh. Nay trong phẩm này chỉ thọ ký tám tướng, như trước sau nói. Kinh Anh Lạc nói tám tướng thọ ký: Kinh này chúng đã đều biết cho nên trong bốn câu trước, nay kinh chỉ có câu thứ ba hoàn toàn hiển lộ, trong đó không hẳn tại địa thứ bảy như trong phẩm Bất Khinh một câu thông thọ ký, cho nên các kinh thọ ký sâu. Trong bốn câu sau, thì câu đầu tuy nói viễn xứ bất giác nhưng hóa đạo đồng cho nên cũng chẳng phải bất giác. Cho nên kinh này có câu thứ ba nghĩa đồng câu đầu và câu thứ ba, vì thế biết các kinh thật nghĩa chưa thích hợp. Nói "chưa đắc Vô trước hạnh và Thất địa": Nói "vô trước" (không chấp trước) thì phải căn cứ Thông mà phán xét. Trong Biệt Viên giáo ban đầu nhập Địa Trụ đã là "vô trước". Hoặc là tại Biệt giáo thì căn cứ giáo đạo, nhập Vô công dụng thì mới không chấp trước cho nên căn cứ Không quán thành tựu chỉ hợp tại Thông.

Nói "Thất địa": Ở Thông giáo, do quá Nhị thừa nên kham thọ ký. Nhưng trong luận văn, trước đã nêu bốn hạng Thanh-văn, thì hạng thoái đại, và Ứng hóa được thọ ký, hạng Tăng thượng thì quyết định không được thọ ký. Có người bào chữa nói: hạng Quyết định cũng được thọ

ký. Đây cũng không đúng! Người kia chấp quyết định tức là định tánh vĩnh viễn không phát tâm, phải chỉ kinh văn nói: tuy sanh Diệt tưởng mà cõi kia được nghe tức nghĩa kia tự hoại, đâu cần biệt cầu! Chỉ dùng Diệt tưởng để giải thích phàm phu, hiểu kinh văn một cách cong vẹo khiến thành nghĩa riêng của mình! Lại, luận Bảo Tánh chỉ nói Thanh-văn xuất giới căn độn, không nói căn bại. Nói "căn bại": Ca-diếp nơi Phương-đẳng tức là người kia, nếu đến Pháp Hoa thì bại căn trở lại, nếu nhập diệt thì xuất giới mới sanh. Sanh Công nói: Hội lý không lụy lẽ nào dung chứa có cõi nước (quốc)? Tuy nói không cõi mà không phải không cõi, không thân không danh mà thân danh càng có, cho nên quốc độ danh hiệu ứng vật mà như vậy, dẫn không đủ đó thôi! Nếu đạt ý này thì chỉ nói tám tướng dẫn dụ vật. Đây nói che khắp, Pháp Hoa luận nói: Nhị thừa có Phật tánh pháp thân cho nên được thọ ký, chẳng phải tu hạnh đầy đủ. Luận nói "chưa đủ": là căn cứ cực quả vậy. Lẽ nào có thể không tu Tịnh-độ hạnh ư? Căn cứ đây rõ ràng, lại phải cúng Phật. Nếu người Duyên-giác nhập Thanh-văn số, thì đồng Thanh-văn, xuất hiện ở đời không có Phật thì đồng quyết định tánh.

Tiếp, "Vốn là chư Phật..." là rộng căn cứ Tứ tất, tổng có mười lớp để thành Tứ tất.

Trong Thế giới Tất-đàn có hai:

1) Căn cứ cơ ứng tương đối.

2) Riêng (đơn) căn cứ vật cơ, tuy nghĩa nói "đơn" mà cuối cùng thành cơ ứng, cơ cảm tương xứng như hoan hỷ.

Trong Vị nhân có hai:

1) Cải đổi Tiểu nhập Đại tức đã sinh thiện của mình.

2) "Thời chúng...": là các nguyện, lại có thiện lợi tha.

Đối trị Tất-đàn có bốn:

1) Phá ác: Bồ-tát thoái làm Tiểu.

2) Phá ác: muốn phát Tiểu tâm.

3) Chánh phá ác: Tiểu.

4) Phá ác: sắp muốn chứng Tiểu. Đối trị thứ ba là đã chứng, đối trị thứ tư là đã nhập Hiền vị, cho nên khác đối trị thứ hai. Nếu đối Bồ-tát thì công kích tiểu nhân kia, các kinh khác cũng có nói. Nay nói rõ thọ ký Tiểu lại dẫn người Tiểu thừa, cho nên chỉ kinh này.

Đệ nhất nghĩa Tất-đàn có hai:

1) Chánh giải thích.

2) Giải thích nghi.

Nghi văn có thể thấy. "Nhưng chúng sinh...": là giải thích, vì thành

ý Đệ nhất nghĩa. Ba Tất-đàn trước không hẳn vô sinh. Lại, trong Đệ nhất nghĩa chỉ căn cứ tự ký, ba Tất-đàn trước thì có khi kiêm tự tha, như trong Đối trị Tất-đàn thì hoàn toàn là đối tha. Trong Vị nhân, thì lớp đầu kiêm tự tha, lớp sau thì chỉ có tha. Lớp đầu trong Thế giới Tất-đàn, nếu đem hóa chủ để đối sở ký thì cũng chỉ ở tha. Tuy có mười thứ đây cũng vẫn căn cứ thọ ký Nhị thừa để thuyết. Một câu Phật thọ ký và Bồ-tát thọ ký... trong đây chưa luận. Đầu tiên trong phần Ca-diếp tụng, thì bốn hàng đầu hành nhân, tiếp nửa hàng tụng đắc quả, tiếp sáu hàng tụng quốc độ tịnh. Tiếp, nửa hàng tụng thọ mạng Phật. Tiếp một hàng tụng thời chánh tượng, tiếp nửa hàng tổng kết kiếp các cõi nước tên. Nói "Ba người được thọ ký đều có hành nhân" cho đến "số lượng": như văn. Chỉ có Chiên-diên không có tên kiếp, nước, còn lại các văn đều đồng. Tiếp Tu-bồ-đề, văn trường hàng có thể thấy. Trong kệ, một hàng đầu răn bảo nên nghe, hai hàng tiếp hành nhân, tiếp một hàng đắc quả, tiếp sáu hàng rưỡi quốc độ tịnh, tiếp nửa hàng thọ mạng Phật, tiếp một hàng chánh tượng, thiếu tên kiếp nước. Trong phần Chiên-diên trường hàng như văn, trong kệ một hàng đầu tụng khuyên răn lắng nghe, tiếp hai hàng hành nhân, đây có ba câu nói đắc quả, tiếp ba hàng và một câu quốc độ tịnh, thiếu thọ mạng Phật và chánh tượng. Trong phần Mục-kiền-liên trường hàng như văn, trong kệ bốn hàng rưỡi đầu tụng hành nhân, tiếp một hàng rưỡi tụng đắc quả gồm tên nước, tiếp nửa hàng tụng thọ mạng Phật (dài), tiếp hai hàng rưỡi tụng quốc độ tịnh, tiếp một hàng tụng chánh tượng (pháp).

GIẢI THÍCH PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Trong phần giải thích theo Nhân duyên chia làm bốn phần:

1) Căn cứ thí dụ giải thích danh.

2) Dùng pháp hợp.

3) "Tô tức...": nói ý hóa.

4) "Quyền giả...": tổng kết.

Văn đầu: Do Đại Niết-bàn chẳng hóa làm nên không chuyên chế ngự địch, tức lý tánh đầy đủ các đức. Tiếp trong hợp, đầu tổng nêu. "Quyền trí...": hợp thần lực tạo tác. "Dùng quyền...": hợp không có mà bỗng có. "Dùng giáo...": hợp hóa. "Phòng tư duy...": hợp thành, bởi vì giáo không thật cho nên gọi là "bỗng có". Nói "không phải địch ví như Kiến Tư": Chẳng tha thứ địch gấp thấy bức xúc tư duy xa thấy tự thân ngại, tư duy không chướng ngại quả. "Phần ba: Nói ý hóa": Tô tức thi Tiểu dẫn nhập hiển bày Đại. Hai Tô gọi là dẫn Đề-hồ mới nhập gọi là giáo đạo. "Mà nói...": là khích giải thích thành. "Quyền giả...": tổng kết, biện rõ khác thật. Trong bốn thứ đây, lập tứ Tất-đàn: Nếu thông phương thì nghĩa lập từ nơi quyền trí, nếu từ cơ thì nói không mà muốn thấy, thấy rồi sinh vui tức Thế giới lợi ích. Được vào "Tô tức", tức Vị nhân lợi ích. "Phòng phi chế ngự địch", tức Đối trị lợi ích. "Mà nói diệt độ", tức Đệ nhất nghĩa lợi ích. Nếu từ năng dẫn quyền lập thành này, tức Thế giới hóa; vì sinh Tiểu thiện, tức Vị nhân hóa; lại trừ Kiến Tư, tức Đối trị hóa; cuối cùng dẫn nhập Đại, tức Đệ nhất nghĩa hóa.

Tiếp, "Căn cứ giáo", Tam tạng giáo: Bồ-tát hoàn toàn chưa phát đủ vì vậy không luận. Thông giáo: Bồ-tát tuy đồng đến thành, vào mà năng xuất không đồng Tiểu, vốn xuất giới nên "một chân vào thành", do đại bi nên không chứng Hữu dư, cho nên "một chân ngoài cửa". Tam giới căn cơ gọi đó là con, từ lâu đã phát tâm nghĩa như vợ. Thông giáo coi Nhị thừa là ác đạo, Biệt giáo coi sinh tử là hiểm trở. Đến Niết-bàn mà không vào, cho nên gọi là "tất qua". Nói "không tột cùng" là đối Tiểu để nói Viên giáo. Nói "hóa": Tại xưa thì xích đoạt, chỉ nói không kham, cũng chưa từng nói Niết-bàn là hóa, nên đến giáo nay động chấp khai Quyền, mới nói là hóa, cho đến hiển thật hóa bèn thành tựu chân tức bảo chử. Cho nên biết Tạng Thông cho là tột cùng chẳng phải hóa, Biệt giáo không phải tột cùng, không phải hóa, Viên giáo không phải tột cùng là hóa, cũng có thể là tột cùng là hóa, cũng có thể là tột cùng không phải hóa, cùng với Tạng Thông giáo nói đồng ý biệt. "Nay là...": cũng từ phá chấp cho nên lại nói hóa, nếu khai hiển rồi thì đều là chân

thật. Giải thích theo Bản tích và theo Quán tâm không ghi chép, có thể so đây biết. Cho nên nói Bản thì trụ ở thành tam đức Niết-bàn, Tích thì nhập Hóa thành. Nếu từ hóa chủ thì Tích là chỉ bày nói (thị thuyết) hóa.

"Hỏi: Phẩm này....": người đây dựa vào Chánh Pháp Hoa mà thiết lập câu hỏi đây. Chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Vãng Cổ, người hỏi dần sửa đổi nói phẩm Túc Thế, cho nên trong lời đáp không trái. Người hỏi do thuận Chánh kinh có thể hiểu bộ này.

"Lại nữa, thượng căn...": căn cứ ba thời giải thích. Nói "Thám thủ....": Văn kia tuy tại Pháp thuyết thuật thành mà thuật thành chánh là dẫn khởi trung căn, cho nên văn giải thích thí dụ ấu trĩ (trẻ nhỏ)... đều dẫn dụng. "Nếu từ...": là tự căn cứ đương phẩm. Biệt luận ba thời, hai kinh đều đầy đủ. Chánh kinh từ đầu nói không bằng xứ trong kinh này, đều không nói Bảo sở. Như trong Dược Thảo không nói đất mưa, như Tín Giải, Thí Dụ đề thông ý biệt. Biệt tại Thật, cho nên Dược Thảo Hóa Thành đề biệt ý biệt.

"Hỏi: Hóa thành...": có thể biết. "Đáp" ý: Trong văn đây thúc giục không còn hai vị, chỉ trình bày thành, sau liền hướng đến Bảo sở.

Chuẩn theo ý văn đây, nói hóa tức khai Quyền, khai Quyền tức là hiển Thật, hiển thật chỉ là nói hóa nên trước trong căn cứ giáo là Viên giáo. Cho nên, biết chính khai hiển là viên mãn. "Lại, lãnh giải...": giải thích ngăn ngại để trình bày như sau thọ ký mới lãnh, hoặc lãnh sau ký là lãnh đủ, lãnh nghe pháp và để thọ ký. "Hoặc văn thiếu....": thông có các ý. "Như nay vân vân" thì "vân vân" là: lẽ ra nêu tướng trước tiệm sau đốn, đầy đủ như trong văn xưa nay hai thứ đồng.

Tiếp, kệ bảy hàng tụng ba nghĩa trước:

1) Một hàng tụng các việc thấy.

2) Bốn hàng tụng thí dụ lâu xa.

3) Hai hàng tụng kết xưa nay.

Kinh nói "Đức Phật kia...": hết thảy tám tướng thùy tích là xứ, đều trước là "phá ma", là căn cứ thuyết Pháp Hoa, cũng nên trước tiệm. Lại nói "phá ma" tợ đồng cõi uế. Nếu căn cứ thọ mạng lâu dài thì lại chẳng phải cõi uế, nên biết đồng cư tịnh uế tướng kia ngăn che nhiều. Cho nên, thành đạo... không thể hoàn toàn đồng tam tạng cõi này. Do đó biết không thể hoặc dẫn Tiểu giáo cõi đây để hiểu rõ văn kia.

Hỏi: Lúc các Phạm thiên mưa xuống các hoa Trời, hoa kia như núi, tòa vẫn còn ở dưới cội cây, tướng kia như thế nào?

Đáp: Việc bất tư nghì kia đây không ngăn ngại, liệt bày thì Phạm

văn nói “mười phương”. Trong chánh bản thì trước là bốn phương, tiếp bốn hướng cạnh, tiếp trên dưới, đây thì đều tùy ý người dịch, không biết bản gốc Phạm văn thứ lớp như thế nào, nhưng chánh bản liệt số cùng đây phần nhiều khác sai.

“Tương ưng vân vân” thì “vân vân” là: Đều căn cứ các văn kệ Phạm thiên thỉnh pháp cũng cùng ý đại, tiểu, bán, mãn đồng. Nhưng đức Phật kia thuyết pháp cũng căn cứ năm vị cho nên y xưa khó hợp. “Gọi là Thị, Khuyến, Chứng vân vân”. Lẽ ra lược biện rõ tướng tam chuyển: “Thị”: “Đây là khổ”, cho đến “đây là Đạo”. “Khuyến”: Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng, Đạo nên tu. “Chứng”: “Khổ ta đã biết không còn trở lại biết”, cho đến “Đạo ta đã tu không còn trở lại tu”. “Thị”: Nghĩa là chỉ bày tướng trạng kia. “Khuyến”: Nghĩa là khuyến kia tu. “Chứng”: Nghĩa là dẫn mình chứng kia. Đại luận Câu-xá, các văn dựa đây giải thích. Nếu dùng kinh Đại Tiểu luận nghĩa chuyển pháp luân các tướng đồng khác, đem biên soạn hết vào trong đây thì hàng trăm trang giấy đầy còn không thể chép hết. Ý khiến cho biết kia trước Tiểu sau Đại đồng cõi đây mà thôi, nên không thuật nhiều. Nay biện rõ các môn lược chỉ bày đồng khác, trong đó chia làm bốn:

1) Căn cứ sở đối.

2) “Vì Thanh văn...”: căn cứ sở vi.

3) “Vì sao...”: nêu ý tam chuyển.

4) “Hỏi...”: liệu giản.

Văn đầu có hai:

1) Đối bốn pháp.

2) Đối ba đạo, do trong bốn pháp nghĩa loại đồng.

Trong ý thứ ba nói “vì chúng sinh có ba thứ căn”, trong Thanh-văn thừa tự có ba căn đây, cho nên nơi Lộc-uyển chấp ngộ không đồng. Đại luận Bà-sa cũng nói ba căn, Thượng căn nghe sơ chuyển, trung căn hạ căn chuẩn theo đây biết.

“Hỏi: Ban đầu là....”: Đã nói Thanh-văn tự có ba căn, năm người đều là căn tánh Thanh-văn. Vì đủ ba căn, lại có chư thiên tại sao không có ba ư? “Vì sinh...

Đáp”: Nhân thiên thông có ba nghĩa, gọi là tuệ, căn, đạo. Văn v.v.. không đồng, là ba tuệ. Ngộ có trước sau tức ba căn. Kiến, Tu, Vô học tức ba đạo. Sắc, Vô sắc, nghĩa chung chuẩn cũng có, nhưng chẳng phải nhân chuyển pháp luân đắc.

Tiếp giải thích mười hai hàng, chia làm hai: Đầu song nêu hai môn. Giáo mười hai: dưới Giải thích. Trong giải thích lại có sáu:

1) Lược giải thích.

2) "Lại giáo...": là phân biệt năng sở.

3) "Mười hai...": phân biệt luân phi luân.

4) "Nếu tác...": phân biệt giáo hạnh.

5) "Giáo luân...": phán định danh thể rộng hẹp.

6) "Hoặc thông...": phán xét Thông Biệt. Trong văn đầu nói "mười hai hành": Tứ đế đều dùng thị... làm giáo, một phen chuyển đều sinh nhãn... làm hạnh. Nói "năng sở": Tứ đế đều do đức Phật nói cho nên nói "năng", độ nhập tâm kia cho nên nói "sở". Nói "thị luân phi luân": Luân dùng nghĩa phá nghiền, chỉ có giáo mà không hành thì đâu thể tồi phá mê-hoặc, nếu không tồi phá mê-hoặc thì cũng không gọi là "luân". Đức Phật biết cơ biết thời cũng đều hành mà theo chuyển. Nay nói "phi": Giáo từ hóa sinh, hành từ người thọ, cho nên hành luân từ người thọ, được công quy về hóa chủ. Từ Phật đắc do chưa tận lý cho nên lần nữa lại giải thích. Nếu tác hai luân giáo hạnh thì tùy theo cùng năng tồi phá mê-hoặc, huống chi giáo hạnh đều do Phật chuyển, cho nên giáo hạnh đều được gọi là "luân", chỉ nhãn trí... không có thể riêng nên trở lại chỉ nhẫn.... Hạnh: nhãn v.v... ,căn cứ nơi đế giáo mà thành mười sáu cho nên người ba căn nghe ba phen chuyển giáo đều sinh nhãn... thành bốn mươi tám. Trong "rộng hẹp" nói "Giáo luân": Là hóa tha trí chỉ thuộc một quyền tức năng chuyển chỉ một; sở chuyển mười hai, tức là năng chuyển thì danh hẹp thể rộng, sở chuyển thì danh rộng thể hẹp. "Hành pháp luân": Giáo là năng thuyên, hành là sở thuyên, cho nên hành tùy giáo đều có mười hai, tuy đều có mười hai, nhưng rộng hẹp có khác; giáo định mười hai hành sinh nhãn... Nếu dùng thị... sinh nhãn..., thì số đồng danh khác.

Tiếp trong phần biện thông biệt, nói "hoặc": là bất định từ, hoặc ba người đều nghe ba phen chuyển, hoặc một người trước sau nghe ba. Đầu, là biệt giải thích. "Nay căn cứ...": là chánh giải thích. Sơ chuyển pháp luân đắc kiến đế giải, người hàng tam thừa mới có mười hai. "Sở bất năng...": giải thích không thể chuyển, lại chia làm hai: Đầu, lược chỉ người kia. Tiếp, "Có giải...": nhân đây thông biện rõ đại tiểu thông biệt. Văn đầu lại có hai: Trước, chánh chỉ người. Tiếp, "Phàm chuyển...": nêu ý "bất năng chuyển". Văn đầu nói "Sa-môn" nghĩa là người xuất gia trong Phật pháp, không nhờ Phật nói thì còn không biết tên, lẽ nào năng chuyển ư? Cho nên, tên "pháp luân" chỉ từ Phật đắc, Sa-môn mà còn vậy huống chi các chúng khác ư!

Có người nói "Trong ngoại đạo xuất gia, gọi là Sa-môn". Nếu

vậy thì vì sao nói “còn không thể biết”? Phải biết đó là dùng chánh so sánh tà. “Có giải” đến “ý Quyển (thu lại) và Thư (dãn ra)”: Sư nay có khi giải ý này, nhân đây thông biện chẳng phải sơ chuyển trong đó có bốn:

1) Nêu rõ một đời thu, dãn.

2) “Tiểu thừa...”: biện rõ thể một đời.

3) “Mười hai...”: biện rõ danh thể đồng khác.

4) “Lại có ba người...”: biện rõ thông biệt.

Văn đầu, từ thể Tứ đế để luận thu dãn, từ không có dãn ra bốn, thu lại bốn trở về không có. Thu lại và dãn ra chỉ là ý khai hợp thôi, đầy đủ như trong Huyền Văn nói thất trùng nhị đế. Nói “đại tiểu”: Lại căn cứ Tiểu, Diễn để giải thích xuất thể, tùy biết rõ lẽ ra căn cứ năm vị bốn giáo để nêu khai hiển, đầy đủ như trong Huyền Văn và dùng thuyết trong Chỉ Quán biện rõ thể. Tiếp trong phần ba Biện danh thể, nói Mười hai nhân duyên là biệt tướng:

1) Tổng ly mà làm ba đời.

2) Biệt ly làm nhân hai quả năm, nhân ba quả hai, đầy đủ như trong Huyền Văn và Câu-xá... nói.

Tiếp, trong phần bốn Biện thông biệt, chia làm ba:

1) Căn cứ Nhân duyên.

2) Căn cứ Tứ đế.

3) Căn cứ Lục độ.

Văn đầu văn lại có hai: Trước, đối ba người. Tiếp “Vô sinh...”: nêu ý thu dãn. Văn trước: “Ba người...”: thông biệt có thể thấy. “Tương sinh truyền truyền diệt”: Dãn ra thì truyền sinh, thu lại thì truyền diệt, đầy đủ như trong Huyền Văn dùng biện rõ hưng phế. Phần hai Căn cứ Tứ đế: chỉ dùng nhị thừa đối Bồ-tát, chỉ là văn lược, cũng nên trước nêu ly hợp. Tiếp, đối tam thừa tứ giáo, sau nêu thu dãn. Phần ba Căn cứ Lục độ: có bốn:

1) Nêu thông tiểu.

2) Nêu thông phàm.

3) “Nếu vậy...”: là giải thích nghi. Trong giải thích nghi chỉ nói Nhị thừa, không nói phàm phu, vì nhị thừa còn có phần đắc.

4) “A-tỳ-đàm...”: là dẫn tiểu chứng thông. “Kinh Bảo Vân nêu Tam thừa Tỳ-ny”: dẫn sự chứng thông. “Vân vân”: lẽ ra nêu đủ nguyên do thoát hai trói buộc của Tử và Quả (hạt và quả), trình bày đầu hiển sau. “Câu giải thoát vân vân”: Lẽ ra giải thích ba tướng giải thoát đối ba niệm xứ, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển mười nói, chính hiển rõ

người Câu giải thoát, đầy đủ sự định gọi là "thâm diệu".

"Các căn...": Văn có hai giải thích: Ý, đầu giải thích tức Tương tợ vị. Tiếp, giải thích nói "Nhập cảnh giới Phật", tức Sơ trụ vị, đầy đủ như trong Hoa Nghiêm mười thứ sáu căn, trong tụng văn dưới nói phân biệt pháp chân thật, là phân biệt nên bắt đầu từ sắc tâm cuối cùng đến chủng trí đều không ngoài thật tướng cho nên nói chân thật. "Tám vạn bốn ngàn kiếp vân vân" thì "vân vân" là: Phải nêu đủ ý thời tiết, chư Phật đâu từng không cùng đều có định? Chỉ do căn cơ chúng sinh, tại mười sáu người con kết duyên đồng hạn; thời gian Phật ấy chấp thuận đầy đủ như văn tiếp thuật. Chánh Pháp Hoa nói: "Nhập định trải qua ba mươi vạn kiếp"; không biết nguyên nhân gì mà ngài Pháp Hộ dịch số kiếp kia vừa ngắn vừa sai?!

Gặp gỡ có ba loại: Hai loại trước có thể biết, loại thứ ba đã nói: chỉ luận gặp tiểu nói trung gian, tự vọng về lúc ban đầu kết tiểu duyên. Loại người thứ ba chưa từng nghe Đại, tức liền lưu chuyển, người này tức do ban đầu nghe Tiểu làm kết duyên ban đầu. Lại ở thời trung gian chỉ tu tập theo Tiểu. Nay gặp vương tử ban đầu lại nghe Tiểu, người ấy thấy được một phần trong một đời giáo hóa của Đức Phật Thích-ca. Thấy người hàng Thanh-văn chưa phát tâm, thì liền phán rằng vĩnh viễn diệt không phát tâm, vậy thì không biết đức Như Lai giáo hóa lâu dài.

Tiếp "Vấn đáp": Trong đáp thì căn cứ tứ Tất-đàn mà nói, văn ít không có thứ tự. Trước là Đối trị, tiếp là Vị nhân, tiếp là Ưa muốn, tiếp là Đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Kinh này vì sao văn đến sự vui kia lại ngắn?

Đáp: Long Nữ là trong phẩm Pháp Sư, tuy không có thời tiết nhưng tính toán nên chẳng xa, trong Tiểu thừa giáo còn chỉ nói sáu mươi lần trăm kiếp xuất giới, chỉ trải qua tám, sáu, bốn hay hai tuy Đại Tiểu có sai khác cũng tại Quyền giáo, cho nên trong Thật giáo sáu căn năm phẩm một đời có thể hy vọng. Cho đến kinh Kim Quang Minh nói Nhất sinh Thập địa, cho nên ngài Nam Nhạc dùng ý kinh Phổ Hiền Quán nói: Sáu căn cực chậm không vượt ngoài ba đời. Tuy tứ Tất phó cơ mà tùy ưa có dài ngắn. Luận tự hành kia cuối cùng không có chấp tay ngay ngắn. Căn cứ luận tức là chúng sinh ý nhạo ý thú. Ý nhạo, chính là Tất-đàn ban đầu của tứ Tất, vẫn thiếu ba thứ còn lại. Nếu chỉ đức Phật khác làm bình đẳng, trọn không bằng dùng ý tứ Tất-đàn.

Hỏi: Pháp Hoa thật giáo chỉ ứng Thật thuyết, vì sao kiếp số còn ngắn nói dài ư?

Đáp: Nói quyền thật, luận thời tiết của pháp sở hành chính là dẫn

dắt kẻ mệt nhọc kia tiến lên. Nên biết Quyền giáo hoàn toàn nói dài. Như luận Bà-sa nói tam kỳ và các kinh Đại thừa nói vô lượng kiếp, đây thì nhất định không thể ngắn.

Tuy trong Thật giáo có dài có ngắn. Nếu y Thật đạo thì định ngắn làm chánh, như Thường Bất Khinh bị chúng khinh hủy, chỉ trải qua bốn ngàn ức Phật thảy đều đắc độ, lẽ nào có quyết chắc trải qua nhiều trần kiếp ư? Tuy nhiên dài ngắn tại cơ, về lý lẽ nào có như vậy ư? Vì dài ngắn là căn cứ nhân (người), chỉ vì không dốc lòng tự siêng năng, cần gì luận thời khác ngắn dài ư?

"Tam thừa Thông giáo hữu dư quốc": Một nhà (Nhất gia) nêu nghĩa dùng cõi đối giáo, đầy đủ như trong Chỉ Quán và sớ Tịnh Danh, đều có dùng giáo ngang dọc hai đối. Theo chiều ngang mà luận thì thể cõi cùng giáo tương đương, theo chiều dọc mà luận thì căn cứ cõi dụng giáo nhiều ít, thì người Nhị thừa đối với hữu dư kia đã thành người Thông giáo, cho nên nói "Thông giáo hữu dư quốc". Cũng có ở đây đã thành người Thông, nghĩa là từ Lộc-uyển đến Phương-đẳng bộ, lại nhập Thông giáo thành người Vô sinh, cũng chẳng phải lại dụng giáo đây để đoạn lậu hoặc. Giáo đạo là hóa đạo, giáo vì hóa đạo cho nên gọi giáo đạo. "Chúng lại thanh tịnh" đến "lập": là hóa đạo sắp xong do căn cơ chúng thành thục. Thành thục tức là Trí Đoạn hai đức đầy đủ. Nói "thanh tịnh" là tiêu biểu phiền não tận, cho nên nói "Đoạn đức". "Chánh giải" thuộc trí, trí ắt chiếu đế cho nên nói "liễu đạt". Nói "các thiền" nghĩa thông Trí Đoạn, giới nội hoặc tận. "Bốn bất hoại tín": Luận Câu-xá quyển hai mươi lăm nói: Chứng tịnh có bốn thứ, nghĩa là Phật, Pháp, Tăng, Giới. Kiến tam đế đắc Pháp và Giới. Kiến đạo kiêm Phật và Tăng. Pháp nghĩa là tam đế, toàn Bồ-tát Độc giác đạo. Tín và Giới, hai thứ làm thể, bốn đều chỉ vô lậu. Luận cho rằng: kinh nói có bốn chứng tịnh, nghĩa là Phật... bốn thứ. Bốn thứ là sở chứng khi kiến tam đế thì đắc hai thứ Pháp và Giới, khi kiến Đạo đế thì kiêm đắc Phật và Tăng. Rộng như luận văn, đây hoàn toàn từ tiểu giải thích. Đây dùng Lộc uyển đối thời Niết-bàn.

Trong giải thích tiếp, chỉ có một câu thanh tịnh tại Tiểu thừa. "Tín giải...": đầy đủ vượt qua giáo hai vị trong Tiệm giáo. Trước giải thích theo ý phẩm Phương Tiện và Thí Dụ, tiếp giải thích theo ý phẩm Tín Giải . "Nếu thế gian không có Nhị thừa...": ý của câu hỏi là: Căn cứ lý thế gian không có một người hợp vĩnh viễn nhập diệt, hội ắt Đại, tại sao dùng thiết lập Tam? Ý của lời đáp thì có thể thấy.

Thế gian nói "nhập": Chỉ tự mình cho rằng như vậy. Kinh văn đã

nói không có Nhị thừa mà được diệt độ, lẽ nào đáng phải lập Định tánh ư? "Nếu trung gian" đến "thí dụ thứ hai": hai thứ trung gian đây đều có hai ý. Nếu là Bồ-đề thì phải đã nhập Bất thoái vị, hoặc là sơ tâm thì không hẳn hết thoái. Nếu trú Thanh-văn hoặc là sơ tiểu, hoặc là giữa đường hai loại, đều phải thiết lập thí dụ Hóa thành. "Hỏi: Trong đây...", tức là hỏi: Phẩm Hóa Thành chỉ nói "thủy chung tùy trục", vì sao không có nghĩa cha con thất lạc như trong phẩm Tín Giải và kinh (sơ) nhập hỏa trạch của phẩm Thí Dụ...? Nếu các nghĩa đó không có, thì phẩm này không có tùy trục. Lại cũng nên cùng trung căn thượng căn vĩnh viễn trái; đâu được lấy đây mà ước lệ nơi kia ư?

Ý của câu Đáp là dùng phương pháp thí dụ không đồng. Văn không hợp dùng, chẳng thiếu ý, cho nên nói mà ý kia thì thông. Như nói thông là thất lạc rồi gặp nhau. Đã là trung căn ngộ rồi sau lãnh giải đối ngày nay chưa có đại tiểu hóa, trước đó gọi là "bỏ cha" và nêu lỗi thấy cha không biết. Trong Thí dụ nói "kinh nhập...": Con tuy bỏ cha mà cha không bỏ con, thường tư duy căn cơ của con vì bắt đầu cơ sinh nên có nghĩa "kinh nhập". Nếu luận cơ ứng kết duyên về sau, thì tại sao từng không tùy theo văn như đây ư? Trong đây đã nói trung gian gặp nhau, cho đến ngày nay gặp nhau được độ, cho nên biết trung gian không thể không có nghĩa thất lạc, kinh nhập... Phải biết "tùy trục" do kinh nhập, kinh nhập nên thấy nhau, thấy nhau do đã từng thất lạc nhau, đều nêu một biên, Đại chỉ không khác.

Tiếp, Hỏi: Đã nói "tùy trục" không nói thất lạc..., nay đã được lợi ích sao không có "thí dụ bất hư"?

Đáp: Ý nói khai hiển rồi, phần nhiều chấp tin là dễ, không cần dùng thí dụ bất hư. Lại, trên vì trung hạ chưa ngộ, nay đây tch sự đã cùng khắp. "Hai mươi hai phen": giải thích như sớ văn dưới.

Hỏi: Năm xứ khai quyền có gì sai khác?

Đáp: Trong đó nêu đủ năm văn xứ sở, cho nên biết đây trước chỉ có bốn xứ. Bốn xứ thì có hai mươi hai phen. Chương ngũ Phật là một xứ, trường hàng và kệ tụng mỗi thứ đều có năm tức mười phen. Trong phẩm Thí Dụ thì có khai có hợp, mỗi thứ có trường hàng và kệ tụng cho nên có bốn phen. Trong phẩm Tín Giải lãnh khai hợp bên trên, mỗi thứ đều có trường hàng và kệ tụng, lại có bốn phen. Trong phẩm Dược Thảo Dụ cũng có khai và hợp, mỗi thứ đều có trường hàng và kệ tụng, lại có bốn phen. Ba lần bốn và mười tức hai mươi hai lược khai. Chỉ là động chấp sinh nghi chẳng phải chánh khai hiển, cho nên trong tụng tuy có các văn lược tụng, chỉ thuộc trong Chương Thích-ca chung làm một

ý. Pháp thuyết tuy có lãnh giải thuật thành mà chẳng phải chánh khai hiển. Trong sớ giải thích phẩm Dược Thảo, tuy nói trước trí tiếp giáo, mà tổng là khai hợp, nếu đều lập thì thành nhiều phen, có gì mà không thể? Vì vậy cho nên cứ dựa vào sớ văn làm nhất định.

Trong phần giải thích "Năm trăm do tuần" trước nêu người khác giải thích:

Cơ sư thì trước thuật, tiếp phá, nói: Nay cho rằng chẳng biệt chẳng thông tức là: Thất địa đoạn tập chẳng phải nghĩa chánh Biệt. Bát địa đoạn vô minh, lại chẳng phải nghĩa Thông, chánh tợ như Biệt tiếp Thông. Luận nói: "Sơ địa Kiến đạo, Nhị địa trở đi nhập Tu đạo" là nên biết Địa tiền tức hàng phục Biệt hoặc, đăng Địa thì đoạn đồng thể Kiến Tư. Nếu không như vậy thì lẽ nào có Đại thừa Hồi hướng mà ngang bằng Tiểu thừa thượng Nhẫn. Thập trụ đã đoạn hết giới nội hoặc. Kinh Anh Lạc nói: "Thất (bảy) tâm Bất thoái chỗ nào Noãn vị gọi là Bất thoái ư? Thập Hạnh biến nhập mười phương thế giới, Đảnh pháp vẫn thoái sao có thể dạo khắp Nhẫn mà không có văn xuất (nói) quán ư? Sao có thể hồi hướng pháp giới? Kinh Anh Lạc nói Sơ địa tam quán hiện tiền, vì sao Sơ địa mới nhập Kiến đạo? Xin đem "Tứ thập tâm vị" nhất nhất để hiểu rõ văn nói phàm. Phục đoạn nghĩa khác công dụng, cách cả Trời vực. Luận trung phá ngoại, phá tiểu vốn khiến nhập chính, nhập đại vậy. Còn định tánh mà khiến vĩnh viễn diệt, Tiểu thừa tự cho là trú quả. Đại phán định cuối cùng đều sinh, nên biết sau khi diệt thì ở cõi kia được nghe, không thể lại dựa vào không nghe để luận. Luận tông đã không nói khai quyền, vĩnh viễn diệt chính là văn che thật. "Có định, bất định" chỉ có thể là kinh dùng trình bày ý chê và đoạt. Phế thiên phế Tiểu thì con đường Quyền Thật vĩnh viễn bị ngăn cách, đủ hiểu rõ ý đây các giáo tự hiển.

"Có nhà nói: "Lưu lai...": Dựa theo luận Nhiếp Đại Thừa, sư lập "Bảy thứ sinh tử" vẫn thiếu Hữu hậu sinh tử và Vô hậu sinh tử. Lại hợp hai thứ Phản xuất sinh tử và Lưu lai sinh tử lại làm một, cho nên chỉ nói bốn; đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy ghi. Văn kia phá, nói cắt đứt hai món tử phế bỏ bên ngoài... Văn nay chính là thành tựu cắt bỏ bốn thứ, cho nên cần phải hỏi lại... Chính là lấy sinh tử làm thí dụ, vì sao hợp Phản xuất và Lưu lai? Lại không có hai thứ sinh tử khác, trung gian tức là Phương tiện sinh tử. "Có người nạn": vấn nạn hướng Nhiếp sư. Xét nhân quả tương đương căn cứ giáo, để lập xưng nhân quả, đầy đủ như kinh Thắng Man. Kia dùng năm nhân đối hai quả. Tứ trụ tức là nhân của Phần đoạn, Vô minh tức là nhân của Biến dịch. Ông ở trên

quả Phần đoạn đã lại lập Lưu lai, ở trong quả Biến dịch lại khai Trung gian, cũng ứng Tứ trụ, vô minh đều lại lập riêng. Đầy đủ như trong Chỉ Quán phá.

Tiếp, “dẫn Đại luận” hai văn chứng minh sinh tử chỉ có hai thứ. Nói “nhục thân”: Tứ trụ chưa tận, gọi chung là nhục thân. Nói “Pháp thân”: lại thông giới ngoại hai cõi đều gọi là Biến dịch và Pháp tánh thân. Đây chứng minh hai món tử, chẳng luận thân thường. Đây Đại luận chánh văn, Đại thừa sư thời bấy giờ, lẽ nào vượt quá Long Thọ? Nói A-la-hán phải xả Phần đoạn mới nhập Biến dịch. “Có người nói...”: Sở chấp của sư này tợ nghĩa Thông giáo, cho nên nói “trung gian hai nước khó qua”, do Lục địa cùng Nhị thừa ngang bằng, đến đây phần nhiều rơi vào Nhị thừa địa. “Nạn.....”: người khác nạn vấn nghĩa trước đã lập. Ông dùng Bốn trăm dụ Thất địa, cho nên Lục địa phải đối Ba trăm. Ba trăm lại cùng với Nhị thừa công ngang bằng, vì cùng Nhị thừa cùng đi ba trăm. Đến đây đi đứng không đồng, sao gọi là cùng đi? Cho nên dưới nạn rằng “không nên được ngang bằng”. Nói “Sáu mươi kiếp...”: Thanh Văn “cực lâu sáu mươi kiếp”, Bích-chi-phật cực lâu một trăm kiếp. “Nhị thừa đối Phật đạo xa xôi”: Nêu rõ hàng Nhị thừa cùng hành Bồ-tát đạo biệt, lại thủ chứng. “Nay cho rằng....”: là phá, nói “chẳng Thông chẳng Biệt”, phá nạn vấn kia. “Hai mươi hai đại tăng-kỳ” cho nên “chẳng Thông”. “Lục địa ngang bằng Nhị thừa”, cho nên “chẳng Biệt”. “Hai mươi hai tăng-kỳ”, xin kiểm chứng trong Đại luận, đây cũng tợ như nghĩa Biệt tiếp Thông.

“Có người nói...”: nghĩa Biệt không thành, không ứng Thất trụ trở lên làm “Năm trăm”. “Như Đại kinh nói: Sơ quả tám vạn kiếp đến...”: Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy ghi, dẫn đủ ba văn của Đại kinh. Ý của Sư đây lấy phát Bồ-đề tâm xứ làm Thất trụ trở lên. Nói “Như tam căn...”: Ý của Sư đây dùng tam chu đắc thọ ký làm “người tam căn”, do đồng đến phát Bồ-đề tâm xứ mà Đại kinh nói. Nói “Năm hạng người”: Là chỉ bốn quả mà Đại kinh nói ở trước và Bích-chi-phật. Năm hạng người này phát tâm đồng người tam chu “vượt qua năm trăm do tuần”. “Đây chấp...”: là phá trước đã dẫn, nêu tám vạn cùng tam chu không đồng. Phải biết Sư đây hoàn toàn không biết (mê) thứ vị, cũng hoàn toàn không biết “nói tám vạn”, cũng không hiểu vị Nhị thừa được thọ ký, cũng không biết giáo giới nội ngoại. Hoặc tỏa (chịu thua) hoặc dẫn ý kia đều sai biệt, cho nên phải khéo biết. “Nạn rằng...”: là ý văn nay vấn nạn: Kinh nói vì hàng Nhị thừa mà lập Hóa thành cho nên nói “Nhị địa lẽ nào vượt qua Tam thừa?”. Và nói “Bồ-tát khi đến Lục địa...

ư?”. Người hàng Tam thừa bất tận trú thành, dù vào thành rồi cũng không đều đến nổi tám-sáu-bốn-hai phát tâm thì mới ra. Tiếp, “Nếu năm người....”: dù khó, dù có nghĩa đây, như trong Niết-bàn người Nhị thừa ắt đến ngoại giới mới vượt qua năm trăm do tuần, nghĩa “bất tận” như vậy, cho nên nói “ ý của Đại kinh”.

Nói “nhất ý” là: Kinh tồn tại giáo đạo, người bị độn căn lẽ nào có thể hiểu như vậy ư? Lại nữa, kinh tuy ba văn chỉ là một nghĩa, cho nên nói “nhất ý”. Nhưng ý của Đại kinh khiến ẩn xa kia nhanh chóng khiến hiện phát, lẽ nào có thể nhất hướng đợi ngoại giới ư? “Trong đây...”: là lược giải của Kim gia (tức là Trí Khải đại sư), ý hóa thành này vốn vì người đời nay trước quyền sau thật. “Nếu năm người...”: là nêu năm người đây. Nếu đối ngoại giới trải qua thời gian dài đều tự năng tiến, thì chẳng phải ý trong đây. Nếu người trước Pháp Hoa mật tiến, là tự tiến thì cũng chẳng phải ý trong đây. Căn cứ ý kinh này, đợi phế bỏ thì mới tiến, cho nên không thể nghe kinh vi diệu. Tự độ tự tiến cũng mất ý hóa thành tức mất ý kinh này. Ý kinh này là ra ở ngoại giới cũng cần phải nghe kinh, huống chi ở cõi này ư!

“Có người nói: Tam giới là ba trăm...”: Đầy đủ như trong Chỉ Quán phá, phá Nhị thừa kia không đợi khai quyền mà tự hiển thật, gọi là thường đi bốn trăm, năm trăm do tuần. “Phàm phu...”: Kim gia hợp nêu vượt qua hai chướng, diệt hai kiến, lìa nước lửa, thoát hai ngục, siêu (vượt) nhị biên, vượt tự tha, đều đến Năm trăm. “Đại Phẩm...”: đây lập nghĩa thông, khiến biết chẳng thật vì đã là nghĩa thông, cho nên hợp Nhị thừa cùng làm “Một trăm”. Luận văn dùng Nhị thừa làm Bốn trăm, cho nên đến Pháp Hoa lại phải khai lấy làm Năm trăm. Năm trăm cần phải vượt qua, đầy đủ như trong chánh giải nói. Tiếp dẫn Đại Phẩm để biện rõ không phải thật đến. Trong Đại Phẩm kia nêu rõ Thông Bồ-tát quá nhị thừa địa. Đã chưa nói rõ thành này là hóa, cho nên biết bộ kia kiêm quyền hiển thật. Nếu nói hóa thành thì phải dẫn tiến. Nếu dẫn tiến thì phải thọ ký Nhị thừa. Đã chưa thọ ký Nhị thừa, nên biết bộ kia nói thành vẫn là thật. “Đã chưa luận...”: văn nay thiết lập trình bày. Đã chưa nói thành là hóa, tức chưa khai quyền. Nếu chưa khai quyền thì nên cũng không thật. Vì sao Bát-nhã đã nêu thật tuệ, vì thật tuệ tức là Bảo sở? Đáp ý: Hiển thật nói thông khai quyền hạn cuộc mười nghĩa đây. Trong nghĩa Biệt hành nhân sáu trăm kiếp: E rằng văn lầm, lẽ ra nói sáu mươi kiếp một trăm kiếp. Thanh-văn sáu mươi kiếp, Bích-chi-phật một trăm kiếp, còn lại có thể thấy. “Nhà lửa, ba xe nay là hai trăm”: nay văn giả lập nạn. Vì sao Phẩm Thí Dụ thì ba xe cần bỏ, Hóa Thành chỉ nói ý hai

trăm phải tiến vì hai trăm chỉ là Nhị thừa?

"Tam căn...": đáp. Trước, đáp ba xe: Tam thừa căn tánh đều bị lửa thiêu, đều cầu ra khỏi nhà lửa cho nên dùng dụ ba xe. Tiếp, "Phật đạo...": đáp hai trăm. Nói "Phật đạo": Chỉ Viên quả, nên Tạng, Thông Nhị thừa cách Phật quả còn xa, cho nên cần phải quá Nhị thừa hai trăm mới đến Phật quả. Nói "Phật thừa không phải chướng" là Tạng Thông Bồ-tát cũng gọi là Phật thừa, trước lúc đó đều tiến cho nên nói "không phải chướng". Lại Tam tạng Bồ-tát nếu căn cứ đoạn hoặc kém hơn Nhị thừa, thì ba trăm cần phải ly, lẽ nào hai trăm ư? Nhưng Bồ-tát này đã phát Đại tâm, tuy chưa đoạn hoặc vẫn gọi là Phật thừa. Người thấy Phật thừa tiện làm gộp chung lại. Nếu vậy đức Mâu-ni thuyết pháp tích chứa nên đã thu nhiếp chín hội, năm trăm La-hán nên là bốn Bồ-tát. Thế phẩm nên thuyết Liên hoa tạng hải, Hiền Thánh phẩm nên thuyết bốn mươi hai vị, Định phẩm nên là Lăng-nghiêm Tam-muội, Trí phẩm nên là các Đà-la-ni. Hoặc pháp hoặc chúng kia đã không đồng, thì hóa chủ hóa sự lẽ nào có thể không khác biệt? Như vậy thì biệt tướng vô lượng vô biên, không thể nêu đủ. Bồ-tát cầu thừa đây cũng vẫn gọi là Ma-ha-tát.

"Vì sao?...": là nạn vấn. Vì sao phàm phu giới nội khai làm ba trăm, Thánh nhân giới ngoại chỉ làm hai trăm? Ý của câu hỏi này: Lìa Phần đoạn giới nội cho nên ngắn, mê Phật đạo giới ngoại cho nên dài, vì sao khước từ ngắn? "Đây dẫn.....": là đáp, có thể thấy.

"Nếu vậy...": là nạn vấn nếu. Kinh này là liễu nghĩa, thì vì sao thật ít mà nói nhiều, thật nhiều mà nói ít? "Phật đạo...": là đáp, giới nội tuy ít do có đọa khổ mà khó hành, giới ngoại tuy nhiều đã trụ pháp tánh mà dễ tiến. Căn cứ hành mà luận khó dễ, chẳng căn cứ địa gần xa, cho nên sở thuyết là chân liễu nghĩa.

"Hỏi: Hai trăm là Nhị thừa khó đi...": ý hỏi Bảo sở tổng có năm trăm do tuần, phàm phu Nhị thừa đều phải qua, không nói phải qua Bồ-tát. Bồ-tát nên không phải là khó? "Bồ-tát...": dùng Bồ-tát lập lại trưng dẫn. Nếu Bồ-tát không phải khó thì vì sao nói xin cho chúng con ba thứ xe báu? Nếu đều có cần xe thì ba người đều chướng ở Ba trăm. Đã được ra rồi nên đồng Nhị thừa. "Hai trăm là chướng vân vân": Trước dùng Thông giáo đáp ý nạn vấn này. Phàm phu cần ra ngoài giới (cõi) cho nên Ba trăm là khó, Nhị thừa cần phải phát tâm cho nên Hai trăm là khó. Bồ-tát đã phát tâm tuy khó mà có thể qua, Bồ-tát khi ở phàm, thì đồng phàm lìa Ba trăm, không cùng Nhị thừa chứng, không lo Hai trăm là khó. Nếu bắt đầu Biệt giáo Bồ-tát thì cũng đồng phàm phu, vốn kỳ

vọng nơi Năm trăm. Người Viên giáo sơ phát tâm tức gọi là đến Bảo sở. “Đại luận...”: là dẫn luận biện rõ Biệt là ý Thông giáo. Phải biết cùng Nhị thừa đồng đến nơi Bốn trăm. Kinh này riêng tại Viên giáo, hết thảy Quyền đã phế, phế rồi tất cả đều khai, đều là Bồ-tát đạo, cho nên Thất phương tiện đều vượt qua Năm trăm do tuần. Cho nên Đại luận thông nghĩa Tam thừa nơi dừng nghỉ đồng đều gọi là Bốn trăm. Bồ-tát đến vị đây có thể vào cõi, hóa độ chúng sinh, nơi bắt đầu cất chân đi, lại gọi là “Một trăm”. “Kinh này...”: nêu rõ Viên khác Thông. Trong Năm trăm thì ngôi vị ở Bồ-tát, gọi là Bồ-tát đạo. Qúa Năm trăm thì gọi là quả đạo khai quyền hiển thật. Tạng, Thông Bồ-tát là Bồ-tát đạo, nên nói “liền nhập Phật đạo”. “Vân vân”: Lẽ ra nêu rõ các giáo Phật đạo không đồng, song về sau khai quyền thì luận nhập không nhập. “Nay y...”: chính là chánh giải thích, thân cận vâng theo Thánh âm mà vẫn còn nói là “khó biết”. Tuy nói khó biết không ngoài ba thứ đây. “Hai hiểm nạn” đến “gọi là đường ác”: Ý đạo sư muốn vượt qua Năm trăm do tuần, do người Tam tạng tự đi vào chốn hoang vắng ghê sợ. Đi được ba trăm do tuần thì bọn họ sinh mệt mỏi, nên đạo sư lập hóa thành nơi hoang vắng ấy, người vào thành phần nhiều là Tam tạng Nhị thừa. Lại nói “không có người” là căn cứ lý thông nơi Thông giáo Nhị thừa. Nói “có người” là thông chỉ Diễn giáo, Viên Biệt hai giáo chẳng hoang vắng mà có người, cho nên “có chỗ nương hay không chỗ nương” đều là đường đi rộng rãi, tức Tạng Thông Nhị thừa. “Có một đạo sư” đến “sáu căn thanh tịnh”: Tức mười thứ sáu căn. Sơ trụ phần đắc tức mười sáu vương tử ban đầu kết duyên. Như các phương Phật từ nay trở về trước hoặc có thể cũng tại Sơ trụ trở lên. Nay tám phương làm Phật chỉ tại cực quả, cho nên giải thích “tuệ minh” nói rõ tam trí ngũ căn tam minh thập lực. Kinh nói “tuệ”, luận văn nói “trí”. Tùy thuận tiện mà nói đó thôi! Nhưng “minh tuệ...” cũng thông nhân Sơ trụ chân thật phần thành, do đó nên biết thông chỉ xưa nay đều gọi là “Đạo sư”, đều sáu căn thanh tịnh. Dưới giải thích nhiều hạng đạo sư đều cùng tại nơi đây.

“Chúng nhân được dắt đi...”: Trên lập nạn vấn nói: Vì sao không lập nghĩa thất lạc và kinh nhập hỏa trạch? Nay tuy không có lời nói kia mà tợ như có nghĩa đó. Vì nói người được dắt thì ý kia còn rộng, cùng người được dẫn dắt chung làm nghĩa “nhập”. Cho nên, nói biệt thí rộng tụng... .“Thứ hai: Bạch đạo sư rằng” đến “Đạo sư kết duyên”: Đây có bốn hạng Đạo sư:

1) Thông nhân quả.

2) Chỉ tại nhân.

3) và 4) Chỉ tại quả. Nói "thông đồ": thông tha nhân.

Nói "kết duyên": Hạn cuộc thầy ta. Nói "quyền trí": Khi dùng thiết lập Tiểu. Nói "thật trí": dùng khi khai quyền. Bốn hạng tùy thời sai khác, người chỉ là một, đều là vương tử từ đầu đến nay. Nói "bạch kết duyên": Ban đầu thoái về sau Tiểu cơ muốn sinh gọi là "bạch (thưa)". Ngày chỉ cho biết thành, thì thông xưa và nay. Tuy có ba loại kia, ắt phải Thông đồ đạo sư thường tùy theo nhau. "Cảm nơi Pháp thân": tức Đại cơ đã diệt, Tiểu cơ đang sinh, cho nên chưa thấy Ứng Phật, ngầm cảm Pháp thân, chẳng phải ẩn chẳng phải hiển ứng. "Hóa làm nói hóa": Trước tuy nói hóa làm một thành, chính là ý luân. Cho nên biết "nói hóa" tức khẩu luân, chẳng phải ý không dùng nói, nếu nói ắt có thân luân. Thân luân chỉ căn cứ thị hiện làm thân trượng sáu. Trước cần ý luân không mưu tính mà vận chuyển. Cho nên, biết tam luân chưa từng tạm lìa. "Các ông chớ sợ...": nghĩa bao hàm tam luân. Văn không thứ lớp, nêu hóa thành đầy đủ nghĩa tam chuyển, thì đâu cần thứ lớp.

"Trước đến Bảo sở": Đầu văn này chính giải thích nghĩa, tại Diễn môn căn cứ cộng với Bồ-tát. Tiếp "Một thuyết...": người khác giải thích khác. "Nếu vậy...": văn nay phê phán điều này. Trong Tam thừa vẫn chấp nhận Bồ-tát, tợ đồng Biệt giáo, từ Giả nhập Không. Nếu dẫn kinh Thắng Man thì chỉ là Thông đồ luận thoái đại, cho nên cũng nên nói nghĩa Biệt không thành. Lại nhất vãng, vì sao? Vì trong Biệt thì hoàn toàn không làm văn nói Nhị thừa, nhưng trong Đại kinh cũng mượn Nhị thừa để phân biệt vị Biệt, cho nên lại nói vậy. "Lại nói...": người khác giải thích. "Đại Phẩm...": nay sư dẫn Đại Phẩm Tịnh Danh để phán xét hướng một sư. Nói "Biệt tiếp Thông": chỉ vì vào hóa thành xong là "Thông", rồi sau mới tiến về phía trước: là "Biệt tiếp".

Trong kinh Đại Phẩm nêu ba hạng Bồ-tát đều nói Sơ phát tức là Bị tiếp. Như thế hàng Nhị thừa rõ ràng không có việc đây. Kinh Tịnh Danh cũng cùng nói như vậy, tợ Biệt tiếp Thông đó thôi. Lại người Nhị thừa nghe pháp bất tư nghì của Bồ-tát mà vẫn chấp Tiểu quả, chỉ ở nơi tòa đây liền bị quở trách, và thêm nói Đại. Cho nên biết từ đây mật nhờ Bị tiếp. Nếu dựa theo Huyền Văn thì đến thời Bát-nhã, tức ngầm thành Biệt nhân, cho nên hiển lộ tiếp chỉ là Bồ-tát. Nhị thừa mật đắc không nơi nào không thông. Nếu nói đến thời Bát-nhã thành Biệt nhân thì vẫn là thứ lớp mật, không phải không thứ lớp. Không thứ lớp mật thì nơi nơi hiển thật, lẽ nào chỉ Biệt ư? "Chỉ vì đối Đức Phật nay..." là giải thích nêu ý kia. "Cũng như nay người...": Chẳng phải chánh ý văn đối thoái đại...; nhất vãng mà nói như thế. Đầy đủ nên như văn từ "Nay

hiện tại” trở xuống. Nói “Nay hiện tại....”: là chỉ trước Phật chưa khai quyền, cho nên biết cuối đời nhất thời được nghe, nghe mà sinh tin, sự cần phải gieo trồng đời trước như ý trong Niết-bàn tức mười tiên..... đến trong Pháp Hoa. Hóa đạo đã đủ cho nên ở Niết-bàn hiển lộ trong giáo. Chọn Tiểu quả: Đều biết là chân thật.

“Đại Kinh có ba văn”: ba văn này lời thì có chút khác, ý thì phần lớn đồng. Nếu đến Bồ-đề tâm thì ắt đến Bồ-đề Niết-bàn. Một văn đầu tiên là nhân, hai văn sau là quả. Trong quả đã là Trí, Đoạn hai đức, cho nên sơ phát tâm Bồ-tát có thể chỉ Sơ trụ phần đắc Trí, Đoạn. Nhưng kinh ba văn đều nói tám-sáu-bốn-hai, lẽ nào có thể nhân quả đồng kinh chấp nhận thời gian ư? Đây lại nhất vãng cho nên Bồ-đề, Niết-bàn đều thông nhân quả. Nếu giáo vẫn quyền chỉ đến Sơ trụ, dù đến cực quả giáo kia cũng quyền, đâu hẳn tám - sáu... mới đến cực quả ư? Tức là cùng Nhất sinh, bát địa sinh thân đắc Nhẫn làm ngăn ngại. “Nhưng vượt quá Năm trăm có ba nghĩa”: Trước nêu ba ý. Tiếp, “Bồ-đề tâm...”: là giải thích thành ba ý, Bồ-đề tâm tức Sơ trụ Bồ-đề, hành giả tức từ Sơ trụ khởi hành. Hai văn đều tại nhân, tức văn đầu của Đại kinh. “Đắc Phật đạo”: tức hai văn thứ hai và ba, là cực vị Bồ-đề, Niết-bàn, nhưng cần nương lý khiến nghĩa Bảo sở thông, đây cũng đâu cần dùng cực quả làm Bảo sở. Tuy có hai ý tương ưng từ đầu nói, mà bởi do Bảo chử Bồ-đề Niết-bàn kia danh đã thông, cho nên được hai giải thích. Cho nên từ nghĩa viên, từ sơ phát tâm ba nghĩa đầy đủ.

“Văn dưới nói...” đến “đắc Phật đạo”: là dẫn văn nay để chứng minh ba nghĩa. “Vì sao?...”: là hỏi Nhị thừa. Đáp bên dưới, là nhất vãng từ quả. “Phật thừa độ năm trăm do tuần, thoát nạn căn cơ Đại thừa phát sinh”, do văn hẹp cho nên căn cứ phẩm Thí Dụ có thể biết. “Đại kinh...”: chính phán định chỉ đến Sơ trụ. “Đây chỉ độn căn”: Có hai nghĩa:

1) Trong năm người, thì ba người trước độn do trụ quả.

2) Năm người Đại thừa căn độn do giáo quyền.

Cho nên nói “Nếu như trong Tam tạng...thì lẽ nào cần tám vạn cùng mười ngàn ư?”. Nghiệm biết tám vạn... giáo kia là quyền, chưa đến ngoại giới còn nơi đây sinh Pháp Hoa liền phát sinh, lẽ nào nhất định ngoại giới chấp nhận như vậy ư? “Vân vân” là giải thích nêu nguyên do giáo quyền cần phải phế bỏ. Phải biết vị dài ngắn của các giáo phần nhiều tại giáo đạo, lẽ nào có xuất giới nghe Thắng ứng thuyết, ắt cần phải lại trải quả tám-sáu-bốn-hai! Tuy vậy nếu không giải thích không khai quyền diệu kinh đây thì đâu tiện rộng nói đây ư! Nay người căn cạn liền sinh nghi báng. Đức Phật tại thế còn trải qua hơn bốn mươi năm

không hiển chân thật, nếu trừ sau khi Phật diệt độ và Thủ Lăng-nghiêm thì hủy báng cũng thành chủng, chỉ không phiền não cũ thành chủng, thì có gì nghi.

“Dẫn vào Phật tuệ”: Trong đây văn hẹp, chỉ nói diệt Hóa thành tức đến Bảo sở, không nói trong thành trải qua các vị, chuẩn theo văn phẩm Tín Giải thì lý ắt phải có. “Xưa hỏi”: Trước lập ngăn ngại, tiếp “Xe vì sao...”: nêu ba câu hỏi. Trong đáp thì trước đáp có không: Đầu, căn cứ Thí dụ. Tiếp, “Lý giáo...”: là căn cứ pháp. Trước thí dụ: Nay hỏi xe, thành hai thí dụ đều ra khỏi nhà ba cõi, cùng Ba trăm đều thí dụ ba cõi, có thể do đối xe khiến ba cõi cùng Niết-bàn có ngăn cách, có thể do đối thành khiến ba cõi vọng Niết-bàn tức xa xôi. Tiếp, căn cứ pháp: Thành tại ngoại giới, vì sao chấp giáo? Tức khiến lý có Trưởng giả nói xe, không nên chỉ lý giáo đâu hẳn là không có? Nhưng chỗ thí là đồng đâu được xe cách thành xa. Trưởng giả đã ngồi nơi đất trống, xe cũng lẽ ra xa, đường kia đã trải qua ba trăm do tuần thì thành cũng lẽ ra ngăn cách. Nếu nói đường kia hoang vắng nguy hiểm là xa, thì cửa nhà đều cháy tại sao có ngăn cách. Đã nạn vấn pháp dụ không thể làm chỗ nương, vì sao có không không đồng mà làm đáp ư? Nay căn cứ pháp, nương thí dụ thì mới làm thông suốt. Xưa che thật hiển quyền, quyền ẩn nơi thật, cho nên nói xe ngăn cách. Nay hiển rõ nói thành là hóa, cho nên nói chỗ đất xa xôi, lẽ nào có chấp giáo chấp lý khiến một lý là có chấp lý chấp giáo, khiến ba giáo thành không. Nếu như vậy thì xe thành đều có lý giáo, đều là có không.

Tiếp, “Xe ba...”: là đáp trong ba, một thì cũng trước là căn cứ Thí dụ, tiếp là căn cứ lý giáo. Phần đầu trong căn cứ thí dụ nói chỗ nghỉ ngơi và sở thích ba một không đồng. Xe có thể chẳng phải là nơi nghỉ ngơi, thành có thể chẳng phải là sở thích. Xe đã đều nói vận tải, dứt đông tây ruổi chạy kia. Thành nói mau được an ổn, khiến kia vui dừng ở trong đó. Tiếp, trong căn cứ pháp nói “Tận Vô sinh trí không khác...”: Đều là Thông nghĩa mất Tạng tam thừa và Biệt Bồ-tát Tận Vô sinh trí không gọi là lý. Tập tận bất tận không gọi là giáo, tri kiến đắc hay không cũng lại như vậy, vì sao ban đầu lập lý giáo? Chính dùng trí tập để giải thích! Huống chánh đương Tam tạng Nhị thừa mà chỉ dùng Thông giáo đáp nghĩa cho nên không thể. Nên biết Thông giáo ba người đều chứng Vô sinh, cho nên Tam tam nhân đồng ngồi tòa giải thoát: Một tức là nhân lý vọng nhau vọng nhân ba, lý một; Tam tạng nhân lý vọng nhau cũng như vậy. Chỉ Bồ-tát cùng Nhị thừa không được cùng đồng ngồi tòa giải thoát. Tiếp, “Ba nhà...”: là đáp động tĩnh. Thành lẽ nào không có ngày

tạo lập và phải năng thông đường, xe có thể không lúc nào làm xong và vì nó đến tột cùng, cho nên biết quả. Thành được nhân xe đi đến, quả xe dẫm đạp đường thành là năng thông. Cho nên khiến đòi xe tức là cầu mong đòi thành. Diệt thành tức là đồng ban cho, hai nghĩa không sai khác, đâu đủ biện sai khác, cho nên giải thích vẫn thiếu văn thí dụ trước.

"Nạn v.v...": Ý khiến chuẩn theo vọng văn khác nạn vấn, lược như trước biện, thuận ý chú thích đây cho nên lược luận. Tiếp, "Nay nêu rõ...": chánh giải thích ban đầu bài xích có không. Từ "Ba xe..." là bài xích ba, một. "Hỏi: Thành cùng hai sứ...": là phá động tĩnh, phá trong văn đầu nói căn cứ tâm chúng sinh là có: 1) Vốn có. 2) Giữa đường. Nay căn cứ giữa đường nên cả hai đều có. Lại cũng có thể nói: Nguyên phát Đại tâm, cho nên không có ở giữa dùng Tiểu tiếp, cho là có.

Tiếp, căn cứ Phật trí trước lập câu. Tiếp giải thích cũng lẽ ra lại phải nói ngược lại Thật trí nói rõ thành làm hóa, cũng không có quyền trí nêu rõ. Vì con tạo xe cho nên cũng có... nên phải nêu đủ nhiều thứ có, không. Căn cứ năng thiết lập giáo nên đều có, sở chứng lý cho nên đều không. Che thật nên có, khai quyền nên không, thiết lập quyền nên có, phế quyền nên không, đều là tạo tác cho nên có, đều là hóa tha cho nên không. Cho nên biết Pháp Hoa chẳng những hóa thành cũng là hóa xe đều tùy tiện đó thôi! Hóa thành chánh ý vì người thoái đại, lại cùng trên hỏi đối luận đồng khác, cho nên văn nay nói: Đường trước còn xa nay muốn thoái lui. Hai chu trên chưa có nói đây, chỉ nói chìm trong khổ và do bị thiêu. Đây cũng một phen xưa cũng có thể thoái đại: Lợi thông hai chu trên nguyên là tiểu, độn ứng tại thứ ba. "Ba xe thông xưa nay...": Xưa chỉ ba vị, nay là Pháp Hoa, cho nên trong hai giáo đều có ba xe, chỉ là xưa chánh dùng, nay thuật xưa. Lại nên dùng thể ngoại thể nội gọi là tóm lược xưa nay. "Nói Hóa thành...": cũng lại nên nói hóa thành chỉ tại nay. Nói "ý giáo": Nếu không đối kinh này để nói ý giáo thì cũng không thể liền nói Tiểu quả là hóa, chánh khi thiết lập Tiểu nói là thật cho nên nói chưa đến đạo là hóa, đến trong kinh này khi đầu thiết lập tức nói hóa làm, vì khi Thanh-văn Đại cơ động được nói ý giáo nói thành là hóa. Cho nên biết hóa thành tại xưa đối nhân cũng ba, ba xe tại xưa đối lý cũng một.

"Hỏi: Hóa làm ba xe...": là ý hỏi: Xe thành hai quả đều tại Niết-bàn, thành có tên hóa, xe lẽ nào chẳng hóa? Bỗng nếu chịu hóa thì đồng khác như thế nào? Trong đáp thì nhất vãng, hai luân tuy lại có chút sai khác luận kia thiết hóa ý chỉ Đại vẫn đồng. Nay từ tiện dễ thông lại từ

hóa nói thích nghi từ giáo.

Lại cũng nên nói ví như huyễn sĩ vì người huyễn nói, xe cũng gọi là hóa mà đối trung đạo (ở giữa đường) nói hai thành Niết-bàn cũng là giáo. Cho nên biết không thể theo Thí dụ xen nhau chấp. Lại căn cứ thanh sắc cũng tạm xét dụ cho xe, cũng thông sắc nói là thành giáo ấy như trước... “Hỏi: Thành cùng...” là hỏi. “Khiến năng...”: là đáp. Cũng lại nhất vãng thành cũng là giáo. “Cho nên...” là nêu nhân duyên Tứ đế trở lại là thành, nhà năng thuyên giáo. Thành đã có giáo, thành lại là động. “Vì sao chỉ tĩnh giáo thông nhân quả?”: là năng thuyên nhân quả! Xe thành chỉ là quả làm dụ cho nên biết đều là giáo và quả, cần gì biệt đồ? “Giáo thông hữu vi vô vi....”: cũng căn cứ năng thuyên hữu vi vô vi. Xe thành tại quả căn cứ vô vi cho nên ý cũng như trước khiến không đều chấp, cho nên lại đối quyền trí rộng phá định chấp năm xứ. Trong nêu khai quyền nói: Tuy đều đối giáo hạnh nhân lý và biết không biết, lại tùy văn tướng nhất vãng mà nói. Cho nên mỗi một văn đều cần phải đầy đủ Tứ nhất, nêu rõ Như Lai biết không biết...

“Nay vì các ông... làm đại đạo sư”: Là hợp chung nhiều người. Tức đây dùng năng dẫn để hiển sở dẫn. Nói “Hai thứ Niết-bàn...”: Trong đây có ba giải thích: Đầy đủ như văn trước căn cứ phiền não, sinh tử và trí. Văn đầu căn cứ hoặc, văn tiếp căn cứ nhị thừa là căn cứ ở trí, văn sau căn cứ sinh tử. Nói “Trung đạo vân vân” thì “vân vân” là: trung gian hai tử gọi là trung đạo. Nên biết cũng có thể làm Không, Hữu nhị biên, cộng bất cộng, chân tục, quyền thật, Đại tiểu... mà nói. “Như văn vân vân” thì “vân vân” là: khiến dẫn văn. Trên trong biếng nhác thoái lui có ba, nay lược không tụng nghĩa thứ nhất: giữa đường, lại không tụng thứ ba không thể lại tiến, văn thiếu. “Không tam muội”: Đại luận nói: “Vô tướng vô tướng” cho đến “vô nguyện vô nguyện”. Quán tâm giải thích hóa cũng phải căn cứ Viên. Trong phần tụng hợp thí. Kinh nói: “làm tất cả đạo sư”. Văn nói “hợp năm trăm”, tức thí dụ Đạo sư. Năm trăm do tuần là từ sở hành mà nói. Trong phần tụng khai trên thì không tụng nghĩa “giữa đường”, cũng là văn lược. Nên nói cũng không tụng nghĩa “không tiến”, nay tụng hợp nghĩa giữa đường. Lại không có hai thứ khác, không dọc không ngang, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai, ba nói và Huyền Văn ba pháp.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 8

PHẦN TRUNG

GIẢI THÍCH PHẨM NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Trước nêu “Ngũ bách (Năm trăm)” cho nên phải làm chữ “thọ (nhận)”. Năm trăm là số, chẳng thiết yếu. “Tại hai chu trên....”: là hỏi. Tiếp, “Trên là...”: đáp, cũng đầy đủ tứ Tất-đàn. Văn đầu là Thế giới ba hạng sai khác. “Lại, trên thì...”: là Đối trị, vì trừ hiềm (nghi) ác. “Lại, mặc niệm...”: là Vị nhân, vì sinh đại thiện. “Lại, quyền thật...”: là Đệ nhất nghĩa, bởi vì lý thì chẳng nói nghĩ. “Trên vì ý gì...”: chỉ là giải thích nghi chẳng thuộc tứ Tất. “Chúng con ở nơi công đức của Phật...”: là thuật lãnh bất cập. Bên trên: trung căn nghe thí dụ lãnh đủ năm thời và Pháp thân địa, phương tiện nghỉ giữa đường thấy thắng Ứng thân. Đức Như Lai còn bài xích lãnh sở bất cập. Con nay nghe đây tuy muốn lãnh hội, lẽ nào có thể vượt quá bốn đại đệ tử? Nên biết ngoài sở lãnh thì bất cập nhiều nơi, cho nên cũng nói “sở bất năng tuyên”. Nhưng nghe Ca-diếp, Thân-tử lãnh giải đầy đủ, Như Lai tùy thuật, thì chẳng phải hoàn toàn không biết ý chỉ (muội chỉ), chỉ vì ngưỡng mộ Phật pháp cao sâu cho nên chưa dám vượt qua các bậc đã ngộ trước.

“Trợ tuyên pháp của ta...”: Nếu dùng Bản vọng Tích thì lẽ nào không từng nơi Phật quá khứ hoặc trợ giúp đơn bán đơn mãn, mà phải trong mãn tương đối và khai... ư? Đối với Đức Phật hiện tại xuất hiện ở đời ác năm trược tuyên dẫn giáo hóa khai quyền phế hợp..., cho nên đều từ đồng loại để nói. Như Văn-thù dẫn việc xưa ánh sáng chiếu phương Đông, lẽ nào không có các phương khác, tức dẫn đồng theo lệ thôi! “Ngoài Đức Như Lai ra” đến “phương tiện”: là nếu căn cứ nói “trừ Đức Phật” thì Bổ xứ cũng nên không thể lường, vì kia không thể lường cho nên Bản tích cũng khó lường. Tại sao chỉ từng nơi chư Phật quá khứ? Cũng có thể bản cùng Phật quá khứ ngang bằng. Căn cứ Phật

quá khứ thì bản lại khó lường. Nếu đáng thì cũng là Thầy của Phật quá khứ, đâu chỉ ngang bằng ư?

Nói "Bảy thứ phương tiện": Lại dùng thiên viên tương đối luận cho nên biết viễn bản xa xôi man mác bởi vì khó lường. Nếu vậy thì đây là bản trong tích đó thôi! Sáu Ba-la-mật xen lẫn thâu nhiếp đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói. Kinh Đại Phẩm ở Phẩm Phú-lâu-na nói Lục độ xen nhau trang nghiêm. "Tại văn có thể hiểu v.v...": Kinh văn tướng trạng đối nghĩa phân minh. Lại như các văn nêu năm thời, thuần là thiện đạo, trong đó cũng có phẩm loại sai khác không đồng. Nếu không có người nữ thì chắc không có ác đạo. Hoặc khi có người nữ cũng không có ác đạo, như nước của Đức Phật A-súc tuy có người nữ mà không việc nữ. Nước của Phật Vô Lượng Thọ thì cả hai thứ đều không có. Các tướng bất đồng không thể nêu đủ, chỉ do thừa, giới đều có ba bậc đan xen lẫn nhau, lược căn cứ đây có thể biết. "Kinh Nguyệt Tạng quyển chín nói: Pháp thực v.v...": "Pháp thực" là nghe pháp, như ở cõi An-dưỡng người hạ phẩm sinh trong hoa sen thường nghe đức Di-đà, Quan Âm thuyết pháp. "Pháp hỷ thực": Nghe pháp hoan hỷ, đang nghe thuộc Pháp thực, nghe rồi là Hỷ thực. "Thiền thực": Nghĩa là dùng pháp thiền tự nuôi, không cần Đoạn thực. Hoặc có thể pháp tức là hỷ (thực). "Kinh Nguyệt Tạng quyển năm nói": Thập thiện đều có mười công đức. Cũng cùng kinh Tịnh Danh nói thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, ý đồng. Cho nên mỗi mỗi cuối văn đều nói "về sau thành Phật...".

Kinh kia quyển năm phẩm Tín Kính nói: Giới thanh tịnh bình đẳng, cái gọi là "Thập thiện nghiệp đạo thôi dứt". Thôi dứt sát sinh thì được mười công đức. Những gì là mười:

1) Đối các chúng sinh đắc vô sở úy.
2) Đối các chúng sinh đắc đại từ tâm.
3) Đoạn ác tập nghiệp.
4) Ít bệnh quyết đoán.
5) Thọ mạng lâu dài.
6) Phi nhân ủng hộ.
7) Không có các ác mộng.
8) Không oán.
9) Không sợ ác đạo.
10) Lúc mạng chung sinh đường thiện.

Nếu có thể đem thiện căn dứt sát sinh này hồi hướng Bồ-đề thì ắt đến Bồ-đề, thành vô thượng trí. Đến Bồ-đề thì sẽ lìa được các binh khí gây hại, chúng sinh sống lâu, đời sau sinh về cõi đức Phật kia. Chín

thiện dưới đều có mười công đức.

"Từ nếu có thể... đều đồng", cho nên khi nhân Bồ-tát hành bất sát làm nhân tịnh độ, mà tự không sát giáo hóa người khác không sát... Bốn pháp đầy đủ, sau khi thành Phật mười loại chúng sinh đồng sinh cõi kia. Cho nên kinh Tịnh Danh nói: Thập thiện là Bồ-tát tịnh độ, Bồ-tát khi thành Phật mạng sống không bị yểu ngắn bằng với chúng sinh đến sinh cõi đức Phật đó. Cho nên trong Trí Độ luận nói Bồ-tát hành nơi một hạnh đều đủ bốn pháp mới thành nhân tịnh. "Thân-tử thị hiện sân...", đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai dẫn. Trong văn chánh ý nói chỉ bày vì phàm phu ngoại đạo cho nên nói tà kiến ba độc, chỉ kiêm bên ngoài thị hiện tu tập Tiểu thừa còn chỉ thông hai nghĩa cho nên lại nói. Trong cụm từ "Điều-đạt thị hiện si vân vân" thì "vân vân" là: muốn dẫn đủ sự liệt kê hạnh, kiêm các Thánh giả đều có thị hiện Tiểu thừa (thiên thị).

"Kiều-trần-như...": Hỏi: Nếu Trần-như đứng đầu được biệt ký, vì sao không thọ ký tại chu đầu?

Đáp: Đại tiểu duyên khác nhau, hai cái bắt đầu không đồng, dẫn vật hy vọng hướng đến, hai ý đều sai khác. Pháp thùy tích không thể một chuẩn mực. "Thí thuyết có hai... hiển thật": đều nói lãnh pháp thí cho nên trước trong khai thí bản thì trực tiếp khai quyền hiển thật, tức là ứng văn ba chu và tín giải năm trăm người lãnh giải. Ba tiết khai văn ý tại nơi đây. Nói "Thí như có người, tức người nhị thừa": là nói căn cơ nhị thừa. Tiểu cơ đương khởi bấy giờ cũng còn Đại. "Say có hai nghĩa" cùng hai nghĩa đọa lạc trước, ý đồng. Đầu tiên là trẻ con ví như đắm ngũ dục, chỉ như Pháp Sư, Thường Bất Khinh..., hoặc một câu kết duyên. Tiếp là thiện yếu, hoặc là năm phẩm lúc đầu chưa nhập tương tợ cho nên nói "yếu". Do kết duyên dày mỏng không đồng, bèn gọi là vô minh, lấy làm khinh trọng cho nên nói say có hai thứ. Nên biết người nghèo xưa nay say trước, như nhờ ăn đồ ngon thọ rồi mà nằm. Tam giáo trợ đạo cũng như thức ăn ngon. Lại dùng phương tiện khác trợ hiển đệ nhất nghĩa. Ăn thức ăn ngon rồi liền tiêu như phương tiện giáo chẳng rốt ráo lợi ích. Xưa tại đời Đức Phật Đại Thông chưa kết Đại duyên, đã trước trải qua trong các vị đều nghe tam giáo cho đến Pháp Hoa tuy nghe Viên đốn, chỉ thành kết duyên như hệ châu. "Châu báu vô giá... chân như báu": Đây là căn cứ giáo, chính lấy liễu nhân mà làm "hệ châu". Trong giáo thuyên lý, nên nói "chân như", giáo là trí dụng cho nên nói "trí báu". Căn cứ thọ hóa thì giáo năng sinh trí cũng gọi là "trí". "Báu" có hai nghĩa đều là báu của Trí gia. "Buộc ở áo trong (lót)": Ban đầu khi kết duyên đầy đủ hai áo, đủ tàm quý nên có tin ưa, mới có thể

kết duyên, thoái đại đọa ác thì không có áo ngoài. Nếu căn cứ hiện tại không tin ưa thì tợ như áo trong cũng không có. Vả lại căn cứ đương thời châu buộc trong áo vẫn còn, tức cùng xưa tín đều có, nghĩa như áo trong vẫn còn, chỉ là áo rách chứ chẳng phải hoàn toàn không có áo. Cho nên bạn thân chỉ cho, lại chỉ trong áo có báu, tức là chỉ bày thời tàm tín xưa. Căn cứ thời đây mà nói thì không có áo buộc thân, lý cũng không sai.

"Đứng dậy rồi dạo đi" cho đến "cầu cơm áo Tiểu thừa": Lẽ ra là cầu y báu ăn uống cõi trời, mà chỉ cầu áo xấu vừa đủ che thân và thức ăn đủ nuôi thân thể, bởi vì hướng đến nước khác (tha quốc). Trong văn hai giải thích nghĩa "khác (tha)" đều thành. Nếu luận có cầu thì ngày nay hơi chút cần thiết, nên nói "nhàm chán khổ...". "Nếu ma Phật đối nhau...": Ngày nay bắt đầu được Tiểu thừa là nước khác. Lại từ Đại tiểu để nói, cho nên biết hoặc đến nước khác cầu cứu giúp. Chẳng những cơm áo không đủ mà còn không biết mình có hạt châu trong áo. Bạn chỉ châu báu vốn ở nước mình. "Khuyên đổi ra xài, ví như được thọ ký làm Phật" tức là: Châu tuy giá trị bằng vô số báu ắt phải đổi ra mới có dụng cứu giúp. Liễu nhân nội giải tuy lại cứu cánh mà ắt do chủng dễ hiện. Lấy xưa "một phen giải tất cả giải", mà đổi "một hành tất cả hành", thể của châu không kiệt cạn, đổi chác cũng không cùng. Cho nên lại phải nghe phải tu thì mới hiển công dụng của thật. Như trong kinh Hoa Nghiêm được Ma-ni châu, mười loại trong suốt chữa trị mới có thể mưa báu, giải hạnh tương xứng mới kham được Phật thọ ký. Từ đây về sau tức có đầy đủ áo tịch diệt nhẫn nhục, cơm Thủ Lăng-nghiêm, vô lượng các báu tự hành hóa tha vô công dụng lập kia đây không cùng. "Ba chu đều có ý đây": Nếu dùng hệ châu vọng hai chu trên thì pháp thuyết chỉ tại Phật thọ. Khi ban đầu ngồi dưới cây đạo thọ tư duy dùng đại, tức khi dùng pháp thuyết chưa luận Cổ Phật xưa. Lại căn cứ văn hiện tại nếu trong chu Thí dụ tại hai vạn ức Phật thì văn kia cũng chưa luận cõi điểm bụi trần, nhưng hai chu thượng trung lẽ nào cũng không có ở nơi Đức Phật Đại Thông từng buộc châu ư? Như trong Thám lãnh còn lãnh pháp thân lẽ nào chỉ đạo thọ? Lại căn cứ văn hiện tại đó thôi! Chỉ do căn lợi nghe liền tín giải không cần chỉ xưa. Vì vậy cho nên cuối cùng luận trong văn trước coi "phát chẩn học Tiểu" là trung gian, không chỉ tại thời đạo thọ. Nói "Ngày tháng năm đó...": chỉ tại cõi uế trược không thông hai chu. "Vô lượng Phật bảo": Bảo do trao đổi mà được, cũng có thể nói đắc Phật bảo tức lợi tha vậy.

GIẢI THÍCH PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Văn đầu tiên giải thích theo Nhân duyên, ứng đủ tứ Tất-đàn: Học, Vô học biệt tức Thế giới Tất-đàn, Kiến đạo vị tức Vị nhân, Tu đạo vị tức Đối trị, Vô học vị tức Đệ nhất nghĩa. Lại đắc thọ ký tức Đệ nhất nghĩa. Căn cứ Giáo: Ba giáo như văn. Nghiên cứu Như Lai tạng... là Viên giáo. Lại như trong Thông tựa giải thích, nếu căn cứ Quán tâm, thì trong Lục tức cứu cánh tức là vị Vô học, bốn thứ còn lại gọi là học, lý tức phi học phi vô học. Lại Lục tức: Thông thì đều "phi học phi vô học", phần chân trở đi thì "mà học mà vô học". Trong cụm từ "Mà học mà Vô học vân vân" thì "vân vân" là: như trước lược nêu. "Hai người tại trong số trên": Là trong đa tri thức liệt nêu, nay đắc thọ ký vì sao ở đây? Trong câu đáp, tổng luận đắc thọ ký, tại trong một ngàn hai trăm vẫn là thượng lưu trong hạ căn. Tuy có nhiều người được biết, ý là dẫn hạ căn. Nếu vậy thì không đáp câu hỏi trên. Ý hỏi vì sao không đồng chu trên, nay trong đáp chỉ nói thượng lưu trong hạ thì làm sao xứng câu hỏi, nhưng chẳng phải thượng căn là vì dẫn thật cho nên nói tứ Tất-đàn.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 8

PHẦN HẠ

GIẢI THÍCH PHẨM PHÁP SƯ

Giải thích phẩm này chia làm hai: Đầu tổng giải thích, sau biệt giải thích. Văn đầu lại có hai phần:

1) Giải thích năm hạng Pháp sư.

2) Giảm số giải thích.

Phần đầu lại có hai: Đầu, xuất kinh luận dùng biện rõ ly hợp có không. Tiếp, phán xét Thông Biệt để kết phẩm danh. Trong phần đầu lại có hai:

1) Y kinh này phân biệt làm năm.

2) "Đại luận...": là nêu xuất khác giải thích danh, đối nay để biện nghĩa ly hợp có không. "Cho đến như...": là giảm số để giải thích cho nên hoặc nhiều hoặc ít, đều gọi là "Pháp sư".

"Năm hạng đầu nêu Pháp sư": Chưa có một văn nào biên soạn nói một, hai hạng Pháp sư, xưa nay cùng lập xưng làm năm hạng Pháp sư, kinh luận lập nhiều ít không đồng, do đó phẩm đây chỉ gọi chung là Pháp sư. Thiên Vương Bát-nhã nói: Thọ trì kinh này có mười thứ pháp:

1) Viết chép.

2) Cúng dường.

3) Lưu truyền.

4) Lắng nghe.

5) Tự đọc.

6) Nhớ trì.

7) Rộng nói.

8) Tụng.

9) Tư duy.

10) Tu hành.

Trong mười thứ thì thứ nhất là hạng thứ năm của kinh này. Thứ tư, thứ sáu là hạng nhất. Thứ năm thì đây hạng hai, thứ tám thì đây hạng ba, thứ bảy thì đây hạng tư. Lưu truyền thì nhiếp trong văn rộng nói, ba thứ còn lại đều nhiếp trong văn nhớ trì. Kinh kia Ức (nhớ) chỉ là thọ. Trong Đại luận phân "Thọ trì" làm hai, thì nên không được riêng nói "nhớ trì". "Đây biệt luận...": phán xét thông biệt để kết phẩm danh, trong đó trước phân tự tha để biệt địa vị Sư. Nói "Đại kinh phân chín phẩm...": Vốn là biệt nghĩa, tạm mượn để chứng minh năm hạng Pháp sư. Chín phẩm chỉ là Hy liên và Bát hằng. Thứ tư thường rộng nói, trong 16 phần giải thích nghĩa một phần, nói 4 trước không giải là: 3 hằng và hy liên, 5 hằng 8 phần, 6 hằng 12 phần, 7 hằng 14 phần, 8 hằng đầy đủ giải tận nghĩa kia, cho nên phải từ năng giải một phần nghĩa trở đi! Năng vì người khác nói tức là địa vị Sư.

Tiếp, "Thông luận...": là xả biệt theo thông, tự tha đều đắc thọ danh phẩm này. Theo nghĩa thông biên không có một câu không đảm nhận làm Sư.

Tiếp, "giảm số" giải thích lại có bốn: Nghĩa là bốn-ba-hai-một đều là triển chuyển tóm lược nhiều thành ít đều là Pháp sư. Nói "Như sau thuyết" đầy đủ như trong phẩm An Lạc Hạnh ban đầu giải thích bốn hạnh. Bốn hạnh đã chỉ pháp sư, ở đây lẽ ra dùng bốn hạnh này để kết tên phẩm, văn không có tức lược. Đã có trước sau, trong đó theo lệ có thể biết. Nếu muốn biết thì chỉ là: trước phán xét thông biệt. Tiếp từ thông bốn để kết tên phẩm, tóm lược bốn thành ba.

Lại chia làm ba ý: 1) Ba nghiệp; 2) Ba môn; 3) Ba pháp. Mỗi mỗi đều trước là giải thích, tiếp là phán thông biệt để kết tên phẩm. Tiếp, Tóm lược ba thành hai: Nghĩa là tự hành hóa tha. Nói "không thọ ký lại": căn cứ trước thì có thể biết cũng là trước giải thích. Tiếp, phán thông biệt để kết tên phẩm, do tự tha đây đã khắp ở ba trước, cho nên biết tự tha cũng có thông biệt. Biệt luận đều biệt thông luận xen lẫn thông, tự tha đều xen nhau kham nhận. Nay thông từ hóa tha cho nên gọi là "phẩm Pháp Sư". Tiếp, Tóm lược hai thành một: Nghĩa là Như Lai hạnh đủ tất cả hạnh, đây y văn Đại kinh phẩm Thánh Hạnh nói. Lại có một hạnh là Như Lai hạnh, cái gọi là Đại thừa Đại Bát Niết-bàn; Niết-bàn chỉ là ba đức bí tạng cho nên nay dùng nhà tòa áo ba thứ để giải thích ba đức. Ba đức chỉ là một đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn đây khắp tất cả nơi, khắp tất cả pháp, tổng gọi là Nhất.

Trước, giải thích. Tiếp, chỉ rộng. Trong phần giải thích chia làm hai: Đầu thông sau biệt. Thông: một hành thông đủ ba pháp: nhà tòa

áo. Biệt đối chia làm hai: Trước đối, sau liệu giản. Văn đầu lại có chín, trong đó đều dùng ba pháp đối các pháp:

1) Đối tướng thiện ác và động.

2) "Lại từ nhẫn...": là phước tuệ. "Trí tuệ là mắt...": cũng nên nói mắt chân đầy đủ ắt có chỗ nương, chỗ nương đủ hai.

3) "Lại, từ bi...": là đối bài xích thiên kiến tà, cũng có hai: trước là giải thích, tiếp là dẫn kinh Tịnh Danh làm chứng, thắng Thiên tà, dũng mãnh tu Viên.

4) "Lại, từ bi...": là phá bốn ma, cũng có hai: trước là giải thích. Trong giải thích đều phải căn cứ ngoại giới viên giải thích. Tiếp là dẫn chứng Không, "vân vân" là: giải thích nêu xuất ý kia.

5) "Lại, từ bi...": nêu đủ hai thứ nghiêm vẫn làm hai giải thích, chỉ là dịch ngược trước giải thích, căn cứ sau vọng trước, trước nên nói từ nhẫn.

6) "Từ nhẫn...": căn cứ thí dụ phá lập... đủ hai theo lệ trước.

7) "Lại, từ bi cho nên đâu có...": là căn cứ thể dụng: Dụng tức lìa lỗi.

8) "Xuất ba đế....": là căn cứ danh, không đồng thứ lớp ba đế. Nhà từ bi bao hàm áo nhẫn nhục Tam-muội.

9) "Kinh nói...": là dẫn kinh, Vô tướng là tòa.

Phần tiếp, chỉ rộng: nói không thể hết. "Vân vân" là: đầy đủ như trong Huyền Văn nêu đủ năm hạnh nhiếp tất cả hạnh, cũng như trong Chỉ Quán nói mười thừa mười cảnh ngang dọc khắp thâu, và pháp môn ngang dọc trong khắp phá, cho đến bốn thứ Tam-muội thâu tất cả hạnh. Tất cả hạnh chỉ là một hạnh, cho nên làm chín văn để giải thích. Tiếp, "Hỏi...": là liệu giản. Đầu hỏi: Căn cứ ban đầu giải thích phẩm thì nên nói năm hạng, căn cứ sau giảm số thì nên nói một pháp. Vì sao chỉ dùng áo, tòa, nhà ba thứ mà đối các pháp ư? Đáp: Căn cứ sự hiển lý cần phải đủ ba pháp, huống chi y văn hiện tại nên đủ ba pháp bèn vì chúng nói. Cho nên đủ sự lý hai - ba mới có thể nói pháp. Cho nên trước là sự giải, tiếp là sự lý hợp, sau riêng ước lý. Sự giải như văn. Trong hợp thích nói ba môn: thì hai môn đầu thuộc sự, môn thứ ba thuộc lý. Sự lý đều là cảnh sở mê. Đầu tiên, căn cứ khổ quả cho nên dùng Từ bi môn, khổ phải cần cứu. Tiếp, căn cứ kết nghiệp, cho nên dùng Nhẫn môn, y lý lìa. Sau căn cứ đế cảnh cho nên dùng Không môn khéo an trú nơi Không. Thứ ba, riêng căn cứ lý: Lý tức đế lý cho nên căn cứ ba đế, tức hướng thứ ba đủ ba đế. Nói "vân vân": lẽ ra dùng nhiều thứ ba pháp đối giải thích ba thứ đây khiến thành viên dung thông thích hợp tự tại, chính là

biết văn đây nhiếp tướng giáo khắp. Cho nên bên dưới tổng căn cứ giáo, nói: Phàm có nhiều cách giải thích phẩm đều căn cứ Viên giáo.

"Tiếp, Pháp..." là biệt giải thích. Hai chữ "Pháp Sư" thông suốt từ trên xuống tất cả các giải thích. Do các pháp trên là pháp của Sư cho nên nay thích danh cũng căn cứ hai hạng, cho đến năm hạng. "Nếu tự...": là giải thích theo Nhân duyên. Đầu tiên tự tha không đồng, tức Thế giới, tức tự dùng phép tắc dạy bảo người. Tự hành thành tựu tức Sinh thiện. Hóa tha, trừ ác tức Đối trị. Tự tha đều đắc gọi là Pháp sư, là Đệ nhất nghĩa. "Phàm nhiều thứ...": căn cứ giáo như trước nói nhiều thứ không thể thấm nhuần các giải thích khác. "Ngoại phàm...": là nay văn chánh giải thích. Nếu vậy thì cùng xưa có gì sai biệt? Đáp: Nay nêu rõ vì tự tha nên khác với Thanh-văn. Tự hành không có lo lắng bị đuổi nhục nhã. Lợi tha không có sức, yếu đuối hèn kém, nên chỉ có một phần thoái mất tợ như xưa, cho nên nói "chưa hẳn". Nói "ngoại phàm" đến "không lo nguy khổ": Ngoại phàm năm phẩm vui thích phước hoằng thông pháp, Thanh-văn nhất hướng tuyệt dứt tâm lợi vật, nghe các đại sĩ bị chúng xua đuổi, tự nhìn lại mình chưa đủ sức lực, nếu không nương tựa phước đó thì bên trong ô nhiễm tịnh quán, bên ngoài chiêu cảm sự chê trách, mất đạo lợi người. Cho nên, đức Phật vì họ nói bốn An lạc hạnh khiến không phải lo ấy, xa lìa mười sự não kia nên nói "không lo". Vừa chứng minh vừa trợ giúp: Bảo tháp chứng kinh cho nên đến, phân thân trợ khai cho nên chúng tập. Do chứng do trợ nhân vì ngưỡng mộ lưu thông. "Lại, chỉ bày phương pháp lưu thông kinh": Mặc áo... ba thứ đầy đủ như sau nói. "Nhân bảo...": Vốn nhờ Dược vương nhân đây bảo chúng khác, kinh này lưu thông. Đầu tiên, "bảo tám vạn Đại sĩ": Đại luận nói: Pháp Hoa là bí mật phó thác cho các Bồ-tát. "Như nay...": là văn gọi hạ phương, còn đợi bản quyến thuộc, nghiệm biết họ chưa kham nổi. "Tổng biệt ký": Tổng làm bảy trăm, biệt làm kiếp quốc...

"Cho đến nhất niệm...": Nương niệm đây chắc đắc Bồ-đề, nhân viễn không mất nhờ đây mà phát sinh, không đồng thiện khác cho nên chọn lọc. Luận cho cùng ắt phải tận hành đạo pháp của chư Phật, nhị thừa được thọ ký rồi còn trải qua kiếp số. Nhưng hiểu ý chỉ của kinh cùng đầy đủ có gì sai khác? Chỉ tự hành hóa tha khiến từ đầu đến cuối mà thôi. "Nghe một câu kinh một bài kệ": Thông luận chỉ nói nghe pháp rất ít, nêu ra công sâu hoằng kinh, trong bộ tùy lấy một câu một bài kệ. Biệt luận khiến nghĩa hợp lưu quyền thật bản tích thập diệu, Tứ nhất. Công phước đều như vậy. Nhưng nghĩa thông Đại tiểu, cho nên dưới dẫn "Tăng Nhất Tập nói: Như dòng Tứ đế" cho đến dẫn "bốn

An lạc hạnh”... Nay cũng căn cứ theo đây. Nói “đều thọ ký cho”: Ắt do kinh này thành Bồ-đề, tuy không có kiếp quốc mà sẽ được lý đồng, trong đây chấp nhận dùng Biệt thời ý thú, vì thế nên cần phải dùng nghe. Căn cứ hạnh, rộng nêu cúng dường, tuyên giảng thông lợi ích tha, nội quán đầy đủ, đủ như trong Chỉ Quán. Lẽ nào có thể chấp tay ngay ngắn chỉ ngưỡng mong sơ tâm? Trung thượng cũng vậy. Nếu không như vậy thì lẽ nào có thể chu thượng chỉ tại một người, chu trung bốn người được thọ ký ư? Nói nhờ vào việc đây bèn thông đến kia cho nên nói “cũng vậy”.

“Kinh Kiến Thật Tam-muội...”: quyển 4 nói: Trước thọ ký Bát bộ; tiếp quyển năm phẩm Không Thiên nói Không hành chư thiên thấy Bát bộ cúng dường được thọ ký, tức liền cúng dường đều được thọ ký, đồng tên là Hỏa Trì. Tiếp, Tam thập tam thiên trong phẩm Thọ Ký nói: Có tám ức chư thiên Đao-lợi thấy chư thiên trước cúng dường được thọ ký nên cũng hóa làm đồ cúng dường đầy đủ đồng thời được thọ ký tên là Nhân-đà-la Tràng, nói pháp như huyễn. Tiếp phẩm Dạ-ma Thiên có bốn ức Dạ-ma cũng thấy chư thiên cúng dường được thọ ký cũng dùng hóa sự và dùng nói kệ, cúng dường Phật rồi đồng thời được thọ ký đồng tên là Tịnh Trí. Nói “Câu-dực” : Kinh kia không có, e rằng lầm lẫn.

“Quán tâm”: Dùng nhất thật quán xuyên suốt những pháp tụng kia, cho nên gọi là nhất, là không một câu kệ nào không nhập thật. Nói “vân vân” là: nên nêu rõ tướng nhất quán. Cho đến Đại sư tụng kinh quán pháp, trở lại căn cứ tụng trì để thành tướng quán tư duy vi tế. Khuyến phát bốn ý:

1) Chư Phật hộ niệm.
2) Gieo trồng gốc đức.
3) Nhập chánh định tụ.
4) Phát tâm cứu hết thảy chúng sinh.

Văn dưới cũng dùng bốn pháp đối khai thị ngộ nhập. Tuy là Tích cần thiết mà hiển bản rồi tức thành bản cần thiết, đầy đủ như dưới biện rõ.

“Hỷ tâm có hai”: Ngang dọc hai giải thích lại có hai:

1) Chánh giải thích.
2) Dung thông.

Đầu tự hai: Đầu tiên luận dọc: tùy hỷ chia làm ba:

1) Tức quyền mà thật.
2) “Tức nơi...”: là song phi, song phi tuy không khác đối với hướng thật, lại năng giải thật tức song phi. Đầu, trong nhất niệm: Không phải

chỉ cần trải qua thời gian một niệm mà chỉ nhất tâm pháp, gọi là "nhất niệm". "Tin Phật tri kiến": Ở trong sơ tâm tin sâu diệu lý, lý đây đã là cảnh tri kiến Phật, cảnh chẳng quyền thật cho nên gọi là song phi, dùng lý hướng về nghe, nghe cạn lý sâu cho nên gọi là dọc, đây tức vị tướng sơ tùy hỷ.

3) "Lại năng...": hướng song phi lại song chiếu, sự lý viên dung tức gọi bí tạng. "Đầy đủ phiền não...": tuy chưa nhập phẩm mà cũng có thể thông chứng, đầy đủ tánh phiền não năng biết. Phiền não vọng tạng, tạng sâu Hoặc cạn cho nên cũng gọi là dọc. Tiếp, "Lại, nếu nghe...": là ngang luận tùy hỷ. Trở lại chỉ trước bất nhị quyền thật, cho nên nói "nếu nghe...".

Bốn pháp ngang luận để giải thích tùy hỷ:

1) Tâm.

2) Pháp.

3) Thuyết.

4) Người.

Nói "tâm": Tức dùng nhất tâm hướng đến tâm khác, gọi đó là ngang. Trong đây nhất tâm không còn có các tâm khác, cho nên văn dưới nói "tức ngang mà dọc". "Và nhất thiết pháp": Dùng nhất thiết tâm vọng nhất thiết pháp, cũng gọi là ngang. Nhất tâm nhất pháp đều là duyên ngang, pháp thuần là tâm, tâm thuần là pháp. Cho nên dưới kết nói: "Ngang tức là dọc". Trong đây tự nói đều là Phật pháp. Phật pháp về lý hợp ngang dọc bất nhị. "Nếu muốn...": tiếp, căn cứ "thuyết": Năng rộng phân biệt mỗi một tâm pháp.

"Một tháng, bốn tháng đến một năm": Tuy văn dẫn ý căn mà chẳng phải là địa vị lục căn thanh tịnh. Nay lại dựa theo quán, "tuy chưa...": căn cứ nhân có thể thấy. "Dẫn Đại kinh": Đây nhất niệm ban đầu chính đang nghe ít hiểu nhiều, cũng gọi là nghe nhiều hiểu ít, cho nên lại nêu. Do bài xích nghe nhiều mà không biết nghĩa, sau sẽ lại nói. Tại quyển kinh thứ 6, ban đầu nói "thượng hạ phẩm sư" là chỉ căn cứ phàm vị để phán xét. Mười thứ cúng dường:

1) Hoa.

2) Hương.

3) Anh lạc.

4) Hương bột.

5) Hương xoa.

6) Hương đốt.

7) Phướn lọng.

8) Y phục.

9) Kỹ nhạc.

10) Chắp tay.

Âm nhạc như trước đã giải thích.

Tiếp, “Dược vương... người ấy tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh”: Do bi nguyện dẫn dắt, vẫn là nghiệp sinh, chưa có thông ứng. Nguyện kiêm nghiệp, đầy đủ như trong Huyền Văn phẩm Quyến Thuộc nói. “Như Thích luận nêu hữu tuệ vô văn...”: Kệ đây và kệ bốn Pháp Sư, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một nói. Cho nên, biết cũng chấp nhận là hoằng pháp. Ở trong nội giáo rộng huân tập nghĩa sai khác để trợ giúp chánh giáo. Thế gian có huân tập sách thế tục mà nói trợ chánh, thì trái lại vướng vít đến lý. “Nên biết người ấy...”: Như vua sai truyền lệnh. Nếu ứng phó theo tâm chủ thì nên được gọi là “sứ”, được gọi là “sở khiển”. Đầu, “Kinh là Như trí sở thuyết...”: là giải thích Như Lai năng khiển, năng khiển là giáo. Tiếp, “Ngày nay...”: là giải thích sở khiển, sở khiển là người. “Làm việc của Như Lai...”: là giải thích sự việc được sai khiến. Trước, căn cứ tự hành giải thích sự, Đức Phật không có các việc khác, chỉ chuyên chiếu lý. Tiếp, “Ngày nay...”: ta nay chỉ làm việc của Như Lai, chân như là lý, chiếu tức gọi sự. “ Nhất như trí...”: là căn cứ hóa tha giải thích. Như Lai lợi vật do cảnh trí bao hàm, trở lại nói lý đây, lấy làm hóa sự, cho nên biết Đại bi trở lại y Như lý chiếu Như thuyết Như, gọi là Như Lai sự. “Ngày nay...”: y lợi tha này gọi là “hành Phật sự”. “Phật thì bình đẳng, việc ác không hề hấn”: Nếu vậy cúng Phật không có phước, thì đâu cần cúng Phật? Hủy Phật không có tội thì đâu cần chế tội ư ? Đáp: Thật ra điều ấy chỉ là để so sánh, hướng đến nói không thể luận phước điền tốt xấu. Nếu căn cứ (phước) điền mà luận thì phàm xấu thánh tốt, cho nên nếu chê cúng dường thì là nặng ở phàm. “Ví như” đến “đều nhẹ” cũng căn cứ sơ tâm dễ thành hoại mà nói. Nếu căn cứ điền mà nói thì nghĩa theo lệ có thể biết. Như trong tám hạng phước điền thì chăm sóc bệnh là hạng nhất, người phần nhiều chán ghét cho nên người chăm sóc thì phước tăng, đây chính là căn cứ tâm khó dễ. Nếu căn cứ điền tại sự, thì lẽ nào một người bệnh so với Đại thánh và diệu pháp ư? Như giúp kẻ thất phu và hiến cúng người chủ, thì cách nhau trời vực, ân thất phu không thể tự che, ân chủ thấm nhuần đến muôn dân.

Tứ Tất thích nghi không thể nhất định, nhưng căn cứ công cao lý tuyệt của kinh này, thì được nói như đây, các kinh khác không như vậy. “Gánh được cái gánh trên vai Như Lai...”: Phật đắc quyền thật và

phi quyền thật, ta cũng đắc pháp ấy tương xứng Phật đắc, vậy thì nghĩa tương đương gánh được cái gánh trên vai trên lưng của Phật. Cũng là dùng các pháp quyền thật của Phật, gọi là gánh được cái gánh trên vai trên lưng của Phật. Cũng là chúng sinh thường gánh nơi vai lưng, thường ngày sử dụng mà không biết. Các kinh khác không như vậy cho nên cần phải nói. Nếu không như vậy, thì lẽ nào người trì kinh mà gánh được trọn cái gánh trên vai Như Lai. Thế nên văn đây cần phải phế bỏ giải thích theo sự. Nếu không biết văn này thiết lập khai quyền thật, thì dù dùng tên quyền thật để giải thích kinh cũng chưa biết được diệu chỉ này. Kinh nói “nên đem thiên bảo (báu cõi trời)...”: trước đã nêu đồ cúng dường bậc thượng trong loài người, tiếp là dùng báu trời để so sánh, còn dùng báu trời phụng hiến cho nên nói “nên đem”, huống chi đồ cúng dường bậc thượng trong loài người. Có người nói người Tây phương đề cao những gì tốt nhất (thắng) đều gọi là thiên. Nếu vậy thì trước nói “đồ cúng dường bậc thượng trong loài người” tức là thiên cúng, tại sao lại nói nữa?

Trong trường hàng đầu tiên tán thán pháp sở trì...: Trước căn cứ năng trì tức lợi tha tin, chê để chọn người, đây nêu sở trì thì nêu nhân (người) xứ nhân quả để tán thán pháp. Trong đó trước liệt kê năm chương, tiếp nêu sinh khởi, cho nên biết nhân (người) pháp xứ ba thứ xen nhau hiển sáng mới thành nhân cảm quả. “Có sư...”: là thuật giải thích khác. “Kinh tán thán Pháp Hoa” đến “thiếu một chi tiết”: là phá. Chỉ lập quá khứ, vị lai để làm sở hiệu (đối tượng khảo sát), tức dùng Pháp Hoa làm hiện tại làm năng, sư đây thiếu sở hiệu trong đó cho nên nay nói “thiếu một chi tiết”.”Vân vân”: y dưới văn đây giải thích chi tiết xuất hiện. “Nay đầu...”: Trong đây chánh giải thích, trước liệt kê ba thời ở ngoài Pháp Hoa. Tiếp, “Đại Phẩm...”: nêu ba thời không bằng Pháp Hoa. Cho nên dùng Pháp Hoa nhân (người) pháp hoàn toàn khác các kinh. Nếu không như vậy, thì phá là muốn bài xích bẻ gãy vi diệu của Pháp Hoa, chê bai ở trong đó thì sao thành hoằng dương tán thán? Gia Tường còn vậy, huống chi các người khác! Đại Phẩm... “đới”, đủ như Huyền Văn, mỗi một chi tiết nêu rõ năm vị. Nếu không như vậy thì làm sao biết từ xưa chưa từng hiển thuyết? Tạng bí mật không vọng trao cho người, vì có nhiều oán hiềm... “Đương phong”: Pháp Hoa ở trước như trận lớn khó phá, Niết-bàn ở sau như các phe đảng không khó. Đầu tiên phong phá trước, việc này làm không dễ. “Kinh này nói đủ” đến “cũng tức là tạng bí mật”: Đầu là khai quyền cũng tức là bên dưới hiển thật. Quyền tức là thật, cho nên nói “cũng tức”. “Khi Như Lai... oán ghét”: Tư duy việc

các đời trước là “oán”, ganh thiện hiện tại là “ghét”, nên chướng chưa trừ là “oán”; không ưa nghe thì gọi là “ghét”. Nay thông luận: Tích môn thì coi “Nhị thừa và độn căn Bồ-tát” là “oán ghét”. Năm ngàn người đứng dậy đi chưa đủ đáng ghét (hiềm). Bản môn thì coi “Bồ-tát trong đó lạc cận thành tựu” là oán ghét (hiềm). Toàn chúng đều không biết, đâu được cho là lạ? Nay vẫn tại tích, ý thì có thể thấy. “Lý tại khó hóa”: là nêu rõ lý đây, ý ở chỗ khiến biết chúng sinh khó hóa.

“Tứ tín...tam lực”: Trong văn có hai giải thích cùng hiển bày một ý: Đầu đối ba đức, tiếp đối ba pháp, cho nên Tứ tín là hạnh mở đầu, tứ hoằng là năng dẫn dắt, đại trí là năng khai. Cho nên tứ tín đây cần phải căn cứ Viên thừa, nghĩa là nhất thể Tam bảo nhất niệm thập giới mới là đứng đầu Viên môn tứ hoằng. Cho nên văn tiếp nói: “Tín thì tin lý, lý tức pháp thân”. Nếu có pháp thân thì có lý tánh nhất thể tam bảo. “Chí nguyện là lập hạnh”, tứ hoằng đại thệ lập tất cả hạnh. Pháp thân căn cứ sở tín, các hành căn cứ sở dẫn. Gốc các thiện tức là Bát-nhã, cho nên trong sở tín có đủ bốn pháp. Đã đối ba đức, tức từ thắng lập tên. Nếu không như vậy thì đâu có được chư Phật cõi này cõi khác hộ niệm! “Hàng sơ tâm ở đây...”: Đây dùng sở biểu như nghĩa gánh vác ở trước. Nếu không như vậy thì sắc thân “cùng ở chung” cho đến “xoa đầu” là bất tịnh, đối lý đâu có lợi ích? Các xứ sinh, đắc đạo chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn... đầy đủ trong Chỉ Quán quyển bảy nói Hóa thân tám tướng. Đây bốn tướng xứ còn nên xây tháp huống chi chỗ có năm hạng Pháp sư và kinh này hiện hữu, tức là pháp thân bốn xứ đều nên xây tháp, huống chi kinh nói “trong tháp thì đã có pháp thân toàn thân xá-lợi”. Cho nên, dẫn luận chứng Sinh thân và Pháp thân xá-lợi đều có toàn thân và toái thân. “Vân vân” là khiến giải thích ra bốn tướng. Sinh thân xá-lợi toàn và toái như đức Thích-ca, Đa Bảo. Pháp thân xá-lợi có hai: Các phương tiện giáo là pháp thân xá-lợi toái, Pháp Hoa nhất thật là pháp thân xá-lợi toàn. Bốn giáo năm thời, tùy chọn có thể thấy. Cho nên biết các kinh chỉ là phân nửa tướng toàn toái. Chỉ có kinh Pháp Hoa đây, pháp thân toàn thân hoàn toàn không có pháp khác, vì đều nhập thật.

Nhà Chú thích nói: “Trước coi người là mục đích (cá, thỏ) nên ngang bằng công của thân trượng sáu, nay coi ngôn từ là phương tiện thuyên đề (nơm lưới), cho nên cùng xá-lợi đẳng diệu”. Nếu kia không chọn lọc sự thô diệu của ngôn từ lại cùng sắc thân ngang công. Kinh này đâu khác A-hàm, Bà-sa! Cho nên biết, nhà chú giải kia không hiểu người trì và pháp, Phật cùng ở, không biết sở trì và pháp thân giới (cõi)

ngang bằng. Cho nên, trong mười bảy tên của kinh Pháp Hoa, có một tên gọi là Kiên Cố Xá-lợi, toái thân xá-lợi thì thân giới không được gọi kiên cố. "Xảo (khéo) độ": Như Chỉ Quán quyển sáu viết giải thích Xảo chuyết hai độ. Đại luận kia văn chung dùng Diễn môn làm "xảo", nay riêng dùng Nhất thật làm "xảo", thì có hai thứ: Đầu, liệt hai văn. "Nay nói...": là lựa chọn ý đầu. "Lại vọng...": là giải thích cận đương thể, trước căn cứ Thiên làm viễn, dùng Viên làm cận. Tiếp, "Nay dùng...": là hiểu rõ ý chánh của văn, dùng nhất như thật trí làm nhân, hướng đến cận viễn hai quả Bồ-đề, cho nên nhân nêu cận quả. "Đạo tiền chân như" đến "làm Liễu nhân": Đây dùng tu đắc đối chánh nhân kia. Duyên, Liễu trong chánh đồng thành Chánh nhân. Chánh nhân trong tu đồng thành Duyên Liễu. Căn cứ chân duyên liễu, cũng gọi "tức chân duyên liễu", đều có thể nói "chân như duyên liễu". Toàn tánh là tu, tức nghĩa đây vậy. Chỉ có pháp này, thế pháp không thể nhiễm, ma không thể hoại, nhị thừa không năng diệt. Đây chính dùng Bạc địa làm Đạo tiền, phát tâm về sau làm Đạo trung. Vị đạo trung phân làm hai: Sơ trụ về trước là Duyên, đăng trụ trở đi là Liễu. Một vị phân làm hai, cho nên gọi là "cũng". Diệu giác chứng về sau, gọi là Đạo hậu, cùng trước có chút sai khác đối văn phân biệt, nên trong Thí dụ ắt phải giáo quán hai lớp mới tận lý kia. Giáo quán tùy theo cùng hiển diệu kia. Giáo quán nếu thiên thì cả hai đều không có lực. Đầu, "căn cứ Quán" trong đó đầu tiên tổng nêu quán. Nói tuy thông các mà ý lại tại Viên. "Y Thông quán...": trải qua giáo nêu quán, cầu thể lý đồng cho nên lược bớt Tam tạng. "Pháp Hoa luận...": Thủy (nước) như Phật tánh, nhận lấy không đồng nên nói "thứ lớp", tức các giáo, quán tướng cạn sâu không đồng, cần phải hiểu rõ ý chỉ kia cho nên nói "phải biết".

Trong phần "Căn cứ Giáo" có hai: Cũng trước là tổng nêu. "Tam tạng giáo môn...": biệt căn cứ bốn vị, nay luận bắt đầu tiệm cho nên đầu tiên nêu Tam tạng. Hoa Nghiêm, sau nêu trước trong căn cứ quán. Đã nương bốn giáo cho nên nay căn cứ mùi vị để hiển bộ vi diệu. Nếu trong Chỉ Quán lại căn cứ bốn giáo. Lý cũng như vậy. Huyền Văn, tất cả đều trước căn cứ bốn giáo. Tiếp, dẫn "kinh Hoa Nghiêm" chứng minh được "nước" đồng. Tiếp, "Có người...": Năm nhà, bốn giải thích. Ba nhà đều căn cứ năm thời để giải thích. Nhưng dùng thời không tận (hết) và không thứ lớp. Trong tiệm giáo nhà thứ nhất bỏ qua thời đầu và thời thứ ba. Nhà thứ hai bỏ qua hai thời đầu và thời thứ tư. Nhà thứ ba tuy dùng Đại Phẩm tại sau Tịnh Danh, cũng bỏ giáo trước và trái năm thời. Sinh công cùng người chú giải: Toàn trong thời Pháp Hoa phán xét

cũng chưa hoàn toàn đúng còn bị người khác phá. Cho nên nói: "Cách Phật có xa gần..." Chính do ba sư trước đồng dùng năm thời làm một giải thích, Sinh Công và người chú giải, đồng đối Pháp Hoa làm một giải thích. Nay sư chấp nhận ý phá này, cho nên chép ra. Ý sư đây muốn phán xét bốn giải thích của năm sư trước, tức trước ba sau hai, cả hai theo lệ phá. Cho nên ba nhà trước dùng các kinh cách Phật xa, đối Pháp Hoa về sau đều dùng Phật quả mà làm thanh thủy (nước trong). Cho nên biết ba sư cách Phật xa.

Một giải thích gần: Hai sư sau căn cứ Pháp Hoa luận viễn cận (xa gần), bắt đầu từ đất khô, cuối cùng đến nước trong, đều ở thời Pháp Hoa. Nếu vốn y thật giáo, thì đạo lý như vậy. Nếu dùng thật đối quyền thì lý không hoàn toàn như vậy. "Tìm kinh...": Sư nay hòa hội, do ba Sư trước chỉ ở các giáo trước, không có nước trong. Lại dùng năm thời đều có lỗi tiểu, hai giải thích sau chỉ ở trong Pháp Hoa để luận cận viễn. Lỗi nơi khai quyền, Pháp Hoa về trước là sở khai. Sư nay đưa ra hai nghĩa căn cứ giáo, và căn cứ (mùi) vị. Căn cứ giáo: tức đối ba giáo trong tiệm giáo trước là thô, cho nên lại phải chỉ có căn cứ Viên trong Pháp Hoa để giải thích. Căn cứ (mùi) vị: thì đối trong bốn vị trước, chưa chuyển là thô. Đến vị thứ năm giáo tuy đã chuyển, hoặc hành chưa nhập, cho nên cần phải đối vị thứ năm làm giải thích viễn cận. Cho nên hai giải thích thiếu một nên không thể. "Hỏi: Các kinh...": Người khác hỏi giải thích đầu trong hai giải thích trước. Nhân hướng người khác phê phán giải thích của ba sư trước rằng các giáo cách Phật xa. Căn cứ trong văn "Đáp", đáp đầy đủ nghĩa viễn cận. Cũng nên hỏi đủ hai ý viễn cận. Căn cứ thuần Bồ-tát và người Nhị thừa thì chuẩn theo ý vốn hóa độ, vốn cầu Phật quả đối xưa chưa khai quyền, cơ chưa chuyển cho nên nói "chưa quyết".

Tiếp, "Hỏi: Kinh Bát-nhã vì sao cách Phật xa?": Xưa nay cũng chấp nhận Bát-nhã năng sinh A-nậu Bồ-đề, vì sao cũng cùng các kinh đồng xa? "Đáp" ý: Đại chỉ đồng trước nhưng phân hai nghĩa: Trước căn cứ cộng Bồ-tát đồng nơi Nhị thừa, chưa khai quyền biên thì gọi là "cách Phật xa". Tiếp, "Xét Bát-nhã...": lần nữa lại thuận hỏi đáp, Bát-nhã chẳng cách Phật xa, năng sinh Phật pháp có gì xa? Do đầy đủ Quyền Thật hai tuệ, cho nên nêu thí dụ nói: "Như người bệnh...". Người bệnh: Bồ-tát mới phát tâm trong Cộng Bát-nhã. "Lưỡng kiện": Là hai tuệ. Do hai tuệ đây khiến đến Bồ-đề cho nên nói: "Khắp có thể đi xa".

Nói "tối thắng": Ý tại bất cộng, đồng nơi Pháp Hoa nên tạm nói "thắng". Cho nên nói Pháp Hoa khai quyền không khác Bát-nhã hiển

thật, nên khai quyền cùng hiển thật như trái, phải hai bên khác tên. Pháp Hoa trở lại khai quyền trong Bát-nhã, nhập Bát-nhã thật, cho nên nói không khác và dùng tên khác, do đó thông luận. Tức là bất cộng Bát-nhã cùng Pháp Hoa chủng trí tại sao khác? Căn cứ "Đối Bất đối, Khai vị (chưa) khai" biệt. Không thể không có đồng khác. Các sư toàn thuận nghĩa này, nên chỉ thẳng chép ra đây mà không luận phá. "Bồ-tát...": hợp thí. Văn đã căn cứ Pháp Hoa mà nói cho nên có thể y trước lấy làm hai giải thích. Trong giải thích "khai phương tiện môn" dùng giải thích trước, rộng dẫn liệu giản, đây là đại chỉ của Tích môn. Đại chỉ đây nếu nghiêng đổ thì lấy gì lưu thông? Trong đó trước nêu Quang Trạch, tiếp riêng phá, nói "chính là phá, chẳng phải khai". Do Quang Trạch nói "phế trừ giáo xưa"; không nói "chính là" nên, nghĩa khai không thành. Lại, do Quang Trạch nói "xưa biệt chỉ Lộc-uyển", cho nên biết hiểu rõ giải thích lời nói ấy không dễ dàng. Do một chữ trừ có tiện làm Tạng hay không? Gia Tường cũng nói: Khai nhị chủng là phương tiện, Thị (chỉ bày) nhị chủng là chân thật. Xưa không nói nhị chủng là phương tiện cho nên môn bế. Nay nói nhị chủng là phương tiện, cho nên phương tiện môn khai. Nay nghĩa khai khéo thành. Nhị bèn trái giáo, Kinh nói: Đức Phật dùng sức phương tiện chỉ bày dùng tam thừa giáo, đâu từng chỉ có hai? Nay văn còn có năm, bảy đều khai, đâu chỉ có ba ư? Nhưng đây chính là văn lúc chưa sửa đổi bèn khiến người sau hỗn tạp sử dụng. "Hà Tây nói: Thẳng gọi ba là phương tiện": Ý nói xưa cho là thật không hy vọng nhập thật, cho nên môn kia còn đóng. Nay cho là phương tiện có hy vọng tiến đến thật, cho nên môn kia gọi là khai.

Trở lại dẫn đầu phẩm Phương Tiện nói: "Phật dùng sức phương tiện chỉ bày dùng tam thừa giáo". Cho nên, Chương An thuận với giải thích này. Thế nên, người xưa lập nghĩa chọn dụng thật khó . "Có người...": Nói thập nhị bát vạn: Chỉ là mười hai bộ tám vạn tạng thôi! "Riêng cho rằng... chẳng phải nghĩa khai thị": Ấn sư theo Long Thọ, Long Thọ theo Viễn sư. Nghĩa này Ấn sư đã dùng giáo thân hai thứ phương tiện, cho nên biết phá người kia trộm nghĩa của hai sư Long, Ấn và đem phá nghĩa để giải thích khai môn, đâu có khác đối với nghĩa của Quang Trạch ư? Cho nên lược phá. Tuy dùng giáo thân lại tránh né hội nhập hai.

"Hỏi: Phương tiện đương thể...": Riêng giả thiết đây hỏi muốn nêu sau đáp, riêng trong Đáp: đầu tiên chánh nêu ra hai môn, tiếp "Hai môn này...": là giải thích hai môn, trong đó đều có hai nghĩa khai bế (mở, đóng). Nói "đương thể": Chưa có sở thông căn cứ thể ngoại mà nói. Lại do đương giáo có thể nhập, gọi là "môn". Nếu nói "làm thật

tướng môn” thì căn cứ năng thông đến thật tướng để nói. Dẫn “tính hạt cát, quán biển”: “tính hạt cát” như Thích Tiêm quyển bốn nói. “Quán biển”: Tức kinh Hoa Nghiêm tân dịch quyển sáu mươi bảy nói: “Có thành tên là Lâu-Các, trong đó có thuyền sư tên Bà-đà-la nhóm tập các thương nhân, vì họ thuyết pháp môn nhất thiết hải”. “Hai môn này đều có khai bế”: Năng thông đương thể, pháp thể không sai biệt. Theo nay và xưa mà nói, nên xưa bế (đóng) nay khai (mở), thật tướng cũng vậy. Trong đó trước nêu đương thể, tiếp nêu năng thông hai nghĩa đều đối chân thật để nói, vì thật tướng cũng có đương thể năng thông hai nghĩa. Trong đương thể tuy cũng gọi là môn, nhưng đối thật còn đóng nên cần phải nêu khai. Nhưng chỉ vì nói Ba là phương tiện, cho nên phải nói Một là chân thật, tương đối luận vậy. “Hai là...” tiếp giải thích năng thông, tức vì thật làm môn. Căn cứ bản ý Phật đều là năng thông, căn cứ cơ duyên chúng sinh thì có hai điều giải thích: Các độn Bồ-tát cũng có năng biết ba giáo năng thông, chỉ vì trước Pháp Hoa thì cơ chưa hợp, cho nên tại xưa đều “bế”, tại nay đều “khai”, cho nên cũng cùng thật đối biện. Lẽ nào năng thông phương tiện khai. Thật tướng còn đóng phương tiện vẫn đóng mà chân thật được khai?! Đây giải thích đồng với Hà Tây. Thật tướng cũng có hai: Trước chỉ có thẳng đối phương tiện, cho nên nay tùy luận, đồng với phương tiện, cho nên nói “cũng”.

1) “Hư thông”: Giải thích thật đương thể làm môn, không ngại gọi là “hư”, không bít lấp gọi là “thông”, cho nên được toàn thể thành tựu năng thông môn, bao hàm thọ lãnh tất cả không gì ngăn cách, được gọi là “môn”. Biến khắp tất cả mọi nơi đều là môn. Vậy thì căn cứ thật không thông mà thông, cho nên nói “bất nhị” và dùng pháp giới. Pháp giới tức môn, gọi là pháp giới môn, không đồng tính hạt cát đương thể môn.

2) “Năng thông phương tiện làm môn”: Khiến phương tiện đến thật, cho nên gọi là năng thông. Nếu chẳng phải lực thật tướng thì phương tiện không do đâu mà được khai, cho nên biết chỉ Nhất thật, lý từ hai được tên. Do hư thông cho nên khiến người khác qui về như tha thân thể trói, thì bao nhiêu nguyên nhân tội đều bỏ. Ý của “Lưu Cầu”: Câu đầu chính nêu chân thật vì phương tiện làm môn, câu tiếp nêu ba phương tiện vì chân thật làm môn. “Nói chẳng phải ba...”: là nêu hai môn xen nhau khai, cho nên Lưu Cầu đều cùng ý riêng giải thích xứng hợp, chỉ lời nói lược, ý chìm ẩn, tôn chỉ kinh khó hiển bày.

“Có người nói....” Người khác lập ba chương môn xen nhau làm phương tiện “xen nhau làm môn”. Nếu so với nhà chú giải thì lời kia rất

phiền, lý kia hỗn loạn. Tuy nhiên, nhiều nói ít thật không bằng giữ một. Trong đó trước là liệt nêu, tiếp, "Như dùng...": là giải thích. Đây là trong giải thích phẩm Phương Tiện, thêm ý tam chuyển của nhà giải thích năm thời bên trên; chỉ lại thêm xen lẫn làm môn là khác. Chỉ giải thích chương đầu, hai chương còn lại chỉ liệt nêu. Ý chương đầu: Quyền bị tình lấp, nay đã khai quyền cho nên nói "thông". Thật vốn chẳng có ba, vì vật nên nói ba, nên nói "khởi". "Cho đến...": hai thứ còn lại theo lệ. Trong đó trước làm lệ mẫu, tiếp "Chỉ không được...": là nói văn ý thông tắc. Nếu muốn trình bày nêu thứ hai theo lệ, như dùng ba, một môn làm môn phi ba phi một. Do đạt ba, một thông đến song phi, tức dùng ba, một làm song phi. Do song phi cho nên khởi ba, một. Cho nên phi ba, phi một làm môn ba, một. Thứ ba chuẩn theo lệ cũng có thể thấy.

Nói thông tắc: Nếu năng thông năng khởi thì có thể xen nhau luận môn, chỉ vì không không được dùng một làm quyền, lấy ba làm thật, dùng văn Thắng Man thì chẳng phải ý này. Hai chương dưới cũng vậy, chỉ được lại xen nhau làm môn. Tiếp, riêng trong phá thì chỉ phá chương đầu, hai chương còn lại cũng theo lệ ở trong chương đầu. Chỉ phá ba làm một môn, chưa phá một làm ba môn. Văn đầu có hai lớp, đầu phá nghĩa môn, tiếp dùng nghĩa "không phải nhân" để phá. Đầu nghĩa môn: Câu đầu quyết định trong đó chỉ là câu ba thông một, phá nghĩa môn kia chỉ vì không thông mà lấp, tức tùy tự nó chẳng phải môn. Cũng nên lại nói nếu kia thông thì xưa sao không thông mà để đến nay ư? Xưa không thông thì xưa không phải môn. "Nếu khai...": đến nay tức khai. Khai rồi thì chẳng phải ba, tại sao được dùng ba làm một là môn? Rõ ràng người khác không biết thể nội thể ngoại, cho nên cần phải phá. Căn cứ bản ý Phật vốn là thông một, cho nên khi chưa khai thì xưa nay là môn. Kia chưa nói khai, mà nói là môn, vì vậy cần phải phá. Cho nên biết ba làm một môn còn tự không thể, thì một làm ba môn tại sao đợi biệt phá? Nếu vậy thì vì sao kinh nói khai phương tiện môn ư ?

Đáp: Nếu từ ý này thì môn tuy chưa khai nhưng có nghĩa có thể khai, cũng được gọi là môn. Như vốn là cửa thì khi đóng, lẽ nào không phải cửa? Chỉ gọi bế môn, khai rồi không có ba, tại sao ngại từ xưa lấy ba làm môn. "Lại, Ba chẳng phải nhân Phật": là phá ý đồng trước. Nếu chưa khai, thì Biệt còn chẳng phải nhân. Nếu kia khai rồi thì tán tâm vẫn phải. Tiếp, theo lệ phá hai thứ còn lại, dựa theo cái thứ nhất nên biết. "Vân vân": là hoặc dựa theo phá chương đầu, nửa chương tiếp cho rằng thật là quyền môn và hai chương dưới. Phiền toái nghĩa mỏng không thể thuật đủ, người khác đã phá, bản thân dựa vào nay bèn có

thể lại lập hai câu, phá người khác đã hoại, lập nghĩa tự thành, đầy đủ như trước giải thích.

"Hỏi: Phương tiện...": Nay thiết lập hỏi đây là muốn khai đầu mối nghĩa của bốn câu kia, nên Sư nay nói văn trước tự có hai câu, thì lại được làm hai câu còn lại hay không? "Đây có...": là đáp: có đủ bốn câu, hai câu sau lý không có hướng khác, chỉ nương danh nghĩa trình bày giải thích tướng câu, trong đó trước chỉ hai câu trước, tiếp nêu hai câu sau.

"Như danh...": Tiếp dẫn theo lệ giải thích. Trước liệt kê danh, nghĩa. "Do phương tiện...": tức theo lệ giải thích. Nghĩa là ý chỉ dưới danh, cho nên được xen nhau làm môn. Trong đó, trước giải thích phương tiện, tiếp, "Thật tướng...": chỉ dùng theo lệ giải thích. Trước theo lệ, tiếp "Tựa của Trung luận...": là dẫn chứng. Thật danh thật nghĩa lại xen nhau làm môn. Thật là nghĩa, Trung là danh (tên), cho nên nương danh Trung để hiển nghĩa Trung, tức danh ấy làm nghĩa môn. Văn chỉ nêu một bên. Cũng lại nên nói: cũng do thật nghĩa năng ứng danh Trung, vì danh chẳng thật không thể lập. Cho nên, nêu thật để dẫn.

"Hỏi: Có được dùng tam hiển tam...?": Phương tiện chân thật chỉ là tam, nhất. Phương tiện chân thật đã làm bốn câu, thì tam, nhất cũng lệ theo có hai câu sau ư? "Đây cũng...": là đáp. Nói hai như trước là ba làm một môn như dùng tam hiển nhất; một làm ba môn như dùng nhất hiển tam. "Dùng tam hiển tam...": là giải thích hai câu sau, hai câu trước đã dùng tam, nhất, vọng nơi quyền thật danh nghĩa tương hiển. Nếu hai câu sau, thì trước tuy danh nghĩa tương đối nghĩa lập, nay không được dùng danh nghĩa để giải thích, chỉ dùng pháp thể tương đối giải thích. Trong đó có ba phần:

1) Đối giải thích.

2) "Tam, nhất đã không...": là chánh phân biệt kết.

3) "Do nhân duyên...": là tu tánh tương hiển.

Phần một lại có hai: Nêu và giải thích, đầu văn chỉ nêu một câu lược không nêu dùng Nhất hiển một câu. "Nói xưa...": là giải thích trong đó đầy đủ bao hàm hai câu lại có hai: Trước nêu phi. Tiếp "Phá bệnh này...": là chánh giải thích. Trước nêu phi: Nhờ khai hiển thuyết, phá xưa nay sai khác. Trong đó đầu nêu tướng phi, đây còn không được tam, nhất xen nhau thông, huống năng dùng tam thông tam dùng nhất hiển nhất. "Cho nên nhất...": là kết phi. Nói Nhất phi tam, nhất...: Do tam, nhất kia đã không tương tức, nếu không khai thì tương hiển không thành cho nên một không phải một của ba nhà; ba không phải ba của một nhà. Tiếp "Phá bệnh này...": y kinh này chánh giải thích. Trước dẫn

nhất Phật thừa phân biệt nói ba, chứng tức ba của một. Tiếp, dẫn: "Sở hành của các ông là Bồ-tát đạo", chứng tức một của ba, tức là một thiết lập ba, một của ba, chính là ba, một của khai tam hiển nhất. Câu trước hướng đến xưa cho nên nói "phân biệt thuyết tam", câu tiếp hiển nay cho nên nói là "Bồ-tát đạo". Xưa giáo chưa nói nên ba, một còn ngăn cách, không nói tương hiển là một; ba, một là ba, một. Do nay nói đã là ngoài một thì không có ba, đây ba là ba của một nhà, tức là do xưa ngoài một thì là ba hoàn toàn thành ba của một nhà cho nên nói "dùng tam hiển tam". Đã khai thành một, ba ngoài ra không có một, lại là một của ba nhà, tức là do xưa ngoài ba thì là một hoàn toàn thành tức một của ba, nên nói "dùng nhất hiển nhất". Cho nên biết do ba của thể ngoại, hiển tức một là ba; do ngoài ba là một cho nên hiển tức ba là một.

"Tam, nhất đã không...": là phán xét kết. "Muốn khai...": văn nhân duyên tam, nhất, cho nên trước phán xét. Nói "Tam - nhất đã không khác nhau": phán xét trước khai hiển toàn thuộc nhân duyên. Nói "nhân duyên": Chỉ là cảm ứng hóa nghi, cũng gọi là "tu đắc".

"Do nhân duyên...": là tu tánh hợp biện. Tự tánh: Tức là tánh đức, cho nên tánh đức ba, một. Tuy lại vốn có phi tu, phi tác mà chính do nhân duyên tức ba mà một. Năng hiển tánh đức tức một của ba. Lại, do tánh đức tức ba mà một; năng thành nhân duyên tức một của ba, cũng do nhân duyên tức ba của một, mới hiển tánh đức ba trong một. Lại do tánh đức ba trong một, năng thiết lập nhân duyên tức ba của một. Vậy thì, nhân duyên tức một của ba, hiển tự tánh tức một của ba gọi là "dùng nhất hiển nhất". Do nhân duyên tức một mà ba, hiển tự tánh tức một mà ba ; gọi là "dùng tam hiển tam". Dùng tánh hiển duyên, căn cứ nói có thể biết. Trong văn kết bên dươi thì ba một xen nhau nêu ra. Dùng xen lẫn để hiển không xen lẫn. Dùng tam hiển tam chỉ là dùng tam hiển nhất; dùng nhất hiển nhất chỉ là dùng nhất hiển tam. Tuy nhân giải thích ngại với tận căn nguyên nghĩa Diệu mà tìm được giáo môn một nhà. Nếu mê lầm ý đây thì luống phí tâm thần.

"Dẫn mười lăm chỗ để nêu rõ môn": Tuy liệt kê đầu số cũng lại không biết thế nào là phải khai. Thế nào là đã khai, môn tướng như thế nào? Như kia không phân biệt luống công nêu ra số có ích lợi gì? Căn cứ ý văn nay nói mười lăm chỗ, trong cửa chỉ là phương tiện đều cần phải khai đầy đủ như tùy văn giải thích, trong đó có trái giải thích nay cũng nên phá. Như dẫn "phẩm Phương Tiện, trí tuệ làm môn". Đây là đồng thể quyền trí, sao được nói là thật làm môn? Tiếp, "chủng chủng môn", đây là quyền môn mà chỉ nói Đại thừa giáo ư? Tiếp "Chỉ có một

cửa...": không chuyên ở giáo. "Cửa bị thiêu cháy, căn cứ giới hạn tam giới", thì đâu có thể chỉ nói từ giới hạn cõi này ra? Tiếp, "Xe tại ngoài cửa, nói tam giới": Phá cũng đồng trước. Tiểu giáo làm môn thì chưa phán xét thiêu... Đứng ở ngoài cửa phân làm hai giải thích: Nói chánh tập tận chỉ tại ý thông, cửa bên nếu lớn thì lẽ ra đã đắc đại, "Còn ở ngoài cửa, cũng như trước" là cùng hai giải thích trước đều không tương ưng. Trong cửa như trước: Ý cùng trước đứng ngoài cửa ý đồng. Trước ở ngoài hai cửa tử, nay không thể ở trong hai cửa tử. Mở cửa cam lồ nói Đại tiểu: Là văn nói mười phương Phạm thỉnh, hoặc đang như đây. Không biết nay Đại tiểu giáo ở chỗ nào ư! Nay văn ý: Vốn vì khai môn không vì số môn, vốn là giải môn không vì biết số. Hoặc như số mà chọn lược, chọn lược rồi khai số thì cũng đâu có lỗi.!

"Xưa nói nhất thiết thế gian...": Lại dẫn ý căn giải thích ý khai hiển, là khai các môn số của người xưa, giúp sinh đối với xưa còn chẳng phương tiện, đối nay hiển rồi đều là chân thật, huống lại tam thừa ngũ thừa...ư! Hoặc môn hoặc phi môn: Phi môn nghĩa là lý giáo Tiểu thừa sắc hương giúp sinh..., là môn tức Biệt giáo nhị quán làm phương tiện. Từ đầu nói cho nên có môn phi môn, đối nay tất cả đều là cách thông. Khuyên tu: Trú nơi ba pháp vẫn khuyên tâm không biếng nhác song sau mới nói, cho nên biết đây là hai vị đầu trong Quán hạnh vị vậy. Thế nên, khuyên hoằng Viên kinh để lợi người khác, công hóa độ trở về mình, đến Tương tợ vị, tùy ý vận dụng Diệu âm đầy khắp tam thiên, thì không phải đợi khuyên. Ở trong đó ba pháp tương vọng danh đều đủ ba: Đầu, nêu từ bi. Tiếp, "Nếu căn cứ...": nêu trong một đầy đủ ba: "Tu Như Lai...": nêu nhu hòa. Tiếp "Nếu cứ...": nêu trong một đầy đủ ba. "Nếu có thể ngồi...": là không nêu mà thẳng nêu rõ ba trong Bát-nhã, tuy lại mỗi đầy đủ mà chỉ là một, ba. Ba còn chẳng phải ba, đâu thể tách lìa làm chín! Vậy thì Bồ-tát thường quán Niết-bàn nên khuyên người hoằng kinh mà thường quán đó. Mong người hoằng kinh quán mà hoằng đó. Nếu không quán tâm năng hoằng thì đâu hiểu lý sở hoằng, cho nên đức Phật dạy vào nhà ta mặc áo ta, ngồi tòa ta. Nếu không có ba pháp thì sao gọi là hoằng kinh? "An Lạc Hạnh...": là dẫn phẩm dưới văn đồng. Có lợi ích thế nên khuyên người hoằng kinh y theo phương pháp. "Văn trên...": là dẫn văn trên giải thích thành. "Năm việc": Như trước trong lợi ích liệt kê năm việc: Thứ nhất sai người hóa v.v...

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 8

PHẦN HẠ
(Tiếp Theo)

GIẢI THÍCH PHẨM HIỆN BẢO THÁP

Trong đây bốn lần nói "Kiến Bảo Tháp". Văn dưới nói bốn phen tức tứ Tất-đàn. Trong nghĩa Thế giới đầu tiên, tên phiên dịch nghĩa có không ba đời không đồng. Thấy ắt phải hoan hỷ cho nên là Thế giới. Nói "Kinh dạy Phật có ba thứ thân": là nói theo Phổ Hiền Quán kinh. Đã kết kinh này cho nên có thể chứng đồng. Đương Phật cũng như vậy: Vị lai có chỗ thuyết kinh Pháp Hoa thì tháp đây trở lại hiện, đức Phật kia cũng ngồi. Bản luận cũng nói kinh này làm ba thân Bồ-đề. Kinh này đã nói Sư đệ nhân quả, cho nên cổ Phật chứng, tập họp phân thân Phật. Kinh Hoa Nghiêm kia thêm bốn Bồ-tát, nói Bồ-tát nhân quả, năng thêm chỉ là tích Phật chủ bạn, cho nên không mượn nhóm tập Phật, chỉ nói mười phương xen lẫn làm chủ bạn, vẫn không nói bạn là phân thân Phật chỉ nói quyến thuộc mà thôi. Trong văn các phẩm đều nói nhóm tập các Bồ-tát. Nhà chú giải nói: Đạo chẳng tồn vong, xưa nay cùng một lý lẽ. Vậy thì đất nứt tháp vọt hiện để tiêu biểu Song lâm bất diệt, lại kéo dài tiếp ảnh hưởng vi diệu thân một trượng sáu không phải sinh cho nên nói Phẩm Kiến Bảo Tháp. Nay cho là tháp của Phật xưa, Phật nay ngồi là tiêu biểu xưa nay thật đạo bất sinh, chưa hẳn dự báo song lâm bất diệt. Nhất vãng quán đó, nghĩa là nay Phật hiện tại vào tháp của Phật xưa đã diệt độ, là tiêu biểu diệt mà bất diệt. Nay cho là không như vậy. Tháp Phật xưa hiện ra là chỉ bày diệt mà bất diệt, đức Thích-ca vào tháp là chỉ bày sinh mà bất sinh. Bất sinh bất diệt cho nên đều ngồi để tiêu biểu.

Nhóm tập phân thân mời gọi bản quyến thuộc, chính hiển bày Xá-na chẳng thành, lẽ nào chỉ có thân trượng sáu thị hiện diệt? Người khác

hỏi: Đại chúng thấy tháp vì căn hay thức hay tháp khiến thấy? Rộng căn cứ Thí loại để phá nghĩa tự tha, người này sâu xa không hiểu đại chỉ của kinh sau ba chu dù có phàm phu đều khác biệt phàm thấy, nhưng trong đó luận quán pháp gia-bị hạng độn căn đời mạt pháp. Phật hiện đời chúng đương cơ đâu nhọc thiết lập đây! Hiểu rõ kinh quán hạnh lý hợp như vậy. Phàm các nhà giải thích kinh nếu không có cái nhìn thông suốt thì khiến người hậu học sau không tập quen lề lối tông môn. Nay chính là làm chứng kinh, phụ thêm luận sở biểu.

Có người hỏi: Mời gọi cổ Phật nhóm tập phân thân, thân vì sao nhiều, tháp vì sao chỉ một? Nay vì đáp chứng minh kinh nghĩa đủ, cho nên Bảo tháp không nhiều mà hợp nguyện của Phật Đa Bảo, cho nên phân thân không phải một. Nếu như để chứng kinh cần phải nhóm tập nhiều tháp, thì tháp lẽ nào không thể nhiều? Đã năng ứng hiện mười phương tin biết thì tháp cũng chẳng phải một, cho nên phân thân là hóa tháp cũng thích hợp quyền.

Nay từ sở biểu, một thân Đức Phật nay mà nhóm tập nhiều thân, là ngầm biểu tích dụng thì chẳng phải một. Cổ Phật nhiều, tháp chỉ thị hiện một tháp, là hiển biểu thật lý không hai, huống chi từ đất tại hư không và các thứ trang sức đều chẳng uổng vậy. Hiển rõ việc đây: ba đời chư Phật chuyển pháp luân... đều đến Pháp Hoa nói việc xuất thế, cho nên nay kinh văn thêm “Tứ chi trưng”. Dẫn “kinh Anh lạc...”: là Vị nhân, dùng để so sánh phước làm sinh thiện. “Thiện Cát hỏi...”: Phẩm cúng dường xá-lợi thứ chín nói: Đức Phật nhân Thiện Cát hỏi: “Cúng dường xá-lợi toàn thân và toái thân của Sinh thân và Pháp thân, đồng hay khác?” Đức Phật rộng so sánh, nói: “Như xây tháp cúng dường xá-lợi của một đức Phật đầy khắp một tứ thiên hạ, không bằng cúng dường sinh thân, do sắc thân có xá-lợi. Lại xây tháp đầy khắp đại thiên để cúng dường sắc thân, thì không bằng cúng dường pháp thân, do pháp thân có sắc thân”. Nên biết thấy sắc không bằng nghe kinh, do vì nghe kinh có pháp thân. Cho nên kinh thiên, viên tức pháp thân toàn thân và toái thân, công đức không bằng nhau. “Đảnh vương...”. Từng xét nghiệm Đại thừa Đảnh Vương kinh và Phương-đẳng Đảnh Vương kinh đều một quyển, đều chưa thấy có nghĩa này.

Ý vấn nạn: Giáo cùng xá-lợi thời đồng, lợi ích đồng thì tại sao được không bằng nhau? Đáp: Xá-lợi thời đồng cũng là lực sinh thân. “Bắc địa sư...”: Phá lầm chê sai, nghĩa đương phá ác tức đối trị.

Nói “Thuyết kinh xong”: Ý nói chánh kinh đã xong. “Địa sư...”: tiêu biểu thân bất nhị, do xứng lý cho nên thuộc Đệ nhất nghĩa. “Thích

luận...”: chứng minh Địa sư sai. Sư nói là Nam Nhạc vậy. Tuy nói ba thân mà ý đem Pháp Báo thân để bài xích Địa sư. “Không đến”: Là không hợp phương Đông đến. “Không xuất”: Không ứng dõng xuất. “Nguy nguy”: Không ứng trong tháp. “Ứng thân”: Không ứng chỉ có như thế. Nếu tức là những thứ này, thì theo như Nam Nhạc thuật ba thân thắng tướng. Nếu đó thẳng nói Đa Bảo là pháp Phật, thì chắc chắn không thể. Còn chẳng phải ứng thân, lẽ nào đủ ba thân? Cho nên, biết Đa Bảo là pháp thân thì chưa cùng tận ý chỉ kinh. “Chỉ là biểu thị...”: chỉ dùng các việc của đức Thích-ca để tiêu biểu lý đáng. Vì thế, biết không phải thẳng đến chứng minh mà chính là tiêu biểu kinh thường. Cho nên Đa Bảo tiêu biểu pháp và đủ ba thân. Đa Bảo đã diệt từ lâu, nay xuất hiện chứng minh kinh, là nghĩa “sinh bất sinh”. Khi xưa diệt độ, nay còn hiện toàn thân, tức nghĩa “diệt phi diệt”. Đã không phải sinh diệt thì thường trú không đời đổi, có thể tiêu biểu Pháp thân. Đức Thích-ca nhập tháp hai thân tướng xứng, như trí xứng cảnh cho nên có thể tiêu biểu Báo. Phân thân tiêu biểu Ứng thân, văn lý tự thành. Như cảnh trí tương minh cho nên năng khởi ứng. “Tam Phật” đến “mà không một không khác”: năng biểu trong ba thân đều có ba cho nên “không một”, sở biểu trong ba đều là một cho nên “không khác”. Lại, ba thân trong năng biểu khác nhau nên “không một”, pháp thể đồng cho nên “không khác”. Lại, trong sở biểu cũng do thể đồng cho nên “không khác”, do thân khác biệt nên “không một”. Lại hóa đạo biệt cho nên “không một”, chung thành tựu đây cho nên “không khác”. Tóm lại, tức ba mà một cho nên “không khác”, tức một mà ba cho nên “không một”.

Trong cụm từ “Kiến bảo tháp vân vân” thì “vân vân” là: Ở bốn văn trước nêu bày bốn tướng để hiểu rõ bốn văn, lược như trước giải thích, bốn đều thuộc Viên. Từ “Tháp hiện ra có hai việc...”: Theo thứ tự: căn cứ giáo bản tích: Đầu, song nêu hai nghĩa; tiếp, giải thích xuất hai ý. Trong giải thích lại có bốn: 1) Chánh giải thích. 2) “Nếu tháp từ đất...”: là biện rõ đồng khác. 3) “Nếu tháp đến...”: là phân biệt hiển mật. 4) “Nay chọn...”: là giải thích ngăn ngại.

Văn đầu lại có hai: Đầu, nêu tháp xuất hiện là chứng minh trước, khởi sau. Tiếp, nêu tại hư không để tiêu biểu hai ý. Cho nên, hai văn đều dùng chứng trước là đương căn cứ giáo, sau khởi sẽ là bản tích. Đầu tiên, chứng minh trước, trong đó có hai: Trước xét theo chân thật. Tiếp, căn cứ “đại tuệ”. Do hai thứ đây là Đa Bảo chứng minh nói. Văn đầu có ba phần:

1) Chỉ ba chu đều viên thật.

2) Biện rộng lược.

3) Chỉ bày lưu thông.

Phần một như văn. Văn tiếp: Trước lược sau rộng. Lược: Đã lần nữa lại thuật chứng chỉ có thể theo lược, cho nên chỉ nói chân thật. Huống chi ở trung đạo và rộng đều căn cứ sở phi. Sở phi ắt nhiều, năng phi chẳng phải một. Cho nên trong ba chu tuy hoặc Tứ nhất hoặc mười hoặc nhiều, không ngoài thật tướng. Tiếp ở trung đạo trong đó, nói "Bát bất", đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển 6 dẫn văn Trung Luận. Trung Luận hiển lý cho nên dùng Bát bất để tán thán Phật. Tháp chứng Kinh trung đạo cũng là Bát bất tán thán thật. Cho nên việc tháp xuất hiện lại tiêu biểu Bát bất. Do nghĩa đồng cho nên nói tháp từ dưới đất vọt hiện. "Lại chứng...": là chỉ bày chứng lưu thông cũng là chân thật.

Hỏi: Vì sao không chứng tựa?

Đáp: Hai đoạn đã thật thì tựa kia lẽ nào dối?! Nếu vậy thì sao không đợi đến cuối phẩm An Lạc Hạnh mới vọt hiện ư? Đáp: Do trong Pháp Sư nêu đủ phương pháp người và pháp, các nhân quả Thầy trò của hiện tại, vị lai và dùng xứ sở Thiên, Long làm hộ trì, hóa nhân tập hợp nghe kinh, đủ biện minh việc hoằng kinh nên Đa Bảo xuất hiện chứng minh. Chứng rồi sai tìm người hoằng thông nên dẫn phẩm Đạt Đa đến để chứng minh lợi ích của đức Phật nay, mà khuyên lưu thông, đề cao người trong phẩm Trì để chứng minh người hoằng kinh mà khuyên lưu thông. Tuy vậy chưa có pháp bắt đầu thực hạnh hoằng thông, cho nên lại nêu An Lạc Hạnh. Nên An Lạc Hạnh chưa liên quan đến phẩm Dũng Xuất. Tiếp căn cứ "Đại tuệ", "Chân thật": thông tuy tứ - nhất, biệt tại sở hiển, cho nên trước tán thán Đại tuệ, tiếp tán thán pháp sở thuyết sở hiển.

Đại tuệ chỉ là chủng trí trước đã giải thích đầy đủ, nay chỉ lại cùng Bất cộng Bát-nhã biện rõ đồng khác thôi! Trong đó:

1) Hỏi

2) "Thích luận...": là đáp.

3) "Như nhất...": là thí dụ. Bát-nhã kia và Đại tuệ đây đều năng nhập. Nói diệu pháp nhất phần thông trí.

4) "Phải biết...": là kết hai văn ý đồng.

Tiếp, "Khởi sau nêu bản": Đối tích nêu bản, có thể gọi là Bản tích. Trong đó có hai: Nêu nguyên do khởi các việc sau, do tháp xuất hiện nên thỉnh mở, do tháp mở nên thấy Phật, do thấy Phật nên thỉnh gia-bị, do được gia-bị nên ở tại hư không, do tại trên không nên bảo chúng đến, do bảo chúng nên âm thanh thông suốt, do âm thanh thông

suốt nên chúng đến, do chúng đến nên sinh nghi, do sinh nghi nên vì nói. “Tỏ rõ sự phó chúc mầu nhiệm...”: lược nêu đề kinh huyền diệu tóm thâu một bộ, do nên nói “Đức Phật muốn dùng diệu pháp đây...”.

Nói “Tháp lâu xa...”: là nêu năng khởi sở biểu, tiêu biểu Bản địa lợi ích ba đời. Từ lâu đã diệt nay xuất cho nên nói “thần thông”. Hiện được lơi ích tại thuyết cho nên nói “âm thanh”, thệ nguyện không ngừng cho nên nói “tận vị lai”, dùng đây để khởi các việc kia cho nên nói “khai”.

Hỏi: Trong kinh chỉ nói “Đại tuệ chân thật”, có xứ nói “chứng minh nghe nói cho nên xuất”, đâu có nói “chứng trước và khởi sau” ư!

Đáp: Văn thì không nhưng lý thì có, từ trong đây xuất tìm tán thán chân thật, cho nên biết là “chứng trước”, như nêu rõ nguyên do khởi các việc tức là “khởi sau”.

Tiếp, tại hư không cũng đầu tiên căn cứ giáo, “Thất phương tiện” người thấy lý viên. Tiếp, “Tu đắc...” là bản tích, cũng trước trình bày tích. Tiếp, “Nếu phát...”: là nêu bản. Trong phần giải thích theo Quán tâm đã nói y kinh tu quán. Phải biết mỗi kinh đều có thể tu tập, vì sao chương sớ đều không liên quan nói? Cho nên, tông đây theo hành giải không bỏ, hiểu rõ văn, lý quán hai nghĩa không thiếu. Người mong nhớ Đạo, tôn kính còn thế huống chi mỗi lần thấy tôn chỉ đây thì hận mình chưa thấm tỏ, loanh quanh tư duy cung kính đảnh lễ kinh trọn đời. Trong đó có ba:

1) Nêu ba thân đều có năng biểu và dùng sở biểu. Đầu tiên nêu lấy quán làm nhân đắc pháp thân quả, khi đắc pháp thân không riêng chỉ pháp thân nên nói cảnh trí ắt hội nhập. “Như tháp...”: là năng biểu. “Cảnh trí...”: là báo thân. “Như Thích-ca...”: là năng biểu, “do đại báo...”: là ứng thân. “Như phân thân...”: là năng biểu.

2) “Do Đa Bảo...”: là tổng nêu tiêu biểu. Phải biết căn cứ quán trì kinh mới đủ ba thân.

3) “Kinh Phổ Hiền Quán...”: là dẫn chứng, đắc ba thứ thân đều là Phương-đẳng Đại thừa giáo.

Tiếp “Có người...”: là nêu xưa phân văn. Phẩm này trở xuống nên nói mười sáu phẩm. Trước, từ “Di-lặc hỏi” trở đi chỉ có mười phẩm. Đây là ý của Lô Sơn Long Thọ. Nói “rất sớm vân vân”: lẽ ra trình bày văn trên dưới cùng phân tề để chứng minh, thì Sư đây phân văn rất sớm. Như phá ý “Tư thổn” làm mẫu của Quang Trạch bên trên. Đây tạm căn cứ danh bản tích để phá. Nhưng căn cứ ý Sư đây nói “căn cứ thân”, dùng Đa Bảo làm bản Thích-ca làm tích. Trước căn cứ nói: Đức Thích-

ca tự nói ba chu khai quyền và để lưu thông, nay sở dĩ từ danh phá, là do Sư đây không biết kinh này hiển xa, các kinh khác không có, mới mong một đời và trước tích môn mới thọ danh bản; tại sao cần ở đây tức nói bản tích? Nếu ý dự định mật báo thì có thể đúng. Đối đây phân văn, cho nên trở thành "rất sớm".

"Bảy báu làm tháp": Tức Thất giác và Thất Thánh tài. Thất thánh tài nghĩa là văn (nghe), tín, giới, định, tiến, xả, tàm. Tùy giáo vị kia mà nêu bảy thứ sâu cạn. Đã là bảy báu của tháp Phật lại chứng minh thật kinh tức đều dùng vô tác Thất giác, Thất tài. Trong vô tác còn cần tánh đức, huống gì tu đắc. Thất giác, Thánh tài đều tu đắc. Tuy phân báu sai biệt, mà bảy báu tức tháp năng sở không sai biệt. Nhưng tháp là sở y, nghiêm là năng y.

"Cao năm trăm do tuần...": Đã là tháp sở biểu cần đều viên giải thích. Dọc tức trong nhân vọng quả, vạn hạnh một hạnh tất cả hạnh. Báo đáp trong nhân quả vạn đức một đức tất cả tức, từ đầu đến cuối gọi đó là "dọc". Đương vị đầy đủ gọi đó là "ngang". Phàm tất cả hạnh trải duyên đối cảnh để duyên độ..., đều trang nghiêm từ nhân đến quả, hoặc ngang hoặc dọc đều cần phải hữu thể, mới có thể gọi là "vạn thiện trang nghiêm". "Địa": Là dừng trụ đệ nhất nghĩa không, nhưng thể vô minh tức đệ nhất nghĩa không, nên vô minh vô sở phá, cũng vô sở trụ. Cho nên đệ nhất nghĩa không tức vô năng trụ, vô năng trụ nên địa đã không phá mà phá, Không cũng không trụ mà trụ. "Các món...": Định tuệ không có nhiều đối với tối tăm, tán loạn mà nói. Lại định tuệ khắp nhiếp nên cũng nói là nhiều, đầy đủ như trong Chỉ Quán phần Nhiếp pháp nói. "Nhà Vô lượng từ bi": dùng khám làm nhà, cho nên nói "khám thất". Lập lại nói "cũng là": lập lại giải thích thất (nhà), thất cũng gọi là "xá". "Tràng" là giống như phan, như trong phần Đại Trưởng giả nói. "Chuỗi ngọc báu rủ xuống...": Từ nhân đến quả, quả đức đều nhờ vạn hạnh trong nhân do trang nghiêm cho nên tức năng hạ hóa. Như nghiêm sức rủ xuống. "Bốn mặt...": Tức vô tác tứ đế. Do "gió đạo tứ đế" tứ phương thổi hương thơm bốn mặt bốn đức, đầy mà lại khắp, tức là lý bốn đức thiên nhiên, nhờ tu đức để che phủ xa. "Bình đẳng có hai: Pháp bình đẳng": Đại tuệ sở quán lý. "Đồng đắc": Đều dùng nhân lý để đến quả. Nếu lý sở quán cùng chúng sinh sai khác thì không gọi là Đại tuệ. "Như thế! Như thế: 1) Như pháp tướng": Tán thán Phật sở thuyết xứng thật. "2) Như căn tánh": Đến thời thứ năm không sai cơ.

Trong "Trước, đáp câu hỏi thứ hai": Hỏi đầu tiên nói đất vọt lên, đây nói Đông phương là đâu?

Đáp: Đông thuật bản duyên, dũng (vọt) trình bày nguyện xưa.

Nếu sở biểu, thì: Mới bắt đầu tiêu biểu “khai”, địa dũng (đất vọt hiện) là tiêu biểu “hiển”.

“Bảo các Tỳ-kheo...”: Nghiệm đủ bốn chúng đều thuyết pháp. “Nên biết là Đa Bảo”: Hỏi: Mười phương thế giới lẽ nào không có một đức Phật không được khai hiển? Không khai hiển: thì đều nên phát nguyện đâu riêng Đa Bảo? Nếu không phát nguyện thì Phật đạo không đồng. Nếu phát nguyện thì đều hợp nghe kinh. Lại chư Phật giáo hóa đều biết trước căn cơ, lẽ nào thành Phật xong mà không được khai hiển, mới bắt đầu phát nguyện?

Đáp: Đồng cùng không đồng, khai cùng không khai, có nguyện không nguyện đều là tùy duyên. Nếu thích nghi có nguyện thì thảy đều đến hết, tại sao lo không nhóm tập? Sau mới phát nguyện cũng là xét vật.

“Ba lần biến thành Tịnh độ do Bối xả...”: Hỏi: Phật có sức Lăng-nghiêm Tam-muội, vì sao vẫn dùng Tiểu thừa sự thiền ư? Lại biểu hiện phá tam hoặc, lại không phải sở trị ư?

Đáp: Là định Thánh hạnh dẫn dắt nhân thành quả, quả địa sự dụng không sai ở lý, tức trong Lăng-nghiêm đầy đủ các Tam-muội. Chẳng phải lúc xưa nhân thấy thiền pháp giới, lẽ nào Bối xả... biến quá tam thiên? Nhưng hóa Phật sự nên phụ thêm tiểu danh. Cho nên trong Đại luận cũng là chuẩn theo tiểu. Vì thế, muốn được tự tại thì tu Thắng xứ, muốn đắc rộng khắp thì tu Nhất thiết xứ. Nếu chỉ tiểu dụng thì chỉ có tam thiên.

“Lại, đầu tiên một biến...”: là tiêu biểu phá tam hoặc. Vì rằng trong Lăng-nghiêm tức sự của Lý, không ngăn ngại mỗi mỗi đều phá tam hoặc, huống chi nay Tam-muội thẳng luận công dụng. Phá hoặc chính là sở biểu mà thôi; tiêu biểu trước phá rồi tiêu biểu sau lại phá. “Như ý trong Tăng dữ dục”: không hẳn hoàn toàn đồng pháp sự trong Tăng, cho nên nói “như”. Đa Bảo nguyện lực cần chư Phật tập hợp, lại khiến cho thời hội biết phân thân nhiều, cho nên chư Phật đây vì mở tháp nên vân tập. Vân tập lại không đến chỉ sai thị giả truyền lời hỏi han... tướng trạng “như dữ dục”, cho nên các thị giả chỉ trình bày hỏi thăm, không có lời thuyết dục. “Kinh Đại Tập nói: Bao nhiêu Phật dữ dục”: ở hai cõi Dục, Sắc dừng lại giữa hư không lớn, rộng vân tập mười phương hết thảy chư Phật. Quyển hai mươi mốt nói: Phương Nam có Đức Phật tên là Kim Tạng, các Bồ-tát ở cõi kia thấy hào quang rồi hỏi đức Phật kia, đức Phật kia đáp: Thế giới phương Bắc có đức Phật tên là Thích-ca Mâu-ni muốn vì đại chúng nói pháp phá đại kiêu mạn,

liền sai sứ tuân theo ta sách dục, ta nay dữ dục. Các phương khác cũng lại như vậy, đều khiến một vị đại Bồ-tát cùng mười hằng sa chư Bồ-tát đồng đến cõi ấy dùng kệ tán thán, cũng không có lời thuyết dục khác nhau. Kinh Đại Phẩm cũng nói Ngàn đức Phật đồng thuyết. Nay đã khai quyền, tiếp muốn hiển viễn, khiến chư Phật đạo đồng, cho nên khiến chư Phật dữ dục.

Có người hỏi: Chúng đều ở tại hư không, phân thân vì sao còn ở tại mặt đất ư? Nay đáp: Thời chúng đã nghe tích môn khai quyền, bắt đầu nhập cõi Tịch Quang, cho nên dùng "ở tại hư không" để tiêu biểu, Phân thân chỉ bày tích đều có ở cõi sở hóa, cho nên ở tại mặt đất để tiêu biểu. Lại nữa đức Thích-ca không lâu đã hiển bản cũng trước ở hư không để tiêu biểu, đều có kia đến không cần nghi.

"Bấy giờ đức Thích-ca...": cũng căn cứ sở biểu vì khai quyền. Đa Bảo vốn làm chứng kinh cho nên đến, nên khiến chúng thấy. Phật thân tiêu biểu thật, tháp mở tiêu biểu quyền, cho nên mở tháp tiêu biểu khai quyền, thấy Phật tiêu biểu hiển thật. Có người đối với điều này lập Bản Tích thì không đúng, vì văn nói về bản tích ở dưới.

Hỏi: Phàm nói bản tích thì bản nên thắng tích, vọng dưới bản môn thì Thích-ca hiển bản, Xá-na còn tích, vì sao tích hơn mà bản kém ư?

Đáp: Nghĩa đây không như vậy, Xá-na là tích trong tích, khi tự vọng bản, Xá-na là bản, Thích-ca khai rồi vọng tích thành diệu, Xá-na tích diệu, tích diệu còn thô, đầy đủ như trong Huyền Văn bản môn thập diệu nói.

Kinh nói "Thấy hai vị... ngồi kết già": Pháp Hoa luận nói: Vì hiển ba thân làm thành đại sự. "Tám vạn hai vạn": tám vạn tại đầu phẩm Pháp Sư, hai vạn tại đầu phẩm Trì. Phần thứ hai trong kệ có tám hàng rưỡi tụng phân thân Phật vân tập, văn trên có bảy. Nay tụng rất lược vẫn không có thứ lớp. Ba hàng đầu tụng ý thứ hai nên vân tập, nghĩa bao gồm Đại Nhạo Thuyết muốn thấy và vì thỉnh vân tập. Tiếp, một hàng tụng cõi tịnh. Tiếp, bốn hàng rưỡi tụng chư Phật đồng đến, nêu khó trì trong đó kinh nói tám vạn bốn ngàn đều không bằng, gọi tám vạn không hẳn hoàn toàn lớn, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một dẫn Câu-xá, các Kinh Báo Ân..., cho đến mười hai bộ cũng thông Đại tiểu, đầy đủ như Huyền Văn nói pháp Diệu. Chỉ khiến cho người khác đắc tiểu lục thần thông cũng chưa gọi là khó. Hoặc đứng nơi hữu đảnh, đây căn cứ người không đắc thông làm ví dụ so sánh. Cho nên biết Viên kinh tạm đọc tạm nói, thật là không dễ. Nếu có người năng trì thì trì Phật thân, tức là thể, tông, dụng ba thứ; y, tòa, thất ba thứ tức ba thân đó vậy.

GIẢI THÍCH PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Trong chú giải bốn giải thích chỉ không có Quán tâm. Đầu tiên, trong giải thích theo Nhân duyên chỉ thông nói cảm ứng, cho nên nói "sinh thời...":

Hỏi: Người ác xuất thế, sao gọi là cảm ứng?

Đáp: Khiến vô lượng người không dám tạo ác. "Thiên nhiệt": Là theo sự mà nói đó thôi!

Hỏi: Vì sao không có nói tứ Tất-đàn?

Đáp: Nghĩa lập chẳng phải không có. Người thấy thích bản thân mình không làm tức Thế giới Tất-đàn, không tác thiện sinh tức Vị nhân, không tạo ác biên tức Đối trị, không chướng quả sự tức Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

"Nhân hạnh...": là căn cứ giáo. Lý thuận tức Viên giáo, sự nghịch tức tam giáo. Chỉ có Viên giáo ý nghịch tức là thuận, tự ba giáo còn lại nghịch thuận định. Trong Bản tích nói "đồng bệnh với chúng sinh"; Đại kinh nói Đề-đạt-đa chắc không phá Tăng. Kinh Báo Ân nói: Nếu có người nói Đề-bà-đạt-đa thật là người ác đọa ngục A tỳ, thì không có việc đó. Kinh Đại Vân nói: Đề-bà-đạt-đa bất khả tư nghì, chỗ tu hành nghiệp đồng với Như Lai. Các chương cũ, mới đều nói La-thập dịch vốn không có phẩm này, đều căn cứ Tề Tống lục nói: Chùa Thượng Định Lâm Thích Pháp Hiến ở nước Vu-điền nhận được bản Phạn văn. Chùa Ngõa Cung, Sa-môn Thích Pháp Ý đời Tề niên hiệu Vĩnh Minh tháng 12 năm thứ 8 dịch xong, vẫn tự riêng làm. Đến đầu đời Lương, có Mãn Pháp sư giảng kinh một trăm biến thiêu thân tại chùa, đem phẩm này đặt trước phẩm Trì, cũng chưa lưu hành thiên hạ. Đến cuối đời Lương, ở nước Tây Trúc có Sa-môn Câu-la-na-đà, đây gọi là Chân Đế dịch lại phẩm này, để sau phẩm Hiện Bảo Tháp. Nay cho rằng nếu căn cứ Chánh Pháp Hoa, thời Tây Tấn dịch đã có phẩm này thì bản gốc Phạn văn chẳng thể không có. Nếu quan sát phần dịch thì hoàn toàn tợ như thể văn của ngài Thập Công. Nếu cân nhắc theo ba nghĩa của Gia Tường:

1) Tương truyền ra nước ngoài, từ Lưu Sa về sau phần nhiều không có phẩm này, sợ Ngài Thập Công chưa thấy. Nay cho rằng Thập Công đích thân đến Ngũ Thiên trúc, đâu riêng gì vùng Lưu Sa.

2) Tháp Công dịch kinh phần nhiều ưa tóm lược, như lưu Trí Độ, Bách luận. Đây cũng không đúng, vì Tây phương ưa rộng, chỉ lược phần lập lại, đâu có thể hoàn toàn bỏ chánh văn một phẩm.

3) Nói rằng Bảo Tháp bảo người, thì phẩm Trì nên là bảo, dùng phẩm Đề-bà xen giữa thì hoàn toàn thành thừa kinh, tại sao đem để đây? Văn nay không thể nói Chân Đế dịch lại. Lại nói riêng ngài Nam Nhạc sắp xếp, nếu chắc Chân Đế lại dịch không hư dối, thì đâu ngăn ngại bản dịch Giang-đông chưa có? Lấy đây mà nghiệm, bèn trở thành ba người đều khế hợp kinh lý; tức đối với ba nghĩa của Gia Tường, thì hoàn toàn không thể nương tựa.

Thiệp Pháp sư nói: Không hợp để đây, thọ ký Điều-đạt nên để trong phẩm Thọ Học Vô Học ký, sau Trí Tích về sau nên để trong phẩm Thần Lực. Nay cho là nếu vậy thì Vu-điền lẽ ra đem cả hai bản kinh đến, Pháp ý bèn trở thành có lỗi bổ sung. Nếu vậy thì sao không thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa trong phẩm Thọ Học Vô Học ký? Vô Học đem nhập vào trong một ngàn hai trăm, Học nhân tự làm một phẩm, huống chi là Đề-bà-đạt-đa không thể nói đắc quả ư! Mà bỗng đặt trong Học, Vô học thì hai còn hai mất: Văn nói: Kinh này trải qua năm năm dịch, Đông An Pháp sư nói trải qua bảy năm ba tháng mười sáu ngày dịch xong. Ngài Tuệ Viễn dịch tựa kinh đồng nói dịch xong vào tháng 2 năm Hoằng Thủy thứ mười; việc không đồng chưa thể truy tìm. Ngài Trúc Pháp Hộ dịch xong vào ngày 11 tháng 8 niên hiệu Thái Khang, làm thành mười một quyển, gọi là Chánh Pháp Hoa, cũng nói tám quyển, cũng rút ra trong Nhiếp Đạo chân Lục, hai bản này vẫn còn.

Tiếp, có Sa-môn Chi Đạo Căn thuộc đời Tấn niên hiệu Hàm Khang dịch làm năm quyển gọi là Phương-đẳng Pháp Hoa. Có Sa-môn ngoại quốc tên Chi Cương Lương tiếp đời Ngụy niên hiệu Cam Lộ tháng 7 ở Giao châu dịch, Sa-môn kia tên Thích Đạo Phu viết chép chia làm sáu quyển tên Pháp Hoa Tam-muội, rút ra trong Diệu Lục Ngụy Lục. Vũ Khưu Đạo lượng nói có năm bản, gồm bốn bản như trước và thêm một bản Tát-vân Phân-đà-lợi, đã có ở đời bèn thành ba bản còn giữ. Ngài Duệ Công mở ra Cửu triệt. Ngài La-thập vừa dịch xong thì Duệ Công liền đem giảng, khai làm Cửu triệt, người bấy giờ gọi tên ngài là Cửu Triệt Pháp sư: Hôn Thánh tương khấu triệt tức phẩm Tựa, tiếp có bảy triệt tức là phần Chánh tông:

l) Là Thiệp giáo qui chân triệt vì hàng thượng căn tức phẩm Phương Tiện.

2) Hưng loại tiềm chương triệt vì hàng trung căn tức phẩm Thí Dụ.

3) Thuật cùng thông tích triệt, trung căn lãnh giải, là phẩm Tín Giải.

4) Chương nhân tiến ngộ triệt, vì hàng hạ căn, tức các phẩm Hóa Thành, Thọ Ký.

5) Tán dương hành lý triệt, tức phẩm Pháp Sư vì Như Lai sứ.

6) Bản tích vô sinh triệt, tức phẩm Đa Bảo, Đa Bảo bất diệt, Thích-ca bất sinh, Đa Bảo là bản, Thích-ca là tích, bản đã bất diệt, tích lẽ nào có sinh? Bản tích tuy khác nhưng bất tư nghì nhất.

7) Cử nhân trưng quả triệt, tức các phẩm Dũng Xuất, Thọ Lượng: Di-lặc nêu nhân trưng quả, Phật nêu nguyên do thọ lượng nhân quả.

8) Xưng dương viễn tế triệt, tức phẩm Tùy Hỷ cho đến hết kinh thuộc phần lưu thông. Danh mục rất hay mà tông thể không hiển.

Duệ Công lại có hai mươi tám phẩm sinh khởi, rất có rõ ràng như trước mắt đối nay không ngại, nhưng tôn chỉ phẩm chưa được rõ, mà mục đích không nói đến viễn bản chỉ nói đến nhân quả, tại sao thành phát tích? Tứ độc: Giang, Hà, Hoài, Tế; ý nói thiên hạ đại đồng. "Đề-bà-đạt-đa... làm ngũ nghịch": Câu-xá luận nói: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Nay đầu tiên nói phá Tăng, lược như trước trong duyên Mục-liên và Chỉ Quán quyển một nói. Xuất huyết: Như đức Phật ở ao A-nậu-đạt bảo Xá-lợi-phất: Đời xưa ở La-duyệt-kỳ có trưởng giả tên là Tu-đàn giàu sang bảy báu có người con tên là Tu-ma-đề, sau khi cha mạng chung có người em khác mẹ tên Tu-na-xá, Tu-ma-đề lập kế không chia gia tài cho em khác mẹ ấy và muốn giết hại em, liền nói với em rằng đến núi Kỳ-xà-quật cùng anh nói chuyện, người em nghe theo liền đến đúng hẹn, người anh đẩy em xuống vực núi bị đá đè chết. Đức Phật bảo Xá-lợi-phất, trưởng giả lúc bấy giờ nay là Đại Vương, Tu-ma-đề tức là thân ta, người em khác mẹ tức là Điều-đạt, do nhân duyên đó nên trải qua vô số kiếp ta bị đọa trong ngạ quỉ vào trong địa ngục. Do duyên còn sót lại nên ta ở trong núi Kỳ-xà-quật kinh hành, Đề-bà-đạt-đa ở trên núi cao đem tảng đá dài ba trượng rộng một trượng sáu ném lên đầu ta. Thần núi Kỳ-xà-quật tên là Bễ-la lấy tay đỡ đá nên viên đá nhỏ rơi xuống làm tổn thương ngón chân cái của đức Phật làm chảy máu. Kinh Hưng Khởi Hành nói: Đề-bà-đạt-đa xúi A-xà-thế thả voi say hại Phật, đầy đủ như trong Thích Tiêm quyển ba nói. Các văn khác có thể thấy, nêu đủ trong các kinh luận. Luận Câu-xá Phẩm Nghiệp nói: Ngũ nghịch đều là nghiệp chướng. Nhiếp căn cứ xứ, người thì trừ Bắc Câu-lô châu, xét theo người trừ Phiến-đệ, bốn thân một ngữ nghiệp, ba sát một hư cuống một sát sinh gia hạnh, vô gián một kiếp thuần thục, tùy tội tăng thì khổ tăng. Nhập Tỳ-kheo phân hai dùng làm sở phá Tăng.

Nói “Nếu làm...”: như văn. Điều-đạt chỉ có ba nghịch: phá Tăng, làm Phật chảy máu giết A-la-hán, và hai phương tiện giết: thả voi say, tẩm độc vào móng tay. Chánh gồm phương tiện lại nói năm, có đồng loại ngũ nghịch là ô nhục mẹ, Vô học ni, sát trú định Bồ-tát và Thánh giả Hữu học, sát Thánh giả Hữu học, là sát đồng loại La-hán, đoạt duyên tăng hòa hợp, là phá tăng đồng loại, phá hoại Tháp là xuất huyết đồng loại (đồng loại với làm thân Phật chảy máu: Không dùng voi thả tẩm độc và móng làm đồng loại tức, kia là phương tiện chẳng phải đồng loại. Nhập Đại Thừa luận hỏi: Đề-bà-đạt-đa kia đời đời bị Phật oán vì sao gọi là Đại Bồ-tát? Luận đáp: Nếu là oán tại sao mà được đời đời gặp nhau, như hai người cùng đi Đông Tây mỗi một bước chuyển xa đâu được gọi là bạn. Duyên ngũ nghịch đương nhân duyên giải thích.

“Nếu giải thích theo Bản tích”: Trước trong chú thích Đề, lại đều lược thuật xong. “Lai ý của phẩm này...”: riêng nêu “Lai ý”. Nghiệm thấy ba ý của Gia Tường, hoàn toàn không có nguyên do. Trong cụm từ “Có thể dùng ý mà biết vân vân” thì “vân vân” là: lẽ ra lần nữa lại trình bày Văn-thù là du phương Đại sĩ, hoằng kinh khắp mười phương cho đến vào biển chỉ thường tuyên giảng kinh Pháp Hoa, cho đến tất cả các kinh Đại thừa, Văn-thù đều là chúng phát khởi. “Độ có nghĩa rất nhiều...”: Đại luận bắt đầu từ quyển mười lăm cuối đến hai mươi mốt rộng giải thích Lục độ, trong mỗi một độ đều còn các giải thích. Đây góp đại lược kia, văn tương hiển ghi chép chia làm bốn loại, cũng chẳng phải nhất xứ thứ lớp nêu bày. Nếu muốn dựa theo biết thì tìm bản văn luận. Các nhà lấy bỏ rộng lập nghĩa môn, tạp dẫn đại tiểu không thể nhậm chứng cứ, không biết vì sao là Thích-ca sở hành đầy đủ, khiến một nhà lập giáo thì thể tướng có thể biết. Tích chỉ bày bốn tướng, Bản hạnh chỉ có Viên. Đầu tiên, trong Tam tạng có hai phần:

1) Lược giải thích.

2) Phân biệt.

Phần đầu lại có hai:

a) Thẳng nêu sáu tướng.

b) Lược thập thiện làm lục độ, do lục độ đây thuộc pháp thế gian, vả lại vì thập thiện thế gian mà dùng đối. Phân biệt: Dẫn kinh Thiện Giới tự khai ba thứ: Trong văn trước nêu “Đối trị” tức sở trị. Tiếp “Tướng sinh”: Căn cứ hành thứ lớp. Trong “Quả báo”: nói “đầy đủ” nghĩa là các căn đầy đủ, “Sắc” nghĩa là đoan chánh, “lực” thuộc tinh tấn. “Nếu nói....”: nói sáu độ mỗi độ đều có mười gọi là xuất Địa Trì Hoa Nghiêm. “Kinh Nguyệt tạng...”: thuộc Viên giáo. Trong đó trước trách tâm thế

gian. Tiếp khiến y đệ nhất nghĩa để thành Ba-la-mật: Nghĩa là chỉ dùng sơ tâm nhất niệm đầy đủ thì một sắc một hương đều là Thập độ.

"Hoa Nghiêm...": nhờ giáo đạo kia địa vị sâu xa để chứng minh sơ tâm của người Viên giáo, nghiệm biết Hoa Nghiêm còn nơi giáo đạo, biệt nghĩa nêu rõ. Nếu nói theo Viên cực thì lẽ nào đến thất địa mới đủ mười ư? Cho nên trong kinh Địa Trì nói niệm niệm đầy đủ mười. Sáu cùng mười khai hợp không đồng, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Nếu niệm niệm đủ mười thì hạnh nào niệm nào lại không đủ mười? Một hạnh tất cả hạnh là nghĩa đây vậy. Trong kinh dùng (do) trì Bát-nhã để so sánh vượt qua xả hằng sa thân, chính là do thật hành "đối sự xả" mà nói đó thôi! Nếu sáu đều là pháp giới, thì đây không như vậy. Cho nên không thể dùng ba sự đều không và dùng thứ lớp sinh ra các hạnh mà so sánh. Lại, sáu độ đây các văn trên dưới đều lược giải thích xem văn ý ấy tùy sự đều khác biệt. Nếu trong Tựa thấy theo chiều ngang chỉ là hiện tướng phát Di-lặc nghi, Văn-thù dẫn xưa, nói các thứ là dẫn đồng. Chương quá khứ Phật là khai ngũ thừa, văn Bồ-tát nói lục độ rất lược. Trong Dược Thảo Dụ nói ba ngôi vị Bồ-tát mà không nói hành tướng, ý để biện minh nghĩa sai biệt và không sai biệt. Phẩm Phân Biệt Công Đức lược nêu năm độ, là so sánh bản, cũng chẳng phải chánh ý, nên không có hành pháp. Chỉ trong đây kinh văn tuy lược nêu mà chánh nêu tướng hành nhân đến quả, cho nên giải thích tùy liệt nêu khiến tất cả hạnh hội nhập nhất thừa.

"Ba mươi hai tướng": Các giáo nêu bày sự tu đắc không đồng, phần nhiều ở giáo đạo. Nếu thật đạo: Chỉ là phát đắc không cần đều tu, như dưới Long Nữ tán thán Phật trong kệ nói. Tự không thấu đạt sâu xa thì sao có thể đầy đủ tướng. Đủ như trong Chỉ quán quyển một, trong "kiến tương phát Bồ-đề tâm" đã lược biện rõ. Nay văn tuy tức đối đủ bốn tướng, ý tại phát đắc. Cho nên văn tiếp nói thật tướng là viên giáo tướng bản, tuy tu phát không đồng mà tướng thể phần nhiều đồng. Nay văn phần nhiều tại Đại luận kiêm tại các kinh. Pháp Giới Thứ Đệ nêu đủ danh xong. Nay cùng văn kia nhưng có đồng khác. Nay thừa có hai tướng. Lại gót chân thẳng, mắt cá chân không hiện đỉnh đầu sáng, có chữ Vạn, và tóc xanh, năm tướng đây trong Pháp Giới Thứ Đệ không có. Trong Pháp Giới Thứ Đệ có tướng ánh sáng dài một trượng, và tướng tốt của dịch vị tiết trong cổ, hai tướng đây văn nay không có. "Tám mươi vẻ đẹp": văn cũng không đồng, chỉ là kinh, luận dịch khác. Chẳng phải hóa sinh của thai, noãn, thấp, hóa tức là không đồng hóa sinh của tứ sinh nội giới như chư thiên hóa sinh vẫn ở đầu gối cha... chư

Thiên sinh còn thế huống đồng trong bốn loài ư! Nay đây bỗng nhiên mà có. Như trong phẩm Dược Vương nói: Ở nơi Vương gia Tịnh Đức bỗng nhiên hóa sinh. Cũng gọi là thấp noãn...: chỉ do hoa sen ở nơi ẩm ướt chưa nở cũng như thấp sinh, noãn sinh bao hàm nghĩa trong hoa như thai. Kinh Đại Bảo Tích nói: Bồ-tát thành tựu tám pháp thì ở trước chư Phật hoa sen hóa sinh:

1) Cho đến rất mạng cũng không nói lỗi người.

2) Hóa người khiến quy y tam bảo.

3) An trí tất cả nơi Bồ-đề tâm.

4) Phạm hạnh không nhiễm.

5) Tạo hình tượng Phật tôn trí trên tòa hoa.

6) Năng trừ các ưu não cho chúng sinh.

7) Đối với người cố cao ngã mạn thì tự khiêm hạ mình.

8) Không xúc não người khác. Một kinh đây tuy vậy mà do các kinh luận tùy nghi nói. Giả sử tất cả kinh luận nêu bày duyên sinh hoa sen đều là văn nay, thì nghe phẩm công đức tức đều vượt qua. Cho nên, hoa sinh tuy đồng bản duyên sai biệt. "Vân vân" là: cũng có thể giải thích ngăn trái ý văn nay.

"Lúc đó ngài Văn-thù sư-lợi...": là tìm đến. Có người hỏi: Trong Tựa nói tại tòa, nay vì sao nói từ biển đến? Nay là đáp: Lẽ nào đem phàm tình mà đo lường cảnh Thánh? Không khởi hội đây, ở nơi biển hóa vật, nghĩa cũng đâu ngăn ngại! Cũng đâu phải tại Tựa một kỳ lợi ích xong. Khi bỏ đi đâu cần thiết bạch cho biết, thời đến đại lợi mới sinh cho chúng, tự mình từ biển mà đến. Nếu theo lệ từ đất hiện lên Bồ-tát dùng lợi tán thán thì kinh đây rất lược. Hoặc đương kia có văn rộng đủ có nói xuất khỏi hội mà truyền đến đây, thì lược bớt vậy.

Hỏi: Ngoài tam thiên đều có bốn trăm vạn ức, không còn đại hải, Văn-thù vì sao vẫn nói từ biển đến?

Đáp: Sự giải thích chưa sai, huống chi là bất tư nghì, Nay có ba nghĩa thông việc đó:

1) Đã dời thiên nhân và biến đại hải, từ nơi bị đổi dời mà đến, nên không xa khuất.

2) Biển dù đổi dời mà Long cung bất động, Rồng cho rằng bất động mà chỗ ở đã biến đổi. Từ chỗ "biến mà không biến" mà đến thì có gì không thể ư?

3) Vô duyên: Chịu tùy theo, hữu duyên nay đến, đây bất tư nghì núi biển rõ ràng tự nhiên, khiến chúng không thấy, chỉ là biến thấy chẳng phải cho là cải đổi thể Văn-thù.

Đã không khởi mà đến, cõi kia cũng tức uế mà tịnh. Cho nên Tịnh Danh nói di (dời), đến cõi khác đều không khiến người có tướng qua lại, trong đây chính là khiến có tướng qua lại mà bản không dời đổi, nên biết ứng có cơ thì cõi biến, chúng dời mà vẫn còn đến! Kia vô duyên, cõi trở lại, chúng lại đến mà không đến. Do đó lý tuy bất động, hóa sự thành phép tắc, cho nên khiến chỗ thấy không đồng thời qua lại sai khác. Bồ-tát hóa nghi còn như vậy, lẽ nào Phật thiết lập biến đồng với phàm ư?

Hỏi: Không khởi mà lại, vì sao nói đến?

Đáp: Chỉ bày kia đây chúng biết công lực của kinh, biết thọ bẩm lợi ích của giáo, cho nên phải nói "đến". Không đi mà đi, không đến mà đến, đều vì lợi ích chúng sinh, tại sao cần nạn vấn như thế? Cho nên biết cõi khác chưa hẳn thấy đến, kia không thấy đến, đây không thấy đi, không đến không đi mà sự đổi dời rõ ràng. Như Tịnh Danh ngón chân chạm đất.

Lúc bấy giờ đại chúng tự thấy ngồi tòa sen báu mà cõi uế như cũ. Trong kinh Văn-thù tán thán Long Nữ không ngoài các hạnh hoằng thệ định tuệ. "Trí tuệ...": là tuệ. "Thâm nhập...": là định. "Từ niệm.....": là thệ, "công đức...": là hạnh. Dưới các văn có theo lệ này, căn cứ đây nên biết. Chánh chỉ bày trong Viên quả, nói Long Nữ thành Phật.

Hỏi: Vì không xả phân đoạn liền thành Phật ư? Nếu không tức thân thành Phật thì đây là Long nữ thành Phật và Thai Kinh kệ nói làm sao thông ư?

Đáp: Nay Long Nữ văn từ quyền mà nói để chứng minh Viên kinh thành Phật nhanh chóng. Nếu Thật hạnh không nhanh thì Quyền hạnh theo đó dẫn. Vậy thì Quyền Thật nghĩa đồng, lý không uổng vậy. Cho nên Thai Kinh kệ từ Thật được nói. Nếu thật đắc thì từ lục căn tịnh đắc Vô sinh nhẫn, ứng vật thể hiện dung mạo đẹp đẽ, khởi thần biến, hiện thân thành Phật và chứng Viên kinh.

Đã chứng Vô sinh thì lẽ nào không thể biết vốn không xả thọ, đâu ngại xả đây đi đến kia. Các giáo còn lại thì phàm vị đến trong hội đây, tiến đoạn vô minh cũng lại như vậy. Phàm ước lệ như đây ắt phải quyền thật bất nhị, dùng giải thích nghi ngại. Nói "quyền xảo": tức không hẳn chuyên chỉ làm quyền giải thích, chỉ nói Long Nữ đã đắc Vô sinh thì căn cứ thể dụng mà luận quyền xảo. Không phải cho rằng chuyên căn cứ Bản tích làm quyền xảo. Cho nên quyền thật hai nghĩa lực kinh đều thành. Người khác giải thích như thế. Hoặc nói "Thất địa thập địa...": không thể hiển bày lực dụng của kinh.

GIẢI THÍCH PHẨM TRÌ

Có bản nói Khuyến Trì, nghĩa phải đều còn, tùy đề đều được không so sánh từ đầu, cho nên văn chia làm hai đoạn: Nếu muốn ở đây lập tứ Tất-đàn thì, hai giải thích tợ Thế giới, Hai vạn tợ Vị nhân, Tám mươi tợ Đối trị, ý Phật tợ Đệ nhất nghĩa. Cho nên ý Phật nói song song chỉ hai đoạn. Trong Ni thỉnh ký nên khai văn đây làm bốn: hai phần trước Ni đều có thỉnh và ký. Phần ba Các Ni lãnh giải. Phần bốn Các Ni phát thệ. Kinh nói "di mẫu": Bản Hạnh Tập nói: Thích chủng Thiện Giác sinh tám người con gái. Lúc bấy giờ bốn anh em Tịnh Phạn vương mỗi người thâu nạp hai người nữ. Tịnh Phạn vương phi, tức Ma-da và Ái Đạo. Ma-da sinh xong bảy ngày sau thì mạng chung sinh lên cõi Đao-lợi. Ái Đạo là dì cho nên nói "di mẫu".

Tiếp, hỏi đáp: Trong đáp nói vì dẫn ban đầu hành và khai An lạc hạnh: Ban đầu hành, thấy các đại đức còn không thể ở cõi này hoằng kinh, huống chi chúng con ư? Vì vậy cho nên cần phẩm An Lạc Hạnh tiếp theo sau làm pháp tắc ban đầu hành. Lẽ nào được hạ phương chưa xuất mà dự nói dũng xuất sở hành? Nếu như vậy thì đầu phẩm, Văn-thù lẽ ra hỏi Bồ-tát Dũng xuất, đương hành hạnh gì, mà chỉ nói ở đời ác sau... ư! Bỗng nghe "dũng xuất" thời chúng lẽ ra hỏi dũng xuất là ai?!

Tiếp kệ tụng: Là cô khởi kệ, nói "các Bồ-tát... thỉnh hộ trợ hoằng kinh", tức là tự thuật phương pháp hoằng kinh. Vì bởi Đức Phật trong phẩm Pháp Sư đã nói phương pháp xong. Phẩm Kiến Bảo Tháp chiêu mộ tìm người dùng phương pháp. Phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa dẫn xưa dùng phương pháp. Thích-ca tức là bẩm thọ phương pháp nhiều cho nên nói "dùng thân làm sàng tòa...". Phẩm Trì tức nói phương pháp ở đời ác. An lạc hạnh là phương pháp bắt đầu hành, nên nói trú Nhẫn nhục địa v.v..., đầy đủ như phẩm sau nói. Nếu không như vậy thì hoằng kinh không có phép tắc, không có phép tắc hoằng kinh đây không có việc ấy. Như thân trần vào trận ắt bị tổn thương không sai. Nói "mặc áo giáp" tương ưng nghĩa không uổng lập. Mười bảy hàng đầu nói mặc áo nhẫn nhục có ba:

1) Một hàng tổng luận thời tiết để nêu rõ mặc áo.
2) "Có những...": chín hàng biệt nêu cảnh sở nhẫn.
3) "Chúng con...": bảy hàng nêu ý mặc áo.

Phần một như văn. Phần hai văn có ba: Một hàng đầu nêu chung người tà, tức chúng thế tục. Tiếp một hàng nêu hạng tăng thượng mạn trong đạo môn. Bảy hàng sau nêu tăng thượng mạn giả Thánh. Cho nên,

trong ba loại người đây thì: thứ nhất đáng nhẫn, thứ hai nặng hơn trước, thứ ba quá sâu, vì càng về sau càng khó nhận thức. Văn thứ nhất và thứ hai như văn, trong văn thứ ba nói: "Kinh Bảo Vân quyển sáu nói A-lan-nhã...": thì e rằng lầm, vì văn ở quyển thứ năm. Trước giải thích danh: "A" là "vô", "Lan-nhã" gọi là "tránh"(tranh cãi). Trong văn nói sự, có sự cho nên tranh cãi. Nay y kinh, trước thì nêu chánh hạnh, tiếp mới biện rõ tà. Đầu văn nói "trú A-lan-nhã", là không cùng thế gian tránh luận, "không gần không xa" là để tiện việc khất thực, có bóng cây che, có nhiều hoa quả đầy đủ nước sạch, không nạn sự không hiểm trở dễ bước lên, một mình không có bạn tụng sở văn... Có vua Đại thần trưởng giả... đến tìm đến, liền nói rằng: "Hay thay! Hay thay!". Nếu đến trú xứ thì nên mời ngồi, nếu họ không ngồi thì chớ tự ngồi một mình. Nếu không vì chỗ ngồi xấu, thì nên dùng mọi thứ an ủi và vì họ nói pháp, nếu họ không ưa nói rộng thì nên nói lược... Nếu không như vậy thì chẳng phải hạnh Lan nhã. Phàm ở Lan-nhã là vì điều phục phiền não. Tự đề cao mình, chê bai người, thì chẳng phải hành Vô tránh, chưa biết ý chấp tay cung kính là gì! Khinh, ngông thầy bạn, ngạo mạn vương thần, huống khiến cho người không biết cho là Thánh, khiến người có mắt thì trong tâm lạnh giá, thì hạnh La-vân vĩnh viễn sai trái, đức của Không sinh ở đâu? Chỉ do tâm không có nội thật, chuyên đem thân mưu tính việc hư dối bên ngoài, luận thuần đạo kia, không có gì để nói! Xét như Tân-đầu-lô biết bảy năm mất nước, và Trù Thiền sư tiến hay không làm vua, cho nên khởi ở hợp thời đâu được nhất hướng. Luận Thập trụ Bà-sa nêu rõ Lan-nhã Tỳ-kheo cho đến đủ năm mươi pháp mới kham dừng trú, cho đến mười hai hạnh Đầu-đà đều đủ mười pháp. Nếu không như vậy thì hãy tìm thầy tấn đạo, tại sao cứ chấp giữ cái ngu? "Không phép tắc thích ứng": xuất gia lìa thế gian, cắt bỏ ái, mộ đạo, nên dùng Ngũ phần làm phép tắc chánh. Còn trái phép tắc Tiểu thừa, mà trở lại khinh nơi Đại giáo, thì càng rất tệ hại. Nếu dùng danh đây mà quân bình nơi Đại, thì Viên thừa tam học, hai giải thoát đáng để làm khuôn phép cho mình, mới ứng hợp với phép tắc xuất gia chốn Lan-nhã. "Tuy nói... được nuôi sống...": nghĩa là chấp lấy lời nói mà chẳng siêng thực hạnh, chuyên tư duy tự nuôi sống mình. Hạng người như đây, gọi là Tương tợ tam học, Giả vờ tam học, Tặc tam học, Ngụy trá tam học. Mà muốn khinh người thông kinh, cho nên khiến người hoằng kinh phải mặc áo nhẫn nhục chuyên hoằng chánh pháp. Người có giới, thêm đủ tam học mới gọi là tăng giới. Giữ một giới mà không hành để mặc, thì biết là giới giảm. Giới mà còn không hành, thì sao hành định tuệ? Vậy nên

phải "đối trước Ngũ phần" mà xem xét.

Tiếp nêu ý mặc áo. Văn dẫn "Trung A-hàm quyển năm nói Hắc Xỉ Tỳ-kheo mách với Đức Phật", căn cứ trong đó, bao gồm ý thứ ba. Nêu "Người có năm hạng" trở xuống, văn tương ưng. Kinh kia Xá-lợi-tử tương ưng phẩm. Kinh Thủy Dụ nói: Đức Phật tại vườn Cấp Cô Độc, Xá-lợi-tử bảo các Tỳ-kheo: Ta nói ngũ ấm não có năm duyên, thế nào gọi là năm? Tức dùng năm dụ, ví như nơi ba nghiệp, lại kiểm chứng lần trải qua thứ năm. "Người có năm hạng": Chỉ là ba nghiệp. Đơn thiện làm ba câu, đều thiện làm một câu, đều ác làm một câu. Nếu lại lấy song thiện làm ba câu, tức thành tám câu. Ác biên nhất định không có đơn và song, vì đơn thiện, tức là song ác, song thiện tức là đơn ác, cho nên không được có câu ác biên. Trong kinh không làm thêm ba câu còn lại, hoặc nêu năm biết tám, hoặc là tùy cơ. Có trong văn, đầu tiên nói: "Thân ác, khẩu ý thiện" thì e rằng lầm. Căn cứ trong hợp dụ chỉ có đơn thiện. Chỉ nên nói "thân thiện khẩu ý ác, khẩu thiện thân ý ác, ý thiện thân khẩu ác". Cho nên thí dụ đầu tiên nói: "Nạp y....": Đây là thân thiện khẩu ý bất thiên, để hợp văn nói "niệm dụng thân tịnh, bỏ khẩu ý".

Trong khẩu thiện thí dụ: mang cỏ tránh nóng là thân tướng bất thiện, bụm nước không tương xứng là ý bất thiện. Nước đến được miệng, tạm gọi là thiện. Văn nói hoặc bụm nước, hoặc dùng tay, chỉ là tay bụm nước mà thôi! Tuy thân khẩu đều xấu, chỉ vì làm ngưng khát cho nên gọi là ý thiện. Nếu muốn dụ ba cặp thiện thì căn cứ đơn tư duy. Thí dụ ba đều là thiện: Ao đã rộng mát vào thì thân thiện, không bụm nước là khẩu thiện, ngưng khát là ý thiện. "Luận Bà-sa quyển tám nói: Nghĩ đến mắng là một lời nói..."

Luận Tạp Kiền-độ quyển thứ mười, trong phẩm Trí hỏi: Khi hành bị mắng, làm sao quan sát danh cú thân... khiến tâm nhuế chẳng sinh?

Đáp: Hoặc có người nói: A-câu-lô-xa nước Tần gọi là "mạ", Câu-lô-xa, Tần gọi là hóan thanh. Ta nay không nên niệm chữ A kia, nếu có chữ A thì gọi là "mạ (mắng)", nếu không có chữ A tức gọi là hóan thanh. Phải biết Tây phương có tam hợp thanh, A cùng Câu-lô-xa hợp mới thành danh cú, mới gọi là "mạ". Phương này là hèn mọn thấp kém, phương kia lại là xưng tán, theo lệ đây rất nhiều. Như nói Thi-la Sằn-đề đối với phương này chưa gọi là đoan chánh, phương kia chính là Ba-la-mật thứ hai. Lại, quán chữ mạ đây...: Phương đây cũng có nói đảo ngược tức trở thành mắng mà khen, như thấy khách đi bảo là "đi sớm", tức là muốn giữ lại. Nếu nói "sớm đi" tức phát lời khiến đi, phát đó là

"mạ", lưu giữ là khen. Như đang lúc ăn gặp khách, nếu nói "đến sớm" tức là "mạ". Nếu nói "sớm đến" tức là khen. Người đời chấp lãm định có trước sau cùng làm nghĩa mắng, khen. Vọng tình chấp chứa tiếng nói vốn không. Lại, "mạ là một chút ít phần của giới...": tức là ý tư quanh co, hạnh uẩn, pháp xứ, một phần ít thuộc giới pháp. Đây mượn văn luận Bà-sa. Làm cảnh sở quán, bèn dùng bốn câu ba giả quán đó. Dùng thanh đối căn, thức và Không, suy tìm nghĩa không có tự tánh, thành tựu tánh tướng, mới gọi "tức Không". Lại, "mạ" đã là thanh, thanh giới có tám có chấp thọ không chấp thọ, đại chủng làm nhân, đều có tên hữu tình tên phi hữu tình, khả ý và bất khả ý. Trong thân hữu tình phát ra âm thanh, gọi là có chấp thọ, vì ngữ thanh của chúng sinh có thuyên biểu, các tiếng vỗ tay v.v... không phải thuyên biểu nên tiếng gió, rừng, sông... gọi là chấp thọ. Tên hữu tình với nghĩa không chấp thọ, tức như tiếng nói của hóa nhân, tuy không chấp thọ mà có năng thuyên biểu, ngoài ra theo lệ tư duy có thể biết. Nay đây tiếng mắng (mạ) đã là có chấp thọ tên hữu tình là tiếng không vừa ý, chỉ là một trong tám thứ, nhưng do chấp kia từ đầu đến cuối mà thành danh cú. Nếu nói thanh giới là mạ thì phải tám thứ mới gọi là mạ. Nay còn không có bảy sao gọi là mạ! Huống lại trong một thì niệm niệm không dừng. Một phần ít thanh nhập, phần ít sắc ấm, phần ít mạ v.v... tức quán ngã đã là cảnh sở mạ. Hoặc khi mạ sắc tức không mạ tâm, khi mạ tâm tức không mạ sắc. Hình hiển thọ..., căn cứ đây có thể biết. "Thành tựu tự nơi người ấy...": người ấy tự khuấy động thanh để thành danh cú mà cho là mạ. Ta quán nhân duyên niệm niệm không trụ, đây quán nhân duyên vậy. "Lại, mạ là một chữ...": quán tương tục. "Lại, năng mạ...": đối suy tìm tướng đối đãi. "Dùng Không": tức Thông giáo. Cho nên biết nhờ luận Bà-sa hiến cảnh nhân duyên, mỗi mỗi suy tìm tiện thành tức Không. Lời nói lược ý rộng, đầy đủ như Chỉ Quán trong nhập Không Vô sinh quán đã nói. "Quyển mười bảy nói: Phàm Thánh đều có ba loại thọ", e rằng văn lầm. Văn ở quyển thứ mười, văn nói cũng có lo sợ, là qua ở đời khác và do Thánh giả tức có sợ cho nên liền đủ ba thọ. Cũng nói năm thọ: năm thọ tức ưu - hỷ - khổ - lạc - xả. Lại có năm thọ toàn là ba thọ. Nghĩa là chưa đắc lạc thọ, đã đắc lạc thọ, đã sinh khổ thọ, chưa sinh khổ thọ; không khổ không lạc thọ. Chỉ vì Thánh nhân không dùng tâm thọ nên có phàm Thánh sai biệt cũng là mượn luận Bà-sa kia phân biệt. Tứ Thánh là Thánh, lục phàm là phàm, mười giới không đồng để thành nghĩa sai biệt. Nay "Kinh này...": tức Viên giáo. "Niệm Phật": Quán thọ làm pháp giới cho nên gọi là "niệm Pháp, Phật...". Do năng quán biệt được tên các giáo, sở

quán năm thọ tướng kia không sai biệt cho nên người trì kinh nên quán ba thọ. Vì thế nói năng thọ các ác hạnh... Khải là áo giáp vậy.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 9

PHẦN THƯỢNG

GIẢI THÍCH PHẨM AN LẠC HẠNH

Xưa nay giải thích phẩm đều có sinh khởi mười duyên hay năm duyên... và nêu Lai ý ba ý hay năm ý. Nay thì không như vậy, chỉ tùy xu thế của văn phẩm theo nghĩa giải thích, không hẳn cứ một mực cho nên đến giải thích phẩm này nên tùy ý bốn phẩm trước nghĩa là từ phẩm Pháp Sư trở xuống thêm ba phẩm tiếp. Thông dùng ba thứ: Nhà, áo, tòa của Pháp sư làm khuôn mẫu lưu thông. Cho nên, giải thích đề của ba phẩm trước cho đến để hiểu rõ văn, đều nương ba phẩm đây nêu rõ ý nguồn gốc phẩm. Nếu tùy văn tướng riêng sinh khởi thì không đồng văn khởi hết. Dùng phẩm Pháp Sư bắt đầu làm lưu thông cho nên nêu đủ ba pháp làm khuôn mẫu. Huống chi người lưu thông kinh diễn khắp chánh thuyết cho nên khiến người nói dựa ba thứ này lập chí, mới có thể hiển rõ kinh điển sở hoằng, khiến chúng sinh ngưỡng mộ pháp có thể hoằng thông, ngầm giúp hiển bày lợi ích làm sứ giả của Như Lai. Nếu không như vậy thì sao đức Thế Tôn lại bảo người hoằng kinh lượng công dụng kia có khả năng giữ gìn, cho nên khiến cõi này cõi kia phương trên phương dưới, tiến hay không, khác dấu vết. Nếu mình tự hành mà không làm tăng trưởng lòng tin của chúng sinh, thì giống như người bị bệnh nhiệt mà bán thuốc lạnh. Vì vậy cho nên không thể không cẩn thận khi truyền kinh. Cho nên ba chu khai hiển, hoặc pháp hoặc dụ không vượt quá ba đức. Hoặc tu hoặc tánh, căn cứ đây mà làm phép tắc, tánh đức không đương khai cùng không khai, tu đức tùy thời chuyển gọi là phó vật (tùy theo căn cơ của chúng sinh). Tại nay đồng khác đều là Nhất thừa.

Nhất thừa là Phật tánh, đầy đủ như Đại kinh nói Phật tánh ba thứ tức là bí tạng, cho nên bắt đầu lưu thông thì trở lại căn cứ tạng đây lấy

làm phép tắc. Sở dĩ Pháp Sư gọi là nhà, áo, tòa vì nghĩa hoằng rộng tiện dụng. Trong phẩm Bảo Tháp nếu căn cứ tháp mà nói thì tháp vọt hiện ra tức tại Không là tòa, nơi nơi chứng minh kinh là nhà, các báu trang nghiêm là áo. Nếu căn cứ Đức Thích-ca thì tại Không là tòa, vào tháp là áo, bảo hoằng kinh là nhà. Lại dùng ba Đức Phật tiêu biểu ba thân cũng là ba thứ đây. Phật Đa Bảo là áo, Phật Thích-ca là tòa, Phật phân thân là nhà. Nếu căn cứ sở biểu của ba lần biến mà nói thì biến lần thứ nhất là tiêu biểu phá tòa Kiến Tư, biến lần thứ hai là tiêu biểu phá nhà vô tri, biến lần thứ ba là tiêu biểu phá áo vô minh. Cho nên bảo người hoằng kinh khiến dựa ba pháp hoằng ba thứ vi diệu đây. Như trong phẩm Đề-bà-đạt-đa dùng thân làm sàng tòa, nếu chẳng thâm đạt ba pháp này thì đâu thể khinh sinh mạng mà trọng pháp, cho nên thân tướng hảo ắt có pháp báo. Pháp thân là áo, Báo thân là tòa, Ứng thân là nhà. Nếu căn cứ nhân hành thì năm Ba-la-mật làm áo, Bát-nhã Ba-la-mật là tòa, từ bi hỷ xả là nhà, huống chi sư đệ thành đạo đầy đủ ba thân. Cho đến phẩm Trì, kệ văn nêu rõ ba pháp mà hoằng kinh này. Phẩm An Lạc Hạnh đây tuy là bắt đầu hành cũng dùng ba đức và dùng làm tiêu đề phẩm, do trong một phẩm đều có ba đức và hành ba đức. Trong đó có năm:

1) Dùng ba nghĩa tổng giải thích.
2) Nêu Lai ý của bốn hạnh.
3) Nêu bốn hạnh thứ tự.
4) Nêu bốn hạnh thể sai khác.
5) Chánh giải thích.

Đầu văn có hai: Trước nêu liệt. Tiếp giải thích.

Trong giải thích thì trước lược, sau rộng. Trong lược:

1) "Y sự" giải thích.

2) Nghiệp an lạc tiến ở hạnh khẩu nghiệp hoằng kinh. Trong "Phụ văn" có hai: Đầu phụ phẩm Pháp Sư, tiếp phụ phẩm này. Đầu văn đều căn cứ ba đức ba phép tắc. Pháp thân hoặc có hạnh của ba đức nên khiến sở nghiêm pháp thân an. Cho nên Huyền Văn nói Pháp thân thể nguyên chất, thiên long bỗng nhiên yếu kém cho nên nêu đủ ba pháp cùng dẫn dắt hành hoằng kinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì cùng Niết-bàn có gì sai biệt?

Đáp: Diệu pháp chỉ là nhất tâm tam đức xưa nay không riêng biệt, kia do thị hiện diệt mà gọi là Niết-bàn đó thôi!

"Phụ văn" phẩm này, tức tiến là hành, chỉ do tự tiến cho nên hoằng kinh. "Pháp môn": Dẫn ba môn được nêu trong các kinh luận để giải thích thành ý đây, tức "Bất động..." trong đó nêu giải thích. Trong

giải thích mỗi mỗi đều trước nêu hành tướng, tiếp nêu sở ly, sau kết ý. Đầu tiên, “Bất động” chính là trung đạo, dẫn văn đều tiêu biểu bất động. “Năm thọ”: Kinh nói: Hành cũng bất thọ, cho đến bất thọ cũng bất thọ. Kinh kia tại Diễn vì phá Tam tạng gia, không thọ năm thọ của phàm phu. Cho nên bên dưới rộng giải thích. Thông thường căn cứ bốn câu ngoại đạo... và dùng tuyệt ngôn. Tuyệt ngôn cũng xả, cho nên nói năm bất thọ, cho đến Viên giáo bốn môn và tuyệt. Nếu như vậy, thì chưa chứng thật đến đều gọi là thọ. Nếu chấp viên môn thì năm thọ còn gọi là thọ, thể giáo nhập lý, lý không có sở thọ thì mới gọi là “bất thọ”.

Tiếp, rộng giải thích: Đầu, trong rộng giải thích sự: Nhân quả đối biện, chỉ là lần lượt giải thích ba An Lạc Hạnh đây khiến biết cực địa ba đó thôi! “Đại Phẩm...”: Lại mượn kinh kia nói “như thật xảo độ” để đối Tiểu. Trong Diễn môn kia ba giáo đều là nhân quả đều có lạc. Khắc thể mà luận, cần phải nên phân biệt lựa chọn, tên Lạc đã đồng chỉ là thiên viên mà dùng phán xét. Thông giáo tam thừa nhân quả đều Thiên, Biệt giáo Bồ-tát nhân Thiên quả Viên, Viên giáo Bồ-tát nhân quả đều Viên, cho nên lấy nghĩa “đều có lạc” và Viên làm tên phẩm này. Dẫn chứng ở Đại kinh, Bồ-tát còn thông vướng là dưới kết ý phẩm văn ắt dùng Thất phương tiện phân chọn, mới xứng với kinh này.

Tiếp, rộng phụ văn: Rộng phụ phẩm trên giải thích thành phẩm này. Do bốn hạnh phẩm này không ngoài ba nghiệp Chỉ Quán và từ bi. Trong đó chia làm ba:

1) Lập cảnh năng thú và sở thú.

2) “Hạnh có...”: là giải thích Hạnh năng thú.

3) Vấn đáp liệu giản.

Trong Hạnh năng thú chia làm mười:

1) Liệt kê ba hạnh,

2) “Chỉ hành...”: là giải thích.

3) “Tổng đây...” là kết đối cảnh hạnh.

4) “Cảnh xưng...”: là kết trở về tên phẩm.

5) “Đại luận...”: dẫn chứng. Quán cảnh tức nhân quả.

6) “Nhân thời...”: phán xét vị.

7) “Nhân danh...”: phán xét nhân quả tên khác.

8) “Lại, nhân...”: phán xét nhân quả tên khác, để biện rõ hóa dụng. Nói “ba nghiệp...”: ba nghiệp ba mật ba luân đều là tên khác của ba đức. Ý mật tức Bát-nhã, khẩu mật tức Giải thoát, thân mật tức Pháp thân.

9) “Như đây...”: là tổng kết.

10) “Đây hành...”: dẫn đồng hội nhập khác. Tổng có hai lớp: Đầu tổng, sau biệt. Biệt tự phân làm ba, tổng biệt đều là tên khác nghĩa đồng. “Tóm lại mà nói...”: Tổng không khác, là Như Lai Niết-bàn nhân (người) pháp tên khác lý Đại không khác, bởi vì nhân tức pháp. “Biệt không khác”: trong đây chia làm áo nhẫn... ba thứ, kinh kia chia làm pháp thân... ba thứ. “Đây nêu...”: là giải thích hai xứ tướng không khác cho nên dẫn kinh kia nói cây báu... ba thứ và dùng năm hạnh. Đầu, ba thí pháp thân... ba thứ, ba dụ đủ như trong Huyền Văn và Thích Tiêm dẫn, tức văn Đại kinh quyển 10. Y tòa đây để đối ba đức cũng có thể thấy. Lại trong năm hạnh cũng cùng áo... đồng, Thánh hạnh là tòa, thiên hạnh là áo, ba hạnh còn lại là nhà. Nhà Phạm hạnh là nhân, nhà bệnh nhi là quả. Nên biết phẩm này đầy đủ mười ý đây. Chính tại nơi nhân, trong nhân chánh là gia-bị cho hạng Ngũ phẩm đệ tử, đến hạng Lục căn tịnh. Vì vậy cho nên tên của phẩm này là từ hạnh mà đặt tên, tức hạnh của nhà An Lạc.

Tiếp, trong “Vấn đáp liệu giản”, trước hỏi sau đáp. Văn ý: Tuy lại phụ, chánh mà hai nơi xen nhau có, nay lại phân tích nhiếp để đối hai Tất, nhưng kia đây đều có bốn Tất thì có hay không có cũng không nghi ngại. “Nhất tử địa”: Đại kinh nói “Thánh hạnh trụ tam địa, Giới Thánh hạnh trụ Kham nhẫn địa, Định Thánh hạnh trụ Bất động địa, Tuệ Thánh hạnh trụ Vô sở úy địa”. Phạm hạnh thành thì trụ nhị địa. Từ, bi, hỷ, thành thì “trụ Nhất tử địa”. Xả thành thì trụ Không bình đẳng địa. Nay lại dẫn “Từ bi nhất tử” mà phản chất, “cầm cung mang tên” chưa là thông đồ, cho nên nói chưa từng không nhiếp thọ. Ngũ địa đồng tại Sơ hoan hỷ địa, địa đây không giống nào không gieo, phổ hiện sắc thân tùy nghi lợi vật cho nên phân nhiếp hai môn thâu nhiếp tất cả giáo, hoặc hiện hoặc ẩn, không nên hỏi thiên vị. Nay nói “đồng”, là đồng (mùi) vị đồng lý đồng nhân đồng quả. “Rộng giải thích theo pháp môn” cho đến “không ghi chép”: là căn cứ trước giải thích. Lại nên dùng các thứ ba pháp thông giải thích văn đây, đầy đủ như mười thứ ba pháp căn cứ theo lệ có thể biết. Nếu lấy nghĩa đây làm tứ Tất-đàn thì: Ba pháp sai khác tức Thế giới, Giải thoát tức Vị nhân, Bát-nhã tức Đối trị, Pháp thân tức Đệ nhất nghĩa. Hai giải thích đều nói đều là tứ Tất.

Tiếp, “Phẩm này...”: là giải thích nguyên do, lại có hai: Đầu tiên, nêu hành sâu không cần. Tiếp, “Nếu sơ y...”: chính nêu bắt đầu cần hành cho nên có phẩm này. Văn đầu nêu người không cần. Nói “Nếu hai vạn tám mươi ức....”: là đầu phẩm Trì nói hai vạn Bồ-tát quyến

thuộc theo, đều ở trước Phật phát thệ hoằng kinh. Có bản kinh nói tám ngàn ức, nên nói tám mươi ức, tức trong phẩm Trì nói chư Ni cầu xin Phật thọ ký được Phật thọ ký rồi, chư Ni nói kệ tán thán Phật.

"Bấy giờ Đức Thế Tôn nhìn tám mươi ức các vị đại Bồ-tát...": Đức Phật xưng tán rồi. "Các vị Bồ-tát đó một lòng chấp tay mà nghĩ rằng: Nếu Thế Tôn dạy bảo thì chúng con sẽ như lời Phật dạy...". "Biết sâu xa...": là chánh nêu hạnh không cần đầy đủ đối bốn hạnh để luận không cần. Bắt đầu hiểu sâu quyền thật cho nên không cần hạnh đầu, do trong hạnh đầu khiến cho không cùng Nhị thừa cộng trụ..., vì sợ lạm thọ quyền pháp. "Rộng biết" là nêu rõ không cần hạnh thứ hai, do trong hạnh thứ hai khiến không nói lỗi của tiệm pháp, khiến không ỷ Viên chê Thiên, Thiên chỉ là tiệm. "Lại, thông đạt...": là nêu không cần hạnh thứ ba, do trong hạnh thứ ba khiến ủng hộ Nhị thừa và khiến không dùng Viên trách Biệt. "Thần lực...": là nêu không cần hạnh thứ tư, do trong hạnh thứ tư khiến sau đắc thần thông mới khiến nhập thật. "Nếu sơ y...": là người mới bắt đầu hành thì không có bốn hạnh đây, dùng bốn hạnh phòng hộ kiêm kham tự tiến, nên nói "muốn tu Viên hạnh", muốn lợi tha. Cho nên nói: "vào đời ác trược mà hoằng kinh". "Bị ác trược...": nêu không có bốn hạnh này, tự tha đều mất. "Vì hạng người này...": chánh kết Lai ý. Nói "Nếu sơ y thủy tâm": hạng Ngũ phẩm đệ tử vị và hạng Lục căn thanh ịnh vị đều thuộc "sơ y". "Thủy tâm" tức sơ tâm của Ngũ phẩm đệ tử vị, cho nên trong phẩm đầu (Tùy hỷ phẩm) tuy chẳng phải địa vị thuyết pháp mà tùy sức hoằng kinh cho nên cần phải có bốn hạnh đây. Đến phẩm thứ ba (Thuyết pháp phẩm), chính đương thuyết pháp để giúp tự hành. Thuyết tức là hoằng, về lý thì cần đem phẩm này lấy làm phương pháp.

"An Lạc Hạnh này...": hành thứ lớp, trong đó có bốn:

1) Nêu không thứ lớp .

2) "Nay vả lại...": nương nơi phẩm trước để nêu tướng thứ lớp không đồng.

3) "Nếu căn cứ...": là căn cứ hành thứ lớp.

4) "Tuy nói theo thứ tự này...": là căn cứ hành không thứ lớp, đầy đủ như Văn Trí Giả giải thích bốn hạnh. Bốn hạnh đã là ba nghiệp Chỉ, Quán và do hoằng thệ đều hạnh đều vận Chỉ Quán đồng thời, huống chi mỗi một hạnh nhiếp tất cả hạnh, huống chi trước đầu phẩm nói áo, tòa, thất ba thứ không sai biệt, cho nên không thứ lớp.

Tiếp, nêu hành thể: Trước, nêu xưa giải thích. Sư thứ nhất nói: "Giả thật" thì giáo nào mà chẳng có? Cho nên chưa hiển hạnh này.

"Thuyết pháp, lìa lỗi": tuy tợ một đường, mà không có tướng từ bi chỉ quán. "Thứ tư: Từ bi" mà lạm hướng ba hạnh. "Cơ sư" giải thích không bằng Sư trước. "Long sư" nói hạnh đầu hơi gần ý nay. "Ngài Nam Nhạc" giải thích như hướng về ý của Ngài Thiên Thai mà vẫn chưa thật đầy đủ. Cho nên Ngài "Trí Giả" giải thích nói: "Chỉ Quán...": ba hạnh trước đều có từ bi Chỉ Quán. Lại đầu tiên, thân nghiệp lại có ba:

1) Nêu có sở ly cho nên không đọa.

2) "Có Chỉ hạnh cho nên..." đủ ba phương pháp.

3) "Chỉ hạnh lìa...": đầy đủ ba đức. Trong đó trước nêu đủ đức, tiếp nêu tương sinh. "Ngoài ra khẩu...": theo lệ. Ba nghiệp đều có từ bi, thệ nguyện cũng đầy đủ Chỉ Quán, cho nên bốn hạnh theo lệ đồng. Cho nên biết trở lại dùng phẩm trước làm tướng của hạnh nay. Nếu không như vậy thì chẳng khéo hoằng kinh.

Tiếp chánh giải thích: Trong giải thích Hành xứ Cận xứ thì đầu tiên nêu ý của ba sư xưa. Tiếp Chương An phá. Do các sư đầu tiên nói Hành xứ thì cạn, Cận xứ thì sâu, tức hai sư đầu tiên; trong đó sư thứ hai có hai giải thích: Trước giải thích nhân quả sai biệt, sau giải thích không nhân quả. Cho nên phá sư thứ nhất và giải thích đầu tiên của sư thứ hai, nói: Thập địa có Hành, không chỉ riêng sơ tâm. Tiếp, phá sư sau: Diêu sư dùng Thất trụ trở lên làm Hành, Thất trụ về trước làm Cận. Cho nên dẫn Tịnh Danh, nói: "Đẳng giác cực sâu cũng gọi là Cận". "Nếu hai hạnh...": là tổng phê phán lỗi của ba sư. Nói "hai hạnh": Hành, Cận hai xứ đều được gọi là "hạnh", cho nên đều cạn đều sâu đều có lỗi. Nói "Phẩm trước": Chỉ trong phẩm Trì "năng nhẫn cảnh trái ngược", tức là hành sâu, thì có liên quan gì trong đây? Nói "Thất phương tiện": Quyền hành sở hành không liên quan đến phẩm này. "Nhưng Hành gọi là...": là lập lý phá. Được tên gọi tuy riêng biệt mà hai nghĩa nhờ vào nhau, trong mỗi một hạnh đều có tập cận (gần gũi làm quen), cho nên đều thông sâu cạn, không thể đều sâu đều cạn và xen lẫn sâu cạn. Nhưng văn phẩm này bắt đầu hành thì chỉ là đều cạn, và vĩnh viễn khác Sư xưa. Do thông đều sâu, khác Thất phương tiện, cạn tuy thông nhưng ý kia đều biệt. Trở xuống dưới văn căn cứ vị trí, nghĩa thông nơi sâu, bởi vì dùng sâu nhiếp cạn. "Lại nữa, Hành, Cận...": dẫn nghĩa để phá. Đã là ba thứ áo, tòa, thất trong phẩm Pháp Sư tức về lý thì không có sâu cạn. "Lại, nhẫn nhục...": là căn cứ hành để phá. "Nếu vậy..": là trưng khởi giải thích nghi. "Vì đến lý...": là chánh phán xét. Nói "đến lý": Do kinh nói "trụ Nhẫn nhục địa". "Phụ sự": Lìa mười não loạn.... Trong sự văn dưới cũng nói quán Không..., như dẫn nghĩa Trung đạo tịch diệt nhẫn

cùng Tất cánh Không đâu thể chấp nhận cạn sâu! Chỉ đối sự mà nói thì được tên Áo Nhẫn nhục, căn cứ lý mà nói thì được tên Tòa Không. Cho nên, "phụ sự" ắt y lý, từ lý ắt kinh qua sự; không nên viên hạnh sự lý từng điều như vậy, cũng như hai đế ắt Chân Tục tương tức, đều nói một bên thì chẳng phải Vô sở nghệ. Căn cứ hành chuẩn thuyết.

Hỏi: Đã đối "Áo, tòa" sao không đối "nhà"?

Đáp: "Nhà" thông hai hạnh, thông suốt từ đầu đến cuối. Hai hạnh tuy sai khác mà nghĩa từ bi bình đẳng.

Hỏi: Nêu Từ bi huân Chỉ Quán dẫn ba nghiệp, mà bên dưới giải thích chỉ thấy Chỉ Quán ba nghiệp, mà không thấy Từ bi là sao?

Đáp: Thệ nguyện không chỉ riêng thông trước mà còn khắp dẫn dắt, huống chi đều có vì thuyết, đều là từ bi.

Hỏi: Đầu tiên là thân nghiệp, văn chỉ nói Hành Cận, sao gọi là thân?

Đáp: Hành Cận hai văn chỉ rộng lược sai khác, cho nên lìa mười não loạn, chỉ là nơi thân. Căn cứ cận luận cận, rõ ràng tại thân. Nên biết trụ nhẫn thì cũng là thân trụ, nhẫn địa tức là ấm thật tướng.

Mười tám Không trở lại quán Giới Nhập. Nếu là khẩu ý hai văn thì Chỉ Quán nêu rõ thân, sao không có ư ?

Đáp: Khẩu ý là biệt nêu, trong thân là hợp nêu. Vì rằng Cận xứ thì cả ba đều nói là trợ quán, là trợ Chỉ Quán trước, lời nói đó tuy đơn mà tức là song trợ Chỉ Quán.

"Nay căn cứ ba pháp...": là chánh giải thích Hành xứ. "Tức là Nhẫn địa..." ,"cũng bất hành phân biệt". Căn cứ ba pháp tăng số để làm ba lớp. Đầu tiên, căn cứ một pháp, lại có hai: Đầu nêu một pháp tức duyên đế, "trực duyên nhất đế" mà lập ba hạnh. Chỉ nói "một pháp": Vì năng từ sở cho nên chỉ thọ tên "một". "Nhất đế là sở quy...": nêu công năng lý Nhất. Lý đã năng "là nhất thiết sở quy" cho nên năng y ba hành công cũng như thế. Trong đó lại có năm:

1) Liệt kê công năng có ba, tức là sở quy, tác bản và vô phân biệt, cho nên ba đó là hành, duyên nơi nhất xứ.

2) "Nhất thiết sở quy là...": giải thích ba hạnh.

3) "Không có ba hạnh..." là đối xứ kết danh.

4) "Hành xứ như đây...": nêu cùng phẩm trước nói ba pháp nghĩa hợp.

5) "Đây gọi là...": tổng kết.

Trong Giải thích ba hạnh tự có ba:

1. Giải thích hạnh thứ nhất lại có hai: Trước hiểu rõ kinh, tiếp kết

danh. Hiểu rõ ý kinh: Địa sở trụ nghĩa là thật lý. Tiếp "Các hành...": nêu năng trụ hành tức y lý khởi hành. "Đây tức..." là kết danh. Nói "hành mà bất hành": Lý tuy không hành, y lý mà hành. Hành đắc lý thôi dứt tức gọi "bất hành". Năng trụ là hành nhân đắc lý. Năng hành thắng hạnh, hành tức bất hành cho nên nói "hạnh hành mà bất hành".

2. Giải thích hạnh thứ hai: Cũng trước hiểu rõ kinh, tiếp kết danh. Hiểu rõ kinh: Cũng chỉ nhất địa trước. Làm tất cả bản: Bản là nhẫn địa, trú nhất địa cho nên đầy đủ nhu hòa... ba thứ. Đầu tiên, "Như vạn vật...": là tổng nêu nhất địa trước lập hạnh thứ hai. Câu đầu nói thí dụ, "các hạnh đắc lý mà thành": là hợp thí. "Nếu đắc...": chính nêu công năng sinh, trong đó riêng nêu ra ba câu. Đây tức căn cứ lý mới có "tại cương năng nhu" cho đến "tại kinh sợ năng an ổn". "Vô lượng...": đức giải thích nguyên do công đức. "Địa vô sở sinh", là chỉ thật lý trước; "mà sinh công đức" tức nhu hòa... "Tức là hạnh Bất hành mà hành": là chánh kết danh hạnh. Y lý bất hành mà hành nơi hành.

3. Giải thích hạnh thứ ba: Cũng trước hiểu rõ kinh. Tiếp, "Tức là phi hành...": kết danh hành. Nói "khắp vô phân biệt": Hành cùng bất hành tánh tướng không hai, kiến các pháp thật gọi là "bất phân biệt", vô bất phân biệt gọi là "cũng bất hành bất phân biệt". Tiếp, "Không có ba...": là đối xứ kết danh vì đắc thật xứ, khiến hạnh kia có tướng ba mà một. Tiếp, "Hành xứ như đây...": cùng phẩm trước nghĩa hợp. Câu đầu tổng nêu. "Dừng nghỉ...": đối ba câu trước, "dừng nghỉ các hành": tức là "hành bất hành", "tùy sinh....": tức "Bất hành hành". "Khắp vô phân biệt": tức "phi hành phi bất hành". Tiếp, "Đây gọi là...": tổng kết có thể biết. Cho nên biết một pháp tức ba pháp. Ba pháp làm bản, cho nên trước nêu.

Tiếp, "Căn cứ hai pháp, tức dùng Sinh Pháp hai nhẫn" hiểu rõ văn, trong đó chia làm bốn:

1) Nêu .

2) "Hai nhẫn...": hợp tên khác, tức là hai không.

3) "Hai không...": biện rõ khác. Trong đó đầu nêu. Tiếp "Vì sao...": giải thích tướng khác. Chân tục giả thật thông nơi ba giáo. Nay ý tại Viên đâu chỉ khác nhị thừa ư! Lại tùy nạn biện rõ cho nên tạm đối. Nói chân tục giả thật nêu rõ nhị không, Chân đế tức pháp không, Tục đế tức sinh không, tục giả chân thật, cho nên Huyền Văn nói: Thế đế phá tánh, Chân đế phá giả, giả phá tức tương không, tánh phá tức tánh không, cho nên chân tục bất nhị. Nhị không đồng thời. Vì đối sở phá để phân chân tục, tức chân tục bất tư nghì. Trong thông cũng có hai thứ

Không đây, danh đồng nghĩa khác, cùng thời không sai khác phải khéo châm chước. Tiếp, “Nếu lại khai...”: là nêu khai hợp. Nếu khai làm bốn nhẫn, hai chữ “nhu hòa” làm phục nhẫn, hai chữ “thiện thuận” làm thuận nhẫn. “Lại nữa...”: là Vô sinh nhẫn. “Cũng không...”: tức Tịch diệt nhẫn. Nếu làm năm nhẫn tức tách chữ “Thiện” trong thuận nhẫn còn lại đồng bốn nhẫn. Nếu làm sáu nhẫn tức tách chữ hoà trong phục nhẫn, còn lại đồng năm nhẫn. Nếu lại khai làm bốn mươi hai nhẫn chỉ xuất ở trong hai nhẫn Vô sinh và Tịch diệt. Nếu đối Trụ tiền tùy bốn, năm, sáu nhẫn, trước tăng giảm có thể biết, nghĩa đều thông sau. Nếu nói một địa đầy đủ bốn mươi mốt, thì địa địa có bốn mươi mốt nhẫn, cũng địa địa có phục thuận... Hiệp thì y trước làm bốn hay làm hai, hai lại làm một đồng lập tên nhẫn. Địa địa đều là phục thuận vô sinh tịch diệt.

4) “Nay vả lại...”: là chánh giải thích vẫn lìa nhị Không lấy làm bốn nhẫn, thì trong kinh các câu đều đầy đủ hai Không bốn nhẫn.

Trong đó có mười:

1) Nêu.

2) Liệt danh.

3) “Bốn nhẫn đây...”: nêu Biệt khác Viên.

4) “Nay Viên...”: nêu ra ý Viên nay biện rõ khác với Biệt.

5) “Đại kinh...”: là dẫn chứng.

6) “Nếu căn cứ...”: căn cứ không cạn sâu để nêu bốn nhẫn.

7) “Nghe sinh tử...”: hiểu rõ kinh.

8) “Hành đây...”: dùng ba pháp kết:

9) “Hai không...” kết danh.

10) “Đó gọi...”: tổng kết.

Thứ nhất, hai như văn. Thứ ba nêu trong Biệt giáo tức dùng hai nhẫn phán xét bốn nhẫn kia, tức phục thuận tại Địa tiền cho nên nói Sinh nhẫn, vô sinh tại Địa thượng, tich diệt tại cực quả. Cho nên từ sơ địa y pháp đắc nhẫn, thông gọi là pháp nhẫn. Thứ tư, nay trong Viên, Viên vị các nhẫn đều không có sâu cạn. Thứ năm, dẫn chứng Bất nhị nêu văn tại đây. Thứ sáu, căn cứ không sâu cạn lập bốn nhẫn. Nếu nhờ Biệt gọi Viên vả lại dùng phục thuận làm Trụ tiền, Vô sinh làm đăng trụ, tịch diệt làm Diệu giác. Tạm ly đối đương hành lý ắt dung hợp cho nên nói đều thấy lý trung đạo, nên như văn nay để đầu phục nhẫn, cũng thông Kim Cang, tịch diệt vô sinh cũng thông dưới. Thứ bảy, chánh hiểu rõ trong kinh, sở dĩ không tiêu trụ nhẫn nhục địa.. là hướng lập Viên bốn nhẫn đều do trú nhẫn nhục địa cho nên lại để qua. Lại không tiêu Pháp nhẫn chỉ lược tiêu Sinh nhẫn, nhưng sinh nhẫn nghĩa sâu pháp nhẫn có

thể biết. Trong Sinh nhẫn lại không tiêu nhu hòa thiện thuận tức tâm không gấp gáp không kinh sợ, là các đức nhu hòa v.v... Đã hiểu rõ tâm không hốt hoảng ở nơi bạo ngược... trước thì căn cứ đây mà biết cho nên biết bốn nhẫn đều y lý để hiển Viên. Trong lược giải thích hai câu đầu, giải thích: mà không hốt hoảng nơi bạo ngược. Tiếp, "Nghe Phật...": giải thích tâm cũng không kinh sợ, câu này đã dung thông, các câu còn lại có thể thấy. Cho nên nói nghe sinh tử Niết-bàn cho đến chẳng khó chẳng dễ, thì biết tâm kia thường trú nhẫn địa. Thứ tám, dùng ba pháp kết cũng là hành bất hành... ba hành. Thứ chín, mười, có thể thấy.

Thứ ba, Căn cứ ba pháp lại có tám:

1) Thẳng nêu ba pháp.

2) Ba pháp... chỉ ba pháp tướng.

3) "Trú nhẫn...": chánh tiêu kinh văn. Câu đầu tổng, "nhu hòa..." là biệt. Trong biệt nói nhẫn kiến ái... đây là chân đế không do dựa lý Trung. Lại căn cứ Không biên cho nên nói kiến ái. Nếu từ lý nói tức đồng thể kiến tư.

4) "Đây thì...": kết danh.

5) Hành cũng có ba... kết thành ba hành ba pháp.

6) Đó là... tổng kết.

7) Đưa ra giải thích khác.

8) "Kia nêu rõ...": căn cứ giáo không bài xích. Trong cụm từ "Không dung thông vân vân" thì "vân vân" là: lẽ ra nêu đủ viên tướng để hiển bày kinh này. Nếu không như vậy thì chẳng phải hành An Lạc Hạnh.

Tiếp "Thế nào gọi là Cận xứ...": Giải thích Cận xứ vì đối lìa biên nên căn cứ Khứ thanh. Hai chữ "cận viễn" nếu đối sở cận ứng đều là thượng thanh. Nay nêu năng hạnh đối pháp sở ly cho nên đều Khứ thanh, trong đó chia làm bốn:

1) Nêu.

2) "Viễn (xa) mười...": liệt kê ba môn.

3) "Trên thẳng...": chỉ bày ba ý nguyên do.

4) "Căn cứ đầu có...": là chánh giải thích ba nơi, trong đó liệt kê tam học đều nói "trợ": Người mới hành hoằng kinh cần sự trợ giúp này, tam học năng trợ trợ nơi chánh hành.

Hỏi: Chẳng viễn chẳng cận tức là chánh hạnh, vì sao nói trợ?

Đáp: Đây là phép tắc quán hành sơ tâm, phụ tam học đây gọi là sở phụ làm trợ, trợ pháp hoằng thông cho nên gọi là trợ.

Đều nói phụ: Chẳng hoàn toàn chánh thể, phụ cận mà thôi! Lại

như đầu môn chỉ là tùy cần thiết, tóm lược dẫn nơi mười, giới cũng chưa cùng khắp. Tiếp môn lại nói tu nhiếp tâm kia định cũng chưa cùng khắp. Thứ ba tợ chánh viên tuệ, tuệ cũng không cùng khắp. Vì sao? Nếu chánh lập Viên giới cần chỉ Phạm võng không vì không phải cụ túc. Nếu Viên định tuệ cần phải mười pháp thành thừa, biện đủ các cảnh. Nhất vãng lại nêu mười tám Không. Tiếp nêu ý nguyên do. Đối hành xứ trên để biện rộng lược mà làm khác, nay muốn lập lại nêu cho nên nói.

Hỏi: Vì sao những pháp trợ, thông gọi là quán ư?

Đáp: Tùy luận tu hành đầy đủ như Chỉ quán. Nếu rộng vậy, thông luận thì nêu quán nhiếp chỉ. Cho nên hành giả hoằng kinh cần phải chuyên tu diệu quán dùng ba làm trợ mới hợp Thánh ý.

Nên biết hành xứ tức chánh hạnh, cận xứ tức trợ hạnh. Chánh trợ hợp hành ba hạnh gồm lý, cho nên chẳng cận viễn đối sự lập quán dùng trợ chiếu lý chánh quán.

Hỏi: Nếu chánh trợ hợp hành vì sao trước nói trợ tương tự chân ư?

Đáp: Chánh trợ hợp hành ở thể nhập tương tợ chân. Nếu chánh nhất hướng tại chân vị thì đâu gọi là phát tâm, hai không sai biệt ư!

Nói “chẳng cầm dao gậy...”: Nay nêu viên hành đối cảnh sở nhục, tức ở giữa “trung đạo” mà nói, không đồng phàm phu giao gậy tự phòng, cũng chẳng phải Nhị thừa buông bỏ không quán. Tuy lại chánh hành mà cần phải xa lìa sự ấy, dùng mười tám không quán năng sở kia, đâu đồng phàm phu Tiểu thừa hoặc bỏ hoặc phòng. “Đều nói rộng như trên...”: Văn tuy trước sau, hành ắt đồng thời, nói tuy rộng lược pháp thể không hai. Cho nên dùng trước lược để đối nay rộng, không đồng Cổ đức là chia xẻ kinh văn.

Tiếp trong chánh giải thích: Đầu giải thích căn cứ viễn luận cận. “Hào thế”: Sợ người ỷ cậy mất chánh đạo, mới đầu giống như lợi nhỏ lâu thì tổn lớn. “Nhân pháp tà”: Sợ người nhiễm tập mê nơi chánh lý, chánh quán chưa thành cần phải phòng đoạn, việc tại gia phạm gọi là Phạm chí, xuất gia ngoại đạo chung gọi là Ni-kiền. Lộ-già-da... Nhà chú giải nói: Trước như cõi đây lễ nghĩa gọi là giáo, sau như cõi đây Trang Lão huyền thư. “Già-da-đà” cũng gọi là Vi-đà. “Cận hung hí”: Sợ phóng dật. “Na-la” đây gọi là lực, tức là giác lực hý, cũng là cân lực hý (đùa giỡn...), gần gũi hạng Chiên-đà-la khiến người không có lòng từ, gần hàng Nhị thừa khiến người xa Bồ-đề. Tây phương không tạp cho nên nói hoặc lại đến thời. Đã chưa thọ đại, không ngại tiểu chí cho nên nói tùy nghi vì dục tưởng sát hại Bồ-đề tâm, dục tưởng như Chỉ Quán

quyển tám nói. Bất nam làm hoại loạn chí Bồ-đề. Có năm hạng Bất nam: Nghĩa là sinh, kịch, cấu, biến, bán. Sinh nghĩa là trong thai hoặc lúc sơ sinh, Kịch nghĩa là đứt ngang... Cấu là nhân người khác, Biến là căn, Bán nghĩa là nửa tháng còn lại tức không có khả năng, rộng như Luận giải thích. Nơi nguy hại hiểm nạn không hợp để vào, vì cơ hiềm tăng bất thiện tâm cho người, nuôi dưỡng chướng ngăn người chánh tu nghiệp. Như vậy mười pháp các giáo đều rõ ràng chỉ lìa Nhị thừa các giáo có chút sai khác. Nay hoằng Viên kinh cần phải thuộc Viên nhân. Đây đương căn cứ Nhân duyên và căn cứ giáo hai giải thích chỉ thiếu Bản tích. Nếu muốn lập Bản tức lìa mười thứ nhị biên cảnh giới, Tích chỉ lìa mười thứ não đây thôi!

Quán tâm mười thứ v.v... khiến so sánh giống như nói, nên tác tổng biệt hai thứ: Tổng đều là pháp giới, đâu chỗ nào có thể lìa, đâu chỗ nào không lìa, chẳng lìa, chẳng không lìa mà luận lìa, trở lại đồng với chẳng viễn, chẳng cận mà luận cận. Sơ tâm tuy rõ tất cả vốn không mà phải thường thường cận ở viễn ly Biệt: thì viễn ly ba giáo, giáo chủ thế lực lớn mạnh (hào thế). Hành nhị biên tức là tà hành, người nhị biên tức là người tà. Nhị quán thần thông gọi là hung hý, tam hoặc rất hại sát mạng tam trí. Thiên không diệt tưởng gọi là chúng nhị thừa, thiên quán chân tục gọi là dục tưởng, cho đến còn lìa địa thượng pháp ái, diệt sắc trụ không gọi là Bất nam. Phương tiện quán trí đều hại Viên cực, tất cả cảnh tục gọi là cơ hiềm, xa lìa ma, ngoại gọi là không nuôi dưỡng. Mỗi mỗi đều lấy sở ly làm cảnh, đều dùng tam quán làm cận, đều lấy tam hoặc làm viễn.

Cận cận xứ: Đại luận hỏi: Bồ-tát vì sao tự tĩnh...? Luận đáp: Như bệnh đem thân... đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. Ba ý...: Như trước nêu bày định tâm định xứ định môn, liệt kê xong tức nên rộng giải thích, rộng chọn lọc. Tâm: Nghĩa là tâm năng kỳ vọng. Xứ nghĩa là xứ trong năm duyên. Môn nghĩa là năm sự điều tâm chưa rỗi luận rộng. Cho nên hai mươi lăm phương tiện tùy cần thiết liệt kê hai. Như vậy ba pháp đều khiến thân cận. Đây căn cứ đối với viễn trước để thuyết cận, gần pháp cận này nên nói cận cận.

Phi viễn phi cận mà luận cận: Đầu khai ba chương làm cảnh trí giải thích. Lại, "Quán là Trung đạo...": toàn căn cứ quán giải thích. Văn đầu có ba: Nêu môn, liệt kê chương, và giải thích. Giải thích: Chữ "quán" đầu tiên nêu lên "trí", ở giữa ba chữ "Nhất thiết pháp" là nêu lên cảnh, chữ "Không" ở sau trong cụm từ "Quán nhất thiết pháp Không" của kinh văn thì luận không giải thích, chỉ là kết thành trí cảnh.

"Nếu riêng luận...": ý nêu rõ cảnh trí, trí tức trí tuệ năm Đức Phật ở đầu phẩm Phương Tiện, cảnh tức cảnh thật Thập Như ở đầu phẩm Phương Tiện. Chỉ chữ "Không" thì tùy vị phán xét, chỉ vì đây thuộc hạnh hoằng kinh, trí kia thuộc năm Đức Phật hiển. Lại, "riêng luận..." tức là nay chánh nêu quán, tại sao nêu tất cả pháp ư? Nêu sở hiển năng cho nên Không hiển nơi quán. Nhất thiết pháp gia chi Không quán. Tiếp, "biệt giải thích": ba chữ "Như thật tướng" là biệt giải thích cảnh. "Nhị biên tam đế": Nhị biên đối trung, trung ắt tam đế. Ba mà không ba gọi là "không một không khác". Tam đế như thật đối Thất biện khác, cho nên nói "thật". Thật tức vô tướng biến tướng tất cả cho nên nói "thật tướng". "Chẳng điên đảo": Là biệt giải thích "trí", đầy đủ như đầu phẩm Phương Tiện, nay không nói nhiều. Cảnh là các câu sở quán trong quán, chỉ năng quán, quán trong bộ còn ít, cho nên trong đây văn ấy ít rộng. "Không có tám đảo": Không có thường, vô thường... đều có bốn, tức tiêu biểu trung đạo. Nhưng các tên gọi "thường, v.v..." danh kiêm giới ngoại, do trong Biến dịch chẳng những riêng có đảo vô thường..., mà đối với song phi vẫn có nêu ra mượn thường... bốn đảo. Nếu không lập song phi nghĩa thì không như vậy, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói, dùng song thọ để tiêu biểu đó. Các pháp tức trung, cho nên không có hai món tử. Đảo tức sinh nhân, không có nhân ắt không quả, cho nên trong Đại luận dụ như rơi xuống núi cao tuy chưa đến đất tức gọi là đã chết.

"Bất thoái": Khế hợp lý tịch diệt nhập Tát-bà-nhã, do từ Viên cho nên nhân lập tên quả. "Bất chuyển": Ắt định không bị phàm phu Tiểu thừa chuyển, còn không bị tam Bồ-tát chuyển, huống chi phàm phu Tiểu thừa! Phải căn cứ Lục tức để luận "bất chuyển", dưới có thể biết. "Như hư không": Trước, lập Thí dụ, vì không bị nhị biên chuyển cho nên "quán" không thể đắc, chỉ có danh tự. Tiếp, "Trung đạo...": là hợp, chỉ có danh tự tức tánh không; danh tự cũng không, tức tướng không. Đây tức sở đắc nhị không quán thể. "Vô sở hữu...": xuất tướng nhị Không. Vô sở hữu tức "tánh không tướng". "Nhất thiết ngôn ngữ đạo đoạn": tức tuyệt dứt nói năng tư duy là "tướng không tướng". Trong tánh Không, nói: "không có tự..." là ứng căn cứ chân vọng xen nhau mà luận tự tha và cộng... Nay lý chân như chỉ là Vô nhân, mà nói "không có vô nhân": là không có "Vô nhân" theo kiểu của ngoại đạo kia. Đầy đủ nhị Không cho nên "bất sinh bất xuất". "Xuất" là thoái vậy. Nay là quán hạnh tam bất thoái. Nói "Hoặc trí... bất sinh": Đầy đủ nên nói "Hạnh vị nhân quả...", chỉ vì văn lược. Nay lược nêu: Hoặc trí và lý thể

vốn bất sinh, Hoặc trí xứng lý nên đều bất sinh. Trong giải thích "Bất xuất", nói "Như Lai trị": Toàn thể tức thị, cho nên không thể xuất. "Bất khởi": Do nhập lý cho nên phương tiện lý giáo hết thảy đều tịch. "Vô danh": Lập lại giải thích "Vô sở hữu..." như ở trước. Thuyên cái không thể thuyên, thì về lý không phải danh. "Vô tướng": là tướng sở bất năng tướng. Lại, nói mười cảnh sở bất tướng. "Vô sở hữu": lần nữa lại tán thán quán thể. "Vô lượng": Không phải giới, ấm, nhập, các số pháp. "Vô biên": Không phải như thiên tiểu phân hạn pháp. "Vô ngại": Biến nhập các pháp. "Vô chướng": Không thể ngăn dừng. Tuy lại nhiều câu chỉ là năng quán, vô tướng vô tác cùng cảnh hợp. Đối mười tám câu lập mười tám quán, đối nhất thiết pháp gọi là nhất thiết không.

Tiếp ""Chỉ do...": là kết. Đầu tổng kết các câu không gì chẳng phải nhân duyên. "Trên thẳng nêu...": nêu kết gút ý. Trên phần nhiều nêu song phi, lại nói trung quán chiếu cảnh trung đạo, lẽ nào có trung quán không chiếu nhị biên? Nay đây lần nữa lại nêu chiếu nhị biên, dùng kết các văn để hiển thể trung quán bất tư nghì. Nói "lý tánh rốt ráo thanh tịnh": Lập lại cảnh trung đạo là cảnh song chiếu, cho nên nói như trên đã nói. Trong đây chia làm ba: Đầu căn cứ câu đầu để nêu song chiếu cảnh nhị biên. Thể trung đạo vô tác nhị biên từ duyên, dùng vô tác quán chiếu duyên giải hoặc. "Lại, từ nhân duyên...": lần nữa lại giải thích. Tức lấy câu đầu mà làm Không biên, chiếu duyên sinh, duyên sinh cho nên "Không", "Không" gọi là Niết-bàn, tức dùng câu tiếp mà làm hữu biên cho nên nói điên đảo; đảo cũng từ duyên. Lại, từ đảo biên cho nên gọi là điên đảo. Dùng trung đạo trước, quán không thiên mà chiếu. Nói "ý hiển", là thù thắng vì dùng nhân duyên một câu nghĩa khai hai cảnh. Nhưng văn đầu không giải thích điên đảo. Điên đảo tức là nói nguyên do nên không biệt thích. Nay từ: "Cho nên nói..." trở xuống, là không biệt thích, cho nên nói tức là diệu giáo, giáo ắt hợp cơ không cần phải nói điên đảo Nói thường lạc không có giải thích khác riêng cho nên tổng ở sau chỉ nhân duyên điên đảo tam đế, để nêu rõ quá pháp tức thường lạc tam quán.

Tiếp, "Lại chỉ...": lại hợp hai câu trước đồng làm cảnh tam đế. Phàm từ nhân duyên sinh pháp điên đảo đều là thể diệu cảnh. Do cảnh bản hữu nói các quán trên cũng do giải thích thứ hai nói dụng quán, cho nên có giải thích này kết thuyết kết quán. Lại trong kết ba phen giải thích: Do từ trước đến nay các cảnh: Đầu giải thích do điên đảo nên nói. Tiếp, giải thích do nhị biên nên nói. Giải thích thứ ba, do bất tư nghì cho nên nói. Tuy ba giải thích không đồng, cùng hiển giống nhau. Tuy

hiển như nhau đều là thân sơ. Đầu nói từ cơ cho nên nói điên đảo. Từ cơ nói thông, tiếp nói tiệm (dần) thân; do nhị biên cho nên trung đạo vốn không nói. Thứ ba toàn căn cứ thể tam đế bất tư nghì nói, tuy có thân sơ mà quán pháp không sai biệt. Đồng quán tam đế cảnh nhất thật, cho nên một câu thường lạc không chỗ nào ly hợp, do đó trước sau cùng thành một ý.

Tiếp, “Lại quán...”: là thông văn trên dưới hoàn toàn làm quán giải thích, trong đó lại có hai:

1) Tác quán thể, quán tướng để giải thích.

2) “Phàm có mười chín câu...” tác mười tám Không tổng biệt để giải thích.

Đầu nói quán tất cả pháp không như thật tướng. Nói “nêu quán thể”: Thật tướng là sở quán, dùng sở hiển năng quán mới có thể. Tiếp “Bất điên đảo...”: giải thích quán tướng. Nói “chín câu”: Đối với mười tám đơn phức dưới không đồng cho nên chỉ chín. Phức cho nên chỉ chín:

1) Bất điên đảo...

2) Bất thoái...

3) Như hư không...

4) Nhất thiết ngôn ngữ...

5) Bất sinh...

6) Vô danh...

7) Vô lượng...

8) Chỉ do...

9) Thường ưa...

Lược nêu ba câu chỉ tướng câu phức khiến các câu khác căn cứ đây có thể biết. Trong đây chín câu xong “thường ưa quán”. Dưới mười tám Không chỉ đến “Vô chướng”.

Tiếp dẫn Thích luận giải thích “như hư không...”. Lại giải thích câu bất sinh..., vì do như hư không nên ba đời không nhiếp. Đầu, “như hư không” là tổng nêu, “Vô nhập” là bất sinh, không từ nơi hiện tại để nhập vị lai; “Vô xuất” là bất xuất, không từ nơi hiện tại để xuất quá khứ, không “Vô trụ tướng” là bất khởi, tức hiện tại chẳng trụ. Dẫn ý Nhiếp Đại Thừa luận cùng Đại luận đồng. Lại dẫn Đại luận quyển bốn mươi ba, tức xét tới giải thích khác thôi. Tiếp, căn cứ tổng biệt nêu Mười tám Không: Ở thể tướng trước cũng có thể lấy làm tổng thể, biệt thể, tổng tướng, biệt tướng. Nay tổng biệt: Ở chín câu trước thì trừ hai câu sau, lấy bảy câu còn lại chia làm mười bảy, tiến thủ như câu thật

tướng, hợp làm mười tám. dùng trong bảy câu trước, ba câu đầu, hai, hai làm câu, câu thứ tư đơn, câu thứ năm thứ sáu thì ba, ba làm câu, một câu thứ bảy thì bốn câu làm câu cho nên khiến câu pháp dư thiếu không đồng. Mười tám Không đây từ sở mà được tên. Năng không chỉ là Nhất đại không mà thôi! Đại vô đại tướng tức Viên không. Cho nên văn tiếp nói "Trung đạo chánh tuệ", tức là năng không, cho nên mỗi một câu đều có năng không và sở không. Năng không tức là như, không có gì không đoạn... Sở không tức là điên đảo cho đến ngại chướng... Như nói điên đảo, điên đảo là nội (bên trong), nội điên đảo Không cho nên nói "bất". Phần dưới căn cứ đây có thể biết. Trong Không không, thì trước lập năng sở, các câu còn lại thì sở không có. Bởi vì trong câu đây thì năng sở danh đồng, cho nên biệt hiển. Các văn khác thì tương biệt, cho nên không luận. Trong đó mặc dù sở không gọi là không, vọng trí năng không còn gọi là hữu, trong đây rất lược, tùy giải thích tướng trạng và ly hợp, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói: Nếu hiểu diệu cảnh và viên mười quán thì mới rõ được mười tám quán cảnh trong đây. Nếu không như vậy, thì văn Chỉ Quán kia bèn trở thành uổng thiết lập. Cho nên chỉ là quán pháp của người An Lạc Hạnh. Cho nên biết ban đầu hạnh cần phải thông đạt ý kia thì mới có thể hoằng kinh. Nếu đầy đủ không vừa ý mà làm lợi làm danh làm nhiều làm hơn, thì chịu đồng với đạo Nhị thừa hay không? Đại thừa tiến thoái xét tự tư duy. Do đó siêng năng đối với việc hoằng kinh, bởi vì mong cùng thấm nhuần lợi ích Đại mà thôi! Cho nên mỗi một cảnh kia đều kết thành đại xa, cho nên mỗi quán kia đều y thật tướng. Hơn bốn mươi năm giáo pháp bí yếu, giáo đã khó thấy thì hạnh lý sở thuyên do đâu mà hiểu? Nếu chẳng phải lực của Tứ y hoằng pháp, thì đời mạt pháp người học mê chấp, làm sao gặp được văn này? Nếu gặp mà không cầu, thì đâu khác gì người mù với mặt Trời, mặt Trăng, đâu khác gì như sấm sét với người điếc ư! Chỉ vì trong văn nay quán pháp chưa cùng khắp, thuộc tại bộ kia. Văn tuy không tùy phẩm mà Tướng lược khắp, nay điểm sơ điều này khiến duyên tâm hữu tại. Vì sao? Vì thật tướng là diệu cảnh, từ bi là phát tâm, Chỉ Quán là an tâm, hết thảy phá khắp, mười tám là đạo phẩm, cũng không phân biệt thông tắc, lìa mười tám não loạn trợ đạo, trong mộng thấy là tiêu biểu ba thứ sau. Thông gồm bốn hạnh mười quán lược khắp, thông luận lại dùng bốn hạnh trợ giúp mười. Hoặc là bốn hoặc là mười đều liên quan đến nhân quả, bốn tổng mười biệt. Hoặc tổng hoặc biệt đều thông ngang dọc. Bốn hạnh sự nghi chỉ tại ban đầu? Mười pháp dẫn lý đều có thể trọn đến sau cùng. Lẽ nào phải Niết-bàn hạnh chỉ riêng

tại ban đầu? Lại mười tám danh đây tại Đại Phẩm, Đại luận theo đó mà giải thích. Kinh thông tam giáo, luận giải thích còn bao hàm, chỉ vì xem xét nhị thừa mà không vi tế biện Thông Biệt Bồ-tát. Vì vậy cho nên người đọc cần phải trực tâm, cho nên phải đối kinh mỗi mỗi làm viên giải thích.

Trong "Kệ....": Nghĩa khác cho nên "khai", ý đồng nên "hợp". Cho nên Hành Cận bên trên thì dùng rộng để hiển lược. "Trên thì Hành xứ và Cận xứ" đến "thứ lớp": Văn trên hành ba tuy có ba giải thích, mà nên chọn thứ ba chia làm ba đế, giải thích dùng ba lớp giải thích đều hiểu rõ khắp, không đồng ba ở trong cận, chỉ được gọi là các (đều) lại nói không thứ lớp: Chẳng những không thứ lớp cũng chính thông tổng, trong tụng phần nhiều nói văn cận xứ. Cho nên ứng nhập... đến tụng sự cận viễn: Căn cứ viễn luận cận, cũng nên nói tụng song song nêu hành cận. Cũng là tụng nhân không hành xứ, là thứ hai trong Hành xứ, trước làm nhị Không tiêu văn. Ở trong nhị không lìa mười não loạn, cũng đương sinh không nhu hoà thiện thuận. Nói tức bao gồm: Viễn trong cận, cận cũng đồng sinh không pháp không, lại nơi viễn cận tu không tu quán. Lại viễn cận bình đẳng ba cũng chỉ căn cứ ba của hành trước mà thôi! Căn cứ kệ nêu kết đều song song.

"Thường xa rời quốc vương..." tức là cho đến chức quan lớn căn cứ theo lệ trên có thể biết. Không phải thẳng vì hoằng kinh thì pháp người khác đều như đây. Làm như đây là hủy báng Tỳ-kheo: tức Thế tục nói đã là Tỳ-kheo làm việc đây, vì Phật cho ư! Phật pháp như vậy ư! Vi-đà: Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển 10 nói. Sở dĩ không cho thân cận Vi-đà, là vì hoặc sợ người nghi giáo lý Tỳ-kheo dạy, họ nói Phật pháp như đây. Lại nữa, ngoại đạo thường suy nghĩ muốn vượt qua Phật, nếu thân cận đây, thì hoặc cho là Tỳ-kheo cần họ kia, Phật pháp không bằng Vi-đà. Cho nên răn dạy trong chúng chớ thân cận ngoại pháp, cho nên sáu đế hai mươi lăm đế... đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển mười nói. Cho tán vịnh căn cứ đây có thể biết. Đầu tiên vì Bạt-kỳ Tử nói A-tỳ-đàm, cho nên biết riêng có A-tỳ-đàm tạng là Phật tự nói. Người không thấy: thì tranh chấp nói hoặc cho là Luận nghĩa bộ thuộc trong mười hai bộ, là không đúng. Nói "tương tục giải thoát kinh", là Phật tự nói cho nên gọi là Kinh. Sau khi Phật diệt độ, cái được A-nan kết tập gọi là Tu-đa-la. Ngũ bách tập, ban đầu gọi là "giải thoát", sau rộng tập pháp tướng bèn gọi là "luận".

Tướng dục: Trong tụng tuy không nói tướng dục, mà do văn trường hàng có nên nay lược giải thích. Câu-xá nói: sáu thọ dục: giao hợp, ôm

nắm tay, cười, nhìn, dâm dục, nay y danh mục xưa. Tu-luân là Tu-la. Như Trung A-hàm nói: Có một dị học hỏi Bạt-câu-la rằng: "Ở trong chánh pháp đã tám mươi năm từng hành việc dục chưa? Bạt-câu nói: Chớ nói lời ấy, còn có việc khác sao không hỏi ư? Dị học lại hỏi: Ông trong tám mươi năm có từng khởi tưởng dục không? Đáp: Không nên hỏi như vậy. Ta trong tám mươi năm chưa từng khởi dục tưởng, còn chưa từng khởi một niệm cống cao, chưa từng thọ y của cư sĩ, chưa từng cắt rọc y, chưa từng nhờ người may y, chưa từng dùng kim may vá, chưa từng thọ thỉnh, chưa từng theo đại gia khất thực, chưa từng dựa vách, chưa từng nhìn mặt người nữ, chưa từng vào phòng ni, chưa từng cùng ni hỏi han, cho đến trên đường cũng không cùng nói chuyện. Tám mươi năm ngồi tòa, cho nên biết dục tưởng về y thực... hết thảy đều không có, huống là nhiễm dục tưởng ư! Người hoằng pháp nên xem việc này làm gương. Người đời cười người khác là lạm dụng Đại thừa, lấy làm hợp tạp; nhưng ở Tiểu thừa xét kiểm cũng có thể tư duy tường tận, huống chi nay hoằng kinh thì dứt sự cơ hiềm là gốc vân vân.

"Tám tinh tấn...": Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói. "Lại nữa, không hành thượng trung...": Căn cứ phế quyền mà nói, cho nên ba giáo trước gọi là thượng trung hạ, hoặc chỉ tam thừa hoặc tam Bồ-tát. "Không cậy ở Viên...": Đức Phật mà còn dùng phương tiện khác và các pháp sâu xa khác để trợ giúp chánh đạo, thì kẻ hậu học thuận giáo pháp lẽ nào có thể cố trái? Huân tập thật còn vi tế mà khinh miệt thiên Tiểu thừa, cần phải thuận tôn chỉ Phật ngõ hầu bảo hộ vật cơ!.

Hỏi: Thiên viên và Quyền thật, có gì sai biệt?

Đáp: Thông thì không Biệt, Biệt luận Tiểu khác. Thiên Viên là căn cứ giáo, Quyền thật là căn cứ pháp, pháp tức sở thuyên trong giáo, thông cả lý trí hạnh v.v....

Hỏi: Đức Phật ở đời quán căn cơ chúng sinh sợ họ đọa khổ nên trước dùng Tiểu thừa dắt dẫn, tiếp dùng Thiên (thiên lệch) hướng dẫn, đời mạt pháp hoằng pháp lẽ nào phải như vậy ư?

Đáp: Nay nói trợ là nêu sánh ví mà thôi, sợ cậy Viên chê Thiên. Song người hoằng kinh tùy theo hành vị, nếu là người mới hành thì đầy đủ như văn nay, không dùng Tiểu thừa đáp. Nếu người địa vị sâu bắt đầu chưa hoằng pháp thì phải dùng ba pháp sinh diệt v.v... thì mới năng hiển Viên đốn, đầy đủ như trong Chỉ Quán các văn đều nói trước tiệm sau đốn.

Trước mặt khen: Như đối trước hai người mà khen một người, người kia không được khen tức là chê, nhưng người ưa khen ắt sẽ khéo

chê khiến cho người khác lo buồn điều này, cho nên đều phải dứt. Lại trước mặt khen như đối trước chê cho nên người trí hãy chấm dứt điều này.

Hỏi: Kinh tán thán tiểu thiện thì tại sao ngăn cấm khen trước mặt ư?

Đáp: Ưa khen trước mặt thì chưa hẳn khen tốt, khen thông hai nghĩa ẩn hiển, ngăn việc trước mặt dụ như đề phòng, cho nên người có hạnh an lạc tự hộ phòng việc đó. Cũng không được căn cứ nhà Trương nói sở trường nhà Triệu v.v... tức là: Dựa vào sở trường nhà Trương nói sở trường nhà Triệu. Khiến nhà Triệu cho rằng nói sở trường nhà Trương kia mà chê mình sở đoản, hoặc thấy Triệu hành nói sám nói nhà Trương siêng năng. Lẽ nào không khiến Triệu tưởng lầm khen nhà Trương kia mà chê mình ư! Giống như pháp mắng khéo vậy, do đó không nên làm. Hoặc hướng nhà Trương nói Triệu dở, lại khiến Trương cho rằng chê mình khen kia. Cho nên Đại luận nói: Tự khen, tự chê, khen người, chê người, bốn pháp như vậy bậc trí giả không làm. Vì sao vậy? Tự tán thán mình chính là người cống cao giả dối, chê mình đó là người yêu hoặc, khen người là người dua nịnh dối trá, chê người là người gièm pha nói xấu người. Người trí nên dùng tứ Tất-đàn để suy xét mà hộ tự tha (mình và người).

"Nếu tán thán nhị thừa...": Đối Đại tán thán Tiểu thì khiến mất Đại. Nếu chê Nhị thừa, thì khiến Nhị thừa đại tiểu đều mất, đây là căn cứ người mới hành Nhị thừa cũng là người huân tập Tiểu trợ giúp Đại, như Nhị thừa trong Niết-bàn. "Chẳng sinh tâm oán hiềm": chữ "oán" là khứ thanh, tổn mình thì "oán", trái tình thì "hiềm". Nếu đọc bình thanh, thì tổn thương mình chưa trọng tâm, tích chứa thù lớn. An lạc hạnh còn là bỏ cái vui thuận hợp với mình, huống chi tạo mối hận không oán. Kinh Đại Tập nói: Thời quá khứ có vua La-sát ở vào đời đức Phật Câu-lưu-tôn xuất gia trong Phật pháp, phát Bồ-đề tâm tụng trì kinh pháp Đại tiểu thừa mỗi thứ tám vạn bốn ngàn, do có ý hiềm khích Đầu-đà Tỳ-kheo nói không tụng kinh điển cũng như gốc cây còn lại sau khi đốn, do đó bị đoạ địa ngục thọ đại khổ não. Từ địa ngục ra thì bị thọ thân La-sát, cuối hiền kiếp đến chỗ Phật mới thoát thân La-sát. Người thường còn vậy huống chi người tu hạnh an lạc, vì hoằng Đại thừa kinh điển tất nhiên hộ trì tiểu hạnh. Lại oán quái hiềm trách oán sâu hiềm cạn, cạn sâu đều xả mới thành chánh hạnh. Đây khẩu An lạc hạnh; trong đó cái gọi là tâm, là chế khẩu. "Quán các pháp không...": Tâm đã trụ nơi lý Tất cánh không, là nêu lại hành pháp trước, cho nên quyết không chấp Đại mà khinh Tiểu, chỉ tùy thuận pháp tướng, lại thuận vật tình. Còn

không khiến thuận pháp mà trái vật tình, huống chi khiến trái pháp mà lại trái cơ ư! Cho nên từ "Nếu không thấy...": là chỉ đáp pháp Đại thừa, tùy nghĩa mà đáp có ba: là ba thứ ngữ, trí giả ngữ tức có thể đáp, vương giả ngữ, người gỉa ngữ tức không thể đáp. Không nên dùng Viên hạnh để quở trách Biệt, kinh tuy chỉ nói người học Phật đạo, do Tạng Thông Bồ-tát tuy cũng cầu Phật mà cùng Tiểu đồng, còn thuộc Tiểu nhiếp. Đã nói cầu đoản, do quyền có đoản cho nên như vậy.

"Tỳ-kheo..." là nói quở trách Thông: bốn chúng thông có tam thừa, cách đạo rất xa. "Lại nói Biệt": Do trong Thông giáo lại có biệt cơ. "Đắm chìm không..." là từ chối giải thích thông. Lẽ nào Dũng xuất Bồ-tát bổ xứ còn đều không biết nhất nhân làm sao khiến tu các hạnh đây được ư! Huống chi người chưa xuất dự định thuyết hạnh ư! Huống lại xuất rồi phó mạng hoằng trì, không thấy lại khiến có tu Hành xứ. Lại kinh cũng không nên hý luận các pháp, trong đây không cần dẫn Trung luận Quán Pháp phẩm, kiến luận, ái luận, kia chính là Thông thuộc lậu hoặc của tam giới. Cũng không cần dẫn Tịnh Danh kiến Khổ đoạn Tập, tức là hý luận. Đây chính biệt bài xích người Tiểu thừa quả. Lại không nên dẫn Đại luận hoặc nói phi hữu phi vô, là pháp hý luận và câu thứ tư gọi là hý luận hủy báng v.v... Nay ngăn cấm các hý luận làm chướng ngại An lạc hạnh mà thôi. Cho nên biết giải thích nghĩa cần phải vọng bản kinh, bỏ cạn theo sâu chưa gọi là đúng lý. Chỉ và Quán hai hạnh đều có bốn: Trong đây hai hàng đầu tụng Chỉ bốn, tiếp ba hàng tụng Quán bốn. Đầu, Chỉ bốn:

1) Một hàng đầu tụng hạnh thứ nhất lìa ganh, nịnh.
2) Một câu tụng hạnh thứ hai lìa khinh mạn.
3) Một câu tụng hạnh thứ tư lìa tranh cạnh.
4) Nửa hàng tụng hạnh thứ ba lìa não loạn.

Tiếp, ba hàng tụng Quán bốn:

1) Một hàng đầu tụng ý thứ nhất đại bi.
2) Một hàng tụng ý thứ ba: đại sư.
3) Hai câu tụng ý thứ hai: từ phu.
4) Hai câu tụng ý thứ tư: đẳng thuyết.

Chỉ vì kia đều từng phát tâm: Do đều đã từng phát tâm thiên tiểu, Nhập thật không xa thông thành Đại cơ tức cảnh Từ. Cảnh Bi đây nhiếp hết thảy trong tam giới. Trong văn đã không nói xuất gia thì biết là người lưu chuyển trong tam giới. Kinh tuy chỉ nói chẳng phải Bồ-tát, mà dùng Đại lệ Tiểu, thì nghiệm biết cũng không phát Tiểu, căn cứ trước thì Đại tiểu đều là cảnh từ. Nên biết ban vui bạt khổ tùy nêu một bên,

cho nên đều giải thích ngăn ngại, khiến thông Đại chỉ. Kinh nói “Không nghe không biết...”: là căn cứ lý mà nói. Thiên cũng nên có “không hỏi không tin...”. Viên cũng nên có “Không nghe không biết...”.

Hỏi: Làm sao biết được ba trước là Quyền, ba sau là Thật?

Đáp: Chuẩn theo văn chánh phát thệ, chỉ nêu ba sau mà là kinh ấy.

“Kinh dùng thần thông...”: Hai lực chỉ là phước trí hai nghiêm sâu quán nhà và áo Như Lai. “Cùng làm sức đại thiện tịch”: Bất khởi tức là áo, hiện nghi tức là nhà.

Nói “Tám vạn...”: Chỉ là Tiểu thừa tám vạn mà thôi! Như Câu-xá nói: Mâu-ni thuyết pháp uẩn số có tám mươi ngàn, chưa liên quan với Đại. “Thứ năm tùy công”: Đầu từ Thất hiền cuối đến La-hán đều có phần định tuệ. “Thành tức Niết-bàn”: Tức quả thứ tư. “Đắc hữu lậu”: Là pháp Hiền vị. Tiếp, trong thí dụ Lục hợp thứ lớp hợp sáu: Đầu hợp đầu, “Mà các...”: hợp thứ hai, “Như Lai...”: hợp thứ ba, “Kia có...”: hợp thứ tư, “Trong bốn...”: hợp thứ năm, “Mà không...”: hợp thứ sáu. Trong phần hợp cho hạt châu, kinh nói: “Thấy Hiền, Thánh...”. Kinh Đại Tập nói: Biết Khổ thì hoại ấm ma, đoạn Tập thì lìa phiền não ma, chứng Diệt thì lìa tử ma, tu Đạo thì hoại thiên tử ma. Nay không nói thiên tử ma, là do Tiểu thừa phần nhiều đoạn ba thứ ma nhưng chưa hoại ma thiên tử, nhưng có nghĩa hoại. Kinh nói “Có Đại...”: Như Lai thấy Tiểu thừa Hiền Thánh đây đã trừ nhân quả giới nội gọi là cùng ấm chiến (đấu) đến sau Bát-nhã gọi là công trạng lớn. Cho nên ba độc... lại tại trong Tiểu thừa. Thời sau đó trường thông nói hoan hỷ. Trong phiền não chướng đầu tiên lại có ba: Tức tham... ba độc. Tiếp mười sáu hàng nói tất cả, tức căn cứ dưới giải thích tất cả. Đầu thì từ Thập tín cuối thì đến Diệu giác. Cho nên biết ba hoặc chỉ tại Dục giới ba độc thô mà thôi! Do Thập tín trừ đủ hoặc tam giới, dưới còn có Kiến Tư... ba hoặc, cho nên nói tất cả. Do tất cả nói thông thâu ba hoặc đều chuyển.

An lạc đã là hạnh của Như Lai, vì người hoằng kinh dự biểu quả thành, cho nên biết lực hoằng kinh kia chẳng phải nhỏ.

Hỏi: Vì sao đến đây liền tán thán giáo ư?

Đáp: Đây tại cuối tích môn lưu thông. Trước đã nêu sau khi Phật diệt độ thì hoằng kinh công sâu. Cổ Phật chứng kinh Phật nay thành đạo. Hai vạn tám mươi vạn ức cõi này phương khác tuyên thông lợi ích không thể tính lường. Người thâu hoạch công vi diệu bởi do pháp thật, cho nên cuối phần lưu thông lập lại biện rõ sở thông. Sở thông là gì? Ba chu khai hiển cho nên nêu Luận vương uy phục binh chúng được công

trạng. Công trạng có đại tiểu, cho nên ban cho không đồng. Sau bốn hạnh đây lại kết thành, hiển bốn hạnh công thành. Năng hành hạnh đây kiêm sức hoằng kinh, hóa công trở về mình, quả tướng hiển ở trước, cho nên khiến đại sĩ sát na mộng vượt qua ức đời, tiêu biểu một đời hoằng giáo công siêu vượt nhiều kiếp. Đầu tiên trong Thập tín đã nói từ bi, lại nói chánh kiến và Vô si. Từ bi là hoằng thệ tợ phát, Chánh kiến Vô si là giới nội chân thành, tức không có Kiến, Tu hai hoặc. Trong Trụ đã nói "thấy Phật", là tiêu biểu tự mình sẽ đắc tám tướng tức giai vị phần chân Vô sinh nhẫn. Trong kiến thân xứ tiêu biểu nhập thật, tán thán hoan hỷ để tiêu biểu nhập Hoan hỷ trụ. Trong phát tâm kiến cùng sơ địa đồng, cho nên cũng nói "hỷ". Đắc tam tổng trì đủ tam bất thoái, Đức Phật biết nguyên do được thọ ký. Phần dưới nói được thọ ký, có thể biết. Tu tập nói "Hành", trước không gì không hành, không biệt mà biệt đến đây rốt ráo được gọi là "Hành", "Chứng chư thực tướng...": Nói "chư" chính là tiêu biểu đoạn ba mươi phẩm. Nói "Vô cấu": Sơ trụ đã đắc, là thuận Đại kinh, lại từ Sơ địa. Nếu nói nhập Kim cang định, nghĩa đương Đẳng giác, hợp trong địa thứ mười. Trong đây nêu "Tín... năm căn" cho đến "Tám chánh", là giải thích Phật đạo. Đạo sở hành không vượt qua bảy khoa, tùy cần lược nêu bốn khoa sau Tín.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 9

PHẦN TRUNG

GIẢI THÍCH PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Trước dùng tứ Tất-đàn thông giải thích. Trong Thế giới Tất-đàn đầu tiên nêu nguyên do vâng mệnh đến. Tiếp "Như Lai..." chánh nêu vâng mệnh đến. "Sư nghiêm...": hai nghĩa nêu xen nhau. Đạo tại Sư cho nên "đạo tôn", Sư có đạo cho nên Sư nghiêm. Sư nghiêm nên không thể trái mệnh, đạo tôn nên có mệnh lệnh thì phải đến. Do Sư đầy đủ hai nghĩa nên hết lòng vâng theo. Tiếp, chánh nêu vâng mệnh đến. Cái gọi là "mệnh":

1) Do cuối phẩm Bảo Tháp nói Đức Phật muốn đem kinh Diệu Pháp Hoa đây giao phó cho người có mặt, mệnh lệnh này còn thông.

2) Do văn phẩm này nói Bồ-tát ở cõi nước phương khác đông hơn số cát tám sông Hằng xin đến cõi này hoằng kinh. Đức Phật bảo: Thôi! Ta ở thế giới Ta bà tự có chúng đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng, tức mệnh lệnh biệt. Cho nên kinh gia trình bày điều này. Các Bồ-tát nghe Đức Thích-ca phát âm thanh thì từ hạ phương phát đến. "Bốn phương vội xuất hiện". Cung kính đến, tự tại bay đến đây cho nên gọi là thế giới... Ba thứ cộng thành sơ cảm ứng. "Ba đời....": là vị nhân: Có pháp, dụ, hợp. Đầu tiên, pháp: Tự bản thành đến nay ba đời lợi vật, cho nên ba đời đây đều thuộc quá khứ. Nay Phật tự đương hiện tại ích vật. Bồ-tát hoằng kinh lại tại đương lai. Tuệ lợi đã rộng chẳng phải tâm lường tới được.

Đưa ra thí dụ mặt trăng: "một mặt trăng" là bản, "vạn ảnh" là tích, chỉ khiến có nước là ứng có bóng Trăng, không hề mỏi mệt, lẽ nào có thể dùng ba đời mà tư duy! Nếu không bác bỏ bóng ảnh thì sao biết trời trăng, nêu rõ các Bồ-tát thật bản, khó lường ngầm hiển Như Lai tích không thể lường. "Mời quá khứ" Nếu không khai tích giáng sinh làm

Phật rồi trở lại thì không ai có thể biết, nay muốn hiển bản trước xuất quyến thuộc bản đủ có hai đời thiện căn tăng trưởng. Cho nên gọi người xưa chỉ cho người hiện tại, khiến người hiện tại sinh hiện tại thiện, khiến người xưa hoằng kinh hiện tại, khiến người đương lai sinh thiện đương lai. “Hư không...” làm đối trị. Căn cứ sở biểu lý hư không sự, bản tích. Sự có bản tích, lý không sớm chiều, hoặc là mê lý mà mê mờ nơi bản tích, cho nên chấp cận tích để thất viễn bản, bản tích còn mê huống bất tư nghì nhất ư! Cho nên bản đệ tử ở hư không, hạ phương, Bản địa Sư trải qua ở hư không xưa, nay Sư đệ ở hư không nay, hư không xưa, hư không nay hư không hạ, hư không thượng tuy khác mà thể nhất, nhưng bản đệ tử vốn biết cận tích, đệ tử nay còn mê viễn bản vì phá chấp cận, nên mời xưa chỉ nay. Nay đệ tử nhân nghi dẫn đến thỉnh nghe thuyết mới phá, phá chấp cận ác cho nên nói đối trị. Tịch tràng... là đệ nhất nghĩa: Tịch tràng Xá-na chỉ ban đầu mới thành cho nên cha trẻ, tịch quang Bồ-tát hành lâu chấp nên con già ví như sức của thuốc: Cha vì sao trẻ con vì sao già, căn cứ dưới ý cha con thí cha đã trước uống thuốc chủng trí trẻ lại nên cha già mà như trẻ; con từ lâu bẩm thọ phương pháp thường trú bất tử nên con trẻ mà như già. Tuy đều có công ăn uống mà cha con đã định từ lâu. Đây tứ Tất-đàn tuy thông giải thích văn này mà ý gồm cả phẩm sau. Song đầu một Tất-đàn văn tại phẩm này, ý thứ hai gồm phẩm sau Tất-đàn ba, bốn xét dùng phẩm sau đều là trợ sau để thành hiển viễn. Thiện sinh, ác phá kiến bản. Cho nên biết Thế giới tức là do tam Tất-đàn, phẩm Dũng Xuất chuyên tại Thế giới.

“Văn nói...”: là dẫn chứng tổng chứng tức Tất-đàn, tức nhân duyên tứ tất cho nên vân tập. Trrong cụm từ “Đoạn Lưu thông vân vân” thì “vân vân” là: lẽ ra nên thuật đầy đủ các phẩm như dưới tùy luận. Lại hai mươi tám phẩm chi có mười một phẩm rưỡi, bản tích lưu thông mười sáu phẩm rưỡi vì lực kinh lớn nêu pháp nêu nhân, dẫn nay dẫn xưa, Đông phương Tây phương, hoặc hiển hoặc mật, tổng thân, biệt thân, hoặc nghịch, hoặc thuận, Phật xưa, Phật nay tự vi tế, tự rõ ràng, lợi ích hiện tại, lợi ích đương lai, lợi súc sinh lợi người, lợi nam, lợi nữ, lợi thân, lợi sơ, lợi sự lợi lý... kể mãi không dứt, lại nữa phẩm văn nói tứ tín bỏ, chọn không định, huống chi bản tích hai xứ lưu thông ý biệt. Cho nên nhà chú giải nói “vân vân”. Bản tích lưu thông vĩnh viễn sai khác các bộ. Bồ-tát các phương nghe phước lớn lưu thông kinh, đã nghe tích môn nói, lưu thông xong, do mộ phước thù thắng mà muốn lưu thông. Đức Như Lai ngăn chỉ. Trên rộng mộ hoằng kinh nay các phương thỉnh hoằng, vì sao không cho, cho nên dùng ba nghĩa giải thích:

1) Do trách nhiệm khác biệt nên không có hai đời lợi thì không có thế giới ích.

2) Các phương khác đối với đây không có thần (thầy tôi) làm lợi ích tức không có vị nhân.

3) Hai nghĩa tích nghi không phá tức không có đối trị. Viễn bản không hiển tức không có Đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Chư Phật Bồ-tát đã cùng thuần thục, chưa thuần thục, có gì ở đây, kia; phân thân tan bóng biến khắp mười phương mà nói trách nhiệm của mình phế bỏ kia ư?

Đáp: Chư Phật Bồ-tát thật ra không có kia đây, chỉ cơ có hiện không có pháp vô thủy như vậy nên dùng nghĩa thứ hai hiển bày nghĩa đầu, nói kết duyên việc nông cạn. Bắt đầu từ đây. Phật Bồ-tát kết duyên trở lại nơi đây Phật Bồ-tát thành thục ý thú bình đẳng nghĩa như trước nói:

Do hai nghĩa này cho nên cần mời hạ phương, cho nên một phen mời gọi hạ phương cũng thành ba nghĩa, vì vậy cho nên ngăn phương kia không có ba nghĩa, không có tứ Tất lợi ích, Gọi hạ phương có ba nghĩa tức đầy đủ bốn lợi ích:

l) Con hoằng pháp cha có thế giới lợi ích.

2) Do duyên... hạ phương duyên sâu lợi nhiều có vị nhân lợi ích.

3) Lại đắc... hạ phương cận nghi phá trừ nên có đối trị lợi ích.

4) Viễn bản hiển nên có Đệ nhất nghĩa lợi ích. Đây là lợi ích triệu bản hoằng kinh. Tứ Tất-đàn trước chỉ tại thế giới vị nhân. Đoạn nghi tức là bản do trong đây chưa thuật. “Trú xứ...”: là giải thích bản xứ. Trước nêu tên cõi; tiếp dùng bốn đức giải thích;

“Là vì...”: kết danh. Vốn có bốn đức làm sở y, tu đắc bốn đức làm năng y, năng sở đều có thân năng y, y nơi năng sở cõi sở y, hai nghĩa ngang bằng mới là tướng thân cõi Lô-giá-na. Nếu nói trần sát lớp lớp tướng nhập, lớp lớp tướng có lớp lớp sự... lớp lớp thuyết tức vì người chưa hiểu, mà dùng sự hiển lý. Nếu không hiểu một tôn chỉ đây thì làm sao hiểu được mười phương pháp giới chỉ có một Đức Phật cũng chấp nhận Phật khác! Nếu chấp nhận Phật khác thì Phật ấy cũng có thân cõi lớp lớp hỗ tương hiển hiện nhập, dung thông, nên biết chỉ là căn cứ một Đức Phật mà luận khắp. “Do không...”: là giải thích ý trú. “Hạ phương...”: giải thích phương dưới. Sâu tận đáy pháp tánh là nghĩa giải thích dưới (hạ), cực địa của huyền tông là nghĩa giải thích phương, huyền tông lý nên gọi là huyền tôn. Tông là tột cùng nguồn gốc nhận lấy quả đã mong; các Bồ-tát đây phân đến kỳ hạn. Lại nói cực địa lại

địa (đất) nứt; đất lấp phủ những gì thuộc bản như tích giấu bản, nay khai tích hiển bản cho nên phân đất nứt biểu hiện. Nhưng các Bồ-tát trước đây cũng từng có tích, tuy chỉ hiển bản, đối lý chưa rõ ràng, chỉ đệ tử bị che phủ nghĩa sẽ che phủ Sư, đệ tử nếu hiểu, Sư cũng đều hiển, cho nên hiển đệ tử nghĩa là sẽ hiển Sư. Nói ở hạ phương không thuộc cõi này, không trung không thuộc cõi kia, tại hư không hạ phương cho nên không thuộc cõi đây, trú nơi không cho nên không thuộc cõi kia. Lấy cõi kia tiêu biểu không, lấy cõi này tiêu biểu có, lấy hư không tiêu biểu trung, xuất hiện cõi này không ở trên nên chẳng phải cõi trên (thượng), không ở dưới cõi này tức cõi đây ở dưới hư không cõi trên, cõi này tức là dưới nên nói dưới đây. Lại dùng thượng giới tiêu biểu không, cõi đây tiêu biểu có, hư không cũng tiêu biểu trung, cho nên thượng hạ hai không đều tiêu biểu lý trung. Lý tức Tịch Quang. "Nguyên do đến..." đến "đều như trên nói": "Từ" nghe mệnh lệnh...": bốn câu cho nên đến, là kết giải thích ý phẩm tứ tất, cũng là dừng phương khác triệu hạ phương ba nghĩa cho nên nói như trên.

"Nếu y pháp môn": Năm chữ nay ứng hợp chấp sáu vạn chẳng phải nhiều dưới chẳng phải đã trên vẫn thuộc nhân duyên, cũng không cần thay đổi. "Nhất tức nhất đạo...": Đã nói pháp môn cần phải thông nhân quả, sự thì từ nhiều đến ít, pháp môn từ ít đến nhiều nghĩa nên y lý khởi hạnh. Tăng đến lục độ đã kết làm sáu vạn thành viên quán hạnh, hạnh y diệu cảnh cho nên độ thành vạn độ thật không có vạn. Trong sáu độ đều có vạn chỉ là một vạn không khác biệt vạn, sáu hoàn toàn là vạn không khác biệt sáu, mỗi một độ hành đều là pháp giới, giới vô giới tướng chỉ một sát-na tức "nhất đạo". Một - sáu đã vậy, nhưng hai - ba - bốn - năm căn cứ đây có thể thấy. Vậy thì trong sáu đều là một nhiều đầy đủ tất cả. Phải biết nhất đạo đến ngũ căn đến, một nhãn một đế đều đủ một vạn, đều là tam quán quán pháp giới. "Đều nói thiện" không thông mê, nhiều không nhiều là không, một không là một giả, song phi song chiếu là trung. Nói v.v..." cần phải luận đủ diệu cảnh diệu quán đầy đủ như trên dưới không còn lại nói hạnh đức của Bồ-tát kia. Căn cứ đầu tiên "Ba nghiệp cúng dường" đến "thấy khắp" là đây chính cảm ứng đạo giao, năm mươi kiếp khiến như nửa ngày. Đây nêu việc dài ngắn bất khả tư nghì của Như Lai hiển bày nơi thần lực tự tại của Như Lai, tức là hiển không căn cơ tuy mượn tuy ẩn mà cũng không thể nơi dài thấy ngắn nơi hẹp thấy rộng, gương soi đâu tiếc tốt đẹp do hình cho tiên vậy!

Có người nói: Chỉ cầu nghe pháp mà quên cả thời gian dài hoặc

nói dài ngắn đây, mất cả sự dài ngắn ở đây tồn tại, đây đều đắc cảm mà mất ứng, do đâu mà kiềm chế thần lực Như Lai ư! “Lễ bái nhiễu quanh...”: lại giải thích cảm ứng. Đầu tiên giải thích ba nghiệp cúng dường làm cơ... “Năm mươi tiểu kiếp...” là giải thích tướng cảm ứng tức dài mà ngắn. “Bốn chúng...”: là giải thích tức hẹp mà rộng. Trong dài ngắn lại có bốn:

1) Lược chỉ.

2) “Như Lai...” nêu rõ không dài mà dài.

3) “Giải...” căn cứ giải hoặc phân biệt tức là phó cơ.

4) “Đây là...”: nêu ý hiện dài ngắn.

Văn thứ nhất: Tức một trong tám tự tại. Văn thứ hai: Mắt Phật xem dài ngắn không hai. Tứ nhãn nhìn đều có dài ngắn, cho nên phó cơ dài ngắn khiến thấy không phải một. Văn thứ ba: Giải Hoặc đều có cơ cho nên khiến Bồ-tát tức ngắn mà thấy dài, người chấp tức dài mà thấy ngắn. Như vạn tượng sum la phàm phu cho là khác, Nhị thừa gọi là như. Như Lai thấy chẳng như chẳng khác mà như mà khác. Đã nói khiến các đại chúng nghĩa là như nửa ngày tức thúc giục kia dài khiến kia thấy ngắn cho nên nói ẩn dài, rộng hẹp cũng vậy. Như hữu lậu pháp còn tối tăm, ở sáng mà không thấy loài dơi ban đêm mà có thể thấy cho nên biết sáng tối tại mắt chẳng phải tại cảnh. Huống chi cơ ứng tướng triệu lực xưa nay.

Hỏi: Đã nói “Hoặc”, sao lại gọi diệu cơ?

Đáp: Bồ-tát đã phá vô minh, xưng là “Giải”. Đại chúng vẫn ở Hiền vị gọi là “Hoặc”, trong cơ biện rõ vị cho nên nói “Giải Hoặc”.

Bốn thứ đây vì bình đẳng là hiện đây phi trường, phi đoản, trường đoản (dài ngắn) và chẳng rộng chẳng hẹp, rộng hẹp, là nêu rõ thành Phật đã lâu hóa tích ắt nhiều, đã vì làm hạ phương chẳng bản chẳng tích viễn bản và chẳng ít, chẳng nhiều rộng tích mà làm gọi trước. Cho nên biết khai xong còn thông đạt chẳng viễn, chẳng cận ,viễn bản, huống chi cận tích. Nếu chưa khai hiển, còn mê muội nơi cận tích huống chi viễn bản chẳng viễn chẳng cận. Do chưa biết từ lâu bản mà bị mê hoặc lý đây hẳn như vậy, cho đến khai hiển đều biết bản không dài ngắn viễn cận đây còn, cho nên nói bất tư nghì nhất. Cho nên trước mật hiện tiêu biểu bản tích phi bản phi tích. “Bốn chúng thấy khắp...” : nêu trong rộng hẹp, cũng trước lược bày. Tiếp, “Xét nhục nhãn...”: là giải thích: Nhục thiên hai nhãn với tự lực đó thấy không xa, nay bỗng thấy xa, biết chẳng phải sức mình, tức biết Như Lai hiện thần biến đây chắc sẽ nói pháp vi diệu.

Tiếp mưa dữ dội đầy hoa dụ cho thấy ứng, rồng phun nước đầy ao sâu dụ biết chân thật. “Thấy ứng...”: là hợp thí, thấy các Bồ-tát ứng tướng đã nhiều ắt đều chứng đắc chân thật khắp pháp giới chỉ hướng người thấy ngắn mà thấy nơi rộng, rộng nếu là cơ ngắn đâu thể chuyên ứng ư! Đã thấy rộng tức hẹp lý cũng chính là thấy dài tức ngắn, mật tiêu biểu đương phá vô minh cho nên lại kiềm chế một phần kia. Trình bày hỏi trong kệ cũng tụng hai nghĩa trước:

1) Một hàng đầu tụng trước: Như Lai an lạc có hai: hai câu đầu chánh tụng an lạc. Hai câu tiếp tuy nói giáo hóa cũng thuộc an lạc đó thôi.

2) Một hàng tụng ý thứ hai dễ độ... Nói “vân vân”: là khiến nêu ý trong hai câu tụng. Chỉ nêu bốn người nói muốn làm theo, so sánh theo, cũng đối với Như Hoa Nghiêm... dẫn đồng. Bốn mươi vị... nói v.v.... nêu kia đây Phật tuệ đã đồng nhân pháp tương vọng cũng bang đẳng. Chỉ vì tích kia bản đây, kia và đây riêng biệt, cho đến như mười nghĩa sau không đồng. Bản tích tuy khác mà kia đây đều có bốn, đều là dẫn đầu cho nên được theo lệ. Tuy có thêm cùng không thêm và tên không đồng vì biết không là pháp tuệ kia bình đẳng. Cần phải bôi lớp mỏng lướt qua cũng như đứa bé bị bệnh uống thuốc tạm thời đoạn dứt sữa quyền dùng độc bôi, thuốc đã khô rồi rửa sạch uống sữa, đầu sữa sau sữa thể sữa không khác; trung gian bị bệnh tiến hay không là do quyền lập, cũng như mụt nhọt khí nóng đang thạnh, cần phải dùng đá lạnh chườm qua khiến nóng thôi rồi, dứt lạnh, đầu thân sau thân thể kia không khác. Bị nóng thì tạm chườm, nóng thoái lại như ban đầu. Đây nhập kia nhập hai nơi không khác. Chỉ vì căn độn, thời nhập chưa đến. Như ung nhọt, như trẻ con cũng cần phải bôi, chườm lạnh, dùng lạc... ba thứ tạm thời điều thục cho nên nói bạc (mỏng). Nói “Mười ý”: Tuy Phật tuệ không khác hóa duyên sinh thuần thục sáng tối vẫn sai biệt. Vì vậy cho nên lược cần thuật sự khác đồng đó, không thể sự khác khiến Phật tuệ sai khác, đâu phải Phật tuệ đồng khiến giáo duyên là một, hai Tô thời khác Phật tuệ ắt đồng huống lại cũng là một Đức Phật sở hóa, cần phải hiểu rõ khác vốn chẳng khác. Trong đó trước liệt nêu tiếp giải thích. Trong liệt nêu thứ ba nói xen nhau, căn cứ dưới giải thích trong đây nên là đề mục nói ngang dọc rộng lược, đến trong dưới giải thích hai nơi đều sai biệt. Tiếp trong giải thích đầu trước thấy nay thấy: Hoa Nghiêm nói mới bắt đầu thấy kinh văn tự nói mới thành chánh giác. Văn sau chỉ là rộng nêu tướng nhân quả, y chánh thông đồng. Do đó trong một kinh, mà ba nơi văn nêu rõ, tức đầu phẩm Thế Chủ, đầu phẩm Danh Hiệu, đầu phẩm

Thập Định, đều nói ở Bồ-đề tràng mới thành chánh giác. Do thành bắt đầu cho nên kiến tức thành ban đầu, nay tức Pháp Hoa chính ở thành Vương-xá khai tri kiến Phật. Năng kiến sở kiến cảnh trí đâu có gì sai khác.

Tiếp, "Nhật chiếu...": khai hợp không khai hợp: Hoa nghiêm vọng tiểu lại gọi là không khai, còn chấp nơi tiệm cho nên gọi không hiệp, ở Hoa Nghiêm kia không nhập, vì nay nhập, lại khai nơi tiểu, Tam-muội điều phục nay kinh mới hợp. Nói năm vị gồm luận từ đầu đến cuối vậy. Huống chi kia không hợp nay cũng hợp đó. Cho nên, biết kinh kia khai cũng không khắp, hợp căn cơ chưa đủ, hợp cũng không khắp, còn tồn tại quyền tích. Nên biết kia khai cũng là đây khai, nhưng cũng đây hợp đâu khác kia hợp, việc một Đức Phật hóa đồng khác rõ ràng. Chỉ vì kia không có tiểu căn cơ ban đầu gọi là đốn, từ khai tiểu về sau gọi tiệm trở về đốn, khai hợp tuy khác mà hai đốn không sai biệt.

Tiếp, "dọc rộng ngang lược": Hoa Nghiêm lại căn cứ nhập pháp giới biên, và từ Sơ trụ cuối đến Thập địa gọi là dọc nhập trải qua bốn mươi hai vị nên gọi là rộng. Lại căn cứ ở không dùng sáu phương tiện biên nên gọi là ngang lược; phương tiện đối thật nên gọi là ngang. Nếu căn cứ rộng luận hạnh nguyện, thân Phật, cõi Phật, tướng hải, danh tự, thân cõi bốn câu chủ bạn mười phương cũng là ngang rộng. Nhưng tự tại đại trong dọc mà luận ngang cho nên nói ngang lược.

Đây thuật một phen hóa trải qua khắp năm vị, vị vị các giáo, giáo giáo tương vọng cho nên nói ngang rộng. Từ đầu đến cuối nơi nơi đắc nhập cho nên nói dọc rộng, hai môn Bản, Tích đều nhập thật lại gọi là dọc rộng. Lại cũng nên nói hoặc Bản hoặc Tích đều luận lâu xa, ba đời lợi vật vĩnh viễn không cùng tận gọi là dọc rộng, trong ba đời giáo hóa, tám giáo tướng nhập cho nên nói ngang rộng, huống lại phóng hào quang ngang trình bày các Bồ-tát hành ở cõi khác. Đáp hỏi dọc giải thích quá khứ hóa nghi. Ba chu ba tiết nói lãnh giải thuật ký lại được gọi là ngang rộng dọc rộng, đều là Như Lai khéo léo thuận vật thích hợp hội đương thời. Nên biết đây rộng đâu khác kia rộng huống kia dọc rộng nghĩa bao hàm ngang rộng cho nên hiển mật không đồng, thời thuyết chưa đến, phàm có thiết lập nói không đồng đó vậy.

Tiếp, "Bản một Tích nhiều...": Chỉ Hoa Nghiêm chỉ dùng một đài làm bổn trong tích, bản chẳng lâu xa cho nên khiến ngàn lá thành tích trong tích, chỉ vì đài vọng ngàn lá nên lấy đài làm bản. Dù khiến mười phương hỗ tương làm chủ bạn, thì mười cũng lại không xa lìa một mảy trần, một mảy trần ở nơi đài đây lá đây. Phải biết đó chỉ là y chánh

trong Tích, nên Tích nhiều cùng chung với các kinh. Cho nên, Pháp Hoa tích đồng các kinh. Hoa Nghiêm chỉ cùng phần đồng trong tích nhưng đã rộng trình bày y chánh dung thông việc gì lại không nêu bản lâu dài ư! Nếu luận bản môn thì cùng các kinh sai khác, Hoa Nghiêm tức mang Pháp Hoa bản khác. Hoa Nghiêm tuy có nhân hạnh lâu xa cũng chỉ là nhân ngày nay một phen thôi! Còn chưa từng nói quả trung gian huống chi có trung gian thường luôn thành Phật. Phải biết đây khác thì khác với kia, cho nên nói riêng bản. Nếu nói không khác Già-da thì còn là Hoa Nghiêm đâu chẳng phải! Khai thì đều khai bất tư nghì nhất đây chính dùng Pháp Hoa viễn bản khác với Hoa Nghiêm cận Tích. Cho nên biết giáo môn không được không khác.

Tiếp "Được thêm...": Hoa Nghiêm phần nhiều là thêm Bồ-tát thuyết, cho đến Văn-thù Phổ Hiền và nhập pháp giới, còn là Bồ-tát tự nói, không thấy văn Phật ấn chứng Pháp Hoa từ trình bày Văn-thù giải thích nghi và trong lưu thông. Có các Bồ-tát phát thệ nguyện hoằng thông đều do đức Phật thuật là để đối đức Phật tiện làm ấn chứng cho nên bản tích chánh kinh đều do Phật tự thuyết. Tuy thêm đều thành Phật tuệ hóa nghi thiết lập thời xứ không đồng, ấn cùng không ấn kia lý nhất. Phải biết đồng khác để hiển hóa nguyên do hóa độ.

Tiếp, nói "Cõi bất biến...": Tịnh uế không đồng thường tự sai biệt. Nay nói biến: Uế là thí quyền biến tiêu biểu hiển thật, uế thuộc ngũ trước vốn tại tiểu cơ, cơ hợp quyền khai cõi biến làm tiêu biểu. Cho nên, hiển bản đã thuần các Bồ-tát, tịnh độ không hủy mà chúng thấy thiêu hủy. Lại kia thì chủng chủng thế giới không đồng, tịnh không ngại uế, đây thì cây báu hoa quả vui đạo, uế không ngại tịnh, huống chi Thường Tịch quang độ tốt xấu đều vong. Tịch quang sở đối đều có tịnh uế. Tuy biến mà bất biến Phật tuệ có gì sai khác. Đâu do đầu cuối biến bất biến sai khác khiến Phật tuệ sai khác. Nếu vậy, nói không tin không hủy chính cố chấp nơi văn kiến thiêu. Mà dùng Hoa Nghiêm hình bài xích Pháp Hoa. Như người hủy báng thân kia mà xưng tán tay chân, cho nên biết căn cứ tích nói biến bất biến, tịnh uế khó nghĩ bàn thể đồng danh khác.

Tiếp, "Đa xứ bất đa xứ...": Bảy xứ tám hội và hai xứ ba hội, tuy nhiều ít không đồng, chỗ nói có gì sai khác! Đâu có nhiều ít (đa thiểu) sai khác khiến Phật tuệ sai khác. Nếu do đồng một báo độ cũng chẳng phải đa xứ (nhiều nơi). Trong đây rộng đối bốn cõi xứ từ chối thành đa (nhiều), trở lại dùng kia nhiều đối tịch quang đây. Nhiều cũng tức là một kia đây thể một Phật tuệ không khác. Tiếp chê đoạt lấy: Cũng có

thể lại nói kia như câm như điếc, cho nên có chê đoạt, đều được Phật thọ ký cho nên không có chê đoạt. Lại có Tiểu thừa cần phải cải đổi cho nên các kinh chê đoạt, kinh kia không có Tiểu thừa cho nên đương bộ không bài xích. Lại việt giáo quyền nói quyền đây dễ chuyển cho nên không cần bài xích, Tiểu thừa khó chuyển cho nên cần phải chê đoạt lấy chuyển. Tiếp thẳng hiển thật...: Tuy có việt giáo để dễ khai cho nên cần nói thẳng (tức). Phải quyết hiểu rõ: Tiểu khó khai cho nên phải nói khai. Tiếp căn lợi độn: Căn cứ thứ lớp điều thục gọi là độn căn, nay đều khai đâu được độn độn. Nếu căn cứ gồm biệt, kia vẫn một độn, đây chính độn lợi, cho nên căn cứ năm vị phán xét các lợi độn bởi do đây. Nhất vãng lại từ hội nơi độn cho nên nói độn, sở dĩ đến đây cơ đồng, cảm đồng cho nên Phật tuệ đồng. Căn cứ hóa nghi nói cho nên cần biện rõ sai khác. Nếu biết lý đồng tức hỏi: Tất cả các kinh cho đến cây cỏ theo lý đều bình đẳng, riêng gì Pháp Hoa ư? Đáp: Giáo đồng khác đầy đủ như trong Huyền Văn. Tuy hết thảy lý đồng nói nơi giáo này mà nay đối tương khen là khen giáo năng thuyên cho nên không có trong các giáo. Xưa nói...: Trước nêu xưa giải thích, tiếp "Nay do...": mười văn đều như vậy, mới biết hai bộ đề liễu, mãn bình đẳng. "Vân vân" là cho đến nên dùng nhiều lớp đều quyết định mà phá Sư xưa. Cùng hỏi rộng lớn sai khác.

Trước hỏi vì sao? Hỏi nhà tùy hỷ người năng hỏi tức chỉ các Bồ-tát năng hỏi chư Phật, nghe rồi tin hành tức chỉ các người sở hóa của các Bồ-tát, nghe Bồ-tát nói rồi năng tín hành. Chúng con tùy hỷ: Tùy hỷ năng hỏi sinh khởi đại lợi ích. Tùy hỷ người sở hóa của Bồ-tát. Như Lai thuật lời tán thán chỉ nói các ông năng đối với Như Lai phát tâm tùy hỷ. Vì sao ông trên hỏi nói trái ư! Rộng là đại. Nhưng năng hỏi dưới đáp có thể thấy.

Đây cũng mật tiêu biểu thọ lượng: Nay tán thán Bồ-tát còn là cổ Phật, mật tiêu biểu Phật nay chẳng phải nay thành. Nếu chẳng phải nay thành ắt có viên bản, cầu được rõ ràng cho nên nói mật tiêu biểu, chính cần dựa theo nhau ý mật tiêu biểu. Cho nên chú thích "vân vân", tức đã như trước biện rõ. Dưới kết nói đây căn cứ tứ tất là cần phải chỉ bày đây... Tất-đàn bốn văn và ý. Đầu tiên là Thế giới. Tiếp ba Tất-đàn. Chữ "Lại" là ba Tất-đàn còn lại. Đây căn cứ Di-lặc không biết, biên không có tứ tất lợi ích. Do hỏi nên biết, biết tức bốn lợi ích.

Đầu văn: Bấy giờ ngài Di-lặc Bồ-tát và tám vạn đại sĩ: E rằng văn lầm. Căn cứ kinh văn nói tám ngàn hằng sa. Trong phẩm đầu, đầu căn cứ đến, tiếp căn cứ chỗ đi. "Nếu đến...": kết hai việc trên do đó nay thấy

đều không biết, đây có hai nghĩa:

1) Căn cứ quyền giáo tuy ở trong mười phương ngang dọc đạo đi, giáo quyền thời gian cạn, không sánh bản nhân.

2) Căn cứ thật đạo, tuy ở bổ xứ cũng tại trong tích, đâu có thể nói biết. Nếu thật địa vị cao xa vì chúng phát tích nên cần phải phát khởi. Căn cứ mười phương cõi qua lại sai khác nên biết, không biết sai khác, do không biết nên không có Thế giới lợi ích, sau không biết trước là Vị nhân, người trước tiến có sở chứng thiện. Di-lặc không biết trong chúng kia thiện, tự thiện không sinh cho nên không có Vị nhân. Tuy trước tiến vị sâu đâu quá Bổ xứ. Tuy nói người học sau vô cấu vị thành, làm sao được dùng trước sau phán xét, cũng dùng hai nghĩa trước thông có thể thấy. Sở hóa sai khác cho nên thuộc Đối trị. Xét hóa vật: Vốn trị bệnh chúng sinh. Di-lặc không biết chân ứng, không có đạo kia lợi ích vật tức không biết bệnh không đối trị. Nhưng người trí biết trí, xà (rắn) tự biết xà, đâu phải người Bổ xứ không biết kia chân ứng, cũng đủ hai nghĩa, tuy đồng Bổ xứ mà xa gần không đồng, cho nên biết cận không sánh bằng viễn. Mật khai thọ lượng là Đệ nhất nghĩa tức lý tối cực của một bộ này đâu chẳng phải đệ nhất. Sinh nói: Do kia ngộ tánh chẳng phải Thập trụ sở kiến cho nên Di-lặc không biết một người nhưng địa vị Di-lặc tại Bổ xứ vì sao phán làm Thập trụ! Lại không biết sinh vì Di-lặc chứng Thập trụ nào?

Có người nói: Di-lặc sao không thẳng hỏi trường thọ như trong Niết-bàn hỏi trường thọ ư? Nay đáp: Đây đều không hiểu, nay cho rằng gần thành Già-da, không biết quá khứ trường thọ, do thấy từ đất vọt hiện không biết, nhân đó nghi do quyến thuộc. Đức Phật đáp nguyên do kia cần phải luận trường thọ cho nên quyến thuộc hiện đâu có phí công. Cho nên biết từ đất vọt hiện là sinh nghi cho nên hiện, Như Lai vì hiển trường thọ cho nên triệu gọi.

Cho nên, viễn cận hai nguyên do đều vì nói viễn Ca-diếp Đồng tử đã ở trong đây nghe trường thọ xong. Nơi kia chỉ hỏi nhân trường thọ, cho nên kinh kia nói vì sao được trường thọ? Tức hỏi nhân. Đã nghe quá khứ vì hiển vị lai, cho nên hỏi trường nhân để sinh đức Phật đáp. Đây khó kia dễ lý số như vậy... khiến điểm xuất tứ Tất-đàn giải thích như trước. “Thỉnh đáp Sư chủ...”: là giải thích nêu ý thỉnh. “Nán đợi Di-lặc...”: đáp hỏi lợi ích không tại nơi ta, cho nên không vì đáp. Nán đợi Thích-ca đáp. Di-lặc hỏi cho nên nói đợi Di-lặc đó thôi! Vì sao? Vì Di-lặc hỏi việc tích bất khinh, đức Thích Tôn một đời chưa từng hiển thuyết, nhân đây đáp hỏi rộng hiển bày trường thọ. Đây một đời huyền

bí tại Phật tự khai tự ông đương nghe ta không ứng đáp.

"Sư Tử Phấn tấn...": Trong đây hai giải thích: Trước các giải thích dụng nghĩa không đồng bởi do đây vậy. Từ trước giải thích Di-lặc không biết cho đến trong đây nói mười phương tức phần nhiều chỉ tám phương tổng nói mười phương. Lại riêng nói "đến dây điểm bốn...": ý cần phải thuật bốn đức đối ba đời, bốn đức đây chẳng trước chẳng sau, tùy đức lưu loại có dụng ba đời, cho nên dùng bốn đức đối với ba đời. Không biệt mà biệt, tư duy có thể thấy. Hết thảy vạn đức đối dụng đều như vậy. Huống chi bốn đã chẳng phải bốn, ba cũng chẳng phải ba. Nếu muốn lược đối ba, bốn danh tướng, thì thần thông là Bồ-tát du hý, cho nên gọi "lạc". Lợi ích tận đời vị lai, cho nên gọi là "thường". Hai thứ còn lại dễ thấy. ba hàng tụng ba đời: Trước Sư tử... để nêu ba đời, trong văn cũng không có câu nói ba đời, chỉ vì xu thế nghĩa đồng ba đời thôi! Nay tụng cũng vậy. Thẳng nêu đức Phật nói chân thật... văn một hàng rưỡi tụng mà dụng thông. Nói "đã không hư dối" ắt biết ba đời lợi ích cũng chân thật. Song đáp song giải thích. Song đáp từ trước đến nay cho đến Sư chủ. Hạ phương giữa hư không là dẫn Đại luận nói "có để tán": để là hạ, tán là không. Đây chỉ tiêu danh.

Nếu xuất nêu thể trạng, tức căn cứ giáo giải thích. Đầu văn nói bốn sau nói căn cứ giáo, tức bốn giáo đầy đủ. Phi tưởng là dưới đáy hữu lậu, không là đáy chân đế, biên tế trí là đáy tục đế đều lấy sự cùng cực giải thích. Vậy thì đầu một là Tạng, tiếp một là Thông, sau một là Biệt. Kinh này là Viên, lấy trung làm đáy. Trong bốn giải thích chỉ nói giải thích đáy không nói tán, (đáy) để tức tán cho nên không còn biệt giải thích... "Vân vân" là nên phân chọn trong chân. Giáo môn đều có hai cho nên đáy không đồng, nay là khai hiển viên đáy trung đạo. Từ không y chỉ... từ không y chỉ... dừng ở hư không hạ phương đều không y nơi trên dưới (thượng hạ) nhân thiên. Nơi nhân thiên là nhị biên: Căn cứ sở biểu giải thích nhân (người) phần nhiều đắm, chấp là tiêu biểu hữu biên, thiên (trời) trú nơi tịnh phước là tiêu biểu không biên, ở trong hư không đây là tiêu biểu trung đạo. Năm hàng rưỡi đầu tụng lại có hai: Bốn hàng đầu đáp sư đệ, tiếp một hàng rưỡi tụng đáp xứ sở (nơi chốn). Trong đó lại có hai: Nửa hàng đầu chánh đáp xứ, tiếp một hàng tán thán đức Bồ-tát, ba hàng dưới song song giải thích, trong đó lại có hai: Hai hàng rưỡi đầu tụng giải thích Sư đệ, tiếp nửa hàng tụng giải thích xứ sở. Kinh không nói xứ, chỉ nói lâu xa giáo hóa. Là vì trước trong chánh đáp đã nói xứ xong, nên chỉ dùng thời mà giải thích xứ. Quá khứ lâu xa ở nơi nào hóa, hóa khiến nhập thật tức giữa hư không. Nói "vân vân":

nên hiểu rõ kinh văn hai hỏi ý song song giải thích, lược như trước biện rõ. “Bạch Phật...”: là căn cứ văn dưới đây nên trước khai làm hai: Đầu xuất hiện ghi, tiếp thủynh đáp, chấp xa nghi gần.

Hỏi: Di-lặc đã không biết số kia, không biết một người, vì sao lại biết từ lâu gieo trồng căn lành ư? Đáp: Chỉ do không hay, không biết và do đức Phật tán thán trú xứ đức nghiệp đã nhiều, lại sâu đâu phải gần thành Phật sở hóa ư? Trong kết thỉnh kinh chỉ nêu khó tin, tức dựa vào vật không tin không chịu mà như kích động Phật khiến ắt có sự trả lời.

“Sắc tốt đẹp...”: lấy sắc... làm dụ, tổng tại tuổi nhỏ vì nói vậy. “Chỉ trăm tuổi...”: Trước lược hiệp thí, tiếp trình bày căn cứ các Sư phương Bắc dùng thí dụ giải thích thí dụ: Đầu giải thích thí dụ tiếp hiệp. Giải thích thích thí dụ nói con không uống thuốc, lại căn cứ không hiện thân liệt ứng mà nói không uống, nhưng dùng thắng ứng thân tiêu biểu bản cho nên nói trăm năm. Đã nói nếu Phật và Phật thì hiển Di-lặc không biết. Tiếp, “Như Lai...”: nay hợp thí. Sư nay dùng ý này nên bài xích xưa, hợp văn vẫn lược. Nói Như Lai ngang uống thùy ứng thuốc: Là trí khế hợp lý sâu xa, do dọc uống nơi thuốc chân đế lợi ích chúng sinh khắp nơi, chính do ngang uống thùy ứng thuốc. Thuốc chân đế: Giả tức không quyền tức thật, âm thầm tự hành. Thùy ứng thuốc: Không tức giả, thật tức quyền, hóa tha sinh khởi. Như vậy sơ tâm do ngang dọc diệu dược (bất nhị) không hai, ba dược đây không trước không sau. Thuốc chân đế: Dùng trị bệnh. Thuốc thùy ứng: Dùng hoàn niên (trở lại tuổi trẻ). Thuốc bất nhị: Kéo dài thọ mạng, do hoàn niên cho nên tuy già mà trẻ, hiện thân bất nhị cho nên nói bản địa.

Chín thứ đệ định là khéo nhập: Từ thiền đến thiền vô gián nhập. Phấn Tấn là khéo xuất: Từ thiền đến thiền đều trải qua tán, tâm do tán gọi xuất. Siêu việt là khéo trụ. Tuy trải qua khởi tán mà trụ thiền rõ ràng. Tất pháp tánh làm khéo nhập: Tất là cùng, cùng cực pháp tánh. Thủ Lăng-nghiêm năng hiện oai nghi. Vương Tam-muội: Như vua an quốc, trong đây căn cứ giáo Tạng Thông đồng, sở chứng đồng. Căn cứ nhân làm khéo tu tập...: Từ cạn bước dần đến sâu cho nên nói “thứ đệ”. Nói “vân vân” Khéo xuất khéo trụ đều ứng từ quả lập danh, nhân đều khéo tập như trước phân biệt.

Trong đây không luận bản tích. Đã là trong bản đệ tử chưa cần luận tích. Tín tức tăng đạo..., vị lai bẩm thọ quyền phần nhiều nghi nơi viễn bản, nên phải tùy căn cứ các phương tiện giáo nêu bất tín, để hiểu ý văn nay. Nay văn đều căn cứ từ lâu đã thành nêu tín mà luận tăng đạo, tăng đạo ắt tổn sinh, đầy đủ như phẩm sau.

GIẢI THÍCH PHẨM THỌ LƯỢNG

Đầu văn sở dĩ không nêu tứ Tất-đàn là vì nhân duyên giải thích: Tức phẩm trước chưa được lợi ích của tứ Tất-đàn, nay đây đáp xong tức là bốn lợi ích. Trong đây chia làm hai:

1) Dẫn xưa thông giải thích.

2) Chánh giải thích phẩm.

Văn đầu lại có bốn:

1) Nêu các sư giải thích khác nhau.

2) “Đời trước…”: dụ các Sư để phá Quang Trạch.

3) “Duật bạng (cò ngao)…”: nay bốn câu giải thích.

4)”Hỏi…”: hỏi đáp tổng quát. Đầu tiên, Duệ sư trình bày ý, nêu phân thân để giải thích “Thọ lượng” mà dùng lý so sánh sự, đều nghĩa “không đủ” để giải thích ý “đủ”. Nêu thọ mà chẳng thọ thì mới gọi là “thọ”, thân mà chẳng phải thân mới có thể là thân, đều do đắc lý năng hiện thân thọ, cho nên nói “Vậy thì Thọ…”. Vì thế, câu đầu thọ đắc lý nên mới chẳng trường mà trường. Tiếp câu thân đắc lý, chính khác mà không khác. Thọ đã do số mà chẳng phải số, thân cũng phân vô sở phân, do lý lánh phi lượng cho nên không thể dùng số cầu pháp; thân phi hình cho nên không được dùng thân để nhận lấy. Phân thân đã dùng Pháp thân làm thân, thọ lượng cũng dùng thường thọ làm thọ, cho nên liền dẫn Phổ Hiền Đa Bảo mà làm giống như hưng khởi. Phổ Hiền ở ngôi vị cùng cực của Bồ-tát, còn gọi là Hiền, có thể tiêu biểu Già-da thành cũng chẳng phải thành. Đa Bảo diệt độ rất lâu mà xuất để chứng kinh, dự biểu song lâm diệt cũng phi diệt. Nay cho rằng dùng “phi thọ” để giải thích “thọ”, lý thật như vậy, chỉ tợ như không đáp câu hỏi. Di-lặc hỏi: Bồ-tát Dũng xuất (từ) do đâu phát tâm…? Ý nghi từ Già-da thành đạo đến nay chưa lâu, làm sao sở hóa thân tướng khó nghĩ bàn? Vốn đã không nghi trường thọ, thì đâu cần dùng “phi trường mà trường” để đáp. Chỉ vì trước dùng trường để đáp, là muốn hiển bày sở hóa nhiều. Do trường thọ kia chỉ có pháp, báo nên nay dùng ba thân giải thích. Ý Pháp Hoa luận cũng lại như vậy. Hà Tây cùng Duệ sư ý đồng nói kém. Ý nói ứng thân vốn là pháp thân, pháp thân chân hóa phân mà không phân cho nên nói không khác. Vô sinh vô diệt nên nói lý nhất, cho nên đem Đa Bảo diệt mà phi diệt dùng giải thích Thích-ca lượng tức vô lượng. Cho nên, nói cùng ngang bằng thái hư. Nếu vậy dẫn Đa Bảo hiện không nói là mật tiêu biểu, cần phải Đa Bảo hiện tức là Thích-ca trường thọ, đâu cần lại gọi là phẩm Thọ Lượng ư? Huống chi chỉ là pháp thân mà

mất báo thân ứng thân. Nếu nói Thích-ca lượng tức vô lượng chỉ có thể hiển bày vị lai trường thọ thì cùng Đại kinh đồng làm sao biết được thọ lượng quá khứ ư? Cho nên, nay trước biết thọ vô lượng kiếp, song mới gọi là bất tư nghì nhất.

Ý của "Đạo Tràng Quán": dùng Pháp Hoa làm thừa ban đầu, dùng Niết-bàn làm thừa cuối cùng. Cuối đầu ngăn bộ cho là bản có thể, thì đồng là ngăn bộ sao không dùng Hoa Nghiêm làm thừa ban đầu! Nếu dùng hội quy làm thừa ban đầu thì giáo hạnh nhân lý hết thảy đều hội. Hội đã vô thủy cũng lại vô chung. Nếu tích môn làm thừa ban đầu lại không hoàn toàn như vậy. Nếu chỉ thừa ban đầu vì sao trong pháp thuyết nêu Phật trí bình đẳng... trong thí dụ thuyết nêu đến đạo tràng, trong nhân duyên thuyết nói đến Bảo sở! Sở dĩ đầu giải thích chỉ trong phần đầu ý của năm câu nói: Nay cùng xưa hoặc đã nhập Trụ, Hạnh, Hướng, Địa..., nhập lại tăng tiến, chỉ có một phần độn căn Thanh văn nơi đây cuối cùng chẳng khai vẫn nhập Sơ trú đâu gọi là thừa ban đầu! Nếu Sơ trụ gọi là ban đầu, thì nói thời như khảy móng tay như thế nào? Cho nên, không dựa vào đây có thể phê phán kinh bộ. Nếu Niết-bàn lắng thần làm thừa cuối cùng, thì khi nói Đại kinh thập tiên các ngoại đạo đều sơ phát tâm, lại vô lượng người thoái Bồ-đề tâm. Lại, Pháp Hoa bắt đầu ở căn cơ chúng sinh. Niết-bàn lắng thần căn cứ nơi giáo chủ. Do Pháp Hoa giáo chủ đã thành từ lâu, cho nên Niết-bàn lắng thần bất diệt. Lại, diệt bóng là dứt Tích, thì Pháp Hoa cũng như Tích. Lắng thần làm bản, không phải bản kinh này. Nên biết kinh này lấy cửu viễn thật thành làm Bản, trung gian ngày nay thị hiện thành làm Tích. Nếu y giải thích hai môn, thì đều thuộc thừa ban đầu. Nếu không giải thích bản thẳng ở trong tích nêu thủy chung đầy đủ như trong Huyền Văn trong Thừa diệu nói. Chú gia trước nêu không phải còn, mất vượt ngoài sửa yểu mạng làm phi thọ lượng dùng giải thích thọ lượng.

Tiếp nêu ý thọ lượng: Nhưng giải thích hai chữ vẫn tựa như điên đảo, số còn mất là "lượng", kỳ hạn tu sửa yểu mạng là "thọ". Một kỳ gọi là "thọ", số trong thọ gọi là "lượng". Tiếp, Pháp thân... là nêu ý: Lập lại nêu thể phi thọ, phi lượng trước, phi hình nên nêu phi thọ, phi năm nên nêu phi thọ! Đây trái với luận văn, khiến Đại sĩ... chánh nói rõ ý thọ lượng, ý muốn Bồ-tát tu theo cực chiếu khiến biết thể của Như Lai thọ lâu dài đó là nơi bậc trí Đại sĩ đạo chơi, dạo chơi đã sâu cho nên nói đi theo đến tột cùng. Đất đến chỗ phi thọ kia nên gọi là chiếu, "không dùng hai chữ suốt... đến trăm năm. "Kỳ di": Kỳ là thiết yếu, Di là nuôi dưỡng. Người trăm tuổi không biết y thực cần phải nhờ con hiếu giúp

đỡ nuôi dưỡng. Nay đức Phật không như vậy cho nên nói không dùng. Ý của Sinh Công tuy cũng nêu không dài không ngắn (trường đoản) dài ngắn thường còn nên cùng ý với ba nhà trên ít sai biệt, nhưng thiếu chú gia nói ý thọ. Trong đó đầu nêu sắc Già-da, thân hình thọ không thật, dụng làm pháp thân tiêu biểu không thọ. “Thế thì...”: là dùng hình để thí dụ thọ, “vạn hình” giống nhau, hiển thân phân mà không phân, “xưa nay làm một”: nêu thọ lượng tức phi lượng. Nói “xưa cũng như nay”, là nêu xưa nay không hai, đúng là bất tư nghì nhất. Nhưng căn cứ văn nay thì trước cần phải biện rõ dài, sau mới nêu một. Nói xưa cũng như nay là nêu bản Phật, xưa không khác Già-da nay. Nay cũng như xưa là nêu Già-da nay không khác bản Phật xưa.

“Không lúc nào không có...”: là lập lại giải thích hình thọ, “không lúc nào không có” là giải thích thọ, “không nơi nào không tồn tại” là giải thích hình. Không lúc nào không có chẳng riêng chi ngày nay, không nơi nào không tồn tại đâu chuyên chỉ Già-da. “Nếu có lúc...”: là nêu hình thọ tại vật ứng chẳng có không. Tiếp, “do đó...”: là chỉ cận thành tức từ lâu đã thành cho nên nói Già-da. Tiếp, “Già-da...”: Là chuyển giải thích, tuy chỉ thành kia là cận phi cận, “Già-da chẳng phải...”: là nêu ngắn đã chẳng ngắn, dài cũng chẳng dài. Tiếp, “Dài ngắn...”: là chân tục tương đối để giải thích dài ngắn, chân chính là dài ngắn đây cùng mất, tục thì dài ngắn thường còn. Ý Sinh công nói: Nơi một thân ba thân đầy đủ quả cận thành cùng quả viễn đồng, cho nên thọ tám mươi năm tức vô lượng thọ. Đạo lý tuy vậy đều phải phân biệt trước mói có thể dung thông. Nghiệm các Sư trước thiên được có chút ý đều dùng pháp thân làm tột cùng đều trái luận văn. Luận văn chỉ là chỉ thọ quá khứ báo làm dài, đâu được dùng pháp thân phi thọ để giải thích. Pháp thân phi thọ các giáo thường luận bàn chỉ lẽ chưa từng nói lâu thành viễn thọ, cho nên biết còn không bằng nơi chú gia nói nghĩa theo đến tột cùng và dùng Sinh công dài ngắn thường còn. Nhưng không nói thường còn trường thọ vì các kinh chưa nói đến. Nên biết hiểu rõ đương văn đều là một ý, giải thích hướng đến viễn, nêu ra tư ở một nhà, cho nên nói Phật tuệ kia đây đều đồng. Hoặc luận viễn thọ nhất hướng phải khác. “Đời trước...”: là từ chối còn các giải thích, các giải thích, các giải thích đều không dùng thọ lượng làm vô thường. Quang Trạch chính dùng thọ lượng làm kéo dài tuổi thọ. Nếu căn cứ sư nay ba thân bốn câu vọng ý các sư đều không thể tồn tại.

“Lại nữa, hoặc...”: dẫn cổ sư vấn nạn. Tiếp “Nay là...”: thông nạn. Trước lược phá cổ Sư. Tiếp chánh giải thích. Đầu dẫn sự nói “Cò, hến

tranh nhau...": Dẫn việc Xuân Thu đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói: Chỉ dùng sự bất đồng, kia chỉ nhờ nói hại nhau. Đây chánh dùng ý nương nhau che lấp. "Ta nhân nơi..." là chánh giải thích nay như cương thổ nhà Tần khiến thường vô thường gia như Yên Triệu. "Và kinh Kim Quang Minh": Kia quyển thứ nhất phẩm Thọ Lượng nói: Tương tín Bồ-tát tự tư duy nói: Do duyên gì mà đức Thích-ca thọ mạng ngắn ngủi mới tám mươi năm. Như đức Phật nói hai nhân trường thọ:

1) Bất sát.

2) Thí thực.

Phật trải qua vô lượng kiếp đầy đủ mười thiện, vì sao ngắn ngủi! Tư duy việc ấy. Nhà kia tự nhiên rộng lớn các việc trang nghiêm, nhân thấy Như Lai tướng tốt hy hữu mới cảm bốn đức Phật vì kia nói kệ. Kệ nói: "Cân núi, giọt nước rơi, đếm hạt bụi hư không, còn biết được số đó, nhưng thọ lượng của Như Lai, thì không ai có thể biết". Văn phẩm có đủ nghĩa đây, tức là sau phẩm này văn đầy đủ nghĩa ba thân. Trở lại xét ba nghĩa đây phân làm bốn câu, cho nên phải biết phẩm này ý của đề mục trong Tích chỉ bản. Bổn đủ ba thân cho nên không thiên chấp thường cùng vô thường. Nay chính là nên dùng trường thọ của bản địa, dùng khai Tích ngắn để hiển Bản dài, rồi mới thông đạt bản lý không còn dài ngắn. Cho nên mượn bốn câu nói về ba thân trong Tích mà đối Bản để giải thích. Phải biết Bản tích đều đủ bốn câu, bản bốn đều là bản, Tích bốn đều là tích.

"Hỏi: Nếu thọ lượng...": Kinh Niết-bàn cũng nói: Chỉ có Phật với Phật kia mói thọ lượng, vô lượng cho nên thường, nêu thường đã đồng kinh nên không sai biệt, Kinh bộ tuy khác hai thường tại sao sai khác ư ?

Trong đáp chia làm hai:

1) Chất vấn ngược lại khiến đồng.

2) Phân biệt biện sai khác.

Chất vấn ngược lại: Nhất thừa đã đồng đều là thường đâu có lỗi. Đại kinh nói: Hết thảy chúng sinh đều là nhất thừa; bộ kia tuy khác lý thường đâu sai khác, nếu bộ khác thường khác, cũng nên bộ khác thừa biệt. "Vân vân" là: tuy như trước thuật cũng lại nên lập danh khác, nghĩa đồng mà làm nhiều. Phân biệt đáp: Đầu tiên, kinh Niết-bàn; tiếp, kinh Thắng Man. Đầu, kinh Niết-bàn: Nêu thường tuy đồng rộng lược có đôi chút biệt; cũng nên kết nói đâu phải rộng lược biệt khiến thường không đồng. Tiếp văn nói "vì nhất nêu nhất": Nhất ngoài tam tự làm nhất cơ, không phải hội tam về nhất nên chỉ nói nhất. Bộ thuộc Phương-đẳng đối bài xích thiên ba, chưa đến Pháp Hoa thì không nên nói hội tam...

“Vân vân” là: cũng nên lại nói Đối và Bất đối sai khác, nhất thừa đâu sai khác! Cũng nên căn cứ đủ năm thời, nêu hội không hội nhất thừa cộng, biệt.

Tiếp, “Hỏi: Cận thành là phương tiện...”: Nay Sư giả thiết, trước dẫn kinh Hoa Nghiêm và Đại kinh để định: Tiếp, “Nếu vậy Pháp Hoa...”: là dẫn Pháp Hoa. Nơi Hoa Nghiêm Đại Kinh làm ngăn ngại, Pháp Hoa nếu hưng khởi đều khai thành viễn thì trong Pháp Hoa không còn phương tiện, vì sao bản sau Bất khinh tiếp lấy cận. “Phải biết...”: là kết nạn. “Nếu vậy hội tam...”: dùng tích theo lệ bản, bản môn khai rồi lại cận, cũng nên tích môn hội rồi không hội. Nên biết trong đây văn lược; trước phải kết nói tích môn hội rồi không còn gì không hội; vì thế bản môn viễn rồi không còn gì không viễn. Dù trong Bất Khinh lại nêu cận tích, không thể trường thọ lại khiến ngắn ngủi. Tiếp “Nếu vậy...”: là lập lại dùng tích theo theo lệ bản, do định đạo đồng cho nên hết thảy chư Phật thảy đều như vậy. “Nếu vậy...”: là nạn vấn chư Phật thượng đồng đâu riêng gì đức Thích-ca trường thọ đáng tán thán! “Nếu riêng...”: là kết vấn nạn. Nếu riêng Thích-ca trường thọ thì có lỗi Phật đạo không đồng, cho nên nói các nghĩa trước hoại. Ý đáp: Xả khác theo đồng, hết thảy chư Phật thảy đều như đây, cho nên nói cũng vậy. Ý tại đồng hiển bày thật bản, không hẳn dài ngắn đều như nhau. “Lại các Bồ-tát...”: là dẫn chứng, lại dẫn mong muốn dài đâu tức hoàn toàn... đây tức... là kết đồng. Cũng không thiên nói: Là nêu thường thọ, hiển thời xưa dài ngắn khác nhau không đồng, vọng vị lai thường nhất hướng bình đẳng. Cho nên chư Phật hiển bản đều có viễn cận. Nếu luận thể của thọ không được lại nói một cận một viễn, cho nên các Bồ-tát nghe trường thọ rồi cũng nguyện vị lai nói báo nhân thọ. Như nay đức Thích-ca chỉ khai tích rồi không còn có cận viễn. “Cho nên biết...”: nêu bản tích thể dụng; thể dụng tức pháp ứng tương vọng. Nếu ứng tích tương vọng đều là cận viễn. Căn cứ cận tích ứng vọng bản sơ ứng thì có được cận viễn, cho nên đối duyên dài ngắn không phân biệt dài ngắn, do đó không nói báo thân trường thọ. Tức là muốn dùng pháp thân bỏ đi sự dài ngắn kia. Lại muốn hiển nơi chư Phật đạo đồng. Sự thật, khai ba đức Phật đạo có thể đồng, sự thành lâu cận không thể đồng. Do đó mới có thể phá các sư. Cho nên nói Sư không khả năng Sư.

Hỏi: Đã nói viễn thành chân thật cận thành phương tiện, cũng có thể nói cận thành chân thật viễn thành phương tiện không?

Đáp: Nếu trong Sơ trụ bản thấp tích cao hợp vật nói viễn tức là việc kia, cho nên các Bồ-tát phát nguyện lợi sinh, tùy tứ tất lợi ích cũng

có thể nói trường (dài).

Hỏi: Nếu vậy sao biết Thích-ca không phải Sơ trụ ư?

Đáp: Nay hiển thật đã không còn ẩn bản cho nên biết sai. Vậy thì Sơ trụ nói dài là quyền, khai quyền nói cận làm thật.

Đã có bản thấp tích cao cũng có bản cận tích viễn, dùng cao thấp đây khai trong các kinh dài ngắn đều thường. Đã hiểu rõ các Kinh dài ngắn đều thường tự hiểu kinh này bản viễn cửu. Chỉ nói thường còn chưa thể nương, nghiệm biết các Sư chấp vô thường không thể nương.

"Hỏi: Nghĩa suy tìm...": như trước đã nói, Pháp Hoa nêu thường đạo lý thật như vậy căn cứ văn không như kinh Niết-Bàn thường hiển, cho nên kinh này nếu thường tợ như không có văn căn cứ? Đáp ý: Thuyên giáo, tông chỉ. "Tào khang" và "kiều (cầu)" đều năng thuyên giáo, năng thuyên tuy khác, mất ý chỉ như "khang (trấu)".

"Vấn kiều (Hỏi cây cầu)": đầy đủ như Chỉ Quán quyển mười. Đây lại là cách thông suốt để bài xích người chấp. "Lại, giáo bản...": biệt nêu hóa ý. Đáp: Trước tuy thông bài xích nay biệt nêu tứ tất, nên hợp dài hợp ngắn hợp vật không đồng tức nhân duyên. "Lại, văn...": dùng bộ vọng bộ căn cứ nhiều ít luận, chẳng phải hoàn toàn không có văn, tức căn cứ giáo. Nếu theo nhiều bỏ ít... bỗng như đều ít thì hai Kinh đều bỏ chẳng phải ma thì ai! Đầy đủ như trong Niết-bàn phẩm 7 trong phẩm Tà Chánh. Không biết pháp thân thường trú đều gọi là ma nói; Lại Kinh này nơi nơi nêu pháp thân: Lược như trước dẫn chỉ danh khác nghĩa đồng. Người tiện mê danh mà mất ý chỉ kia, nếu chỉ tùy danh còn là ma nói huống chi nhiều ít ư? Cũng như Huyền Văn đồng thể khác danh trong đó nói, tức là thật tướng Bảo chữ chẳng Như chẳng khác.

Bình đẳng đại tuệ... "Hỏi: Đã nêu pháp thân....": Nếu nêu pháp thân không có ba đức thì phải biết là chẳng phải thường trụ pháp thân ư ?

Đáp: Văn có thể thấy, luận văn cũng nói thành tựu ba thân, ba thân tức là ba đức.

Tiếp, chánh giải thích tên phẩm, chia làm hai: Trước thông, sau biệt. Thông: trước giải thích Như Lai. Tiếp giải thích thọ lượng. Đầu tiên nói thông hiệu: Lại chỉ một tên Như Lai, còn lại chín đều là danh hiệu đầu hiển rõ nhất, đầy đủ như dưới giải thích. Đủ thông ba thân đều đủ mười hiệu, lược như trong Chỉ Quán quyển hai ghi. Tiếp giải thích Thọ lượng, là thuyên lượng, lượng thọ cho nên gọi là thuyên lượng. Cho nên giải thích chữ "lượng" thuyên lượng mười phương ba đời ba Đức Phật... cho nên nói vậy!

Tiếp "Nay chánh...": là kết trở về ý phẩm bèn chỉ bản Phật nay vì sao như vậy ư! Do Như Lai danh thông thọ lượng cũng như vậy không thể hạn cuộc, cho nên cần phải thông. Đề danh tuy thông ý thì hạn cuộc bản cho nên kết ý trở về.

Hỏi: Pháp, báo là bản ứng thân thuộc tích vì sao nói bản địa ba đức Phật?

Đáp: Nếu kia chưa khai pháp, báo chẳng phải tích, nếu hiển viễn rồi thì bản tích đều có ba.

"Tiếp, Như Lai...": là biệt giải thích. Cũng trước giải thích Như Lai, trước rộng gác qua bên, theo lược. Nói rộng: Như bốn thân, mười thân, ba mươi ba thân, vô lượng thân... theo nghĩa đã rộng, nay theo lược gọi là để tiêu, phẩm mục. Nói hai, ba: hai tức chân ứng, ba tức pháp bình đẳng. Không nói hóa: Hóa ứng nhất vãng thể kia đại đồng.

Hỏi: Hoa Nghiêm mười thân đây chỉ hai, ba thân số thân đã ít nghĩa nhiếp không cùng khắp, vậy thì kinh này nghĩa thân không đủ ư?

Đáp: Nghĩa có thông biệt, nghĩa thông có thể như vậy, biệt thì không như vậy. Kia thông nói thân cho nên nói mười thân Lô-xá-na, biệt giải thích Như Lai cho nên không ứng nói nghiệp báo Phật quốc độ Phật... Nếu muốn thông thâu mười thân trong Kinh kia nên khai làm bốn thì dùng hóa thân nhiếp thu nghiệp báo. Trí tức báo thân, hư không thuộc pháp, còn lại đều là hóa nhiếp. Cho nên, biết Kinh này cũng lập nhiều thân, tức Diệu Âm, Quán Âm ba mươi ba thân mười pháp giới thân hoặc mình, hoặc người tức là việc kia vậy. Huống chi nay giải thích Phẩm tên Như Lai cho nên chỉ có thể hai, ba.

Các giáo nhất định nên hiểu rõ danh tiện, nên lại giải thích bản tích mới tại phẩm này. Cho nên biết phẩm này tức là bản địa hai, ba Như Lai. Thứ nhất, hai Như Lai: Trước nhờ luận văn gọi là như thật. Tiếp giải thích tên đây để thành chân ứng lại có hai: Trước chân, sau ứng. Chân tức Pháp Báo hai thân hợp nêu, cho nên nêu cảnh trí hòa hợp để giải thích chân thân. "Thừa ấy...": là giải thích. Đã chỉ do như trí khế hợp cảnh cho nên thuộc chân thân. Trong luận chỉ một chữ "Như" giải thích trong cảnh trí đều song song nói, tức chỉ là năng như như nơi sở như, sở như như nơi năng như. Đây dùng ý kinh Kim Quang Minh. "Nếu đơn luận...": là nêu cảnh trí hòa hợp thành nhân chấp quả thiếu một không thể được. "Tiếp, Đạo giác...": là kết thành chân thân, nhân quả đầy đủ cho nên nói nghĩa thành. Do đó chân thân nói thành ứng thân nói sinh. "Do như thật...": là nêu ứng lại có hai: Trước lấy báo làm bản, trước giải thích chân thân. Ba chữ: Thừa thật đạo thuộc nhân, nay

nhân thành quả toàn thuộc quả dụng, dùng bổn sở chứng khế hợp trí của cảnh. Thừa ở trên quả lợi vật quyền đạo, tức thật mà quyền cho nên nói thật đạo. Cho nên dùng phương tiện sinh nơi tam giới. "Tiếp, Lại sinh...": là chánh nêu ứng thân, nhờ dựa vào Thành luận tiểu danh để hiển nghĩa viên, khéo phân biệt danh nghĩa vế lý thì có thể trở về.

Tiếp nêu trong ba đức Như Lai chỉ chia hai làm ba, trong đó lại có ba:

1) Nêu ba Như Lai nghĩa thông bản tích.

2) "Lại Pháp Hoa...": biệt hiển bản địa ba Như Lai.

3) "Luận nói...": là dẫn Kinh luận chứng.

Văn đầu lại có ba:

1) Nêu chánh giải thích.

2) "Pháp thân...": là dịch danh.

3) "Như Lai ấy...": là dung thông.

Đầu lại có hai:

1) Mượn Đại luận lập nghĩa.

2) "Như...": là giải thích. Luận văn một câu ba thân đầy đủ.

Đầu dùng một chữ "Như" gọi là pháp thân, chỉ cảnh sở như trở lại chỉ sở chứng làm lai, cho nên nói bất động mà đến. Đây tức Như phi nhân quả mà thông nhân quả. Chữ "Lai" tại quả, không thông nơi nhân.

"Tiếp, báo thân Như Lai" có ba:

1) Chánh giải thích.

2) "Từ lý...": kết đắc danh.

3) "Cho nên luận nói...": là kết chỉ luận văn.

Đầu văn: Chuyên căn cứ báo thân giải thích hai chữ kia, chỉ vì chữ "Như" đầu nghĩa khác với trước. Hai chữ "Như pháp" trước thuộc sở, nay một chữ "Như" thuộc năng. Pháp thông cảnh trí, trí là năng như, cảnh tức sở như. Trí trở lại thừa (nương) nơi cảnh sở như được thành nơi quả, cho nên nói thừa nơi đạo chân thật. "Tiếp, Trí xưng...": là giải thích nguyên áo chữ "Như" nay. Tuy tức trí Như nơi cảnh, nhưng Như từ cảnh lập danh cho nên nói từ lý gọi là "là như...". "Tiếp, dẫn luận": Như năng xứng nơi pháp tướng. Giải tức thuộc trí xứng cảnh mà giải, tức năng như. Do giải mãn cho nên gọi đó là "Lai". Căn cứ Pháp thân đây cũng nên dẫn luận văn nói như pháp tướng, chỉ là văn lược.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 9

PHẦN HẠ

Tiếp, “Nêu ứng thân” lại có bốn:

1) Chánh giải thích.
2) Dẫn chứng.
3) Nêu ứng tướng.
4) Dẫn luận đồng.

Văn đầu trước nêu nguyên do ứng. Do trí xứng cảnh chỉ năng thuyết thân, thuyết tức ứng. Tự báo không thuyết cho nên nói do cảnh như như trí hiệp; chỉ nói do như không nói pháp như: Pháp đã thuộc nơi cảnh trí, dùng cảnh trí đây năng khởi ứng. Nên dùng giải thuộc trí biệt đối báo thân. Ứng chẳng vô trí lại để xứng cơ dùng dựa theo để nói. Cho nên tha thọ dụng cũng được gọi là Báo, cũng được gọi là Ứng, hoặc thắng hoặc liệt đều gọi là Ứng. Cho nên, biết Đại sư khéo dùng luận văn vi diệu đến nơi đây.

Tiếp, “Dịch danh” trong đó đầy đủ ba thân: Cận đại phiên dịch pháp báo không, phân ba, hai chẳng biện rõ. Tự xưa kinh luận chấp nhận có ba thân. Nếu nói Tỳ-lô cùng Xá-na không riêng biệt thì Pháp thân tức là Báo thân. Hoặc tức là: Hết thảy chúng sinh đều viên mãn, nếu pháp thân có thì nói chúng sinh cũng như vậy. Nếu quả mãn mới nói thì từ báo lập, hoặc nói không thì lìa ba thân đều như vậy, đâu riêng gì pháp, báo. Chúng sinh Phật không hai đầu chỉ ba thân, cho nên còn ba thân, pháp nhất định không nói, Báo thông hai nghĩ ứng hóa nhất định nói. Nếu kia tương tức đều nói, đều không nói, hoặc chỉ từ lý phi thuyết, phi bất thuyết, sự lý tương đối không nói tức nói, tức nói là không nói, tình thông diệu khế hợp tranh chấp đều lỗi. “Ốc tiêu”: Là trong phẩm Danh Hiệu của kinh Hoa Nghiêm và trong Thập Trú Bà-sa liệt kể. Đại hải có đá tên gọi là tiêu, vạn dòng tưới đến thạch đều hút cạn, do đó nước đại hải không tăng trưởng chúng sinh lưu chuyển cũng

như tiêu thạch, ngũ dục tưới thấm mà không nhàm đủ chỉ có Phật mới năng độ cho nên nói vậy.

Hai thân trước gọi là nhất thiết thường định, cho nên ứng thân danh mười phương đều có không thể nói cõi Phật vi trần danh hiệu, cho nên trong phẩm kia Tân kinh nói Thích-ca Như Lai cũng gọi là Tỳ-lô-giá- na. Cựu kinh nói cũng gọi là Xá-na, ý cựu Kinh nói tên khác của ứng thân, cho nên tổng hai kinh kia nêu ba tên đầy đủ thể kia vốn một. Chỉ có ý của Tân kinh dùng Tỳ-lô làm Xá-na, Cựu kinh thẳng nêu Tha thọ dụng báo, nghĩa lại đâu có lỗi.

Ba dung thông trong đó có bốn:

1) Lược chỉ ý.

2) Dẫn giáo.

3) Tu tánh.

4) Dẫn luận. Đầu như văn.

Dẫn trong giáo có ba:

1) Dẫn kinh.

2) Tổng kết.

3) Vấn đáp giải thích ngăn ngại. Dẫn kinh có hai: Dẫn Đại kinh, ý nêu ba đức chỉ là ba thân. Ba thân đầy đủ như các văn giải thích. "Dẫn Phạm võng... ba kết Kinh": Do nghĩa đại ý chỉ dùng ba kinh đồng mà ý nghĩa toát yếu. Như trong kinh Hoa Nghiêm mười phương đài lá xen lẫn, làm chủ bạn, thì kinh Phạm Võng đây chỉ một đài lá, cho nên Thiên Thai Giới sớ phán nói: Đài và lá hoa bản tích sai khác. Sở dĩ đài hoa lá hoa bản tích nhất định, là vì bị duyên tuy biệt mà đạo lý thường đồng, sở kết đã đồng năng kết đâu sai khác. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi ý cũng đồng với sở kết. Kinh Phổ Hiền Quán nói căn cứ trên có thể biết, kết cùng giải thích ngăn ngại văn tướng có thể biết. "Nếu chỉ...": căn cứ tu tánh dọc ngang (tung hoành) không dọc không ngang để phân phán riêng biệt tức là căn cứ giáo, trong đó trước Biệt, tiếp Viên, sau dùng Tạng, Thông ví dụ. Nói "tu dọc tánh ngang": Chẳng phải viên diệu, tên tánh đức gọi là Thông Biệt giáo, Biệt giáo tuy có nói tánh đức, cả ba đều tại tánh mà không dung thông lẫn nhau cho nên thành biệt nghĩa. Nếu ba đều tại tu trước sau mà đắc đạo lý thành dọc đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba ghi. Cho nên biết kinh này không nói ngang dọc, hoặc tánh hoặc tu cả ba đều viên diện v.v...

"Lại Pháp Hoa...": là nêu Bản tích, trước chánh chỉ bày đồng, khác. Trước lúc ấy chẳng phải không nêu Viên ba Đức Phật, mà chỉ vì cùng Pháp Hoa tích môn nghĩa đồng, chẳng phải phẩm này nêu ba Như

Lai, cho nên có vĩnh viễn sai khác.

Hỏi: Trong luận chỉ báo làm cữu viễn, nên chỉ Già-da pháp chẳng phải xưa nay vì sao ba Đức Phật đều chỉ nơi bản ư?

Đáp: Luận tuy xen lẫn chỉ về lý chắc chắn đều thông suốt, đâu phải xưa có Báo mà không có hai thân kia, đâu chỉ nay Ứng mà không có Pháp Báo, vì trung gian ngày nay đều đủ ba thân, chỉ tự thực thành đối với trung gian ngày nay, mà có sở hiện thân xứ ; thông thuộc Ứng hóa cho nên lại đối để nói.

Lại nữa, Pháp thân tuy tức mà không tương đương xưa nay vì căn cứ tu, tương vọng trở lại phân cận viễn. Dưới giải thích thọ lượng có thể căn cứ đây mà biết. Cho nên ngày nay trung gian mỗi một tiết đầy đủ ba. “Tiếp, dẫn luận”: như văn.

Tiếp, giải thích hai chữ Thọ Lượng, tức thọ lượng ba Như Lai trước nói, nên giải thích trong thọ lượng đều đầy đủ ba nghĩa. Trong đó

1) Lược giải thích thọ.

2) Rộng giải thích lượng, đây là lượng của thọ gia, cho nên rộng giải thích “lượng”, tức là rộng giải thích “thọ”.

Đầu, trong giải thích thọ, trước giải thích nghĩa chữ. Tiếp, “Chân như...”: tức dùng nghĩa chữ mà thông ba thân. Tiếp, giải thích chữ “lượng”, trong đó chia làm bảy:

1) Nêu nghĩa thông tùy ba Như Lai tự không có nhất định để thành ba câu dùng giải thích ba thân.

2) “Lại nữa...”: lại chuyên dùng bốn câu hiểu rõ ba thân trước.

3) “Một thân tức là...”: dung thông ba thân.

4) “Tùy duyên...”: phó cơ bất định.

5) “Phẩm này...”: căn cứ thân để phán định.

6) “Lại nữa...”: phán định nơi bản tích.

7) Vấn đáp giải thích nghi.

I. Đầu tiên lập ba câu tức là thọ lượng hai, ba Như Lai nói, trước thì đã chỉ khai hợp sai khác, nay chỉ tùy theo ba làm thuận tiện, trong đó có ba phần:

1) Giải thích chữ.

2) Đối thân.

3) Lập câu.

II. “Tiếp, Pháp thân...”: tức dùng ba câu giải thích ba thân: Pháp thân nói đầu tiên chia làm bốn:

1) Lược nêu.

2) “Có Phật...”: là giải thích nêu lý do.

3) “Văn nói...”: là dẫn chứng.

4) “Bởi là...”: là kết ý về. Đầu, như văn. Tiếp, giải thích lý do trong đó lại có hai: Đầu chánh nêu nguyên do pháp thân, sau: “Không luận...”: là phân biệt hai thân sai khác, lại có hai: Trước nói thân, sau nói thọ. Đầu phân biệt thân: Bất luận tương ưng phân chọn chẳng phải báo thân cùng không tương tục, mà chọn lựa chẳng phải ứng thân. Chữ “cùng” để dẫn câu dưới, hai chữ “bất luận” xuyên suốt hai câu dưới. Tiếp, chọn lựa trong thọ cũng không có lượng, chọn lựa chẳng phải ứng thọ và vô lượng, chọn lựa chẳng phải thọ của báo thân. Hai chữ “cũng không” xuyên suốt hai câu dưới, cho nên dùng chữ và để dẫn câu. Kinh Hoa Nghiêm nói: Pháp giới phi hữu lượng cũng phi vô lượng, Đức Mâu-ni đã siêu vượt hữu lượng và vô lượng. Kinh kia chỉ trong Tích, căn cứ thể dụng luận, thể ắt song phi tích năng song dụng. Đây chính là căn cứ dụng làm rõ thể, cho nên nói “siêu việt”. Nếu thẳng dẫn đây để chứng cửu bản bởi chưa có thể. Do kia không nói đã thành thọ. “Văn nói...”: là dẫn chứng: hai câu đều song phi báo ứng, thuyên lượng báo thân trong đó cũng có bốn:

1) Nêu lên.

2) “Dùng Như như...” là chánh giải thích.

3) “Văn nói...”: dẫn chứng.

4) “Đây là...”: kết.

Trong chánh giải thích có hai phần:

1) Chánh giải thích.

2) “Cảnh đã...”: giải thích lý do vượt ngoài.

Trong phần chánh giải thích có hai: Trước chánh nêu, trí khế hợp cảnh cho nên có báo thân. “Cảnh phát...” mượn nghĩa giải thích danh, do ngầm (minh) cho nên phát, phát mớ gọi là báo vậy nên có được nghĩa thọ khó lường. Tiếp trong lý do có hai: Pháp, và thí dụ. Cảnh như hộp, trí như nắp, do tương xứng cho nên có công dụng hàm tàng, vật có trong kho mới có thể bên ngoài nhờ cậy.

Dẫn văn: Câu đầu chứng thể báo thân, câu tiếp chứng nhân báo thân, câu tiếp chứng dụng báo thân, câu tiếp chứng lực báo thân.

Tiếp thuyên lượng Ứng thân trong đó có bốn:

1) Lược nêu.

2) “Ứng thân...”: là giải thích nguyên do.

3) “Văn nói...”: là dẫn chứng.

4) “Đây là...”: kết.

Tiếp, nguyên do trong đó có ba:

1) Nêu công năng.

2) “Duyên trường...”: ứng dụng.

3) “Vân vân...”: nêu ứng tức thể. Trong dẫn chứng hai câu đầu chứng tướng ứng thân. Hai câu tiếp chứng dụng ứng thân. “Lại nữa...”: căn cứ bốn câu, có hai: Đầu tiên, chánh giải thích bốn câu. Tiếp, “Bốn câu...”: bốn câu tổng quát. Trong phần chánh giải thích có hai: Trước, chánh giải thích. Tiếp, tổng phá xưa. Chánh giải thích: Y thân thứ lớp không y câu thứ lớp, cho nên đầu Pháp thân là câu thứ tư, Báo thân tức câu thứ hai, do trước Kim cang nên chưa gọi là báo, tức câu thứ nhất là hữu lượng mà chưa gọi là Phật. Vả lại, nói vô thường, kỳ thật lại phải phân biệt đồng khác, Kim cang đến phàm mỗi một tiết sai khác, ứng thân tức câu thứ ba. Nói “cách thông”: Là muốn dùng bốn câu thâu tóm tất cả, cho nên dùng câu thứ nhất từ Kim cang đến. Thông đến phàm phu, cho nên nói chẳng phải đức Phật thâu nhiếp bao quát rộng rãi, huống chi phàm phu cũng được lấy làm bản ba thân, cho nên nhập câu đầu. Tiếp, “Phá xưa nói hai thứ hủy báng”: Trong phẩm nêu rõ thường không dùng thường giải gọi là hủy báng làm nghĩa giảm, không có vô thường dùng vô thường giải thích, gọi là hủy báng làm tăng.

Tiếp bốn câu tổng quát có hai: Đầu tiên, kết trước, sinh sau. Tiếp, chánh giải thích. Trong đó văn tự phân làm hai: Đầu tiên nói biệt: Ba thân biệt giải thích, phân câu thuộc nhân, sở thuộc từng bậc nhất định. Giải thích trong báo thân trước định câu, tiếp giải thích nghi, trong đó trước nêu pháp báo nghĩa đồng câu thứ tư. Tiếp “Chỉ lấy...”: nêu ý đối câu. “Phàm phu chung...”: Nay văn giải thích Phật chỉ ngoài ba thân đều thuộc phàm thâu cho nên văn còn dùng trước Kim Cang, không thuộc ba thân đều nhập phàm theo lệ. Nói “Biệt giáo”: Ba thân biệt riêng biệt đều đối câu cho nên gọi là “tướng Biệt giáo phân biệt”. “Tiếp, theo cách thông...”: là Thông giải thích, đều đầy đủ bốn câu: ba thân xen lẫn cho nên nói Viên giải thích, ba thân đều có bốn cho nên nói cách thông. Trong đó đầu tiên thông nêu lên. Tiếp mỗi mỗi thông giải thích. Đầu, Pháp thân trong bốn câu nói song phá bát đảo của phàm Thánh. Phàm bốn Thánh bốn, lý tùy vận dụng thường song phá, nhưng cũng cần phân biệt thể trạng của bát đảo, như trước trong Thập bát Không đã nói. Câu thứ ba nói vô thường: Là không có Thường kia. Câu thứ tư: chỉ tịch làm pháp thân, cũng mà cũng chiếu. Tiếp báo thân trong bốn câu đều phải căn cứ trí. Đầu song phi: Cảnh đã song phi trí ắt xứng cảnh. Trong câu thứ hai nói vượt quá nhị thừa, Tiểu trí chỉ có chấp vô thường.

Hỏi: Trong đây song chiếu và trước có gì sai biệt?

Đáp: Trước dùng tịch tức pháp thân, tịch mà thường chiếu. Trong đây căn cứ trí song chiếu cho nên được gọi là biệt.

Hỏi: Pháp thân là cảnh, cảnh làm sao năng chiếu?

Đáp: Tướng chiếu bốn câu nói đầy đủ trong Huyền Văn. Phi bát thân trong ứng thân bốn cho nên phi thường phi sinh tử cho nên phi vô thường. Cả hai tồn tại thì đủ hai ý trước. Phàm phu bốn câu, trong đó trước nêu nguyên do dụng câu. Nay nêu Như Lai sao được thông phàm. Vì cả thảy bốn câu đã một có một câu đối phàm. Nay đã thông giải thích đối với Phật chẳng phải là không có, huống chi tánh đức ba thân đầy đủ các câu. Nói "tánh đức không có danh tự": Chưa có tu nên nêu rõ không có quả Phật bốn câu, chỉ căn cứ lý ba tánh đức để lập bốn câu.

III. Dung thông... một thân tức ba, không đồng nơi khác giải thích ba thân cố định chấp, cho nên thân câu đều xen lẫn thông, danh thông nghĩa thông lý thông pháp thông, thông mà hằng biệt, mới giải thích được sự ngăn ngại.

IV. Tùy duyên có ba:

1) Nêu tướng.

2) Dẫn kinh.

3) "Sở dĩ...": giải thích nêu nguyên do, tức căn cứ giáo phê phán. Nói: "Nếu các Bồ-tát chưa đăng Địa, Trụ". Nói "đồng trước": Là đồng Nhị thừa. Nói "cho và đoạt" là vì Tha thọ dụng thân cũng gọi là Ứng thân. Địa thượng kiến là Tha thọ dụng. Chỉ dùng Báo Ứng hai danh mà luận nghĩa "cho và đoạt". "Đại kinh...": lại nêu ba thí dụ ở Đại kinh để chứng ba thân.

V. "Phẩm này...": là căn cứ thân dùng văn nghĩa phân phán phẩm khiến biết nghĩa lâu thành. Lại có ba:

1) Chánh nêu bản báo.

2) "Vì sao vậy?...": là giải thích lý do trên sâu xa pháp bản, dưới khế hợp căn cơ chúng sinh.

3) "Lấy đây...": là kết thành bản báo.

VI. "Lại nữa như vậy...": rộng căn cứ bản tích chỉ bày ý phẩm này, trong đó có bốn:

1) Chánh nêu bản địa ba thân làm bản, tức chánh chỉ bày.

2) "Các kinh...": cùng các bộ để biện luận sai khác.

3) "Phi bản...": nêu nguyên do Bản tích.

4) Bản tích tuy khác mà bất tư nghì nhất.

Trong đó lại có năm:

1) Chánh nêu thể tánh bản tích, tánh tức thật tướng, thật tướng

chẳng lâu (xa) tại sao luận bản kia? Thật tướng chẳng phải gần, tại sao luận tức kia? Thật bất tư nghì cho nên gọi là nhất.

2) Tiếp chánh bài bác Triệu sư, nói “tịch tràng”: Nếu đem Cửu triệt của Triệu sư nói vẫn nương Đa Bảo tiêu biểu bản, mà Triệu công chỉ Thích-ca bản tích cần phải nói “tịch tràng”.

3) “Lại nữa...”: lại nêu trong cận có nhiều thứ bản tích, thông bài bác các sư.

4) “Nay nhiếp...”: là Biệt chỉ cửu bản cận tích, nêu bất tư nghì.

5) “Như ấy...”: là kết sai khác.

Một và hai như văn. Thứ ba, văn có ba: Nghĩa là nêu lên, giải thích và kết. Trong giải thích lại có hai:

1) Biệt căn cứ ba đế để luận bản tích.

2) “Ba thứ...”: là tổng căn cứ ba đế, ba, một không khác để luận Bản tích. Lại căn cứ thứ tự và không thứ tự để luận tổng biệt. Hoặc biệt hoặc tổng đều bất tư nghì, chỉ căn cứ thiết lập tướng ưng dụng pháp không đồng, dẫn đến thành tổng biệt. Đều dựa vào bản thời tức tổng mà biệt, bèn có thể dụng ở đó tức biệt mà tổng. Biệt tổng không hai tùy thời nói sai khác, nhưng trong biệt xuất ra biệt tướng, từ chân khởi ứng, chỉ dùng thần thông, thông gọi là “ứng”. Tục thì chỉ tục đế Tam-muội, lấy đó làm bản. Tùy phương tiện giáo được nói như đây. “Chưa biết...”: tổng kết. Thứ tư, Biệt chỉ trong đó có ba:

1) Chánh chỉ bày chọn lược.

2) Chỉ bản tích tương hiển.

3) “Bản tích...”: chỉ bày bất tư nghì. Trong phần đầu, chọn lược nói “ba phen bốn phen”: Ba phen là ba đế, bốn phen thêm nhất tâm. Hoặc bản hoặc tích đều nhiếp chấp, nhiếp thuộc chấp trì, chữ chấp cũng là nghĩa chồng chất. Ba, bốn chồng chất đồng tại bản tích. Hoặc bản hoặc tích đều có như vậy ba - bốn bản tích. Tại Bản tại Tích tùy thời sai biệt, chọn trung gian bản tích làm tích, thì bản địa bản tích làm bản. Người khác không thấy Bản tích của kinh này, chỉ biết theo nghĩa thắng chuyên cầu pháp thân. Như đây pháp bản cùng các kinh cùng thắng, ngược lại thành nghĩa liệt. Nếu đắc cửu Bản thì cận Tích không mất. Nếu chỉ nói Pháp thân thì còn mất trung gian, huống chi viễn bản. “Từ cái...”: nêu Bản tích tương hiển, từ nơi Bản của Bản tích bản địa, thùy ở trung gian ngày nay Tích của Bản tích. Như vậy Bản tích cửu cận tương hiển, mới biết Bản là bản của Tích gia, Tích là tích của Bản gia. “Ba Bản tích bất tư nghì”: Tức căn cứ lý. Thứ năm Kết sai khác: Như văn.

Trong Thất liệu giản, trước là ý hỏi: Thắng mới gọi là khác, các

kinh nêu pháp tướng kinh đây còn thiếu ứng liệt các kinh, tại sao được trở lại năng vượt các thuyết khác? Tiếp, trong Đáp có hai văn. Đều nói chủng chủng, không ngoài nhân quả và dùng tự tha. Văn có thí hợp. Văn trước nói "nghiệp", tức hạnh năng hành, "bảo" tức pháp sở hành, "vị" tức quả sở giai. Trong phương tiện giáo hành nhân thâu hoạch quả cho nên nói "chủng chủng". Nếu không có thọ lượng pháp thân thường trụ, thì nhân quả không chỗ trở về, cho nên biết các kinh các hạnh không đồng, đều nhập về mạng thường trụ của kinh này; mạng thường trú đây một thể mà ba thân thâu tóm khắp tất cả, đây là căn cứ tự hành. "Tiếp, Đại kinh...": lại căn cứ tự tha, "Đầy đủ như pháp môn...": song hợp. "Cốt yếu trong biển ...": kết nêu thắng ý chia làm ba: Nghĩa là pháp, thí, bài bác. Bài bác nói: Không khác là gì?! Pháp tánh pháp thân, "trí" tức Báo thân, "ứng" tức Ứng thân, cho nên "cốt yếu trong biển pháp tánh" lẽ nào quá đây? Cho nên ứng đều dùng ba thân hợp hầu (cổ họng)... bốn thứ. Nhưng trong các kinh lẽ nào không có ba thân, chỉ vì Kiêm Đới và chưa nêu rõ viễn đó thôi! Vì vậy cho nên kinh này vĩnh viễn khác với các giáo. Nếu không như vậy, thì xét kỹ các kinh, kinh nào nêu Phật cửu viễn là Bản đồng với kinh này? Vì sao dùng khổ để bài xích đức lâu thành? Vì giải thích nghi ư? Đây nếu giải thích nghi phương tiện thì cũng là giải thích hiện tướng nghi. Phương Tiện giải thích nghi thì phẩm Tựa là Chánh thuyết, mới có thể trong đây Dũng-Xuất là Chánh, huống chi các phẩm khác đều phán lấy làm Lưu thông. Nhưng trong luận tự liệt kê Mười thứ vô thượng:

1) Chủng tử vô thượng chỉ thí dụ mưa rơi.
2) Hành vô thượng chỉ việc của đức Đại Thông.
3) Tăng trưởng lực vô thượng chỉ thí dụ Hóa thành.
4) Khiến giải vô thượng chỉ thí dụ buộc châu.
5) Tịnh độ vô thượng chỉ Đa Bảo hiện.
6) Thuyết vô thượng chỉ thí dụ hạt châu trên búi tóc.
7) Hóa sinh vô thượng chỉ Dũng xuất Bồ-tát.
8) Thành đạo vô thượng chỉ thọ lượng tam Bồ-đề.
9) Niết-bàn vô thượng chỉ con của Thầy thuốc.
10) Thắng diệu lực vô thượng chỉ các phẩm dưới, là phần Tu-đa-la còn lại. Nên biết luận ý, chỉ từ phẩm Phân Biệt Công Đức trở đi, là phần Tu-đa-la còn lại, tức phần lưu thông còn lại của kinh. Vọng nay Sở phán chỉ khác nửa phẩm. Nếu dùng Công đức mà nói thì có thể đều thuộc lưu thông. Nay từ lãnh thọ ký mà phán thì thuộc Chánh thuyết vậy. Đều khác với các kinh, cho nên nói "vô thượng".

Nếu như vậy thì từ thí dụ mưa về trước lẽ nào chẳng phải Vô thượng ư?

Đáp: Thí dụ mưa đã thuật thí dụ và lãnh giải. Phẩm Phương Tiện đã phán là Thậm thâm. Thậm thâm chỉ là tên khác của Vô thượng, huống chi phẩm Phương Tiện đã là căn bản của Thí dụ. Nếu dùng Phương Tiện trở xuống tám phẩm làm Chánh, cũng được là Chánh trong Tích môn. Nếu dùng mười ba phẩm làm Chánh thì lại tạp lẫn Tích môn lưu thông. Cho nên biết chọn tích lưu thông làm chánh, bỏ bản chánh làm lưu thông, sự sâu xa không thể được, đầy đủ như biệt ký. Cho nên biết bản địa ba thân tức như yết hầu của thân các kinh, như cổ áo, như mắt với các căn. Từ cỏ xuất ra gió, tục thông cho nên biết nay nêu bản tích không đồng với các kinh các sư. Câu văn của phẩm này thì câu sở hơi nhiều, trước sau khó thấy, cho nên trước biên chép ra. Chỉ dựa vào đây mà khai. Văn khai hiển có hai:

1) Khuyên bảo, tin,

2) Chánh đáp.

Lại có hai: Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: Pháp, thí. Đầu, trong pháp thuyết có hai:

l) Ba đời lợi ích vật.

2) Tổng kết ý không dối.

Ba đời chia làm hai:

l) Quá khứ chia làm hai:

l) Từ “Như Lai bí mật...”: nghĩa là nêu chấp cận. “Nhưng Thiện nam...”: là phá cận hiện viễn. Văn đầu lại có ba:

1) Nêu pháp sở mê.

2) Nêu chúng năng mê.

3) Nêu mê bản. Tiếp, phá cận hiển viễn lại có hai: Trước, hiển viễn. Sau, lợi vật thích nghi. Hiển viễn lại có hai: Pháp thuyết, Thí thuyết.

Thí thuyết lại có ba:

1) Nêu thí dụ hỏi.

2) Đáp.

3) Hợp.

Tiếp, “Ích vật sở nghi” có ba:

1) Nơi ích vật.

2) Phất tích thượng nghi.

3) “Nếu có chúng sinh...”: chánh nêu Ích vật sở nghi.

Trong đó có hai:

l) Cảm ứng.

2) Thiết lập hóa.

Trong đây lại có hai:

1) Nêu lợi ích của hình tiếng.

2) Được lợi ích hoan hỉ.

Hình, tiếng lại có hai:

1) Hình.

2) Tiếng.

Lợi ích hình lại có hai:

l) Phi sinh hiện sinh.

2) Phi diệt hiện diệt.

Lợi ích của tiếng, như văn. Được lợi ích hoan hỉ, như văn.

Tiếp “Các Thiện nam tử! Như Lai thấy...”: hiện tại lợi vật lại có hai:

1) Cơ cảm.

2) Ứng hóa, trong đó lại có hai: a) Phi sinh hiện sinh. b) Phi diệt hiện diệt.

Đầu văn lại có hai:

l) Hiện sinh.

2) Hiện sinh lợi ích.

Hiện sinh lại có hai:

l) Hiện sinh.

2) Phi sinh.

Trong hiện sinh thứ hai lợi ích có hai:

1) Hình tiếng.

2) Không dối, không dối có hai :

a) Không dối.

b) Giải thích không dối lại có hai:

b.1) Chiếu lý không dối.

b.2) “Do các...” là nêu xứng cơ không dối gạt, trong đó lại có hai:

b.2.1 Cơ cảm.

b.2.2) Thiết lập hóa.

Tiếp, nêu Phi diệt hiện diệt, lại có hai:

l) Phi diệt hiện diệt.

2) Hiện diệt lợi ích.

Đầu, lại có hai:

l) Bản thật bất diệt. Trong đó có hai: Đầu, nêu quả vị thường trú; sau, nêu nhân so sánh quả.

2) “Nhưng nay...”: trong Tích xướng diệt.

Hiện diệt lợi ích, lại có hai:

1) Bất diệt có tổn.

2) “Dùng phương tiện...”: xướng diệt có lợi ích.

Đầu, lại có hai:

1) Bất diệt có tổn.

2) Rộng giải thích.

Có lợi ích có hai:

1) Tán thán Phật khó gặp.

2) Giải thích, như văn.

Tổng kết nghĩa không dối lại có ba:

1) Nêu chư Phật xuất thế ắt trước thiết lập ba.

2) Nêu đều là hóa vật.

3) Đều không phải hư vọng.

Tiếp, trong thí dụ có hai: Khai, hợp. Khai thí chia làm hai:

l) Lương y thí dụ ba đời.

2) Trị con thí dụ nghĩa không dối.

Văn đầu lại có ba:

1) Y Thầy thuốc đi xa là thí dụ quá khứ.

2) Trở lại rồi đi là thí dụ hiện tại.

3) Tìm đến là thí dụ vị lai.

Quá khứ lại có hai:

l) Phát cận hiển viễn.

2) Hóa lợi ích sở nghi.

Nay chỉ hóa lợi ích. Trên hóa lợi ích lại có ba:

l) Xứ sở.

2) Phất tích.

3) Chánh hóa.

Nay chỉ chánh hóa. Trên chánh hóa lại có hai:

l) Cơ cảm.

2) Chánh ứng hóa.

Nay thí dụ đủ. Nay căn cứ văn đầu lại có hai: Như có lương y, siêu thí dụ ứng hóa. Từ “Người ấy nhiều con cái”: Là truy thí dụ cơ cảm. Tiếp, chánh ứng hóa, văn đây có ba khuyên bảo. “Ba phen thỉnh” cho đến “trịnh trọng”: Trong thỉnh đã nói: Ba phen bạch như vậy rồi lại nói: “Phải biết” đến bốn. Đức Phật đối sau ba phen thỉnh lại nói: Các ông lắng nghe tức lời răn thứ tư, và trước tích môn răn hứa đến ba phen thỉnh, tức năm phen răn bảy phen thỉnh. Trịnh trọng như trước giải thích.

“Xưa nói Thất phương tiện” cho đến “thành đế”: Là nói “Thất phương tiện quyền”, lại mượn quyền xưa, nếu đối quả môn thì quyền thật đều là ý tùy tha. Do trong Viên nhân cũng có Vô sinh nhẫn, tức dễ nghe viễn cho nên để qua bên mà không luận. Cho nên, đây tự tha tùy dụng sai biệt, đầy đủ như trong Huyền Văn. Trong Pháp thuyết vị lai nói ít, chỉ là bốn chữ “thường trụ bất diệt” làm văn vị lai. Thí thuyết trong kệ văn nhiều. Trường hàng trong thí thuyết từ: “Người cha nghe con” trở xuống, là văn kia còn ít. Kệ trong Pháp thuyết, từ: “Ta thấy các chúng sinh” trở xuống, văn có mười hàng rưỡi cho nên nói nhiều. “Một thân tức ba thân...”: Trong văn hai giải thích đều có ý kia. Giải thích thứ nhất căn cứ ba thân, pháp thể pháp nhĩ tương tức. Giải thích thứ hai căn cứ xưa nay tương vọng, dùng pháp thể nay vọng xưa. Cũng có thể giải thích trước là thông các vị, giải thích sau là bài bác các kinh khác, chỉ tại kinh này nên vậy tức thần thông của bí mật gia. Cho nên lại căn cứ ba thân để giải thích, nên biết thần thông lực tùy nơi giáo chủ các giáo. Vì thế, rộng căn cứ các vị phân chọn xong. Lại căn cứ xưa nay phân biệt mới hiển thần thông của bản địa ba thân. Nếu giải thích tiểu thừa và dùng tiệm giáo thì không được dùng ba thân trong đây giải thích. Dẫn kinh Đại Phẩm: Kinh này nêu hết thảy thế gian đều cho là cận thành, chỉ liệt kê thiên, nhân, Tu-la không nói ba đường ác, nhưng chấp cận cũng phần nhiều tại ba thứ đây, cho nên dẫn làm theo lệ. Trước tuy có tên nhị thừa từ đầu để nói, nếu hợp khai rồi đều thành Bồ-tát, cho nên nay chỉ từ khai biên để nói. Ý kinh Đại Phẩm kia nói thù thắng vượt ra là chỉ thù thắng vượt ra Tiểu (thừa). Tiểu tại ba thứ đây không cần ba đường ác cho nên tạm dẫn đồng. Từ đây nói pháp thân địa đến nói lâu dài, pháp nhẫn Bồ-tát còn phải tự nghe. Nên biết thọ lượng chẳng nói không biết, nhưng người đắc Vô sinh cũng nghe ứng tức pháp thân, chỉ không nghe lâu thành mà thôi! Nói “tự ứng...” chỉ không đồng giới nội trải qua năm vị vượt qua Bản tích, bảy phen thỉnh năm phen khuyên răn mới được nghe, do thấy một phần pháp thân lý hợp được nghe lâu dài. Cho nên văn trước nói: Địa trú lên được nghe thường, chỉ là thường cùng thời khác có khác, cho nên lại luận.

“Phá cận hiển viễn” lược có mười ý như Huyền Nghĩa... Huyền Văn quyển chín nêu rõ trong dụng có mười môn không đồng, kia liệt kê đủ giải thích gồm Tích môn mười ý để biện đồng khác. Nay chỉ lược nêu hai môn phá phế. Chú gia nói: Thọ (lượng) vô thủy tối tăm mà chưa hiển sáng tỏ, đây không ứng như vậy. Vì sao? Trong đây chánh nêu nghĩa cửu viễn trường (lâu dài) để phá Già-da cận thành đoản (ngắn) hiển

bày sáng tỏ đâu có tối tăm. Lại nói: Sao đức Phật không như vậy? Đây cũng không như vậy! Xa gần không đồng dài ngắn sai biệt. Nói thẳng xuống một hạt bụi, một cõi bị điểm, thì trong đây Kinh văn không nói điểm xuống chỉ gồm văn tích kia mà thành lời nói kia thôi! Tăng truyện nói: Căn cứ kinh cựu mà La-thập dịch không có bốn chữ “một trần một kiếp”. Đời Tề có Cao Tăng Đàm Phó tụng kinh cảm mộng nói thiếu một câu, sau đắc quả. Như kinh Kim Quang Minh nói: “Có thể biết số giọt nước trong tất cả biển, mà không thể biết thọ lượng của Như Lai”. Đây cũng nêu thọ lượng đời vị lai chẳng phải quá khứ. Nếu dẫn chứng đây thì sự đặc thù đều tương ưng.

Nơi “Ích vật”: Ta-bà đây tức là cõi bản ứng thân nương ở, ngày nay tích ở không dời đổi nơi bản, chỉ xưa nay thời có khác. Thấy thiêu cháy: Nghĩa là cận, chiếu bản là thấu đạt viễn. Cho nên kinh nói: Cõi ta không hủy, thường tại Linh Sơn đâu lìa Già-da biệt cầu thường tịch, chẳng phải ngoài cõi Tịch Quang riêng có Ta-bà!

“Nơi trung gian đó...”:

1) Chánh giải thích.

2) “Hoặc có...”: là nêu xưa.

3) “Nay là...” phá xưa.

Trong chánh giải thích, đầu tổng lập năng phất. Tiếp, “nhân nghi...”: chỉ sự sở phất. Trước nêu. Tiếp, “Xưa giáo...”: là giải thích xuất sở nghi. Tiếp, “Nay phất...”: là chánh chỉ tướng phất. Chính do kinh văn trước nêu sự xong, kết nói đều là phương tiện, tức gọi là “Phất”. Xưa đối các giáo tuy thấy không đồng mà sinh nghi, chính không biết là quả hậu phương tiện; và như vậy chỉ bày ý sai biệt tức nói “gặp Đức Phật Nhiên Đăng” và “ở đời Phật Nhiên Đăng nhập Niết-bàn” vậy.

Tiếp, “Xưa giải thích”: Lại có người nói: Nói Đức Nhiên Đăng: Nói tha là ngã hay là bình đẳng ý thú! Kinh văn chỉ nói ngã nói tha thân đâu cần sửa nói ngã là ngã. Nay giải thích ý nói: Là Thích-ca Bồ-tát nhập diệt, không được nói là Nhiên Đăng Niết-bàn cũng chẳng phải Thích-ca lúc ấy ở đời Phật Nhiên Đăng đã từng thành Phật mà nhập Niết-bàn. Không thể hai đức Phật cùng một lúc hưng khởi. Vì vậy cho nên chỉ dùng đắc thọ ký hoằng pháp thọ lượng tận cùng làm quả.

“Phật nhãn...”: Đã đối Phật nhãn nêu nơi hai ứng, cho nên tha thọ dụng cũng ứng nhiếp. Nhân thiên và dùng pháp nhãn đều nói là hoa báo, chẳng phải không cận quả nhượng Phật báo. Cõi kia đã vậy thì thân sao lại không như vậy. “Tín... các căn”: Đã được Như Lai Bản địa Phật nhãn quán sát tận một kia lâu (xa) dài chiếu nguồn căn kia cho nên

năm căn đây cần phải căn cứ Bản địa trung gian duyên liễu. Lại kinh tiệm đốn đại tiểu và nhân thiên thừa, danh đồng thể biệt thông, được gọi là "tín... năm căn", do nhân thiên thừa thông gọi là "duyên nhân". Đây chính là vọng kia biến khắp khai thông thành Duyên, Liễu. Trong đó trước căn cứ tiệm đốn phán xét. Tiếp căn cứ Đại tiểu nhân duyên để phán xét. Tiểu tức tiệm sơ, trong tiệm lợi độn chỉ nói Tạng Thông. Tiệm thông đủ bốn do Biệt, Viên đồng nhập trong Hoa Nghiêm đốn giáo nhiếp thu. Vậy cho nên lại dùng tiệm trong giới nội xảo thuyết, đối với lợi độn thông tại Phương-đẳng Bát-nhã hai vị. Lại dùng Tiểu đối nhân thiên biện rõ lợi độn, lại dùng ưu liệt (tốt xấu) tương vọng. Chỉ nhân thiên thừa biến khắp tại trong tất cả giáo Đại tiểu, mười giới đến hai nhân: Nên nói trong pháp giới cũng có ác pháp. Mà nói không dụng: Do mười pháp giới là nói phát sinh cơ duyên thiện nên không lấy ác pháp, chỉ trong mười giới xoay vần tương vọng mà có năm thừa bảy thiện và Viên Thật các thứ, cho nên Thánh nhân lại lập phương tiện truyền truyền dẫn xuất. Bởi do có cơ nên thích nghi không đồng không thể đốn xuất.

Hỏi: Nếu vậy Phật quả đã cùng cực thì tại sao cũng được gọi là sinh căn cơ?

Đáp: Trong đây luận về cơ và biện rõ lợi độn. Pháp giới Phật chưa phải là Phật quả, Huyền Văn kia nói mười giới xen lẫn dùng luận cơ duyên thì quả Phật cơ thông nơi mười giới. Nếu trực tiếp thích hợp dùng Phật giới độ người, thì đó là Phật giới có cơ duyên Phật giới. Nếu chưa thích hợp Phật giới, thì dần dần nơi Bồ-tát giới mà thành thục, cho đến địa ngục tức đến địa ngục mới hồi tâm, đầy đủ như trong Thích Tiêm, cũng như Quan Âm Diệu Âm hiện thân không đồng.

"Tự nói danh tự...": Đã đối mười giới hoặc chỉ luận bốn thánh để biện hơn, kém và ứng thắng liệt. Nên biết trong đây lại đối với thắng liệt ứng của Phật giới sở dĩ luận. Sỡ dĩ thường luận: Sợ vẫn cho là pháp thân thuyết pháp cho nên vậy. Ngang luận tức mười phương, xưa nói mười phương. "Căn cứ xứ sở dọc" đến "Nhiên Đăng Phật": Dùng Thích-ca vọng xưa gặp Đức Nhiên Đăng, gọi là thời Nho Đồng, không phải chấp Nhiên Đăng khác để vọng ta. Nếu chấp Phật khác thì chẳng phải ta dọc. Nếu chỉ Nhiên Đăng Phật thân thì có thể dẫn loại mà thôi, cho nên nói "như nay...". Nói "Sinh Pháp": Như dưới giải thích thắng liệt đều có Sinh Pháp hai thân. Tiếp, căn cứ trong ngang nói "Cũng như kinh Hoa Nghiêm nói mười hiệu...": Phẩm Danh Hiệu nói: "Như Lai ở nơi tứ thiên hạ, hiện các thân, các danh, các thực, các hình, các tướng, các dài, ngắn,

các thọ mạng, các xứ, các căn, các sinh, các nghiệp, khiến các chúng sinh đều biệt tri kiến. Lại trong mười phương đều có mười ngàn danh hiệu khiến các chúng sinh đều biệt tri kiến". Đã nói Như Lai ở trong tứ thiên hạ này..., cho nên không được đem Phật khác để vọng ta, trong dọc cũng vậy. "Lại, các kinh...": là nêu Phật có ba thân tự vọng lẫn nhau danh tự không đồng. "Đầu, thông nêu hoặc thuyết...": nêu ba thân tương vọng cũng được gọi là ngang. "Pháp thân Phật" cho đến "Bát-nhã Thủ Lăng Nghiêm": đối trong pháp thân lại có danh khác không đồng. Bát-nhã là Trí, Lăng-nghiêm là định, bất tư nghì định tuệ đều là tên khác của Pháp thân, đầy đủ như trong Chỉ Quán giải thích tên. Do Đại kinh nói Phật tánh có năm tên; chỉ nêu Pháp thân hai thứ khác vẫn lược. Do ngang vọng cho nên liền được dùng Phật vọng Phật, như trước dọc vọng chỉ được dùng Phật vọng thân Bồ-tát xưa vậy. Nay đã thành rồi, có thể đắc vọng ngang. "Hoặc nói thọ hai vạn" đến "có thể biết": đây nhờ Phật khác để hiển Thích-ca như chư Phật kia, cho nên đều nói "như". Ngang dọc, có thể biết: Thích-ca Di-lặc tức dọc, đối hiện mười phương tức ngang. Nếu tự thân nay vọng ngày xưa thọ tức dọc, vọng tự thân thọ tức ngang. Như Huyền Nghĩa v.v.... Trong Huyền Văn kia nói thọ mạng vi diệu, nêu rõ đầy đủ thọ mạng bốn đức Phật trong Tích và trong Bản, Đại tiểu không đồng. Ưu, liệt tương vọng và dùng kia đây mà luận ngang dọc. Nhưng không dùng ưu liệt để phê phán Bản tích, chỉ dùng cửu cận phê phán Bản tích thôi! Khiến biện rõ đồng khác cho nên chú nói "vân vân". Hoặc ba thân tương vọng: Đối trong một giáo tự dùng ba thân mà có ưu liệt, dùng làm Đại tiểu thì nghĩa thông Biệt Viên. Tiếp, hoặc ba thân đều biệt, đều là tiểu; đây chính Biệt Viên tương vọng, Viên đại biệt tiểu. Theo lệ ba điểm nói: Chỉ là đều biệt và phi. Dọc ngang tức thí dụ Biệt Viên, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba. Sư xưa dùng sáu giải thích đều làm dọc ngang, Sư nay ba giải thích không ngang không dọc. Nếu lại đối ngang dọc phán xét Đại tiểu: Thì Tiểu thừa ba đức làm tiểu, ba đức Biệt giáo làm đại. Cũng lại hiện nói đương nhập Niết-bàn, đây chỉ văn khai Tích xong. Nếu khai Tích xong được nói song lâm là thị hiện diệt độ làm lợi ích vật. Lấy nay căn cứ xưa cũng lại như vậy. "Sư tử Phấn Tấn...": Gọi Phấn Tấn và mười công đức thông nói "Bản tích" cho đến "Sơ trụ", nay phải phân biệt đây, là lâu thành hiện tác hiện tại. Có mười đức: Trước nói chín có thể thấy, Như thứ mười nói: Đầy đủ mười thiện trên, tức như tứ quán quán nơi mười thiện. Viên tức thượng thượng mười thiện. Mười thiện chỉ là ba nghiệp, cho nên nói "thân ba...". Cho nên bốn - ba nghiệp tiết tiết không đồng.

Cho nên thượng thượng đến quả gọi là công đức thứ mười của Sư Tử Phấn Tấn chỉ là ba nghiệp tùy theo trí tuệ hành và ba mật... Cho nên Phật quả địa cũng dùng Sư tử Tam-muội, phán tấn nơi trần cấu khác. Nếu luận chư Phật đời đời đều như vậy thì chín thứ còn lại chuẩn theo đây... dựa theo giải thích mười tướng biện minh trung gian ngày nay đời đời đều có hiện tại tích hóa do bản công đức.

"Như Lai thấy" cho đến "ưa Tiểu pháp": Dùng cửu cận tướng Thánh làm tiểu, đức Phật dùng bản địa Phật nhãn thấy, chưa thích hợp viễn nói, do ưa cận nói gọi là ưa tiểu. "Hoa Nghiêm" đến "người": Là trước dẫn kinh, đây là đầu phẩm Thập Địa Bồ-tát Kim Cang nói ngăn giải thoát nguyệt. "Xét kinh kia...": nay văn phán xét. Cho nên biết kinh kia do chưa đến hồi hướng vì không có hành lâu, đây chỉ là thứ lớp hành đó thôi! Nếu Phổ Hiền hạnh sơ phát tâm trụ rồi viên chứng xong, thì đâu thể đến địa tiền nói không lâu hành mà không vì nói.! Nếu nói nương thứ lớp mà luận không thứ lớp thì vì sao sơ trụ không thứ lớp mà cũng nói có thứ lớp ư? Cho nên nương nói thứ lớp cần có điển cứ, nên kia dùng nghĩa hành không lâu làm "ưa Tiểu". Nay văn chính dùng ưa cận thành làm ưa tiểu. Chỉ dẫn nhân giống như bản chẳng phải văn tức bản. Nếu nói đối Tiểu làm "ưa Tiểu" thì Địa tiền Trụ tiền và Tạng Thông Bồ-tát còn không hợp Tiểu, huống chi Thập địa của kinh kia, huống chi bản môn của kinh này. Sư nói: Dẫn Nam Nhạc nói đồng làm chứng. "Nay đương...": Đại sư đối dưới thông căn cứ giáo đạo, bắt đầu từ tệ dục cuối đến Biệt giáo thông gọi là "ưa Tiểu".

"Đức mỏng cấu nặng": Người kia chưa có hai nhân Thật giáo. "Nói...": văn dưới nói "Các con nhỏ dại": Chỉ văn dưới Thầy thuốc và con dụ, còn chưa kham nghe viên huống chi khai viễn ư! Kiến Tư chưa trừ: Lại hiểu rõ nói "thơ dại" trong Thí dụ, chắc chắn chưa biết viễn.

Tiếp, "Hỏi: Nếu bốn vị trước chỉ ưa cận thành làm "ưa Tiểu", thì Hoa Nghiêm đốn bộ Viên trong các vị và dùng nhân môn vì sao cũng gọi là "ưa Tiểu pháp ư"?

Đáp: Trong bốn nghĩa ba tại nhân thứ tư tại quả môn, cho nên tên gọi "ưa Tiểu" còn thông tệ dục, huống gì Tiểu ư! Cho nên nay quả môn biệt ở ưa cận, cho nên hai người trước trong ba người trước tự thoái Đại về sau chấp ái, trược kiến, người này còn không ưa nơi Tiểu thừa, huống chi Viên thừa ư!.

Tiếp, Một là chấp ba phương tiện giáo còn không kham nghe Viên, huống chi lại nghe chỗ viễn đối biệt. Cho nên, đối quả môn dùng nghĩa "ưa cận" làm "ưa Tiểu". Nên biết quả môn Viên nhân Hiền vị

còn có ưa cận thành. Tức là hoặc sau quả môn tất cả khai rồi, thì sơ tâm cũng nghe huống chi Hiền vị ư! Đời mạt pháp người chưa từng phát tâm cũng nghe, huống chi là người phát tâm ư!

Hỏi: Đời mạt pháp đều nghe Phật xuất thế đâu lựa chọn ư?

Đáp: Đức Phật xuất thế đương cơ cho nên chọn đời mạt pháp kết duyên nên khai. Nếu được ý đây phàm các pháp tướng sở đối không đồng, đâu cần hỏi nói Viên không nên ưa Tiểu. “Trước nêu lợi độn” đến “hai ứng”: Trước nêu hai cơ thông tiệm đốn giáo, tổng phán xét lợi độn cho nên nay tổng dùng hai ứng nói. “Liệt ứng” đến “pháp thân sinh”: Tướng của hai ứng, Kinh văn đều có nói Sinh Pháp hai thân sinh tướng. Nên biệt hai xứ tương vọng không thể dùng thừa chiên đàn lầu các! Lạm đồng quán suốt kỹ càng, không thể dùng chủng trí viên minh, đồng chánh tập đều tận. Lại dùng mười hương bảy bước không đồng mà tiêu biểu thắng, liệt. Cho nên biết hai xứ đều không có nghĩa lâu thành. “Chỉ do” đến “nói như vậy”: Chưa khai chỉ nói sinh, khai rồi mới nói chẳng sinh. Nay thuật tích thùy phương tiện đối nay nói khai rồi cho nên tổng nói đó thôi! “Các kinh khác” đến “phi sinh”: Một phen xưa lại từ Tiểu thừa để nói, như Phật hỏi Quân Đề: Hòa thượng ông giới thân có diệt không? Cho đến tri kiến thân diệt không? Đều đáp nói: Không Phật ấn hứa, Đã chấp nhận bất diệt cho nên nói “không phá”. Nếu trong Đại thừa thì cũng chẳng phải không phá. Lại tuy dùng Đại phá Tiểu chỉ Đại tiểu tương đoạt, Đại tiểu vẫn còn. Trọn không dùng viễn mà đoạt ở cận, cho nên nói còn không đồng. Cho nên kinh này vọng thể tịch tràng Giá-na đã là tích thành cho nên nói chánh phá. Chưa thể tùy luận bốn giáo. Lại căn cứ hai xứ thành tướng, tức hiểu Tạng Thông hai thân là liệt ứng, Biệt Viên hai thân là thắng ứng. Trong văn tuy nói hai ứng đều có Sinh Pháp hai thân, nhưng ngũ phần pháp thân trên liệt ứng thân nghĩa đồng Sinh thân, trên thắng ứng tuy nói Sinh thân mà nghĩa đồng với Pháp thân. “Nói gặp đức Nhiên Đăng” đến “nói tha thân”: là dùng thân Nhiên-Đăng Phật làm tha thân. Nếu căn cứ ý đây nói tha thân thì lẽ ra còn hai giải thích, chỉ bày tức hẳn tại nơi ta, nói thì gồm nơi tự tha. Như nay nói Di-đà cũng thành việc ta và việc Di-đà duyên tương quan. Như một chúng hội hoặc nhóm tập mười phương hoặc tập một phương, hoặc trú mười phương hoặc trú một phương, thị hiện y báo không phải thẳng ở cõi hiện tại, cõi trần đều có đủ như trong Hoa Nghiêm.

Từ “Chương quá khứ trên” đến “lợi ích Thế giới”: Một phen xưa lại dùng đắc hoan hỷ biên gọi là Thế giới, đâu phải đời quá khứ không có ba đời khác ư! Cho nên nói “tợ như”. “Nay nêu rõ đều không dối

gạt”: Nay hiện tại văn đều nêu đủ tứ tất đều đến bản môn. Cho nên biết quá khứ lại phải đầy đủ ba. Đại luận tứ Tất-đàn đều thật: Luận kia thông dùng Đệ nhất nghĩa làm Diễn môn pháp tướng, dùng tam Tất làm Tam tạng, đều có thật kia. “Đốc thúc luận...”: ý đại luận kia ắt hẳn phân biệt hư thật, một ở Diễn môn nên thật, ba ở Tam tạng nên hư. Nói “trong duyên”: Như trước tùy duyên bất định, cơ tại Tiểu, Tiểu tức gọi là thật. Như người Tam tạng đối với tứ Tất đây thì ba thật một hư, Thông Biệt hai người thì ba hư một thật, Viên thừa thì hết thảy đều thật, phàm phu thì hết thảy đều hư. “Nếu dùng...”: mượn thật hư đây để phán xét hai môn. Dùng hai môn đây đối hai loại chúng sinh tiệm đốn chưa từng dùng đương cơ làm hư, đương cơ làm thật. Lại để qua tứ Tất mà dùng nhân quả tương đối để biện hư thật: Trong đó trước dùng mười bảy phương tiện đối hai môn phán xét.

Tiếp dùng người thật đối hai môn phán xét, nếu phương tiện giáo thì hai thứ đều hư, nhân môn khai xong vọng nơi quả môn thì một thật một hư, Bản môn hiển xong thì hai thứ đều thật, cho nên biết Tích thật nơi Bản còn hư. “Căn cứ viên đốn...”: hoặc người Bản Viên vọng nơi hai môn, Tích chỉ một hư, tuy nói lại không có biệt đắc mà đều tăng đạo lợi ích. Nếu nơi giáo xưa từng mật hiển viễn đối hai môn đây cũng gọi là hai thật. Thì căn cứ trước cũng nên nói lại không biệt đắc đều hai môn lợi ích tăng đạo. Nếu năm mươi người đứng dậy bỏ đi thì đối với hai môn đây còn gọi là đều hư. Lại giáo trước mật khai không đến đây cũng gọi là đều thật. Đối Dũng-xuất chúng chẳng hư chẳng thật, cũng gọi là thật, vì tự muốn đắc. Đối tướng diệt, thì đây hư kia thật; đối người có thoái thể hiện hư đương thật, ảnh hưởng phát khởi cũng phi thật, phi hư, hữu hư, hữu thật; đối người mê giáo thì hết thảy đều hư.

Hỏi ý: Xưa là xưa giáo xưa, nay là hai môn, xưa nay bản tích đều gọi nhập thật, dùng xưa vọng nay làm hai hư, thì lẽ ra đương ngày nay hai môn thật tướng hơn thật xưa tất ư ? Thật vốn không hai xưa nay đâu khác ư?

Đáp ý: Lại dùng Tích đáp, Bản căn cứ đây có thể biết. Giáo môn trước sau nhập thật không khác. Đầu chỉ Hoa Nghiêm, tiếp chỉ hai vị hoại bỏ thảo am nhập, tức chỉ Pháp Hoa, khi nhập ở người, chẳng có lý riêng.

Tiếp, “theo lệ”: Dùng Tiểu theo Đại, đây chính dùng ngang theo dọc. Nếu lại dùng dọc theo dọc thì nên nói “Lộc-uyển nhập Tiểu” và “trong hai vị nhập Tiểu” không khác. Đây thì nhập Đại nhập Tiểu không nơi nào không có. Năm vị theo thứ lớp tương sinh, độn tiểu từ

hiển lộ để nói. Trong đó có sáu câu: Nêu rõ ngày nay Ứng thân, tức là đã từ lâu thành Pháp thân. Bất tư nghì nhất cho nên nói chiếu lý bình đẳng, nên Bản tích nhờ sự để nói. "Như thật tri kiến...": Luận nói: Như Lai tri kiến tướng tam giới: Nghĩa là chúng sinh giới tức Niết-bàn giới, không lìa chúng sinh giới mà có Như Lai tạng. "Không có sinh tử...": Luận nói: Thường hằng thanh tịnh là nghĩa bất biến. "Cũng không tại thế...": Luận nói: Như Lai tạng thể chân như cùng chúng sinh giới bất tức bất ly. "Bốn nghĩa phi thực v.v...": Luận nói: Lìa bốn thứ tướng, vì bốn thứ tướng là vô thường. Phải biết ý luận các câu đều Viên, vậy nên các câu đều nói "cùng chúng sinh giới bất tức bất ly", cho nên nay đều làm Viên thường trung đạo Phật tánh giải thích. Không làm giải thích như đây, còn không thể thấy thực trong giáo xưa huống chi khai hiển thật, huống chi cửu viễn thật! Cho nên đây phải chỉ Bản trí chiếu cảnh, không thấy đây chỉ luống làm rõ Bản môn!

Nói "Sáu câu":

1) "Như Lai...".

2) "Cũng không... tại thế..."

3) Phi thật phi hư.

4) Phi như phi dị.

5) "Không như tam giới..."

6) "Như đây...".

Trong đó câu đầu nêu ý: Như Lai thấy rõ lẽ ra nói pháp giới vì sao chỉ nói tướng tam giới....?! Vì khiến chúng sinh biết nơi thùy tích đều là pháp giới. Pháp thân thường trú cho nên nói "như thật". Cảm pháp thân cơ, kích động pháp thân nên khởi hai ứng, cho nên gọi là "cảm", không thể riêng dùng pháp thân làm ứng. "Như thật...": là chánh giải thích, trong giải thích đâu câu thứ nhất, nếu căn cứ trong câu dưới nói không có hai thứ tử, thì nên nói không có hai thứ nhân tướng tam giới. "Thẳng nói tam giới": Năng tri kiến gọi là trí, sở tri kiến như như tức cảnh trung đạo, cảnh trung đạo không ngoài tam giới. Trong sở tri kiến đã thông phàm Thánh, nay do Như Lai tri kiến đều thật, ngoài ra sở tri kiến vọng Phật là hư mà còn có nhân. Phật như thật kiến cho nên nói không có nhân. Lìa tam giới rồi không có biệt lý, cho nên "không có sinh tử..." tức không có hai thứ tử quả. "Khởi tập...": là kết, nhân quả của hai loại tử trên cho nên có ngũ trụ tập gọi là thoái, có hai tử quả gọi là xuất. Mà nói vô thường quả hiện: hai loại tử vọng trong đó cả hai đều vô thường, biệt chỉ hai cõi lấy làm hai loại tử. Thông luận Kim Cang về trước còn gọi là vô thường. Cũng không tại thế và diệt độ: Cũng là song phi nhị

biên nhân quả, hai câu này và hai song phi nên nói bốn câu. Cho nên trước từ như thật tri diệt độ căn cứ như lý sở ly. Tiếp hai câu cùng hiển thể trung đạo, hai câu sau căn cứ năng kiến nói. “Nếu song phi...”: bốn câu đây đều thành song phi, đây nói song phi, nếu kia kết tức thành câu biên. Kia nói tuy hiển mà sợ cùng quyền giáo song phi lạm xen nhau, cho nên lần nữa lại giải thích song phi kết câu. Nếu thuộc một bên thì đều ở truyền giáo. “Theo lệ như...”: nêu tướng kết câu, dùng các câu còn lại kết nay song phi, khiến thành câu thiên lệch chẳng phải viên thật, cho nên nêu rõ các câu thứ lớp kết.

Kết câu đầu nói: “Phi sinh phi tử...”: Dùng sinh làm sinh tử biên, dùng tử làm Niết-bàn biên, sinh ấy tử ấy chính là song chiếu. Nếu kết là sinh thành sinh tử biên, phi sinh phi tử chính là song phi. Nếu kết làm tử chỉ thành Niết-bàn, thoái xuất cũng vậy. Hai câu dưới căn cứ đây. Nếu vậy kết rồi trở lại song phi mới hiển trung đạo cho nên nói “nay đều là phi”. Nay trong kinh thẳng nêu song phi hiển trung, không thiên kết câu nên chỉ có viên cực. “Như đây lưu”: Đây theo lệ còn nhiều tức là cho đến văn dưới. Như đơn phức đầy đủ nơi nơi tuy có nói song phi mà vì câu kết đều có sở thuộc, cho nên hết thảy kiến chỉ kết thành. Nhị thừa các câu chỉ kết thành không, đây có đây không chỉ thành biệt tục, phi có không này chỉ thành trong biệt, nay nêu viên lý cho nên phải vi tế biện rõ. Kinh nói “Như Lai như thật tri kiến”, hoặc dùng nhị thừa... giải thích thì có tội hủy báng Phật, nhưng đây kết câu chỉ tại một nhà, phê phán các kinh luận hết thảy câu pháp để biện minh văn nghĩa tông thú không đồng. Trong Sớ Tịnh Danh nói nhân chương Thích-ca Chiên Đàn, chiên đàn chỉ nói các nghĩa khổ, không, vô ngã v.v... tức nghĩa ở Tam tạng, Tịnh Danh kết thành nghĩa Thông trách nói: Không vô sở khởi là nghĩa khổ...: Phải biết Không vô sở khởi là không có khổ không có lạc, chỉ kết nghĩa trở về nơi khổ. Đã nói không có khởi lại nói là khổ cho nên chỉ thành Thông. Nếu nói Không vô sở khởi, song phi không hữu thì kết thành nghĩa lạc tức thành ý Biệt. Biệt dùng xuất giả làm lạc. Nếu lại song phi biệt giáo khổ lạc mới thành thật trung đạo. Rộng nêu như vậy, huống lại đơn phức đầy đủ cũng biến khắp các giáo. Như bốn giáo bốn môn, môn môn bốn môn, môn môn bốn Tất-đàn, trong mỗi Tất-đàn lại có bốn Tất-đàn, tức thành môn đều có đầy đủ. Cho nên, Biệt đầy đủ lại cần phải phi. Viên môn khởi kiến còn đọa vào câu nghĩa hữu, sao được lại thành phức mà đầy đủ... ư? Cho nên biết hoặc kiến, phi kiến hoặc môn hoặc cả thảy đều phải dùng pháp mới năng định câu, trong không dùng câu năng định pháp thể. Vì thế giải thích nghĩa không quán sát

dưới câu đó... pháp thể qui về đâu, làm sao năng biện câu pháp cạn sâu, làm sao năng hiểu được kinh này song phi! Nếu dùng pháp định tùy nêu một câu tức thành thật lý. “Không bằng...”: giải thích câu thứ năm nói “Không như tam giới”: Như là đồng, không đồng các người thấy nơi tam giới thuật Phật thấy. Phật ắt quyền thật hai trí đầy đủ, ắt không đồng hai thứ nhân sở kiến nhị biên nhân quả của Tam giới. “Không như hai thứ... tướng”: Chỉ là hai thứ tử và dùng Ngũ trụ. Nên biết tam giới danh thông, thông nội ngoại giới. Nếu ngoại giới lập danh tam giới, thì dùng ngoại chuẩn theo nội, lý trung đạo chưa cùng thông gọi là Kiến hoặc, thông tam giới. Năm trần tốt đẹp trong cõi biến dịch gọi là Dục giới tư, bất tư nghì pháp trần, gọi là Thượng giới tư. Trong Tịnh Danh sớ dựa theo có nêu tướng kia.

Tiếp, “Chỉ Phật một người...”: là giải thích câu thứ sáu, Như đây trở xuống văn dưới. Đã tổng nói như đây, xét trước đã chiếu thông thành nhất kiến cho nên đều lập lại năm câu nói thật trước cùng nêu tướng quyền thật nhị trí. Cho nên Thật trí chỉ chiếu Thật cảnh, nay thêm Quyền trí tùy vật thấy quyền. Nói rõ “phi kiến mà kiến...”: Tức hai trí bất nhị, cho nên nói như chúng sinh kiến chỉ bày thân hai loại tử tùy ý người... Tiếp, văn trình bày tức câu đầu “Như thật tri kiến tướng tam giới” bên trên: Tuy như thật thấy cũng đối nơi chúng sinh thấy mà thấy, đầy đủ ngũ nhãn. “Như thật tri kiến...”: là trình bày câu “không có sinh tử” bên trên. Tiếp, “cũng không...”: là trình bày câu “cũng không tại thế” bên trên. Tiếp, “Không thật...”: là trình bày câu “phi thật” bên trên. Tiếp, “Không có ba đời...”: là trình bày câu “phi như” bên trên. Tiếp, “Đồng với...”: là trình bày câu “không như tam giới” bên trên. Đều dùng Như Lai nêu kiến (minh kiến) lấy làm Quyền trí, nhất nhất giải thích. “Như Lai...”: trình bày “không như tam giới” bên trên, trở xuống văn. Như Lai tuy tức tự như thật kiến, vật cơ không đồng chỗ thấy đều sai biệt, cho nên đức Phật cũng do tùy loại mà thấy thùy ứng.

“Vì các...”: nêu rõ trong cơ cảm. Đầu nêu rõ cơ tướng tức cơ Tứ Tất-đàn. “Muốn khiến...”: nêu ứng tướng để hợp bốn cơ, trong mỗi mỗi Tất-đàn năng sở đều đầy đủ, tự làm tứ biệt. Đã nói “chủng chủng”, cho nên đối tiệm đốn để giải thích. Do đó trong Huyền Văn giải thích mười môn trong mỗi một môn đầy đủ các giáo. Đây y Viên giáo để hiểu kinh mà thôi! Tánh tức Vị nhân: Đầu, chánh giải thích. Tiếp, giải thích nghi. Đầu, trong chánh giải thích phàm nói Vị nhân, các tạo tác ắt làm theo sinh thiện đời trước gieo trồng, thiện đời trước không đổi nay mới có thể sinh, cho nên tánh thuộc sinh thiện. Tiếp, “Huân tập dục...”: giải thích

nghi: Trước, lập nghi, giải thích nói...: Trong giải thích trước chánh giải thích. Tiếp, "Nêu ví như ba tánh dục...": kết đồng. "Như nhân...": nêu ước lệ: Như Đại kinh nói: Thiện nam tử hết thảy thân chúng sinh cùng phiền não đều không có trước sau, tuy không trước sau chủ yếu nhân phiền não mà được có thân, trọn không nhân thân mà có phiền não, tánh dục cũng như vậy. Tuy không có trước sau ắt nhân tập dục mới thành tánh. Kết đồng: Nay tuy tánh trước dục sau, cuối cùng cần phải có nghĩa dục ở trước, cho nên nói tập dục thành tánh. Thế giới gọi là dục đây căn cứ Thiền kinh, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một nói. Thiền kinh từ nhân cho nên nói "lạc dục", Đại luận từ quả cho nên nói "thế giới".

Tiếp, trong giải thích "Hành thiện", sinh ác dục đều được gọi là "hành", cho nên đối trong hành để phân hai Tất-đàn, rộng như Huyền Văn. Tổng quát hành khởi thiện đời trước, tri phá ác hiện tại... Tiếp, trong giải thích "Ức tưởng", lại chia làm bốn:

1) Nguyên do được gọi, nêu Đệ nhất nghĩa mà thông ban đầu, lại dùng tương tợ giải khởi đối trị với thô hoặc chưa nhập chân đạo, tuệ gọi là tưởng.

2) "Chúng sinh tiệm đốn...": nêu thứ lớp tứ Tất-đàn, do ba Tất cho nên có Đệ nhất nghĩa đến; đối nội ngoại phàm vị cũng được gọi là Đệ nhất nghĩa, chỉ tên tưởng tuệ phải ở nhân vị. Như trước năm phẩm tu hành năm hối. Tiếp, nhập tùy hỷ còn được gọi là Đệ nhất nghĩa, huống nhập vị nội phàm ư! Lại, Tùy hỷ trước thâu hoạch được chút định tâm cũng được gọi là nhập Đệ nhất nghĩa, huống chi nhập sơ phẩm.

3) "Tùy theo...": nêu duyên nhập chân.

4) "Cho đến...": nêu ức tưởng thông về sau đến Kim Cang tâm.

Hỏi: Nên nói Sơ trụ vì sao nói Địa? Đáp: Từ tiệm đốn đến vả lại nương ở vị Địa.

"Muốn khiến" đến "bấy nhiêu nhân duyên thí dụ": Đây dùng trong chương năm đức Phật nói thiết lập quyền đều nói chủng chủng nhân duyên... đem trình bày văn này bản tích đều có hóa độ tiệm đốn. "Như vì biếng nhác...": Nếu tiểu đối đại. Như Câu-xá luận giải thích trong Nhẫn vị. Đầu từ Hạ nhẫn quán, cho đến Thượng nhẫn còn lưu một hành tướng, nhập Thế Đệ nhất, chỉ lưu hai nghĩa hành không đồng, lợi (căn) gọi "kiến hành", độn gọi "ái hành". Người lợi lại có hai: Chấp ngã nhiều: Lưu hành vô ngã. Chấp ngã sở nhiều: lưu hành vô thường. Giãi đãi nhiều: lưu khổ hạnh. Nay văn lại nêu hai người lưu Không hành Người độn có hai: Chấp ngã mạn độn. Lại các luận sư chấp các kiến giải

không đồng, không thể thuật đủ. Trong Thông giáo nói cũng như vậy là: Quán môn tuy khéo đế quán mà thứ lớp không khác Tam tạng, nhưng căn cứ bốn môn, bốn Tất, hai Không, ba Giả cùng Tạng không đồng. Vả lại, căn cứ đại đồng cũng gọi là chủng chủng. Biệt Viên trong độn tuy ba mươi hai và nhập bất nhị chủng chủng hành loại mà cũng đâu ngoài đều có bốn môn ư! "Không có hư ra" đến "hư xưa vì thật", chữ vi là khứ thanh (vị) bẩm thọ quyền ra khỏi giới gọi là vì hư ra, tam thừa đều xuất tam giới, nhân thiên đều xuất tam đồ, đều gọi "vì hư". Như Lai vốn vì nhất Thật mà thiết lập Quyền, không có chút sai biệt mà đều nhập thật. Nương bốn chữ đây là "thường trụ bất diệt". Kia đã bất diệt thì lợi ích đến vị lai. "Người xưa...": trước nêu xưa chấp nói: Trước vượt qua hằng sa...: Sư xưa thấy trong kinh có nói sở thành thọ mạng nghĩa là quả thọ, bèn chỉ văn trước nói vượt quá nơi trần giới, vì trước quá hằng sa, dùng phi hằng sa có thể năng dụ bèn dùng thế giới lấy làm dụ, đối nay chưa tận vì sau gấp bội số trên. Lại nữa, người xưa thấy nói lại gấp bội liền cho là có hạn, huống lại không biết là thật, nhân thọ mà nói thần thông. Trong kinh nói "phục (lại)", người khác nói "hậu (sau)" tức chương sớ nói. Từ nay về sau lại gấp bội số trên, như vậy đều là thần thông diên thọ, ý nói nay tuy chưa tận ắt có khi tận. Kinh nêu nhân so sánh quả, nêu rõ bản hạnh Bồ-tát đạo, cảm được nhân thọ tự còn chưa tận huống chi quả thọ ư! Người xưa không hiểu phán định thuộc vô thường, cho nên biết vì nhân thọ bất tận, sánh ví như quả thọ bất tận, tức nêu nhân quả đều thường. Xưa giải thích ngược lại khiến nhân quả vô thường thế nào lại bỏ quả so sánh! Kia thấy năng so sánh nói có sở thành. Tiện làm quả so sánh. Nhưng trong kinh văn trước đã nêu quả sao nói lập lại. Nói "dù khiến": Chỉ Sơ trụ vị đã phần đắc thường thọ, đâu có sơ trụ chân biến dịch thọ, ấy là đồng phân đoạn có vô thường ư! Nếu nói "tận": Đâu phải tận ư! Sao gọi là phân thường, phân chỉ đối với Phật và địa sau. Căn cứ hành chứng văn tự nên biết. "Thí như..." nêu thái tử hưởng lộc lấy làm dụ, cũng là thí dụ nghĩa phân. Đối với của cải, người nói bất tận đó thôi! Chữ "Lệ", nghĩa là huyễn lệ, xoay đổi. Chữ "Huyễn" là dáng dấp không thuận. Nghĩa là bỏ thường mà nhận lấy vô thường.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 10

PHẦN THƯỢNG

GIẢI THÍCH PHẨM THỌ LƯỢNG
(Tiếp theo)

Trong Tích xướng diệt thông căn cứ ba thân, lại chia làm hai:

1) Tổng lập.

2) "Như Tịnh Danh...": là giải thích.

Trong giải thích:

1) Nêu ba thân phi diệt xướng diệt.

2) Nêu ba thân thường trú bất diệt.

3) Nêu ba thân bất sinh bất bất diệt. Do bất diệt nên xướng diệt, phi diệt, do bất sinh bất diệt nên gọi là "phi diệt". Tóm lại mà nói: Để hiển nghĩa bất diệt. Đầu văn tự có ba:

I. Đầu tiên nêu Pháp thân, chia làm sáu:

1) Đầu mượn văn Tịnh Danh để lập nghĩa.

Hỏi: Trong đây Pháp thân tại sao dẫn nghĩa Thông giáo trong Tịnh Danh, Ca-chiên-diên?

Đáp: Chương Chiên-diên kia tổng có năm câu: bốn câu đầu danh Tạng nghĩa Thông, một câu sau danh thông bốn giáo, nghĩa hạn cuộc nơi Diễn môn, vãn nói kết trở về là thông Viên Biệt, cho nên bốn câu trước hiện kết thành Thông, không liên quan đến Viên Biệt. Một câu kia tuy kết thành Thông vẫn là thông Viên Biệt. Nay từ nghĩa thông cho nên được thành Viên. Nếu hiểu ý này thì có thể hiểu rõ các câu, cho nên lược dẫn.

2) Bản pháp không sinh nên không thể diệt là nghĩa tịch diệt. Nói "xướng diệt": Đây là xướng tịch diệt là diệt của diệt sinh, không phải diệt của tức sinh, diệt của tức sinh là Bất diệt. Nên biết diệt đây gọi là bất diệt, pháp thân thường trụ không có diệt bất biệt. Nay nói tịch diệt

nghĩa đương xướng diệt. “Vì sao?...”: là giải thích ý xướng diệt. Vì sao? Vì người không hiểu: Mà nói tịch diệt, nếu hiểu tịch diệt trở lại chỉ sinh. Nếu hoàn toàn chỉ sinh, thì người giải đãi không có lợi ích cho nên cần phải xướng diệt.

3) “Nếu nói...”: do trong kinh Anh Lạc nói tịch chiếu lập lại giải thích, nhưng trong kinh kia dùng chiếu tịch làm Đẳng giác, dùng tịch chiếu làm Diệu giác. Kia căn cứ Biệt giáo giáo đạo để nói, phân hai câu để đối hai vị. Nay mượn tên quả tột cùng của Biệt giáo để thông từ đầu đến sau mà giải thích nghĩa không diệt mà diệt của Viên giáo.

4) “Xét pháp thân...”: giải thích nghĩa xướng diệt, do xướng diệt cho nên trí sinh, hoặc diệt. Đây căn cứ sự lý tương đối mà luận. “Nếu mê tâm...”: Quan sát qua lời nói đó tợ như đồng báo thân mà ý kia thì biệt. Trong đây chánh nêu hoặc sở diệt làm thể pháp thân, thể có sinh diệt bởi do nơi trí, cho nên mượn năng hiển để làm rõ sở hiển.

5) Diệt hoặc. Tiếp phán xét Viên Biệt. Biệt giáo còn thuộc diệt vô thường, do trong Thập trụ đồng với Tiểu thừa, diệt tam giới hoặc mới sinh giải xuất giả tục trí, nhập trung cũng như vậy. Nay căn cứ Viên giáo cho nên xướng tịch diệt. Các nghĩa này tuy Biệt Viên không đồng mà đều gọi là “sinh diệt”, tuy đều sinh diệt, đều căn cứ lý tánh.

6) “Nếu không...”: Nêu rõ duyên xướng diệt, ý nói: Từ mê, từ giải cho nên nói “mê giải”, chắc chắn luận chỉ dùng giải làm xướng duyên, Biệt Viên đều là từ mê sinh giải.

II. Tiếp căn cứ Báo thân, cũng có sáu:

1) Nêu.

2) “Sao có...”: chánh giải thích Hoặc, Trí vốn không sinh diệt, bởi vì thể Báo thân không có sinh diệt.

3) “Đây tổng...”: kết thể của Báo thân. Minh tức trí, ám tức vô minh, thể tánh là hoàn toàn nên không có trừ bỏ nhau. Đã không có trừ bỏ nhau tức bất diệt.

4) “Chúng sinh...” nêu nguyên do xướng diệt.

5) “Có phiền não...” nêu tướng xướng diệt, sở dĩ lại xen lẫn được gọi là diệt vì từ sự cho nên diệt.

6) “Đâu chẳng phải...” là kết xướng diệt.

III. Ứng thân: 1) Cũng đầu nêu. 2) “Ứng là...”: nêu bất diệt. 3) “Chỉ là...”: nêu xướng diệt. Tiếp “lại pháp thân...”: nêu trong ba thân bất diệt: Đầu, trong Pháp thân bất diệt nói “đương thể”: Không vọng các thân khác, vì hai thân còn lại cần phải vọng Pháp thân. Nếu đem thể vọng dụng, thì dụng đoạt lấy thành diệt. Tiếp, căn cứ Báo thân bất

diệt, chia làm hai: Đầu, nêu trước nói bất diệt tức là báo xứng nơi pháp, pháp đã bất diệt báo cũng bất diệt. Tiếp, "Dùng lý...": căn cứ sự lý tương đối để giải thích. Trước, căn cứ lý không diệt. Tiếp, "Đến có...": căn cứ sự có diệt. Từ căn cứ lý biên tức là bất diệt. Đầu, trong căn cứ lý nói là đến cho nên... trong đó hoặc trí bốn câu xét trách, trở lại căn cứ thể kiểm xét Hoặc còn bất diệt, trí thể không phá. Đây dụng Đại kinh Sư tử hống nạn.

Hỏi rằng: Nếu Tỳ-bà-xa-na phá phiền não thì vì sao lại tu Xa-ma-tha ư? Đức Phật chất vấn lại rằng: Nếu nói trí tuệ năng phá phiền não tức vì đến cho nên phá, vì không đến năng phá. Nếu đến cho nên phá thì phàm phu năng phá, nếu không đến pháp thì sơ niệm nên phá, nếu sơ niệm không phá, thì hậu niệm cũng không phá. Nếu đến không đến phá, thì nghĩa ấy không như vậy. Suy tìm như vậy ai có trí tuệ năng phá phiền não?

Nói chung và riêng: Phật dạy: Như một người mù không thể thấy sắc, mặc dù làm bạn với các người mù cũng không thể thấy. Tuệ định cộng biệt, căn cứ đây nói có thể biệt. Đây tức trí báo thân không thể diệt hoặc. Tiếp "Căn cứ người có trí tuệ...": Lại căn cứ sự mà định phán xét, trí năng diệt hoặc trí không gọi là diệt.

Căn cứ ứng thân nêu nghĩa bất diệt: Cũng vọng pháp báo, báo căn cứ nơi pháp, cho nên pháp thân trước chỉ nói đương thể. Nay đây ứng thân lời vật không đoạn cũng là bất diệt cho nên nói thường nhiên ứng nêu bất tuyệt, ba thân tương xứng vậy. Pháp, báo khắp nên ứng thể cũng khắp, cơ tự tại không ứng pháp thường như vậy. Nếu không như vậy thì tuy giải thích Viên thường mà trở lại đồng nghĩa sinh diệt. Nói "chúng sinh bất tận tức không diệt độ": Khi diệt độ chúng sinh chưa tận nghĩa kia như thế nào ư? Nên hỏi ngược lại nói: Nghiệm chúng sinh chưa tận thì không diệt độ, cho nên xướng diệt độ. Vì không thể sinh ý tưởng khó gặp gỡ: Chẳng vì (chúng) sinh tận cho nên biết ứng thân thường tại bất diệt, đâu riêng pháp ư! Nêu không hiểu thì pháp báo cũng diệt, đâu riêng gì ứng ư?

Nêu ba thân bất sinh bất diệt: Pháp thân: Đồng trước không sinh diệt; Báo thân: Trí tự liễu trí không có năng diệt, trí thuộc nơi năng đã không sinh diệt đâu năng khiến hoặc (lầm) hoặc sinh hoặc diệt được ư! Ứng thân: Tương tục cho nên bất sinh, tương tục cho nên bất diệt. Ba thân chỉ nói "bất sinh diệt", là chữ "Bất" xuyên suốt chữ diệt dưới, tức "bất sinh bất diệt", lại nói tiện cho nên chỉ nói "bất sinh diệt" thôi!... Giải thích ý: Nêu ba thân bất sinh diệt để dung thông lẫn nhau. Đây

nhân một câu văn: ứng thân phi diệt xướng diệt, rộng khai ba thân hữu diệt bất diệt bất sinh bất diệt. Nếu không vậy, sinh diệt thì nhất định, thì sao gọi là ba thân bất tức bất ly? Nếu hiểu được ý này thì khắp một đời giáo, chỉ nghe một câu nói xướng diệt liền biết tất cả nghe diệt bất diệt. Đầy đủ thân nhiều ít diệt, bất diệt sai khác, mới thông đạt bản địa vốn không sinh diệt, mới thấu đạt trung gian ngày nay hóa đạo hữu diệt bất diệt, dùng Bản địa hóa trung gian ngày nay tất cả tích giáo, không ngoài ba thân bốn câu.

Giải thích nghĩa bất diệt có tổn hại trong đó có hai: Đầu, giải thích nguyên do xướng. Tiếp dùng tứ Tất-đàn để giải thích tổn, lợi. Trong đây lại nương Ứng Phật để giải thích. “Do đây chúng sinh” đến “hai thiện tổn mà không sinh”: Do không xướng diệt bọn chúng giãi đãi, hai thiện chân, Trung đều không sinh trưởng, Kiến Tư đã sinh còn tự không đoạn, Biệt hoặc chưa sinh đâu thể khiến đoạn hoặc, không đoạn. Cho nên chỉ có năng tổn hai thiện chân, Trung đã sinh chưa sinh đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy tổng quát. Tiếp, “Nếu y” đến “đệ nhất nghĩa”: Dùng tứ Tất-đàn nhấn mạnh giải thích nghĩa xướng diệt, vì vậy xướng diệt có lợi ích của bốn Tất-đàn. Do xướng diệt nên thiện sinh ác diệt, cho nên phân tứ Tất-đàn để đối thiện ác. “Đệ nhất nghĩa diệt chưa sinh...”: Đệ nhất nghĩa đều năng Kiến trung đạo, năng phá vô minh, nên vô minh gọi là ác chưa sinh. Đối trị diệt ác đã sinh: Phàm đối trị nói đều trị hiện ác. “Thế giới sinh thiện chưa sinh”: Ưa muốn tại ban đầu kỳ vọng tâm xa xôi, như nghe pháp sinh vui thì chút thiện sẽ sinh. Lại thế giới là ấm nhập, ấm nhập nếu chuyển thì pháp thân hiển, cho nên pháp thân gọi là Thiện chưa sinh. Lại khi ưa muốn thiện căn chưa sinh, cũng do ưa muốn sinh gọi là sinh chưa sinh. “Vị nhân sinh thiện đã sinh”: chân đế đối với trung đạo gọi là thiện đã sinh. Ví như khiến chưa sinh đối với trung đạo chính là viễn mà từ cận gọi là đã. Lại, Thế giới diệt ác đã sinh: Từ cận lại giải thích, chỉ từ hiện chấp đây thì có thể biết. Đối trị diệt ác chưa sinh, thì trị đạo tăng trưởng. “Như thiền ngũ ấm...”: giải thích nghĩa thế giới trước, như tu thiền thời, gọi là diệt ác dục. Cho nên, sắc ấm khởi năng diệt dục ấm, dùng giới vọng giới gọi là thế giới. Cho nên Dục giới ấm gọi là ác đã sinh, căn cứ đây cõi Vô sắc trừ sắc, Không trừ tam giới Trung đạo diệt biến dịch. Nơi đương vị ấm đều gọi là đã sinh. Tu trên diệt dưới gọi là diệt đã sinh, đối trị trị chưa sinh, văn không giải thích lại. Chỉ trị danh tuy đồng mà thông đến Đẳng giác. Trong Đại kinh, Ưu-bà-tắc giới chúng nói: Thường vô thường, lạc vô lạc..., thường lạc quan sát như các môn đối trị ấy đã là tịnh vô cấu

xưng là Vua sở dụng trị cho nên không gần. Đã căn cứ ba thân luận diệt bất diệt cho nên tứ Tất-đàn cảm ứng cũng cần hiểu sâu, nhiều phen giải thích là bởi do đây vậy.

Tiếp, trong rộng giải thích có hai:

1) Nguyên do hiện diệt.

2) "Thấy nghe...": thông căn cứ ba thân để nêu tổn lợi ích.

Văn đầu nói cần xướng diệt: Có tổn không có ích do thường tại. Trước, tuy nêu nguyên do xướng vẫn chưa biết vì sao. Tiếp, thông căn cứ trong ba thân: Đầu nêu riêng tổn ích tức căn cứ ba Đức Phật mỗi một chánh tông. Đầu tiên, vẫn tổng nêu. Tiếp, "Liền cho rằng...": đầu căn cứ pháp thân: Pháp thân vốn không có tên tịch diệt. Vì hàng thượng mạn chấp như không khác cần phải xướng tịch diệt, đầy đủ như trước giải thích v.v... "Lại nghe...": tức căn cứ báo thân. Trước tự cho như đây tự cho là trí. Cho rằng đều là Đại thừa thượng mạn. Nhưng hai thượng mạn đều có sâu cạn, cho là "Như", bèn trở thành người đại vô tàm, cho là trí thì còn biết cần trí chiếu hoặc, do không hiểu rõ cho nên không giải danh "Tức". Phàm nói "tức" là để hiển "ly", như băng không lìa nước, lý phải hòa với băng, nghĩa đồng với ly mới chính là hiển tức. Lại nói ly là vì thành tựu tức, nếu không ly thì chúng sinh tức là Phật đâu cần tu đạo! Vì không biết ly thẳng nói tức cho nên cần phải xướng diệt. Một phẩm Đẳng giác còn thuộc trí năng đoạn duy nhất của Phật, đâu thể Bác địa cho là tức thị ư! Ứng thân như văn trước sau.

Tiếp, "Nếu xướng nói...": biệt căn cứ báo thân nêu nguyên do lợi ích lại có hai: Trước, xướng. Tiếp, lợi ích. Văn đầu, trước dựa vào pháp thân để biện rõ phải cần trí. Tiếp, "Kinh nói...": nêu giáo lập ngăn ngại. Tiếp, dẫn thí dụ giải thích sự ngăn ngại. Nhưng khi sáng không có tối, nghiệm biết khi tối không có sáng, cho nên dùng trí tuệ đoạn phiền não tối. "Ông nay...": dùng lý trách. "Phải biết...": là kết ý. Ứng thân có thể thấy cho nên lược. "Chúng sinh..." tổng ba thân Phật đều sinh cung kính: Vì trí báo thân ở trung đạo có trí tuệ. Trên thì sâu xa, dưới thì khế hợp. Nếu được thấy một thân ắt đầy đủ ba. Cho nên, sinh cung kính. Y có mười thứ: Thông thâu tà chánh suốt đến thiên viên kia. Ba thứ trước cũng xưng là y. Khi đức Phật chưa xuất thế hết thảy ngoại đạo đều tự cho là xuất gia, đều tự lãnh chúng. Cho nên Đại kinh nói: Cõi nước vua cảnh thanh tịnh yên lặng thật là nơi nương của người xuất gia. Trong thứ ba nói: Lành bệnh rồi sinh là tuy đoạn sự hoặc mà trở lại đọa vào trong ba đường, đầy đủ như các Kiến bản kiếp v.v... đều chấp tứ thiền v.v... vì đoạn hoặc không đồng. A-hàm nói: Lương y có bốn:

1) Khéo biết bệnh tướng.

2) Biết nguyên nhân khởi bệnh.

3) Khéo biết phương pháp trị.

4) Rốt ráo không còn phát sinh.

Nhưng y đây biết bệnh không ngoài nội giới, biết nhân khởi bệnh không ngoài Y Chánh, phương pháp trị không vượt qua sinh diệt vô thường, không còn phát khởi, chỉ là trụ nơi hai thứ Niết-bàn. Vọng đây chỉ thành y thứ tư, năm. Nếu dùng bốn danh nghĩa thông các giáo thì mỗi một giáo tùy nghĩa đều riêng biệt, cho đến Viên giáo đối lý không ngăn ngại. Thẳng dẫn chứng đây sâu trái ý chỉ kinh, còn không thể đồng thông giáo Nhị thừa, sao có thể thí dụ Bản môn thường sinh diệt. Nếu giải thích Đại kinh hiểu tám thuật chỉ đối ngoại, tiểu đối đây vẫn là ít y thứ sáu không năng trị ắt sẽ chết, tức sở chứng đồng. Y thứ bảy Biệt giáo chỉ địa tiền thôi! Ba y sau đầu tiên nói không thể khiến bình phục, là chỉ tự nhập chưa sâu, chưa thể khiến người khác khiến bản pháp thân. Vô minh vốn có nghĩa như tổn, khiến trở lại được thế mới gọi là phục. Thứ chín, tuy mới được nói hậu tâm, do y thứ tám chỉ tại Thập tín, nên thứ chín về lý phải Sơ Trụ trở lên đến Kim Cang tâm. Thứ mười cứu cánh gọi là quá bản, đối trước gọi là phục cho nên đây nói “quá”, do y thứ chín bắt đầu từ Sơ trụ cuối đến Đẳng giác đã gọi là “phục”. Vì sao? Vì pháp thân vốn có nay khiến chứng bản cho nên gọi là phục. Nếu vậy Diệu giác lại hoàn tất thì sao gọi là quá? Do đối tánh đắc vô công dụng, cho nên tu gọi là quá. Nếu vậy Sơ trụ trở lên thì cũng gọi là “phần quá”, đâu riêng Diệu giác? Nói tàn hoặc còn hiện hữu gọi là phục, vả lại nhường cực địa cứu cánh gọi là quá.

Lại nữa trong bảy khách y: Người đầu và thứ hai vụng về độ bắt đầu đoạn sửa, cho nên không có xảo thuật. Người thứ ba, tư có thuật, dụng mà bất biến. Thứ ba không nói người Nhị thừa vì sở trị đồng. Thứ năm, sáu tuy khắp mà lợi ích không nhiều. Bảy người sau: Đối cực phân lược tiểu. “Có thuật...”: đối nhân hiển bày quả, cho nên dùng ba đạt năm nhãn làm tám. Sáu người trước đều không được, do nhượng Phật cho nên nói không. Hai khách y năm và sáu cũng là phần đắc. Nếu lìa tám đảo làm tám thuật thì bốn người trước có phần. Do hai khách y đầu cũng đắc vô thường v.v..., cho nên nói như dùng thuốc cay đắng.... Cho nên, trong Đại kinh tổng làm sáu vị: Khổ là vị rượu (tạc) chát, vô thường vị mặn, vô ngã vị đắng, lạc là vị ngọt, ngã là vị cay, thường làm vị nhạt. Trong thế gian kia có ba vị: Vô thường, khổ, vô ngã. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa do đó nhân duyên ấy thành Niết-bàn thực, khiến các đệ tử

đều say ngọt, chỉ Vô thường, Khổ, Vô ngã, ba vị ở Tiểu cho nên nói thế gian. Nay văn nói "tân", e rằng lầm chữ, nên nói đắng chát mặn. "Có thuật xa đến": tức trong bảy khách chỉ thứ bảy, do trong kinh này chỉ dùng Như Lai đối ngoại đạo kia làm tân cựu, cho nên biết tân y (thầy thuốc) ba đạt năm nhân đầy đủ, năng dụng vô thường... tám thứ. Do đó, "trước khiến đoạn sữa" dùng vô thường... "sau lại uống sữa" mới dùng thường.... Nay theo sau, nói "chỉ nói uống sữa". Nếu chọn lấy nhân (người) cũng có thể thông nói. Khách y thứ năm, sáu.

Lại thông luận: Thông, Biệt Bồ-tát chuyển giáo Thanh văn đều năng nói thường. Nhưng tám thuật: Trong Kinh nêu thí dụ có tám lại trị tám thứ bệnh. Nay đây vả lại nêu tám số mà thôi! ba đạt: ba minh ở vị tột cùng cho nên được gọi là đạt. Lược như Chỉ Quán chép. Từ: "Mười hai" đến "phương dược": Văn như "phương", lý như "dược". Dược thông Hành, Lý chỉ lại nói lý. Dưới giải thích sắc hương làm Tam Tam-muội và dùng Tam đức. Tam Tam-muội hành lý tam đức. Vô lượng nghĩa nói: Y vương, Đại y vương: Y thứ tám - chín thông được gọi là Vương, chỉ y thứ mười riêng gọi là Đại vương. "Nhiều các" đến "con Bồ-tát phàm có ba": Lại để qua Nhị thừa, trước riêng chỉ Bồ-tát thông dùng người chưa Phát tâm làm đệ nhất nhị thừa, vẫn thu nhiếp trong nhị thừa thứ hai theo lệ, vì nhận lấy Nhị thừa thoái đại cho nên vậy. Trong Bồ-tát lại chia làm ba: Tu tánh ba nhân có ly hợp. Một là căn cứ tất cả chúng sinh tức trong Đại kinh nói chưa phát tâm gọi là Bồ-tát. Tuy trong thập tâm biệt đối ba nhân, đây tức tánh ba hợp thành chánh nhân.

Hỏi: Vì sao không chỉ thiện ác tâm sở cùng làm Chánh nhân ư?

Đáp: Thiện thuộc phát tâm, ác lại thuộc riêng biệt; thông thì nhiếp biệt, biệt không nhiếp thông, Cho nên, biết tâm thông cùng vương đồng thời mà khởi ắt đủ ba nhân; chỉ gọi là Chánh. Chưa có thiện căn thế gian xuất thế gian.

Căn cứ dưới duyên nhân nói vi tế tu hành, nên biết tùy nghe một câu một khoảnh khắc thiện đều là duyên nhân thâu tóm. Căn cứ dẫn chứng nói chúng sinh trong đó đều là con ta, thì thiện căn nhân thiên vẫn thuộc chánh nhân. Dẫn chứng duyên nhân nói ba mươi người con, thì Nhị thừa thiện căn cũng tại duyên nhân thu nhiếp. Nếu căn cứ ngay nay hợp khai nhân thiên cũng tại duyên số. Căn cứ đại cách Tiểu, nhị thừa không phải duyên, nay căn cứ thoái đại, nhượng được thọ ký, nhập vị Sơ trụ gọi là "Liễu", quán hành tương tợ đều thâu nhập duyên... vì nhượng trước sau dùng Chánh theo bên. Cho nên, vị phát tâm trở về sau đến hết Trụ tiền đều gọi là "Duyên". Lại đem Chánh nhân chỉ tại

thập thông lẫn nhập làm trăm. Kết duyên tức là hội phát tâm, thì đã có Liễu nhân chỉ dùng Thập tín tương nhập làm số trăm, thông đều được thành thiện căn của trụ tiền, cho nên Thập tín tâm kia, kia tương nhập mới được thành trăm, do tam thừa thiện căn đều thành tương tợ, vẫn thâu năm phẩm đều nhập trong đó, sau được nhiếp thọ hiển thành phần chân. Cho nên, khiến duyên, chánh ngày nay nghe kinh tức dùng Thập tín trăm nhập vào Sơ trụ làm phần chân trăm.

"Từ miệng Phật sinh": Ngày nay nghe giáo đắc Phật pháp phần nhập Sơ trụ. "Đây cũng có ba nhân" đến "liễu nhân Phật tử", là đối với Duyên, Chánh thì trước nên chỉ nói Liễu. Lại nói "cũng": hai loại trước đều có ba cho nên nay cũng ba. Từ gượng thọ danh đều lược ba từ một. Sở dĩ lược: là vì Chúng sinh từ vô thủy đều đầy đủ ba, do tại mê cho nên theo lý lập danh cho nên trong lý ba đều là mê nhiếp, theo Duyên theo Liễu căn cứ theo lệ có thể biết. "Trở lại đem...": Nhiếp trước nhập sau, đã nhiếp Thông nhập Tín, cho nên nhiếp Tín nhập Trụ, đổi tương tợ thành chân cho nên cũng chỉ một trăm, chuyển băng làm nước nghĩa kia có thể biết, tu tánh ba nhân thì Huyền Văn, Chỉ quán đều có ý đây. Chỉ trong văn đây văn tướng hiển rõ vì muốn hướng về xưa, sức nghe kinh rất lớn nên lược ba tánh đều làm chánh nhân. Duyên liễu đều hợp, đều gọi là Nhất, cho nên biết các văn căn cứ tu để nói. Duyên liễu đều có ba. Hoặc chỉ luận lý tánh đầu cuối đầy đủ ba, như nói ba đạo ba đức ba Phật tánh... đầy đủ như Tu tánh Bất nhị môn nói. Chín môn cọng thành mới rõ ý chỉ đây. Nếu hiểu được ý này Viên, Giáo, Hạnh, Lý xương mắt tự thành, da thịt lông tóc xuất tại các điển (Kinh). Cho nên biết kinh đây là ghi chép giáo lý đại cương không thể dùng cương mục giải thích. Nếu hiểu được ý này thì ý chỉ giáo lý một nhà, lý đại có thể thông. Muốn tập quán môn tu hành hữu địa, nghe nói các việc quái lạ, tình nghĩ thản nhiên xem các quyền kinh, chú tâm không lầm, dung thông danh tướng thông suốt không nghi pháp số tăng giảm ly hiệp có thể thấy, cùng đoạt lấy giải thích khác khiến trở về đường lớn, do trước ba giáo không có việc đây.

"Uyển chuyển vu địa" (lăn lộn trên đất): Đối với pháp xuất thế cho nên lại nói "địa". Ví như bên trên nói lợi ích của hình, trong văn thiếu lược, lẽ ra nói trên có hai:

1) Phi sinh hiện sinh.

2) Phi diệt hiện diệt.

Trong sinh có hai: Nói "thọ nhận tà sư...": Chỉ phi xuất thế đều gọi là "tà", tự mình trong tích gặp nhau rồi sau liền tin tà ngoại, do tin tà

dày mỏng không đồng, đến nổi có mất, cùng không mất. Đều nói mất tam thừa, là do trong Tích gặp nhau thi hóa không đồng, đầy đủ như trong Tích cả hai Đại Tiểu bắt đầu thành thục đều một. “Không mất bản tâm”: Xướng sinh mà thành thục. “Mất bản tâm”: Xướng diệt cao đợi kỳ sau. Cho nên, xướng sinh diệt chẳng thật sinh diệt. “Thiên mạnh...” giải thích lại xướng sinh, duyên của xướng diệt. Nói “mạnh yếu”: Ở vị lai đoạn gián đoạn cách chủng đời trước xa, hiện tại khó phát gọi là ác mạnh, thiện mạnh căn cứ đây. “Xa thấy”: Đã chướng ngăn Ngũ phần cho nên cùng Ngũ phần Phật thành xa. Thí dụ lợi ích của hình bên trên nói: Hai đế, lẽ ra nói nói ba đế, hai thông ba biệt, lại bỏ biệt theo thông tức hai đế trong đốn. Thí dụ khuyên răn nói: Như trong ba chu dự định dùng Đại thích nghi. Dược thảo danh thông nghĩa hảo (tốt) không hạn cuộc, cho nên khiến tiệm đốn đều gọi là “kinh phương”, đều là hảo.

Từ “Phật xuất Tu-đa-la”: Căn cứ năm vị tương sinh nói từ mươi hai bộ, xuất Tu-đa-la cho đến Niết-bàn, theo nhân theo thời tương sinh để nói. Nên biết năm vị đều từ Phật xuất, nay để qua đốn theo tiệm đó thôi. “Sắc hương...”: Tiệm đốn thông đều đầy đủ giới định tuệ, giới thô, định tế, hương không thể thấy, hương có thể xa biết, vị đến gần mới biết được. Như tuệ đến lý mới gọi là đắc. Giới định tuệ đây tức tám chánh đạo: Ngữ, nghiệp mạng là giới, chánh định là định, còn lại là tuệ. Nay văn từ biệt vả lại thuộc vô tác, văn tuy lại biệt nghĩa kia thì thông. Đã là sắc hương dược thảo, dược thảo đã thông sắc hương thì đâu hạn cuộc. Nay nói “Kiến Phật tánh và đối ba đức” là từ đâu mà nói? Đầu hợp đốn cho nên ý tại Nhất thật. Chỉ tên ba đức còn thông ngoại chấp huống chi thiên tiểu ư! Đầy đủ như Chỉ Quán Đại tiểu sáu nghĩa và dùng Viên ba.

“Nói tam thừa không...”: Tiếp nêu tâm pháp thuốc, uống trong Tiệm tuy đầy đủ giới... và dùng ba đức, ắt nhờ Không... mới năng hành. Cho nên nhất nhất Tam-muội đầy đủ giới định tuệ. Giới v.v... trong đốn đối với căn cơ, trong tiệm như dược (thuốc) chưa giả nên không chịu uống, tuy giả mà chưa phân liều như chấp Không tướng, tuy liều lượng mà chưa hợp là còn chấp tạo tác. Cho nên ba thứ đầy đủ uống mới trị nhanh. Không, Giả, Trung, ba thứ căn cứ đây có thể biết. Tuy hợp tiệm đốn vốn tại Thật thừa, đầy đủ như trong Chỉ Quán giải thích đạo phẩm, trong Tam-muội Không của Viên sau đầy đủ tất cả pháp tức là việc kia vậy. Cho nên nêu cộng biệt hai tướng để nhiếp đốn tiệm. Thứ đệ nhất tâm căn cứ theo lệ có thể biết. “Dự định thích nghi...”: Kinh nói sẽ thiết lập phương tiện, sẽ tức là dự định. Lưu kinh giáo, như phó pháp tạng,

hoặc lấy trong Niết-bàn...: Kinh khác nói: Hoặc lấy tiếng lớn hoặc dụng thần thông... như sau khi đức Phật Niết-bàn, Kim quang Phật tự dạo ra vào bốn cửa thành... khiến tất cả mọi người đều biết Phật đã diệt độ, xá lợi, Kinh quyển ý cũng như vậy. Tuy các giải thích không đồng nhưng đều là một lý, cuối cùng không bằng dùng Tứ y làm sứ giả. "Như Cúc-đa": Cúc-đa là Tứ y, sau khi Phật diệt độ đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển 5 nói. "Như Di Giáo...": Sau khi Phật diệt độ đắc độ không đồng, chánh ở đương lai trở lại thấy Đức Thích-ca. "Cũng có...": Chẳng riêng đức Thích-ca. Cũng có những người chẳng riêng Đức Thích-ca cho nên dẫn kinh Phổ Hiền Quán. "Kiến Đa Bảo....": Nhân sám hối thấy cùng gặp có gì sai khác.

"Cha nghe các con đều được lành bệnh": Nói được lành không phải là hoàn toàn đoạn hoặc, chỉ có tam thừa cơ duyên và khả năng hội nhập thì không luận đoạn cùng không đoạn đều gọi là được lành. "Thường ở núi Linh Sơn" là báo độ, nếu căn cứ các nước khác chỉ cõi hữu dư thì báo độ phải chỉ tha thọ dụng. Căn cứ nói "thường ở" tức thuộc (cõi) tự thọ dụng độ. Nếu căn cứ tụng văn nói "bảo trang nghiêm" thì chẳng phải tự cõi mình tức cõi Tha ở thời bản. Như trong Hoa Nghiêm phần nhiều nêu Tha thọ dụng, Tức nghĩa các nước ở bên trên là chỉ văn trên nói ta ở các nước khác. Đây lại chỉ ở ngoài báo độ, thông thì cũng biến mười phương hoặc tịnh hoặc uế. "Có tu các công đức...": tức chỉ Duyên Liễu đầy đủ - Kinh nói "đều thấy thân ta" là cõi thật báo. Kinh nói: "Hoặc khi vì chúng đây...": Cũng là Sơ địa Sơ trụ. Kinh nói: "Lâu mới thấy Phật": Tức chỉ ngũ trước nặng. Kinh nói: "Trí lực ta như vậy": Là tổng kết đại thế lực.

GIẢI THÍCH PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Phẩm này có đầy đủ thọ ký, lãnh giải và lưu thông. Phân biệt thuộc thọ ký, từ đầu để nói cho nên gọi Phân biệt. Hai đời: Địa dũng quá khứ, Linh sơn hiện tại. Nói "công đức": Nêu ra để phân phán. "Văn đây"...: Nếu căn cứ công đức nghe Kinh chỉ thuộc phần còn sót lại, nay căn cứ nói sẽ đắc tức lại đồng thọ ký. Luận về pháp lực có năm, trong năm dẫn ba văn trước chứng ý phẩm này còn lại hai bên đến sau. "Pháp": Do pháp mà thành nên gọi là pháp lực. "Chứng": Sáu trăm tám mươi vạn ức cho đến Nhất sinh. "Tín": Tám thế giới. "Cúng dường": Nói là khi Bồ-tát đắc đại pháp lợi ở trong hư không trời mưa hoa... cho đến đọc tụng trì... đều là "hành". Lại do chân nhân pháp thành gọi là pháp lực.

Giải thích "tăng đạo tổn sinh", ý Quang Trạch dùng từ sơ đến trung thiên nêu hành tiến làm công đức môn. Tám đời đến một đời căn cứ tổn sinh làm trí tuệ môn, tám giới (cõi) làm ngoại phàm chưa có tiến tổn. "Xét thọ ký...": Quang Trạch giải thích xuất hướng lai ba ý, trong đó trước tổng dùng thông biệt phân phán, thông tại nhân quả tổng gọi là thọ ký cho nên thông chọn ba văn, nhân phát tâm khắc được quả. "Cho nên phát tâm...": thông đều chắc chắn quả. Tiếp dưới tám giới giải thích thứ lớp xuất ý. Sở dĩ hồi Kinh văn là từ cạn đến sâu cho nên như vậy, tức Ngoại phàm nhập Nội phàm làm phát tâm môn. Tiếp từ Nội phàm nhập Sơ địa cho đến Lục địa làm tăng đạo môn. Từ tiểu thiên trở đi làm tổn sinh môn. Trong tổn sinh môn chính từ Thất địa trở lên Thập địa, mỗi một vị đều đoạn thượng, hạ hai phẩm, một phẩm Đẳng giác hiệp làm chín phẩm, tức dùng tám đời đối tám phẩm trước.

Tiếp Pháp Hoa luận: Luận nói: Trong phẩm Di-lặc có bốn thứ môn:

1) Chứng.

2) Tín.

3) Cúng dường đều tại phẩm này.

4) Nghe pháp, chỉ tại phẩm Tùy Hỷ.

Văn đầu đầy đủ như văn nay. Tiếp Tín: "Tám thế giới...", nay cho là luận trước sâu, sau cạn... nay bình luận dùng Vô sinh nhẫn làm Sơ địa. Tám đời đến một đời làm Địa tiền cho nên nói trước sâu, sau cạn. Ngài Quang Trạch dùng sơ địa làm Vô sinh nhẫn, chỉ dùng tám đời cho đến một đời làm Kim Cang tâm, vì khác cho nên thành trước cạn sau sâu, hai nhà trái nhau từ xưa không phân phán. "Xét vô sinh...": Sư nay muốn

giải thích trước trải quả bốn giáo định nơi vị thứ kia, mới biết hai giải thích đều không xứng hợp với Kinh. Cho nên kết nói: Đều là văn Thánh giáo nêu rõ văn không thể lầm lẫn. Quang Trạch chưa tương đương Tín không còn nghi, luận chủ Thiên Thân đâu luống uổng công như vậy, chỉ sợ người dịch quanh co hợp tình riêng, như Nhiếp luận, Thức phân thành tám, chín và Bà-sa mười sáu chữ, đều tiến thoái tại người đâu liên quan Thánh chỉ huống chi Quang Trạch giải thích thẳng nói địa không phân biệt giáo tướng. Mặc dù phân hoặc phẩm mà nghĩa không chỗ trở về. “Lại Tịnh Danh...” đến “ý thông”: không thể định dùng, cần phải phế bỏ thông theo biệt; không thể dùng Vô đẳng đẳng có nghĩa Vô sinh nhẫn mà giải thích Vô sinh này. Vì Vô sinh này quyết định ở Sơ trụ, không thể kiến Kim Cang đảnh có tên Phục nhẫn, phân biệt làm tám giới, do Phục vị định tại Trụ tiền. Cho nên, gọi là thông không thể biệt đối. “Nay đối Vô sinh” trở đi: nói rõ Tăng tổn môn không thể phân cách. Nên biết tăng đạo không phải không có tổn sinh, tổn sinh nhất định có tăng đạo, đâu có thể phân nói Lục địa trước sau hai văn cố định ư! Lại không thể dùng Vô sinh ở sơ địa trở đi, huống đem tám đời... đoạt lấy Địa tiền trước, cho nên hai nhà đều mất đại chỉ của kinh. Từ “Tức Quang Trạch” trở đi: đem ý Sư nay sử dụng phê phán Quang Trạch, vì thuộc ba nghĩa: Địa tiền ba, Sơ địa thành Biệt, sơ địa đến Lục địa thành Thông, Thất địa trở lên thành Biệt tiếp Thông, Thông không đoạn vô minh, cho nên không phải thông. Biệt giáo Sơ địa tức đoạn vô minh, cho nên không phải Biệt. Cho nên đến Thất địa vô minh thì chấp nhận thuộc Biệt tiếp, vẫn phải chánh nói chín phẩm Biệt hoặc, nên bị tiếp, là thượng căn Thất địa, tức phá một phẩm hai phẩm huống lại không có văn phẩm phân thượng hạ, nghĩa liên quan ba văn cho nên nói du dương (tràn lan). Đầu nói Quang Trạch do phát tâm làm nội phàm ba mươi tâm, đã như trước liệt. Trước nói trụ ba mươi tâm, nay làm, làm chỉ là tạo tác nói, chỉ là nội phàm làm Sơ địa. Hai ý còn lại có thể biết.

Luận văn đã dùng địa tiền địa thượng tương đối thì nhất hướng chuyên phán xét nghĩa Biệt, nay phân làm ba: Chỉ hợp có hai thêm Kinh gia trình bày. Lời Phật viên diệu: Chỉ bản tích hai môn cho nên đắc đạo thật. “Cho nên văn trên...”: là giải thích Bản tích hai môn. Cho nên Nhân Vương thập thiện Bồ-tát là đây nêu Thập tín, tín tín đều thông đầy đủ thập thiện, chẳng phải chuyên lấy Nhân Thiên không sát đạo..., dùng đối với Thập tín. Đã nói từ lâu Viên ở tam giới khổ luân, là trải qua vị Tín. Có người nói từ lâu Viên ở tam giới khổ hải, không thể đem phân phán vị Trụ Hành, Hướng. Nên biết phải là Thập tín, đoạn

hoặc tự chẳng phải nhà nay chuẩn theo văn Pháp Hoa; phán vì Pháp Sư Công đức sáu căn lẫn dùng, vì vị thập tín mà làm nội phàm, đối trước Thập tín dùng cuối phẩm Phân Biệt Công Đức nói sau khi Như Lai diệt độ trở xuống văn lập năm phẩm vị làm ngoại phạm, đâu thể phán Thập tín đoạn tam giới khổ! Ý kinh Nhân Vương do đâu có thể hiểu rõ. Nếu không như vậy thì làm sao có thể phân biệt Hoa Nghiêm sơ trụ làm Thánh vị ư! Nếu phán theo văn Hoa Nghiêm nói Thập phạm hạnh, dùng công Thập tín tâm ngang bằng vị tột cùng lại thành thái quá. Sơ trụ thuộc Thánh Thập tín làm sao chẳng phải nội phàm ư? Đây cùng Địa tiền phục hoặc Sơ địa Kiến đạo vĩnh viễn không liên quan nhau. Vì vậy nay dùng ý Viên để hiểu rõ văn, đều dẫn Kinh mà làm chứng cứ. Cho nên Lục tức phán vị, lý không thể mất. Thập hạnh bất tư nghì giả. Lại đối văn trì nhạo thuyết và xoay vần đối vị giải thích, khiến cùng vị tương ưng. “Nếu luận...”: là đối phá Quang Trạch và dùng luận văn, cặp đầu tiên nêu hai môn. “Không như...”: phá, chỉ phá tổn sinh môn. Cũng lại nên phá hai nhà tăng đạo, vì sao? Vì luận dùng địa tiền làm tổn sinh thì không tăng đạo. Quang Trạch dùng Thất địa trở lên làm tổn sinh đâu được không tăng đạo ư? Huống chi Quang Trạch chỉ nói tám phẩm tổn sinh. Nói nhân mà mất quả, luận gia chỉ tại phân đoạn thì đều mất ngoại giới Biến dịch nhân quả.

Từ “Chỉ căn cứ...”: tức là ý nay, chỉ căn cứ Trí, Đoạn tương đối để nêu tăng tổn. “Căn cứ pháp thân...”: giải thích hướng tăng tổn. “Nguyệt dụ”: căn cứ đây biết. Cho nên người khác không hiểu thấy nói có giảm sinh phê phán làm tổn sinh; thấy có nói văn trì v.v... bèn phê phán, thuộc tăng đạo. Cho nên, nay chỉ từ “phá vô minh” trở đi, trong mỗi một vị đều một tăng tổn cho nên nói không đồng. Nói “Tám phen”: Lại nương từ tám đời để phá xưa chấp, đầy đủ nên từ vô sinh trở đi. Nói thế và niệm... để vượt qua nhiều vị và dùng tám vị không thể liền nói bốn mươi hai niệm..., cho nên nương vị sau luận đàm. Kinh văn tuy lược mà căn cứ vị ắt có tám, trong văn một phen bỏ qua, tuy từ địa phân phán, nhưng siêu vượt qua người tăng tổn không định. Cho nên nói “Tám đời...”, đầy đủ như trong văn thuộc đối. Đây tức chánh phá nhân sinh, quả sinh, văn đây nơi nơi không trái luận văn chỉ lưu phần còn lại Tu-đa-la nửa phẩm nhập Chánh, và đây thọ ký hoàn toàn không dùng. Cho nên biết phàm có chọn bỏ đều không uổng công. Nhưng các luận văn nói Vô sinh nhẫn phần nhiều nói ở Sơ địa, chỉ Hoa Nghiêm khởi Tín rõ ràng nêu văn tám tướng Thập trụ. Nói “số gấp bội”: Chẳng phải cho là một bội, một phen bỏ qua nói vậy. “Nhặt nhạnh” là chỉ văn Niết-bàn, Niết-bàn tự chỉ tám

ngàn Thanh văn ở trong Pháp Hoa đắc thọ ký biệt, như thu thâu đông tàng lại không còn tạo tác, cho nên biết thâu hoạch lớn phải tại Pháp Hoa. Như trong Đại kinh chúng đắc đạo, như cuối phẩm Phạm Hạnh nói: Nước Ma-già có vô lượng người phát Bồ đề tâm, đến cuối phẩm Trần-như có mười ngàn Bồ-tát đắc Nhất Sinh thật tướng, năm vạn Bồ-tát đắc Nhị sinh pháp giới, hai vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tất cánh trí, ba vạn năm ngàn Bồ-tát ngộ đệ Nhất nghĩa, bốn vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Hư không Tam-muội, năm vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Bất thoái nhẫn, cũng gọi là Pháp nhẫn, sáu vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Đà-la-ni, bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Sư tử hống Tam-muội, tám vạn năm ngàn Bồ-tát đắc bình đẳng Tam-muội, Bồ-đề tâm và Nhị thừa tâm, mỗi vị đều nói vô lượng hằng sa lời tán tụng. Hai vạn ức người hiện chuyển thân nữ.

Tám tiết trước văn bắt đầu từ “Nhất sinh” cuối đến “bình đẳng” đều chẳng phải địa tiền, tuy sâu tuy nhiều nhưng nếu so sánh kinh này thì tứ thiên hạ vi trần và Đại thiên vi trần che phủ cũng không đủ nói. Nay kinh Chánh tông ba chu và do bản môn được lợi ích đều không đồng với các kinh huống chi trong phần lưu thông từ phẩm Dược Vương trở xuống sáu phẩm, trong mỗi một phẩm đều có kết người đắc đạo, đều quá tám vạn. Trong phẩm Khuyến Phát đều có số người như vi trần khắp đại thiên giới đủ Phổ Hiền đạo cho nên biết nhặt nhạnh phần còn lại của kinh này. Tuy nhiên, trước lúc ấy văn quyền của các vị là phương tiện của kinh này, sau lúc ấy Niết-bàn thu nhặt cơ của kinh này, cho đến phò luật nêu nhất thừa thường trú, đắc một chút ý chỉ kinh này hành một câu pháp, đều là pháp giới. Mười phương Phật pháp khởi bình đẳng kiến mà thường phân biệt chư Phật hóa nghi mới xứng ý chỉ nhất thừa của kinh này. Nên tư duy chúng con nương ở nơi nào mới xứng tướng hoằng tuyên kinh này.

“Trên Tích môn Bồ-tát”...: Căn cứ trên khai chương trong đó chánh đương đoạn lãnh giải, trước phân biệt môn tức là đoạn thứ hai thọ ký. Sở dĩ Tích môn tuy thọ ký nhị thừa, mà ý chỉ Phật chưa cùng khắp, thâu nhiếp cơ chưa tận cho nên các Bồ-tát chưa trình bày lãnh giải, nay dùng cúng dường mà tiêu biểu lãnh giải. Cho nên, trong Tích môn chư thiên lãnh giải cũng trình bày cúng dường. Các hàng Thanh-văn từ lâu tu tự hành chỉ thẳng lãnh giải mà không cúng dường, nghe bản môn rồi cùng các Bồ-tát đồng trình bày cúng dường tiêu biểu lãnh giải. Vì nghe bản sau tu hạnh nguyện yếu đều thành Bồ-tát đồng hiến cúng dường tùy vị hạnh mà lấy sự cúng dường làm tiêu biểu; cho nên nói “thứ tự và từng phen...”: biệt lập phẩm mục. Vì vậy cho nên trong văn dùng trình bày

cúng dường tiêu biểu giải thích. Nam sư từ đây làm lưu thông, ý dùng bốn tín đệ tử Tín giải công đức cũng thuộc lưu thông, không cần đến năm phẩm sau diệt độ. "Văn-thù...": Như sau tích môn Văn-thù vào biển giáo thông kinh, đâu hẳn sau khi Phật diệt độ ư! Cho nên tiến thoái hai cách đều có thể theo dùng. Căn cứ ý văn đây, sau ba chu Văn-thù mới bắt đầu vào biển giáo hóa nghĩa cũng chưa thất (lỗi), chỉ sự Bồ-tát tích không thể nghĩ bàn, chớ có dùng phàm tình mà bàn luận so sánh. Đã như trước nói, huống chi căn cứ Tích môn không lãnh giải, thọ ký sau còn thuộc chánh, cho nên Nam phương phẩm quả đầu. Lại dùng năm phẩm đối nơi tương tợ nói một phen xưa. Phân quả viễn quả vẫn phải chỉ sau như trên nói chỉ văn thọ ký.

"Thế nào là tứ tín?" Hỏi gồm hai ý:

1) Vì sao chỉ lập số bốn?

2) Vì sao bốn đều gọi là tín?

Lược giải thích! Bốn người thông gọi là tín thì hai nghĩa đều thành, nhiếp năm thành bốn không cần đến năm. Lại danh từ đầu đắc cho nên đều gọi là tín. Lược giải ba người: Bỏ Thông theo Biệt thì thọ Biệt danh, rộng và quán thành ắt có lược cho nên lược thông ba người chỉ trừ sơ tín, đầu không có giải. Rộng nói hai người trừ lược giải là rộng hạn cuộc thứ ba không thông hai trước; quán thành một người lại trừ rộng giải không thông ba người còn lại, trừ tín một việc còn lại không thông bốn, chỉ tín giải bốn gọi là Tứ tín. Nếu nhất niệm tín giải chưa có ba thứ dưới thì chính là hạn cục nhất của sơ tín, lược đủ sơ tín rộng đủ sơ nhị quán ắt đủ ba, cho nên ở sau dần rộng. Chỉ càng về sau càng hơn ở trước cho nên trở thành ở sau hạn cục.

"Nhất niệm tín giải": Tức là đứng đầu trong bản môn lập hạnh cho nên văn hơi nương theo. Trong đó có mười phần khiến văn có thể thấy:

1) Tổng nêu đại cương kia.

2) "Nghĩa là tùy...": nêu lực tín giải.

3) "Lại tin...": nêu tướng trạng tín giải.

4) "Cũng là...": dùng sự giải thích thành.

5) "Vô sở hữu...": dùng ý tam đế kết.

6) "Như môn...": nêu thí dụ.

7) Nêu lục căn hợp thí.

8) "Không nghi...": giải thích danh.

9) "Nếu ngồi...": gia hạnh.

10) "Như vậy...": phân biệt vị.

Muốn khiến ý chỉ văn dễ thấy, vả lại chia làm mười. Tóm lại mà nói chỉ là tín thành. Đầu tổng nêu có thể thấy. Tiếp văn: Nghe nơi trường viễn khai thông không ngại, tin tất cả pháp đều là Phật pháp. Lại tin Như Lai hóa công lâu dài, người này năng biết bản tích diệu lý là Phật bản chứng. Nếu chỉ là chỉ tin viễn thọ trong sự thì đâu có thể khiến các Bồ-tát đây... tăng đạo tổn sinh đến nói địa vị cùng cực, cho nên tín giải bản địa khó nghĩ bàn cảnh trí, tín tâm sơ chuyển tự tại vô ngại mới gọi là lực, còn năng tăng tiến cho đến một đời, huống tín lực ư! “Quải” là ngại cũng là tướng trạng ngăn ngại vậy. Tự hiểu tâm mình ứng với tướng đây mới gọi là “tín thành”. Giải thích “thành”: Nghĩa là năng đạt chín giới phi đạo thuần dụng diệu đạo Phật pháp giới. “Kết”: Năng tín sở tín sở tín hoặc Bản hoặc Tích đều là tam đế. Ví dụ tấm màn, tiếng từ giữa xé lụa. Hợp thí: Nhân nơi nghe thọ mạng thông đạt tất cả, phàm có chỗ đối đều là Phật pháp. Giải thích “danh”: có thể biết, gia hạnh khiến tín tăng tấn. Trước là tín hành đây là pháp hành, hai hành tuy khác mà sở tín không hai. “Phán vị”: Hiển bày quán cảnh càng sâu, thật vị càng chắc.

Đáp ý: Năm đắc Bát-nhã gọi là Ba-la-mật, vì sao trừ Bát-nhã vẫn được gọi là Ba-la-mật? Đây dịch Độ ngạn, nếu đắc Bát-nhã mới gọi là “độ”.

Trong Hỏi, trước đáp, tiếp kết bày. Trước đáp ý: Như người Biệt giáo đều từ nơi năm, mà tận các biên kia cũng được gọi là “độ”, cho nên lại dùng thứ tự năm so sánh lượng bản, nhưng Bát-nhã danh thông. Trong đây thì hạn cuộc, cho nên dùng Bản môn chánh tuệ so với năm thứ tự quyền đây. Cho nên nay Bát-nhã tức là tướng hiểu tin sâu chắc làm năng giảo lượng (so sánh).

Hỏi: Trong thứ tư tự có Bát-nhã lại đồng so sánh làm sao trừ?

Đáp: Dọc Trung, Không, Giả Bát-nhã có thể làm đối tượng so sánh, trung chứng không khác danh đồng thể đồng cho nên có liên quan. Nói “giới thí biên”, biên là tiêu biểu biên hạn, kỳ vọng tâm xuất giả gọi là tận biên, cho nên Thập hướng hậu tâm gọi là Giả biên trừ bỏ.

Vị hạnh Bất thoái: Văn phán định bốn tín đắc mười tín cho nên Sơ tín đến thất tín làm Vị Bất thoái, Bát tín trở đi là Hạnh Bất thoái. Thất tâm tất thoái tức là Thất trụ Biệt giáo, kiến tư đều trừ gọi là Vị Bất thoái, cho nên nêu Tín vị vọng Trụ làm dưới. Nay nói Sơ Trụ hoặc sợ lầm chữ nên nói Sơ tín. Cho nên, văn nói viên đốn tín giải tự trong mà huân... Hoặc sợ dư chữ, có bản không có chữ Trụ đây chỉ nói Sơ tâm; hoặc dùng năm phẩm ở trước thập tín nên Viên Sơ tín tức Bất thoái. Có

người nói: Nghe thọ mạng lâu dài tức là Bát-nhã, không thể dùng Bát-nhã trở lại so sánh Bát-nhã. Nay hỏi trong lục độ đâu được có Bát-nhã trường thọ, vì vậy cho nên biết đối trong Tín tâm, tin nơi bản địa viên môn diệu trí. Còn không cùng tích môn Viên quán lục căn vị đồng, thì đâu cùng Biệt giáo ngũ độ đồng ư! Huống tại Tạng Thông lục độ hành ư! Còn không cùng độ thứ sáu của Tam giáo đồng, huống cùng trước ba độ trước năm độ trước đồng! "Đại Phẩm nói có Bồ-tát...": Ý nêu Biệt giáo Bồ-tát thoái chỉ có ma, Bất thoái không có ma, Viên giáo sơ tâm ma không được thuận tiện phá huống là vị Bất thoái! Hoặc Sơ trụ bỏ từng phần phá tám ma cho nên được gọi là không có. Do năng tức ma làm pháp giới. Xướng tên Lăng-nghiêm, ma còn bị trói buộc huống chi người tu quán, huống chi người tự chứng ma có thể làm cho thoái lui ư? Biết người bắt đầu năm phẩm của Viên thì ma đã tránh xa. Kinh nói: "Nguyện cho con ở đời vị lai...": Đã nói khởi thệ, chỉ là nghe thọ nguyện sẽ đồng.

Hỏi: Cận thành thì không có nghĩa lâu dài có thể nói, sao được đều nói cũng lại như vậy ư?

Đáp: Nói như vậy: Nghĩa là nói thường thọ, nếu được thường thọ tận đời vị lai ắt sẽ quá đây, đâu chỉ như vậy. Nay từ thật đến cho nên lại nêu như vậy chấp nhận. Đầy đủ tại Huyền Văn quá giảm không đồng.

Kinh nói "thâm tâm..": Đây đối bản địa viên môn vẫn đủ năm pháp mới gọi là đoạn nghi:

1) Nghe xa sinh tín.
2) Thâm tâm (tin sâu).
3) Trực tâm (tâm ngay thẳng).
4) Tâm nghe nhiều.
5) Vì người nói.

Có người đối việc đây rộng dẫn các văn để giải thích "đa văn (nghe nhiều)"; ở đây, nghĩa đó không cần thiết Vì sao? Trước vì đã nghe viễn bản, tiếp nhập thâm tâm và dùng trực tâm. "Sinh nơi đa văn" mới là nghĩa "đa văn" trong đây. "Thâm" là cùng lý Bất nhị, "trực" là từ đầu đến cuối một đường lối, lấy đây mà quán mỗi một câu nghĩa đều là "đa văn".

Quán thành trong đó nói tưởng, thành tương khởi, lý đầy đủ tướng đây y lý khởi tưởng, cho nên tưởng đây thành thuận tiện thấy tướng đây. Từ đầu tu tập quán chỉ đắc tưởng danh, quán hành cạn nên vẫn thuận tướng, cho nên lại thuận lý, nên lý tướng mới hiện, các giáo tu quán, quán trái với lý. Dù có khí phần mà không thuận lý Trung đạo, phương

tiện quán thành còn gọi là "tưởng", huống chưa thành ư! Lại thấy tướng đây tuy chưa chân thật chứng, vì quán lực cho nên tạm thấy hai cõi. Nếu tam hoặc phân diệt thì mới vĩnh viễn cùng tương ứng, bèn không gọi là tưởng. Căn cứ trước trong giải thích tứ Tất-đàn, Đẳng giác, Đệ nhất nghĩa còn thông gọi là tưởng. Cõi Hữu dư Đại tiểu cùng chung: Tạng thông nhị thừa đoạn thông hoặc: Nhưng bản làm danh căn cứ kia mà thấy. Thuần các Bồ-tát làm báo độ: Cũng tha thọ dụng, chỉ nương tưởng đây dần dần sâu, dần dần thành, nhập vị Sơ trú tùy vận dụng khắp thấy, ứng dụng vô phương.

Hỏi: Xứng lý khởi tưởng đâu cần tưởng cõi chỉ quán nhất niệm diệu lý liền đủ ư?

Đáp: Hai giáo sơ tâm đều diệt ấm nhập, huống lại cõi ư? Biệt giáo sơ tâm cũng lại phá ấm hậu tâm năng thấy lưới cõi trời.

Chỉ có Viên tức quán nhất niệm, tam thiên tam đế đầy đủ, vậy thì nhất tâm nhất thiết tâm, nhất thân nhất thiết thân, nhất cõi nhất thiết cõi, nhất niệm đều quán hoặc "thân, tâm, cõi", hoặc "Không, Giả, Trung", lại không trước sau, cho nên khi quán thành nhất tâm thấy nhất thiết tâm, nhất thân thấy nhất thiết thân, nhất cõi thấy nhất thiết cõi, mười phương chư Phật hiện trong thân, cho nên trong tự tâm thường tịch quang, thấy khắp mười phương hết thảy thân cõi. Nếu chỉ quán các cõi Giá-na, thì ắt mê tự cảnh. Nếu hiểu tâm cảnh thì tự tức là tha, tha tức tự. Không hiểu cảnh đây tự còn thành tha, huống chi quán tha ư! Quán cõi đã vậy, thân Phật tâm như vậy, nên nghe trường thọ cần phải hiểu rõ tông chỉ. Cho nên biết danh tướng, danh đồng thể khác, nên bản môn nghe thọ lợi ích gấp bội các Kinh, bởi do sự nghe khác thường.

Tiếp giải thích diệt hậu năm phẩm, đầu tiên nói sau phẩm Tùy Hỷ so sánh phẩm đầu, đây là thấy sâu, tác Pháp Sư xưa nghe danh tại ba không tại năm, Sư tùy lợi tha cho nên trừ hai phẩm. Căn cứ phẩm Pháp Sư đọc tụng cũng được thông gọi là Pháp Sư, chỉ văn ý trong đây giúp lý cho nên như vậy. "Chỉ Kinh văn" đến "không cần phải an sinh thân Xá-lợi": Đại giáo sở thuyên là pháp thân thật tướng. Trong trú xứ ở kinh có Pháp thân xá lợi. Lại là xây tháp, kinh văn năng thuyên như tháp năng thạnh.

"Hỏi: Nếu vậy...": Nếu không cần sự tháp và sắc thân cốt, cũng lẽ ra không cần trì sự giới, cho đến không cần cúng dường sự tăng ư?

Đáp: ý có:

1) Trái hỏi đáp tức chỉ phẩm đầu chưa thể nhập sự, cho nên lại y lý lấy làm Xá lợi lấy Kinh làm tháp.

2) Thuận hỏi đáp tức năng trì được hai thiên đầu. Nếu vậy thì đây cũng chỉ thành trái vấn đáp.

Vì sao? Vì trì hai thiên đầu chỉ thành hai phẩm đầu, vì thế không nên dùng năng trì ba phẩm của thiên dưới làm nạn vấn. Các người tu Viên hạnh thỉnh xem văn đây. Nếu người ở hai phẩm đầu hai sơ tâm niệm niệm thường tại bốn thứ Tam-muội thì chấp nhận các pháp ở ba phẩm dưới ít trái đến ba phẩm dưới chỉ tác hai trì chúng biệt hai hành chút hào ly không phạm, đầy đủ như trong Chỉ Quán. Trì giới thanh tịnh, còn phải sự lý song mỹ mới kham hướng đạo, huống chi người nhập đạo khiến sự thiếu ư! Nếu chưa chuyên bốn thứ Tam-muội, năm thiên bảy tụ Bồ-tát trọng khinh không thể vi phạm, mới xứng một kỳ giáo môn đại chỉ. Vì sao vậy? Vì xuất gia Bồ-tát kiên trì đầy đủ Tỳ-ni thiên tụ, tất cả Đại thừa giáo ý đều như vậy. Chỉ thiên tụ hộ trì ở Phạm Võng tám vạn luật nghi, chưa vì trì tướng, chỉ cõi đây khí yếu lại dùng Tiểu kiểm trợ thành Đại nghi vẫn hiểu khai, giá khinh trọng duyên thể chế, duyên thể chế chuyên tiệm đốn xả nghĩa có không. Tọa (ngồi) tiếp phân lưu sám pháp cách trời vực. Lại có bảy chúng đồng, không đồng. Đại tiểu cộng biệt, mới đối tự hành lượng phẩm vị mình, chọn bỏ thích hợp thời; hoặc mộ Đại tiết mà mê muội tồn vong, có căn cứ Tiểu văn mà mê nơi quán đạo. Nếu hiểu được ý này trước dùng lý giáo định, tiếp dùng vị hạnh xét nghiệm. Nếu không như vậy thì chim chuột người, đâu có luận phẩm vị ư! Kính thỉnh thọ nhận lời di giáo của Phật phần ít chịu cung kính tuân theo. Kinh A-Đề-Mục-Đa-Già nói: Có người nói: Đây gọi là hoa Long điềm, cỏ kia hình như cây gai lớn, hoa đỏ lá xanh, trái có thể làm dầu cũng có thể làm hương. Đã đến nơi đạo tràng tức đã đối hành cận đều thông cạn sâu cho nên cũng có thể làm quán hành, hành cận. Phẩm thứ năm ngang tín thứ tư, do hai phẩm đầu tương đương Sơ tín giải, phẩm thứ ba tương đương Tín thứ hai, cho nên hai nơi phân phán ba tuệ. Đem hai tín và ba phẩm này cùng ở vị Văn tuệ.

Hỏi: Vì sao hiện tại chỉ có bốn tín, sau khi diệt độ lập năm phẩm ư?

Đáp: Nghĩa kia đã ngang bằng bốn, năm không sai biệt, chỉ là sau khi đức Phật diệt độ thì thêm vị đọc tụng làm phẩm thứ hai thôi!

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 10

PHẦN TRUNG

GIẢI THÍCH PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

Trong giải thích đề phẩm có bốn lớp kết danh, cũng có ý tứ Tất-đàn nhưng không có thứ lớp Lý can phải rõ giải thích khiến nghĩa tương đương, nhưng các phẩm dưới đều là lưu thông bản tích hai môn. Sở dĩ trong đây tuy trong đối trị nhưng song song tiêu hai ý, nghĩa cũng thông nơi ba Tất còn lại, vì văn phẩm Tùy Hỷ đã so sánh đầu năm phẩm diệt hậu, nghĩa đương nhiên ở đầu tứ tín, hiện tại đều do nghe trường thọ tăng lợi ích phẩm vị, cho nên cần song song thuật xưa nay hai môn. Dưới Phẩm Pháp Sư Công Đức chánh đương hiện tại vị tứ tín và sau vị tùy hỷ, do đó không còn giữ lại hai lợi ích. Do trong phân biệt và trong tùy hỷ đã giải thích đủ xong. Lại là xưng dương công dụng năm hạng Pháp Sư, năng nhập sáu căn đồng nơi vị hiện tại tứ tín. Phẩm Bất Khinh trở xuống đã tổng nói Pháp Hoa đâu riêng gì tích! Nếu vậy các văn trước cũng nói Pháp Hoa cũng nên đầy đủ hai ư! Đáp: Sau chưa nói. Đầu tiên trong nghĩa thế giới văn trước lược giải thích danh. Tiếp rộng giải thích. Sau là tổng kết. Vì đầu xuyên suốt ở sau nên trước giải thích danh. Đầu văn trước Tùy sau Hỷ. Trong phần đầu giải thích Tùy, sự lý chỉ là tên khác của Quyền thật, hiểu Quyền thật đây tức chẳng phải Quyền thật, không hai không khác tức tùy thuận sự lý khai quyền hiển thật.

Tiếp rộng giải thích, giải thích trong Hỷ nói mình và người, tức trở lại là lực của sự lý trong tích, lý có sự, cho nên năng mừng cho người, sự có lý nên năng mừng cho mình. Lại không hai mà hai, cho nên mừng mình và người, hai mà không hai cho nên hiểu rõ không phải mình và người.

“Tiếp nghe sâu..”: lần nữa giải thích, cũng trước giải thích tùy đủ công đức quyền thật. Tiếp, “Mừng cho mình có trí tuệ...”: lại giải

thích hỷ đầy đủ công đức bi trí. Tuy nói "mừng cho mình" nhưng chính là để lợi (tha) người. Tuy nói "mừng cho người" mà chính là để hiển mình. Cho nên, nói có trí và có từ bi. Do tự nghe kinh lại năng dạy cho người khác, cho nên bi trí đầy đủ thì mới gọi là "hỷ", huống chi mới nghe kinh hạnh nguyện đồng thời; cho nên một câu một kệ tự tha đều lợi ích. Nay đây sơ tâm chuyên lập tự hành, cũng dùng nguyện lực mà làm kia vui. "Quyền thật...": kết hai ý trước cùng lập tên phẩm. Quyền thật kết "Tùy", trí đoạn kết "Hỷ". Từ bi tức hóa tha, hóa tha thuộc giải thoát, giải thoát tức đoạn. Vả lại, dùng tự tha sự lý khánh hỷ cho nên thuộc nghĩa Thế giới. "Lại, thuận lý...": trong Đối trị căn cứ Bản môn, cũng trước giải thích, tiếp kết phẩm. Trong giải thích, trước Tùy tiếp Hỷ. Trong Tùy thì trước chánh giải thích. Tiếp, "Tức rộng...": kết thành tướng quán, dung thông sự lý, sau là kết thành. Văn đầu trước lý, tiếp sự. Lý: Nếu tin trường viễn, tin ắt y lý, lý không khác Diệu lý trong Tích, chỉ vì, chỉ tại cửu bản, công trở về thật chứng. Lý sâu thời xa cho nên nói "thâm viễn (sâu xa)". Nói "tín thuận": Đối lý nghe nghĩa lâu xa đâu dám trộm nghi, cho nên không một chút nghi đối với lý lâu. Tiếp "thuận sự": Chỉ là Như Lai tự từ bản thành tựu tướng lợi vật, trong Tích chỉ có ngang luận hóa nghi, trong Bản cần thêm cửu viễn tướng dọc, cho nên dùng hóa lâu làm dọc, hóa rộng làm ngang. Trung gian tiết tiết biến khắp mười phương bao gồm tuyên bày chỉ là ngang dọc biến khắp đó thôi ?

"Quán tướng": Phi lý không do đâu năng hóa, phi hóa không do đâu năng hiển lý, tức thiết lập Tích cận sự thấy viễn Bản lý, cũng là Bản tích tuy khác mà bất tư nghì nhất, tuy một mà Bản tích rõ ràng cho nên nói không hai mà hai.

Hỏi: Biệt cùng hai đồng khác như thế nào?

Đáp: có hai:

1) Thông căn cứ Bản tích,

2) Biệt đối nhiều cảnh, do trong Bản tích đều có tướng không đồng.

"Tiếp, Tuy hai...": từ chối nghĩa che phủ thâu nhập. Hoặc Bản hoặc Tích đều dùng tam thiên mới hiển diệu sự xứng lý. "Như đây...": kết. Chỉ là thâu lược từ trước đến nay sự lý không hai mà hai..., đồng gọi là "nhất Tùy". "Như Lai...": giải thích Hỷ: Trước dựa vào thời căn cứ nhân để bác bỏ Tích quyền, cho nên hơn bốn mươi năm và Thất phương tiện, chẳng đến Kinh này không hội nhập phương tiện không do đâu hiển bản. Đối với kia không nghe nên mừng cho ta được nghe. "Tiếp,

Mừng ta...”: Chánh giải thích hỷ. “Do tâm phàm phu...”: nêu tâm tướng hỷ; Do nghe cho nên biết, nhân biết sinh kiến, chỉ có Phật biết Phật thọ mạng lâu dài, chỉ có Phật thấy Phật từ lâu đã chứng thật lý, nghe Phật nghe hiển cùng Phật không khác. Nhập quán hạnh vị. “Như đây...”: kết tướng quán, cũng là ý ngang dọc không hai. Pháp giới cứu cánh nghĩa thông ngang dọc, lẽ ra nói sâu rộng chỉ là nói lược. “Rộng không bờ bến...”: Thông tán thán ngang dọc không thể cùng Vô đẳng kia đồng cho nên lập lại nói Vô đẳng đẳng, cũng nên kết tên gọi là “Hỷ”. Văn không có, là lược. “Đức Phật nay...” kết thành tên phẩm, trừ lý sự nghi cho nên gọi là Đối trị.

“Người thứ năm mươi...” giải thích trong Vị nhân có bốn: Đầu lập lại nêu nhân tướng tức là nêu vị.

1) “Đầu chỉ có...”: nêu Tùy.

2) “Chỉ có...”: nêu Hỷ.

3) “Chưa có...”: song nêu Tùy Hỷ trình bày ý so sánh.

4) “Sao nghe...”: kết khuyên.

Trong so sánh lại có ba:

l) Nêu hành yếu mỏng. Trong tùy chỉ có lý, chưa có quyền dụng, trong hỷ chỉ có mình, chưa có năng lợi người.

2) “Tiếp, thâu hoạch...”: song nêu tùy hỷ công lớn.

3) “Như Lai...”: chánh dẫn kinh so sánh. Tức nêu ở văn dưới: Bốn trăm vạn ức cho nên nói xảo dụ, dụ người thứ năm mươi. Vì vậy cho nên so sánh nói huống gì người đầu tiên nhất. Đây là phẩm đầu nên nói huống gì phẩm thứ năm ư! Đây là bắt đầu viên vị. Nên nói huống gì hậu tâm? Hậu tâm chỉ địa vị tột cùng.

Trong kết khuyên có hai:

l) Dẫn ý kinh để khuyên.

2) “Như Lai...”: kết ý kinh khuyên để lập tên phẩm, khiến tiến lý nhập vị, năng sinh lý thiện tức Vị nhân. Cảnh là lớn, cũng là mộ. Từ trên đến dưới trong Đệ nhất nghĩa đến nay tức chỉ Pháp Sư đến phẩm Trì và tứ Tín, năm phẩm trong phẩm Phân Biệt Công Đức. “Thời chúng...”: sợ người hiểu lầm, không sánh lường sơ tâm công đức lớn, mà suy tìm công vị trên khinh miệt sơ tâm đây, cho nên nay chỉ bày kia hành cạn công sâu để hiển lực Kinh. “Bỗng nghe...”: nêu Hảo Kiên Ca Lăn để dụ sơ tâm. Thánh nói tự thân tán thán khiến suy tìm công nghi trừ cho nên nêu “cởi bỏ” vậy để làm theo đệ nhất nghĩa. Hảo Kiên Ca Lăn đầy đủ trong Chỉ Quán quyển một và bảy nói. “Hy hữu...”: kết thành lập phẩm. “Ngoại đạo...”: căn cứ giáo lần lượt so sánh. Trước bài bác ngoại

đạo, thiên Tiểu thừa... Tiểu thừa tuy ở vị tột cùng cũng chưa bằng tùy hỷ Viên vị sơ sơ, người biệt giáo biết trung đạo mà nói môn vụng về: Do ở Địa tiền nghe chỉ tên Trung, chưa tức quán. Đức Phật nay nêu chữ A... là chánh nêu Viên vị, đầu cuối không hai cho nên các giáo đều không.

Hỏi: Đầu tiên chữ A tại Sơ trụ lấy gì chứng minh là sơ phẩm?

Đáp: Danh biệt nghĩa thông, nếu dùng đây đối bốn mươi hai vị thì không thể thông sơ, nếu đối Lục tức Lý tức còn vậy huống gì sơ phẩm ư! Nay từ Viên hành để nêu bất nhị cho nên thông dụng chữ A.

Trong hỏi đáp trước hỏi có thể thấy. Trong đáp nói pháp này là lần lượt nghe pháp. Người kia: Đại Phẩm nói: Nếu người hàng Thanh văn năng phát tâm thì ta cũng tùy hỷ; cũng lại nên hỏi: Kia kèm theo, đây riêng biệt vì sao được đồng ư? Đáp: Không từ chỗ kèm theo, không chung không riêng, sợ lẫn lộn danh đồng, vì biện minh biệt cho nên đến. Huống chi kia là nói dẫn tiến, đây phân biệt thật công sơ tâm, cho nên người kia không có lý phát tâm, đây tùy theo lý đã thành, vì vậy nên danh đồng kia sự vĩnh viễn khác. Phẩm trước dùng so sánh bốn người: Cuối phẩm Phân Biệt Công Đức đối với bốn người sau. Kinh văn mỗi một tiết tự so sánh xong, chỉ có phẩm đầu văn chưa có so sánh nên sinh phẩm này. Cho nên cuối phẩm trước sớ nói: Nay liệt đủ năm phẩm so sánh bốn phẩm, sau phẩm Tùy Hỷ so sánh sơ phẩm. “Thừa cơ”: Do đức Phật biết cơ ẩn chưa nói, cho nên khiến Di-lặc nương căn cơ bấu víu ở Phật, văn rộng so sánh ở đầu mới biết sau bốn công lớn sau, thời chúng lợi ích rộng cho nên nói thừa cơ. “Nam phương”: Giang nam. Nói “Có hơn, kém và bằng”: Ý cho là sau sau dần dần hơn làm thắng, càng về sau tương tợ làm bằng, sau dần dần yếu làm; bèn dùng tiệm yếu so sánh nêu bằng và hơn. Trong người kém nhất là người thứ năm mươi công đức còn nhiều, huống bằng huống hơn cho đến thứ năm mươi ư! Văn tuy chưa phá lý không hoàn toàn như vậy, chỉ dựa vào dần dần yếu dùng sau so sánh đầu, sao dùng bằng, hơn! Bằng nhau đầu cuối tương tợ, thắng lại sau hơn trước, đều chẳng hạn cuộc so sánh. Nay chánh giải thích: Nhân người xưa không phải giải thích năm mươi vị, tổn thương văn, mất lý. Cho nên, nay trợ giúp tạm mượn giáo môn để lập số người. Chỉ căn cứ sáu chúng không liệt kê Thức-xoa, cũng một phen đối số lại tạm trừ bỏ, đâu có Thức-xoa không nghe kinh ư? Ý cũng không hẳn từ nơi hữu môn, dùng Đại Tỳ-kheo mà làm người trong sơ hội, trong đây tuy lại liên quan đến người và môn đều hành đến bốn mươi tám, mà ý nêu rõ mỗi một giáo và mỗi một người tùy theo một môn một hạnh đều có thể từ nơi pháp hội người nghe.

Sở dĩ hai giải thích:

1) Căn cứ ba giáo nghĩa đương giáo xưa có năm mươi người đến nay nghe Viên.

2) Đến nay lại thành năm mươi, tức là nghe kinh đều hợp khai hiển, toàn thành bốn người.

Cho nên viên nêu số không thể dùng biện rõ. Lại nương số pháp dùng một lần bảy mà chỉ, như bảy đời..., trong bảy từ đại cho nên thành bốn mươi chín đều là Sư đệ... xoay vần giáo. Nói một người sau cùng không có giáo tha tức, lại căn cứ một kỳ so sánh mà nói. Nói "Đại bảy...": Phương này số pháp của hoàng đế lập có hai thứ không đồng. Dưới số mười vạn làm ức, trên số ức ức làm ức, số bảy cũng như vậy, cho nên dùng bảy lần bảy mà làm Đại thất (Đại bảy), đối tiểu bèn thành bốn mươi chín, và người sau cùng thành năm mươi. Đây cũng một phen hợp số kia. Chánh nghĩa như trước phá các Sư xưa. "Nay nói không như vậy" trở xuống dưới là văn ấy. Kinh tứ sinh: Có người đối với đây rộng căn cứ Câu-xá, Bà-sa và các Kinh luận nêu chương nghĩa tứ sinh, đối văn nay chẳng cần thiết. Chỉ có thể lược biết sáu đường chúng sinh, lược như quyển thứ nhất và Chỉ Quán quyển một ghi. "Tứ sinh": Thai - noãn - thấp - hóa - lại hiển biết trong luận lại lập tứ sinh (bốn loài):

l) Xúc sinh: Nhân vì giao hội.

2) Khứu sinh: (hửi): Con đực có dục tâm hửi mùi con cái là căn môn, tức liền có thai.

3) Sa sinh: Như chim cái do dục tâm bụi cát nhân tức có thai.

4) Thanh sinh: Như con cái khổng tước dùng dục tâm cho nên nghe chim đực gọi tức liền có thai. Bốn thứ đây chỉ nhiếp thai noãn hai sinh, thấp hóa chỉ nhiếp hương xứ không cần tướng đây. Ban vui thế gian, cứu dứt quả khổ. Lại cho bốn việc và dùng bảy báu cho nên nói thế gian, khiến quả thân an cho nên nói "cứu quả". Khiến đắc La-hán nên nói "cứu sinh tử khổ". Đây là phước Phạm, người này dạy người khác khiến đắc Thánh quả mới gọi là Thánh. Tự chưa đắc Thánh gọi là phước Phạm nếu đắc Thánh quả mới gọi là thánh. Nay rộng nêu, đây dụng Đại luận văn nói: Sự to lớn trong phước, chẳng gì vượt lên trước Phạm. Cho nên, luận giải thích trong tướng trăm phước trang nghiêm, dùng phước Phạm làm một phước. Có sự so sánh đây, nay kinh khiến đắc Tứ quả cũng là phước Phạm vậy. Trong đó lại so sánh nêu phước nghe kinh, khiến đem các phước Thánh ban đầu dùng so sánh lợi ích nghe kinh sau cùng, cho nên nghe kinh vi diệu tùy hỷ, sơ tâm còn vượt qua các Thánh sau huống gì sơ Thánh ư! Cho nên biết người đời mất

thấy ngọc như ý mà tranh cầu thủy tinh, đã gặp ánh sáng mặt trời mà mưu cầu đèn đuốc!

Tát-đỏa Đại-tát đóa: Do tam Bồ-đề lần lượt tương vọng, một phen lại dùng Đại tiểu nói cho nên phương tiện cực vị Bồ-tát còn không bằng người thứ năm mươi huống gì chỉ dạy người đắc nhị thừa ư! Nói phước Thánh: Đối với trên thuộc phước nên nói vậy. Nhưng trong Hoa Nghiêm dùng Sơ trụ so sánh việc kia vẫn dễ, nay vị Sơ tùy hỷ so sánh phước Thánh, tự chẳng phải Đại thánh nghiêm chỉ đâu thể tin việc kỳ lạ đây! Cho nên, biết chỉ từ sự mà phán nói hành phẩm này là phụ, hành bất khinh là chánh, cho nên một bộ đây không được dùng ý phụ nói đêu là một lỗi thông suốt của Pháp Hoa. Trong đây công đức đối năm mươi người, Chương An chỉ thẳng nêu số mà thôi! Không chỉ Kinh văn nay lược đối, mỗi cặp công đức kết làm một câu:

Một chỗ và lợi căn
Trí tuệ không câm điếc,
Miệng thơm lưỡi không bệnh
Miệng không bệnh không dơ
Không đen cũng không vàng
Không thưa không thiếu rụng
Không so le không gãy
Môi chẳng trề chẳng nứt
Chẳng thô rít chẳng co
Chẳng ghẻ chẳng sứt hư
Chẳng thiếu và chẳng hoại
Chẳng vêu cũng chẳng dày
Chẳng to và chẳng xám
Chẳng đen, không đáng ghét
Chẳng xẹp chẳng cong gãy
Chẳng đen chẳng hẹp nhỏ
Chẳng dài chẳng hóm gãy
Chẳng cong mà vui vẽ
Môi răng lưỡi đều đẹp
Răng trắng phau và sạch
Mũi cao lớn thẳng thắng
Mặt tròn đầy, mày cao
Mi dài và trán rộng
Tướng người đủ cân đối
Thấy Phật và nghe pháp.

Trước là tương tợ công đức... chỉ trong phẩm Phân Biệt Công Đức nói diệt hậu năm phẩm. Đại sư có khi y Phổ Hiền Quán phán xét năm phẩm vị ở trong sáu căn cho nên nói tương tợ. Nếu chỉ bốn tín chánh là tương tợ, trong đây so sánh phẩm đầu lại là thứ năm mươi tám. Sơ pháp hội nghe chấp nhận là sơ phẩm thứ năm mươi tám ắt ở người đầu của Tùy hỷ vị, nhưng phẩm đề tùy hỷ không hạn cuộc ban đầu mà thông gồm năm mươi người. "Tu hành...": rộng nên nêu hành tướng. Năm mươi đức đây hoặc một người đầy đủ hoặc một người đều một, tùy công lực người kia không thể chắc đủ. Trong tụng, tụng trong tùy hỷ trước có năm, không tụng hỏi đáp, căn cứ đây có thể biết, đối tụng phần nghe kinh trong đó ít không thứ lớp đối đây có thể biết.

GIẢI THÍCH PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Trước giải thích tên phẩm. Tiếp giải thích công đức tăng giảm tức công đức Pháp Sư. Đầu tiên giải thích đề phẩm trong đó cũng căn cứ tứ Tất-đàn, cho nên dưới kết nói: Đủ bốn ý đây. Văn

1) Thế giới.

2) "Hạnh giả...": Vị nhân.

3) "Hiểu biết...": Đối trị.

4) "Tương tự giải...": Đệ nhất nghĩa.

Nghĩa Thế giới trước chỉ phẩm trước, cùng đây giải thích danh cho nên nói hai chữ Pháp Sư toàn chỉ phẩm trước, cũng dùng năm hạng làm Pháp Sư cho nên nói như trên.

Hỏi: Phẩm đây đã nói là quả Tùy Hỷ tên gọi Pháp Sư, tên gọi Pháp Sư vì sao chỉ trước?

Đáp: Đệ tử thông đầu đến cuối Pháp sư chỉ có hai, ba nghĩa cũng gồm hai sau, hoặc hoàn toàn chưa nhập phẩm. Vì sao? Vì nếu dùng năm phẩm nhập trong sáu căn, năm Sư chỉ làm nhân của sáu căn. Ví như dùng năm phẩm tại ngoài sáu căn, thì năm Sư không nói tu nơi quán hạnh, chỉ dùng tụng nói gọi là thông. Lại thông phẩm thứ hai, ba, lại nói bao gồm nơi bốn, năm, cho nên lại một phen tợ thông. Nếu lại căn cứ vị lược chọn, thì hoàn toàn chưa nhập phàm vị, dùng tên phẩm Pháp Sư kia giải thích rộng, nên cần phải chỉ kia để hiểu rõ danh này. Pháp Sư xưng đã thông không ngăn cách bốn tín năm phẩm nên chỉ văn kia dùng trình bày tên phẩm. "Công đức...": biện minh sự sai khác. Đầu chỉ người đầu sơ phẩm, chỉ người thứ năm mươi nay cho là năm phẩm chỉ sáu căn đây, đồng gọi là công đức cao thấp hoàn toàn khác. Vì là công đức của Pháp Sư nên nói Pháp Sư CÔNG ĐỨC. "Trong ngoài trang nghiêm...": Hai lớp giải thích:

1) Chánh căn cứ sáu căn.

2) "Lại từ...": lại tiến nương vị chân thật tức khi tương tợ đây đến Sơ trụ sắc thân hiện khắp, cho đến cực vị một tiết đều dùng công ban đầu làm bản. Năm tướng cũng như vậy: Khi nhập chân vị sáu căn đều có trong ngoài hai nghiêm, thấy nghe mười giới mà làm ngoại hóa, còn lại ba thứ căn cứ biết sắc... cũng như vậy. Lại nếu dùng tương tợ khắp hiện sắc thân làm lời nói, thì có thể thông ở tương tự vị.

"Tiếp, Đọc tụng...": theo lệ các sư: Năm Pháp Sư đây đều sinh tương tợ giải; đây lại phải để qua chân vị khắp hiện sắc thân, thoái lui lấy tương tợ vỉ làm công đức đây. Năm phẩm của năm Sư chân, tương

tự vị không đồng, cho nên gọi là Thế giới.

Hỏi: Viết chép làm sao tịnh sáu căn?

Đáp: Đồng giúp chánh giải. Bốn phẩm hơn vậy là nêu rõ phát bất định, đầu từ tùy hỷ cuối đến chánh hạnh đều phát sáu căn đâu hẳn quá năm mới nhập tương tợ. Nói hơn vậy là lấy đầu vọng sau còn đắc nhập, bốn sau thêm hơn trước. "Tương tợ đã như vậy...": Do trong phần chân căn tịnh gấp bội trước dùng chân vọng tợ cho nên nói gấp bội.

Tiếp Vị nhân: Nên siêng năng tư duy tu bốn thứ Tam-muội khiến mau nhập hậu tín, tín tín tương vọng cho nên gọi là bội. Tiếp trong đối trị sâu biết Viên, nghe như trước so sánh gọi là thế lực lớn, mới năng trừ bỏ nghi chấp quyền tích. Đệ nhất nghĩa: Trung đạo nói là đầu tiên của tương tự giải tựa dựa theo Phổ Hiền Quán, tùy hỷ rồi sẽ đứng đầu tương tự giải, người thứ năm mươi lại là đầu tùy hỷ cho nên nói sơ sơ. Quá nhị thừa cực cực, là La-hán đã tột cùng, không tột cùng lại tột cùng. Dù là không nghi cũng không thể bằng người sơ tùy hỷ. Gấp bội trăm ngàn vạn như trước so sánh. "Chỉ ban đầu...": Dùng Tùy hỷ đầu hiển Diệu giác cuối; Phàm phu phát tâm còn dùng Diệu giác rốt ráo không hai, huống nay năm phẩm sau đối với sáu căn ư! "Công đức sáu căn...": Chính giải thích công đức sáu căn tăng giảm, trước lược nêu hai nhà. Tiếp tổng kết bài bác.

Trước nêu Quang Trạch văn không biệt phá, sở lập chưa đúng. Vì sao? Vì năm hạng Pháp Sư đều đắc sáu căn, vì sao năm Sư cùng làm sáu ngàn ư! Cho nên một Sư bốn trăm, nếu có ba phẩm tuy thành một ngàn hai trăm, đâu thành một Sư sáu ngàn công đức huống ba phẩm nhân ư! Cho nên dưới kết phá căn không y văn. Huống chi nói mười thiện là tán thiện. Cõi đây ba căn mạnh yếu. Dẫn văn Đại luận toàn không tương ưng đây. Văn đây nhãn, tỹ, thân tám trăm; nhĩ, thiệt, ý một ngàn hai trăm. Trong luận thì nhãn nhĩ ý ba dụng mạnh cho nên không tương đương. Lại có Sư dùng số Quang Trạch làm ba phẩm, nay kinh chỉ có tám trăm, và ngàn hai làm sao lại lập một ngàn? Nếu phân sáu căn làm ba thì hai, hai phần đối hoàn toàn không có lý đây. "Các Sư...": tổng bài bác chưa hội nhập kinh này sáu căn tăng giảm và công đức... Không hiệp các giáo là ngoài Pháp Hoa như dưới liệt nêu, ba kinh một luận vì sao? Vì sáu căn sở đối ba ngàn trần, ngoài trần đây thấy nghe bốn Thánh, cho nên biết kinh lực trợ nội quán giải, phát tương tợ phần chân, huân khắp các căn, cho nên có thấy nghe các dụng như đây. Lại có người dẫn Câu-xá... để biện rõ nội giới sáu trần, dụng giải thực thông đây sáu trần chỉ được chút nghĩa chẳng phải chánh ý văn cho nên không dụng. Vả lại

sáu căn trong đó căn nhĩ tỹ ba, không nhờ đến tức trở lại nương không đến có thể thấy đối nhãn, có thể nghe đối nhĩ, có khí đối tỹ, thiệt thân hai căn cần phải đến rồi, dựa vào đến biến hiện cho nên thiệt thì dùng biến thuyết làm công, thân thì dùng hiện tượng làm dụng, mà đều dùng mười giới làm lượng, không liên quan đến Tiểu thừa căn trần đối cảnh, cho nên không cần nói sắc hai mươi hai thanh tám... Nếu không như vậy thì tam thiên vốn chẳng là nơi nhục nhãn nhục nhĩ của phàm phu thấy nghe, thì vì sao lại nói thấy nghe tam thiên? Nếu lại nhân thiên... nhân sở hoặc sáu trần, càng chẳng phải ý nay.

"Đại Phẩm...": chánh dẫn ba kinh một luận phá hai Sư trước. Tiếp, "Nay kinh...": chánh giải thích. Đầu dẫn kinh luận lại có hai:

1) Chánh dẫn.

2) Lược kết kinh này đầy đủ để bài bác.

Trong chánh dẫn đầu dẫn Đại Phẩm nêu sáu căn Bát-nhã đâu chẳng phải trong phẩm Phân Biệt Công Đức so sánh chánh tuệ. "Trần tịnh tuệ" đến "cho nên không sai khác": Đây chưa nói số lại nói đẳng định. "Nếu sáu căn...": Pháp Sư kế tiếp. Trước phá. Tiếp "Nếu một...": trưng dẫn ngược lại v.v... nên dẫn lại nhiều và dẫn trong chánh Pháp Hoa cũng trước dẫn căn..., "Không luận...": cũng đồng trước phá. "Tiếp, dẫn ý luận văn cũng nêu rõ...": Kinh lực không nên khiến căn thắng liệt. "Tuy chưa...": Tuy chưa nhập địa công như nhập địa. Tiếp dẫn Đại kinh nêu xen lẫn tướng dụng. Đã đồng đã lẫn lý đâu ứng thiên lệch!

Tiếp chánh giải thích chia làm bốn:

1) Nêu trong một kinh đầy đủ bốn văn trước.

2) Chánh giải thích.

3) "Nếu luận...": biện tăng giảm.

4) "Tương tợ...": phân phán vị. Tiếp lại có hai: Đầu căn cứ phương pháp hoằng kinh nêu rõ... có một ngàn.

Tiếp, căn cứ lý cảnh... một ngàn hai trăm. Đầu muốn chánh giải thích, lại bài xích Quang Trạch. Nay y phẩm An Lạc Hạnh để nêu rõ ba nghiệp, chánh đương Pháp Sư y nơi phương pháp hoằng kinh cho nên khiến thâu hoạch được sáu căn thanh tịnh, không đồng Quang Trạch thẳng nói mười thiện và dùng năm hạng Pháp Sư cùng làm hiệp số. Nay nêu số đầy đủ xong, mới nói năm hạng Pháp Sư đều đủ sáu ngàn cho nên nay trước căn cứ An Lạc Hạnh ba nghiệp mười thiện. Tiếp nêu một giới mười Như đối hóa tha biên và ba: áo, v.v... đã có sáu mươi mới thành viên hạnh. Trong đây ba nghiệp tức là lục căn, cho nên không đối lại lục căn, ba nghiệp công thành tức sáu căn thanh tịnh. "Năm hạng...":

nêu mỗi một Sư đều tịnh sáu căn. Tiếp "Lại nữa, nhất tâm...": là căn cứ lý cảnh để đối trong hành cũng là tương tợ vị công dụng xen lẫn, cho nên nói một căn thông đủ sáu trần. Nếu từ nhân giải thích chỉ là quán hạnh lý đầy đủ sáu trần. "Nếu luận...": nêu rõ tướng tăng giảm, trước nêu tăng giảm. Thanh tịnh trình bày Bát-nhã trước, trong trang nghiêm có dư thiếu trang nghiêm...: Trình bày chánh kinh trước, thiếu trình bày luận chỉ là sức phàm bằng. Thánh nêu rõ nhục nhãn. "Nếu nói một ngàn hai trăm...": là tiếp luận nghĩa dư thiếu. Nếu nói thanh tịnh lại nêu Bát nhã trước. Lục căn lẫn dụng nêu Đại Kinh trước, cũng có thể bất khả tư nghì, nêu trước dẫn luận. "Nếu thiên...": là kết bài xích. "Tương tợ...": phê phán trong vị.

Nói "tứ luân": Trong Kinh Anh Lạc nêu đủ sáu luận nay lại dụng bốn. Nếu y năm mươi hai vị chỉ kinh Anh Lạc mới đầy đủ nghiêm chỉnh, cho nên nay nhờ đó, để thành nghĩa Viên, chỉ có đoạn không đoạn sai khác. Thiết luân vẫn ở vị trước trong bốn luân tức Thập tín. Tâm thứ ba: E rằng lầm, lẽ ra nói thứ hai, tín thông tiến biệt cho nên mượn nêu. Hoặc thủy mạt (đầu cuối) nêu rõ vị, lược như Bồ-tát giới sớ và Huyền Văn diệu Chỉ Quán thứ vị, đầy đủ vị tu quán nhập hành tướng vị. Nay văn chỉ nêu Pháp Sư công đức cho nên để qua không nói. "Đây...": Kinh văn nói sáu căn sáu chương, căn cứ kinh Hoa Nghiêm, sáu căn đều có mười nghĩa cũng cùng trong văn đây đồng, chỉ chân tợ biệt đó thôi! Vậy thì năm mươi đều thông chân tợ. Lại năm cùng mười chỉ ly hợp sai khác, nhưng Tiểu thừa không dùng tỷ thiệt làm thông, ở tách làm chưa gọi là liễu thuyết. Các kinh Đại thừa cũng có lục thông. Không nói lục căn, chỉ là bên Tiểu mà lại bài xích Tiểu. Nay kinh Hoa Nghiêm mới thành liễu nghĩa huống lại cùng Tiểu tu phát không đồng sở y đều sai biệt, còn không đồng biệt, huống lại các thứ khác ư! Trong nhãn căn đầu tiên chưa luận tu phát thiên nhãn chân thật, mà trực tiếp dùng nhục nhãn có thể thấy Đại thiên, cho nên nói cha mẹ sinh. Nếu luận công dụng kia đã quá thiên nhãn hữu lậu thiên. Nhãn cõi dưới không thấy cõi trên, Phạm vương thấy tuy khắp Đại thiên mà đến bên bèn bị phong luân ngăn cách, sáu căn tịnh thì không như vậy. Cho nên nay nói "tương tợ Phật nhãn" cho đến "tương tợ ngũ nhãn"; cũng nên nói thấy nơi Nhị thừa và Phật, Bồ-tát... Do căn cứ nhĩ tỷ ắt hợp có. Thấy trong ngoài Đại thiên làm thiên nhãn; lại căn cứ thấy nơi thô tế sắc biên, thấy nghiệp nhân duyên làm pháp nhãn, do sức thiên nhãn không thấy. Thấy nghiệp thấy tịnh: Nghiệp có sai biệt tịnh không sai biệt, song song thấy hai cảnh tức tiêu biểu trí trung đạo. Lại năng viên phục cho nên là Phật nhãn.

Đại kinh nói: Đây là Biệt dẫn nhục nhãn năng có dụng Phật nhãn, để chứng minh do cha mẹ sinh... Phật nhãn cho nên... là lập lại nêu trước phá bốn văn Quang Trạch, và nay lập đều lược văn nói nghĩa dư thiếu v.v... hiển thành chánh giải thích. Nhãn căn thanh tịnh là trình bày Bát-nhã trước, đầy đủ năm là trình bày luận văn trước, trang nghiêm là trình bày thánh kinh trước... Cũng nên nói xen lẫn đầy đủ năm căn để nêu Niết-bàn, văn không có là lược. Dưới nêu năm căn nhất nhất đều vậy. Chỉ đây đủ xong từ dưới trở đi đều lược, chỉ chú thích v.v... hoặc nêu một, hai Kinh mà thôi! Đến dưới lại dẫn không khiến thất ý. Lại dưới năm căn mỗi mỗi có hai giải thích: Một là căn cứ năng thấy nghe, hai là căn cứ đối tượng thấy, nghe, cho nên lập lại nói. Nhĩ căn có thể thấy vì ở Tĩ căn rất được dựa theo tất cả, cho nên nói tĩ căn lại biện minh công dụng xen lẫn, căn cứ theo lệ các căn cũng lại như vậy, chỉ là văn lược. Nếu trong thiệt căn căn cứ ý đáp vấn thì cũng cần phải biết trước vị pháp giới mới khiến vị ấy biến làm ngon thơm, huống chi lục căn đều tịnh đâu có thể thiệt căn yếu kém ư! Trong thân căn nói: Không lầm giả, không chấp không, đều chiếu gọi là trung. Trong ý căn nói: "Tháng, bốn tháng...": là tiêu biểu giải thích để thông năm thứ trước đều bất nhị. Nếu còn sự giải thích chỉ căn thứ sáu, do đó sáu căn sở đối không cần tùy luận. Nhưng phẩm Tùy Hỷ so sánh phẩm đầu, Phân biệt công đức thẳng nêu bốn tín và dùng năm phẩm. Nay Pháp Sư công đức chỉ nêu tương tợ Lục căn công đức. Phẩm Bất Khinh nêu người hoằng kinh hiện sinh hậu báo lục căn thanh tịnh. Phẩm Thần Lực chúc lụy quả nhân tự nêu lực dụng hoằng kinh để khuyên lưu thông. Phẩm Dược Vương, Diệu Âm, Quan Âm nêu người phần chân công năng hoằng kinh, cho nên biết chỉ y kinh này phân phán vị tự hiển, ngoài ra y luận phân phán cũng tự nó là một cách, dưới có thể thấy. Cho nên phẩm Tùy Hỷ sắp xuống không nhọc dựa theo giải thích vật tượng tướng mạo mà chỉ lược nêu văn tướng để hiển truyền hoằng thì công Lưu thông nghĩa kia tự rõ.

GIẢI THÍCH PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ-TÁT

Phẩm này đã chánh dẫn xưa, nên biết Bất Khinh đã có năm phẩm có thể dùng chứng nhân, sau thâu hoạch lục căn có thể dùng chứng quả cho nên nói dẫn chứng. Gia Tường đầy đủ đối các phẩm văn trên Kinh này lấy làm bảy phần riêng biệt:

1) Lấy hai phẩm trên đối nay làm ba phẩm Công Đức: Tùy hỷ, hạ, Pháp Sư trung, nay làm thượng.

2) Đối hai phẩm trên làm công đức ba đời. Tùy hỷ hiện tại, Pháp Sư đương lai, phẩm này quá khứ.

3) Đối Pháp Sư công đức nêu quả, phẩm này biện rõ nhân.

4) Nêu chúng sinh chỉ có Nhất thừa.

5) Trên nêu Phật thọ ký nay nêu Bồ-tát.

6) Trên nêu khuyên phước nay nêu diệt tội.

7) Dẫn sự để chứng sáu căn. Nói ba phẩm: Tùy hỷ chấp nhận là hạ Pháp Sư và đây đều tịnh sáu căn, đâu thể phân trung thượng! Huống đây còn có đời trước hủy báng địa ngục. Nói "ba đời": Tùy hỷ chính chỉ sau khi Phật diệt độ, Pháp Sư hiện nhờ năm thứ công thành, Bất Khinh tuy xưa mà nêu đời hiện và sau. Nói nhân quả: Đều tịnh sáu căn đâu phân hai thứ riêng biệt. Nói Nhất thừa: Thông nơi một bộ đâu chỉ riêng đây ư! Chỉ đối Phân biệt công đức phân Phật, Bồ-tát thọ ký, đây thì có thể như vậy. Nói "tội phước": Nay hủy báng mắc tội, tin được phước. Văn trên sinh hủy báng lẽ nào không tội ư! Trong Tùy hỷ cùng Đà-la-ni Bồ-tát cùng sinh một chỗ, lợi căn trí tuệ đâu chỉ phước ư! Nói "diệt tội": Sinh hủy báng đọa địa ngục đây chính là sinh tội, khi lâm chung căn tịnh đâu chỉ diệt tội. Trong Pháp Sư báo ấm hiện chuyển thì tội nào không diệt. Nói dẫn sự để chứng sáu căn thanh tịnh; sao không nói một câu hoằng tuyên ắt tịnh sáu căn; vì chương sở dẫn không tư duy bản văn, các thứ khác theo như lệ đây không thể dẫn đủ, nên lược luật để sinh phát kiến giải. Cho nên, nay lại dùng sáu nghĩa nói: Nghĩa đầu tiên cũng vọng ở phẩm trước của kinh này, năm nghĩa còn lại đều dùng Pháp Hoa vọng trước:

1) Trên toàn hoằng kinh văn, nay lược ý hoằng kinh cho nên không đọc tụng chỉ chuyên thông kinh.

2) Kinh sách Tiểu thừa sinh tin còn chưa làm hai nhân. Nay Kinh hoặc hủy cảm sáu căn thanh tịnh.

3) Các kinh chỉ nêu thuận hóa hoằng giáo, phẩm này lễ tục, nghịch hóa, thông lý.

4) Các kinh tiêu biểu Quyền thật còn ngăn cách, phẩm này tiêu biểu nghe đều là Tứ nhất.

5) Các kinh tiêu biểu còn không khắp huống chi, phẩm này tiêu biểu gồm Bản tích hai tướng.

6) Các kinh nói thượng mạn vĩnh viễn đọa khổ, phẩm này tức năng tín phục tùy tùng. Gia Tường đưa ra bảy nghĩa đều là một kiến giải chưa có xa đến; được ý trong đây thì các lệ có thể theo.

Hỏi: Vì Bất Khinh mà lầm có thọ ký, tức thấy người phải nói đều sẽ làm Phật? Vì lại đời mạt pháp người hoằng mê muội ở bến bờ.

Pháp Hoa luận nói: Bồ-tát này biết chúng sinh có Phật tánh không dám khinh. Hai luận đều là Thiên Thân mà lập tánh không đồng đâu cùng trái nhau! Chỉ trình bày kinh văn khiến đều được ý chỉ giáo. Nếu khiến một người chấp luận thì khiến các thuyết đều đồng, không thể giải Thích hết Đại thừa dùng nghĩa đối pháp tiểu thừa. Cho nên, biết luận kia tự trình bày Phương-đẳng. Sở dĩ Ca-diếp tự xót xa chủng tử Phật bị hư hoại, đến hội Pháp Hoa chủng tử ấy trở lại sinh, Thiên Thân liền dùng luận kia trình bày. Nếu bỏ văn Như Lai hiển thật mà chấp giáo Bồ-tát hoằng quyền thì lỗi thiên chấp chẳng gì lớn bằng, lỗi lầm trình bày sai có thể biết. Nay văn phẩm, đầu tiên nêu đầy đủ Tứ nhất dùng giải thích xuyên suốt bốn, trong đó trước liệt nêu tiếp giải thích. Trong giải thích nói Pháp Hoa luận... tức luận thừa nhận nói Bồ-tát đây biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cho nên phàm thấy người đều đến lễ, trong bốn chúng đây há không có người diệt chủng mà vọng nói. Nếu kia có, luận văn không nói thì lỗi tại Thiên Thân. Nếu Duy Thức nói chánh lỗi (quá) tại Bất Khinh và tại nơi Phật mà không trước trách lỗi Bất Khinh, còn từ chối bởi do người hoằng kinh đâu có lỗi lầm nói, lầm thọ ký khiến đời hiện sinh và sau thanh tịnh 6 căn ư! Chánh nhân thông tuyên bình đẳng... tánh đức thông nơi mê ngộ nhân quả. Cho nên duyên liễu nói chủng tử vốn có. Trở lại căn cứ tánh đức để nêu hai nhân, để đối tân huân thạnh tu đắc. Ba thứ đây làm nhân chuyển nhân thành quả, trong quả Bồ đề và dùng Niết-bàn gọi là quả tánh quả và tánh của quả tánh. Nếu đối tánh biện minh tu chỉ là tu đắc duyên liễu đến quả gọi là Bồ đề Niết-bàn. Liễu chỉ là trí, trí gọi là Bồ đề, duyên chỉ là đoạn, đoạn gọi là Niết-bàn. Cũng có thể dùng tánh ba nhân khi đến quả, liễu gọi là ba thứ Bồ đề, duyên gọi là ba thứ Niết-bàn. Nếu nói chúng sinh đầy đủ có nhân quả tánh, thì năm Phật tánh đều tại chúng sinh, biến nhất thiết xứ chỉ khi trụ nhân, quả tánh gọi là nhân, tại thời quả thúc đẩy nhân gọi là quả. Danh tuy xen lẫn được mà pháp kia thường như.

Đầu tiên, giải thích nghĩa Nhân duyên...: Bắt đầu từ "Bên trong mang sự giải Bất Khinh v.v...": năm văn. Sau là Viên giải, căn cứ giáo. Từ "Thấy thật Tam-muội...": là đối thiên thành bốn, đối vị thì năm, do trong các giáo chẳng không nói chúng sinh tức Phật. Trước đã nói nhân duyên nên đủ tứ Tất-đàn, đối trong năm văn đầu và hai là thế giới, ba Tất-đàn sau, là ba văn còn lại đầy đủ như trong tựa cũng dùng Tứ Nhất mà đối tứ tất vân vân là ba giáo đối biện nay chỉ tại Viên. Ta xưa tùy hỷ thâu hoạch hiện sinh và sau, lập lại nêu lai ý, cho nên văn sau nói. Khi sắp lâm chung nghe đầy đủ lời của đức Phật Oai Âm Vương thuyết kinh Pháp Hoa đắc lục căn thanh tịnh lại tăng thọ mạng tức hiện báo. Sau khi mạng chung lại gặp hai ngàn ức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh tức sanh báo. Do nhân duyên đó lại gặp được hai ngàn ức Phật đồng hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương lại gặp ngàn vạn ức Phật tức hậu báo. Đối hiện báo thâu hoạch sáu căn thanh tịnh cho nên công hoằng kinh kia không nông cạn. Nói ba thứ lợi ích này ý tại lưu thông. Thời xưa Bất Khinh tam báo rõ ràng như vậy, ngày nay đâu được không lưu thông ư?

Có người nói: Muốn hiển hạnh an lạc uy thế không gì sánh bằng, ta làm Bất Khinh hành an lạc hạnh; nay cho rằng an lạc hạnh là bắt đầu hoằng kinh cho nên cùng Bất Khinh uy nghi đó có mười sai biệt. Vì sao? Vì an lạc hạnh an xứ, pháp, tòa tùy ai hỏi thì đáp, Bất Khinh thì xa thấy bốn chúng cho nên đến lễ bái. Kia thì có nạn vấn mới đáp, đây thì lại bị chúng dùng ngói đá chọi ném còn gắng nói.... Kia thì thường ưa ngồi thiền tại nơi yên vắng, đây thì không chuyên đọc tụng vào chúng trình bày thông suốt; Kia thì ưa sâu pháp không vì nói nhiều, đây thì bị chúng cho là hư vọng nên hủy báng vẫn gắng khen ngợi. Kia thì ban đầu hỏi vì sao đọc tụng kinh này, đây chỉ nói một câu lưu thông làm Phật. Kia thấu tu lý quán, quán mười tám Không, đây chỉ ôm ấp giải một câu làm Phật; kia hóa Phật đích thân thuyết giảng thân hư không, đây chính hư không thuyên giảng nơi hóa sự; kia thì trong mộng viễn tiêu biểu đương thâu hoạch đại quả, đây chính miệng tuyên bày giáo nhân (người) sẽ đắc Phật. Kia thì căn cứ mở hạt châu trong búi tóc dụ khai nhị thừa quyền, đây thì căn cứ kết duyên tiêu biểu nhất thừa thật. Kia thì do thuận hóa nên còn nơi phép tắc, đây dùng nghịch hóa cho nên quên ở tích thường. Kia thì nêu thắng hạnh hành pháp để chọn lấy người, đây thì thiên dẫn người xưa để thông thắng pháp.

Sự bản bản sự: Thông nêu xa xưa đức Phật Oai Âm Vương là bản sự Bất Khinh gọi là sự bản. Trong đó biệt dùng thời đức Phật Oai Âm

Vương tối sơ làm sự Bất Khinh cho nên nói bản sự. “Đắc hoằng tông của chánh thuyết...”: Trước nêu hai câu. “Danh thường...”: giải thích hai câu này:

1) Giải thích câu đầu.

2) “Bất Khinh kính sâu...”: giải thích câu tiếp.

Hoằng rộng lớn, tông cao quí tôn trọng. Bản tích hai văn Tứ nhất tánh, chánh nói Đại tông không quá thật tướng. Thật tướng chỉ là Phật pháp thường trú đây chỉ tông tột cùng của tông chẳng phải tông thể tông. Một đời tuy nói hoặc gồm, hoặc đối, hoặc thuần tiểu giáo, hoặc tạp trợ môn, hoặc ức chế hoặc che đậy, văn rộng sự rộng, giáo giáo không đồng, vị vị ý biệt. Mà Bất Khinh chỉ tuyên dương. Hai mươi bốn chữ “có” nêu lên có giải thích thuật đủ nhân quả. Nhân đã ba tánh, quả tức ba đức, huống dùng Tứ nhất kiêm lợi ích tự tha, thẳng chỉ hai nhân để làm pháp Bất Khinh tuyên bày. Cho nên, nói “hoằng tông”, tông hiển thật không ngoài Tứ nhất. Tứ nhất mỗi chỉ là ba, cho nên nay trở lại y Tứ nhất để hiểu văn. Trong đó

1) Giải thích Tứ nhất hoằng tông.

2) Dẫn văn phân phán vị.

3) “Tùy hỷ...”: nêu ý tùy hỷ.

4) “Kinh người...”: kết ý tùy hỷ.

Phần một Giải thích Tứ nhất hoàng tông, có hai:

l) Nêu Tích môn hiển thật.

2) Nêu Bản môn khai cận.

Đầu nêu Pháp Sư tùy hỷ, chỉ bày sau khi Phật diệt độ nghe nói lợi ích của người hoằng kinh. Đây dẫn quá khứ nói người hoằng kinh người nghe đều thâu hoạch công lớn; hoặc hoằng hoặc nghe đều đề cập đến bản tích đâu riêng gì thẳng nói làm Phật mà thôi! Cho nên đều phải căn cứ hai môn giải thích mới xứng hợp với Bất Khinh tuyên bày, mới hợp với đức Oai Âm Vương diễn thuyết, có thể cùng năm phẩm lý hợp, sau đắc lục căn mà có chỗ trở về. Nói sự nghe đầy đủ là hoàn toàn tiêu biểu Bản tích, huống chi hiệu Pháp Hoa không chuyên ở một môn. Trước tiêu biểu trong Tích nói tên Thường Bất Khinh là một người... nên tùy theo văn tướng dùng hiểu nghĩa Tứ nhất khiến hiệp ý chỉ văn đây. Tuy người thượng mạn vì đó lập danh, mà đã là Bồ-tát thì hạnh nguyện sở cảm cho nên khiến để ghi khắc thầm hội nhập việc kia. “Cho đến xa thấy...”: là tiêu biểu bản Tứ nhất, chỉ là dùng viễn mà tiêu biểu nơi viễn. Cho đến Bất Khinh tự có Tứ nhất bản địa. Cho nên, khiến cho người chưa kham hiển bản, chính dùng viễn trú tiêu biểu. Trong Tích hiển Thật còn dùng

Tích bốn mà gượng độc, huống lại Bản thật có thể tức liền thọ ư! Tích hiển mà Bản mật, cho nên biết Tứ nhất là tông chỉ hoằng kinh.

Phần hai Dẫn văn phân phán vị, nói: "Không chuyên...": là hiển bày không đọc tụng kinh cho nên dùng Bất khinh làm chuyên. Mà nói chỉ lễ lạy là dùng pháp nhập vị không chỉ như năm hạng Pháp Sư. Hoặc tự hoặc tha, hoặc tín hoặc pháp, hoặc xa xôi hoặc hiển rõ, hoặc rộng hoặc lược, cho nên chỉ tuyên một câu công chẳng lớn ư! Cho nên nay văn phán thuộc vị Tùy hỷ, làm nhân thân cận sáu căn. Có người nói: Không chuyên là tạp. Nay cho rằng: chỉ hiển không tạp, không chuyên đối chuyên.

Có người hỏi: Vì sao lễ tục? Nay vì đáp: Bồ-tát hóa duyên phương pháp rất nhiều, chỉ làm việc lợi ích cho nên thiết lập nghi thức đây.

Thấy chúng sinh lý cùng quả lý... cho nên lễ chúng sinh lễ Phật nguồn gốc ấy không sai khác, đây là tự hành. Muốn cho chúng sinh sinh mộ quả nguyện. Quả nguyện là gì? Chúng con chỉ lý người kia cao thượng cho nên lễ bái, huống chi chứng quả lý mà không tôn kính ư! Lại nói các ông đều hành Bồ-tát đạo sẽ được làm Phật, đâu chẳng kích thích chúng khiến tu Viên nhân. Đây căn cứ hiện tại thuận người theo, cũng là tín hạnh cũng là pháp hành. Xét lợi ích có thầm có hiển, hiển cận, thầm viễn, viễn như thắng ý hiện tuy không thọ, tiếng nạp ở trong lòng. Do tội hủy báng đọa vào đường ác, nghe sức thuận tùng lại gặp Bất Khinh, cho đến ngày nay lại khiến hội nhập. Do nghĩa đó cho nên người thượng mạn còn thành tự nhân viễn, nghe tin sao không có lợi ích hiện tại! Cho nên người hủy báng thành nhân "trống độc". Rộng lược căn cứ đây có thể biết. Tự hành trang nghiêm công hóa trở về mình, tự tha huân sáng cho nên thanh tịnh sáu căn.

Có người trong đây dẫn Đại kinh nói "lễ người tri pháp", và trong Tịnh Danh nói "Tỳ-kheo lễ thế tục". Nghĩa đây không như vậy. Niết-bàn thường là khuôn phép hiển chí kỉnh Pháp, từ kia thỉnh lợi ích cho nên vong tình lễ cưới. Tịnh Danh nghe pháp rồi thâu hoạch ân năng, cho nên vong ân là phạm, giả thiết kính không còn khuôn pháp thường. Hoặc chánh nghĩa Đại thừa vượt ngoài phép tắc thường tục cũng không khiến đạo mà lễ nơi tục. Bất Khinh lập hạnh đều khác các nghĩa này, không vì tuyên thông Đại tiểu, không phải giáo. Có người nói: Bồ-tát không làm lễ như thế tức là có phạm. Nay cho rằng có phạm cần phải căn cứ khoa điều (điều kiện). Phạm võng không có văn nói, nay quá ít nên không chế. Lại nói Bồ-tát đối tánh tội ắt thâu hoạch, đối giá tội có siêu việt. Nay cho rằng đối với giá tội ắt siêu việt gọi là trì phải không?

Vượt không gọi là trì phá chẳng phải Bồ-tát. Quên phạm cứu giúp vật quí tại vật yên ổn, nếu vật yên ổn thì đâu cần phân biệt giá tánh! Nay lễ lạy bốn chúng cứu giúp chúng nào có tội? Cho nên Đại tiểu nhị thừa đều ngăn lễ bái thế tục, lễ còn không thọ nghĩa cứu giúp không thành.

Phần ba, "Tùy hỷ...": căn cứ nhân pháp nêu ý tùy hỷ: Ắt đủ ba nhân, an lạc là tổng, ba nhân là biệt cho nên nói đều là Nhất thật tướng. Lại nói đều có ba nhân. "Đọc tụng...": Biệt giải thích ba nhân. "Bất Khinh kính quí...": giải thích câu lợi ích vi diệu của lưu thông. Trong đó đầu chính căn cứ ba, bốn để chỉ bày lưu thông. "Như đây...": là kết thành: Đầu văn: Nếu được phép tắc ba pháp hoằng kinh thì tự tha đều cứu giúp. Phải biết ba pháp tuy thuận phẩm trước kỳ thật tức là ba nhân của phẩm này. Cho nên, cũng lại đối bốn An lạc hạnh, đây căn cứ trước có thể biết. Không thọ Tứ nhất: Lẽ ra dẫn sự chửi mắng... nương theo giải thích rõ không thọ tướng Tứ nhất, bản địa cũng như vậy. Văn chỉ lược đối kinh mà thôi. "Bất Khinh cùng đại mà gượng...": vì xướng khiến người nghe, nên giải thích độc mạnh để làm tướng đương lai nghe pháp, đầy đủ như kinh văn nói "đời sau được lợi ích".

"Ý nghiệp thanh tịnh...:": Nên giải thích tướng ba nghiệp đối tướng ba lực, lại cần phải đối áo, tòa, nhà... thần thông là nhà, thuyết biện là tòa, thiện tịch là áo. Rộng đối tất cả căn cứ đây có thể thấy. Những người chê bai liền sinh tùy thuận còn đọa khổ, vậy thì đánh trống hai thứ tin và chê làm hai nhân đời này và sau.

Hỏi: Nếu nhân hủy báng đọa khổ, Bồ-tát cớ gì vì làm nhân khổ?

Đáp: Do kia không có nhân thiện nên không hủy báng cũng bị đọa. Nhân hủy báng đọa ác ắt do được lợi ích như người ngược đầu xuống đất trở lại từ đất đứng dậy, cho nên dùng chánh hủy báng để tiếp nơi tà đọa.

Việc sẽ siêng năng huân tập năm thứ hạnh: Năm hạnh của Pháp sư. Kệ văn chỉ nói mười lăm hàng rưỡi đầu tụng quả báo, bốn hàng sau tụng khuyên trì. Căn cứ tụng văn đây nên nói không tụng song chỉ, chỉ tụng song khai song khuyến hai văn. Trong tập đầu song khai, văn trường hàng có hai: Sự bản, bản sử. Nay một hàng rưỡi tổng tụng sự bản, thiếu kiếp quốc... Tiếp tụng bản sự, trường hàng có ba: Nay một hàng rưỡi đầu tụng song song nêu lên hai người. Tiếp, hai hàng rưỡi tụng nghĩa được, mất: Một hàng rưỡi tụng nghĩa được, nửa hàng tụng nghĩa mất, nửa hàng lập lại nghĩa được. Tiếp, "Tội kia...": mười hàng tụng nêu quả báo tin và chê và kết xưa nay. "Cho đến định nghĩa là...": Đây chính không chuyên phán xét tà, ngoại đạo. Phật quyền thật giáo

chấp đều gọi là trước (chấp). "Da trâu...": như Chỉ Quán quyển 5 nói. Do tâm chấp trước ở giáo Không, chấp trước như "da trâu"... hướng phía mặt trời thêm cứng chắc. Vong thất chánh pháp cũng như tổn hại thể, nên người nhận thọ phương tiện giáo ở vị ngoại phàm đều chưa tránh khỏi hủy báng, cho nên có không thọ lời nói Viên thật của Bất Khinh.

GIẢI THÍCH PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC

Giải Thích Phẩm danh (tên phẩm): "Như Lai" ở phẩm Thọ lượng bên trên đã giải thích. "Thần lực": "Thần" tại bên trong tức thể tông, "lực" gọi là tài sử dụng tức là "dụng". Phật thuyết bản tích, khẩu luân lực dụng đã xong ở trước. Nay lại thân luân hiện thắng dụng đây khiến chúng lưu thông giáo Bản tích, nên nói: thể sâu lực lớn. "Chữ đây..." biệt nêu Lai ý (nguyên do). Từ đây sắp xuống tổng gọi Lai ý. Đầu tiên đối trong chúng nói tất chỉ chỉ phương khác, xưa trụ chỉ bản hóa lẽ ra chẳng phải bốn chúng tám bộ. Cho nên nói "tất cả" tức văn từ: "Và các" trở xuống. Mười thần lực: Năm văn đầu chánh nêu rõ hiện tại lưu thông bản tích, năm sau tổng nêu vị lai không thôi! Lại, trong năm văn trước:

1) Đầu tiên, khiến chúng tổng tin Bản tích, bốn văn tiếp tức là hiện tại Tứ nhất.

2) Tiêu biểu hai môn lý nhất cảnh trí cho nên gọi là trí cảnh.

3) Tiêu biểu hai môn giáo thích nghi tức là Giáo nhất.

4) Tiêu biểu hai môn nhập thật tức là Nhân nhất.

5) Tiêu biểu hai môn phá hoặc tức là Hạnh nhất.

6) Trong môn đã chỉ năm ngàn người bị dời đổi, ba loại người thất tâm: ba loại người như đây theo lệ tức là sau khi Phật diệt độ được lợi ích.

"Nói cơ": Cơ nghĩa đương tổng, tổng nơi vị lai Tứ nhất, tức là được lợi ích nơi Tứ nhất. Dưới trở đi nói bốn tướng sai biệt tiêu biểu vị lai Tứ nhất. Văn tự kết danh chỉ mỗi thuật điều cốt yếu khiến thành một. Do đó bốn chỉ nói một không nói Bản tích, tại vị lai còn chưa nhập thật sao luận bản kia! Nếu thấy thật cũng thấy bản kia, cho nên tổng kết nói tiêu biểu hiện tại tương lai. Trong năm văn đầu mỗi mỗi đều có Bản tích lưu thông ba tướng. Đầu văn trước nêu. "Nay kinh...": là trình bày trước tích nói khai hiển. "Nội bí...": là trình bày trước khi Tích hiển Bản. "Nêu ba đời...": nêu dụng trung gian. "Người phước đức...": ý nói thần lực đầu tiên. Văn thứ hai: Trước nêu nay thần dụng tiêu biểu. "Từ bạch hào trên...": Nêu nơi tích môn thần dụng tiêu biểu đồng. Cảnh trí hợp cho nên ban đầu thấy Lý nhất. "Nay Bản môn...": nêu ý đã tiêu biểu trước. Do thấy lý xa cho nên khiến tăng đạo tổn sinh đến gần nơi cùng tột. "Phân thân...": Tướng đây đã đồng đều nơi cõi kia, lợi ích cũng vậy.

Văn thứ ba: Trước nêu danh, biện ý, thuật tướng. "Hơn bốn mươi...": chánh thuật tiêu biểu tích. "Muốn dùng...": nêu bản ý. Nói đủ

hai: Sự tức bản tích, trao cho mọi người khiến thông nơi đời vị lai. Văn thứ tư: Đầu nêu danh biện ý. "Tùy hỷ...": tiêu biểu Tích lợi ích. "Tùy hỷ Viên đạo...": tiêu biểu Bản lợi ích. "Tùy hỷ các Bồ tát...": tiêu biểu Lưu thông lợi ích. "Đây một...": công năng lưu thông. Văn thứ năm: Tuy không phân Bản tích mà một văn gồm nhiều... năm có thể biết. Kết yếu có bốn câu: Bản tích hai môn đều có công dụng, thể hai môn hai xứ không khác. Danh đứng đầu ba thứ này mà tổng nơi ba, cốt yếu một bộ đâu quá nơi đây, cho nên tổng nắm cả để thành Lưu thông. "Bát tự tại": Như Chỉ Quán nói. "Trong kinh chủ yếu nói...": Là trình bày ý này. "Đạo tràng", giải thích ở trên. Sự thậm thâm; sự tức nhân quả, nay đạo tràng là quả, quả ắt có nhân. Dùng Bồ-đề giải thích tạng: Bồ-đề là trí năng khế hợp ắt có cảnh sở chiếu, cảnh tức bí tạng, dùng năng hiển sở: Dùng chuyển pháp luân giải thích nhất thiết pháp, có pháp sở chuyển, pháp ắt có danh; dùng Niết-bàn giải thích lực dụng, lý mãn giải thích quyền nghi, xướng diệt giải thích cận nghi. Tông tuy cận viễn mà đồng gọi là nhân quả, không còn phán xét riêng.

A-hàm nhờ Tiểu mà chứng Đại, kia thì từ sự, nay thì nhờ chứng lý, khai Tiểu tức Đại cho nên có thể làm chứng. Trong tụng văn, đầu tụng mười thần lực chỉ có năm, thiếu năm sau. Năm trước hiện thấy theo cần phải giữ, năm thần lực của trước sau hiện tại vị lai khác. Nêu hiện tại vị lai phỏng theo, vì vậy nên lược. "Chúc lụy...": hai hàng tổng tụng bốn pháp, chỉ nói chúc lụy đến biên tế đủ bốn nghĩa, bốn nghĩa đều là vô biên tế. "Năng trì...": biệt tụng. Một hàng rưỡi đầu tụng tất cả pháp, không ngoài năng hóa năng chứng sở hóa không có nhị thừa, không kiêm Đới, pháp kia bí mật vi diệu. "Khiến ta...": kệ tụng thần lực. Đã nói hoan hỷ tức là dụng tùy thích. Tiếp một hàng kệ tụng bí yếu, danh đồng dễ thấy. "Đối các pháp...": tụng việc sâu xa, giáo hóa các Bồ-tát rốt ráo trụ Nhất thừa, thừa là quả của nhân. Một hàng rưỡi sau tụng tổng kết, tổng kết bốn pháp. Nói "hoặc năng trì", là trì bốn pháp vậy.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 10

PHẦN HẠ

GIẢI THÍCH PHẨM CHÚC LỤY

Giải thích phẩm này, trước là biện rõ tha nhân để phán định phẩm trước sau. Tiếp là nay chánh văn giải thích. Văn đầu: Ngài Từ Ân ở An Quốc (tự) đều khiến đổi phẩm này ở sau Khuyến Phát. Hoặc ở trong đây có tám tướng trái, mười điều không thể, tôi tuy kiến giải sơ sài mà ít nhiều cũng có thọ lãnh, thường nghe lời Từ huấn dạy rũ lòng chỉ bày những ý chỉ "bào chữa" mà sâu xa có nơi nương Tựa. Gần đây thấy Tú Công nói Pháp Hoa viên cảnh, rộng lập các khó khăn không vượt qua qui cũ trước. Nay thu góp các điều nghe trước gồm giúp sau hiểu, tổng biệt bào chữa đó cũng có tám điều không thể.

1) Tổng bào chữa: Xuất hiện tháp về sau phàm thuật Đa Bảo đều nói rong tháp không nói thấy Phật. Nếu dời đổi ở sau không có xuất hiện xứ tháp; là một điều không thể.

2) Phân thân về sau phân tán phàm có thuật, chỉ luận Phật tháp không liên quan đến phân thân. Nếu đời đổi sau thì Phật không có phân tán xứ là điều thứ hai không thể.

3) Trong văn Chúc Lụy thì Phật tán cõi uế, sắp xuống kinh văn nói không liên quan đến tịnh, nêu đời đổi sau không còn uế xứ (nơi uế) là điều thứ ba không thể.

4) Hội bản nơi địa nhân tháp bay lên hư không Phật tán xuất tháp văn sau địa. Nếu đời đổi sau không trở lại ở nơi địa (đất) là điều thứ tư không thể.

5) Sau phẩm Chúc Lụy kinh đã chưa hết chỉ thuật là "chúng hoan hỷ", không nói "mà đi". Nếu dời đổi sau thì cần phải nói thêm "mà đi", là điều thứ năm không thể.

6) Sau phẩm Khuyến Phát không còn văn khác kinh đã cuối cùng

thì nói mà đi. Nếu dời đổi sau thì cần phải bỏ chữ “mà đi “, là điều thứ sáu không thể.

7) Bản tích hai môn Phật sự đã xong cần có phó chúc là có Chúc Lụy. Nếu dời đổi sau thì pháp không chỗ trở về, là điều thứ bảy không thể.

8) Chúc Lụy về sau nêu thừa thăng nhân, hoằng kinh bản sự, sự cần chúc lụy. Chúc lụy về sau thừa nương theo người, hoằng kinh bản sự, sự cần chúc lụy. Nếu dời đổi sau thì thầy trò lẫn lộn, là điều thứ tám không thể.

Tiếp, Bào chữa riêng: Thuật đủ vốn phá mỗi mỗi bào chữa:

1) Nói các bản trái nhau: Căn cứ Chánh Pháp Hoa và đời Tùy ngài Quật-đa Tam tạng thêm trong phẩm Pháp Hoa, phẩm này đều ở cuối kinh. Bào chữa nói: Chánh diệu hai bản người dịch đã khác, nên chỗ thấy đều sai biệt. Nếu khiến đồng hết, điều này không thể. Nói “thêm phẩm”: Căn cứ trong Nam Sơn Điển Lục nói: Ngài Quật-đa đem dời phẩm Chúc Lụy để sau cuối kinh, Quật-đa đã sửa đổi lại, Pháp Hộ chưa thể làm bằng cứ. Chánh bản đã ở trước kia phẩm thêm không gọi là sửa đổi. Nam Sơn đã bài xích phẩm thêm nghĩa đương hai bản đều sai. Vì sao? Vì ngài La-thập tuy sinh ở Qui-tư nhưng ngao du khắp Ngũ Thiên trúc lẽ nào riêng không thấy phạm bản Pháp Hoa ư? Ở lâu tại Trường An, lẽ nào không từng thấy Pháp Hộ dịch ư! Mà lại dịch không dụng, phải biết Pháp Hộ chẳng kham chỉ nam, nếu kham rõ chỉ nam sao văn nghĩa không bao hàm y chánh bản ư! Nếu chê văn nghĩa người sau dịch nông cạn, thì đời Tùy dịch càng nông cạn hơn trước. Nay y ngài La-thập dịch lý có thể căn cứ đây làm bằng cứ. Cho nên Duệ Công nói Phạm âm sai lầm, chính vì Thiên Trúc, Tần nói sai lầm chính vì chữ nghĩa, không thể người dịch tức liền mà viết ra. Đâu phải Thập Công cùng bốn đệ tử đốn như vậy mà không liền hiểu. Dời một phẩm an trí trong Kinh. Nếu không lường được ý chỉ trở về thì chỉ nên tôn kính mà thôi! Đâu được dùng kiến giải phàm làm thước đo lường đại hải hư không ư?

2) Nói kinh và luận trái nhau. Pháp Hoa luận nói: Lực tu hạnh có năm: Thứ năm trong sức hộ pháp nói như phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát và phẩm sau. Phẩm sau tức chỉ phẩm Chúc Lụy. Bào chữa rằng: Luận cũng có người dịch, trong khoảnh khắc đâu có nghi! Huống chi luận tuy từ Tây thiên đến mà thời dịch đã sau Chánh Pháp Hoa, chỉ là người dịch thuận với Chánh Pháp Hoa, chánh Kinh vào thời Tây Tấn dịch, luận vào thời Ngụy dịch. Đời Tùy ngài Cấp-đa thấy Chánh Pháp Hoa phẩm Dược Thảo Dụ sau có trường hàng và kệ tụng và phẩm Chúc Lụy

ở sau, liền dùng Chánh kinh thêm vào trong phẩm, và dời Phẩm Chúc Lụy ở sau phẩm Khuyến Phát, ngoài ra không nói gì. Khiến người đời sau nói thêm phẩm Pháp Hoa. Cho nên biết người dịch không ngại tùy theo thấy, Diệu và Chánh, hai bản đồng một Phạm văn. Bỗng có thể tin La-thập mà thôi ở Pháp Hộ, đâu được giải thích Diệu bản chuyên dùng luận làm bằng cứ. Tú công nói: "Nói phẩm sau là kinh Phổ Hiền Quán, do đồng Phổ Hiền phát khởi khiến y kinh tu quán". Lại nói "phẩm sau": Kia đã không xuất danh mục thì tợ như Kinh độ bất tận. Nếu không như vậy thì sao không nói và phẩm Chúc Lụy mà chỉ nói "sau" ư? Đây cũng là một ý kiến. Nhưng căn cứ Thiên Thai phân phán làm kết kinh, thì không nói ở sau phẩm Khuyến Phát.

3) Nói các giáo trái nhau: Tất cả các kinh đều ở cuối kinh vì sao kinh này riêng tại nơi đây! Bào chữa rằng: Theo lệ đồng các kinh, trái với ngăn ngại, lại rất được, tức như Đại Phẩm ở giữa có phẩm Lụy Giáo, cuối kinh lại có phẩm Chúc Lụy, không thể tất cả đều an hai nơi, như kinh Đại Bảo Tích nói bốn mươi chín hội, mỗi hội đều có văn phó chúc, đâu khiến tất cả các kinh đều như vậy. Như kinh Kim Cang hỏi danh hỏi trì, chính ở kinh không thể hết thảy khiến ở giữa. Pháp Hoa khai Quyền hiển Bản, thọ ký hàng Thanh-văn, thì đâu khiến hết thảy đều hiển Thật. Không thể ước lệ giống nhau, số kia chẳng phải một.

4) Nói hai sự trái ngược: Phân thân nếu trở lại cõi này lại là uế, căn cứ Diệu âm được răn khuyên cho nên biết cõi uế. Trong phẩm Chúc Lụy cũng khiến Đa Bảo trở về, Quan Âm không nên cho báu vật chia hai, phân hai tức Đa Bảo chưa trở lại. Bỏ đi đã đồng không nên trái ngược. Bào chữa rằng: Chỉ do chưa trở lại cho nên báu phân hai. Vì vậy chỉ nói một phần phụng cúng tháp Phật Đa Bảo mà không nói phụng cúng Phật Đa Bảo, cho nên biết sự hoàn tất là đi. Có duyên thì trụ, đối lý đâu có tổn thương. Nếu Đa Bảo tại phân thân không hợp tán, thì kinh văn chỉ nói tháp có thể như cũ. "Như cũ" chỉ là y ban đầu đóng trở lại, khiến sơ thân tán, tức nói đều trở về bản quốc. Cho nên biết tuy tức khiến tháp kia trở lại nghe kinh còn lại mà tháp đóng như cũ, như khi tháp chưa mở. Chỉ nói Đa Bảo ở trong tháp báu phát ra âm thanh. Lại nói bốn chúng nghe trong tháp phát ra âm thanh. Đại Nhạo Thuyết nói: Ở trong tháp kia phát ra âm thanh ấy. Lại đức Phật bảo "Đại Nhạo Thuyết! Ở trong bảo tháp có đức Như Lai...", cho nên tháp chưa mở. Đại chúng chỉ nói Đa Bảo Như Lai ở trong Bảo tháp.

Tiếp tháp mở rồi, Đại chúng đều nói thấy hai đức Như Lai ở trong bảo tháp. Nếu tháp đóng sau như cuối Dược Vương nói: Đa Bảo Như

Lai ở trong Bảo tháp. Diệu Âm đến đây chỉ dâng lên Thích-ca chuỗi Anh Lạc để trình bày hỏi han. Tiếp mới hỏi rằng: Đây đức Đa Bảo đã diệt độ từ lâu ở trong tháp báu có đến nghe pháp không? Vẫn đối đức Thích-ca trình bày đức Phật kia hỏi rằng: Có an ổn kham nhẫn trụ lâu chăng? Phải biết tháp đóng còn trụ mà chưa đi. Lại nói xin đức Thế Tôn hiện bày cho con được thấy. Đâu thể có hai Đức Phật cùng ngồi tòa, bèn nói xin thấy. Lại đức Phật Đa Bảo ở trong tháp báu bảo Diệu Âm rằng: Chỉ nói ông vì cúng dường đức Thích-ca... không nói phân thân, đâu có phân thân tận thấy mà không cúng dường! Lại nữa Diệu Âm muốn trở lại chỉ nói cúng dường đức Thích-ca và tháp Đa Bảo thôi! Không nói thấy Phật ở nơi kia thấy đức Tịnh Hoa Tú Vương, chỉ nói cúng dường đức Thích-ca và tháp Đa Bảo, cũng không nói thấy Đa Bảo Như Lai và dùng phân thân. Lại khi Văn-thù đến liền nói: “Đầu mặt kính lễ hai đức Thế Tôn”, sau Chúc Lụy hoàn toàn không có văn đây, cho nên tháp đã đóng phân thân đã giải tán. Nếu phân thân nơi Quán Âm cho báu vật về lý nên cúng dường không nên chỉ hai.

5) Nói hai mạng không bằng: Vì sao phân thân, Đa Bảo cả hai đều xướng giải tán, bỏ đi giữ lại không đồng. Nếp nói chỉ khiến tháp đóng nói như cũ, vì sao Chánh bản nói “trở lại bản quốc”? Bào chữa rằng: Hai mạng dù đồng, sở duyên đều sai biệt, Bảo tháp vì nghe kinh cho nên đến, phân thân vì mở tháp cho nên vân tập. Tháp đã đóng thì phân thân phải giải tán, kinh còn chưa hoàn tất cho nên tháp chưa trở lại. Phân thân đã giải tán, cõi hợp lại thường. Cho nên văn trước nói: Vì chư Phật sẽ đến ngồi; đều tịnh tám phương. Huống chi Chánh Pháp Hoa nói: Có thể trở lại bản độ. Tự ngài Pháp Hộ dịch không đúng, tại sao phê phán bản của Ngài La-thập khiến theo Chánh kinh! Nếu Chánh kinh làm chánh thì không nên dịch trùng, chỉ nói như cũ. Nếu muốn y Chánh kinh thì sao không chánh bản, khắp xem chánh bản nơi nơi trái nhau và do vọng lầm trước sau chẳng phải một? Cho nên cần dùng Chánh kinh làm chuẩn.

Lại hỏi: Đức Thích-ca xuất tháp tháp vì sao phải đóng, tháp phân thân đâu hẳn phải giải tán?

Đáp: Đa Bảo bản nguyện chỉ nói dùng tháp nghe Kinh, nếu dùng thân ta chỉ bốn chúng, thì khiến phân thân vân tập. Phải biết phân thân mở tháp cho nên vân tập. Đức Thích-ca cũng vì mở tháp mà trú tại hư không, trú hư không cho nên mở tháp, tháp mở cho nên khiến ngồi. Chúc lụy cho nên xuất tháp, xuất tháp cho nên tháp đóng, tháp đóng cho nên phân thân việc xong, việc xong cho nên phải giải tán. Cho nên

tháp mở đóng phân thân tụ, tán đều có nhân duyên, đâu cần nạn vấn nói hai mạng không bằng.

6) Tháp không trở lại: Phân thân chư Phật khiến đi đều trở về. Đa Bảo Phật tháp đến cuối Kinh lại không có xứ trở lại. Nếu phẩm ở sau tức xướng xong, là khi trở lại! Bào chữa rằng: Kinh xong tự trở lại đâu cần cầu xứ. Đến sau khuyến phát tất cả Đại chúng làm lễ mà đi. Làm lễ tuy không thông đối Bảo tháp mà đi khắp bao quát tất cả. Bản nguyện Đa Bảo nghe Kinh cho nên đến, Kinh nếu sau cùng sao lo không đi! Chỉ lo tháp không có nói về đi, không lo cõi không nói uế, nếu cõi sau lại uế, sao được cũng không có nhân thiên đến!

7) Nói tịnh uế không đồng: Diệu Âm khuyên răn lại chẳng phải tịnh độ, cho nên biết phân thân lâu đã trở lại quốc độ. Ngày phân thân vân tập đâu khiến thị giả đều ở Linh Sơn, tin các núi đều không mà còn có Linh-thứu. Văn-thù từ trong biển xuất hiện cũng nói Linh Sơn bỗng có hoa hiện. Cho nên Diệu Âm đến trở lại dựa xưa răn dạy. Bào chữa rằng: Kinh văn rõ ràng mà người đọc không hiểu. Kinh nói: "Dời các thiên nhân đến nơi cõi khác, chỉ lưu chúng hội đây". Cho nên biết cõi tịnh làm an chư Phật, chúng cũ ở Linh sơn không đời đổi có thể rõ ràng. Căn cứ Văn-thù khi đến liền nói chỉ Linh Thứu trú giữa hư không. Khi Diệu Âm đến không nói trú ở giữa hư không cho nên biết tịnh thì ở giữa hư không lại uế thì ở đất. Nay phân thân đã giải tán cho nên hết thảy đều uế, mà mất đi rồi nhận lấy lý uế trở lại. Khổ chấp Linh Sơn riêng uế, Diệu Âm khuyên răn nói đầy đủ cõi, không riêng nói núi, cho nên nói chớ khinh quốc độ kia... Vì thế, Văn-thù, Diệu Âm khi hai người đến lý kia không đồng. Muốn khiến thành một, lý ấy khó đồng.

8) Nói chúng vui trái tình: Phẩm Chúc Lụy nói khiến phân thân trở lại mà tháp không bỏ đi. Nếu chẳng phải cuối Kinh nói chúc lụy thì A-tu-la vui mừng quá sớm, vì đã chẳng nghe pháp hoan hỷ, chính là thấy Phật khách đi sinh vui an ủi rất đáng lạ. Bào chữa rằng: Đến đây vui mừng mà ganh là rất sớm, vậy cuối ba chu đều có hoan hỷ, lại sớm đối với đây sao không lạ ư! Nói thọ lượng xong trong phân biệt công đức nói: Nghe đức Phật thọ vô lượng hết thảy đều hoan ỷ. Nay bản tích đều xong lại nghe tùy hỷ việc ít công nhiều, lại nghe Pháp Sư nghe, trì hiểu sâu, lại nghe Bất Khinh năng hóa sở hóa hiện tại đời sau đều lợi ích, rõ ràng pháp hoàng kinh không có nghi thức thường cố định.

Lại thấy đức Thích Tôn hiện mười thần lực, trao cho bốn điều kết yếu, ba xoa đầu phó chúc, ba trở lại lãnh thọ việc lớn công xong, đâu được không vui mà nói rất sớm ư! Phải biết người này sau cùng đến cuối

kinh cũng chưa hoan hỷ đâu có thể hoằng kinh khiến người khác vui được ư! Nói vui vì Phật khách đi đổi ở văn sau lại phải thêm tháp đi, mà sinh hoan hỷ lại càng kỳ lạ! Nghiệm đây biết tất cả đều dùng phàm tình so sánh Thánh, uổng công tích góp viết ra nói lên một điều khỏa lấp tất cả! Lại nói chỉ là trước thi thần lực cho nên thấy tịnh độ. Cõi này vốn uế sợ Diệu Âm thấy tướng cõi uế mà sinh chê dèm cho nên đức Phật răn dạy. Chẳng phải Diệu Âm đến phân thân mình trở lại mà cõi chỉ uế, như tuy tịnh độ còn thấy Linh Sơn, biến đổi không chỉ tịnh mà gồm thấy cả uế, như trên nhìn thấy dưới. Bào chữa rằng: Linh Sơn là Phật tự lưu cho nên khiến Đại chúng đều thấy. Như Lai tự nói tịnh độ, lại làm giải thích quanh co nói không chỉ tịnh, Phật nói đều khiến thanh tịnh, mới nói bản uế vẫn còn. Nếu nói trên năng thấy dưới, đối tịnh thấy uế, sao không phải Diệu Âm đối uế thấy tịnh. Lại năng thấy. Tâm kia tịnh cho nên cõi Phật chưa tịnh. Nếu còn thấy nơi uế thì biết tâm Diệu Âm bất tịnh mà Phật còn răn dạy. Diệu Âm thấy uế còn sinh chê dèm đâu được gọi là vì trên năng thấy dưới ư! Dưới sinh hạ tưởng chẳng phải thượng nhân, còn sinh chê dèm thì đâu phải thượng nhân ư!

Tiếp Thiệp Pháp Sư lại thêm hai nạn vấn tổng thành mười nạn cho nên nói mười điều không thể. Trước phá tổng trình bày. Tiếp dịch hai nạn. Trước phá: Trước kia trình bày nói: Thập công đặt phẩm Chúc Lụy sau phẩm Thần Lực, từ đó đến nay đều cùng tín thọ. Và nói biên chép thay đổi trong đó khéo đắc ý Kinh. Nếu ở sau thì liệt kê ra các chướng ngại, lược như trước đã thuật. Mà nói dùng nghĩa phán xét văn chính nên an trí đây. Chỉ vào đời Đường ngài Từ Ân pháp sư không chịu theo nghĩa đây. Pháp Sư lại nói: Diệu Âm được răn dạy nếu là uế thì Văn-thù từ biển đến đâu có Linh Sơn! Chỉ là nói chỉ lưu hội đây không nói chỉ lưu Linh Sơn. Phải biết trong ngoài đều tịnh, chỉ là vẫn theo cũ mà nói. Lại nói “phân thân tức là Thích-ca”. Nếu Đa Bảo toàn thân cũng cùng một phần. Thì đức Thích-ca Phật thân chỉ cùng một phần. Nếu thọ nhiều phần ấy là Thích-ca thọ lợi dưỡng nhiều, tu lục hòa kỉnh đâu nên như vậy ư! Cho nên chỉ cùng một phần. Lại nói: Nếu chúc lụy tại đây Như Lai đứng dậy, không nói ngồi lại, phân thân Phật đi, không nên đứng trao tặng, Quan Âm thọ thí không nên đứng thọ! Lại nói: Đại chúng đều vui chỉ chút phụng hành không nên an đây. Lại nói thần lực đi uế chưa chắc hoàn toàn trừ. Nếu cần hoàn toàn trừ thì đều ở nơi nào! Sao ở cõi tịnh mà chấp nhận uế này sinh? Bào chữa rằng: Chánh bản Pháp Hoa từ Tây Tấn đến đời Đường đều không hành dụng. Kinh Diệu Pháp đây về sau vào đời Tần dịch song truyền bá khắp thiên hạ, huống chi lưu

hành ắt nhờ sức gia bị, được gia bị, đã toại ý sao có thể luận bàn nữa ư! Huống lại thọ trì ứng nghiệm vô lượng. Phổ Hiền còn trao dùng câu phù hợp mà không trách đời đổi phẩm, huống lại sau thời ấy danh Tăng thạc học kế thừa như rừng, cùng đồng ý để phẩm Chúc Lụy trong đây đâu đợi đến đời Đường mà thấy trái xưa. Nhưng kinh này dùng Thường trú Phật tánh như yết hầu, dùng Nhất thừa diệu hạnh như mắt thấy, lấy tái sinh bại chủng làm tâm phủ, lấy hiển bản viễn thọ làm mạng kia mà từ chối để duy thức diệt chủng giết chết tâm kia. Dùng Bà-sa Bồ-tát che đậy mắt kia, dùng thọ lượng giải thích nghi đoạn mạng kia, dùng thường trú bất biến cắt đứt yết hầu, dùng ba cõi tám ngục làm đại khoa, hình giống như đây làm tiểu, dùng Nhất thừa bốn đức để làm nghĩa Tiểu, không thể hội qui. Căn cứ đây để luận, theo lệ có thể biết.

Nói vẫn như xưa thuyết: Diệu Âm chưa từng đối với đều này sinh mạn. Hoặc cõi còn tịnh, đầy ở trong đó chư Phật Thích-ca và tháp, chúng lại ở trên không. Thần lực hiện mười phương thông đạt đâu cần vẫn như xưa, uổng phí răn dạy Diệu Âm! Đức Phật kia hiện thấy cao thấp không đồng, mà che khả năng Phật trí nói cõi còn tịnh, mà nói đức Thích-ca không thọ lợi ích nhiều, thuận lục hòa kỉnh thì chính là khiến Thánh bắt chước phàm. Nếu nói phân thân tức là Thích-ca, Thích-ca mở tháp tức cũng phân thân, đâu cần lại vân tập. Nếu căn cứ ứng tích đều biệt vì là phân thân sợ Thích-ca thiên nhiều mà không thọ, vì là Quán âm sợ chư Phật thọ nhiều mà không cho. Nếu Quán âm không cho chính là tiêu biểu Quan Âm thí thiên vị, đâu liên quan đến lục hòa thiểu dục. Nếu phân thân không thọ nên trước thí mà sau nhượng, vì sao chỉ phân làm hai phần ư! Cho nên biết khiến phân hai phần là tiêu biểu hiện tại tương lai. Nghĩa kia đã viên, phân thân đã đi, lý kia khéo thành đâu cần nạn vấn đây. Nếu nói không nên đứng đưa phân thân và lập thọ thí dù phẩm đời ở sau tránh khỏi lỗi đây, thọ Quan Âm thí đâu có thể còn ngồi, xoa đầu giao tế vẫn đứng xướng giải tán, sau Kinh chánh đương nêu lỗi đứng đưa, uổng phí đùa giỡn và giễu cợt tôn nghi. Đối điều này, Diệu kinh chưa thành tán thán rộng rãi, hoặc lại thuận phàm tình Thích-ca cùng phân thân ngang vai, ngồi đưa liền thành sơ sót. Cho nên, đứng đưa khách chánh đương nghĩa kia, huống đứng đưa đứng thọ, chỗ giáo nào ngăn cấm! Nói đưa, thọ không thành. Lại nói đã có chúng hỷ chỉ thiếu phụng hạnh không hợp an đây, chỉ duyên thiếu phụng hạnh cho nên không nên ở sau. Lại nói tịnh độ nơi nào dung nạp uế đây sinh, sao không hỏi kiếp thiêu trụi cỏ không đồng cháy hết tro? Lỗ chân lông, vào biển thân không tùy theo sóng, phàm các giải thích đây đều tùy tâm

mình, không thuận kinh văn theo lệ kia hoặc đúng.

Tiếp biệt phá thứ chín, thứ mười. Thứ chín, Đức Phật không đến tòa nạn vấn rằng: Mở tháp mong nhờ Thích-ca vào ngồi, đóng tháp trở lại ra cũng nên trở lại tòa đâu được đứng nói các Kinh ư! Như trong Kinh Niết-bàn, Như Lai thị hiện nằm trở lại từ nằm ngồi dậy. Như lúc trà-tỳ từ Kim quan dậy bay lên Phạm cung, từ Phạm cung xuống rồi trở về bản tòa, đây lẽ ra cũng như vậy, sao việc không như vậy ư? Ngược lại phải nói: Nếu xoa đảnh rồi theo lý phải trở lại tòa, hoặc nói không có văn khiến đức Phật thường đứng, thì như Văn-thù trả lời câu hỏi xong, không có văn nói vào biển, vì sao đến đây bỗng nói từ biển đến! Lại nói từ trong biển thường nói Pháp Hoa, nói thường nói tức thường ở biển. Nếu vốn ở biển tựa không nên liệt kê, đâu được vì Di-lặc giải thích nghi. Lại nói Kinh xong đức Phật chỉ khiến chúng đều giải tán vốn không có văn nói ngồi lại, đức Phật nên đứng đưa Thiên long Bát bộ đâu chỉ riêng đưa Đa Bảo phân thân, đứng đưa phân thân uy nghi kia ít thuận, đứng đưa Bát bộ tôn ty trái lại gấp bội, Lại vì sao không trách nói các phân thân Phật chỉ sai thị giả rải hoa cúng đem lời hỏi thăm, và nói đức Phật kia cùng muốn mở bảo tháp đây. Tức nói bấy giờ đức Thích-ca thấy phân thân vân tập cùng muốn mở tháp, không thấy thị giả đến hội nói muốn, muốn nên không thành. Pháp sư cùng kia tuy ít thân, dựa vào lý, không dựa thân mà xưa có thể nương. Lại sao không trách giáo môn đều nói Đạt-đa đời đời tạo ác, nay bỗng nói làm Thầy của Phật, lại nói cùng sư biệt ký điên đảo không thể nói đủ. Sao không trách Long nữ thành Phật rất nhanh, sao không trách Thanh văn thành Phật quá chậm?

Thứ mười, chúng không có lệnh ngồi. Nạn rằng: Phật ở cao xa chúng nhân thỉnh đến, nay đã trở về đất cũng nên sai bảo trở lại ngồi, sao để đứng lâu không ban cho chỗ ngồi yên! Cho nên, biết phẩm Chúc Lụy định ở sau Kinh. Ngược lại nói: Phàm nhờ sức người ắt cần phải thỉnh thêm, nếu tùy tự lực không cầu người khác cứu giúp, ở giữa không chẳng phải sức mình sánh kịp cho nên thỉnh Phật thần thông trở lại cũ (bản). Tùy theo khả năng tự lực nên không đợi Phật bảo, huống chi bản duyên Phật vào tháp cho nên thỉnh tại trên không. Nay Phật từ tòa đứng dậy đâu thể an ngồi ư! Cho nên nói tăng thêm sự cung kính khom mình cúi đầu. Đức Phật khi đã trở lại tòa thuyết pháp, chúng theo lý nên trở lại tòa. Không có văn mà luận nghĩa căn cứ đây nên biết. Lại nữa, nếu chúng không đứng, không ngồi lẽ ra vẫn ở hư không, vì sao trong phẩm Phổ Môn, Vô tận ý nói từ tòa đứng dậy! Đầu phẩm Đà-la-ni nói Dược

Vương từ tòa mà đứng dậy. Cho nên biết không thể thấy lược các văn từ chối đến tòa, dời đổi phẩm đến sau. Lại tiêu đề phẩm có nói Chúc lụy khiến hướng sau trong phẩm có nghĩa chúc lụy cũng nên đều đời đổi. Nhưng phẩm Chúc Lụy tuy tiêu đề nói Chúc Lụy mà trong phẩm chỉ thông nói ta ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp A-nậu Tam-bồ-đề khó được, phó chúc cho các ông nên tiêu đề phẩm Thần lực tuy gọi Thần lực, mà trong phẩm nói vì Chúc lụy kinh này, bèn dùng bốn pháp của Như Lai Chúc lụy cho Thượng hạnh... Cho nên, lẽ ra trước dời Chúc lụy tiếp dời Thần lực biên soạn ở sau Chúc lụy. Lại đầu phẩm Chúc Lụy nói: Hiện đại thần lực, trong phẩm Thần Lực có nói Chúc lụy, vì vậy hai phẩm đều dời xuống sau. Nếu đều đổi ở sau thì không thể hai phẩm trùng lập diễn ra, không thể hai phẩm có trước sau. Nếu có trước sau thì lại mất phẩm cuối cùng. Nếu nói kinh văn thứ tư, thì Bất Khinh trở về sau tức hợp khuyến trì, việc gì dùng Thần lực mà xen lẫn giữa ư! Bảo tháp chiêu mộ tìm người tuyên bày, người hoằng chỉ nên tiếp dùng phẩm Trì tiếp tục, sau chấp nhận dùng phẩm Điều-đạt xen lẫn. Nếu phẩm kia tiếp không y La-thập thì về lý phải tất cả đều y chánh kinh. Nay kinh nói Thanh-văn có một vạn hai ngàn, Chánh kinh chỉ nói một ngàn hai trăm, tán thán đức Thanh văn bèn có mười một câu, tán thán đức Bồ-tát thì có hai mươi tám câu, cùng Diệu Kinh và, luận lại không tương quan, sao không đỗ lỗi luận trái với Chánh Pháp Hoa? Mà hiềm khích Diệu kinh trái luận.

Lại nữa trong chánh kinh nêu danh nói: Quan Thế Âm, đồng tiếng Quang Âm liền ghi chép, đời sau sao không y chữ “quang” đây giải thích nghĩa, Bảo Chưởng Bồ-tát chia ra làm hai, lại thêm Bảo ấn thủ. “Chưởng” đã là tay, lại thêm đầu thủ chia làm hai người. Tự Tại thiên tử dùng Đại phạm đội đầu. Cũng nói ba vạn thiên tử đều có tức là trở lại chữ Đại Phạm ở Phạm văn nghĩa bất tận và trong biệt Tựa không nói thuyết kinh Đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa. Mà thẳng nói thuyết kinh này rồi thăng tòa Tam-muội, lại thiếu vô lượng nghĩa xứ Tam-muội, không biết trước lúc ấy vì thuyết kinh gì, vì nhập định nào sao không trách Diệu kinh tăng thêm Vô Lượng Nghĩa ư? Lại phóng quang chỉ nói trên đến Tam Thập Tam thiên, Ngài Pháp Hộ việc gì kiềm chế hào quang Phật? Diệu kinh nói tám trăm đệ tử. Chánh kinh nói trong mười tám người. Thông thường nói như cát sông Hằng, tất cả đều nói như cát ở sông, phẩm Tựa đã vậy, trong Chánh tông lầm không thể kể, sao không dựa vào đó mà riêng dẫn Chúc lụy. Vì vậy cho nên Chánh kinh đều chưa thể nương. Dù Thập Công đời đổi tương ưng thấy Phạm văn

ý chỉ sâu xa, nếu vậy thì nghĩa rộng, sao không an ở sau phẩm khác mà quyết chắc biên chép trong đây, khiến không có các ngăn ngại như trên nói, lại dời đổi viết chép sau sinh các ngăn ngại ư? Cho nên khiến nơi lưu hành các Thánh gia bị.

Tiếp trong chánh giải thích phẩm cũng đầy đủ tứ Tất-đàn: Đầu tiên trong nghĩa Thế giới, căn cứ được tên gọi để giải thích phẩm, được tên sự biệt tức nghĩa Thế giới. Chữ "liên lụy" làm nghĩa liên đới. Chữ nên làm riêng người sau thêm chữ khẩu ý nói miệng phó chúc tức theo nghĩa lập. Trong cụm "Phiền (nhờ) ông" thì "ông" là các đệ tử. Nghĩa là liên lụy các đệ tử ở đời sau. Như là lụy mang. Tả truyện nói tướng thời động không liên lụy người sau, đây là Như Lai thích ứng thời mà hóa chỉ bày có lời khiêm nhường, lại khiến đối nơi ba đời truyền pháp không tuyệt, ba đời không đồng cũng là nghĩa thế giới. Tiếp vị nhân. Đây là đời sau tuyên bố sinh thiện. Tiếp đối trị: Khiến người đời sau thọ khiến không lầm, trị lỗi ác kia cho nên gọi là đối trị. Đệ nhất nghĩa: Khiến người đời sau phụng ý chỉ nhập trú, nhập trú liền chứng chân. Đầu hai chữ đều tại năng phó, tiếp hai chữ đều tại sở phó. 3) Chúc ở năng phó lụy tại sở phó. Tiếp trong chánh phó chúc giải thích ba nghĩa xoa đầu. Trước căn cứ sở biểu giải thích, sở phó không xem thường phải dùng cạn tiêu biểu sâu, cho nên dùng thân khẩu tâm ba thứ trao cho mới thể hiện sự ân cần. Tiếp căn cứ tứ Tất-đàn: Tức đủ lý sự. Kinh nói "hiện đại thần lực": Như Lai trước hiện mười thứ đã tiêu biểu đương hiện lợi ích Tứ nhất xong. Mà nay lại nói hiện thần lực tức là chánh tiêu biểu thân khẩu tâm ba thứ trao cho. Từ tòa đứng dậy dùng một tay Như Lai đồng thời xoa khắp cho nên gọi là đại.

Có người dẫn trong Đại kinh nói: Bên trong có đệ tử giải nghĩa thậm thâm, không vì lợi dưỡng không sinh tranh giành, ngoài có đàn-việt thanh tịnh nên Phật pháp trụ lâu. Nếu không như vậy thì pháp không trụ lâu. Đây là kinh kia răn dạy tối hậu khuyên đạo tục hoằng thông cũng là gom góp di chúc của Phật. Không đồng kinh này chính là một kỳ vọng tuyên bày thích ứng. Phương khác muốn tán hiện mười thần lực chúc lụy mười phương, đức Phật tự thân xoa đầu Bồ-tát ba phen thọ là tiêu biểu pháp ân cần. "Trí Tuệ Phật...": Lấy giác chiếu biên thuộc nhất thiết trí thấy tất cánh không. Trí Tuệ Như Lai là Đạo chủng trí, tức lấy từ nhân đến quả được gọi là "Đạo chủng". Đạo chủng theo Quyền, đầy đủ như trong quyển một nói, đều có thể khế hợp tu hành gọi là "Quyền". "Ở nhà Như Lai... như vậy": Nói rõ ba trí, tức áo tòa nhà ba thứ đều đầy đủ ba trí chỉ là ba một tương tức, ba một lẫn dung thông,

cho nên trong một có đủ ba, lấy ba việc đây hoằng kinh lợi ích chúng sinh. Khiến cho họ đều đắc dụng quả địa ba trí. Cho nên biết nhà nếu không có hai thứ kia thì hoằng thệ không phổ khắp, Áo nếu không có hai thứ kia thì pháp thân không viên mãn, Tòa nếu không có hai thứ kia thì hoặc phá không cùng khắp.

"Như vậy thí chủ...": là kết ý năng thí: Nên nói như thí chủ ấy ba pháp không thiếu tự, tha, bất không, là thí chủ cho nên có đại từ bi. Tự đã vào nhà khiến mọi người vào nhà không xẻn tiếc Tự đã mặc áo khiến mọi người mặc áo không sợ hãi. Tự đã ngồi tòa, khiến người khác ngồi tòa cũng có thể nói không xẻn tiếc. Cho nên thí ba pháp đây không còn sợ hãi, nên nói ba pháp đây hoặc thí hoặc thuyết đều đầy đủ từ bi, tức nhập thất ba pháp. "Các ông...": Các ông đang học giáo của Như Lai nên dùng ba pháp này mà lưu thông, dùng ba pháp ba trí này nên thí cho tất cả. Cho nên kinh nói các ông tức là đại thí chủ của chúng sinh, đây nêu rõ công dụng kinh đã ắt đủ ba, ba, huống lại là pháp sở hoằng ba pháp ba trí. Mới gọi là khiến người khác đắc nơi sở hoằng. Thế Tôn dạy: Phụng hành đầy đủ. Người khác đối với điều này biện rõ phàm phu xẻn tiếc. Dẫn Thành luận nói: "Xẻn tiếc" (xan) có năm thứ: Chỗ ở, cứu người, cho vật, khen tụng, diễn pháp. Tiếc rẻ diễn pháp có bảy báo:

1) Đời đời thường mù.
2) Đời đời ngu si.
3) Sinh trong nhà oán thù.
4) Thọ thai hoặc chết.
5) Bị chư Phật oán.
6) Người thiện xa lìa.
7) Không ác nào không tạo. Nếu hiểu văn đây đều không tương quan. Nghĩa phẩm này. Lại nói "Như Lai hoặc dùng Tiểu thừa giáo hóa, thì ta thời đọa xan tham", khuyên người hoằng pháp xả xan tham phàm phu. Đây hiểu có thể như vậy. Nếu đem đây để chứng minh khiến Phật đồng phàm phu, thì nghĩa sâu xa không thể!

GIẢI THÍCH PHẨM DƯỢC VƯƠNG

Giải thích phẩm dẫn Quán kinh giải thích danh tức nghĩa Thế giới. Từ văn đây trở xuống là đầy đủ dùng kinh này mà thành tứ Tất. “Nếu suy tìm...”: nêu đắc danh trước sau chẳng phải ý tứ tất. “Tận cùng thần lực kia”: Dùng thần thông lực Tam-muội cúng dường. “Tận hình mạng kia”: Dùng báo pháp kia tức thiêu cánh tay “Ngõ hầu khiến đệ tử...”: Người trên thực hạnh khiến dưới bắt chước theo, đây thì tự tha hai nghĩa đầy đủ. “Chư Phật...”: Khiến thuật có không. Bất Khinh cho đến Phẩm Phương Tiện đến đâu riêng Phật ư! Hạ phẩm cũng có Phật: Vân Lôi Âm Vương Phật, Bảo Oai đức Thượng vương Phật v.v... huống chi Đức Thích-ca hóa chủ đầu đến cuối (thủy mạt) thường tại, huống lại ứng dùng Phật thân độ..., nhưng cần phải nói “thượng phẩm có Bồ-tát, thì Phật sự làm chánh, hạ phẩm có Phật thì Bồ-tát sự làm chánh”. Nếu luận chung thì theo Phật. Hóa chủ thuyết tất cả đều dùng Phật sự làm chánh. Dược Vương đến lưu thông nghĩa tiện: Phật chúc lụy rồi, đại sự công xong, tùy vật thiên ưa nên thừa thừa không đồng. Chân như thật tướng là thể sở thừa, nhất thừa nhân quả là sự sở thừa, khổ hạnh... là duyên thừa thừa. Tùy một vật cơ nghi hợp, khiến người hoằng tùy duyên chẳng bằng nhau. Cho nên thể sở đều là diệu pháp. Do dựa vào nhất Thật lập nhân quả, thừa nơi sở thừa để lợi ích vật cho nên nói “thừa thừa”.

Hỏi làm ba: Đầu một lợi tha. Tiếp một tự hành. Du hóa cũng là khổ hạnh, khổ hạnh cũng có lợi tha. Trở xuống văn dưới: Như Diệu Âm... đều không ngoài tự tha, tự hành đều không ngoài trí đoạn phước đức, lợi tha đều không ngoài Tam-muội thần thông. Thông hỏi Du hóa là: Du hóa ắt đầy đủ mười pháp giới thân, đều như Diệu Âm Quan Âm, chỉ biệt nêu khổ hạnh để thích hợp, cho nên thỉnh đáp ý nói khổ hạnh.

Có Phật Thanh-văn: Văn lược đầy đủ như kinh nêu. Có Bồ-tát và thọ lượng Bồ-tát...“Tức thời nhập Tam-muội”: Khắp hiện Tam-muội, về lý thì không có xuất nhập, tiêu biểu dụng lực Tam-muội cho nên nói “nhập”. “Dùng thần thông nguyện lực”: Nêu rõ không dùng lửa thế gian, trở lại y sở đắc Tam-muội khởi nguyện lợi tha, dùng trí quán lửa đốt cháy cảnh khó lường, cho nên khiến hào quang khởi đây chiếu sáng kia. Đức Phật cũng vì hợp chúng sinh cho nên khen ngợi. “Chân pháp cúng dường”: Trước tổng nêu năng quán sở quán, tiếp và quán tướng, nên nói chánh hiển chân pháp; do đó thiêu đốt thân gọi là chân pháp do nội quán. Sở quán là gì? Tức sinh thân đây. Do hoặc nhân cho nên hoặc quả hoặc này, nói đều dùng là hiển nhân quả đều thấm nhuần. “Lại,

quán hoặc thân hoặc lửa...": Trong đó trước nêu Pháp không. Tiếp, "Ai thiêu..." biện minh Sinh không. "Pháp không": Đã tức là thật tướng, thật tướng không có năng sở thiêu, thân, và lửa năng sở đâu được có thiêu có năng sở ư! Tiếp, "Sinh không": Chẳng những thân... đều là thật tướng, mà tất cả chủ tể của thân v.v... đều không, cho nên gọi là "Ai". "Thiêu": Lửa năng thiêu. "Đốt": Thân bị đốt. Thân lửa đều là sự năng cúng, Phật pháp là ruộng sở cúng, chủ tể tức là người quán năng quán, thân lửa năng sở là cảnh quán vậy. Cảnh trí không hai năng sở đây vong, dùng bất nhị quán quán cảnh bất nhị, thành bất nhị hành hội bất nhị không. Khi tác quán như vậy khổ làm pháp giới. Người nghe thấy lợi ích cho nên nói thừa thừa. Nếu không vậy thì thành khổ hạnh vô ích.

Đức Phật có lời khuyên răn thật đáng trước tư duy, do đó nương Tựa nơi hiểm yếu không chiêu ngoại hạnh luận, phó hỏa không bị trong chúng cơ hiềm bởi do trong có lý quán ngoài hiểu tâm mong cầu. Cho nên Thắng Nhiệt dứt nghi cho Thiện Tài, Ni-càn-sinh giải nghiêm xí, đốc luận đạo hạnh kia mới có khắc ghi, tâm chánh hạnh chánh trí tà sự tà, hành không thể phế, trí không thể vong, kẻ hậu học không mất pháp lợi.

Có người hỏi: Luật chế thiêu thân được cỏ thơm, thiêu tay được điềm lành, trong đây tán thán thiêu việc kia như thế nào? Nay vì đáp: Đại tiểu khai chế giáo pháp không đồng, tiểu chế kết lỗi đại chế khiến thiêu. Cho nên trong Phạm Võng nói nếu không thiêu chẳng phải là xuất gia Bồ-tát; đâu riêng khiến tục mà không chế đạo. Cho nên biết thuận tiểu hành dễ không thiêu đâu khó, từ đại thành thật khó thiêu, mới không dễ. Thế gian dùng không trì làm đại thì đại tiểu đều nghiêng đổ. Tin cơ duyên cõi này đều mê đại tiểu, không biết trước tiểu sau đại y theo thứ lớp hạ nào! Trước đại sau tiểu tâm nào mà thọ! Trước tiểu sau đại khai tiểu thừa ngăn, không trước đại sau tiểu ngăn Bồ-tát khai không? Trong một giới hai chúng như thế nào? Trong một thân hai thể đồng khác. Đại thừa đối Tiểu, lấy lợi ích từ đâu! Tiểu trách Đại chiêu tổn hại sao sánh được! Cần cần (siêng năng) nêu biệt dụng làm chủng, đến sau, thừa sở thừa đều là diệu pháp, do y nhất thật lập nhân quả, thừa sở thừa kia để lợi vật. Chỉ tự đo lường đức mình, trải cảnh quán tâm cùng tâm tương ưng sẽ thuận khai chế. Nay Dược Vương đã chứng từ lâu đều vượt ngoài phương khai chế, trọng pháp quên lòng khởi nguyện thần thông, làm gương cho phàm phu kẻ dưới tư duy có thể biết. Kinh dùng Chiên đàn mà làm cây để đốt ư? Đáp: Cõi này Đại ái Đạo nhập Niết-bàn sau còn dùng chiên đàn quả thiêu, huống chi Tịnh độ kia đâu

đủ là khó! Nhưng tịnh uế đều trình bày chẳng phải thế hữu (thế gian có). Đều là sức lực của bậc thánh cho nên kinh nói: “bảy vạn hai ngàn năm...”.

Hỏi: Thiêu thân chỉ trải qua một ngàn hai trăm năm, thiêu tay vì sao thời gian dài hơn?

Đáp: Trước là tự hành thân tận nhập diệt, nay vì hoằng pháp khiến vật hội tam. Cho nên nói khiến vô số... Đã nói vô số Thanh văn phát Bồ-đề tâm cho nên biết hỷ kiến đối sau khi Phật diệt độ không khiến các chúng đây trú nơi tiểu quả, cõi này cũng như vậy.

Kinh nói “thân kim sắc”: Trước đã đắc phổ hiện tức tám tướng sắc thân, cho nên biết trong đây phải ở cực quả. “Năng sinh...”: Như cha mẹ ắt dùng bốn thứ hộ hộ cho con, nay phát tâm do pháp làm sinh, đầu cuối tùy thuận làm dưỡng, khiến mãn cực quả làm thành, năng ứng pháp quả làm vinh. Tuy bốn thứ không đồng mà đều dùng pháp làm bản, lại bốn pháp đây tức tứ Tất-đàn. Thứ lớp đối cũng nên có thể biết, đây tức trước sau đều đối tứ Tất. Nhưng tức ba giáo trước đều được bốn lợi ích, nay đối Viên nói theo lệ trên có thể biết.

Hỏi: Đầu khai chương nói tán thán người năng trì vì sao hướng đến nói không bằng một câu kệ! Lại nói “pháp là thầy của Phật ...” ư!

Đáp: Trước tán thán người có pháp, nay tán thán pháp tại người. Nói “đầu tán thán thể, tiếp tán thán dụng”: chẳng phải thể của tông thể, chẳng phải dụng của tông dụng, thông chỉ một bộ làm thể, ba thứ thể tông dụng trong bộ cùng có như các dụng cứu khổ ban vui v.v...

“Thập bảo sơn”: Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. “Dẫn Kinh Hoa Nghiêm”. Hoặc một hoặc hai: Câu-xá nói: Trước là bảy kim (vàng) tạo thành Tô-mê-lô bốn báu, vàng hoặc gồm các thứ cho nên nói một, hai. “Các kinh nói Quyền trí...”: Quyền không tức Thật đến nổi khiến giáo pháp đều chẳng tự tại, các cơ không dung thông cho nên giáo chủ khác biệt vậy. “Các kinh nêu thật trí...”: Đều là thưa ngoài quyền cho nên phá nghi không khắp, còn không sánh bằng ý kinh này thiết lập Quyền. Đã phá các nghi cho nên “tức Thật mà Quyền”, huống chi kinh này vốn vì hiển Thật, có nghi đều đoạn, cho nên nói “tức Quyền mà Thật”. Vì thế nói Quyền Thật chẳng riêng kinh này, nói tương tức xuất từ nơi đây, không thâu Tiểu cho nên sai khác. “Văn nói Học, Vô học...”: Chỉ tam giáo Bồ-tát. Vì phát Bồ-đề tâm: Kinh này là cha pháp kia nên sinh trưởng pháp kia. Xưa cho rằng chẳng phải con đến đây mới biết. Các kinh khác chủ yếu nhân nơi công dụng: Chỉ chấp phát tâm rốt ráo không biệt không đồng tam giáo chủ yếu nhân công dụng, như biệt

giáo địa tiền làm phương tiện.

"Như gió...": Sơ trụ đã nhập vị vô công dụng nên đủ chọn xe thể và đầy đủ độ v.v... Giải thích sở dĩ như gió (phong), đến nhập sơ trú vô công dụng đạo. Kinh nói "Năm trăm năm": Trong kinh Đại Tập nói có năm lần năm trăm, đầy đủ ở văn trước. Kinh nói "Nếu có người nữ...": Trong đây chỉ nói được nghe kinh này như lời dạy mà tu hành tức nhân tịnh độ không cần lại Chỉ Quán Kinh...

Hỏi: Làm sao tu hành?

Đáp: Đã nói như lời dạy mà tu hành, tức y kinh lập hạnh, đầy đủ như trong phẩm Phân Biệt Công Đức. Thẳng quán cõi đây, bốn cõi đầy đủ cho nên thân Phật đây tức là tam thân, đại chúng đây tức là hết thảy chúng. Do lậu hoặc chưa đoạn cho nên An lạc hạnh là khí phần hạnh của đồng cư tịnh độ, cho nên không lìa đồng cư uế mà thấy đồng cư tịnh.

Hỏi: Đồng cư nhiều loại đâu hẳn là cực lạc ư?

Đáp: Vì giáo thuyết nhiều do vì vật cơ, đó là nhiếp sinh khiến chuyên chú, do duyên đời trước dày, căn cứ nhiều phần, hạ phần Đâu suất theo lệ kia không đồng chỉ tại cơ cảm.

GIẢI THÍCH PHẨM DIỆU ÂM BỒ TÁT

Phẩm đây đầu tiên nêu đủ ba giải thích:

1) Văn nhân duyên.

2) "Xưa đắc...": căn cứ giáo.

3) "Phẩm này...": Bản tích.

Chỉ không có giải thích theo Quán tâm. Nhân duyên rất lược. Lại nghĩa lập: Âm nhạc là Thế giới, tự tùy là Vị nhân, dâng bát là Đối trị, đạo khí là Đệ nhất nghĩa. Quan Âm có hỏi nguyên do được tên, trong đây không có, đây từ tự hạnh, dưới từ lợi tha. Lại trong Thường Bất Khinh cũng có bản sự, tức danh dùng hiển bản sự, đầu từ trong giải cuối đến lợi tha, đồng ở trong một danh. Tuy tự tha không đồng mà chủng theo danh hiệu Quan Âm bên dưới... có tên gọi là Phổ Môn thì đây cũng nên như vậy, đồng đắc Phổ hiện sắc thân Tam-muội. "Nếu vậy phẩm Dược Vương bên dưới...": năm phẩm hết thảy đều như vậy. Dược Vương lại ban đầu hiến chú, Tịnh Đức lại chỉ thân Diệu Âm, vì vậy cho nên năm phẩm pháp môn nhất định không có hơn kém, chỉ tùy cơ tiện thừa thừa không đồng. Huống chi phẩm Phổ Môn ở giữa lý thông trên dưới dùng nhân đối pháp lý cũng cảm đều, riêng hiểu danh kia nghĩa cũng không lẫn lộn, không thể từ danh khác mà che đậy pháp môn kia. "Đương ở nơi thấp kém...": để khuyên thành cơ duyên, là nêu rõ ý Phổ Hiện. Nếu không dùng quỷ súc làm quỷ súc chỉ tâm địa mình thấp kém thì tự che lấp dòng diệu pháp. "Tướng đại nhân...": chia làm bốn:

1) Giải lược giải thích, là biện tướng bất tư nghì nên gọi là "đại".

2) "Khắp thể...": nương tướng sở hiện lần lượt so sánh.

3) "Tướng đây...": Đại tiểu đối đều.

4) "Vấn đáp...": giải thích nghi.

Một và hai có thể thấy. Thứ ba trong đối đều có hai: Mượn Tiểu tiêu biểu Đại, cho nên dùng tướng ứng tích, nhân phóng hào quang thuận nghĩa Sư trưởng, nhân quả chiêu nhau, chiêu ắt đến.

Nói "bản đệ tử": Chiếu không phải không có nhân duyên vì vốn từng liên quan, gọi xưa làm bản chưa hẳn là bản từ lâu. "Bạch hào...": tiếp nêu nhân đại thừa thực tướng trung đạo sở cảm, chiếu khiến hoằng kinh khai hiển, đây chính là nhân thù thắng quả thù thắng khiến hoằng giáo thù thắng, cho nên phóng quang. Trong giải thích nghi có hai lần vấn đáp: Vấn đáp thứ nhất: Nghi năng phóng quang.

Vấn đáp thứ hai nghi chúng sở chiếu. Đầu tiên nghi: Xét theo biển tướng bất tư nghì thông lập dùng hỏi dựa vào sự so sánh. Trong

phần đáp nói “Các kinh khác nêu...”: Chiêu cảm chỗ khác thuộc sự thích nghi, vả lại từ tha nói, cho nên phủ thêm phương tiện giáo nói có hơn, kém. Lại căn cứ ứng thân hiện tướng thích nghi phủ các kinh khác khiến hoằng thật giáo, cho nên lại từ tướng đại. Đại lại từ nhân mà được biểu hiện, cho nên nói phóng quang khiến hoằng pháp này, huống chi hiển bản đã còn không có cận tích thì đâu còn Tiểu ư? Vì sao gọi phương Đông nói phương Tây: Ý hỏi: Mười phương Bồ-tát lẽ nào đều vô duyên ư! Vì sao phóng quang chỉ triệu Đông phương Diệu Âm xong. Tiếp nói Tây phương Quan Thế Âm: Trong đáp nói theo biểu hiện, trong đó có bốn:

1) Biện minh năng biểu.
2) “Chưa phát tâm...”: chánh nêu sở biểu.
3) “Một Bồ tát...”: nêu ước lệ.
4) “Thánh không...”: kết dụng ý tiêu biểu.

Phần một có ba:

1) Nêu hào quang là năng biểu.
2) Nêu ý hào quang sở chiếu.
3) “Đông là....”: nêu ý năng tiêu biểu.

“Hai, Chưa phát tâm...”: nêu trong sở biểu: Chỉ nêu đầu cuối tùy ý vận dụng nhiếp chiếu. Thứ ba: Nêu theo lệ: Diệu ý đã vậy, các nơi khác đến đều như vậy, chỉ dùng chiếu phương Đông tiêu biểu bắt đầu làm nghĩa tiện; nếu triệu phương Nam đến Bắc tứ duy căn cứ đây sẽ biết. Thánh chỉ không phiền văn nói nhiều, lý hợp mười phương đều đến, như Hoa Nghiêm, Đại Tập, các bộ Bát-nhã, hào quang và nơi hiệu triệu còn thông cả mười phương, cho nên đây chỉ dùng một phương làm tiêu biểu. Căn cứ dưới nói Quan Âm đầu giải thích “Nhĩ thời”, cũng dùng Diệu Âm đối biện. Trong đây đã dự định dùng nói phương Tây đối hỏi, cho nên có thể dự dùng phương Tây đối nêu rõ. Nói “Muốn nói việc Bồ-tát ở phương Tây, thì trước hết là triệu Bồ-tát ở phương Đông...”: trình bày do phước đã gặp được nhiều đức Phật cũng là do tuệ, chỉ là văn lược. Chánh trình bày trong phước tuệ kinh nói thảy đều là nói “thậm thâm”, cho nên là Viên tuệ, Tam-muội thuộc định đối tuệ gọi là phước, còn khác Tam giáo lẽ nào đồng thế gian có?

Lại nữa mười sáu thứ Tam-muội đều là tên khác của Pháp Hoa Tam-muội, tùy nghĩa mà nói. Nay xứng tướng Pháp Hoa Tam-muội, “Phật răn dạy” đến “mà theo khuôn phép đây”: nghiêm kính mời tiên đến. Diệu Âm địa vị cao đâu có thể gắng đợi ư! Đến đâu thấy uế đâu sinh tưởng thấp kém, chỉ Phật mượn việc răn dạy Diệu Âm mà làm quy

cũ. Cho quyến thuộc của Bồ-tát mang theo. “Quy cũ” là qui mô, khuôn phép. “Xét Phật... chư Phật đạo đồng...”: Trước, chánh trình bày đồng; tiếp, kết đồng. Đầu, văn tự có ba:

1) Nói căn cứ tòa làm răn dạy: Dựa vào không quên tướng, thân là hữu tướng lý là diệu không. Nhất trần thân đều cùng lý đồng huống chi chất thân một trượng sáu mà sinh tưởng là thấp kém ư?

2) “Phàm sư...”: Phật và đệ tử thân đều thấp kém: Đều ẩn tịch nhẫn mà chịu nhận sự vụng về. Phàm y báo, nên trụ vô duyên an nơi cõi uế. “Đây Phật...”: kết đồng: Hết thảy ứng thân hóa nghi thị hiện nơi tích thuyết pháp đều đủ ba thứ này răn dạy chúng mà làm phép tắc hoằng kinh. Cho nên Đức Phật đây hoằng kinh cũng dạy ba ý dùng theo lệ nơi kia. Hoa nghi không ngoài Phật thân hóa cảnh quốc độ. Thọ ý chỉ đối ba lực: Bồ-tát không thể không suy tìm công hóa chủ, Như Lai trước răn dạy khuyên khiến Bồ-tát tự vận dụng, Bồ-tát suy tìm qua kia thật khó, huống chi qua lại thì cần phải lợi tha. Cho nên biết qua lại đều nhờ sức của Như Lai. Nhưng lại Như Lai gia bị nơi đáng gia bị, Bồ-tát có phần chỉ vì chưa đến tột cùng cho nên dùng tột cùng ba thêm nơi phân làm ba, khiến dùng áo, tòa, nhà làm tông yếu hoằng kinh. Cho nên biết đều là lực Như Lai khởi thần thông, các thứ trang nghiêm mới năng lợi vật. Vậy thì Như Lai dùng trung đạo, không nên năng dùng tâm từ bi gia hộ cho các Bồ-tát đầy đủ trang nghiêm cho ăn tùy cơ lợi ích.

3) Nói “trang nghiêm”: Vạn hạnh trong nhân, hội đây, cõi kia. Nếu địa vị Văn-thù thấp, thì lời nói của Diệu Âm khi gặp đức Phật kia nói: “đến thấy Văn-thù”, lẽ nào có thể xa đến cầu thấy vị kém hơn ư? Văn-thù địa vị cao thì thấy hoa lẽ ra phải biết, tại sao còn hỏi Phật do nhân duyên gì...? Trong đáp có hai nghĩa: Văn-thù địa vị cao hoặc đồng là Bổ xứ, trong một vị phân đầu giữa cuối, hoặc đồng là cổ Phật thì không cao thấp, đồng vị ở đầu chưa dứt không biết. Thiêm là nhục vậy. Đâu phải một việc không biết mà thành khuất nhục ư! Lại đại chúng không dám hỏi Văn-thù tuy cao vì muốn phát khởi nên thị hiện làm không biết. “Thượng phẩm nói sơ đắc...”: Trên phẩm Dược Vương nói: Quá khứ tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ-tát ở trong Phật pháp của Đức Phật Nguyệt Tịnh Minh đắc Hiện nhất thiết sắc thân Tam-muội, sau lại sinh ở nước kia ở nhà vua Tịnh Đức bỗng nhiên hóa sinh. Bạch vua cha rằng: Con trước đã đắc Giải nhất thiết ngữ ngôn Đà-la-ni. Đã nói chuyển thân đắc nhất thiết ngữ ngôn Đà-la-ni tức giống như chuyển thân mới được. Nếu nói: Còn trước đã được tức giống như chỉ sắc thân Tam-muội sở đắc trước, Tam-muội này cũng gọi là ngữ

ngôn Đà-la-ni, cho nên nói còn là sắc pháp. Nói còn là tiêu biểu cùng trước đồng, cho nên ngữ ngôn đây cùng sắc thân chỉ là khác thân khẩu, đâu có thể hiện thân không thể thuyết pháp được ư! Chỉ từ sự biệt, lý kia ắt đồng, cho nên làm tên khác hiểu văn rất tiện. Đây thì Viên môn Tam-muội Đà-la-ni ắt là thể đồng danh khác. Tam-muội từ Định, Đà-la-ni từ Tuệ, tức Định Tuệ bất tư nghì cho nên được xen lẫn dụng. Căn cứ trong giải thích dưới tam luân đầy đủ. “Lại thiệt (lưỡi)...”: phán định Tam-muội và Đà-la-ni chỉ là chân vị lục căn mà thôi!

GIẢI THÍCH PHẨM PHỔ MÔN

Đầu văn không nói nhân duyên... đây thông biệt giải, đầy đủ ba cách giải thích, chỉ thiếu Quán tâm. Trong mười cặp Trí đoạn... nói, chỉ thứ lớp nêu giải thích không rảnh liệt kê trước. Nhân pháp đều nói có nhiều loại. Đều chú thích "vân vân" là đều chỉ bày nhất thật và Thất phương tiện và dùng nhân pháp trước sau vấn đáp. Trước vấn, như văn. Sau vấn đáp. Vì sao mà vì chúng sinh thuyết pháp...? Phước năng chuyển thọ La-hán còn quay về lấy phước làm thọ huống chi Phổ môn thị hiện dùng bất khả tư nghì phước chuyển thành chủng trí, tức phước trí bất nhị gọi là chuyển. Mới theo lệ chín cặp; như mưa tuôn châu báu, sở chuyển nếu thành phước bất tư nghì thì không đồng địa vị dưới. "Châu như y": Châu có đủ nhiều đức, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói.

Nghĩa "Đào giếng..." là: Như kinh Hoa Nghiêm nói: Như có thế giới khi mới thành chúng sinh cần phải cung cấp nuôi dưỡng đầy đủ, Bồ-tát lúc bấy giờ làm thợ giỏi, trọn không tạo tác dụng cụ sát sinh. Sơ lược như trong Thích Tiêm. Đầu giải thích "Nhĩ thời", chú giải bốn nghĩa đó là Tất-đàn. Nếu hiểu ý văn thì hiểu tứ Tất-đàn.

Nói "Bồ-tát phương Đông...": Vì sao trước nói "triệu" nay nói "thuyết"? Đáp: Văn trước đầu nói triệu, cần phải nói triệu, nay là nói xong nên nói thuyết. Cho nên cuối phẩm nói: "Khi thuyết phẩm này". Hai nơi đều có thời bắt đầu nghe danh tức Thế giới, đều có tùy ứng gọi là thuyết tức Vị nhân. Đều có đáp vấn đắc Tam-muội tức trừ nghi, đều có nghe phẩm được lợi ích không đồng tức đắc đạo. Kinh nói "trịch áo bày vai hữu": Cõi này tạ lỗi mà bày vai thịt cõi kia cung kính mà trịch áo, bởi hai cõi phong tục không đồng.

Trước giải thích tên "Vô Tận Ý", trong đó đầu tiên giải thích "Vô tận": Trước dẫn ba kinh, tiếp tổng kết thành tam quán. Đầu dẫn Đại Phẩm không, Đại Tập giả, Tịnh Danh trung đạo. Đại Phẩm nêu Không tức Vô tận. Đại Tập nói Tám mươi Vô tận môn, đã nhiều môn không đồng tức là giả. Tịnh Danh luận nghĩa Vô tận: Không có tận và bất tận, song phi cho nên Trung. Tiếp giải thích ý trung: Trước, nêu tam quán. Tiếp, kết. Đầu tiên trong Không quán, tuy đều dẫn cảnh trí mà chánh ở hòa hợp đều không có tự tánh, trí tùy cảnh không, ý vô tận gia gọi là ý không. Tiếp, "Lại, ý...": là căn cứ giả: Thế xuất thế là cảnh, trí tùy nơi cảnh, cảnh nhiều trí nhiều. Tiếp, căn cứ tâm trung, do năng quán tâm tánh trung nên sở quán cũng trung. Đây căn cứ trí chiếu cảnh mà nói. "Đây căn cứ...": là kết, hai nơi kết văn đều gọi là "quán trí", đều căn cứ

năng lập vấn đáp, đều nói tuệ trang nghiêm là hỏi đáp đã là hai trang nghiêm xong, nay giải thích ý kia. Nói vấn đáp gọi là trang nghiêm, trung tuệ trang nghiêm của hai thứ Định Tuệ trang nghiêm huống chi tên hai Bồ-tát và tên Phật (danh) đều từ tuệ lập. Nhiều khổ khổ một người... bốn câu, trong mỗi một câu có khổ đều cứu giúp đều có thể trì danh. Do có năm đơn mười cặp phổ khắp cho nên niệm niệm đều lợi ích. Viên Bồ-tát đều như vậy chỉ tùy duyên thôi!

Kinh nói "Quán Thế Âm Bồ-tát tức thời...": Có người dùng ba chữ "Quán Thế Âm" soạn để đầu câu dưới, Hưng Hoàng soạn để cuối câu trên, ở đầu câu dưới lại đủ ba chữ này, cả hai đều không đúng. Dựa vào đầu câu dưới, cũng không cần đủ.

Có người hỏi: Vì sao đồng niệm mà có người thoát có người không thoát ư? Đáp: Đồng niệm là hiển cơ được thoát có xa xôi, có hiển rõ do quá khứ hiện tại duyên sai biệt, thọ lợi ích lại có đẳng cấp. Nếu cơ kia cảm dày thì định nghiệp cũng có thể chuyển, nếu quá khứ hiện tại duyên cạn thì yếu khổ cũng không nhỏ. Cũng có người nói: "Tam tai" có đại tiểu, đại là hỏa, thủy, phong, tiểu tức mạng, thân, tài. Đại thứ lớp có hai:

1) Khi từ tiểu đến đại nghĩa có thể như vậy. Lại từ nhanh đến chậm đây chưa hẳn như vậy.

2) Hỏa không hết đều nhanh, gió không thể đều chậm.

Tiểu cũng có hai:

1) Từ nặng đến nhẹ.

2) Từ khó đến dễ. Đây hoặc ứng như vậy, sự lại đầy đủ như Tạ phu v.v... Quan âm ứng nghiệm ký. Nói "trong biệt đáp có ba nghiệp cơ": bảy nạn là khẩu cơ để xưng danh, ba độc là ý cơ khiến thường niệm, hai thứ cầu là thân cơ thường lễ bái. "Hỏa nạn": Có người dẫn kinh Nhân Vương nói bảy hỏa không đồng:

1) Quỉ hỏa.

2) Long hỏa.

3) Tích lịch hỏa.

4) Sơn thần hỏa.

5) Nhân hỏa.

6) Thọ hỏa.

7) Tặc hỏa. Nhân hỏa: Do khi ác nghiệp phát thân tự bốc lửa. Thọ hỏa: Như hạn hán lâu ngày thì cây tự phát lửa. Cho đến giải thích nước thì không có bảy tướng, huống lại bảy tướng không có sở biểu đối cho nên không dụng. Nay văn đều có ba: Hỏa danh tuy đồng mà cạn sâu có

khác. Nếu không như vậy thì làm sao hiển Quan Âm lực đại và công sâu của người niệm.

"Nhập Đại thừa...": dẫn Luận so sánh lượng. "Sáu mươi hai ức" là có thuyết nói: Bồ-tát không có khác lạ, muốn khiến thiên trọng Quan Âm. Có chỗ nói: Phật pháp hai môn, nghĩa là đẳng, bất đẳng, như lễ chư Phật dạy nói công sai khác. Bình đẳng: Được phước không khác lạ. Nay hỏi: Nếu bình đẳng thì Phật đã không thiên vị không có không bình đẳng, vì sao đây không bình đẳng? Do Phật không thể có đẳng cấp, cho nên "đẳng, không đẳng" chỉ là đối duyên, tuy đối duyên cũng chưa bày làm vấn nạn, cho nên cần nương Thiên viên đây để giải thích. Chẳng những Bồ-tát các giáo chẳng phải một mà chính một giáo cũng thiết lập Tích không đồng. Đây là căn tứ cảnh mà phê phán. Nếu tâm cảnh tương đối bốn câu phân biệt, nay đây chính là biên của câu cả hai đều có. Trì sáu mươi hai ức thì tâm cảnh đều kém, thọ trì Quan Âm thì tâm cảnh đều hơn, đây tức định giáo đương giáo mà quán. Nếu câu cả hai xen nhau,tức đều là cảnh tùy tâm chuyển.

Hỏi: Vì sao trong Pháp Hoa luận lấy sự trì Sáu mươi hai ức hằng sa danh Phật làm so sánh?

Đáp: Có người nói: Luận lầm. Nay nói không như vậy. Nay trước nêu luận văn, tiếp lược nêu giải thích. Luận nói: Thọ trì danh hiệu Quan Âm và Sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, phước bằng nhau: Có hai nghĩa:

1) Tín lực.

2) Tất cánh tri.

Tín lực lại có hai:

a) Cầu ta như Quan Âm là rốt ráo tin.

b) Sinh tâm cung kính như công đức kia ta cũng đắc. Tất cánh tri: Quyết định tri pháp giới. Pháp giới gọi là pháp tánh. Sơ địa Bồ-tát năng chứng nhập hết thảy thân chư Phật bình đẳng. Thân bình đẳng: Nghĩa là chân như pháp thân. Vì vậy cho nên thọ trì Quan Thế Âm cùng Sáu mươi hai ức hằng sa chư Phật, công đức không sai biệt. Nay cho rằng dùng đây nghiệm biết, cần y Viên giải thích. Vì sao.

Vì trong hai nghĩa Tín lực căn cứ sự, tất cánh căn cứ lý, lý sự trợ giúp nhau mới thành sở niệm. Như trong Tín lực hai thứ đã nói cầu thân ta như Quan Âm tức chỉ hóa thân. Lại công đức Quan Âm cực ta cũng đắc, chính chỉ báo thân. Nguyện đều báo ứng mới thành niệm; chỉ niệm quả đức đâu cần biết lý. Cho nên tiếp nghĩa nói "tri pháp giới...". Tiếp dẫn chứng vị tức Sơ địa. Lại dẫn phần chứng khiến người biết, cho nên

biết nếu niệm Quan Âm ba thân phải từ chối lấy niệm Phật làm so sánh. Nếu dùng niệm pháp thân mà luận thì dù dẫn mười phương chư Phật thì công kia cũng đồng, đâu chỉ sáu mươi hai ư! Sở dĩ luận văn mặc dù giống như nêu kinh mà chính là tăng câu giải thích nghĩa, cũng như phương tiện sơ thêm khó giải khó biết, muốn nói Đại mới tăng ba câu mà vì trình bày giải thích.

"Ba mươi ba thân mười chín phen thuyết pháp...": Nên đủ chỉ ly hợp vì kết nói thiếu nên chỉ có mười chín. Như tám bộ bốn chúng chỉ kết một phen nói. Kết biệt khai tổng: Trước ba mươi ba thân là biệt, cho nên kết nói: "thành tựu công đức như vậy". Tức dùng câu này lại làm khai đầu câu tổng bên dưới, cho nên dưới tổng nói "các loại hình v.v...".

Hỏi: Kinh này hội tam vì sao nói nên dùng tam thừa... ư?

Đáp: Hình thì khác, pháp thì một, cho nên phẩm Diệu Âm nói: Các thứ biến hóa nói là kinh điển, người không thấy cho rằng nói tam thừa, đó là lầm lẫn.

Hỏi: Vì sao trong Diệu Âm tứ thừa ở sau, Quan Âm tam thừa ở đầu, lại không có Bồ-tát ư?

Đáp: Tóm lại mà nói chẳng phải không có Bồ tát, cần phải biệt hiện chỉ là văn lược. Lại ba mươi ba thân tùy cảm một tiền ứng cũng đâu có trước sau, chỉ hai văn lẫn hiển, "Biệt văn rộng ý hẹp...": Tách làm nhiều câu cho nên gọi là văn rộng, ý chỉ hiện văn nên nói ý hẹp. Tổng đáp văn hẹp chỉ có mười hai chữ. Nói ý rộng: Đã nói chủng chủng chỗ nào lại không bao quát. Nghe phẩm Công Đức nói Trì địa, tức là kinh Bảo Vân nói: Bồ-tát có mười pháp gọi là Trì Địa Tam-muội như thế gian địa:

1) Quảng đại.
2) Chúng sinh y.
3) Không tốt xấu.
4) Thọ mưa lớn.
5) Sinh cây cỏ.
6) Chủng tử sở y.
7) Sinh các báu.
8) Sinh các dược.
9) Gió bất động.
10) Sư tử hống cũng không kinh sợ.

Bồ-tát cũng như vậy, trải qua mỗi mỗi đều hợp. Nay nói dùng tám giáo phân phán mới ứng kinh này. Nghe phẩm Công Đức...: Nên đối các kinh và dùng bộ này biện minh kia được lợi ích cộng biệt không đồng.

Do phán giáo tướng kiêm Đới... sai biệt. Giáo nếu chỉ Tiểu hiển lộ cuối cùng không kết được lợi ích Đại, mật được lợi ích đại, giáo không thể truyền, giáo tuy không truyền cần phải biện rõ ý chỉ kia. Nếu như dòng Phương-đẳng, Bát-nhã do bộ chung cho nên lợi ích nghe cũng chung thì đủ hiển mật và dùng bất định. Xen nhau biết gọi là "bất định", xen nhau mà không biết nhau gọi là "bí mật"; vậy thì trong bộ hoặc phẩm giống như Đại, lợi ích có Đại Tiểu, hoặc phẩm giống như Tiểu lợi ích cũng có Đại tiểu, hoặc gồm Đại tiểu lợi ích cũng có Đại tiểu. Đều do hướng đến ba nghĩa mà biểu, không thể chỉ đủ phẩm tướng các kinh nên cần tư duy. Nay kinh chỉ Đại, trong Đại chỉ Viên, không mật thiên tiểu, cho nên lợi ích nghe phẩm trước sau không thiên vị. Tuy ở trong viên cũng có phát tâm bất thoái và vô sinh... không cùng thiên tiểu chung. Căn cứ bộ phán xét lợi ích bởi do nơi đây. Cho nên, Phẩm Trang Nghiêm Vương tuy nói "Pháp nhãn", danh đồng mà thể khác, nhất định chẳng phải sơ quả, cần phải phê phán làm Lục căn thanh tịnh Pháp nhãn vị, tức Thất tín trở lên. Nếu nghe Pháp Hoa khiến đắc sơ quả thì một bộ Pháp Hoa văn nghĩa đều bỏ, "Đầu, một là ngang giải thích...": Kết trước ba lớp giải thích Vô đẳng đẳng để thành đại xa. Phật giới nhất niệm đối với lý gọi là "ngang", Phật tâm đối với lý hai nghĩa quân bình cho nên gọi là "ngang".

Tiếp, căn cứ sơ tâm duyên Tất cánh lý, đầu sau vọng nhau làm dọc. Ý thứ ba: Tâm cùng lý ngầm phù hợp một thể đều không thể nói, tại sao luận ngang dọc? Đầu tiên giải thích chỉ Phật tâm tức không. Tiếp, giải thích "nhất thiết Giả". Nêu hai trước đều không thể đắc Trung. Văn sau kệ tụng Thập Công không dịch. Cận đại (đời gần đây) đều nói trong bản Phạm văn có, đây cũng chưa so với ý sâu của Thập Công. Trong Tục Tăng Truyện nói kệ là Xà-na-quật-đa dịch, nay theo bản xưa cho nên không giải thích, lại chấp bản nhân, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói.

GIẢI THÍCH PHẨM ĐÀ-LA-NI

"Tổng trì...": hai phen nói bốn thứ kia đều là tứ Tất-đàn.

1) Căn cứ dịch danh.

2) "Các Sư...": căn cứ giải thích nghĩa.

3) "Đời ác...": tổng nắm hai lớp, để nêu ý đương lai.

Đầu lại có hai:

a) Chánh căn cứ tứ Tất.

b) Đối các kinh khai giá để nêu tứ tất.

Đầu văn: Thiện ác sai biệt tức Thế giới. Tiếp, "Một phen..." đủ hai Tất, chú giải hai, ba ý kia: Năng trì thiện biên tức Vị nhân, năng ngăn ác biên tức Đối trị. Trung thiện tức Đệ nhất nghĩa, cho nên chỉ hai chữ "giá, trì" mà đầy đủ tứ Tất. Sinh công nói: "Gần tri thức thọ trì tâm mỏng yếu, cho nên buộc phải dùng chú thuật". "Chú giải...": Ngầm hiển sự giúp đỡ nên nói Đà-la-ni. Xem thấy Ngài Sinh Công... giải thích bỏ xa nghĩa của chú. Chú vốn vì người hoằng kinh hộ nạn, đâu chỉ buộc ở chú thuật hoàn toàn lạm xen nghĩa giả tục. Như Dược Vương dâng cúng sáu mươi hai ức pháp chư Phật thuyết, Dũng Thuyết hiến cúng hằng sa pháp chư Phật thuyết, huống chi còn hộ quốc, Tứ vương, La-sát, bảy nữ nhân đều là hộ pháp thỉnh Phật chấp thuận, sao gọi là chú thuật u mê ư? Nhưng "chú" là nghĩa vốn không hợp dịch. Như phẩm Khuyến Phát nói: Bồ-tát được nghe, phải biết sức thần thông của ngài Phổ Hiền đâu đồng với chú thuật ư! Nếu hoàn toàn không thể dịch, thì Trúc Pháp Hộ vì sao dịch? Nếu kia không hiểu không dịch ý, thì dời đổi phẩm có gì nghi ngờ?

"Đại minh... ba": Thông luận chỉ là Bát-nhã, Bát-nhã tổng nhiếp nên gọi là chú, tổng dụng tổng trì tổng phá tổng an đều được gọi là "chú". Chú đối với ba giáo tư duy có thể thấy; như thông biệt này lại gọi là Thông, nay Biệt ở kinh này hộ pháp. Các kinh khác tùy sự cầu đảo trừ tai ương, tăng ích lợi, nhiếp triệu không đồng; văn kia cũng đều riêng có pháp quán, do đó tân dịch đều gọi là "chân ngôn" và dùng chữ "minh" tức là: Người xưa thấy bí mật không dịch, ví như cõi này các pháp cấm chú v.v... tiện dùng tên "chú" theo lối xưa dịch. Nay nói "đều là bí mật chân ngôn chủng tử khó nghĩ bàn của Như Lai". Chú giải "vân vân": Khiến nói ý kia, như trước lược biết. Từ "Các sư...": nói nghĩa của chú. Văn đầu: Vì tên vua khác lạ nên dứt ác sinh thiện. Văn thứ hai: Liền dùng tương ưng cho là Sinh thiện. Tuy có nói trị tội, chính khiến thuận giáo. Văn thứ ba là mật trị tức Đối trị. Văn thứ tư có ba:

1) Nêu ý chú.

2) Dẫn sự giải thích thành.

3) "Chú cũng như vậy...": nêu lập lại kết trước, đầy đủ bốn pháp thành Đệ nhất nghĩa. Do mật đầy đủ bốn làm Xứng lý. Đầu tiên bệnh lành là Thế giới, tội trừ là Đối trị, sinh thiện là Vị nhân, đạo hợp là Đệ nhất nghĩa. "Ba đời ác...": ý đương lai có thể biết. Cho nên biết đây giải thích và Sinh Công giải thích hoàn toàn khác. Chú gia nói, nghĩa giúp đỡ tức chưa tổn đại nghi thức, quyết không bằng nghĩa hộ trì.

GIẢI THÍCH PHẨM TRANG NGHIÊM VƯƠNG

"Nhân duyên rút ra từ các kinh" đây chưa kiểm chứng. Văn đây cũng có tứ Tất-đàn. Đầu tiên là nghĩa Thế giới. "Lại, Trang Nghiêm...": là Vị nhân. "Vua đây...": là trị các căn ác tức Đối trị. "Sinh tuy...": tức Đệ nhất nghĩa. Đầu: Quỹ âm, "quỹ" là mặt trời mặt trăng vận hạnh. "Khắc" là lậu khắc là tiếng nôn ọe. Là tướng trạng không tiến được. Ý nói một hạt cơm không tiến đường dài bị ngăn ngại nơi vạn dặm. Mười ngày là tuần chỉ chín bữa ăn, lại cản trở chí cao. Bạch hào chiếu phương Đông chiếu Diệu Âm.

1) Muốn chỉ bày sự ích lợi hoằng kinh để đệ tử gắng sức thọ pháp.

2) Chỉ bày kết hội nhập chẳng sai.

Cho nên kinh nói Tịnh Đức phu nhân, nay Phật trước phóng quang chiếu tướng Bồ-tát trang nghiêm là Diệu Âm. Thần chú hộ kinh lại từ sau nói, căn cứ trước cũng nên nói khổ hạnh. Thần chú hộ pháp hoằng kinh hiện thân thuyết pháp cả hai theo qui tắc Thầy trò, do đó nhờ chiếu đến phương Đông biết có công huân qua lại.

Muốn đến, nên trước nói "muốn thấy Dược Vương...": Hoa Đức lại được Diệu Âm dẫn dắt và vì cõi này làm chúng phát khởi. Dược Vương chính làm chủ tổng trì chung thành tựu giáo hóa của hai con, gồm làm kết hợp xưa nay khiến thời hội đều biết. Hiểu rõ nhân xưa không tin lầm hóa tích công sâu, biết quyền mưu không thể so sánh, ngưỡng vọng chủng xa khó mất. Nói duyên trước Tứ Thánh là duyên trước không đồng đắc Thánh trở về trước vì tiện phân năng sở mới chính cải tà. Lại lợi vật nhiều nguyên do, tà chánh khác lối đi, sở hóa đã thuần thục, năng hóa bỏ tà. Nay từ thị hiện tích và tùy sau nói cho nên khi thiết lập giáo hóa, một phàm ba Thánh. Nếu căn cứ lời Phật dạy thì vì muốn dẫn dắt Diệu Trang Nghiêm Vương và tất cả chúng sinh cho nên nói kinh Pháp Hoa này. Tám vạn bốn ngàn người trong cung đều kham trọ trì. Hai người con vua cùng bốn vạn hai ngàn người đều đến chỗ Phật, tức vua và năng hóa hết thảy đều quyền từ Bản mà nói cả bốn vị đều là đại Thánh, như Thắng Man thọ hóa có xứng qui tâm, nguyên vì người trong nước trước mê sau ngộ, phép tắc hóa đạo lý số như vậy. Nay từ Tích nói thọ hóa đắc ký; bốn Thánh danh sinh, sinh tuy chưa thâu hoạch, tuy thiếu sinh mà biết hóa thời chẳng còn lâu đến. Vì vậy cho nên dự biết rõ điềm lành nhập đạo ví như Không sinh... vì Không cho nên đức hiệu vô tránh dự báo trước. Các kinh khác chỉ đây là mười Ba-la-mật, chưa từng có kinh thâu sáu độ bốn hoằng, chỉ vì làm mười độ đó thôi. Cũng

không là mục đích chính đối. “Trong Đạo phẩm tiết tiết có Tam-muội”, tức là: Trong bảy khoa chỉ Niệm xứ thuộc Tuệ, Chánh cần thuộc Tiến, còn lại năm khoa trong đều có định danh. Lại riêng nêu danh là nên biết tùy dụng lập danh, lý kia không khác. “Trước thưa mẹ rằng”: Cha tà mẹ chánh, cho nên trước thưa mẹ, cùng thiết lập phương pháp hóa độ. Nếu căn cứ Bản kia thì mẹ con vốn biết. Nay căn cứ hóa nghi, cơ thuần thục ứng phát, như có va chạm nhau vật khí mới thành, vì vậy cho nên nói “bạch (thưa)”. Nếu dựa vào tình thế gian thì lòng từ của mẹ, nên trước thưa mẹ, vốn từ lợi tha lại ở trước vua cha đã tin trong cung lại thuần thục; vua cha một người đâu đủ để hóa chỉ duyên nội cung chưa thuần thục do đó vua cũng đợi thời. Năng hóa hai lớp từ xa soi xét căn cơ lý, suy tìm công hóa chủ kết hợp xưa nay. Kinh nói ví như rùa chột mắt, căn cứ sự chỉ là dụ như khó gặp thôi! Nếu nói theo nghĩa sở thừa thì phàm mắt rùa cá cả hai đều hướng nhìn. Đã nói chột mắt thì thấy chẳng chánh, tại biển sinh tử mà lại tà kiến, đâu có thể gặp Phật pháp, ví như lỗ hổng Thật đế trong bộng cây nổi. “Thiện tri thức”: Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói kinh Hoa Nghiêm cũng nói: Như cha mẹ đạo sư thầy thuốc. Nghe phẩm lợi ích nói “pháp nhãn tịnh”: Có người nói: Sơ quả, đâu phải vua phu nhân và cùng tám vạn, đều trì kinh này đều sẽ thành Phật, mà người nghe phẩm đắc tiểu quả ư! Danh đồng nghĩa khác phải khéo châm chước, như trước đã nói. Chú thích cũng nói: Sở kiến thanh tịnh, không nói địa vị Tiểu thừa sơ quả đó vậy.

GIẢI THÍCH PHẨM PHỔ HIỀN

Tam Tất-đàn: Đầu tiên nói nghĩa Thế giới. “Bi Hoa...”: là Vị nhân. “Ta hành...”: là Đối trị. Hoặc từ hơn các người khác đặt tên chính là “Hiền”, đối tất cả gọi là “Phổ Hiền”. Nói “Tức tam tất...”: giải thích: Đã do dịch danh phát nguyện nghĩa sẽ làm tam Tất cho nên nói lại là và vì lại là hạnh nguyện, cũng nhận lấy tam Tất đều là hạnh nguyện, tức là dùng tam Tất để phán xét hạnh nguyện, chưa lập Đệ nhất nghĩa. Do giải thích “Hiền” nên nhượng Thánh mới gọi là Đệ nhất nghĩa. Cho nên Bi Hoa nói nguyện gồm cả hạnh. Ta hành mà gồm cả nguyện. “Do trước đến nay...”: là tiếp căn giáo, chia làm bốn:

1) Người xưa giải thích phán xét thuộc Tam tạng. Do trước đến nay theo, nghĩa là từ trước đến nay đều giải thích như đây. Do Phổ Hiền danh thông nghĩa biệt, cũng nên nói thông nơi thông biệt, văn không có là lược. Cho nên biết Tam giáo giải thích Phổ Hiền đều lầm.

2) Tiếp, “Nay nêu...”: tức theo Viên giải thích.

3) “Nếu Thập tín...”: lại đối vị trước so sánh phá Thông Biệt.

4) “Nay luận...”: lập lại giải thích.

Hỏi: kinh Hoa Nghiêm nói: Phổ Hiền Bồ-tát dựa vào Như Như, không dựa vào cõi Phật. Nay vì sao nói từ phương Đông đến?

Đáp: Đây căn cứ ứng tích mà theo, kia nêu sở chứng tự thể. Đã nói Đẳng giác còn có một phần báo độ thân tồn tại, Kinh từ cực lý Sơ trụ tức chứng một phần Như như Chánh là đương Viên giáo, do đó phục thông, đoạn thiên phục đoạn đến tột cùng mới gọi là Phổ Hiền. Phục là thông tại sơ, cho nên gọi là “mới phục”. Hiền ấy không phải đều khắp nên không phải tột đỉnh, không phải khắp. “Cho nên lân cận sơ...” căn cứ vị Sơ trụ, bắt đầu Thập trụ cho nên không phải tột đỉnh cuối cùng. Thập địa chỉ đoạn tận bốn mươi phẩm, không phải đoạn phục đến tột cùng, biết chẳng phải nghĩa Phổ Hiền. Bốn căn cứ vị chánh là phán xét.

Tiếp, dẫn Thích luận để chứng minh nghĩa Viên cực; luận dẫn văn Đại kinh, đầy đủ tứ Tất-đàn. “Vân vân” là: Không dự định liệt kê; tức bốn văn kia. “Tùy đi...”: đi động chỉ là tiêu biểu đi lại. “Tùy”: Chẳng phải trước có tích chứa mà sau mưa, chẳng phải trước cất giữ mà sau tâu trình cho nên dùng long vũ (rồng phun nước) dụ. Đây là tâm lực pháp lực, chúng sinh lực, ứng hóa lực dẫn đến bất tư nghì lực. Lược dùng hai lực: Oai đức thần thông trước đã nêu đủ tự tại... bốn thứ để tiêu biểu bốn đức, nay lược không có tự tại và dùng nghĩa danh tiếng vang khắp; chỉ hai mà gồm hai. Kinh văn đã nói “cùng vô số...”: đều hiện hai lực. Phải

biết sở tùy đều là Pháp thân, chủ bạn đều đủ bốn đức cho nên nói là “đều”. Văn đây vì rằng tại cuối Lưu thông cho nến nói “nguyện nghe”, tức cả thỉnh Chánh tông và Lưu thông. Riêng nêu bốn câu, trong văn có hai giải thích: Chánh tông, Lưu thông.

Đầu, lại có hai: Tức Bản tích. Tích lại có hai:

l) Căn cứ khai Quyền hiển Thật.

2) Căn cứ Khai Thị Ngộ Nhập.

Câu đầu tiên, văn nói “pháp thân”. Câu hai, ba nói “Bát-nhã”. Câu thứ tư nói “giải thoát”. Hai đức trang nghiêm Pháp thân, vì vậy cho nên ba câu sau căn cứ câu đầu. Trong câu đầu, từ chữ “Viễn ác” trở xuống tám chữ tứ Tất-đàn. Tiếp, “Căn cứ khai...”: trong kinh điển bốn câu trở về hỗ tương là, do từ khai... thứ lớp. “Chỉ có ba, chỉ có bốn”: Bốn chỉ là bốn An lạc hạnh, ba chỉ là ba đức và tòa, áo, nhà ba thứ. Văn trước giải thích áo... ba thứ, đều thông hai câu đều có năng sở, nay từ một bên thì dùng Không tòa làm Bát-nhã, sở phú làm Pháp thân, năng phú làm Giải thoát. Trong đây chánh định hợp ở pháp thân đức, trước đối trong khai hiển tức hợp chánh định, nhập trong Bát-nhã, dùng một câu đây mà hai câu được danh. “Có người lạm dụng giải thích”: Giả như, có người không chịu giải thích đây là vì không chịu tự hành hóa tha, vì không chịu khai thị ngộ nhập, vì không chịu nhà, áo, tòa ba thứ, vì không chịu (hứa) phương pháp hoằng kinh. Nếu nói không phải, tức không chấp nhận chỉ vì không có văn. Nếu cho rằng kinh không có tức là không chịu, bèn cần nói lại. Nếu không như vậy thì làm sao nắm rõ Chánh tông kinh này, đến đây là lập lại thuyết đó chăng?

Đầu kinh tồn tại bốn câu Khai v.v... mà làm bốn giải thích, nay đến cuối kinh này lại chỉ bày Khai... tức trở lại giải thích, cho nên biết đầu cuối đều là thể tông dụng của kinh này. Vậy thì Tựa Chánh và Lưu thông đều là diệu pháp. Trong giáo nội pháp nói ba phen tức đọc, tụng, tư duy hai mươi mốt ngày. Có người đến đây cũng dẫn văn nói hành có năm pháp:

l) Ba lần bảy ngày thấy (ba tuần).

2) Bảy lần bảy ngày thấy.

3) Một đời thấy.

4) Hai đời thấy.

5) Ba đời thấy.

Lại nói: Ứng có sáu pháp:

1) Nghiêm đạo tràng.

2) Tịnh thân.

3) Sáu thời.

4) Khải thỉnh.

5) Đọc tụng.

6) Tư duy thậm thâm pháp Không. Tác quán như vậy thời năng diệt trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ trọng tội. Nếu vậy thì vì sao giải thích một kinh, đều không khởi tâm địa gieo vào tưởng, đến đây mới dẫn Kinh Phổ Hiền Quán. Huống chi nay tự nói đọc tụng viết chép. Muốn tu tập kinh Pháp Hoa này ở trong ba tuần nhất tâm tinh tấn thì ta sẽ cởi voi đến trước mặt người ấy. Cho nên biết nếu tu hành hoặc giải thuyết xin nương Sư này mới có đến. Do đó chẳng có Huyền Văn thì không thể dẫn dắt, chẳng phải Chỉ Quán thì không thể thông đạt, chẳng phải sớ đây không dùng trì, chẳng phải một không dùng tiến. Nếu không vậy thì dụng giáo ấy làm gì, dụng giảng làm gì? Cho nên ở Đông Kinh chùa An Quốc, Ni Tuệ Nhẫn an trí ở Đạo tràng Pháp Hoa, nay thiên hạ bắt chước nhưng mê bản kia, không biết Ni đây dựa vào bằng chứng hiện hữu nào mà tự thân cảm Phổ Hiền. Nhưng tuy có an trí nơi đạo tràng nhưng phần nhiều làm thầy cho tâm mình, huống chi nay người giảng mà muốn xem nhẹ! Lược giáo đây, bởi do không biết ý chỉ của giáo. Chợt cùng Giang Hoài hơn bốn mươi vị Tăng đến lễ Đài sơn, nhân thấy Bất Không Tam tạng môn nhân Hàm quang bèn phụng sắc chỉ ở núi tu tạo, nói cùng Bất Không Tam tạng đích thân du hành tới Thiên Trúc.

Ở kia có Tăng hỏi: Đại Đường có Thiên Thai giáo tích rất có khả năng phân biệt tà chánh hiểu rõ thiên viên, có khả năng dịch đem đến cõi này chăng? Đâu chẳng phải Trung Quốc mất pháp này mà tìm cầu bốn phương! Chẳng qua phương đây ít có người hiểu biết như người nước Lỗ thôi! Cho nên người có đức dày hướng đạo thì chẳng nên không ngưỡng mộ, kính nguyện học giả hành giả tùy sức xưng tán. Nên biết tự hành và lợi tha đều khác kinh sách khác, hoặc nói hoặc nghe cảnh trí tồn tại chăng, hoặc ngầm hoặc hiển chủng (thuần) thục có thể hy vọng, đều do người hoằng kinh, có phương pháp. Nếu trực tiếp giảng thuyết như vậy thì người hoằng kinh đâu cần khuyên răn áo, tòa, nhà ba thứ. Như Lai di giáo sao có thể coi thường như vậy ư?

Tôi xét mình tài hèn sức mọn, Kiến giải suy tìm tự cảm hổ thẹn rất nhiều vội vàng vận dụng các duyên, gắng dùng sớ giải, mặc dù có lập, phá cũng chỉ vì làm cây Viên thừa, khiến cùng người đồng chí hướng khai Phật tri kiến, quyết không thiên vị, bè phái mà chỉ muốn thuận tâm nguyện cứu giúp. Mong các vị minh giám, thấu cho lòng thành ngu muội của con :

Một câu nhiễm tâm thần
Đều giúp đến bờ kia
Tư duy hằng tu tập
Thường dùng làm thuyền bè.
Tùy hỷ thấy và nghe
Thường làm chủ với bạn
Hoặc lấy hay là bỏ
Nghe qua thấy thành duyên.
Hoặc thuận cùng với nghịch
Trọn nhân đây được thoát
Nguyện ngày tôi giải thoát
Y báo và chánh báo
Thường tuyên Kinh mầu này,
Một cõi đến một trần
Đều là vì lợi vật.
Cúi mong nhờ chư Phật
Thầm hộ trì cho con
Tất cả hàng Bồ-tát
Mật giúp sức uy linh
Nơi nơi chưa nói pháp
Đều vì chúng khuyến thỉnh.
Phàm nơi có nói pháp
Thân thừa sự cúng dường
Một câu cùng một kệ
Tăng tiến đạo Bồ-đề
Một sắc và một hương
Trọn không hề thoái chuyển.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 120

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

SỐ 1720
(QUYỂN 1 →10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1720

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN
(NÓI VỀ NGHĨA SÂU KÍN CỦA KINH)

Cát Tạng đời Hồ soạn

QUYỂN 1

Huyền nghĩa nghĩa sâu kín có sáu lớp:

1) Phương pháp mở rộng ý kinh.
2) Đại ý.
3) Giải thích danh từ.
4) Lập tông.
5) Giải thích nghi ngờ.
6) Giải thích nghĩa theo văn.

I. Nói về phương pháp mở rộng ý kinh: có bảy ý

Đầu tiên giải thích nghĩa Pháp sư: Luận chép: phẩm Pháp sư nói sau khi ta diệt độ người muốn nói kinh này phải an trụ ba việc: là vào nhà Như lai, mặc y Như lai, ngồi tòa Như lai. Nhà Như Lai là tâm từ bi, y Như lai là tâm nhu hoà nhẫn nhục, tòa Như lai là các pháp Không. Từ bi là nhà Như lai dụ cho công năng che chở, nhu hòa là y Như lai dụ cho công dụng ngăn che dụ, lý Không có thể dùng an tâm gọi là tòa, nhưng ba môn này là theo thư lớp, đại bi là nhổ gốc khổ, đại từ là ban vui. Bởi vì bản ý là mở rộng đạo giác ngộ, muốn nói pháp mầu nhiệm thì trước phải kiến lập tâm mình, vì vậy cho nên thứ nhất là nói vào nhà Như lai. Đã đối với đời ác muốn mở rộng đạo tốt đẹp thì phải chịu đựng nhiều trở ngại, cho nên thứ hai là nói mặc y Như lai. Tuy bên ngoài có từ bi che chở bên trong nhu hoà nhẫn nhục an mà nếu không có quán Không rỗng không, nói hai hạnh không thành, do đâu mà chúng sinh ngộ được,

vì vậy cho nên thứ ba là nói ngồi tòa Như lai. Trong đủ hạnh nầy ngoài siêng năng nói pháp thì đạo pháp hưng thạnh, lợi ích cho mọi người, cho nên khiến an trụ vào ba việc để mở rộng ý kinh Pháp Hoa.

Kế là tóm lược ba môn này thành hai nghĩa: Từ nhẫn là phước đức, quán Không là trí tuệ, phước tuệ bao gồm tu tập, mở rộng được đạo lớn gọi là Phước tuệ Pháp sư. Do đó kinh dạy đủ hai thứ trang nghiêm có khả năng hỏi đáp. Nói Pháp sư đầy đủ hỏi đáp là người mở rộng đạo thì phải giảng kinh nói luận, trong kinh luận có hỏi đáp, khéo trình bày việc khó làm của Bồ-tát là năng hỏi đáp, khéo nói lên sự thông suốt về Như lai là năng đáp, khéo trình bày sự vận hỏi của người ngoài là năng hỏi, khéo nói lên sự thông suốt về luận chủ là năng đáp, phú dẹp chín mươi sáu thứ ngoại đạo là năng hỏi, khéo nói lên chánh pháp của Chư Phật Như lai là năng đáp. Lại phá bỏ Ba thừa dị chấp của Ba thừa là năng hỏi, khéo nói lên pháp Nhất thừa đồng qui là năng đáp. Năng hỏi, năng đáp Phật giáo được truyền bá gọi là Đại Pháp sư. Lại Từ nhẫn là hạnh, trí tuệ Không là giải, đầy đủ giải hạnh nói pháp lợi người gọi là Giải hạnh Pháp sư. Tự có hạnh mà không có giải, có giải mà không có hạnh, không giải không hạnh, có giải có hạnh, ba câu là đệ tử một câu sau mới là Pháp sư. Lại kinh cho là Bồ-tát, dứt cả già bệnh chết, như thắng được kẻ thù mới có thể gọi là dũng, đầy đủ Từ nhẫn mới có thể lợi tha, tâm tu quán Không gọi là tự hành, đều dụng đức cứu giúp gọi là hùng dũng Pháp sư. Lại do Từ nhẫn nên không chấp Niết-bàn, do quán Không nên không đắm sinh tử, do không bị ô nhiễm nên gọi là vô trước Pháp sư. Lại do Từ nhẫn nên siêu vượt địa vị Nhị thừa, nhờ quán Không nên siêu vượt cảnh phàm phu, chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh Hiền Thánh gọi là Đạo hạnh Pháp sư.

Lại kinh dạy: Bồ-tát trụ trong hai đế vì chúng sinh nên nói pháp, vì người chấp có nên nói không, vì người chấp không nên nói có, do từ bi nên an trụ trong thế đế, đầy đủ quán Không nên an trụ trong bậc nhất nghĩa đế, nương hai đế nói pháp nên nói bất hư nghĩa là Thành đế Pháp sư. Lại như luận chép: Hiểu rõ bốn Tất-đàn, khéo biết ý Phật, không trái với mười hai bộ kinh, tán muôn pháp tạng, do từ nhẫn nên nương ba Tất-đàn, đầy đủ quán Không nên biết bậc nhất nghĩa, nhập vào Phật pháp, không chấp trước không trái nhau gọi là Vô tránh Pháp sư. Lại tức văn kinh này lại thấy Phật tử định tuệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ giảng pháp cho đại chúng nghe, do từ nhẫn nên gọi là Thiền định, đầy đủ quán Không nên gọi là Trí tuệ. Định tuệ tròn đầy gọi là Cụ túc Pháp sư. Lại như kinh nói an trụ hai pháp thì ma không thể phá hoại, biết các pháp

không cho đến không bỏ chúng sinh gọi là Nan hoại Pháp sư. Lại như luận chép: do quán Không nên gọi là Bồ-tát, đủ đại bi nên gọi là Đại, nghĩa là Đại Pháp Bồ-tát sư. Do có các lợi ích như thế nên an trụ trong ba hạnh mà mở rộng ý kinh Pháp Hoa.

Kế là hai môn này viên thành một ý chỉ, tuy thực hành Từ nhẫn mà thường rốt ráo Không, tuy rốt ráo Không mà thường thực hành Từ nhẫn, Từ nhẫn chẳng chướng ngại tốt ráo Không, rốt ráo Không chẳng chướng ngại Từ nhẫn. Từ nhẫn chính là rốt ráo không, rốt ráo không chính là từ nhẫn Cho nên, Địa kinh chép: Tu hành cả Bi và Tuệ chính là việc đó, quán nầy thành tựu, không và hữu vô ngại, Không và hữu vô ngại, gọi là vô ngại quán. Đắc vô ngại quán có vô ngại thông và vô ngại biện, do quán vô ngại nên tâm vô ngại, đắc vô ngại thông nên thân vô ngại, đắc vô ngại biện nên khẩu vô ngại. Do ba nghiệp vô ngại nên được sáu căn thanh tịnh, đầy đủ sáu ngàn công đức, gọi là Căn tịnh Pháp sư. Nếu chỉ tu mười điều thiện thì làm sao có dụng này cho được, cho nên dùng ba việc tu tâm, sáu căn vô ngại.

Kế đến diệt một câu để trở về vô câu, Từ nhẫn là không hữu, quán Không là hữu không, không hữu cho nên bất hữu, hữu không cho nên bất không, chẳng không chẳng có gọi là Trung đạo, do đó luận nói xa lìa hai bên gọi là Trung đạo là Trung đạo Pháp sư. Lại trước nói hai câu là hai đế quán, sau nói vô câu gọi là Trung đạo quán. Tuy hai đế mà thường Trung đạo, tuy Trung đạo mà thường hai đế. hai đế chẳng ngại Trung đạo, Trung đạo chẳng ngại hai đế, vì vậy cho nên luận chép pháp do nhân duyên sinh ta nói là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là Trung đạo, chính là việc ấy. Ba quán này gọi là chư Tam-muội vương, bên trong đủ ba quán, bên ngoài nói pháp gọi là nói pháp trung vương, nghĩa là Chư vương Pháp sư. Lại hai đế là nhị, Trung đạo là không hai. Kinh nói không chấp pháp không hai vì không có nhất nhị: Gom lại như vậy thì không giữ lại mảy may, giãn ra thì đầy khắp pháp giới, tuy bung ra mà chẳng có, tuy gom lại mà chẳng không, trông lên ở trước thì quên ở sau, ngưỡng vọng càng cao buộc càng thêm chặt, hoặc huyễn hoặc hóa như hốt như hoảng, muốn thấy ý nầy thì nên tìm trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm chép: Vô lượng kiếp là một niệm, một niệm là vô lượng kiếp, không đến không chứa nhóm mà hiện sự việc trong các kiếp, tất cả lập bày đều là loại này: gọi là Vô ngại Pháp sư.

Hỏi: vì sao chỉ nêu ba ví dụ để khuyên mở rộng ý kinh?

Đáp: Người nói pháp phải có ba việc:

1. Vào giảng đường.

2. Mặc pháp phục.

3. Lên tòa cao.

Ngoại hình đã vậy nội tâm cũng vậy. Nếu không có từ bi thì không vào giảng đường, không tu nhu hoà nhẫn nhục, thì không mặc pháp phục, tâm nếu chấp có thì không lên tòa cao, nếu thiếu ba đức này rhì làm sao mở rộng ý kinh được.

Hỏi: Vì sao ba việc này đều gọi là Như lai?

Đáp: vì vào nhà chỉ có che chở được mình, còn nhà Phật thì muốn che chở khắp người khác, thế nên từ bi gọi là nhà Như lai. Đã muốn hóa độ khắp chúng sinh thì phải chịu đựng tất cả sự ô nhục, dùng đây trang nghiêm mình thì không có điều xấu nào không được che lấp, vì vậy hoà nhẫn gọi là y Như lai. Lý Không thông suốt thì dẫn dắt các cõi, ngồi đây mà mở rộng thì chẳng duyên nào không trùm khắp, cho nên dùng giải Không này làm tòa Như lai.

Kế là y cứ phẩm An lạc hạnh nói về phương pháp mở rộng ý kinh. Kinh dạy: Đại Bồ-tát an trụ bốn pháp, thì có khả năng nói kinh Pháp Hoa cho người đời sau nghe, bốn hạnh khác nhau sau sẽ nói rộng:

1. Hành trí tuệ.

2. Hạnh ly kiêu mạn.

3. Hạnh vô ganh ghét.

4. Hạnh từ bi.

An trụ bốn hạnh nầy thì thân tâm vui sướng nên gọi là hạnh an vui. Hạnh trí tuệ: là đầy đủ hai tuệ, quán tất cả pháp không như thật tướng, cũng không hành, không phân biệt gọi là tuệ thật. Mà biết các pháp từ nhân duyên sinh gọi là Phương Tiện tuệ. Hai Tuệ này là sự diệu ngộ của Bồ-tát là phương pháp rõ ràng làm lợi ích cho trời, người. Muốn tự thực hành, hóa tha thì phải chánh giải cho nên trước nói hai tuệ, tuy có trí tuệ sợ ỷ lại vào kiến giải, lấn hiếp chúng sinh, khen mình chê người nên phải xa lìa. Vì vậy, thứ hai là nói hành không kiêu mạn. Tuy không đề cao mình lấn hiếp người mà còn sợ ganh ghét người hơn mình đó chính là họa lớn của sự mở rộng ý kinh làm tổn thương bản hoài của Đại sĩ, vì vậy nên thứ ba là nói về hạnh lìa ganh ghét. Ban đầu có đủ hai tuệ là nói về giải, kế là không có hai lỗi là hạnh đề cao, hạnh giải trong thành tựu nên từ bi gia bị bên ngoài. Vì vậy thứ tư là nói về hạnh từ bi. Đủ bốn hạnh này thì đức đều lập vững, sự hóa độ đều hưng thịnh, muốn mở mang đại đạo thì phải tu tập đầy đủ.

Hỏi:Trước nói ba đức sau nói bốn hạnh, đời mạt pháp chúng sinh độn căn làm sao có thể tu tập?

Đáp: Từ lúc mới phát tâm thì phải học dần dần, nếu trái hạnh này thì chẳng phải Pháp sư.

Kế là nói nghĩa lỗi lầm: Hỏi: nói pháp có sở đắc thì có lỗi gì?

Đáp: Kinh này nói pháp ấy không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng, nếu có pháp để nói thì chính là nói phi pháp chẳng phải nói pháp, cũng là pháp không thể nghe, nếu có điều được nghe chính là nghe phi pháp chẳng phải nghe pháp.

Hỏi: Pháp không thể nói vì sao khuyên nói pháp Pháp Hoa?

Đáp: Pháp không thể nói mà nói đối với pháp không thể nói chính là vì không có danh tướng, trong đó mượn danh tướng mà nói, muốn nhân mượn nói để ngộ pháp không thể nói ! Cho nên kinh Tịnh danh nói: "Người nói pháp kia không nói, không chỉ bày, người nghe pháp kia không nghe, không đắc, phải kiến lập tâm này trước rồi sau mới nói pháp."

Luận Chánh Quán nói: "Lìa Không muốn hỏi, thì hỏi không thành hỏi, lìa Không muốn đáp, thì đáp không thành đáp, có điều gì hỏi đáp thì phải nương Không, huống chi cầu lìa tướng khổ vắng lặng: Luận nói nương Không tức là kinh này, là Pháp không thể chỉ bày, đây là kinh luận nói về phép tắc có thể nương. Lại trong kinh Phật tạng nói rộng về lỗi kia, nay lược nêu một văn dùng làm gương soi. Kia nói: Nếu dùng đao luân hại chúng sinh cõi Diêm phù đề lỗi ấy còn nhỏ, nếu tự cho mình có sở đắc nói kinh Đại thừa thì tội ấy rất lớn.

Hỏi: Người có sở đắc nói pháp gì mà có tội nầy?

Đáp: giết người ở cõi Diêm-phù-đề có hai nghĩa: là chỉ giết nhục thân. Và sự hại còn ít. Nếu có sở đắc mà nói pháp: Thì hại pháp thân Chư Phật. Và hủy khắp chánh giáo. Vì vậy mà nhục thân sinh tử dùng ái trước làm gốc. Pháp thân Chư Phật từ vô trụ mà sinh nên sát sinh tội nhẹ, tự cho mình có sở đắc là tội nặng.

Hỏi: Kinh Phật Tạng nói là lời một phương diện đâu được dùng khắp?

Đáp: Chẳng phải ý một kinh mà các giáo đều như vậy. Như kinh Niết-bàn nói: người có sở đắc là quyến thuộc của ma.

Nói về ma: Muốn diệt Phật pháp, có sở đắc nói Phật pháp nên gọi là ma. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: "Sau khi ta diệt độ các Tỳ-kheo tội ác v.v... nghĩa như văn nói quyết định chấp phá diệt pháp của ta người ấy gọi là kẻ thù của Chư Phật ba đời." Lại luận Niết-bàn Biện Tránh chép: Nếu người trong tâm sinh nghi còn phá hoại được vô lượng phiền não, nếu quyết định hiểu gọi là chấp trước. Vì chấp trước

như vậy nên cắt đứt gốc lành, người mở rộng Phật pháp nên dùng tâm rỗng rang kia, để soi chiếu chân thật.

Nói về nghĩa mở rộng ý kinh khó: Hỏi: Hiện thấy người thọ trì, đọc tụng, giảng nói viết chép đầy khắp thế gian là sao? Phẩm Hiện Tháp báu nói: Nếu có người tay cầm hư không mà dạo chơi khắp nơi cũng không đáng gọi là khó," chỉ tạm thời đọc kinh này mới gọi là khó phải không?

Đáp: Kinh này là đầu tiên bỏ ba, lúc mới về một, người nước ngoài phần nhiều tu học theo Tiểu thừa chấp Tiểu thừa đã thành, khó có thể thay đổi cho nên người có thể tin rất khó.

Hỏi: Vì sao biết người nước ngoài phần nhiều tu học Tiểu thừa?

Đáp: Luận giải thích rằng: "Sau khi Phật diệt độ có năm trăm bộ (phái) nghe nói pháp Đại thừa rốt ráo Không như dao đâm vào tim." Cho nên, biết rằng họ đều tu học theo Tiểu thừa. Lại truyện ngài Long Thọ nói: "Đọc Tiểu thừa rồi, khắp tìm Đại thừa, không được gặp Sa-môn, dưới sườn núi mới được nghe." Lại Luận chủ trách rằng: các đệ tử của Ca-chiên-diên không học tụng kinh Đại thừa nghe pháp Đại thừa tâm không tin nhận, lại như Đàm-vô-sấm ba lần đến nước ngoài tìm kinh Niết-bàn còn không được đầy đủ, lại Chu Sĩ Hành muốn đem Đại Phẩm đến đất Hán, những người tu học Tiểu thừa đều không bằng lòng nghe theo, tuy nhiên về sau xin đốt kinh lập thệ mới được đến. Lại như Dụ nghi luận Duệ Pháp sư nói: của ba mươi sáu nước ở Thiên-trục đều học Tiểu thừa không tin Phương Đẳng, cho nên biết phần nhiều học Tiểu thừa, ít người tin Đại thừa.

Hỏi: người Thiên-trục phần nhiều tu học theo Tiểu thừa còn người nước Trung quốc đều tin Phương Đẳng (Đại thừa), vì sao có lời hỏi ấy!

Đáp: Đại Phẩm nói Bát-nhã nầy từ phương Nam chuyển đến phương Bắc, trong đó bốn chúng đang thực hành. Ngài Tăng Triệu nói đó là vận số của phương Bắc; Chấn Đán (Trung quốc) tức ở phía Bắc Thiên trục. Chỉ là thế giới xa rộng một phương chưa có lòng tin gọi là nhiều. Lại suy nghĩ cho cùng mà nói: suốt ngày giảng nói trọn ngày chẳng tin, làm sao biết! Linh phần từ đất vọt hiện, phân thân đầy khắp, chia làm hai thân, mà người giảng chỉ nói người chứng Pháp Hoa, không biết khai tích hiển bản, làm sao tin được? Lại phân thân rõ ràng kia không thật, tuổi thọ nhất định chẳng thể tính số, A-dật-đa không thấy lúc mới của kia, Bổ xứ chẳng phải gần kế cuối cùng kia mà còn cho rằng vô thường, liền đồng hàng tro tận. Đáng gọi là cùng tử trở lại chạy vào nhà. Một mình già yếu nhắm mắt đối với đạo tối thượng thì ai chịu tin ư!

Lại phẩm Pháp sư chép: Khiến lên ghế vắng lặng nói giáo vô ngôn, tuy là phá ba tâm không nhiễm một, mà ngăn lời uổng phí, theo danh mà có tướng, tuy xả ba tâm mà lại dính mắc một làm sao tin được?

Hỏi: Tâm vô sở đắc chính là nghĩa thiên không, kinh Đại thừa quở trách rằng các thầy chớ cho rằng Như lai chỉ tu bản tánh vắng lặng của các pháp. Cho nên, biết không ấy là không. Bởi người Nhị thừa thấy. Lại Đại Phẩm, Tam luận có thể nói về không, Pháp Hoa bỏ quyền bày thật Niết-bàn nói Phật tánh thường trụ làm sao hiểu được không, e rằng nông dân dùng sữa chữa ngọng!

Đáp: Pháp Hoa đủ bỏ ba khuôn phép lấy Không làm tòa cao, nói rộng bốn phép tắc lấy Không làm an vui, con không tin ngay nơi sự mà kiểm nghiệm. Lại Đại kinh nói Phật tánh là không bậc nhất nghĩa, Phật tánh là căn bản của Chư Phật ba đời, lại nói thành Ca-tỳ-la Không, Đại bát Niết-bàn không, đại Niết-bàn là cực quả của Chư Phật.

Kinh Hoa Nghiêm chép: "Như lai hiểu rõ các pháp như huyễn, như hư không, Bồ-tát như vầng trăng mát mẻ đạo chơi nơi rốt ráo Không, đây là nói sở ngộ của Phật, Bồ-tát đều không. Lại nói tâm dạo khắp pháp giới như hư không, người ấy biết chỗ thực Hành của Phật, đây là nói do liễu không nên nhập cảnh giới Phật, đây là nói theo nghĩa so sánh của Phương Đẳng đạt đến sự giác ngộ mầu nhiệm của con người.

Con không thọ, cho nên biết người tin sâu rất ít, nay người nói không mà chẳng thấy không, và bất không, năm câu như vậy đều vô sở đắc không biết gọi như thế nào, nên gượng gọi là không? Đại kinh quở trách là quở trách Nhị thừa đoạn kiến. Thích luận bác bỏ ngoại đạo tà không, có thể nói màu của sữa tuy đồng nhưng ngon hay độc có khác, con chưa phân biệt, không nên lẫn lộn nhau. Lại ở đây nói về nghĩa vô sở đắc: Nếu có cái không để được thì ấy là có sở đắc, vì sao gọi là vô đắc cho đến có vô đắc để đắc vẫn là hữu đắc, sao gọi vô đắc? Lại ở đây cho rằng vô sở đắc cho nên không chỗ nào là không đắc. Bất động đẳng giác kiến lập các pháp, nói đây là không. Nếu dùng sự giải thích không của phàm phu cùng với có, cũng có cũng không, phi có phi không đều là lý luận, không nên dùng đây; để giảng kinh nghĩa Nhất thừa của Phật sau sẽ nói rộng. Lại Đức Phật nói giáo khiến tâm đồng giáo không khiến giáo đồng tâm, tâm dùng có tướng làm căn, giáo dùng vô đắc làm chủ. Nếu tâm đồng giáo giáo đã vô đắc tức tâm vô sở đắc mới gọi là nói giáo. Nếu giáo đồng tâm, tâm đã có tướng tức là giáo thành trụ trước, chỉ là mê tâm điên đảo, không thể mở rộng giáo pháp. Cho nên, Đức Phật trách Ca-chiên-diên rằng không dùng tâm hành sinh diệt nói pháp

thật tướng. Nếu dùng tâm sinh diệt nói pháp thật tướng thì thật tướng thành sinh diệt, nếu tâm thật tướng nói sinh diệt thì sinh diệt thành thật tướng. Cho nên, nghe nói sinh diệt đều nhập môn thật tướng, chỉ vì người mở rộng ý kinh thường dùng giáo đồng tâm không thể khiến tâm đồng giáo nên người tin theo rất khó, đây đâu phải luống dối ư!

Lại người mở rộng ý kinh thường gạp nạn, vui sinh thoái tâm cho nên người tin khó đắc.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Đã mở mang chánh đạo thì tổn hoại phi đạo cho nên nguyên tắc của phi đạo như uống thuốc hay thì động các bệnh cho nên bệnh đến phải tu sửa thân sau đó mới được mau lành, vì thường như vậy.

Hỏi: Do năng lực nào mà khiến các nạn đẩy lùi?

Đáp: Đại Phẩm nói do thần lực của Chư Phật nay nói lý mà nói lại là năng lực của kinh, do năng lực mở rộng đạo có khả năng trừ phi đạo nên gọi là năng lực kinh.

Hỏi: con tuy dẫn rộng các kinh thành thật như đã nói, nhung Pháp Hoa chính là nói gom ba về một hiển thật bỏ quyền, vì sao lại nói về nghĩa không?

Đáp: luận Thập Nhị Môn chép: Ma-ha-diễn (Đại thừa) là pháp tạng sâu xa của Chư Phật mười phương ba đời, vì người có công đức lớn lợi căn mà nói Ma-ha-diễn gọi là Đại thừa.

Đại thừa gồm có sáu nghĩa:

1. Vượt hơn Nhị thừa nên gọi là Đại thừa.

2. Đó là thừa vững chắc của Chư Phật đại nhân nên gọi là Đại.

3. Nói nương tựa của Các đại sĩ như Quán Thế Âm, Di-lặc,v.v... nên gọi là Đại.

4. Là chỗ nương của Chư Phật lớn nhất năng đến gọi là Đại.

5. Có khả năng dứt khổ lớn cho chúng sinh đem lại lợi ích lớn nên gọi là Đại.

6. Năng thông suốt nguồn gốc các pháp nên gọi là Đại. Đại phần nghĩa sâu xa cái gọi là Không, nếu thông đạt không này thì thông đạt Đại thừa, đầy đủ sáu Ba-la-mật không bị chướng ngại. Luận nói Đại thừa là pháp tạng sâu xa của Chư Phật mười phương ba đời, Không còn là sự sâu xa mầu nhiệm trong pháp tạng, cho nên biết không ấy là sâu xa tột cùng trong pháp tạng, cho nên biết không ấy là tột cùng sâu xa trong sự sâu xa, cực đại trong đại, đó là chia Pháp Hoa thanh ba nguyên tắc lấy Không làm tòa cao, nói rộng bốnhạnh lấy không làm an vui, đâu chẳng phải rõ ràng Bồ-đề-tát-đỏa dạy khuôn pháp mầu nhiệm cho đạo

tràng ư!

Hỏi vặn rằng: gom ba về một chính là hội các hành trong hữu để qui nhất Phật thừa, vì sao nói không ư! Lẽ nào chẳng phải chỉ Nam làm Bắc để hiểu học trò mê, luận tuy có nói thành thật còn chưa xét kỹ ý, thỉnh làm hội nhập thông khiến không chút đắm chấp ư!

Đáp: Nếu lãnh hội Huyền văn của ngài Long Thọ, đã hiểu ý chỉ mầu nhiệm của gom ba, con chưa ngộ nay sẽ lập lại rõ ràng. Xét về gom, ba về một vốn khiến cho Nhị thừa hướng về Phật đạo, quyết do xét rõ mà gọi là thật tướng vốn đối với ngôn từ dứt bỏ tư lự, không biết vì sao gượng gọi là không! Do chấp không tướng nên tâm không chỗ nương, tâm không chỗ nương nên năng động năng xuất đó gọi là Thừa. Nếu chẳng thấy tướng không thì tình có, tình có chỗ nương, chỗ nương thì gọi là có sở đắc, nếu có sở đắc bất động bất xuất, tuy là suốt đời giơ tay, trải qua nhiều kiếp cúi đầu cũng không đắc nghĩa Phật. Vì vậy nên qui nhất phải ngộ Không, đâu thể không cố gắng ư!

II. Kế là nói về duyên khởi phiên dịch:

Kinh này gồm có hai bản:

1. Kinh Chánh Pháp Hoa do ngài Trúc-đàm-ma-la-sát đời Tấn dịch ở Trường An. Hán dịch là Trúc pháp Hộ.

2. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đời Tấn ngài Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng thọ, vào ngày 23 tháng 4 năm niên hiệu Mở rộng Thỉ thứ năm đời Ngụy Tần, dịch ra Đại Phẩm tại ở Trường An vườn Tiên Diêu, về sau ở chùa Thảo Đường dịch kinh này ra hai mươi bảy phẩm. Hai bản kinh này có xưa nay thể chất rộng lược khác nhau mà đại ý thì đồng. Lại có kinh Đại bi hoa sen nói rộng về đức từ bi khác với hai kinh trên do ngài Đàm-vô-sấm dịch, trong đó lại có các kinh như Hoa Thủ, Hoa Nghiêm,v.v... chẳng phải một. Nhưng đời Tấn có trước sau ở Giang hữu gọi là Tây Tấn được năm mươi hai năm, kinh này còn ở nước ngoài, Từ khi Nguyên Vương qua Giang Tả gọi là Đông Tấn, đến đời Tấn An Đế Nghĩa Hy trong kinh này mới bắt đầu độ, nhưng đời Tống được sáu mươi năm, đời Tề được hai mươi ba năm, đời Lương được bốn mươi bốn năm, cộng chung hai trăm hai mươi chín năm. Từ đời Lương đến nay năm mươi năm, gần ba trăm năm.

Kế là nói duyên khởi giảng kinh: kinh Pháp Hoa có hai bản tân cựu người giảng cũng có hai vị. Danh Tăng truyện chép: Ban đầu giảng kinh là ngài Trúc Pháp Hộ, Trúc-pháp-hộ đã đích thân dịch kinh này, về lý phải giảng rộng, sau ngài Trúc-pháp-hộ giải thích dòng An Trúc-thái v.v... chỉ giảng bản cũ mà thôi, và ngài La-thập đến Trường An dịch

kinh Pháp Hoa bản tân dịch xong có ngài Đạo Dung giảng chia làm chín triệt, người thời ấy gọi là Cửu Triệt Pháp sư, văn Cửu Triệt nay chưa thấy, giảng Tân Pháp Hoa đầu tiên là ngài Đạo Dung. Từ ngài Đạo Dung về sau có Đàm Ảnh, Đạo Sinh lưu truyền trước thuật chẳng phải một. Kế là đời Tề có thanh tín Ưu-bà-tắc tên Lưu Cầu cùng mười vị danh tăng nương dựa như An, Lâm, Nhất, Viễn, La-thập Tăng Triệu,v.v... các sư lưu truyền biên soạn gọi là chú Pháp Hoa, cho đến đời Lương bắt đầu ba đại Pháp sư thạc học nổi tiếng đương thời, thường luận Đại Tập và giải thích các kinh, nhưng khai thiện thì dùng Niết-bàn khen ngợi, Trang Nghiêm dùng Thập địa, Thắng-man để nêu danh. Quang Trạch với Pháp Hoa lúc ấy một mình truyền bá, nhưng Quang Trạch thọ kinh với ngài Ấn Pháp sư ở chùa Trung Hưng. Ấn Pháp sư vốn là người Thọ Xuân họ Chu, thuở nhỏ dạo chơi ở Bành Thành mà được thọ luận với ngài Đàm Ảnh, kế là theo ngài Khuông Sơn Tuệ Long thọ học Pháp Hoa mà ấn giảng kinh này từ trẻ đến già được tất cả hai50 biến, xuân qua thu lại tới sáu mươi sáu năm đến niên hiệu Vĩnh Minh thì mất. Quang Trạch Vân Pháp sư theo Ấn Pháp sư ở chùa Định Lâm hạ núi Chung Sơn nghe kinh Pháp Hoa giảng xong ở sau chùa sắp đá làm thính chúng và tòa thuyết giảng, do tự lên tòa đá giảng cho đá nghe. Ấn Pháp sư chưa biết, bí mật nghe Ngài nói một lời chẳng sót. Đến năm ba mươi tuổi đến chùa Diệu Âm khai đề kinh hai kinh Pháp Hoa và Tịnh Danh phù hợp căn cơ, chúng sinh đạo tục khắp nơi đều thán phục, từ đó về sau Pháp Hoa được hưng hiển. Tôi lưu hành đến Vũ Xuyên sớ ký thất lạc, nhân lúc nghe giảng ấy lược soạn đề mục làm bình giải, dám bình, truyền dạy. Bởi đó là cách bổ khuyết đầy đủ cho thiếu sót và lỗi lầm chính tự bỏ đi.

Tựa kia lời bình có năm ý: Y theo luận Đại thừa để thông Phương Đẳng, bởi giải thích rộng về kinh phép tắc bản tông Thông giáo. Luận Đại thừa gồm có hai thứ:

1. Giải thích chung Đại thừa nghĩa là: Trung luận, Bách luận, môn luận Mười hai, luận Địa trì, luận Nhiếp Đại thừa,v.v...

2. Giải thích riêng một bộ là luận Đại Trí Độ, Địa Luận, luận Kim cương Bát-nhã, luận Pháp Hoa, v.v.... giải đủ hai luận chung riêng là bắt đầu xem xét kỹ ý chỉ của Đại thừa có thể giảng kinh Đại thừa.

Luận Tiểu thừa cũng có hai:

1. Giải thích chung Ba tạng, là Bát-kiền-độ, luận Bà-sa, Thành luận v.v...

2. Giải thích riêng một giáo Như Hiếp Tỳ-kheo soạn luận Tứ A-

Hàm để giải thích riêng giáo pháp bốn bộ A-hàm. Thập bát bộ Bà-sa giải thích mười tám bộ luật như Thiện kiến v.v... Xá-lợi-phất tỳ-đàm giải thích riêng Phật cửu phần Tỳ-đàm tạng; giải đủ chung riêng hai luận có thể giảng kinh Tiểu thừa. Cho nên, ngài Mã Minh Long Thọ soạn luận Đại thừa để giải thích Đại thừa. Pháp thắng Ha-lê soạn luận Tiểu thừa để giải thích ba tạng, đây là đỏ tím khác nhau thông suốt phân biệt rõ ràng, mà huân tập chung theo số luận để giải thích Phương Đẳng, tiến lên thì không có công mở rộng ý kinh, lui sụt thì có lỗi lầm tổn thương luận.

Hỏi: Số luận là mở rộng ý kinh từ lâu đâu có lỗi lầm sai trái làm tổn hại ư!

Đáp: Từ lâu giải thích ba tạng như bài tựa của Bạt-ma làm ngăn chướng Phương Đẳng hiện văn Pháp Hoa, cho nên nói an trụ bốn hành giảng nói kinh này không được gần gũi học ba tạng Tiểu thừa, kinh có dạy bảo, có thể không cẩn thận được ư!

Hỏi: Sao biết Thành luận chỉ giải thích Tiểu thừa?

Đáp: Ha-lê tự xưng là chánh luận Ba tạng, làm sao chẳng phải Tiểu thừa! Ắt hẳn nói đây thật cũng giải thích Phương Đẳng lỗi ở môn nhân chẳng phải lỗi của Bạt-ma. Lại, ngài La-thập dịch Thành luận rồi, sai Tăng Duệ giảng, Tăng Duệ giảng bài tựa rằng: Đất nước gió lửa là giả, sắc hương vị xúc là thật, mà tinh xảo có thừa rõ ràng thật không đủ, đây là thật trong ba tạng, chẳng phải Phương Đẳng nói. Cuối lời tựa lại trình bày ngài La-thập nói, người đời Tần cho rằng luận Thành Nói thật diệt đế và Phương Đẳng đều nhất trí. Ngài La-thập than rằng: người đời Tần không hiểu sâu làm sao đạt đến chỗ nầy ư! Tôi thường nghi kia, đều tin Đại thừa, phải biết tỏ ngộ, không do trong mê mà có thể biết. Thành luận nói diệt đế so với Phương Đẳng, kia cũng như đèn rồng và ánh sáng đom đóm, bóng đèn đêm và mắt cá chưa đủ để dụ cho sự ngu ngốc kia.

Hỏi: Nói về Thông giáo lỗi rõ ràng ở trước, dùng số mở rộng ý kinh thì có lỗi gì?

Đáp: Thích luận giải nghĩa bốn duyên, có người hỏi muốn học bốn duyên thì phải học Tỳ-đàm, vì sao lại học Bát-nhã! Ngài Long Thọ đáp rằng: Tỳ đàm đối với người Sơ học dường như có thể hiểu, tìm cầu càng lâu thì thành tà kiến, do đây rõ ràng lỗi lớn hơn trước, ở đây phê bình được mất thứ nhất!

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chính chỗ là bí áo của Phương Đẳng, căn bản của các bậc Thánh, lời văn sắc xảo, nghĩa lý sâu xa. Khảo xét

kinh, suy tìm luận có thể gọi là giáo lý viên mãn, thuyết rốt ráo vô dư, từ xưa đến nay người thọ trì đọc tụng thì rất vắng lặng bên trong, tốt đẹp bày ra bên ngoài thì không thể nói hết. Nhưng người giữ gìn phép tắc qui củ năm thời so sánh lượng Thánh hóa không có phương hướng, vọng cho rằng kinh ngày còn là bán tự, nói nhân chưa viên, quả chưa mãn, năm thời đã vậy, bốn tông cũng vậy. Phế bỏ sự vọng bàn năm bốn nói rỏ ý chỉ tròn đầy rốt ráo, tiến lên thì có phước xưng tán, lui sụt thì không có tội hủy báng, đây là lời bình được mất thứ hai.

Bên ngoài nói tự thấy, không nói tự mạnh không ai hơn, trong phần nói giữ lâu một kiến chấp, không thể nào xóa bỏ, chỉ dùng một văn mất viên chỉ kia, cho nên nhóm họp rộng các luận khác, nhặt chọn nơi các sư khéo lựa chọn mà theo thì có thể biên chép, còn ngài Tuệ Cơ lấy không làm thừa, vốn hợp với kinh Vô lượng nghĩa, ngài Đạo Sinh giải thích tuổi thọ rõ ràng thường phù hợp với luận Pháp Hoa, như ví dụ nầy đều có thể dùng. Như nói: xưa có người thực hành cả sáu độ, nay giáo nói nói về bốn xe. Lại nói chưa thoát khỏi hai thứ sinh tử đã vượt qua năm trăm do-tuần, đây đều là kinh luận không văn, tức sự trái nhau đều bỏ, đây là lời bình được mất thứ ba. Luận Đại Trí độ giải thích phẩm Vô tác cho rằng khéo nói Bát-nhã phàm có mười môn, sau rốt gọi là phân biệt sâu cạn khó dễ. Sâu cạn khó dễ: Như nước sâu khó qua, nếu khéo phân tán thì sâu thành cạn mà qua càng dễ, nhưng việc tốt quân tử từ rộng sinh vi tế, chương lược nêu đại ý, thì làm mê loạn sự trong sáng thành thật kia, che mất ý chỉ mở rộng truyền, hoặc đến trước mà tiến, tụng sau đến sau mà lui sụt tụng trước, tiến lên không có ích lợi đối với văn lý, lui sụt thì có lao nhọc đối với nói nghe, nay lược bỏ sự phiền phức trong phần chính, đối với các sai trái, thiếu sót khiến cho gương tối sáng khác nhau, mong được có công đức hơn phân nữa. Đây là lời bình được mất thứ tư. Thư nói: Lời đẹp đẽ không đáng tin, lời đáng tin không đẹp đẽ. Kinh dạy: người ngộ sâu ưa nghĩa, người hiểu cạn ưa văn hay, như thấy chương sau nên rõ quả cho rằng đoạn đầu nói nhân, muốn cho nhân quả đối nhau. Lại văn nói lúc mới hiện có sáu điềm lành ở cõi này cũng hiện sáu điềm lành ở cõi khác muốn dùng văn hai lần sáu thành cặp đôi, đây là khéo nói chỗ khác mà thế của nghĩa không đủ văn nêu đầy đủ rõ ràng. Nay thấy ngài Long Thọ giải thích Đại Phẩm, Thiên Thân giải thích Hoa Nghiêm, chỉ khiến văn nói lên, lý rõ ràng, rốt cuộc không có ý nầy, cho nên phép tắc của bậc Thánh phải y theo, phép tắc của Phàm phải bỏ, đây là lời bình được mất thứ năm.

Kế là nói kinh nào được mở rộng ý chỉ: Kinh nầy có mười thứ bất

khả tư nghì:

1) Hóa chủ bất khả tư nghì. Các kinh điển khác không có, như phẩm Hiện Tháp báu nói Chư Phật khắp mười phương đều nhóm họp, mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa Chư Phật đầy khắp, trong đó, lại từ trong tháp Đa Bảo vọt hiện lên gọi là Phật quá khứ nhóm họp, phân thân Phật nhóm hợp, nghĩa là hiện tại Phật nhóm họp, Bồ-tát khắp mười phương đến nhóm, nghĩa là Phật vị lai nhóm họp. Tóm lại Chư Phật mười phương ba đời đều hội đủ trên núi Linh Thứu, ngoài đây ra, chưa hề có sự nhóm họp đông nhiều như thế.

2) Đồ chúng bất khả tư nghì: Trong các thế giới ở mười phương mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha Chư Phật thị giả đầy khắp trong đó. Lại ở phương dưới có ngàn thế giới số Bồ-tát nhiều như cát bụi từ đất vọt lên đầy khắp mười phương hư không, các chúng như vậy không thể kể hết. Tuy bắt đầu từ Liên Hoa Tạng cuối cùng đến sông Bạt đề cũng chưa có số đông như vậy, nên gọi là đồ chúng bất khả tư nghì.

3) Giáo môn bất khả tư nghì: các kinh điển khác không có, Như Hoa Nghiêm Đại Bát-nhã đều có mười muôn bài kệ còn đã là nhiều, Thích luận nói kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên như số giọt của nước biển lớn, lại Đức Phật Đại thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa có Hằng hà sa bài kệ, Đức Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa này có hai mươi ngàn muôn ức na-do-tha kệ, đây là giáo môn bất khả tư nghì.

4) Thời tiết bất khả tư nghì: Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa này trong sáu mươi tiểu kiếp, Bồ-tát Diệu Quang nói kinh Pháp Hoa trong tám mươi tiểu kiếp, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa trong tám ngàn kiếp, mười sáu vị Sa-di nói kinh Pháp Hoa trong tám muôn ngàn kiếp, Đức Phật Thích-ca khi nói kinh này Bồ-tát Dũng xuất hỏi thăm Chư Phật. Thời gian trải qua năm mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa như vậy, thời tiết đâu thể tính kể cho nên gọi là thời tiết bất khả tư nghì.

5) Lợi ích bất khả tư nghì: Như phẩm Phân biệt công đức, lúc mới có mười hai thứ lợi ích, bắt đầu từ vô lượng hằng hà sa Bồ-tát ngộ Vô sinh nhẫn, cuối cùng đến chúng sinh nhiều như cát bụi của tám thế giới Chư Phật phát tâm Bồ-đề, các kinh khác dạy người ngộ đạo cũng chưa có trường hợp nào như thế, cho nên lợi ích bất khả tư nghì.

6) Cõi nước bất khả tư nghì: Như đức Thích-ca Mâu-ni muốn chứa nhận phần thân Chư Phật đều biến tám phương sáu muôn ức na-do-tha cõi nước đều thành cõi tịnh. Lại phẩm Thần Lực nói: Lúc ấy mười

phương thế giới thông làm một cõi nước Phật, khi nói các kinh hoặc có biến cõi hoặc không biến cõi hoặc biến một cõi hoặc biến một hội chưa hề có việc trang nghiêm như thế, cho nên là cõi nước bất khả tư nghì.

7) Thần lực bất khả tư nghì: như đức Thích-ca và mười phương Phật đồng thời hiện bảy thứ thần lực đủ trăm ngàn năm, các kinh điển khác tuy hiện thần lực hỏi chỉ một Đức Phật hoặc chỉ một thời gian cũng chưa hề có việc như thế, cho nên thần lực bất khả tư nghì.

8) Công đức bất khả tư nghì: như theo thứ lớp năm mươi người xoay vần nghe kinh mà một niệm tùy hỷ, hơn cả bố thí bốn trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới, tất cả chúng sinh trong sáu đường đều được an vui đầy đủ khiến được đắc quả A-la-hán, huống chi là người thọ trì đọc tụng, phước giải thoát không lường được, cho nên là công đức bất khả tư nghì.

9) Kết thúc đầu cuối dung hội quyền thật: một khi hóa giáo môn rõ ràng có thể hiểu thông, các kinh điển khác nói thẳng mà thôi, gọi là giáo môn bất khả tư nghì.

10) Khai gần hiện xa dung hội chân ứng, vô phương đại dụng lợi ích chúng sinh ba đời, các giáo khác không nói chỉ có kinh này có gọi là thân bất tư nghì.

Do có mười thứ khó nghĩ bàn như thế người trì nói vắng lặng bên trong, bên ngoài hiện tướng tốt đẹp Tăng phụ giúp biên chép rộng đâu có luống uổng ư!

Bài tựa thứ hai nói về kinh:

Hỏi: Sao Đức Phật vì nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này: Chư Phật không vì vô sự hay nhân duyên nhỏ mà phát ngôn, thí như núi chúa Tu-di chẳng có lý do hay nhân duyên nhỏ mà rung chuyển, nay có nhân duyên gì lớn mà nói kinh này ư!

Đáp: Chư Phật trụ trong ba việc thị hiện nói mười hai bộ kinh, ba việc thị hiện tức là ba luân:

1) Tha tâm luân.

2) Thần thông luân.

3) Nói pháp luân.

Đã trụ trong ba việc nói mười hai bộ kinh, phải biết cũng trụ ba việc nói kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao mà trụ ba việc nói kinh Pháp Hoa này ư!

Đáp: ba việc thị hiện tức là Như lai ba nghiệp lợi ích chúng sinh. Tha tâm thông là ý nghiệp lợi chúng sinh, thần thông luân là thân nghiệp lợi ích chúng sinh, nói pháp luân là khẩu nghiệp lợi ích chúng sinh.

Hỏi: Kinh này chỗ nào nói về ba luân ư!

Đáp: Như nhập Tam-muội vô lượng nghĩa xứ nghĩa là tha tâm luân, phát ra ánh snág, rung chuyển mặt đất, mưa hoa hiện cõi nước là thần thông luân, xuất Tam-muội nói rộng kinh Pháp Hoa, rốt ráo một kinh gọi là nói pháp luân.

Lại nói chung giáo môn gồm có hai thứ:

1) Chánh quả: là thân Như lai.

2) Y quả tức cõi nước.

Nếu hiện hai quả y báo chánh báo của Chư Phật gọi là thần thông luân, nếu nói hai quả y báo chánh báo của Chư Phật gọi là Thuyết pháp luân, ứng cơ mà thị hiện hai quả này là tha tâm luân. Cho nên Phẩm Thọ Lượng nói: Hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, gọi là thuyết pháp luân; hoặc chỉ việc mình hoặc chỉ việc người là thần thông luân; trong Phẩm Tựa nói nhiều về nghĩa nầy. Lại tha tâm thông là biết bệnh, biết thuốc, hiện thần nói chung pháp là đúng bệnh cho thuốc. Lại ứng sinh phước đức là hiện thần thông, ứng sinh trí tuệ là nói pháp. Lại hiện thần thông thì phát khởi tín tâm nói pháp thì sinh trưởng trí tuệ cho muôn vật, Phật pháp như biển lớn, Tín thì có khả năng vào, Trí thì có khả năng vượt qua, tức Phật pháp đầy đủ. Lại thần thông luân bí mật lợi ích chúng sinh, nói pháp luân hiển hiện duyên lợi ích, Thánh hóa tuy nhiều không lìa hiển mật. Lại thần thông luân Phương Tiện phát khởi, nói pháp luân khai tông, truyền pháp. Lại thần thông luân cứu khổ ban vui nói pháp luân dứt hoặc sinh giải. Lại thần thông luân nói lên nghiệp công đức của Phật, nói pháp luân nói lên nghiệp trí tuệ của Phật. Lại thần thông luân cứu giúp ba đường ác khiến chúng sinh lìa khổ, nói pháp luân khuyên siêng tu ba đường lành khiến cho chúng sinh tiến hành. Lại nói pháp luân nói lên đức Bát-nhã, thần thông luân nói lên đức Pháp thân, như phẩm Tứ Tướng trong Đại kinh nói. Do có câu nghĩa như vậy nên trụ trong ba việc.

Hỏi: Xưa dùng ba luân và nay dùng có gì khác?

Đáp: Phẩm Thí dụ nói: lúc bấy giờ Trưởng giả nghĩ rằng phải dùng vạt áo hoặc dùng chiếc ghế từ trong nhà mà leo ra ngoài, nghĩ như vậy gọi là tha tâm luân, nên dùng vạt áo gọi là thần thông luân, hoặc dùng chiếc ghế là nói pháp luân. Trong phần hợp nói: Như lai lại nghĩ rằng nếu chỉ dùng thần thông lực và trí tuệ lực tức là việc ấy. Chỉ vì lúc mới thành đạo liền muốn dùng ba luân giáo hóa muôn vật khiến cho nhập vào Nhất thừa, mà căn duyên chưa kham nổi, nay mới đắc dụng, cho nên khác với xưa.

Hỏi: Ba luân có thứ lớp gì?

Đáp: Trong ba luân, tha tâm thông là gốc, nghĩa là biết bệnh biết thuốc rồi sau mới hiện thần thông, nói pháp luân ứng theo bệnh mà cho thuốc. Vì lấy tha tâm làm gốc, nên Như lai trước nhập Tam-muội kế hiện thần thông rồi sau mới xuất định nói pháp.

Hỏi: Trong phẩm đầu có bao nhiêu luân?

Đáp: Nói theo Phật thì phẩm đầu nhập định, hiện tướng lành chỉ có hai luân mà Di-lặc hỏi, Văn-thù đáp cũng là nói pháp luân. Từ phẩm Phương Tiện xuất định nói pháp xong ở một kinh gọi là nói pháp luân, trong đó có hiện các việc như thần thông, v.v.... thuộc về thần thông luân.

Hỏi: Trong ba luân trong sáu thông về thuộc thông nào?

Đáp: Theo nghĩa sáu thông thì ba thông là thị hiện, ba thông không phải thị hiện, tha tâm thông tức tha tâm luân, như ý thông là thần thông luân, lậu tận thông là nói pháp luân.

Hỏi: Ba thông còn lại vì sao không gọi là thị hiện?

Đáp: ba thứ như tha tâm,v.v... năng khiến cho chúng sinh tức sự tín nghiệm nên gọi là thị hiện. Ba thứ như thiên nhãn,v.v...không thể như vậy, nên không gọi là thị hiện, thông đây giải thích một kinh mà chánh so sánh ở phẩm đầu.

Lại nữa muốn nói ba thứ tịnh nghĩa của Chư Phật cho nên nói kinh này:

1) Năm giới, mười điều thiện để thanh tịnh ba đường.

2) Nói bốn đế, mười hai nhân duyên để thanh tịnh ba cõi.

3) Nói Phương Đẳng, Nhất thừa để thanh tịnh Nhị thừa.

Đầy đủ ba tịnh này khiến cho chúng sinh được ra khỏi ba cõi, trong ngoài nhà lửa cho nên nói kinh này. Lại muốn nói pháp môn ba dẫn cho nên nói kinh này:

1) Từ bắt đầu Như lai xuất thế đến trước khi xong Pháp Hoa, là dẫn dắt chín mươi sáu thứ ngoại đạo tà kiến và chúng sinh tại gia qui về năm thừa chánh pháp.

2) Dẫn năm thừa khác nhau đồng trở về Nhất thừa tức ý đoạn đầu trong Pháp Hoa.

3) Dẫn nhân Nhất thừa trở về quả pháp thân tức ý đoạn sau của kinh này.

Ba dẫn này chẳng giáo nào không thâu, không lý nào không nhiếp. Nay nói pháp ba dẫn rốt ráo cho nên nói kinh này. Lại nữa muốn nói quyền thật hai trí giúp nhau thành tựu nên nói kinh này. Sở dĩ như vậy

là bởi chẳng phải quyền không lấy gì nói thật, chẳng phải thật không lấy gì nói quyền, do thật hiển quyền, do quyền hiển thật. Do quyền hiển thật cho nên quyền nương vào thật, do thật khởi quyền cho nên thật nương vào quyền, Chư Phật ba đời trí dụng tuy nhiều nhưng không ra ngoài hai thứ này. Chỉ do họ mê tông hoặc chấp quyền mà bỏ mất thật, hoặc chấp thật mà quên quyền. Nay muốn khai hiển hai trí quyền thật nương nhau thành tựu nên nói kinh này. Lại nữa muốn nói pháp luân căn bản nên nói kinh này. Căn bản pháp luân: nghĩa là Chư Phật ba đời xuất thế vì một đại sự nhân duyên mà nói đạo Nhất thừa, chỉ vì căn duyên chưa kham nổi, cho nên đối một nói ba tức dùng Nhất thừa làm gốc, Ba thừa giáo làm ngọn, chỉ có người đại duyên đã thuần thục mới có khả năng thọ lãnh Nhất thừa. Nay muốn trở lại nói pháp luân căn bản cho nên nói kinh này.

Hỏi: Khi Đức Phật mới thành đạo muốn dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh mà không được. Hoa Nghiêm giáo nói khi mới thành đạo vì hàng Bồ-tát cũng nói Nhất thừa, hai kinh đâu có khác?

Đáp: Giáo giải thích khác khác nhau, hoặc như phương Nam nói năm thời, phương Bắc luận bốn tông, đều nói Hoa Nghiêm là giáo pháp viên mãn, Pháp Hoa là nói chưa liễu nghĩa. Nay vấn nạn chung, nói lúc mới thành đạo dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh không được, nay nói pháp hoa tức là Nhất thừa giáo hóa chúng sinh được. Nếu nói nay nói pháp hoa nghĩa vẫn chưa liễu thì Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh không được, tức đây nên phát bắt đầu liền dùng bất liễu nghĩa hóa vật. Nếu Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn dùng bất liễu nghĩa hóa vật, thì đây trái với ân tình của cha con, tổn thương bản ý Chư Phật. Nếu nói khi mới thành đạo là liễu nghĩa hóa vật, nay nói pháp hoa cũng là bất liễu nghĩa, thì lúc mới thành đạo có thể là Nhất thừa hóa vật không được, nay nói pháp Hoa lẽ ra chẳng phải Nhất thừa hóa vật được.

Lại hỏi do nghĩa gì mà kinh Pháp Hoa chưa liễu nghĩa ư! Bào chữa rằng: nói viên mãn giáo nghĩa là nhân viên quả cực, kinh này chưa nói thường trụ nên quả chưa mãn, mãn tự đầy đủ là nói duyên nhân chánh nhân, kinh này chỉ nói duyên nhân thành Phật, chưa nói chánh nhân cho nên nhân chưa mãn. Đáp: Kinh này nói chúng sinh có Phật tánh tức là chánh nhân, nương muôn hạnh làm Nhất thừa tức là duyên nhân nên nghĩa nhân đầy đủ, khai gần tích là vô thường, hiển diệu bản là thường trụ, nên nghĩa quả rốt ráo, nghĩa này sau sẽ nói, vì thế không nên nói kinh này vẫn chưa liễu nghĩa.

Lại Đức Phật dùng các thứ nhân duyên khen ngợi kinh Pháp Hoa khiến người tin nhận. Nếu nói giáo tương đương bán tự, lý vẫn chưa viên thì khiến cho số đông người nghe kinh không sinh tôn kính, đối với Pháp Hoa liền khởi tâm khinh thường, trên mất phước mở mang, dưới chiêu cảm tội lầm vật. Phẩm Thí dụ chưa ký thác tâm, nay giải thích Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đồng nói về một nhân một quả, giáo mãn lý viên vô dư rốt ráo, chỉ khéo léo Phương Tiện khởi duyên khác nhau, lãnh giải đại yếu kia gồm có mười bốn thứ:

1) Hoa Nghiêm lúc mới nói Nhất thừa, Pháp Hoa cuối cùng nói Nhất thừa, từ đầu đến cuối là khác Nhất thừa không khác.

2) Hoa Nghiêm nói thẳng Nhất thừa, lúc mới không có chỗ hội, cuối cùng không có chỗ khai, Pháp Hoa đối ba nói một, ban đầu nói khai một làm ba, cuối cùng nói gom ba về một:

3) Hoa Nghiêm vì phát khởi lúc mới học đại duyên nói, Pháp Hoa vì hai thứ duyên mà nói:

a) Vì trước tiểu sau đại duyên mà nói.

b) Vì phát khởi người mới học đại duyên nói.

4) Hoa Nghiêm vì người phước đức đại, căn cơ lợi nói, Pháp Hoa vì người phước mỏng căn độn mà nói. Như lúc mới vốn học đại giữa đường bỏ đại còn tiểu, sau lại bỏ tiểu theo đại nên gọi là căn độn.

5) Hoa Nghiêm cho rằng đạo giáo bình đẳng, Pháp Hoa lúc mới bác bỏ đoạt mê chấp rồi sau mới bình đẳng nói đạo.

Hỏi: Vì sao bác bỏ đoạt mê chấp sau đó mới nói đạo bình đẳng?

Đáp: Ban đầu bác bỏ ba bệnh vì nói Nhất thừa, nếu ba bệnh tiêu thì Nhất thừa cũng phế bỏ, song sau mới biết đạo vắng lặng ba một hai thường thích hợp duyên khác nhau đại tiểu song dụng.

6) Hoa Nghiêm chỉ nói Nhất thừa tuệ thật, Pháp Hoa đủ cả ba, một quyền thật hai tuệ, cho nên khai môn Phương Tiện chỉ bày tướng chân thật.

Hỏi: Nếu vậy Hoa Nghiêm lẽ ra không có hai tuệ sao?

Đáp: Chiếu Nhất thừa làm Thật tuệ soi Ba thừa làm quyền, giáo môn Hoa Nghiêm chỉ nói Nhất thừa nên chỉ có Tuệ. Y theo Nhất thừa tự khai hai tuệ hoặc y cứ động tĩnh song dụng, hoặc y cứ hai hạnh không, hữu cũng được đầy đủ hai tuệ.

7) Hoa Nghiêm là Xá-na tích bản thân nói, Pháp Hoa là Thích ca bản, tích thân nói.

8) Hoa Nghiêm thêm các Bồ-tát nói, Pháp Hoa Như lai tự nói.

9) Hoa Nghiêm chỉ đối Bồ-tát nói? Pháp Hoa lẫn lộn đối Nhị thừa,

Bồ-tát mà nói.

10) Hoa Nghiêm nói theo chiều dọc Nhất thừa khai năm mươi hai vị, Pháp Hoa nói theo chiều ngang Nhất thừa không khai cấp bậc.

Hỏi: Vì sao như vậy ư!

Đáp: Thích hợp giáo hóa khác nhau chẳng phải một loại. Chỉ là Hoa Nghiêm duyên bản tin Nhất thừa nên ở trong Nhất thừa trải qua các vị tăng tiến, cho nên hỏi giai cấp khác nhau, Pháp Hoa duyên bản mạt tin nhân thừa phá ba bệnh kia, mới được tin Nhất thừa nên chưa đắc thứ lớp trải qua các vị tiến lên. Lại tin Nhất thừa được phát tâm Bồ-đề tu hạnh Bồ-tát, học đạo Bồ-tát, nhập pháp môn Hoa Nghiêm, Pháp Hoa không cần hỏi giai vị.

11) Nêu Hoa Nghiêm nói rộng một nhân một quả, Pháp Hoa thì nói lược rõ một nhân một quả.

12) Hoa Nghiêm nói trong cõi tịnh, Pháp Hoa nói trong cõi uế, trong hiện tháp báu tuy là biến cõi nước thành thanh tịnh mà Hoa Nghiêm vốn là cõi tịnh chẳng phải biến mới thành tịnh, Pháp Hoa nói trong cõi uế.

13) Hoa Nghiêm nói ở bảy chỗ tám hội, Pháp Hoa nói ở một chỗ một hội.

14) Hoa Nghiêm một Đức Phật nói, Pháp Hoa thì mười phương Phật phân thân,v.v... Chư Phật ba đời như Đa bảo,v.v... cùng nói. Đây nêu bảy quyển đối với năm hòm kia để nói về việc này, chẳng phải căn cứ Pháp Hoa, đại bản luận. Thích luận nói: Pháp Hoa như nước trong biển lớn làm sao mà không rõ ràng được ư!

Hỏi:Vì sao nói Pháp Hoa đối Hoa Nghiêm ư?

Đáp: Kinh này trong phần lãnh giải nói rộng Trưởng giả là người tôn quí giàu sang, bảy báu đầy đủ, quyến thuộc vây quanh mọi người hầu hạ, đây đều chỉ Hoa Nghiêm khi mới thành đạo vì các Bồ-tát nói đại pháp sự vì vậy cho nên dẫn Hoa Nghiêm so sánh với Pháp Hoa. Nghĩa này hiện ở phẩm Tín Giải, sau thấy luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thọ Lượng đầy đủ ba thân:

1) Pháp thân.

2) Báo thân.

3) Hóa thân có đầy đủ ý Hoa Nghiêm, vì các kinh đều nói báo thân tức là Xá-na. Nghĩa tuổi thọ sẽ nói rộng.

Lại nữa muốn chỉ bày Trung đạo lìa tướng hai bên cho nên nói kinh này. Nói hai bên: là y cứ năm thừa trước có hai thứ bên:

1) Thừa trời người là bên thế gian.

2) Ba thừa còn lại là bên xuất thế gian là những người lãnh thọ giáo. Nói thế gian thừa khác với xuất thế thừa, xuất thế thừa khác với thế gian thừa nên gọi là hai bên, đến giáo Pháp Hoa thì nói mảy may điều thiện đều nhập vào Nhất thừa, không còn thế gian thừa, xuất thế gian thừa khác nhau, nên gọi là Trung đạo. Lại trước nói có Tiểu khác đại, đại khác tiểu, lại gọi là hai bên, giáo Pháp Hoa khởi hội chung đại tiểu đây, đồng nhập Nhất thừa không còn đại, tiểu khác thừa, nên gọi Trung đạo. Lại nữa muốn dứt nghi của Nhị thừa và Bồ-tát nên nói kinh này, như nói Bồ-tát nghe pháp này thì lưới nghi đều đã trừ, một ngàn hai trăm vị La-hán đều sẽ thành Phật.

Hỏi: Bồ-tát Nhị thừa có những nghi ngờ gì?

Đáp: người Nhị thừa có hai thứ nghi:

1) Xưa nghi: như Thân tử nói Ba thừa đồng nhập pháp tánh, vì sao thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật, Nhị thừa không thành Phật muốn thưa hỏi điều ấy với Đức Thế tôn là trước hay không phải trước khi chưa nói pháp Hoa mà có nghi này.

2) Lại nói lúc mới nghe Phật nói trong tâm sợ hãi nghi ngờ đây là nay nghi.

Hàng Bồ-tát cũng có hai điều nghi:

l) Ngày xưa, người mới tu hành tuy nghe tu hạnh Bồ-tát được thành Phật đạo những chưa biết là chắc chắn được thành Phật nay lui sụt làm Nhị thừa đây là nghi cũ (xưa).

2) Nay nghe Pháp Hoa nói không có Ba thừa chỉ có Nhất thừa tâm lại sinh nghi, nếu không có Ba thừa thì Đức Phật trước vì sao nói có ba ư! Nay muốn dứt hai thứ nghi cho hàng Thanh văn, Bồ-tát nên nói kinh này. Sau, thấy luận giải thích văn ba phen thỉnh nói Thanh văn Bồ-tát đều có nghi cũ, hiện tìm chương nghĩa nói phù hợp với văn nay. Lại nữa muốn nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh cho nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao, nay nói Nhất thừa chính là nói Phật tánh ư?

Đáp: Thừa nếu có ba thì có thể có ba tánh, đã chỉ có Nhất thừa thì chỉ có một tánh. Như luận Tỳ-bà-sa chép: “Tất cả chúng sinh có tánh Ba thừa, hễ thành tự bất cứ một thừa nào thì hai thừa còn lại chẳng phải sác duyên diệt”. Pháp Hoa nói nghĩa Nhất thừa thì không đúng cho nên chỉ có Nhất thừa, chỉ có một tánh.

Hỏi: Kinh này chỉ nói Nhất thừa vì sao lại nói Phật tánh?

Đáp: Trung luận nói rằng: “Tuy còn siêng năng tu hành đạo Bồ-tát nếu trước chẳng có Phật tánh thì làm sao được thành Phật! Văn xuôi giải thích rằng: “Như sắt không có tánh vàng dù có nung luyện cũng

không bao giờ thành vàng được.” Nếu Pháp Hoa chưa nói Phật tánh chỉ dùng nghĩa thành Phật, đã không có Phật tánh thì không có lý thành Phật. Cũng như phẩm Sư Tử Hống hỏi rộng về nghĩa vô tánh thành Phật, dùng lý suy tìm sẽ rõ nghĩa Phật tánh.

Hỏi: Lý suy tìm vậy có văn nào chứng minh?

Đáp: Kinh này phần đầu chưa có nhiều văn nói về Phật tánh, phẩm Phương Tiện nói khai tri kiến Phật đã được thanh tịnh tức là một văn. tri kiến Phật là tên khác của Phật tánh, chúng sinh vốn có tri kiến nhưng bị phiền não che lấp cho nên không được thanh tịnh, Pháp Hoa dạy khởi phát, khai mở cho chúng sinh có tri kiến Phật, đây là nghĩa Phật tánh, nếu không có Phật tánh thì dạy khai chỗ nào ư!

Hỏi: Nếu kinh này đã nói Phật tánh, Niết-bàn sao cần phải nói?

Đáp: Nếu người đã liễu ngộ thì không cần Niết-bàn.

Hỏi: Làm sao biết đến Pháp Hoa liền liễu ngộ, không cần Niết-bàn ư?

Đáp: Phẩm Bồ-tát trong Đại kinh chép: “Như trong kinh Pháp Hoa tám ngàn vị Thanh văn được thọ ký thành báu đại quả, như mùa thu thì gặt hái, mùa đông thì cất chứa, không còn làm gì nữa, cho nên biết đến thời Pháp Hoa thì biết Phật tánh đã được liễu ngộ.

Lại quá khứ hai muôn Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa xong liền nhập Niết-bàn, cho nên biết nghe kinh Pháp Hoa xong liền rốt ráo ngộ, không cần nói Niết-bàn. Lại vào thời Đức Phật Ca-diếp tuy có Niết-bàn mà không nói, nên biết Pháp Hoa là giáo liễu nghĩa. Lại Phẩm Thọ Lượng nói các con có hai:

1) Tâm không biết trước.

2) Tâm biết trước.

Tâm không biết trước là thời Pháp Hoa kia đều đắc đạo, còn tâm biết trước là đợi sau khi xướng diệt mới được lãnh giải. Sau thấy luận Pháp Hoa nói nghĩa Phật tánh có bảy văn, nay lược dẫn hai: Văn đầu giải thích phẩm Phương Tiện chỉ Phật với Phật mới rốt ráo thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là thể bất biến của Pháp thân, Như lai tạng, Phật tánh cũng gọi là Như lai tạng. Cho nên nói ẩn danh Như lai tạng, hiển danh là Pháp thân. Đại kinh nói ngã tức là nghĩa Như lai tạng. Kế văn thứ hai giải thích phẩm Pháp sư, cho rằng nếu biết nước Phật tánh không trái thì được thành Tam Bồ-đề, ý của Phẩm Phương Tiện đã xong.

Lại nữa muốn kết thúc dung hợp đức Thích ca một đời giáo hóa từ đầu đến cuối gồm có bảy môn, nay người Ba thừa chưa được ngộ đều

được lãnh giải cho nên nói kinh này.

1) Môn Tựa Tán Trung đạo pháp thân; nghĩa là Pháp thân Như lai không có tất cả hệ lụy, đủ tất cả công đức, không có tất cả các hệ lụy không thể gọi là có, đủ các đức chẳng thể là không, chẳng có chẳng không tức là pháp thân Trung đạo. Cho nên, kinh chép: "Như lai đối với các sự sợ hãi lo buồn,v.v... vô minh che lấp,v.v... dứt hẳn không còn sót, đây gọi là không có tất cả hệ lụy mà đều thành tựu vô lượng tri kiến lực vô sở uý,v.v... đây là đầy đủ các công đức. Sở dĩ nói hai thứ ấy là vì không có hoạn nạn cho nên có thể cứu hoạn nạn cho chúng sinh, có tất cả đức cho nên giúp chúng sinh không có đức, do đó nêu mới khởi sự giáo hóa nên trước khen ngợi hóa bản.

2) Môn đại bi; nghĩa là Như lai tại Pháp thân địa thấy hai thứ chúng sinh khởi tâm đại bi:

a) Xưa từng được Phật hóa độ mà trước quán chiêu cảm khổ.

b) Chưa trải qua đạo đức cao trọng nên chịu sự thiêu đốt trong ba cõi. Hai hạng chúng sinh này có đủ tất cả hoạn nạn không có tất cả đức cho nên có Phật thì sở đắc không, không có Phật thì sở đắc hữu, vì chúng sinh này khởi tâm đại bi.

3) Môn Thùy ứng: đã khởi tâm đại bi cho nên ứng nhập sinh tử, vì độ chúng sinh nên khởi tám tướng thành đạo. Cho nên, kinh nói mà sinh vào nhà lửa ba cõi cũ mục này tức là việc kia.

4) Môn thật hóa bất đắc: đã khởi tâm tại bi vì chúng sinh mà thành đạo, lúc mới thành đạo liền muốn dùng tâm đại bi chỗ gốc hệ lụy cho chúng sinh dùng đại từ cứu chúng sinh không có đức. Chỉ vì bậc Thánh tuy có khả năng trao truyền mà phàm phu thì không thể nhận lãnh cho nên tạm ngưng thật hóa.

5) Môn Quyền hóa đắc: tuy không theo Nhất thừa hóa mà đại bi không bỏ, muốn dần dần dẫn dắt các con cho nên đối một nói ba gọi là môn quyền dụ.

6) môn Thật hóa đắc: tiểu chấp sắp nghiêng đổ, đại cơ sắp chuyển động, cho nên gom ba về một gọi là môn thật hóa đắc.

7) môn Bất hư: hứa ba cho một dường như trái ngược, do thông hiểu sâu căn cơ chúng sinh cho nên không phải dối gạt, gọi là môn bất hư.

Tóm lại bảy nghĩa này có thể chia làm sáu cặp:

1) Môn đầu là tự môn, sáu môn sau là môn hóa tha, tự tha là một cặp.

2) Hai môn trước là pháp thân, năm môn sau là ứng tích, bản tích

là một cặp. Lại trong năm môn sau, một môn đầu chẳng những đức Thích ca nêu đủ bảy việc này mà cũng là đức Xá-na hóa, tức Thích ca hóa; hai Đức Phật là một cặp.

4) Lại trong bốn môn sau, một môn đầu đốn hóa không được ba môn sau dần hóa được con, nghĩa là đốn tiệm là một cặp.

5) Trong ba môn sau, một môn đầu nói ba, hai môn sau nói một; ba và một là một cặp.

6) Trong hai môn sau, môn đầu là nói một, kế là dung hội, tất cả lời dạy của Chư Phật đều đồng như vậy, ba và một bất hư, nghĩa là giáo và hợp giáo một cặp. Đây giải thích ý thí dụ quả cuối phẩm Phương Tiện.

Lại nữa muốn nói mười thứ đại ân của Như lai nay người đã ngộ tâm được vựng chắc nên nói người chưa hiểu nhân đó sửa đổi chấp cho nên nói kinh này:

1) Quá khứ đức Thích-ca khi mới phát tâm kết bốn hoằng thệ nguyện muốn cứu độ khắp chúng sinh trong sáu đường, duyên Pháp Hoa đã nhập vào nguyện này, đó gọi là ân thông hoằng thệ thứ nhất.

2) Thời quá khứ đã từng vì duyên nầy nói pháp Đại thừa mà chúng sinh nầy đã từng được giáo hóa Đại thừa, đó gọi là ân biệt kết duyên thứ hai.

3) Vô lượng chúng sinh nầy tội nặng độn căn không vâng theo sự giáo hóa, khởi hoặc nghiệp bị trôi lăn trong sáu đường, Bồ-tát tùy vào sinh tử dùng Phương Tiện dẫn dắt hóa độ, cho đến nay gieo giống năm thừa, tự trái với lời giáo hóa, về sau cho đến khi thành đạo, trải qua vô số kiếp tùy theo mà giáo hóa, đó gọi là ân tùy trục hóa thứ ba.

4) Đức Thích ca tuy từ lâu đã thành Phật vì chúng sinh nầy đại căn cơ sắp thuần thục sinh khởi nên lại thị hiện thành đạo. Cho nên, kinh chép: trong đó dừng ở một ngôi thành cho đến cởi bỏ áo châu báu, mặc áo thô xấu, đó là ân ẩn bản bày tích thứ tư.

5) Khi mới thành Phật tư duy đủ các Phương Tiện để cứu giúp chúng sinh, hoặc muốn hiện thần thông hoặc muốn nói pháp hoặc khuyến khích răn dạy đồng nhập Nhất thừa, nhưng vì trí tuệ Chư Phật rất sâu mà chúng sinh thì căn độn, tuy có công muốn giáo hóa mà không thể theo lý để cứu giúp đó gọi là ân suy nghĩ cứu giúp thứ năm.

6) Con tuy bỏ cha mà cha không bỏ con, nên Phật ẩn giấu chí đạo tuệ Phật rất sâu xa cùng tột mà mở ra sự an vui trời người rất cạn, đó là ân ẩn lý sâu nói giáo cạn thứ sáu. Cho nên, văn nói rửa mặt nước lạnh khiến được tỉnh ngộ, nghĩa là sau khi thành đạo rồi trước đến vườn Nai

nói giáo cho hàng trời, người.

7) Năm giới, mười điều tạm dứt ba đường: Kế là hư chỉ Nhị thừa khiến ra khỏi nămđường, đó là ân quyền dụ thứ bảy.

8) Tuy dùng Tiểu thừa nhiếp hóa mà bí mật muốn dùng Đại thừa giáo hóa cho nên nói giáo Bát-nhã trao cho tài sản, nhưng vì chúng ấy độn căn chưa thể hiểu ngộ được, đó gọi là ân mật hóa thứ tám.

9) Từ Bát-nhã về sau, Pháp Hoa về trước, trung gian nói Phương Đẳng, hiện Bồ-tát thần biến, hoặc nói pháp môn Đại sĩ, dùng các Phương Tiện cổ động chúng tình khiến cho họ bỏ cẩn thận hèn kém mà ưa mến đại đạo, đó gọi là ân rèn luyện cẩn thận thứ chín. Cho nên văn nói trải qua thời gian ngắn tức là việc đó.

10) Tiểu chí liền dời bỏ, đại căn cơ sắp động, vì họ nói kinh Pháp Hoa hội nhập thiên tánh cha con, nay người Nhị thừa khiến nhập nhất đạo, hiện tại thọ ký vị lai thành Phật, đó là ân hoàn tất rốt ráo thứ mười.

Hỏi: Vì sao biết đủ mười ân?

Đáp: Phẩm Tín Giải nói đại ân của Thế tôn vô lượng ức kiếp làm sao có thể báo đáp đuợc, là cố giới thiệu chung đức Thích ca từ lúc lúc mới phát tâm đến trong hội này, từ đầu đến cuối trải qua nhiều kiếp gặp gềnh quanh co có mười thứ ân nầy. Đây trình bày ý trong phẩm Tín Giải bao gồm văn nói Thân tử y,v.v... lãnh giải.

Về sau thấy luận nói: "Muốn nói lên Phật thừa và Nhị thừa khác nhau nên nói thí dụ Cùng tử. Phật thừa như Trưởng giả tôn quí Nhị thừa như Cùng tử hèn kém đây là muốn cho người đã hiểu Đại, Tiểu thừa vững chắc, nói người chưa ngộ phải đổi ba tin lấy một giải thích phù hợp với nay. Lại nữa muốn nói công đức sở hóa và công đức của người năng hóa cho nên nói kinh này. Công đức sở hóa: như mây che phủ khắp dầy, mưa xuống thấm nhuần khắp nơi, ba cỏ hai cây tùy phần được thấm nhuần, tuy tùy phần được thấm nhuần mà không hay biết, người có thể hiểu biết thì rất ít có. Đức Như lai từ bi, thân hiện khắp pháp giới thấm nhuần chúng sinh năm thừa tùy phần thọ lợi ích mà không hay biết, nếu có thể hay biết cũng là ít có.

Hỏi: Vì sao không hay biết?

Đáp: Có hai thứ không biết:

1) Không biết đồng.

2) Không biết khác.

Không biết đồng là không biết Như lai hoặc hình tướng hoặc giáo hóa vì khai Nhất đạo. Không biết khác: là không biết chúng sinh năm

thừa tùy căn có mà thành khác; như cây cỏ không biết một đám mây, một trận mưa nghĩa là không biết đồng. Nay Ca-diếp có thể biết đồng khác, không tự biết thượng trung hạ khác nhau, nghĩa là không biết khác. Nay muốn dẫn khen ngợi người trung căn thuật thành sự lãnh giải của họ cho nên nói kinh này.

Khen ngợi công đức người năng hóa: Nay vì người chưa giải mà khai ngộ, người đã hiểu thì tiến đức cho nên nói kinh này, vì thế kinh chép: "Như lai lại có vô lượng công đức, các thầy dù cho vô lượng ức kiếp nói cũng không hết.

Hỏi: Như lai lại có những công đức gì mà nói không cùng tận?

Đáp: Trong phẩm Tín Giải nói: "Quá khứ kết duyên, ngày nay tương hội". Vì giáo hóa một phương chưa cùng tận nên dấu tích vô phương. Dấu tích vô phương là pháp thân từ bi, mưa pháp thấm nhuần lợi ích khắp mười phương ba đời đâu chỉ người ba căn trong hội này!

Lại ở trên nói hai châu và hai phen lãnh giải đều nói xưa nêu ba không nói một, nay nói một không nói ba dường như tư riêng, vậy nên nay nói Như lai thường v.v... hiện thân thường , v.v... nói pháp giống như mây mưa, chỉ vì ba duyên tự nghe ba, một duyên tự nghe một! Cho nên Đại kinh chép: "Thường hành Nhất thừa chúng sinh thấy ba", để giải thích thành ý giáo của hai châu trên nên nói phẩm này. Lại phẩm Tín Giải ở trên nói xưa mới kết duyên, sau cùng là nay hội nhập. Đuổi theo căn tình gặp ghềnh quanh co nếu có tâm ngại khó thì đâu thể lợi ích chúng sinh, cho nên nay nói Như lai hoặc hình hoặc giáo cũng như mây mưa, thuận theo vật gập ghềnh mà không có tâm quanh co khúc khuỷu. Lại có người nghi nếu đại từ bình đẳng vì sao chúng sinh có người được nghe pháp có người không nghe pháp, như dùng lực uy đức khiến cho chúng năm ngàn vị từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi! Cho nên, giải thích rằng trời thấm nhuần không riêng tư, không ở tại không có căn cơ, chẳng phải lòng từ của Phật không bình đẳng. Đây là giải thích Phẩm Dược Thảo Dụ, về sau thấy luận phá người Đại thừa, tự cho rằng nói không có Thanh văn rõ ràng mưa pháp thấm nhuần, tùy căn đắc quả chẳng nên nói không, đây là chứng minh công đức năng hóa trên.

Thứ hai là chỉ bày nghĩa hạt giống vô thượng: hạt giống vô thượng: như nói việc các thầy làm là đạo Bồ-tát, nói Ca-diếp v.v... từng phát tâm Bồ-đề giữa chừng quên mất ý nầy, nay lại phát tâm hành đạo Bồ-đề cắhc chắn sẽ thành Phật nên gọi là hạt giống vô thượng. Đây là chứng minh nghĩa công đức sở hóa thứ nhất ở trên. Lại nữa Phật pháp có hai thứ: pháp hiển thị và pháp bí mật. Pháp hiển thị là Ba thừa giáo nói ba

thứ nhân đắc ba thứ quả cho nên gọi là hiển thị; pháp bí mật là người Ba thừa đều được thành Phật. Như Thích luận quyển một trăm chép: Pháp Hoa nói A-la-hán được thọ ký thành Phật cho nên gọi là Pháp bí mật. Trước đã nói pháp hiển thị rồi, nay sẽ nói pháp bí mật nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao người Ba thừa hành nhân đắc quả, gọi là hiển thị, Ba thừa đồng thành Phật gọi là bí mật?

Đáp: Pháp hiển thị là giáo Phương Tiện. Rõ ràng người Ba thừa đều tự hành nhân, đều đắc thành quả, việc nầy dể hiểu, như ngoài ba hạt giống đều sinh ba mầm, tướng kia dể rõ nên gọi là hiển thị. Pháp bí mật là pháp sâu xa, rõ ràng không có Ba thừa chỉ có Nhất thừa nên nói bí mật.

Hỏi: nếu vậy thì ba nhân ba quả đây là bí mật, vì sao thật không có Ba thừa xét lại tướng nói năng có ba thứ thừa lẽ ra là bí mật, mà đạo lý chỉ có Nhất thừa không có Ba thừa lẽ ra là hiển thị, do chẳng phải xét lại tướng nói năng hay sao?

Đáp: Nếu liễu nghĩa là hiển thị, không liễu nghĩa là bí mật như ở sau có giải thích, nay dùng cạn gần làm hiển thị, sâu xa làm bí mật như trước đã nói, nghĩa này sau sẽ nói rộng.

Hỏi: Vì sao trao cho Nhị thừa nói thành Phật ư!

Đáp: chỉ có Nhất thừa không có thừa khác, chỉ có một Phật tánh không có tánh khác, do đều có Phật tánh cho nên đều sẽ thành Phật. Sau dùng luận giải thích văn thọ ký.

Hỏi: Hàng Thanh văn vì thật thành Phật nên được thọ ký hay không thật thành Phật nên được thọ ký? Nếu thật thành Phật thì vì sao Bồ-tát lại phải trải qua nhiều kiếp tu hành, nếu không thật thành Phật lẽ nào chẳng phải Như lai luống dối thọ ký ư?

Đáp: Thọ ký cho hàng Thanh văn được tâm quyết định, chẳng phải thành tựu pháp, Như lai y pháp bình đẳng nói Nhất thừa.

Pháp bình đẳng là pháp thân Như lai không khác với pháp thân Thanh văn nên được thọ ký cho, chẳng phải đầy đủ công đức mới được thọ ký, Bồ-tát đầy đủ công đức cho nên được thọ ký. Y theo đây nói Phật tánh gọi là pháp thân, cho nên biết Nhị thừa có Phật tánh nên được thọ ký.

Hỏi: Nếu vậy thì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh đều được thọ ký thành Phật ư!

Đáp: Không đúng, Phật tánh có hai thứ: chánh nhân và duyên nhân.

1) Tất cả chúng sinh tuy có chánh nhân mà không có điều thiện như hạnh giải v.v... nên không có duyên nhân, không có duyên nhân nên không được thành Phật. Nay người Nhị thừa trong có chánh nhân, ngoài nghe kinh Pháp Hoa sinh các thiện như Tín Giải v.v... tức duyên nhân; duyên chánh đầy đủ nên được thọ ký.

2) Thọ ký cho Nhị thừa tức là nói kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nói một nhân một quả, nay nói người Nhị thừa đã bỏ hai chấp, phát tâm Bồ-đề, nay được thọ ký khiến cho người Nhị thừa hiện tại hành nhân, đời sau thành Phật. Do phát tâm hành, hành tức là một nhân, vị lai thành Phật tức là một quả. Lại người kia tức là Bồ-tát, lại là người một, nói một giáo này gọi là Giáo nhất, cho nên thọ ký cho người Nhị thừa, nói đủ bốn nhất tức là nói kinh Pháp Hoa.

3) Vui sướng trong bản tâm Phật nên thọ ký cho Nhị thừa, vì sao nói Đức Như lai khi mới thành Phật liền muốn khai thị ngộ nhập tri kiến Chư Phật? Chỉ vì lúc Phật mới thành đạo căn tánh chúng sinh chưa kham nổi, nay được thọ ký thì vui sướng bản tâm Phật, đồng nghĩa tâm hỷ của Đại kinh.

4) Thọ ký cho Nhị thừa khiến cho các Bồ-tát không còn thoái chuyển, vì sao? Vì có đạo Nhị thừa có thể có lui sụt, không bao giờ có lý nầy, vì sao lại thoái ư! Lại người Nhị thừa là người không thành Phật nay sẽ thành Phật, Bồ-tát vốn là người thành Phật vì sao muốn thoái ư!

5) Thọ ký Nhị thừa, tất cả những người chưa phát tâm Nhị thừa khiến cho họ không phát, vì sao! Vì chứng Nhị thừa còn tự xả bỏ, chúng ta chưa đắc làm sao muốn cầu. Vì lợi ích này cho nên thọ ký cho Thanh văn.

6) Thọ ký cho Nhị thừa cho nên tất cả chưa bỏ chấp Nhị thừa, do đây mà đổi thành La-hán, đã được thọ ký ta cũng vô học sao không thành Phật! Liền đổi cẩn thận ưa cầu đại đạo cho nên phẩm Tín Giải nhân Thân Tử được thọ ký tự trình bày những lãnh giải khác tức là việc ấy.

7) Thọ ký Nhị thừa muốn chứng minh ý chỉ Nhất thừa không luống dối, nói không có Ba thừa là thật, vì như vậy, nên ở trên tuy nói Ba quyền một thật mà hoặc người Nhị thừa không được thọ ký, thì lời nói này luống lập. Nay người Nhị thừa được thọ ký thành Phật cho nên biết “Nhất thừa là thật, ba là quyền” chẳng luống dối.

8) Thọ ký Nhị thừa tức nói pháp môn cõi tịnh nghĩa là hóa chủ tịnh, cõi nước tịnh, giáo môn tịnh, đồ chúng tịnh, do đó đầy đủ bốn tịnh

để ngộ Nhất thừa. Sửa đổi ba chấp kia cho nên tâm kia tịnh, tâm tịnh nên cõi nước tịnh, do tịnh này ngộ mà ngộ tất cả chúng sinh tức là giáo môn tịnh và đồ chúng tịnh. Do tâm Thân tử tịnh cho nên Phật nói giáo bốn tịnh.

9) Lúc ấy chúng nghe Nhị thừa được thọ ký ở cõi tịnh thành Phật cho nên hóa vãng sinh, vì có lợi ích này nên thọ ký Nhị thừa.

10) Muốn chứng Nhị thừa lãnh giải là thật cho nên thọ ký cho họ. Xét rằng người được thọ ký là do thật giải.

Do có mười nghĩa như đây cho nên thọ ký Nhị thừa, giải thích chung phẩm Thọ ký rồi. Lại nữa, muốn nói hai thứ pháp của Chư Phật cho nên thọ ký kinh này:

1) Nói pháp hiện tại.

2) Nói pháp quá khứ. Từ trên hai châu đã nói đức Thích-ca một thời kỳ xuất thế từ đầu đến cuối, Phương Tiện làm lợi ích chúng sinh rồi, nay nói đức Thích-ca quá khứ đã dùng pháp môn làm lợi ích chúng sinh cho nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao có hai thuyết?

Đáp:

1) Chúng sinh có ba thứ: a) Thượng căn. b) Trung căn. c) Hạ căn. Hai căn thượng, trung trực kế hiện tại nghe pháp mà được liễu ngộ, nay vì muốn chúng sinh hạ căn được thọ đạo cho nên nói pháp môn quá khứ thỉ mạt.

2) Vì giải thích nghi cho nên có, có người nói nê tu học theo Nhị thừa, vì sao? Vì lúc mới hành Bồ-tát tuy nghe kinh này mà không được Phật thọ ký, người Nhị thừa nghe kinh này liền được thọ ký quyết định, nếu vậy thì chỉ tu học theo Thanh văn không cần thực hành đạo Bồ-tát, vì vậy nên giải thích rằng: Các Thanh văn nầy trong vô lượng kiếp lâu xa đã thực hành đại hạnh, chỉ vì giữa chừng quên mất ý nầy cho nên làm người Nhị thừa, chứ chẳng phải làm Nhị thừa thì liền được thọ ký. Tức là giải thích chung nhân duyên ba căn được ngộ Nhất thừa. Luận Pháp Hoa nói: Quyết định Thanh văn không được thọ ký, thoái tâm Bồ-đề Thanh văn mới được thọ ký tương ưng với nghĩa nầy.

3) Thanh văn chỉ có hai hạng: a) Vốn học Tiểu thừa. b) Thối Đại theo Tiểu, phẩm Thí dụ là vì người vốn học Tiểu thừa, nay vì người muốn thoái lục Đại thừa nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp phẩm Thí Dụ nói trong nhà lửa vốn có ba mươi người con, tức căn tánh Ba thừa muốn cầu ra khỏi nhà lửa mà nói Ba thừa cho nên biết

vì người vốn đã có thừa. Hóa thành nói vốn muốn cầu thành Phật, giữa đường biếng nhác lui sụt nên vì họ nói Tiểu thừa, cho nên biết hai ví dụ vì hai người. Đây căn cứ văn đã xong, mà nghĩa thật thông suốt.

4) Muốn rộng khen ngợi trí tuệ Như lai sáng suốt chiếu soi sâu xa. Nay người Nhị thừa tâm sinh vui mừng kính mến, bỏ mê, ngộ nhập cho nên nói kinh này. Do đó Phú-lâu-na nói: Lại nghe sức thần thông của Như lai, tức là việc ấy.

5) Muốn nói lên Pháp Hoa là pháp của Phật xưa, Chư Phật ba đời đều nói, cho nên nói pháp Thế tôn đã từ lâu, sau phải nói chân thật.

Hỏi: Vì sao tất cả Chư Phật đều nói kinh Niết-bàn ư?

Đáp: Nhất thừa là nhân duyên Phật, không có Chư Phật thì không nói Phật thừa. Chỉ nói Nhất thừa tự có hai thứ: a) Nói thẳng Nhất thừa, gọi là một nhân một quả, như loại Hoa Nghiêm. b) Trước nói Ba thừa, sau nói Nhất thừa, tức là Pháp Hoa. Hai thứ nầy tuy khác nhưng Nhất thừa không khác, vì vậy cho nên tất cả Chư Phật đều nói kinh Pháp Hoa. Niết-bàn giáo khởi chỉ vì bác bỏ bệnh vô thường nên thường lạc, nếu chúng sinh không bị bệnh vô thường thì không cần nói về thường lạc, vì vậy cho nên Đức Phật hoặc nói Niết-bàn, có khi không nói.

Hỏi: Vì sao văn kinh Pháp Hoa chưa nói nhân Phật tánh, quả pháp thân, vì sao không cần Niết-bàn ư?

Đáp không cần nói. Vì sao? Vì xưa có năm thừa cho nên có ngũ tánh, nay chỉ có nhất Phật thừa tức chỉ có nhất Phật tánh, cho nên người lợi căn liền biết có Phật tánh. Xưa có năm thừa tức quả năm thừa là vô thường, nay chỉ một Phật tức quả Phật là thường, cho nên cũng không cần nói riêng pháp thân là thường. Chỉ vì Đức Phật Thích ca xuất hiện ở đời vẫn đục, Nhất thừa nhân quả chưa ngộ cho nên lại nói nói rộng Niết-bàn.

6) Nói việc quá khứ, chỉ bày việc sinh tử lâu dài. Nay người Nhị thừa khởi tâm nhàm chán sâu xa, ông ở đời quá khứ vốn cầu Phật đạo trải qua nhiều kiếp thoái trụ Tiểu thừa, thật đáng thương xót! Ta đã thành Phật lẽ ra ông nên vui mừng kính mến, người Nhị thừa nghe liền phát tâm cầu Phật.

7) Nói việc đời trước, người hạ căn nhân nghe được lãnh giải, nói thí dụ buộc hạt ngọc trong chéo áo cho những người chưa ngộ hiểu.

8) Ba phen nói đã đầy đủ, rộng phát tích quyền hành chính là khiến cho những người tu hành Tiểu thừa biết Bồ-tát khó thể nghĩ bàn, đổi sang chí cầu thành Phật. Vì có tám nghĩa như thế cho nên nói phẩm Hóa Thành. Lại nữa muốn nói công đức trí tuệ như thật cho nên nói

kinh này.

Hỏi: Vì sao gọi là trí tuệ phước đức như thật ư?

Đáp:

1) Phước tuệ như thật là từ thật lý sinh ra, vì Nhất thừa là thật cho nên năng sinh tuệ như thật. Thật tuệ: trên ba chu nói pháp sinh Ba thừa tin hiểu thọ ký thành Phật, nay sẽ nói công đức như thật. Công đức như thật nghĩa là thọ trì, đọc tụng, viết chép, giải thích. Như nói tu hành sinh phước như thật khó có thể sánh lượng, tin pháp như thật thì được phước không lỗi, chê bai pháp như thật thì mắc tội rất lớn. Nay muốn chỉ bày tội phước như thật cho chúng sinh nên nói kinh này.

2) Chư Phật nói pháp có hai môn: a) môn Trực thuyết. b) môn Xưng tán. Ở trên ba chu nói pháp gọi là môn trực thuyết, nay khen ngợi kinh lực, kinh dụng gọi là môn xưng tán.

3) Lại có hai môn: a) môn Nhất thừa thể. b) môn Nhất thừa công dụng. Môn Thừa thể: trên đã nói rồi, nay muốn nói môn thừa công dụng nên nói kinh này. môn Thừa dụng: là năng sinh phước tuệ.

4) Lại có hai môn: a) môn Sanh tuệ. b) môn Sanh tín. Trên ba chu nói đã sinh tuệ môn, còn lại những người chưa tin nay dự nghe công đức kinh khiến sinh tín tâm gọi là môn sinh tín.

5) Lại có hai môn: a) môn Tự hành. b) môn Hóa tha. Trên ba chu nói pháp khiến Ba căn ngộ giải nên gọi là môn tự hành, nay truyền hóa cho người chưa nghe gọi là môn hóa tha.

6) Lại có hai môn: a) môn Thọ ân. b) môn Báo ân. Trên ngộ giải là môn thọ ân, nay người được ngộ truyền dạy cho người chưa ngộ, giúp Phật mở mở mang giáo hóa gọi là môn báo ân.

7) Lại có hai môn: a) môn Chánh thuyết. b) môn Lưu thông. Trên là môn chánh thuyết nay chỉ bày phương pháp mở rộng ý kinh gọi là môn lưu thông, giải thích phẩm Pháp sư nầy bao gồm giải thích các phẩm, nói về việc công đức môn lưu thông.

Lại nữa, muốn nói lên thân Như lai thân Phương Tiện, là chân thật cho nên nói kinh này.

Hỏi: Thế nào là thân Phương Tiện, là chân thật ư?

Đáp:

1) Dùng pháp thân làm chân thật, tích thân làm Phương Tiện, chỉ vì hai thân bản tích gồm có bốn thứ: a) Sanh diệt làm tích thân, b) vô sinh diệt làm bản thân như Phật Đa Bảo tuy diệt mà bất diệt. c) nói lên Đức Thích-ca tuy san mà bất sinh, bất sinh bất diệt gọi là bản thân. d) Bất sinh thị hiện sinh, bất diệt thị hiện diệt gọi là tích thân.

2) Nói lên bản một mà tích nhiều. Như nhóm họp phân thân Chư Phật mười phương, muốn nói đức Thích ca làm bản Chư Phật làm tích, vì sao? Vì Chư Phật bình đẳng chỉ là tích, đều dùng thân mình làm bản. Phải biết đức Thích ca và Chư Phật đều là tích, chẳng phải đức Thích-ca, chẳng phải Chư Phật mà chính là một bản thống nhất, cho nên nói bản một mà tích nhiều

3) Nêu Đức Thích-ca và phân thân: đây y cứ một Đức Phật nói về nghĩa bản tích, như một pháp thân Phật làm bản mà hiện bày tất cả tích.

4) Vì Đức Đa Bảo và Thích-ca ngồi tòa là muốn tiêu biểu Chư Phật mười phương đồng một pháp thân, vì đồng một pháp thân cho nên hiện bày tất cả tích.

Luận Nhiếp Đại thừa nói hai thứ bình đẳng:

l) Bình đẳng chung: như một pháp thân Phật làm bản, bày tất cả tích.

2) Bình đẳng chung: nghĩa là Chư Phật mười phương đồng một pháp thân từ đó mà ra. Hoặc chỉ chấp riêng trước chung, hoặc chỉ chấp chung trước riêng, đều chẳng phải ý luận. Sau thấy luận Pháp Hoa nói thị hiện là nói lên sự bình đẳng, cho nên Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, đây là nói lên tự thân, tha thân, pháp thân, Phật tánh bình đẳng, chứng minh nghĩa thứ tư và nghĩa thứ nhất trong bốn nghĩa.

Hỏi: Nếu phẩm này nói đủ nghĩa bốn loại bản tích, phẩm Thọ Lượng làm sao nói được ư!

Đáp: Phật bỏ bản tích gồm có hai môn:

l) Thần thông luân môn.

2) Nói pháp luân môn.

Thần thông luân bỏ bản tích: Từ phẩm Hiện tháp báu đến phẩm Tùng địa dũng xuất, hiện có mười một thứ thần thông để bỏ bản tích:

l) Từ trong tháp vọt ra là tiêu biểu nghĩa Phật còn.

2) Trú hư không là tiêu biểu ẩn hiển không ngăn ngại.

3) Phát ra âm thanh, hoặc cho rằng ở trong tháp ấy mà thôi chưa đủ để tiêu biểu nghĩa vẫn còn cho nên phải phát ra âm thanh.

4) Tuy là có âm thanh kín đáo vô hình sợ chẳng phải âm thanh của Phật, cho nên mở Pháp cho thấy thân trong đó.

5) Chia tòa cùng ngồi: là muốn bình đẳng, nghĩa sinh diệt bình đẳng, đến bình đẳng. Nay nói diệt ở Song Thọ là tích chẳng phải chân, nay bình đẳng đến, là nói sinh trong cung vua quyền mà chẳng thật.

6) Nhóm họp Phật là nói bản một mà tích nhiều.

7) Biến cõi: tích thân đã chẳng phải thật thân, cõi tích cũng chẳng phải cõi thật. Đức Thích ca và hóa Phật là tích thân, biệt có chung bản một, hai cõi tịnh uế đều là cõi tích chẳng phải chỗ pháp thân nghỉ ngơi, chỗ riêng của pháp thân là cõi bậc nhất nghĩa Trung đạo.

8) Kế là chúng lên giữa hư không là tiêu biểu hư tâm trống rỗng bèn thấy pháp thân.

9) Phát tích Điều-đạt, để tiêu biểu thân một trượng sáu là quyền, Điều-đạt chẳng ác thị hiện ác, giống như Thích-ca bất sinh mà hiện sinh.

10) Nói lên Long nữ thành Phật, xưa thân nữ không thể hiện thân thành Phật, nay có thể thành Phật tức là xưa nói thân Như lai chẳng thường trụ nay mới nói thân Phật là thường.

11) Nói địa Bồ-tát ở phương dưới che phủ không hiện ra, phân chia mới nói lên, giáo xưa che phủ nên chưa nói lên pháp thân, nay giáo mới khai cho nên được rõ ràng. Mười một thứ này đều là môn thần thông để khai mở bản tích.

Từ Đức Di-lặc hỏi đức Thích-ca đáp là căn cứ nói pháp luân để bỏ bản tích.

Hỏi: Đoạn đầu bỏ ba bày một, nói giáo quyền thật, vì sao chỉ căn cứ nói pháp luân, nay căn cứ thần thông luân?

Đáp: Giáo quyền thật chỉ là nói pháp luân, bản tích của thân thuộc thần thông luân, nên môn sau căn cứ thần thông luân. Cho nên, đoạn văn dưới nói: "nay Ông lắng nghe! Như lai dùng sức thần thông bí mật. Lại nói: sức thần thông như vậy là do trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu hành mà có được. Lại như Đại kinh khai pháp thân bí mật nêu rộng thần thông, bỏ bát-nhã thầm nói thuyết pháp, nay cũng như vậy. Lại trước hiện thần thông tức là mật bỏ bản tích, sau nói pháp thân tức là hiển bỏ bản tích. Phải trước mật khai sau mới được hiển khai. Lại, mật bỏ bản tích sinh lòng tin cho chúng sinh, hiển bỏ bản tích sinh sự hiểu biết cho chúng sinh.

Hỏi: Nói về bản tích thân vì sao căn cứ đủ hai luân và hiển mật ư?

Đáp: do quả đức sâu xa dứt bặt nhân vị cảnh giới nên căn cứ hai nghĩa.

Lại trước bỏ ba bày một trong đó cũng có hiển mật, nói rộng là hiển, nói lược là mật. Lại trước hiện tháp tuy biểu thị pháp thân là thường mà chưa nói là mới chứng pháp thân hay chứng từ lâu. Cho nên,

phẩm Thọ Lượng nói rộng nghĩa gần xa, Nói từ vô lượng lâu xa đã chứng pháp thân. Lại trước bỏ ba bày một trong đó cũng có chung riêng. Ban đầu nói chung hai trí của Chư Phật, kế nói riêng hai trí, nay bỏ gần, bày xa cũng đủ hai nghĩa chung riêng. Phẩm Hiện Tháp báu nói chung bản tích Chư Phật, Phẩm Thọ Lượng nói riêng hai thân của đức Thích-ca. Lại ở trước nói thẳng pháp thân, phẩm sau giải thích rộng các nghi ngờ. Lại trước chỉ nói pháp thân chưa nói về dụng lợi ích chúng sinh ba đời, phẩm sau nói rộng nghĩa lợi ích chúng sinh. Lại Chư Phật tùy theo thế tục gồm có hai thứ. 1) Thân. 2) Mạng. Trước nêu pháp thân thường trụ, sau nêu tuổi thọ đồng thái hư. Lại trước nói vô sinh diệt, sau nói vô thỉ chung. Vô thủy chung: A-dật-đa không thấy thỉ kia, bậc Bổ xứ đâu lường được chung kia. Đây là trình bày chung phẩm Tháp báu và phẩm Thọ Lượng xong.

Về sau thấy luận nói ba thân đầy đủ, lẽ nào chẳng phải là nói căn cứ rõ ràng của thường ư! Lại nữa muốn nói công hạnh quan trọng của Bồ-tát nên nói kinh này.

Hỏi: vì sao nói hạnh Bồ-tát, hạnh Bồ-tát có bao nhiêu thứ?

Đáp: Bồ-tát có bốn hạnh quan trọng như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao nói Hạnh Bồ-tát?

Đáp:

1) Ở trên dùng ba châu bỏ quyền bày thật, phá chấp Ba thừa tức là phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi nên tu Hạnh Bồ-tát. Như đồng tử Thiện tài trong Hoa Nghiêm, ở mỗi chỗ tri thức đều nói: Tôi trước đã phát tâm Bồ-đề mà chưa biết làm sao tu Hạnh Bồ-tát, học đạo Bồ-tát. Cho nên kế phát tâm tức là nói về tu hành.

2) Nói Hạnh Bồ-tát tức là nói kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nói về Nhất thừa, Nhất thừa tức Hạnh Bồ-tát nên căn cứ Hạnh Bồ-tát để nói về Nhất thừa. Cho nên, Kinh này nói: “là pháp giáo hóa Bồ-tát được Phật che chở.”

3) Trên đây tự nói và chứng nói đã xong, muốn chỉ bày phương pháp mở rộng ý kinh, phương pháp tức là bốn hạnh, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

4) Vì ngăn dứt mọi người nghe trên bỏ quyền bày thật, nêu một rõ ba, liền nói có ba, một có khai có hợp. Cho nên, nay nói Hạnh Bồ-tát thật tướng các pháp, không có thượng, trung, hạ, chẳng phải một chẳng phải ba, chẳng khai chẳng hợp, ba một khai, hợp đều là Phương Tiện hóa vật, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

5) Có người muốn cầu Phật đạo, lo sợ sinh tử, gặp nhiều hoạn nạn,

thoái tâm Bồ-đề, ngưng các hành dứt, nay vì người này nên nói Bồ-tát có bốn hạnh khiến thân tâm an vui, người kia nghe rồi vững tân không lui sụt cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

6) Muốn phát khởi quả Như lai thọ mạng cho nên nói Hạnh Bồ-tát. Phẩm dưới nói Như lai có quả bất khả tư nghì, như gọi là sinh diệt tự tại vô ngại. Như quả mầu nhiệm nầy là do nhân mầu nhiệm, vậy nên nay nói Hạnh Bồ-tát tức là nhân mầu nhiệm. Phẩm An Lạc Hạnh đã xong.

Lại nữa muốn nói rộng trí tuệ công đức của các Bồ-tát, thuyết giảng thông suốt pháp này ủng hộ chúng sinh nên nói kinh này. Như nói công đức trí tuệ của các vị như Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm cho đến Phổ Hiền.

Hỏi: Vì sao nói công đức trí tuệ của các Bồ-tát ư?

Đáp:

1) Nhất thừa có hai thứ: a) Sở thừa của Chư Phật đại nhân cho nên gọi là Đại thừa. b) Là chỗ nương vững chắc của các Đại Bồ-tát cho nên gọi Đại thừa. Như luận Thập Nhị Môn chép: ở trên nói tuổi thọ của Như lai và tri kiến Phật v.v... là năng thừa sở thừa của Chư Phật đại nhân, nay muốn nói sở thừa vững chắc của các đại Bồ-tát cho nên gọi là Đại thừa.

2) Nói công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn của các Bồ-tát khiến cho người Nhị thừa sinh tâm rất hổ thẹn bỏ tông kia, thì khiến cho người chưa phát tâm Nhị thừa không còn phát tâm, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

3) Phàm phu Nhị thừa đã phát tâm Bồ-đề tu Hạnh Bồ-tát, đã tu Hạnh Bồ-tát nên giải hạnh tăng tiến cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

4) Kinh Tịnh Danh nói: hoặc dùng Chư Phật mà hóa Phật sự hoặc dùng Bồ-tát làm Phật sự, Phật sự, khác nhau được ngộ nhiều cách. Trên đây là nói Đức Phật thành Phật sự đã rồi, nay muốn nói Bồ-tát thành Phật sự cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

5) Muốn khen ngợi công lực kinh này cho nên nói Hạnh Bồ-tát, còn đại Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn đều do Pháp Hoa thành tựu, nếu muốn được công đức như thế thì phải tu hành kinh Pháp Hoa.

6) Muốn mở kho bí mật cho nên nói kinh này, trong pháp Thanh văn nói các Bồ-tát cho đến Nhất sinh Bổ xứ, Bồ-tát còn là phàm phu chưa dứt phiền não, nay nói trong pháp Đại thừa các Bồ-tát đắc vô sinh nhẫn, phiền não thanh tịnh có sáu thần thông, vượt lên tất cả Thanh văn Bích-chi-phật, khiến cho các Phương Tiện phân thân trong sáu đường,

lợi ích chúng sinh cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

7) Muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh đời vị lai khiến được thọ trì kinh Pháp Hoa khiến không gặp nạn. Phật tuy cách thế gian nhưng các vị Bồ-tát thường ở thế gian làm lợi ích cho tất cả, muốn cầu thỉnh ủng hộ không nguyện nào không theo, cho nên nói Hạnh Bồ-tát. Đây là giải thích chung các phẩm Dược Vương v.v...

Về sau thấy luận chép: Muốn nói năng lực ủng hộ các nạn cho chúng sinh nên nói các phẩm Quán Âm, Đà-la-ni,v.v... Vì thị hiện công đức lực cho nên nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương. Nương công đức quá khứ, đồng tử kia có sức lực như vậy cho nên hộ pháp thân, cho nên nói phẩm Phổ Hiền Bồ-tát. Ở đây giải thích hơi giống với nay. Như vậy, xét ý trong các phẩm nên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Thích luận quyển một trăm chép: "Kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên như số giọt nước trong biển lớn, do văn vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng," Cho nên, nói kinh Pháp Hoa, nhân kinh cũng lại vô lượng, nay chỉ nói lược.

Hỏi: vì sao không thứ lớp nói hai mươi tám phẩm ư?

Đáp giải thích văn kinh, lưu nói chung theo thứ lớp, nay chỉ trình bày tông chỉ quan trọng.

Hỏi: Y theo luận nào mà nói như thế?

Đáp: Y theo luận Đại Trí độ mà nói, xét ý trong các phẩm cho nên nói nhân duyên Bát-nhã, nay lại nương, ý luận cho nên giải thích như thế. Thích luận là phép tắc giải thích kinh, muốn giải thích kinh Đại thừa thì phải hiểu rõ.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 2

III. Giải thích tên gọi:

Gọi đủ tiếng Phạn lẽ ra gọi "là Tát-đạt-ma Phân-đà-lợi Tu-đa-la". Ngài Trúc Pháp Hộ dịch là "Chánh Pháp Liên Hoa", ngài La-thập đổi chữ Chánh thành chữ Diệu, ngoài ra y theo kinh cũ. Ngài Tuệ Viễn dùng cả hai thuyết, lại dùng nhiều tên gọi khác như Chân pháp, Hảo pháp v.v... Lời bình rằng ngài La-thập đổi chử Chánh thành chữ Diệu phải có ý sâu nay thử luận bàn, chánh là đối với Tà, được gọi là diệu do hình thô nên được tên, cho chín mươi sáu thuật là tà, pháp năm thừa là chánh, đây thì chánh mà nghĩa kém. Năm thừa tuy chánh nhưng vẫn chưa phải diệu cực, chỉ có Nhất thừa rất đổi vô thượng thọ tên Diệu là hơn; cho nên bỏ dịch trước, dùng dịch sau. Tụng rằng: Thừa ấy mầu nhiệm thanh tịnh, bậc nhất thắng nhị thừa, đối các thế gian không có trên, ngoài thừa trời người, cho nên đối với thừa thô kia lấy Phật thừa làm Diệu.

Hỏi: Diệu có bao nhiêu thứ?

Đáp: nói lược có hai nghĩa:

l) Diệu tương đãi.

2) Diệu tuyệt đãi.

Diệu tương đãi: là đối với thô nói Diệu. Diệu tuyệt đãi: là chẳng thô chẳng diệu không biết dùng chữ nào nên gượng gọi là Diệu.

Hỏi: Vì sao lập hai diệu này?

Đáp: đến như người khéo léo một phen đối với thô nói Diệu, đối với chấp danh gọi là Đạo thì chẳng phải lý thô lẽ ra là diệu; cho nên kế nói đối với thô nói Diệu chưa phải là hảo diệu. Vì sao? Tuy là tuyệt thô mà vẫn chưa diệu, nếu chẳng thô, chẳng diệu, thô diệu đều bặt dứt mới gọi là diệu, nói tuyệt đãi khởi từ đây.

Trong lời tựa kinh, Ngài Quán Công nói: "Nhờ hoa tuyên nghĩa vi tế, mà biểu trưng sự nhiệm mầu của Đạo, gọi là Diệu mà thể dứt sự tinh, thô". Tụng rằng: "Pháp ấy không thể chỉ bày, ngôn từ tướng vắng

lặng, người Nhị thừa do đó dứt lo nghĩ, Bổ xứ do đó dứt mong cầu chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu đạt cùng tận. Lời bình rằng: "Quán công ngụ ý giống như nghĩa bài Tụng. Nạn hỏi: Giải thích rõ điều này chỉ nói quả diệu, thừa có cả nhân quả không nên chấp thiên lệch chăng? Đáp: Dùng lý nói chỉ có quả diệu. Nhân thừa chưa cùng tột thì chẳng diệu, chỉ vì nhân học quả hành cho nên tùy phần nói Diệu. Có người chỉ dùng nhân thừa làm diệu thì chưa rốt ráo nguồn gốc của Diệu.

Kế là nói về hai diệu:

l) Bỏ ba bày một để Nói Diệu.

2) Bỏ gần bày xa: để nói về Diệu, đây là tông lãnh của một kinh. Cho nên, căn cứ đây để nói về diệu tức là giải thích Pháp thứ hai. Căn cứ vào hai diệu, đầu tiên là nói chung về mười cặp, kế là nói riêng nhân quả, nghĩa nầy nếu thành thì gọi là Diệu, nếu kia không thành thì chẳng phải Diệu.

Thứ nhất: Nói chung về mười cặp là:

Hỏi: Ở đây nói Diệu: quả Phật là thường cho nên nói Diệu hay chưa phải thường cho nêu nói Diệu?

Đáp: Quang Trạch Vân công nói: Vẫn là vô thường, vì sao? Vì giáo có năm thời chỉ có thời Niết-bàn thứ năm là giáo thường trụ, bốn thời còn lại đều là vô thường, Pháp Hoa là thời giáo thứ tư cho nên thân Phật cũng là vô thường. Lại kinh này tự nói vô thường như văn dưới nói: lại gấp bội số trên. Tuy là nói lâu dài mà cuối cùng tự có hạn, cho nên biết vô thường. Lại Phẩm Dược Thảo nói: "Cuối cùng trở về Không", nói cùng trở về không: đã là vô thường thì cuối cùng nhập vô dư.

Hỏi: Đã nói vô thường thì là liễu nghĩa hay không liễu nghĩa?

Đáp: Kinh này nói về Nhất thừa liễu nghĩa, để phân biệt với vô thường không liễu nghĩa, cho nên vừa liễu vừa không liễu.

Lời bình rằng: Kinh này mở môn Phương Tiện chỉ bày tướng chân thật, mở hai thứ Phương Tiện chỉ bày hai thứ chân thật, hai Phương Tiện là thừa Phương Tiện và thân Phương Tiện; hai thứ chân thật: là thừa chân thật và thân chân thật. Nếu vậy trước mở ra Ba thừa là Phương Tiện thì Nhất thừa là chân thật, đã là nói thật thì gọi là liễu nghĩa, sau khai thân Phương Tiện, thân chân thật, vì sao chưa phải nói thật là không liễu nghĩa! Nếu đồng là Phương Tiện, chân thật lấy sau làm bất liễu nghĩa, trước lẽ ra cũng như vậy. Lại đồng là Phương Tiện chân thật, lấy trước làm liễu, lấy sau làm bất liễu, cũng nên lấy sau làm liễu, lấy trước làm bất liễu. Lại đồng là Phương Tiện chân thật, lấy trước làm liễu lấy sau làm bất liễu thì trước chia làm mãn giáo sau chia làm bán

giáo, trước chia làm sâu xa sau chia làm nông cạn, vì có lỗi điên đảo. Nay đã nói nương kim khẩu Phật dạy, đoạn đầu nói về quyền thật thừa, đoạn sau nói quyền thật thân. Quyền thật thừa gọi là thừa rốt ráo, quyền thật thân gọi là thân rốt ráo. Nếu nói thừa quyền thật là rốt ráo, thân quyền thật không rốt ráo thì người ấy chỉ tin phần kinh đầu, không tin phần kinh sau, cho nên tin không đầy đủ. Đại kinh chép: Trong mười hai bộ chỉ tin sáu bộ không tin sáu bộ. Lời nói này nghiệm biết.

Thứ hai nói về nghĩa nhân quả: Xưa nói lúc mới bỏ ba bày một để nói về nhân, kế là bỏ gần, bày xa để nói về quả; dựa theo xưa phán xét thì nhân vừa mãn vừa bán, quả thì chỉ có bán không có mãn, rõ ràng gom ba về một cho nên Nhất thừa rốt ráo là nhân mãn. Chỉ vì nói duyên nhân chưa nói về chánh nhân cho nên nhân không mãn, rõ ràng quả tuy có gần xa khác nhau nhưng đều là vô thường cho nên chỉ nói có bán mà không có mãn. Lời bình giải thích này có hai lỗi:

1) Đoạn đầu nói về nhân, chương sau nói về quả, nghĩa ấy không đúng. Trước nói số nhân ba quả ba, nay nói nhân một quả một, đâu được bỏ ba bày một chỉ nói về nhân ư! Nếu nay nói một chỉ là nhân thì xưa nói Ba thừa việc ấy cũng như vậy. Lại nay nói một quả Phật thừa rốt ráo nói ba nhân ba quả trước đều không rốt ráo, chính là dẫn vật quả nhất, vì sao mới nói về nhân ư! Nghĩa nầy trong văn đã nói.

2) Nếu nói đoạn đầu nêu nhân liễu, chương sau nói quả chưa liễu tức nhân hơn mà quả kém. Nhân sâu mà quả cạn nghĩa ấy không đúng. Lại nhân khác Thanh văn, quả đồng A-la-hán, vì sao? Vì gom ba về một cho nên nhân khác Thanh văn, vẫn là vô thường nên quả đồng La-hán.

Lại do một nhân này cảm quả vô thường, cũng nên dùng hai nhân trước chiêu cảm báo thường trụ, không thể dùng nhân Ba thừa đắc quả thường trụ cũng không thể dùng nhân Nhất thừa đắc quả vô thường. Lại nhân mãn quả bán thì nhân chẳng phải quả, nhân quả chẳng phải nhân quả, cho nên là nghĩa phi nhân quả. Nay đã nói là đối phá hai lỗi để nói hai được. Đoạn đầu bỏ ba bày một:

l) Có cả nhân lẫn quả cho nên trước thì có nhân ba, quả ba, nay thì có nhân một, quả một.

2) Kinh này nói về nhân rốt ráo, quả tròn đầy, nhân là gom ba về một, nhân là nhân mãn, quả bỏ gần bày xa, quả gọi là quả viên, cho nên nhân gọi là quả, nhân quả gọi là nhân quả.

Lại nhân đầy đủ hai nhân cho nên nhân mãn:

l) Chánh nhân gọi là Phật tánh.

2) Duyên nhân tức là muôn thiện như trước đã nói.

Quả đủ hai quả:

1) Quả Tích thân.

2) Quả Pháp thân.

Thứ ba nói về ba đức: đoạn kinh đầu nói hai trí quyền thật tức là Bát-nhã, đoạn sau nói bản tích gọi là pháp thân, hai trí này không có hệ lụy nên gọi là giải thoát, vì vậy nên kinh này nói ba đức đầy đủ nên gọi là thường.

Hỏi: Đại kinh có thể ba đức, kinh này vì sao cũng nói ba đức ư?

Đáp: Kinh này nói nhân nhất Phật thừa, quả nhất Phật thừa; nhân nhất Phật thừa là nhân đủ muôn hạnh, quả nhất Phật thừa là quả đủ ba đức nhân Nhị thừa, là nhân không đủ muôn hạnh, quả Nhị thừa là quả không đủ ba đức. Nếu quả không đủ ba đức thì quả chẳng khác Nhị thừa, nhân không đủ muôn hạnh thì nhân chẳng khác Nhị thừa! Đâu thể như vậy ư!

Hỏi: Làm sao biết đoạn đầu nói Bát-nhã, đoạn sau nói Pháp thân?

Đáp: Bát-nhã là khẩu mật, Pháp thân là thân mật, như phẩm Tứ Tướng nói. Trước nói trí quyền thật nên gọi là Bát-nhã, sau nói thân bản tích nên phả nói về Pháp thân. Giải thoát: hai thứ này không bị lệ lụy thì gọi là giải thoát.

Thứ tư là đối trị hai duyên: Ban đầu là nói trí quyền thật đối Thanh văn nói, nay nói thân bản tích đối Bồ-tát mà nói. Đối Thanh văn nói: Thân tử là tột cùng trong Tiểu, Đại Tiểu giao kế cho nên bỏ Tiểu về Đại. Đối Bồ-tát mà nói: Di-lặc là tột cùng của nhân hạnh, gần với Pháp thân, cho nên trái với nhân vô thường khiến chứng đắc quả thường. Nếu Pháp thân cũng vô thường thì nhân quả đồng địa vị, nhân ở người lại đâu có gì học ư! Lại nhân cũng vô thường, quả cũng vô thường thì nhân ở vị người có thể sánh lường quả đức, ngài Từ Thị Di-lặc đâu có gì nghi ư! Nay đã nói trước đối với người Tiểu thừa mà nói Đại thừa khiến bỏ Tiểu về Đại, nay đối với người chấp vô thường nói thường, khiến người chấp vô thường chứng thường. Lại Tiểu thừa yếu, Đại thừa mạnh, cho nên nói Đại, dùng dẫn Tiểu khiến Tiểu mến Đại; vô thường kém mà thường hơn, cho nên nói thường để dẫn vô thường. Khiến người chấp vô thường hâm mộ thường, cho nên có hai giáo, hai duyên, hai đoạn khác nhau. Nếu pháp thân vô thường thì giáo không có khả năng dẫn duyên, duyên không có lý hân hoan đối với giáo.

Thứ năm là nói về song trị (trị cả hai): Đoạn đầu nói Nhất thừa khác với Ba thừa trước, cho rằng ba là bệnh, một là thuốc, dùng một bác

bỏ ba. Chương sau nói nay thường, khác xưa vô thường, thường là thuốc, vô thường là bệnh, dùng thường bác bỏ vô thường, cho nên có xưa nay thuốc bệnh trị nhau. Nếu đoạn sau còn nói vô thường thì chỉ có trị trước không trị sau, thì bệnh trước được lành, bệnh sau không dứt.

Hỏi: Quả cũng khác xưa, xưa trải qua tám mươi hoặc bảy trăm tăng kỳ, nay nói lại gấp bội số trên đâu chẳng phải khác ư!

Đáp: Tuy nói là gấp bội mà cuối cùng là vô thường chỉ ngắn dài là khác ư! Nếu cuối cùng là vô thường thì không hề trị sau, nếu nói xưa là ngắn vô thường nay là dài vô thường cuối cùng là vô thường thì lẽ ra cũng ngày xưa thô ba ngày, nay diệu ba cuối cùng có ba. Nếu ba, một đối nhau, xưa ba hợp với không ba, lẽ ra cũng là thường, vô thường đối nhau, xưa vô thường nay không vô thường.

Thứ sáu là nói hai địa: Đối hai thứ sinh tử, trước gom ba về một thì thoát khỏi hai địa, thừa trời người nhập Nhất thừa cho nên lìa địa phàm phu, Thanh văn, Duyên giác nhập Nhất thừa cho nên lìa địa Nhị thừa; lìa hai địa Phàm Thánh cho nên phát tâm Bồ-đề, dần dần tu hành nhập Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa cho đến Đẳng giác, ở đây nghĩa nhân tròn đầy. Nếu quả cũng là vô thường thì chưa tránh khỏi hai thứ tử, nếu chưa thoát hai thứ tử thì chưa vượt qua năm trăm do-tuần. Nếu đã vượt qua năm trăm do-tuần tức là đã thoát khỏi vô thường. Lại nếu quả chưa thoát khỏi hai thứ tử thì quả chưa viên, nếu quả chưa viên thì nhân Thập địa cũng không mãn; nói về nghĩa nhân cũng không thành. Nay nói đoạn đầu khiến cho tất cả chúng sinh lìa địa vì Phàm phu Nhị thừa phát tâm Bồ-đề cho đến tu hành Hạnh Bồ-tát đến Đẳng giác. Chương sau nói quả dứt hẳn năm trụ phiền não, đủ làm nghiêng đổ hai thứ tử cho nên nghĩa quả viên. Do nhân mãn quả viên nên kinh này rốt ráo.

Thứ bảy là nói hai thứ diệu: Đoạn đầu nói Nhất diệu, đoạn sau nói thường diệu. Đoạn đầu nêu 1 diệu: Vì Đạo không hai nên gọi là một Như Hoa Nghiêm nói: "Tất cả người vô uý, một đạo thoát sinh tử". Nhưng nhất đạo có hai thứ:

1) Có chín mươi sáu thứ khác nhau nên gọi là nhất.

2) không có năm thừa khác nhau nên nói nhất, không có hai thứ này cho nên nói nhất đạo.

Do không có nhất đạo cho nên trái với đạo gọi là thô, đạo không hai cho nên gọi là diệu, nên đoạn đầu chánh là nói tất cả chúng sinh nhất đạo thanh tịnh. Đoạn hai nói nhất đạo là thường. Tuy biết nhất đạo thanh tịnh chỉ vì chưa biết nhất đạo là thường hay vô thường, nên kế là

nói nhất đạo là thường; do đạo là thường nên là diệu. Đức Như lai là người đã chứng Nhất đạo là vì đạo thường nên Chư Phật cũng thường, do đạo diệu cho nên người thấu đạt thì đạo cũng diệu, do đạo nhất nên người thông đạt đạo cũng nhất, cho nên Chư Phật mười phương đồng một pháp thân.

Vì sao? Vì phi đạo đã là vô thường, đạo cũng vô thường, đạo và phi đạo rốt cuộc có gì khác nhau ư! Nếu như do trước nói chỉ có một diệu không có thường diệu, thì vì diệu không đủ nên không thể gọi là Diệu Pháp Hoa. Lại nhất đạo là thường cho nên một có thể gọi là diệu, do trước nói một cũng là vô thường cho nên một cũng chẳng phải diệu. Nếu vậy chẳng những vô thường diệu, cũng không có một diệu, đã không có hai diệu chỉ có hai thô. Nay nói chỉ một chánh đạo tùy nghĩa mà nói, cho đến cùng cực không hai nên gọi là một, thể chẳng sinh diệt do đó gọi là thường.

Thứ tám là nói ba sự dẫn dắt. Đức Thích-ca một phen hóa độ gồm có ba dẫn:

1) Trước Pháp Hoa gọi là dẫn tà trở về chánh, khi Phật chưa xuất thế có hai thứ tà pháp: a) chín mươi sáu thuật của ngoại đạo xuất gia. b) Hết thảy chúng sinh tại gia thế tục. Hai hạng này tuy khác nhau nhưng đều không phải pháp Phật nên gọi là tà. Đức Như lai xuất thế dẫn dắt hai hạng người này trở về chánh pháp năm thừa. Trong hai hạng người này có người không nghe phi pháp do căn lành trời người mà thành thục, người có căn tánh Ba thừa thì dùng pháp Ba thừa mà hóa độ cho họ, cho nên dẫn dắt hai hạng tà này qui về chánh đạo năm thừa

2) Dẫn khác trở về đồng: trước Pháp Hoa tuy tránh khỏi hai thứ tà nhưng lại chấp năm thừa khác nhau vì vậy cho nên dẫn năm thừa này qui về Nhất thừa tức ý đoạn đầu

3) Dẫn nhân trở về quả: Năm thừa tuy nhập Nhất thừa còn là nhân vị cho nên dẫn nhân trở về quả khiến chứng pháp thân, như hàng Thanh văn lãnh giải rõ ràng bắt đầu vị Thập tín, Di-lặc dứt nghi nói rõ cuối cùng của Thập địa, dẫn hai nhân đầu cuối nầy trở về quả rốt ráo pháp thân của Như lai. Ba dẫn này chẳng giáo nào không thâu, nhiếp, chẳng nghĩa nào không cùng tận, chẳng phải chỉ hạn cuộc đức Thích-ca mà chính thông suốt Chư Phật. Đã dùng ba dẫn rốt ráo cho nên gọi là kinh tròn đầy tức là liễu nghĩa thường trụ. Lại ba dẫn rốt ráo nên phẩm dưới nói nhiều người đắc đạo. Từ trước Pháp Hoa chỉ có dẫn đầu chứ chưa có hai dẫn cho nên người đắc đạo còn ít. Nếu đoạn sau còn nói vô thường thì chỉ có hai dẫn chứ không có ba dẫn. Lại chỉ có dẫn Thanh văn chứ

không có dẫn Bồ-tát, do Thanh văn không tin một nay khiến nhập một cho nên dẫn Thanh văn. Bồ-tát và Phật đồng là vô thường làm sao dẫn Bồ-tát ư! Lại cũng không được dẫn Thanh văn. Vì sao? Vì Chư Phật và chúng đệ tử Thanh văn, Duyên giác đều là thân vô thường làm sao dẫn được. Lại nếu Phật vô thường khiến cho người Nhị thừa thoái tâm không còn cầu thành Phật. Lại người Ba thừa cũng là vô thường gọi là bán tự. Đại kinh chép: "Vì Thanh văn nói bán tự". Kinh này chính là dạy Bồ-tát vì sao nói bán tự ư!

Hỏi: Ba dẫn rốt ráo vì sao lại nói Niết-bàn?

Đáp: Các con có hai thứ:

l) Không thất tâm.

2) Thất tâm.

Con không thất tâm khi nghe ba dẫn rốt ráo đều được lãnh ngộ, còn người thất tâm khi nghe ba dẫn thì không ngộ được cho nên Phương Tiện xướng diệt vì nói Niết-bàn mới được thọ đạo; như vậy Niết-bàn vì hàng độn căn mà nói.

Hỏi: Niết-bàn vì hàng độn căn mà nói nên cạn cợt ư!

Đáp: Giáo chẳng phải nông cạn, chỉ vì duyên ngộ nên chuyển thế mà nói, Như cũng là một loại thuốc, người không thất tâm uống trước, người thất tâm uống sau, cũng là một chánh đạo người lợi căn thì ngộ trước kẻ độn căn ngộ sau ! Niết-bàn Pháp Hoa lại càng không khác.

Hỏi: Niết-bàn là vì hàng độn căn mà nói, vì sao kinh nói vì Ca-diếp là hàng tượng loài vương trong người mà nói ư?

Đáp: Cần phải hiểu hai duyên:

l) Trải qua giáo không ngộ duyên, đây là hàng rốt độn căn đến Niết-bàn mới ngộ.

2) Trước đã đắc ngộ nay đến Niết-bàn càng lại tiến ngộ, như hàng đại lợi căn, Ca-diếp,v.v... vì hạng này nên nói Niết-bàn. Lại có căn duyên không nghe giáo trước, nghe thẳng Niết-bàn liền biết đủ Như lai rốt ráo nhân quả gọi là người đại lợi căn.

Hỏi: Đã nghe giáo trước được ngộ vì sao gọi là độn? Trực kế nghe Niết-bàn lãnh giải vì sao gọi là lợi ư!

Đáp: Nghe qua các giáo từ Tiểu đến Đại từ cạn nhập vào sâu, nên gọi là độn, trực kế nghe rốt ráo mà ngộ gọi là độn căn.

Thứ chín là nói về nghĩa ba luân: Đoạn đầu bỏ ba bày một, nghĩa là giáo quyền thật gọi là nói pháp luân, chương kế nói về bỏ gần bày xa gọi là thần thông luân, nói pháp luân nghĩa là tất cả giáo từ đầu đến cuối, tất cả giáo tuy nhiều mà không ngoài quyền thật; năm thừa tức

quyền giáo, Nhất thừa tức thật giáo. Trước thì chia một thành năm nay thì thâu năm trở về một. Thần thông luân nghĩa là tất cả thân từ đầu đến cuối, tất cả thân tuy nhiều nhưng không ngoài thân bản tích. Đầu sinh cuối diệt trước phàm sau Thánh gọi là tích thân, không đầu không cuối không sinh không diệt, xưa thì dùng bản thùy tích nên ẩn bản vì hiển tích nay thì dùng tích hiển bản, phế tích mà nói về bản. Tha tâm luân: thông quán suốt hai giáo hai thân.

Hỏi: Trước Pháp Hoa có nghĩa ba luân hay không?

Đáp: Cũng có ba luân, nhưng nói pháp luân chưa khai giáo quyền thật, thần thông luân chưa khai thân bản tích, nay bắt đầu khai cho nên khác xưa.

Thứ mười là nói hai thuyết: 1) Trực nói. 2) Giải thích nghi thành nói trước. Trực nói: Đoạn đầu nói không có chín mươi sáu thứ tà dị cũng không có năm thừa chánh khác Chư Phật ba đời chỉ có nhất đạo. Đoạn hai thành nói trước, đạo tuy không hai nhưng vẫn là vô thường, lại đồng với chín mươi sáu thứ đạo, cũng lại đồng đạo năm thừa không gọi là một đạo. Nay nói chín mươi sáu đạo tự là đạo vô thường, nay nói một đạo là đạo thường, đạo năm thừa gọi là đạo vô thường, đạo Nhất thừa mới gọi là đạo thường cho nên nêu đạo thường thành nhất đạo ở trước. Kế là nói riêng nghĩa nhân diệu: Các vị xưa nói kinh này chỉ nói duyên nhân thành Phật chưa nói chánh nhân Phật tánh cho nên nhân cũng chưa diệu. Lời luận rằng: Trước đã nói lược, việc nầy không nên coi thường, nay sẽ nói rộng: Kinh này đối thô nói Diệu hình thức ba mà nói một, trước có Ba thừa thì có ba tánh nay chỉ Nhất thừa thì chỉ nhất tánh vì thường là như vậy, hoặc thừa một mà tánh ba vì thường không như vậy. Nay xin hỏi: Nếu thừa một mà tánh ba thì tánh đã có ba, tức chúng sinh có người thành Phật, có người không thành Phật, vì sao? Vì có nơi ba tánh mà không có nơi một tánh nên hoặc có người thành Phật có người không thành Phật. Nếu vậy vì sao kinh nói làm chút ít điều thiện đều thành Phật ư! Lại nếu nay không có tánh Nhất thừa mà thành Phật thì trước lẽ ra không có tánh Ba thừa mà thành Ba thừa. Lại trước có ba tánh mà thành lý ba, nay không có nhất tánh thì không thành lý nhất. Lại không có tánh Nhất thừa mà thành nhất, đồng với không có ba tánh sao không thành ba!

Lại đến Pháp Hoa tuy nói Nhất thừa còn có ba tánh Nhị thừa một mà tánh ba, nếu thừa một mà tánh ba thì xưa thừa ba mà tánh một; không thể thừa ba tánh một, đâu được thừa một mà tánh ba! Lại thừa một tánh ba tức sự trái nhau, người trí không tin. Ví như chỉ thành một

vì lại nói sữa có năm tánh, sữa có năm tánh đâu chỉ thành một vì, nếu thành một vị sao lại nói tánh năm! có chút hiểu biết chua mặn khác với cây đá, không nói lời nầy, có nói cũng không thành nghĩa làm sao lập.

Nếu nói nay giáo không có tánh Ba thừa khác trước có ba tánh, lẽ ra nay giáo cũng có nhất tánh khác trước không có nhất tánh, bởi cũng là số như vậy.

Nếu nói nay nói không có ba tánh lại nói không có một tánh thì đã không có ba tánh không thành Ba thừa, nếu không có một tánh làm sao còn thành Nhất thừa! Nếu nói Phật không nói có tánh Nhất thừa lại không nói vô tánh, chỉ vì che tướng nói Nhất thừa thành Phật thì không thành nhân duyên Phật do đâu mà được thành Phật! Nói về thành Phật thì có nghĩa ấy, chúng sinh lý thành Phật có thể thành Phật! Không nói có lý, không có lý thì do đâu mà thành ư! Ví như không nói đá màu vàng có vàng hay không có vàng mà bỗng khiến cho người đun luyện, việc ấy chưa nghe!

Hỏi: Kinh này đoạn dưới nói: Nhân thiên lưỡng túc tôn biết pháp thường vô tánh, đã nói vô tánh đâu được nói tánh Nhất thừa ư?

Đáp: Ở đây nói phá chấp tánh lại phá ngoại đạo và người Tiểu thừa chấp trong nhân có tánh, nếu như Đại kinh nói tánh của Phật tánh thì đâu được nói vô tánh ư!

Lại nạn hỏi rằng: Kia đã vô tánh cũng không có hạt giống Phật riêng khác với hạt giống Ba thừa, nay lại có hạt giống riêng khác hạt giống năm thừa vì sao không có tánh riêng khác với ba tánh ư! Nếu nói muôn hạnh là hạt giống không có tánh thì muôn hạnh của hạt giống này không có tánh làm sao được thành Phật. Lại một hạnh không thành Phật thì muôn hạnh cũng không thành Phật, muôn hạnh đã thành Phật thì một hạnh cũng chẳng thể nào không thành Phật được. Ngài Long Thọ nói: Trong đất bùn không có bình mà nặn ra cái bình, đầu ngón tay không có xe ngựa, thức ăn uống thì làm sao không có ra ư! Nếu lại nói sợ xưa ngã chấp chưa trừ nên không nói Phật tánh thì sao không sợ nay không được thành Phật mà nói có tánh! Không nên nhìn trước thì sợ, ngó sau thì mạnh dạn, lấy các việc suy tìm sẽ biết, nên nói Phật tánh lại nên nói Phật tánh, Vì sao? Vì Phật tánh là căn bản Phật thừa, do có Phật tánh cho nên nương vào duyên nói lên, nếu chỉ nói duyên nhân không nói bản tánh tức là bỏ gốc vin cành, vì không sáng suốt.

Lại ngài Thiên Thân giải thích Kim Cương Bát-nhã đã nói Phật tánh huống chi Pháp Hoa mà không nói, Lại sau khi Phật thành đạo năm năm nói kinh Như Lai Tạng, Nói có Phật tánh, huống chi Pháp Hoa

mà không nêu. Nếu nói chẳng có thứ lớp giáo cho nên không cần phải dẫn, cũng có thể nói Kim cương, Bát-nhã là vô phương nói ư! Nếu nói ngài Thiên Thân, v.v... không đáng tin thì năm thời là ngài Tuệ Quán chế ra, bốn tông là do ngài Quang Thống trước thuật thì do đâu mà chấp nhận, trái Thánh thuận phàm vì chưa có thí dụ ư! Nếu nói không có văn nói Phật tánh nên không dùng thì văn Niết-bàn, Hoa Nghiêm không có Lê da, Niết-bàn Hoa Nghiêm lẽ ra chưa nói tám thức. Cho nên, không thể căn cứ một kinh khiến đủ tất cả giáo, thì duy nhất có một bộ, tám phương làm sao thi hành. Vì có Phật tánh nên tu hành thành Phật nên gọi là diệu. Nếu không có Phật tánh thì không thể thành Phật nên chẳng gọi là diệu.

Kế là nói riêng về thọ lượng các vị xưa nói: "Từ Đại Phẩm đến Pháp Hoa đều là vô thường." ông dùng nghĩa gì để chứng minh Pháp Hoa là thường? Lời bình rằng: Nay dùng ba việc để chứng minh:

1) Chứng minh trước kinh Pháp Hoa.

2) Bà-tẩu soạn luận Kim cương, Bát-nhã cho rằng ba tướng khác thể cho nên lìa ba tướng kia là Như lai, ở đây nói ba tướng sinh trụ diệt cùng pháp thân khác thể, lìa ba tướng kia là một pháp thân Như lai thì biết Kim cương Bát-nhã đã nói nghĩa thường huống chi Pháp Hoa ở sau mà là vô thường ư! Bát-nhã là hơn Pháp Hoa là kém. Phẩm Thường Đề trong kinh Đại Phẩm nói: Sắc thân Chư Phật có đến có đi, pháp thân Chư Phật không đến, không đi là nói pháp thân là thường, huống chi là Pháp Hoa ư. Kinh Tiểu phẩm nói rõ pháp thân không thể dời đổi biến diệt cùng đồng ý với Đại Phẩm. 3) Kinh Tịnh danh nói: Thân Phật vô lậu, tất cả nguyện mãn đã tận, thân Phật vô vi không rơi vào các số, hai câu này đầy đủ giải thích thân Như lai là thường.

Hỏi: hai câu này làm sao đủ nói hết về pháp thân?

Đáp: thân Phật vô lậu là tử kiết đoạn, thân Phật vô vi không rơi vào các số là quả phược đoạn, tử quả đã dứt đâu chẳng phải thường ư! Lại thân Phật vô lậu cho nên khác thân phàm phu, thân Phật vô vi nên khác thân vô thường của Nhị thừa, vì vậy nên thân Phật thường hằng không có thay đổi. Lại thân Phật vô lậu năm trú phiền não đều nghiêng đổ, thân Phật vô vi nên hai thứ sinh tử đều xa lìa, đây khác với thân Bồ-tát. Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến Kim can trở xuống, một niệm vô minh chưa dứt còn gọi là các lậu vô thường, khổ báo còn tồn tại nên không gọi là vô vi, Đức Phật đã lìa tất cả nên gọi là thường. Lại thân Phật vô lậu không thể là hữu, thân Phật vô vi không thể nói là vô, phi hữu phi vô tức là pháp thân Trung đạo nên gọi là thường. Nếu là hai

bên thì gọi là vô thường. Lại thân Phật vô lậu tức là giải thoát, thân Phật vô vi gọi là pháp thân Bát-nhã, chỉ điểm tuy có ba mà không ngoài đắc ly để đủ ba đức, nên gọi là thường. Lại thân Phật vô lậu gọi là Không, thân Phật vô vi gọi là bất không cho nên Đại Niết-bàn nói đủ nghĩa không bất không tức là thường. Kinh Tịnh Danh còn nói về pháp thân là thường huống chi Pháp Hoa ư! Lại Tịnh Danh nói: "Các nhângiả! Thân này vô thường phải ưa thích thân Phật, đã nói thân này vô thường nên ưa thích thân Phật, thân Phật cũng là vô thường đồng với thân mình có gì đáng ưa thích!"

Hỏi: Bài tựa kinh Tịnh Danh nói về thường nhưng chưa phải là chánh tông kinh!

Đáp: Đây là người ngu hỏi. Hiểu rõ lời Tịnh Danh nói đều là tông kinh Tịnh Danh vì sao nói chẳng phải chánh tông ư? Cho nên, ngài Tăng Triệu nói: "Bắt đầu từ Tịnh độ cuối cùng đến cúng dường, văn kia tuy khác nhau mà bậc nhất bất tư nghì. Lại đã chẳng phải kinh tông tức hại cho tông làm sao nói ư! Lại Tịnh Danh có hai chỗ bốn hội. Hai chỗ là:

l) Am viên.

2) Phương trượng.

Bốn hội là: phẩm Phật Quốc nói hội đầu ở Am viên, Phẩm Phương Tiện nói hội đầu ở Phương trượng. Phẩm thăm bệnh đến Phương trượng có nhiều hội, phẩm Bồ-tát Hạnh đến Am viên nhiều hội. Nếu vậy phẩm Phương Tiện là ở nội thất nói vì sao nói chẳng phải chánh tông kinh ư! Lại nếu tựa kinh Tịnh Danh trái với chánh nói thì tất cả các kinh khác lẽ ra đều như vậy. Lại lời tựa truyện của Tử Hạ, tựa truyện của Nguyên Khải lẽ ra đều trái với chánh kinh.

Kế là dẫn văn kinh Pháp Hoa ba phen nói ba phen lãnh giải để chứng minh. Phẩm Phương Tiện nói một phen nói:

l) Nói rõ Giáo quyền thật.

2) Nói lược thân bản tích.

Như nói chỉ có pháp Nhất thừa gọi là Thật giáo, Phương Tiện nói Ba thừa gọi là quyền giáo. Ta trước ngồi đạo tràng gọi là tích thân, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay khen ngợi chỉ bày pháp Niết-bàn gọi là bản thân. Thân tử lại lãnh hội hai việc: văn đầu lãnh giải giáo quyền thật, văn kế nói như nay Thế tôn thì từ khi sinh ra, cho đến khi xuất gia và đắc đạo xoay bánh xe pháp cũng dùng Phương Tiện nói, đây là lãnh giải thân bản tích. Đã nói từ khi sinh đến khi xuất gia là Phương Tiện tích thân thì không sinh không diệt là thật thân. Đã dùng sinh diệt làm tích thân, tích thân là vô thường, vô sinh diệt là bản thân, bản thân thì

thường, đây là một thuyết, một lãnh giải. Kế trong phẩm Thí Dụ nói ba xe là quyền giáo, một xe là Thật giáo, Như lai đã lìa các lỗi nhân quả, đầy đủ tất cả đức gọi là Pháp thân; mà sinh trong nhà lửa cũ nát ba cõi gọi là tích thân. Lại nói, lúc bấy giờ Trưởng giả đứng ngoài cửa gọi là Pháp thân, sợ hãi vào nhà lửa gọi là tích thân. Tích thân ở tại ba cõi có tám tướng thành đạo nên có sinh diệt, bản thân vượt ngoài ba cõi nên không còn sinh diệt. Phẩm Tín Giải lại lãnh giải hai việc:

1) Khiến gọi thật giáo.

2) Khiến gọi quyền giáo. Trưởng giả nghiêm sức gọi là bản thân, cởi chuỗi anh lạc mặc áo thô xấu gọi là tích thân.

Hỏi: Đây nói bản tích thật như đã nói, vì sao dùng đây để chứng minh thường vô thường?

Đáp: Nay xin hỏi: Trưởng giả có quyến thuộc vây quanh gọi là pháp thân hay gọi là ứng thân! Nếu là pháp thân thì làm sao lại có quyến thuộc vây quanh, phát ra, thâu vào, lấy, cho lại vì sao nói trong đó dừng ở một thành; nếu là đức Thích-ca ứng thân thì cởi áo châu báu mặc áo thô xấu lại dụ cho thân gì ư! Nay nói Trưởng giả nghiêm sức tức là thân Xá-na, phát ra, thâu vào, lấy, cho gọi là giáo Xá-na. Nếu vậy hình Xá-na giáo ẩn chứa trong Pháp Hoa, giáo Pháp Hoa sao không nói thường ư! Lại vì sao nói là bán tự ư! Nếu Pháp Hoa là vô thường bán tự giáo thì nghĩa Xá-na, Phật giáo lẽ ra cũng như vậy.

Hỏi: Trong đó chỗ nào có văn nói pháp thân là thường?

Đáp: Trong đó dừng ở một thành đã là ứng thân, thì trước khi trong đó dừng ở tức là pháp thân. Cho nên dùng pháp thân hiện bày tích Xá-na thì pháp thân là thường.

Hỏi: Trong giáo của Đức Thích-ca chỗ nào có văn nói về ba thân?

Đáp: Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy thân ta có Xá-na là trăm ngàn Đức Thích-ca vây quanh, hoặc thấy thân ta đầy cả hư không tức là pháp thân, hoặc thấy thân trượng sáu tức là ứng thân.

Hỏi: Chỉ nói lãnh giải hai thân, vì sao kinh nay lãnh giải ba thân?

Đáp: Kinh này lãnh giải Nhất hóa từ đầu đến cuối cho nên lãnh giải đủ ba thân, ba thân riêng tự có sự lựa chọn.

Chu thứ ba cũng đầy đủ hai việc: Giáo quyền thật dễ biết, như nói Ta ở các cõi nước thành Phật lại có tên khác, đây là nói thân bản tích, trong phần lãnh giải lược mà không trình bày theo lệ trên có thể hiểu.

Hỏi: Nếu vậy ba chu nói đủ hình, giáo, thọ lượng, đâu cần nói nhiều ư!

Đáp hai châu giáo rộng thân lược, chu sau thân rộng giáo lược. Lại châu đầu nêu hai thân làm thành hai giáo, chu sau nêu hai giáo làm thành hai thân.

Kế là căn cứ hai thứ Niết-bàn chứng "tức thị", lược giải thích nghĩa Niết-bàn, căn cứ đại tiểu Niết-bàn gồm có ba thứ khác nhau:

1) Bản tánh vắng lặng khác với chẳng phảibản tánh vắng lặng.

2) Dứt hoặc nội ngoại của ba cõi.

3) Đầy đủ các đức khác với không đầy đủ các đức.

Bản tánh vắng lặng khác với chẳng phải bản tánh vắng lặng: phẩm Phương Tiện nói: Ta dùng Phương Tiện nói hết các khổ đạo (thị hiện) chỉ bày Niết-bàn cũng là chẳng phải thật diệt". Đây là nói Phương Tiện Niết-bàn xưa. "Các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, đời sau được thành Phật, đây là nói Niết-bàn chân thật của giáo này.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn đây có gì khác nhau?

Đáp: Trong văn đã nói rồi, nhưng có người nói rằng đây là văn Nhất thừa chẳng phải Niết-bàn. Nay nói không đúng. Văn kinh chính là đối với tiểu Niết-bàn để nói đại Niết-bàn, tiểu Niết-bàn là Phương Tiện, đại Niết-bàn là chân thật, cho nên câu trước nói chẳng phải chân thật, câu sau nói chân diệt.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn làm sao bỏ quyền bày thật?

Đáp: Như Kinh tự nói người Tiểu thừa diệt được phiền não nên gọi là tiểu Niết-bàn, trong Đại thừa nói các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hỏi: Diệt phiền não vì sao gọi tiểu, xưa nay vắng lặng vì sao gọi Đại?

Đáp: Tiểu thừa không biết phiền não và thân vốn tự bất sinh nay cũng không diệt, nên thấy có phiền não sinh nay muốn diệt, đó là quán sinh diệt nên nói Tiểu. Người Đại thừa biết phiền não vốn tự bất sinh nay cũng bất diệt dùng quán không sinh diệt nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao người Tiểu thừa cũng chứng mà không biết vốn bất sinh nay cũng bất diệt ư!

Đáp: Tức văn trước là nói căn cứ nghĩa có thể biết.

Lại Thích luận nói: Đại thừa không môn: nghĩa là tất cả các pháp tự tánh không, tự tướng không. Tiểu thừa không môn: tức phân tích pháp nói là không. luận Nhiếp Đại thừa nói: "Người Tiểu thừa chẳng biết các pháp tánh không, cho nên chẳng đắc pháp vô ngã chân như." Lại kinh Tịnh danh nói: "Đức Phật vì người tăng thượng mạn mà nói dứt ba độc

gọi là Niết-bàn, nếu không tăng thượng mạn thì Phật nói ba độc tức là Niết-bàn”. Ba độc tức Niết-bàn: ba độc vốn không sinh nay không diệt, đâu chẳng phải tức là Niết-bàn ư! Lại luận Pháp Hoa giải thích Nhị thừa và Nhất thừa có và không có nghĩa, nói không có Niết-bàn Nhị thừa chỉ có đại Niết-bàn Như lai, cho nên biết kinh này nói Niết-bàn khác với Tiểu thừa. Nếu vậy thân đâu đồng với xưa ư!

Thứ hai là nói Niết-bàn Tiểu thừa khác với Niết-bàn Đại thừa:

Phẩm Thí Dụ nói: người Tiểu thừa chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát nhưng thật sự họ chưa được tất cả giải thoát, tử quả trong ba cõi gọi là luống dối, người Nhị thừa vượt ra ngoài gọi là được giải thoát. Tất cả giải thoát: là tất cả cả tử quả trong ba cõi nội ngoại đều lìa gọi là tất cả giải thoát cho nên Niết-bàn đại tiểu nghĩa ngắn dài khác nhau.

Hỏi: Tiểu thừa diệt tử phược trong ba cõi gọi là hữu dư, diệt quả phược của ba cõi gọi là vô dư, Đại thừa thì thế nào?

Đáp: Diệt tất cả tử phược trong ngoài ba cõi đều hết gọi là hữu dư, diệt tất cả quả phược trong ngoài ba cõi tận gọi là vô dư.

Hỏi: Tiểu thừa trước đắc hữu dư sau nhập vô dư, Đại thừa thì thế nào?

Đáp: Tức nhất thời, chướng Phật vô minh đã dứt vô thường khổ báo tức là tịnh, cho nên hai Niết-bàn nhất thời, xuất xứ từ luận Nhiếp Đại thừa.

Thứ ba, là nói Niết-bàn đại tiểu khác nhau: Niết-bàn Tiểu thừa không đủ các đức, Niết-bàn Đại thừa có đủ các đức, như Phẩm Tín Giải nói: “Chúng ta đêm dài tu tập Pháp Không được vượt thoát hoạn nạn khổ não của ba cõi.” Niết-bàn Tiểu thừa vô thân vô trí nên gọi là không, chỉ có pháp vô nhân nên gọi là không, đại Niết-bàn đầy đủ thân trí và dụng nhân pháp, cho nên phẩm Tín Giải nói: “Vô lậu vô vi, đứng đầu các pháp”. Văn nầy chứa đựng tất cả nghĩa vô lậu nên gọi là đức Giải thoát, vô vi nên đầy đủ đức Pháp thân, Bát-nhã, Vô lậu vô vi tức là pháp, vua các pháp tức là nhân, cho nên biết thân Như lai vô lậu vô vi tức là Niết-bàn nhân pháp đầy đủ, Phẩm Tín Giải chưa giải thích đủ nghĩa nầy. Lại Phẩm Thí Dụ nói Niết-bàn Như lai khác Niết-bàn Nhị thừa nghĩa như nói: “Đều dùng Như lai diệt độ mà diệt độ cho, không khiến cho người được diệt độ riêng. “Đây là nói hai diệt đại tiểu khác nhau tức là các quả khác nhau. Lại nói là các chúng sinh vượt thoát ba cõi đều có thiền định giải thoát đầy đủ sự an vui, như Chư Phật, đây là nói các đức sai khác của Phật đức Nhị thừa tức quả nghĩa khác.

Hỏi: Đại kinh vì sao trước nêu quả sau nói về quả quả, văn Pháp

Hoa trước nói quả quá sau nói về quả ư?

Đáp: Luận Nhiếp Lại thừa nói hai quả của Phật đồng với Pháp Hoa mà khác hai kinh là Pháp Hoa vì hàng Tiểu thừa bảo thủ diệt làm chánh, muốn dùng Đại diệt thay Tiểu diệt như dùng xe lớn thay xe nhỏ, cho nên trước nói đại diệt, người Tiểu thừa không cho các đức là quí nên sau nói các đức. Đại kinh nói muốn khen ngợi Niết-bàn cho nên gọi Niết-bàn là quả ở sau cùng trong quả lại hai Kinh này thật không có trước sau, chỉ căn cứ nghĩa phân chia !

Hỏi: Nếu hai thứ Niết-bàn khác nhau muốn nói điều gì?

Đáp: Muốn theo ví dụ nói lên hai thân khác nhau. Hai thứ Niết-bàn Đại tiểu đã khác, hai pháp thân đại tiểu cũng khác. Năm phần pháp thân của Tiểu thừa là thân sinh diệt vô thường, Đại thừa pháp thân gọi là thân thường vô sinh diệt. Nếu kinh này nói pháp thân vẫn là vô thường, thì lẽ ra kinh này cũng nói Niết-bàn chẳng khác Tiểu thừa.

Hỏi: Kinh này nói Niết-bàn chẳng khác trước làm sao biết như vậy?

Đáp: Kinh này nói Phật đã là vô thường, cuối cùng nhập vô dư, đồng với Tiểu thừa. Lại phẩm đầu nói: Đức Phật đêm nay diệt độ như củi hết lửa tắt cho nên biết không khác với Tiểu thừa. Lời bình rằng: Đây là đại sự phải thỉnh rõ ràng nhất định, trước dẫn phẩm Phương Tiện và phẩm Thí Dụ, từ miệng Phật nói Niết-bàn đại, tiểu là khác, vì sao trái với lời Phật mà nói là không khác, như vậy tức là người không có lòng tin. Lại hỏi vặn rằng: Nếu hai thừa đại tiểu đồng một Niết-bàn thì nhân khác mà quả đồng, việc ấy không đúng! Lại Đại Tiểu thừa vốn kỳ vọng ở quả, ở quả đã đồng đâu cần nhân khác! Nay nói hai nhân khác cho nên hai quả cũng khác, không còn khác nhân cuối cùng trở về một nhân, không còn khác quả cuối cùng trở về một quả.

Hỏi: Kinh này nói đêm nay Phật diệt độ như củi hết lửa tắt đây là Niết-bàn khôi đoạn của Tiểu thừa, vì sao lại nói là Niết-bàn Đại thừa ư?

Đáp: Nói củi hết lửa tắt là cảm lấy làm củi, lẽ ra làm lửa cho nên cảm hết mà ứng dứt.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Phẩm Thọ Lượng nói: “Do sức Phương Tiện nên nói có diệt, không diệt, đâu đồng Nhị thừa khôi thân diệt trí nói như củi hết lửa tắt ư! Lại cảm hết thì ứng sẽ diệt, bởi thường là như vậy. Đại kinh chép: “Chư Phật Pháp nhĩ, hữu vi cũng vậy.”

Hỏi: Có người nói: các pháp xưa nay tương thường tự vắng lặng,

đây là nói Nhất thừa vắng lặng tướng Ba thừa, nay vì sao ông dùng phối hợp Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là vì nghĩa tình người đó thôi chẳng phải nghĩa Phật. Kinh Phật kệ trước nói chẳng phải chân diệt, kệ sau nói về chân diệt, vì sao đem phối hợp nghĩa Nhất thừa ư! Nếu dùng nầy nói về Nhất thừa không có ba tướng thì văn trước nên nói Ba thừa chẳng phải chân diệt, không nên nói Niết-bàn chẳng phải chân diệt.

Hỏi: Nay chánh là nói Ba thừa Nhất thừa, làm sao, hiểu được Niết-bàn ư?

Đáp: Chánh dùng Niết-bàn khác nhau cho nên chia ra Ba thừa, Nhất thừa khác nhau! Bởi do Nhất thừa Niết-bàn là chân diệt, Niết-bàn Ba thừa chẳng phải chân diệt, cho nên Nhất thừa là chân thừa, Ba thừa chẳng phải chân thừa. Nếu không dùng Niết-bàn khác nhau, để phân biệt ba, một, thì dùng vật gì để chọn lựa ư! Người giảng kinh phần nhiều mê chỗ này, mong xem kỹ văn.

Lại có người nói: Các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, đoạn đầu bỏ ba bày một chưa được nói là Đảo châu báu Niết-bàn, lại dùng Đại Phẩm thật tướng Niết-bàn cho nên nói xưa nay vắng lặng lời. Lời bình rằng: “Đó cũng không đúng. Nếu Nhiếp Đại Thừa và Địa luận chánh nói tự tánh thanh tịnh là đại Niết-bàn tức là văn nay nói xưa nay tướng vắng lặng. Luận kia đã giải thích Niết-bàn rốt ráo thì biết Pháp Hoa nói viên cực chân diệt.

Hỏi: Mọi người vì sao lại tối tăm mà riêng con lại sáng suốt ư?

Đáp: Đầu tiên giải thích dùng năm thừa hạn cuộc, sau giải thích dùng hai đoạn phê phán rõ không tìm văn kỹ nên mất diệu chỉ kia.

Kế là dẫn thuyết cũ của Quan Hà để chứng minh nghĩa thường vô thường, xưa ngài Trúc Pháp Hộ dịch cựu Pháp Hoa còn chưa thấy phê phán tông chỉ kia, từ ngài La-thập dịch tân bản ở Trường An, Pháp sư Tăng Duệ đích thân đối dịch. Lời tựa Pháp Hoa kia nói rằng: Dùng thọ mạng vô lượng trải qua nhiều kiếp cũng không đủ để nói về sự lâu xa kia, phân thân vô số muôn hình cũng không đủ để khác với thể kia, thế thì tuổi thọ nhất định chẳng phải số kia, phân thân kia rõ ràng không thật, Phổ Hiền hiển nghĩa kia không đến, Đa Bảo chứng nghĩa kia bất diệt. Lời bình rằng: Ngài Duệ Công tự thân kế thừa, ngài La-thập soạn lời tựa kia tức nói thường để chứng minh vì tông Pháp Hoa vốn không đắc, không nương.

Kế là ngài Mạo Lãng ở Hà Tây đối dịch Niết-bàn, người kia cũng dùng Pháp Hoa lược chung nói kinh Pháp Hoa gồm có năm ý. Ý thứ tư

nói: vì nói pháp thân chân hóa không khác, còn, mất, lý là một, như Phẩm Đa Bảo nói mà chúng sinh không hiểu vì nói lên nghĩa này cho nên nói kinh này. Lại nói tháp Đa Bảo hiện là nói pháp thân thường còn, phẩm Thọ Lượng nói rằng lượng bằng thái hư. Lời bình rằng: Đạo lãng soạn sớ giải Niết-bàn thạnh hành ở thế gian, ngài rất thông hiểu Pháp Hoa, lý chẳng lầm lẫn, nói về ý chỉ thường lại phù hợp với Tăng Duệ. Đạo tràng Tuệ quán nói: "Ba hội đồng đến liền quy về Nhất thừa, diệt ảnh, trừng thần làm điểm cuối của thừa". Diệt ảnh gọi là dứt tích, trừng thần thì nói về bản, cho nên tích vô thường mà bản thường. Lời bình rằng: lại đồng nghĩa với ngài Tăng Duệ.

Kế chú giải Pháp Hoa rằng: Số chẳng còn mất gọi là thọ, vượt ngoài hạn mức vắn, dài gọi là lượng, rõ ràng pháp thân không thuộc về hình tướng, tuổi tác, khiến cho Đại sĩ chiếu tu đến tột cùng. Không dùng Già-da mà thành Phật, trăm tuổi làm kỳ hạn. Lời bình rằng: Chú thích vẫn là nói về thường mà ý rất mầu nhiệm trong sáng. Vì sao? Vì đã nói chẳng còn chẳng mất, tức là bất sinh bất diệt chẳng dài chẳng vắn, chẳng thường, vô thường mà còn cùng kinh Niết-bàn nói về pháp thân tuyệt bách phi không khác. Kế là ngài Trúc Đạo sinh nói: Sắc thân Phật ứng hiện mà có, không có hình dnág thật, hình đã không thật thì làm gì có thọ ư! Vậy thì, muôn hình đồng rốt ráo xưa nay là một. Xưa cũng như nay, nay cũng như xưa, không thời nào chẳng có, không xứ nào chẳng hiện hữu, nếu có thì chẳng có xứ chẳng hiện hữu, tức chúng sinh, Phật thì không như vậy. Do đó, quyết định trường thọ gọi là ở Già-da. Già-da ấy lại chẳng phải Già-da; Già-da đã chẳng phải nghĩa sống lâu kia sao gọi riêng ư! Dài ngắn đây mất, dài ngắn đây còn. Lời bình: Đạo Lãng, Tăng Duệ chỉ nói nghĩa thường, Đạo! Sanh chú thích kinh nói nghĩa phi thường, phi vô thường. Thường, vô thường đều là bác bỏ bệnh tức đối trị Tất-đàn, bậc nhất nghĩa Tất-đàn tức là Pháp thân, Pháp thân đâu có năm câu thường, vô thường,v.v... có thể chấp thủ ư!

Hỏi: Phẩm Dược Thảo Dụ nói rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng, cuối cùng quy về không, lẽ nào chẳng phải cuối cùng nhập vô dư, xả thân trí vô thường ư! Lời bình rằng: Ngài Quang Trạch nói đây không hiểu ý văn. Nếu cho rằng kinh này nói Niết-bàn không tức là diệt thân trí. Kinh Niết-bàn nói đại Niết-bàn không, có thể như vậy ư! Lại nếu thân trí cuối cùng vô thường thì đâu khác gì với Nhị thừa! Nay nói Phẩm Dược Thảo Dụ có chia làm hai, rốt ráo nêu cả hai quả:

1) Văn đầu nói rốt ráo đến nhất thiết chủng trí, đây là đề cao trí quả rốt ráo; nói lên trí của người Nhị thừa không rốt ráo.

2) Nói Niết-bàn rốt ráo tướng thường vắng lặng cuối cùng quy về không, đây đề cao dứt rốt ráo nói lên người Nhị thừa dứt không rốt ráo. Đã nói hai nghĩa, do đó trước sau khai hai văn. Vì sau nói dứt rốt ráo, nên Niết-bàn Không, chẳng có các tướng.

Hỏi: Vì sao biết nêu quả và quả quả ư?

Đáp: Phẩm Thí Dụ hợp đại xa cũng nêu lên hai quả đều dùng Như lai diệt độ, diệt độ là quả quả, định tuệ của Chư Phật là quả. Công đức Phật tuy nhiều mà chẳng ngoài hai thứ nầy. Lại Long Pháp sư là tông Pháp Hoa chủ, Ngài nói: Đại Niết-bàn Không, chẳng có các tướng.” Lại nói Không, chẳng có phiền não đồng với ý nay. Ấn Pháp sư nói: “Cuối cùng trở về thường trụ bậc nhất nghĩa Không. Trung Pháp sư nói: “Cuối cùng trở về bậc nhất nghĩa Không trí tuệ. Lại có người nói quả Phật chẳng có hệ lụy cho nên Không. Chú giải rằng: Không có đồng tận mới gọi là không. Lời bình rằng: Các Pháp sư trước nói thường trụ không vô tướng hoặc chú giải ý kinh vượt xa sự phê phán trước, cho rằng Không hữu đều dứt bặt nên gọi là Không.

Hỏi: Đã nói Tuổi thọ đâu phải là thường ư!

Đáp: Nếu vậy xứng với Vô lượng thọ cho nên là thường! Kinh A-di-đà nói Vô lượng Thọ đã phi thường, nay nói tuổi thọ sao là vô thường ư! Nay nói có bốn câu:

1) Thật hữu lượng khen ngợi dài, xa cho nên nói vô lượng. Như kinh A-di-đà.

2) Thật vô lượng muốn nói lượng bằng thái hư cho nên nói Thọ lượng, tức ý kinh nầy, Kinh Kim Quang Minh cũng vậy.

3) Thật vô lượng mà nói vô lượng. Như Đại kinh nói chỉ có Phật mới thấy được thọ vô lượng của Đức Phật kia.

4) Hữu lượng mà nói hữu lượng: như nói Đức Phật Thích-ca thọ tám mươi tuổi.

Hỏi: Nếu kinh này nói thường sao lại dùng Niết-bàn ư?

Đáp: Trước đã nói rồi, Pháp Hoa đã nói Nhất thừa, Thắng-man đâu dùng nói một ư! Đại Phẩm nói Không giải, các Bát-nhã đâu cần nói ư! Lại nếu vậy thì thời thứ ba chỉ có Duy-Ma nói rõ khen và chê, Tư Ích lẽ ra vô dụng ư!

Hỏi: Hai kinh nói thường có gì khác?

Đáp: Kinh này nói thẳng hai nghĩa:

l) Giáo quyền thật.

2) Thân chân ứng. Lược khai hai nghĩa này thì đại chúng liền hiểu rõ. Đại kinh nói rộng bốn đức ba điểm, hai nhân duyên, chánh cho nên

nói khác với kinh này mà ý đồng.

Hỏi: Ông tuy dùng các môn nói Phật là thường, ở đây y cứ đạo lý nói là thường thôi, mà văn kinh nầy từ chính miệng Phật nói là vô thường, không lẽ trái lời kinh nói là thường sao! Như kinh nói lại gấp bội số trên tức cuối cùng có hạn cuộc cho nên cuối cùng là vô thường?

Đáp: Kinh này nói từ lâu xa đã thành Phật, là đây từ lâu đã chứng thường, khi chứng thường Bổ xứ còn chẳng biết được, nay nói lại gấp bội số trên tức sau khi chứng thường rồi, đây đâu thể biết hạng tìm học không biết chỉ có Phật mới thấy biết được thọ vô lượng của Đức Phật kia cho nên gọi là thường. Lại gấp bội số trên muốn trình bày nghĩa Đức Phật vô thỉ chung. Trước nói từ lâu đã thành Phật mà Dật-đa không thấy lúc đầu kia là nói nghĩa vô thỉ, nay nói lại gấp bội số trên Di-lặc không thấy ở sau là nói nghĩa vô chung.

Hỏi: Vì sao nói vô thỉ chung?

Đáp: Phẩm Hiện Tháp báu cũng do việc bí mật mà nói bất sinh diệt, nay mượn dụ vi trần để nói vô thỉ chung. Do thân bất sinh diệt khác thân phàm phu Nhị thừa, thọ vô thỉ vô chung khác với thọ phàm phu Nhị thừa, do thân của phàm phu nhị thừa bị sinh diệt biến chuyển, tuổi thọ thì có thỉ thành chung đều bị hoại trong một thời kỳ. Cho nên, thân Như lai bất sinh diệt tuổi thọ vô thỉ chung. Lại Triệu Pháp sư trong luận Niết-bàn chánh là nói hai nghĩa này, sáu đường là không, vì thâu nhiếp chúng sinh, sức gánh vác không có vì hóa độ thể kia, gọi là vô sinh diệt, tùy theo mà không được dấu vết, kế đón mà không nhìn ngó, đứng đầu mà không có đầu cuối. Triệu Công không thấy Niết-bàn Hoa Nghiêm, lại chọn Pháp Hoa Bát-nhã để soạn luận kia cho nên phù hợp với ý kinh.

Hỏi: Kinh nầy chỉ nói thành Phật đã lâu, vì sao là vô thỉ chung ư?

Đáp: Nay xin tìm hiểu rõ ý kinh, nếu chỉ nói thành Phật đã lâu thì đối với duyên cuối cùng có lợi ích gì? Vì sao? Vì mới thành và thành đã lâu đều là vô thường, nay khai thành đã lâu cuối cùng có lợi ích gì? Nay người chấp sâu ý Phật: trước nói lúc mới ở Già-da, cuối cùng đến Song thọ, nên nói thọ là vô thường. Bổ xứ không thấy lúc đầu người Hữu Học tận cùng không biết sau cuối, chỉ có Phật mới thấy thọ vô lượng Đức Phật kia. Xét theo ý chỉ của văn này đâu thể không tin thuận ư! Ba phen xem xét lại càng rõ ràng suy nghĩ rồi quyết định. Cho nên luận Pháp Hoa nói: Lại gấp bội số trên là thì hiện thường mạng của Như lai, Phương Tiện hiển nhiều số vượt quá số trên không thể biết. Tôi thấy văn nầy mà buồn vui lẫn lộn.

Lại hỏi: Nếu dùng mới thành làm Phương Tiện, lấy thành đã lâu làm nói thật, thì Pháp Hoa nói thành đã lâu đây là nói thật, Hoa Nghiêm nói mới thành chánh giác liền là Phương Tiện. Điều này chưa hẳn như vậy! Lại Đại kinh chép: Ta nghe nửa bài kệ siêu vượt Di-lặc chín kiếp được thành Phật trước. Nay xin hỏi: vượt chín kiếp ấy là nói thật hay quyền giáo, nếu là nói thật thì Pháp Hoa là Phương Tiện, lại nếu siêu vượt chín kiếp là nói thật thì các kinh luận Tiểu thừa nói siêu vượt chín kiếp. Nếu vậy thì Ba tạng là thật giáo, Pháp Hoa là kinh thuộc quyền giáo. Nếu nói Pháp Hoa nói lâu xa là thật, Đại kinh nói siêu vượt chín kiếp là quyền thì Pháp Hoa là thật Niết-bàn là quyền. Lại Pháp Hoa đã khai gần, vì sao Niết-bàn lại che xa ư! Nếu hai kinh gần xa hỗ tương nhau thì về giáo nghĩa ba, một cũng nên như vậy. Lại hỏi nếu Pháp Hoa bỏ gần bày xa nói thành Phật đã lâu làm bản, gần mới thành làm tích, vì sao phẩm Thường Bất Khinh lại che xa nói gần ẩn bản bày tích ư! Không nên trong một kinh mà trước sau trái nhau, nếu trong một kinh bản tích hoặc che hoặc khai thì ba, một hoặc hội nhập hoặc không hội nhập. Lại nếu kinh này nói đã thành Phật đã từ lâu là nói thật thì đầu tiên bỏ ba bày một cùng đồng với Chư Phật, bỏ gần bày xa chỉ riêng có đức Thích-ca. Nếu nói nghĩa này là theo lệ thì phẩm Phân Biện Công Đức ở dưới các Bồ-tát đều phát nguyện, nguyện ta ở đời vị lai nói tuổi thọ cũng như vậy. Đâu được nói chỉ riêng có đức Thích-ca bỏ gần bày xa mà các Đức Phật khác không ư! Do đây các việc rõ ràng chỉ biết nương vào vô thỉ vô chung để hiển nghĩa pháp thân thường, có thỉ có chung đều là ứng tích. Do nghĩa này giải thích các kinh trên không có chút bế tắc. Nghĩa nầy khó hiểu, nghĩa bản tích và phẩm Thọ Lượng văn luận lại rộng. Lại nếu nói gấp bội số trên để chứng minh vô thường tức là kinh có hai văn: Văn trước nói thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thường trụ bất diệt, văn sau lại nói gấp bội. Nếu cho nói sau là vô thường vì sao không dùng trước chứng minh là thường!

Hỏi: Vì sao trước sau trái nhau? Đáp: Văn sau nêu nhân nói quả, nói khi hành đạo Bồ-tát được thọ mạng đến nay chưa hết, huống chi được thọ mạng Phật mà có thể hết ư! Cũng như địa vị thái tử của cải tài vật còn chưa hết huống chi lên ngôi thiên tử bảng lộc càng bất tận.

Hỏi: Nhờ đâu được tuổi thọ bất khả tận ư!

Đáp: Từ Thập tín đến vị Thập địa hành đã sâu thì tuổi thọ cũng vô lượng, huống chi tuổi pháp thân mà có thể cùng tận ư!

Lại chắc chắn là vô thường mà nói là thường: đây là nương đạo lý thì lẽ ra được phước vô biên, vì Đức Phật nói giáo vốn vì hiển lý. Nếu

là thường trụ mà nói vô thường thì mắc vô lượng tội, như Thích luận nói, thật không có Phật mười phương vì cung kính mà nói có thì được phước; thật có Phật mười phương mà nói không thì mắc tội lớn. Nay nói là kinh rốt ráo pháp thân, bách phi, bất phi, bách thị, bất thị không khác với Đại kinh và Hoa Nghiêm, còn không thể nói thường được thì đâu thể nói là vô thường ư! Cho nên gọi là quả diệu, do nhân quả này diệu nên gọi là "Diệu pháp".

Kế là giải thích nghĩa Hoa sen: Có người nói tiếng nước ngoài gọi là Phân-đà-lợi, Hán dịch là hoa sen, hoa sen có bốn màu sắc lược ba lấy một, nghĩa là bạch hoa sen gọi là Phân-đà-lợi. Bạch: là màu trắng căn bản trong các màu cũng là dụ cho tuệ bạch tịnh, bình đẳng.

Hỏi; Vì sao Phật nhãn dụ thanh hoa sen (hoa sen xanh)?

Đáp: Thanh là màu xanh, dụ cho màu mắt của Phật, lấy nghĩa tương tự làm ví dụ. Bạch: là gốc của các sắc, nói Nhất thừa là gốc của Ba thừa cho nên chọn bạch mà không chọn ba màu kia.

Lời bình: Không đúng. Bởi Hoa sen là tiếng gọi chung, Phân-đà-lợi là danh từ riêng. Vì sao biết như vậy? Bài tựa của Duệ Pháp sư nói trong các loài hoa, hoa sen là quý nhất, mà hoa chưa nở gọi là Quật-ma-la, hoa nở sắp tàn gọi là Ca-ma-la, giữa thời kỳ phát triển tốt gọi là Phân-đà-lợi. Viễn Pháp sư nói: Phân-đà-lợi-già là tên khi hoa sen nở ra, nhưng thể của hoa này do thời gian biến chuyển, tên gọi cũng tùy theo hình dáng mà biến đổi. Lúc mới nhô lên khỏi mặt nước chưa nở gọi là Quật-ma-lam, lúc suy tàn gọi là Ma-lại, đang lúc nở đầy đủ xinh đẹp thì gọi là Phân-đà-lợi-già. Đại kinh quyển mười sáu giải thích mười hiệu: Hoa sen, Phân-đà-lợi trong cõi người, hai tên gọi đều xuất hiện nên có sự khác nhau chung riêng, lại nêu bốn hoa sau rốt gọi là hoa Phân-đà-lợi. Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây nói hoa sắc trắng tươi, lại các nơi khác dịch là sắc đỏ, thơm nhất là hoa sen. Nay nói hoa sen quý nhất trong các hoa, lại Phân-đà-lợi đẹp nhất trong các loại hoa sen do đó gọi là hoa Phân-đà-lợi. Lại kệ trong Đại kinh hỏi: Thế nào là ở trong đời vẫn đục mà không bị ô nhiễm như hoa sen? Phẩm Bồ-tát ở dưới nêu đủ bốn hoa để đáp, cho nên biết hoa sen là tên chung, Phân-đà-lợi là tên riêng; nay lấy tên chung dịch là hoa sen. Nếu chưa nở chỉ có nhân mà không quả, hoặc cách đã rụng chỉ có quả mà không có nhân, nay lấy chánh lúc nở, nhân quả rõ ràng. Hoa dụ cho nhân, thật dụ cho quả, hoa dụ cho giáo, thật dụ cho lý.

Hỏi: Vì sao bản Phạm nêu tên riêng là Phân-đà-lợi, trong đây còn tên chung là hoa sen ư?

Đáp: Phân-đà-lợi chắc chắn là hoa sen, nay chọn hoa sen Phân-đà-lợi chẳng khác hoa sen. Lại ở nước ngoài hoa này có ba thời khác tên, ở Trung quốc không dịch ba thời khác nhau, cho nên tên gọi chung bao gồm tên riêng.

Hỏi: Vì sao chọn hoa sen dụ cho kinh này ư!

Đáp: Nói lược có mười sáu nghĩa:

1) Nói hoa này là bậc nhất trong các thứ hoa. Thích luận chép: Trong đất sinh hoa Tu-mạn-na là bậc nhất, trong nước sinh hoa sen xanh là bậc nhất, để dụ kinh nà là bậc nhất trong các Kinh. Cho nên, đoạn dưới nói: Chư Phật đã nói, nay nói và sẽ nói mà kinh pháp này sâu xa mầu nhiệm bậc nhất.

Hỏi: Đã nói tức là trước Pháp Hoa, nghĩa là Bát-nhã,v.v... sẽ nói tức là sau Pháp Hoa nghĩa là Niết-bàn vì sao mà Pháp Hoa là khó tin hiểu ư?

Đáp: Các kinh Đại thừa hiển đạo chính là không khác, chỉ là Pháp Hoa về trước đại tiểu chia dòng, Pháp Hoa về sau gom ba lại rồi, nhưng kinh này là bắt đầu trái với ba, mới qui về một cho nên rất khó hiểu, gọi là bậc nhất.

2) Nói hoa nầy do hạt giống mà sinh dụ cho Nhất thừa từ duyên mà khởi. Cho nên kệ dưới nói: giống Phật từ duyên khởi thế nên nói Nhất thừa.

3) Nói hoa này nở, khép có lúc, nở thì ban ngày, khép thì ban đêm để dụ Nhất thừa ẩn hiện có lúc. Đại duyên chưa thuần thục nên ẩn, duyên thuần thục nên hiển.

4) Nói hoa này năng làm điềm lành, dụ cho thấy Pháp Hoa sẽ biết chúng sinh đều được thành Phật.

5) Nói hoa này có ba thời khác nhau mà cuối cùng không lìa một hoa. Dụ cho đối với nhất Phật thừa phân biệt nói ba, tuy nói Ba thừa cuối cùng trở về Nhất thừa.

6) Nói hoa này từ vi đến trước để dụ cho kinh này nói chúng sinh phước một lạy, công một niệm dần dần thành Phật.

7) Nói Đại phạm Vương tổ của chúng sinh từ hoa sen đây sinh dụ cho Chư Phật mười phương ba đời căn bản pháp thân do kinh này có.

8) Nói hoa này được chúng trời người yêu kính, dụ cho kinh này được các Thánh tôn trọng.

9) Nói hoa này tuy mọc trong bùn nhưng không bị bùn làm ô nhiễm để dụ cho Nhất thừa tuy ở trong Ba thừa bùn dơ, mà bùn dơ không thể nhiễm ô.

10) Nói hoa này mọc ở trong bùn dụ cho người Nhất thừa phải khởi từ nơi sinh tử.

11) Nói hoa nay khai mà hiện thật, dụ cho kinh này ngôn xảo mà lý hiển.

l2) Hoa nay không sinh mà đã sinh thì hoa hạt đều bao gồm, dụ cho kinh này không nói mà đã nói thì nhân quả đều rõ ràng.

Hỏi: Nếu hoa hạt đều bao gồm há chẳng phải trong nhân có quả, nhân quả đi chung ư?

Đáp: Hoa sen chưa phải là quả cho nên chẳng phải nhất thời, lìa hoa sen không quả cũng chẳng có trước sau.

l3) Nói hoa này phải sinh từ quả, các hoa khác không như vậy, hoặc sinh hoặc không sinh, dụ cho nhân Nhất thừa sẽ thành Phật, nhân Ba thừa hoặc thành Phật hoặc không thành Phật.

14) Nói hoa này được Chư Phật bước lên, là chỗ gá sinh của các Thánh dụ do kinh này được Chư Phật che chở dạy Pháp Bồ-tát.

l5) Nói khi hoa chưa nở thì hạt sen không hiện, dụ cho Phật lúc mới ra đời nói pháp nói có Ba thừa, Nhất thừa, hạt sen chưa hiện, hoa nở, hạt mới hiện, mở môn Phương Tiện Nhất thừa chân thật mới hiện. Cho nên, hoa này có mở, chưa mở dụ cho Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật.

l6) Khi Phật mới thành đạo ở thế giới Liên Hoa Tạng nói pháp môn Nhất thừa, nay vì Nhị thừa mà nói Nhất thừa khiến cho người Nhị thừa đồng nhập pháp giới, đồng ở cõi Liên Hoa Tạng. Cho nên, dùng hoa sen để tiêu biểu nghĩa này.

Hỏi: Hoa sen chỉ là thí dụ tên cũng được gọi là pháp nói ư?

Đáp: kệ trong Kinh Đại Tập, nói rằng: “Từ bi làm cọng, trí tuệ làm lá, Tam-muội làm tua, giải thoát là nở Bồ-tát làm ong chúa hút vị cam lộ cho nên kính lễ Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu quán ý nầy đầy đủ các đức làm hoa sen.

Hỏi: Hoa sen có mấy loại?

Đáp: Thích luận nói có ba loại:

1) Hoa sen ở cõi người, có hơn mười cánh.

2) Hoa sen ở cõi trời, có trăm cánh.

3) Hoa sen ở cõi tịnh Bồ-tát có ngàn cánh hoặc vô lượng lá, chọn sự tối thắng làm dụ tức nói hoa Bồ-tát. Mượn gần để so sánh xa tức gọi là hoa.

Về sau thấy luận Pháp Hoa nói kinh Đại thừa nói có mười bảy tên:

1) Nói lên công đức sâu xa, phải biết một tên kinh Vô Lượng Nghĩa là nghĩa chữ thành tựu của kinh, dùng pháp môn này nói cảnh giới pháp sâu xa mầu nhiệm kia, cảnh giới sâu xa mầu nhiệm ấy là cảnh giới pháp tối thắng của Chư Phật Như Lai.

2) Tối thắng Tu-đa-la: là diệu tạng tối thắng trong Ba tạng được thành tựu.

3) Đại phương quảng: vô lượng môn Đại thừa tùy căn cơ chúng sinh trụ trì thành tựu.

4) Pháp giáo Bồ-tát: là giáo hóa Bồ-tát căn cơ thuần thục, tùy khí pháp thành tựu.

5) Phật sở hộ niệm; nương Chư Phật Như lai có pháp này.

6) Pháp bí mật của tất cả Chư Phật, Pháp này sâu xa Như Lai biết.

7) Kho tất cả Phật: kho công đức Tam-muội của Như lai ở kinh này.

8) Chỗ bí mật của tất cả Chư Phật: căn cơ chúng sinh chưa thành thục chẳng phải pháp khí thì không cho.

9) Năng sinh tất cả Chư Phật: nghe pháp môn này sẽ thành Phật Bồ-đề.

10) Gọi là Đạo tràng của tất cả Chư Phật: nghe pháp môn này sẽ thành A-nậu Tam-Bồ-đề, ngoài kinh này ra thì không thể được.

11) Gọi là pháp luân do tất cả Chư Phật chuyển: pháp môn này phá được tất cả chướng.

12) Là Xá lợi cứng chắc của tất cả Chư Phật, nghĩa là pháp thân chân như của Như Lai ở kinh này không hoại.

13) Kinh đại xảo Phương Tiện: của tất cả Chư Phật: nương pháp môn này thành đại Bồ-đề rồi vì chúng sinh nói pháp cho hàng trời người, Thanh văn, Bích-chi-phật,v.v...

14) Kinh nói Nhất thừa: Pháp môn này nói lên thể A nậu Tam Bồ-đề rốt ráo của Như Lai, người Nhị thừa chẳng rốt ráo.

15) Trú bậc nhất nghĩa: pháp môn này tức là trụ xứ rốt ráo, của pháp thân Như lai.

16) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có hai nghĩa:

a) Nghĩa lên khỏi mặt nước: không thể ra khỏi hẳn nước, tức là ra khỏi bùn dơ của Tiểu thừa, lại có nghĩa hoa sen ra khỏi nước, bùn dụ cho hàng Thanh văn vào ngồi trong đại chúng của Như Lai như các Bồ-tát ngồi trên hoa sen, nghe nói cảnh giới vô thượng trí tuệ thanh tịnh chứng Như lai mật tạng.

b) Hoa nở, tức là chúng sinh đối với Đại thừa trong tâm sợ hãi không thể sinh tín tâm, khai thị pháp thân thanh tịnh mầu nhiệm của Như lai khiến họ sinh tín tâm. 17) Pháp môn: là nhiếp thành tựu. Nhiếp thành tựu là nhiếp lấy vô lượng danh cú tự thân. . . các bài kệ như Tần-bà-la, A-xá-bà.

IV Nói về tông chỉ của kinh:

Hỏi: Kinh này lấy gì làm tông?

Đáp: Nói thì rất nhiều, lược trình bày chỗ thấy có mười ba nhà.

1) Viễn sư nói: Kinh này lấy Nhất thừa làm tông, pháp Nhất thừa như gọi là Diệu pháp, như Phẩm Thí dụ nói: “Thừa ấy thanh tịnh mầu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không có thừa nào hơn.” Lời bình rằng: Chưa thấy bài tựa gốc của Viễn công, tương truyền như vậy. Xét thấy trong kinh từ đầu đến cuối tuy nói Nhất thừa mà Nhất thừa có đủ nhân quả, sao lại chỉ dụng nhân mà không dụng quả ư! Đây thì được nghĩa ở nhân mất nghĩa ở quả. Lại quả môn đã đầy đủ có thể được gọi là Diệu, nhân hạnh chưa viên sao được gọi là diệu, do quả diệu cho nên được làm Tông, nhân đã không diệu đâu được làm tông.

2) Long sư nói: Kinh này chỉ dùng quả làm tông. Ngài nói Diệu Pháp là thể linh trí của Như Lai, rèn luyện hết các căn dục thô này nên gọi là Diệu. Động tĩnh làm khuôn phép cho chúng sinh gọi là Pháp, pháp đã chân thật mầu nhiệm khó dùng lời để nói nên mượn hoa sen làm dụ lấy quả trí làm tông. Lời bình rằng: Quang Trạch thọ kinh với Ấn, Ngài Ấn sư bẩm thọ với ngài Long Thọ, Long Thọ là người tinh chuyên nghiên cứu Pháp Hoa. Nhưng đây giải thích dùng văn nghĩa cả hai suy tìm thật phù hợp với kinh. Làm sao biết? Vì bắt đầu khai tông, nói rộng đều khen ngợi tuệ Phật, nên nói: Vì nói tuệ Phật cho nên Chư Phật xuất hiện ở thế gian. Lại nói ta được trí tuệ mầu nhiệm bậc nhất, cho nên biết một kinh từ đầu đến cuối đều nói tuệ Phật. Xét theo lý thì trí tuệ Ba thừa còn chưa tròn đầy chỉ có trí tuệ Phật mới gọi là rốt ráo. Đã muốn dẫn dắt Ba thừa hướng đến Nhất thừa thích hợp khiến đều học trí tuệ Phật, tức là dùng tuệ Phật làm tông chỉ. Nhưng trí tuệ nầy soi chiếu không chỗ nào không tròn đầy, hệ lụy đều dứt hết gọi là diệu, thể đáng làm khuôn phép tắc gọi là Pháp. Chỉ một trí tuệ này là thật hai thứ còn lại chẳng phải chân thật gọi là nhất. Thông suốt tự tại tung hoành vận dụng không ngăn ngại gọi là thừa. Rõ ràng đây giải thích ý không gián đoạn. Chỉ vì đã có diệu quả thì phải có diệu nhân, xét thấy kinh từ đầu đến cuối nhân quả đầy đủ. Nếu riêng dùng quả làm tông thì được ở quả mà mất ở nhân, nghĩa cũng chưa tin thuận.

3) Đời Tống, Đạo Tràng Tuệ Quán Pháp sư có lời tựa rằng: Kinh này lấy diệu nhất làm danh, chân tuệ làm thể. Diệu nhất làm danh ấy là Ba thừa, khác dòng thì chẳng phải chân, cuối cùng mong hội nhập trở về thừa duy nhất, thừa đó duy nhất gọi là Diệu pháp. Tụng rằng: Thừa ấy thanh tịnh mầu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không thừa nào sánh bằng. Chân tuệ làm thể: đức Thích-ca dùng âm thanh mầu nhiệm lúc mới khen ngợi tuệ Phật sâu xa, đức Đa Bảo khen ngợi thì gọi là đại tuệ Bình đẳng. Tụng rằng: Vì nói tuệ Phật cho nên Đức Phật xuất hiện ở đời, chỉ có một sự thật này còn hai khác thì chẳng chân thật. Tựa kia lại nói: Bắt đầu gom ba trở về Nhất thừa. Đây là nói Ba thừa đồng nhập Nhất thừa bắt đầu được tin hiểu cho nên gọi là bắt đầu. Giác tuệ thành tựu viên mãn thừa đầy đủ, đây là nói quả Phật thành tựu tròn đầy gọi là thừa đầy đủ, là điểm cuối cùng của thừa. Đây diệt ảnh, lắng thần, là thừa cuối cùng, ở đây nói dứt tích qui bản, nói pháp thân thường hằng gọi là thừa cuối cùng. Tuệ quán soạn lời tựa xong đem trình ngài La-thập, La-thập khen rằng: người Thiện nam tự không thể thâm nhập kinh tạng thì đâu thể nói như vậy! Lời bình rằng: Tìm xem giải thích đây thể đầy đư, nhân quả tròn đầy, từ đầu đến cuối cả hai nêu bản tích đều rõ ràng, văn ý đầy đủ, khế hợp như ngài La-thập khen ngợi.

4) Ngài Ấn sư chùa Trung Hưng nói: “Kinh này cũng lấy tuệ thật Nhất thừa làm thể.” Dưới khai tông trong đó khen ngợi rằng: trí Phật sâu xa tức là tuệ thật, lại nói chỉ có Phật và Phật mới có thể cùng tận thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là diệu cảnh Nhất thừa. Cho nên, cảnh trí làm tôn kinh. Vì sao? Vì cảnh chẳng thật không lấy gì sinh tuệ thật, chẳngphải tuệ thật, không lấy gì chiếu soi cảnh thật, do đó gọi là Nhất thừa. Vì cảnh thật tướng thể không có ba giả dối cho nên gọi là thật tướng. Lời bình rằng: Ấn sư thọ kinh với Long sư, Long sư nói tuệ Phật làm tông mà Ấn sư lại dùng thêm cảnh cho nên dùng cảnh trí làm tông. Nhưng kinh chẳng phải không có cảnh trí, chỉ tại thiếu nhân quả nên đối với quán cũng chưa phải đều tốt đẹp.

5) Pháp sư Quang Trạch thọ học kinh với Ấn sư mà không dùng giải thích của Ấn sư, nói: “Kinh này lấy Nhất thừa nhân quả làm tông cho nên kinh có hai đoạn. Đoạn đầu bỏ ba bày một để nói nhân, đoạn sau bỏ gần bày xa để nói quả.” Lời bình rằng: Sự giải thích rõ ràng của ngài Quang Trạch, rất thịnh truyền ở đời cho người Hữu Học sau nghiên cứu. Lại đã có văn nhân quả, nên phù hợp với ý chỉ của kinh. Nay dùng văn nghĩa suy tìm ý còn chưa tin, vì sao? Vì đoạn sau nói bỏ gần bày xa có thể được gọi là quả, nhưng trước nói về bỏ ba bày một chẳng phải

chuyên nói nhân, Vì sao? Vì ngày trước nói ba nhân thì có nhân ba, quả ba, ngày nay nói về một thì có nhân một quả nhất, khai nhân ba quả ba trước đều là Phương Tiện, hiển nhân một quả chẳng nay đều là chân thật, sao được bỏ ba bày một để nói về nhân ư! Lại nhân quả vừa viên, bản tích chưa đủ như trước đã bình.

6) Sư nói: “Kính này đã bỏ quyền bày thật thì phải dùng hai trí làm tông, bỏ ba tức là nói quyền, bày một là nói thật, đoạn dưới bỏ gần bày xa nghĩa cũng như vậy; bỏ gần là quyền, bày xa là thật, chưa liễu tác giả. Lời bình rằng: hai tuệ Quyền thật xuyên suốt chung một kinh thật như đã nói. Xét thấy quyền thật đây chỉ là quả trí, cuối cùng lấy quả làm tông, đồng như lời bình ở trước. Lại nếu dùng quyền thật làm tông thì nên dùng đủ ba, một làm thể, nay không thể dùng ba, một làm thể thì sao được dùng quyền thật làm tông! Lại đoạn đầu bỏ quyền bày thật nên gọi là hai trí quyền thật, chương sau bỏ gần bày xa nên gọi là hai thân bản tích. Nếu đều dùng quyền thật thì thân trí lẫn lộn nhau.

7) Sư nói: “Đã gọi pháp tức lấy Diệu Pháp Liên Hoa làm tông, Diệu pháp tức là sở đắc pháp tánh chân thật căn bản của Phật, pháp tánh này không bị hoặc ô nhiễm, không đồng với hoặc nên gọi là tịnh, do tịnh nên gọi là diệu, cho nên dùng đây làm đề, tức lấy làm tông. Hoa sen: như trước dẫn Kinh Đại Tập, chọn các đức làm hoa không dùng hoa sen thế gian”. “Lời bình rằng: Tìm sư đây học tập ở ngoài phương này. Nghĩa là thức thứ tám tự tánh thanh tịnh cũng gọi là tánh tịnh Niết-bàn lấy làm diệu pháp. Đã nói là sở đắc của Phật tức lại là nghĩa quả giống như trước đã bình. Lại luận Nhiếp Đại thừa, Bồ-tát A tăng già soạn luận Thập Bát Không do Bà-tẩu soạn v.v... đều nói tám thức là vọng thức, nghĩa là căn bản sinh tử. Đời trước, Địa luận sư dùng thành Phật tánh gọi là chân cực. Trước Bát-nhã chưa độ, Viễn Sư đã ngộ là nghĩa chân không, Niết-bàn bất tận, Đạo Sanh soi biết là Phật tánh, các Địa luận sư có thẹn những gì trước thấy. Lại kinh này mục đích hưng khởi bất chánh nói về tám thức, nghĩa là tám thức giao riêng cho các giải thích khác.

8) Sư nói: Kinh này lấy thường trụ làm tông, vì sao? Vì đại luận Phật giáo tông chỉ ở thường cho nên kinh này lấy thường làm tông chỉ, nhưng giáo môn chưa cùng cực! Là che lấp tướng nói về thường”.

9) Sư nói: “Kinh này lấy sự nói lên rõ ràng về thường nên lấy thường trụ làm tông chỉ. Như văn dưới nói: thường trụ bất diệt. Chỉ vì cùng Niết-bàn nói về thường có rộng, lược khác nhau”. Lời bình rằng: hai sư này tuy có che, hiển khác nhau, nhưng nói về nghĩa thường thì đồng. Nhưng chẳng phải không có văn thường trụ, chỉ nghĩa thường là ý

bỏ gần bày xa, chẳng phải nói của một kinh từ đầu đến cuối. Lại Thích luận nói: Kinh Pháp Hoa là pháp bí thầm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, chẳng phải chính là nói nghĩa thường. Che lấp tướng cùng nói lên, đến Phẩm Thọ Lượng tự sẽ thấy rõ.

10) Sư nói: "Lấy muôn thiện làm thể chỉ khiến cho mỗi điều thiện sẽ không suy yếu đều sẽ thành Phật". Lời bình rằng: Muôn điều thiện làm thể cũng là nghĩa lấy nhân làm tông chỉ, được ở chương đầu mất ở đoạn sau, lại giống như trước đã bình.

11) Sư nói: "Muôn điều Thiện làm thể", Đây là đại thông suốt mà lạm dụng. Kinh này đã nói Nhất thừa, chỉ chọn công cụ trang sức của thừa, thích nghi dùng Nhất thừa làm thể, công cụ trang sức thừa như văn dưới nói: xe kia cao rộng cho đến dùng trâu trắng kéo chỉ chọn Đại thừa vô lậu để dứt bỏ pháp hữu lậu. Lời bình rằng: Xết thấy giải thích này dùng Nhất thừa làm thể không đồng với sư đầu. Sư đầu nói chung Nhất thừa, nay chỉ chọn vô lậu nói nghĩa; đã hạn cuộc chẳng phải sở dụng.

12) Lời tựa Pháp Hoa của Pháp sư Tăng Duệ ở Trường An nói: suy tìm ý chỉ của kinh sâu xa rộng lớn mầu nhiệm, đâu chỉ nói thật qui về bản mà đường lối khác nhau ư! Là đại minh giác lý bao gồm xưa nay tuổi thọ quyết định kia, chẳng có số phân thân kia, rõ ràng không thật, Phổ Hiền nói lên kia không đến, Phật Đa Bảo nói về không diệt, đây là mất công đối với bản vô quên kỳ vọng đối với nhị địa. Lời bình rằng: Duệ Công tự đích thân thừa sự La-thập, là tông truyền dịch soạn lời tựa này, cho nên tự đứng đầu các sư cùng Quang Trạch một môn nhưng số điều phần lớn khác nhau. Ban đầu bỏ ba bày một để nói về nhân. Duệ Công gọi chung là nói thật quy bản. Thuyết thật qui bản: Nhất thừa một nhân gọi là chân thật, chẳng phải chỉ đoạn đầu chính là nói về nhân, đây là một nghĩa khác nhau. Quang Trạch nói chương kế nói về quả cũng là số lượng, Duệ Công nói tuổi thọ nhất định kia chẳng có số, chẳng số nên thường hằng bất biến không có hạn số, hai nghĩa khác nhau. Quang Trạch nói kinh này chưa nói thường, chỉ một pháp thân mà dấu vết. Duệ Công nói phân thân rõ ràng không thật kia, vì không thật nên đức Thích-ca và phân thân đều là ứng tích, chẳng phải thật thân tức hiển pháp thân là thật, cho nên mất công đối với bản không quên mong mỏi ở nhị địa, đây đều là nói về quên danh bặt tướng, không trụ không đắc, không nhân không quả, chẳng đầu chẳng cuối không một không hai cho đến chẳng thường chẳng vô thường, nói lên thật tướng các pháp không thể nói năng bốn thứ không đồng, cùng Quang Trạch bốn điều

khác nhau sẽ dùng tuệ quán xét, ba việc đồng đã cùng với kia bẩm thọ cùng thầy là ngài La-thập, một xe không có hai dấu vết.

13) Lưu Cầu nhóm họp chú giải của Thái an Lâm Nhất Viễn công, La-thập, Tăng Triệu, Dung Hằng thuyết của tám Sư, tựa kia đại ý nói: giáo ngưng đọng nơi ba một, tiêu biểu quả mầu nhiệm ở ngoài thân một trượng sáu, không danh không tướng là chỉ qui của kinh này, từ phi đạo vượt ba không, trí thông Thập địa sao có thể nói được, danh đối với vô danh lẫn lộn nói đối với vô nói ấy ư! Lời bình rằng: Tìm ý chú giải cùng với Duệ quán,v.v... phần lớn là đồng, đồng nói về nói không nương không đắc, quên ngôn quên tướng.

Hỏi: Đã nghe nói khác chưa thấy tông này làm khác các sư, hay vì đồng các tượng (thầy khéo) ư?

Đáp: Nếu do ngộ mà nói thọ theo ngộ này nói khác đều nhờ đó được lợi ích thì các sư giải thích không thể gọi là sai, nếu nghe mà không ngộ thì các sư không thể gọi là đúng, ý của một sư chỉ quí ở ngộ. Nên dùng ngộ làm tông của kinh, bất luận đồng khác.

Hỏi: Phù hợp kinh cần nên ghi chép, trái văn nên bỏ, vì sao đỏ tím cùng quán suốt đục trong còn lẫn lộn dòng, chỉ ngộ làm tông, chưa liễu có thể lãnh giải ư?

Đáp: Nếu phù hợp kinh nghe mà không ngộ, đối duyên chẳng phải thuốc thì nên bỏ, như kia giải thích trái với kinh Phật, nghe mà thọ đạo thì thành lý cam lồ cần phải ghi chép cho nên ngọt hay độc không nhất định, chỉ ngộ làm tông. Về sau thấy luận Nhiếp Đại thừa cùng một sư phần lớn rất phù hợp, Bồ-tát đối với tất cả các pháp không có định giáo, không có định thân, chỉ lấy lợi ích làm nhất định.

Hỏi: Nếu đối duyên lấy ngộ, đều khế hợp đạo, trong luận vì sao hiển chánh phá tà?

Đáp: Vì duyên không ngộ cho nên phá tà như kia khế hợp đạo đều là chánh nói.

Hỏi: chỉ có ngộ mới hợp với đạo, chẳng hay ở đây nói xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đây chính là bản hoài của các thánh là tông lãnh của kinh, luận chẳng những hợp lý mà thật cũng có văn. Cho nên Đại kinh chép: "Tất cả các pháp không có tướng nhất định, nếu có tướng nhất định thì đó là tướng sinh tử hoặc tướng ma vương, chẳng phải tướng Phật pháp, do không có tướng nhất định nên đức Như lai đối với phi đạo nói đạo, đạo nói phi đạo, thường nói phi thường, phi thường nói thường. Nếu pháp có định thì phải lẽ ra nói phải, trái nên nói trái, mà phải trái trở lại

luận chân ngụy nói xen lẫn, cho nên biết pháp không có tướng nhất định chỉ ngộ là theo". Lại trong Tránh luận nói: "Các đệ tử của ta nghe nói rồi không hiểu ý ta, tuy lãnh chánh ngôn mà chính thành tà nói! "Lại Trung luận nói:" Tất cả thật, tất cả phi thật, vừa thật vừa không thật, chẳng phải thật, chẳng không thật." Người liễu ngộ đối bốn câu đều là Phật pháp, người không liễu ngộ bốn câu đều là pháp của ma.

Lại Thích luật nói: "Không đắc năng lực Phương Tiện Bát-nhã nên học môn A tỳ đàm rơi vào hữu kiến, học Không môn rơi vào vô kiến, học môn Côn lặc rơi vào không hữu kiến, học Phi hữu phi vô rơi vào ngu si luận, đắc Bát-nhã Phương Tiện học bốn câu nầy không rơi vào bốn kiến." Lại Văn kinh-thù chép: mười tám và bản hai đều xuất xứ từ Đại thừa, chẳng phải cũng không trái ta nói đời vị lai khởi hai mươi bộ này, đều là Như lai phó duyên Phương Tiện người nghe đều đắc đạo cho nên đều là Đại thừa", Lại nói kinh Đại Tập chép: "Tuy có năm bộ đều không ngăn ngại pháp giới Như Lai và đại bát Niết-bàn." Lại kệ của Ba tạng pháp sư Cầu-na nói: "Các luận đều khác nguyên nhân, tu hành lý không hai, thiên chấp có phải trái người thấu đạt thì không sai trái tranh cãi", Qua đây xét thấy dùng ngộ làm tông chỉ, sự phán định này nên tin, đây chẳng phải chỉ muốn thông một giáo mà chính là thông suốt chung các kinh.

Hỏi: Nếu chỉ ngộ làm tông chỉ, vì sao trước bình nghĩa được mất kia ư?

Đáp: Nếu trước đã thông hiểu thì không đợi nay hỏi, như kia chưa hiểu lại vì phân tích. Đại khái trước phán xét nói gồm có ba dấu vết:

1) Đối duyên đều ngộ thì các giải thích không sai.

2) Nghe đều mê lầm, thì nói khác cũng không đúng.

3) Tự có ở đây tức ngộ ở kia sinh mê, thì đây nói thành chánh, kia nói thành tà. Cho nên pháp không có tướng nhất định, nói lên ở đây chỉ ngộ là tông chỉ, sự rõ ràng ở nay nói.

Hỏi: Nếu căn cứ duyên ngộ làm chánh, duyên mê là tà, đây nói thông suốt, tự có kim khẩu Phật nói và không phải kim khẩu Phật nói, nhưng trong Phật nói có kinh liễu nghĩa kinh bất liễu nghĩa. Nếu vậy thì lẽ ra có chánh nói tà nói. Nay y theo văn mà phê phán, làm sao giải thích phù hợp với kinh ư?

Đáp: Như Lời bình ở trước được mất đã rõ ràng.

Hỏi: Trước nói được mất tự là tông chỉ xưa nay muốn an tâm mong nghe nói khác hay sao?

Đáp: Người muốn an thần ưa khác nhau, vì sự to lớn của nhập đạo,

lụy ở thông suốt giáo càng thêm độc, nay sẽ vì con mà trình bày sự thất tâm, có chỗ an tâm thì tình có chỗ nương tựa, tình có chỗ nương thì danh có sở đắc, có sở đắc thì có chỗ trói buộc, có chỗ trói buộc vì các sự ràng buộc như vườn rừng phủ tạng muôn sự khổ, cho nên muốn an thần sự lại chiêu cảm lỗi nầy.

Lại nói: Nguyện nghe nói khác, nếu nói cầu việc khác thì khác lại có khác, khiến cho khác khác không cùng. Lời xưa nói: chân ngôn qui về nơi cạnh tranh, biện luận tông vượt ngoài sự ưa khác; có thể nói là cách thành càng xa, đường nguy hiểm càng nhiều. Nếu trái ngược thì càng lầm lẫn rất xa, ắt muốn hội tụ hư tông khế hợp huyền tịch, phải tự đồng với trước khác với sau, trong thấy chẳng phải mình thấy, ngoài nghe chẳng phải mình nghe, hư tâm kia thật soi chiếu tức là nghe, điều chưa nghe chưa hề có pháp như thế, pháp ấy gọi là Pháp Hoa, đại tông chỉ Pháp Hoa, ý đó ở đây.

Hỏi Nếu tâm có chỗ nương đã gọi có chỗ buộc, tình không nơi nương tựa thì lại nhiễm không, kia còn đào núi đến hang đều không tránh khỏi hoạn nạn, cho nên đoạn kinh ở dưới dạy: hoặc có hoặc không kiến đầy đủ sáu mươi hai ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, trước là mượn không để nêu có, bệnh có đã dứt, không cũng chẳng để dấu. Thích luận chép: Như sương đá làm cỏ chết, cỏ chết mà đá tiêu, nếu x lìa được hai bên mới gọi là diệu ngộ.

Hỏi: lìa cả hai có, không chính là có thể hai kiến chẳng sinh, nay nói chẳng có chẳng không tức rơi vào ngu si luận ư!

Đáp: ngươi lúc mới dính mắc có, kế là theo dấu vết nhiễm không, nay tuy cả hai đều là bệnh tiêu nhưng cả hai chẳng phải tật khởi do thể gọi là chúng sinh khắp nơi đều đắm chấp lời chứng thật này. Nếu xa lìa được hai bên không chấp Trung đạo, vắng lặng như vậy không nương tựa, lý tự khế hợp sâu mầu, trở lại đạo gốc chấp đây ư!

Hỏi: Tuy nói chúng sinh chỗ nào cũng chấp, lại nói dẫn dắt khiến họ được ra khỏi xin nêu bày tông huyền diệu khiến cho hư tâm không nơi nương tựa ư!

Đáp: Kinh nói pháp ấy không thể nêu bày, tướng ngôn từ vắng lặng, nay sẽ chỉ bày cái không thể chỉ bày, ngươi phải nghe cái không thể nghe, kinh này lấy chánh pháp thật tướng làm tông, nói nhân nói quả, bỏ quyền bày thật đều là trong vô danh tướng mượn danh tướng nói làm dụng.

Hỏi: Làm sao biết thật tướng chánh pháp làm tông?

Đáp: Như trước đã dẫn, pháp ấy không thể chỉ bày tức là thật

tướng. Lại hai muôn ức Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ở quá khứ dạy: “Nghĩa thật tướng các pháp đã vì các ông nói”, Lại nói: tướng vắng lặng của các pháp thể dùng ngôn ngữ nói bày. Lại nói các pháp xưa nay tướng thường tự vắng lặng văn xứ rất nhiều không thể nêu đủ. Lại muốn nói về tông chỉ kinh thì phải quán xét đề kinh. Đề nói Diệu pháp tức là chánh pháp, chánh pháp như Hoa Nghiêm chép: “tánh Chánh pháp xa lìa tất cả đường ngữ ngôn, tất cả đường, chẳng phải đường đều là tướng tịnh diệt, chánh pháp bặt nơi danh tướng nên mới gọi là Diệu. Nếu đề cập đến bốn câu thì làm sao có diệu ư!

Hỏi: Nếu phi nhân phi quả thì lẽ ra cũng phi chánh phi tà, phi hư phi thật, vì sao gọi là thật tướng chánh pháp ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, phi tà phi chánh phi thật phi hư, chẳng biết lấy gì gọi, là vì muốn xuất hiện ở chúng sinh ở trong vô danh tướng, mượn danh tướng nói cho nên gượng gọi là chánh pháp. Đại kinh chép: Đê-la-bà-di thật không ăn dầu gượng gọi là ăn dầu đều có loại như vậy.

Hỏi: Nếu nói phi nhân phi quả phi hư phi thật, đây chính là chân đế bốn vong, làm sao khai diệu chỉ Nhất thừa ư!

Đáp: Đã nói phi nhân phi quả cũng phi tục phi chân phi duyên phi quán, cho nên Thích luận giải thích Bát-nhã: Nhân là một bên quả là một bên lìa hai bên gọi là Trung đạo. Lại nói duyên là một bên quán là một bên lìa hai bên mới gọi Trung đạo. Ngài Triệu Công nói: trong luận Niết-bàn chép: Pháp chẳng có tướng có, không, cho nên vô số ở ngoài, bậc Thánh chẳng có trí có, không, nên vô tâm ở trong, đối ngoài vô số ở trong vô tâm, kia đã vắng lặng chính gọi là Niết-bàn đâu phải chân đế.!

Hỏi: Vì sao nhân quả lấy làm dụng ư!

Đáp: Chánh pháp thật chẳng phải nhân quả, vì chúng sinh mà khai pháp môn nhân quả, nên gọi là dụng, quyền thật cũng vậy. Chỉ là nhân quả nay nói khác với nhân quả xưa, nói nhân là đầy đủ hai nhân:

1) Phật tánh.

2) Duyên nhân.

Vì chúng sinh có Phật tánh nên tu muôn hạnh mới thành Phật. Nói quả cũng đủ hai quả:

l) Chẳng có đức nào không tròn đầy.

2) Không hệ lụy nào không dứt hết, nghĩa nầy hiện ở luận Pháp Hoa ở sau sẽ nói. Cho nên, nói chánh Pháp là thể, nhân quả là dụng.

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 3

Hỏi: Thích Luận giải thích phẩm Vấn Thừa rằng: nêu mười thứ đại kinh, Vân Kinh, Kinh Đại Vân, Kinh Hoa Thủ, Kinh Pháp Hoa,v.v... thì kinh Ma ha Bát-nhã trong các kinh đó là sâu rộng nhất. Lại luận quyển một trăm nói: Pháp Hoa là pháp bí thầm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật không nói Nhị thừa thành Phật. Lại luận giải thích phẩm Nhất định chép: Tu Bồ-đề nghe kinh Pháp Hoa nói tất cả chúng sinh đều thành Phật. Lại nghe trong kinh Bát-nhã có người thoái thất vì vậy nên nay hỏi Phật là Bồ-tát vì nhất định hay không nhất định! Lại Thích luận phẩm Đại Minh chép: Các thiện pháp khác xếp vào Bát-nhã. Luận nói các thiện pháp khác gọi là kinh Pháp Hoa, lại nói Pháp Hoa là tên quả Bát-nhã. Văn luận năm chỗ có ba điều trái nhau: Đầu tiên văn nêu Bát-nhã hơn mà Pháp Hoa kém, văn thứ hai nêu Bát-nhã cạn, Pháp Hoa sâu. Ba văn còn lại không phân biệt sâu cạn, ba thứ trái nhau làm sao hội thông ư?

Đáp: theo thuyết năm thời nói, Nói về bốn tông thì nói đây hại nhau, mâu thuẫn không thể hội thông.

Hỏi: Vì sao như vậy ư!

Đáp: Các sư đều nói Bát-nhã cạn mà Pháp Hoa sâu, chắc chắn không có nói Bát-nhã hơn mà Pháp Hoa kém, cho nên biết không thể thông.

Hỏi: Đã trái với xưa nói nay làm sao dung hội ư!

Đáp: Nên rộng xem ý nghĩa luận mới nói, vì sao? Vì đây số câu văn chính là lưới giăng của Phật giáo không thể khinh thường cần phải suy xét cho kỹ.

Hỏi: Xưa nói thế nào?

Đáp: pháp sư Tuệ Quán chùa Đạo Tràng đời Tống soạn lời tựa Niết-bàn nói giáo có hai thứ:

1) Đốn giáo tức dòng Hoa Nghiêm.

2) Tiệm giáo nghĩa là thuyết năm thời, người đời sau lại thêm một

nữa nên có Giáo vô phương, ba đại Pháp sư đều dùng. Đến phương Bắc trở lại hình ảnh ngũ giáo soạn ra bốn tông, nay nương kinh luận Đại thừa nói về sự được mất kia.

Thích luận chép: Phật pháp có hai hạng:

1) Tạng Đại thừa.

2) Ba tạng Tiểu thừa.

Lại nói Phật pháp có hai đạo:

l) Đạo Thanh văn.

2) Đạo Bồ-đề-tát-đỏa trước căn cứ pháp chia làm hai, sau căn cứ nhân (người) chia làm hai. Lại Thích luận nói: sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ca-diếp cùng A Nan kết tập Ba tạng, Văn thù, Di-lặc cũng cùng A Nan kết tập Ma ha Diễn tạng. Đại kinh nói tự có hai thứ: bán tự và mãn tự, vì Thanh văn nói bán tự, vì Bồ-tát nói mãn tự.

Lại nói các đại chúng gồm có hai hạng:

l) Hạng cầu Tiểu thừa.

2) Hạng cầu Đại thừa.

Xưa Phật ở thành Ba-la-nại vì các Thanh văn xoay bánh xe pháp Tiểu thừa, nay bắt đầu nơi thành Câu-thi-na này vì Bồ-tát xoay bánh xe pháp Đại thừa. Lại kinh Pháp Hoa nói xưa ở thành Ba-la-nại xoay bánh xe nhỏ sinh diệt, nay đến núi Linh Thứu xoay bánh xe lớn vô sinh diệt. Lại Pháp Hoa nói hai thứ giáo:

l) Giáo Thanh văn.

2) Giáo Bồ-tát.

Giáo Thanh văn như thuê người hốt phân, giáo Bồ-tát như giao phó tài vật cho cùng tử, từ giao phó cho Bồ-tát trở đi đều là giáo Bồ-tát. Lại chỉ có thảo am và dùng nhà lớn chỉ có hóa thành giữa đường và dùng Đảo châu báu. Lại luận Nhiếp Đại thừa nói pháp Thanh văn pháp Bồ-tát, pháp Thanh văn chỉ dứt pháp chướng, pháp Bồ-tát dứt cả hai chướng hoặc trí. Lại Địa luận nói hai tạng đồng với Thích luận. Lại Tịnh Danh nói thuộc về pháp tạng Bồ-tát thì biết có thuộc về pháp tạng Thanh văn. Lại Trung luận nói pháp Thanh văn xế vào bậc nhất nghĩa đạo, Ma-ha-diễn xếp vào bậc nhất nghĩa đạo. Lại tất cả kinh lúc mới nêu cả hai chúng:

l) Chúng Tiểu thừa.

2) Chúng Đại thừa.

Các nơi như vậy,v.v... kinh luận chỉ nói Đại thừa, Tiểu thừa cho nên chỉ có hai thứ pháp luân không nên lập ba giáo. Lại xét theo lý căn tánh chúng sinh có hai thứ:

l) Hạng kham thọ Phật đạo.

2) Hạng không kham thọ đại đạo.

Kham thọ đại đạo thì nói Phật thừa, gọi là Đại thừa, không kham thọ thì nói Tiểu thừa cho nên biết chỉ nên có hai chứ không nên lập ba. Lại nói ba giáo không có mục đích căn cứ rõ ràng nên không thể dùng.

Kế là nói cũng không có tiệm giáo: Xưa nói Bát-nhã là thông giáo Ba thừa gồm dẫn bốn văn: Ban đầu nói muốn đắc Thanh văn địa phải học Bát-nhã cho đến muốn đắc Bồ-tát địa phải học Bát-nhã. Lại nói trong Bát-nhã ấy nói rộng giáo Ba thừa. Lại nói trí Nhị thừa dứt là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Lại nói muốn trụ Tu-đà-hoàn cũng không nên lìa nhẫn ấy. Cho nên biết Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa. Lời bình rằng: lời tựa luận nói Bát-nhã nhân duyên ý nói rằng: đối với Ba tạng chỉ vì Thanh văn nói pháp, chưa nói Hạnh Bồ-tát, nay muốn vì Di-lặc,v.v... nói rộng Hạnh Bồ-tát cho nên nói Bát-nhã, không nói nay muốn nói chung nhân hạnh của Ba thừa cho nên nói Bát-nhã, tức biết Bát-nhã chẳng phải Thông giáo Ba thừa. Lại luận nói Bát-nhã không thuộc Nhị thừa chỉ thuộc Bồ-tát, nếu Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa thì nên thuộc chung Ba thừa không nên chỉ thuộc Bồ-tát. Lại luận nói trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, trong tâm Thanh văn gọi là đạo phẩm. Lại nói trong tâm Bồ-tát gọi là Đà-la-ni, trong tâm Nhị thừa gọi là đạo phẩm. Nếu Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa thì ở tâm Ba thừa gọi chung là Bát-nhã không nên có tên riêng.

Lại nạn rằng: Nếu Ba thừa thông học Bát-nhã, thì Bát-nhã là Ba thừa Thông giáo: kinh Niết-bàn nói: Người Ba thừa đồng quán Trung đạo, người hạ trí quán nên được Thanh văn Bồ-đề cho đến hạng thượng trí quán cố được Chư Phật Bồ-đề lẽ ra cũng là Thông giáo Ba thừa. Nếu nói bởi nghĩa Niết-bàn một nhánh không đủ để chứng minh Đại tông thì phẩm Khuyến học khuyến khích Ba thừa học Bát-nhã cũng là một câu nói không đủ để chứng minh kia thông đến cùng. Lại nói Bát-nhã sinh ra Ba thừa nên gọi là Thông giáo Ba thừa thì Đại kinh nói tức là Thanh văn tạng sinh ra các Thanh văn, tức là nhân duyên tạng ra khỏi sinh ra Duyên giác lẽ ra là Thông giáo Ba thừa. Lại kinh Thắng-man nói đại địa sinh ra bốn bảo tạng, nhiếp thọ chánh pháp, sinh ra năm thừa, lẽ ra cũng là Thông giáo Ba thừa.

Hỏi: Đây chẳng phải nạn, Niết-bàn Thắng-man nói Nhất thừa Phật tánh, Bát-nhã không như vậy nên không được theo lệ ư!

Đáp: Nếu Niết-bàn chánh nói Phật tánh, lại có đồng nói Ba thừa

quán Trung đạo thì Bát-nhã chính là nói pháp giáo Bồ-tát cũng khuyên Ba thừa đồng học Bát-nhã, nghĩa nầy thuận bằng vì sao chẳng theo lệ này! Lại dẫn Thích luận nói về mười thứ Đại kinh nói Bát-nhã tối thắng, đã hơn Pháp Hoa thì đâu có nông cạn hơn Niết-bàn,v.v... được ư!

Hỏi: Bát-nhã chưa nói thường cho nên biết nông cạn ư!

Đáp: Trong đề kinh dùng dẫn văn xong nay lại phải nói. Luận Nhiếp Đại thừa dẫn Bát-nhã nói thừa có ba thứ: nhân thừa, duyên thừa, quả thừa, và quả thừa là thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu vậy, Bát-nhã nói về bốn đức, vì sao chẳng thường! Chỉ vì người không hiểu ý kinh cho là vô thường !

Hỏi: Vì sao Long thọ không nương theo đây giải thích ư!

Đáp Luận chủ cũng nói không vì Bát-nhã. Lại nói thường trụ Bát-nhã chẳng phải không có ý nầy.

Hỏi: Bát-nhã không phải Thông giáo Ba thừa, vì sao khuyên người Thông giáo Ba thừa học Bát-nhã ư?

Đáp: Nay sẽ trình bày cho ông hiểu: Từ Bát-nhã đến Niết-bàn đều là pháp giáo Bồ-tát, nhưng pháp giáo Bồ-tát gồm có hai thứ:

1) Hiển giáo.

2) Vừa hiển, vừa mật, như Bồ-tát hiển giáo Pháp Hoa, Niết-bàn, cho nên nói người Ba thừa đều là Bồ-tát Bát-nhã vừa hiển, vừa mật, Bồ-tát hiển giáo, Nhị thừa mật giáo.

Hiển giáo Bồ-tát: Khiến Bồ-tát tu học Bát-nhã thành Phật đạo. Mật giáo Nhị thừa; là khuyên Nhị thừa học Bát-nhã cũng khiến người Nhị thừa thành Phật đạo. Như trong giao phó tài vật nói thầm chỉ bày đại pháp để tự mình gánh vác cho nên giao phó tài vật cho cùng tử. Cùng tử căn độn không hay không biết cho rằng học Bát-nhã để chứng Ba thừa, nếu nói học Bát-nhã thành Ba thừa thì cũng thuộc loại cùng tử đó thôi.

Hỏi: Kinh và Thích luận nói học Bát-nhã thành Nhị thừa, vì sao giải thích như thế ư?

Đáp: Học Bát-nhã thành Nhị thừa là đây không hề biết Bát-nhã là Pháp Bồ-tát chứng Nhị thừa, nếu quyết biết Bát-nhã là Pháp Bồ-tát thì học Bát-nhã không chứng Nhị thừa.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Nếu học Bát-nhã chứng Nhị thừa thì ở tâm Nhị thừa nên gọi là chân Bát-nhã, vì sao luận nói ở tâm Nhị thừa không gọi là Bát-nhã, lại vì sao lúc mới khuyên Nhị thừa học Bát-nhã, sau chứng quả Nhị thừa không gọi là Bát-nhã, bậc Hiền! mong cầu vị xin lưu tâm đến ý nầy.

Lại học Bát-nhã thành Nhị thừa, đây là Bát-nhã ít theo khí phần, vì sao biết? Thích Luận nói: Nhị thừa chứng Không, sánh với Không của Bồ-tát. Ví như hư không trong lỗ chân lông, sánh với hư không mười phương. Lại luận Nhiếp Đại Thừa nói: Nhị thừa chỉ đắc nhân Không, chẳng đắc pháp Không, cho nên biết Nhị thừa chỉ đắc Bát-nhã ít theo khí phần.

Hỏi: Nếu như ý sau tức dùng lời này để chứng Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa đã ít được chịu theo khí phần đâu chẳng phải Thông ư!

Đáp: Nếu được ít phần liền nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa thì Đại kinh chép: như người được ăn cũng gọi là Niết-bàn, Nhị thừa dứt hoặc ba cõi đâu không được chút phần Niết-bàn ư! Vì thế không nên nói chút phần để chứng minh Thông giáo Ba thừa. Lại Tiểu Bát-nhã nói: kinh này vì người Đại thừa mà nói, vì người tối thượng thừa mà nói, cho nên biết Bát-nhã không phải là Thông giáo Ba thừa.

Hỏi: Trước nói Bát-nhã mật giáo Nhị thừa, lấy gì làm căn cứ ư?

Đáp: phẩm Tín Giải trong kinh Pháp Hoa nói: lúc xưa Đức Phật ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn ưa thích pháp Tiểu thừa, nhưng Đức Phật thật dùng Đại thừa để giáo hóa, cho nên biết Bát-nhã thầm nói Nhất thừa, đây cũng đắc tức là công khai nói Nhất thừa chỉ vì cùng tử độn căn không hay biết! Lấy đây suy xét không nên nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa.

Lại luận Nhiếp Đại Thừa chép: Bát-nhã thầm nói Nhất thừa, vì sao? Vì tất cả pháp đều là chân như, Ba thừa không lìa chân như tức nói nghĩa Nhất thừa chỉ vì Nhị thừa không hay biết! Lại nói tất cả mọi nơi tìm người không thể được, nếu không có người làm sao phân biệt đây là hàng Thanh văn nầy là hàng Duyên giác, đây là hàng Bồ-tát ư? Do vô ngã đồng cho nên phải biết tức là thầm nói Nhất thừa. Lại người Ba thừa đồng dứt hoặc chướng, do dứt hoặc chướng nên tức là đồng Nhất thừa.

Lại nghĩa xưa nói: Bát-nhã đã hội nhập pháp nhưng chưa hội nhập người. Hội pháp: tất cả các pháp đều nhập vào thật tướng các pháp, đều nhập vào Ma-ha-diễn, cũng đều nhập vào Bát-nhã, cho nên nói nếu có thật ngữ nhiếp tất cả thiện pháp thì nên biết là Bát-nhã. Vì thế, Bát-nhã đã hội các hành, các hành đều nhập Đại thừa, chỉ vì Nhị thừa căn duyên chưa thuần thục, chưa có khả năng khai hội cho nên nói chưa hội người. Dùng thầm hội pháp rồi, phải biết đã là nói Nhất thừa chỉ là chưa hội người cho nên người Nhị thừa không hay biết.

Kế là nói Tịnh Danh là khen chê pháp luân, thán rằng phàm phu

có tráo trở, chê bai Thanh văn là bại căn. Lời bình rằng: Đó cũng không đúng. Luận chủ giải thích Bát-nhã phẩm Ma sự nói: ví như con chó ngu si không đi theo nhà có danh tiếng giàu sang cầu xin thức ăn mà theo người làm lụng để xin. Chó là người Thanh văn, đại gia (nhà danh tiếng) là giáo pháp Đại thừa, người làm việc là kinh Tiểu thừa. Tịnh Danh tuy khuất nhục do bại căn chưa đạt đến Bát-nhã, chê bai như chó si mà nói khen chê cũng là nói lầm. Lại kinh Pháp Hoa nói: Lúc xưa ta đối trước Bồ-tát chê bai Thanh văn ưa pháp Tiểu thừa nhưng Đức Phật thật dùng Đại thừa để giáo hóa, đây là chỉ Bát-nhã mà làm chê khen chẳng phải do Tịnh Danh khen chê. Lại Tịnh Danh chê trách đủ cả Đại Tiểu, vì sao nói chê Tiểu khen Đại ư!

Hỏi: Tuy chê trách cả Đại lẫn Tiểu nhưng cuối cùng khen ngợi Đại thừa cho nên chê Tiểu khen Đại. Nạn hỏi rằng cuối cùng là khen Đại vì sao chê trách cả Tiểu và Đại, đã nói Đại thì chẳng chuyên khen Đại, nghĩa nầy như trong giải thích danh đã nói rộng.

Thứ tư Pháp Hoa là Nhất thừa giáo nhưng lẽ ra không nghi mà nghĩa cũng chưa hoàn thiện. Luận giải thích Bát-nhã Phẩm Nhất định rằng: Tu Bồ-đề nghe kinh Pháp Hoa nói tất cả chúng sinh đều thành Phật, lại nghe Bát-nhã có thoái thất cho nên nay hỏi là nhất định hay không nhất định. Nếu vậy chẳng lẽ Pháp Hoa nói nghiêng Nhất thừa, Bát-nhã đều không nói như thế. Lại luận nói Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã chẳng lẽ Pháp Hoa nói Nhất thừa giáo, còn Bát-nhã chưa nói!

Hỏi: Nếu không có năm thời thì đâu có ví dụ năm vị sanh nhau ư?

Đáp: năm vị và năm thời nghĩa không tương ưng, là muốn chứng thành trái lại tự hại. Trong năm thời lấy Bát-nhã làm thời thứ hai, trong năm vị thì Bát-nhã là vị thứ tư. Tuy muốn quanh co, hội nhập nói Bát-nhã mà tức là Pháp Hoa đại tuệ bình đẳng, đây chính là trở lại văn căn cứ nghĩa chẳng phải chỗ dùng.

Đại kinh chép: Như ta trước đối với trong Ma ha Bát-nhã nói ngã, vô ngã không, hữu hai tướng có thể gọi là bình đẳng đại tuệ dẫn Pháp Hoa ư! Đây là nêu tình người sâu xa chứ chẳng phải văn nghĩa. Lại Luận Nhiếp Đại Thừa nói thừa có ba:

1) Nhị thừa.

2) Đại thừa.

3) Nhất thừa. Nhất thừa tối thắng sao không nói ba thời ư!

Lại năm tướng lược kinh nên rõ giáo có ba thứ:

1) Tại vườn Nai vì Thanh văn nói Bốn đế.

2) Vì người đại căn nói các pháp lìa tự tánh bất sinh bất diệt. Đây cũng hữu thượng hữu dư bất liễu nghĩa nói khởi tranh luận.

3) Vì người cầu tất cả thừa nói các pháp lìa tự tánh bất sinh bất diệt vô thượng vô dư chẳng có chỗ tranh luận, một quyển kinh này tương ưng với luận Nhiếp Đại Thừa vì sao không nương kinh nói ba thời ư! Lại kinh Vô Lượng Nghĩa còn nói ba thời: lúc mới vì hàng Thanh văn nói bốn đế có tám ức chư thiên đến nghe pháp phát tâm Bồ-đề. Kế là nói mười hai nhân duyên sâu xa, vì người cầu Bích-chi-phật, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề trụ ở địa vị Thanh văn. Kế là nói Phương Đẳng mười hai bộ, Ma ha Bát-nhã Hoa Nghiêm hải không, nói Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành. Y đây thì có ba thời, nay lại nói vô lượng nghĩa cũng là bốn thời, lại nói Pháp Hoa là năm thời, Niết-bàn là sáu thời, lúc mới nói thừa trời người lẽ ra là bảy thời, vì sao không lập bảy thời! Không nên lập riêng bốn tông, chấp nhất định năm giáo.

Lại Thích luận nói Đức Phật ở vườn Nai nói pháp vô lượng Bồ-tát đắc vô sinh pháp nhẫn, vô lượng Bồ-tát đắc Nhất sinh Bổ xứ hiện thân thành Phật, đâu thể nói ở vườn Nai Phật chỉ nói Tiểu thừa ư! Lại Đại kinh chép: Lúc ta mới thành đạo cũng có Bồ-tát đến hội hỏi ta nghĩa sâu xa ấy, tức từ đầu đến sau đều nói Niết-bàn, không nên nói Niết-bàn là tiệm, Hoa Nghiêm là đốn. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: hoặc có người thấy ta nhập Niết-bàn, hoặc có người thấy ta là báo thân Phật có trăm ngàn đức Thích-ca nhiễu quanh, nếu vậy không nên nói Hoa Nghiêm là khi mới thành đạo thì đốn nói, đến khi Niết-bàn thì không nói, vì vậy nên tiệm đốn không thành.

Lại Thích luận nói có hai thứ pháp luân:

1) Hiển thị pháp luân.

2) Bí mật pháp luân.

Hiển thị: như ở vườn Nai, Đức Phật nói pháp Tiểu thừa cho năm vị và tám muôn chư thiên đắc đạo. Bí mật pháp luân: tại vườn Nai nói pháp Đại thừa vô lượng người phát tâm Bồ-đề cho đến hiện thân thành Phật như trước đã dẫn chứng. Như ở vườn Nai có hai việc này để nói về hiển, mật, tất cả mọi nơi đều lệ theo như thế. Như tại tinh xá Kỳ Hoàn, Thân Tử thấy đức Thích-ca nói pháp, các Bồ-tát thấy đức Xá-na ở Kỳ Hoàn nói pháp, đồ chúng đầy khắp pháp giới nói pháp môn pháp giới, người Nhị thừa không nghe không thấy đều thuộc loại kia.

Lại dùng bốn câu xuyên suốt chung các kinh:

1) Đầu nói Tiểu cuối nói Đại như ở vườn Nai trước nói Tiểu sau nói Đại thừa.

2) Đầu nói Đại sau nói Tiểu, khi mới thành đạo nói giáo Hoa Nghiêm, từ vườn Nai về sau nói Tiểu thừa giáo.

3) Từ đầu đến cuối đều nói Đại, như từ đầu đến cuối đều nói Niết-bàn.

4) Từ đầu đến cuối đều nói Tiểu thừa, như Thích luận nói từ đầu xoay bánh xe pháp đến đại Niết-bàn tập làm A-hàm, do hai giáo hiển mật và bốn câu khác nhau, đâu thể hạn cuộc ở năm thời dụng ba giáo, chỉ vì biết Như Lai tùy duyên nói pháp giáo không nhất định.

Hỏi: Các kinh như vậy,v.v... đều thuộc giáo vô phương nên không sai lầm phải không?

Đáp: Nói vô phương kinh luận không có căn cứ không nên lập; lại không nên lập giáo vô phương, vì sao? Vì nếu lấy Đại Phẩm làm thời thứ hai thì các Kinh Bát-nhã káhc đều thuộc thời thứ hai, lấy Niết-bàn làm thời thứ năm thì các kinh thường khác đều thuộc thời thứ năm, chỉ nên dùng loại nhiếp kinh không nên dùng giáo thuộc về vô phương. Nếu nói sinh nhau gọi là thứ lớp thì chẳng sinh nhau gọi là vô phương, đâu biết tám bộ Bát-nhã đều là sinh nhau ư! Lại nói năm thời sinh nhau kiểm lại đã không thành huống chi có bất tương thành gọi là giáo vô phương. Lại nữa ngài Long Thọ, Thiên Thân đều dùng loại mà phân chia Đại Tiểu, Ha-lê, Pháp Thắng dùng ví dụ mà bỏ ba tạng không nên lập giáo vô phương.

Hỏi: Các Địa luận sư ở đất Bắc cho rằng bốn tông năm tông,v.v... nói, việc ấy thế nào?

Đáp: Đây đều nói bốn, năm thời giáo cho nên nói như vậy. Năm thời đã không thành bốn tông tự phế bỏ.., Lại Bồ-đề Lưu-chi Hán dịch là Đạo Hy, đích thân dịch Địa Luận chỉ nói bán mãn, Lưu chi là tông chủ của Địa luận, tức biết bán mãn có nguồn gốc mà y bốn tông không có căn bản, mà liền tin sâu không lường được lý do.

Hỏi: Ông tuy rộng chê trách ba giáo và bác bỏ năm thừa, dẫn năm văn của luận trước làm sao hội văn! Truyện Long Thọ nói: “Mặt trời trí tuệ đã lặn, người này làm cho sáng trở lại, đời tối tăm ngủ mê đã lâu, người này tỉnh khiến đánh thức mọi người, người nước ngoài vì lập tông miếu thờ như thờ Phật. “Kinh Lăng-già chép:” Có vị Đại Đức Tỳ-kheo hiệu là Bồ-tát Long Thọ trụ Vui mừng địa vì người nói kinh Đại thừa. Kinh Ma-da nói: trong bảy trăm năm có một vị Tỳ-kheo hiệu là Long Thọ diệt tà kiến, thắp đuốc chánh pháp. Dùng kinh, truyện mà suy theo lý thì chẳng nói sai lầm. Nếu đây nói mà có thể lãnh hội thì rõ ràng như bày giữa trời sáng như cam lồ chảy khắp bốn thể, nếu như kia chưa hiểu

thì chẳng có gì nương gá vào tâm, khác nào đi giữa trời đêm, thì xin làm thông suốt khiến không chút chấp đắm ư!

Đáp: Văn khác với qui tắc thường, nghĩa trái với cách cũ, tuy muốn hội thông vẫn sợ chưa thể tức tâm, nay sẽ vì ông trình bày sơ lược cương yếu.

- Thứ nhất: Văn nói Bát-nhã là tối thắng trong mười thứ, nhưng xét cùng cực các kinh lấy thật tướng làm tông, tổng quát tâm các Thánh dùng diệu tuệ làm chủ. Xét muôn hóa thì chẳng có gì không phải tông mà là tông, tức vô tướng hư tông chẳng phải không khế hợp mà vô tâm khế hợp. Cho nên, bậc Thánh dùng diệu tuệ vô tâm khế hợp với hư tông vô tướng kia, trong ngoài đều sâu kín duyên trí đều vắng lặng đâu thể chấp nhận danh số trong đó ư! Hai thứ này tột cùng đắc một nguồn, tận diệu huyền lý đều thống nhất, giáo đều thu nhiếp, như hư không chứa đựng muôn tượng, biển lớn thâu nạp trăm sông, Bát-nhã nói đủ nói ý nầy, luận gọi là lớn nhất đâu thể là luống gọi.

Hỏi: Ông nói Đại vậy nay dùng văn gì để chứng minh?

Đáp: Bốn Tất-đàn thâu nhiếp mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng. Ba Tất-đàn trước còn có thể phá, có thể hoại, bậc nhất nghĩa Tất-đàn không thể phá hoại, trên hết không gì hơn, kinh này chính là nói bậc nhất nghĩa Tất-đàn, vì nói bậc nhất nghĩa Tất-đàn nên nói kinh nầy, tức biết Bát-nhã nói nhiều nói về thật tướng để chứng minh đại nghĩa của cảnh lúc mới. Lại nói ba Tất-đàn trước đều qui về bậc nhất nghĩa tức biết tám muôn pháp tạng vì nói lên đệ nhất nghĩa. Bát-nhã đã chánh nói đệ nhất nghĩa tức thâu nhiếp tám muôn pháp tạng cho nên biết là lớn nhất.

Ngài Long Thọ khai chín mươi chương để nói về hai tuệ, sáu mươi sáu phẩm nói về tuệ thật, từ phẩm Vô Tận đến cuối kinh nói về Phương Tiện tuệ, hai tuệ này là pháp thân cha mẹ của ba đời Chư Phật mười phương, như Tịnh Danh nói: trí độ Bồ-tát làm mẹ, Phương Tiện làm cha, tất cả đường ác sư đều từ đó mà sinh ra, đây là chứng minh trí đại nghĩa thứ hai, do hai nghĩa nầy tức đối với tất cả kinh là lớn nhất đâu chỉ có mười kinh ư! Bởi luận chủ lược nêu mười!

Hỏi: Các kinh lại nói hai thứ nầy đâu riêng gì Bát-nhã, chẳng phải luận chủ nhất thời đề cao ư!

Đáp: Bát-nhã chỉ nói hai thứ này, các kinh khác không như vậy. Lại các kinh nói hai thứ này đều thuộc về Bát-nhã nên trước nói các pháp thiện ấy, tức là Pháp Hoa đều thuộc về Bát-nhã, bởi theo lý luận chủ nói thật chẳng phải xưng tán theo ý mình.

Hỏi: Các kinh nói hai thứ này đều thuộc về Bát-nhã, lẽ ra cũng Bát-nhã nói hai thứ này thuộc về các kinh tức các kinh là Đại chẳng phải riêng gì Bát-nhã ư!

Đáp: Đã như trước nói về Bát-nhã chỉ nói hai thứ này, lại Bát-nhã đầu tiên nói, các kinh không có hai nghĩa này, cho nên không được gọi là Bát-nhã. Xưa có Đại Phẩm Sư cho rằng Bát-nhã là kinh đắc đạo, đây nói phù hợp ý chí lớn nhất của luận, vì tất cả đắc đạo đều do Bát-nhã cho nên Bát-nhã là lớn nhất, đây chung cho văn thứ nhất ở trên.

- Thứ hai là văn nói Pháp Hoa là pháp bí thầm nói Nhị thừa thành Phật, Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật nên không nói Nhị thừa thành Phật, vì vậy Bát-nhã cạn mà Pháp Hoa sâu. Các Giảng luận sư tuy tụng lời nầy mà phần nhiều không thông hiểu ý chỉ ấy cho nên giải thích lẫn lộn như vậy, hoặc tán dương Bát-nhã, hoặc chê Pháp Hoa, hoặc xa tin lời thầy, không rõ ý văn. Nay dứt các nói sai lầm như thế, dùng luận văn của ngài Long Thọ làm chính. Luận nói: Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật không nói Nhị thừa được thọ ký thành Phật, mà Pháp Hoa là pháp bí thầm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, chính y cứ Nhị thừa thành Phật, không thành Phật nên nói về bí mật và chẳng phải bí mật.

Hỏi: Bát-nhã không rõ nêu Nhị thừa thành Phật làm sao mà nói lên giáo, Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật làm sao gọi là giáo bí mật ư?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay sẽ nói rộng. Bát-nhã chỉ nói Bồ-tát là nhân Phật cho nên thành Phật, Nhị thừa chẳng phải nhân Phật cho nên không thành Phật, nghĩa nầy đối với trước dễ hiểu cho nên nói lên. Kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật trái với giáo trước, đối với trước khó hiểu nên gọi là bí mật. Luận chủ nói: Như dùng thuốc làm thuốc việc ấy là dễ, dùng độc làm thuốc việc ấy là khó, Bát-nhã nói Bồ-tát thành Phật như dùng thuốc làm thuốc, kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật như dùng độc làm thuốc, nghĩa ấy là khó hiểu nên gọi là bí mật.

Hỏi: Bí mật cùng hiển thị là sâu hay cạn, là đại hay tiểu?

Đáp: Luận chung hai nghĩa này thì có hai đường:

1) Tiểu thừa vì hiển thị Đại thừa nên gọi là bí mật, như luận quyển bốn nói: Phật pháp có hai thứ: a) Hiển thị. b) Bí mật. Hiển thị trong giáo nói A-la-hán dứt phiền não là thanh tịnh, các Bồ-tát chưa dứt phiền não, chưa thanh tịnh, tức Bồ-tát không bằng A-la-hán, cho nên xếp A-la-hán ở trước, Bồ-tát ở sau. Trong pháp bí thầm nói các Bồ-tát được sáu thần thông dứt tất cả phiền não trí tuệ thanh tịnh, vượt trên Nhị thừa, văn nầy

chính căn cứ Tiểu thừa cạn dễ là hiển thị, còn Đại thừa sâu xa là bí mật. Nếu vậy, thì Bát-nhã và Pháp Hoa đồng nói Bồ-tát đắc vô sinh pháp nhẫn đầy đủ sáu thần thông đều thuộc về giáo pháp pháp sâu xa bí mật, tức chỉ Ba tạng giáo là hiển thị.

1) Để nói nghĩa còn nông cạn làm hiển thị, nói nghĩa sâu xa làm bí mật, như luận quyển một trăm chép: Bát-nhã chỉ nói Bồ-tát thành Phật, Bát-nhã đã nói Phật thừa là thật, chưa nói Nhị thừa thành Phật, chưa khai Nhị thừa là Phương Tiện. Căn cứ một nghĩa nầy có kém hơn Pháp Hoa cho nên gọi Bát-nhã là nông cạn, Pháp Hoa nói nói Phật thừa là thật, lại bỏ Nhị thừa là quyền, cho nên Bát-nhã là sâu. Đây đồng căn cứ vào Đại thừa tự có sâu cạn cho nên chia ra hai giáo hiển mật.

Hỏi: Bát-nhã chưa bỏ quyền bày thật nên gọi là bí mật, Pháp Hoa đã bỏ quyền bày thật, lẽ ra thuộc về hiển thị vì sao không như vậy?

Đáp: Nếu dùng chưa liễu làm bí, dùng liễu làm hiển thị, như đã hỏi, chỉ vì nay dùng cạn dễ làm hiển thị, dùng sâu xa làm bí mật cho nên dùng Bát-nhã làm hiển thị Pháp Hoa làm bí mật. Trong Kinh Nhân duyên đã nói nghĩa nầy rồi.

Hỏi: Bát-nhã nếu nói nghĩa chưa liễu nên gọi là hiển thị, trước vì sao nói Bát-nhã đối với tất cả kinh Đại thừa rất sâu rộng ư?

Đáp: Mỗi mỗi đều có nghĩa ấy, chỗ nói sâu rộng là căn cứ hai nghĩa trước, sau nói chưa liễu là căn cứ chưa nói Nhị thừa thành Phật.

Hỏi: Nếu Pháp Hoa hơn nên nói nghĩa đã liễu, Bát-nhã kém nên nói nghĩa chưa liễu, vì sao lúc mới nói Bát-nhã là hơn nên nói nghĩa đã liễu, Pháp Hoa kém nói nghĩa chưa liễu ư?

Đáp: Không thể so sánh, ban đầu nói Bát-nhã nói rộng hai nghĩa như thật tướng cho nên hơn; Pháp Hoa không chỉ nói hai nghĩa cho nên Pháp Hoa kém! Không thể nói Bát-nhã nói nghĩa đã liễu, Pháp Hoa nói nghĩa chưa liễu, để phê phán hơn kém. Nếu Pháp Hoa hơn, Bát-nhã kém ấy chính căn cứ liễu, không liễu mà phân rõ.

Hỏi: Ông vì tự tạo sự phán xét đây là nghĩa có sở cầu ư?

Đáp: Lý thường tự nhiên đâu phiền nay hỏi ư. Giải thích như thế xong lại thấy trong đó liên quan đến bài tựa Kinh Tiểu Phẩm của Ngài Tăng Duệ, phần nhiều phê phán hai kinh hơn kém sẽ đồng với ý tôi. Tăng Duệ nói Bát-nhã là chiếu, Pháp Hoa là thật. Kia luận cùng tận lý tánh thường nói muôn hạnh thì thật không bằng chiếu. Chọn Đại minh kia chân thật hóa giải vốn không có ba thì chiếu không bằng thật, vì vậy cho nên khen ngợi chiếu thì công Bát-nhã nặng, khen thật tức dụng thì Pháp Hoa cao, khảo xét liên quan trong văn này thấy sâu, ý luận mầu

nhiệm đắc tông chỉ kinh.

- Thứ ba, phẩm Nhất định chép: từ Bồ-đề nghe kinh Pháp Hoa nói về bất thoái, lại nghe trong Bát-nhã có thoái vì vậy nên hỏi Phật: Bồ-tát ấy nhất định hay không nhất định? Phật đáp: Đều nhất định. Nhất định: là sơ tâm hậu tâm tất cả Bồ-tát đều bất thoái vì vậy nên nhất định. Ý luận nầy nói Bát-nhã và Pháp Hoa không hơn, kém nhau, vì Bát-nhã, Pháp Hoa đồng nói tất cả chúng sinh nhất định thành Phật, vậy nên hai kinh không có hơn kém; đã không hơn kém nhau thì hai kinh đồng gọi là bí mật.

Hỏi: Văn này và văn thứ hai trái nhau làm sao hội thông?

Đáp: Luận chủ nói Bát-nhã chẳng phải nhất thời, nhất hội mà nói, dùng lời đây suy xét thì trước phân minh thoái ấy là ở trước Pháp Hoa, phần sau bất thoái ấy là ở sau Pháp Hoa, cho nên cả hai lời nói không trái nhau.

- Thứ tư, lại trong bất khả tư nghì Đức Phật là tối thắng bất khả tư nghì. Như Đại kinh chép: hoặc thấy Phật đêm nay nhập diệt, hoặc sau mười lăm ngày mới bắt đầu thăm hỏi, hoặc một năm sau mới chọn Niết-bàn. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: hoặc thấy Song thọ, Nê-hoàn ngày nay, hoặc thấy ứng sinh xuất gia, hoặc thấy làm Xá-na ở chỗ Liên Hoa Tạng, hoặc thấy phân Phật đầy khắp hư không, nếu vậy thì không thể quyết định Bát-nhã trước mà Pháp Hoa sau hay Pháp Hoa trước mà Bát-nhã sau, cho nên hợp thời mà nghe, tùy căn cơ mà thấy.

- Thứ năm, Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã, luận nói Bát-nhã không thuộc Nhị thừa chỉ thuộc Bồ-tát, tức Bát-nhã là pháp giáo Bồ-tát, Pháp Hoa nói Nhất thừa cũng nói pháp giáo Bồ-tát được Phật che chở. Vì vậy cho nên Bát-nhã là tên khác của Pháp Hoa. Lại phải từ hai thứ trí tuệ cha mẹ mới sinh ra Chư Phật, Bát-nhã đã nói hai thứ trí tuệ ấy thì Pháp Hoa nói thành Phật cũng đồng Bát-nhã, tức Bát-nhã không khác Pháp Hoa, chỉ có một bên bỏ quyền là khác Bát-nhã mà thôi!

Hỏi: So sánh Bát-nhã với Pháp Hoa đã đủ ba nghĩa, có thể được đem Bát-nhã vọng Niết-bàn cũng đầy đủ ba nghĩa dùng không?

Đáp: Cũng đầy đủ ba nghĩa theo ví dụ như thế có thể biết: Bát-nhã chính nói cách trí hai nghĩa, Niết-bàn không chính nói nghĩa nầy kế là như Pháp Hoa có thể biết. Do hai nghĩa ấy nên Bát-nhã hơn Pháp Hoa kém.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Luận nêu mười thứ. Đại kinh chép: Bát-nhã là lớn nhất trong mười thứ kinh có kinh Đại Vân, kinh Đại vân nói Phật tánh thường trụ

v.v... cho nên Bát-nhã hơn, Niết-bàn kém.

2) Bát-nhã chưa nói chúng sinh có Phật tánh, theo lệ như chưa nói Nhị thừa thành Phật, cho nên Bát-nhã kém mà Niết-bàn hơn.

3) Hai kinh không khác, Bát-nhã cùng Pháp Hoa đồng nói Nhị thừa thành Phật cũng đồng nói Phật tánh, cho nên hai kinh ngang nhau. Lại Bát-nhã chỉ giáo Bồ-tát thì Niết-bàn cũng như vậy, cho nên không khác.

Hỏi: Sau Bát-nhã nói về nghĩa đồng với Pháp Hoa, nói bất thoái vì sao có đồng nói Phật tánh và Niết-bàn ngang nhau ư?

Đáp: Văn Bát-nhã đã nói tất cả Bồ-tát bất thoái thì biết đều có Phật tánh, lại cùng ngang bằng với Pháp Hoa, trong kinh Pháp Hoa nói Phật tánh tức là Bát-nhã nói có Phật tánh. Ở đây lược nêu ba văn chỉ nói đồng khác mà thôi không thể dùng hạn cuộc các nghĩa khác.

Hỏi: Bát-nhã và Tịnh Danh, Pháp Hoa là đồng hay khác, vì sao?

Đáp: Tịnh Danh và Bát-nhã phần đầu đã nói Phật thừa là thật nhưng chưa khai Nhị thừa là quyền, nghĩa này không khác, nay nói lược bốn nghĩa khác nhau: Bát-nhã nói rộng Hạnh Bồ-tát, như Thích luận chép: nay muốn vì Di-lặc v.v... nói rộng Hạnh Bồ-tát. Tịnh Danh nói lược Bồ-tát có hai hạnh quan trọng:

1) Thanh Tịnh cõi nước Phật.

2) Thành tựu chúng sinh.

Như phẩm Cõi nước nói hạnh Tịnh độ. Từ phẩm Phương Tiện trở đi phá ba hạng người nói thành tựu chúng sinh. Phẩm Phương Tiện phá kiến chấp phàm phu cho nên nói lỗi lầm sinh tử, khen ngợi công đức pháp thân khiến hàng phàm phu nhập vào pháp môn Bồ-tát. Kế phá kiến chấp Nhị thừa nói Pháp môn Bồ-tát như phẩm Đệ Tử nói. Kế phá kiến chấp của Bồ-tát Đại thừa như phẩm Bồ-tát nói. Phàm phu chấp đắm sinh tử, sinh tử là phiền não của phàm phu, Nhị thừa đắm Niết-bàn, Niết-bàn là phiền não của Nhị thừa, Bồ-tát chấp Phật đạo, Phật đạo là phiền não Đại thừa, cho nên phá ba hạng người này đều chứng ngộ bất phàm, bất Thánh, bất tiểu, bất đại pháp môn không hai, rồi sau dùng hai trí quyền thật thích nghi hóa độ vô phương tùy duyên lợi ích chúng sinh. Tịnh Danh đại khái như thế.

Hỏi: Vì sao kinh Tịnh Danh nói thành tựu chúng sinh thanh tịnh cõi nước Phật ư?

Đáp: Thích luận nói: Bồ-tát đắc vô sinh nhẫn về sau không còn có các việc khác chỉ thành tựu chúng sinh thanh tịnh cõi nước Phật, Tịnh Danh đã đắc vô sinh nên nay làm hai việc này. Lại vì thích nghi hóa độ

khác nhau, không cần hỏi.

Tịnh Danh phá ba hạng người khiến nhập Pháp môn Bồ-tát, ba hạng người này tức là người của năm thừa, phá phàm phu gọi là thừa trời người. Kế phá Thanh Văn tức người Nhị thừa, phá Bồ-tát tức người Đại thừa, phá người năm thừa khiến nhập vào pháp môn Bồ-tát cùng Pháp Hoa hội năm thừa qui nhất có gì khác nhau ư?

Đáp: Bày thật đồng với Pháp Hoa, chưa khai thật khác với Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao hiển thật đồng vì sao chưa bỏ quyền khác?

Đáp: Phá ba hạng người, nói lên Pháp môn Bồ-tát sâu xa mầu nhiệm vô ngại vô phương, Pháp Hoa cũng nói pháp môn Bồ-tát sâu xa mầu nhiệm rốt ráo chân thật cho nên đồng. Chỉ vì tuy phá ba hạng người mà nói kia là có sở đắc, chưa nói năm thừa đều là Phương Tiện cho nên khác với Pháp Hoa. Lại ba khác, một đồng: ba khác là:

1) Chưa bỏ ba là Phương Tiện.

2) Chưa gom ba về một.

3) Chưa phế ba lập một. Một đồng là: Tịnh Danh chê trách Tiểu thừa Đại thừa, Pháp Hoa cũng phá dị chấp của Ba thừa cho nên nói là đồng.

Hỏi: Hai thứ phá nghĩa có khác không nên nói đồng, Tịnh Danh phá kia có nghĩa sở đắc, Pháp Hoa phá kia chấp năm thừa khác nghĩa sao lại nói đồng?

Đáp: nghĩa nầy tức hai kinh có khác, chỉ vì Pháp Hoa phá chấp, phá chấp là có sở đắc, nay chọn đồng là có sở đắc, vì vậy cho nên bị phá, do đó nói đồng.

Hỏi: Chỉ Tịnh Danh hiển thật đồng với Pháp Hoa, Bát-nhã hiển thật cũng đồng với Pháp Hoa ư?

Đáp: Tất cả các kinh Đại thừa nói Đạo không khác tức hiển thật đều đồng, nhưng thời Bát-nhã, Tịnh Danh, Nhị thừa căn duyên chưa thuần thục cho nên chưa được bỏi quyền, đến thời Pháp Hoa Nhị thừa căn duyên mới thuần thục nên mới được bỏ quyền. Không thể nói chưa khai quyền cho nên cũng chưa hiển thật, Bát-nhã Tịnh Danh nói về đạo Bồ-tát vô ngại rốt ráo vô dư, Pháp Hoa nói về Hạnh Bồ-tát đâu có vượt hơn đây ư!

Hỏi: Vì sao văn Bát-nhã Tịnh Danh đã hiển thật?

Đáp: phẩm Tín Giải kinh Pháp Hoa chép: Tất cả bí tạng của Chư Phật chỉ vì Bồ-tát giảng nói sự thật đó mà không vì ta nói sự chân thật cốt yếu này. Lẽ đâu chẳng phải chỉ rõ Bát-nhã là pháp bí tạng chân thật

ư?

Hỏi: Tịnh Danh Bát-nhã chưa nói việc ngoài ba cõi như chưa nói năm trăm do-tuần thì hiển thật làm sao không khác?

Đáp: Nếu dùng năm trăm do-tuần làm ngoại giới, Đại Phẩm nói bốn trăm do-tuần sao chẳng phải ngoại giới ư! Lại các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm Niết-bàn không có văn nói về việc trong ngoài ba cõi, chỉ kinh Thắng-man nói rõ! Có thể nói Hoa Nghiêm Niết-bàn chưa nói việc ngoại giới chăng!

Hỏi: Pháp Hoa nói La-hán được thọ ký thành Phật tức là nói việc ngoại giới, Tịnh Danh, Đại Phẩm cũng như vậy sao?

Đáp: Thích luận giải thích phẩm Vãng sinh trong Đại Phẩm nói: Bồ-tát từ một cõi Phật, đến một cõi Phật. Đến một cõi Phật: đây là vượt cõi tịnh ngoài ba cõi, vì sao nói không nói việc ngoài ba cõi ư! Lại nói Bồ-tát xả nhục thân thọ pháp tánh sinh thân, người Nhị thừa cũng như vậy, đâu chẳng nói việc ngoài ba cõi ư! Lại Đại Phẩm, Tịnh Danh chưa nói việc ngoại giới vì chưa được bỏ quyền cho nên nói rõ việc ngoại giới thì nói chỗ La-hán sinh để bỏ quyền. Thời này, căn duyên chưa kham nổi nên không nói, chỉ nêu thẳng cõi tịnh ngoài ba cõi, Bồ-tát vãng sinh thì Bồ-tát lợi căn sẽ được lãnh giải, người Nhị thừa căn độn cho nên không biết ngoại giới còn thọ sinh thân.

Lại vặn hỏi nếu nói Tịnh Danh, Đại Phẩm chưa nói Nhị thừa thành Phật cũng chưa hiển thật thì Hoa Nghiêm nói cây Đại dược vương gốc không sinh hai chỗ là nước sâu, hầm lửa, đã nói Nhị thừa không sinh tâm Bồ-đề. Nếu vậy, Hoa Nghiêm lẽ ra chưa hiển thật. Lại phẩm pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm nói Nhị thừa, chưa nhập pháp giới, Pháp Hoa đã nói nhập vào Nhất thừa, nhưng Nhất thừa là tên khác của pháp giới, đâu thể nói Hoa Nghiêm chưa nói Nhị thừa thành Phật cho nên hiển thật cũng chưa đủ ư!

Hỏi: Vì Sao Hoa Nghiêm chưa nói Nhị thừa thành Phật ư?

Đáp:

1) Hoa Nghiêm phần nhiều là khi Phật mới thành đạo, Nhị thừa căn duyên chưa thuần thục cho nên nói họ chưa được thành Phật. Như thời Tịnh Danh, Đại Phẩm, người Nhị thừa căn duyên chưa thuần thục nên chưa bỏ quyền, các Bồ-tát, đạo duyên đã thuần thục cho nên bày thật. Không thể nói chưa bỏ quyền cho nên cũng không bày thật.

2) Đại Phẩm khiến Nhị thừa miệng tự nói Bồ-tát thực hành Mật giáo Nhị thừa, kinh Tịnh Danh khiến người Bồ-tát nói Bồ-tát thực hành Nhị thừa, Mật giáo Nhị thừa không ngoài hai môn tự tha, cho nên hai

kinh khác.

3) Mật giáo Nhị thừa lại có hai môn:

a) Phật tự mật giáo tức Đại Phẩm giao phó tài vật.

b) Bồ-tát mật giáo nghĩa là Tịnh Danh, v.v...

4) Mật giáo Nhị thừa: Nhị thừa có hai bệnh:

a) Trụ trong chấp trước không, hữu, cho nên Đại kinh nói, người Nhị thừa gọi là có sở đắc, Bát-nhã phần nhiều phá tâm trụ trước ấy, nói về vô trụ vô đắc. Bài tựa Thích luận của Tăng Duệ nói: Biết chấp đắm hữu là lỗi cho nên Bát-nhã là soi chiếu tức việc kia vậy.

b) Người Nhị thừa không thể biết dụng vô phương vô ngại, kinh Tịnh Danh v.v... chánh là nói về Bồ-tát dụng vô phương vô ngại, Bồ-tát thể nhận pháp vô ngại cho nên tâm có vô ngại tuệ, thân có vô ngại thông, mệng có vô ngại biện để thầm bác bỏ Nhị thừa khiến ít cẩn thận hèn kém, kính mến đại trí đây đều nói về!

Hỏi: Bốn kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, Niết-bàn, Hoa Nghiêm đồng nói về nhân quả, nhân quả có gì khác nhau ư!

Đáp: Đại Phẩm nhân quả; Thích luận nói: Đức Phật đối với Ba tạng vì Thanh văn nói các pháp, chưa nói Hạnh Bồ-tát, nay muốn vì Bồ-tát nói Hạnh Bồ-tát cho nên nói Bát-nhã. Trung luận chép: Trước đối với pháp Thanh văn nói mười hai nhân duyên sinh diệt; kế vì Bồ-tát nói mười hai nhân duyên vô sinh diệt dùng hai luận giải thích. Ba tạng đối với Bát-nhã tức là khai hai nghĩa sinh diệt và vô sinh diệt, do Hạnh Bồ-tát nhân vô sinh diệt đắc quả không đoạn không thường. Nhân vô sinh diệt tức là Bát-nhã, quả không đoạn không thường tức là Tát-bà-nhã. Cho nên, kinh nói dùng pháp bất trụ, trụ trong Bát-nhã, dùng không có nơi xả thực hành sáu độ như đàn v.v..., không sinh cho nên đầy đủ ba mươi bảy phẩm v.v... do đó ngài Tăng Duệ nói: Mở sáng huyền môn lấy bất trụ làm đầu, khéo qui về ba tuệ, lấy vô đắc làm cuối. Bất trụ làm đầu nghĩa là thực hành nhân bất trụ, vô đắc làm cuối tức là đắc quả vô sở đắc, thích hóa hợp thời tức liền tỏ ngộ. Nhân quả Bát-nhã đại tông như thế.

Nhân quả kinh Pháp Hoa này chánh thức bỏ quyền bày thật, cho nên nói nhân nói quả, có thể gọi là dung hội xưa nay kết thúc đầu cuối. Bài tựa chung giải thích đại ý một thời giáo hóa của đức Thích-ca, một thời kỳ xuất thế giáo môn tuy nhiều mà không ngoài hai trí quyền thật, hai thân chân ứng. Ban đầu thì bỏ quyền bày thật, nói Ba thừa là Phương Tiện, Nhất thừa là chân thật, cho nên phá ba nhân ba quả xưa nói một nhân một quả ngày nay. Do nhân không khác nhau, cảm chỉ

có một nhân, quả không báo khác, chỉ có một quả: Lúc bấy giờ chúng tuy biết chỉ có một nhân không có nhân khác, chỉ có một quả không có quả khác, nhưng chưa biết một quả là đồng với quả trước hay khác với quả trước. Vì vậy, kế là nói bỏ gần bày xa. Gần là Như lai ứng tích, xa là pháp thân thường trụ, chỉ vì trước Phương Tiện nói gần để che lấp xa, nay bỏ gần để bày xa. Gần xa đã rõ ràng thì nghĩa bản tích nói lên, nghĩa bản tích nói lên cho nên thành nghĩa một quả. Nghĩa quả đã thành một nhân mới lập, vì vậy nên kinh này chính nói một nhân một quả, hội Pháp Hoa nghe liền lãnh ngộ.

Kế là nói Niết-bàn nói nhân quả: Nương phẩm Thọ Lượng nói các con có hai thứ:

l) Bất thất tâm.

2) Thất tâm.

Bất thất tâm: con nghe Pháp Hoa, Bát-nhã đều được lãnh ngộ, còn những đứa con bị thất tâm không chịu uống thuốc, chấp chặt giáo vô thường xưa, cho nên Như Lai nói diệt, do đây vọng phá bệnh vô thường đến dùng thường lạc. Chánh vì Phật tánh là nhân, Niết-bàn là quả.

Hỏi: “Kinh này chánh là nói thường, vô thường, nay mở, xưa che, vì sao dùng Phật tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả?

Đáp: Vì giải thích thành ý thường, vô thường nên nói Phật tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả. Thân Như Lai sở dĩ thường là bởi bản hữu Phật tánh, kiến Phật tánh, cho nên là thường. Nên phẩm Thuần-đà chép: “Chưa thấy Phật tánh gọi là vô thường, thấy Phật tánh cho nên thường hằng bất biến”. Vì thế nhân Phật tánh, quả Niết-bàn không có gì khác. Ẩn gọi là Phật tánh, hiển gọi là Niết-bàn, cũng như ẩn gọi Như Lai tạng, hiển thì thành Pháp thân. Lại ẩn làm nhân, hiển làm quả. Nhưng Phật tánh không hề ẩn hiển, vì chúng sinh không liễu ngộ, tự là hiển.

Hỏi: Phật tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả để giải thích thành nghĩa thường, vô thường, Tam bảo thể là một, thể là khác, là giải thích nghĩa nào?

Đáp: Cũng giải thích thành nghĩa thường, vô thường và nghĩa nhân quả. Xưa Tam Bảo là thể khác nhau cho nên vô thường. Nay Tam Bảo thể là một cho nên thường trụ. Nên cuối phẩm Trường Thọ chép: “Như cha, mẹ ông mỗi vị mỗi khác. Nên biết là vô thường; vì Tam bảo không khác cho nên thường trụ. Vì Tam bảo, là một thể nên thành nghĩa quả; nghĩa quả đã thành, nghĩa nhân liền hiển rõ. Cho nên, lại giải thích thành nhân quả.

Hỏi: Nhưng, giải thích thế này, khác xưa thế nào?

Đáp: Niết-bàn nói thường, đây là đối trị khắp, chẳng phải thuyết rốt ráo. Đại Kinh nói: “ Các Ưu-bà-tắc thường ưa quán các môn đối trị, nghĩa là thường, vô thường cho đến ngã, vô ngã. Xưa phá tà thường nên nói vô thường, nay bác bỏ vô thường nên nói thường! Nhưng thân Như Lai không hề có thường và vô thường, thường và vô thường chỉ là Phương Tiện đầy đủ. Tam bảo không hề có một thể và thể khác, nhất thể và thể khác chỉ là Phương Tiện dụng đầy đủ. Niết-bàn chánh tông đại ý như vậy. Trong đó, giáo môn một đời hóa độ có gì chưa liễu thảy đều dung hội. Cho nên, Niết-bàn cũng gọi là Kinh khai bí mật tạng.

Hỏi: Trong Pháp Hoa, ba căn Thanh văn đều được lãnh ngộ, vì sao cả ba tu hạnh Sa-môn cho đến Niết-bàn còn chấp vô thường?

Đáp: Vì nghĩa ấy nên chia ra hai hạng con thất tâm và không thất tâm. Không thất tâm là người lợi căn, nghe đoạn đầu bỏ ba bày một, chương sau bỏ gần bày xa đều được lãnh ngộ; còn người thất tâm nghe mà không hiểu, nên đến thời Niết-bàn mới được ngộ.

Thân tử,v.v.... trước có hai việc chấp:

l) Chấp ba thừa khác.

2) Chấp Phật vô thường đến khi nghe giáo Pháp Hoa thì hai chấp đều dứt liền được lãnh ngộ. Người con thất tâm đến thời Niết-bàn vẫn còn đủ hai chấp, thì Niết-bàn giáo khởi nên phá Ba thừa chấp khác, lại phá vô thường chấp ư! Đáp: việc đúng như đã hỏi, nói Phật thường trụ tức là phá chấp vô thường, nói đồng nhất Phật tánh phá Ba thừa chấp khác, hai bệnh đã tiêu thì liền lãnh ngộ.

Hỏi: Pháp Hoa phá hai chấp có hai đoạn văn kinh, Niết-bàn phá hai chấp thì sao ư!

Đáp: Pháp Hoa lìa, phá cho nên chia hai môn, Niết-bàn hợp phá cho nên chỉ có một đoạn. Làm sao biết được? Khai thị tức nói về thường, liền nói Phật tánh nên biết là hợp phá. Do căn tánh khác nhau chấp ngộ chẳng phải một, Pháp Hoa lìa phá chưa hiểu đến Niết-bàn, hợp nói liền giải. Lại Pháp Hoa nói rộng Nhất thừa, rộng phá chấp khác, nói lược nghĩa thường, lược phá chấp vô thường, Niết-bàn phá rộng chấp vô thường, lược phá chấp khác. Do chấp ngộ khác nhau nên rộng lược thay nhau nói lên.

Hoa Nghiêm nói nhân quả trước đã giải thích rồi, kinh này chỉ vì Bồ-tát rộng bỏ xá-na, hai thứ năng hóa, sở hóa pháp môn nhân quả đều là vô phương vô ngại, đạo vận dụng chân chánh bình đẳng không còn bỏ, lấy, rốt ráo tròn đầy, so với các giáo trước gọi là pháp luân căn

bản, sở dĩ nói pháp luân căn bản ấy là vì Chư Phật ba đời ra đời chỉ vì Bồ-tát mà nói thẳng nhân rốt ráo quả tròn đầy, Bồ-tát thực hành nhân nầy nên hướng thẳng đến quả Phật nên gọi là pháp luân căn bản. Nhưng vì chúng sinh phước mỏng căn độn không có khả năng thọ nhận pháp này nên dùng Phương Tiện ngưng Đại thừa giáo hóa mà nói đủ các thứ, giáo hoặc trước nói tiểu, sau nói đại, hoặc đầu ba sau một, hoặc trước vô thường sau thường đều do đưc Thích-ca dẫn dụ cho nên nói pháp sâu kín. Nếu giữ đạo mà nói chỉ nên có Hoa Nghiêm giáo.

Hỏi: Bốn kinh đồng nói nhân quả vì sao Niết-bàn nói đủ hai nhân duyên và chánh, hai quả duyên và chánh; duyên nhân tức nhân và nhân nhân, duyên quả tức quả và quả quả đồng nghĩa với năm tánh, mà các kinh không nói điều này?

Đáp: sư thọ ngộ khác nhau cho nên Thánh giáo chẳng phải một như Hoa Nghiêm khai thế tâm Thập địa v.v... cho đến hai quả y báo, chánh báo mà các giáo khác không nói như thế cho nên biết hợp duyên khác nhau.

Hỏi: Vì sao các kinh không hợp duyên nói pháp này ư?

Đáp: Đại Phẩm Pháp Hoa là hợp nói nghĩa, Niết-bàn là khai nói nghĩa. Sở dĩ hợp nói nghĩa Đại Phẩm nói thẳng nhân vô sở trụ, quả vô sở đắc, phá chúng sinh tâm có sở đắc tức liền liễu ngộ, không cần khai riêng, duyên chánh nhân, chánh quả. Pháp Hoa phá thẳng nhân khác, quả khác nói nhất nhân quả chúng sinh liền được liễu ngộ, cũng không khai duyên chánh nhân chánh quả. Đại kinh vì chúng sinh độn căn nghe trên hợp nói chưa ngộ nên rộng khai duyên chánh hai nhân hai quả mới được lãnh giải, vì căn duyên thích nghi, nghe hợp để ngộ thì làm hợp, nên nghe khai để thọ đạo cho nên là khai.

Hỏi: Căn cứ Đại Phẩm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm cũng có văn nói duyên chánh phải không?

Đáp: Phụ có nghĩa nầy. Thích luận giải thích Phẩm Phương Tiện rằng: Bát-nhã thành hạt giống là chánh nhân, năm độ,v.v... là nước, là duyên nhân có khả năng mọc cây quả Bồ-đề. Lại Đại Phẩm đã có nói nghĩa Phật tánh cũng có nghĩa duyên chánh nhân, trong Pháp Hoa nói chúng sinh có Phật tánh tức là chánh nhân, muôn hạnh,v.v... là duyên nhân. Trong Hoa Nghiêm chánh pháp tánh khởi có văn nói: Trong cát bụi có một quyển kinh, trong quyển kinh nói rộng tất cả việc, đây tức là trong thân chúng sinh có Phật tánh, phá cát bụi ngoài quyển kinh tức là dứt phiền não thấy Phật tánh. Phật tánh đã là chánh nhân, các Bồ-tát tu hành ba mươi tâm Thập địa,v.v... tức là duyên nhân.

Hỏi: Nếu đều có duyên nhân chánh nhân vì sao lại có bốn kinh khác nhau ư?

Đáp: Chỉ vì các kinh đều có hai nghĩa phụ và chánh, Bát-nhã phá rộng có sở đắc, nói vô y, vô đắc làm chánh tông, Phật tánh Nhất thừa làm nghĩa phụ kia, Pháp Hoa nói rộng một nhân một quả làm chánh tông kia, vô sở đắc cho đến Phật tánh làm nghĩa phụ, Niết-bàn nói Phật tánh thường trụ vì bác bỏ bệnh vô thường làm chánh tông, Nhất thừa và vô sở đắc làm nghĩa phụ. Lại các kinh hợp duyên khác nhau khai và tránh lẫn nhau, Bát-nhã đã nói rộng vô sở đắc, thật tướng cho nên Pháp Hoa không nói, chưa nói rộng nhân quả Nhất thừa cho nên nói rộng. Pháp Hoa đã nói Nhất thừa nhân quả cho nên Niết-bàn không nói rộng, vì chưa nói rộng Phật tánh thường trụ cho nên nói rộng, lại chỉ là nhất đạo ba nghĩa. Chẳng cảnh nào không chiếu cho nên là Bát-nhã, nghĩa chân thật cùng cực không hai gọi là diệu Pháp Hoa, nghĩa thường hằng bất biến gọi là Niết-bàn. Lại tại tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, ở tâm Phật gọi là Tát-bà-nhã đầy đủ ở tâm Phật tâm Bồ-tát gọi là Nhất thừa. Lại phải hiểu, các kinh hiển đạo không khác làm tên khác mà nói, như Đại Phẩm gọi là Bát-nhã không gọi là Nhất thừa và Phật tánh, Pháp Hoa gọi Nhất thừa, không gọi Bát-nhã, Phật tánh cho đến Niết-bàn cũng như vậy.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Vì Văn Pháp Hoa không nói Phật tánh, mà Thiên Thân giải thích luận Pháp Hoa có bảy chỗ nói Phật tánh. Cho nên, biết Nhất thừa là tên khác của Phật tánh. Nghĩa là luận chủ biết tên dù khác mà thể đồng. Vì thế theo Pháp Hoa nói rõ nghĩa có Phật tánh, hạng biết cạn mê danh bỏ thật, nghe danh khác nên cho rằng thật cũng khác, bèn nói Nhất thừa chẳng phải Phật tánh. Lại Thích luận chép: "Nếu như pháp quán Phật, Bát-nhã và Niết-bàn là ba tức một tướng, kia thật không khác". Cho nên biết Bát-nhã là tên khác của Niết-bàn, là tên khác của Phật tánh, chỉ tùy theo năng lực của chúng sinh nên lập chữ khác! Như sắp hết bệnh, người dùng một loại thức ăn làm các vị khác nhau. Lại tùy theo nghĩa mà nói, ví như một thứ vàng mà làm các vật trang sức khác nhau. Qua đây xét thấy không thể hạn cuộc dùng bốn giáo giới hạn năm thời; nghĩa thí dụ sau sẽ nói rộng.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 4

Đầu tiên nói về nghĩa Nhất thừa tức giải thích nghĩa gom ba về một.

Hỏi Kinh nói: "Trong cõi Phật mười phương chỉ có Nhất thừa không có hai cũng không có ba," Vì sao gọi là không hai không ba?

Đáp: Có người nói không hai là không có ha: Thanh văn và Duyên giác. Không ba: là không riêng hành sáu độ Bồ-tát thừa. Lại trước nói Ba thừa đều là Phương Tiện, nay giáo có một xe lớn khác với ba trước.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Kinh dạy Phật dùng sức Phương Tiện chỉ cho biết dùng Ba thừa giáo, đã dùng Ba thừa làm Phương Tiện tức dùng Nhất thừa làm chân thật, tức gom Ba thừa trước về với Nhất thật nay. Lại nói xin cho chúng con ba thứ xe báu, trước đã xin ba nay liền ban cho một, vì thế cái xin thì không cho, cái cho thì không xin, tức biết có một xe lớn khác với ba xe nhỏ trước, dùng lý văn suy xét tức có bốn xe? Lời bình rằng: ba xe tranh luận nhiều từ đó mà ra hiểu rõ tức một bộ có thể thông, mê muội tức bảy trục đều bị kẹt, nay dùng tám văn trưng dẫn mới thấy đây giải thích là sai lầm.

- Thứ nhất, văn nói: "Như Lai chỉ dùng nhất Phật thừa cho nên vì chúng sinh nói pháp không có các thừa khác, không hai cũng không ba", Văn nầy theo thật lớp nêu Ba thừa. Chỉ dùng Nhất Phật thừa gọi Phật thừa là bậc nhất. Không có các thừa khác, không hai không ba là: không có Duyên giác là thứ hai, không có Thanh văn là thứ ba. Dùng văn nầy nói tức chỉ có ba xe, tức chấp sai là lầm.

Hỏi: Kinh thường nêu Ba thừa mà không theo thứ lớp đây, nay sao lại nói ba, kế nói chỉ có một là thật còn lại hai là không thật? Chỉ nhất Phật thừa muốn dẫn dắt chúng sinh cho nên Phương Tiện nói ba, khảo sát thật mà nói chỉ Nhất Phật thừa là thật, hai thừa còn lại chẳng thật vì vậy cho nên nói ba nói hai, giống như ý một! Xin lập thí dụ gần để so sánh ý chỉ xa, như trong tay cha chỉ có một quả, muốn dẫn dụ các

con nên nói một quả thành ba quả, xét thật mà nói thì chỉ có một quả không có hai quả cho nên hai văn không trái nhau, dùng hai, ba đã nói hội nghĩa có thể hiểu.

Về sau thấy luận Pháp Hoa giải thích trong mười phương cõi Phật còn không có hai thừa huống chi có ba ư! Cùng ý nầy đồng. Luận nói đây là nghĩa ngăn ngừa, ngăn là nói không có Niết-bàn Nhị thừa, chỉ có Phật rốt ráo vô thượng Bồ-đề mới có đại Niết-bàn thôi! Đây chỉ nói không có hai thừa chỉ có Phật thừa, chẳng thể nói không có thiên chấp hành sáu độ Bồ-tát thừa. Cho nên, Quang Trạch lầm ý chỉ.

Kế là luận bốn câu: Hỏi: Gom ba về một, phá ba về một, bỏ ba bày một, phế ba lập một có gì khác nhau ư?

Đáp: Gom ba về một: là có hội giáo, hội hành hội duyên. Nói hội giáo: Trước bỏ ba thừa, giáo năm thừa đều là bày Nhất đạo, Đạo sở biểu đã là nhất, nay giáo năng biểu cũng là không hai, cho nên tất cả đều gọi là Đại thừa giáo. Hội hành: "Các ông tu hành đạo Bồ-tát, Như Lai trước nói có ba hạnh vì hướng đến Nhất đạo cho nên khiến tu ba hạnh"; Đạo mong đến không hai, hành năng đến đâu thể ba ư? Nói hội nhân: Như lai xuất thế vốn vì dạy cho Bồ-tát không dạy cho những người khác, sở hành của ba người đã là đạo Bồ-tát thì người năng hành đều thành Bồ-tát. Cho nên, văn nói chỉ vì dạy Bồ-tát không có đệ tử Thanh văn. Chỉ hội giáo chính là nhất thời, hội hành và nhân là xa khiến đến quả Phật.

Hỏi: Hội nhập có mấy thứ?

Đáp: Tự có dung hội xứng hội, tự có gom về xứng hội, nếu gom về xứng hội thì như trước đã nói. Dung hội xứng hội, là đã gom ba về một xong.

Duyên tức có người nghi rằng: Ba nếu về một vì sao nói ba, cho nên giải thích rằng: Trước dùng Phương Tiện cho nên nói ba, nay dùng như thật cho nên nói một, đây là dung hội nghĩa ba, một trước và nay cũng gọi là hội, nếu là nghĩa gom về chính là căn cứ ba hành, nghĩa dung hội nên căn cứ giáo môn, vì sao? Nếu gom ba nhân đồng về thành Phật, nghĩ như thế hội hành làm chánh, không dùng giáo môn vì thành Phật cho nên giáo chẳng gom về. Nếu chọn ý lập giáo là hiển Nhất thừa gọi là gom về. Phá ba về một, trước nêu Ba thừa chính là nêu nhất mà chúng sinh liền chấp chặt ba mà không thọ một giáo, cho nên phải phá. Kia chấp theo tình mà gọi là phá ba về một. Vì vậy cho nên văn nói nay vì các ông nói thật, sở đắc của các ông chẳng diệt.

Hỏi: Chỉ phá chấp tình cũng phá cả giáo ư!

Đáp: Ba giáo đối Phật thường là một giáo cho nên Đại Kinh nói: Thường hành Nhất thừa chúng sinh thấy ba. Nếu vậy đối Phật tức không phá, chỉ phá chúng sinh chấp giáo sinh mê, không phá giáo. Bỏ ba bày một: Khai trước ba là Phương Tiện, hiển nhất nay là chân thật. Phế ba lập một: Trước vì không kham nổi nghe một cho nên quyền nói ba giáo, nay đại duyên đã thuần thục có thể nghe một giáo tức phải phế bỏ trước ba lập giáo một nay. Phẩm Phương Tiện nói chánh bỏ ngay Phương Tiện tức là nghĩa phế.

Kế nói về thể của thừa: Hỏi: vì sao gọi là thể của Thừa Đáp: Thừa có cả nhân lẫn quả, quả thừa dùng muôn đức làm thể, nhân quả dùng muôn hạnh làm thể.

Hỏi: Làm sao biết có cả nhân lẫn quả ư?

Đáp: sau sẽ nói rộng, nay lược chọn hai văn. Luận Thập Nhị Môn dùng sáu nghĩa giải thích thừa, là thừa vững chắc của Chư Phật đại nhân cho nên gọi là Đại, nghĩa là quả thừa. Sở thừa vững chắc của Quán Thế Âm nên gọi là Đại, nghĩa là nhân thừa. Kinh này nói Phật tự trụ Đại thừa như chính pháp sở đắc, lấy đó độ cho chúng sinh gọi là quả thừa. Các con v.v... nương xe báu này mà thẳng đến đạo tràng gọi là nhân thừa. Luận Pháp Hoa nêu đủ thừa có cả nhân lẫn quả sau sẽ nêu ra, luận Duy thức cũng như vậy.

Hỏi: Thích luận nói: sáu độ là thể của thừa, vì sao thừa có cả nhân lẫn quả ư!

Đáp: Đây nói nhân thừa thôi! Trong phẩm Quảng Thừa nói đủ muôn đức muôn hạnh.

Hỏi: Trong nhân thừa vì sao có gốc ngọn?

Đáp: sáu độ tuy là thể của Đại thừa nhưng phải chánh quán Bát-nhã, do chánh quán Bát-nhã muôn hạnh mới thành, tức Bát-nhã là gốc các hành còn lại là ngọn. Đây là căn cứ trong thể của thừa tự chia gốc, ngọn.

Hỏi: Đồng là không đắc sáu độ đều là chánh thể có gì gốc ngọn ư?

Đáp: Nếu sáu độ đồng là vô đắc thì cần tu Bát-nhã mới thành vô đắc nên nếu Bát-nhã là gốc thì năm độ là ngọn. Đại Phẩm nói: Bầy chim đậu trên núi Tu di đồng một sắc vàng, tuy đồng sắc vàng mà Tu di là gốc, phải do sắc Tu di mới đồng mà thôi!

Hỏi: Thừa trong nhân do Bát-nhã là chính, quả địa muôn đức lấy gì làm tông chỉ ư?

Đáp: Luận nói trong nhân gọi là Bát-nhã trong quả gọi là Tát-bà-

nhã, tức quả thừa dùng Tát-bà-nhã làm chính, thế nên kinh này từ đầu đến cuối đều khen ngợi tuệ Phật. Như nói vì nói tuệ Phật cho nên Chư Phật ra đời, cho đến Đa Bảo khen ngợi Đại tuệ bình đẳng tức là việc ấy. Luận Nhiếp Đại Thừa chép: cũng nói trí tuệ là thể của thừa, đây là không hai mà hai, khai mở gốc ngọn. Nhân duyên vô ngại mỗi hạnh nhiếp tất cả hạnh, đều được làm gốc nhân thừa, mỗi đức nhiếp tất cả tức, đều là gốc của thừa.

Hỏi: Pháp Hoa nêu đủ nhân thừa, quả thừa sao gọi là Chánh?

Đáp: Trong phần nói về tông dùng nói nghĩa nầy nói chánh pháp, vì thừa là thừa đây chẳng phải nhân, chẳng phải quả mới là chánh. Nay căn cứ Phương Tiện dụng dùng quả thừa làm chánh, vì sao? Vì quả là diệu cực, nhân chưa phải diệu cục, vì đề kinh gọi là Diệu pháp nên thích hợp dùng quả thừa làm chánh. Vì tiêu biểu quả diệu cực này, khiến người Ba thừa và tất cả chúng sinh đều tu diệu nhân hướng đến quả diệu cực này, sau đó mới được nói nhân thừa. Nếu cất bước tức nói nhân thừa làm chánh, cuối cùng nêu kỳ hạn biết đi về đâu? Như người trước biết đảo châu báu rồi mới tu hành hướng đến! Lấy đây mà suy xét quả là chánh, văn nghĩa nầy đã nói rộng tìm kiếm tự thấy. Sau thấy luận Pháp Hoa giải thích còn không có hai huống chi là ba ư! Là nói không có Nhị thừa Niết-bàn chỉ có Như lai đại Niết-bàn gọi là quả Phật, cho nên biết Nhị thừa cũng chọn quả thừa làm chánh, Đại thừa cũng chọn quả thừa làm chánh, vì vậy luận chỉ nóiiết-bàn.

Hỏi: Thừa có nghĩa rộng hẹp không?

Đáp: Năm thừa đối nhau, tự nói rộng hẹp nay không nói Căn cứ theo Nhất thừa tự nói rộng hẹp, quả thừa chẳng hệ lụy nào không hết, chẳng đức nào không tròn đầy nên gọi là rộng, nhân hạnh không như vậy cho nên gọi là hẹp. Căn cứ theo nhân tự nói, so địa đắc trăm pháp minh môn cho nên hẹp, nhị địa đắc ngàn pháp minh môn cho nên rộng, như vậy có thể biết.

Hỏi: Vì sao là thừa nhất thể và thừa khác thể?

Đáp: tương ưng với Bát-nhã không y, không đắc, quán không hai hiện tiền, như phẩm Nhất Niệm nói: Bồ-tát một niệm đầy đủ muôn hạnh, đây là thừa nhất thể, chưa được quán nầy hiện tiền gọi là khác thể thừa. Nhưng từ lúc mới phát tâm thì học quán không hai nên từ mới phát tâm thì gọi thừa nhất thể, một niệm đầy đủ muôn hạnh nên nói phát tâm rốt ráo, hai tâm không khác nhau, chỉ vì y cứ quán này có sáng tối cho nên chia ra một thể, khác thể. Căn cứ địa vị mà nói thì đắc vô sinh nhẫn là thừa nhất thể, chưa đắc vô sinh nhẫn là thừa khác thể.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Đại Phẩm nói: chỉ có Đức Phật Nhiên Đăng đắc vô sinh nhẫn tức không lìa sáu độ,v.v... không đắc muôn hạnh.

Hỏi: Vì sao gọi là thừa gần, thừa xa?

Đáp: Do tâm Bát-nhã khởi, như không trụ pháp trong Bát-nhã, không xả đầy đủ sáu độ như đàn,v.v..., không sinh cho nên đầy đủ đạo phẩm cũng như phẩm Quảng Thừa nêu tất cả đức hạnh, sau đều tổng kết nói vô sở đắc, thừa như thế gọi là thừa gần: Nếu nói cúi đầu, đưa tay đều thành Phật đây thì có thiện sở đắc gọi là thừa xa, làm sao biết như vậy? Pháp Hoa nói thừa nầy mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, đối các thế gian không có thừa nào hơn đây đâu phải thiện mà hàng trời người chứng đắc ư! Nay Bồ-tát đã thực hành từ lúc mới phát tâm đã thực hành quán vô sở đắc, đây là thừa gần không có thừa xa, nhưng y theo vô sở đắc tự có sáng tối, cho nên chia ra gần xa.

Hỏi: Thích luận giải thích trong phẩm Vô sinh nói: có đạo gần, đạo xa. Đạo gần nghĩa là ba mươi bảy phẩm, đạo xa là sáu pháp Ba-la-mật, nhưng đạo phẩm và sáu độ đều là thừa vì sao chia ra gần xa ư?

Đáp: Số luận Sư, Địa luận Sư Pháp Hoa Sư v.v... không có nghĩa nầy nên không giải thích. Nay nói nghĩa nầy có thể có bốn điều:

1) Sáu độ đạo phẩm là vô sở đắc cho nên đều là gần.

2) Đều có sở đắc cho nên đều là xa.

3) Vô sở đắc sáu độ là gần, có sở đắc đạo phẩm là xa.

4) Vô đắc đạo phẩm là gần, có đắc sáu độ là xa. Nay nói sáu độ làm xa, đạo phẩm làm gần, vì giải thích văn kinh phẩm Vô sinh. Văn kinh nói: Có sáu độ thế gian, sáu độ xuất thế gian, đạo phẩm chỉ nói đạo phẩm xuất thế, không nói đạo phẩm thế gian, Luận chủ giải thích một nghĩa nầy cho nên nói sáu độ là xa, đạo phẩm là gần.

Hỏi: Sáu độ vì sao gọi là xa, đạo phẩm vì sao gọi là gần ư?

Đáp: Sáu độ có thế gian, xuất thế gian lẫn lộn nên xa, đạo phẩm thuần là xuất thế gian cho nên gần.

Hỏi: Sáu độ vì sao lẫn lộn, đạo phẩm sao không lẫn lộn?

Đáp: Trong sáu độ nói có cả cạn sâu, như bố thí trì giới nhẫn nhục,v.v... thông cả cạn sâu thì được nghĩa lẫn lộn, trong đạo phẩm nói định tuệ, định tuệ sâu đối với bố thí, trì giới, căn cứ một nghĩa nầy cho nên sáu độ là xa, đạo phẩm là gần.

Hỏi: Nghĩa nầy căn cứ Đại thừa, Tiểu thừa chia ra gần xa phải không?

Đáp: Nếu căn cứ Đại thừa, Tiểu thừa một phen chia ra thì đạo

phẩm là Tiểu thừa hành, cho nên là xa, sáu độ chính là thể của thừa cho nên là gần, nếu căn cứ Hạnh Bồ-tát đều là vô đắc thì đều là chánh hạnh, sáu độ, đạo phẩm đều là thừa gần.

Kế nói về nghĩa vận chuyển ra: Hỏi: Vận chuyển ra nói thừa (xe): nhân thừa, quả thừa làm sao gọi là chánh ư?

Đáp: Căn cứ nhân môn chính là nói vận xuất. Thích luận nói: Thừa ấy từ trong ba cõi lưu xuất ra đến quả Phật tức trụ biến thành Tát-bà-nhã cho nên nhân thừa là chánh. Nếu dùng năng vận xuất chúng sinh thì Phật thừa là chánh, chỉ có Đức Phật mới đầy đủ vận xuất tất cả chúng sinh mà nhân thừa không sánh bằng quả thừa.

Hỏi: Thế nào là tự vận, vận tha?

Đáp: Căn cứ vận xuất làm nghĩa, nói nhân thừa có tự vận vận tha, quả thừa chỉ có nghĩa vận tha, Phật đã xuất không nhọc vận nữa. Nếu tùy ý tự tại nói vận này, thì quả đức có đủ vận nầy.

Kế là nói thừa đầy đủ: Hỏi: Thế gian thừa có người năng thừa, pháp sở thừa và thừa hành đầy đủ, Nhất thừa có nghĩa này hay không?

Đáp: Có, Đại Phẩm chép: Thừa và sở thừa nhân pháp Thích luận nói sáu độ chính là thể của thừa, từ bi và Phương Tiện, hai thứ này là Đại thừa đầy đủ. Vì sao? Vì có từ bi cho nên năng rộng vận chúng sinh, có Phương Tiện khéo léo nên có khả năng ra khỏi sinh tử, lại có từ bi nên không theo địa Nhị thừa, có Phương Tiện nên không theo địa phàm phu, ra khỏi hai địa này nên có thể đến quả Phật, cho nên hai thừa này gọi là thừa hành đầy đủ. Cũng như thuộc địa Nhất thừa nhưng nghĩa chia thành có hai, trong pháp Tiểu thừa không có hành cụ này.

Kế là luận Trung Biên phân biệt nói thừa có năm:

1) Thừa bản là chân Như Phật tánh.

2) Thừa hành là phước tuệ,v.v...

3) Thừa nhiếp gọi là tâm từ bi, dẫn dắt tất cả chúng sinh cùng vượt dòng sinh tử.

4) Thừa chướng là chướng phiền não và chướng trí, phiền não trong ba cõi gọi là chướng phiền não, tất cả chướng còn lại làm ngăn chướng hạnh giải gọi là chướng trí.

5) Thừa quả tức quả Phật.

Luận Duy thức giải thích thừa có ba thể sáu nghĩa. Ba thể đồng như trước:

l) Tự tánh hai không, hiển chân như.

2) Tùy lưu, tùy thuận, tự lánh lưu phước tuệ các pháp Thập địa v.v...

3) Đạt đến quả tức tùy lưu sinh ra vô thượng Bồ-đề và tất cả pháp bất cộng.

Sáu nghĩa là:

1) Thể là như hư không xuất ly bốn việc chê bai.

2) Nhân nghĩa là phước tuệ.

3) Nhiếp, nhiếp tất cả chúng sinh.

4) Cảnh giới rõ ràng chân tục tu hai đế.

5) Chướng tức da, thịt, tâm ba chướng.

6) Quả nghĩa là vô thượng Bồ-đề.

Sáu nghĩa nầy theo thứ lớp chính là dùng chân như làm căn bản. Vì có như thế nên khởi hai hạnh phước tuệ, vì khởi hai hạnh phước tuệ nên năng nhiếp độ tất cả chúng sinh, nhiếp tất cả chúng sinh do chiếu cảnh mê chân tục, cố chấp thành hoặc thì lầm lỗi, nương lý thấy cảnh nên năng dứt hoặc, dứt hoặc cho nên đắc quả Phật.

Hỏi: Thừa nghĩa là gì?

Đáp: Luận kia giải thích rằng: Thừa là nói lên nghĩa chuyên chở. Do chân như Phật tánh nên xuất ra các hành như phước tuệ v.v... do các hành phước tuệ nên ra khỏi sinh quả Phật, quả Phật chở ra khỏi chúng sinh. Luận Nhiếp Đại Thừa nói có Ba thừa: Thừa nhân, thừa quả và thừa đắc. Thừa nhân là chân như Phật tánh, bậc nhất nghĩa không là thừa nhân, thừa duyên là muôn hạnh, thừa đắc là quả Phật.

Hỏi: Chân như Phật tánh sao nói là thể của thừa?

Đáp: Chỉ có chân như Phật tánh là chân thật, tu muôn hạnh là muốn nói lên Phật tánh này, Phật tánh nói lên nên gọi là pháp thân, ba điều nay rất cần nhau lấy Phật tánh làm gốc nên gọi là Nhân. Tuy có nhân lại phải cần duyên nhân, nhân duyên đầy đủ cho nên đắc quả nay không trái với nói này.

Luận Pháp Hoa cũng nói ba thứ:

1) Thể của thừa; Là Pháp thân Như lai bình đẳng tức Phật tánh là thể của thừa.

2) Lại nói Phật thừa là Như lai đại bát Niết-bàn, đây là nói quả Phật làm thể của thừa, ẩn, hiển làm khác thật sự không hai.

3) Lại giải thích việc các ông làm là đạo Bồ-tát và cúi đầu đưa tay khéo phát tâm Bồ-đề tu Hạnh Bồ-tát tức là liễu nhân chính gọi là thừa duyên. Đây cũng là nghĩa ba thứ Phật tánh. Thừa duyên nghĩa là dẫn xuất Phật tánh tức liễu nhân, thừa thể nghĩa là nhân Phật tánh, thừa quả là quả Phật tánh. Không nói quả quả tánh vì quả quả tánh thuộc về quả môn. Không nói cảnh giới tánh vì cảnh giới tánh thuộc nhân môn.

Lại nói rộng có năm: lược chỉ có ba. Lại đối chiếu luận Thập Nhị Môn có đủ bốn việc:

1) Thừa bản: Nghĩa là các pháp thật tướng do thật tướng sinh Bát-nhã nên thật tướng là bản, tức là nghĩa thừa cảnh.

2) Thừa chủ: Do Bát-nhã nên muôn hạnh được thành, vì vậy Bát-nhã làm chủ tức trí tuệ.

3) Thừa trợ: Trừ Bát-nhã ngoài ra tất cả hành đều giúp sức mà thành Bát-nhã.

4) Nương quả thừa này mà đắc Tát-bà-nhã.

Lại Kinh nầy nói thừa có ba việc: 1) Xe. 2) Trâu. 3) Khách theo. Xe có cả nhân quả muôn đức muôn hạnh, trâu cũng có cả nhân quả Trung đạo chánh quán, lìa cấu đoạn và thường gọi là bạch, do quán nầy cho nên dẫn muôn hạnh vượt sinh tử như trâu, đây là nghĩa Bát-nhã dẫn các hành.

Hỏi: Bát-nhã tức là xe vì sao lại dụ trâu?

Đáp: Một pháp hai nghĩa chia ra dẫn dắt như nghĩa trâu vận chuyển gọi là xe, các hạnh khác chỉ có giúp thành vận xuất, chỉ có nghĩa xe mà không dẫn dắt cho nên không có nghĩa trâu, đây là nghĩa nhân địa trâu. Quả địa trâu: Đức bên trong thì lấy chân tuệ làm trâu, dụng bên ngoài dùng lục thông vô cấu làm trâu trắng, cỡi mà dạo khắp năm đường vận chuyển chúng sinh. Khách theo: lấy quả đức làm xe, thì nhân vì khách theo nhân hành vì xe thì ngoại giới các hành làm xe giới, nội hành làm khách theo như trong phần xin xe giải thích.

Lại Đại Phẩm nói thừa có năm việc:

1) Thừa xuất tức là thừa lúc mới là từ ba cõi vượt ra.

2) Thừa cuối cùng đến Tát-bát-nhã.

3) Thừa trụ: nghĩa là muôn hạnh vô sở trụ làm trụ.

4) Pháp sở thừa tức là sáu độ.

5) Người năng thừa là Bồ-tát.

Hỏi: Các Kinh Đại thừa nói và trong Bách luận Đại thừa, v.v... nói về điều này có thể tin nhận. Như Duy Thức Nhiếp Đại Thừa và luận Pháp Hoa,v.v... ắt có thể tin ư?

Đáp: ở đây nói đồng với Bà Tẩu soạn. Trong Phó Pháp truyện ngài Thiên Thân nói có người kìa vì vậy cho nên đáng tin. Lại xem ý nghĩa tuy khác với ngôn ngữ Đại thừa mà ý thì đồng cho nên đáng tin.

Hỏi: Người ba học thường bác bỏ, có nghĩa sở đắc, vì sao nay đều dùng các nhà khác nhau mà nói ư?

Đáp: Đại Sư Hưng Hoàng làm tựa Thích luận rằng: Thống lãnh

chung các việc mầu nhiệm trình bày nghĩa hay đẹp của các nhà khiến sự chấp khác ấy tiêu dứt đồng trở về một. Do ý chỉ nầy rõ ràng nên chẳng chấp nào không phá, chẳng nghĩa nào không nhiếp, khéo dụng thì chẳng gì không phải cam lộ, vụng uống đều thành thuốc độc. Nếu chuyên bám vào các lời nói bác bỏ chấp phá, thì người này chưa thấu đạt ba luận.

Hỏi: Thế nào là khéo dùng, thế nào là vụng uống?

Đáp: Nếu năng tâm vô sở đắc nói vô sở trụ, Như các cây trong hư không, lưới giăng trong hư không như huyễn như hóa, tùy bệnh tùy người, dù hành sự sản nghiệp mà đều là đại bát Niết-bàn đều ứng với chánh pháp Bát-nhã gọi là khéo uống, trái với đây thì gọi là vụng uống. Ý nầy đã nói như trong tông giải thích.

Lại, ngài Long Thọ ra đời chế ra đại y, phải là trước phá sạch tất cả bệnh sở đắc, khiến rốt ráo không còn sót, bất luận Tiểu thừa, Đại thừa nội đạo, ngoại đạo, có văn làm nghĩa không văn thì cấu tạo, hễ tâm có một chút nương tựa thì nói là có một câu tướng nhất định, thảy đều rửa sạch cho rốt ráo trong sạch, nhưng bất tịnh đã bỏ, tịnh cũng không giữ lại, năm câu như vậy khiến cho lời cùng lự dứt, rồi mới được dối vô danh tướng gượng nói danh tướng, tuy gượng nói danh tướng mà nói bất động không nói, cho nên Bảo Tích khen ngợi rằng: có khả năng khéo léo phân biệt các pháp tướng đối với bậc nhất nghĩa đế bất động. Lại kinh chép: Lành thay! Thế Tôn! Bất động chân tế vì các pháp lập xứ. Nếu có thể đối với tất cả nghĩa đều dụng như thế mới gọi là luận Đại Thừa của Long Thọ. Không như vậy thì lại đồng với chấp xưa, nếu giữ lại một chút tâm trụ trước thì lui sụt, không tổn hại đối với phiền não, tiến lên không thể mở rộng dương Phật pháp. Lại phá sạch tất cả bệnh sở đắc Đại Tiểu thừa rồi mới đối với mỗi nghĩa nên dùng bốn Tất-đàn quán xuyến, nay sẽ nói lược một ý. Mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng đều là thuận theo thế tục cho nên có ngôn nói này. Nếu không thuận theo thế tục thì không có một lời mà không có lời nào chẳng nói, nên có nói gì cũng đều thuận thế tục gọi là thế giới Tất-đàn. Mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng nói đều trái nhau; hoặc ba hoặc một hoặc vô thường hoặc thường, hoặc Phật vượt ngoài hai đế hoặc trong hai đế, hoặc ba đời có hoặc một đời có, như Đại Kinh nói hơn ba mươi môn tránh luận, người vô trí đều chấp một ý lẫn lộn phải trái. Hiện đời khởi sự tranh luận, thêm lớn phiền não, cho đến cắt đứt gốc lành, rơi vào đường ác tựa như tăng ở địa ngục sánh với người này. Muốn tránh khỏi lỗi này thì phải dùng Tất-đàn thứ hai. Sở dĩ tám muôn pháp tạng và trần

sa pháp môn đều trái nhau, đây là Như lai mỗi mỗi đều là Tất-đàn vị nhân cho nên không trái nhau. Như Đại kinh chép: Do chúng sinh nầy chẳng phải một căn tánh chẳng phải một bạn lành, chẳng phải một cõi nước, vì vậy Như lai không được một bề nhất định. Dùng nghĩa nầy quán trong tất cả pháp môn không lẫn lộn sai trái, không khởi phiền não thoát khỏi tợ như tăng. Thứ ba gọi là Tất-đàn đối trị. Như lai sở dĩ nói mỗi pháp đều là Tất-đàn vị nhân là nói tám muôn pháp tạng và trần sa pháp môn đều là đối trị phiền não của chúng sinh. Như Đại Kinh nói: Thí như đại địa các núi cỏ thuốc năng làm lương dược trị bệnh cho chúng sinh, pháp của ta cũng như vậy có công năng trị bệnh phiền não cho chúng sinh. Vì vậy nên tất cả giáo môn không có tánh nhất định chỉ khiến bệnh dứt, bệnh dứt cho nên không có gì chẳng phải thuốc, bệnh không dứt thì không phải thuốc. Bệnh đã dứt thì thuốc cũng bỏ, không nên chấp trước nữa. Thứ tự là Tất-đàn đệ nhất nghĩa: ba môn trước đều là vì chúng sinh cho nên có Phương Tiện như thế, nếu nói về chánh đạo thì không hề có một lời nói huống chi có tám muôn ư! Còn chẳng có lời nói huống chi là không nói ư! Cho nên vượt qua tất cả ngôn ngữ, dứt tất cả hý luận. Như ngọn lửa không thể xúc chạm bốn bên để lửa cháy tay, dùng bốn môn này có thể thông suốt tất cả văn nghĩa, dùng bốn môn này cho nên tất cả kinh có thể tạo thành, tất cả bệnh có thể trị, không đắc bốn môn này thì một câu kinh cũng không thể tìm, một phiền não cũng không thể phá.

Hỏi: Tại sao căn cứ vào nghĩa Nhất thừa giải thích ý nầy?

Đáp: Nhất thừa là chánh tông của Chư Phật ba đời, căn cứ theo đây giải thích. Lại liễu ngộ như thế mới có thể năng động năng xuất cho nên gọi là Thừa. Nếu tạo một câu định chấp bất động bất xuất làm sao gọi là thừa được ư! Đại Kinh nói: Nếu có tướng nhất định là tướng sinh tử là tướng ma vương chẳng phải tướng Phật pháp, vì vậy cho nên tất cả các pháp không có tướng nhất định.

Hỏi: Thường tạo tướng không nhất định phá tướng nhất định, như thế tức là tướng nhất định ư?

Đáp: Phá định nói vô định, vì sao lại phá vô định ư!

Hỏi: Nếu đều không có sở chấp tức là chấp bèn không chấp đối với chấp, mà chấp đối với vô chấp nên lại là chấp ư?

Đáp: Nay nói không chấp là vì chấp không, nên nói không chấp! Đã nói không chấp đối với chấp thì đâu chấp vô chấp ư!

Hỏi: Chấp không lại chẳng chấp không tức là người chấp đoạn ư?

Đáp: Dứt tất cả chấp nên gọi là chấp đoạn đây có thể như vậy. Đại Phẩm chép: dứt tất cả chấp cho nên gọi là Đại, chính là sợ các kiến không thể dứt! Lại nếu có các chấp có thể nói chấp đoạn, thì các chấp ấy vốn không có chỗ nào để dứt ư! Kinh dạy động tâm là lưới ma, bất động là pháp ấn.

Kế là nói về động xuất. Hỏi: Đại Phẩm nói thừa nầy năng động năng xuất ở địa vị nào?

Đáp: Luận chép: Động là thuận nhẫn xuất là vô sinh nhẫn.

1) Địa tiền là thuận nhẫn, Đăng địa là vô sinh nhẫn.

2) Lục địa là thuận nhẫn, Thất địa là vô sinh nhẫn.

Nếu phàm phu là chúng sinh trong ba cõi thì Địa tiền là thuận nhẫn, phát địa là nhập Thánh vị ra khỏi ba cõi, đây thì Sơ địa là xuất, Địa tiền là động. Nếu Lục địa còn thọ nhục thân gọi là ba cõi, tức là Thất địa xả nhục thân ra khỏi ba cõi cho nên Lục địa là động, Thất địa là xuất, nhưng trong hai thì nghĩa trước là chánh.

Hỏi: Động xuất của Tiểu thừa nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Y theo trước có thể biết, trước Khổ nhẫn gọi là động, khổ nhẫn gọi là xuất. Quả thứ ba chưa ra khỏi ba cõi gọi là động, người Vô học dứt hẳn hoặc ba cõi gọi là xuất, lại hữu dư gọi là động, vô dư gọi là xuất. Chỉ căn cứ người mà nói, thì người Tiểu thừa chỉ có tâm xuất không có thân xuất khác với Đại thừa.

Kế là nói về thừa chướng. Hỏi: Thừa bị vật gì làm chướng ngại?

Đáp: Thích luận dùng sáu độ làm thể Đại thừa thì lục tế tức là chướng. Nếu chọn nghĩa thừa ra khỏi sinh tử tức là chấp sinh tử là chướng. Nếu chọn nghĩa thừa rộng lớn tức hẹp yếu là chướng, nếu dùng sáu độ xuất thế vô sở đắc cho nên năng suất tức hữu sở đắc sáu độ làm chướng, lục tế tức là chướng riêng, hữu sở đắc tức là chướng chung.

Kế là nói về hai tuệ: Hỏi: Hai tuệ Không, hữu vì sao chính gọi là Thừa?

Đáp: Xưa có hai giải thích: Nói không giải làm chánh thừa, hữu giải làm tùy theo. Như Thập địa không giải làm gốc năng sinh, hữu giải làm sở sinh của địa thượng. Kế là giải thích rằng nghĩa của địa như trước, nếu thừa chọn nghĩa vận tức hai giải đều năng vận, nay nói lấy Trung đạo chánh quán lam thể của thừa. Trung đạo chánh quán chẳng phải không, chẳng phải có mới vượt ngoài hai chấp có, không. Cho nên nói không hữu đều là thừa Phương Tiện dụng. Nghĩa của địa cũng như vậy.

Kế là nói về thỉ chung nghĩa chân, tương tự thừa: Hỏi: Thế nào gọi

là thừa thỉ chung chân thừa, tương tự thừa?

Đáp: Có người nói: Ba mươi tâm là thừa chánh vị. Có người nói: Đăng địa là thừa chánh vị. Có người nói: Bát địa là thừa chánh vị. Có người nói: Ban đầu được Phương Tiện mất chánh thể, thứ hai được chánh thể mất phương tiện, thứ ba được tịnh quán và thể thừa, mất không tịnh và thừa Phương Tiện. Cho nên, có đủ ba nghĩa, ba mươi tâm là Phương Tiện, Đăng địa là chánh thể, Bát địa là tịnh thừa, Thất địa là bất tịnh thừa. Lời bình rằng: Cuối cùng người thích tuy được văn kinh mà nghĩa vẫn chưa khéo, nay sẽ trình bày: phẩm Hỏi Thừa chép: Thừa ấy là vô thỉ vô chung không vượt ngoài ba cõi cũng không trụ Tát-bà-nhã như kinh có nói rộng, nếu muốn cho thừa xuất, thì người ấy muốn khiến vô sinh pháp nhẫn xuất, muốn cho pháp chân đế xuất, nhưng thật tế vô sinh thật tế không xuất, thừa cũng không xuất, do thừa không xuất cho nên vô thỉ vô chung không nhân không quả, thừa như thế mới gọi là xuất.

Hỏi: Nếu không có năng xuất, sở xuất, năng vận, sở vận thì không có thừa làm sao giải thích nghĩa Đại thừa ư?

Đáp: Bởi đắc nầy chánh và ngộ không thấy năng xuất, sở xuất mới gọi là xuất, có thể nói là không chỗ xuất mà xuất, xuất mà không có chỗ xuất. Nếu có năng xuất sở xuất năng vận sở vận thì có sở đắc, không có nghĩa xuất.

Hỏi: Vì sao gọi là xuất mà không có chỗ xuất?

Đáp: Kinh dạy do pháp bất động, pháp bất động ấy chẳng phải thừa, đó là thường trụ, gọi là bất động, cũng không nói chân đế, vì không nên bất động. Lại chẳng phải thừa không đi cho nên bất động, đây là nói thừa xuất rõ ràng mà không có chỗ xuất, nên gọi là bất động. Đã không xuất mà xuất, cũng vô thỉ mà thỉ, vô chung mà chung, vô thỉ mà thỉ, thỉ tự sơ tâm, vô chung mà chung, chung ở Thập địa, đây là nhân môn phân biệt sự thỉ chung kia. Căn cứ sự thỉ chung này lại chia làm hai vị: địa tiền Ba mươi Ba đây quán chưa đủ thành gọi là tương tự thừa, Đăng địa trở lên đắc quán hiện tiền đây, gọi là chân thật thừa, nên luận nói: Đĩa tiền gọi là thuận nhẫn, Đăng địa gọi là vô sinh nhẫn tức là nghĩa chân thật và tương tự.

Kế là nói tịnh bất tịnh (gồm và không gồm). Hỏi: Có người nói: Sơ địa tịnh, có người nói Thất địa tịnh. Có người nói Bát địa tịnh, việc ấy thế nào? Lời bình rằng: Mỗi pháp có thiên chấp đều mất ý chỉ, vì sao? Vì kinh, luận có đủ ba thứ tịnh: Như Kinh Nhân Vương và luận Nhiếp Đại Thừa,v.v... nói Sơ địa tịnh. Phẩm Phát thú trong Đại Phẩm giải thích tên Thất địa đồng Định tuệ địa, tức Thất địa tịnh. Nhân Kinh,v.v... và

Địa Kinh nói Bát địa tịnh, do có đủ ba văn nên đều dụng.

Hỏi: ba thứ này trái nhau không nên hợp dụng.

Đáp: Không trái nhau, nói Sơ địa tịnh là từ lúc mới phát tâm liền học tịnh quán, đến Địa tiền còn là phàm phu cho nên không được tịnh, Đăng địa gọi là Thánh nên nói tịnh; lại Địa tiền gọi là thuận nhẫn, Đăng địa gọi là vô sinh nhẫn cho nên Sơ địa tịnh. Nói Thất địa tịnh: ở đây y cứ vị Địa, tự phân Sơ địa đến Lục địa gọi là thuận nhẫn, Thất địa gọi là Vô sinh nhẫn, thuận nhẫn tuy tịnh mà tịnh yếu kém nên không gọi là tịnh, Thất địa tịnh mạnh nên gọi là tịnh.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Vì Sơ địa so với trước gọi là Vô sinh nhẫn, nếu đối với Thất địa thì gọi là Thuận nhẫn, nếu so Sơ địa với Địa tiền thì Sơ địa là tịnh, nếu hiện rõ nơi thất địa thì Sơ địa chưa tịnh.

Hỏi: Vì sao Thất địa được gọi là tịnh, Lục địa không gọi là tịnh?

Đáp: Thất địa là công dụng đạo tròn đầy nên gọi là tịnh, Lục địa công dụng chưa tròn đầy nên chưa được gọi là tịnh. Lại nữa, Lục địa là Bát-nhã, Thất địa là Phương Tiện, vì Thất địa đủ hai tuệ nên được gọi là tịnh, Lục địa tuy có Bát-nhã mà chưa đủ Phương Tiện cho nên chẳng tịnh. Lại nói Bát địa tịnh nầy là căn cứ công dụng, vô công dụng mà phán lập tịnh, không tịnh, vì sao? Vì Thất địa tuy tịnh còn có công dụng, Bát địa nhậm vận thành tựu không còn công dụng, cho nên, Bát địa tịnh, Thất địa phi tịnh, dung hợp ba kinh không trái nhau.

Kế là nói về hai kinh: Hỏi: Kinh Pháp Hoa, Kinh Thắng-man đều nói về Nhất thừa, Nhất thừa có gì khác nhau?

Đáp: Các nơi khác nói Kinh Thắng-man liễu nghĩa, Pháp Hoa chưa liễu nghĩa. Nay nói Pháp Hoa đã nói lên Phật tánh, pháp thân tức lẽ ra không có giải thích liễu hay không liễu, chỉ Đại thừa là đồng, nói lược ba điều khác.

1) Pháp Hoa đối phá ba chấp trở về Nhất thừa. Như Thắng-man không đối ba duyên chỉ vì bảy năm trở lên học duyên Nhất thừa, nói về nghĩa ra khỏi sinh thâu nhập. Xuất sinh giống như đại địa xuất ra kho tàng bốn thứ báu. Chánh pháp ra khỏi sinh Năm thừa. Thâu nhập: chánh pháp ra khỏi sinh năm thừa, Năm thừa qui về chánh pháp, xuất nhập nầy thu vào, mở ra đều là đạo bình đẳng, nhân duyên pháp môn không bị bác bỏ, khác với kinh Pháp Hoa. Pháp Hoa trước bác bỏ ba bệnh cho nên nói Nhất thừa, rồi mới đắc chẳng ba chẳng một, ba một đầy đủ.

2) Pháp Hoa chỉ nói Nhị thừa chưa rốt ráo, Phật thừa đã tròn đầy, không giải thích rộng nhân duyên kia, Thắng-man thì khai nhân năm trụ

địa nói về quả hai thứ sinh tử, giải thích Nhị thừa chưa viên, quả Phật đã mãn. Vì vậy nên hai kinh có khác.

Hỏi: Nương nghĩa nầy tức là liễu hay chưa liễu?

Đáp: Tự có cần phải giải thích mà ngộ tự có, không cần giải thích mà ngộ, đâu được dùng đây phê phán liễu hay không liễu! Nếu một kinh đều nói đủ tất cả nghĩa thì có một giáo chỉ có một duyên sao gọi là nhiều bộ!

3) Thắng-man nói chánh pháp ra khỏi sinh ra năm thừa số năm thừa qui về lại chánh pháp, Pháp Hoa chỉ nói gom Ba thừa về Nhất thừa, chia Nhất thừa thành Ba thừa, không chánh hội thừa trời người qui Nhất thừa và chia Nhất thừa thành Ba thừa, thành thừa trời người.

Hỏi: Vì sao hai kinh khác nhau?

Đáp: Pháp Hoa chính vì Ba thừa chấp chặt tự cho là rốt ráo lại không cầu thành Phật cho nên phải nói nghĩa Ba thừa hội khai; trời người Nhị thừa không có tự chấp chặt rốt ráo cho nên không nói về hội, khai. Thắng-man nói hcung chánh pháp có ra khỏi sinh tất cả Phương Tiện dụng, số tất cả Phương Tiện trở về chánh pháp cho nên không nói năm thừa có khai hội.

Hỏi: Pháp Hoa có gom trời người về Nhất thừa hay không?

Đáp: Cũng có nghĩa này, như cúi đầu, đưa tay, v.v... đều thành Phật đạo, tức là việc đó.

Hỏi: Ba thừa đã là quyền nói, thật không có ba, thừa trời người cũng là quyền ư?

Đáp: Có so sánh và không so sánh. Nếu nói ba mươi ba thiên thường lạc ngã tịnh như lá dương vàng cũng là quyền, cũng nên phá và hội; không so sánh là đạo thật sự không có ba, Phương Tiện nói ba là rốt ráo cho nên ba là quyền; nhưng chẳng phải không thực hành thực của trời người nhân sinh tử mà đắc quả báo trời người cho nên trời người chẳng phải quyền. Trước lại không nói trời người là rốt ráo cho nên thừa trời người chẳng phải quyền.

Hỏi: Ba không bằng một, ở ba đã quyền, hai yếu kém đối với ba, hai lẽ ra cũng là quyền ư?

Đáp: Hơn kém chính là nghĩa có cả quyền thật, khác nhau cho nên không theo lệ. Thừa trời người đắc thật báo trời người, người Nhị thừa không đắc quả báo rốt ráo cho nên không theo lệ.

Kế là nói về ba giả: Hỏi: Thừa đủ ba giả hay không?

Đáp: Thích luận nói ngũ ấm pháp là pháp giả người là thọ giả, tên gọi người pháp là danh giả, pháp sở thừa và hành đầy đủ gọi là pháp

giả, người năng thừa là thọ giả, năng thừa sở thừa và thừa đầy đủ đều có danh tự là danh giả.

Hỏi: Thừa là nhân thành, nối kế, đối đãi ba thứ trong đó cái nào là giả?

Đáp: xưa nay có bốn giải thích nay không nói đủ: Có một giải thích rằng: Nếu luận nhân thành giả thì phải so với cả hai. Nếu đối với dùng pháp thành tựu người, người tức là giả, muôn thiện thành người tức là thật pháp, nếu đối với chung các điều thiện làm Nhất thừa, Nhất thừa là giả, muôn hạnh là thật.

Hỏi: Tương tục giả như thế nào?

Đáp: Có hai giải thích: Đầu tiên nói: một niệm thật pháp sinh mà tức diệt, còn tự mình không giữ vững làm sao có thể vận xuất, phải nối kế mới có nghĩa vận, như trí dứt hoặc như ánh sáng xua tan bóng tối. Kế là giải thích: Nếu giải dứt hoặc thì phải hai niệm vì bài bác người khác làm nên. Nay thiện thể theo năng vận một niệm có năng lực, như một niệm trí thì biết được cảnh, một niệm thiện liền có thể cảm sự an vui không có giả nối kế. Nay lại hỏi: Nếu một niệm không có năng lực, nhiều niệm mới có năng lực, một sợi tơ không thể buộc voi, nhiều sợi tơ mới buộc được, một giọt nước không thể đầy, nhiều giọt nước mới có thể đầy, trong Bách luận phá ngoại đạo có nhiều nói như vậy; xem rộng tự thấy. Lại hỏi: một không khả năng, nhiều mới có khả năng, một hạt cát không có dầu, một người loà không thấy, chứa nhóm nhiều thì có thể ư? Đáp: Người khác nói: loà và hạt cát từng phần nhỏ không có sức, kết hợp từng phần có sức cho nên chẳng hỏi. Nay nói trong Bách Luận ngoại đạo cũng có giải thích điều này như luận phá.

Kế là nói về nối kế giả: Hỏi: hai niệm nối kế là niệm trước diệt, niệm sau khởi kế niệm trước không diệt nên niệm sau khởi liên tục; nếu niệm trước diệt niệm sau khởi chỗ nào, không diệt thì thường nhọc gì mà sau kế tục khởi. Đầy đủ như luận phá. Lại hỏi thật pháp thì diệt trước mà hai sự nối kế thì chuyển biến, nay xin hỏi như sữa biến thành lạc lại có nghĩa sữa diệt, đó là một loại sữa hay hai thứ sữa? Nếu một loại sữa là thật pháp diệt thì không, lại làm sao biến, nếu nói biến thì sao được diệt ư? Nếu một thể ấy diệt thì không được biến, nếu biến thì không được diệt, nếu một diệt một biến thì thành hai thứ sữa.

Hỏi: Chỉ là một loại sữa mà sữa có hai nghĩa, nêu thể thật diệt nêu thể chuyển biến. Nạn hỏi rằng: Thật pháp diệt chỉ là nghĩa sữa diệt mà thể sữa cũng diệt ư? Nếu chỉ nghĩa diệt thì thể của sữa không diệt, vậy nghĩa sữa vô thường mà sữa lẽ ra là thường. Nếu nói nghĩa thể đều diệt

thì không còn nghĩa thể, vậy làm sao chuyển. Muốn thấy ý này Trung luận có nói rộng, lấy đây suy tìm thì không nối kế, đã không nối kế thì không đạt đến lý Phật, đâu có Nhất thừa! Nên biết có nghĩa sở đắc không có nghĩa thừa.

Kế là hỏi một niệm lực năng vận, một niệm nầy là tức diệt hay không diệt, nếu sinh mà tức diệt thì sao có năng vận? Nếu không diệt thì thường làm gì có sở vận ư? Nếu vừa diệt vừa không diệt đã là một niệm làm sao có đủ hai pháp ư?

Hỏi: Nay giải thích thế nào?

Đáp: Bệnh này nếu tiêu thì tự thấy ý kinh.

Kế là nói về bốn lần nhất (tứ nhất): Hỏi: Xưa nói có bốn nghĩa: Gọi là nhất giáo, nhất nhân, nhất quả, nhất nhân việc này thế nào?

Đáp: Đây cũng không lầm lẫn muốn mở rộng luận bàn có vô lượng nhất, nghĩa là giáo nhất, lý nhất, người nhất, pháp nhất, cơ nhất, cảnh nhất, trí nhất, như giải thích danh ở trước có nói.

Hỏi: Các nhất ấy có thứ lớp gì?

Đáp: Như lai thấy có nhất cơ cho nên trước có cơ nhất, nói nhất giáo cho nên kế có giáo nhất, chúng sinh theo ngộ nhất giáo cho nên gọi là nhân nhất, kế thực hành nhất nhân cho nên có nhân nhất, lại đắc nhất quả cho nên nói quả nhất.

Kế là trình bày nghĩa hai trí quyền thật, nói về danh quyền thật.

Hỏi: Kinh này đã nói bỏ quyền bày thật vì sao gọi là nghĩa quyền thật?

Đáp: có người nói: Quyền là tên quyền, thật là xét, thật là nghĩa. Có người nói: Thật gọi là trí tuệ, quyền gọi là Phương Tiện, Phương Tiện là tên gọi thiện xảo, trí tuệ là nghĩa giải trí. Lời bình rằng: nay nêu đầy đủ rõ ràng thưa hỏi. Ban đầu nói hoặc diệu vì đối đãi với thô làm tên, thô để nói Diệu mà được tên gọi, nếu vậy thật vì đối đãi quyền làm tên, quyền để nói thật được tên gọi. Nếu quyền thật không đối đãi nhau giải thích danh thì thô diệu lẽ ra cũng như vậy. Lại nạn hỏi rằng: Nếu quyền là nghĩa quyền như vậy, dùng quyền giải thích quyền, cũng lẽ ra thật là thật làm nghĩa dùng thật giải thích thật ư! Nếu vậy thì lẽ ra khổ lấy nghĩa khổ, vui lấy nghĩa vui không nên có giải thích khác.

Kế là hỏi hai tên trí tuệ và Phương Tiện, nhưng hai trí đều là khéo léo vì sao chỉ có Phương Tiện được gọi là khéo léo ư? Xưa giải thích: Chung thì đều theo lệ, riêng thì không bằng Phương Tiện, đối trong không ba nói ba nghĩa khéo léo rõ ràng thực trí trên thẩm nói một không hiển nghĩa khéo, cho nên gọi chung với trí tuệ kia.

Nạn hỏi rằng: Đối với trên một nói một không gọi là khéo, thì trên một nói một không nên cùng với kia gọi là diệu; nhưng văn dưới khen ngợi thật trí thì gọi là sâu xa mầu nhiệm, đây thì thật trí chính là mầu nhiệm khéo léo. Lại hỏi: Nếu thật trí mất tên gọi công kia, sẽ gọi là diệu, quyền trí mất diệu kia sẽ gọi là khéo, nếu vậy thật trí diệu mà không khéo, không khéo nên là vụng, quyền trí khéo mà chẳng diệu, chẳng diệu nên là thô, nay giải thích nghĩa y các kinh luận Đại thừa lược có bốn thứ:

l) Y danh giải thích, gọi là quyền là quyền xảo thật là xét kỹ.

2) Giải thích nghĩa giúp nhau: Quyền là thật quyền, thật là quyền thật, thật không ngại quyền, quyền không ngại thật, tuy thật mà quyền, tuy quyền mà thật. Cho nên quyền được dùng thật làm nghĩa, thật được dùng quyền làm nghĩa.

3) Giải thích nghĩa hiển đạo: quyền dùng bất quyền làm nghĩa, thật dùng bất thật làm nghĩa, cho nên nói: tất cả pháp hữu vô rõ ràng chẳng phải pháp hữu vô, cùng tất cả pháp quyền thật thấu đạt rõ chẳng phải quyền thật.

4) Giải thích nghĩa vô phương: Hoa Nghiêm chép: Giải vô lượng trong một, giải một trong vô lượng, nếu vậy một quyền có được vô lượng nghĩa, vô lượng pháp đắc nghĩa một quyền.

Hỏi: Phi quyền phi thật đó gọi là chân đế hay gọi là trí ư?

Đáp: Triệu Sư nói: Người mê hoặc thấy giảm chiếu cho là thật, thấy biến động gọi là quyền. Đã nói người mê hoặc cho là quyền thật thì biết tâm Thánh không hề có quyền thật, chính ở đây nói tâm Thánh không liên quan đến chân đế.

Kế là nói riêng về nghĩa quyền: Có người nói quyền là ví dụ danh, như cái cân gọi là quyền, dùng cân nầy cân lường các vật nặng nhẹ, trước thì nhẹ sau thì nặng, giữa thì bằng, đây là dụ do trí Phật chiếu quán sát căn duyên có Ba thừa khác nhau. Có người nói: Quyền là nghĩa giả cho nện giả ba xe ở ngoài cửa. Có người nói quyền là quyền như vậy dụng nhất thời cho nên nói quyền hóa thành ở giữa đường. Có người nói quyền là vậy thôi, nghĩa là tùy nghi nói pháp gọi là quyền. Lời bình rằng: Đầy đủ bốn nghĩa nầy có thể hợp dụng, thật trí của Như lai có chiếu duyên không khác nhau như cân lường nặng nhẹ. Như Kinh nói: Ta lúc mới đắc đạo, bấy giờ tay không độ tất cả chúng sinh. Lại nói thật không có ba xe giả lập ba xe, thật không có thành, quyền hóa thành cho nên giả. Ba thừa nghĩa là nói nhất thời, nếu lâu sau thì nói chân thật. Như Kinh nói: Pháp Thế Tôn về lâu sau phải nói chân thật cho nên

đó là nghĩa quyền, phải có tùy cơ nghi thì thích nghi nghĩa như vậy.

Hỏi: Quyền và Phương Tiện có gì khác nhau?

Đáp: Thông giống như một! Nhưng quyền là tên gọi thích ứng nhất thời, căn cứ nghĩa Ba thừa Phương Tiện là thiện xảo chung cho một, ba như khéo nói Nhất thừa cũng gọi là Phương Tiện, cho nên Phương Tiện danh có cả một, ba.

Hỏi: Quyền cũng nên có hai:

l) Thật quyền như Bồ-tát quyền xảo.

2) Phương Tiện quyền, như nói Ba thừa phải không?

Đáp: Theo lệ thì có.

Hỏi: Phương Tiện và quyền đã có hai thứ, thật có hai hay không?

Đáp: cũng có hai thứ:

1) Quyền thật: Xưa nói Ba thừa là thật, quyền làm thật nầy!

2) Phi quyền thật: Nay giáo nói Phật thừa là thật.

Kế là nói nghĩa của thể hai trí. Các Sư đều nói hai trí dùng tâm làm thể, tường tận nói nay thưa hỏi, tâm là giải thích thể của hoặc, tâm và hoặc là một hay khác? nếu một thì khi dứt hoặc nên dứt tâm, nếu tâm không dứt hoặc cũng không đoạn. Lại nếu một mà dứt hoặc để lại tâm thì sao lại không dứt tâm mà để lại hoặc ư? Nếu hoặc dứt, tâm không dứt thì tâm khác với hoặc, nếu khác thì hoặc ấy chẳng phải tâm, tâm là thức lự hoặc lẽ ra phi tình. Lại nếu hoặc khác tâm, hoặc tự là hoặc tâm lẽ ra không hoặc. Nếu vậy tự là trí biết, tâm không hề biết, như thế cầu tâm không bao giờ được. Thế thì vô tâm lấy gì làm thể của hai trí. Vì vậy nên luận nói: Như thân thấy năm thứ cầu không thể được; phiền não ở tâm cấu uế, năm thứ cầu cũng không được.

Hỏi: Nay nói hai trí lấy gì làm thể ư?

Đáp: Chính do gọi là tình nói tâm và hoặc là một, khác cho nên không có hai trí. Chư Phật, Bồ-tát hiểu rõ điều này thì tâm và hoặc không thấy một hay khác, đã không một, khác thì phi tâm phi hoặc, không trí không ngu cũng không quyền, không thật, năm câu như vậy đều không thật có, chỉ vì đối với không hai mà hai, vì chúng sinh nên chia ra hai trí, cho nên hai trí dùng không hai làm thể.

Kế là nói bốn thứ hai trí. Hỏi: Có người nói chiếu không làm thật xét kỹ có làm quyền, đây là Bát-nhã giáo hai trí. Trong tĩnh quán xét làm thật ngoài động dụng làm quyền, là Tịnh Danh giáo hai trí. Chiếu một làm thật, chiếu ba làm quyền, gọi là Pháp Hoa hai trí. Chiếu thường trụ làm thật, quán sát thường làm quyền gọi là Niết-bàn hai trí. Lời bình rằng: Không đúng, Chiếu không làm thật, xét có làm quyền, vì khế

hợp Trung đạo diệu quán, lìa yếu thuật của đoạn thường, là cha mẹ của pháp thân, bản hạnh của Bồ-tát. Từ Bát-nhã trở lên Niết-bàn trở xuống cho đến Hoa Nghiêm các giáo Phương Đẳng đều thông dụng không được chỉ thuộc về Đại Phẩm.

Kế là động tĩnh chia làm hai trí: Tất cả Phương Đẳng giáo nói về Hạnh Bồ-tát đều dùng nội tĩnh quán sát làm thật, ngoại động làm quyền, quán thông các kinh cũng chẳng thuộc Tịnh Danh.

Hỏi: Làm sao biết động tĩnh chia ra hai trí thông các kinh ư?

Đáp: Tất cả Bồ-tát đều có tự hành hóa tha, nay nội tĩnh quán sát làm thật, là tự hành, ngoài động dụng làm quyền là nghĩa hóa tha, cho nên biết có tất cả giáo.

Hỏi: Vì sao biết quán sát không làm thật, chiếu có làm quyền, cũng thông suốt các kinh ư?

Đáp: Tịnh Danh nói: Trí độ Bồ-tát làm mẹ, Phương Tiện làm cha, tất cả các bậc Đạo sư từ đó mà sinh ra, trí độ tức là Bát-nhã, Phương Tiện tức là nghĩa quyền. Ngài Long Thọ giải thích Đại Phẩm chia làm hai đạo:

1) Đạo Bát-nhã.

2) Đạo Phương Tiện.

Nếu vậy hai tuệ của Tịnh Danh tức là hai tuệ của Đại Phẩm mà Tịnh Danh đã nói, tất cả cđường ác sư đều từ đó mà sinh, tức biết hai tuệ nầy quán thông suốt các kinh.

Hỏi: Trước nói không, hữu phân ra hai trí, sau dùng động nói rõ quyền thật đều thông suốt các kinh có gì khác nhau?

Đáp: Căn cứ nghĩa nhân nhất Bồ-tát luận hai thứ hai tuệ chọn kia quán sát không, chiếu có nghĩa phần nhiều là tự hành đầy đủ như trước nói. Nếu nói nghĩa động tĩnh thì đầy đủ tự hành, hóa tha như ở sau.

Kế là nói chiếu ba làm quyền quán sát một làm thật, ở đây căn cứ nghiêng về Pháp Hoa, đó cũng không đúng. Sau Bát-nhã phân đã rõ ràng đồng với Pháp Hoa, nếu vậy thì Đại Phẩm cũng có nghĩa nầy không nên hệ thuộc nghiêng về Pháp Hoa. Lại hỏi: nếu nói Pháp Hoa dùng chiếu ba làm quyền quán sát một làm thật, ba và một đây đều là thế đế hay là cả hai đế? Xưa giải thích rằng: chiếu bốn thứ nhất là thật, nghĩa là nhân nhất, quả nhất, giáo nhất và nhân nhất đều là thế đế. Chiếu ba thứ, ba làm quyền, nghĩa là có ba, giáo ba, nhân ba, không có lý ba cũng là tục đế. Lời bình rằng: không đúng. Bốn nhất chỉ là tục đế thì nghĩa Nhất thừa hạn cuộc, trong Nhất thừa hoặc cảnh hoặc trí chân và tục đều nhập Nhất thừa, sao chỉ chọn thế đế ư?

Hỏi: Thừa là muôn hạnh nên cảnh chẳng phải thừa ư?

Đáp: luận Thập Nhị Môn lúc mới nói lược về Đại thừa, kế sau là nói phần lớn nghĩa sâu như nói nghĩa không. Nếu thông đạt không thì đầy đủ muôn hạnh, như vậy không là bản thừa, vì sao không chọn làm thừa ư! Nay nói tức là chiếu trong Nhất thừa, hoặc cảnh trí không hữu đều thuộc Nhất thừa, Ba thừa cũng vậy. Y kinh rõ ràng không như xưa nói.

Kế là nói về hai trí không hữu: Có người nói chiếu hai cảnh không và hữu, xét thật bất hư nên gọi là thật trí, quán Không, chẳng chứng, nhập hữu, không chấp trước gọi là Phương Tiện.

Hỏi: Điều này xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đại Phẩm nói: Bồ-tát đối với Không chẳng chấp cho nên chẳng chứng Không, liền biết chẳng chứng Không là Phương Tiện. Lại nói Bồ-tát dùng năng lực Phương Tiện nên vì chúng sinh thọ năm dục mà không bị ô nhiễm, cho nên biết vướng hữu mà không chấp đắm cũng là Phương Tiện.

Hỏi: Nếu dùng hai thứ soi chiếu làm thật hai thứ xảo làm quyền, hai chiếu nên không có hai xảo, hai xảo nên không có hai chiếu ư?

Đáp: hai chiếu hai xảo lại không có tự thể riêng, tuy chiếu mà xảo cho nên gọi là Phương Tiện, tuy xảo mà chiếu gọi là thật. Như Thích luận quyển một trăm nói: Ví như vàng làm thành vật quí đẹp, vật không lìa vàng, vàng không lìa vật, chỉ vì nghĩa vật quí đẹp như Phương Tiện, nghĩa hoàn toàn như tuệ thật.

Hỏi: Vốn dùng cảnh hai đế phát sinh hai tuệ, nay chiếu hai cảnh làm tuệ thật thì cảnh hai đế đều nên phát sinh tuệ thật ư? Đáp: Chính như thế. Hai đế phát sinh nghĩa xảo chiếu kia gọi là tuệ thật, phát sinh nghĩa chiếu xảo kia gọi là Phương Tiện.

Hỏi: Trước có giải thích như thế không?

Đáp: Ngài La-thập chú giải phẩm Hỏi Tật rằng: quán Không, chẳng chứng vướng hữu, không chấp trược đều gọi là Phương Tiện tợ như nghĩa nầy. Có người nói: Song chiếu không, hữu đều gọi là thật, vướng hữu hóa nhân nghĩa động dụng gọi là Phương Tiện, đây là do ngài Tăng Triệu giải thích. Tựa kia nói: Quán giảm chiếu gọi là thật thấy biến động gọi là quyền, tuy là tình bị mê hoặc mà chính chia đây làm hai trí. Giảm chiếu là đồng chiếu hai đế, nghĩa là tĩnh giám sát nên gọi là thật. Có người nói: Quán không là thật, xem xét hữu là quyền, điều nầy chỗ nào cũng có văn, như kinh Tu Chân Thiên Tử có nói rộng. Lại phẩm Vấn Tật kinh Tịnh Danh, chương Phược giải có luận bốn câu.

Hỏi: Vì sao giải thích kinh bốn câu ư?

Đáp: Giải thích khác nhau lẫn lộn, nay do ngài Kính Sư ở chùa Định Lâm thượng soạn Huyền luận giải thích kinh Tịnh Danh. Ngài nói: Tâm quán không chẳng thể trang nghiêm cõi nước, đây là tuệ vô Phương Tiện cho nên trói buộc (phược) tâm quán không tức năng trang nghiêm cõi nước, đây là tuệ có Phương Tiện cho nên giải. Nếu tâm trang nghiêm cõi mà chẳng thể quán không đây là Phương Tiện vô tuệ cho nên buộc. Tâm trang nghiêm cõi tức năng quán không đây là Phương Tiện hữu tuệ cho nên giải. Đại ý của ngài La-thập đồng với đây. Có người nói hai tuệ giúp nhau, Phương Tiện chiếu hữu mà năng giúp không cho nên năng quán Không mà chẳng thủ chứng. Người Nhị thừa không có hạnh nguyện Trung đạo giúp cho nên nhập Không liền chứng là biết Phương Tiện giúp Không mà chẳng thủ chứng Không, Không tuệ dẫn dắt hữu khiến nhập hữu chẳng chấp trước, nếu chẳng có quán Không dẫn dắt hữu thì vướng lấy hữu thủ chấp trước như phàm phu.

Hỏi: Phương Tiện giúp Không khiến chẳng chứng đã là xảo thì tuệ thật dẫn hữu khiến không chấp cũng là xảo, tức hai tuệ đều gọi là Phương Tiện cũng đều gọi là thật ư?

Đáp: Thông đều theo lệ nhưng chỉ không chấp hữu thì dễ, chẳng chứng Không thì khó, Phương Tiện năng khiến không chứng Không nên cùng kia gọi là xảo. Ví như bốn con sông hợp dòng cùng chảy vào cửa biển, chẳng phải sức mạnh của rồng chẳng phải tự năng biến chuyển ba giải thoát đều rót chảy vào biển Niết-bàn, chẳng phải Phương Tiện đại lực chẳng thể không chứng. Vì Phương Tiện lực xảo có biến chuyển thành không, chẳng rơi vào Nhị thừa cho nên cùng tên với xảo kia.

Hỏi: Phương Tiện đại lực năng biến không, khiến chẳng rơi vào Nhị thừa nên gọi là xảo, tuệ thật đại lực có công năng khiến không rơi vào địa vị, địa phàm phu cũng gọi là xảo ư?

Đáp: Đã giải thích như trước, lìa Thánh thì khó, tránh phàm thì dễ, cho nên sức Phương Tiện lớn, sức thật tuệ nhỏ. Lại tuệ thật chỉ là Lục địa, Phương Tiện căn cứ Thất địa, lại tuệ thật như mẹ, Phương Tiện như cha, lại có tuệ thật Ba thừa cùng chung, Phương Tiện chỉ riêng Bồ-tát. Lại Phương Tiện thì cần có thật, thật không cần có Phương Tiện. Lại như La-thập đáp Vương Trĩ-Viễn hỏi: Phương Tiện và trí đồng là tuệ tánh, chỉ vì tuệ cạn mà Phương Tiện thì sâu, liễu thật tướng gọi là tuệ thật, không chứng thật tế gọi là Phương Tiện.

Hỏi: Bốn thuyết như vậy làm sao gọi thật ư?

Đáp: Kinh Phật có các nói tùy người nghĩa mà dùng chứ không

định chấp, như kinh Tu Chân Thiên Tử, Kinh Bát-nhã, quyển hạ nói hai tuệ có ba mươi điều khác nhau có thể suy tìm.

Lại nay lược bày các điều khác nhau: Kinh tự có chỉ căn cứ không mà chia ra hai tuệ, như quán Không làm tuệ thật biết Không cũng là Không, cho nên chẳng chứng Không gọi là Phương Tiện tuệ. Tự có chỉ căn cứ có, chia ra hai tuệ như Kinh Tịnh Danh dùng thân không bệnh làm thật, thân bệnh làm Phương Tiện. Lại nói quán thân khổ không vô ngã làm thật, ở trong sinh tử giáo hóa chúng sinh làm Phương Tiện. Tự có không hữu chia làm hai tuệ như trước giải thích. Tự có phước tuệ chia làm hai tuệ, lấy tuệ làm thật lấy phước làm quyền. Tự có y cứ tự tha chia làm hai tuệ, tự hành là thật hóa tha là quyền. Tự có Đại thừa làm thật, Tiểu thừa làm quyền, đều có thể tùy văn dụng đều có ý chỉ.

Kế là giải thích nghĩa Pháp Hoa bốn thứ hai trí. Có người nói Pháp Hoa chỉ có hai thứ hai trí:

1) Chiếu Ba thừa là quyền chiếu Nhất thừa là thật.

2) Chiếu gần làm quyền chiếu tuổi thọ Phật lại gấp bội số trên là thật.

Nay nói kinh này phải đầy đủ bốn thứ hai trí: Trong đoạn đầu có ba thứ hai trí, sau trong bỏ gần bày xa lại có một thứ hai trí cho nên thành bốn thứ. Đoạn đầu nói ba thứ hai trí:

1. Đầu ba một hai trí người nhị thừa muốn nhập pháp Bồ-tát, thì trước phải biết Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật, dùng để phá vỡ quyền thật vô minh kia, hai trí này là bắt đầu trái lại với ba, là đầu tiên trở về một cho nên trước phải phân biệt rõ ràng.

2) hai trí Không hữu: đã sửa đổi ba tin một thì phải học không hữu hai tuệ của Bồ-tát, quán Không chẳng chứng, lìa địa vị Nhị thừa, vướng hữu, chẳng chấp, vượt ra cảnh phàm phu, cho nên sinh trong nhà Phật chủng tánh tôn quí. Lại hai tuệ không hữu là cha mẹ của pháp thân, muốn cầu đại giác đâu thể không học.

3) Tức hai trí hữu không là Bồ-tát tự hành, lại nên hóa độ chúng sinh. Cho nên, lấy nội tĩnh làm thật, ngoài động làm quyền nên có hai tuệ động tĩnh thứ ba.

Hỏi: Ba thứ hai tuệ này có thứ lớp gì?

Đáp: Đầu tiên hai tuệ khiến sinh tín, kế hai tuệ khiến sinh giải, Tín Giải là tự hành, thứ ba nói hóa tha phải đầy đủ ba thứ này người Nhị thừa mới thành Bồ-tát.

Lại lúc mới hai tuệ làm tín, kế hai tuệ là giải, thứ ba hai tuệ là hạnh. Tất cả Bồ-tát cần trước phải có tín tâm, kế có giải, sau có hạnh.

Nay y năm mươi hai vị nói rõ. Trước Thập tín, kế Thập trụ, Thập trụ tức Thập giải, do giải cho nên khởi mười hạnh, hạnh giải thành tựu tùy ý vận dụng đến đạo Bồ-tát có thể gọi là Hồi hướng. Hồi hướng đã thuận dòng vô sinh thì bước lên chân ngộ bình đẳng nên gọi là Thập địa. Dùng ba thứ hai trí phối hợp với địa vị này, lúc mới hai trí là tín, tức Thập tín, kế hai trí là giải, tức Thập trụ, sau hai trí tức là Thập hạnh, giải hạnh đã thành thì năng hướng đến đạo Bồ-tát cho nên có Thập Hồi Hướng, Hồi hướng đã thuận dòng vô sinh cho nên đăng Thập địa, vì không có hai cấp mà luận nên có phân tích như thế. Nếu giai cấp không giai cấp một niệm thì đầy đủ ba thứ hai trí.

Hỏi: Vì sao trước giải sau hạnh?

Đáp: Giải hạnh chưa bắt đầu lìa nhau, chỉ tùy nghĩa lý mạnh yếu cho nên trước sau phân chia, nhưng giải thì dễ cho nên có trước, hạnh thì khó cho nên ở sau.

Kế là căn cứ đoạn sau kinh này nói một thứ hai trí: Đoạn sau kinh này nói về bản tích hai trí thường vô thường. Biết bản là vô sinh diệt, vô thỉ chung là thật trí, biết các dụng thủy chung sinh diệt v.v.... gọi là quyền trí nên đoạn đầu đầy đủ ba thứ hai trí, dứt hai trí thường vô thường cho nên kinh này đầy đủ bốn thứ hai trí. Sau thấy luận nói rộng rõ ràng pháp thân là thường, hóa thân là vô thường thì bốn thứ hai trí liền năm thời quyền thật đều hoại.

Hỏi: Vì sao kế trước ba thứ hai trí sau là nói về hai trí thường vô thường?

Đáp: Trước ba thứ hai trí gọi là hạnh giải Bồ-tát tức là nghĩa nhân, bắt đầu từ Thập tín cuối cùng đến Đẳng giác, sau hai trí thường vô thường tức là quả vị xưng là Diệu giác địa, cho nên nhân quả hai môn đầy đủ bốn thứ hai trí.

Kế là nói ba thứ hai đế nói về nghĩa hai trí tự nó nhiếp lãnh tương thừa có ba thứ hai đế:

1) Lấy hữu làm thế đế, không làm Chân đế

2) Do không hữu đều là tục, phi không phi hữu là chân.

3) Nhị, không hai là tục, phi nhị phi không hai là chân.

Hai chẳng đế đã ba chuyển căn cứ đế phát trí cũng đầy đủ ba: lúc mới chiếu hữu làm tục chiếu không làm chân, kế chiếu không hữu làm tục chiếu phi không phi hữu làm chân, sau chiếu nhị không hai làm tục chiếu phi nhị phi không hai làm chân.

Hỏi: Vì sao dụng ba thứ hai đế ư?

Đáp: nói lược sáu nghĩa cho nên nói:

1) Nghĩa là đều là Tất-đàn vị nhân, tự có nghe lúc mới đắc đạo, tự có nghe sau thọ ngộ, vì chúng sinh căn tánh khác nhau hai đế chẳng phải một.

2) Vì giải thích Như lai thường y theo hai đế nói pháp. Nếu nói Như lai thường nương hai đế nói pháp, như nói không, nói hữu nên nương hai đế, nay nói phi không phi hữu cho đến phi nhị, phi không hai nên không y theo hai đế vì vậy cho nên giải thích rằng hai đế ba môn nói, ba môn này đều y hai đế. Nếu nói hữu làm tục nói không làm chân, nương sơ môn hai đế nói pháp cho đến nói nhị không hai là tục, phi nhị phi không hai là chân, nương môn sau hai đế nói pháp.

3) Vì giải thích Phật giáo khác nhau, kinh nói hai đế tuy nhiều mà không ngoài ba, như kinh chép: Bồ-tát trụ trong hai đế vì chúng sinh nói pháp. Thích luận nói: Vì chúng sinh chấp hữu nên nói không, vì chấp không nên nói hữu, đây là nói sơ môn hai đế; lại nói hoặc hữu hoặc vô đều là thế đế cho nên nói phi bậc nhất nghĩa. Hoa Nghiêm chép: Tất cả pháp hữu vô liễu đạt phi hữu vô, các kinh như vậy là lớp hai đế thứ hai. Lại Hoa Nghiêm nói pháp chẳng đắm không hai vì không có một, hai đây là lớp hai đế thứ ba. Dùng ba môn này đối với tất cả kinh không trái nhau vì vậy cho nên nói ba thứ hai đế nầy.

4) Muốn dẫn dắt chúng sinh dần dần chỉ bày giai cấp Phương Tiện, từ vô thỉ đến nay có hình tâm này và dùng ngoại vật,v.v... gọi là thật hữu, cho nên Chư Phật ra đời mà nói pháp cho nghe, đây là thế tục thật chứ chẳng phải Thánh thật. Nếu các pháp bản tánh Không chính gọi là chân đế, cho nên Trung luận chép: Phàm phu điên đảo làm hữu, đối với người đời là thật gọi là đế, các Hiền Thánh chân thật biết điên đảo, tánh Không, đối với bậc Thánh thật ấy gọi là Đế, mà chúng sinh liền cho là hữu chẳng phải thật đế, Không là chân đế tức bỏ hữu chấp không, vì vậy nên nói không và hữu nầy là hai bên đều là tục đế, phi không phi hữu là pháp Trung đạo chính gọi là chân đế, hoặc tuy xả, bỏ hai bên lại chấp đắm Trung đạo vì vậy cho nên thứ ba kế nói xa lìa hai bên không đắm Trung đạo chính là chân đế, hai bên Trung đạo đều là tục đế.

5) Vì chúng sinh năm thừa nói ba thứ hai đế này, lúc mới vì dẫn phàm phu khiến xả hữu nhập không nên nói hữu là tục, Không là chân; kế vì dẫn người Nhị thừa muốn khiến ngộ Trung đạo nên nói không hữu đều là tục, Trung đạo là chân; sau vì Bồ-tát khiến giữa hay thiên một bên đều bỏ, hoặc thiên một bên hoặc giữa đều là tục chẳng bên chẳng giữa đó mới là chân. Vì sao? Vì Bồ-tát cho rằng phàm phu, Nhị thừa mê

đắm hai bên mà tâm Bồ-tát du hành nơi Trung đạo,vì phá kiến chấp này nên nói xa lìa hai bên, không chấp Trung đạo. 6) Tức học giả thế gian nói ba giả hữu làm thế đế, ba giả không làm chân đế, tuy có nghĩa này chỉ ý của sơ môn thôi! Vì vậy nên dẫn nói ba thứ giả, không, hữu đều là tục, phi không hữu là chân, kia liền nói ta tự có hai đế, lại có phi chân tục làm Trung đạo, vậy nên nay nói hai đế và Trung đạo cũng làm tục đế, phi nhị phi không hai chính là chân.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 5

Mở cửa Phương Tiện, chỉ bày tướng chân thật.

Hỏi: Vì sao mở cửa Phương Tiện, chỉ bày tướng chân thật?

Đáp: Khai hai thứ Phương Tiện, chỉ bày hai thứ chân thật. Hai thứ Phương Tiện là:

l) Giáo Phương Tiện.

2) Thân Phương Tiện.

- Hai thứ chân thật là:

1) Giáo chân thật.

2) Thân chân thật.

Hỏi: Vì sao chỉ khai hai tướng này ư?

Đáp: Chư Phật ba đời chỉ có hình và giáo, đối với hai thứ này có quyền có thật cho nên chỉ bày, chỉ bày hai thứ này thì mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng có thể rõ ràng.

Như nói: mở cửa Phương Tiện chỉ bày chân thật, có người nói trước ở vườn Nai căn cơ chúng sinh còn lẫn lộn, phần nhiều nói Ba thừa chưa liễu lý nhất. Lúc bấy giờ dùng quyền ẩn nơi chân thật cho nên lý Nhất thừa bị quyền giáo che lấp, nay Vương thành cảm mới ứng đại căn cơ nói lên chân thật, chân thật đã hiển thì phế trừ giáo xưa, giáo xưa bị phế cho nên cửa Phương Tiện mở, một lý đã rõ thì tướng chân thật biển bày, cho nên nói mở cửa Phương Tiện, bày tướng chân thật, đây là ngài Quang Trạch giải thích.

Lời bình rằng: Lấy ba che một, bày một trừ ba, chẳng phải không có nghĩa nầy, chỉ vì kinh nói khai mở cửa Phương Tiện không nói trừ cửa Phương Tiện nầy, ở đây chẳng giải thích. Như người đời mở cửa chẳng phải là trừ môn, ý chỉ văn kinh nói chính là mở che chẳng liên quan đến phế lập. Có người nói gọi thẳng ba là Phương Tiện tức là mở cửa Phương Tiện, vì sao? Vì trước không nói ba là Phương Tiện cho nên đóng mở cửa Phương Tiện, nay gọi ba là Phương Tiện cho nên mở cửa Phương Tiện khai. Chỉ bày tướng chân thật: Đã gọi ba là Phương Tiện

tức chỉ một là chân thật, đây là Đạo Lãng ở Hà Tây giải thích. Lời bình rằng: Đây đắc ý chỉ của kinh. Vì sao? Vì trước nói Ba thừa là chân thật tức dùng chân thật đóng cửa Phương Tiện, cho nên cửa Phương Tiện không mở. Nay nói Ba thừa là Phương Tiện nên mở cửa Phương Tiện, đây chính là phế bỏ ba thật, mở ba Phương Tiện cho nên nói khai mở cửa Phương Tiện.

Hỏi: Đây cũng là phế lập vì sao nói không phải?

Đáp: Đây chính là phế ba thật, lập ba Phương Tiện, trước nói phế trừ ba Phương Tiện cho nên khác. Lại khai nghĩa ở trước, phế nghĩa ở sau, trước phải mở ba là Phương Tiện, rồi sau mới được phế, không như vậy thì không có nhân duyên nên không được phế bỏ.

Hỏi: Phương Tiện đương thể là môn là vì là thông thật tướng nên gọi là môn ư?

Đáp: Đầy đủ có hai nghĩa:

1) Pháp môn xứng môn thì Phương Tiện đương thể là môn, như trong Hoa Nghiêm các thiện tri thức, các loại pháp môn, hoặc giỡn cát, hoặc đùa chơi,v.v... đều là pháp môn, nay cũng vậy. Như lai có hai thứ môn:

a) môn Phương Tiện.

b) môn Chân thật. Chỉ vì hai môn nầy đều có mở, đóng, trước không nói ba là Phương Tiện cho nên Phương Tiện đóng cửa, nay nói ba là Phương Tiện cho nên mở cửa Phương Tiện. Trước không nói một là chân thật cho nên cửa chân thật đóng; nay nói một là chân thật cho nên cửa chân thật mở.

2) Pháp môn Phương Tiện nầy lại có cả thật tướng cho nên Ba thừa Phương Tiện làm môn Nhất thừa. Thật tướng cũng có hai nghĩa cho nên gọi là môn:

a) Đương thể hư, thông nên gọi là môn, như pháp môn không hai của Tịnh Danh, pháp môn Pháp giới của Hoa Nghiêm v.v...

b) Năng thông Phương Tiện cho nên gọi là Phương Tiện làm môn.

Có người nói công thông tướng chính là do một cùng cực cho nên một là cửa Phương Tiện, thứ lớp dẫn dắt công hiển rõ ở ba, cho nên ba là tướng chân thật, nói chẳng phải ba thì cửa Phương Tiện được mở, ngộ chỉ một thì tướng chân thật có thể chỉ bày, đây là chú giải. Lời bình rằng văn tự như không phải vậy nhưng ý không sai lầm với tông chỉ, vì sao? Vì đã do một có cả ba đâu chẳng phải một làm ba môn, nói ba là thông một thì ba là một môn, nhưng một là ba môn nầy từ thật đến quyền gọi

là xuất môn. Nói ba có cả một từ quyền nhập thật gọi là nhập môn, môn đã có hai, tướng cũng nên như vậy. Nói ba tiêu biểu một cho nên ba làm một tướng nói thật khiến biết quyền cho nên một là ba tướng, do lý rõ ràng nên ý nầy đầy đủ, chỉ vì chú giải kinh thiên dùng một làm ba môn ba làm một tướng ý còn chưa đầy đủ. Hoặc như trước dụng nghĩa không lầm, chỉ vì trước đến nay ba thứ đều một phen mới nói, bên trong chưa rốt ráo đầy đủ, nếu luận đủ có thể có ba nghĩa:

1) Lấy ba làm Phương Tiện, một làm chân thật.

2) ba, một đều là Phương Tiện, chẳng phải ba, một là chân thật.

3) Nói ba, một làm hai, chẳng phải ba, một là không hai, hai và không hai đều là quyền, chẳng phải hai chẳng phải không hai thật, ba thứ này xen lẫn được gọi là môn, như dùng ba làm một môn, đây là dùng quyền thông thật. Nếu dùng một làm ba môn là dùng thật ứng phó quyền cho đến hai không hai cũng như vậy. Đã xen lẫn được gọi là môn cũng xen lẫn được gọi là tướng, nhưng không được xen lẫn làm quyền thật!

Hỏi: Phương Tiện thật tướng đã xen lẫn được gọi là môn, cũng được gọi thật tướng làm thật tướng môn cho đến Phương Tiện làm môn Phương Tiện hay không?

Đáp: Đầy đủ có bốn câu:

1) Phương Tiện làm môn thật tướng.

2) Thật tướng làm môn Phương Tiện, hai thứ này như trước.

3) Thật tướng làm môn thật tướng.

4) Phương Tiện làm môn Phương Tiện. Như danh làm nghĩa môn, nghĩa làm danh môn. Do danh Phương Tiện nói lên nghĩa Phương Tiện, nên, danh làm nghĩa môn, do nghĩa Phương Tiện nói lên danh Phương Tiện cho nên nghĩa làm danh môn, thật tướng cũng như vậy.

Bài tựa Trung luận chép: Thật không danh, không ngộ cho nên dựa vào trong đó để tuyên bày, tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Nay được dùng ba để bày ba, dùng một hiển một được không?

Đáp: Cũng có bốn câu:

1) Dùng ba bày một.

2) Dùng một bày ba.

3) Dùng ba bày ba.

4) Dùng một bày một, hai câu đầu như trước.

Dùng ba bày ba, dùng nhất hiển nhất nói: ba Trước khác một nay, nay ba ở ngoài một; nay một khác trước ba, nay một ở ngoài ba, cho nên

một chẳng phải một của ba; ba chẳng phải ba của một; như thế một, ba đều là kiến chấp. Nay phá bệnh này nên nói đối một Phật thừa phân biệt nói ba cho nên ba là ba của một. Các ông đã hành đạo Bồ-tát cho nên một là một của ba. Vì ba là ba của một thì ba đâu khác một, một là một của ba thì đâu khác ba. Cho nên, gọi ba, một là nghĩa nhân duyên. Dùng nhân duyên ba, một nay nói lên tự tánh ba, một, cũng dùng tự tánh ba, một nói lên nhân duyên ba, một, cho nên nói dùng ba bày ba dùng một bày một.

Hỏi: Vì sao gọi Phương Tiện lại có bao nhiêu môn?

Đáp: phẩm Phương Tiện lúc mới nói Phương Tiện được mất sự hiện nơi văn kia, nay sẽ nói nghĩa môn. Kinh này từ đầu đến cuối lược có mười lăm môn: Phẩm Phương Tiện có hai môn, phẩm Thí dụ có sáu môn, phẩm Tín Giải có ba môn, phẩm Hóa Thành có hai môn, phẩm Pháp Sư có một môn, phẩm Phổ Môn có một môn, hợp lại có mười lăm môn.

Phẩm Phương Tiện có hai môn:

l) Nói môn trí tuệ kia khó hiểu khó nhập, cho nên quyền trí làm môn thật trí. Sanh Pháp sư nói ngôn giáo làm môn, ngôn giáo làm môn ấy là nói thật trí, ngôn giáo tức là môn thật trí. Luận Pháp Hoa như Đại Sanh giải thích.

2) Kế là nói các pháp môn tuyên bày nơi Phật đạo, đây là dụng Đại thừa giáo làm môn.

Phẩm Thí Dụ có sáu môn:

1) Nhà kia rộng lớn chỉ có một cửa, lại dùng Đại thừa giáo làm môn.

2) Từ cửa bị cháy mà an ổn được ra đây là căn cứ ba cõi hạn cuộc làm môn như gọi nhà làm môn.

3) Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp, lại dùng Đại thừa giáo làm môn.

4) Ba xe như vậy nay ở ngoài cửa, lại dùng ba cõi làm môn.

5) Nhờ Phật giáo môn mà vượt khổ ba cõi, đây dùng Tiểu thừa giáo làm môn.

6) Bấy giờ, Trưởng giả đứng ở ngoài cửa, theo nghĩa Đại thừa nầy tức là dùng hai thứ tử hạn cuộc làm môn. Nghĩa Tiểu thừa nói Đức Phật vượt ngoài tất cả phiền não cho nên phiền não ba cõi và tập khí vô tri ba tạng, Phật đều đã dứt hết, nên nói đứng ở ngoài cửa.

Lại Phẩm Tín Giải có ba môn:

l) Đến nhà người cha đứng ở bên cửa, đây là dùng lý giáo Đại

thừa làm môn.

2) Nói còn ở ngoài cửa dừng nghỉ nơi am tranh, cũng dùng cả lý giáo Đại thừa làm môn.

3) Bấy giờ Trưởng giả ở trong cửa kia, cũng dùng cả lý giáo Đại thừa làm môn.

Phẩm Hóa Thành Dụ hai môn:

1) Phạm Vương thỉnh Phật nguyện mở cửa cam lộ, gồm cả Đại Tiểu giáo làm môn.

2) Lầu gác cao có nhiều lớp cửa là đều dùng ba không giải của Tiểu thừa làm môn.

Phẩm Pháp sư một môn: Tức là khai mở cửa Phương Tiện, thị tướng chân thật, trong văn đã nói đủ.

Phẩm Phổ Môn một môn: Dùng Đại thừa làm môn, môn này có hai thứ:

1) Thần thông khắp.

2) Nói pháp khắp, hai luân này đều là Bồ-tát hư thông vô ngại nên gọi là môn, lại hai luân này khiến khắp chúng sinh ngộ nhập nên nói là Môn.

Hỏi: Mở cửa Phương Tiện, bày tướng chân thật như thế nào? Là năng khai hay sở khai, năng thị hay sở thị, năng bế hay sở bế?

Đáp: Trước quyền nói Ba thừa giáo không nói ba là Phương Tiện tức ba Phương Tiện che lấp, Phật quyền trí là năng bế ba môn Phương Tiện là sở bế, nay thật trì nói ba là Phương Tiện thì cửa ba Phương Tiện mở. Thật trí của Phật là năng khai, cửa Phương Tiện là sở khai. Năng thị sở thị: Tuy mở ba là cửa Phương Tiện, mà tức chỉ bày Nhất thừa là cửa chân thật, thật trí tức là năng thị, Nhất thừa tức là sở thị, cho nên thật trí có hai năng: Năng khai và năng thị. Như tay người có khả năng mở cửa lại chỉ vật ở trong cửa, vật ở trong cửa ấy là sở thị, tay là năng thị.

Hỏi: Vì sao từ trước đến nay có môn, phi môn?

Đáp: Đối với ba đức Phật xưa có hai nghĩa:

l) Căn cứ giáo mà nói thẳng đạo Ba thừa, không nói ba là Phương Tiện lại vì thật tướng làm môn, đây là nghĩa Phật tự bế.

2) Căn cứ Phật bản làm thông một, nói ba giáo, ba đối với Phật tức là môn Nhất thừa. Căn cứ duyên làm luận cũng có hai nghĩa: Nhân ba ngộ một cho nên ba đối với duyên là môn, không ngộ một thì ba đối với duyên chẳng phải môn.

Hỏi: Đó gọi là trí thị hay giáo thị?

Đáp: Trí thuyết là giáo thị, khai cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao đương thể môn ấy theo môn khác ư?

Đáp: Như quyền trí năng thông thật trí, thật trí là sở thông, từ sở thông đặt tên cho nên nói kia là môn trí tuệ. Trí tuệ tức là thật trí, môn tức là quyền trí, gọi quyền trí nầy là môn của nhà thật trí, theo lệ như ba môn giải thoát từ sở thông đặt tên, giải thoát là quả Niết-bàn sở thông, ba không năng thông hành nhân đắc Niết-bàn nên gọi là môn giải thoát. Lại người đời nói Phật môn, nhân môn,v.v... đều từ sở thông làm môn. Đương thể đắc danh ấy là Phương Tiện, đương thể hư thông nên gọi là môn, thật tướng cũng như vậy. Như nói trục môn, bản môn (cửa tre cửa ván). Đương môn thể là tre là ván cho nên dùng đương thể đặt tên.

Hỏi kinh này có mười lăm môn gồm có bao nhiêu thành?

Đáp: Có năm thành. Phẩm Tín Giải có bốn thành, Phẩm Hóa Thành có một thành. Phẩm Tín Giải có bốn thành là:

l) Ban đầu trong đó dừng ở một thành, tức dụ một phương thùy ứng thành Phật, thành Phật là thành.

2) Trong thành kia bỏ ta mà trốn đi, là dụ trái với sự hóa của Đại thừa, dùng đại hóa làm thành.

3) Trước ở thành cũ lo lắng tìm kiếm, dụ Đức Phật ở địa vị Pháp thân tìm kiếm chúng sinh, đại căn cơ không có, tức pháp thân Phật làm thành.

4) Lúc ấy, gã cùng tử đi đến thành cha ở, tức là đại căn cơ đã động gọi là lý giáo Đại thừa làm thành.

5) Phẩm Hóa Thành nói hóa làm một thành, tức Nhị thừa ở ngoài ba cõi có thể để dừng nghỉ, dụ như ngôi thành.

Hỏi: Đã có năm thành, gồm có bao nhiêu nhà?

Đáp: Gồm có tám nhà, y theo nhà lửa gồm có sáu nhà, là nói theo nghĩa.

1) Ban đầu nói có một nhà lớn.

2) Nói nhà kia mục nát.

3) Lúc ấy chủ nhà.

4) Nhà ấy cũ nát thuộc về một người.

5) Các con của Trưởng giả ở trong nhà ấy.

6) Lửa đốt cháy nhà.

7) Phẩm Hóa Thành nói nhà cửa trang nghiêm.

8) Phẩm An lạc hạnh nói ban cho ruộng nhà.

Hai nghĩa nhà ở đầu là nói tướng mạo ba cõi, hai kế nói thuộc về Phật, hai sau nói chúng sinh ở trong đó lại khởi phiền não chịu tám việc khổ, hai cuối cùng thí dụ người Tiểu thừa, các con và công đức; đoạn

dưới sẽ nói.

Kế là nói về nghĩa ba thuyết, luận chép: Rộng bỏ ba bày một, dứt nghi, sinh tín, vì người ba căn, mà nói ba châu:

1) Pháp nói.

2) Thí nói.

3) Thuyết về nhân duyên đời trước cho nên nói thuyết ba châu.

Hỏi: Tại sao vì ba căn mà thuyết ba châu ư?

Đáp: Xưa kinh dạy: Châu đầu nói cho thượng căn, châu kế là nói cho trung căn châu sau nói cho hạ căn. Lời bình rằng: Thẳng đặt tên này ở văn chưa hoàn thiện, như ba phen nói đều vì ba căn, ba căn đều nghe một phen nói, vậy thì đều là hạng thượng căn sao gọi ba phẩm. Nếu nói thượng căn nghe một lần, trung căn nghe hai lần, hạ căn nghe ba lần nói, thì không nên nói pháp nói vì thượng căn, thí nói vì trung căn, nói nhân duyên đời trước vì hạ căn. Nay nói là châu đầu nói chung cho cả ba căn, mà thượng căn một lần nghe liền hiểu, chu kế nói thông vì trung căn hạ căn mà trung căn nghe lại một lần nữa mới hiểu; nói nhân duyên đời trước chỉ vì hạ căn, hạ căn ba phen mới hiểu. Thích luận nói Thân Tử một lần nghe liền chứng Sơ quả, Mục liên nghe lại lần nữa mới chứng Kiến đế, người hạ căn đúng lý phải đến lần thứ ba.

Hỏi: Vì sao biết?

Đáp: Ban đầu ba phen thỉnh, ba căn đều nghi, cho nên biết lúc mới nói vì cả ba căn. Kế phẩm Thí Dụ nói Thân Tử đã vượt xa hạng trung' căn hạ căn còn nghi người hối hận xin Phật giải thích, cho nên biết Thí nói chung cả trung căn hạ căn. Lại đủ ba châu nói đối với nghĩa mới đủ, nếu chỉ có pháp không có thí thì nghĩa chưa tận, nếu chỉ thí chưa có pháp thì ý cũng không tròn đầy. Cho nên phải châu đầu pháp nói, chu kế thí dụ. Pháp và thí dụ tuy tròn đầy mà chỉ nói hiện tại chưa nói về nhân tu đời trước nên kế có nói thứ ba.

Lại, đạo Nhất thừa nhập có nhiều môn, tự có người ưa nghe pháp thuyết, từ pháp nói mà nhập môn, tự có người ưa nghe thí dụ, từ thí dụ nhập môn, tức hai châu trước; tự có người ưa nghe cả pháp thuyết, thí nói cũng từ cả hai mà nhập môn, tức châu thứ ba, nên phẩm Hóa Thành về trước nói môn pháp nói, sau Hóa Thành là môn thí dụ, tự có ba môn nầy đều không đắc ngộ, đều không vì nói, như năm ngàn người bỏ đi.

Hỏi: Đây có gì khác với ba căn?

Đáp: Đây không nói vì ba căn cho nên có ba thuyết chỉ vì người ưa thích đều khác nhau cho nên giáo môn khác nhau. Lại ba châu nói là muốn chỉ bày tướng Trung đạo cho nên nếu nói một lần nói hai lần

nói thì rất ít, nếu nói quá ba lần thì rất nhiều, nay muốn chỉ tướng Trung đạo không nhiều không ít cho nên chỉ có ba thuyết. Lại Thích luận nói Chư Phật nói Pháp sự không quá ba lần. Nay dựa vào quy định của Phật nên chỉ nói ba lần. Lại Ba thừa chấp khó sửa đổi, Nhất thừa khó tin nên phải nói ba lần. Lại chỉ bậc thượng tôn đại pháp thương xót chúng sinh nên ân cần nói đến ba lần.

Hỏi: Nếu vậy tất cả các kinh đều nên nói ba lần như thế ư?

Đáp: Văn dưới nói: Chư Phật đã nói nay nói và sẽ nói, kinh Pháp Hoa này rất khó tin khó hiểu cho nên phải nói ba phen. Lại lúc mới nói khiến gieo hạt giống xuống, kế nói khiến sinh trưởng, sau nói được thành thục. Lại lúc mới nói sinh văn tuệ, kế nói sinh tư tuệ, sau nói sinh tu tuệ.

Hỏi: Văn không có ý nầy cho nên gượng đào lỗ gieo mầm ư?

Đáp: ý Phật sâu xa chẳng vì một việc, như Thích luận giải thích một câu văn gồm có mười lần lại nữa.

Kế là nói thứ lớp, hỏi: ba phen nói có thứ lớp gì? Đáp: Pháp nói là gốc của thí nói cho nên thứ nhất, thí thuyết lại mượn sự để dụ cho pháp trước cho nên xếp vào thứ hai. Nhân duyên đời trước nói pháp, thí dụ từ đầu đến cuối cho nên xếp vào thứ ba.

Kế là nói chung riêng mỗi chu đều có ba thuyết, như trong pháp nói nói : như hoa Ưu-đàm tức là thí nói ; Ta ở đời trước hai muôn ức Phật đã giáo hóa tức là nói nhân duyên đời trước. Trong Thí dụ ba thuyết như: trước thí nói nói ta trước không nói đều là hóa Bồ-tát ư? Tức là pháp nói. Lại nói ba mươi người con và Trưởng giả là cha đâu chẳng phải đời trước đã kết duyên ư? Nhân duyên đời trước nói cũng có đủ ba: trước Hóa thành là pháp nói, sau Hóa thành là thí nói, cho nên trong mỗi châu thuyết có đủ ba. Chỉ đây phần lớn phê phán nói như vậy, lại từ nhiều mà luận cho nên bỏ ba thuyết.

Kế là nói về khai hợp: tóm lược ba châu thành hai ý: Ban đầu dẫn chứng theo lệ đồng nói, hai châu sau gọi là nói thẳng. Đầu dẫn chứng theo lệ đồng nói: Dẫn Rộng bốn Đức Phật làm chứng nói Đức Thích-ca theo lệ đồng, hai châu sau không còn dẫn chứng theo lệ đồng mà nói thẳng thí dụ và nhân duyên đời trước. Vì phá ba thuyết một việc nầy trái với thường tình, một lần khó tin cho nên trước phải dẫn rộng Chư Phật làm chứng, rồi mới nói đức Thích-ca theo lệ đồng. Dẫn chứng theo lệ đồng đã xong. Hai châu sau chỉ cần nói thẳng: lại châu đầu gọi là người, người rộng pháp lược: người rộng: nói năm Đức Phật. Pháp lược: Chỉ một châu thuyết. Kế là hai châu sau, pháp rộng người lược: Pháp

rộng: hai châu thuyết. Nhơn lược: Chỉ nói một Đức Phật Thích-ca. Đoạn dưới giáo môn của Đức Thích-ca làm thí dụ bản, cho nên biết thí nói chỉ nói giáo môn của đức Thích-ca, nhân duyên đời trước cũng chỉ đức Thích-ca kết duyên chứ không nói các Đức Phật khác, thầy và đệ tử cho nên nói Thích-ca giáo môn. Lại châu đầu gọi là biệt nói nghĩa là biệt nói giáo môn của năm Đức Phật, hai châu sau gọi là nói chung nghĩa là thí dụ được thông suốt năm Đức Phật, hóa thành cũng vậy. Lại hai châu đầu gọi là nói hiện tại, một châu kế gọi là nói quá khứ, lại hai châu đầu nói về quả, một châu sau nói về nhân.

Kế là nói về nghĩa nhiều, ít. Hỏi: Chỉ có ba phen nói lại còn có các lần thuyết khác nữa hay không?

Đáp: Phần lớn nói về ba phen nói thôi, luận nói nghĩa quanh co tức nhiều. Đầu tiên ba châu Đức Phật tự nói, kế người ba căn lãnh giải lại có ba thuyết, hợp lại có sáu lần. Phật ba châu nói ba văn xuôi ba kệ tụng thành sáu thuyết lãnh giải cũng như vậy. Nói lược có mười hai phen nói. Căn cứ châu đầu Đức Phật nói văn xuôi nêu rõ giáo năm Đức Phật, sau kệ lại tụng năm Đức Phật hợp thành mười lần nói. Châu thứ hai văn xuôi thí nói và hợp thí hai lần nói, kệ cũng như vậy. Lại thành bốn lần nói. Chu thứ ba có văn xuôi và kệ là hai nói, đều có pháp, thí là bốn lần nói hợp với trước thành mười tám lần nói. Nếu đầy đủ lược bỏ ba bày một đều có văn xuôi và kệ thành hai mươi lần nói. Người thượng căn lãnh giải văn xuôi và kệ là hai lần nói, người trung căn văn xuôi và kệ lại hai lần nói đều có pháp, thí là bốn lần nói, đủ trước thành sáu lần nói, người hạ căn lãnh giải văn xuôi và kệ lại hai lần nói đều có pháp thí là bốn lần nói, hợp thành mười lần nói. Thầy cùng đệ tử hợp nói nghĩa bỏ ba bày một, nói lược ba mươi lần nói, trong kia nói nghĩa không chỉ ở đây thôi!

Kế là nói hoặc chướng: Hỏi: Vì sao hoặc chướng người ba căn không hiểu Nhất thừa ư?

Đáp: Thông mà nói đoạn thường Nhị thừa chướng ngại Nhất thừa Trung đạo, căn cứ nói riêng có hai thứ hoặc:

1. Đoạn kiến.
2. Vô minh.

Đoạn kiến: Nhị thừa chứng Không cho là diệu cực. Vô minh: không biết Như lai quyền thật ba, một, nhưng đoạn kiến và vô minh cũng là một thể, chỉ căn cứ nghĩa phân biệt ! Chấp không gọi là chấp đoạn, không biết quyền thật gọi là vô minh, cũng do vô minh nên chấp chặt. Hoặc nầy chẳng phải chín mươi tám sử, vì sao? Vì La-hán đã dứt

chín mươi tám sử mà còn không biết quyền thật cho nên biết thuộc vô minh phiền não. Sau thấy luận Pháp Hoa nói: Người nhiều phiền não có nhiễm ở mạn không biết Nhất thừa và pháp thân thường trụ, nhiễm mạn nầy tức là vô minh, Chi căn cứ hoặc đây có ba phẩm khác nhau: người hạ căn thì nặng, người trung căn vừa thượng căn thì nhẹ cho nên chia ba phẩm.

Hỏi: Phát chẩn tức học Nhị thừa như luận Bà-sa, Thích luận,v.v... nói Duyên giác chậm nhất là trăm kiếp, nhanh thì làm bốn đời, Thanh văn chậm nhất là sáu mươi kiếp nhanh nhất là ba đời, Tiểu thừa chướng Đại thừa, tu tập Tiểu thừa đã lâu nên gọi là độn căn, tu tập Tiểu thừa mới đây (gần) nên gọi là lợi căn. Giữa hai hạng người này nên gọi trung căn ư?

Đáp: Nghĩa ấy cần phải tiến thoái mà luận bàn, nếu tâm Nhị thừa là hoặc mà năng chướng Đại thừa thì nên như đã hỏi, tức đã nhiều kiếp lâu xa thực hành hạnh Nhị thừa khởi hoặc lâu dài, chấp này khó phá nên gọi là hạ căn; tu tập hạnh Nhị thừa gần thì khởi hoặc ngắn ít, chấp nầy dễ dứt nên gọi là thượng căn. Giữa hai hạng này gọi là trung căn. Chỉ có Thân Tử thực hành tiểu hạnh đã lâu căn kia thì lợi nên gọi là thượng căn, tu tập tiểu thừa gần gọi là hạ căn, giữa hai hạng này gọi là trung căn. Lại Thân Tử cùng tận nguồn gốc Tiểu đối với Đại dễ ngộ, những người khác không như vậy, cho nên Thân Tử gọi là lợi căn. Lại người Nhị thừa được hội nhập thành đạo Bồ-tát thì Nhị thừa hành lâu đối với đạo Bồ-tát sẽ hành sâu. Có người nói có bốn câu:

1) Hoặc khinh mà lợi căn.

2) Hoặc trọng mà lợi căn.

3) Hoặc khinh mà độn căn.

4) Hoặc trọng mà độn căn.

Nếu hoặc khinh lợi căn mới nghe liền ngộ, nếu trung căn, hạ căn hai người lại một lần nữa nghe mới ngộ, người thứ tư ba phen nghe mới ngộ. Nghĩa nầy đến đoạn dưới trong phần năm trược sẽ giải thích rộng.

Kế là nói về chuyển căn. Hỏi: Ba căn thượng, trung, hạ có nghĩa tăng tiến hay không?

Đáp: Có người nói: Châu đầu pháp thuyết thượng căn nghe liền ngộ, trung căn chuyển thành thượng căn, hạ căn tiến thành trung căn; châu thứ hai nói trung căn đồng thượng căn đắc ngộ, hạ căn chuyển thành thượng căn; chu thứ ba nói hạ căn đồng thượng căn đắc ngộ. Có người nói: căn cứ Ba thừa nói về thượng trung hạ căn, Bồ-tát thành

thượng căn, Duyên giác thành trung căn, Thanh văn thành hạ căn. Căn cứ Thanh văn tự có thượng, trung, hạ, theo ba căn này cho nên có ba châu thuyết, Tuy lại đắc ngộ còn có lợi độn khác nhau, như đao chém một vật, một phát đứt đoạn là thượng, hai phát đứt đoạn là trung, ba phát đứt đoạn là hạ, tuy đều đứt đoạn mà có lợi độn khác nhau, tuy trước sau đắc ngộ cũng có lợi độn khác nhau. Lời bình rằng: Thuyết sau đắc ý chỉ của kinh. Vì sao biết vậy? Vì khi người thượng căn đắc ngộ, người trung căn, hạ căn chưa ngộ sao đã chuyển căn ư!

Hỏi: Nay có nghĩa chuyển căn?

Đáp: Tỳ-đàm là Tiểu thừa còn có chuyển căn. Nghĩa Đại thừa không có định tánh, vì sao không chuyển ư! Gặp duyên xấu nên chuyển lợi thành độn, gặp duyên lành nên chuyển độn thành lợi.

Kế là nói Đại tiểu: Hỏi: ba châu thuyết pháp Bồ-tát ở thời nào mới đắc ngộ?

Đáp: Một phen nói về Bồ-tát là thượng căn, Duyên giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Nếu vậy Bồ-tát và Duyên giác đều hơn Thanh văn, cho nên nghe châu đầu liền được ngộ. Kế lại nói người lợi căn Duyên giác hơn Thanh văn có thể được gọi là thượng căn. Thích luận chép: Duyên giác Độn căn không bằng Thân tử. Nếu vậy có thể được đồng hạ căn ba châu nói mới ngộ. Bồ-tát bất định sơ tâm hay tu hành lâu đều là Bồ-tát, nay luận chung Bồ-tát căn có đồng ba phẩm Thanh văn nên ba châu đều ngộ. Lại căn Bồ-tát cùng thân Tử đồng phẩm nghe châu đầu liền ngộ, hai phẩm trung hạ cũng như vậy. Chỉ vì Bồ-tát chấp dị, mê khinh lại không tự mê hoặc chấp chặt rốt ráo cho nên Bồ-tát lợi, độn nghe châu đầu đều ngộ. Làm sao biết được? Vì đoạn dưới Thân Tử được thọ ký, Trời người tám bộ biết đều thọ ký. Cho nên, phàm phu tuy căn độn mà hoặc nhẹ, Thân Tử tuy lợi căn mà hoặc nặng, cho nên đồng là châu đầu được ngộ.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không lãnh giải ư?

Đáp: có người nói: Bồ-tát cũng có lãnh giải chỉ là Kinh Pháp Hoa phần nhiều không độ hết, cho nên phẩm Phương Tiện nói: Bồ-tát nghe pháp ấy nghi ngờ đều đã trừ liền chứng kia. Có người nói: Thanh văn có bệnh chấp khác, lại có mê hoặc tự chấp chặt nên chánh phá vì thế có lãnh giải! Bồ-tát không có bệnh tự chấp chặt, dù có cho rằng Đại khác Tiểu hay Tiểu khác Đại rõ ràng Bồ-tát tự thành Phật, Nhị thừa không thành Phật, một phen nghe Pháp Hoa liền được lãnh ngộ. Chỉ vì phá ba về một chính là Nhị thừa, phụ là Bồ-tát cho nên không nói về Bồ-tát lãnh giải.

Hỏi: Thanh văn nghe kinh được thọ ký, Bồ-tát nghe kinh vì sao không được thọ ký?

Đáp: Do nói lãnh giải ví như thọ ký có thể biết. Chỉ phẩm Đề-bà-đạt-đa thọ ký Long nữ, phẩm Tùy hỷ nói nghe Kinh Pháp Hoa một câu một bài kệ đều được thọ ký, dưới trong phẩm Thọ Lượng có Bồ-tát được thọ ký.

Kế là kết hợp hai kinh: Hỏi: Kinh Thắng-man nói: Sơ nghiệp của Ba thừa không ngu đối với pháp, tự biết sẽ được giác ngộ, vì sao kinh này nói ba căn La-hán lúc mới thì sinh nghi, sau liền được ngộ?

Đáp: Kinh xưa Sư nói có sự có lý, nói lý tức là sơ nghiệp của Ba thừa đã biết thành Phật, thật ra không phải lúc mới nghi và cuối cùng ngộ, chỉ là phù hợp đồng với phàm phu dẫn sơ nghiệp ở trước, ngoài phàm phu, khiến cho kia tin theo Nhất thừa sẽ được thành Phật, cho nên chỉ lúc mới nghi, sau ngộ! Trong giáo làm luận nói Nhị thừa đắc quả rồi sau mới dạo xem trong tâm, suy tìm lý chỉ một giáo không nên ba giáo, nói nhất định ba lý đâu được một, cho nên trọn ngày lại an tâm chớ nương gởi. Nên Pháp sư Diêu nói: lần lựa giữa lý giáo nghi là lầm hay không lầm, nếu dùng lý mê hoặc giáo nầy có nghĩa đắc, nếu dùng giáo mê hoặc lý nầy có nghĩa mất, cho nên lần lữa sinh nghi được mất. Nhưng căn có ba thứ: Nếu thượng căn lợi căn trí dùng lý mê hoặc giáo tình nhiều, dùng giáo mê hoặc lý tình ít, cho nên lúc mới nghe pháp nói thuận hợp với tâm thì liền lãnh ngộ, như Thân Tử, v.v... Dùng lý mê hoặc giáo tình ít, dùng giáo mê hoặc lý tình nhiều. Tuy nghe pháp, thí hai lần nói mà trái với bản tâm kia nên ba phen nghe mới ngộ như Mãn Nguyện v.v... Nếu người trung căn ở giữa lợi độn, giáo lý mê hoặc lẫn nhau tâm chánh,v.v... Nghe pháp nói chưa ngộ, nghe thí nói liền hiểu như Thiện Cát,v.v...

Lời bình rằng: Nếu trong lý đã biết đồng qui, trong giáo cũng có mê ngộ, thì Thắng-man là thuyết thật pháp Hoa là quyền giáo, nếu vậy Pháp Hoa nói một cũng chưa liễu, không nên lấy ý của Thắng-man giải thích năm trăm do-tuần! Lại Đại Kinh nói: La-hán hai muôn kiếp đến chỗ phát tâm cũng là nói bất liễu, vì sao? Vì sơ nghiệp đã biết đồng qui do nhân duyên gì mà trải qua hai muôn kiếp mới phát tâm ư? Nếu vậy Niết-bàn lẽ ra là chưa liễu, nếu Đại Kinh là liễu thì Thắng-man lẽ ra chưa liễu. Lại sơ nghiệp đã biết đồng qui sao lại chứng La-hán? Nói về chứng nghĩa là rốt ráo cho nên chứng, đã biết chẳng phải tột cùng thì đâu nên chứng ư? Lại theo luận Pháp Hoa nói chứng tánh pháp thân không khác với Thắng-man, không nên giải thích là liễu hay không liễu

và lý giáo. Có người nói: Sơ nghiệp Ba thừa, đây là người Ba thừa bắt đầu tin Đại thừa cho nên gọi là sơ nghiệp, đây giải thích Thắng-man và Pháp Hoa hai kinh không ngăn ngại. Thắng-man căn cứ bắt đầu tin Đại Thừa cho nên tự biết thành Phật, Pháp Hoa căn cứ Ba thừa chưa tin Nhất thừa cho nên sinh nghi. Có người nói Thắng-man chép: Sơ nghiệp Ba thừa không ngu đối với pháp, tự biết ấy là căn cứ người lợi căn sâu ngộ nghe ba liền lãnh hội một, vâng thọ tiểu thì ngộ đại. Pháp Hoa nói La-hán còn nghi, đây là căn cứ người độn căn nghe ba chấp giữ ba vâng thọ tiểu, trụ trong Tiểu thừa cho nên hai kinh không trái nhau.

Hỏi: Người lợi căn chẳng vượt hơn Thân tử, lại có người lợi căn nào ngộ sâu chăng?

Đáp: Trong Pháp Hoa nói ba căn: Thân Tử,v.v... nầy phần nhiều là hạng trong ẩn hạnh Bồ-tát, ngoài thị hiện Thanh văn, dẫn hạnh Tiểu thừa.

Hỏi: Vì sao biết nghe Tiểu mà ngộ sâu Đại?

Đáp: Nghĩa có bốn câu:

l) Nghe ba ngộ ba.

2) Nghe một ngộ một, hai nghĩa này dễ hiểu.

3) Nghe một ngộ ba, như nghe giáo đại Niết-bàn mà thành La-hán.

4) Nghe ba ngộ một tức sơ nghiệp vậy.

Hỏi: Văn kinh Pháp Hoa, có nói nghe một ngộ chung ba không?

Đáp: Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự chép: Tám muôn bốn ngàn người xa lìa trần cấu đắc pháp nhãn thanh tịnh, nghĩa nầy lẽ ra chung cho cả đại tiểu, mà trong các kinh phần nhiều cho là Tiểu thừa. Có người nói: Thắng-man vì người Phương Tiện cho nên tự biết thành Phật, Pháp Hoa căn cứ người thực hành cho nên không tự biết, hai kinh cũng không trái nhau. Có người nói: Việc nầy không thể tư duy giải thích được. Như luận Đại trí giải thích phẩm Tất Cánh Định nói: Trong năm thứ bất khả tư nghì Phật là tối thắng nhứt. Thanh văn thành Phật hay không thành Phật chỉ có Phật mới biết được thôi. Luận giả chính là có thể luận các việc khác, khi được thành Phật mới có thể hiểu. Long Thọ đã xứng với thành Phật mới biết rõ việc này, phàm phu đâu thể muốn chuyên quyết định được ư! Sau sẽ luận lại nghĩa này.

Kế là nói nghĩa Duyên giác không lãnh giải: Hỏi: Trong hội Pháp Hoa sao không có Duyên giác lãnh giải ư? Lại Pháp Hoa chính là hợp Ba thừa vì sao không có chúng Duyên giác?

Đáp: Kinh sư có các nói khác nhau đều không phân biệt rõ, nay lược giải thích khiến cho dễ hiểu. Đức Phật vì hàng Tam căn bỏ ba thừa,

người trung căn chê Thanh văn theo thầy, lại sợ Phật đạo lâu dài, do đó người ấy ra đời không có Phật nên tu thành Bích-chi-phật, vì thế trong hội Pháp Hoa không có Duyên giác.

Hỏi: Nếu vậy vì sao các kinh lại nói có Duyên giác ư?

Đáp: Luận chung về Duyên giác gồm có bốn thứ:

1) Bản thừa Duyên giác, nghĩa là trước phát tâm Duyên giác sau đắc quả Duyên giác, chỉ có người này trải qua nhiều kiếp tu hành, nhưng Thích luận và các luận chỉ lược nêu có hai:

a. Hạng chậm nhất thì trăm kiếp. Trăm kiếp: Đây thuộc đại Bích-chi, luận Câu-xá đem sừng con tê ngưu dụ trăm kiếp.

b. Nhanh nhất thì bốn đời, trung gian thì nhiều ít không nhất định. Hai hạng người này thành quả Duyên giác chắc chắn không gặp Phật. Cho nên Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát từ cõi Đâu-suất giáng xuống, phát ra ánh sáng chiếu khắp, nếu Giác biết thì xả thọ nhập vô dư, bất giác thì theo lượng đến thế giới không có Phật ở phương khác. Đại Kinh dụ nghĩa sao chổi cũng như vậy. Trung luận nói: Nếu Phật không ra đời, Phật pháp đã diệt tận, các trí Bích-chi-phật, từ đó xa lìa sinh. Nếu vậy hội Pháp Hoa do đâu mà có Duyên giác ư?

Hỏi: Đại tiểu Duyên giác khi chưa đắc quả thì thấy Phật hay không? Nếu bốn đời đắc quả, từ ba đời về sau có được gặp Phật hay không? Cho đến trăm kiếp chưa đủ để hỏi như vậy ư!

Đáp: Hoặc gặp Phật hay không gặp Phật, đây đều không nhất định.

2) Chẳng phải bản thừa Duyên giác: Người kia vốn là Thanh văn ở trong Phật pháp chứng đắc sơ quả, người sơ quả chỉ mười bốn đời đủ gặp Phật thì thành La-hán, không gặp Phật thì thành Bích-chi, người như thế hoặc có gặp Phật hoặc thành Bích-chi rồi, mà Phật liền xuất thế cho nên có nghĩa gặp Phật.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm chép: phát ra ánh sáng chiếu soi, khiến cho diệt độ và chuyển đến phương khác làm sao gặp được Phật ư?

Đáp: Người này bản nguyện thấy Phật khác với người trước cho nên không thể so sánh.

Hỏi: Chỉ sơ quả không gặp Phật thành Duyên giác. Nhị quả, Tam quả không gặp Phật có thành Duyên giác chăng?

Đáp: luận Câu xá chép: Nhị quả không gặp Phật pháp cũng thành Duyên giác mà văn nói không ngoài ba quả. Chỉ đắc A-na-hàm rồi gặp Phật thành La-hán, không gặp Phật cũng có nghĩa thành Duyên giác. Chỉ là nghĩa này ít nên Kinh luận không nói!

Hỏi: Đại Bích-chi căn tánh lanh lợi làm sao nói pháp không thể khiến người đắc Noãn pháp cho đến quả Thánh ư?

Đáp: Bích-chi xuất hiện ra đời không gặp Phật, đây là thời kỳ chánh pháp đã hết cho đến cũng không phải đời mạt pháp, thời này chúng sinh căn độn nên không đắc nghĩa Noãn pháp, chẳng phải Bích-chi-phật không có khả năng khiến họ đắc đạo. Bích-chi năng hóa sẽ lợi mà sở hóa ắt độn; Thanh Văn năng hóa sở hóa tức thông.

3) Luận Câu xá chép: Lại có Bộ hành Duyên giác, người kia tự có đồ chúng, bộ nhóm, như Phật có đệ tử quyến thuộc nên gọi là Bộ hành, người này hành và hành kế không hẳn đủ trăm kiếp cũng có thể sáu mươi kiếp như thời Thân Tử.

Hỏi: Người này có gặp Phật hay không?

Đáp: Cũng không gặp Phật.

4) Biến hóa duyên giác để chúng sinh ứng thấy người này ở trong Phật mà ngộ cho nên có gặp Phật.

Hỏi: Ca-diếp có căn tánh gì?

Đáp: Đây là người Bản thừa Duyên giác chẳng phải người đắc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sinh tử.

Hỏi: Bản thừa Duyên giác có vô lượng người, lúc mới từ bốn đời cuối cùng đến trăm kiếp là những người nào ư?

Đáp: Ca-diếp trí thua Thân Tử tức ứng với người sáu mươi kiếp trở xuống.

Hỏi: Nghĩa Tiểu thừa nhẫn Pháp trở xuống còn có thoái, người Ba thừa căn tánh chưa định có tướng Ba thừa làm nghĩa, nhẫn pháp trở lên tức là ba căn đã nhất định vô tướng làm nghĩa, nay Ca-diếp trụ ở địa vị nào mà gặp Phật ư?

Đáp: Nay cần phải tiến thoái mà luận: nếu Đại Bích-chi ngang với Phật, Phật nhập đạo có hai thuyết:

1) Từ Noãn pháp rồi nhập quán, đến tận vô sinh mới xuất, Bích-chi cũng vậy.

2) Giải thích rằng Đức Phật từ bất tịnh quán trở đi đến tận vô sinh mới xuất, Đại-bích-chi cũng vậy. Ca-diếp là Đại-bích-chi nên hơn Thân Tử, mà không bằng Thân Tử cho nên biết chẳng phải Đại Bích-chi. Đã chẳng phải Đại Bích-chi thì không được dụng hai thuyết trước, Ca-diếp thua Thân tử lại hơn người bảy phen sinh nhân gian (bảy đời), tức là trung căn Bích-chi có thể được trụ hai gốc lành Noãn, Đảnh, không gặp Phật mà thành Duyên giác.

Hỏi: Duyên giác trụ trong hai gốc lành thành Thanh văn là thoái

căn tánh hay không thoái căn tánh?

Đáp: Noãn, Đảnh đã có thoái đoạ đường ác sao không được thoái căn tánh ư? Luận Câu Xá nói Duyên giác khi trụ trong hai gốc lành chỉ nghe Phật giáo, y giáo đắc đạo chuyển gọi là Thanh văn, thật chẳng phải thoái trung căn thành hạ căn. Nay nói có thể đầy đủ hai người:

1) Thoái trung căn thành hạ căn nên Duyên giác thành Thanh văn.

2) Ca-diếp không gặp Phật thì thành Duyên giác, gặp Phật thì thờ phụng Phật làm thầy; làm đệ tử cho nên gọi là Thanh văn, căn tánh như cũ, đây không phải chuyển trung căn thành hạ căn. Lại có nghĩa không chuyển căn như người bảy phen sinh nhân gian không gặp Phật thành Duyên giác thật chẳng phải nghĩa thoái căn. Ca-diếp Duyên giác thành Thanh văn đâu có nghĩa thoái căn ư!

Hỏi: Pháp Hoa nói gom Ba thừa là gom người Duyên giác nào?

Đáp: Chính hội Duyên giác ra đời không có Phật, do bắt đầu bỏ Ba thừa nầy cho nên về sau gom.

Hỏi: Duyên giác ra đời không có Phật, thì gom chỗ nào? Đáp: Người kia nhập Niết-bàn sinh về cõi tịnh khác vì nói pháp Hoa mới được gom.

Hỏi: Nếu vậy Pháp Hoa chỉ gom người Nhị thừa nên không gom Ba thừa ư?

Đáp: Trong chúng có người cầu Duyên giác vì người này cho nên cũng cần gom ba. Vì hai người đều được gom ba không hẳn vì ba người mới gom ba.

Hỏi: Vì sao chỉ có Thanh văn lãnh giải không có Duyên giác lãnh giải?

Đáp: Bản thừa duyên giác không ở trong hội cho nên không được lãnh giải, vì người, hạnh nông cạn nên chưa được đồng ba căn Thanh văn lãnh giải thọ ký cho nên không nói. Biến hóa Duyên giác không cần nói họ lãnh giải, lại hội Pháp Hoa không có.

Hỏi: Đại Bích-chi trăm kiếp tu hành hễ một lần nghe Pháp Hoa liền ngộ như Thân Tử?

Đáp: Nghĩa nầy không nhất định cần phải phân biệt. Nếu chọn Ba thừa lợi độn mà phê phán thì Thân Tử không sánh bằng Đại Duyên giác một phen nghe liền ngộ, Duyên giác hơn Thân Tử tức nghe nói lược liền hiểu. Mà không so sánh tức là trong đây ba căn Thanh văn trải qua nhiều kiếp tu tập Đại thừa cho nên nay mới đắc Duyên giác, tuy lợi mà không tu tập Đại thừa nên chưa đắc ngộ. Lại người ba căn đều là người

Phương Tiện cho nên nghe kinh được ngộ, thực hành trăm kiếp Duyên giác nghĩa tức không đúng.

Hỏi: Pháp Hoa người ba căn ngộ vì đều là quyền hành cũng là thực hành ư?

Đáp: Đều là quyền hành.

Hỏi: Không phát sinh tích người khác vì sao đều là quyền hành?

Đáp: luận Nhiếp Đại Thừa nói: Thân Tử,v.v... được thọ ký, giáo hóa người vì muốn dẫn dắt người Thanh văn chưa quyết định thẳng đến Phật đạo, người đã định khiến họ luyện căn.

Hỏi: Vì sao gọi là Thanh văn định Thanh văn chưa định?

Đáp: Nghĩa Tiểu thừa Nhẫn pháp là Ba thừa chưa định, Nhẫn pháp thì định. Lại các kinh chép: Tu-bồ-đề vốn là Phật Thanh Long Đà. Lại kinh nói là A-duy-nhan, A-duy-nhan là người đỉnh Thập địa. Lại Đại Kinh nói Ca-chiên-diên và Bạc-câu-la đều nói là Hiển phát Như lai, Phương Tiện mật giáo đến chỗ Phật cho nên biết đều là quyền hành.

Sau thấy Luận Pháp Hoa nói mười hạng người khác với xưa phê phán, nay nói về thông hợp, phẩm Thí Dụ văn từ nhà lửa trở đi đến hết phẩm Thọ Lượng các lương y, nói chung mười người. Luận nói từ đây trở xuống là bảy hạng chúng sinh có đầy đủ tánh phiền não, nói bảy thứ thí dụ đối trị bảy thứ tăng thượng mạn nên biết. Lại vì ba hạng người không có phiền não Tam-muội giải thoát v.v... nhiễm mạn, nên biết. Những gì là bảy hạng người đầy đủ tánh phiền não.

l) Người cầu thế lực.

2) Người cầu Thanh văn giải thoát.

3) Người cầu Đại thừa.

4) Người có định.

5.) Người không định.

6) Người chứa nhóm công đức.

7) Người không công đức.

Bảy hạng người tăng thượng mạn:

l) Điên đảo cầu công đức tăng thượng mạn, do các phiền não thế gian đốt cháy mà dùng thiên nhân làm quả báo cảnh giới mầu nhiệm để đối trị đây cho nên nói thí dụ nhà lửa.

2) Người Thanh văn chuyên hướng tăng thượng mạn cho rằng thừa của ta không khác với thừa Như lai, điên đảo vọng chấp như vậy, vì đối trị đây nên nói thí dụ cùng tử.

3) Người Đại thừa một bề tăng thượng mạn cho rằng mình không khác thừa Thanh văn Bích-chi-phật, điên đảo vọng chấp, vì đối trị đây

nên thí dụ như mây mưa.

4) Người tăng thượng mạn thật không mà có, do có thế gian Tam-muội Tam-ma-bạt-đề thật không có Niết-bàn mà sinh tưởng Niết-bàn, vì đối trị đây cho nên nói thí dụ hóa thành.

5) Tán loạn thật không có định: quá khứ có Đại thừa gốc lành mà không giác tri, kia không cầu Đại thừa đối với việc ngang trái xấu xa trong tâm luống dối, vọng dùng làm bậc nhất thừa, vì đối trị đây cho nên nói thí dụ buộc hạt châu trong chéo áo.

6) Người tu tập công đức nói pháp Đại thừa mà chấp cho là chẳng phải Đại thừa, vì đối trị đây nên nói thí dụ trong búi tóc buộc hạt ngọc.

7) Người không công đức đối bậc nhất thừa không tu tập các gốc lành, nói bậc nhất nghĩa không cho là bậc nhất vì đối trị đây nên nói thí dụ thầy thuốc.

Luận lại giải thích rằng: Người thứ nhất dùng các gốc lành thế gian Tam-muội công đức Phương Tiện khiến nhập Niết-bàn, người thứ hai dùng ba làm một khiến nhập Đại thừa, người thứ ba khiến biết các thừa Chư Phật Như lai bình đẳng nói pháp tùy hạt giống gốc lành của chúng sinh nẩy mầm, người thứ tư Phương Tiện khiến nhập thành Niết-bàn, thành Niết-bàn là thành các thiền Tam-muội, ra khỏi thành này vào thành Đại Niết-bàn, người thứ năm thị hiện gốc lành quá khứ khiến nhớ nghĩ giáo khiến nhập Tam-muội. Người thứ sáu nói pháp Đại thừa, pháp môn này đồng Thập địa hạnh mãn, được Chư Phật mật thọ ký cho, người thứ bảy căn chưa thuần thục khiến cho họ thuần thục, cho nên thị hiện quả Niết-bàn, vì các nghĩa nầy nên Như lai nói bảy thứ thí dụ.

Kế là ba hạng người không có phiền não nhiễm mạn, điên đảo tin:

1) Tin các loại thừa.

2) Tin thế gian, Niết-bàn khác.

3) Tin thân kia đây là khác vì đối trị ba thứ nhiễm này nên nói ba pháp bình đẳng:

a) Thừa bình đẳng thọ ký cho người Thanh văn chỉ có Đại thừa không có Nhị thừa.

b) Thế gian, Niết-bàn bình đẳng, tức Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn thị hiện Niết-bàn thế gian bình đẳng.

c) Thân bình đẳng, Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, thân mình, thân người, pháp thân bình đẳng không khác nhau, vì người ấy không có phiền não mà nhiễm mạn thấy thân kia đây tạo khác nhau, do không biết kia đây thân Phật tánh Pháp thân bình đẳng. Văn

luận nói lên dễ thấy, nếu ai chưa hiểu nay lại trình bày giải thích: Ý luận từ văn Thí dụ trở xuống, trong Phẩm Thọ Lượng, thí dụ thầy thuốc gồm có bảy ví dụ tóm lược bảy ví dụ vì bảy hạng người có phiền não mà nói.

Hỏi: Nói nhà lửa xưa rằng vì người trung căn Thanh văn mà nói, vì sao nói vì các phàm phu chấp đắm cảnh giới năm dục hấp dẫn mà nói ư?

Đáp: Ý luận cũng không trái với trước, Thí dụ nhà lửa có thể bao gồm hai nghĩa: Nói rộng nhà lửa các khổ ép ngặt, do đó dẫn các con ra, đây vì các phàm phu nói. Nếu ra khỏi nhà lửa sau xin xe ban cho xe, cho xe không dối v.v... đây vì Thanh văn chưa lãnh giải mà nói, hợp mà nói nhà lửa khiến ra khỏi giai đoạn phàm phu, bỏ ba xe sau đồng ban cho xe lớn khiến ra khỏi giai vị Nhị thừa, cũng được nghĩa giải thích cho một người từ đầu đến cuối đủ hai nghĩa này, cũng được vì hai người nói hai ví dụ này. Luận chỉ nêu một nghĩa cho nên vì phàm. Từ trước cũng chỉ vì nói một nghĩa cho nên vì Thánh thì sớm quá. Xem văn sớ đã bao gồm cả hai có thể được dùng cả hai nghĩa.

Hỏi: Thí dụ Cùng tử chính là người trung căn lãnh giải, vì sao nói thí dụ này vì đối trị cho rằng Nhị thừa bình đẳng với Phật thừa mà nói ư?

Đáp: Cũng bao gồm hai: Nếu so với trung căn lãnh giải thì như xưa phê phán, nếu chọn trung căn là người quyền hành giúp trợ Phật mở kho bí mật thì như luận phê phán, đầu phẩm Thí dụ đã nêu đủ hai nghĩa này. Luận chỉ nêu ly do vì các phàm phu, chỉ nêu vì thánh nay có thể dùng cả hai.

Hỏi: Nói thí dụ Cùng tử vì sao nói Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau ư?

Đáp: Đại thừa giàu sang dụ như trưởng giả, Tiểu thừa thấp kém như người cùng tử hốt phân văn sớ biên chép đã rõ ràng nghĩa nầy.

Hỏi: Thí dụ thứ ba: Người Đại thừa vì sao nói không có Tiểu thừa?

Đáp: Đây là nghĩa chê trách chấp không có Thanh văn, chấp không có Thanh văn ý nói: Hoàn toàn đều không có Thanh văn. Luận phá ý nầy cho nên Phật nói thí dụ mây mưa; nói tùy theo căn cơ khác nhau ba cỏ hai cây sao không có người Thanh văn ư!

Hỏi: Thí dụ thứ tư Hóa thành vì hạ căn Thanh văn mà nói, vì sao nói vì người tăng thượng mạn đắc thiền định thế tục cho là đắc Niết-bàn. Để phá người nầy cho nên nói dụ Hóa thành ư?

Đáp: Bao gồm cả hai như trước giải thích.

Hỏi: Nói hóa thành vì sao phá chấp nầy ư?

Đáp: Người này đắc thiền định thế tục, như Thích luận nói: Người này khi đắc thiền thứ tư cho là đắc quả thứ tư, nay phá bệnh này cho nên nói Nhị thừa chân thật chứng Niết-bàn còn là hóa ra, chẳng phải thật có, sở đắc của ông lẽ nào là thật ư! Lại trước nói Niết-bàn chân thật của Tiểu thừa để phá kia không mà cho là có.

Kế là dụ Hóa thành khiến cho tiến đến đảo châu báu, ba người còn lại văn luận hiểu rõ không cần phân biệt.

Kế là nói ba hạng người không có phiền não: Tức La-hán có ba thứ chấp:

1) Chấp thừa khác nhau không biết đồng Nhất thừa, vì phá bệnh này nên nói Nhất thừa.

2) Chấp thế gian Niết-bàn khác. Chấp Thế gian Niết-bàn khác: Nghĩa là sinh thân, thế gian chẳng phải Niết-bàn, diệt thân là Niết-bàn, vì phá bệnh này nên nói Đa Bảo nhập Niết-bàn tức thân này là thân Niết-bàn chẳng diệt.

3) Chấp thân kia đây khác nhau, thân kia đây khác nhau không biết Phật mười phương đồng một pháp thân, vì phá bệnh này cho nên nói Phật Đa Bảo nhập Niết-bàn lại hiện thân mình thân người đồng một Phật tánh, pháp thân không có khác nhau, tức là nói lên Phật mười phương đồng nghĩa một pháp thân.

Hỏi: Trước nói kinh có ba châu nay luận vì mười người có lẽ không trái nhau ư?

Đáp: Luận chỉ nói chung là mười người, bảy người là có phiền não ba người không phiền não, mà không lầm mất ý ba châu, ba châu cũng không mất lầm ý mười người tức có thể được dùng cả hai.

Hỏi: Nương bảy ví dụ của luận phá bảy bệnh, phẩm Phương Tiện lại phá bệnh gì ư?

Đáp: Theo luận, trong ba hạng người không có phiền não: Bệnh cho rằng thừa khác nhau, phẩm Phương Tiện chính là phá nghĩa nầy. Cho nên, văn dưới của luận nói: Phẩm Phương Tiện có năm phần, chánh là phá hai nói một. Kế là nói đại sự nhân duyên có sáu thứ: Đầu tiên là giải thích khai thị ngộ nhập: Có người nói: Khai: là lược bỏ ba bày một, Thị: là rộng bỏ ba bày một. Ngộ: là lược bỏ gần bày xa. Nhập: là rộng bỏ gần bày xa, do bốn chương kinh nên có bốn nghĩa.

Lời bình rằng: Không đúng. Phật đối với đoạn đầu liền khai thị ngộ nhập không phải hai chương mới được đủ bốn. Có người nói: câu đầu căn cứ lý, ba câu còn lại dựa theo giải, nói về chúng sinh sở dĩ

không biết thành Phật vì ngăn chướng bởi năm trược tám khổ, tâm kia dụng năm trược nếu dụng mạnh thì năng chướng lý quả, lý không được nói lên tức là nghĩa bị che lấp. Như lai xuất thế nói kinh giáo này vì chúng sinh dứt trừ chướng ngại năm trược, quả tri kiến Phật liền nói lên nên gọi là khai. Nói thanh tịnh: là năm trược ở tâm lý đương quả không hiển thì có nghĩa uế lụy nay năm trược đã không thể làm chướng ngại tức lý quả đã rõ ràng nên gọi là thanh tịnh. Ba câu sau y cứ về giải: Do kia tuy có đương quả tri kiến mà không thể tự biết, nay muốn cho được biết sinh văn tuệ giải, nên gọi là chỉ tri kiến Phật, lại khiến được tư tuệ giải gọi là ngộ tri kiến Phật, sau khiến tiến đắc tu tuệ giải gọi là nhập tri kiến Phật.

Lời bình rằng khai thị ngô nhập thứ lớp nương nhau sinh, vì sao lúc mới nói lý kia ba sau nói giải. Nếu do ba tuệ cho nên chia làm ba: Địa tiền và Đăng địa có bốn mươi vị sao không chia làm bốn ư! Lại nếu nói lý và nghĩa của ba tuệ cũng không đúng. Vì Lý chưa nói Phật tánh và pháp thân, ba tuệ cũng không hiểu được Phật tánh, pháp thân, cuối cùng chưa phải là tri kiến Phật! Có người nói: Đầu tiên nói. Ba thừa Biệt giáo là khai, kế nói Thông giáo Ba thừa là thị, thứ ba nói giáo ức dương (khen chê) là ngộ nói giáo Pháp Hoa là nhập. Có người nói: Thông giáo Ba thừa lúc mới nói Đại thừa là khai, giáo ức dương là thị, nói vô lượng nghĩa là ngộ, nói pháp Hoa là nhập.

Lời bình rằng: Giáo nghĩa trước lời đã phê bình đầy đủ, không nên làm hai giải thích hai cách.

Lại, trong kinh Pháp Hoa tự có khai thị ngộ nhập vì sao mà dẫn các giáo trước ư. Theo lệ như trong Hoa Nghiêm tự có năm mươi hai vị và kinh này tự có ba căn lãnh giải, không nên dẫn văn ngoài kinh. Có người nói khai thị ngộ nhập: Hiện bốn thứ hoa trong hiện điềm lành chính là tiêu biểu cho bốn việc này, từ tín Phương Đẳng phá các ác cũ được đến Thập trụ, Thập trụ mới khai tri kiến Phật hoa trắng tuôn trải như mưa. Kế đến Thập hạnh phân biệt tướng mạo các pháp tức là thị tri kiến Phật như hoa trắng lớn; kế nhập Thập hồi hướng sự lý không hai tức là ngộ tri kiến Phật như hoa đỏ nhỏ. Kế là biết Thập địa tự nhiên năng thông đến biển Bát-nhã gọi là nhập tri kiến Phật như hoa đỏ lớn. Cho nên, đoạn dưới nói nương xe báu ấy dạo khắp bốn phương tức là tâm du hành trong bốn vị. Có người nói: Ba mươi tâm là khai, Sơ địa đến Lục địa là thị, Thất địa đến Cửu địa là ngộ, Thập địa là nhập.

Lời bình rằng: Tìm ở Hoa Nghiêm, Anh Lạc, Nhân Vương, luận Nhiếp Đại Thừa, luận Thập Thất Địa, luận Ngũ phàm phu v.v... đều có

năm mươi hai vị, thì Địa tiền có bốn mươi tâm, lúc mới tức Thập tín, Thập tín trải qua-tăng-kỳ tu hành bắt đầu mới đắc, là hai giải thích này sao không nói Thập tín, chỉ chọn ba mươi tâm Thập địa ư? Lại Đại tập nói về tứ thập tâm, ba mươi như trước. Kế là có bốn đẳng sáu độ, lại làm thập tâm không nên không lấy. Lại kinh này chính là nói người ba căn đều được tin hiểu, tin hiểu tức Thập tín vì sao không chọn ư! Có người nói:

1) Đạo tuệ sơ đắc kiến lý thì gọi là khai tri kiến Phật.

2) Đạo chủng tuệ năng phân biệt các pháp gọi là thị tri kiến Phật.

3) Nhất thiết trí gọi là ngộ tri kiến Phật.

4) Nhất thiết chủng trí gọi là nhập tri kiến Phật, do trí chỉ có bốn cho nên cũng nói bốn vị.

Lời bình rằng: Thích luận nói Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí tuy có chung riêng mà vì khác nhất thời đắc, Đạo tuệ, chủng tuệ khác nhau nên thuyết khác nhau, nhưng theo lệ trí Phật ấy còn là tuệ thật, Phương Tiện tuệ cũng có nghĩa nhất thời đắc, khai thị ngộ nhập tợ như có sâu cạn khác nhau vì thế không nên đồng bốn trí. Lại bốn trí địa vị cao khai thị ngộ nhập có cả sâu cạn nghĩa chẳng theo lệ. Có người nói căn cứ theo nghĩa nhân duyên phê phán gọi là pháp do nhân duyên sinh biết pháp nhân duyên do nhân duyên tạo thành gọi là khai tri kiến Phật. Ta nói tức là không, nghĩa là biết pháp nhân duyên là không tức thị tri kiến Phật. Cũng gọi đó là giả danh nghĩa là biết không, bất không đều là giả danh tức là ngộ tri kiến Phật. Cũng là nghĩa Trung đạo tức là nghĩa nhập tri kiến Phật.

Lời bình rằng bốn nghĩa nói theo chiều ngang.

Lại trong bốn nghĩa, hai nghĩa đầu, một nghĩa sau chính là nói các pháp giả danh nói, môn giáo ấy cũng chẳng phải ý nầy. Có người nói: y cứ về lý bốn câu luận phi không phi hữu là Trung đạo tức là khai, phi không phi hữu mà năng sinh không, hữu tức là thị, biết không, hữu, chẳng hai tức là ngộ, rõ không, hữu chẳng hai mà hai tức là nhập. Có người nói: Ban đầu quán lý ba đề tức là khai. Tam đế là: Hữu đế, vô đế, Trung đạo bậc nhất nghĩa đế, dần dần rõ ràng là thị, không thấy Tam đế và một khác nhau là ngộ, kiến Trung đạo tùy ý vận dụng thuận là nhập.

Lời bình rằng ba nghĩa nầy đồng với trước.

Có người nói: Chánh quán Trung đạo nhất thiết chủng trí mất tên của ba trí trước. Chánh quán lý nầy lúc mới quán là khai như Thập trụ,

kế quán là thị như Thập hạnh, kế quán là ngộ như Thập hồi hướng, sau quán là nhập như Thập địa. Cho nên căn cứ một Trung đạo quán có bốn Phẩm nên có bốn vị khác nhau. Lời bình rằng nghĩa nầy không rõ ràng, Thập tín như trước đã bình. Nay dựa theo luận Pháp Hoa giải thích bốn câu có bốn nghĩa:

1) Nghĩa vô thượng trừ nhất thiết trí thì không có việc khác, như kinh chép: muốn khai tri kiến Phật khiến chúng sinh bắt đầu được thanh tịnh nên xuất hiện ở đời.

2) Nghĩa đồng: Thanh văn, Bích-chi-phật pháp thân bình đẳng như kinh chép: muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sinh nên xuất hiện ở đời. Pháp thân bình đẳng: Thân Phật tánh lại không khác nhau.

3) Nghĩa bất tri: nghĩa là Nhị thừa không biết rốt ráo chỉ nhất Phật thừa, như kinh chép: Muốn ngộ tri kiến Phật nên xuất hiện ở đời.

4) Vì muốn chứng địa vị bất thoái chuyển nên thị hiện cùng vô lượng trí nghiệp, như kinh chép: muốn nhập tri kiến Phật cho nên xuất hiện ở đời. Nói rõ ý bốn môn tức thứ lớp.

Ban đầu khai trí Phật là vô thượng, kế thị Ba thừa đồng có Phật tánh, pháp thân.

1) Ở trên tuy nói trí Phật vô thượng chỉ e chỉ có Đức Phật mới có đủ.

2) Nói Ba thừa đồng có, tuy Ba thừa đồng có mà Nhị thừa không biết.

3) Chỉ bày cho biết, tuy biết mà chưa được bất thoái.

4) Nói khiến đắc bất thoái mà nhập. Lại hai phen giải thích rằng: Khai như trên nói Thị: là các Bồ-tát có nghi khiến biết như thật mà tu hành. Ngộ: người chưa phát tâm Bồ-đề khiến họ phát tâm. Nhập: người đã phát tâm Bồ-đề khiến nhập pháp. Phen thứ ba giải thích rằng ngộ: khiến ngoại đạo chúng sinh sinh giác ngộ. Nhập: khiến Nhị thừa, nhân, thiên nhập đại Bồ-đề.

Giải thích tri kiến: Hỏi: vì sao gọi là tri kiến Phật?

Đáp: Đây là tên khác của Bát-nhã Phật tánh, gọi riêng là chánh pháp Niết-bàn, chưa hội nhân quả cũng chẳng thật quyền, trăm thị không thể thị, bách phi không thể phi không biết gọi là gì! Gượng gọi là tri kiến Phật. Sở dĩ khen ngợi là tri kiến Phật ấy vì đối với Nhị thừa không thấy biết, sở dĩ nói không có tri kiến Nhị thừa vì chỉ có tri kiến Phật, chỉ có tri kiến Phật là thật đạo, chẳng phải tri kiến Phật thì đều là chẳng thật. Muốn nói lên thật đạo nên nói thật tri kiến, tuy không chiếu mà không đâu là không chiếu cho nên gọi là tri, biết rõ ràng cũng như

mắt thấy nên gọi là kiến. Lại tri nghĩa là Nhất thiết trí, tức là trí tổng tướng của Như lai, kiến nghĩa là nhất thiết chủng trí tức trí biệt tướng, hai trí này thâu nhiếp hết trí Phật cho nên nói lược tri kiến. Lại tri tức là tận trí, hai thứ sinh tử năm trụ phiền não đều là thanh tịnh cho nên gọi là tận trí. Kiến: tức là trí vô sinh, nhân quả lỗi lầm rốt ráo vô sinh nên gọi là kiến. Người Nhị thừa cũng không có hai trí này nay mới được khai.

Nói về nhân quả: Hỏi: vì nói về chúng sinh có tri kiến Phật hay nói về tri kiến của quả Phật địa?

Đáp: hai nghĩa đầy đủ:

l) Nói tri kiến của quả Phật như trước khen ngợi Phật, Nhất trí khiến người Nhị thừa thay đổi cẩn thận cầu Phật đại đạo.

2) Nói chúng sinh có tri kiến Phật, nhưng trước chưa nói nên gọi là đóng, nay mới nói nên được gọi là khai. Về sau, thấy luận giải thích khai thị ngộ nhập đầy đủ có hai nghĩa: Nghĩa lúc mới nói tri kiến Phật Như Lai năng chứng như thật biết nghĩa kia.

3) Chỉ bày người Ba thừa đồng một Phật tánh. Nên trước nói Phật chứng tức quả địa Phật pháp thân, sau nói Ba thừa đồng Phật tánh tức nghĩa chúng sinh có Phật tánh.

4) Nói về hai nhân: Hỏi: Khai tri kiến Phật cho chúng sinh là nói về duyên nhân thành Phật hay chánh nhân thành Phật?

Đáp: Nguyên nhân chỉ nói duyên nhân muôn điều thiện thành Phật, trước đã phê bình xong nay lại trách. Đã chỉ nói duyên nhân chưa nói Phật tánh làm sao thành Phật! Như sửa không có, tánh lạc thì không thành lạc, nếu sữa không có tánh lạc mà thành lạc, nước không có tánh lạc vì sao không thành lạc ư! Nay nói tri kiến Phật tức là Phật tánh, do có Phật tánh lại tu hành muôn thiện, nhân duyên đầy đủ mới được thành Phật. Luận nói trong bốn nghĩa, nghĩa thứ hai nói rõ Phật tánh tức là chánh nhân, nghĩa thứ ba khiến người Nhị thừa biết, thứ tư bất thoái hành đều là nhân duyên. Lại lúc mới một là quả Phật tánh, ba sau là nhân, trong nhân có duyên chánh năm tánh đầy đủ. Lại phen đầu bốn nghĩa căn cứ quả tánh và tánh môn giải thích khai thị ngộ nhập, hai phen sau đều căn cứ liễu nhân môn giải thích thị ngộ và nhập.

5) Nói khai mở và che lấp gồm có bốn câu:

a) Chỉ có che không có mở, phiền não của chúng sinh che lấp Nhất thừa Phật tánh.

b) Chỉ có khai không có che lấp: nghĩa là Pháp Hoa giáo chính là khai Nhất thừa Phật tánh.

c) Vừa khai vừa che tức năm thừa trước. Vì muốn khai một cho

nên nói năm thừa gọi là khai, trước nói năm thừa chưa được nói về một cho nên nói năm thừa che một. Chẳng khai chẳng che tức là tướng vắng lặng của chánh đạo.

6. Nói về nhân duyên: Hỏi: vì sao gọi là Đại sự nhân duyên? Nhân duyên có nghĩa là gì?

Đáp: có đủ hai nghĩa:

a) Chúng sinh vốn có tri kiến Phật là nhân, bên ngoài nương nhờ Phật nói Nhất thừa giáo hiển rõ nghĩa chúng sinh vốn có tri kiến nên gọi là duyên, nhân duyên đầy đủ nên gọi là khai. Nếu chúng sinh không có tri kiến Phật, do có giáo môn nhưng làm sao khai? Tuy có tri kiến nhưng không có Phật giáo thì do đâu mà được khai, cho nên Phật giáo là năng khai, tri kiến Phật là sở khai.

b) Nhân duyên tức là nguyên do: Chư Phật ba đời do đâu mà xuất hiện ở đời? Chính là vì đại sự nhân duyên khai thị ngộ nhập tri kiến Chư Phật cho nên xuất hiện ở đời. Kế là nói về nghĩa năm trược, lúc mới giới thiệu đại ý. Nói năm trược: vì giải thích ba nghĩa ba trước, một sau. Nếu nói Chư Phật ba đời đều vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời vì sao không phát động liền nói Nhất thừa, mà trước nói Ba thừa sau nói Nhất thừa ư! Vì giải thích nghi này cho nên nói chúng sinh năm trược chướng không thể nghe Nhất thừa nên dùng trước 3 sau l, lỗi ở chúng sinh chẳng phải lỗi Phật, vì nghĩa nầy cho nên lại nói năm trược.

Về sau, thấy Luận nói: vì giải thích nghi cho nên đến, có người nghi Phật lúc nào nói các pháp Phương Tiện đấy ư! Cho nên giải thích rằng: Vì đời có năm thứ vẫn đục cho nên nói Ba thừa, ý nầy chính là dùng kiếp trược làm nguyên nhân cho nên nói nghiêng về thời. Vì ở trong đời ác có chúng sinh ác cho đến kiến chấp,v.v... phiền não kế là nói danh năm trược: Nếu thông suốt nói hễ chúng sinh có năm thứ này đều gọi là trược, vì sao? Có chúng sinh tức chúng sinh trược, có thời tức kiếp trược, có sinh tử Niết-bàn phàm Thánh các kiến v.v... đều gọi là kiến trược, có sở đắc sinh tâm động niệm lao dịch quán tâm đều là phiền não trược, chưa đắc pháp thân tuệ mạng tức là mạng trược. Do có năm trược này đều không đắc Nhất thừa tịnh quán chướng ngăn chánh đạo, sao chẳng phải trược ư! Phải trước tẩy trừ quán tâm nên tịnh. Cho nên, Bát-nhã nói: chúng sinh vô sinh cho nên Bát-nhã sinh, nếu chúng sinh sinh thì Bát-nhã vô sinh bốn thứ còn lại cũng như vậy. Muốn đắc Nhất thừa thật quán sinh ấy cần phải liễu năm vô sinh.

Hỏi: Nếu luận như thế thì đều là năm trược nên không có cõi tịnh uế khác nhau ư?

Đáp: Như trước nói đều là cõi uế không có cõi tịnh, cho nên kinh Nhân vương nói: Tam Hiền, Thập Thánh trụ quả báo, chỉ có Phật là ở cõi tịnh.

Hỏi: Nếu vậy năm trược đã chướng Nhất thừa, gồm có năm thừa này có chướng Nhất thừa không?

Đáp: Chỉ có Phật ở Tịnh độ, chỉ có sở thừa của Phật là Nhất thừa, cho nên gồm có năm thứ này đều không có Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao kinh lại nói năm trược là cõi uế không có năm trược gọi là cõi tịnh ư?

Đáp: Đây căn cứ uế khai tịnh, trong uế trược khai tịnh trược. Nói năm: Phiền não và kiến nầy chánh là trược, hai thứ này thành chúng sinh gọi là chúng sinh trược, tức chúng sinh này kế tục giữ gìn mạng gọi là mạng trược, bốn thứ nầy với thời gọi là kiếp trược. Nếu không có hai trước thì ba sau không gọi là trước. Nhân quả phân chia: là phiền não và kiến gọi là nhân trược, ba thứ còn lại gọi là quả trược. Nhân pháp phân chia: chúng sinh là nhân trược, bốn thứ còn lại là pháp trược. Thời pháp phân chia: kiếp là thời trược, bốn thứ còn lại là pháp trược. ba chướng phân chia: chúng sinh, mạng, và thời gọi là báo chướng, phiền não và kiến tức phiền não trược, mà nghiệp bao gồm trong đó: Nhưng năm trược thông khinh trọng, ba chướng chỉ là trọng, nghĩa là chướng Thánh đạo và Thánh đạo Phương Tiện cho nên đặt tên ba chướng.

Hỏi: ba chướng năm trược kiến, tư nói về có gì khác nhau.

Đáp: kiến, tư chính là chấp tánh hoặc, số phẩm lần lượt năm trược và ba chướng thì có cả hoặc và chẳng phải hoặc, đều là chướng, lại bất luận số phẩm chướng ngại nhau.

Hỏi: Luận Nhiếp Đại Thừa nói ba chướng có gì khác nhau với nay?

Đáp: ba trược tức là phiền não, nghiệp và khổ nghĩa nầy có cả trong, ngoài ba cõi và tịnh uế hai cõi. Nay nói năm trược chỉ là trong cõi, chỉ căn cứ cõi uế. Ba giả nhiếp năm trược, chúng sinh là nhân thành, mạng gọi là sắc tâm nối kế đối đãi, bất đoạn là nối kế giả, đối đãi lẫn nhau có thể biết. Lại, Ba giả Đại thừa: chúng sinh là thọ giả, bốn trược còn lại là pháp giả, hai thứ này đều có tên gọi là danh giả.

Kế là hai biệt luận. Phiền não và kiến chia làm hai: Phiền não gọi là chung các kiến gọi là riêng. Lại kiến là năm lợi, phiền não gọi là năm độn, lại thuộc ái gọi là phiền não, thuộc kiến gọi là kiến. Lại phiền não là y theo chúng sinh tại gia, kiến là chín mươi sáu thứ ngoại đạo, lại sáu mươi hai kiến gọi là kiến, các thứ còn lại đều thuộc phiền não.

Chúng sinh: nhóm họp các pháp mà thành một chủ tể, cho nên gọi là chúng sinh, tức luận một đời, thọ sinh khắp nơi nên gọi là chúng sinh, là luận ba đời. Trước có cả phàm Thánh, sau chỉ có phàm, mạng khác với kiếp, là kiếp thì dài, mạng thì ngắn; kiếp chỉ có thời; mạng dùng pháp đeo mang thời; kiếp có cả trong lẫn ngoài, mạng chỉ căn cứ trong. Lại ba tiểu kiếp chỉ hại chúng sinh không tổn ngoại vật, ba đại kiếp chỉ tổn ngoại vật không hại chúng sinh, ba tiểu kiếp chỉ ở trong loài người, ba đại kiếp có ở cả hai cõi, đây đều là ngắn hẹp, nếu là mạng ở cả ba cõi thì có ở cả năm đường. Lại kiếp gọi là cộng trược, mạng đều có gọi là bất cộng trược cho nên khác. Nhưng lấy tiểu kiếp làm kiếp trược, thời Đại kiếp thì thông.

Hỏi: Bao nhiêu thời gọi là tiểu kiếp?

Đáp: Tám muôn năm đến mười năm gọi là một kiếp, như vậy tám mươi lần lần lại gọi là Đại kiếp.

Hỏi: Nhưng phiền não và kiến thành ba thứ còn lại, cho nên hai thứ kia gọi là trược, ba thứ còn lại cũng gọi là trược ư?

Đáp: ba thứ còn lại cũng gọi là trược, như mạng ngắn thời ác, người ác, đây đều là quả khổ năng khiến khởi phiền não và kiến nên gọi là trược, nhưng tướng ấy đeo mang chẳng phải không có mạnh yếu.

Kế là nói về nghĩa chướng: Hỏi: năm trược chướng có Đại thừa hay không?

Đáp: chướng Đại thừa.

Hỏi nếu vậy vì sao phàm phu có đủ năm trược mà nghe Đại thừa, La-hán không có năm trược mà không nghe ư? Đáp: có thể đầy đủ bốn câu:

l) Chướng nặng căn cơ yếu, nghĩa là phàm phu không nghe Đại thừa.

2) Chướng nặng căn cơ mạnh gọi là phàm phu nghe Đại thừa, đầy đủ năm trược cho nên chướng nặng, có đại căn cơ cho nên căn cơ mạnh, căn cơ mạnh nên tuy có năm trược mà không chướng ngại.

3) Chướng nhẹ căn cơ yếu gọi là La-hán không nghe Đại thừa, không có năm trược cho nên chướng nhẹ, không có đại căn cơ cho nên không nghe Nhất thừa.

4) Chướng nhẹ căn cơ mạnh gọi là La-hán được nghe Nhất thừa.

Hỏi: Năm trược chỉ ngăn chướng đại hay cũng chướng cả Tiểu?

Đáp: Chướng cả Đại lẫn Tiểu.

Hỏi: Làm sao biết năm trược chướng Ba thừa ư?

Đáp: Có thời gian Phật không ra đời nói Ba thừa cho nên biết năm

trược chướng Ba thừa.

Hỏi: Ngăn chướng Tiểu trước đã được nói Tiểu, ngăn chướng Đại trước vì sao không nói Đại?

Đáp: Trước căn cơ Tiểu thừa thuần thục nên tuy có năm mà không bị chướng ngại, đại căn cơ chưa thuần thục cho nên chướng đại.

Hỏi: Chỉ do căn cơ thuần thục thì khai, không thuần thục thì chẳng khai, vậy năm trược không gọi là chướng ư?

Đáp: năm trược là chướng pháp, nhưng vì căn cơ thuần thục cho nên không thể ngăn chướng, như đất là chướng pháp, chỉ khi vật muốn sinh đất không thể làm chướng ngại.

Hỏi: Chướng nặng thì không nên có căn cơ mạnh, căn cơ mạnh thì không nên chướng nặng ư?

Đáp: đúng vậy, phàm phu đầy đủ năm trược mà liền nghe Nhất thừa, đây là căn cơ mạnh mà năm trược có lúc phế bỏ không thường hiện tiền cho nên chướng yếu. Trước nói về ở đây chọn kia có năm là nặng, không có năm là nhẹ .

Hỏi: Được nói phẩm năng làm chướng Tiểu thừa, phẩm nhẹ có chướng Đại thừa hay không?

Đáp: Căn cứ một vị La-hán từ đầu đến cuối cũng có nghĩa nầy, mà La-hán dứt độn lợi đều hết không có phẩm nặng mà không biết quyền thật tức là vô minh, chứng chỗ Không dứt tức là các kiến; hai thứ này tức là hai trược, do đó thành chúng sinh gọi là chúng sinh trược, không lìa nơi thời tức là kiếp trược, sắc tâm giữ gìn gọi là mạng trược, nếu vậy La-hán có đủ năm trược nhẹ.

Hỏi: Vì sao biết năm trược là nặng, không biết quyền thật là nhẹ ư!

Đáp: La-hán dứt hết năm trược mà còn không biết quyền thật, thì biết phẩm nặng tuy bỏ, phẩm nhẹ vẫn còn.

Hỏi: Căn cứ phàm phu có thể được phán xét như dây không?

Đáp: Không hẳn như vây. Như phàm phu có đủ năm trược mà lại không biết quyền thật, thì đủ nặng, nhẹ đều ngăn chướng Nhất thừa, chỉ vì đại căn cơ đã mạnh nên hai thứ này không thể làm chướng ngại. Lại ycứ Đại thừa, Tiểu thừa đều có bốn câu, Tiểu thừa bốn câu là:

1) Căn lợi chướng nhẹ như Thân Tử,v.v...

2) Căn lợi chướng nặng như Ương-quật-ma-la,v.v...

3) Căn độn chướng nhẹ như Xà-nô,v.v...

4) Căn độn chướng nặng như phàm phu không đắc Thánh đạo.

Đại thừa bốn câu là:

l) Căn lợi chướng nhẹ phần nhiều sinh ở cõi Phật khác nghe Đại thừa.

2) Căn lợi chướng trọng.

3) Căn độn chướng nhẹ, hai hạng này phần nhiều gặp Phật mới thành đạo nói Hoa Nghiêm được Liễu ngộ.

4) Căn độn chướng nặng vì người này ban đầu Phật nói ba tạng, cho đến cuối cùng nghe Pháp Hoa, đây là Đại thừa lược phán định.

Hỏi: năm trược được nói về chướng riêng hay không?

Đáp: bài kệ ở sau nói: nghèocùng không phước tuệ, mà có năm trược, kiến trược chính là vô minh chướng tuệ, các trược khác đều chướng phước đức.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 6

La-hán biết Nhất thừa, không biết nghĩa Nhất thừa

Hỏi: Đắc La-hán ý tức tự biết Nhất thừa hay được nói pháp Hoa mới biết? Lại Phẩm Phương Tiện vì phân biệt chương chân ngụy hai khác nhau, lúc mới nói nếu thật đắc La-hán mà không tin pháp này thì không có việc ấy. Nếu không tin đây thì là người tăng thượng mạn, chẳng phải A-la-hán, ở đây nói La-hán phải tin Nhất thừa. Kế là văn nói sau khi Đức Phật diệt độ hiện tiền không có Phật, rõ ràng sau khi Phật diệt độ La-hán cũng có vị không tin Nhất thừa, vì vậy hai văn trái nhau, làm sao hiểu được?

Đáp: Nghĩa nầy trước đã luận bàn, sau sẽ nói rộng, đã là một kinh khó nay nói lược tướng kia. Có người nói: Tất cả những người đắc đạo đều biết được qui thường trụ, nếu biết đồng qui thường trụ đều là Bồ-tát, không có Nhị thừa thành Thánh, cho nên Đại kinh nói không biết thường trụ còn không đắc Bồ-đề Nhị thừa huống chi sau nói đạo vô thượng! Nếu vậy chương trước nói La-hán, đây gọi là căn cứ người quyền hành, sau nói người không tin đây là căn cứ sáu tâm trước có thực hành Thanh văn cho nên không tin hiểu. Có người nói: Tất cả đạo phải được hội nhập Không, không hẳn phải biết đồng qui thường trụ, cho nên có người biết, có người không biết; lợi căn thì biết, độn căn thì không biết. Văn trước căn cứ người biết, văn sau căn cứ lý người không biết. Có người nói, trước nói căn cứ lý để luận, Ba thừa sơ nghiệp không ngu đối với pháp, hễ là La-hán đều biết đồng quy, nghe kinh thì tin. Sau y cứ vào giáo để luận, La-hán bẩm thọ giáo Tiểu thừa thành Thánh, không biết đồng qui, chẳng hạn như Đại kinh chép: Bồ-tát Thập trụ Như lai không nói, không biết Phật tánh nay cũng như vậy. Có người nói: là Chân La-hán thì biết, sau căn cứ phàm phu đời mạt pháp nên không biết! Vì sao? Vì phàm phu có đủ ba độc nghe kinh còn tin, huống chi đời mạt pháp La-hán mà không tin! Có người nói đây là lúc ngồi, nay chuyên lắng nghe tâm mau dứt nghi, nếu không tin thọ thì ôm nghi

muôn đời để lưu truyền, sau gặp đời có Phật khiến thúc giục nương tựa có thế quyết nói.

Lời bình rằng: Bởi đại tông của kinh này không thể còn giải thích khác nhưng các sư lầm ý không đồng, đều nói hai văn trái nhau, cho nên giải thích khác nhau lăng xăng, nay nói hai văn không trái nhau. Trước nói La-hán chân thật nghe kinh sẽ tin, nếu nghe kinh không tin thì đó chẳng phải La-hán. Văn sau Phật lại phân biệt nếu La-hán chân thật nghe kinh chắc tin, ít có La-hán nào không tin Nhất thừa, vì vậy nên giải thích nói cũng có nghĩa nầy. Tức là sau khi Đức Phật diệt độ hiện tiền không có Phật, không có người truyền kinh và pháp truyền, thiếu ba nghĩa nầy thì La-hán cũng có nghĩa không tin. Nếu Phật dù đã diệt độ mà có người truyền kinh và pháp truyền, La-hán nghe thì liền tin nhận.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ không có người, pháp, cho nên La-hán không tin làm sao tin ư?

Đáp: Đức Phật lại tự giải thích nếu gặp các Đức Phật khác thì có thể quyết liễu. Nếu vậy hai văn trước sau không có trái nhau, không nên giải thích khác nhau lăng xăng.

Về sau thấy luận Pháp Hoa cũng không nói hai văn trái nhau, trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không hật: Luận nói vì sao Đức Như lai không thành không kham, là người nói pháp, vì dứt nghi này như kinh, từ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không Phật, luận ý nói Như lai ở đời nói Nhất thừa chắc hẳn khiến La-hán tin nhận, cho nên không thành không kham là người nói pháp, rõ ràng ngoại trừ sau khi Phật diệt độ không còn có Phật, thì có La-hán không tin.

Hỏi: Theo giải thích nầy thì La-hán nghe kinh Pháp Hoa mới biết thành Phật, không nghe thì không biết thành Phật phải không?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Lấy gì làm chứng?

Đáp: tức văn vừa giải thích làm chứng. Lại trước Thân Tử nói mà nay mới tự giác chẳng phải thật diệt độ thì biết trước lúc ấy đều chưa giác, cho đến trong ba phen thỉnh tất cả Nhị thừa đều sinh nghi ngờ, nếu tự biết thành Phật thì đâu có nghi ư! Pháp Hoa giáo khởi lại để làm gì? Lại dưới phẩm Hóa thành rõ ràng nói: Sau khi ta diệt độ lại có đệ tử không nghe kinh này, không hiểu, không biết hạnh Bồ-tát mà đối công đức của tự mình sinh diệt độ tưởng nhập Niết-bàn, ta ở các cõi nước ấy thành Phật, vì nói kinh này mới đắc thần khế bộ biết thành Phật. Lại Thích luận giải thích phẩm Tất Định cũng nói như thế. Nói La-hán

sinh ở cõi tịnh ngoài ba cõi được nghe kinh Pháp Hoa tu hành cầu thành Phật, cho nên biết Nhị thừa không nghe Pháp Hoa không biết đồng qui. Lại người hị thừa tự biết thành Phật đâu được nói là vì các Thanh văn nói kinh Pháp Hoa ư!

Hỏi: Đại kinh chép: Không biết thường trụ không đắc Bồ-đề Nhị thừa, sao nói đắc Bồ-đề Nhị thừa không biết thường trụ ư?

Đáp: Đại kinh lại nói vì các Thanh văn khai phát mắt tuệ nói kho bí mật, như kia đã biết thì tuệ rõ ràng đã phát, sao còn khai lại! Lại Nhị thừa đã biết thì không còn tám thứ điên đảo, còn chỗ nào chê ư!

Hỏi: Không biết thường trụ không đắc Bồ-đề Nhị thừa vì sao lại thiên lệch ư?

Đáp: Đây là quở trách Nhị thừa chấp chặt giáo xưa, ông không sửa đổi vô thường, không tin thường trụ cũng không đắc Bồ-đề Nhị thừa cho nên bị quở trách, lại đây là muốn thời hội, khiến tin thường trụ. Lại nếu không biết thường trụ không đắc Bồ-đề Nhị thừa, hoặc không biết thường cũng không đắc ba qui y năm giới cấm, nếu vậy trước Niết-bàn không có đệ tử Phật, đều là người thế tục, mà kinh chỉ nói không biết thường trụ ba qui y năm giới cấm không đầy đủ. Chẳng phải không có tùy phần đắc, Nhị thừa cũng thế, tùy phần dứt hoặc ba cõi thành La-hán.

Hỏi: Đã dứt hết hoặc ba cõi vì sao khác nhau qui ư? Đáp: Ngoại đạo cũng dứt hoặc ba cõi, cũng có thể nói hoặc hết thì biết Nhất thừa chăng?

Đáp: Người Nhị thừa chỉ hơn phàm phu một bậc, không nên hoàn toàn che lấp Bồ-tát. Lại hỏi vặn rằng: Dứt hoặc cần phải luận biết đồng qui thường trụ, thì ngoại đạo dứt cũng như vậy.

Hỏi: Ngoại đạo hàng phục hoặc, thật ra không dứt phải chăng?

Đáp: phục hoặc, dứt hoặc đây các bộ khác nhau. Người của Phật đà nói phục hoặc, người của Tát vệ nói dứt hoặc không nên dùng thiên lệch. Lại Đại kinh đích thân nói ngoại đạo dứt hoặc không nói phục. Lại Thích luận, luận Nhiếp Đại Thừa đều nói ngoại đạo dứt hoặc không nên nói phục. Lại, luận Tỳ-bà-sa nói: Lấy Ca-chiên-diên Tử làm ba minh sáu thông đại A-la-hán cho đến năm trăm vị bình giải cũng là La-hán. Long Thọ quở trách rằng: Ông đối với tám kiền-độ chỗ nào cũng có lỗi huống chi gọi là giải nghĩa Đại thừa ư! Các A-la-hán đáp: Đương nghe Đại thừa tâm đều không tin, nếu La-hán nghe Đại thừa là có lỗi, lại vì sao không nghe mà tự biết ư? Lại sau khi Phật diệt độ năm trăm bộ nghe pháp Đại thừa rốt ráo không, như đao làm tổn thương tâm, huống

chi thường nghe mà liền tin, kia vì sao có thể biết thường ư! Lại phẩm Hóa Thành nói: Đức Phật Đại thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa mười sáu Bồ-tát liền tin nhận, trong chúng Thanh văn hoặc có người tin nhận thành có người không tin, nhưng La-hán gặp Phật nghe kinh Pháp Hoa còn có người tin và có người chưa tin, vì sao không nghe mà tự biết ư!

Hỏi: Nếu Nhị thừa không tự biết thành Phật vì sao Thắng-man nói Ba thừa sơ nghiệp không ngu đối với pháp tự biết sẽ giác sẽ đắc ư? Lại kinh Ưu bà tắc phẩm mười bốn nói tự biết nên đắc Bồ-đề mà lại chấp quả Tiểu thừa, trong phẩm mười ba thuyết thọ giới đắc ba đạo quả, do biết rất dễ mà hành rất khó, cho nên tuy biết Nhất thừa mà chấp chứng La-hán ư?

Đáp: Nghĩa nầy trước đã nói rồi, người lợi căn biết, người độn căn không biết. Lại quá khứ lâu xa tu tập Đại thừa, nay nghe giáo Tiểu thừa đắc đạo liền ngộ Đại thừa, như người này liền biết, không như vậy thì không biết. Lại người thực hành không biết, người quyền hành biết, nghĩa nầy trong đoạn xin xe nói rộng.

Về sau, thấy luận Pháp Hoa khai thị ngộ nhập làm bốn nghĩa giải thích, nghĩa thứ ba gọi là không biết. Không biết ấy là do tất cả Thanh văn Bích-chi-phật không biết chỗ chân thật của họ, không biết chỗ chân thật ấy là không biết rốt ráo duy nhất Phật thừa. Văn nầy giải thích rõ ràng Nhị thừa không biết Nhất thừa. Nghĩa thứ hai nói Ba thừa đồng có Phật tánh, pháp thân tức là thường trụ, người Nhị thừa không biết Nhất thừa, không biết Phật tánh thường trụ không nên nói là người đắc đạo xấu cần phải chép ra để hiểu thường trụ, đây là chứng minh trên không biết nghĩa thường.

Hỏi: Người phàm phu thường biết thành Phật, La-hán là bậc Thánh vì sao không biết thành Phật ư?

Đáp: Sớ Pháp Hoa chép: ba hạng người không có phiền não mà có nhiễm mạn điên đảo tin:

1) Tin các thứ thừa.

2) Tin thế gian Niết-bàn khác nhau.

3) Tin thân kia đây khác nhau.

Vì đối trị ba thứ bệnh này cho nên nói ba kỳ bình đẳng:

1) Thừa bình đẳng, thọ ký cho Thanh văn chỉ có Đại thừa không có Nhị thừa.

2) Thế gian Niết-bàn bình đẳng, vì Đa bảo Như lai nhập Niết-bàn nên gọi là thế gian Niết-bàn bình đẳng.

3) Thân bình đẳng, Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện

thân, tự thân tha thân pháp thân bình đẳng không khác nhau, Người không có phiền não nhiễm mạn thấy thân kia đây tạo tác khác nhau, không biết kia đây Phật tánh pháp thân bình đẳng. Luận giải thích trong ba nghĩa:

- Thứ nhất : Ban đầu nói La-hán không biết Nhất thừa, sau nói La-hán không thể biết Phật tánh thường trụ. Vì sao không biết, tuy không phiền não giới nội mà có nhiễm mạn, nhiễm mạn tức là vô minh, đây là chướng trí cho nên không biết.

Hỏi: Nếu vậy phàm phu có thể biết Nhất thừa thường trụ, lẽ ra không có vô minh ư?

Đáp: Phàm phu chỉ tin lời Phật gọi là biết, đây chưa đủ chứng La-hán phá vô minh này thì có đủ năng nhất định biết, khác phàm phu. Lại Phật dùng các Phương Tiện độ thoát chúng sinh nghe biết ngộ thì nói biết, nghe không biết ngộ thì nói không biết.

Hỏi: Nói biết không biết có nghĩa gì khác nhau?

Đáp: Đức Phật vì người Hữu Học Đại thừa bảy năm trở lên mà nói, người Nhị thừa còn tự biết thành Phật vì sao ông không tin Đại thừa ư? Lại Hóa thành vì người cầu Nhị thừa nói rằng: Đã chứng La-hán tự biết thành Phật vì sao ông muốn chứng La-hán mà không cầu thành Phật ư!

Hỏi: Nói La-hán không biết nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Đây là y theo Tiểu thừa giáo khiến chứng quả Tiểu thừa, nếu nói tự biết thành Phật sao lại cầu quả Tiểu thừa ư? Thí dụ bản nghĩa tám lớp, ý nơi bài tựa đầu, có văn nầy gồm có hai nghĩa:

1) Tụng văn xuôi trên.

2) Làm bản thí dụ dưới. Sở dĩ thí bản ấy là người lợi căn đã hiểu trung căn chưa hiểu cho nên lại dùng thí dụ để nói pháp trước, vì thế lấy trước làm bản của thí dụ sau.

Hỏi: Văn thí dụ sau dài, vì sao chỉ thú dụ pháp trong đây?

Đáp: Văn nầy tuy hợp mà giới thiệu chung đức Thích-ca nhất hóa từ đầu đến cuối nên được làm bản của thí dụ sau.

- Thứ hai: Định thí dụ nhiều ít. Các sư xưa chia đây làm năm thí dụ:

1) Trưởng giả dụ .

2) Tư tế dụ.

3) Quyền thí dụ.

4) Bình đẳng thí.

5) Bất hư thí.

Lời bình rằng: Ban đầu thật là thí dụ chung chẳng riêng làm thí dụ Trưởng giả. Tư tế: là tư duy cứu giúp đây là Nhất thừa hóa không đắc liễu nghĩa còn thí dụ một ít thấy lửa không dùng giải thích nầy. Quang Trạch nói mười thí dụ:

l) Tổng.

2) Thấy lửa.

3) Cứu con không được.

4) Cứu con được.

5) Thấy con khỏi nạn.

6) Các con xin xe.

7) Thấy con thoát nạn vui mừng.

8) Đồng ban cho xe lớn.

9) Được xe vui mừng.

10) Thí dụ chẳng dối gạt. Trong đây mười pháp làm gốc của mười thí dụ sau.

Lời bình rằng: Mười thí dụ khởi tức của Quang Trạch, các sư khác không có. Nay dùng bốn nghĩa lời bình:

l) Nếu dùng câu đoạn dứt có chín câu không phải mười, nếu dùng nghĩa phân chỉ có sáu nghĩa: a) Tổng. b) Thấy lửa. c) Nhị thừa giáo hóa không được. d) Ba thừa giáo hóa được. e) Lại nói Nhất thừa. f) Không luống dối, tự các câu khác vi tế đều là cành nhánh thuộc về sáu nghĩa nầy. Nay tiến không lấy câu, lùi không y nghĩa, cho nên mười thí dụ là không đúng.

2) Nếu sáu nghĩa, mười thí dụ thì pháp, thí điên đảo. Trong pháp thuyết xin xe ở trước, cha vui mừng trong Thí nói cha mừng trước, con xin xe sau. Tuy muốn hội thông cuối cùng mà thành quanh co, đến sau tự nói lên.

3) Đại tiểu trái nhau: Trước trong pháp nói thấy Đại căn cơ động cho nên vui mừng, trong Thí nói thấy tiểu căn cơ thoát nạn cho nên vui mừng. Pháp nói nói nhân đại kia, thí nói giới thiệu tiểu quả pháp nói đại chướng sắp nghiêng đổ, thí nói tiểu nạn đã lìa, thế lực nghĩa tương ưng với Tiểu thừa.

4) Có và không khác nhau: Trong pháp nói trình bày thượng căn dễ ngộ nên không xin xe, thí nói nói trung căn còn bị hoặc nên có xin xe. Nếu vậy nói cung kính dụng là gốc của xin xe, khác nhau không hợp với ý văn, bốn nghĩa này văn phẩm sau tự hiển rõ. Nay y sáu thí dụ không có bốn trước.

- ***Thứ ba***, là nói có không: Văn xuôi có năm: 1) Bỏ ba. 2) Bày một.

3) Năm kệ. 4) Chân ngụy. 5) Bất hư. Nay kệ có sáu, năm chỉ văn xuôi, kệ chân ngụy thì không có. Kệ có pháp dục, văn xuôi thì không thuộc ý nói lên, các thứ khác đều đồng.

1. Nói thứ lớp: Văn xuôi trước bỏ ba sau bày một, kệ trước bày một sau bỏ ba, các thứ khác đồng.

Nói khai hợp: bỏ ba bày một là thí dụ chung bản, hợp mà không khai. Kế là lìa năm trược, văn là gốc của bốn thí dụ khai mà không hợp. Chương Bất Hư là thí dụ bất hư không khai không hợp.

Nói thủ xả: Bốn đoạn văn kinh là gốc của sáu thí dụ, bản thủ mà không xả, chương Tán Pháp chẳng phải gốc của sáu thí dụ bản xả mà không thủ.

Nói về chung riêng: Ban đầu khai ba hợp một, trình bày chung đức Thích-ca nhất hóa giáo môn. Từ năm trược trở đi đều thuộc biệt thí.

Nói bản tích: trình bày chung Phật giáo bao gồm chung bản tích. Từ năm trược trở đi là nói riêng về bản tích, chương Năm trược chính là nói gốc ở pháp thân, thấy chúng sinh có khổ không vui nên khởi tâm đại bi, khởi từ Nhất thừa hóa không được trở đi đều thuộc dùng bản thùy tích tám tướng thành đạo. Trước ngồi đạo tràng đến sau cùng ngày nay nói giáo Pháp Hoa.

Nghĩa xin xe giải thích có hai lớp:

l) Nói xin.

2) Giải thích xe.

Môn đầu mười câu luận danh: Luận nói: Trong văn không có chữ xin chỉ có ban cho, văn xuôi nói xin ban cho, trong kệ nói: Nguyện cho chúng con ba thứ xe báu, tuy không có chữ xin mà nói nguyện ban cho tức là xin. Nhưng xin có hai thứ:

1) Hứa cho nên xin, như kệ nói nguyện ban cho các con ba thứ xe báu, như trước đã hứa với các con ra đến ngoài, đây là xin vì trước đã hứa.

2) Chưa hứa mà xin: Như người đời cầu xin gọi là xin, nhưng xin vì trước đã hứa cũng có thể gọi là xin, chưa hứa gọi là xin nên gọi là cầu.

Hỏi: Văn nầy chỉ có xin, hứa hay cũng xin mà chưa hứa ư?

Đáp: có đủ hai nghĩa: Xin hứa gọi là xin nghĩa là người Ba thừa xin quả, nếu do cầu xin cũng gọi là xin, thì đại căn cơ đã động đến Phật nói nơi nhất Phật thừa, cho nên có chưa hứa gọi là xin. Đây căn cứ hứa và nói chưa hứa cho nên ở đây nói về. Nếu lời nói và ý hợp luận thì đều là hứa, nói hứa ba cho nên xin ba, ý hứa một nên xin một, cũng là hiển mật hai việc hứa, hiển mật hai việc xin, hiển hứa ba mật muốn ban cho

một, nói hiển xin ba, căn cơ mật xin một.

Hỏi: Đây hai lần xin làm sao giải hoặc ư?

Đáp: Cầu một là giải, xin ba là hoặc, không biết không có ba giả nói ba theo cha xin ba cho nên gọi là hoặc. Đại căn cơ bấu víu Phật cầu một cho nên gọi là giải.

2. Nói về đại ý: Trước trình bày chung ba thí dụ, kế là nói xin xe. Trình bày chung ba thí dụ:

l) Xin xe.

2) Ban cho xe.

3) Được xe vui mừng.

Ba thứ này thuộc Đại thừa hóa đắc cho nên hợp làm một đoạn, có thể so sánh ba chỗ trên:

l) So với ba việc cuối phẩm Phương Tiện xin xe so với trên ta thấy Phật tử,v.v... phát đại căn cơ, ban cho xe so với trên trong các Bồ-tát chính bỏ ngay Phương Tiện, chỉ nói đạo vô thượng, được xe vui mừng so với trên Bồ-tát nghe pháp này với nghi đều đã dứt, ngàn hai trăm vị La-hán đều sẽ thành Phật.

2) So sánh ba việc trong phẩm Thí dụ: xin xe so với Thân tử vượt hàng Hữu Học. Vô học nghi hối, ban cho xe so với Phật dạy thỉnh nói pháp, được xe vui mừng so với người trung căn lãnh giải trong phẩm Tín Giải.

3) Lại thí dụ ba việc trong phẩm Phương Tiện trên: xin xe so với ba phen thỉnh đại chúng chấp động, nghi sinh, ban xe so với Phật chỉ dạy thỉnh nói rộng, được xe vui mừng so với Thân tử lãnh giải.

Hỏi: Chỉ nên so sánh trung căn, hạ căn vì sao lại so sánh người ba căn ư?

Đáp: Trong ba phen chung, nói chung đại chúng đều nghi hối chẳng riêng Thân tử cho nên được so sánh. Lại tuy nay biết vì người trung căn, hạ căn nói thí dụ nhưng Đức Phật y cứ mỗi châu trình bày chung đại ý Nhất hóa khắp vì tất cả cho đến cuối đời chúng sinh khiến biết nghĩa một, ba quyền thật.

3. Kế là trình bày riêng đại ý xin xe: Trên Nhất thừa hóa không được cho nên dối gạt chỉ ở ngoài cửa nói có ba xe để dẫn dắt các con ra, các con đều nương quyền ra khỏi nhà. Người có trí không chấp lời của cha, ngầm hiểu ý cha biết quyền có, thật không, thì không xin; con vô trí chấp lời cha không hiểu ý cha chưa xét biết quyền có thật không, vì vậy nên có xin. Phật dùng đây để dụ khiến những người chấp ba, nhân đó mà sửa đổi chưa tin Nhất thừa, nhờ đây mà tin cho nên trước Thân tử

thưa rằng: hay thay đức Thế Tôn! xin vì bốn chúng nói nhân duyên ấy. Nay nói thí dụ xin chi tức nói nhân duyên dạy bảo lời xin kia.

3) Nói về người xin: hỏi đó là ba người xin ba xe hay hai người xin ba xe ư? Đáp: Các Sư xưa nói: ba người xin ba xe, vì sao biết như vậy? Văn dưới nói: Lúc bấy giờ các con đồng thưa với cha rằng: xin ban cho chúng con ba thứ xe báu, cho nên biết ba người xin ba xe. Lại sở dĩ xin ba là vì: Thật không có Ba thừa chỉ trước đối Nhất thừa Phương Tiện nói ba do đó Phương Tiện nên xin.

Lời bình rằng: Nay dùng mười nghĩa suy tìm không nên có ba người ba xe:

l) Bản dùng ba xe dụ nơi ba quả cho nên nói: Nay ba xe này đều ở ngoài cửa. Người Nhị thừa ra ngoài cửa đến chỗ hứa cho xe tìm quả không được, có thể gọi là xin quả, hàng Bồ-tát chưa đến chỗ hứa cho xe tìm quả Phật không được, vì sao có xin quả Phật ư?

2) Dù rằng Bồ-tát Lục địa vượt ngoài ba cõi mới không xin quả Phật cũng đồng Nhị thừa xin Tận vô sinh trí, cho nên Bồ-tát ba người ũng có xin.

Nghĩa ấy không đúng. Tìm kinh Tiểu thừa, Đại thừa không có Bồ-tát xin, trong Tiểu thừa nói hai hạng Bồ-tát:

l) Bồ-tát Sở hóa, từ lúc mới phát tâm đến cuối Bổ xứ đều là phàm phu, nghĩa là không vượt ngoài ba cõi thì không có xin cho nên trong kinh Di-lặc Quán kinh Ưu-ba-ly bạch Phật: A-dật-đa chưa dứt ba độc cuối cũng sẽ sinh chỗ nào! Cho nên biết lúc mới tu hành cho đến tâm cuối cùng đều là phàm phu không được ra ngoài cửa xin.

2) Năng hóa Thích-ca Bồ-tát: Ba mươi bốn tâm thành đạo, ba mươi ba tâm còn là Bồ-tát, ba mươi bốn tâm là Phật, ba mươi ba tâm là Bồ-tát, mà kiến đế đã đổ, tư duy chưa hết, đây thì chưa ra ngoài ba cõi cho nên không xin, ba mươi bốn tâm kiến tư hoặc đều dứt, kết tập đều mất, lúc ấy đã ra khỏi ba cõi tức là quả Phật cũng không xin xe. Lại trong pháp Tiểu thừa Bồ-tát còn chưa vượt ngoài ba cõi sao được nói Bồ-tát vượt ngoài ba cõi mà xin ư! Lại ba mươi bốn tâm thành đạo không có nghĩa xuất quán đâu có xin ư! Lại vốn theo Phật xin quả, Bồ-tát Thích-ca theo ai để xin ư! Lại trong kinh Đại thừa nói có mười địa, đến địa thứ sáu thì dứt hết chánh sử trong ba cõi, sao không biết có Thất địa mà theo Phật tìm kiếm quả rốt ráo ư!

3) Như bào chữa nói đều không có Phật trong Ba tạng giáo thì đạo lý mà quyền nói có, tức là trước có nay không, Bồ-tát vì sao không xin ư! Nếu không có Bồ-tát xin thì trong ba tạng nói Phật Bồ-tát đều nên

là rốt ráo Phật có. Đáp: Nguyên ý xin vốn là trước có nay không vì vậy cho nên xin, nếu xưa, nay đều có thì không xin.

Tìm kinh Đại thừa, Tiểu thừa từ đầu đến cuối đều nói Phật thừa là có, như Sơ giáo nói Phật thừa là có, đến Pháp Hoa cũng nói Phật thừa là có, do từ đầu đến cuối nói Phật thừa là có nên không xin; sau thấy luận Pháp Hoa cũng nói chỉ có Phật thừa, không có Nhị thừa, gồm có hai nghĩa:

1) Nói không có Niết-bàn Nhị thừa chỉ có Niết-bàn Đại thừa gọi là Phật thừa, trước đã đáp xong.

2) Trình bày chung phẩm Phương Tiện có năm phần: Nói nghĩa chỉ vì phá hai nêu một, nếu vậy chẳng nói không có Phật thừa, Bồ-tát xin chỗ nào ư? Trước sau văn Pháp Hoa không nói Phật thừa là Phương Tiện, chỉ nói Nhị thừa là Phương Tiện, cho nên Nhị thừa xin Bồ-tát không xin.

Hỏi: Xưa nay Phật thừa là có, lẽ ra cũng nói xưa nay Phật thừa là rốt ráo ư?

Đáp: Phật thừa là có nghĩa rốt ráo nầy, chỉ căn cứ trong có nói tận bất tận cho nên có rốt ráo không rốt ráo! Chỉ vì giáo xưa nói Phật thừa không đầy đủ, giáo nay nói Phật thừa đầy đủ. Thích luận chép: Phật đối với Ba tạng không nói đầy đủ công Đức Phật, lược có ba nghĩa:

1) Có không chẳng đầy đủ như trong Ba tạng không nói mười tám pháp bất cộng, chỉ có Đại thừa nói.

2) Nói bất tận nên không đầy đủ như trong Ba tạng nói mười lực, không nói Tận trí Biến trí, mà nói Tận trí Biến trí nầy là nghĩa các luận sư nói.

3) Trong một khoa phân nửa nói, phân nửa không nói cho nên không đầy đủ như trong Ba tạng chỉ nói ba nhãn, trong kinh Đại thừa nói đủ năm nhãn.

Hỏi: Vì sao biết trong Ba tạng không nói năm nhãn?

Đáp: luận Tạp tâm và Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm đều nói chỉ có ba nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn và tuệ nhãn.

Hỏi: Trước nói Đức Phật đã không đầy đủ tức là Phương Tiện, mà đạo lý chỉ có đầy đủ chứ chẳng có không đầy đủ, xưa Phật có không đầy đủ này, nay Phật chẳng có không đầy đủ nầy, tức là xưa có nay không, thì Bồ-tát lẽ ra xin xe không đầy đủ ư?

Đáp: Quyền thật có hai thứ:

1) Có, không luận quyền thật.

2) Đầy đủ, không đầy đủ luận quyền thật. Có, không luận quyền

thật không hai mà nói hai, cho nên Nhị thừa là quyền, có một mà nói một nên Phật thừa là thật. Đầy đủ không đầy đủ luận quyền thật: trước nói Phật thừa chưa hết là quyền, nay nói Phật thừa hết là thật, nghĩa xin xe chính là căn cứ nghĩa Ba thừa có, không có mà có xin, không căn cứ Phật thừa đầy đủ không đầy đủ mà nói nghĩa xin.

Lại trái lại trách rằng: Nếu nói trước không đầy đủ nên nay xin thì theo như ông trong Pháp Hoa nói nghĩa quả Phật cũng là vô thường tức là quả xe không đầy đủ, nếu vậy đến thời Niết-bàn lẽ ra có xin quả xe vô thường. Pháp Hoa chỉ làm duyên nhân chưa nói chánh nhân nên nhân xe không đầy đủ, đến thời Niết-bàn lẽ ra cũng trước xin không đầy đủ nhân xe, mà thời Niết-bàn không có xin. Pháp Hoa không đầy đủ xe thì phải biết đến thời Pháp Hoa cũng không xin, trước lúc ấy không đầy đủ quả Phật.

4. Trong thí dụ nói ba xe ngoài cửa: Đây là tổng tướng nói. Nương nghĩa trước thì hai xe ở ngoài cửa chính sử của ba cõi, quả Phật ở ngoài cửa của tập khí vô tri, người Nhị thừa dùng chánh sử hạn cuộc làm cửa, Đức Phật dùng tập khí vô tri hạn cuộc khu vực làm cửa. Xưa nói người Nhị thừa Tận vô sinh trí ở ngoài cửa chánh sử của ba cõi, nay người Nhị thừa dứt chánh sử hết mà không thấy xe, vì vậy cho nên xin. Xưa nói quả Phật ở ngoài cửa tập khí vô tư nay Bồ-tát dứt hết chánh sử tập khí vô tri hết thì liền thành Phật cũng không xin. Bồ-tát Đại thừa có hai môn là chánh sử và vô tri tập khí, nay ra ngoài chánh sử chưa ngoài môn tập khí vô tri. Theo xin quả là Nhị thừa có môn kiến đế, lại có môn tư duy, nay ngoài môn kiến đế hoặc cũng nên có xin, Thanh văn đã không như vậy, Bồ-tát sao còn như vậy, tiến thoái luận qua Đại Tiểu thừa cùng tận kiến chứng thì Bồ-tát không có xin.

5. Kinh nói Ba thừa là Phương Tiện: có thể nói xin ba, lại nói chỉ một việc này là thật, hai thứ khác chẳng phải chân. Lại nói thế gian không có Nhị thừa chỉ có một Phật thừa, do đó suy tìm chỉ xin Nhị thừa không xin Phật thừa.

6. Nếu nói xưa nói Ba thừa đều là Phương Tiện: từ Đại Phẩm trở lên cho đến trước Pháp Hoa nói Phật thừa đều là Phương Tiện, nếu Phật thừa là Phương Tiện thì các nhân như sáu độ v.v... cũng là Phương Tiện, nếu vậy giao phó tài vật kho báu quý giá cho cùng tử cũng đều là Phương Tiện mà nói, nên chẳng phải chân thật. Nếu giao phó tài bảo là ngọc quý chẳng phải mắt cá thì Đại Phẩm nói Phật thừa là chân thật, chẳng phải Phương Tiện.

Hỏi: Giao phó tài bảo là gửi gắm gia nghiệp châu báu thì khi nói

Bát-nhã lẽ ra là nói pháp Hoa ư?

Đáp: Đối với các kinh khác thì khó, đối với kinh này thì thông cho nên phẩm Phương Tiện nói vì các Phật tử nầy mà nói kinh Đại thừa, đã xưng nói kinh này thì phải biết thời Bát-nhã đã là nói pháp Hoa, chỉ vì giáo Bồ-tát cho nên gọi là Bát-nhã, chưa giáo hóa Nhị thừa nên không gọi là Pháp Hoa ! Nghĩa nầy đã như trước nói.

7. Phẩm Phương Tiện: văn kệ lúc mới trình bày xưa nói Nhị thừa lại nói Nhị thừa là Phương Tiện, trình bày xưa nói Đại thừa không nói Đại thừa là Phương Tiện, chỉ nói vì các Phật đây mà nói kinh Đại thừa thì biết Phật thừa chẳng phải Phương Tiện, Bồ-tát không nên xin Phật Đại thừa.

8. Đã có ba người xin vì sao không có Bồ-tát lãnh giải? Chỉ nói Nhị thừa lãnh giải không nói Bồ-tát lãnh giải cho nên biết không có Bồ-tát xin.

Hỏi: Nếu vì không có Bồ-tát lãnh giải mà cho là không có Bồ-tát xin, thì cũng không có người chứng quả Duyên giác lãnh giải nên không có Duyên giác xin ư?

Đáp: Không có Duyên giác lãnh giải đây có nghĩa ấy. Vì người chứng quả Duyên giác ra đời lúc không có Phật. Lại trong hội Pháp Hoa không có Duyên giác nên không trình bày sự lãnh giải của họ, Bồ-tát có hội vì sao không nói lãnh giải ư!

9. Đoạn dưới hợp ban cho xe rằng: Thấy các chúng sinh vượt khổ ngoài ba cõi được vui Niết-bàn cho nên ban cho Đại thừa. Nếu vậy người Nhị thừa đắc Niết-bàn nên ban cho Đại thừa, vì sao nói Bồ-tát đã chứng Niết-bàn ư! Đã chỉ ban cho Nhị thừa nên biết chỉ có Nhị thừa xin, dùng một văn nầy có thể dứt nghĩa được mất.

10. Các con ngồi yên cho nên đến cha xin xe: người Nhị thừa quả mãn dứt sự mong cầu không tu hành nữa nên gọi là ngồi yên, có thể được có xin mà chưa ra khỏi cửa. Bồ-tát vốn biết xe chẳng phải ở ngoài cửa chánh sử, mà ra khỏi cửa, cho nên Bồ-tát tự biết, từ đầu đến cuối hai người đều có nghĩa tiến tới trước, không có lý ngồi yên, do đó Bồ-tát không có nghĩa xin xe lại hợp ban cho xe nói: không để cho có người được diệt độ riêng đều do Như lai diệt độ mà diệt độ.

Riêng chọn diệt độ có hai nghĩa:

1) Ngày trước Bồ-tát thọ ký thành Phật Bồ-tát riêng được Như lai diệt độ, người Nhị thừa trước không được thành Phật cho nên không được diệt độ, ngày nay khiến người Nhị thừa cũng được Như lai diệt độ nên gọi là đồng ban cho.

2) Trước Nhị thừa riêng chọn Tiểu thừa diệt độ, nay khiến đồng đắc Đại thừa Niết-bàn, dùng hai văn này suy tìm thì không có Bồ-tát xin. Đã nói Bồ-tát riêng được Như lại diệt độ thì Bồ-tát đâu có lý do gì mà xin! Lại trước người Nhị thừa riêng chọn Tiểu thừa diệt độ cho nên nay dùng xe lớn ban cho, Bồ-tát không như vậy, làm sao ban cho Bồ-tát ư! Tức dùng văn nầy phá nghĩa bốn xe. Nếu người Ba thừa đều xin thì mất nói riêng được diệt độ. Hễ là riêng tức nghiêng về người này đắc người kia không đắc, nên gọi là riêng. Nếu Ba thừa đều xin thì đâu có riêng ư! Nay nói chỉ có người Nhị thừa xin, Bồ-tát không xin như tìm thấy ở mười điều trên.

Hỏi: Nếu vậy chỉ nên xin hai, vì sao văn nói xin ban cho chúng con ba thứ xe báu?

Đáp: Trước nói Ba thừa là thật, nay nói có một không có hai. Trước có nói ba mà cuối cùng đâu có tồn tại, do nay không nói trước có, cũng vì trước có khó nói nay không có nên gọi là xin. Kinh sư không thể nhận được điều này nên cho là ba người xin đến nỗi thành thuyết khác, nay xét lời nói này rất dễ thấy.

Hỏi: Văn kinh nêu ba xe, căn cứ văn xin cho nên nói xe dê, xe hươu xe trâu xin ban cho, vì sao trái ngược văn chỉ nói Nhị thừa xin, Bồ-tát không xin ư! Lại đều nói Nhị thừa xin ba lẽ ra người Nhị thừa cưỡi ba xe, người Nhị thừa thật ra không cưỡi ba, Nhị thừa cũng không xin ba. Lại đều nói nếu Nhị thừa xin xe Bồ-tát, Bồ-tát nên xin xe Nhị thừa, văn nghĩa suy tìm tiến lùi cùng tận, may mắn thích hợp dựa vào xưa không đợi đây thông ư?

Đáp: Nếu lãnh giải trước thông, không đợi sau hỏi, vì vượt trước ba để nên nay một! Trước đạo vốn là ba nay liền nói chỉ một sự thật này, hai khác chẳng phải chân. Nếu vậy ngày trước nói có xe dê, hươu, trâu ở chỗ nào? Vượt ba nêu một văn nghĩa sáng tỏ, dưới các nạn đều không thông, tự bỏ, nên bỏ xưa mê để từ nay ngộ.

Hỏi: Lấy gì làm chứng biết người Nhị thừa xin ba xe ư?

Đáp: Vốn vì người Nhị thừa mà bỏ ba thừa. Ban đầu dùng Nhất thừa hóa độ không được cho nên đối với nhất Phật thừa phân biệt nói ba gọi là Ba thừa hóa được. Nay nói không có ba chỉ có một, cho nên người Nhị thừa xin tìm kiếm ba xe. Lại kinh này từ đầu đến cuối chính vì người Nhị thừa mà nói cho nên Nhị thừa xin ba. Nay sẽ đủ mạnh dạn dùng văn ba châu chứng minh

Phẩm Phương Tiện nói: Bảo các chúng Thanh văn và người cầu Thừa Duyên giác dùng sức Phương Tiện để chỉ bày Ba thừa giáo tức đã

chỉ bảo người Nhị thừa nói Phương Tiện nói ba mà không bảo Bồ-tát, cho nên biết Ba thừa giáo vì người Nhị thừa. Kế là ba phen thỉnh lúc mới chỉ nói người Nhị thừa động chấp sinh nghi không nói Bồ-tát. Cho nên, biết Nhị thừa nghi không có ba chỉ có một. Chư Phật trong mười phương khuyên đức Thích-ca nói: Kẻ trí nhỏ ưa Tiểu thừa không tự tin thành Phật, vì vậy dùng Phương Tiện phân biệt nói các quả, không nói là vì Bồ-tát phân biệt nói ba. Cho nên biết vì Nhị thừa phân biệt nói ba. Các quả ấy là quả Ba thừa.

Văn kế là châu thứ hai: Thân tử vượt hàng Hữu Học. Vô học đều rơi vào nghi hối nên thỉnh Phật nói lại, không nói Bồ-tát nghi hối thỉnh Phật nói lại, cho nên châu thứ hai nói chỉ vì người Nhị thừa. Nói rằng nay ta lại muốn ông nhớ nghĩ bản nguyện hành đạo cho nên vì các Thanh văn nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, không nói vì Bồ-tát nói. Châu thứ ba văn nói: Nếu Như lai tự biết đến thời Niết-bàn, chúng lại thanh tịnh nên vì họ nói kinh này, thế gian không có Nhị thừa mà được diệt độ chỉ có nhất Phật thừa được diệt độ thôi! Lại nói chỉ có nhất Phật thừa, vì dứt lo nghĩ nên nói hai. Dùng văn ba châu nầy để chứng minh cho nên biết khai một làm ba chỉ vì người Nhị thừa. Nay gom ba về một cũng vì người Nhị thừa. Nếu vậy nghĩa xin ba cũng là người Nhị thừa xin.

Hỏi: Người Nhị thừa ra ngoài cửa nhưng không thấy hai xe cũng không thấy ba xe ư?

Đáp: Ra đến gần cửa chánh sử không có hai xe nên không thấy, chưa ra xa cửa tập khí vô tri cũng không thấy một xe lớn, hai xe không có cho nên không thấy, xe lớn có mà chưa thấy.

Lại hỏi: cũng đắc hai môn cận viễn đều không thấy ba xe phải chăng?

Đáp: Nếu nói đối một nói ba thật không có ba, thì hai môn cận viễn đều không thấy ba. Nếu căn cứ trong ba tự luận hư thật như nói chỉ một sự thật đây, hai thứ khác chẳng phải chân thật. Xuất cận môn không thấy hai, xuất viễn môn chẳng thấy một, lại hai môn cận viễn đều không thấy hai, vì không có hai cho nên hai môn cận viễn đều thấy có một. Một là thật có nên xuất viễn môn được một, xuất gần môn biết có một, đây là căn cứ Bồ-tát.

Hỏi: La-hán vượt ngoài ba cõi cho nên xin, Duyên giác cũng như vậy chăng?

Đáp: Đang ngồi trong hội Pháp Hoa chỉ có La-hán không có quả Duyên giác cho nên chỉ là một người xin ba, chẳng phải người quả Nhị

thừa xin ba.

Hỏi: Nếu là một người vì sao văn lại nói các con theo cha tìm xin xe, đã nói các con thì biết đó là người Ba thừa ư!

Đáp: ở dưới trong phần hợp thí nói: nếu thấy vô lượng ngàn ức chúng sinh dùng môn Phật giáo vượt khổ ba cõi được vui Niết-bàn, liền ban cho xe lớn, đây là căn cứ La-hán chẳng phải một nên nói có các con. Lại tuy không có Duyên giác nhưng ngầm có người chứng quả Duyên giác, làm xin xe ví như hợp Duyên giác nhân, người lãnh giải nghĩa cũng không lỗi. Lại tức dùng văn nầy để chứng minh không có Bồ-tát xin xe, chỉ có La-hán liền được xin ba xe, đâu phải ba người mới xin ba xe ư!

- ***Thứ tư*** là nói thời tiết: Hỏi: Thời nào xin quả ư?

Đáp: Xưa nói đắc La-hán về sau, đến trước Pháp Hoa lúc này có xin, xưa Phật vì người Ba thừa nói nếu có thể dứt phiền não trong ba cõi liền được Tận, Vô sinh trí, người Ba thừa liền y giáo tu hành dứt hoặc ba cõi thành quả Vô học, hàng Vô học này đều đầy đủ giải, ba minh, có trí chung cho sinh tử vị lai, trong tâm an nhàn, tư duy so lường bèn thấy đời vị lai còn có nhân quả sinh tử. Nhân sinh tử chưa tận, chưa có tận trí, quả sinh tử chưa đổ, chưa có vô sinh trí, nếu vậy vì sao Đức Phật dạy dứt hết hoặc nên có Tận trí, quả vong nên có Vô sinh trí ư! Cho nên theo Phật cầu xin Tận trí, Vô sinh trí.

Lời bình rằng: Suy tìm châu thứ hai, Ý Thí nói chính ở xin xe, nếu ở đây nói có thể hiểu, các thí dụ tự rõ ràng. Nay xin hỏi: Nếu đắc La-hán tức xin hai trí, thời ấy đã nên động chấp, sinh nghi, như vậy Pháp Hoa chỉ bỏ ba bày một liền là vô dụng. Vì sao? Vì bỏ ba bày một vốn là động chấp sinh nghi trước chưa nói nghi chấp đã động, đâu nhọc lại dùng lược nói ở trước. Lại nạn hỏi rằng: Nếu chưa nói pháp Hoa mà đã sinh nghi thì Thân tử đắc quả xong rồi nên nói nay ta tự đối với trí nghi ngờ không thể hiểu rõ, vì đó là pháp rốt ráo hay là pháp hành đạo! Đâu đợi nói pháp Hoa mới có xướng như vậy. Lại trong phần lãnh giải nói lúc mới nghe Phật nói trong tâm kinh sợ nghi ngờ, nếu trước đã chấp động thì việc gì nay nghe mới kinh nghi ư!

Hỏi: Nếu trước nói pháp Hoa chưa động chấp sinh nghi thì vì sao Thân tử lại nói muốn đem hỏi Thế tôn là mất hay không mất ư?

Đáp: Văn đã giải thích, văn này không nói trong lý không có ba, mà giáo có ba, chỉ chấp chặt giáo xưa cho là vĩnh xa mất Đại thừa. Lại thấy Như Lai nói các công đức cao quý mà chất đầy một túi chậm chạp quay về sợ mất, hoặc sợ không mất, vì vậy nên đến nỗi có nạn nầy. Nếu

thật thấy nhân quả sinh tử đời vị lai thì biết tu hành thành Phật thì việc gì mà than thở xót xa ư! Tức dùng văn nầy phá bỏ lời Thân Tử nói.

Lại theo nghĩa này của ông thì Tịnh Danh cho đến Pháp Hoa mà các Thanh văn đối với kinh Tịnh Danh tự nói chúng con vì sao bặt dứt căn kia đối với Đại thừa đây đã như hạt giống hư. Lại nói đất cao nguyên không mọc hoa sen, thì đâu được nói trước lúc ấy Thanh văn dùng lý nghi giáo mê hoặc lý do dự giữa lý giáo, đã do dự giữa lý giáo làm sao được nói dứt bặt căn kia, đã như hạt giống hư, tự thành trái nhau chẳng thể hội thông. Lại hỏi La-hán đắc quả xong liền xin, theo nghĩa ông từ Sơ giáo đến trước Pháp Hoa chưa nói việc ngoài ba cõi, vì sao như vậy? Đã thấy đời vị lai, sinh tử ngoài cõi bất tận ư! Nếu nói thấu hiểu sâu cho nên thấy việc ngoài ba cõi vì sao không hiểu sâu, tức biết ba quyền một thật ư! Lại A-la-hán thấy sinh tử vị lai bất tận: đây là trong lý nói hay trong giáo nói? Nếu trong lý nói thì Ba thừa sở nghiệp đã biết sẽ được thành Phật, sinh tử chưa mất, không đợi chứng Vô học mới biết. Nếu trong giáo nói, thì trước Pháp Hoa, Đại thừa giáo còn chưa nói việc ngoài ba cõi, sao nói trong Ba tạng giáo đắc A-la-hán sau liền thấy sinh tử đời vị lai bất tận ư! Nay nói ngày xưa chưa xin nay mới xin, làm sao biết? Vì trước cứu con được thí dụ thuộc nghĩa Ba thừa hóa đắc ở trước, xin xe dụ thuộc nghĩa Nhất thừa hóa đắc nay cho nên biết căn cứ nay nói xin, xưa không xin.

Hỏi: Vì sao trước không xin mà nay nói xin ư? Đáp: Xưa giáo nói thật có ba, lại tự cho thật có đắc ba cho nên không xin. Nay giáo nói không có ba, trong hội lúc ấy nghe không có ba tức liền sinh nghi vì vậy cho nên xin ba như cha mẹ dùng tay không lừa dối con bảo rằng tay thật có vật, con cho là thật có, con liền nín khóc, lại biết tay không mới xin cha.

Hỏi: Văn nói các con ra khỏi nhà thì đến xin cha, vì sao nói xưa không xin nay xin ư? Nếu vậy nay mới ra khỏi nhà xưa nên chưa ra ư?

Đáp: Nếu ra khỏi cửa liền xin cũng nên ra khỏi ba cõi xong liền biết không có ba chỉ có một, nay xem xét Pháp Hoa ba châu văn chỉ nói La-hán nghe kinh Pháp Hoa mới biết không có ba, khi chưa nghe chẳng biết không có ba, vì sao? Vì Thân tử lãnh giải nói ta đều đã dứt tà kiến, đối với pháp không đắc chứng, lúc bấy giờ tự tâm cho là đắc đến diệt độ mà nay mới tự giác là chẳng phải thật diệt độ. Văn nầy nói rõ trước Pháp Hoa tự cho là thật đắc ba, khi nghe giáo này mới biết không có ba.

Châu thứ hai, văn nói: Các vị tâm tự tại một ngàn hai trăm đây là

người Hữu Học, Vô học cũng đều tự xa lìa ngã kiến và kiến chấp có, không,v.v... cho là đắc Niết-bàn. Trong Hóa Thành nói: Lúc ấy, mọi người thẳng vào hóa thành nghĩ rằng đã diệt độ rất an ổn, cho nên biết người ba căn chưa nghe kinh Pháp Hoa tự cho là rốt ráo, chẳng biết không có ba vì sao nói đắc quả rốt ráo tức biết không có ba mà xin ba ư!

Hỏi: Trong thí dụ nói ra khỏi nhà liền xin xe như trước dẫn đến thời Pháp Hoa mới xin, đây thì Pháp trái với thí làm sao hiểu được?

Đáp: Phải đắc ý thí dụ, ý bất luận xin lâu mau, chỉ vì con ngu si chẳng biết không hiểu ý cha không biết quyền thật có không, cho nên xin cha; dùng đây để hiểu lúc ở trong hội ấy khiến bỏ ba chấp, vì vậy nên nói pháp không trái với thí. Sau thấy luận Pháp Hoa giải thích ba phen thỉnh văn nói có ba nghĩa:

1) Nghĩa quyết định.

2) Nghĩa nghi.

3) Y việc gì mà nghi. Quyết định: có Thanh văn phương tiên chứng đắc pháp sâu xa có tâm quyết định chứng đắc Niết-bàn; đây rõ ràng trước lúc ấy, chứng đắc Niết-bàn sinh tâm quyết định rốt ráo, không nghi là rốt ráo hay không rốt ráo! Nếu trước lúc ấy, đã nghi thì nghi gọi là do dự, không được gọi là quyết định, dùng luận suy tìm thì biết trước còn chưa xin, nay nghe giáo sinh nghi mới xin.

Hỏi: Ông dẫn luận Pháp Hoa để chứng minh trước lúc ấy chưa xin, ta cũng dẫn luận Pháp Hoa chứng biết có Bồ-tát xin, luận giải thích sự sợ hãi trong ba phen thỉnh văn nói có năm thứ sợ hãi:

l) Sợ hãi thương tổn: như người Nhị thừa chấp Tiểu là thật, chê bai không có Đại thừa.

2) Nhiều việc sợ hãi, do người Đại thừa sinh tâm như vậy ta từ vô lượng vô biên kiếp thực hành hạnh Bồ-tát, sinh ý kinh sợ khởi tâm chấp khác thừa.

3) Điên đảo sợ hãi phân biệt ngã, ngã sở kiến, thân bất thiện.

4) Ăn năn sợ hãi, như Thân tử nói ta không nên chứng Tiểu thừa như thế.

5) Lừa dối sợ hãi: là Tỳ-kheo tăng thượng mạn nói rằng vì sao Như lai lừa dối ta. Xét năm việc kinh sợ này, thứ hai có Bồ-tát kinh sợ nên có Bồ-tát xin, thứ tư Thân tử hối hận nên trước lúc ấy đã xin lẽ nào chẳng phải ông giải thích trái với luận ư! Đáp: Nếu vì kinh sợ mà xin thì các kinh Đại thừa đều nói nghe pháp Đại thừa kinh nghi sợ hãi, Pháp Hoa lẽ ra là xin.

Hỏi: Dùng lời nầy nạn hỏi, tức dùng nghi làm xin, các kinh Đại thừa đều nói nghe kinh Đại thừa nghi đều lẽ ra là xin ư?

Đáp: Phải xét kỹ lời ý của văn luận, luận chép: Bồ-tát kinh sợ khởi tâm chấp khác thừa. Cho nên, nếu dùng văn này để xin Phật thừa thì chính Bồ-tát phải tìm Phật thừa ngày xưa, sao lại khởi tâm chấp thừa khác ư! Nay văn Thích luận nầy chính là nói Đại thừa sâu xa, Nhị thừa nghe sinh tâm chê bai như nghĩa thứ nhất trong năm nghĩa. Bồ-tát nghe Đại thừa sâu xa chỉ có Phật rốt ráo mới hiểu được các người khác không hiểu, như phát tâm ở trên trở lên. Bất thoái trở xuống đều không hiểu trí Phật, Bồ-tát nghe nói, muốn lui sụt giữ lấy Nhị thừa nên nói khởi tâm chấp thừa khác. Cho nên chẳng phải xin thừa Bồ-tát, Thân tử hối hận, văn trước đã giải thích.

- ***Thứ năm***: là nói có xin không xin: Chú giải kinh chép: Tu Không lìa hữu, thì Không hữu đều hết, nếu thật ở ngoài cửa thì chỉ thay một, tức mọi cầu xin tự quên mất, làm gì có xin tình. Nay muốn nói về Ba thừa sơ nghiệp kỳ vọng đem nói lên hội nhập ở cuối thành. Cho nên, giả lập lúc ấy cho nói để hiển rõ nghĩa đồng ban cho.

Lời bình rằng: chú giải kinh dựa theo ý kinh Thắng-man giải thích nên không có nghĩa xin. Đây là được ở kinh kia mất ở giáo này. Giáo nầy đã nói có xin không nên nói giả lập. Ngài Khung Cơ nói: Không riêng có xin, chỉ có đại căn cơ hội nghĩa Phật đồng với xin, vì sao? Vì đại căn cơ đã phát lại trông mong trước thì không có Ba thừa cho nên nói xin ba. Lời bình rằng: Ngài Khuy Cơ được nghĩa cầu Nhất thừa, mà mất ở nghĩa xin ba. Vì sao? Vì thật có căn cơ động cầu Nhất lại có trong tình xin ba, thiên chấp một căn cơ, mất ba ở tình xin cho nên chẳng dùng.

- ***Thứ sáu***: là nói Đại Tiểu. Có người nói xin một xe lớn chẳng xin ba, vì sao? Vì cha đã cho xe lớn thì biết xin xe lớn, nếu không xin xe lớn thì do đâu mà ban cho xe lớn. Có người nói: Văn nói xin ban cho chúng con ba thứ xe báu không nên trái với văn nói xin một. Lời bình rằng: Chấp thiên lệch hai văn đều mất ý viên, khảo xét ý chỉ kia trở về thì đầy đủ xin, do đại căn cơ đã động cho nên cầu một, tình chấp nơi ba nên xin ba, cơ tình hợp luận thì ba, một đều xin.

- ***Thứ bảy*** là hợp hai kinh: Hỏi: Theo kinh Thắng-man sơ nghiệp đã biết không có ba đây thì không xin, căn cứ kinh đây hàng Vô học còn hoặc nơi giáo cho nên có xin, làm sao hợp thông ư?

Đáp: Xưa nói Thắng-man là liễu nghĩa giáo lý thật ngôn, cho nên không có xin, kinh này căn cứ giáo nên có xin. Lời bình rằng: Nghĩa

nầy đã như Phẩm Phương Tiện giải thích rộng hai kinh đồng khác, nay lại trình bày: Nếu Thắng-man là lý nói, kinh này căn cứ giáo thì cũng khác nhau xưa giải thích nói người Ba thừa chấp chặt giáo trước cho là có rốt ráo cho nên không xin. Nay giáo không có ba cho nên theo Phật xin ba.

- ***Thứ tám***: là nói nghĩa ba căn xin không xin: xưa nói chỉ có người trung căn xin, hai người lợi căn độn căn không xin.

Hỏi: Làm sao biết hai căn kia không xin ư?

Đáp: Phẩm Hóa Thành nói: nghĩ rằng đã được độ rất an ổn, chấp giáo làm giải cho nên không xin.

Lời bình rằng: Không như vậy tìm người ba căn đều có xin. Thân tử nghi rằng: nay Ta tự biết nghi ngờ không thể hiểu đó là pháp rốt ráo hay là pháp hành đạo, tức là thượng căn xin. Trong châu thứ hai có thí dụ xin xe xem xét người trung căn hẳn có xin, trung thượng đã xin thì biết người hạ căn cũng xin.

Hỏi: Người hạ căn vì sao không có văn nói xin?

Đáp: Đầu Phẩm Thí Dụ nói Thân tử vượt qua trung căn, hạ căn đều có nghi hối, cho rằng trung căn hạ căn cũng có xin. Lại dùng nghĩa suy tìm xưa ba căn đều chấp chặt, giáo xưa tự cho là rốt ráo cho nên đều không xin, nghe giáo nay không có ba rốt ráo cho nên đều có xin thì nghĩa có thể biết.

Hỏi: Văn ba châu đều nói người ba căn có nghi chấp vì sao là xin ư!

Đáp: Nếu không dùng nghi chấp làm xin thì lại dùng văn gì vì người ba căn xin ư! Lại ở vườn Nai về sau đến trước Pháp Hoa sao trong kinh nói Ba thừa tình xin ư! Nay nói chỉ thời Pháp Hoa ba căn có nghi nên có xin, trước thời nay không nghi nên không xin.

Hỏi: Nếu người ba căn đều có xin vì sao châu thứ hai có xin xe, còn các văn khác không có!

Đáp: Người thượng căn xin ba, Đức Phật trong phẩm Phương Tiện nói thẳng pháp nói liền ngộ, không cần làm thí dụ xin xe, người trung căn chưa ngộ vì làm Thí dụ xin xe liền hiểu, người hạ căn nghe thí dụ xin xe không ngộ lại đợi dụ Hóa thành mới ngộ. Nếu đều làm một ví dụ làm sao gọi là thích hợp ba duyên ư! Lại sao gọi là ba châu nói khác nhau!

Hỏi: Nếu dùng nghi làm xin, thì phàm Thánh tất cả người nghi, lẽ ra tất cả đều xin, mà nay ra cửa không thấy có ba để xin ba, trong cửa chưa thấy có hay không làm sao xin ư!

Đáp: Người trong cửa và người ngoài cửa đều chấp giáo xưa, đều có ba quả rốt ráo nay nghe không có ba nên người trong và ngoài cửa đều xin ba.

Hỏi: Người ngoài cửa xin vì sao khác?

Đáp: Người ở trong cửa xin ở đương lai ba, người ngoài cửa xin ở hiện tại ba, cho nên có khác.

Hỏi: Văn chỉ nói ra ngoài cửa xin, không nói trong cửa xin vì sao trái với kinh ư!

Đáp: Phật nói thí dụ muốn cho dễ hiểu, khiến người ngoài cửa xin ba xe thông hiểu lúc ấy hội nghi hối, trái lại trách rằng: Nếu chỉ người ngoài cửa xin cũng chỉ ban xe cho người ngoài cửa, không ban cho người trong cửa, chỉ nên thọ ký cho hàng vô học thành Phật, người Hữu Học không nên thọ ký, người Vô học thực hành đạo Bồ-tát, người Hữu Học chẳng phải đạo Bồ-tát. Nay thí dụ ban xe tuy ban cho người Vô học, thật ra ban cho cả mọi người, cũng tuy người Vô học xin mà thật ra là tất cả mọi người xin. Kinh sư không hiểu rốt ráo đầu đuôi nên không biết ý thí dụ.

Hỏi: Nếu dùng nghi làm xin, phẩm Phương Tiện nói: Bồ-tát nghe pháp ấy lưới nghi đều đã dứt, nếu vậy Bồ-tát nên có xin?

Đáp: Bồ-tát nghi khác với Nhị thừa nghi, Nhị thừa xưa cho rằng rốt ráo nay nghe không rốt ráo, vì vậy nên dùng xưa nghi nay do đó có xin. Bồ-tát không phải tự cho là rốt ráo nay nghe không rốt ráo nên sinh nghi do đó Bồ-tát không xin, chỉ vì người mới hành nghi vì sao trước Phật nói ba nay vì sao nói một, trước nay ba, một trái nhau cho nên sinh nghi.

Hỏi: Bồ-tát nghi trước nói có ba nay nói không ba tức là Bồ-tát xin ư!

Đáp: Lãnh trên một có, hai không có nghi nầy lại dứt, Nhị thừa xin ba cuối cùng xin hai, Bồ-tát nghi ba cũng là nghi hai. Phật thừa từ đầu đến cuối đều có cho nên không nghi không xin.

Hỏi: Bồ-tát cũng có xin, Phật thừa không xin ư?

Đáp: Trước nói Ba thừa đều có, nay bỗng nói Nhị thừa không, trước tuy nói Phật thừa là có nay cũng không thoát khỏi, có nghi nầy chẳng phải ý chính.

Hỏi: Nhị thừa cũng xin Phật thừa hay không?

Đáp: Cũng có nghĩa nầy theo lệ như Bồ-tát trước nếu nói có hai, nay lại không hai Phật thừa cũng vậy, đây đều là nghĩa phụ chẳng phải đại tông xin xe.

Hỏi: Con ra khỏi cửa tự thấy không có xe, đắc La-hán ra khỏi ba cõi cũng nên tự thấy không có ba ư?

Đáp: xưa nói chính như vậy, nay xin hỏi: Nếu tự thấy không có ba lẽ ra cũng tự thấy có một sao lại xin ư! Nay nói nếu xét biết không có ba cũng không xin, nếu trước có ba cũng không xin, chỉ vì xưa cho là có nay lại nói không. Xưa nay có không hợp nói cho nên có xin.

- ***Thứ chín***: kế là nói bốn câu: xưa nói có bốn câu:

l) Xin mà căn cơ không phát, tức là từ vườn Nai về sau người Vô học và Bồ-tát Lục trụ.

2) Phát mà không xin, ngồi trong hội Pháp Hoa bảy hạng người Hữu Học, Đại sĩ năm trụ và phàm phu.

3) Vừa phát vừa xin, nghĩa là thời giáo nay là cho người Vô học.

4) Không phát không xin, tức là bảy hạng người Hữu Học Ngũ trụ Bồ-tát và phàm phu ở trước thời Pháp Hoa.

Lời bình rằng: Phá nghĩa này như trước, nay chia làm bốn câu: l) Căn cơ phát mà không xin, nghĩa là Bồ-tát nghe Nhất thừa lãnh ngộ, vì vậy nên căn cơ phát, không tự chấp chặt nên không xin. 2) Xin mà không phát: như người Nhị thừa nghe kinh Pháp Hoa không lãnh ngộ, như cầu Nhị thừa trước có chấp chặt nên nay xin mà không có đại căn cơ nên không ngộ.

Hỏi: Đã không có đại căn cơ do đâu mà nghe ư?

Đáp: Chỉ có căn cơ nghe không có căn cơ ngộ, nên nói không có phát.

Hỏi: Làm sao biết có câu này?

Đáp: Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Trong chúng Thanh văn có người tin hiểu có người không tin hiểu, tức là việc ấy.

Vừa phát vừa xin, như người ba căn. Không phát, không xin: tức trước Pháp Hoa và phẩm Hóa Thành Dụ nói: sau khi ta diệt độ lại có đệ tử không nghe kinh nầy, không hiểu không biết Hạnh Bồ-tát, tự đối với công đức đã đắc của mình nghĩ là diệt độ.

Lại có bốn câu:

l) Quyền mà chẳng thật: là Nhị thừa.

2) Thật mà chẳng quyền: Nhất thừa ngày nay.

3) Vừa quyền vừa thật, phần lớn trong Ba thừa ngày xưa. Chẳng phải không có Phật thừa đạo cho nên thật, nhưng trước nói chưa tận cho nên quyền.

4) Chẳng quyền chẳng thật tức là tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng ngôn ngữ diễn nói, mất ba câu trên.

Lại có bốn câu:

1) Hợp đại mà lìa Tiểu. Hợp Đại: Phật, Bồ-tát đồng gọi là Phật thừa. Lìa tiểu: Thừa Thừa Thanh văn Duyên giác.

2) Lìa Đại mà hợp Tiểu, trong Đại Phẩm nói nghĩa ba trí: Phật là Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát là Đạo chủng trí, cho nên Phật Bồ-tát chia ra hai trí. Hợp Tiểu: người Nhị thừa gọi chung là Nhất thiết trí.

3) Đại Tiểu đều hợp: Gọi thẳng Đại Tiểu hai thừa cũng là tạng Đại và Ba tạng.

4) Đều khai: Như Ba thừa và Thập địa. Bát địa tức nhân quả hai thừa, Cửu địa và Thập địa là nhân quả Đại thừa. Trong dòng sinh tử bảy người cũng là nghĩa đều khai.

- ***Thứ mười*** là: Rộng hợp giáo nay: Hỏi: vì sao xe ba, sứ giả hai?

Đáp: Xưa nói xe vì người Ba thừa thiết lập thí dụ nên nói ba, chỉ vì Nhị thừa lãnh giải cho nên sứ giả có hai. Lời bình rằng: Nếu vì người Ba thừa lập ví dụ ba, người Nhị thừa nghe hai việc lãnh giải, có thí dụ hai sứ giả vì sao Bồ-tát không lãnh giải không lập thí dụ Đại sứ giả! Lại phẩm Thí dụ nói chính vì người Thanh văn trung căn, Bồ-tát đâu được ở trong số trung căn ư? Nay nói hai nói là giải thích hai nghĩa chung riêng:

1) Chung mà luận đều bình đẳng, Ba thừa sở thừa đã có ba xe, hóa nơi ba người cũng có ba sứ giả, ba người dừng nghỉ liền có ba thành. Đại kinh chép: Người Thanh văn dùng Tiểu Niết-bàn mà bát Niết-bàn cho đến nói Bồ-tát dùng đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, cho nên biết cũng có ba thành.

2) Riêng mà làm luận xe có ba: Trước dùng Nhất thừa hóa độ các con không được nên đối Nhất Phật thừa chia ra nói ba cho nên biết nghĩa nói ba đều vì người Nhị thừa. Đã vì người Nhị thừa đối một nói ba, người Nhị thừa liền lãnh giải, biết một trong ba là thật, hai khác chẳng thật cho nên chỉ nói hai sứ giả không có ba sứ giả.

Hỏi: Khi mới thành đạo thật có căn tánh Ba thừa cho nên nói Trưởng giả có các con hoặc mười, hai mươi cho đến ba mươi người. Nếu vậy Ba thừa giáo vì người Ba căn đâu được đối một nói ba vì người Nhị thừa ư?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay cũng có hai giải thích ý hai phẩm. Trong nhà Trưởng giả có ba mươi người con, đây là căn cứ người Nhị thừa từ đầu đến cuối đầy đủ căn tánh Ba thừa; chỉ là khi Phật thành đạo chỉ có căn tánh Nhị thừa mà không có Đại thừa, do đó hóa Nhất thừa không được nên đối một nói ba vì người Nhị thừa.

Hỏi: Vì sao biết người Nhị thừa từ đầu đến cuối có đủ căn tánh Ba thừa ư?

Đáp: Văn nói hoặc hai mươi, ba mươi cho đến ba mươi, nếu nhất định có căn tánh Ba thừa thì việc gì phải gọi là hoặc ư! Do đầu có hai tánh sau mới có một căn cơ cho nên gọi là hoặc cho đến,v.v... đây là đối với ý phẩm Phương Tiện.

Ban đầu Nhất thừa hóa không được sau dùng Ba thừa hóa được: Đây là căn cứ chung riêng làm luận, nói Trưởng giả vốn có ba mươi người con, Đức Phật khi mới xuất thế đã có căn tánh Ba thừa. Nếu chỉ dùng Nhất thừa, hóa căn tánh Ba thừa thì có ba thứ căn cơ chỉ có một giáo không do đâu mà hóa lý thế nên, dứt hóa Nhất thừa, đối Nhất Phật thừa phân biệt nói ba hóa được ba người.

Hỏi: Sao biết như vậy?

Đáp: Phẩm Thí dụ nói: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông và trí tuệ vì các chúng sinh khen ngợi tri kiến, lực vô sở uý của Như lai thì chúng sinh không được độ, văn đã có nói "chỉ dùng" cho nên biết Nhất thừa hóa ba người không được, nếu đối một nói ba, hóa được ba người nên có ba con cầu xin xe.

Hỏi: Khi mới thành đạo có ba căn tánh, Nhất thừa hóa Nhị thừa căn cơ không được hóa. Bồ-tát thì được, vì sao lại nói: Ta thà không nói pháp mà mau nhập Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là căn cứ nghĩa trước! Từ đầu đến cuối mới có ba căn cơ, đương thời không có đại căn cơ do đại hóa không được cho nên muốn nhập diệt. Lại chỉ dùng Một hóa ba tiến, công không lợi ích, thoái có tội khởi phỉ báng cho nên muốn nhập diệt, đây là căn cứ nghĩa sau.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Do Nhất thừa hóa không được nên hướng đến vườn Nai vì Thanh văn nói pháp, cho nên biết lúc mới không có đại căn cơ, chỉ có tiểu căn cơ.

Hỏi: Trước ở chỗ nào nói Ba thừa ư?

Đáp: Tại vườn Nai chỉ nói Thanh văn cho nên nói trước ở thành Ba-la-nại, chuyển pháp luân Tứ đế, chỉ vì Phật là bậc giáo chủ, tức có Phật thọ ký cho Di-lặc cũng là nói Phật thừa.

Hỏi: Thừa Duyên giác nói lúc nào?

Đáp: Lúc đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói Tứ đế, liền nói mười hai nhân duyên, đức Thích-ca cũng lệ theo đây. Lại Đại kinh nói ở thành Vương xá vì Ca-diếp giảng nói đầy đủ mười hai nhân duyên. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Trước vì Thanh văn nói bốn đế, giữa vì Duyên giác

nói mười hai nhân duyên sau vì Bồ-tát nói sáu độ, dùng văn nầy suy tìm biết trước nói Tứ đế, sau nói nhân duyên.

Hỏi: Ngoài cửa vì sao không có xe ngoài do-tuần có hóa thành ư?

Đáp: nghĩa theo lệ có thể có ba câu:

1) Căn cứ giáo trước thành xe đều có, trước nói có ba xe cũng nói có một thành.

2) Căn cứ giáo nay thành xe đều không.

3) Không có xe có một thành, muốn nói thật không có ba xe, cũng quyền có nên có hóa thành. Đều có là chỉ bày hai quyền, đều không căn cứ hai thật, một có một không tức một quyền một thật.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Do chúng sinh sợ Phật đạo lâu dài mà làm chỗ dừng nghỉ nên quyền nói hóa thành. Cho nên, biết trình bày xưa tức nói nghĩa quyền, căn cứ nay nói cõi Phật mười phương không có Ba thừa, thời hội giữa đó không có nên xin Phật. Cho nên, biết xe không có căn cứ nay thì thật. Lại dụ hóa thành thuộc Ba thừa hóa đắc cho nên tựa trước là quyền, xin xe dụ thuộc Đại thừa hóa đắc nên nay là thật.

Hỏi: Sao xả bỏ ba xe mà hóa một thành ư?

Đáp: xe ở ngoài nhà, các con trong nhà, mắt không thấy nên bỏ ngoài cửa không cần hóa làm. Thành còn rất xa, giữa đường mọi người mỏi mệt không đi nổi nữa nên đạo sư hóa ra ngôi thành lớn, mọi người xa thấy đều cố gắng, đã nhìn thấy thành làm sao không đi! Cho nên, đạo sư phải hóa làm thành.

Hỏi: Các con vì tìm xe ngoài cửa mà ra khỏi nhà, cũng như mọi người vốn vì hướng đến hóa thành mà tiến lên đường phải không?

Đáp: hai thí dụ mà ý khác nhau chẳng phải một. Bản ý của ba xe là cầu Ba thừa làm thí dụ, bản ý của hóa thành là cầu Phật đạo làm thí dụ, nhưng giữa đường mệt mỏi muốn lui cho nên quyền lập hóa thành.

Hỏi: Vì sao xe nhiều thành một, xe động thành tĩnh?

Đáp: xe ba y cứ về trí hơn, thua, thành một là căn cứ Niết-bàn không hai, thành là dừng nghỉ cho nên tĩnh, xe là dạo chơi vui sướng nên động, đều nêu lẫn nhau, mà không trái nhau.

Hỏi: Hai sứ giả vì sao không hóa ra, cũng không xả bỏ ư?

Đáp: Sứ sai khiến là Phật giáo, ở đây không thể không có, cho nên không được nói hóa. Lại giáo căn cứ bị duyên cũng không được xả bỏ.

Hỏi: Bốn thứ quyền thật vì sao có đồng khác ư?

Đáp: Ba xe và một xe đây đều là lý do giáo tiêu biểu, ba xe là

quyền một xe là thật, một sứ giả gọi là một thừa giáo, hai sứ giả gọi là hai thừa giáo, giáo có cả nhân lẫn quả. Văn nầy ba sứ giả đều là nói trong cửa, ba xe một xe đều là việc ngoài cửa, hai sứ giả là quyền, một sứ giả là thật. Nếu nhà lớn và am tranh: Am tranh: là lý giáo Tiểu thừa, nhà lớn là lý giáo Đại thừa, hai thứ này có cả nhân quả. Nếu Hóa thành cho là quả Tiểu thừa thì đảo châu báu là quả Đại thừa.

Hỏi: Chỉ là một pháp vì sao nói nhiều thứ?

Đáp: Thể tuy là một mà tùy nghĩa nói bốn, ngang dọc tự tại, hoan hỷ vui sướng nên gọi là xe, cái gọi là giáo môn tùy Phật vận dụng, như sứ giả năng chỉ bảo chúng sinh như người. Chánh pháp Đại thừa không hoạn nạn, không chướng ngại như nhà trống thông suốt không gì ngăn ngại làm một, chúng đức đáng quí đi bộ xa mới đến được đến đảo châu báu, bốn nghĩa Tiểu thừa có thể dùng ý cầu.

Kế là nói về xin xe có bốn lớp:

l) Nhân quả.

2) Phước tuệ.

3) Không hữu.

4) Hữu vi, vô vi.

Xưa giải thích ba xe chỉ là quả chẳng phải nhân, xe lớn có hai giải thích: Quang Trạch nói quả địa rốt ráo. Hai trí tận và vô sinh làm thể; xa vượt ngoài do-tuần đối xưa gần nên gọi là cao đầy đủ bao gồm muôn đức, đối xưa hẹp nghĩa là rộng trang nghiêm, nói xe lớn là nhân, chung muôn hạnh làm thể. Tuy chung muôn hạnh nói lược hai pháp làm chính:

l) Bồ-đề đại nguyện trên cầu Phật đạo là cao, dưới độ chúng sinh là rộng.

2) Không tuệ chẳng lìa, từ đầu đến cuối đắc Bồ-đề là cao, chiếu khắp pháp tánh là rộng.

Lời bình rằng: ba xe là quả không xa văn nghĩa. Văn nói: Nay ba xe này đều ở ngoài cửa. Nghĩa là chưa thoát khỏi lửa sinh lão bệnh tử trong ba cõi, ngoài ba cõi thì thoát hẳn, do văn nghĩa rộng nầy có thể như vậy. Xe lớn xen lẫn chấp nhân quả văn nghĩa đều tổn thương, nay sẽ nói đầy đủ: Nếu nói xe lớn chỉ là quả thì sao dưới lại nói nương xe báu ấy thẳng đến đạo tràng ư! Cho nên một không thể. Lại các con, xin xe, cha thì ban cho xe, các con được xe đều cỡi xe, nay chỉ là quả: là hứa xa, cha chưa cho, thì con không được. Sao gọi là cưỡi xe ư? Trước hứa cho ba xe, thật không được ba xe, nay hứa cho một lại chưa được một, nếu vậy ba một, hai loại xe đều hứa mà chưa cho, nên hai không

thể được.

Bào chữa rằng: Chính là nói đồng qui ba giáo, thọ ký Ba thừa thành Phật khiến cho kia chú tâm tại quả mà tu hành. Cho nên nói cỡi xe lớn ấy mà tiến tới! Nạn rằng: Trước đối một nói ba, ba chẳng rốt ráo nên ngoài cửa không có xe, nay gom ba về một, Nhất thừa là thật cho nên con được xe lớn. Lại chẳng phải pháp riêng tức mất Ba thừa xưa mà đồng vận hướng Phật làm thể xe lớn. Đây đâu phải nêu quả tuổi thọ mà con cuối cùng không được ư! Cho nên ba không thể. Lại cho xe lớn là quả sẽ thọ ký, thì xưa hứa cho ba xe cũng là thọ ký Ba thừa. Cho nên, bốn không thể. Lại vượt ngoài hai thứ tử nên nói cao, vượt ngoài hai thứ tử nên thường. Nếu giáo đây nói Phật còn là vô thường, thì giáo đây nói Phật chưa vượt ngoài hai thứ tử, chưa vượt ra không gọi là cao. Nếu nói trên đỉnh hai thứ tử nên chưa thường thì trên đỉnh hai thứ tử cũng là chưa ra khỏi, như đỉnh của Tam hữu (ba cõi) cũng chưa ra hỏi Hữu đỉnh đỉnh núi còn chưa lìa núi, đỉnh hai thứ tử còn chưa lìa hai thứ tử.

Lại hỏi: hai thứ tử thâu nhiếp vô thường là tận hay bất tận, nếu tận thì đã vượt ngoài hai thứ tử vượt ngoài vô thường, lẽ nào chẳng phải thường ư! Nếu bất tận lẽ ra có sáu trăm chẳng phải năm trăm trở lại nạn rằng: Nếu vượt ra mà chưa thường, bất thường; nhưng chưa ra, không thể thường mà chưa ra, đâu được ra mà chưa thường ư! Lại vượt ra hai thứ tử mà chẳng thường, thì chưa ra hai thứ tử lẽ ra là thường. Chưa ra đã chẳng phải thường, thì ra lẽ ra là thường. Cho nên năm không thể được. Lại nếu nói chưa vượt ra hai thứ tử cũng nên chưa năm trăm do-tuần cho nên ra thì có hại, nghĩa không ra thành xa văn; tiến lùi không chấp nhận, không thể bào chữa. Cho nên sáu không thể được.

Lại hỏi: Trước hai xe chỉ thoát ra chánh sử, nên dưới nói: xưa Đức Phật vượt ra ngoài tập khí vô tri, vì sao dưới nói như thế ư? Cho nên thông một, chưa đủ giải thích ba không đầy đủ, đó là điều thứ bảy không thể. Kế là bình rằng: Trang nghiêm, nghĩa ấy cũng không đúng. Nếu nói xe lớn chỉ là nhân thì dưới trong hợp vì sao nêu quả đức hợp! Văn nói đều lấy sự diệt độ của Như lai mà diệt độ. Lại nói đều cùng thiền định giải thoát của Chư Phật gọi là ban cho xe lớn!

Lại vặn hỏi rằng: Nếu xe chỉ là nhân chẳng phải quả thì hành cũng chỉ có nhân chẳng phải quả, Đại kinh chép: Lại có một hành là Như lai hành gọi là Đại thừa đại bát Niết-bàn. Không nên nói xe chỉ là nhân. Lại xưa nói ba xe là ba quả, nay xe lớn sao chẳng phải quả lớn! Lý không như vậy, không có mỏi mệt! Lại kinh này nói Diệu Pháp rõ ràng chỉ là quả đức mới là diệu cùng cực. Nếu vậy, thì quả xe là diệu

cùng cực, nhân xe chưa cùng cực. Theo lệ, nhân thừa chưa cùng cực, quả thừa mới cùng cực, vì sao không chọn thừa cùng cực làm thừa, mà chọn lấy thừa không cùng cực làm thừa ư? Lại nhân có thừa, quả không có thừa thì nhân xe, quả không xe, tức Trưởng giả tự không có xe thì lấy gì mà cho? Nếu nói kinh này chỉ chọn tiến đến thừa không chọn quả đức thừa thì cũng không đúng. Trước phải rõ quả đức diệu thừa, dùng đây ứng vật rồi mới thực hành nhân thừa để cầu quả thừa, thì biết quả thừa là thượng tông vì sao không chọn ư!

Hỏi: Nếu các giải thích đều sai nghĩa là chỉ bày ý này ư?

Đáp: Dùng văn nghĩa suy tìm có đủ bốn câu:

1) Chỉ quả xe chẳng phải nhân xe, như ba xe đều ở ngoài cửa.

2) Chỉ nhân xe chẳng phải quả xe, như Đại Phẩm là thừa đức từ ba cõi ra đến Tát-bà-nhã. Luận giải thích rằng: Đến bên Tát-bà-nhã thì không gọi là thừa, theo lệ thì tại trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, ở tâm Phật trái lại gọi là Tát-bà-nhã.

3) Vừa nhân vừa quả:đầy đủ như hai văn của kinh này, các con cưỡi xe ấy tức là nhân xe, Như lai sở thừa tức là quả xe, nhân quả lại không hai. Ở tâm Bồ-tát gọi là nhân, ở tâm Phật gọi là quả. Nhân thì gồm muôn hạnh trang nghiêm làm xe lớn, quả thì muôn hạnh trang sức làm xe lớn.

Hỏi: Các con ra khỏi nhà có ban cho đầy đủ hai xe nhân, quả hay không?

Đáp: giao hẹn ra khỏi ba cõi ban cho xe nhân, thọ ký thành Phật là ban cho xe quả.

Hỏi: Các con có đắc quả xe hay không? Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Bồ-tát chắc chắn sẽ được thành Phật nên gọi là Phật thừa, đây là trong nhân nói quả.

Hỏi: Kinh này có văn đó hay không?

Đáp: Chỗ nào cũng đều có văn. Phẩm Tín Giải nói: Như cùng tử kia được vô lượng báu. Lại nói: Vô thượng báu lớn ấy không cầu mà tự được, gom lại có bốn câu:

1) Người nhân ngồi xe nhân, như nói các ông hành đạo Bồ-tát.

2) Người nhân ngồi xe quả, như Bồ-tát chắc chắn thành Phật nên gọi là Phật thừa, Phật thừa tức trong nhân nói quả.

3) Người quả ngồi xe quả, như muôn đức thành tựu, người là năng thừa, muôn đức là sở thừa.

4) Người quả ngồi xe nhân, như Văn-thù nói: Trước là Năng nhân sư, nay giáo hóa đệ tử.

Hỏi: Vì sao gọi là ban cho xe nhân?

Đáp: Trong văn có nói Nhị thừa hành đạo Bồ-tát tức chỉ cho hạnh Tiểu thừa dùng làm xe lớn khiến tin hiểu cho nên gọi là Thừa. Nên, Thân tử tự thuật rằng: Xưa đến nay nhờ Phật giáo hóa mà không mất Đại thừa.

Hỏi: Xe lớn đầy đủ hai xe nhân quả, Ba thừa có hai xe nhân quả không?

Đáp: Căn cứ thí dụ thì chỉ có quả không có nhân, căn cứ nghĩa cũng có, như các con nghe cha hứa nói cho xe, đây là giáo; đua nhau tranh giành nghĩa là như giáo tu hành, như giáo tu hành tức nhân xe.

Hỏi: Nhân xe Đại thừa địa vị lớn vì sao chỉ chọn lấy ngoài ba cõi ư?

Đáp: Nay chính vì Nhị thừa mà thí dụ, người Vô học vượt ngoài ba cõi khiến cho họ từ ngoài ba cõi tiến hướng lên nữa nên gọi là xe ngoài ba cõi.

Hỏi: Trong văn còn có xe trong ba cõi hay không?

Đáp: Căn cứ thí dụ cũng có được. Đoạn dưới nói xe lớn lại có khách theo bậc Vô học đi đã là xe ngoài ba cõi, từ bảy lần sinh tử trở lên bảy hạng người Hữu Học đều là khách theo.

Đã nói chỗ thực hành của các ông là đạo Bồ-tát cũng là xe nhân Đại thừa giới nội, căn cứ nghĩa mà luận cho nên đều có.

Xe phi nhân phi quả tức là tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng ngôn ngữ bàn luận, không thể dùng nhân quả nói được.

Hỏi: Vì sao nói phi nhân quả ư?

Đáp: Như Lại nói nhân quả đều là khai chánh pháp phi nhân phi quả, cho nên thâu nhiếp ba câu trên chỉ là hai câu nhân quả. Nhưng nhân quả là nghĩa nhân duyên nên nhân gọi là nhân của quả, quả gọi là quả của nhân, tuy có hai câu mà là một câu nhân quả. Nhân quả thì không là quả, quả nhân thì chẳng phải nhân, phi nhân phi chẳng quả gọi là câu "không" cũng do phi nhân quả nên có nhân quả, dùng câu "không" làm một câu.

Kế là khai một câu làm hai, hai câu làm ba, ba câu hoặc bốn câu, khai hợp như thế đều là trong Như lai vô danh tướng gượng làm danh tướng mà nói vì không tương ưng nhất định sinh chấp trước vậy.

Hỏi: Văn nói có xe có khách theo, v.v... là thế nào ư?

Đáp: Trước đã nói lược, nay lại nói rộng. Nói chung xe lớn là đủ thần nhân quả thâu nhiếp đầu cuối chỉ có Nhất thừa không có khách theo là căn cứ năm vị của Đại thừa mà luận:

1) Quả địa muôn đức làm xe tức quả nhân lên quả xe người nhân

đều là khách theo.

2) Trong ngoài ba cõi nói về: Thất địa đắc vô sinh nhẫn vượt ra ba cõi là lên xe. Lục địa đều là khách theo. Thích luận giải thích năng động, năng xuất nói vô sinh nhẫn là xuất, xuất là ra khỏi ba cõi.

3) Căn cứ chân, tương tự mà phân rõ: Đăng Địa chân giải là lên xe, ba mươi tâm tự giải làm khách theo.

4) Ba mươi tâm đầy đủ giải hành, hành Địa là lên xe. Thập tín,v.v... bắt đầu nhập làm khách theo.

5) Thập tín cho đến ba mươi tâm đều là lên xe các điều thiện đưa tay, cúi đầu là khách theo. Tiểu thừa nói người Vô học vượt ra ba cõi là lên xe, bảy hàng người Hữu Học và phàm phu đều là khách theo. Ngoài ra so sánh có thể biết.

Hỏi: Vì sao kinh Đại Phẩm chỉ nói Đại thừa không nói về khách theo? Đáp: Căn cứ đây có bốn câu:

l) Pháp Hoa nói nhân thừa ngắn, Đại Phẩm nói nhân thừa dài, vì sao? Vì Pháp Hoa ban xe cho các con ngoài cửa, xe lớn không thông trong cửa, cho nên trong cửa là khách theo, ngoài cửa là các con, xe lớn không thông trong cửa nên trong cửa theo, ngoài cửa lên xe do thừa ngắn nên có khách theo. Đại Phẩm nói xe ấy từ ngoài ba cõi đến Tát-bà-nhã, nhiếp trong ngoài đều là Đại thừa, Đại thừa thì dài không còn khách theo. Nếu dùng quả đức làm xe, khách theo trong nhân thì hai kinh đều có.

2) Căn cứ nhân quả mà luận, Pháp Hoa thừa dài, Đại Phẩm thừa ngắn. Pháp Hoa nói các con và Phật đều nương xe lớn, xe lớn có cả nhân quả nên dài. Đại Phẩm là thừa đến Tát-bà-nhã thì biến đổi không gọi là Thừa, nghĩa thừa thì ngắn.

3) Đều dài: Đại Phẩm nói Tát-bà-nhã thâu nhiếp tất cả pháp thiện. Lại nói từ Niệm xứ đến mười lực, v.v... đều là Đại thừa, đây là có cả nhân quả từ đầu cuối nên dài, Pháp Hoa cũng như vậy. Các điều thiện như: cúi đầu, v.v... và quả Địa các đức đều là Nhất thừa.

4) Đều ngắn: Đại Phẩm có chỗ đắc thiện bất động bất xuất không gọi là thừa, thiện vô sở đắc mới gọi là Thừa. Pháp Hoa nói thừa ấy thanh tịnh mầu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không có thừa nào trên, lấy không đắc các hành làm thừa. Căn cứ hai nghĩa nầy đều có khách theo.

Kế là nói về công đức trí tuệ: Xưa nói: ba xe đều chọn trí tuệ làm thể không bỏ công đức, công đức cùng phàm phu đều có, xe lớn cũng như vậy. Chỉ chọn Tận trí, Vô sinh trí của Như lai làm thể. Lời bình

rằng: không đúng, dưới hợp hai xe đại tiểu đủ chọn phước, tuệ. Văn nói xe nhỏ: Thừa là Ba thừa dùng căn, lực, giác, đạo thiền định, giải thoát, Tam-muội,v.v... vô lậu để tự an vui, đâu thể chỉ chọn trí tuệ ư! Hợp văn xe lớn nói: Đều cùng thiền định giải thoát của Chư Phật gọi là đồng ban cho, đâu chỉ có trí tuệ ư!

Hỏi: Xe nhỏ đủ chọn Phước tuệ cũng được đầy đủ chọn lậu, vô lậu ư?

Đáp: Chỉ chọn trí tuệ vô lậu. Cho nên văn nói: Tự tại không trói buộc không chỗ nương cầu. Lại gọi ngoài cửa: ấy là vô lậu. Xe lớn đã có cả nghĩa đầu cuối có thể biết.

Kế là nói về không hữu: Xưa nói: hai giải không hữu chỉ lấy hữu giải, Không giải vô động nên không chấp, lại Tận trí, Vô sinh trí chỉ là hữu trí. Lời bình rằng: Không đúng. Đối với Tiểu thừa dứt kết làm tông chính là Không giải, nên dùng Không giải làm chánh. Cho nên, văn dưới nói: Chỉ niệm pháp Không vô tướng vô tác, đây là quả đức Không giải. Chúng con lâu ngày tu tập pháp Không được hết khổ hoạn trong ba cõi nên người Nhị thừa chánh là chứng pháp Không, lẽ ra dùng Không tuệ làm xe, sao lại nói chọn hữu trí ư! Nay nói hai trí không hữu đều là thể của xe nhỏ, xe lớn cũng dùng tuệ thật, Phương Tiện tuệ làm thể của xe.

Kế là biện Nói về hữu vi vô vi: Xưa giải thích xe chính là thí dụ hữu vi, vì sao? Vì xe là vận động nên gọi là xe, vô vi, vô động nên chẳng phải xe, xe lớn cũng như vậy. Lời bình rằng chấp thí dụ đại, lỗi không tìm kinh. Tìm hai xe lớn nhỏ đầy đủ có hai văn. Hợp xe nhỏ nói: Muốn mau ra khỏi ba cõi, tự cầu Niết-bàn như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa, hợp xe dê cũng nêu hữu vi, vô vi hợp thì biết ba xe đầy đủ hữu vi vô vi.

Hỏi: Đầy đủ hai thứ lấy hữu vi, vô vi gì làm chánh?

Đáp: Nếu chọn ba xe xấu tốt nghĩa phân biệt dùng trí làm chánh, Ba thừa trí có hơn có kém, đồng nhập vô dư không có hơn kém, Nhị thừa dứt hết chánh sử cũng không có hơn kém, cho nên biết chánh là lấy hữu vi làm chánh để chia ra ba xe. Nếu chọn căn bản sở cầu thì người Nhị thừa vốn vì cầu Niết-bàn thì vô vi làm chánh. Vì sao? Vì Nhị thừa sợ sinh già bệnh chết, vốn cầu Niết-bàn nên dùng Niết-bàn làm chánh thí dụ xe, dù cho dứt kết cũng là Niết-bàn.

Văn dưới Cùng tử nói: Trước trả giá Niết-bàn tìm người hốt phân. Lại ba học thứ lớp cũng vì cầu diệt độ tu giới, tu giới để cầu định, đắc định là phát tuệ, tuệ dứt kết, chứng Niết-bàn. Cho nên, biết Niết-bàn là

chánh. Lại Phẩm Phương Tiện nói: người độn căn ưa Tiểu pháp, tham đắm sinh tử, vậy nên nói Niết-bàn.

Hỏi: Trong văn vì sao hợp xe dê mà chọn Niết-bàn, hợp hai xe còn lại nêu trí tuệ ư?

Đáp: 1) Xen lẫn nêu. 2) Hoặc đều nói cầu Niết-bàn thì ba xe không khác, nay muốn nói về ba xe khác nghĩa cho nên hai thứ sau nêu trí.

Hỏi: Nếu vậy có thể nói Thanh văn chánh cầu Niết-bàn, hai thừa còn lại không như vậy ư?

Đáp: Nghĩa thật như vậy. Nếu người Ba thừa đều vì cầu Niết-bàn làm chánh thì chỉ nên chọn Niết-bàn, thực hành hạnh Thanh văn là đủ, chỉ vì người Duyên giác chê Thanh văn theo thầy mà trí thì độn cho nên cầu tuệ tự nhiên muốn được lợi căn. Bồ-tát lại chê Duyên giác trí độn không thể giáo hóa chúng sinh cho nên cầu trí Phật.

Hỏi: Xe lớn làm sao đủ làm vô vi?

Đáp: Văn dưới nói: đều dùng diệt độ của Như lai mà diệt độ họ, là văn vô vi. Lại nói các chúng sinh ấy thoát khỏi ba cõi đều cùng thiền định trí tuệ đồng với Chư Phật đó là hữu vi. Lại văn nầy nếu chỉ pháp thân các đức thì đều là vô vi, đều dùng diệt độ của Như lai mà diệt độ họ, nghĩa là quả quả, đều đồng với thiền định của Chư Phật nên gọi là quả đức.

Hỏi: Vì sao xe lớn đều dùng các đức vô vi làm chánh ư?

Đáp: Người Nhị thừa vốn cho là pháp thân trí tuệ vô thường, ba đức không đầy đủ, nay xe lớn lại vô thường làm sao dẫn Nhị thừa được! Do thường trụ muôn đức khiến người Nhị thừa thích cầu! Nếu vậy xe lớn trong nhân thì đó là muôn hạnh hữu vi xe lớn của quả đức thì muôn đức thường trụ, muôn đức thường trụ một thể chỉ là căn cứ về nghĩa có khác, cho nên các đức trang nghiêm.

Hỏi: Xe chỉ chọn nghĩa vận động, hữu vi, hữu động, vô vi, vô động, vì sao gọi là xe ư?

Đáp: Triệu Sư nói: Càng tịch càng động đâu mất động ư! Hoặc do trước nay nói nghĩa thường định, không còn năng động ! Lại xe chỉ chọn vui sướng tự tại không tìm cầu không dùng nghĩa chấp động làm ví dụ. Lại nghĩa xe nhỏ đầy đủ hai văn hữu vi vô vi, hữu vi các đức vô động mà động, các đức vô vi động mà không động, có hai văn này may mắn nên dùng cả hai. Trong Đại thừa nhân thừa không động mà động, quả thừa động mà không động, lại ứng thân các đức không động mà động cho nên cỡi xe dạo chơi năm đường, pháp thân các đức động mà không động.

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 7

Nghĩa: thí dụ trong Phẩm Tín Giải

Ngài Quang Trạch chia làm chín thí dụ:

l) Cha con thất lạc nhau.
2) Cha con gặp nhau.
3) Gọi con không được.
4) Gọi con được.
5) Dạy bảo người.
6) Giao cho tài sản.
7) Biết con có chí lớn.
8) Gửi gắm gia nghiệp.
9) Được gia nghiệp vui mừng.

Lời bình rằng: Dụ nầy khó rõ ràng, gồm đủ các ý không thể căn cứ văn nói, nay sẽ trình bày rộng tướng kia có mười bốn điều; dụ nầy có thể lãnh giải phẩm trên tự rõ.

Thứ nhất: Định thí dụ nhiều ít: Nếu căn cứ ý thiện từ đầu đến cuối mà luận thì có mười ân tức thành mười số như trước giải thích.

Căn cứ văn và ý giáo gồm có tám thí dụ:

l) Cha con lạc nhau.
2) Cha con gặp nhau.
3) Gọi con không được.
4) Rưới nước lạnh trên mặt.
5) Gọi con được.
6) Giao cho của cải thầm giáo hóa.
7) Rèn luyện cẩn thận.
8) Gửi gắm gia nghiệp.

Song tám dụ nầy thâu nhiếp chung một phen giáo hóa từ đầu đến cuối tóm lược hết. Dụ cha con thất lạc: Trước đã từng lãnh giáo Đại thừa mà trái với lời dạy lưu lạc trong năm đường nên con lạc cha, từ khi thầm giáo hóa về sau tìm cầu Đại thừa mà không được căn cơ tốt là

cha lạc con. Cha con gặp nhau dụ: Từ khi thầm giáo hóa về sau đại căn cơ lẽ ra sẽ phát ngộ Nhất thừa là con thấy cha, thấy con cơ phát, có khả năng thọ nhận Đại thừa là cha thấy con. Dụ gọi con không được: Ban đầu thành đạo đại căn cơ chưa động không kham thọ Nhất thừa hóa. Dụ rưới nước lạnh lên mặt: Khi mới thành đạo chỉ kham thọ giáo pháp trời người, vì Cổ long và Đề vị nên nói ba qui y năm giới cấm. Dụ gọi con được: Đến vườn Nai vì hàng xuất gia nói giáo Nhị thừa. Dụ giao cho của cải thầm giáo hóa: Đại căn cơ lâu xa động mạng nói Bát-nhã nói rõ hạnh Bồ-tát, mật bác bỏ tiểu chấp dẫn dần khai mở đại tâm. Dụ rèn luyện cẩn thận: Văn nói lại trải qua thời gian ngắn, tức từ Bát-nhã về sau các kinh Phương Đẳng nói rộng môn hạnh Bồ-tát, hiện đủ thần biến Đại sĩ khiến cho những vị cẩn thận nhỏ hẹp kính mến Đại thừa như Tịnh Danh v.v... các kinh Ca-diếp tự khen ngợi,v.v... Gửi gắm gia nghiệp: Tâm dần dần thông thái cẩn thận liền biến chuyển, nên vì nói Nhất thừa nhập tri kiến Phật. Cho nên từ đầu đến cuối nương theo đầy đủ tám điều này. Chỉ vì rưới nước lạnh vào mặt và gọi con không được là nói chung. Rèn luyện cẩn thận văn kinh đã ít, thuộc về gia nghiệp chỉ có sáu thí dụ. Nay dùng văn nghĩa rõ ràng, tiến thích ứng tám tịch, thoái thì có sáu dụ không nên chia làm chín dụ.

Hỏi: Tại sao không có thí dụ dạy người làm?

Đáp: Dạy người làm cũng là gọi con được, tức là thời Lộc Uyển sự lại không có giáo riêng cho nên không chia làm hai.

Hỏi: Nếu thí dụ dạy người làm thì thuộc Tiểu thừa hóa đắc cho nên hợp làm một thì thí dụ giao cho của cải thuộc Đại thừa hóa lẽ ra cũng không nên khai riêng làm một ư?

Đáp: Giao cho của cải, tiến chưa bằng Nhất thừa, lùi lại chẳng phải Ba tạng. Đã là Biệt giáo lại là biệt thời thích hợp khai làm một. Gọi con được và dạy người làm không có hai giáo, cũng không có hai thời không nên chia làm hai.

Hỏi: Dụ biết con có chí lớn, dụ được gia nghiệp vui mừng vì sao không chọn!

Đáp: Đây đều thuộc Nhất thừa hóa đắc là cànhnhánh vì thế không nên khai. Lại trách rằng: Nếu biết con có chí lớn và được gia nghiệp liền chia làm hai dụ thì trong gọi con được, cũng có biết kia chí nhỏ sao không khai ư? Cho nên phải xét kỹ nghĩa loại kia không thể tùy chọn chút ít văn.

Thứ hai: là nói lãnh trước, không lãnh trước. Hỏi: Kinh, Sư đều nói mỗi thí dụ sau lãnh trước như thứ lớp trước, việc ấy thế nào? Lời

bình rằng: Việc ấy không đúng, nếu y theo thứ lớp trước chỉ có thứ lớp trước, mất thứ lớp sau, nếu đều không y trước thì không gọi là lãnh giải dùng văn nghĩa mà nói đủ hai ý:

Căn cứ dụ nầy tự có thứ lớp, con tự giới thiệu từ đầu đến cuối chỉ có ba thời:

1) Thời trẻ dại.

2) Thời thất lạc cha.

3) Thời trở về quê cũ, ba thời này thu nhiếp hết thí dụ. Ban đầu học Đại thừa gọi là thời thơ dại, trái giáo hóa khởi hoặc gọi là thời thất lạc cha, biến mê thành ngộ là thời trở về quê cũ.

Căn cứ, thời thứ ba: trở về quê lại có ba thời:

l) Thời bỏ nhà đi xa như hướng về nước.

2) Thời đến gần nhà như đến thành.

3) Thời đến nhà cha. Ban đầu du ngộ lý còn rất xa vời, kế ngộ hơi gần, sau cùng lý giao kế.

Trong thời thứ ba đến nhà cha lại có ba thời:

l) Thời lúc đầu thấy cha không biết.

2) Thời không nhận lời cha.

3) Thời dần dần dẫn dụ. Thứ nhất dụ sau được ngộ lý như thấy cha, lúc mới không có đại căn cơ như không biết cha, kế dụ do không có đại căn cơ nên không chịu Đại thừa giáo hóa, sau dụ đã có tiểu căn cơ kham thọ Tiểu thừa giáo hóa.

Trong thời dần dần dẫn dụ lại có ba thời:

l) Thời làm thuê hốt phân.

2) Thời lãnh nhận tài vật.

3) Thời biết là cha con. Thời đầu dụ cho bẩm thọ Tiểu thừa giáo, kế dụ thời nghe giáo Đại thừa, sau dụ thời nghe Pháp Hoa.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói thừa có ba thứ: Nhị thừa, Đại thừa và Nhất thừa, phù hợp với ba thứ nầy. Nếu chia riêng bỏ ba thời thành mười thí dụ:

l) Dụ thơ đại.

2) Dụ lạc cha.

3) Dụ dạo chơi trở về quê cũ.

4) Dụ đến thành.

5) Dụ đến nhà.

6) Dụ không biết cha.

7) Không nhận lời cha dạy.

8) Dụ làm thuê.

9) Dụ lãnh thọ tài vật.

10) Dụ biết là cha con.

Kế là căn cứ thí dụ cha trình bày, ý gồm có chín thứ:

l) Dụ sinh con thơ đại.

2) Dụ thất lạc con.

3) Dụ tìm con không được.

4) Không phế bỏ gia nghiệp.

5) Dụ thấy con liền biết.

6) Dụ gọi con không được.

7) Dụ thuê con làm người hốt phân.

8) Dụ giao phó tài vật.

9) Dụ hợp thiên tánh.

Chín thứ này tức là thứ lớp đời trước, lúc mới vì nói Đại thừa là sinh con thơ dại, trái hóa khởi hoặc gọi là cha thất lạc con tìm kiếm khắp nơi, gốc lành Đại thừa chưa thành gọi là tìm con không được. Tuy gốc lành chưa thành mà cđường ác Bồ-tát duyên đã thuần thục, không thể trái hóa gọi là không phế bỏ gia nghiệp, thấy đại căn cơ đang phát biết đã từng được Đại thừa giáo hóa gọi là thấy con liền biết. Ban đầu chưa kham nổi thật hóa nên gọi con không được, chỉ kham thọ quyền dẫn dụ như thuê hốt phân, Đại căn cơ từ xa đã động cho nên mệnh lệnh nói Đại pháp như giao cho của cải, đạo duyên đã thành nên hợp với thiên tánh.

Hỏi: Ban đầu nói tám thí dụ kế nêu sáu thí dụ, kế nêu mười thí dụ sau nêu chín thí dụ, vì sao có bốn thứ giải thích ư?

Đáp: Đều có bốn nghĩa, lúc mới căn cứ một phen hóa độ từ đầu đến cuối có đủ tám ví dụ, kế căn cứ chánh thí dụ chỉ có sáu, sau căn cứ con tự trình bày từ đầu đến cuối nên có mười dụ, kế căn cứ ý chỉ có chín. hai nghĩa trước là cha con hợp luận, hai nghĩa sau là cha con đều nói, do ý kinh bao gồm nhiều chẳng phải nói ít có thể hết, như Thích luận, luận Nhiếp Đại Thừa v.v... giải thích một kinh, văn chia nhiều thứ lớp.

Lại nữa, Thân tử nghe nói một bài kệ biết ngàn nghĩa, Mục Liên chỉ hiểu năm trăm, cho nên trong một câu bao gồm nhiều nghĩa. Nếu lãnh giải trên thì cha con thất lạc nhau là lãnh giải thí dụ chung ở trên. Thí dụ chung tuy có sáu nghĩa mà không ngoài năng hoá sở hóa, cho nên nói cha con thất lạc nhau tức là lãnh giải thí dụ chung: lại trong thí dụ thấy lửa nói cha con thất lạc nhau, như nói các con ông nhân trước dạo chơi vui đùa trong nhà này tức là nghĩa con lạc cha, con đã lạc cha tức là cha lạc con. Nếu vậy cha con thất lạc nhau có thể gồm lãnh giải

ý của hai thí dụ. Thí dụ cha con thấy nhau là thí dụ thấy lửa ở trên, nhưng ở trên nói thấy lửa chính là Pháp thân địa thấy, cho nên nói: lúc ấy Trưởng giả đứng ở ngoài cửa; phẩm Phương Tiện cũng như vậy, nên nói: Ta dùng mắt Phật thấy chúng sinh sáu đường, nghĩa là Pháp thân địa thấy. Nay nói cha con thấy nhau, có thể căn cứ bản tích hai chỗ nói:

l) Khi chưa thùy tích thì ở Pháp thân địa, chúng sinh đại căn cơ động nơi pháp thân gọi là con thấy cha, Đức Phật ở Pháp thân địa thấy đại căn cơ động gọi là cha thấy con. Nếu vậy từ cha trước đến tìm con không được, trong đó bao gồm nghĩa con thấy cha, cha thấy con.

2) Y cứ trong tích mà nói khi mới thành đạo thấy kia có đại căn cơ đương phát gọi là cha thấy con; trong dừng ở một thành ngồi ghế sư tử, bấy giờ mới nói cha con thấy nhau. Nếu vậy, hai thí dụ cha con lạc nhau và cha con thấy nhau tương quan lẫn nhau lãnh thí dụ thấy lửa bên trên. Gọi con không được lãnh trên là cứu con không được, giao phó gia nghiệp lãnh trên ban cho xe lớn. Rưới nước lạnh trên mặt lãnh trên nói khi mới thành đạo nói giáo cho hàng trời người, giao cho của cải lãnh trên Phật nói Bát-nhã giáo. Hai thí dụ nầy là nguyên do xưa nghe còn chưa ngộ do nay ngộ, xưa không lãnh sáu thí dụ trên; không lãnh thí dụ bất hư là đã lãnh một phen hóa đại tông mới ngộ. Đức Phật ân sâu đức trọng vô biên đâu dám nghi là luống dối ư? Lại như thế mà ngộ tức là lãnh chung ý chỉ bất hư.

Thứ ba: là nói ba hóa (ba phen giáo hóa): Ba hóa:

1) Nhất vãng hóa (một lần xưa hóa).

2) Tùy theo hóa.

3) Cuối cùng hóa.

Ba hóa nầy thâu nhiếp tám thí dụ.

l) Nhất vãng hóa: quá khứ vì nói Đại thừa.

2) Tùy theo hóa: là từ thầm hóa về sau lưu lạc trong năm đường, Bồ-tát theo vào sinh tử mà giáo hóa chúng sinh.

3) Cuối cùng hóa: Từ cha con thấy nhau như ngộ Nhất thừa thọ ký thành Phật đắc bất thoái chuyển gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói thừa trời người là nhất vãng hóa vì nói cho Nhị thừa, cho đến trước Pháp Hoa hơn bốn mươi năm thuận theo không xả bỏ gọi là tùy theo hóa, sau nói pháp Hoa được thọ ký thành Phật gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói cho người Nhị thừa quyền dẫn dụ là Nhất vãng hóa; chúng sinh chấp chặt mà trụ không còn tiến cầu, Như lai không hề bỏ hoặc khiến tự nói pháp Đại thừa hoặc nghe người khác nói Đại thừa gọi là tùy theo

hóa. Đến thời Pháp Hoa mới được ngộ gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói giáo Đại thừa Bát-nhã giáo gọi là Nhất vãng hóa, từ Bát-nhã về sau trải qua thời gian nghe các kinh Phương Đẳng là tùy theo hóa, cuối cùng ngộ Nhất thừa thành Đại quả thật như thu thâu đông chứa cất là cuối cùng hóa. Lại nay chỉ vì nói pháp Hoa là Nhất vãng hóa, từ đây về sau cho đến Thập địa thường giáo hóa là tùy theo hóa, đến thời Kim cương tâm địa Đẳng giác hóa khiến đắc Diệu giác địa tròn đầy gọi là cuối cùng hóa. Lại kết Tăng na ở tâm đầu tiên là Nhất vãng hóa, thời gian giữa với các loại hóa gọi là tùy theo hóa, đắc Phật mới dứt gọi là cuối cùng hóa.

Hỏi: Vì sao phải lập ba hóa ư?

Đáp: Ban đầu nói cha con thất lạc nhau, sau bỗng nhiên gặp lại nhau, dường như không có nhân duyên, cho nên phải lập ba hóa.

Thứ tư: nói ba đời: Trong tám thí dụ lúc mới cha con thất lạc nhau là việc đời quá khứ. Từ thấy đại căn cơ đương phát một đời, ứng ngộ Pháp Hoa thọ ký thành Phật, bắt đầu tạm dừng một thành xong thí dụ thứ tám đều là việc thời hiện tại.

Thứ năm: là nói bản tích: một phen xưa tám thí dụ đều là việc trong tích, đức Như lai từ lâu đã thành Phật xưa thị hiện đồng Sa-di vì nói Đại thừa cho đến ngày nay giữa đường dừng nghỉ một thành cũng là Phương Tiện thành Phật, vì vậy tám thí dụ đều là tích. Nhưng cha con gặp nhau đều có hai bản tích:

1) Pháp thân thấy các Bồ-tát đại căn cơ đã thành, cho nên thị hiện làm Xá-na để hóa, giữa đường dừng nghỉ một thành gia nghiệp không phế bỏ tức là việc ấy.

2) Xá-na thành đạo thì thấy các con có tiểu căn cơ không có đại căn cơ, cho nên thùy ứng làm Thích-ca để hóa độ. Cởi áo quí giá mặc đồ thô xấu tức là việc ấy.

Hỏi: Nếu vậy Pháp thân địa đủ chiếu hai căn cơ cả hai thùy hai tích ư?

Đáp: Cũng được như thế, chỉ vì nay muốn nói hai Đức Phật truyền luận bản tích hóa hai duyên Đại tiểu cho nên phán xét như thế.

Thứ sáu: là nói về Nhân quả: Căn cứ bản mà nói đều là quả hóa, căn cứ tích nói về là quá khứ kết duyên, thị hiện ứng tích Sa di chỉ có nhân mà chẳng phải quả; từ dừng nghỉ một thành gọi là quả tích, trung gian hai thời này hoặc nhân hoặc quả.

Thứ bảy: là nói hóa được và không được: Nếu dùng ngộ Nhất thừa thọ ký là được, bảy thí dụ đều là gọi con không được, chỉ có thứ tám là

được. Nếu căn cứ Đại thừa hóa làm được và không được thì quá khứ làm Sa di vì nói Đại thừa tức là hóa được. Từ trái giáo hóa về sau là không được, đến Pháp Hoa ngộ Nhất thừa là đuợc. Như Phẩm Thí Dụ nói: Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, đây là Đại thừa hóa được, mà ông nay đều quên, đây là không được. Nay ta khiến ông nhớ nghĩ bản nguyện, vì các Thanh văn nói Kinh Pháp Hoa là hóa được.

Thứ tám: là nói hai giáo: Từ dừng nghỉ một thành tức nói trưởng giả giàu có tự tại quyến thuộc người hầu vây quanh v.v... đây là lãnh Hoa Nghiêm lúc mới thành Phật nghe đức Xá-na giáo hóa Bồ-tát. Cởi áo trân báu mặc áo thô xấu tức là bản Xá-na, thùy tích đức Thích-ca, biến hóa Nhị thừa cuối cùng đến thí dụ thứ tám đều là lãnh giáo đức Thích-ca.

Thứ chín: là nói thế gian, xuất thế gian: rưới nước lạnh lên mặt, nói giáo trời người, là pháp thế gian, từ hóa con được đều là giáo xuất thế gian.

Thứ mười: là nói Đại tiểu: Thí dụ gọi con được là ở vườn Nai giáo vì Tiểu thừa hóa, từ phó chúc tài vật xong gửi gắm gia nghiệp đều là Đại thừa hóa. Trong đây không có nghĩa Thông giáo Ba thừa, làm sao biết? Vì khi dạy cho người làm chỉ nói pháp Nhị thừa gọi là Ba tạng giáo. Từ Bát-nhã trở đi là giao phó pháp Đại thừa, không còn dạy người Tiểu thừa cho nên chỉ là Đại thừa giáo. Nếu nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa, thì khi giao phó tài vật lẽ ra có người Thông giáo Ba thừa.

Thứ mười một: là nói về tự tha: Bát-nhã giáo nói tự giáo, Bát-nhã về sau nói hóa giáo. Tự giáo: là khiến người Thanh văn miệng tự nói đại nhân đại quả tức dùng pháp này giáo có thể gọi là dùng miệng kia tự nói để giáo hóa tâm kia. Từ Bát-nhã về sau được nghe các kinh Phương Đẳng nghe người khác nói Đại thừa khiến cho kia được ngộ, nên gọi là tha giáo.

Thứ mười hai: là nói hiển mật: Từ Bát-nhã đến trước Pháp Hoa gọi là Bồ-tát hiển giáo mật giáo Nhị thừa, như nói phó chúc tài vật là mật chỉ bày pháp Đại thừa để tự mình tu tập. Pháp Hoa giáo gọi là Nhị thừa hiển giáo.

Thứ mười ba: nói về mê ngộ: Từ khi cha con thất lạc nhau rồi, cho đến rèn luyện cẩn thận, người Nhị thừa đều không biết là Phật tử bị mê đến thời Pháp Hoa mới được ngộ. Cho nên văn dưới nói: Nay ta đắc đạo, đắc quả đối với pháp vô lậu đắc pháp nhãn thanh tịnh, như vậy thì trước đều là không có nhãn tịnh.

Thứ mười bốn: nói rộng như trên, trên có hai chương:

1) Năm thí dụ rộng như trên trước mê.

2) thí dụ cuối cùng rộng như trên nay ngộ.

Hỏi: Vì sao có mười bốn nghĩa nầy ư?

Đáp: đây là thí dụ lãnh giải trọn ý Đức Thích-ca một thời kỳ giáo hóa từ đầu đến cuối cho nên soạn mười bốn điều này.

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Nghĩa: năm thừa nghĩa, một âm.

Nghĩa: năm thừa Trước tựa kinh nêu đại ý một trận mưa một đám mây, giáo tuy có muôn điều khác nhau nhưng cuối cùng chỉ nêu nhất đạo, đạo sở biểu không hai giáo năng biểu cũng một, chỉ thuận theo năm thứ căn tình nên có năm thừa giáo khác nhau. Đã tùy vật nói: năm thì năm thừa đều quyền, năm thừa đã quyền thì dùng không có năm thừa làm thật, để đối phá năm bệnh cho nên dùng không có năm thừa làm thật. Nhưng năm đã không thật thì không năm cũng quyền, cho nên hễ liên quan đến danh ngôn đều là chẳng rốt ráo, chỉ vì dần dần dẫn dụ chúng sinh cho nên khai năm không năm đến khi đắc đạo tịch lặng thì làm gì có năm không năm ư!

Hỏi: Nếu năm thừa đều là quyền, thì trước vì sao nói Nhị thừa là quyền, Phật thừa là thật ư? Cho nên nói chỉ có một sự thật này còn hai thứ khác chẳng phải chân ư?

Đáp: Nghĩa môn đều có khác, trước y cứ Ba thừa phân biệt có không để nói quyền thật, chính muốn bác bỏ bệnh Nhị thừa cho nên nói Phật thừa thật có Nhị thừa là giả dối không có. Vì sao? Vì người Nhị thừa cho rằng Nhị thừa và Phật thừa đều là thật có, nên đây bác bỏ cho là Nhị thừa không có nên xin, Bồ-tát thừa là có nên không xin. Nay nói không có năm là căn cứ chánh đạo trông mong, pháp ấy không thể chỉ bày không hề có năm hay không có năm ư? Nói năm không năm ấy đều là tùy vật nói đều là quyền.

Hỏi: Đạo thật chẳng phải năm không có năm, năm không năm đều là quyền, vì nhân duyên gì mà không năm xin ư?

Đáp: Nếu biết đạo chẳng phải năm không năm mà nói năm không năm đều là quyền, người này không xin, không biết quyền thật như thế cũng có nghĩa năm xin.

Kế là nói về danh nghĩa: Hỏi: Không nên có năm thừa mà chỉ nên có hai: trời người là thừa thế gian, ba thứ còn lại là thừa xuất thế gian, lại nên làm hai thừa: Phật là thật thừa, bốn thứ còn lại là quyền thừa, Phật là thừa đệ nhất nghĩa, bốn thứ còn lại là thừa thế tục. Như Thắng-man nói: Phật là quả thừa bốn thứ còn lại là nhân thừa. Lại nên làm Ba thừa: thừa trời người là hạ thừa, Nhị thừa là Trung thừa, Phật thừa là Thượng thừa. Lại thừa trời người là thừa ra khỏi ba đường, Nhị thừa là thừa ra khỏi ba cõi, Phật thừa là thừa vượt qua năm trăm do-tuần, lại trời người gọi là thừa không dứt phiền não, Nhị thừa gọi là thừa dứt

phiền não, Phật thừa là thừa phi đoạn phi bất đoạn, khác nhau phàm phu cho nên phi bất đoạn, khác nhau Nhị thừa nên phi đoạn. Như Tịnh Danh nói: Không dứt phiền não cũng không có phiền não, vốn không có cho nên không thể đều có, nay chẳng phải không nên không chỗ đoạn. Đại thừa giáo trước Pháp Hoa và Pháp Hoa cũng có nghĩa nầy, trong Ba tạng không nói điều này. Lại phàm phu gọi là thừa không dứt, Phật gọi là thừa dứt, Nhị thừa vừa dứt vừa không dứt, đối với phàm phu nên nói đoạn ít phần, so với Phật cho nên gọi là chưa dứt, là chung cho xưa nay. Lại trời người gọi là thừa phàm phu, Nhị thừa gọi là thừa Thánh, Phật gọi là thừa phi phàm phi Thánh, lại phàm phu gọi là hữu thừa, Nhị thừa gọi là không thừa, Phật gọi là thừa Trung đạo, đây là ý giáo Đại thừa. Lại phàm phu là thừa mê đắm sinh tử, Nhị thừa là đắm chấp Niết-bàn, Phật gọi là thừa vô sở trước, cũng là ý Đại thừa giáo.

Lại lẽ ra có bốn thừa: Như Thắng-man có bốn trọng trách gánh vác bốn trăm ức loại châu bốn Đại bảo tạng cho nên đều là ý của giáo Đại thừa dùng Đại thừa giáo biệt có đại địa, năng giữ gìn bốn tạng. Nay vì sao không hai không ba không bốn mà lập năm thừa ư?

Đáp: Thật đầy đủ các nghĩa trên tức dùng nghĩa nầy nhiếp năm thừa. Nhưng nay nói năm, đây là Như lai dần xả bỏ pháp môn cho nên lập năm, nay chọn phẩm Tánh Khởi kinh Hoa Nghiêm để trình bày đại ý năm thừa. Như kinh chép: ba đường ác khổ nghĩa là đường ác dân khổ, vua Diêm la khổ thì vua đường ác khổ, do đó trong ba đường đều là khổ nhóm họp. Muốn bỏ khổ này phải tu năm giới, năm giới nhân duyên thì được thân người, cho nên nói năm giới là nhân thừa, nhưng loài người độn căn tuổi thọ ngắn vui ít khổ nhiều, muốn lìa việc đây phải tu mười điều thiện, nhân duyên thập thiện thì chiêu cảm quả báo cõi trời gọi là thiên thừa. Kế là nói ba cõi đều khổ vô thường phá hoại như viên sắt nóng là nơi không đáng vui, vì thoát khổ nầy mà nói thừa Thanh văn, nhưng người Thanh văn từ khác nghe pháp ở địa vị đệ tử, ngoài không có tướng hảo trong trí tuệ không sâu. Riêng ở một mình nơi vắng lặng không có thầy tự ngộ phước đức lợi căn gọi là Bích-chi-phật, vì nói Duyên giác khiến xả bỏ Thừa Thanh văn, người Duyên giác tuy không có thầy tự ngộ mà trí còn chưa tròn đầy, trải qua kết tập không dứt, chỉ tu cho riêng mình, tâm từ bi mỏng manh, chỉ có Phật thừa cao nhất là vô thượng các đức nầy đầy đủ kết tập mất hẳn, tự lợi đã mãn rộng năng độ người, cho nên nói Phật thừa khiến xả bỏ Duyên giác. Nhưng trước muốn chỉ bày dần bỏ pháp môn cho nên nói năm thừa, những người thọ lãnh giáo không hiểu ý Phật, liền chấp chặt Ba thừa đều là rốt ráo.

Hỏi: vì năm người nói năm, hay vì một người nói năm?

Đáp: Đầy đủ hai nghĩa, như trong sông Hằng bảy người đầy đủ bảy, một người đủ bảy.

Hỏi: Xưa nay nói năm vì sao khác ư?

Đáp: Xưa nói năm thừa hai thừa là nói chưa cùng tột, ba đã rốt ráo, nay nói năm, như Hoa Nghiêm nói dần dần xả bỏ pháp môn.

Hỏi: Trên nói Hoa Nghiêm trình bày ý xưa vì sao nay nói năm ư?

Đáp: Giáo nay trình bày, giáo xưa nêu ý.

Kế là nói khai hợp đồng khác: Hỏi: Luận nói năm thiện, Thắng-man nói về bốn tạng, Pháp Hoa ba cỏ hai cây vì sao có đồng khác ư?

Đáp: năm thiện: trời người là hai thiện, hai thừa làm một thiện, Phật Bồ-tát làm hai thiện. Do trời người ngũ giới thập thiện hơn kém khác nhau cho nên khai làm hai, Nhị thừa lợi độn là khác nhau mà trí đoạn, nghĩa ngang bằng nên hợp làm một, Phật cùng Bồ-tát muôn hạnh muôn đức nhân quả lên xuống nên khai làm hai. Năm thiện thì khai đại hợp Tiểu, năm thừa thì khai tiểu hợp đại, bốn tạng thì hợp phàm khai Thánh, năm thừa thì phàm Thánh đều khai. Đây đều là tùy duyên khác nhau không cần quanh co hợp.

Ba cỏ hai cây: Có người nói trời người là cỏ nhỏ hai thừa là cỏ vừa, ngoại phàm là cỏ lớn, nội phàm là cây nhỏ, Sơ địa đến Thập địa là cây lớn. Có người nói: nội phàm là cỏ lớn, Sơ địa đến Thất địa đều là cây nhỏ, Bát địa là cây lớn. Lời bình rằng: Vị nghĩa khó nói, nay dùng hợp thí dụ làm chánh, hợp hai cỏ thí như trước phân biệt. Hợp cỏ lớn rằng: Cầu ở chỗ Thế Tôn ta sẽ thành Phật, hành tinh tấn định, đó gọi là Cỏ lớn, đã xưng là Phật đạo quyết nên theo ngoại phàm địa vị Thập tín đến nội phàm ba mươi tâm, bốn mươi tâm đây đều là cỏ lớn. Vì sao? Vì chưa đắc vô sinh gốc trồng còn yếu nên còn gọi là cỏ. Lại đã dùng Nhị thừa thành cỏ vừa thì Địa tiền bốn mươi tâm đều thuộc Bồ-tát cho nên gọi là cỏ lớn. Sơ địa đến Lục địa gọi là cây nhỏ, Thất địa trở lên gọi là cây lớn.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Thích luận nói về vô sinh có hai địa vị: 1. Sơ địa; 2. Thất địa. Về sau thấy luận Pháp Hoa cũng nói Sơ địa vô sinh, Thất địa vô sinh, vô sinh đã hai, thọ cũng lệ theo như vậy.

Hỏi: Kinh này làm sao chứng Thất địa làm cây lớn ư?

Đáp: Thích luận nói vị ở Thất địa đắc vô sinh nhẫn đủ sáu thần thông, kinh này nói đắc thần thông lực, chuyển bất thoái luân cho nên hợp nhau.

Hỏi: Làm sao biết Sơ địa như cây nhỏ ư?

Đáp: Luận đã nói Sơ địa đắc vô thượng, kinh này lại nói các Phật tử quyết định không nghi, không nghi tức dứt đạo, do địa tiền phiền não chưa đoạn không được gọi là vô nghi. Lại người sơ quả so với Bồ-tát sơ địa, Sơ quả đã đoạn nghi nay Sơ địa cũng vậy. Lại Địa luận nói: Sơ địa gọi là vị quyết định, bốn đoạn này văn đều phù hợp nhau.

Kế là nói ba cỏ hai cây là nghĩa thứ lớp: Trời người là thế gian, cho nên dụ cây nhỏ, Nhị thừa là xuất thế gian nên dụ cho cỏ vừa, đây là từ thế gian đến xuất thế gian. Thập tín trở lên đến Thập hồi hướng trở xuống, đây là bốn mươi tâm tức là Đại thừa gọi là cỏ lớn, đây từ tiểu nhập đại. Đăng địa trở lên Lục địa trở xuống gọi là cây nhỏ, đây là từ phàm phu đến Thánh. Thất địa trở Thập địa trở lại gọi là Cây lớn (cây lớn), đây là từ cạn đến sâu. Đâu là nhiếp chung phàm Thánh, tóm thâu trong Đại Tiểu, cho nên có thí dụ ba cỏ hai cây.

Âm nghĩa: Hỏi: Kinh nói một vầng mây một trận mưa tùy căn thọ nhuận, cùng một âm nói pháp tùy loại khác nhau giải thích đây có gì khác nhau?

Đáp: Có đồng có khác: Như ý định mây mưa, như nói trong kinh nhân duyên nói về, nay lược nêu hai ý:

1) Dùng nghĩa vô tâm mà năng làm lợi ích khắp cả.

2) Muốn nói lên đồng một chánh đạo tùy căn thành khác. Một âm: Muốn nói ba việc mật của Như Lai bất khả tư nghì, phàm phu Nhị thừa không thể lường biết. Vì sao? Vì người địa vị thấp chỉ dùng một âm khiến duyên đồng nghe một, không thể dùng một âm khiến muôn loại khác nhau nghe, chỉ có Đức Phật mới có thể như vậy nên gọi là khẩu mật bất khả tư nghì.

Hỏi: Trên nói một âm cùng một trận mưa nghĩa khác nhau vì sao lại gọi là đồng ư?

Đáp: một đám mây một trận mưa đồng nói một giáo, chỉ được tùy căn thành ra khác, một âm cũng là nói lên nhất đạo, tùy loại có muôn khác nhau, đây là không khác vậy.

Hỏi: Vì sao gọi là một âm ư?

Đáp: Có người nói: Chỉ một pháp thân, pháp thân không hai nên gọi là một, từ một pháp thân xuất ra âm, dùng pháp thân đặt tên nên gọi là một âm.

Lời bình rằng: Đại Phẩm giải thích tướng hảo nói dùng một âm báo các thanh (tiếng) không nói pháp thân cho nên không giải thích. Có người nói: trong cùng lúc đều xuất ra các âm cho nên nói: một âm. Lời

bình rằng: Kinh chỉ nói một âm không nói các âm đều xuất nên cũng chẳng dùng. Có người nói thân là thân Thiên trúc, âm là âm Thiên trục cho nên nói một âm. Lời bình rằng: Phật năng tùy phát ra một âm chẳng hạn cuộc nước Thiên trục. Lại có người nói trong năm âm tùy dùng một âm. Lời bình rằng: Phật đã gá thác tích một phương thọ âm một cõi, năm âm nghĩa thông nên cũng chẳng dùng. Nay nói nghĩa nầy phần nhiều tóm lược bao gồm bốn thứ: Y phẩm Dược thảo nói một trận mưa lớn thấm nhuần khắp nơi, một vầng mây dầy bủa giăng trùm khắp, dụ cho Nhất thừa đại pháp âm cho nên gọi là một âm. Chỉ đại duyên ngộ đại cho nên gọi là Đại, tiểu duyên ngộ tiểu, tiểu không gọi là Đại, cho nên gọi một âm là chủ của một Đại thừa âm.

Hỏi: Vì sao Tiểu không gọi là Đại?

Đáp: Như nói đại bát Niết-bàn mà đạo thành La-hán, kinh Duy ma nói rộng về tịnh cõi nước Phật mà thủ chứng Tiểu thừa, các thứ như vậy gọi là tiểu duyên, nghe đại mà không gọi là Đại nên gọi một âm chính chủ ở đại.

Hỏi: Kinh này vì sao một âm biến thành chủ của đại ư?

Đáp: Muốn nói lên chỉ có một thừa không có năm thừa cho nên một âm chủ Đại thừa.

Hỏi: Làm sao biết một âm biến thành chủ đại ư?

Đáp:

1) Kinh nói một vầng mây lớn, một trận mưa lớn cho nên biết chủ nhất Đại thừa âm.

2) Như Tịnh Danh nói về: một âm Như lai nói pháp mà muôn loại chúng sinh khác nhau đều hiểu.

Hỏi: Đây là căn cứ một âm nào? Đáp: Đã nói Phật dùng một âm nói pháp tức là Phật âm, Phật âm là một Phạm âm.

Hỏi: Vì sao làm chủ một Phạm âm?

Đáp: Căn cứ một phương hóa tích gửi hình ở Thiên trục được báo Phạm âm, do đó một âm chủ Phạm âm.

Hỏi: Lời nầy xuất xứ từ đâu?

Đáp: Trong luận Tỳ-bà-sa có nói điều này, Đức Phật ở vườn Nai dùng một Phạm âm giảng nói Tứ đế, năm người thì nghe ngôn ngữ của người nói Tứ đế, tám muôn chư Thiên thì nghe ngôn ngữ của trời nói Tứ đế, Thổ thần, Dạ xoa thì nghe ngôn ngữ của Dạ xoa nói Tứ đế, nên xướng lên thông báo, lần lượt như vậy nghe đến cõi Phạm. Cho nên biết một âm làm chủ Phạm âm.

Hỏi: Vì là âm Phạm thiên cho nên gọi là Phạm âm như báo được

thiên nhãn cho nên gọi là thiên nhãn ư?

Đáp: Không đúng? Đây là một trong tám thứ âm thanh tịnh tối diệu nên gọi là Phạm âm chẳng phải âm Phạm thiên. Cho nên, Thích luận nói: Đức Phật sinh trong loài người thọ pháp của người nên là âm của người, nếu là âm Phạm thiên thì người không nghe cho nên biết chẳng phải.

Hỏi: Thích luận nói: Trong pháp Tiểu thừa thì không có bất khả tư nghì như sáu mươi kiếp nói kinh Pháp Hoa thời gian như trong bữa ăn, vì sao trong Ba tạng nói dùng một âm nói pháp tùy loại hiểu ư?

Đáp: Tiểu thừa tuy không có sáu mươi kiếp nói kinh Pháp Hoa bất khả tư nghì mà có năm thứ khác, khả tư nghì nghĩa là lực Phật, lực Rồng v.v.... Nay một âm nói pháp tức là nói Phật bất khả tư nghì.

Kế là nói một âm không hẳn chỉ hạn cuộc Phạm âm, Như lai tùy phát xuất một âm có thể khiến cho các loại khác nhau đều nghe cho nên gọi là một âm. Lại một âm, người nghe tức là âm người, trời nghe tức là âm trời, chẳng phải trời chẳng phải người vậy, vì là thiên nhân âm nên gọi là nhiều, do chẳng trời chẳng người cho nên gọi là một, cho đến Thanh văn nghe tiểu, Bồ-tát nghe đại, mà thật âm chẳng có đại tiểu nên gọi là một.

Hỏi: Người nghe thì âm người, trời nghe thì âm trời mà âm thì chẳng phải trời chẳng phải, người, cũng như một duyên nghe thì âm một, nhiều duyên nghe thì âm nhiều, mà âm chẳng một chẳng nhiều ư?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu vậy âm duyên nghe thì âm, chẳng âm duyên nghe thì chẳng có âm ư?

Đáp: Cũng vậy. Cho nên kinh chép: Đồng ngồi một chỗ mà có người nghe Phật nói pháp, có người thấy Phật im lặng. Như Triệu Sư nói: Tâm sinh nơi có tâm, tượng xuất nơi có tượng, tức là việc đó.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước nói chỉ một âm ư?

Đáp: Chính vì người địa vị thấp không thể dùng một âm khiến cho muôn loại khác nhau hiểu được, tức khen ngợi Phật có khả năng như vậy cho nên nói một âm.

Hỏi: Vì sao chỉ nói một âm mà khiến cho muôn loài khác nghe hiểu được?

Đáp: Hoa Nghiêm trước sau nói lược ba việc:

1) Đức Phật có khả năng xuất ra tất cả các âm thanh của số chúng sinh, người khác không thể được, chỉ Đức Phật mới có khả năng, cho

nên Đức Phật bất tư nghị.

2) Đức Phật có thể đối với một âm xuất ra các âm số chúng sinh nên tất cả chúng sinh đều có thể nghe. Đây là nói những người khác không thể trong một âm xuất ra tất cả âm được chỉ có Đức Phật mới có khả năng như vậy.

3) một âm nói pháp năng khiến tất cả chúng sinh đều nghe cũng không phân một âm thành nhiều âm, ngoài ra không thể như vậy, chỉ có Đức Phật mới được như vậy, đầy đủ ba nghĩa mà không hạn cuộc, dùng một bày ba đây đều là việc nói lên khẩu mật bất tư nghì của Phật, khẩu mật đã ba thân cũng như vậy.

Hỏi: Phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa Nghiêm nói: Đại Phạm thiên vương dùng chút Phương Tiện khiến chúng sinh trong Đại thiên đều thấy thân mình cũng không phân thân, nếu vậy những người khác cũng có thể làm được vì sao chỉ có Đức Phật thôi ư?

Đáp: Kia chỉ hạn cuộc cõi Đại thiên, Như lai biến hiện khắp pháp giới, kia thì có tâm tạo tác, đức Như lai thì vô tâm hóa vật. Lại Bồ-tát nhãn nhập Tam-muội, nhĩ xuất chánh thọ, quán nhãn vô sinh nói không phi hữu, người kia không thể như vậy được, làm sao sánh bằng Phật.

Hỏi: Bốn thứ biện một âm, trước nay nói lấy gì làm chánh?

Đáp: Thông đều đầy đủ chỉ có Nhất thừa âm chính ở giáo này, ba thứ còn lại có cả xưa nay.

Hỏi: Đức Phật có hai thứ ánh sáng:

l) Thường quang: Nghĩa từ sơ sinh đến diệt độ thường tự có tức là tướng trượng phu sáng chói.

2) Phi thường quang: là Tùy thời mà thị hiện, một âm nói pháp khiến muôn loại khác nhau hiểu được, đó là thường âm hay là thị hiện?

Đáp: Trong tám mươi vẻ đẹp dùng một âm báo các thứ tiếng, nếu vậy đây là thường âm của Phật.

Hỏi: một âm nói pháp có bao nhiêu việc?

Đáp: Y kinh Tịnh Danh lược nêu ba thứ:

l) Đức Phật phát ra bất cứ một âm nào thì muôn loại khác nhau đều hiểu, chúng sinh trong sáu đường đều cho rằng Đức Phật đều đồng với ngôn ngữ họ.

2) Chỉ nói một pháp tùy nghĩa mà chúng sinh hành khắp, người ưa bố thí thì nghe bố thí, người ưa trì giới thì nghe trì giới, nhờ đó đều lợi ích.

3) Nói rõ sự là đồng mà vui buồn đều phát ra, ở đây có hai việc:

a) Như nói một pháp khổ, sinh bốn thứ tâm: Có người nghe khổ sinh sợ hãi, có người nghe khổ muốn thoát khỏi nên sinh vui mừng, có người nghe khổ tâm sinh xa lìa nhàm chán, có người nghe khổ thật biết là khổ, dứt trừ tâm nghi.

b) Nghe bốn thứ pháp sinh bốn thứ tâm, như nghe ba đường khổ thì sợ, nghe vui cõi trời, cõi người thì vui, nghe bất tịnh thì nhàm chán xa lìa, nghe nhân quả thì dứt nghi trong hai nghĩa ý trước là chính.

Phẩm Thọ ký nói nghĩa thọ ký.

Luận nói mười thứ nhân duyên vì người Nhị thừa thọ ký, như trước nói.

Hỏi: Nếu kinh này nói thọ ký vì sao Tịnh Danh rộng phá bỏ thọ ký. Lại kinh Tư Ích nói: Ta nguyện đời đời không nghe danh tự thọ ký. Đại Phẩm nói: Nếu trụ nơi A-bệ-bạt-trí và thọ ký đều là hý luận, nay vì sao nói thọ ký ư?

Đáp: Không trái nhau, người Bồ-tát nói có thọ ký có người năng thọ tức có kiến chấp nhân pháp, vì phá bệnh này cho nên nói vô ký, người Nhị thừa cho rằng mình không được thọ ký, chỉ Bồ-tát được thọ ký, vì người Nhị thừa cho nên nêu thọ ký, đây là mỗi pháp làm nhân môn.

Lại có hai đế làm thế đế nên nói có thọ ký, vì bậc nhất môn cho nên nói vô ký, hai lời đều thật. Đại kinh nói vô ký, đây là nói về ký vô sở ký, nay nói ký ấy là vô sở ký nên gọi là ký. Bát-nhã nói vô sở đắc tức là đắc, do đó đắc vô sở đắc. Chỉ vì thọ ký có hai thứ, ba thứ, bốn thứ, sáu thứ, tám thứ, chín thứ, mười thứ.

Hai thứ: là có tám thứ hai thứ:

1) Nói hai thông, biệt: a) Nói thông ký: Như Phẩm Pháp sư nói: Nếu Phật tại thế và sau khi diệt độ nghe kinh Pháp Hoa một bài kệ một câu một niệm tùy hỷ đều được thọ ký. Vì sao? Vì chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác, nên không có đường khác sẽ được thành Phật. b) Thọ ký riêng: Đối trước Phật thọ ký riêng kiếp số, như ba châu nói pháp người Ba căn được thọ ký.

2) Hai thứ: a) Chánh nhân môn thọ ký. b) Duyên nhân môn thọ ký. Chánh nhân môn thọ ký: Như Bồ-tát Thường Bất Khinh nói: Bốn chúng đều sẽ thành Phật, nhưng bốn chúng này chưa có tâm tin Nhất thừa, chỉ vì trong thân có Phật tánh ắt sẽ thành Phật. Luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thường Bất Khinh: Tất cả chúng sinh thật có Phật tánh cho nên sẽ thành Phật. Duyên nhân môn thọ ký: như Phẩm Pháp Sư nói: Vì tin Pháp Hoa tức là duyên nhân, do đó chỉ nói hai thứ này.

Phật tánh như quả được sinh chỉ có hai thứ: a) Chánh nhân. b) Duyên nhân. Như sữa có tánh của lạc cần đủ hai nhân: sữa là chánh nhân, các phương pháp chưng cất là duyên nhân.

Chúng sinh có Phật tánh cũng có đủ hai nhân: a) Chúng sinh là chánh nhân. b) Nhờ tin hiểu các pháp làm duyên nhân. Do đó Pháp Hoa chỉ nói hai nhân. Luận Nhiếp Đại Thừa gọi duyên nhân là nhân dẫn xuất tức là liễu nhân. hai nhân Duyên chánh thọ ký rộng hẹp: Chánh nhân thì rộng, thiện ác v.v... tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên nghĩa chánh nhân rộng, Duyên nhân chỉ chấp có tin hiểu tâm mới được Phật thọ ký nên hẹp.

3) Hai thứ chậm nhanh: Đại kinh chép: Nếu có chúng sinh thích hợp nghe nhanh thì thọ ký nhanh, thích hợp nghe chậm thì thọ ký chậm.

Hỏi: Nhanh chậm đây là thật thọ ký hay quyền thọ ký?

Đáp: Có đủ hai nghĩa: a) Thật thọ ký: Do Đức Phật thấy biết người kia trải qua nhiều kiếp tu hành thành Phật không bao lâu nữa cho nên mau được thọ ký, xét thấy người kia tu hành chứa nhóm chưa bao lâu nên thành Phật còn xa nên thọ ký chậm. b) Quyền thọ ký: Một là thấy chúng sinh nầy nghe Phật đạo lâu xa chịu cần khổ sinh tâm lui sụt nên thọ ký nhanh, nghe mau thọ ký nên tinh tấn mạnh mẽ tu hành hướng đến Phật, như người biết cách nhà không xa nên gắng sức mà tiến bước, hai là nghe mau thọ ký thì cho là Phật đạo dễ đắc, liền khởi tâm coi thường sinh biếng nhác, vì hạng người này nên chậm thọ ký để cho họ quý trọng Phật đạo mà tinh tấn.

Hỏi: Thật thọ ký có thể có lợi ích chân thật, hư thọ ký nên không có thật lợi ích ư?

Đáp: Như lai thật thọ ký cũng có thật lợi ích, hư thọ ký cũng có thật lợi ích, vì đều lợi ích cho nên đều là thật.

4) Y cứ thọ ký cho người phàm có hai thứ: a) Phật thọ ký. b) Bồ-tát thọ ký. Như Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng.

Hỏi: Thường Bất Khinh đã là Bồ-tát làm sao thọ ký thành Phật ư?

Đáp: Bồ-tát không được thọ ký kiếp số thành Phật mà được thọ ký chung, vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lại không có các thừa khác chỉ có Nhất thừa, nhưng đạo lý suy tìm được thọ ký thành Phật cho đến Phàm phu biết có Phật tánh Nhất thừa cũng được thọ ký cho người khác.

Hỏi: Vì sao trao kiếp số, khởi chỉ có Phật ư?

Đáp: Thành Phật là việc lớn, chẳng phải quả Phật thì không thể

thọ ký được. Lại thành Phật quyết được Phật thọ ký, vì sao? Vì thành Phật phải thấy Phật tánh rõ ràng pháp thân hiển hiện, người Thập địa trở xuống thấy Phật tánh chưa liễu pháp thân chưa hiện, nên không được thọ ký, cho đến thấy tánh rõ, pháp thân chưa hiển hiện.

Hỏi: Như Bồ-tát Thập địa biết người khác đời vị lai một kiếp cho đến mười kiếp thành Phật, vì sao không được thọ ký cho ông quá mười kiếp sẽ thành Phật ư?

Đáp: Tuy biết thành Phật xa gần cũng không được thọ ký chỉ vì thành Phật là việc lớn, phải là Phật trước Phật sau truyền cho nhau, nên phải là Phật thọ ký.

5) Hai đời thọ ký: Tự có Đức Phật tại thế vì kia mà thọ ký, tự có sau khi Đức Phật diệt độ huyền thọ ký cho người. Như Phẩm Hóa Thành Dụ nói sau khi ta diệt độ lại có đệ tử sinh ở nước khác nghe kinh Pháp Hoa được thành Phật đạo.

6) Xưa nay hai thứ: Trước chỉ thọ ký cho Bồ-tát thành Phật, chưa thọ ký cho Thanh văn. Nay cũng thọ ký cho Bồ-tát cũng thọ ký cho người Nhị thừa.

7) Thiện ác hai thứ thọ ký,v.v... không thọ ký cho Điều-đạt là người ác nay mới thọ ký.

8) Nam nữ hiện đời thành Phật, không thọ ký hiện đời thành Phật: Trước nói người nữ không được hiện thân thành Phật, nay thọ ký hiện thân thành Phật như Long Nữ,v.v...

Kế là nói ba thứ: Thọ ký: Thích luận nói: Có người tự biết được thọ ký, người khác không biết, có người khác biết thọ ký mà tự mình không biết, có khi mình và người đều biết.

Ba tạng Chân đế dịch Nhiếp Đại thừa nói ba thứ thọ ký:

1) Sẽ được thọ ký: từ ngoại phàm đến Thập hồi hướng sẽ được thành Phật.

2) Gia hạnh ký: Từ Sơ địa đến Thất địa tăng thêm các hạnh.

3) Viên mãn ký: Từ Bát địa đến Phật địa.

Lại có ba thứ:

1) Thời tiết ký: ba mươi bốn a-tăng-kỳ kiếp.

2) Tu hành ký: là tu mười độ.

3) Cứu cánh ký: Đạt đến muôn đức.

Thời tiết ký lại có ba:

1) Viễn nhân ký (nhân xa): Từ Ngoại phàm đến Thập hạnh cách xa Phật.

2) Cận nhân ký (nhân gần): Từ Thập Hồi Hướng trở lên cách Phật

gần.

3) Chí đắc ký: Từ Sơ địa trở lên đắc Pháp thân ký.

Kế là tu hành ký cũng có ba:

l) Hạ đạo chủng gọi là Thập tín.

2) Thành tựu tức ba mươi tâm.

3) Giải thoát sơ địa trở lên.

Kế là rốt ráo ký có bốn:

l) Hóa chủ.

2) Xứ sở.

3) Đại chúng.

4) Nói pháp.

Ba tạng lại xuất nghĩa ở Trung A-hàm và Tát bà đa nói hễ muốn đạt đến quả Phật thì phải trải qua ba a-tăng-kỳ tu hành, tăng kỳ đầu tu hành còn lui sụt làm Tiểu thừa gọi là Bất định vị. Kế là tăng kỳ thứ hai tu hành hạnh bất thoái gọi là Định vị; tăng kỳ thứ ba dứt hoặc kiến tư được thọ ký. Nay chưa biết rõ giải thích đây vì không tương ưng với Thích luận và xưa xuất nghĩa Tiểu thừa.

Kế là nói bốn thứ thọ ký: xuất xứ từ kinh Thủ Lăng-nghiêm và Thích luận còn chưa thấy bản kinh nầy có thể lại xem văn kinh lựa chọn. Và Thích luận có bốn:

l) Chưa phát tâm thọ ký.

2) Phát tâm thọ ký.

3) Không hiện tiền thọ ký cũng gọi là mật thọ ký.

4) Hiện tiền thọ ký.

Chưa phát tâm thọ ký có hai thứ: Trước là chúng sinh cụ phược chưa can dự thuộc về trong năm thừa thiện mà Phật huyền ký (thọ ký xa) cho kia đời vị lai thành quả Ba thừa, như Thích luận: ghi nhận việc chim bồ câu v.v... sinh ở đời vị lai tám muôn kiếp còn thọ thân chim bồ câu, sau trải qua vô số kiếp bỏ thân chim mới được thân người, phát tâm tu hành, đắc quả Bích-chi-phật.

Hỏi: Thọ ký cho loài chim này có lợi ích gì ư?

Đáp: Đối với chim không có lợi ích, Thân tử do đây mà biết trí Phật bất khả tư nghì khiến nhiều người phát tâm, Thân Tử hối hận đã chấp đạo Tiểu thừa, chỉ làm lợi ích cho người không làm lợi ích cho chim.

- Nương ý kinh Thủ Lăng nghiêm chép: Người ấy từ quá khứ lâu xa phát tâm tu hành, chỉ ở địa vị thấp, chỉ ở địa vị thấp kém như lông nhẹ gió thổi Đông Tây chưa thấu hiểu nên chưa phát tâm. Lại người

này quá khứ đã từng phát tâm, nhưng hiện tại chưa gieo trồng duyên cho nên nói chưa được phát tâm, người này từ Ngoại phàm đến thoái vị về sau. Lại nương kinh Anh lạc là người sáu tâm, y kinh Pháp Hoa là buộc châu trong chéo áo người, do kia mất đại giải nên nay thọ ký cho người ấy, gọi là chưa phát tâm thọ ký. Phát tâm thọ ký: Như quá khứ lâu xa phát tâm cho đến hiện tại phát tâm, nên gọi là phát tâm. Ý kinh Thủ-lăng-nghiêm nói xếp người này vào vị bất thoái. Ý kinh Anh lạc là người Thất tâm trở lên.

- Không hiện tiền thọ ký: Chỉ có người khác biết mà tự mình không biết nên gọi là không hiện tiền.

Hỏi: Tự mình đã không biết sao lại thọ ký?

Đáp: Nếu người ấy tự nghe thọ ký thì sinh tâm biếng nhác, nay muốn dứt nghi của người kia khiến họ sinh tâm vui mừng nên thọ ký cho người kia.

Hỏi: Người kia có nghi gì?

Đáp: Người kia thấy người ấy từ lâu tu tập lại tôn sùng kính mến Phật đạo, mà không thấy được thọ ký, nay nghe được thọ ký người kia nghe liền phát tâm.

Hiện tiền thọ ký: tức là Vô sinh nhẫn. Xưa Luận sư phương Nam nói: Người thứ ba địa vị từ Sơ địa đến Lục địa, người thứ tư địa vị Thất địa, dùng hai nghĩa làm chứng:

1) Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói người thứ ba hành sáu độ, sáu độ tức Lục địa, người thứ tư đắc vô sinh nhẫn, cho nên biết là Thất địa.

2) Các kinh và Thích luận chép: Đồng tử Bồ-tát đắc Thất địa vô sinh nhẫn, gặp Đức Phật Nhiên Đăng, mới được thọ ký, trước chưa gặp đức Nhiên Đăng còn chưa được thọ ký cho nên biết người thứ tư là Thất địa. Luận Sư Bắc phương nói: Người thứ nhất là người trước Ngoại phàm tức trước Thập tín; người thứ hai là ngoại phàm tức Bồ-tát Thập tín; người thứ ba là Bồ-tát Tam hiền tức sợ nghe thọ ký sinh phỉ báng nên không hiện tiền thọ ký, người thứ tư đăng Sơ địa nghe không sinh phỉ báng nên hiện tiền thọ ký.

Lời bình rằng: Đều có hai nghĩa chấp Lục địa chưa đắc vô sinh nhẫn cho nên chưa được vô sinh ký thành Phật thì như trước giải thích. Chấp đăng Địa đắc vô sinh thì như ở sau nói về. Thích luận nói: Sơ địa vô sinh, Thất địa vô sinh.

Hỏi: Nếu dùng giải thích trước có thể nói Lục địa còn sợ biếng nhác không hiện tiền thọ ký ư?

Đáp: Không chấp nhận nghĩa nầy chỉ nói Lục địa chưa đắc vô

sinh nhẫn cho nên chưa được vô sinh ký, do đó mà không hiện tiền thọ ký Bồ-tát Lục địa vô sinh ký thành Phật. Nếu sợ biếng nhác y theo giải thích sau. Lại luận Nhiếp Đại Thừa nói Lục địa gọi là Hữu tướng địa cũng được căn cứ nghĩa nầy là biếng nhác.

Hỏi: Thọ ký cho Thanh văn cũng có bốn thứ phải không?

Đáp: Theo kinh Pháp Hoa nói cũng có bốn thứ: Thường Bất Khinh thọ ký bốn chúng, gọi là chưa phát tâm mà thọ ký vì bốn chúng chưa phát tâm Bồ-đề.

Lại nữa Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Sau khi ta diệt độ lại có đệ tử, không nghe kinh này tự đối với công đức của mình nghĩ là diệt độ sẽ nhập Niết-bàn, ta ở các cõi khác thành Phật vì nói kinh này khiến cho họ phát tâm thành Phật, đó gọi là chưa phát tâm thọ ký tức dùng văn nầy, lại không hiện tiền thọ ký. Phát tâm thọ ký: căn cứ tích nói: Người ba căn Thanh văn đều phát tâm Bồ-đề tin hiểu Nhất thừa cho nên được thọ ký. Hiện tiền thọ ký: Quyển thứ tư nói: một ngàn hai trăm vị La-hán ấy nay Ta hiện tiền thứ lớp thọ ký cho.

Kế là nói nghĩa năm thứ Thanh văn được thọ ký, không được thọ ký:

1) Thanh văn lui Đại học Tiểu như Thân tử.

2) Thanh văn phát tâm học Tiểu thừa.

3) Dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe.

4) Trong ẩn Hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn.

5) Thanh văn tăng thượng mạn.

Trong Thanh văn tăng thượng mạn lại có hai:

1) Đắc Tứ thiền nghĩa là đắc Tứ quả như Thích luận nêu ra đắc Sơ thiền gọi là đắc Sơ quả cho đến đắc Tứ thiền gọi là đắc Tứ quả.

2) Không hẳn đắc thiền, chỉ nghiêng về tu quán nhàm chán. Tam độc không khởi gọi là đắc La-hán. Kế là nói được thọ ký, không được thọ ký: Nếu Thanh văn lui đại làm tiểu y cứ về địa vị nói về là người Lục tâm trở xuống chỉ là chưa phát tâm thọ ký Thanh văn. Nếu phát tâm học Tiểu cũng là chưa phát tâm thọ ký; nhưng hai người này hơn kém khác nhau. Người đầu đã từng phát tâm, chỉ vì phát tâm chưa thành tựu nên gọi là chưa phát tâm. Người thứ hai đều chưa phát tâm. Nếu người thứ ba dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe thì người này địa vị đã thông từ Sơ phát tâm đến quả Phật đều là Thanh văn. Nếu người trung căn lãnh giải tự xưng là dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe, người này chính là xếp vào nghĩa vị bất thoái, thuộc phát tâm thọ ký. Trong ẩn Hạnh Bồ-tát, vị nầy cũng thông từ vị bất thoái trở

lên đều có khả năng có việc này, mà chọn đăng Địa trở đi các người này có hiện tiền đắc thọ ký.

Tăng thượng mạn Thanh văn có ba hạng người:

1) Vừa được nghe kinh vừa được thọ ký, như Bồ-tát Thường Bất Khinh vì hàng Thanh văn tăng thượng mạn nói kinh Pháp Hoa và thọ ký cho, đây là chưa phát tâm thọ ký.

2) Không được nghe kinh không được thọ ký, như Thích luận nêu ra đắc Tứ thiền, người này khi chết đi đọa vào ngục Vô Gián.

3) Được nghe loáng thóang mà không được thọ ký, tức năm nàgn người được nghe nói lược mà không được thọ ký.

Hỏi: Ba hạng Thanh văn tăng thượng mạn này vì sao có hơn kém?

Đáp: Gặp Bồ-tát Thường Bất Khinh lúc mới chê bai sau tin, lúc mới chê bai nên đọa vào ngục Vô Gián sau tin nên chứng đắc địa vị Bồ-tát. Như văn kinh nêu ra năm ngàn người, nói thẳng đứng dậy đi không nói chê bai, chọn kia nghĩa không chê bai thì hơn, không nghe pháp thì kém. Ban đầu người nghe kinh cho nên hơn, chê bai cho nên kém. Lại lúc mới người nghe kinh hay không nghe kinh đều chê bai, kế người nghe kinh thì chê bai, không nghe thì không chê bai cho nên người lúc mới kém, người thứ hai hơn. Lại người lúc mới phần nhiều là người thực hành, năm nàgn người phần nhiều là người biến hóa, người thứ ba khi chết sinh tà kiến, chê bai không có Thánh đạo, người này chẳng những chê bai Tiểu mà còn chê bai Đại thừa, hai người trước chỉ chê bai đại không chê bai tiểu. Căn cứ nghĩa nầy thì hai người trước là hơn, người sau là kém, lại người thứ ba chỉ đọa vào ngục Vô Gián một kiếp, người đầu chịu khổ ngàn kiếp, thì người đầu là kém, người sau là hơn.

Về sau thấy luận nói bốn thứ Thanh văn:

l) Quyết định Thanh văn.

2) Tăng thượng mạn Thanh văn.

3) Thoái tâm Bồ-đề Thanh văn.

4) Ứng hóa Thanh văn.

Quyết định Thanh văn: tức là vốn học Tiểu thừa tu hành chứng được bốn quả nên gọi là quyết định Thanh văn. Tăng Thượng mạn Thanh văn: không đắc bốn quả mà vọng cho là đã đắc, hai dạng này là đắc Tiểu thừa không đắc Nhị thừa. Thoái Đại là Tiểu và ứng hóa là kế, hai hạng này trong Đại thừa nói đắc thất nên có hai. Bốn hạng này thâu nhiếp tất cả Thanh văn, không trái với năm thứ trên, chỉ có rộng lược là khác. Luận nói được thọ ký, không được thọ ký tức thoái tâm Bồ-

đề và Ứng hóa, hai hạng người này được thọ ký, Quyết định và Tăng Thượng mạn Thanh văn, hai hạng người này căn tánh chưa thuần thục nên không thọ ký.

Hỏi: Đây giải thích trái với trước ư?

Đáp: Không trái nhau. Ý luận giải thích người ba căn được thọ ký đều là hạng thoái Đại và Ứng hóa được thọ ký, trong đó người không thực hành được hiện tiền thọ ký.

Hỏi: Người không thực hành được thọ ký: Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng là những người nào?

Đáp: Luận nói Phương Tiện khiến kia phát tâm đây là thọ ký cho người thực hành.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước nói người thực hành không được thọ ký ư?

Đáp: Trước nói không được như người ba căn trong đây hiện tiền được thọ ký kiếp số. Chẳng phải không có thông ký vì đồng có Phật tánh mà được thọ ký, tức cùng tất cả chúng sinh được thọ ký. Người Ba căn căn cứ theo môn duyên nhân thọ ký, Thường Bất Khinh căn cứ theo môn chánh nhân thọ ký, nghĩa đều có khác.

Hỏi: Có người nào thực hành được thọ ký kiếp số hay không?

Đáp: Có lợi ích thì thọ ký, nghĩa cũng được. Luận nói năm thứ thọ ký:

1) Thân tử Ca-diếp danh hiệu khác nhau, lại vì mọi người đều biết cho nên thọ ký.

2) 500 người Phú lâu na v.v... và 1hai trăm người v.v... đồng một tên cho nên đồng thời được thọ ký.

3) Học vô học đều đồng một tên chẳng phải mọi người đều biết cho nên đồng thời được thọ ký.

4) Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa, nêu bày Như lai không có tâm ghét kẻ ác.

5) Thọ ký cho Tỳ-kheo-ni và Long nữ, là nói người nữ dù tại gia hay xuất gia tu Hạnh Bồ-tát đều chứng quả Phật. Luận trực kế nói Kinh Pháp Hoa từ đầu đến cuối thọ ký cho năm hạng người khác nhau nhau.

Kế là nói thọ ký theo chiều rộng: Bất cứ một người nào đều đắc hai thứ thọ ký như ba căn Thanh văn Phát tâm Bồ-đề cho nên gọi là phát tâm thọ ký, từ Đức Phật thọ gọi là hiện tiền thọ ký. Thanh văn Tăng Thượng mạn tức là chưa phát tâm Bồ-đề được thọ ký, gọi là chưa phát tâm thọ ký. Trực kế là Thường Bất Khinh nghe kinh là hiện tiền thọ ký, theo nghĩa như thế có thể hiểu thêm.

Kế là nói bốn thứ ký nhiếp pháp. Hỏi: Thọ ký vì sao không nhiều, không ít mà chỉ lập bốn thứ?

Đáp: Nói theo địa vị thì nhiếp thu hết các thọ ký, chưa phát tâm thọ ký từ cụ phược phàm phu đến Lục tâm là vị thoái; phát tâm thọ ký từ Thất tâm trở lên ba mươi tâm, không hiện tiền Sơ địa đến Lục địa, hiện tiền từ Thất địa đến Thập địa. Lại chưa phát tâm là người trước. Ngoại phàm, phát tâm mới nhập địa vị ngoại phàm, không hiện tiền là nội phàm ba mươi tâm, hiện tiền là đăng Địa đến Thập địa thâu nhiếp địa vị cùng khắp cho nên chỉ nói bốn thứ.

Lại tạo hai thứ thành cặp thu nhiếp:

l) Phát tâm, chưa phát tâm một cặp nhiếp hết các thọ ký, tự có người chưa phát tâm được thọ ký, tự có người đã phát tâm được thọ ký, chưa phát tâm được thọ ký như chim bồ câu, đã phát tâm được thọ ký là từ phát tâm trở lên đến Thập địa đều thuộc về.

2) Hiện tiền không hiện tiền một cặp, tự có không hiện tiền mà thọ ký, tự mình tuy không lợi ích mà có thể lợi ích cho người, tự có hiện tiền mà được thọ ký, hoặc có thể tự lợi mình mà không lợi người, hoặc mình và người đều được lợi ích, đây cũng thâu nhiếp hết các thọ ký.

Kế là nói chín thứ thọ ký: tức là thọ ký cho chúng sinh trong chín đường nghĩa là Ba thừa và sáu đường. Kế là nói mười thứ thọ ký, như trong phẩm Ly thế gian trong kinh Hoa Nghiêm chép:

Kế là nói bốn câu: Trước có phát tâm sau mới được thọ ký, sau phát tâm trước được thọ ký, trước phát tâm trước được thọ ký, sau phát tâm sau được thọ ký. Lại trước phát tâm sau được thành Phật, sau phát tâm trước thành Phật, như Đức Phật Thích-ca, đức Di-lặc v.v... dễ hiểu. Kế là trong Pháp Hoa nói Đại Tiểu bốn câu ràng buộc lẫn nhau:

l) Tiểu thừa không hơn kém, Đại thừa có hơn kém, như năm trăm người đều là bậc A-la-hán nên Tiểu thừa không có hơn kém. năm trăm người chuyển thứ lớp thọ ký thành Phật trước sau lại có hơn kém.

2) Tiểu thừa có hơn kém Đại thừa không hơn kém, như hai ngàn người Hữu Học, Vô học, hai ngàn người Hữu học và Vô học nên có hơn kém, đồng thời thành Phật nên không hơn kém.

3) Tiểu thừa kém Đại thừa hơn, như A Nan đắc Sơ quả mà trước thành Phật, tức Tiểu hơn Đại kém như La Hầu La đắc La-hán, sau thành Phật.

4) Giải thích phẩm Ngũ bách Đệ Tử và Hữu Học, Vô học thọ ký rồi.

Lại bốn câu:

1) Đồng là Vô học được thọ ký có trước sau, như người ba căn La-hán,v.v...

2) Đồng là Vô học đồng thời được thọ ký, như năm trăm La-hán.

3) Hữu Học, Vô học khác nhau mà đồng thời được thọ ký, như hai ngàn người.

4) Có Hữu học, Vô học khác nhau, được thọ ký trước sau cũng khác nhau như A-nan, La-hầu-la,v.v... bốn câu này thâu nhiếp chung ba châu.

Kế là phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa: Hỏi: Kinh Đại thừa Tiểu thừa đều có chín bộ, vì sao Tiểu thừa chín bộ không được thọ ký, Đại thừa chín bộ có thọ ký ư?

Đáp: Thọ ký chính nói thành Phật, thành Phật là Đại thừa chánh tông cho nên Đại thừa chín bộ rõ ràng, Tiểu thừa thọ ký chẳng phải Tiểu thừa chánh tông cho nên Tiểu thừa chín bộ không nói. Sở dĩ trong Pháp Hoa nói chín bộ chỉ vì hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Nước ngoài gọi là Hòa-già-la, Hán dịch là thọ ký, vì sao luận Thành thật đồng, dùng tên nầy mà nói là giải nghĩa kinh ư!

Đáp: Sư Thành thật luận hợp hai tên gọi giải nghĩa thọ ký vì thế gọi là giải nghĩa, dẫn văn luận kia nói bốn câu tức là giải nghĩa thọ ký. Nay nói không như vậy do thọ ký chẳng phải Tiểu thừa chánh tông, luận Tiểu thừa không có danh từ nói thọ ký. Vì sao biết? Vì Đại Niết-bàn giải thọ ký kinh dẫn việc A-dật-đa thành Phật cho nên biết như vậy.

Hỏi: Thọ ký là một nghĩa đó thôi ư! Vì sao trong mười hai bộ dùng thọ ký làm một bộ kinh ư?

Đáp: Thọ ký tuy là một nghĩa mà vì A-dật-đa thành Phật là việc lớn, lại thọ ký cho chúng sinh trong chín đường cũng là việc lớn cho nên có thể làm một bộ.

Hỏi: là Năng ký gọi là ký hay sở ký gọi là ký, hay năng sở hợp nói ký ư?

Đáp: Kinh thọ ký chính chọn văn lời làm kinh cho nên dùng năng ký gọi là ký, lại bản ký gọi người trước thành Phật lại chọn sở ký, gọi là ký như Mục Liên thọ ký . . . hai thứ đồng ba năng sở hợp gọi là dễ biết.

Kế là giải thích nghĩa Hóa thành.

Hỏi: Ba xe, hóa thành đã đồng là quyền, hai phẩm ý sau có gì khác nhau không?

Đáp: Trong phần xin xe đã nói, các ý khác chưa tận cùng, lại trình bày tướng kia chỉ nói Thanh văn có hai hạng:

1) Phát tâm học Tiểu thừa.

2) Thoái Đại làm tiểu. Ba xe là phát hướng cho người Hữu Học,

Tiểu thừa, khiến vượt ngoài ba cõi về đắc Ba thừa. Như Dụ Hóa Thành là người thoái Đại làm Tiểu thừa vốn cầu Phật thừa, sợ Phật đạo lâu xa muốn lui sụt thọ sự an vui của cõi trời người cho nên giữa đường dừng nghỉ nói hai thứ Niết-bàn, nhưng luận chung cả hai văn đều bao gồm với hai nghĩa, lấy ý chính thì như trước đã nói.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện nói nghĩa gì?

Đáp: Đầy đủ bao gồm hai nghĩa, mà chính chọn ý đầu, do đó ba châu nói pháp có thể làm hai trường hợp: hai châu nói pháp chính là phát tâm Thanh văn, học Tiểu, hai châu lãnh giải cũng như vậy, châu thứ ba nói pháp chính là Thanh văn thoái Đại học Tiểu, lãnh giải cũng như vậy.

Hỏi: Trước nên vì người Thanh văn thoái Đại chọn Tiểu mà nói, vì sao trước vì người phát tâm học Tiểu thừa mà nói ư?

Đáp: Người Hữu Học Tiểu thừa bệnh chấp nặng cho nên trước cần bác bỏ nên lúc mới vì họ nói.

Hỏi: Thân tử đều là người thoái Đại chấp Tiểu cho nên nói ở chỗ ba muôn ức Phật tu học Đại thừa thì biết trước là người thoái Đại chọn Tiểu ư?

Đáp: Thân tử là người quyền hành vì dẫn người phát tâm học Tiểu thực hành cho nên trước đối Thân tử, Như Nhiếp Đại Thừa Luận nói: Thân tử hóa nhân đã đắc thọ ký, khiến người chưa định nhập Nhị thừa chánh vị sửa đổi hạnh Tiểu thừa, đã nhập chánh vị khiến kia luyện căn học đạo Bồ-tát.

Hỏi: Trước nói năm thứ Thanh văn nay vì sao chỉ nói hai thứ?

Đáp: Tuy có năm thứ Thanh văn nhưng Pháp Hoa giáo khởi chánh vì hai hạng người, để người phát tâm học tiểu khiến bỏ Tiểu mà tin Đại, người thoái Đại làm Tiểu cũng khiến trở về học Đại. Cho nên, chỉ vì hai hạng người ấy. Người quyền hành chính là muốn dẫn dụ hai hạng người này cho nên không cần làm. Dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe tức là hai người trước đắc ngộ, có khả năng dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe là đã xong, cũng không cần làm. Người tăng thượng mạn sợ giáo không thọ như chúng năm ngàn người, đây là chưa thể làm.

Hỏi: Hai người này đắc ngộ có sâu cạn hay không?

Đáp: Người đầu chỉ được tin lời Phật, người thứ hai tùy địa vị cạn sâu.

Hỏi: Hóa thành cùng ba xe có gì khác nhau?

Đáp: Nói thẳng ba xe thì thông, xưa nay, nếu nói hóa thành chỉ là

giáo nay, trước chưa nói hóa.

Hỏi: Căn cứ thí mà nói có gì khác nhau không?

Đáp: làm ba xe nầy nêu nói pháp luân làm thí dụ, nếu là hóa thành dùng thần thông luân làm thí dụ. Vì sao biết? Vì Trưởng giả dối chỉ ngoài cửa có ba xe nên biết là thí dụ nói pháp luân, hóa thành thì nói đạo sư dùng thần thông lực hóa làm thành lớn thì dùng thông luân làm thí dụ. Lại ba xe dùng âm thanh làm thí dụ, Hóa thành thì nêu sắc làm thí dụ, Các con chỉ tai nghe xe mà mắt không thấy cho nên nêu âm thanh làm thí dụ, mọi người mắt thấy thành nên nêu sắc thí dụ. Nhưng trong thành thí dụ chẳng phải không có tiếng như đạo sư vỗ về cho đến nhóm chúng khuyên bảo đều là tiếng. Trong dụ xe chẳng phải không có sắc, như Trưởng giả chỉ ngoài cửa nêu bày ba xe kia tức là sắc, chỉ vì thành căn cứ mắt thấy xe căn cứ tai nghe như ý chính ở trước.

Hỏi: Đã nêu hai luân làm thí dụ có việc hai luân không?

Đáp: hai thí dụ đều do Phật nói, nhưng nói pháp luân không có việc hiện thần thông, cho nên chẳng phải thần thông.

Hỏi: Ba xe và hóa thành có gì khác nhau không?

Đáp: Trước đã giải thích chưa hết nay lại có căn cứ nầy chia thành bốn câu:

1) Thật mà chẳng quyền, nghĩa là một xe lớn.

2) Quyền mà chẳng thật, nghĩa là hai sứ giả và hóa thành.

3) Vừa quyền vừa thật nghĩa là ba xe, đối một nói ba nên gọi là quyền, hai thứ còn lại chẳng thật chỉ có một là thật nên gọi là thật.

4) Chẳng quyền chẳng thật là trước, tuy có ba câu mà chỉ thành hai câu quyền thật. Quyền thật là nghĩa nhân duyên cho nên quyền thật thì không thật, thật quyền thì chẳng quyền, nói thẳng quyền thật rõ ràng mà chưa hợp quyền thật tức câu thứ tư. Lại căn cứ năm thừa, thừa trời người chẳng phải Nhất thừa cho nên chẳng thật, chẳng phải Ba thừa, cho nên chẳng quyền làm câu thứ tư.

Hỏi: Hai sứ giả và thành có gì khác nhau?

Đáp: Trước đã giải thích chưa hết lại trình bày kế:

1) Sứ giả căn cứ người làm thí dụ, người năng chỉ bày phải trái như giáo năng thuyên giảng lý tà, chánh, thành dùng pháp làm thí dụ chỉ nói dừng nghỉ.

2) Người sai khiến (Sứ giả) động, mà thành tĩnh, khiến động dụ nói giáo hợp duyên, thành tĩnh chọn an ổn không lo lắng.

3) Người sai khiến dụ cho giáo, một thành dụ cho lý.

4) Sứ giả có hai tức bốn đế, mười hai nhân duyên, thành thì chỉ có

một hai trí không khác nhau, hai Niết-bàn không khác.

Hỏi: Nhị thừa, hai trí có gì khác nhau vì sao không khác? Lại nhập vô dư không khác, Hữu dư có khác vì sao không khác ư?

Đáp: Có thể so với cả hai thể chấp kia đồng đắc hai trí, đồng đắc nhị Niết-bàn cho nên nói không khác, đây có thể thí dụ một thành; chấp hai trí kia khác nhau hữu dư khác nhau thì dụ hai giáo sâu cạn như hai xe xấu đẹp.

5) Hai sứ giả chỉ ở trong nhân vào thành lên xe đều y cứ quả địa.

6) Hai sứ giả dụ cho giáo môn giải thích chung nhân quả, thành xe thì chỉ ở quả môn.

7) Hai giáo giải thích làm vô vi, mà chỉ thể là hữu vi, thành xe chung làm vô vi.

8) Thành thì là không có, sứ giả thì gọi là có, thật ra không có quả Tiểu thừa rốt ráo nên gọi là không có, hóa ra vô giáo là Phật nói mà chẳng có gì không phải Phật giáo nên nói là có.

Hỏi: Đã thật không có quả rốt ráo mà quyền nói có thì cũng thật không có Tiểu thừa giáo cũng quyền nói có Tiểu thừa giáo nghĩa nầy ngang nhau, vì sao không theo lệ ư?

Đáp: Chẳng phải không có Phật nói giáo, vì hợp tiểu giáo quy về một Đại giáo nên nói ta đối với chín bộ pháp này tùy theo chúng sinh mà nói, nhập Đại thừa làm gốc cho nên giáo có. Quả rốt ráo đã không có, không thể hội quy một quả, như không thể từ Hóa thành về đảo châu báu.

Hỏi: Nếu quả không có, không thể hội thì trí dứt không có, lẽ ra không thể hội sao lại nói các ông hành đạo Bồ-tát ư?

Đáp: Có thể suy tìm kỹ ý chỉ kia, trí dứt nầy có thể trông mong hai điều, nếu nói trí dứt rốt ráo đây thì không có nên chẳng thể hội mà có trí dứt nầy không rốt ráo thích hợp quy Nhất thừa cho nên nói các ông hành đạo Bồ-tát.

Luận giải thích rằng: việc các ông làm là đạo Bồ-tát nghĩa là trước phát tâm Bồ-đề rồi lui sụt, rồi lại phát tâm tu hành như trước, gốc lành không mất đồng sau đắc quả, nên ý này nói chọn gốc lành tâm Bồ-đề nên hành đạo Bồ-tát. Trí Nhị thừa dứt đều là duyên xa của đạo Bồ-tát, thiện căn trời người cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói các ông thực hành quả Bồ-tát ư?

Đáp: Nhị thừa chính gọi là quả mà chẳng phải đạo, nay bác bỏ bệnh này nên gọi là đạo chẳng phải quả. Đạo nghĩa là nhân, các ông thực hành hoặc nhân hoặc quả đều là đạo Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát có quả như trong Tín Giải nói: nay ta đắc đạo đắc quả. Đại Phẩm nói: Hữu pháp là đạo Bồ-tát, vô pháp là Bồ-tát quả, vì sao không nói các ông thực hành quả Bồ-tát ư? Đáp: Căn cứ nghĩa nầy cũng được, chỉ vì ở đây nói đạo là chọn Bồ-tát, hoặc quả hoặc đạo đối với Phật đều là nhân, tất cả đều là đạo, cho nên nói đạo Bồ-tát.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 8

Luận rằng xoay bánh xe pháp có bốn nghĩa:

1. Bánh xe.
2. Xoay.
3. Phương.
4. Hàng phục.

1. Bánh xe: Đại thừa dùng quán vô sinh diệt làm thể, Tiểu thừa dùng quán sinh diệt làm thể. Đại thừa dùng quán vô sinh làm bánh xe, lược có mười nghĩa:

1) Chỉ Thánh vương có các người khác thì không, chỉ Thánh vương vô sở đắc có quán vô sinh diệt nầy. Người có sở đắc thì không.

2) Tự nhiên thành tựu không do công sức, Phật Bồ-tát liễu các pháp vốn tự vô sinh, nay cũng không diệt, đắc quán vô sinh phá sinh diệt cho nên có vô sinh. Phẩm Phương Tiện nói: Các pháp từ xưa nay tướng thường vắng lặng.

3) Phúc võng (bánh xe) đầy đủ, quán vô sinh tròn đầy thì các hạnh đầy đủ.

4) Vua Tự tại dẫn trước, do quán vô sinh thường đứng đầu các hành.

5) Người khác không thể hoại, thiên, ma, ngoại đạo không thể hoại.

6) dẹp bỏ được kẻ thù: đắc quán vô sinh phá được tất cả sinh tâm động niệm.

7) Dừng nơi Không, không đọa, đắc quán vô sinh thường đối với thật tướng hư không chẳng còn lui sụt.

8) Tròn đầy không bờ bến: đắc quán vô sinh lìa các bên đoạn thường.

9) Trên dưới xoay vần: đắc quán vô sinh năng đối với sinh vô sinh không ngăn ngại nhau, như pháp thân vô sinh mà không nơi nào chẳng sinh, do vô sinh nên các đường đóng cửa tức là trên xoay, không chỗ

nào không sinh mà sinh trong năm đường gọi là dưới vần.

10) Mau đắc quán vô sinh tâm không gì ngăn ngại một niệm biết khắp. Cái gọi luân là lấy xoay bánh xe làm nghĩa, trước Đức Phật đắc Như thật ngộ thọ ký cho Đức Phật sau, chúng sinh bất tận xoay vần không lúc nào dừng nên gọi là xoay bánh xe. Lại luân nghĩa là đầy đủ: Quán vô sinh nầy không đức nào là không bao gồm, như Bát-nhã nói một niệm đầy đủ muôn hạnh. Lại luân là nghĩa tròn đầy ngay thẳng, vô sinh thật quán tròn đầy ngay thẳng không nghiêng lệch.

Hỏi: Vì sao gọi là Pháp luân lại gọi là Phạm luân ư?

Đáp: Có thể vâng theo phép tắc gọi là pháp, thanh tịnh gọi là phạm. Luận Thập Trụ chép: Luân đây năng trừ ba độc của chúng sinh khiến được thanh tịnh cho nên nói phạm luân. Luận Bà-sa chép: Phạm âm nói nên gọi là phạm luân. Văn Thích luận đã nói đầy đủ.

Kế là nói về vị, chỉ một vô sinh Trung đạo chánh quán, y cứ sáng tối khác nhau chia làm bốn vị: Sơ địa đến Tam địa gọi là Tín vô sinh, Tứ địa đến Lục địa gọi là Thuận vô sinh, Thất địa đến Cửu địa gọi là Chân vô sinh, Thập địa đến Phật địa gọi là Tịch diệt vô sinh, tức dụ cho bốn vua Chuyển Luân. Lại Địa tiền cũng có bốn vị: Ngoại phàm Thập tín là Tín vô sinh, kế Thập trụ là Giải vô sinh, Thập hạnh là Nhân vô sinh khởi hạnh, Thập hồi hướng nói giải hạnh đầy đủ thuận dòng vô sinh, bốn vị sau gọi là Tương tự luân, bốn vị trước gọi là chân luân, trong tự nói ngoại phàm, trong chân đều, không đều như giải thích trong Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao Địa tiền đến quả Phật đều quán vô sinh?

Đáp: Bát-nhã nói Bồ-tát lúc mới phát tâm đều học vô sở đắc, do vô sở đắc nên từ một vị đến một vị, có sở đắc là quyến thuộc của ma không đạo không quả vì vậy nên đều học vô sinh.

Hỏi: Vì sao gọi là quán vô sinh? Đáp: Đối với tất cả duyên sinh tử, Niết-bàn và quán đều chẳng sinh tâm động niệm nên gọi vô sinh. Cho nên kinh dạy: Động tâm là lưới ma, bất động tức là pháp ấn.

2. Giải thích nghĩa xoay: Tức dùng vô sinh làm bánh xe, tức dùng vô xoay làm xoay. Tịnh Danh nói: Ba lần xoay bánh xe pháp trong cõi Đại thiên, bánh xe kia xưa nay thường thanh tịnh. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: vườn Nai không nói cốc thọ không nói, Thiện Cát nói ta không luận bàn cho đến không nói một chữ.

Đại Kinh nói nếu biết Như lai thường không nói pháp thì đó gọi là đầy đủ học rộng, đây đều là không xoay mà xoay cho nên nói vô sở ngôn, chỉ chuyển có hai thứ:

1) Tha chuyển.

2) Tự chuyển.

Hai thứ này bỏ ba thứ thành Phật:

1) Pháp thân thành Phật, nghĩa là ngồi đạo Tràng quán vô sinh sẽ đầy đủ niệm không hai, hoặc nhờ Chư Phật vì làm nhân duyên nên quán vô sinh xoay chuyển trong tâm gọi là tha chuyển.

2) Ứng thân thành Phật, nghĩa là Thập địa hành mãn ngồ nơi đạo tràng không thầy mà tự ngồi gọi là tự chuyển, hai thứ này đều là Đại thừa, Ba tạng không có.

Kế là nói ba tăng kỳ kiếp hành mãn ba mươi bốn tâm thành Phật, cũng không có thầy mà tự ngộ đắc nhãn trí, minh giác ba thứ này chứa đựng thành Phật, thành Phật tuy nhiều thứ mà không ngoài ba thứ này. Nếu dùng bản tích mà nói thì đầu một là bản, sau hai là tích, Đại tiểu vì luận thì hai thứ đầu là Đại, sau là Ba tạng. Quyền thật mà nói thì Ba tạng nói về quyền Đại thừa có quyền có thật, pháp thân là thật thành, tích thân là quyền thành. Kế là căn cứ ứng thân thành Phật lại có tự tha. Luận Bà-sa nói Đức Phật ngồi dưới cội Bồ-đề xoay bánh xe pháp tự thân nghĩa là tự đắc cảnh vô lậu tuệ hành Tứ đế; ở nơi vườn Nai vì tha thân xoay bánh xe pháp nghĩa là Kiều-trần-như,v.v... có tuệ ứng phát cần ngôn giáo của Phật để họ khởi phát gọi là vì tha chuyển. Chỉ vì nghĩa tự chuyển căn cứ lúc mới thành đạo nghĩa nầy thì ngắn, từ đó về sau đều thuộc tha chuyển cho nên tha chuyển thời dài, Tiểu thừa đã vậy Đại thừa cũng đồng.

3. Nói nghĩa phương: xoay thì có phương hướng tức là nghĩa chuyển cảnh, nếu vậy Tiểu thừa quán sinh diệt chiếu cảnh Tứ đế, cho nên bánh xe xoay bốn phương, Đại thừa nói quán vô sinh diệt nơi một thậtđế mới chuyển.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Tiểu thừa dùng khổ tập làm sinh nhau, diệt đạo làm hoàn diệt, cảnh tức quán sinh diệt cũng giống như vậy, cho nên cảnh sinh diệt phát quán sinh diệt, quán sinh diệt chiếu cảnh sinh diệt, do đó nên nói sinh diệt xoay vần bốn phương. Đại thừa, thì nói không khổ không tập nên không sinh, không đạo không diệt nên vô diệt, cho nên gọi là Nhất đế, dùng một đế vô sinh diệt phát bất sinh diệt một quán, một quán vô sinh diệt chiếu một cảnh vô sinh diệt, cho nên nói vô sinh diệt xoay vần nơi một đế mới chuyển. Nhưng chuyển luân đã là không chuyển mà chuyển, cảnh sinh cũng chẳng sinh mà sinh không chuyến mà chuyển tuy chuyển mà không chiếu, bất sinh mà sinh tuy sinh mà không phát.

Tiểu nói Tiểu thừa luân nơi bốn phương chuyển, Đại thừa cũng như vậy. Chỉ là Tiểu thừa đối hữu lượng bốn phương chuyển, Đại thừa đối vô lượng bốn phương chuyển.

Hỏi: Tiểu thừa hữu lượng nên có sinh diệt, Đại thừa vô lượng cũng có sinh diệt, lượng, vô lượng bèn khác, quán sinh diệt lẽ ra đồng ư?

Đáp: Cũng khác nhau. Đại thừa nói khổ, như Đại Kinh nói: Hiểu khổ không khổ gọi là khổ đế. Lại nói năm ấm rỗng suốt không, không có chỗ khởi là nghĩa khổ, pháp vốn bất sinh nay thì không diệt là nghĩa vắng lặng, đâu đồng Tiểu thừa bức não là khổ, đã có lại không gọi là diệt ư?

4. Nói hàng phục: oán tức nói về dụng của bánh xe, Tiểu thừa đối Tứ đế mới chuyển hàng phục oán dưới Tứ đế, chánh quán luân đối nhất thật đế mới chuyển, hàng phục oán sinh diệt đoạn thường. Lại bánh xe Tiểu thừa đối với hữu lượng Tứ đế chuyển phục hoặc bên dưới hữu lượng Tứ đế, bánh xe Đại thừa đối với vô lượng Tứ đế mới chuyển phục hoặc bên dưới vô lượng Tứ đế. Kế là nói quyền thật: Do bên trong chiếu Bốn đế làm thật trí, ngoài nói giáo làm quyền trí, tức Phật tự xoay bánh xe pháp thì chuyển cùng luân đều là thật trí. Nếu vì chúng sinh xoay bánh xe pháp thì bánh xe bị xoay là thật trí giáo năng chuyển làm quyền trí. Kế là nói hai luân giáo trí.

Hỏi: Đại Kinh nói Chư Phật, Thế tôn hễ có nói ra điều gì là xoay bánh xe pháp, đây dùng vật gì để xoay sao nói làm bánh xe ư?

Đáp: Có thể đủ hai nghĩa:

1) Phật giáo làm năng xoay, chúng sinh trí làm luân bánh xe bị xoay, vì Chư Phật nói pháp đều năng sinh vật trí tuệ nên dùng Phật giáo làm năng xoay, trí chúng sinh làm bánh xe bị xoay.

2) Dùng giáo làm bánh xe bị xoay, dùng trí Phật làm năng chuyển. Vì sao? Vì hai trí Phật năng thuyết hai đế, giáo hai đế làm bánh xe bị xoay.

Hỏi: Trước nói giáo là năng chuyển, chúng sinh hai trí làm luận sở chuyển, cùng trái với sau làm sao hội thông ư?

Đáp: Phật vì chúng sinh xoay bánh xe pháp chủ yếu phải đủ hai thứ năng sở:

1) Dùng hai trí nói hai luân, thì hai trí làm năng chuyển, hai đế giáo làm bánh xe bị xoay.

2) Hai đế giáo lại năng phát sinh hai trí cho chúng sinh, thì hai đế giáo làm năng chuyển, hai trí chúng sinh làm bánh xe bị xoay. Đầu thì trí năng đế sở, kế thì đế năng trí sở.

Hỏi: Đức Phật tự xoay có năng sở hay không?

Đáp: hai đế của Phật năng phát sinh hai trí của Phật, thì đế là năng chuyển trí Phật làm bánh xe bị xoay, hợp trên thì có ba thứ năng sở.

Hỏi: Vì sao giáo gọi là bánh xe ư?

Đáp: Giáo có khả năng dứt tà bày chánh cũng gọi là bánh xe, dùng trí làm luân chung tự tha, dùng giáo làm luân chỉ có tự tha.

Hỏi: Trí giáo làm luân xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đại Kinh nói hễ có nói điều gì đều là xoay bánh xe pháp giáo này. Tịnh Danh nói: Đắc vô sinh nhẫn xoay bánh xe bất thoái dùng trí làm bánh xe. Luận Thập Trụ nêu ra đủ hai giải thích:

1) Nói mười hai thứ hành làm luân. mười hai thứ hành nghĩa là nhãn trí minh, giác, những thứ này dùng trí làm luân.

2) Nói phân biệt pháp Ba thừa gọi là xoay bánh xe pháp dùng giáo làm bánh xe.

Kế là nói nghĩa Ba luân: Vì Thanh văn chuyển Tứ đế nầy thì Ba chuyển gọi là thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển; vì Duyên giác nói tái chuyển (chuyển lại lần nữa), nghĩa là lhai nhân duyên sinh nhau và hoàn diệt; vì Bồ-tát nói sáu độ chỉ nêu một lần chuyển, không có ba lần nói sáu độ cũng không nói có hai thứ sinh diệt.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Vì văn kinh Pháp Hoa tự có giải thích ấy. Tứ đế thì nói Ba chuyển, Mười hai nhân duyên thì nói sinh diệt, sáu độ nói thắng mà thôi.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Vì chỉ bày hàng Thanh văn căn độn nên ba phen chuyển, chỉ bày hàng Duyên giác trung căn nên chuyển lại một lần nữa, chỉ bày Bồ-tát thượng căn nên một lần chuyển.

Kế là nói nghĩa thông phương: Thanh văn đã ba phen chuyển, hai hạng còn lại cũng lệ theo như vậy. Lại thông là người Ba thừa đồng quán mười hai nhân duyên cho nên được thông vì người Ba thừa xoay bánh xe pháp mười hai nhân duyên. Chỉ y cứ mười hai nhân duyên giáo có thể chia ra hai vị, vì người Nhị thừa nói mười hai nhân duyên sinh diệt nên gọi là hai phen chuyển, vì Bồ-tát nói vô sinh diệt một Trung đạo chánh quán gọi là một phen chuyển. Cho nên Trung luận chép: Trước ở trong pháp Thanh văn nói mười hai nhân duyên sinh diệt, kế vì các Bồ-tát nói mười hai nhân duyên vô sinh diệt. Mười hai nhân duyên sanh diệt: tức là sinh nhau và hoàn diệt. Vì Bồ-tát nói mười hai nhân duyên vô sinh diệt, mười hai vốn vô sinh nay cũng không diệt.

Kế là nói nghĩa Tứ đế chung riêng: Vì người Nhị thừa nói hữu lượng Thánh đế, vì các Bồ-tát nói vô lượng Thánh đế.

Hỏi: Vì sao văn nói vì người Duyên giác nói Tứ đế ư?

Đáp: Mười hai sinh nhau tức khổ tập, hoàn diệt tức diệt đạo, nghĩa có thể biết. Lại Phẩm Vãng Sanh trong Thích luận nói: Bồ-tát nếu chứng Tứ đế thành Bích-chi-phật tức là văn ấy.

Kế là nói sáu độ chung riêng: Thông đắc vì người Ba thừa nói sáu độ. Phẩm Phát Thú trong Đại Phẩm nói: A-la-hán Bích-chi-phật Chư Phật nhân lục Ba-la-mật mà đạt đến bờ bên kia. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Phàm phu Nhị thừa đều có sáu, chỉ sáu khác nhau với Bồ-tát !

Hỏi: Nếu người Ba thừa đều có sáu cũng chỉ nên gọi là Ba-la-mật hay không?

Đáp: Người Nhị thừa thực hành hạnh nầy đến bờ kia Niết-bàn cũng gọi là Ba-la-mật nhưng không thể đạt đến Phật đạo, bờ bên kia so với Bồ-tát chẳng phải Ba-la-mật. Lại Thích luận nói người Tiểu thừa có đủ sáu độ, vì Phật Tỳ-đàm tức là Bát-nhã, định tức là thiền, giới là Thi la, trong đạo phẩm tinh tấn tức Tỳ lê da, chịu đựng trách mắng tức nhẫn, có bố thí tức là đàn.

Hỏi: Sáu độ tức là Tứ đế phải không?

Đáp: Lục tế sinh nhau là khổ tập, lục hạnh năng diệt tức đạo đế sở diệt không gọi là diệt đế cũng được đầy đủ bốn đế.

Kế là nói giải thích riêng nghĩa Thanh văn ba phen chuyển.

Hỏi: Vì sao nói ba phen chuyển ư?

Đáp:

1) Pháp ngữ của Chư Phật ba đời mười phương không quá ba lần, lúc ở vườn Nai nầy là sơ xoay bánh xe pháp chỉ bày pháp của Chư Phật nên ba phen nói.

2) Vì chúng sinh có ba căn nên ba phen nói. Thích luận quyển một trăm nói: Người thọ pháp có ba thứ: lợi căn một lần nghe liền ngộ, trung căn hai phen nghe mới hiểu, độn căn ba phen nghe nói mới ngộ. Luận Bà-sa cũng nói về như thế.

Hỏi: Đức Phật vì năm Tỳ-kheo ba phen nói Tứ đế trong đây vì sao nói có ba căn?

Đáp: Trong đây có tám muôn chư thiên và năm người vì sao lại không có ba căn ư!

3) Phát sinh ba tuệ cho nên ba chuyển: sơ chuyển sinh văn tuệ, kế chuyển sinh tư tuệ, chuyển lần thứ ba sinh tu tuệ.

4) Sơ chuyển sinh vị tri dục tri căn, kế chuyển sinh Tri căn, ba

phen nói sinh dĩ tri căn.

5) Sơ nói sinh kiến đạo, kế nói sinh tu đạo, sau nói sinh vô học đạo.

Hỏi: Vườn Nai ba phen nói sinh vật gì ư?

Đáp: Chỉ sinh vị tri dục căn, chỉ sinh kiến đạo mà đầy đủ sinh ba tuệ, đến thời Kiến đạo là vị tu tuệ.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Vì năm người và tám muôn chư thiên đều đắc sơ đạo. Lại lần thứ nhất nói thì người hạ căn sinh Kiến đạo, người trung căn hạ căn chưa ngộ đều ở trước kiến đạo, lần thứ hai nói người hạ căn đạt đến Tu đạo, người trung căn ở kiến đạo, người hạ căn chưa nhập kiến đế, lần thứ ba nói người thượng căn đắc vô học đạo người trung căn đắc tu đạo, người hạ căn đắc kiến đạo, ba tuệ cũng như vậy. Người lợi căn nghe nói một lần đắc văn tuệ, hai loại người còn lại chưa đắc lần thứ hai nói người hạ căn đắc tư tuệ, hạng trung căn đắc văn tuệ, lần thứ ba nói người hạ căn đắc tu tuệ, người trung căn đắc tư tuệ, người hạ căn đắc văn tuệ.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Luận Bà-sa chép: Kiều-trần-như một người đắc sơ quả thời bốn người trụ tứ gốc lành. Nhưng ba chuyển có hai thứ:

1) Tứ đế ba chuyển như trước.

2) Nhất đế ba chuyển: Gọi là khổ, khổ nên biết, khổ ta đã biết, tập... cũng như vậy.

Kế là nói nghĩa mười hai hành: Chia làm hai ý:

1) Căn cứ pháp luân Tứ đế nói mười hai.

2) Căn cứ mười sáu đế pháp luân nói chuyển Pháp luân Tứ đế. Nói mười hai ấy: là có giáo mười hai, có hành mười hai. Giáo mười hai: Nghĩa là thị, khuyến, chứng, bốn đế thành mười hai giáo. Mười hai hành: ba phen chuyển đều sinh nhãn trí, minh, giác nếu giáo mười hai là năng chuyển thì hành mười hai là sở chuyển, mười hai hành là luân, mười hai giáo không phải luân. Nếu nói nghĩa hai luân thì mười hai đế là giáo pháp luân, mười hai hành là hành pháp luân. Nếu là giáo pháp luân thì năng chuyển chỉ là một quyền trí, sở chuyển thì có mười hai giáo. Nếu là hành pháp luân, thì năng chuyển giáo có mười hai, sở chuyển hành cũng mười hai.

Hỏi: Giáo hành đây là căn cứ một người hay căn cứ nhiều người ư?

Đáp: Giáo thông một người, nhiều người, tự có một người bẩm thọ

đầy đủ thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển, tự có người ba căn bẩm thọ ba đều được ngộ. Nếu căn cứ Kiến đế, đạo luận mười hai hành: Cốt yếu là ba người: người lợi căn nghe thị chuyển liền sinh nhãn trí minh, giác cho nên đắc Kiến đế, người trung căn hạ căn cũng như vậy. Dùng ba hạng người hợp nêu cho nên nói mười hai hành.

Hỏi: Vì sao căn cứ kiến đế nói mười hai hành ư?

Đáp: Đây là căn cứ ở vườn Nai nói Kiều-trần-như và tám muôn chư thiên đắc pháp nhãn thanh tịnh cho nên nói điều này. Lại căn cứ nghĩa Tiểu thừa Kiến đế, đạo chính là pháp luân.

Tiểu thừa nghĩa xưa nói đức Mâu Ni nói kiến đạo nhanh, nên gọi là pháp luân, Cù-sa cũng vậy. Cho nên, nói hoặc lại nói tám chi chuyển đến tâm người, tám chi cũng là tám chánh đạo, tám chánh đạo tức là kiến đạo, nhưng Cù-sa giải chuyển cùng tạp tâm không khác nhau nhau chỉ tạp tâm nói chuyển và luân đều là kiến đế giải. Căn cứ hai nghĩa nói về chọn kiến đế vô lậu giải có nghĩa dẹp phá nên gọi là Luân. Đây giải nhanh chóng gọi là chuyển, Cù-sa nói Đức Phật tự ngộ tám chánh đạo cho đến hiểu rõ trong tâm của năm người nên gọi là chuyển.

Hỏi: Vì sao biết ba lần chuyển sinh ba đạo ư?

Đáp: Đức Thích-ca sơ chuyển chỉ nói đắc giải Kiến đế cho nên căn cứ Kiến đế đạo. Đức Đại Thông Trí Thắng sơ chuyển thì đều đắc La-hán, La-hán ắt trải qua ba đạo cho nên căn cứ ba đạo nói ba phen chuyển. Luận Tát Bà Đa nói chỉ Kiến đạo gọi là pháp luân, Tăng Kỳ bộ nói Chư Phật hễ có nói ra điều gì đều gọi là xoay bánh xe pháp, Thích Luận nói chỉ lúc mới nói gọi là xoay bánh xe pháp, sau trở đi nhân ở lúc mới cũng gọi là xoay bánh xe pháp.

Kế là nói bốn mươi tám pháp luân: Như một người đắc bốn tâm nhãn, trí, minh, giác khai nầy thì chia bốn tâm thành mười sáu tâm, nghĩa là khổ pháp nhẫn làm nhãn, khổ pháp trí làm trí, Tỉ nhẫn là minh, Tỉ trí là giác, cùng ba đế đều như vậy, cho nên thành mười sáu, người Ba căn đều đắc mười sáu cho nên thành bốn mươi tám hành.

Kế là nói chuyển mười sáu đế pháp luân: cũng nên có thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển thì thành bốn mươi tám giáo pháp luân. Người ba căn đều đắc mười sáu tâm nên gọi là bốn mươi tám hành pháp luân, đây chẳng phải là khổ nhẫn mười sáu tâm, chính là khổ vô thường mười sáu tâm. một người ba người đầy đủ đắc bốn mươi tám giáo. Nếu là hành luân bốn mươi tám chỉ căn cứ ba người.

Hỏi: Bốn đế mười sáu đế có gì khác nhau ư?

Đáp: Lược, rộng làm khác. Lại vì người hạ căn nên chỉ nói lược

bốn đế, vì hàng độn căn rộng khai mười sáu đế, lại bốn đế là chương môn mười sáu đế là giải nghĩa, lại nói rộng làm mười sáu, vì dễ (giữ gìn) trì nên chỉ nói bốn.

Hỏi: Trước nói bốn mươi tám hành, sau lại nói bốn mươi tám hành có gì khác nhau ư?

Đáp: Nếu chuyển pháp bốn đế nói bốn mươi tám hành, ắt là căn cứ kiến đế, sao lại dùng kiến đế mười sáu tâm, ước về ba căn đều đắc mười sáu cho nên thành bốn mươi tám, tư duy không hẳn đầy đủ quán Tứ đế. Lại tạo tác chín vô ngại, chín giải thoát dứt hoặc, không nói mười sáu tâm cho nên không được thành bốn mươi tám. Nếu chuyển mười sáu đế pháp luân đây là thông hoặc Kiến, Tư, do Kiến, Tư đều đắc thành mười sáu đế quán nên thành mười sáu hành. Nhưng mười sáu trước chỉ căn cứ kiến đế cho nên biệt, mười sáu sau tức thông.

Kế là nói dùng bốn câu tóm lược:

l) Khai giáo khai hành, nghĩa là mười sáu đế mười sáu hành.

2) Hợp giáo hợp hành nghĩa là mười hai giáo mười hai hành.

3) Hợp giáo khai hành, ba phen chuyển mười hai giáo là hợp giáo, căn cứ ba thành bốn mươi tám là khai hành.

4) Hợp hành khai giáo: Căn cứ một người nghe đủ ba phen chuyển mười hai giáo nên gọi là khai giáo, chỉ sinh một nhãn trí minh giác gọi là hợp hành.

Hỏi: Nay nói Tiểu thừa có gì khác nhau với số luận nói Tiểu thừa?

Đáp: Lời nói tuy đồng mà tâm thì khác, như bài tựa của ngài Tịnh Danh nói về Tiểu thừa pháp luân nói ba phen xoay bánh xe pháp ở cõi Đại thiên, luân kia xưa nay thường thanh tinh. Nếu vậy tuy là khai cùng hợp cảnh cùng hành đều là nhân duyên, giả danh làm chuyển, nhân duyên chuyển nầy là không chuyển mà chuyển vô sở chuyển cho nên nói luân kia xưa nay thường thanh tịnh, cho đến cảnh vô sở cảnh, bỏ vô sở khai như thế mới được gọi là xoay bánh xe pháp, cũng mới được gọi là pháp nhãn thanh tịnh. Nếu có sở chuyển đây là chuyển điên đảo không gọi là pháp luân, nếu có sở kiến chính gọi là điên đảo kiến, không gọi là đắc pháp nhãn thanh tịnh. Bài tựa Phẩm Tánh khởi trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Tiểu thừa pháp luân vô sở chuyển, vô sở hoàn, gọi là xoay bánh xe pháp.

Hỏi: Không chuyển mà chuyển đó là trong Đại thừa nói hay trong Tiểu thừa nói?

Đáp: Trong Đại thừa nói Phật nói Tiểu thừa xoay bánh xe pháp

ý như thế, nếu không ngộ như thế thì người ấy không hiểu được ý Đại thừa cũng không đắc ý ba tạng.

Kế là biệt nói Đại thừa xoay bánh xe pháp có bốn câu: Ban đầu xoay bánh xe Tứ đế, kế là xoay bánh xe hai đế, kế là bánh xe một đế, kế là xoay bánh xe pháp vô đế, Tiểu thừa chỉ có ba phen chuyển mà Đại thừa có đầy đủ bốn chuyển, bốn chuyển đây đều là nghĩa thư giãn giãn từ vô đế là một đế, một đế là hai đế, hai đế là bốn đế, thu vào thì hợp bốn đế làm hai đế, hai đế qui về một đế, một đế qui về vô đế. Tứ xoay bánh xe pháp là nhất Trung đạo Phật tánh, Pháp Hoa cũng như vậy. Căn cứ đây chia làm bốn đế: mê thì thành khổ tập, ngộ thì thành diệt đạo. Mê thành khổ tập: Như tùy nơi dòng kia sáu vị khác nhau, tất cả nghiệp ác phiền não tức tập đế, sinh tử khổ não tức khổ đế. Ngộ thì có Thập tín cho đến Đẳng giác địa tức đạo đế, Như lai địa một đế một nương vắng lặng Niết-bàn gọi là diệt đế. Kế là hợp bốn đế này chỉ thành hai đế, ba đế nhập tướng hữu vi, diệt đế nhập tướng vô vi, chỉ có hai đế thường vô thường, cũng là hai đế không, bất không, vô thường tức là không, Niết-bàn gọi là bất không, cho nên nói hai đế không, bất không. Kế là hợp hai đế chỉ thành một đế: Hữu vi luống dối không gọi là đế, thường trụ chân thật nên gọi là đế, như Đại Kinh giải thích bảy nghĩa. Kế là diệt một đế để qui về vô đế: Như Kinh nói cái gọi là không là chẳng thấy không bất không, chẳng thấy không là chẳng thấy hữu vi sinh tử không, chẳng thấy bất không cũng là không thấy Niết-bàn bất không. Lại sinh tử là không, mà nay nói cả chẳng thấy không bất không, Niết-bàn là bất không, cũng chẳng thấy hữu, bất hữu, nếu vậy tức không thấy sinh tử không bất không, cũng không thấy Niết-bàn hữu bất hữu, cho nên phi không phi hữu phi sinh tử phi Niết-bàn tức là vô đế.

Lại nữa Đại Kinh quyển mười ba thuyết: Ở vườn Nai xướng Tiểu thừa mà không nói, ở song lâm đại âm mà không nói, quở trách Văn-thù nói là chuyển bác bỏ ở hội có nghe tức như tướng đây mới gọi là xoay bánh xe đại pháp cho nên trước nói nếu biết Như lai thường không nói pháp, đó gọi là Bồ-tát đầy đủ học rộng.

Kế là dứt cả Đại tiểu: lấy sinh diệt làm tiểu luân lấy vô sinh diệt làm đại luân, đây là vô sinh diệt sinh diệt, sinh diệt vô sinh diệt, phi sinh diệt phi vô sinh diệt, phi đại phi tiểu bất chuyển bất hoàn, nên nói luân kia xưa nay thường thanh tịnh. Đức Phật như thế mà chuyển mà hòan toàn vô sở chuyển, duyên như thế mà ngộ cuối cùng vô sở ngộ, vô sở chuyển mới gọi là diệu chuyển, vô sở ngộ mới gọi là diệu ngộ. Cho nên ngài Tăng Triệu nói: Đạo mầu nhiệm ở nơi bặt dứt bờ cõi, cho

nên không đắc mà đắc, đại âm ẩn kín ở âm thanh hiếm hoi cho nên không nghe mà nghe nghĩa năm trăm do-tuần. Luận rằng: Phật pháp tuy rộng sâu mà đại khái không ra ngoài hai dấu vết sinh tử, Niết-bàn và mê ngộ, các Sư phần nhiều dẫn năm trăm do-tuần rộng chứng các nghĩa, cho nên phải lời bình sự được mất kia, nghĩa nầy nếu thành thì các chứng tích kia đều đứng vững, nghĩa nầy nếu hoại thì các chứng tích đều sai lầm. Có người nói sinh tử có bốn thứ:

l) Lưu đến sinh tử.

2) Biến dịch sinh tử.

3) Trung gian sinh tử.

4) Phần đoạn sinh tử.

Nay chỉ nói ba thứ sinh tử để dụ năm trăm không nói lưu lai, lưu lai là lúc mới thức hữu, nay nói bắt đầu ngược lại nguyên nhân nên không nói, ba trăm gọi là phần đoạn sinh tử, bốn trăm là Thất địa, trung gian sinh tử là năm trăm, Bát địa trở lên là biến dịch sinh tử.

Lời bình rằng: Ở đây giải thích năm nghĩa là sai.

1) Là bốn thứ sinh tử kinh luận không căn cứ. Thắng-man chép: Nhân năm quả hai. Quả hai: a) Phần đoạn. b) Biến dịch. Nhân năm: Nghĩa là ngũ trụ địa, lìa hai thứ sinh tử, lập riêng giữ lại sinh tử và trung gian sinh tử, nên lìa ngoài ngũ trụ lập riêng phiền não, lìa nghiệp lậu, vô lậu lập riêng lại nghiệp:

2) Pháp Hoa nói năm trăm mà không thêm thành sáu trăm giảm thành bốn trăm. Kinh nói hai thứ sinh tử cũng không thể thêm bớt, nếu hai thứ sinh tử liền có thêm bớt thì nghĩa năm trăm cũng đồng như vậy.

3) Thích luận nói: Bồ-tát có hai thứ thân: a) Nhục thân. b) Pháp tánh sinh thân. Nhục thân thì phần đoạn sinh tử, Pháp thân nghĩa là biến dịch sinh tử. Nếu ngoài hai sinh tử biệt có sinh tử thì nên lìa ngoài hai thân lại có thân riêng.

4) Luận lại nói: A-la-hán xả bỏ nhục thân trong ba cõi thọ pháp tánh sinh thân, cho nên A-la-hán chỉ có hai thân, thì chỉ có hai thứ sinh tử, lìa ngoài hai thứ sinh tử không có sinh tử riêng.

5) Nếu cho rằng bốn trăm làm Thất địa thì ba trăm Lục địa, như vậy Nhị thừa dứt hoặc thì công đức ngang bằng với Lục địa. Nếu Nhị thừa dứt hoặc ngang bằng Lục địa thì không có việc ấy. Nhị thừa lâu nhất chỉ sáu mươi kiếp hoặc một trăm kiếp, Bồ-tát đến Lục địa thì hai mươi hai đại tăng kỳ kiếp, lược nêu một văn rõ ràng thì Bồ-tát cầu Phật đạo xa tít, Nhị thừa trông mong Đại giác làm đường thẳng mà các kinh

quở trách Nhị thừa liền thành nói dối! Lại Đại trí luận nói: Nhị thừa cách Phật đạo xa thẳm, không bằng thẳng đến Bồ-tát, dùng kinh luận rõ ràng không nên nói như thế. Nghĩa nầy cho đến có Thanh văn không Thanh văn trong đó sẽ nói rộng.

Có người nói chỉ có hai thứ sinh tử, như Thắng-man nói chỉ ở trong ba trăm đây dụ cho ba cõi, bốn trăm dụ Thất địa, trung gian hai nước khó có thể vượt qua, năm trăm dụ Bát địa trở lên. Lời bình rằng: Kinh nói Thất địa khó có thể vượt qua, y theo pháp Bồ-tát tự luận khó dễ, vì sao dùng đây để giáo hóa người Nhị thừa ư? Lại nếu dùng bốn trăm dụ Thất địa thì lẽ ra ba trăm dụ Lục địa, Nhị thừa công đức lại ngang bằng với Lục địa. Có người nói dứt hoặc kiến đế làm một trăm, dứt năm hạ phần kết làm hai trăm, dứt năm phần kết trên ba trăm, đoạn hằng sa phiền não làm bốn trăm, đoạn vô minh làm năm trăm. Lời bình rằng: Không đúng. Sơ quả khuynh đảo ba cõi Kiến đế đã vượt qua một nửa ba trăm không nên nói một trăm. Lại chưa đoạn tư duy cõi dục chưa vượt qua một trăm, hoặc quá hoặc không bằng vậy. Lại kinh nói ba cõi là nhà lửa, Nhị thừa ra khỏi nhà lửa tức là vượt khỏi ba trăm, không nên có giải như thế. Bốn trăm là hằng sa, năm trăm là vô minh, trở lại phối với vị địa thì đồng với trước bình phẩm. Có người nói: ba cõi làm ba trăm, Thất trụ và Nhị thừa là bốn trăm, Phật địa trở lên là năm trăm.

Lời bình rằng: ba cõi làm ba trăm thì như trước đã nói về hai trăm sau trở lại dùng phối hợp vị địa vượt qua đồng ở trước. Có người nói như Đại Kinh nói: Tu Đà hoàn tám muôn kiếp đạt đến cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đạt đến. Đến là đến tâm Bồ-đề, như người ba căn lãnh giải tức là phát tâm Bồ-đề, vì năm thứ người đạt đến tâm Bồ-đề cho nên nói rộng năm trăm. Đây là chọn hạng người rất độn căn cho nên nói tám muôn kiếp đến. Nếu người lợi căn không hẳn phải nhiều kiếp, đức Thích-ca một thời kỳ xuất thế người đắc bốn quả nghe Pháp Hoa đều phát tâm gọi là đến. Lời bình rằng nghĩa ấy không đúng, kinh nói vượt qua ba trăm do-tuần lập địa Nhị thừa đâu phải vượt qua năm người ư!

Hỏi: năm người đều phát tâm Bồ-đề gọi là vượt qua năm trăm ư?

Đáp: Như sơ quả trải qua tám muôn kiếp phát tâm Bồ-đề đó là siêu vượt Địa Nhị thừa gọi là vượt qua năm trăm.

Lời bình rằng: Đây chính là Đại Kinh nói năm người phát tâm lìa nơi năm vị, nay chẳng phải trong ý nầy, vì sao? Vì trên đã nói quyền thật, nay dụ cũng nói quyền thật, vượt qua ba trăm lập Hóa thành đây là quyền, vượt qua năm trăm đến Đảo châu báu gọi là thật, cho nên bởi

Hóa thành đến Đảo châu báu. Nếu nói vượt qua năm người đều là tiến đến đảo châu báu dụ, mất ý lập dụ hóa thành cho nên ở đây chẳng giải chích.

Kế là tổng lời bình chung: Trên các giải thích chẳng hợp ý kinh, vì sao? Vì kinh nầy ba chu nói quyền thật, có pháp, thí, có hợp thí đây là năm trăm do-tuần cũng chẳng có hợp thí, các kinh sư không xem văn hợp thí không giải ý hợp thí cho nên dẫn ý các kinh khác để giải thích văn nầy, nên đều lầm lẫn. Kế là nêu ý thí dụ này giải thích: ba cõi là ba trăm, Thanh văn địa là bốn trăm, Duyên giác địa là năm trăm.

Hỏi: Vì sao có giải thích nầy?

Đáp: Nay dùng hai nghĩa để giải thích điều này: Ba trăm là Địa phàm phu, hai trăm là Địa Nhị thừa, hai thứ nầy ngăn chướng nơi Phật đạo, muốn cầu Phật đạo phải thoát khỏi hai chướng này cho nên Thích luận nói: Bồ-tát lui sụt có hai việc:

1) Tham ba cõi.

2) Ưa Nhị thừa, nay muốn thoát khỏi hai việc lui sụt này cho nên được nhập Bồ-tát vị tiến đến đảo châu báu.

Lại nữa, ba cõi gọi là Hữu kiến địa, Nhị thừa gọi là Không kiến Địa, hai kiến không hữu tổn thương Bồ-tát Trung đạo chánh quán, nay muốn tu Hạnh Bồ-tát mong cầu Phật đạo nên lìa hai địa này. Lại ba trăm dùng sinh tử làm chướng, hai trăm dùng Niết-bàn làm chướng. Địa luận chép: Bồ-tát vượt qua năm đường lại Niết-bàn thanh tịnh vì năm đường v Niết-bàn đều là chướng.

Lại Hoa Nghiêm chép: Đại nhạo Thọ Vương không sinh hai chỗ:

1) Nước sâu.

2) Hầm lửa.

Hầm lửa nước sâu tức là Nhị thừa và phàm phu tà kiến, hai thứ này không thể sinh tâm Bồ-đề căn Đại Nhạo Thọ Vương; vì vậy nên Bồ-tát phải lìa hai địa này. Lại ba cõi là lao ngục của Nhị thừa, Địa Nhị thừa là lao ngục của Bồ-tát, cho nên Nhị thừa muốn vượt khỏi ba cõi, Bồ-tát muốn vượt khỏi địa Nhị thừa. Lại phàm phu trong ba cõi phần nhiều tu phước đức mà không có trí tuệ, người Nhị thừa phần nhiều có trí tuệ mà không có phước đức, do hai luân không đủ thì không do đâu đến Phật cho nên cần phải lìa mới bước lên Đại giác.

Lại hành có ba thứ:

1) Phàm phu không thể tự hành, cũng không thể hành hóa tha.

2) Nhị thừa chỉ có thể tự hành mà không thể hành hóa tha tức là hành không đầy đủ.

3) Bồ-tát tu tự hành cho nên vượt ra địa phàm phu, tu hành hóa tha nên lìa Địa Nhị thừa.

Lại Nhiếp Đại thừa và Địa Trì luận nói chướng có hai thứ:

l) Hoặc chướng.

2) Trí chướng.

Thoát phiền não ba cõi chỉ lìa hoặc chướng chưa lìa chướng trí, nếu vượt ngoài hai trăm liền lìa hai chướng.

Lại nữa sinh tử có hai thứ:

1) Phần đoạn.

2) Biến dịch.

Như phàm phu chịu phần đoạn, Nhị thừa chịu biến dịch, lìa phàm phu nên không thọ phần đoạn, lìa Nhị thừa nên không thọ biến dịch. Lại sinh tử nhân duyên gồm có hai thứ:

1) Nghiệp nhân Hữu lậu bốn chấp thủ làm duyên.

2) nghiệp nhân Vô lậu vô minh làm duyên.

Phàm phu có nghiệp hữu lậu và bốn trụ phiền não, Nhị thừa có nghiệp vô lậu và vô minh phiền não, nay vượt qua năm trăm thì đoạn nhân duyên đây cho nên sinh tử hết hẳn.

Hỏi: Nếu như ba nghĩa sau lại đồng trước giải thích ư?

Đáp: Trước không tính số Nhị thừa là hai trăm đâu đồng với trước.

Kế là dẫn chứng: Hỏi: giải thích nầy xuất xứ văn nào?

Đáp: Thích luận giải thích phẩm Văn Trì của Đại Phẩm nói: Bồ-tát vượt qua bốn trăm do-tuần thì cách Phật đạo không xa. Luận nói ba trăm dụ ba cõi, bốn trăm dụ Địa Nhị thừa, Bồ-tát vượt qua hai địa này biết sẽ thành Phật. Chỉ có Đại Phẩm hợp Nhị thừa làm một trăm, Pháp Hoa khai làm hai trăm tuy khai hợp khác nhau mà ý không khác.

Hỏi: Đại Phẩm đã nói thí dụ này là có gì khác nhau với Pháp Hoa hay không?

Đáp: Bồ-tát chỉ nói Bồ-tát vượt qua hai địa Thánh phàm, chưa nói Nhị thừa là quyền, còn thiếu ý Hóa thành.

Hỏi: Đã chưa nói về Hóa thành lẽ ra cũng chưa nói về Đảo châu báu ư? Đáp: Đại Phẩm đã nói rõ thật tướng cho nên nói về đảo châu báu, vẫn chưa bỏ quyền nên không nói Hóa thành.

Hỏi: Đại Phẩm có thể dùng đây dụ cho Pháp Hoa, đâu hẳn đã giống?

Đáp: Dưới hợp trong dụ Hóa thành Đức Phật tự nói như vậy. Như kinh chép: Phật biết tâm ấy thấp kém yếu hèn, nên dừng lại nghỉ ngơi

nên nói hai thứ Niết-bàn. Đây là hợp thí dụ vượt qua ba trăm do-tuần.

Nếu chúng sinh trụ ở Nhị địa thì Như Lai lúc ấy vì họ mà nói: ông trụ ở địa gần với tuệ Phật, đây là hợp thí dụ vượt hai trăm do-tuần. Văn đã rõ ràng không nhọc gì mê hoặc. Mà Kinh Sư đều không thấy văn nầy, rộng dẫn các việc khác để giải thích cho nên mất ý chỉ kinh. Lại không dùng Nhị địa làm hai trăm, thì dùng văn gì hợp hai trăm ư! Lại trách các Kinh Sư xưa nói: Trong thí nói một hóa thành nay văn hợp thí vì sao lại nói nhị địa, không nên một, hai trái nhau. Nay nói khai hợp đều có ý chỉ kia, sở dĩ hợp ấy nói lược sáu nghĩa:

1) Đồng ra khỏi ba cõi.

2) Đồng đắc tận trí, vô sinh trí.

3) Đồng dứt hết chánh sử.

4) Đồng đắc Niết-bàn hữu dư, Vô dư.

5) Đối với ba phẩm tuệ Bát-nhã đồng đắc nhất thiết trí.

6) Đồng gọi Tiểu thừa, do sáu nghĩa đồng nên hợp Nhị thừa làm một hóa thành.

Mà khai làm hai địa ấy: nói lược mười nghĩa:

1) Hành nhân lâu, gần như trăm kiếp sáu mươi kiếp v.v...

2) Căn có lợi độn.

3) Theo thầy cùng Độc ngộ.

4) Thanh văn không có đại bi, Duyên giác có tiểu bi, như dụ hươu tê giác hiện trong Thích Luận.

5) Thanh văn không hẳn có tướng tốt, Duyên giác thì có, chỉ là ít nhiều không nhất định.

6) Thanh văn quán pháp lược gọi là Tứ đế, Duyên giác quán pháp rộng gọi là mười hai nhân duyên.

7) Thanh văn nói pháp thì khiến người ngộ Thánh đạo, Duyên giác không thể khiến người đạt đến Noãn pháp cho đến các việc đắc Hiền Thánh, xuất xứ từ Đại kinh.

8) La-hán chắc chắn ở đời có Phật, Duyên giác bất định.

9) Thanh văn hoặc đốn chứng bốn quả hoặc tiệm chứng, Duyên giác ắt đốn chứng như Phật Ba tạng.

10) Duyên giác hiện thần thông, thường ít nói pháp, Thanh văn bất định. Do đủ mười nghĩa nên chia làm hai địa, thế nên ba trăm dụ ba cõi hai trăm dụ hai địa.

Hỏi: Phẩm Thí dụ nói vì sao hợp ba cõi làm một nhà, khai giáo môn làm Ba thừa, nay vì sao khai 1 nhà làm ba trăm, hợp Ba thừa làm hai trăm ư?

Đáp: Trước nói đồng bị lửa khổ thiêu đốt cho nên hợp làm một nhà. Cầu vượt ra ấy có ba căn khác nhau cho nên giáo môn khai làm Ba thừa. Nay nói Phật đạo lâu xa, ba cõi và Địa Nhị thừa là đường ác lớn phải vượt qua rồi mới thành Phật. Vì vậy nên khai một nhà làm ba cõi trong Ba thừa chỉ có Địa Nhị thừa là chướng, Phật thừa chẳng phải chướng cho nên chỉ nói hai trăm.

Hỏi: Vì sao dùng địa phàm phu làm ba trăm, Tiểu thừa địa làm hai trăm ư?

Đáp: Do nói dẫn tiến nói ông vượt qua đã nhiều, chỗ ông trụ gần với tuệ Phật chỉ có hai trăm thôi! Phải cố gắng tinh tấn đảo châu báu không còn xa. Dùng lý mà nói thì chỗ đã vượt qua ít chỗ chưa vượt qua còn nhiều, Nhị thừa phát tâm mới nhập Thập tín, mới trải qua năm mươi hai vị ba mươi ba tăng kỳ kiếp mới đến quả Phật. Trước lúc ấy rất dài một trăm kiếp tu hành cho nên chỗ vượt qua ít.

Hỏi: Nếu vượt qua đã nhiều là nói dẫn tiến, thì kinh này chưa thành liễu nghĩa?

Đáp: Có ý chỉ sâu xa nói Phật đạo tuy dài nhưng nếu có thể vượt qua địa phàm phu và lìa địa Nhị thừa, thì về sau tiến tới tu hành không còn khó nữa, nên gọi là gần Phật. Như đi muôn dặm chỉ năm trăm dặm nhiều nạn, nếu vượt qua đường này thì tiến đến trước là dễ.

Kế là nói về đường ác: Hỏi: Vì sao nói năm trăm do-tuần đều là đường ác ư?

Đáp: Các nghĩa trên là nói về đường ác.

1) Tham đắm ba cõi và chấp sâu Nhị thừa có thể hại pháp thân tuệ mạng của Bồ-tát nên nói đường ác.

2) Phật và đệ tử đã bốn chỗ bỏ quyền bày thật quở trách Nhị thừa, hàng độn căn nghe còn chưa lãnh ngộ. Phẩm Phương Tiện nói: Hạng tiểu trí ưa pháp Tiểu thừa không tự tin thành Phật vì vậy nên dùng Phương Tiện phân biệt nói các quả.

Kế là chương Thân tử nói: Ta trước đối với pháp Không đắc chứng mà nay mới tự giác chẳng phải thật diệt độ. Phẩm Thí Dụ chép: chỉ có một xe lớn bỏ ở ngoài cửa, thật ra không có ba xe. Phẩm Tín Giải nói: Phật thừa như Trưởng giả đại giàu sang, người Tiểu thừa như người chột mắt thân thấp xấu hạng không có oia dức, cho đến người nghèo cùng thấp hèn hốt phân. Bốn chỗ tuy quở trách Nhị thừa, khen ngợi Đại thừa nhưng Thanh văn độn căn vẫn còn chấp chặt vì vậy nên nói thí dụ là đường ác, nói ba cõi Nhị thừa đều là đường ác. Nay ông vì sao lại ham ưa trụ ư? Lại trước vào thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã muốn

vượt qua năm trăm do-tuần, nay trải qua nhiều kiếp tu hành vì sao lui sụt, ở trong đường ác! Thí như cha mẹ trách con rằng: con không tiến lên sao lại thụt lùi!

Lại phàm phu thì ba đường là địa ngục, Nhị thừa thì ba cõi là địa ngục, Bồ-tát thì Nhị thừa là địa ngục, cho nên Đại Kinh nói: Nay ta sợ đạo quả Nhị thừa, như người tiếc mạng sợ bỏ thân, ông nay vì sao ưa trụ nơi địa ngục, lại vốn sợ sinh già bệnh chết cầu vui Niết-bàn. Ba cõi và Địa Nhị thừa chưa thoát khỏi khổ sinh tử, cho nên gọi là đường ác, vì sao muốn ở! Lại phàm Thánh hai địa chưa thoát khỏi bốn ma nên gọi đường ác. Ba cõi đầy đủ bốn ma, Nhị thừa đầy đủ ba ma, phiền não chưa đoạn nên có ma phiền não, Phương Tiện thọ thân nên có ma năm ấm, vô thường khẩn thiết nên có ma chết, rõ ràng hai địa nầy chưa thoát khỏi bốn ma, chỉ tiến đến trước chứ không thể ở. Lại Phẩm Tánh khởi kinh Hoa Nghiêm nói rõ tức theo sự mà nói bốn thừa đều khổ. Vì ba đường khổ nên nói thừa trời người, vì ba cõi khổ nên nói thừa Thanh văn, vì Thanh văn căn độn ít phước có khổ theo thầy, nói Thừa Duyên giác vì Duyên giác phước tuệ chưa tròn đầy có khổ kết tập không dứt, cho nên nói Phật thừa do có bốn khổ gọi là đường ác. Vốn muốn nhàm chán khổ nay chưa thoát vì sao muốn dừng ở ư!

Hỏi: Nếu Địa Nhị thừa là đường ác vì sao văn nói vượt qua ba trăm do-tuần nói hai thứ Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là nghĩa bỏ quyền bày thật, trước nói đường ác vì Niết-bàn, muốn dẫn ra khỏi ba cõi, nay chỉ Niết-bàn là đường ác khiến lìa Nhị thừa nghĩa không trái nhau. Lại có ba câu:

1) Ác mà chẳng thiện nghĩa là vượt ba trăm.

2) Thiện mà chẳng ác nghĩa là vượt năm trăm.

3) Vừa ác vừa thiện. Trung gian hai trăm năng vượt ba cõi nên gọi là thiện, vì là mối lo lớn của Phật đạo nên gọi là ác. Cho nên Kinh nói: Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện, đã gọi bất thiên đâu chẳng phải đường ác ư!

Hỏi: Hợp hai hành đều là Bồ-tát vì sao là đường ác ư! Vì thế không nên dụ Địa Nhị thừa dụ cho hai trăm phải không?

Đáp: Cũng hợp trời người khéo nhập Nhất thừa vì sao dùng ba cõi làm đường ác ư!

Hỏi: Ba cõi phiền não có thể được gọi là đường ác, thiện là trong sạch tiến lên vì sao gọi là ác ư?

Đáp: Ba cõi phiền não tâm sở khởi thiện, đều là chẳng động chẳng xuất chẳng phải là nghĩa Thừa, Nhị thừa tâm sở khởi thiện cũng chẳng

động chẳng xuất cũng chẳng phải nghĩa Thừa.

Hỏi: Tại sao hai thiện phàm Thánh đều chẳng động chẳng xuất ư?

Đáp: Phàm phu thiện không thể vượt ngoài phần đoạn, Nhị thừa thiện không thể động xuất biến dịch.

Lại có hai thứ xiển đề:

1) Phàm phu xiển đề.

2) Bậc Thánh xiển đề.

Phàm phu không tin vượt ra khỏi ba cõi gọi là phàm phu xiển đề, Nhị thừa không tin Nhất thừa gọi là bậc Thánh xiển đề. Phá phàm phu xiển đề mới sinh chút tín, phá Nhị thừa xiển đề mới sinh Bồ-tát Thập tín, do đây chuyển ngộ mới nhập đạo Bồ-tát.

Kế là nói để đảo châu báu. Hỏi: Nếu dùng ba cõi và Nhị thừa làm năm trăm do-tuần thì vượt qua ba cõi, Nhị thừa lẽ ra đến Phật đạo. Đây thí dụ dùng đảo châu báu dụ cho Phật đạo ư?

Đáp: Ba cõi và Nhị thừa là nạn lớn của Phật đạo, nếu vượt qua ắt đến Phật đạo, cho nên Đại văn kinh có ba chỗ nói nghĩa Nhị thừa đến:

1) Đến tâm Bồ-đề.

2) Đến Bồ-đề.

3) Đến đại Niết-bàn.

Nhưng Nhị thừa trải qua nhiều kiếp chỉ nên đến tâm Bồ-đề thôi! Mà nói đến đại Niết-bàn và Bồ-đề, cho đến tâm Bồ-đề ắt đến Phật đạo và Niết-bàn.

Hỏi: Năm người vì sao đến tâm Bồ-đề quyết đến Phật đạo ư?

Đáp: Năm người khi phát tâm Bồ-đề sẽ nhàm chán hai thứ, người đã bước lên Thánh vị nên chắc chắn không còn làm phàm phu, nay lại phát tâm Bồ-đề thì nhàm chán đạo Nhị thừa cho nên người này không còn khởi hạnh phàm phu, cũng không khởi hạnh Nhị thừa, bởi thế đến Phật đạo.

Hỏi: Đại kinh vì sao nêu ba văn ư?

Đáp: Phải ba văn nghĩa mới đầy đủ. Đến tâm Bồ-đề gọi là đến nhân, đến Bồ-đề Niết-bàn gọi là đến quả, trong quả có Bồ-đề trí quả và Niết-bàn đoạn quả, cho nên nói hai nay muốn nói đủ từ đầu đến cuối nhiếp chung nhân quả cho nên có ba văn. Lại vượt qua năm trăm do-tuần đến Phật thì ý thí dụ đầy đủ ba nghĩa.

1. Đường ác.

2. Đường tốt.

3. Đảo châu báu.

Hợp thí cũng có ba:

1. Phát Bồ-đề tâm nghĩa là vượt qua đường ác.

2. Hành Hạnh Bồ-tát như đường tốt đất bằng phẳng.

3. Đắc Phật đạo như đến Đảo châu báu.

Hỏi: Thí như không có ý nầy vì sao xuyên tạc ư?

Đáp: Lý thường nên như vậy. Đâu thể vượt qua địa Nhị thừa liền thành Phật ư! Lại trong kệ dưới nói đầy đủ. Nay vì ông nói thật: ông đắc chẳng phải diệt. Đây là nói vượt qua năm trăm do-tuần đường ác, vì Phật nhất thiết trí sẽ phát tinh tấn mạnh mẽ gọi là hành Hạnh Bồ-tát tức là đường tốt. Ông chứng Phật pháp Nhất thiết trí, mười lực v.v,v.v... gọi là đắc Phật đạo. Lại vượt qua năm trăm tức đến quả Phật, ba trăm là phần đoạn sinh tử, hai trăm thuộc biến dịch sinh tử vượt qua hai thứ sinh tử sẽ đến Phật đạo.

Kế là nói về nhiều, ít: Hỏi vì sao vượt qua năm trăm mà không nhiều hay không ít hơn ư ?

Đáp: Như mười nghĩa trước và trong đường ác nói. Lại chỉ có năm thừa cho nên chỉ vượt qua năm trăm, thừa trời người là ba trăm, Nhị thừa là hai trăm, cho nên Phật thừa đây vượt qua năm trăm, do Thừa Thanh văn vượt qua ba trăm, Thừa Duyên giác, vượt qua bốn trăm, Phật thừa vượt qua năm trăm, không được nhiều ít. Ở đây nói một người từ đầu đến cuối vượt qua năm trăm, cũng được năm người vượt qua năm trăm, như Đại Kinh nói một người đầy đủ bảy, bảy người đầy đủ bảy.

Hỏi: Giáo môn của đức Thích-ca, Xá-na nói vượt qua như thế nào ư?

Đáp: Đức Xá-na nói thẳng Nhất thừa làm sáng tỏ pháp môn mau chong vượt qua khiến cho Bồ-tát vượt qua năm trăm. Đức Thích-ca trước ba sau một đầy đủ nghĩa tiệm đốn, trước đã khiến các con vượt qua ba trăm, nay lại khiến vượt qua hai trăm gọi là tiệm độ, nếu vì người mới phát tâm Bồ-tát nói kinh Pháp Hoa tức là đốn độ.

Hỏi: Trước có nói đốn độ (nhanh vượt qua) hay không?

Đáp: Trước vì Bồ-tát cũng khiến đốn độ năm trăm, như Đại Phẩm thí dụ bốn trăm, nhưng chưa nói ba trăm hóa thành.

Hỏi: Trước nói ba trăm là hóa thành cũng chưa nói vượt qua đường ác năm trăm do-tuần ư?

Đáp: Nhị thừa là mối lo lớn của Phật đạo cho nên nói là đường ác, chỉ vì Nhị thừa căn duyên chưa thuần thục nên không được gọi là hóa thành.

Hỏi: Trước vượt qua nay vượt qua có gì khác nhau?

Đáp: Trước chỉ khiến Bồ-tát vượt qua năm trăm, khiến Nhị thừa

vượt qua ba trăm nay giáo khiến Bồ-tát vượt qua năm trăm nói người Nhị thừa đã vượt qua ba trăm, chỉ khiến lại vượt qua hai trăm thôi.

Hỏi: Pháp Hoa không thể có Bồ-tát không vượt qua năm trăm mà tu hành ư?

Đáp: cũng có nghĩa nầy, như vị Bồ-tát bất thoái đã vượt qua hạnh phàm phu và Hạnh Nhị thừa, người này đã vượt qua đường ác năm trăm do-tuần chỉ do tu Hạnh Bồ-tát vào đường tốt bằng phẳng tiến đến quả Phật Đảo là châu báu. Nếu căn cứ hai thứ sinh tử làm năm trăm chỉ có Phật mới vượt qua năm trăm thôi!

Hỏi: Nếu vậy không có Bồ-tát được lìa Địa Nhị thừa ư?

Đáp: Kinh Thắng-man nói: Thanh văn, Duyên giác đại lực Bồ-tát đều ở trong biến dịch sinh tử bất khả tư nghì, căn cứ đây mà luận Bồ-tát cùng Nhị thừa chung ở trong sinh tử không được lìa nhau.

Hỏi: Không thể có Bồ-tát và Nhị thừa không cùng ở trong sinh tử phải chăng?

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói bảy thứ sinh tử, nội giới gọi chung là phần đoạn tức ba thứ sinh tử, ngoại giới có bốn thứ sinh tử.

1. Nghĩa là Phương Tiện sinh tử tức biến dịch.

2. Nhân duyên sinh tử.

3. Hữu hữu sinh tử.

4. Vô hữu sinh tử.

Ba thứ sinh tử sau chỉ có Bồ-tát thọ sinh, Nhị thừa ở trong biến dịch sinh tử, cho nên Nhị thừa và Bồ-tát có cùng nghĩa sinh tử. Lại có nghĩa không cùng như luận kia nói rộng. Nghĩa hạnh an lạc có tám lớp bậc nhất ý, nhưng phẩm này tuy là một chương trong Pháp Hoa thật ra nói chung về hạnh quan trọng của Bồ-tát. Xét rằng người muốn tự tu hành giáo hóa mở mang dương đạo làm lợi lạc chúng sinh đều phải y theo đây.

Hỏi: Vì sao nói bốn hạnh ư?

Đáp: Cuối phẩm trên Bồ-tát Thanh văn đều nói mở rộng dương kinh nhiều nạn khó khăn, mở rộng ý kinh nhiều nạn hoặc lui sụt tâm, ngăn ngại tự tu hành hóa độ chúng sinh nên nói bốn hạnh, thân tâm an vui tự hành hóa tha thì không phế bỏ.

Lại nữa, Đại Thừa nói về địa vị tu hành lược có ba thứ:

1) Phát tâm Bồ-đề,

2) Hành Hạnh Bồ-tát,

3) Đắc quả Phật.

Ba châu thuyết trên pháp tức phát tâm Bồ-đề, nay đây một phẩm

tức nói hành hạnh Bồ-tát, tháp báu đã qua là nói quả Phật lại ba châu trên nói nghĩa bỏ ba bày một gọi là môn trí tuệ.

Kế là người khen ngợi pháp nói lưu gọi chung là môn công đức: vật tình tiện gọi là có ba có một có phước có đức cho nên phẩm này diệt vắng lặng niệm nầy khuyên Bồ-tát quán như thật tướng của các pháp, bất hữu, bất vô, bất nhất, nhất nhị, mà không mất ba, một Phương Tiện. Tự hành hóa tha tuy có ba, một, mà ba, một chỉ là không ba không một, vì là nhân duyên nên nói bốn hạnh đây

1) Như nói kinh giải thích đại ý.

2) Nói bốn hành danh khác nhau.

Quang Trạch nói:

1) Không tuệ hạnh.

2) Nói pháp hạnh,

3) Lìa lỗi hạnh.

4) Từ bi hạnh.

Chỉ trong hạnh lúc mới nói về không tuệ, ba hạnh sau không nói cho nên lúc mới gọi là hạnh Không tuệ. Trong hạnh thứ hai nói thuyết pháp, trong hạnh thứ ba cũng nêu nói, pháp nghĩa thuêýt pháp lược nên thứ hai gọi là hạnh thuyết pháp. Trong hạnh thứ ba nói lìa lỗi, các hạnh còn lại văn ít cho nên thứ ba gọi là hạnh lìa lỗi. Thứ tư nói rộng về hạnh từ bi nên gọi là hạnh từ bi. Thứ ba cũng có từ bi, mà văn lược không gọi là hạnh từ bi.

Ngài Đạo Sanh và chú giải kinh nêu tên bốn hạnh:

1) Hạnh Không tịch.

2) Hạnh lìa kiêu mạn.

3) Hạnh lìa ganh ghét.

4) Hạnh từ bi.

Đạo Sanh không dùng nói pháp làm một hạnh riêng. Vì kệ dưới nói: An trí trong bốn pháp rồi sau nói Kinh Pháp Hoa, đây nói trong trụ bốn pháp ngoài nói pháp Hoa cho nên không dùng nói pháp làm một hạnh, nay dùng Đạo Sanh nói.

Hỏi: Xem hành thứ hai văn nói thật nói pháp không nên nói lìa kiêu mạn?

Đáp: Do hạnh lúc mới có giải, hạnh kế không kiêu mạn, trong đầy đủ hai hạnh nầy nên ngoài không có phải quấy mới có thể nói pháp.

Kế là nói thể của bốn hạnh: Quang Trạch dùng hai không giả thật làm thể của hạnh đầu. Lời bình rằng: Hai tuệ giả thật nầy cũng là ý của luận Tiểu thừa thính có thể thông A-hàm kia nên không dùng

giải thích, Phương Đẳng như trước đã bình. Có người nói: Hai không giả thật tương tự giả làm thể. Lời bình rằng: hai không sai lầm đã như nghĩa trước, nghĩa tương tự giải lại không thể. Người từ vị thấp đến cao đều dùng chung bốn hạnh, nghiêng về căn cứ tương tự giải mà bỏ chân rõ ràng chẳng thể dùng. Có người nói: Hạnh đầu dùng nhẫn nhục làm thể. Lời bình rằng không đúng. Ban đầu văn nói không, hữu hành giải, nhẫn nhục là một chi của hữu hành, cũng chẳng dùng. Nay nói hạnh đầu chính là hai tuệ làm thể, vì sao biết vậy? Vì hễ muốn nói pháp cần phải hai tuệ chánh giải, chính là diệu ngộ của Bồ-tát khác nhau phàm phu Nhị thừa nên dùng hai tuệ làm thể. Cho nên văn nói quán các pháp như thật tướng không vô sở hữu gọi là tuệ thật. Chỉ từ nhân duyên điên đảo sinh gọi là tuệ Phương Tiện. Thể hạnh thứ hai: Quang Trạch nói: Hành thuyết pháp dùng lời nói làm thể. Có người nói: Dùng quyền trí làm thể. Nay y Đạo Sanh chú giải kinh dùng lìa kiêu mạn làm thể, trên nói hai tuệ đã có công năng nói chỉ sợ bên trong ỷ lại hiểu rõ tướng thị phi bên ngoài cho nên nói rằng kiêu mạn làm thể. Hạnh thứ ba Quang Trạch nói hạnh lìa lỗi tức dùng lìa lỗi làm thể. Long Công nói: Không nói việc tốt xấu hay dở của người khác. Ấn Sư nói: lìa bảy chi ác, lại có người nói lìa kiêu mạn làm thể. Nay theo Đạo Sanh lấy lìa ganh ghét làm thể. Kiêu mạn thì quí mình khinh người, ganh tị thì ghét người hơn mình, hai thứ này là mối lo lớn của việc mở rộng pháp, tổn thương bản hoài của Bồ-tát. Cho nên nói lìa. Hạnh thứ tư: Từ bi: Kinh có văn nói các sư lại không nói khác chỉ vì Từ bi có ba:

1) Chúng sinh duyên thấy có chúng sinh.

2) Pháp duyên: không thấy có chúng sinh mà thấy có pháp.

3) Vô duyên, ba thứ này khác nhau, cũng được ba người đủ ba, một người đủ ba.

Ba người đầy đủ ba: là ngoại đạo có chúng sinh duyên, Nhị thừa có pháp duyên, Bồ-tát có vô duyên, một người đủ 3: Hạnh đầu là chúng sinh duyên, hạnh giữa là pháp duyên, hạnh trên là vô duyên. Nay phẩm nói đã phát sinh nêu hai không sinh pháp thì dùng vô duyên làm chánh tông.

Hỏi: Đã nói vô duyên thì lẽ ra không duyên với chúng sinh sao gọi là từ bi ư? Duyên tướng như thật của chúng sinh nên gọi là vô duyên. Vô duyên không còn khởi chúng sinh kiến và pháp kiến, như thật tướng mà biết chúng sinh nên gọi là vô duyên.

- Thứ tư giải thích tên bốn hạnh: Ban đầu hai thứ hành xứ, cận xứ này là xứ sở hành, nêu sở gọi năng theo cảnh mà gọi hai hành trung

gian lìa lỗi thọ tên: hạnh thứ tư là Từ bi đương thể đặt tên, gọi chung là an vui, an trụ bốn hạnh cho nên thân tâm an vui, lại hành bốn hạnh này thân tâm an vui. Lại duyên ngoài không động gọi là an, trong tâm vui thích gọi là vui, lại an vì lìa khổ lạc gọi là đắc lạc; lại thân an, tâm an thân vui, tâm vui, nghĩa lúc đầu là chính.

- Thứ năm nói khai hợp: Long Sư nói: một hạnh đầu là thân nghiệp, kế một là khẩu nghiệp. Hai sau là ý nghiệp đây đều là đại nói về. Có người nói hai hạnh đầu chủ về trí tuệ, đầu một là không tuệ, kế một là hữu tuệ, hai hạnh sau chủ về công đức: một là chỉ thiện, một sau là hành thiện. Nay nói có thể làm bốn cặp: Đầu một là giải ba sau là hạnh, trong giải đầy đủ hai giải không hữu, trong hạnh có hai hạnh ly đắc, trong đó hai là ly hạnh, một sau là đắc hạnh. Lại đầu một là trí tuệ trong đó trí tuệ có không tuệ hữu tuệ, ba sau là công đức trong công đức có chỉ có hành, trong đó có hai là chỉ, một sau là hành. Lại một đầu một sau là đắc, trong đó hai là ly. Lại ba trước là tự hành một sau là hóa tha. Hóa tha cứu khổ ban vui. Trong tự hạnh lúc mới một là sinh giải hai sau là diệt hoặc.

- Thứ sáu là nói thứ lớp: Phàm chúng sinh có khổ đều do trái lý, nếu đủ hai tuệ thì gọi là đắc lý. Đắc lý: là không còn khổ não thân tâm an vui, do đó trước phải nói hai tuệ. Tuy lại có hiểu biết sợ y vào sự hiểu biết ấy mà lấn hiếp người hoặc ganh ghét người hơn mình cho nên nói không kiêu mạn, không ganh ghét. Đầu tiên đầy đủ hai tuệ lại đủ hai hành thì đức tự thành lập rồi sau dùng từ bi che chở người cho nên có thứ lớp.

- Thứ bảy là nói địa vị: Ban đầu từ phát tâm đến cuối cùng đăng Thập địa đều thực hành bốn hạnh, nhưng Địa tiền tương tự mà chưa chân, đăng Địa thì chỉ chân không phải tợ, trong chân vị có tịnh và không tịnh, căn cứ mỗi tịnh có công dụng, vô công dụng như trước giải thích. Nhưng bốn hạnh căn cứ một đại thể mà luận thì ngang bằng phẩm vị chỉ có tập học khác nhau, hoặc công đức đã sâu, trí tuệ còn cạn, hoặc tự hành đã hơn, hóa tha còn kém không nhất định.

- Thứ tám là nói đồng khác: Phẩm Pháp Sư nói ba việc: vào nhà Từ bi, mặc áo Nhẫn nhục, ngồi trên Không tòa có khác gì với nay? Đáp: Phẩm kia trước nói hữu hành dùng hữu giúp Không, nay trước nói về Không giải và dùng Không dẫn dắt hữu, dùng Không dẫn dắt hữu Không rõ ràng mà hữu, dùng hữu giúp đỡ Không, hữu rõ ràng mà Không, chỉ văn tự không thể lụy ở sách nên trước sau nói. Lại trước nói hóa tha sau nói về tự hành, nay trước nói tự hành sau nói về hóa tha,

do Bồ-tát trước vì người sau mình, trước hóa tha mà sau tự hành, nhưng phải tự thoát khỏi rồi mới có thể cứu giúp người, cho nên trước tự hành sau hóa tha.

Kế là giải thích nghĩa Pháp sư: nghĩa Pháp sư đã như trong phương pháp mở rộng ý kinh giải thích rồi, mà chưa hết ý nay sẽ nói lược: y đây có năm thứ pháp sư:

1) Thọ trì.
2) Đọc.
3) Tụng.
4) Giải thích.
5) Viết chép.

Thích luận giải thích Phẩm Diệt tránh nói: Do sức tin nên thọ, niệm lực nên trì, hoặc xem văn hoặc miệng thọ nên nói là đọc, thường nhớ không quên nên tụng, tuyên tryền cho người chưa nghe nên vì người khác nói, kinh sách của bậc Thánh nói thẳng khó hiểu cho nên giải nghĩa, đây có sáu thứ Pháp sư. Đối với nay văn xen lẫn có rộng lược, ở đây văn hợp thọ trì làm một, vì người khác nói cùng giải nghĩa lại làm một, viết chép đầy đủ làm một. Thích luận giải thích phẩm Vô tác nói Bát-nhã có mười thứ. mười thứ đều căn cứ theo thuyết pháp mà chia ra. Gọi chung là Pháp sư: Pháp nghĩa là có thể làm phép tắc, năm người ở trên mở rộng pháp này, ở dưới vì người mà làm thầy nên gọi là Pháp sư, thông tự hành hóa tha, lại Pháp sư là năm người này dùng pháp làm thầy, đây là tự hành Pháp sư. Lại Pháp sư, pháp chính là tông diệu chủ yếu do người mở rộng, người có công mở rộng pháp nên gọi người là Pháp sư, như nói sẽ làm tâm sư không sư ở tâm, nay cũng như vậy, vì mở rộng pháp cho nên vì pháp làm thầy, đây là hóa tha Pháp sư.

Kế là nói địa vị: Nếu theo lệ bốn y, nên khởi từ nội phàm chung đến thập địa đó là địa vị của người kia, chỉ lúc mới y tự có thầy giúp đỡ, đây là tự nói vị y chỉ, nay căn cứ sự mở rộng hóa phân chia, Ngoại phàm trở lên đều là địa vị Pháp sư. Kế là căn cứ thứ bậc, như kinh Niết-bàn phẩm Tứ Y nói có chín người: Người đầu phát tâm ở chỗ các Đức Phật nhiều như cát sông Hy-liên cũng được không chê bai, nhưng chưa thể tin, kế một người ở chỗ một hà sa Chư Phật phát tâm được tin mà chưa thể thọ trì đọc tụng, hai hà sa Chư Phật phát tâm năng thọ trì đọc tụng mà chưa thể vì người nói, ba hà sa Chư Phật phát tâm có thể vì người nói mà chưa hiểu nghĩa, người bốn hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa một phần, năm người hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa tám phần, mười sáu hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa mười hai phần, người

bảy hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa mười bốn phần, người tám hà sa hiểu hết đầy đủ nghĩa mười sáu phần. Chín phẩm người này bốn người trước đã không hiểu là địa vị đệ tử chẳng phải thầy, năm người sau đã có hiểu nghĩa thuộc địa vị Pháp sư, năm người đây hợp làm người có bốn y, tức người với y đầu tiên (y pháp). Lại nói chung ba mươi tâm đều là Pháp sư. Bồ-tát Thập địa niệm niệm hóa người đều là Pháp sư, tự có hơn kém, như cửu địa đắc mười thứ tư vô ngại làm Đại Pháp sư.

Hỏi: Ba nghiệp làm sao nhiếp năm thứ Pháp sư ư?

Đáp: Luận nói tín lực cho nên thọ, niệm lực cho nên trì, đây là ý nghiệp. Nhưng lúc mới chẳng phải không nhờ thân nghiệp, khẩu nghiệp, viết chép là thân nghiệp mà phải nhờ ý nghiệp cũng được có khẩu nghiệp, ba thứ còn lại đều đầy đủ ba nghiệp.

Hỏi: Năm thứ này có lìa nhau hay không?

Đáp: Thọ trì là ý nghiệp, được lìa bốn thứ như đọc tụng v.v.... Nếu lìa bốn thứ như đọc tụng,v.v... thì phải thọ trì, vì sao? Vì do tín tâm nên mới có đọc tụng,v.v...

Hỏi: Cũng có người không tin mà đọc tụng, đây nên lìa thọ trì ư?

Đáp : Nay không nói điều này.

Hỏi: Trong kinh này vì sao trước nói thọ trì, đọc tụng, giải thích, biên chép lấy làm thứ lớp ư?

Đáp: Tín là môn đầu cho nên nói thọ trì, do sức tin cho nên năng đọc tụng, năng đọc tụng rồi mới hiểu nghĩa, hiểu nghĩa nên nói cho người khác nghe, khiến pháp lưu thông cho nên viết chép.

Hỏi: Năm hạng này có bao nhiêu công đức, bao nhiêu trí tuệ ư?

Đáp: Đều có cả trí tuệ, chỉ bốn thứ còn lại thuộc về công đức, gượng giải thích chính là trí tuệ.

Hỏi: Thọ trì đầy đủ hai lực tín niệm, bốn thứ còn lại có mấy lực?

Đáp: Giải thích là tuệ lực cũng là tinh tiến lực, định lực; đọc tụng chính là tinh tiến lực cũng là tuệ lực, chỉ có mạnh yếu mà thôi.

Hỏi: Năm thứ này có bao nhiêu tự hành hóa tha?

Đáp: Giải thích có cả tự tha, nhưng hóa tha mạnh, tự hành yếu, bốn có cả tự tha, tự hành mạnh, hóa tha yếu.

Hỏi: Vì sao chỉ nói năm thứ này?

Đáp: Lược nêu năm!

Kinh Đại Phẩm và phẩm Khuyến phát của kinh này lại có chánh ý niệm và tu tập đều thuộc về ba nghiệp này.

Hỏi: Thọ trì ý nghiệp có thể được hóa tha người hay không?

Đáp: Do ý nghiệp tin cho nên năng hóa tha người, cũng có nghĩa

hóa tha.

Hỏi: Năm thứ nầy làm gì có sâu cạn ư?

Đáp: Y kinh thứ lớp nói sâu cạn, tin thẳng thì dễ cho nên ở trước, do có tin cho nên đọc, do đọc nên tụng, do tụng nên giải thích; do giải thích nên viết chép tức là từ cạn đến sâu.

Kế là nói về nghĩ gần xa của Phật đạo giải thích thí dụ cao nguyên tìm nước: luận rằng đây tuy một câu văn kinh mà chỉ tìm vị tức hỷ sinh, khen chê Niết-bàn dùng bốn trọng năm nghịch chê bai pháp, xiển đề đều một loại lựa chọn phán đoán. Bát-nhã nói không suy xét mà đọc tụng thọ trì cho nên thành việc ma, nay nói đủ sự nghe khác nhau nói sự được mất kia, dám hy vọng sinh thiện ngõ hầu mong thoát khỏi lỗi lầm.

Có người nói sơ giáo như đất cao nguyên, Đại Phẩm như đất thấp ướt, Pháp Hoa dụ cho bùn, quả Phật như nước. Có người nói Duy ma, Tư Ích như đất khô, Kinh Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như đất bùn, quả Phật như nước. Có người nói Đại Phẩm như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, quả Phật như nước; ba thứ này đều chấp năm thời nói.

Đạo Sanh nói: Khát thiếu tìm nước: Thọ trì Pháp Hoa cầu ngộ Phật đạo muốn chứng đắc như rất khát thiếu cần nước, ở chỗ đất cao khoét đục cầu tìm, Nhất thừa đối Ba thừa là khó đắc, cho nên đối Pháp Hoa cầu giải như tìm nước ở cao nguyên, thọ trì đọc tụng là đục khoét, chưa thể như nghe mà giải còn là chưa nghe như thấy đất khô, nếu hiểu mới gọi là nghe, như tìm đến bùn biết cách nước không xa. Chú giải kinh chép: Sanh tử khát cần nước vắng lặng. Nước ở cao nguyên là diệu lý Nhất thừa cầu lý ở Pháp Hoa như cầu nước, còn thấy đất khô như thọ trì viết chép dùng đục khoét lúc mới là chưa nghe; chưa hiểu cách đạo còn xa như thấy đất khô. Kế là đọc tụng dùng thí dụ thi công không ngừng, nghe rồi hiểu nên gọi là thấy đất ướt và bùn. Chú giải kinh còn chọn ý Đạo Sanh chỉ tu bổ trang sức thêm một chút thôi!

Lời bình: Thí dụ nầy chỉ có hai ý:

1) Dụ cách Phật đạo.

2) Dụ cách Phật đạo gần không nên lẫn lộn giải thích.

Lại ba sư đầu nói các giáo trước Pháp Hoa cách Phật đạo xa, Pháp Hoa giáo cách Phật đạo gần. Hai giải thích sau chỉ căn cứ Pháp Hoa tự nói xa gần, chưa thể như nghe hiểu gọi là xa, có thể như nghe hiểu gọi là gần nay kiểm xét kinh từ đầu đến cuối đều mất ý chỉ.

Suy tìm văn xuôi hợp thí và kệ văn đầy đủ có hai nghĩa:

1) Nêu các kinh đối Pháp Hoa để nói gần, xa.

2) Căn cứ Pháp Hoa tự nói gần xa.

Kệ nói: Các người như thế ấy, không nghe kinh Pháp Hoa, cách Phật đạo rất xa nếu nghe hiểu sâu kinh, là gần trí tuệ Phật. Ở đây nêu các kinh khác đối Pháp Hoa để nói nghĩa xa, gần. Văn xuôi nói: Nếu chưa nghe chưa hiểu, chưa thể tu tập thì cách Phật đạo xa, trái với ở đây là cách Phật đạo gần; văn nầy đầy đủ hai nghĩa: nếu căn cứ chưa nghe là cách Phật đạo xa, đây y cứ các kinh để đối Pháp Hoa; nếu căn cứ chưa hiểu là xa, có thể hiểu là gần, đây căn cứ Pháp Hoa tự nói gần xa, do đó các sư chỉ dùng một văn đều mất ý chỉ kinh.

Hỏi: Nêu các kinh đối Pháp Hoa nói tướng gần xa như thế nào?

Đáp: Trước Pháp Hoa chưa khai ba làm phương tiện, Nhất thừa làm chân thật liền khiến cho người cầu thành Phật còn có do dự, tâm đại tiểu mong lấy quả Phật chưa quyết định cho nên cách Phật đạo xa.

Pháp Hoa nói có một không ba, dứt hẳn tâm lui sụt, cầu Phật ý quyết định, cho nên cách Phật đạo gần.

Hỏi: Làm sao biết căn cứ nghĩa bỏ quyền bày nói thật chẳng gần, xa ư?

Đáp: Kệ dưới nói: Nếu nghe hiểu kinh này sâu tức là pháp Thanh văn quyết liễu pháp Thanh văn quyết liễu tức là biết kia ba là quyền một thừa là thật.

Lại, Văn xuôi nói mở cửa Phương Tiện thị hiện tướng chân thật, tức giải thích ý gần xa cho nên biết như vậy.

Hỏi: Trước Pháp Hoa tức là Bát-nhã có thể nói Bát-nhã cách Phật đạo xa ư?

Đáp: Trước đã giải thích nghĩa nầy rồi, nay nói lại:

1) Căn cứ Bát-nhã chưa khai bên nghĩa quyền, tức lúc mới hành Bồ-tát còn có trông mong tiến lùi, hoặc nói tiến là Bồ-tát hoặc nói lùi là Nhị thừa không bao giờ thành Phật, cho nên Bát-nhã đối với người kia cách Phật đạo xa. Nếu nghe Pháp Hoa không có ba có một thẳng tiến không trở lại thì Pháp Hoa đối với người ấy cách Phật đạo gần.

2) Thanh văn không giác biết Bát-nhã mật hóa Nhị thừa khiến hướng về Phật đạo, như không biết phó chúc tài vật còn nói Bát-nhã có Ba thừa giáo. Cho nên, chấp chặt Nhị thừa, Bát-nhã đối với người kia cách Phật đạo xa. Nghe Pháp Hoa bỏ quyền nói có một không ba, bỏ Nhị thừa chấp tín thọ Nhất thừa thì Pháp Hoa đối với người kia cách Phật đạo gần.

Hỏi: Căn cứ hai người Đại tiểu mà xếp hai kinh gần xa, dùng lý

nói Bát-nhã Pháp Hoa vì sao có hơn kém ư?

Đáp: Bát-nhã chính là nói tuệ thật, Phương Tiện tuệ, hai thứ này là pháp thân cha mẹ của Chư Phật mười phương ba đời, người cầu Phật thì trước phải học Bát-nhã như trước đã nói.

Lại nữa người cầu Phật đạo đều còn đủ phiền não như người già bệnh nằm nghỉ trên giường không dậy được, hai người Bát-nhã Phương Tiện mạnh, một dìu, một xốc nách đến Phật đạo, cho nên người cầu Phật phải học Bồ-tát. Lại ba cõi Nhị thừa là họa lớn của Phật đạo, nhờ tuệ Phật nên không mê đắm ba cõi, dùng Phương Tiện nên không chứng Nhị thừa lìa đại ác nầy mới năng đến Phật đạo cho nên người cầu Phật phải học Bát-nhã. Lại Bát-nhã nói lên các thật tướng, thật tướng là gốc của Đại thừa, do thật tướng nên có Bát-nhã, dùng tâm Bát-nhã tu muôn hạnh, muôn hạnh đều là vô sở đắc, muôn hạnh như thế năng động năng xuất gọi là Đại thừa. Nếu vậy, kinh Bát-nhã chính nói căn bản Nhất thừa cho nên Bát-nhã là trên hết đây tức là gốc trong bản. Vì sao? Vì Nhất thừa là gốc của Ba thừa, thật tướng lại là gốc của Nhất thừa, Bát-nhã thường nói thật tướng tức Kinh Bát-nhã là gốc trong gốc.

Hỏi: Thật tướng cũng là gốc của Ba thừa, vì sao nói là gốc của Nhất thừa ư?

Đáp: Người Nhị thừa không thể biết bản tánh Không, cho nên các pháp bản tánh không chỉ là căn bản Đại thừa, chẳng phải gốc của Nhị thừa.

Hỏi: Bát-nhã chưa bỏ quyền thì Bát-nhã là kém Pháp Hoa là hơn ư?

Đáp: Pháp Hoa chỉ nói nghĩa bỏ quyền khác với Bát-nhã, nếu nghĩa bày thật chung quy Bát-nhã, vì sao? Vì bỏ quyền tức là bỏ tâm Nhị thừa, bỏ tâm Nhị thừa tức phát tâm Bồ-đề, nếu phát tâm Bồ-đề rồi tức tu hành học đạo Bồ-tát, cần phải ký gửi thai nghén hai tuệ mới thành con của pháp thân Như lai, nên nói Bát-nhã là hơn.

Lại nữa, Đức Phật từ đầu đến cuối thường dùng Bát-nhã để hóa độ tất cả chúng sinh, lúc mới hiển giáo Bồ-tát Bát-nhã, Mật giáo Nhị thừa Bát-nhã, đây là từ Đại Phẩm đến trước Pháp Hoa. Kế là Pháp Hoa hiển giáo Nhị thừa Bát-nhã cũng hiển giáo Bồ-tát Bát-nhã, do hiển giáo Nhị thừa Bát-nhã nên Bát-nhã cũng gọi là Pháp Hoa, chẳng phải ngoài Bát-nhã có Pháp Hoa riêng, cho đến Niết-bàn nói Bát-nhã tức là bốn thứ Phật tánh. Đại Phẩm chép: Nhân gọi là Bát-nhã quả gọi là Tát Bát-nhã. Niết-bàn chép: Nhân gọi là quán trí, quả gọi là Bồ-đề, Bồ-đề không lụy tức là quả quả, quán trí cùng cảnh giới không có tự thể riêng, nghĩa sở quán tức là cảnh, nghĩa năng quán tức là trí. Nghĩa phát quán

là cảnh, nghĩa năng chiếu là trí cho nên Bát-nhã tức là bốn tánh. Nên biết duy nhất Bát-nhã cho nên rất lớn. Lại Địa tiền bốn mươi tâm gọi là tương tự Bát-nhã, đăng Địa cách đến Phật gọi chân Bát-nhã cho nên biết Bát-nhã theo chiều dọc có cả năm mươi hai vị tức Bát-nhã là lớn nhất.

Hỏi: Vì sao pháp Bát-nhã là lớn nhất như vậy ư?

Đáp: Bát-nhã là Chư Phật Bồ-tát quán tâm cho nên tất cả giáo đều nói pháp này, tất cả Chư Phật Bồ-tát đều tu hành theo pháp này.

Lại Bát-nhã có ba thứ:

1) Sở hành tức cảnh thật tướng gọi là thật tướng Bát-nhã.

2) Quán năng hành gọi là quán chiếu Bát-nhã.

3) Vì chúng sinh nói tức văn tự Bát-nhã.

Cảnh sở hành tức hành xứ của Chư Phật Bồ-tát, tâm năng hành tức Phật Bồ-tát quán, hai thứ này là đức của chính mình, văn tự Bát-nhã tức là giáo môn đức hóa tha, ba thứ này thâu nhiếp tất cả Phật Bồ-tát năng hành sở hành, tự hành, hóa tha chẳng gì không cùng tận, dù có ngàn kinh muôn luận cuối cùng là nói lên pháp này, vì tất cả giáo đều nhập vào Bát-nhã cho nên Bát-nhã là lớn nhất, Long Thọ đâu thể nói suông.

Hỏi: Nếu vậy Pháp Hoa là kém ư?

Đáp: Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã. Chỉ nói các nghĩa trên không sánh bằng Bát-nhã nên gọi là kém, chẳng những Pháp Hoa không bằng các Kinh Đại thừa mà các kinh cũng đều không bằng Bát-nhã, như luận nêu mười thứ Kinh Đại thừa mà Bát-nhã là lớn nhất.

Hỏi: Đây nói khó tin nay lại xin giải thích, vì Bát-nhã đã liễu nghĩa các Kinh Đại thừa nói chưa liễu nghĩa nên nói về hơn kém phải không?

Đáp: Không đúng, chỉ Bát-nhã chuyện nói các nghĩa trong các kinh khác không như vậy, căn cứ và vì nghĩa này nên gọi là Bát-nhã trên hết.

Hỏi: Trước nói căn cứ vào Pháp Hoa tự nói nghĩa cách Phật đạo xa gần như thế nào?

Đáp: Đại ý như Đạo Sanh, chú giải kinh giải thích rằng: Nay lại phải lãnh giải ý nầy, nếu nghe Pháp Hoa sinh ba tuệ tức cách Phật đạo gần, dù nghe mà không sinh ba tuệ thì cách Phật đạo xa, cho nên văn nói: Nếu được nghe hiểu tư duy tu tập là cách Phật đạo gần, nghe hiểu là văn tuệ, tư duy là tư tuệ, tu tập là tu tuệ, căn cứ vào ba tuệ này tự luận gần xa, văn tuệ là xa hai tuệ khác là gần như vậy có thể biết.

Hỏi: Chỉ nên như Đạo Sanh và Chú giải Kinh giải thích, vì sao như vậy? Vì chỉ một cao nguyên cầu tìm nước có gần có xa, chỉ trong một giáo Pháp Hoa cầu Phật sinh ba tuệ là gần, không sinh ba tuệ là xa, nếu dùng các giáo trước Pháp Hoa là xa, Pháp Hoa là gần, chính là cao nguyên khác sao gọi là một cao nguyên được ư?

Đáp: Pháp Hoa Bát-nhã đồng là một Đại thừa tạng, cũng được đồng là một cao nguyên, lại y Đạo Sanh giải thích có các ngăn ngại trước đó nên có thể được cả hai nghĩa.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 9

NGHĨA MẬT KHAI BẢN TÍCH CỦA PHẨM BẢO THÁP

Đạo Lãng ở Hà Tây nói: Trên bỏ ba bày một, nói nghĩa của Pháp Hoa đã rồi, từ đây trở đi là nói về quả môn, nghĩa là pháp thân thường trụ lý chẳng còn mất. Chú giải rằng: Đạo chẳng còn mất xưa nay một đường, nhưng mở đất vọt hiện tháp để tiêu biểu Song lâm chẳng diệt, giao diễn kế nối ảnh hưởng nhỏ nhiệm, nói lên thân trượng sáu chẳng phải chân, ý của Sinh Công cũng đồng như thế. Ấn Pháp sư nói: Trên nói giáo Ba thừa là quyền, nói Nhất thừa là thật, từ đây trở xuống đến phẩm Thần Lực nói hình quyền thân thật, cung vua chẳng sinh, Song thọ chẳng diệt, phẩm này bắt đầu khai mở nguyên nhân ấy, kia cũng là chứng minh trên nói rất đúng, cũng xem xét hợp thời giảng nói chung trên. Quang Trạch nói Phẩm này chứng minh trên là thật không luống dối, tìm kiếm người mở rộng ý kinh.

Lời bình rằng: Ba Sư đầu tiên chỉ làm khai sau, Quang Trạch chỉ làm thành trước, Ấn Công thì gồm đủ cả hai nghĩa là kết trước khai sau, khảo xét kinh từ đầu đến cuối Ấn Sư giải thích là dài.

Hỏi: Vì sao chứng trước, vì sao khai sau ư?

Đáp: Thành trước là chứng trên Phật nói không luống dối, ba châu trên nói thể Nhất thừa đã xong. Phẩm Pháp Sư nói thọ trì cho đến viết chép, sinh phước vô biên nghĩa là dụng Nhất thừa, thể dụng là đầy đủ nên chứng nói. Lại ba châu nói nói tuệ, năm Pháp sư nói phước, phước tuệ đã tròn đầy nên phải chứng. Lại ba châu nói về pháp sở thông, năm Pháp sư nói người năng thông, người, pháp đã đầy đủ cần phải chứng nói.

Hỏi: Chứng có mấy thứ?

Đáp: Tất cả chứng nói phàm có hai thứ:

l) Người chứng.

2) Điềm lành chứng.

Đa Bảo trên hư không phân thân đến nhóm họp tức người chứng. Linh tháp vụt hiện lên là điềm lành chứng. Trong Hoa Nghiêm các Bồ-tát nói pháp xong cũng có hai chứng:

1) Bồ-tát mười phương đến gọi là người chứng.

2) Mưa hoa, chấn động địa gọi điềm lành chứng. Nay Phật nói kinh xong lại dùng hai quả y báo chánh báo làm chứng thành.

Hỏi: Vì sao phải chứng ư?

Đáp: Nhất thừa khó tin, sợ đức Thích-ca thiên hóa nên Cổ Phật chứng hiển Chư Phật đạo đồng chẳng phải đức Thích-ca thiên hóa. Lại đã nói pháp lý cùng tận sẽ cảm điềm lành phi thường, trong điềm lành lớn ấy chẳng gì qua Chư Phật ba đời nhóm họp, hội thời ấy thấy thì chưa tin tức tin, đã tin thì vững chắc khó lay chuyển.

Lại nữa đức Đa Bảo vọt hiện và Phật mười phương nhóm họp, cùng khen ngợi kinh phước nặng, khiến người mở rộng tuyên thì lúc mới tâm đến cuối hành chẳng gì không thọ ý chỉ. Các nghĩa như vậy cho nên chứng trước, bỏ sau: Trên bỏ ba bày một nói giáo quyền thật đã xong. Nay kế nói thân Phương Tiện, thân chân thật của Như Lai. Từ Phẩm Hiện Tháp đến Phẩm Thọ Lượng nói ba nghĩa:

l) Nói Đa bảo diệt đã bất diệt thì biết đức Thích-ca sinh cũng phi sinh muốn hiển bất sinh bất diệt là thân thật, sinh diệt là thân Phương Tiện tức khai thân mở cửa Phương Tiện nói lên nghĩa chân thật của thân.

2) Nhóm họp phân thân bỏ bản một, tích nhiều: đã xen lẫn làm phân thân thì biết kia đây đều là tích, kia đây đều là tích ắt có bản thống nhất cho nên bản một mà tích nhiều, tích nhiều nên khai môn Phương Tiện của thân, bản một nên nói lên thân chân thật.

3) Sai tìm người mở rộng ý kinh, do đây mà có phẩm Trì, cho đến Bồ-tát ở phương khác vâng lệnh mở rộng ý kinh, Như Lai liền được dừng nghỉ để chia tuyên nói hành trì, nói lên Bồ-tát ở phương dưới rộng khai tuổi thọ đã lâu để chứng minh nghĩa thường.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thứ này?

Đáp: Nói lên thân là thường phải đủ ba nghĩa:

l) Thể vô sinh diệt.

2) Chỉ một pháp thân.

3) Xưa nay vốn có.

Đầy đủ ba môn này nghĩa thường mới tròn đầy. Đây là căn cứ lý giải thích. Lại tuy là có ba nghĩa tóm lược lại thành hai, thể vô sinh diệt chỉ một pháp thân thì đã là nghĩa thường, hiện chỉ chưa biết là mới

chứng thường hay đã từ lâu chứng thường, cho nên nói tuổi thọ nói từ lâu đã thành Phật.

Hỏi: Chỉ nói hiện bảo Pháp để chứng minh lời nói không luống dối, chỉ nên như Quang Trạch đã nêu, vì sao dùng đây khai làm bản tích?

Đáp: Kệ dưới nói: Đa Bảo Như Lai và cùng thân ta nhóm họp hóa Phật phải biết ý nầy. Xét rằng bậc Thánh nói gần mà ý xa không thể có sự ngang bằng, mà cầu thành Phật sợ tìm lời nói lầm mất ý chỉ, cho nên nói là phải biết ý nầy để tỉnh ngộ! Nếu ý chỉ còn ở người thọ trì mở rộng tuyên thì đã nói lên nơi lời nói sao lại nói ý nầy khó biết! Lại đâu nhọc xướng nói sẽ biết ý nầy! Lại nếu hiện tháp chỉ làm chứng lời nói trước thì đâu nhọc phát ra ánh sáng nhóm họp các Phật, mở Tháp và ngồi tòa ý như thế nào ư? Cho nên biết đây đều là bỏ bản tích.

Hỏi: Đây chính là bản nguyện của Đa Bảo, khai mở tháp báu phải nhóm họp phân thân Phật, cũng không phải tiêu biểu nghĩa bản tích ư?

Đáp: Nếu không y nguyện của Đa Bảo thì do đâu mà được nhóm họp phân thân Phật nói nghĩa bản tích ư! Nên biết ý nầy nói lên ở đây. Lại Đa Bảo thật có nguyện này, vì sao? Vì Chư Phật đều có thệ nguyện, như Thân tử thành Phật nguyện ở cõi tịnh mà nói Ba thừa, bản nguyện của đức Đa Bảo nhân tháp này để bỏ bản tích, vì người mê hoặc đều bảo rằng ở trong tháp chắc là thân đã diệt vong, cho nên mượn tháp để tiêu biểu pháp thân thường trụ.

Hỏi: Nếu vậy, tất cả Chư Phật đều được dùng tháp vọt hiện khai mở bản tích đâu chỉ Đa Bảo thôi ư!

Đáp: Thật như đã hỏi, chỉ có Đa Bảo dùng việc này làm nguyện cho nên bỏ bản tích. Lại sở dĩ nói nguyện của đức Đa Bảo là do tháp hiện nên mượn cổ Phật để nói pháp thân thường, do bản nguyện nên nhóm họp hóa thân để hiển bản một, vì sự qui ước mà lý cùng khắp, bởi người khéo léo. Lại chỉ bày đức Đa Bảo nhân quả hạnh nguyện thảy đều đầy đủ làm lợi lạc chúng sinh. Nói Pháp hiện gọi là quả lợi ích chúng sinh, nêu bản nguyện là nhân lợi duyên. Lại tháp hiện lên thán tán rằng tu hành lợi ích chúng sinh xứng với bản nguyện gọi là nguyện lợi duyên, lại Tháp Đa Bảo vọt hiện lên thì cổ Phật giáng thế lâu dài do bản nguyện nên hóa thân nhóm họp, thời hội phụng mạng thấy sinh khởi tâm đặc biệt tôn kính Pháp Hoa rộng gieo trồng gốc lành có lợi ích lớn như thế nên gọi là bản nguyện.

Hỏi: Vì sao dùng tháp vọt hiện làm chứng là mật bỏ bản tích ư?

Đáp: Ban đầu chỉ suy tìm văn nghĩa Pháp Hoa đã bày rõ, sau thấy

phẩm Pháp giới Kinh Hoa Nghiêm quyển bốn mươi mốt nói: trong thiện tri thức có an trụ lâu dài là đắc pháp môn diệt độ, thấy Chư Phật quá khứ đều không diệt độ mở cửa tháp Phật Chiên đàn liềnđắc trí Tam-muội, Phật quá khứ bất diệt, tức Pháp Hoa khai Pháp bất diệt thích nghi khế hợp.

Nói về nghĩa xá lợi có hay không: Hỏi: Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: Do năng lực bản nguyện lực cho nên hiện pháp, tận lực Tam-muội cho nên thị hiện thân xá lợi vụn. Đại Phẩm giải thích kinh này nói: Thân Kim cương của Như Lai nghiền nát thị hiện xá lợi vụn. hai kinh này đều nói có xá lợi. Kinh Kim Quang Minh bản tân dịch nói: Nếu trong miệng thủy điệt trùng mọc răng trắng, thân Như Lai xá lợi rốt ráo không thật có, cho đến chuột leo thang, thỏ mọc sừng, lên ăn cung trăng ngoãi trừ Tu-la, thân như xá-lợi rốt ráo không thệt có, kinh này không có xá lợi, có không trái nhau làm sao lãnh hội ư?

Đáp: Nói có không đã là Phật nói, theo lý không trái nhau. Ban đầu nói có là y cứ thân Phật tích, sau nói không là y cứ pháp thân. Lại trước nói có là thị hiện đồng phàm phu Nhị thừa nên nói thân nay do nghiệp báo khởi nên có xá lợi, sau nói không là chẳng đồng phàm phu Nhị thừa. Nói thân Như Lai là huyễn hóa, thân chẳng thật nghiệp báo, sinh không có thân cốt. Lại Đại Kinh nói: nay Ta ở thân này tức là pháp thân chẳng phải máu thịt cấu thành, như không hai mà hai cho nên khai hai thân, pháp thân không có xá lợi ứng thân có xá lợi, hai mà không hai tức thân này gọi là pháp thân cho nên không có Xá lợi.

Hỏi: Đại Kinh, Phẩm Kim cương Thân nói: Tuy không thường trụ chẳng niệm niệm diệt đây là thân gì? Nếu là pháp thân thì lẽ ra thường trụ, nếu là ứng thân lẽ ra niệm niệm diệt, vì sao lại nói tuy không thường trụ chẳng niệm niệm diệt ư?

Đáp: Do đây hiểu nghĩa hai thân khó có thể hội thông, nay nói dùng bốn nghĩa thông: Nói thân Như lai tức là Trung đạo, chẳng niệm niệm diệt nên chẳng vô thường, cũng chẳng thường trụ nên chẳng phải thường, chẳng thường chẳng vô thường tức thân Trung đạo. Lại chẳng thường nên chẳng đồng hư không, dưới nói thường pháp vô tri cũng như hư không, Như Lai hữu tri cho nên chẳng thường. Chẳng phải niệm niệm diệt khác nhau hữu vi cho nên thân Như Lai chẳng phải vô vi. Lại đồng chúng sinh cho nên chẳng phải thường trụ, khác chúng sinh nên chẳng niệm niệm diệt, cho nên thân Như Lai bất khả tư nghì. Lại tồn tại không phải có cho nên chẳng thường trụ, vong (mất) chẳng phải là không nên chẳng phải niệm niệm diệt, cho nên thân Như Lai chẳng

phải có chẳng phải không.

Hỏi: Tiểu thừa nói xá lợi là Kim cương có gì khác với Đại thừa: Đáp: Tiểu thừa cho rằng xương cốt là Kim cương, thịt chẳng phải Kim cương do tổn thương chảy máu. Đại thừa nói tất cả thứ cứng chắc đều là Kim cương không gì có thể làm tổn thương nhục thân Phật.

Hỏi: Kim cương của thế gian thì dùng sừng dê là đập vụn, Xá lợi Kim cương có thể như vậy hay không?

Đáp: Không. Chỉ có Như Lai nhập Tam-muội Kim cương, đạo lực xuất thế gian năng phá hoại thân này, vật ở thế gian không thể hoại được.

Hỏi: toàn thân và thân vụn lấy gì tiêu biểu?

Đáp: Việc này thích ứng duyên, chỉ vì toàn thân Đa Bảo muốn tiêu biểu pháp thân thường hằng, thể chất vụn của đức Như Lai thị hiện ứng thân diệt độ. Kế là nói về nghĩa tháp tiêu biểu

Hỏi: Đức Phật Đa Bảo bỏ hai thân bản tích, tháp làm sao tiêu biểu ư?

Đáp: Căn cứ trong phần nói hai quả y báo, chánh báo như trước nói: Nói tiêu biểu, là Pháp nêu thành muôn đức của người, Phật tiêu biểu muôn đức là người sở thành.

Hỏi: Tháp vọt hiện ra tiêu biểu cho nghĩa gì?

Đáp: Nói lược hai nghĩa:

1) Tiêu biểu năng hóa ẩn hiển thích hợp duyên, duyên cảm thì hiển duyên, hết thì ẩn như phẩm Nhật Dụ nói: núi che khuất mặt trời cho nên ẩn, không chướng khuất cho nên hiển. Kinh này nói: Lúc bấy giờ ta và chúng tăng xuất hiện ở núi Linh Thứu tức duyên cảm cho nên xuất, các chúng sinh ấy vượt qua A tăng kỳ kiếp không nghe tên Tam bảo, không cảm cho nên ẩn, chẳng khác với Đại Kinh, không nên nói kinh kia nói thường trụ, giáo này nói vô thường.

2) Giáo hóa chúng sinh Phật tánh Niết-bàn vốn tự có, như tháp từ dưới đất vọt lên, Niết-bàn vốn có phiền não che lấp nên không thấy, đất phiền não nứt ra thì liền hiển hiện, như Đạo Sanh.

Nói về nhóm họp hóa Phật: Hỏi: Vì sao phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương rồi sau hóa Phật mới nhóm họp ư?

Đáp: Không phóng quang chiếu mà bỗng nhóm họp tức là đương thời hóa làm, mà mười phương không có thật Phật thì không được hiển nghĩa tích nhiều, bản ít. Lại nếu không phát ra ánh sáng chiếu thì không có nhân duyên, cho nên Chư Phật không nhóm họp được, nay Chư Phật nhóm họp phải có nhân duyên.

Hỏi: Vì sao không nhóm họp Phật mười phương khác nhau mà

nhóm họp phân thân của Đức Thích-ca ư?

Đáp: Nhóm họp Chư Phật khác không chỉ hiển đức Thích-ca là ứng tích. Lại muốn hiểu hai thứ bản tích, do đức Đa Bảo ngồi hiển Chư Phật Như Lai mười phương đồng một pháp thân, lại nhóm họp phân thân của đức Thích-ca nên hiển một Đức Phật tự có bản tích.

Hỏi: Nhóm họp phân thân Phật vì nói lên đức Thích-ca và hóa thân Phật đều là tích, hay nghiêng về hiển đức Thích-ca là tích ư?

Đáp: Có cả hai nghĩa: riêng thì chánh hiển đức Thích-ca làm tích, vì sao? Vì từ xưa đến nay chấp Nhị thừa là thật giáo, thân trượng sáu làm chân thân, trên đã nói Nhị thừa chẳng phải thật giáo, nay kế nói lên trượng sáu chẳng phải chân thân, trong cõi tịnh không hẳn có hai chấp này cho nên nghiêng về nói lên đức Thích-ca.

Hỏi: Vì sao dùng hóa Phật nói lên Đức Thích-ca làm tích ư?

Đáp: Trên đã nói nay sẽ giải thích lại, tìm nghĩa bản tích thì bản diệu mà tích thô, mà nay chính dùng Thích-ca thô làm bản, tịnh độ diệu làm tích thì biết Thích-ca chẳng còn bản. Đức Thích-ca đã chẳng còn bản thì trượng sáu chẳng phải chân thân. Lại trong một việc được hai nói lên hai nghĩa, vì Thích-ca chỉ Tịnh độ làm hóa tích thì cõi tịnh Phật chẳng phải thật thân, Thích-ca thô chẳng phải diệu thân thì biết Thích-ca cũng là tích, do đó hai thân đều là tích, rồi mới biết pháp thân diệu cực là bản hóa.

Nói về nghĩa biến độ (cõi): Vì sao chẳng những một Đức Phật nhóm họp một cõi biến hóa mà ba phen nhóm họp ba cõi biến hóa ư?

Đáp: y cứ sự việc nói một Đức Phật nhóm họp một cõi biến hóa thì tối tăm không thấy cõi nước rộng, Phật nhiều, nay khiến biết Phật nhiều cõi rộng cho nên ba phen nhóm họp ba cõi biến hóa. Lại Chư Phật thường dùng ba việc như ba phen tìm xét. Lại có tiêu biểu tức là do tâm cấu nên cõi uế tâm tịnh nên cõi tịnh, tâm của chúng sinh ba căn cấu ứng với tịnh nên ba phen biến hóa cõi.

Hỏi: Vì sao tâm cấu ư?

Đáp: Cho rằng thân trượng sáu là thật thân, sinh diệt là cuối cùng, Nhị thừa đây kiến chấp quanh co tức là cấu.

Hỏi: Vì sao chỉ giữ hội này dời các trời người đem đến phương khác ư?

Đáp: Chúng hội đây có ba nhân duyên:

1) Tu tập lâu tâm thanh tịnh nên thấy cõi tịnh.

2) Do từ trước đã từng thấy Phật nhân duyên ấy nên nay thấy được nhiều Phật.

3) Ứng nghe bản tích đều được lãnh ngộ, như mười hai thứ lợi ích trong Phẩm Phân Biệt Công Đức cho nên giữ ở hội này. Hàng trời người không có ba nhân duyên cho nên dời đi nơi khác.

Hỏi: Vì sao không khiến liền ngồi ở tòa mà không thấy cõi tịnh, như phẩm Nhập Pháp Giới trong Kinh Hoa Nghiêm nói cõi tịnh, người Nhị thừa không thấy ư?

Đáp: Cũng là hiển rõ vì có nhân duyên cho nên trụ lại, không nhân duyên nên di chuyển, nếu không dời chuyển thì nghĩa nầy không hiển; Hoa Nghiêm muốn hiển rõ Nhị thừa không thể thấy cho nên giữ lại ở hội này, nếu dời chuyển hoặc nói Nhị thừa có thể thấy việc của Bồ-tát.

Hỏi: Nay cũng nên giữ lại trời người khiến ở hội không thấy ư?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm nói người Nhị thừa lúc mới không thấy, sau nhờ Phật lực cho nên thấy. Nay hàng thiên nhân đây đều không thấy cho nên dời chuyển muốn nói lên bốn nghĩa tịnh:

l) Hóa chủ tịnh.

2) Cõi tịnh.

3) Giáo tịnh.

4) Đồ chúng tịnh.

Không dời chuyển trời người thì chúng không tịnh.

Hỏi: Nói cõi tịnh đã biến cõi khiến tịnh sao không biến chúng khiến tịnh ư?

Đáp: Như hội Tịnh Danh tất cả đại chúng đều được thấy tòa sen báu ư? Đáp: Chúng nầy tội cấu làm sao mà được như vậy! Hội Duy-ma nầy những người tương ưng ngộ đó.

Hỏi: Phẩm Thọ Lượng nói: Cõi tịnh của ta không huỷ hoại, được nay vì sao ba phen biến mà thành cõi tịnh ư?

Đáp: Tịnh Độ nhiều môn, dưới nói nghĩa khác bản chất, đồng chỗ cho nên cõi tịnh không huỷ hoại, cõi uế bị thiêu đốt. Nay nói nghĩa đồng chất, đồng chỗ cho nên ba phen biến thành cõi tịnh. Đồng chất: một chất tịnh, một chỗ là không có hai chất cùng chỗ.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Nay tiêu biểu tâm chúng sinh cấu nên biến thành tịnh cho nên cõi biến. Lại tiêu biểu thân Phật đã chẳng phải thật thân thì chánh quả biến cho nên y quả cũng biến, do y quả đã biến là tiêu biểu cho chánh quả cũng sẽ biến. Dưới chúng cho rằng Phật vô thường, cõi nước tiêu diệt cho nên nói thường ở núi Linh Thứu, cõi tịnh không biến hoại, rõ ràng nghĩa khác nhau cho nên có biến bất biến.

Lại có bốn trường hợp:

l) Cõi tịnh người tịnh, như hóa Phật đem một vị Bồ-tát đến cõi tịnh.

2) Cõi tịnh người tạp, như Ta bà, Tịnh độ mà hội nhập có chúng năm thừa.

3) Cõi tạp người tạp.

4) Cõi tạp người tịnh, đây đã như chương Thân Tử có nói.

Hỏi: Đem một vị Bồ-tát và tòa Sư tử dưới gốc cây đều là tiêu biểu cho điều gì?

Đáp: Thế giới Tất-đàn pháp ứng như vậy. Đồng đến là ảnh hưởng, tòa để an thân, cây để che chở thể, sai khiến thăm hỏi nên đem một thị giả nếu có tiêu biểu thì pháp thân không hai cho nên thị giả chỉ là một.

Hỏi: Nếu vậy dưới nói từ đất vọt lên đã có nhiều chúng, lẽ ra tiêu biểu pháp thân là nhiều ư?

Đáp: Phương dưới nói chúng nhiều nói lên từ lâu đã thành Phật cho nên chúng hóa độ nhiều. Thọ dùng lập làm nghĩa, nay nói mở tháp báu, thọ lập pháp thân. Trước sợ muôn vật khởi tâm huỷ báng cho nên không được nói lên tuổi thọ lâu dài, nay đạo duyên đã phát cho nên vui vô uý ở tòa Sư tử dưới gốc cây.

Hỏi: Phẩm Đa Bảo qua ba phen phát ngôn có lợi ích gì?

Đáp: Ban đầu nói tháp vọt lên, muốn tiêu biểu chẳng phải mồ mả có linh giác cho nên phát ra tiếng. Kế là mở tháp xong lại phát ra tiếng: Trước tuy phát tiếng nhưng vẫn chưa thấy hình, sợ trước phát tiếng ấy chẳng phải tiếng Phật, cho nên hiện hình tiêu biểu chính tự miệng Phật phát ra tiếng. Sau cùng phát tiếng tiêu biểu đức Đa Bảo bất diệt, tuy nói Đức Thích-ca bất sinh nhưng chưa nói lên cho nên đề huề đều ngồi tòa, là muốn nói lên đức Thích-ca bất sinh nên lại phát ra tiếng.

KẾ LÀ NÓI VỀ PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Có người nghi phẩm này chẳng đúng theo thứ lớp, hoặc chẳng phải Phật nói. Nay nói không đúng. Nhất định là có thứ lớp cũng chính là Đức Phật nói. Sau thấy Luận nói: việc thọ ký cho Điều-đạt, nói lên tâm Như Lai không oán giận cho nên phải biết là Phật nói. Kế là sau phẩm Tháp báu mật bỏ bản tích có hai thứ:

1) Căn cứ Phật sự mà bỏ bản tích tức là Tháp báu hiện, phân thân nhóm họp.

2) Lại nêu mật bỏ bản tích, tức là phẩm này. Tích thân của Điều-đạt ác mà bản thân chẳng ác, đức Thích-ca tích thị hiện sinh diệt, bản thật không sinh diệt. Lại kinh này nói khai mở cửa Phương Tiện chỉ bày nghĩa chân thật, chẳng phải chỉ khai một thứ môn Phương Tiện mà khai chung tất cả môn Phương Tiện chỉ bày tất cả nghĩa chân thật. Từ đầu kinh đến phẩm Tháp báu nói y cứ về thiện khai môn Phương Tiện hiển nghĩa chân thật, nay căn cứ ác nói mở cửa Phương Tiện nói nghĩa chân thật. Hết thảy Phật Bồ-tát ba đời mười phương không ngoài hai phương tiện thiện ác nghịch thuận. Như đức Thích-ca là khéo dùng Phương Tiện, Điều-đạt là ác dụng Phương Tiện nghĩa là xưa không nói là Phương Tiện, cho nên cửa Phương Tiện đóng, nay khai mở cửa Phương Tiện nên mở cửa Phương Tiện mở, ác đã là Phương Tiện thiện tức là chân thật. Thiện ác như thế đều muốn dẫn dắt chúng sinh trở về thiện cho nên hoặc trái hoặc thuận đều là thuận. Lại Đại Phẩm nói: Có oai nghi phi oai nghi, phi oai nghi tức biến thường hợp đạo. Trong Nhiếp Đại Thừa luận nói Bồ-tát làm, đầy đủ mười điều ác năm tội nghịch.

Hỏi: Bồ-tát gây ra mười điều ác, năm tội nghịch là thật hay do biến hóa ra ư?

Đáp: Làm đủ cả hai:

l) Cõi hóa: như Kim cương thần sát đồng tử.

2) Cõi thật, như giết năm trăm Bà-la-môn. Sở dĩ phải là cõi thật: Nhiếp Đại Thừa luận nói: Bồ-tát không còn Phương Tiện nào khác để độ, chỉ có cõi mới có thể độ cho nên làm các việc sát.

Lại tóm lược hai phương tiện này qui về phi thiện phi ác không thể chỉ bày mà năng thiện năng ác là diệu dụng của Pháp Hoa. Lại dùng ba thứ phương tiện:

l) Phàm phu phương tiện.

2) Nhị thừa phương tiện.

3) Đại thừa phương tiện.

Điều-đạt gây ra tội ác nặng là phàm phu phương tiện, Phú Lâu Na hiện Thanh văn v.v... là Nhị thừa phương tiện, đức Thích-ca là Phật phương tiện. Trên đã khai hai môn phương tiện, nay kế khai môn phàm phu Phương Tiện cho nên nói phẩm này. Lại phát ba tích: Ban đầu phát tích của Đa Bảo diệt nói bất diệt, kế phát Thích-ca tích sinh nói bất sinh, sau phát tích của Điều-đạt ác cũng nói phi ác.

Lại nạn rằng: Nói đức Thích-ca trước vô thường nay vô thường, lẽ ra cũng nói là Điều-đạt trước ác nay cũng ác, nếu trước nói Điều-đạt ác nay phát tích cho nên nói phi ác, đức Thích-ca cũng như vậy. Lại trước thọ ký cho Điều-đạt sẽ thành Bích-chi-phật, nay khai Điều-đạt từ lâu đã hành Đại thừa, thì trước Phương Tiện chỉ bày tiểu mà thật là Đại, phải biết đức Thích-ca thật thường thị hiện vô thường. Lại nói phẩm này vì muốn thực thành khen ngợi kinh khuyên người mở mang cho nên đến. Phẩm trên đã nói cổ Phật Đa Bảo đến nay đều cùng nói kinh Pháp Hoa nói phước sâu công nặng khuyên người mở mang truyền bá, nay đức Thích-ca lại dẫn Điều-đạt làm chứng, nói Điều-đạt ở quá khứ đã vì ta mà nói kinh Pháp Hoa cho nên nay được thành Phật. Vì vậy Pháp Hoa công dụng khó nghĩ bàn cần phải thọ trì.

Đề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Nhiệt, Đề-bà dịch là Thiên, Đạt-đa dịch là Nhiệt. Khi mới sinh tim của Ngài nóng như lửa, vì ông sẽ gây ra tội nghịch, là con của vua Hộc Phạn anh của A-nan, từ người sở thuyết mà đặt tên cho nên làm tên phẩm.

Hỏi: Trước nói Điều-đạt gây ra ba tội nghịch, việc ấy thế nào?

Đáp: Thích luận nói: Đức Phật khi mới hành đạo độ 1.000 Phạm Chí kết phát (búi tóc) sau trở về nước mình, các đệ tử tuy đắc đạo mà vẫn giữ thói cũ tu khổ hạnh, lâu sau hình sắc tiều tuỵ không được sáng suốt. Vua Tịnh Phạn ban sắc rằng: con em nhà quyền quí ai muốn xuất gia theo Phật thì đi, Điều-đạt lúc bấy giờ nhập đạo mà tâm không tin, chỉ muốn học thần thông chứ không muốn cầu Phật đạo, nên đắc thần thông nhưng về sau bị mất thần thông, cầu đồ chúng Đức Phật không cho, do đó mới gây ra tội nghịch, lúc mới thì phá tăng, vì người phạm giới phá tăng không được, nên biết người trước chưa phạm các tội mà trước phá tăng, phá tăng rồi lại xô đá đè Phật, Thần Kim cương dùng chày hất đá ra, chỉ tổn thương ngón chân Phật chảy máu, kế đến làm thân Phật chảy máu. Tỳ-kheo-ni Hoa-sắc sắp đắc quả A-la-hán thấy Đức Phật ngón chân bị thương mà trách Điều-đạt, Điều-đạt dùng tay đánh Tỳ-kheo-ni, mắt bị chảy máu rồi chết, cho nên kế là giết A-la-hán đủ ba tội nghịch, thứ lớp như thế, trong đây giải thích Điều-đạt thứ lớp

gây ra tội nghịch không khác với trong luật.

Luận nghĩa bản tích giải thích phẩm Thọ Lượng, Tín Giải v.v... Hỏi: Phẩm Tín Giải nói: Trưởng giả ở tòa Sư tử quyến thuộc vây quanh cho đến cởi áo châu báu mặc y thô xấu, đây là căn cứ nghĩa gì mà nói về bản tích ư?

Đáp: Có người nói trang sức y phục là dụ cho pháp thân, mặc áo thô xấu là dụ cho ẩn bản tùy tích. Lời bình rằng nay dùng bốn nghĩa suy tìm chẳng phải pháp thân:

1) Đại sĩ, nhập cảnh pháp thân hình không thể dùng tượng so sánh, tâm không thể dùng trí biết nay nói quyến thuộc tông đối đãi thì hình có nơi chốn vật báu la liệt là dụ cho mở mang đạo giáo, đã nói là tượng thì chẳng phải pháp thân.

2) Kinh sư xưa nói: giữa đường dùng nghỉ một thành là dụ thùy tích thành Phật không phế bỏ gia nghiệp, giáo hóa các hạnh cao, nếu là pháp thân thì đây nói sai vậy.

3) Gọi con không được xa lãnh giải phẩm Phương Tiện Nhất thừa hóa vật không theo. Trên đã hiển tích nay vì sao còn lãnh bản.

4) Gọi con không được gần lãnh giải phẩm Thí Dụ tìm con không được, trước đã ở trong cửa Trưởng giả, nay vì sao dụ pháp thân ngoài thành, lấy đây nói về nghĩa, có thể biết. Lại có người nói trưởng giả ngồi ghế Sư tử dụ cho tuổi thọ làm bản, mặc áo thô xấu dụ cho từ bản thùy tích.

Lời bình rằng: Tuy bắt đầu có sự thông suốt nhưng vẫn còn đấm chấp cho nên khó, xưa nói dừng nghỉ trong một thành đã ứng tích thành Phật, nay ở ghế Sư tử vì sao mới dụ tuổi thọ là bản ư! Xin nghiên cứu kỹ. Tìm con không được mà gia nghiệp không bỏ, chính là tích thân hóa vật chẳng phải bản địa dẫn dắt duyên, lại đây dụ cho cõi nhẫn thành Thánh, không thể xa chỉ phương khác. Lại nay nói tức thế gian thùy ứng lại chẳng phải đời trước thành Phật, tiến lùi xưa luận cuối cùng là thân gì? Nay nói gồm có ba thân:

1) Pháp thân.

2) thân Xá-na.

3) thân Thích-ca.

Người cha kia trước đến tìm con không được, dụ cho pháp thân tìm kiếm Đại căn cơ không được. Dừng nghỉ giữa đường trong một thành gia nghiệp không bỏ là dụ thân Xá-na khi mới thành đạo, Nhị thừa Đại căn cơ tuy chưa thuần thục mà đạo duyên Bồ-tát đã thành cho nên mới đăng chánh giác giáo hóa các hạnh cao. Như văn nói rộng: Thân thuộc thị vệ

cho đến vật báu la liệt đều chỉ cho Hoa Nghiêm vì các Bồ-tát nói pháp Đại thừa. Cởi áo châu báu mặc y thô xấu là ẩn bản Xá-na thị hiện tích Thích-ca giáo hóa Nhị thừa, ba thân nầy tức là thứ lớp. Trước nói pháp thân, pháp thân kế kế thùy Xá-na tích giáo hóa hạnh Đại thừa, Xá-na kế là thị hiện Thích-ca dẫn hóa Nhị thừa.

Hỏi: Vì sao biết có ba thân?

Đáp: Dùng trước tìm nghĩa có thể biết. Lại Kinh Phạm Võng nói: Nay ta Lô Xá-na mới ngồi tòa hoa sen nghĩa là thân Xá-na, ngồi hoa sen ngàn cánh lại có hiện ngàn đức Thích-ca nghĩa là thân Phật Thích-ca biết có pháp thân, đây đồng với ý trong phẩm Tín Giải. Lại Luận Nhiếp Đại Thừa nói ba thân. Pháp thân Ứng thân và hóa thân. Pháp thân chỉ có Phật thấy, Ứng thân ứng Bồ-tát, Hóa thân hóa Nhị thừa, cùng Pháp Hoa, Tín Giải hoàn toàn đồng. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói ba thân: Trên đã dẫn xong cũng đồng tin hiểu. Lại Phẩm Tánh khởi trong kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt trời xuất hiện trước chiếu trên núi cao kế đến lưng chừng núi và sau chiếu chân núi, Như Lai xuất hiện trước hóa Bồ-tát kế hóa Nhị thừa phù hợp với Tín Giải. Lại Phẩm Nhật dụ trong Đại Kinh chép: Ngày có ba thời: Ngày đông rất ngắn dụ cho sở kiến của Nhị thừa, ngày xuân trung bình dụ cho chỗ thấy của Đại sĩ, ngày hạ rất dài dụ rõ chỉ có Phật thấy tuổi thọ vô lượng của Đức Phật kia, cũng có nghĩa ba thân đại đồng với trước.

Hỏi: Chưa bỏ gần bày xa vì sao đã lãnh giải ba thân ư?

Đáp: ba châu trên Đức Phật đã lược bỏ ba thân, hàng Thanh văn ba căn cũng lược lãnh giải bản tích, như trong giải thích danh đã nói. Lại trước Pháp Hoa đã nói bản tích, như Tịnh Danh nói thân Phật vô lậu vô vi, văn Đại Phẩm nói đi lại không đi lại, chỉ trước nghe chưa ngộ nay nhân Pháp Hoa mới biết lãnh giải cho nên trình bày như thế. Như xưa nghe Đại Phẩm phó chúc tài vật không ngộ nay nhờ giáo nầy mà lãnh giải. Lại trước ở hội Hoa Nghiêm có hạng mù điếc nay ngộ Nhất thừa mới được nhãn tịnh, cho nên thấy Xá-na. Lại hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, nay thành Bồ-tát vì sao không thấy! Lại dùng lý nói các việc, đây đều là quyền hành, lại là hóa người vì muốn điều phục chúng sinh hiển phát Mật giáo sợ thực hành sau nghe lâu dài trái với bản ý của chúng sinh nên dự lãnh hai thân bản tích, nghịch nghe tuổi thọ cho nên nhờ lãnh giải thầm giúp mở mang. Ví như Phẩm đầu Di-lặc nghi Văn Thù quyết giải nói cổ Phật nói trước đức Thích-ca xiển dương sau, ngăn dứt người manh cuồng huỷ báng nghi ngờ dự định khai ý chỉ Nhất thừa.

Nói về nghĩa tuổi thọ của Phật. Hỏi: Phẩm Tín Giải nói ba thân,

Phẩm Thọ Lượng nói về những Đức Phật nào?

Đáp: Có người nói là tâm Kim cương còn chưa thành Phật vì giữ gìn Tam-muội nên khiến kéo dài thọ mạng vì rộng độ chúng sinh. Cho nên văn dưới nói: năng lực thần thông như vậy trải qua A tăng tỳ kiếp. Lời bình rằng: Kinh nói từ lâu đã thành Phật mà nói chưa thành Phật, ông đối với ta trước trái với lời ta nói, Như Lai ba lần khuyên răn sợ lúc ấy chúng sợ hãi nghi ngờ, chẳng lẽ luốn uổng như vậy sao! Lại trước còn nói đã lên vị Đại giác nay nói còn chưa thành Thánh thì trước hơn nay kém, đâu thể như vậy!

Hỏi: Nếu chẳng phải sau Thánh thì lẽ ra ngưng đọng thường trụ, dưới nói lại gấp bội số trên còn là vô thường cho nên biết là chưa thành! Nạn rằng: nếu chưa thường trụ thì chưa vượt qua năm trăm do-tuần vì sao nghe vượt qua năm trăm mà liền tin, rõ ràng đã thành mà chưa thọ. Lại nạn hỏi rằng: Nếu vượt qua năm trăm mà chưa thường cũng nên chưa vượt qua năm trăm tức là thường, nếu chưa vượt qua chẳng phải thường thì đã vượt qua là thường. Lại kinh nói Đức Phật vượt qua năm trăm mà nói chưa vượt qua, là trước nói Phật vượt qua ba trăm lẽ ra cũng chưa vượt qua. Nếu trước nói rộng ba trăm Phật thật sự vượt qua nay cũng nên Phật thật sự vượt qua năm trăm. Nếu thuận với kinh cho nên liền vượt qua năm trăm thì đã thoát khỏi ba tướng, thì sự nào mà chẳng thường! Nay giải thích: Phẩm Thọ Lượng cũng đủ ba thân. Luận Pháp Hoa nói: Thị hiện sinh cung vua, thành Già-da tu hành thành Phật gọi là hóa Phật. Từ lâu đã thành Phật cho đến lại gấp bội số trên gọi là báo Phật. Như thật thấy biết tướng ba cõi không có sinh tử hoặc thoái hoặc xuất là pháp thân Phật, chỉ là ba thân khác nhau. Hoặc luận Pháp Hoa nói ba thân: cho rằng Phật tánh là pháp thân, tu hành hiển Phật tánh là Báo thân, nghĩa hóa chúng sinh là hóa thân. Như Nhiếp Đại Thừa luận nói: Ẩn gọi là Như Lai tạng, hiển gọi là pháp thân, thì hai thân này đều là pháp thân. Y cứ trong Ứng thân tự chia làm hai:

1) Hóa Bồ-tát gọi là báo thân.

2) Hóa Nhị thừa gọi là hóa thân.

Hoặc nói hóa Địa thượng là báo thân, hóa Địa tiền là hóa thân. Địa luận, Luận Pháp Hoa là Bồ-đề Lưu Chi nêu ra, Nhiếp Đại thừa là chân đế. Ba tạng dịch, ba bộ này đều do ngài Thiên Thân soạn mà nói nghĩa có khác, hoặc người dịch không xét thấu hiểu ý kia.

Nay muốn dung hợp lại các kinh và luận hoặc hai thân hoặc ba thân hoặc bốn thân, nay lược chung làm bốn câu:

1) Hợp bản hợp tích; như Kim Quang Minh nói: chỉ nói về một bản

tích cho nên nói chân pháp thân Phật cũng như hư không, ứng vật hiện hình như trăng đáy nước.

2) Bỏ bản tích: Như luận Ngũ phàm phu nói có bốn Đức Phật: Bỏ bản làm hai thân: a) Pháp thân. b) Báo thân. Phật thân tức Phật tánh, báo thân là tu nhân mãn hiển bày Phật tánh.

Khai tích làm hai thân: a) Hóa Bồ-tát gọi là Xá-na. b) Hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca.

3) Bỏ bản hợp tích: Như Địa Luận, luận Pháp Hoa nói, bỏ bản nghĩa là hai thân, gọi Phật tánh là pháp thân, Phật tánh nói lên là báo thân.

4) Khai tích hợp bản: Như Nhiếp Đại Thừa luận nói: hợp Phật tánh và Phật tánh hiển đều gọi là pháp thân, khai tích làm hai: Hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, Hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca đây đều do kinh luận tùy nghĩa nói đều không trái nhau, các sư không thấu hiểu ý kia nên khởi sự tranh luận.

Hỏi: Thường, vô thường như thế nào?

Đáp: Cũng có bốn câu: Bỏ bản hợp tích tức là khai thường hợp vô thường, hợp bản khai tích tức là hợp thường bỏ vô thường, bản tích đều khai tức thường vô thường đều khai, thường có pháp thân, báo thân, vô thường có ứng thân, hóa thân Phật, bản tích đều hợp tức thường vô thường đều hợp.

Hỏi: Kinh nói thế nào?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm, Phạm Võng, Tượng Pháp Quyết Nghi, Đại Niết-bàn và phẩm Tín Giải kinh Pháp Hoa, các văn nầy đều nói pháp thân là thường, ứng hóa thân vô thường đồng với Luận Nhiếp Đại Thừa. phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa có thể đủ hai nghĩa: Thọ mạng vô lượng do nhiều kiếp tu tập mà được đây là báo thân Phật, tức gọi là thường lạc pháp thân, thuần hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, như hóa ngàn thế giới số Bồ-tát nhiều như cát bụi không có phàm phu Nhị thừa, đây có thể gọi là thân Xá-na vô thường. Nếu hóa Nhị thừa và Ba thừa tạp chúng gọi là Thích-ca hóa Phật, xét kỹ các kinh và các luận đều không trái nhau.

Hỏi: ba thân có bao nhiêu tên?

Đáp: Kinh luận nêu tên khác nhau, hoặc pháp thân, thân Xá-na, Thích-ca thân, lại gọi pháp thân. báo thân, hóa thân. Lại nói pháp thân, ứng thân, hóa thân. Lại nói thân mà Phật thấy, thân mà Bồ-tát thấy thân mà Nhị thừa phàm phu thấy.

Hỏi: Các danh tự này xuất xừ từ văn nào?

Đáp: Ban đầu xuất xứ từ Kinh Phạm Võng, kế xuất xứ Từ Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, Luận Kim cương, Bát-nhã, kế là xuất xứ trong Luận Nhiếp Đại Thừa nói, kế xuất xứ trong phẩm Nhật Dụ kinh Niết-bàn nói: Tam-muội dài ngắn khác nhau như Chư Phật Bồ-tát Nhị thừa thấy khác nhau, Kinh nói tên khác còn ý thì đồng.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thân không nhiều không ít ư?

Đáp: Nếu y cứ Luận Pháp Hoa nói ba thân, thì Phật tánh ẩn, hiển là hai thân, hóa tha là hóa thân, hai thân là tự đức, một thân là hóa tha đức.

Lại căn cứ Nhiếp Đại Thừa luận nói ba thân, tròn đầy không được nhiều ít, pháp thân là tự đức hai thân còn lại là hóa tha đức, trong hóa tha tự có hai:

1) Thân Hóa Bồ-tát gọi chung là thân Xá-na.

2) Thân Hóa Nhị thừa gọi là thân Thích-ca, sở hóa tuy nhiều mà không ngoài Đại thừa Tiểu thừa. Lại hóa cõi tịnh duyên là Xá-na, hóa cõi uế duyên là Thích-ca, chỗ hóa tuy nhiều mà thuộc về tịnh uế. Lại thuần hóa Bồ-tát là Xá-na, tạp hóa Ba thừa là Thích-ca, sở hóa tuy nhiều không ngoài hai thân này. Lại hoa đài thế giới là Xá-na, cõi nước trên cánh hoa là Thích-ca. Lại bản là Xá-na tích là Thích-ca, năng hóa tuy nhiều mà nhiếp chỉ bản tích. Lại nghĩa báo đáp nhân gọi là Xá-na, Xá-na gọi là báo Phật, hóa vật đã gọi là Thích-ca, Thích-ca là hóa Phật. Lại lúc mới thành đạo là Xá-na, thành đạo về sau là Thích-ca.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Khi mới thành đạo duyên Đại thừa đã thuần thục có khả năng thọ Đại thừa giáo hóa cho nên hiện Xá-na ở trước hóa, Tiểu thừa chưa thuần thục đợi sau mới hóa. Lại thời hóa lâu dài là Xá-na thời hóa ngắn là Thích-ca.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: các Kinh Sư đều nói Hoa Nghiêm là đốn giáo chỉ khi mới thành đạo nói cho nên thời hóa ngắn, sau từ vườn Nai đến Song lâm đều là tiệm giáo nên thời tiệm giáo dài.

Nay xin nạn hỏi: Hoa Nghiêm bảy xứ tám hội: Hội đầu có thể nói khi mới thành đạo nói, còn bảy hội sáu xứ vì sao cũng là lúc mới thành đạo nói ư? Lại hội thứ tám, phẩm Nhập Pháp Giới ở vườn Kỳ Hoàn nói, khi mới thành đạo thì chưa có Tịnh xá Kỳ Hoàn, cũng không có Thanh văn, vì sao nói hội thứ tám ở Kỳ-hoàn nói ư? Lại nêu năm trăm Thanh văn ư! Nay nói đức Thích-ca hóa ngắn, Xá-na hóa dài có thể đủ năm nghĩa:

1) Thích-ca hóa thân trụ thế tám mươi năm, Xá-na báo thân thọ mạng vô lượng.

2) Đức Thích-ca nêu cõi uế bị kiếp lửa thiêu, Xá-na cõi tịnh ba tai không huỷ hoại.

3) Thích-ca chỉ hóa tạp duyên, tạp duyên thọ mạng ngắn, Xá-na thuần hóa các hạnh cao, hạnh cao nên tuổi thọ dài.

4) Thích-ca nói giáo ít, Xá-na nói giáo nhiều.

5) Thích-ca kiếp ngắn, Xá-na kiếp dài như nói Nhẫn độ kiếp ngắn, Di-lặc kiếp dài năm việc này suy tìm xuất xứ trong Kinh Hoa Nghiêm, thì Thích-ca hóa ngắn, Xá-na hóa dài. Vì Xá-na hóa dài, nên từ khi mới thành đạo cho đến đức Thích-ca Niết-bàn mà Xá-na không diệt. Nếu vậy đâu chỉ khi mới thành đạo nói Kinh Hoa Nghiêm ư? Đây là không hai, hai khai hai thân khác nhau, lại tùy hai duyên cho nên nói hai Đức Phật là khác. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy ta Niết-bàn hoặc thấy ta là báo Phật được trăm ngàn đức Thích-ca vây quanh, thì biết khi Thích-ca Niết-bàn Xá-na vẫn còn.

Hỏi: Đại Kinh nói: Khi ta mới thành đạo có Bồ-tát đã hỏi nghĩa này. Phải biết khi mới thành đạo tức là Thích-ca vì sao dùng nghĩa dài dụ Xá-na ư?

Đáp: hai Đức Phật có một nghĩa, có khác nghĩa. một nghĩa: Như Hoa Nghiêm nói danh hiệu, hoặc gọi Thích-ca gọi Xá-na. Hai Đức Phật khác nghĩa: Như Phạm Võng bản tích khác nhau. Lại trong Hoa Nghiêm Nhị thừa chỉ thấy Thích-ca không thấy Xá-na, lại như Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói hai Đức Phật là khác.

Hỏi: Đã đầy đủ có một nghĩa và khác vì sao chỉ dùng dài dụ cho Xá-na ư?

Đáp: Đã như trước nói. Cũng tử thấy mặc áo thô xấu chính là căn cứ ẩn bản thùy tích cho nên chỉ căn cứ hai Đức Phật khác nghĩa luận bàn, nếu là một Đức Phật làm mất ý nầy.

Hỏi: Nếu dùng nghĩa dài dụ cho Xá-na thì khi trưởng giả giàu có giao phó tài vật, người Nhị thừa có thấy đức Xá-na không?

Đáp: ý Thí dụ khác nhau không thể là một. Ban đầu căn cứ ẩn bản hiển tích cho nên chia hai Đức Phật khác nhau, khi phó chúc muốn dùng Đại thừa mật giáo Nhị thừa, không rõ bản tích không được làm ví dụ.

Hỏi: Trưởng giả giao phó tài vật không dụ cho Xá-na thì dụ Đức Phật nào Đáp: Trở lại dụ đức Thích-ca. Vì sao? Vì bản do Bồ-tát thấy gọi là Xá-na khi giao phó của cải thì Nhị thừa chưa ngộ nên thấy cũng là Thích-ca.

Hỏi: Nếu là Thích-ca cùng trưởng giả mặc áo xấu có gì khác nhau không?

Đáp: Trước dụ đức Thích-ca nói Tiểu thừa giáo, nay dụ đức Thích-ca nói Đại thừa giáo cho nên có khác.

Hỏi: Vì sao lúc mới thành đạo dụ Xá-na, nay dụ đức Thích-ca ư?

Đáp: Thùy đức Thích-ca tích có nghĩa tiệm giáo. Ban đầu nói thừa trời người, kế nói Nhị thừa sau nói Đại thừa; nếu lúc mới thành đạo nói đủ pháp Đại thừa gọi là Xá-na cho nên lúc mới dụ Xá-na sau dụ Thích-ca.

Hỏi: Trước nói hóa Nhị thừa là Thích-ca, hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, nếu vậy đức Thích-ca không nên hóa Bồ-tát, thì làm sao được từ Bát-nhã trở lên đến Pháp Hoa đều nói hóa Bồ-tát ư?

Đáp: Trước nói hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca, hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, một nghĩa nầy thôi. Lại tạp hóa Ba thừa làm Thích-ca, thuần hóa Bồ-tát gọi Xá-na cho nên không có lỗi.

Hỏi: Chỉ là một Trưởng giả vì sao có ba ví dụ ư? Ban đầu nói Trưởng giả giàu sang v.v... đây là dụ cho Xá-na, kế nói áo thô xấu dụ cho đức Thích-ca chỉ hóa Nhị thừa, sau nói Trưởng giả giao phó của cải dụ cho thuyết Đại thừa ư?

Đáp: ba ví dụ nầy đều có nghĩa kia, lúc mới nói hóa Bồ-tát cho nên dụ Xá-na, kế là chỉ nói hóa Nhị thừa cho nên dụ Tiểu thừa Phật khi giao phó của cải chính nói nghĩa Đại thừa cho nên dụ Thích-ca trong Đại thừa.

Hỏi: Thích-ca trong Đại thừa vì sao chẳng phải Xá-na ư?

Đáp: Thuần hóa Bồ-tát làm Xá-na. Đại thừa Phật có tạp chúng Ba thừa lại là đối tiểu nói Đại cho nên cũng là Thích-ca. Lại chỉ bày chỉ là một trưởng giả tùy duyên thấy như chỉ một Đức Phật, hoặc thấy Xá-na hoặc thấy Thích-ca hoặc thấy hai Đức Phật khác nhau, hoặc thấy cũng là một Đức Phật hoặc thấy là ứng thân hoặc thấy là báo thân, người Nhị thừa trước đều chưa ngộ nay mới hiểu rõ. Vì vậy nên văn này hoặc thí dụ làm hai Đức Phật khác hoặc thí dụ Phật đồng.

Hỏi: Văn trước nói pháp thân không nói pháp vì sao Thích luận nói pháp thân cũng nói pháp ư?

Đáp: Thích luận nói pháp thân đối với đài hoa đức Xá-na, đức Thích-ca trượng sáu là pháp thân. Nếu so với pháp thân rốt ráo cũng còn thuộc về tích thân, làm sao biết như vậy? Kinh nói Ẩn gọi là Như Lai tạng, hiển gọi là pháp thân, chỉ có Đức Phật mới thấy được, người Thập địa không thể thấy. Thích luận nói cũng hóa Bồ-tát thì Bồ-tát thấy

cho nên biết thuộc về ứng thân.

Hỏi: vì sao Pháp thân Phật không nói pháp ư?

Đáp: Chỉ có hai duyên:

1) Bồ-tát thì báo thân hóa.

2) Thanh văn thì ứng thân hóa, pháp thân chỉ có Phật mới thấy cho nên không nói pháp. Lại pháp thân danh tướng đây bặt dứt đâu có âm thanh nói pháp, việc nói pháp đều là ứng thân.

Hỏi: Pháp thân không hóa vật sao lại dùng pháp thân ư?

Đáp: vì Pháp thân là căn bản giáo hóa muôn vật cho nên có đại dụng, lại ba thân làm hai đức: thân Phật là đức tự hành. hai thân còn lại là đức hóa vật, phải đầy đủ tự đức, sau mới có khả năng giáo hóa chúng sinh.

Hỏi: Theo Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi và Luận Nhiếp Đại Thừa, vì sao pháp thân không gọi là báo ư?

Đáp: Pháp thân bất sinh bất diệt vốn tự có như kinh nói, ẩn gọi là Như Lai tạng hiển gọi là pháp thân, pháp thân đâu thể tu nhân mà đắc ư! Cho nên biết pháp thân chẳng phải báo thân, nay chỉ bày hành nhân đắc quả, quả khởi báo đáp nhân nên gọi là báo.

Hỏi: Hóa thân cũng tu nhân đắc vì sao chẳng phải báo thân ư?

Đáp: Thông nghĩa cũng như vậy. Chỉ hóa thân từ báo thân khởi cho nên chẳng phải chính là nghĩa báo đáp nhân, báo thân chính là nghĩa báo đáp nhân, nên gọi là báo. Lại hóa thân đã là hóa Nhị thừa, thân này đã kém chẳng phải hơn báo thân, cho nên không gọi là báo thân.

Hỏi: Báo thân Phật nhất định là thường hay vô thường ư?

Đáp: Trước đã luận nay sẽ nói lại. Địa luận sư nói: Báo thân là thường, vì sao? Vì pháp thân vốn có Phật tánh, báo thân Phật do tu nhân đắc, Phật tánh hiển bày nên gọi báo thân, tức là mới có, cũng là nghĩa tánh tịnh, phương tịnh tịnh. Nếu căn cứ đây nói báo thân thì báo thân là thường, đây không trái với Luận Pháp Hoa. Địa luận, luận Kim cương, Bát-nhã,v.v...thích hợp dùng. Nếu nói Xá-na là báo thân Phật mà nói Xá-na thường thì có năm nghĩa không thể được.

l) Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy ta là báo thân ngàn muôn đức Thích-ca vây quanh thì Xá-na là báo thân, đã nói là ngàn muôn Thích-ca vây quanh đâu phải là thường thân ư!

2) Kinh Bồ-tát giới nói: Nay ta là Lô-xá-na, mới ngồi đài hoa sen, vây quanh trên ngàn cánh hoa, lại hiện ngàn Thích-ca, thường không phương hướng đâu chỉ ở đài hoa.

3) Kinh Hoa Nghiêm nói nhiều về đức Xá-na ngồi đạo tràng dưới

gốc cây Bồ-đề thành Phật quyến thuộc vây quanh vì sao là thường thân ư?

4) Kinh Pháp Hoa chép: Trưởng giả tôn quí thân quyến thị vệ, nhưng sau cởi áo châu báu mặc áo thô xấu là thị hiện hình Thích-ca, sao nói trưởng giả thật là thường ư! Năm luận Nhiếp Đại Thừa chép: Hóa Bồ-tát nên thị hiện báo thân, hóa Nhị thừa nên thị hiện hóa thân, pháp thân Phật không hóa sao nói Hóa Bồ-tát thân là thường thân ư?

Hỏi: Làm sao thông ư?

Đáp: Có hai thứ báo thân Phật, luận Pháp Hoa nói báo Phật là thường, Nhiếp luận và các kinh nói báo Phật là vô thường cho nên không nên dùng thiên lệch.

Hỏi: hai thân còn lại chỉ là vô thường cũng được gọi là thường ư?

Đáp: nghĩa có chung riêng, chung mà luận ba thân đều thường. Pháp thân vô thỉ chung bất sinh diệt cho nên thường, do có pháp thân thường hóa Bồ-tát không dứt nên ứng thân cũng thường, hóa Nhị thừa cũng không dứt cho nên hóa thân cũng thường. Chỉ đối với duyên nầy dứt, duyên kia không dứt cho nên nói diệt mà thật không diệt. Như Hoa Nghiêm nói thí như lửa lớn cháy hết các cỏ, cỏ nơi này sạch hết cho nên nói lửa diệt, cỏ chỗ kia không sạch hết cho nên nói không diệt.

Hỏi: vì sao Báo thân chỉ có một, mà hóa thân thì nhiều ư! Như Xá-na chỉ một mà Thích-ca thì nhiều ư?

Đáp: Thông thì theo lệ, mà nay Xá-na chỉ có một mà Thích-ca thì nhiều tức nói lược ba nghĩa:

l) Căn cứ bản tích phân chia, Xá-na là bản cho nên không hai, Thích-ca là tích cho nên không một, như Kinh Bồ-tát giới nói.

2) Muốn nói lên một nghĩa căn bản chỉ bày duy chỉ có nhất đạo cho nên nói tất cả vô úy, người, cõi người ra khỏi sinh tử. Thể đạo đã một thì người thể theo đạo cũng là một, cho nên chỉ có một hóa chủ, một cõi nước, một giáo môn, một chúng Bồ-tát; căn bản mà luận chỉ có bốn thứ nhất. Như Kinh Pháp Hoa nói: Trong mười phương cõi Phật chỉ có pháp Nhất thừa tức là một hóa chủ, một cõi, một hóa, một duyên, chỉ vì chúng sinh không kham thọ đạo nên mới khai ra bốn thứ khác nhau, vì không kham thọ nên nhiều đạo nói, hoặc đại Tiểu thừa đạo hoặc Ba thừa đạo hoặc tứ đạo, nghĩa là Ba thừa đạo phước lạc đạo hoặc năm thừa đạo, do ngũ đạo đã không phải một nên hóa chủ cũng chẳng phải một, cho nên có nhiều Thích-ca nhiều cõi nước nhiều giáo môn nhiều đồ chúng, vì nghĩa nầy nên Xá-na một còn Thích-ca thì nhiều.

3) Xá-na là báo thân: báo thân thì không hai, vì sao? Vì chỉ nhân

có khác nhau, quả không khác nhau, nhân có khác nhau cho nên có Thập tín cho đến Đẳng giác năm mươi mốt vị khác nhau, chỉ bày quả không khác nhau chỉ đắc Xá-na cho nên báo thân Phật không hai. Lại chỉ có nhất đạo hành nhất đạo cho nên chỉ đắc một báo thân Phật không hai. Hóa thân thì tùy duyên không nhất định cho nên có nhiều đức Thích-ca.

Hỏi: Là theo chiều dọc luận ba thân hay theo chiều ngang luận ba thân?

Đáp: Đầy đủ hai nghĩa:

l) Luận theo chiều ngang lấy pháp thân làm bản, ứng với hai duyên kia nên có hai thân.

2) luận theo chiều dọc tức là truyền, vọng từ pháp thân thùy tích Xá-na. Kế là từ bản Xá-na lại khởi Thích-ca ứng, như Phạm Võng nói Nay Ta Lô Xá-na thị hiện ngàn Thích-ca, cũng như Pháp Hoa: Cởi áo quí giá, mặc áo thô xấu.

Hỏi: Kinh có các nói hoặc nói hư không pháp thân, hoặc nói thật tướng pháp thân, hoặc nói cảm ứng pháp thân, hoặc nói pháp tánh sinh thân, hoặc nói công đức pháp thân, có gì khác nhau ư?

Đáp: Nói đại cương kia lớn bao trùm cả hư không cho nên nói hư không pháp thân, nói pháp thân kia mầu nhiệm thì vô tướng vô vi, nên nói thật tướng pháp thân biện luận kia năng ứng thì không cảm nào không hình cho nên nói cảm ứng pháp thân, nói pháp thân kia sinh tức pháp tánh là gốc, cho nên nói pháp tánh sinh thân, thấu đạt thể kia thì các công đức thành tựu nên gọi là công đức pháp thân. Căn cứ nghĩa kia khác nhau nên có các tên gọi khác nhau. Xét kỹ mà luận chỉ có một pháp thân.

Hỏi: Từ pháp tánh sinh nên gọi pháp tánh sinh thân, Thích luận chép: Người Nhị thừa là pháp thân Bồ-tát cũng là pháp tánh sinh thân có gì khác với Phật?

Đáp: Đức Phật chiếu soi cùng khắp pháp tánh nên gọi là chân pháp tánh sinh thân, Bồ-tát Nhị thừa tùy phần được gọi.

Hỏi: Trực kế y cứ theo Phật pháp, tánh thân tự được Nói về chân có được?

Đáp: Được. Diệu cùng pháp tánh tức là pháp thân, nếu ẩn pháp tánh thân Bồ-tát thấy như trước dẫn Thích luận nói Pháp thân Phật, đây là Ứng thân trong pháp tánh thân.

Kế là nói bản tích bốn câu: chung khắp các kinh nói khác:

1) Khai mà không hợp: Bỏ hai thân bản tích: Pháp thân vô sinh

diệt, ứng thân có sinh diệt, pháp thân thọ vô lượng, ứng thân thọ có lượng.

2) Hợp mà không khai: Trước nói thân này thành tựu gần đây, nay nói thân này thành đã lâu, đồng chỉ một thân lại không có hai. Lại xưa chỉ lâu làm gần, nay chỉ gần làm lâu lại không có hai.

Hỏi: Thế nào là chỉ gần làm lâu?

Đáp: Phẩm Dũng Xuất nói: Ta ở thành Già-da này hóa độ, lẽ nào chẳng phải gần chỉ thành Già-da để làm lâu xa ư! Đã chỉ Già-da là lâu xa cũng chỉ lâu xa là Già-da. Đạo Sanh chính là dùng ý nầy nói: Quyết định trường thọ kia tức ở Già-da vậy. Già-da ấy chẳng phải lại Già-da, Già-da đã chẳng phải thì lâu dài sao riêng gọi là Già-da ư! Muốn nói lên không dài không ngắn thì dài ngắn nầy mất song sau mới xa gần thích hợp hóa độ.

Lại Đại Kinh nói Ca-diếp nhiều lần hỏi hiện thấy thân này vô thường, Như Lai lại đáp thân này là thường. Lại nói thân này của nay Ta là pháp thân chẳng phải do máu thịt cấu thành. Tịnh Danh chép: thân Phật tức pháp thân. Như các kinh này đều là hợp mà không khai.

3) Vừa hợp vừa khai: Nói pháp thân vô sinh diệt, tích thân có sinh diệt đâu chẳng phải khai hai thân ư! Tức sinh ấy là bất sinh, bất sinh là sinh. Đức Phật Đa Bảo Thích-ca tức là việc ấy, đâu chẳng phải hợp ư?

4) Bản tích là nghĩa nhân duyên: không thể một nên không hợp, không thể khác nên không khai.

Hỏi: Vì sao nói bốn câu ư?

Đáp: Pháp thân Như Lai ngôn từ vắng lặng, vì muốn xuất hiện ở chúng sinh cho nên bỏ hai thân bản tích, do đó có câu thứ nhất. Mà chúng sinh nghe nói hai, phần nhiều nương đó khởi hai kiến chấp cho rằng pháp thân tự không có sinh diệt, ứng thân tự là sinh diệt, muốn diệt hai kiến chấp kia cho nên nói chỉ sinh ấy là bất sinh, bất sinh ấy chỗ nào riêng có hai thân ư! Nên có câu thứ hai. Hoặc nói nghe hai thân không phải hai liền hiểu làm một, một thì không được hai, nghe hai liền hiểu làm hai, hai thì không được một. vì phá đây làm chướng ngại tâm cho nên nói tuy một mà hai, tuy hai mà một, một không ngại hai, hai không ngại một cho nên có câu thứ ba cũng khai cũng hợp. Mê tình lại cho là xả định một định hai, liền chấp vừa một vừa hai, nay muốn bài bác hai bệnh ấy cho nên nêu nhân duyên bản tích không thể một khác. Do bản mà có tích do tích mà có bản, chẳng có bản không do đâu thùy tích, chẳng có tích không do đâu để hiển bản cho nên nói câu thứ tứ nghĩa chẳng khai chẳng không phải một, không phải khác.

Hỏi: Khai bốn câu này ý ở chỗ nào ư?

Đáp: Muốn khiến nhân bốn thân ngộ không bốn. Kế là nói nghĩa gần xa khai che.

Hỏi: Vì là phá gần nói xa hay là bỏ gần bày xa; là che gần bỏ xa hay bỏ gần lập xa?

Đáp: Đầy đủ bốn nghĩa:

1) Phá gần nói xa; cho nên văn nói tất cả thế gian thiên nhân A-tu-la đều cho là đức Thích-ca mới thành chánh giác, nhưng ta đã thành Phật rất lâu xa, đây là phá gần nói tuổi thọ xa.

2) Bỏ gần bày xa; nói khai môn Phương Tiện nói lên nghĩa chân thật. Trước nói gần xa là Phương Tiện, nay nói xa là nói thật, hai thứ nầy đều là Phật Phương Tiện chẳng phải chúng sinh chấp ngang.

3) Che gần bỏ xa; như đôi chim dạo bay không lìa nhau. Chỉ trước che xa để bỏ gần nay thì che gần bỏ xa.

4) Phế gần lập xa: Như bỏ ba lập một.

Hỏi: Trong bốn nghĩa, nghĩa đầu là duyên mê ba nghĩa sau nói Phật giáo. Trước tự nói gần vì sao nói duyên cho là Phật gần ư?

Đáp: Do nghĩa này cho nên trong văn nói bí mật năng lực thần thông, ngày trước nói gần mà mật là bỏ xa, nói tuy tại gần mà rước ở nơi xa, cho đến ngày nay nói tuy ở xa mà ý là khai không gần không xa vô thủy vô chung, mà người mê hoặc nghe gần liền chấp gần không thể ngộ xa, cho đến khi nghe xa không thể ngộ không xa không gần nên gọi là mê. Lại tuy nghe chẳng gần chẳng xa mà không thể ngộ gần xa cả hai du hóa đều lầm ý chỉ Phật. Lại trước nói gần, đây nhân duyên xa gần, nghĩa gần xa không ngăn ngại. Trước dùng xa làm gần, nay dùng gần làm xa, dùng không xa gần làm gần xa, gần xa là không gần xa. Như Lai là người vô ngại cho nên có thân vô ngại nói vô ngại. Vì chúng sinh trái với đạo nên không thể ngộ vô ngại được nên đều lầm ý chỉ Phật. Lại Như Lai chẳng gần chẳng xa, trước năng kết làm dùng gần cho đến chẳng xa chẳng gần, nay kết dụng làm xa, trước kết dùng làm dùng gần cho nên nay gần nơi Phật. Muốn khai phi gần phi xa mà chúng sinh chấp gần bèn che lấp phi gần phi xa, nghĩa gần đã vậy nghĩa xa cũng thế, nếu có thể ngộ nghĩa gần xa như thế mới có thể hiểu ý một phen giáo hóa từ đầu đến cuối.

Hỏi: Bỏ gần bày xa bỏ vô thường bày thường bỏ ngắn bày dài có gì khác nhau ư?

Đáp: Có người nói bỏ vô thường bày thường chỉ ở Niết-bàn hai thứ còn lại có cả hai giáo. Nay nói ba việc xen lẫn thông suốt, chỉ bỏ gần

bày xa nói lâu đã thành Phật, bỏ vô thường hiển thường đây là thông xa gần. Vì sao biết? Vì chứng minh thường có hai thứ:

1) Từ lâu đã chứng thường.

2) Nay mới chứng thường, cho nên thông. Bỏ ngắn bày dài: Đây lại chung hai nghĩa trên.

Kế là nói về nghĩa ba đời: Trước nói phẩm Thọ Lượng chính là nói ba đời lợi ích chúng sinh, đã là ba đời lợi ích chúng sinh nên đều là vô thường. Lời bình rằng: Phẩm này chỉ nói ba đời lợi ích chúng sinh, ý hay đẹp của chương này cũng chưa rốt ráo văn dưới cũng không có nhiều người đắc đạo.

Nay y Luận Pháp Hoa nói đầy đủ ba thân có thể có ba nghĩa:

l) Pháp thân vô thỉ chung tức là không có nghĩa ba đời.

2) Tu nhân dắc quả lấy làm báo thân Phật đây là nghĩa có thỉ vô chung, do tu nhân mãn sơ chứng pháp thân nên gọi là thỉ, chứng pháp thân rồi sau không còn sinh diệt, vì thế vô chung.

3) Hóa thân có thỉ có chung, căn cứ trong hóa thân tự khai hai thân, hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, như hóa ngàn thế giới hoàn toàn là Bồ-tát không có các chúng phàm phu Nhị thừa, kế hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca, như sinh trong cung vua Già-da thành Phật, cũng như Phẩm Tín Giải nói Bồ-tát thấy hai thân mà Nhị thừa thấy không đồng.

Hỏi: Pháp thân vô thỉ chung hóa thân có thỉ chung, nghĩa nầy dễ rõ, vì sao báo thân có thỉ vô chung ư! Vô chung vì sao có thỉ ư?

Đáp: Kinh này nói tuổi thọ vô lượng trải qua nhiều kiếp tu nghiệp mà đắc thì biết lúc mới phát tâm Bồ-đề, giữa tu Hạnh Bồ-tát, sau đắc pháp thân cho nên biết có thủy, đã chứng pháp thân không còn sinh diệt cho nên không có chung, ở đây cần phải giải thích kệ ở Đại Kinh, Thuần Đà hỏi nạn và Phật nêu việc xưa có nay không có mới thấy ý nghĩa nầy. Nếu căn cứ trong đây giải thích đối với văn nghĩa là rườm rà.

Hỏi: Trong đây có nghĩa ba đời lợi vật hay không?

Đáp: Từ khi bắt đầu chứng pháp thân đến nay, thùy tích hóa vật rồi, trước cung vua gọi là đời quá khứ, thác sinh cung vua cho đến diệt độ ở Song lâm gọi là đời hiện tại, từ đó về sau gọi là đời vị lai. Đây đều là tích thân có ba đời, bản thân không có nguyên do nghĩa ba đời, chỉ nói có ba đời là duy nhất thành tích thân, trong ba thân chỉ đắc một thân kia.

Hỏi: Nói báo thân vì sao nói lại gấp bội số trên ư?

Đáp: Ban đầu chứng pháp thân rồi không thể biết, chứng pháp thân rồi lại gấp bội số trên, ở đây là nói việc ấy không thể biết. Không

thể biết như Hoa Nghiêm nói không thể nói không thể nói, đây nói lên không còn có nghĩa cuối cùng.

Hỏi: Trong nghĩa bản tích như thế nào? Dật Đa không thấy nghĩa kia, Bổ xứ không lường được cuối cùng. Ở đây nói vô thỉ vô chung, nay vì sao nói có thỉ vô chung ư?

Đáp: Trước căn cứ nghĩa pháp thân giải thích, do nhân vị trí người không biết thỉ chung kia cho nên không có thỉ chung do đó là nghĩa pháp thân thường. Nay căn cứ báo thân cho nên có thỉ vô chung. Lại lúc mới chứng pháp thân có hai nghĩa: 1) Nghĩa sơ chứng cho nên có thỉ. 2) Đồng nghĩa pháp thân cho nên vô thủy vô chung. Lại đây là dùng báo thân hiển pháp thân, lúc mới đắc báo thân nhân vị người còn không thấy thỉ chung kia huống chi pháp thân mà có thể biết ư!

Hỏi: Giải thích như thế lẽ ra là Địa luận và nghĩa xưa đó ư?

Đáp: Luận Pháp Hoa có văn nầy không nên trái lại, chỉ vì nay đọc luận không đồng với ý xưa, nghĩa xưa chỉ như trước giải thích, nay nói nghĩa sinh khởi có lý do, chính vì người Nhị thừa cho là đức Thích-ca ở cung vua mới sinh, cuối cùng diệt ở Song lâm như Đại Kinh nói: đó gọi là Nhị thừa tà kiến quanh co, nay vì phá bệnh này cho nên nói: từ lâu đã thành Phật chẳng phải mới ở thành Già-da, lại gấp bội số trên chẳng phải cuối cùng ở song thọ, vì phá thỉ chung nên nói vô thỉ chung. Nhưng Như Lai đâu phải thỉ chung vô thỉ chung,v.v... bốn câu có thể chấp ư!

Hỏi: Các câu ấy là phá bỏ thỉ chung nói vô thỉ chung, vì sao vô chung thì dài mà lại nói gấp bội, vô thỉ thì ngắn chỉ nói Bổ xứ không biết ư?

Đáp: Lời nói này cũng có ý chỉ sâu xa trong hai nghĩa chính là lấy nghĩa vô chung, vì sao? Vì chứng thường có hai:

1) Lâu chứng.

2) Mới chứng, hai thứ này chỉ được nói thường, chỉ nghĩa vô chung là thường, hữu chung là nghĩa phi thường, chánh lấy vô chung để hiển nghĩa thường, bác bỏ Nhị thừa vô thường cho nên nói lại gấp bội. Do đó vô chung thì dài vô thỉ thì ngắn. Nếu pháp thân vô thỉ vô chung nghĩa nầy không dài không ngắn, chỉ tự nó nhiếp lĩnh Tương truyền có nói hai dòng sông:

1) Bồ-tát hành trong sông Phật tánh.

2) Phật hành trong sông Phật. Bồ-tát hành tại trong sông Phật tánh: Đây muốn hiển ba đời không có nghĩa ba đời, vì sao? Vì Bồ-tát còn là vô thường chưa tránh khỏi pháp của ba đời, cho nên căn cứ ba đời tu hành muốn nói lên Trung đạo Phật tánh chẳng có pháp ba đời. Vì vậy

Bồ-tát ba đời muốn hiển nghĩa không có ba đời. Như Lai đã lìa pháp ba đời, nay tạo ba đời ấy đây không có ba đời vì chúng sinh nên Phương Tiện làm ba đời, cho nên Phật hành trong sông Phật nói không có nghĩa ba đời. Nay trong đây nói ba đời lợi ích chúng sinh, đều là Phật hành trong sông Phật không có ba đời mà ba đời lợi ích chúng sinh, quá khứ thì không diệt mà diệt hiện tại không sinh mà sinh, vị lai không đến mà đến. Đã không diệt mà diệt, tuy diệt mà không diệt, không sinh mà sinh tuy sinh mà không khởi, ba đời như thế rõ ràng mà không khởi động, không ba đời ba đời tức là ba đời không ba đời, nhưng không ba đời ba đời đâu phải là ba đời, ba đời không ba đời đâu phải là không ba đời! Cho nên, chẳng phải ba đời chẳng phải không ba đời mà ba đời không ba đời, tuy ba đời không ba đời mà chẳng phải ba đời không ba đời, do đó thân Như Lai bất khả tư nghì bặt dứt cảnh giới phàm phu Nhị thừa.

Kế là chỉ nói về nghĩa ba đời không ngăn ngại: ba không một, một không ba, không ba không một được gọi là ba, một, cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Hiện tại là quá khứ, quá khứ là hiên tại, quá khứ gọi là quá khứ của hiện tại, hiện tại gọi là hiện tại của quá khứ, vị lai gọi là vị lai của hiện tại, cho nên ba đời đều là nhân duyên. Do quá khứ là lại quá của hiện tại, quá khứ được gọi là hiện tại, do hiện tại là hiện tại của quá khứ, hiện tại được gọi là quá khứ, vị lai cũng vậy. Lại ba đời được gọi là một đời, một đời được gọi là ba đời, đây là một, ba được gọi là ba, một, ba, một được gọi là không ba, một như hiện tại hiện tại là vị lai, vị lai là hiện tại. Lại nói kiếp kiếp quá khứ thu nhiếp kiếp hiện tại, kiếp hiện tại thu nhiếp kiếp vị lai, kiếp dài thu nhiếp kiếp ngắn, kiếp ngắn thu nhiếp kiếp dài, kiếp có Phật thu nhiếp kiếp không Phật, kiếp không Phật thu nhiếp kiếp có Phật, cho đến 1 kiếp nhiếp thu tất cả kiếp, tất cả kiếp thu nhiếp một kiếp, do có nhân duyên vô ngại cho nên được như thế. Nếu có định tánh sao có thể như vậy, tức kinh này nói diệt là bất diệt, bất diệt là diệt, bất sinh là sinh, sinh là bất sinh, cho nên Đa Bảo diệt mà bất diệt, và Thích-ca sinh mà bất sinh, đây đều là nghĩa ba đời tự tại không ngăn ngại.

Hỏi: một đời vì sao được gọi là ba đời, ba đời vì sao được gọi là một đời ư? ba đời thời gian ngăn ngại lẫn nhau vì sao được gọi như vậy ư?

Đáp: kinh Hoa Nghiêm nói: Vô lượng kiếp trong một niệm, một niệm trong vô lượng kiếp, không đến không chứa nhóm mà hiện có việc các kiếp, vì pháp không có tánh nhất định, Bồ-tát đắc các pháp thật tướng do đó có thể như thế.

Hỏi: Đây vẫn chưa nói, xin chỉ bày tướng kia?

Đáp: Vô lượng kiếp cũng là chánh đạo, một niệm cũng là chánh đạo, chánh đạo đã không khác thì vô lượng kiếp trong một niệm đâu có khác ư? Lại sao thất một niệm vô lượng kiếp! Cũng chẳng phải vô lượng kiếp nhóm đến, một niệm cũng như vậy. Vô lượng kiếp một niệm việc thường không mất. Triệu Sư nói: Như động mà tĩnh tựa như tướng qua lại có thể dùng thần hội nhập không thể dùng sự cầu.

Kế là nói nghĩa ba căn: Hỏi: Vì sao nói nghĩa ba căn ư? Đáp: Phật năng hóa có lợi ích chúng sinh ba đời, chúng sinh sở hóa có ba căn cho nên văn nói người có nhiều con, hoặc mười người, hai mươi người cho đến số trăm,v.v...

Hỏi: ba căn đây cùng ba căn ở phẩm Thí Dụ có gì khác nhau?

Đáp: Kia nói một Ba thừa làm ba căn, trong đây chỉ chọn độn lợi nói về ba căn, làm sao biết như vậy? Văn nói: Trong các con có người thất tâm là độn căn, người không thất tâm tức là lợi căn.

Hỏi: Căn cứ vào đâu mà luận lợi độn ư?

Đáp: Căn cứ vào ba đời nói về:

1) Nếu quá khứ lâu xa tu tập quán vô sở đắc, quán mạnh mà phiền não yếu, do quá khứ gặp Đức Phật Thích-ca được liễu ngộ gọi là thượng căn.

2) Đối quá khứ tu tập quán vô sở đắc, quán yếu mà phiền não có chút mạnh nên gặp tri thức ác trôi dạt trong năm đường cho đến dần dần tu tập gốc lành, ngày nay đức Thích-ca xuất thế, từ sơ sinh đến nghe nói pháp Hoa đều được lãnh ngộ gọi là trung căn.

3) Nếu quá khứ tu tập thiện yếu mà phiền não mạnh cũng trôi dạt trong năm đường rồi sau tu tập chút gốc lành cảm đến đức Thích-ca xuất thế từ mới sinh cho đến nghe nói pháp Hoa nghe đến các giáo mà không ngộ đến thời Niết-bàn Phật xướng diệt mới được lãnh ngộ, người như thế gọi là hạ căn. Nhưng thí dụ chỉ nói hai hạng người sau, căn cứ trước trong pháp nói nói quá khứ lâu xa đã thành Phật, dẫn dắt làm lợi lạc chúng sinh như ngàn thế giới vọt lên các Bồ-tát v.v... đều do đức Thích-ca quá khứ hóa đắc gọi là người thượng căn.

Hỏi: Vì sao từ mới sinh đến Pháp Hoa mới ngộ gọi là Trung căn ư? Đến Niết-bàn mới hiểu gọi là hạ căn ư?

Đáp: Đức Phật mới thành Phật khai một làm ba đến trước thời Pháp Hoa cầu con cũng chưa được, từ Pháp Hoa mới gom ba về một tìm con mới được nên một phen hóa rốt cùng tại Pháp Hoa. Cho nên có vô lượng thế giới số người như cát bụi đều được ngộ đạo, vì vậy đến thời

nay kết thúc làm một căn. Ở trong Pháp Hoa lại chưa được liễu ngộ, Như Lai lại xướng diệt cho đến Niết-bàn mới được lãnh giải nên gọi là hạ căn.

Hỏi: Ba đời lợi ích chúng sinh có hóa độ người ba căn hay không?

Đáp: Quá khứ lợi ích chúng sinh là người thượng căn, hiện tại lợi ích chúng sinh là người trung căn hạ căn, chúng sinh ba căn ở trong hai đời đều lãnh ngộ, do đó trong văn chính nói hai đời lợi ích chúng sinh, không nói vị lai lợi ích chúng sinh vì hóa độ cùng tận ba căn, nếu vị lai hóa vật lại là các duyên khác.

Kế là nói nghĩa cõi tịnh: Hỏi: Kinh nói các chúng sinh thấy cõi bị thiêu tất cả mà cõi tịnh ta vẫn không bị huỷ, sao gọi là cõi tịnh ư? Đáp: Ngài La-thập nói: Đó là khác chất đồng chỗ, tịnh uế hai chất đồng ở một chỗ, nghĩa là uế ở chỗ tịnh, tịnh ở chỗ uế, cho nên nói đồng ở một chỗ.

Hỏi: Do đâu mà được như vậy ư?

Đáp: Tịnh uế thô diệu khác nhau nên không chướng ngại nhau, như Thiên tử thủ chân thân không ngăn ngại đất. Lại như địa ngục vô gián tuy trăm ngàn chỗ cùng cũng không bị ngăn ngại lại như đề hồ không vướng ngại bởi đồ đụng thô, huống chi hai chất tịnh uế mà ngăn ngại nhau ư? Cho nên đốt cháy uế và tịnh không đốt cháy như lửa cõi dục không thể đốt cháy thân ở trời Tịnh cư, huống chi là Tịnh độ ư!

Hỏi: Đã có cõi tịnh vì sao không có lửa tịnh có thể đốt cháy? Đáp: Uế độ có ba tai cõi tịnh không có ba tai.

Hỏi: Cõi uế bị ba tai đốt cháy có thể là vô thường, cõi tịnh không có ba tai vì sao hoại được ư?

Đáp: Đệ tứ thiền thoát khỏi ba tai mà có bắt đầu khởi sau diệt cho nên vô thường, lại có niệm niệm vô thường, cõi tịnh cũng đủ hai thứ nầy.

Hỏi: Cõi uế có kiếp số, cõi tịnh cũng vậy, vì sao khác nhau có ba tai ư?

Đáp: Kiếp thẳng là thời tiết gọi là ba tai ắt do lỗi lầm nên cõi uế có, cõi tịnh không có, như ví dụ năm thứ vẫn đục.

Sanh Pháp sư giải thích cõi tịnh không bị hủy nói rằng: Phàm Đức Phật không hiện hữu đó là do chúng sinh xấu uế, vì uế nên không hiện hữu, không uế thì hiện hữu. Không uế nên mượn bảy báu để nói, nói không có đất uế. Tuy có cõi bảy báu thanh tịnh mà so với không có hình cũng đâu khác gì uế chất ư! Dùng lý mà luận chính là nghĩa không có

cõi nước. Đã mượn cõi nói không cho nên gọi là cõi tịnh, tịnh vô độ thì đâu chẳng phải pháp thân gá thác! Cho đến cõi uế bị đốt cháy là tự tội báo chúng sinh cũng đâu có tốn thương không gì chẳng tịnh, cho nên chúng sinh bị kiến chấp đốt cháy, cõi tịnh không bị huỷ diệt được.

Lời bình rằng: Phật hoặc bỏ ba thân hoặc gọi là hai thân bản tích, do thân so với cõi cũng có ba cõi và hai cõi. Pháp thân dừng nghỉ ở cõi Trung đạo đệ nhất nghĩa như kinh Anh Lạc nói.

Lại như kinh Nhân Vương nói:

1) Tam Hiền, mười Thánh trụ nơi quả báo chỉ có Phật ở cõi tịnh. Lại Luận Nhiếp Đại Thừa nói chân như tức là cõi Phật trụ. Về sau thấy luận Pháp Hoa nói chân như thường trụ là cõi nước.

2) Xá-na báo thân hóa các Bồ-tát ở cõi tịnh cho nên có bốn tịnh: Hóa chủ tịnh, cõi nước tịnh, đồ chúng tịnh, giáo môn tịnh, bốn tịnh này đều do Bồ-tát tâm khí tịnh nên có bốn tịnh này cho nên Xá-na hóa Bồ-tát.

3) Thích-ca hóa Nhị thừa tức là cõi uế, nghĩa là Nhị thừa thiên nhân tâm khí bất tịnh cho nên chiêu cảm bốn thứ bất tịnh. Nếu hợp ba thân làm hai thân bản, tích thì pháp thân gá ở bản độ, hai thân còn lại gá ở tích độ. Như vậy, ngài La-thập cho đất cát là uế, báu ngọc là tịnh. Nói khác chất đồng chỗ: đây là tích thân cõi tịnh. Đạo Sanh gọi bảy châu là pháp thân, bất luận cõi tịnh, nay xin bình giảng: Nếu nói pháp thân không gá nơi đất cát uế lại không ở nơi báu ngọc tịnh cho nên không có cõi như trước đã nói về, nếu chấp pháp thân gửi hình ở pháp thật tướng Trung đạo cũng là không có cõi này nghĩa ấy không đúng, rõ ràng ý của Đạo Sanh chỉ là cõi không có ngọc báu, chẳng phải không có cõi Trung đạo,v.v... nếu vậy, Đạo Sanh được nghĩa, cõi pháp thân thì mất tích độ; La-thập công được nghĩa tích độ thì mất ở bản độ, nếu hai Sư đều nói một nghĩa thì không có mất nghĩa. Vì văn nay nói đủ ba thân thì có đủ ba cõi. Do trước chưa bỏ ba thân nay mới bỏ ba cõi cũng như vậy.

Hỏi: Kinh nói một chất mà thấy có khác nhau sao gọi là một chất ư? Như người thấy nước, như quỉ thấy lửa, đây gọi là chất nước mà thấy lửa, chất lửa mà thấy nước hay chẳng phải lửa, chẳng phải nước mà thấy lửa thấy nước ư?

Đáp: Tịnh Danh, Hoa Nghiêm lúc mới đã nói; nghĩa này khó hiểu, nay lược quyết nghi, chỉ một chất nhiều thứ nay đầy đủ rõ ràng. Nếu dùng tướng nhất thật làm một chất vì lầm thật tướng cho nên có sáu đường thấy khác nhau. Như Đại Kinh nói: Là một vị dược tùy chỗ lưu xuất nên có sáu thứ khác nhau tức là việc kia. Như người thấy nước thì

thấy có ba trần, thấy biết nơi lửa chỉ có sắc xúc đều do tâm điên đảo chiêu cảm cho nên thành thấy có nước lửa. Như người thấy sông Hằng là nước, quỉ thấy là lửa, tịnh uế cũng vậy, đều do chúng sinh hai nghiệp khác nhau cho nên có hai sự thấy khác nhau, thật không có tịnh uế như thế.

Hỏi: Đây đã là một cõi Trung đạo chất hai duyên tịnh uế cho nên thấy hai phải không ư?

Đáp: Đúng vậy. Cũng gọi là độ cũng gọi là thật tướng. Căn cứ trong tích luận một chất hai cái thấy, Thân tử thấy cõi đức Thích-ca là uế, Phạm Vương thấy Thích-ca là cõi tịnh, Thân tử thấy là ở cõi người, Phạm vương thấy là ở cõi trời, mà cõi tịnh của đức Thích-ca chẳng như cõi người trời này cho nên cõi đức Thích-ca như cõi thật trang nghiêm mà duyên trời người tự thấy hai cõi trời người cho nên một chất hai thấy khác nhau.

Hỏi: Thân tử tự thấy uế, Phạm vương tự thấy tịnh vì sao khai một chất làm hai thấy ư?

Đáp: Kinh nói Thân tử tự nói ta thấy cõi uế của đức Thích-ca, Phạm vương nói ta thấy cõi tịnh của đức Thích-ca. Đức Phật lại nói ta ở Tịnh độ mà ông không thấy, ba thứ đều nói cõi của đức Thích-ca cho nên biết hai duyên thấy cõi của đức Thích-ca là cõi của thiên nhân mà cõi Thích-ca chẳng phải cõi thiên nhân. Nói một chất hai cái thấy ấy, nơi một chất tịnh thấy uế, nơi uế chất thấy tịnh cho nên nói một chất hai thấy khác nhau.

Hỏi: Trước nói một chất hai sự thấy có thể như vậy, sau đối với chất tịnh thấy uế, uế bị đốt, tịnh có bị đốt không?

Đáp: Do nghiệp ác cho nên đối tịnh thấy uế mà tịnh thật chẳng phải uế, nghiệp ác cho nên thấy bất tịnh bị đốt cháy, mà tịnh thật không đốt.

Hỏi: chất tịnh hoại, chất uế có bị hoại hay không?

Đáp: Uế cũng bị hoại theo. Vì sao biết như vậy? Vì chất tịnh thuộc về nghiệp tịnh sinh khởi, nơi tịnh nương thấy uế, do tịnh hoại nên uế duyên không có chỗ thấy, như quỉ vốn dựa vào nước sông Hằng mà thấy lửa, nước sông Hằng khô thì quỉ không thấy lửa.

Hỏi: Nơi chất uế mà thấy tịnh là vì sao ư?

Đáp: Theo đây có thể biết. Kinh Tượng Pháp Thuyết Nghi nói: Hoặc thấy cõi này là đất cát hoặc thấy cõi này là bảy báu hoặc thấy toàn bằng vàng v.v... cõi này nhất định là chất gì ư? Đáp: Đây là do tùy nghiệp thấy khác, có thể gọi là khác chất đồng chỗ, đây là nói báo độ,

lại là ứng độ, căn duyên ứng thấy uế, do được ngộ thị hiện dùng uế cho đến tịnh cũng như vậy, cho nên không ngăn ngại nhau.

Kế là nói nghĩa giáo môn của cõi tịnh, uế: Gồm có bốn câu:

1) Trước nói một sau nói ba, như Xá-na trước vì Bồ-tát nói Nhất thừa sau ẩn bản Xá-na thùy tích Thích-ca giảng nói Ba thừa, như Trưởng giả cởi áo châu báu mặc áo thô xấu.

2) Trước nói Ba thừa sau nói Nhất thừa, tức là Thích-ca trước nói ba sau nói một. Nói một đây tức là ẩn giáo Thích-ca, hiển giáo Xá-na, dứt tích Thích-ca hiển bản Xá-na, hai câu này nương nhau thành. Ban đầu nói dùng bản thùy tích, kế nói dùng tích hiển bản. Ban đầu cởi aúo quý báu mặc áo thô xấu, kế cởi áo thô xấu mặc áo châu báu.

3) Từ đầu đến cuối thường nói Nhất thừa, như Thích luận nói thế giới bảy báu thuần các Bồ-tát, cho đến không nghe danh tự Nhị thừa.

4) Chỉ nói Nhị thừa không nói Đại thừa, như Thích luận nói thế giới vàng ròng toàn A-la-hán cõi, bạc trắng đều cầu Duyên giác.

Hỏi: Văn kinh nói: Pháp của Thế Tôn về lâu sau phải nói chân thật, thuần là A-la-hán và Bích-chi-phật trong đó vì sao được nói Nhất thừa ư?

Đáp: Không hẳn một thời kỳ xuất thế mà trước phải nói Ba thừa sau nói Nhất thừa, chỉ có Chư Phật lâu sau quyết nói chân thật, vì không có cuối cùng trụ ở Nhị thừa không bao giờ thành Phật. Lại có bốn câu:

1) Chỉ nói Nhất thừa không nói Ba thừa.

2) Chỉ nói Ba thừa không nói Nhất thừa.

3) Vừa nói ba vừa nói nhất, tức giáo của đức Thích-ca trước ba sau một.

4) Không nói ba không nói nhất, như không nói thế giới, không nói b, một.

Lại có bốn câu:

1) Độ tịnh mà thừa một, như thế giới bảy báu chỉ hóa Bồ-tát.

2) Độ uế thừa ba, như cõi uế năm trược.

3) Độ tịnh mà thừa ba, như Thân tử thành Phật và người trung căn, hạ căn cõi tịnh thành Phật có Ba thừa giáo.

4) Độ uế thừa một, chưa thấy văn riêng. Nước A-thâu-xà bảy tuổi trở lên đều học Đại thừa cũng là việc kia.

Kế là nói bốn câu:

l) Vì nghi ba duyên nói Ba thừa.

2) Vì một duyên nói một thừa, việc đây dễ hiểu.

3) Vì người ba duyên nói một. Có thể đầy đủ hai nghĩa: a) Vốn là

duyên Ba thừa gom về Nhất thừa. b) Bảo Ba thừa duyên nói nơi pháp Đại thừa.

4) Vì Nhất thừa duyên nói Ba thừa, khiến Nhất thừa duyên biết ba là quyền, biết một là thật, như Thắng-man bảy năm vì người Hữu Học Đại thừa nói Ba thừa. Vì duyên Nhất thừa nói Ba thừa, khiến truyền hóa những người khác duyên Ba thừa. Duyên ngộ lại có bốn câu: Nghe một ngộ một, nghe ba ngộ ba, nghe ba ngộ một, nghe một ngộ ba, trước đã nói rõ.

■

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 10

Luận về nghĩa số lần sinh trong phẩm Phân biệt Công đức.

Hỏi: Kinh nói tám lần sinh cho đến một lần sinh, lời nầy căn cứ vào nghĩa nào?

Đáp: Chú giải Kinh nói: Thể tuổi thọ mầu nhiệm sâu xa, thần, lắng đọng cảnh bặt dứt bờ mé đâu lại cảm đến số sinh khác nhau khác nhau! Do cương tâm bất nhất, nên chờ phát cơ có khác cho nên phẩm vị nầy khác nhau dùng để chỉ bày cho người Hữu Học. Sắc tưởng đã hư diệt định có thể tu, nhập giải tâm khai rồi sau mới hợp cho nên nói tám lần sinh bốn lần sinh: bốn ý đồng phát do đây mà ngộ cho nên nói bốn lần sinh ba sinh: Ở nơi tông hóa vật quyết nhờ ba phen thấu đạt cho nên nói ba phen sinh, hai phen sinh: hai pháp môn không hữu sâu xa không hai nên gọi là hai lần sinh. một lần sinh: Căn mầu nhiệm tận nơi một cùng cực nên gọi là một sinh.

Lời bình rằng: Tuổi thọ tuy bặt hình ngôn, nhưng ngộ có minh châu. Đã chịu theo thứ lớp dần dần Thập địa sao ngăn ngại dùng số lần sinh lên xuống ư! Kinh đã nói thành thật không nên giải thích quanh co. trộm cho rằng không như vậy, sau sẽ trình bày đầy đủ. Quang Trạch nói trong đây căn cứ phẩm hoặc mà luận, do vô minh trụ địa hoặc chia làm chín phẩm, năng vì chín lần sinh làm nhân, từ Thất địa đến Kim cương là năm vị:

1) Thất địa.
2) Bát địa.
3) Cửu địa.
4) Thập địa.
5) Kim cương.

Đối bốn vị trước sở trị đều chia làm hai phẩm, Kim cương là một phẩm, hợp thành chín phẩm, một phẩm là một lần sinh, chín phẩm là chín lần sinh. Nếu ở trước Lục địa vọng Kim cương vị đầy đủ chín lần sinh còn lại. Nay trụ Lục địa nghe kinh được nhập Thất địa để đoạn bớt

kia một, chỉ còn lại tám phẩm cho nên còn lại tám lần sinh sẽ đắc Bồ-đề, cũng theo thứ lớp đây đến còn bảy, sáu, năm lần sinh. Nhưng nay đối tám số trên mà chọn phân nửa cho nên nói bốn lần sinh. Như vậy thứ lớp trừ giảm dần gọi là một lần sinh, ba, hai, một đều tùy số tứ thiên hạ mà trừ nên nói bốn lần sinh cho đến một lần sinh. Cho nên, trong văn kệ tụng dưới lại có bốn, ba, hai như vậy số Bồ-tát nhiều như cát bụi trong tứ thiên hạ tùy số sinh thành Phật tức nghĩa nầy. Ngoài Nhẫn trong Thập địa Kim cương là một đời sẽ đắc, thì bốn lần sinh là Bát địa cuối cùng nhập Cửu địa, chuẩn theo phẩm có thể biết.

Lời bình rằng: Nay xin nói rõ về pháp dứt hoặc vì sao Thất, Bát, Cửu, Thập bốn địa nầy đều dứt hai phẩm hoặc, riêng Kim cương đoạn một phẩm hoặc ư? Suy tìm kinh luận nói Địa dứt hoặc, chưa thấy pháp này nên cũng chẳng dùng. Ấn Sư giải thích: Trong mười hai vị, ba thứ đầu là từ Sơ địa chung đến Thất địa,Triền Đà-la-ni là Bát địa, xoay bánh xe Bất thoái là Cửu địa. Xoay bánh xe pháp thanh tịnh là Thập địa. Lại tám lần sinh kia từ Sơ địa đến Lục địa. Bốn lần sinh kia từ Thất địa đến tâm cuối; ba lần sinh là Bát địa, hai lần sinh là Cửu địa, một lần sinh là Thập địa, cũng căn cứ hoặc để nói số sinh. Nghĩa là tứ trụ Địa hoặc gọi là lần thứ tư sinh, tập khí là lần thứ năm sinh, ba vô tri tức ba phẩm là lần thứ ba sinh; đều là tám phần làm tám lần sinh, cho nên đối với kia thứ lớp địa vị như trước đã trình bày.

Lời bình rằng: Ấn Sư giải thích là hai vòng nói nghĩa Thập địa được lợi ích. Từ ba vị đầu đến bánh xe pháp Thanh Tịnh đây là một vòng nói Thập địa được lợi ích. Từ tám lần sinh đến một lần lại một vòng nói Thập địa được lợi ích. Chỉ vì trước y cứ sở đắc sau y cứ sở ly cho nên có hai vòng mà ý không khác. Nay cho rằng văn quá phiền phức, vì sao? Vì Thập địa được lợi ích đã không khác chỉ nêu một là tiện đủ đâu nhọc lặp lại ư! Thí như đã nói Tiểu thừa đắc pháp nhãn tịnh là một vị sau nói xa lìa bụi nhơ lại là một vị, nghĩa thật rối rắm. Có người nói lúc mới phát tâm tức là ngoại phàm, Bồ-tát Thập tín Thiết luân vị đây từ ngoại phàm nghe kinh nhập Thập tín, kế từ Thập tín nghe kinh tiến nhập Thập trụ; Thập trụ tức là Vô sinh pháp nhẫn, cho nên nói nhập lý Tam-muội gọi là Trụ, sinh công đức gọi là Địa. Kế là Thập trụ nghe kinh tiến nhập nhập Thập hạnh, Thập hạnh nghe mười phương Phật nói tất cả giáo năng trì tức là Văn trì Đà-la-ni. Thập hạnh nghe kinh tiến đến Thập hồi hướng nhạo nói biện tài. Hồi hướng là năng hồi sự, hướng đạo. Kế là từ Thập hồi hướng tiến nhập Sơ địa, nhập Sơ địa cho nên năng vô ngại, do vô ngại hành nên trăm pháp minh môn hoàn

toàn chuyển gọi là Triền Đà-la-ni. Kế là Bất thoái là Nhị địa thanh tịnh là một địa, Bát sinh là tứ địa. Trong đây nói sinh là liễu pháp thật tướng vô sinh cho nên năng phát sinh; đây là chánh quán khai phát nên gọi là sinh. Chẳng phải số lần thân được gần hoặc xa Phật nên gọi là sinh.

Hỏi: Đã nói chánh quán khai phát gọi là sinh, vì sao có số sinh ư? Đây là đối với địa vị Phật mà chánh quán còn có tám lỗi, khai phát sinh cho nên nói tám lần sinh. bốn lần sinh: Từ Tứ địa khởi đến Bát địa. ba lần sinh: là Cửu địa. hai lần sinh là Thập địa. một lần sinh là Đẳng giác địa. Trong đó đắc ngộ không định, cho nên từ Tứ địa đến Bát địa không hẳn nhất nhất theo thứ lớp.

Lời bình rằng: Đây giải thích tợ như thứ lớp nhưng chưa liễu ràng ý nầy, vì sao? Vì ba địa đầu không nói sinh, từ Tứ địa trở lên mới nói sinh ư? Nếu từ chân quán khai phát làm sinh thì từ lúc mới Sơ địa đến cuối cùng Pháp vân đều nên vậy. Lại kinh luận may có văn nói về số sinh vì sao không y theo? Nay kiểm chứng kinh luận có nói hai thứ sinh: Kinh Tịnh Danh nói: Nhất sinh đắc Bồ-đề. Thích luận nói ba lần sinh đắc Bồ-đề. Đây là căn cứ ứng thân thành Phật mà số sinh có nghĩa nhiều ít, như Di-lặc vừa là ba lần sinh vừa là một lần sinh. Ba lần sinh tức là nhân gian, kế sinh lên cõi trời, sau sinh xuống thành Phật. Một lần sinh là căn cứ lần sinh cuối cùng. Hoặc nói chấp sinh lên cõi trời là một lần sinh, xuống sinh thành Phật chính là chỉ thân Phật. Kế là nói sinh: Kinh Nhân Vương nói: 30 lần sinh công đức mỗi địa ba lần sinh, lúc mới thấy đây nói rằng do nghi kinh không đủ để làm chứng, sau thấy Địa luận nói: Mỗi một địa đều có ba phần nhập trụ. Lại thấy Nhiếp Đại Thừa luận nói cũng đồng Địa luận nói. Lại nói một địa ba a-tăng-kỳ kiếp, nhập phần một tăng kỳ kiếp, Trụ mãn cũng như vậy. Qua đây xét thấy thì trong mỗi một địa có ba lần sinh, chỉ trước căn cứ ứng thân sau nói thực hành. Nay dùng hai văn nầy để thông trên nói: Nếu y cứ ứng thân thành Phật mà nói tám lần sinh, tức tám lần thọ sinh, cho đến một lần sinh mà đắc Bồ-đề, như Di-lặc một lần sinh đắc thành Phật. Kế là căn cứ thực hành thông: Thập địa đã có ba mươi lần sinh nay nói tám lần sinh được thành Phật thì hai mươi hai lần sinh đã mãn, chỉ tám lần sinh còn lại, người này đã là nhập phần Bát địa, cho đến một lần sinh đây là trụ phần Thập địa còn có một lần sinh mãn phần nữa thôi! Cho nên Kinh Nhân Vương giải thích: Bồ-tát Thập địa nói hai mươi chín lần sinh vĩnh xa đã vượt qua.

Hỏi: Đến Thập địa mãn thì cũng là Thập địa vì sao nói liền được thành Phật ư?

Đáp: Thật địa mãn ngồi đạo tràng cho nên được thành Phật.

Hỏi: Căn cứ nghĩa sau làm sao dứt hoặc ư?

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Trong mỗi địa có đủ ba phẩm hoặc thượng trung hạ tức dùng ba phần nhập, trụ, mãn trị nên gọi là đoạn.

Hỏi: luận Nhiếp Đại Thừa nói: một địa trải qua ba tăng kỳ hành hạnh, vì sao một phen nghe kinh từ tám lần sinh đến bốn lần sinh ư?

Đáp: Luận kia nói mỗi một địa trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp đây là căn cứ sự lâu dài kia. Lại có nghĩa siêu sinh thì bất định, như đức Thích-ca siêu vượt đức Di-lặc,v.v... Lại kinh này chỉ nói tám lần sinh được thành Phật cho đến bốn lần sinh được thành Phật không nói vì sao từ tám lần sinh trải qua được đến bốn lần sinh!

Hỏi: Xin chỉ bày tướng kia như thế nào?

Đáp: một tăng kỳ kiếp tu hành mới được phần nhập, nay nhờ nghe kinh nên hoặc có thể giảm bớt một tăng kỳ kiếp, nghĩa ấy bất định có thể dùng ý biết.

Hỏi: Căn cứ nghĩa sinh thông suốt đâu được từ tám lần sinh cho đến bốn lần sinh ư?

Đáp: Như căn bản người tám lần sinh sẽ được Bồ-đề nay nhờ nghe kinh siêu vượt bốn lần sinh liền được thành Phật, như nghĩa Đức Thích-ca siêu vượt Di-lặc, theo lệ có thể biết.

Hỏi: Di-lặc một lần sinh được thành Phật, đã là vị Thập địa thì tám lần sinh được thành Phật lại là địa vị của người nào ư?

Đáp: Cũng là Thập địa, nhưng Thập địa ấy cách Phật còn xa, trong số kiếp đó còn dài có thể có đến tám lần sinh. Như Nhiếp Đại Thừa luận nói chỉ nhờ nghe kinh cho nên siêu vượt kiếp số mau đến quả Phật.

Sau thấy luận Pháp Hoa nói: tám lần sinh một lần sinh đắc Bồ-đề đây là nói Sơ địa, vì Bồ-đề ấy là tám lần sinh đắc nhập Sơ địa cho đến một lần sinh đắc nhập Sơ địa. Sơ địa lìa phần đoạn nên nói Bồ-đề mà chẳng phải Phật Bồ-đề.

Luận về nghĩa đắc đạo nhiều ít. Hỏi: Từ vườn Nai trở về trước. Song Thọ về sau chưa có đắc đạo, như hội Pháp Hoa vì sao như vậy ư! Xin giải thích rõ?

Đáp: Lược căn cứ hai nghĩa nói:

1) Kinh này nói nghĩa ba phen dẫn: một đời giáo hóa từ đầu đến cuối chỉ có ba phen dẫn đến nơi Pháp Hoa ba phen dẫn rốt ráo:

a) Vườn Nai về sau trước Pháp Hoa, dẫn chín mươi sáu thứ ngoại

đạo và tất cả chúng sinh, đều nhập năm thừa giáo gọi là dẫn tà qui chánh.

b) Dẫn năm thừa khác nhau đồng qui Nhất thừa tức là đoạn đầu của Pháp Hoa.

c) Dẫn nhân Nhất thừa nhập quả Như Lai pháp thân gọi là đoạn thứ hai. Ba phen dẫn đây thu nhiếp tất cả giáo, do nghĩa này cho nên dự liệu có nhiều người ứng ngộ đều nhờ kinh này mà đắc đạo.

Hỏi: Ba phen đây dẫn những người nào ư? Đều là hạng người do nhân đời trước đã từng tu tập hiểu kinh lãnh giáo chỉ là đức Thích-ca thấy chúng sinh kia đạo duyên thích ứng thuần thục nên xuất thế, cho nên lần đầu dẫn tà qui chánh cho đến sau cùng dẫn nhân đắc quả cho nên có tám lần sinh cho đến chứng đắc quả Phật.

Hỏi: ba lần dẫn vì một người hay vì ba người ư?

Đáp: Đủ cả hai nghĩa: a) Nói một người: Đời trước tu tập hiểu kinh lãnh giáo, chỉ vì thất lạc cha rong ruổi trong vòng sinh tử, hoặc tại gia mà ái năm dục, hoặc rơi vào ngoại đạo mà khởi các kiến, vì muốn họ dứt bỏ ái kiến nên dẫn tà qui về năm thừa. b) Tuy ở trong sinh tử không khởi ái kiến mà đối với năm thừa lại khởi ái kiến, vì dứt bỏ ái kiến trong năm thừa cho nên nói nhân thừa. Đây liền được tin ngộ phát tâm Bồ-đề gọi là vị nhân. Tín tâm đã thành kế là nói quả đức, có vô phương đại dụng khiến cho họ trải qua địa vị tu nhân cầu quả đức đây, vì vậy cho nên thứ ba dẫn nhân qui tựu quả. Người này đối với ba phen dẫn phá ba thứ phiền não nên lúc mới phá phiền não trong sinh tử, thứ hai phá phiền não trong Niết-bàn. Lại lúc mới dẫn phá phiền não trong tà pháp, kế dẫn phá phiền não trong chánh pháp. Lại lúc mới phá phàm phu phiền não kế phá phiền não của Nhị thừa. Lại lúc mới dẫn phá hữu kiến kế phá không kiến. Các thứ như vậy đều là phá hai bên phiền não, rồi sau đắc Trung đạo chánh tín phát tâm Bồ-đề. Thứ ba dẫn nói rộng pháp thân Như Lai tịch nhiên vô phương diệu dụng phá phiền não vi tế ở Trung đạo kia. Nay từ tThập tín nhập Thập trụ, từ Thập trụ nhập Thập hạnh, từ Thập hạnh nhập Thập hồi hướng, từ Thập hồi hướng nhập Thập địa cho đến tám lần sinh một lần sinh được thành Phật đều là phá phiền não trung đạo trừ hoặc Nhất thừa. Đây đều là căn cứ người Ba thừa từ đầu đến cuối cho nên khai đây ba phen dẫn.

Kế là dẫn hàng Bồ-tát: Trước Pháp Hoa đã phát tâm cầu Phật nghe lần hai gom ba về một không còn Nhị thừa thì tâm cầu Phật vững chắc, vì vậy nên nói Bồ-tát nghe pháp ấy lưới nghi đều đã trừ. Nghe dẫn lần thứ ba trải qua các vị bước lên đạo Vô thượng. Đây căn cứ từ

đầu thực hành Hạnh Bồ-tát có ba điều này. Kế là nói trước Pháp Hoa đã đắc ngộ vô sinh: Thọ ký thành Phật như trước nói: Có Phật tử tâm tịnh,v. v... cho đến ta thọ ký cho người ấy đời sau được thành Phật, nghe Pháp Hoa hai phen dẫn lại tinh tấn tu hành cho nên có được người nghe, giữ gìn, ưa nói cho đến tám lần sinh một lần sinh. Đây lược nêu ba người để chỉ bày đại khái không thể quanh co chỉ hết, do kinh này nói đầy đủ ba phen dẫn cho nên người đắc đạo nhiều.

2) Chư Phật hóa vật chỉ có hai môn: a) Hình. b) Giáo. Mỗi đều có hai: a) Phương Tiện. b) Chân thật. Trước chưa khai hai phương tiện hiển hai chân thật cho nên đắc đạo ít. Nay bỏ hai quyền, bày hai thật cho nên người đắc đạo đều ở Pháp Hoa.

Hỏi: Đắc đạo phải là thấy Không vì sao nghe nói tuổi thọ mà đắc đạo ư?

Đáp: Dùng đây trách chấp, vô thường Phật thì ngôn từ, lý lẽ đều chịu khuất, nói Phật vẫn là vô thường làm sao thấy vô thường mà đắc đạo ư? Lại vô thường còn chưa liễu nghĩa làm sao nghe chưa liễu nghĩa mà được giải liễu ư! Lại vô thường còn không thể khiến phàm phu kính mến Nhị thừa xả bỏ chấp được, đâu thể khiến Bồ-tát mau chứng Bồ-đề.

Lại nếu Đức Phật là vô thường, đã tin Nhất thừa thì lại thoái khởi chấp Ba thừa vì sao còn tiến đắc Bồ-đề vì vậy cho nên lẽ ra không đắc đạo. Phần nhiều nay nói kinh này gọi là Diệu Pháp Liên Hoa; Diệu Pháp tức là Pháp thân, chưa biểu thường và vô thường, ngôn từ cùng tận bặt dứt tư duy. Vả lại vì chúng sinh cho nên dài ngắn thích hợp cơ duyên, tuy thị hiện dài ngắn mà pháp thân bất động, tuy pháp thân bất động mà hóa vật có dài ngắn. Do đó kinh chép: Lành thay đức Thế Tôn! Bất động chân tế vì các pháp mà lập xứ, bản tích như thế không có chướng ngại, không thể nghĩ bàn. Chỉ quả địa có hai thân bản, tích, trong nhân gọi là hai tuệ quyền thật, Như Lai đã nói hai thân, Bồ-tát liền ngộ hai tuệ vì vậy thời hợp đều đắc đạo.

Hỏi: Làm sao đắc vô sinh cho đến phát tâm Bồ-đề ư?

Đáp: Văn đã nói, nay bày một thế đã nói thân vắng lặng cho nên người nghe không còn sinh tâm động niệm, nên gọi Vô sinh nhẫn.

Bản tuy thùy tích mà thật không có thùy, tuy không có thùy mà không chỗ nào là không thùy, hợp thời tức đồng, tuy nghe mà không có nghe gì, tuy không nghe gì mà không chỗ nào không nghe cho nên gọi Văn trì Đà-la-ni. Ngày trước thị hiện ngắn ngày nay thị hiện dài đều là thích ứng cơ duyên, nên gọi là nhạo nói, ngắn dài tự tại nên gọi là vô

ngại, vì muôn vật trình bày gọi là biện tài, hợp thời được ngộ đây gọi là nhạo nói vô ngại biện tài. Trước chỉ dài làm ngắn nay chỉ ngắn làm dài, tức dùng dài ngắn làm chẳng dài ngắn, chẳng dài ngắn làm dài ngắn tự do xoay vần tự tại vô ngại. Bồ-tát tùy phần đắc ngộ gọi là Triền Đà-la-ni, thân tự do tự tại như thế không thể phá hoại, Bồ-tát tùy phần đắc giải gọi là Bất thoái chuyển. Thân này vượt trên tất cả phàm phu Nhị thừa, Bồ-tát rốt ráo thanh tịnh, Bồ-tát tùy phần ngộ giải gọi là thanh tịnh luân, vì tâm như thế phát tâm cầu Phật gọi là tâm Bồ-đề.

Kế là nói nghĩa tùy hỷ. Hỏi: tùy hỷ có mấy thứ? Đáp: Tùy hỷ có hai thứ:

1) Tùy hỷ chung: nghĩa là hoặc thấy hoặc nghe hoặc giác hoặc biết người khác làm phước đều thuận theo mà vui mừng gọi là tùy hỷ chung.

2) Tùy hỷ riêng: lại căn cứ nghe Kinh Pháp Hoa tùy thuận mà vui mừng cho nên gọi là tùy hỷ riêng.

Nói về tùy hỷ của Đại thừa, Tiểu thừa. Hỏi: tùy hỷ của Đại thừa Tiểu thừa có gì khác?

Đáp: Tùy hỷ chính là pháp môn Bồ-tát, cho nên trong năm pháp sám hối của Bồ-tát có nghĩa tùy hỷ, nhưng Tiểu thừa tùy phần má có! Lại Tiểu thừa nói nghĩa tùy hỷ hạn cuộc chỉ tùy hỷ Phật ba đời và đệ tử thiện căn, không có tùy hỷ Phật mười phương ba đời. Đại thừa nói tùy hỷ Phật ba đời mười phương và đệ tử thiện căn cho nên rộng. Lại Tiểu thừa chỉ có tùy hỷ công đức của tích thân không biết pháp thân thường hằng cho nên không có tùy hỷ pháp thân công đức. Lại Tiểu thừa tùy hỷ công đức không hồi hướng Tát-bà-nhã, Đại thừa dùng tùy hỷ công đức hướng đến nhất thiết trí. Lại Tiểu thừa tùy hỷ là tâm hữu lậu, chẳng phải lý Trung đạo quán hạnh, Đại thừa tùy hỷ có cả hữu lậu vô lậu, lúc mới hành nhân tùy hỷ là hữu lậu, hành sâu tùy hỷ tức là Bát-nhã chánh quán, vô đắc vô y cho nên gọi vô lậu. Lại Tiểu thừa tùy hỷ sinh thân Bồ-tát công đức không có tùy hỷ pháp thân công đức, vì trong pháp Tiểu thừa không nói Bồ-tát đắc pháp thân cho nên nói về tự tha tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ là môn tự hành hay hóa tha?

Đáp: Chính là môn hóa tha, vì sao? Vì Bồ-tát vốn vì giáo hóa chúng sinh khiến làm phước đức mà chúng sinh làm được thì Bồ-tát vui mừng cho nên gọi là môn hóa tha. Hoặc tự mình muốn dứt trừ phiền não ganh ghét mà cầu phước đức cho nên gọi khởi tùy hỷ là tự hành môn.

Nói về nghĩa Tùy hỷ theo hai kinh. Hỏi: Pháp Hoa nói tùy hỷ có gì khác với Đại Phẩm nói tùy hỷ ư?

Đáp: Đại Phẩm chính là nói vô đắc tùy hỷ, tùy hỷ tức là Bát-nhã, cho nên Luận chủ nói: Phật muốn Tu Bồ-đề y cứ môn tùy hỷ nói Bát-nhã cho nên nói tùy hỷ.

Hỏi: Vì sao căn cứ tùy hỷ mà nói Bát-nhã ư?

Đáp: Do biết tâm năng tùy hỷ và phước sở tùy hỷ vô đắc vô y không năng không sở, phi nhị phi không hai tâm vui mừng như thế tức là Bát-nhã. Lại do tâm Bát-nhã tùy hỷ nên tùy hỷ tức Bát-nhã.

Hỏi: Trước cảnh phước đức làm sở, tâm Bồ-tát làm năng, có năng sở nầy có thể gọi là tùy hỷ, nay nói không năng không sở thì sao gọi là tùy hỷ ư?

Đáp: Luận chủ nói: Trong đây ứng dụng Bát-nhã và Ủ hoà, do Bát-nhã cho nên biết năng sở, do Ủ hoà nên không hề có năng sở mà năng sở rõ ràng, năng sở bất động vô năng sở, vô năng sở bất động năng sở mà không mất năng sở, vô năng sở như (bóng) trong gương, phi tượng phi bất tượng, muốn nói mỗi tượng kia mà tượng chẳng phải thật có, muốn nói phi tượng mà sự tượng đã là hình chẳng phải hai chẳng phải không hai cũng như vậy. Do Bát-nhã cho nên chẳng phải hai, sức phương tiện cho nên nói chẳng phải không hai, cho nên nói chẳng phải hai chẳng phải không hai.

Hỏi: Pháp Hoa nói tùy hỷ điều gì?

Đáp: Bát-nhã chỉ chấp vô sở đắc tùy hỷ, Pháp Hoa nói cả đắc tùy hỷ và vô đắc tùy hỷ, làm sao biết? Vì nói thẳng một nhân một quả năng tin thọ không trái, tức là tùy hỷ, không khai hai thứ đắc, vô đắc.

Hỏi: Đại Phẩm vì sao khai đắc, vô đắc mà Pháp Hoa không khai ư?

Đáp: Bát-nhã vì phá chấp trược hữu đắc cho nên nói vô đắc tùy hỷ, có sở đắc bất động bất xuất không thể đạt đến quả Phật cho nên chẳng phải Bát-nhã. Pháp Hoa hợp lấy, đây là trình bày đại ý Chư Phật ra đời nói tất cả giáo đều vì khai một chánh đạo cho nên khéo cúi đầu đưa tay đều nhập Nhất thừa. Lại người năm thừa cho rằng bốn thừa thiện căn không thể thành Phật, gốc lành Phật thừa mới có thể thành Phật, vì phá bệnh nầy cho nên nói tất cả thiện đều thành Phật.

Hỏi: Nếu tất cả pháp thiện thành Phật, thì tất cả thiện đều năng động xuất ư?

Đáp: Tất cả thiện cũng năng động xuất, vì sao? Vì do có sở đắc thiện giúp đỡ rồi sau mới sinh vô sở đắc thiện, có sở đắc thiện là duyên cao của vô sở đắc thiện dùng lời nói nầy cũng có động xuất.

Hỏi: Nếu vậy thì trái với Đại Phẩm?

Đáp: Bát-nhã nói bất động bất xuất chỉ lấy duyên gần, không lấy duyên xa. Làm sao biết? Vì động là thuận nhẫn, xuất là vô sinh nhẫn, có sở đắc chẳng phải là hai nhẫn đây, cũng đắc là duyên xa trước của hai nhẫn.

Hỏi: Hai kinh nương nhau thành phải không?

Đáp: Chính nương nhau mà thành. Đại Phẩm tuy nói vô sở đắc thiện nhưng phải nương hữu đắc làm duyên xa Pháp Hoa tuy nói đắc vô đắc đều nhập Nhất thừa mà nếu muốn vượt ngoài ba cõi đến quả Phật thì phải vô đắc. Lại Đại Phẩm tuy dùng vô sở đắc nhưng phải biết Ba thừa là quyền Nhất thừa là thật, cho nên tâm cầu Phật mới được vững chắc, Pháp Hoa tuy biết Nhất thừa là thật Ba thừa là quyền nhưng phải phá tâm hữu sở đắc, học quán vô sở đắc mới có thể động xuất để thành Phật đạo.

Hỏi: Phước sở tùy hỷ, tâm năng tùy hỷ đồng khác thế nào?

Đáp: gồm có bốn câu:

1) Sở tùy hỷ phước kém năng tùy hỷ tâm mạnh, như Nhị thừa có người sở đắc làm phước, Bồ-tát không có tâm sở đắc tùy hỷ.

2) Phước sở tùy hỷ mạnh, tâm năng tùy hỷ kém như Chư Phật Bồ-tát làm phước có được người tùy hỷ.

3) Cả hai đều mạnh đồng là vô đắc.

4) Cả hai đều kém: Đồng là hữu đắc. Nếu tùy hỷ Phập Hoa thì Pháp Hoa chỉ mạnh chứ không kém, năng tùy hỷ thông cả hơn kém, tùy địa vị người tu hành sâu cạn mà tùy hỷ.

Nói về đồng khác. Hỏi: Tùy hỷ và hỷ trong bốn đẳng, hỷ trong bảy giác, năm thọ hỷ, bốn thiền hỷ có gì khác nhau?

Đáp: Hỷ trong bốn đẳng nghĩa là ái người trước thoát khổ được vui còn môn tùy hỷ tùy chung tất cả Thánh phàm tạo tác công đức mà tùy hỷ, nghĩa nầy khác nhau. Chỉ bốn đẳng chủ yếu là định tâm, nay có cả định tán, lại hỷ trong bốn đẳng chỉ căn cứ thoát quả khổ được an vui, nay tùy hỷ chung nhân quả. Hỷ trong bảy giác là vô lậu, môn Tùy hỷ có cả lậu và vô lậu, Hỷ trong thiền trượng là định tâm, chỉ là hỷ thọ, nay thông. Hỷ trong năm thọ là quả báo nay là nhân môn kia là tự vui lòng nay là vui cho người khác, kia là vô ký nay là pháp thiện.

Hỏi: Trước người tự làm phước nay tùy hỷ có lợi ích gì?

Đáp: Thích luận chép: Như người bán hương có người mua hương, lại có người đứng gần bên cũng được ngửi mùi hương, tùy hỷ cũng như vậy, thân khẩu bất động cũng được phước.

Nói về hoặc chướng. Hỏi: Tùy hỷ phá những hoặc nào?

Đáp: Nói thẳng thì tùy hỷ chính phá ganh ghét, như Pháp Hoa nói tùy hỷ cũng phá ganh ghét lại phá người không tin nghĩa Nhất thừa, tuổi thọ, trong Bát-nhã tùy hỷ tức là Bát-nhã nầy là phá tâm có sở đắc.

Nghĩa sáu ngàn công đức. Có người nói tất cả pháp thiện không ngoài mười điều thiện. Ban đầu từ bất sát đến bất tà kiến, trì một giới bất sát dùng chín giới: bất đạo v.v... để trang nghiêm thì mỗi một điều thiện đều đầy đủ mười điều thiện; mười thiện liền thành một trăm thiện, một trăm thiện này có tự hành, hóa tha, khen ngợi, tùy hỷ cho nên thành bốn trăm, đem phối hợp bốn trăm này với năm thứ pháp sư, năm thứ pháp sư đều có bốn trăm hợp thành hai ngàn thiện, hai ngàn thiện đây đều có phẩm thượng trung hạ ba liền thành sáu ngàn chỉ ba căn dụng mạnh nên có một ngàn hai trăm, ba căn dụng yếu nên có tám trăm.

Lời bình rằng: Đây giải thích ý đầy đủ năm thứ Pháp sư mới đầy đủ sáu ngàn, mỗi Pháp sư không có sáu ngàn, mà kinh nói: Nếu đọc tụng cho đến viết chép không hẳn phải đầy đủ năm sư mới có sáu ngàn năng tụng năng giải như nói tu hành cũng được sáu ngàn, chỉ nghĩa nầy hỏi nạn rõ ràng chưa thể chuyên giải thích! Chú giải kinh nói: Ban đầu đối mười thiện, một thiện đầy đủ mười thiện tức thành một trăm thiện, lại căn cứ tự hành hóa tha khen người khen pháp tức thành bốn trăm, mỗi mỗi có ba phẩm thành một ngàn hai trăm. Ba căn: Nhãn v.v.... trợ đạo dụng yếu, chỉ được hai phẩm trung hạ cho nên chỉ có tám trăm. ba căn ý đối thông hóa dụng mạnh, đủ cả ba phẩm nên được một ngàn hai trăm.

Lời bình rằng ý của Chú gia không hẳn đầy đủ năm pháp sư thì tránh khỏi sự ngần ngại trước. Có người nói theo như một trăm phước trang nghiêm, một trăm phước: Căn cứ trong mười thiện có hành mười, chỉ mười, hợp thành hai mươi, mỗi mỗi có năm phẩm như Đại Kinh nói hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng, cho nên thành một trăm thiện gọi là trăm phước, nay cũng vậy. mười thiện là mười, căn cứ tự hành, hóa tha, tán người, khen pháp cho nên thành bốn mươi, căn cứ năm pháp sư cho nên thành hai trăm, hành thiện hai trăm chỉ thiện cũng hai trăm cho nên thành bốn trăm, chỉ hành mỗi mỗi có năm phẩm cho nên thành hai ngàn. Căn cứ ba nghiệp nói, một nghiệp hai ngàn cho nên thành sáu ngàn. đã có sáu căn nên một căn đều có một ngàn liền thành sáu ngàn, chỉ dụng có mạnh yếu cho nên có một ngàn hai trăm và tám trăm. Có người nói: Như trên trong phẩm Pháp sư nêu có ba việc. Tâm từ bi là nhà, nhu hòa nhẫn nhục là y, các pháp Không là tòa, ba việc nay mỗi có hai ngàn cho nên thành sáu ngàn. như dùng tâm từ bi hành

thập thiện, một thiện lại dùng mười thiện trang nghiêm cho nên thành một trăm thiện tự hành, hóa tha,v.v... bốn thứ cho nên thành bốn trăm, căn cứ năm thứ Pháp sư liền thành hai ngàn, tâm từ bi đã vậy nhẫn nhục với Không cũng như vậy, cho nên thành sáu ngàn. Có người nói: Y Kinh Nhân Vương nói Thập tín Bồ-tát, mỗi một tín đủ mười nên thành một trăm, bốn thứ tự hành hóa tha v.v.... nên có bốn trăm, căn cứ năm pháp sư thành hai ngàn, căn cứ trên ba việc từ bi,v.v... thành sáu ngàn.

Hỏi: Tại sao không là công đức sáu căn ư?

Đáp: Như trước nói: ba căn dụng mạnh, ba căn dụng yếu, cho nên nhiều ít khác nhau. ba căn dụng mạnh: Ý căn là gốc của năm pháp sư cho nên mạnh, thiệt căn cũng đủ năm pháp sư, do thiệt căn cho nên năng đọc năng tụng năng nói, lại do thiệt căn của người khác nên năng trao truyền khiến được thọ trì viết chép cho nên đầy đủ năm pháp sư.

Hỏi: Nhãn nhĩ vì sao có mạnh yếu ư?

Đáp: người mù không thể hai việc viết đọc mà có thể tụng nói thọ trì cho đến đắc đạo, người điếc không thể chỉ bảo đều không có năm thứ pháp sư cho nên nhĩ mạnh nhãn yếu.

Hỏi: Ba căn như thân,v.v... có công đức gì mà được tám trăm?

Đáp: Xen lẫn giữ gìn cho nên các căn còn lại đắc dụng tức là công đức.

Hỏi: Ở địa vị nào hành Bồ-tát đắc sáu ngàn công đức ư?

Đáp: Dưới nói chưa đắc thân vô lậu pháp tánh mà có dụng công đức này nên biết người ấy là Bát địa trở xuống. Có người nói: Bồ-tát Thập tín có dụng nầy, luận Pháp Hoa nói đó là người Địa tiền.

Hỏi: Vì sao gọi là sáu căn thanh tịnh ư?

Đáp: Như văn nói, có thắng dụng nầy cho nên gọi là tịnh. Lại kinh này nói hai trí quyền thật, hai thân chân ứng đều là pháp vô ngại, Bồ-tát ngộ pháp vô ngại cho nên nay đắc vô ngại gọi là sáu căn thanh tịnh.

Hỏi: Tại sao quyền, thật, chân, ứng vô ngại ư?

Đáp: Như trước nói: Dài là dụng của ngắn, ngắn là dụng của dài, dài ngắn là dụng của chẳng dài ngắn, chẳng dài ngắn là dụng của dài ngắn, đây là thân rốt ráo tự tại vô ngại của Như Lai, tức có đại dụng rốt ráo tự tại vô phương. Người mới tu hành đắc phần ngộ nầy cho nên sáu căn tự tại.

Hỏi: Các bộ đều nói: Hương đến mũi mới biết, vì sao kinh này nói xa nghe mùi hương ư?

Đáp: Có người nói: Đạo lý thì đến căn mới biết nay nhờ lực kinh nên xa nghe mùi.

Hỏi: Nếu đạo lý sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe nay nhờ lực kinh thì nên nghe sắc thấy tiếng ư! Nếu sắc không thể nghe tiếng không thể thấy thì người đến không thể xa nghe, người xa không thể đến biết ư?

Đáp: Sắc trong sáng chắc chắn có thể thấy, sắc trong tối chắc chắn không thể thấy, vì sao mắt người ban ngày thì thấy, ban đêm thì không thấy. Con quạ ở trong hang ban đêm thấy mà ngày không thấy. Nếu nói mắt có ánh sáng cho nên ba đêm thấy thì ngày vì sao không thấy ư! Lại như nước yếu không nâng nổi sợi lông mà nâng lên khối sắt, Kim cương phá các vật khác mà thủy ngân làm hoại, thì lấy gì để xác định mạnh yếu ư! Cho nên biết các pháp không có tánh nhất định tùy ý mà chuyển, đến và không đến cũng như vậy.

Lại nay y cứ sự giải thích. Bồ-tát phần đắc hai trí, do thật trí cho nên biết sáu căn sáu trần không vô sở hữu, như trong Hoa Nghiêm nói nhãn nhập Tam-muội xuất Chánh thọ quán nhãn vô sinh, không có tự tánh, nói không vắng lặng vô sở đắc; do quyền trí cho nên có dụng 6 căn, căn cứ quyền trí năng biết nghĩa hương, cho nên nói mũi xa nghe hương tỹ căn chẳng thể xa nghe, các căn khác cũng vậy.

Nói về Bồ-tát Quán Âm và Diệu âm đồng hay khác. Hỏi: Quán Âm, và Diệu âm mở rộng ý kinh có gì khác nhau ư?

Đáp: Có đồng có khác. Đồng: Do đều dùng thần thông ứng cảm mở rộng đạo lợi người, lại đồng nói môn hạnh của vị Bồ-tát, vì Bồ-tát thành Phật sự. Lại đồng căn cứ môn người nói pháp Hoa, đều là đại sĩ phương khác, đến giúp Đức Thích-ca cùng lợi ích chúng sinh mở rộng đạo. Có người nói là khác: Nói lược mười một nghĩa:

1) Danh hiệu khác nhau, Diệu Âm chỉ có tên người, Quán Âm người pháp đều nêu. Diệu Âm từ năng thọ danh, Quan Âm năng sở hợp gọi. Quán là trí năng quán, Thế Âm là cảnh sở quán. Lại Diệu Âm lấy đức lợi ích chúng sinh, Quan Âm dùng danh thành Phật sự, phẩm Diệu Âm không giải thích danh từ Diệu Âm, phẩm Quán Âm nói về danh hiệu Quán Âm.

2) Người đối đãi khác nhau: Nói Diệu Âm đối Hoa Đức Văn Thù, nói Quán Âm đối Vô tận ý, Trì địa.

3) Đến nghĩa có khác: Diệu Âm từ phương Đông đến, Quán Âm từ phương Tây đến. Diệu Âm bị gọi mới đến, Quán Âm không gọi mà đến, Diệu Âm có đến có đi, Quán Âm không nói có đến có đi, Diệu Âm thì nhóm họp sau, Quán Âm thì đến trước. 4) Nói nín khác nhau: Diệu Âm thì nói năng, nghĩa là bậc Thánh nói pháp, Quán Âm thì im lặng nghĩa

là bậc Thánh im lặng.

5) Động tĩnh khác nhau: Diệu Âm hiện thần thông nghĩa là bất động động Phương Tiện, Quán Âm không hiện thần thông động bất động thiện xảo.

6) Nhân quả khác nhau: Phẩm Diệu Âm nói nhân đời trước nói quả sở hiện tại Quán Âm chỉ nói đức hiện tại không nói nhân đời trước.

7) Rộng lược khác nhau: Diệu âm hiện thân nói pháp thì rộng cho nên có thân của sáu đường, Quán Âm thì lược cho nên không có thân địa ngục, ngạ quỉ.

8) Có, không khác nhau: Nói Diệu Âm không cách lượng, nói Quán Âm thì có cách lượng, nói Diệu Âm không cúng dường, nói Quán Âm có cúng dường.

9) Lợi ích khác nhau: Nói Diệu Âm thì lợi ích nhiều, cho nên phương khác cõi này đều lợi ích, nói Quán Âm chỉ lợi ích cõi này, nói Diệu Âm lợi ích thì sâu cho nên có đắc Pháp Hoa Tam-muội và vô sinh nhẫn, nói Quán Âm thì lợi ích cạn chỉ nói phát tâm Bồ-đề.

10) Diệu Âm không nói nối pháp Thế Tôn, Quán Âm nói về Bổ xứ.

11) Không nói Diệu Âm đã thành Chánh Giác, Quán Âm thì là Như Lai xa xưa.

Nói về nghĩa Quán Âm Phổ Môn. Căn cứ nghĩa Quán Âm lược có hai mươi điều:

1) Nhơn pháp một cặp.
2) Bản tích một cặp.
3) Tam luận một cặp.
4) Danh đức một cặp.
5) Nội ngoại một cặp.
6) Trí tuệ công đức một cặp.
7) Trí đoạn một cặp.
8) Mật hiển một cặp.
9) Từ bi một cặp.
10) Nhị thân một cặp.
11) Quyền thật một cặp.
12) Tam nghiệp một cặp.
13) Nói ba đức.
14) Nêu cạn sâu.
15) Nêu nhị (2) đức.
16) Thần thông, thị hiện.

l7) Lực vô uý.

l8) Tứ đẳng tứ nhiếp.

19) Giải hạnh.

20) Bi tuệ một cặp.

1. Nói người pháp Quán Âm là người mở rộng đạo làm lợi ích, Phổ môn nghĩa là pháp mở rộng đạo lợi ích vật, chẳng phải pháp thì không do đâu mà thành tựu người, chẳng phải người thì không do đâu y theo pháp, người và pháp thật ra không có trước sau, chỉ vì đạo không vận chuyển một mình đơn lẻ, do người mở rộng cho nên trước nói người sau biện minh pháp, lại các phẩm dưới đây do Bồ-tát thành Phật sự cho nên trước nói về người.

Hỏi: Phẩm này vì sao người pháp đều nêu?

Đáp: Vì ở dưới Ngài Vô tận ý có hai nghi hỏi: Trước hỏi người, kế hỏi pháp, vì vậy nên trước đề người sau đề pháp. Căn cứ người pháp nầy nhân duyên không ngăn ngại, chỉ người vì pháp, chỉ pháp vì người, nói người pháp nầy vì khai chánh đạo, không người không pháp tức là Diệu Pháp Liên Hoa.

2. Nói bản tích: Quán Âm tức là pháp thân, do ở địa vị pháp thân quán căn duyên muôn vật, Phổ môn là ứng thân là duyên cho pháp thân địa chiếu, cho nên thị hiện cứu giúp như Hoa Nghiêm nói: chim cánh vàng đầu đàn bay lên hư không dùng mắt thanh tịnh quan sát rồng biển lớn mạng sắp hết, liền dùng hai cánh quạt nước rẽ làm hai bên mà tóm lấy. Bồ-tát dùng pháp thân trí nhãn quan sát pháp giới hư không thấy chúng sinh đáng được độ nên dùng hai cánh tuệ thật, Phương Tiện tát nước sinh tử mà độ thoát. Như nói chẳng phải bản, không lấy gì thùy tích, không phải tích không lấy gì hiển bản, bản tích tuy khác nhau mà bất tư nghì nhất, nhân bản tích nầy vì khai không bản không tích chánh Pháp Liên Hoa.

3. Kế là nói ba luân. Quán Âm gọi là tha tâm luân, quan sát tâm chúng sinh trong pháp giới có đáng độ hay không,v.v... Phổ môn tức thần thông luân, nói pháp luân; quan sát đã xong hay thuyết pháp, hoặc là hiện thần thông, hiện thần thông sinh công đức, nói pháp sinh trí tuệ, hiện thần thông diệt khổ quả kia, nói pháp sinh nhân an vui kia, hiện thần thông phát tín tâm kia, nói pháp sinh tuệ giải kia cũng được dùng xen lẫn. Lại hiện thần thông nhiều vì độn căn, nói pháp nhiều vì lợi căn, hiện thần thông nhiều vì chúng sinh tại gia, nói pháp nhiều vì chúng sinh xuất gia như trước nói.

4. Danh đức một cặp. Quán Âm có ba tên gọi: Phổ môn nghĩa đức

của Ba mật. Ba danh là: a) Quán Âm thanh thế gian sinh khẩu nghiệp thiện cho chúng sinh. b) Quán ý thế gian sinh ý nghiệp thiện cho chúng sinh. c) Quán thân thế gian sinh thân nghiệp thiện cho chúng sinh.

Ba mật đức của Phổ môn là: a) Biết tâm người cùng khắp. b) Nói pháp khắp. c) Thần thông khắp. Ba tên nghĩa là sinh ba nghiệp thiện cho chúng sinh, thì nghĩa sinh thiện cùng khắp. Ba mật đức thì ứng vật mà khéo cùng tận, hai câu hỏi đáp dưới chính nói ba danh ba đức, nhiếp Chư Phật Bồ-tát mười phương danh đức đều tận do đó thọ trì công đức được nhiều. Lại Quán Âm gọi là tâm đại bi, Phổ môn nói sự đại bi. Bi thì trước không bờ bến, sau không cùng tận, cũng không trung gian. Sở dĩ trước không bờ bến: Từ vô thỉ đến nay có chúng sinh thì có tâm bi của Bồ-tát, cho nên bi nầy cùng bờ bến trước bình đẳng. Sau thì vô biên: Nếu chúng sinh hết thì tâm bi bèn dứt, do chúng sinh chưa hết nên tâm bi không dứt.

Hỏi: Sau bờ bến vô tận có thể như vậy, vô thỉ đến nay thì có chúng sinh, lẽ ra cũng vô thỉ đến nay có Quán Âm ư?

Đáp: Chúng sinh vô thỉ đến nay bi, đây cũng vô thỉ, cho nên vô thỉ có bi. Tịnh Danh nói: Từ si có ái thì bệnh ta sinh, do đó tâm bi dứt bỏ si ái, kia đã vô thỉ, tâm bi cũng vô thỉ cho nên vô thỉ cũng có bi. Phổ môn nghĩa là bi sự, tuy có tâm bi nếu không có bi sự thì đó là bi giả tướng, vì không thật lợi ích cho nên chẳng thật bi. Nay tâm bi đã thông, bi sự cũng biến khắp, dứt bỏ khổ ba đời mười phương thì bi sự khắp vậy.

Lại nêu danh giải thích danh một cặp. Quán thế âm là nêu danh Bồ-tát và tán tán dụng của danh Bồ-tát, nghĩa là chúng sinh khởi lên ba nghiệp thoát khỏi các nạn. Phổ môn: Là thoát khỏi các nạn, Bồ-tát sở dĩ cứu giúp nạn ấy là do có ba phổ.

Hỏi: Vì sao dùng ba phổ ư?

Đáp: Chúng sinh ba nghiệp hướng cảm, Bồ-tát đối trong mỗi nghiệp tùy dùng ba luân, hoặc ứng, thông, hoặc nói pháp.

5. Nội ngoại một cặp: Quán thế âm gọi là nội đức của Bồ-tát ngầm ẩn mật chiếu, tức biết bệnh biết thuốc. Phổ môn là ngoại đức của Bồ-tát các thứ Phương Tiện đầy khắp mười phương cứu độ chúng sinh tùng bệnh cho thuốc.

6. Trí tuệ công đức một cặp: Quán thế âm tức là trí tuệ nghĩa là biết tánh căn dục, Phổ môn tức là công đức cứu giúp chúng sinh.

7. Trí đoạn một cặp: Quán Âm tức trí tuệ của Bồ-tát gọi là trí đức, Phổ môn tức là đoạn đức. Đại Kinh nói: Tùy chỗ điều phục chúng sinh gọi là giải thoát, nay cũng vậy. Độ tất cả chúng sinh được giải thoát

chính là đoạn đức, không như người Nhị thừa tự không có phiền não gọi là giải thoát.

8. Hiển mật một cặp: Ban đầu hỏi đáp giải thích danh hiệu Quán Âm nói hiển cảm, mật ứng. Hiển cảm: là chúng sinh ba nghiệp khởi cảm; mật ứng: là Quán Âm không hiện thân, không nói pháp mà khiến được giải thoát. Phổ môn tức là mật cảm, hiển ứng. Hiển ứng quan sát tâm kia mà hiện thân nói pháp. Mật cảm: Không nói chúng sinh ba nghiệp khởi cảm. Chỉ có ứng dùng lời, nghĩa là căn duyên chân thật phát tức vì hiện thân nói pháp. Nhưng hiển mật cảm ứng đầy đủ chung bốn câu có thể dùng ý mà hiểu. Chương đầu nói mật ứng, chương sau nói hiển ứng, ứng chương tuy nhiều mà không ngoài hiển mật, nay Kinh nói cảm ứng cho nên trong bốn câu chỉ nói hai câu kỳ vọng, chẳng những phẩm này nói nghĩa kỳ vọng, mà nhiếp chung nghĩa cảm ứng của tất cả kinh.

9. Từ bi một cặp: Quán Âm tức đại bi nghĩa là dứt bỏ các khổ như bảy nạn, ba độc khiến họ được giải thoát, Phổ môn tức Đại từ, nói pháp hiện thân khiến cho kia đắc quả.

10. Hai thân một cặp: Quán Âm là thân Dược Thọ Vương gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả đều trị bệnh được, Phổ môn nghĩa là Thân vương Như ý châu năng ban tất cả sự an vui. Nghĩa là hai thân xuất xứ trong văn luận Thập Địa giải thích nghĩa vô tâm năng dứt khổ của muôn vật, như Dược Thọ Vương, vô tâm mà ban vui như Như Ý Châu vương.

11. Hai trí một cặp: Quán Âm tức thật trí, Phổ môn tức từ thật tí khởi trí phương tiện làm lợi ích chúng sinh.

12. Nói ba nghiệp: Quán Âm là ý nghiệp Bồ-tát, Phổ môn là khẩu nghiệp thân nghiệp.

13. Nói ba đức: Quán Âm là đức Bát-nhã, do quán sát tức là trí tuệ, trí tuệ gọi là Bát-nhã, Phổ môn là hiện tất cả thân, tức là Pháp thân, vì điều phục tất cả chúng sinh khiến được giải thoát tức là đức Giải thoát.

14. Hai sự lợi ích một cặp: Quán Âm là ban sự an vui cho chúng sinh thế gian và dứt khổ cho thế gian, cho nên có bảy nạn và không có nạn nam nữ tức là thế gian đạt được lợi ích, Phổ môn hiện tất cả thân, nói tất cả pháp khiến kia được độ tức lợi ích xuất thế gian.

15. Giải thích hai Đức: Quán Âm tức là nói nghĩa môn của các Bồ-tát, Phổ môn là môn thật đức. Môn tự nghĩa: Thích luận nói các Bồ-tát tự có vô lượng nghĩa, nay giải thích chữ Quán Âm tự có nghĩa vô lượng công đức, cho nên là môn tự nghĩa, Phổ môn nói ba mật thật đức nên

gọi là môn thật đức.

16. Thần thông thị hiện: Quán Âm trong lục thông là tha tâm, túc mạng, thiên nhãn, thiên nhĩ. Phổ môn là Như ý thông, Lậu tận thông. Lậu tận thông tức là nói pháp danh hiệu , Quán Âm tuy nhiếp bốn thông mà văn chánh chỉ là thiên nhĩ thông. Thị hiện có thể đầy đủ hai câu:

a) Thần thông chẳng thị hiện, nghĩa là thiên nhãn, thiên nhĩ, túc mạng.

b) Vừa thị hiện vừa thần thông, gọi là tha tâm, như ý và lậu tận. Cho nên trong sáu thông ba là thị hiện, ba chẳng thị hiện. Do đó Đại Phẩm nói ba việc thị hiện, văn dưới tức nói Phổ môn thị hiện, nay Phổ môn tức là ba việc thị hiện, Quán Âm đã là thiên nhĩ cho nên không gọi là thị hiện tức là thị hiện không thị hiện một cặp.

17. Quán Âm là mười lực: mười lực là nội chiếu, Phổ môn là bốn vô uý, bốn vô uý dụng bên ngoài.

18. Quán Âm tức là bốn đẳng: Nghĩa là Từ tâm muốn ban vui Tâm bi muốn cứu khổ, hỷ tâm mừng thoát khổ được vui, Xả tâm tu bình đẳng. Phổ môn tức bốn nhiếp, nhiếp lấy chúng sinh, đáng dùng bố thí nhiếp thì liền dùng bố thí nhiếp, ngoài ra cũng như vậy.

19. Giải hạnh một cặp: Quán Âm nghĩa là trí tuệ, trí tuệ giải, Phổ môn cứu độ, cứu độ nghĩa là hạnh.

20. Bi tuệ một cặp: Hoa Nghiêm nói: Quán Âm nói Kinh Đại Bi Hạnh Quang Minh, bi là muốn cứu, hạnh quang minh là trí tuệ năng cứu. Ở thế gian cha mẹ thấy con chịu khổ muốn cứu, mà không có trí không thể cứu giúp, thầy thuốc thế gian có trí tuệ có thể cứu. Không có tâm bi cho nên không muốn cứu, Bồ-tát có bi cho nên muốn cứu có trí tuệ cho nên năng giúp. Lại Bồ-tát mới tu hành muốn cứu mà không có đạo lực cho nên không thể cứu được, người Nhị thừa có đạo lực có thể cứu mà không có bi cho nên không muốn giúp. Quán Âm bi, tuệ hợp hành, có bi cho nên muốn cứu, có trí tuệ cho nên năng giúp.

Kế là nói danh hiệu Quán Âm: Quán Âm có hai nghĩa:

a) Trí cảnh hợp nêu.

b) Cảm ứng đều nêu.

Quán là trí năng quán, Thế âm là cảnh sở quán, nên gọi là cảnh trí. Quán là quán sát đến ứng, Thế Âm là cơ chúng sinh cảm cho nên gọi là ứng cảm.

Hỏi: Cảnh trí là tên gọi cóđủ mấy trí?

Đáp: Chín là thật trí Phương Tiện trí, biến âm thanh thế gian tức nghĩa không có mà có, không nghe mà nghe, tức hiểu rõ âm thế gian

không có mà có, thì biết có mà không có. Nếu biết không nghe mà nghe tức biết nghe mà không nghe. Do biết nghĩa không có mà có không nghe mà nghe gọi là thật phương tiện. Nếu biết có không có gọi là Phương Tiện, thật thì không có mà có lẽ nào là có! Có, không có lẽ nào là không có! Cho nên chẳng có cũng chẳng phải không có, chẳng thật chẳng Phương Tiện gọi là quán Trung đạo. Vì vậy, danh Quán Âm có đủ ba quán: Thế đế quán, chân đế quán, phi chân tục Trung đạo quán vậy.

Hỏi: Nay văn chỉ nói Quán thế âm chỗ nào nói có ba quán?

Đáp: Kinh Quán Âm Thọ ký, và Quán âm sở giải có ba Quán Âm. Lại luận nói: pháp co Nhân duyên sở sinh tức là Không, tức là Trung đạo, nói âm thanh thế gian tức nhân duyên, tức Không, tức Trung đạo cho nên đủ ba quán. Như nói Thế âm: Thế có ba thứ:

1) Chúng sinh thế gian.

2) Năm ấm thế gian.

3) Cõi nước thế gian.

Chúng sinh thế gian: Nghĩa là các pháp ngũ ấm, mười hai nhập, mười tám giới, sinh trong đó nên gọi là chúng sinh. Năm ấm thế gian: Nghĩa là pháp năng thành tựu chúng sinh tức là sắc và tâm. Cõi nước thế gian: tức là sắc pháp làm thể, nghĩa là phong tục cõi nước. Nay Bồ-tát chánh quán chúng sinh thế gian, chỉ năm ấm năng hành chúng sinh, cõi nước là chỗ chúng sinh nhờ gửi không được lìa nhau nên gọi chung là thế gian. Thế Âm: là ngôn ngữ chung của thế gian, âm là ngôn ngự riêng của thế gian. Thi tựa của Tử Hạ Mao nói: Do tiếng thành văn gọi là âm.

Tìm Đại Tiểu thừa kinh luận nói âm và thanh không khác nhau. Phẩm Tạp Tâm Giới nói: Thanh có ba thứ:

l) Nhân thọ thanh của bốn đại, nghĩa là âm thanh vật hữu tình.

2) Nhân không thọ thanh tứ đại nghĩa là vật bên ngoài như các tiếng chuông, tiếng linh v.v...

3) Nhân đều thanh, như tiếng người thổi sáo,v.v... ở đây thì chỉ giải thích tiếng không nói âm cho nên biết âm và thanh không khác. Luận Thành Nói thật: Như người muốn nghe các tiếng chuông tiếng linh thì dùng tai nghe, phẩm này nói tức thời quán sát âm thanh kia. Phẩm Hóa thành nói: Tiếng Ca-lăng-tần-già, các thứ như vậy đều nói âm không khác thanh.

Phổ: Trên nói quán thanh kia chưa hẳn cùng khắp cho nên nay nói Phổ môn, phổ dùng nghĩa đều khắp, nhưng Phổ có hai thứ:

1) Tâm phổ.

2) Sự phổ, phàm phu Nhị thừa đều không có hai phổ, Bồ-tát mới tu hành tâm tuy hắp mà sự không khắp, Quán Âm tâm sự đều khắp, đại bi muốn cứu khắp các khổ của chúng sinh, đại từ muốn an vui khắp cho muôn vật gọi là tâm phổ. Ngoài hiện tất cả thân nói tất cả tiếng, nghĩa là sự phổ. Môn: Dùng hai phổ tâm sự làm pháp môn cho nên nói Môn. Lại khiến chúng sinh ngộ nhập năng thông chánh đạo, cho nên gọi là Môn.

Hỏi: Quán Thế Âm có mấy tên?

Đáp: Cổ Kinh nói: Quán Thế Âm, nay nói Quán Thế Âm, chưa liễu ngôn ngữ của từng địa phương cho nên ở đây nói là hiệu. Nếu muốn giải thích: Quang còn là trí tuệ, như Đại Kinh nói Quang minh tức là trí tuệ, trí tuệ tức là quán. Lại Bồ-tát ánh sáng trí tuệ chiếu khắp thế gian, cho nên nói quang. Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát Quán Âm nói kinh Đại bi kinh quang minh. Đại bi tức là công đức, quang minh là trí tuệ, thì biết Quang Thế âm không mất ý này. La-thập chú giải Kinh Tịnh Danh nói có ba tên: Quán Thế Âm, Quán Thế ý, Quán Thế Thân. Nay ngài La-thập sở dĩ giải thích đây, vì thấy Phẩm Phổ môn giải thích đủ ba tên cho nên có ba hiệu.

Hỏi: Vì sao lập ba tên ư?

Đáp: Đây lập ba tên thì xem xét khắp hết các sự của chúng sinh, chúng sinh tuy có ba nghiệp, Bồ-tát quán đủ ba nghiệp kia cho nên đặt ba tên; Lại tùy chúng sinh ưa muốn khác nhau, lại chúng sinh hoặc miệng không thể nói, hoặc thâm không thể lễ lạy, cho nên nói đủ ba tên; lại chúng sinh kỵ huý khác nhau cho nên có đủ ba tên.

Hỏi: Vì sao quán đủ ba nghiệp ư?

Đáp: Muốn khắp sinh ba nghiệp thiện, cho nên hoặc miệng xưng danh cho đến thân lễ bái, đều được Quán Âm chiếu soi sẽ được thoát khổ.

Hỏi: Ba nghiệp chúng sinh khởi cảm, ba nghiệp có mấy nghiệp ư?

Đáp: Khẩu nghiệp xưng danh đủ ba nghiệp, phát ra âm thanh là khẩu nghiệp, động lưỡi là thân nghiệp, trải qua ý thì ý nghiệp, thân lễ bái chỉ hai nghiệp thân ý, ý giữ nệm chỉ ý nghiệp.

Hỏi: Bồ-tát quán: Là chỉ ý nghiệp năng quán, hai nghiệp thân khẩu cũng năng quán ư?

Đáp: Bồ-tát ba nghiệp vô ngại đều năng quán.

Hỏi: Quán là trí tuệ, ý địa có thể năng quán? Thân miệng vì sao năng quán ư?

Đáp: A-tu-la đàn vô tâm còn năng ứng vật xuất âm thanh, báu trời vô tình tùy ý các trời mà sai đi, huống chi Bồ-tát miệng ánh sáng không thể quán vật ư!

Hỏi: Đã nói ba tên vì sao nay chẳng xưng Quán Thế Âm ư?

Đáp:

1) Đây vượt nêu một tên.

2) Chúng sinh xưng danh đủ động ba nghiệp, nay muốn khắp sinh ba nghiệp thiện cho nên gọi riêng là Quán Âm.

3) Ta bà dùng âm thanh thành Phật sự.

4) Xưng danh được tự hành hóa tha, còn lại chỉ có tự hành.

5) Xưng danh thì dễ, nếu khi gặp nạn thân lễ ý niệm là khó.

6) Xưng danh thẳng còn thoát khổ huống gì ý niệm thân lễ bái ư! Như thuốc hay chỉ được nghe có thể trị bệnh, huống chi ý niệm thân xúc chạm ư!

7) Kinh Mở rộng Mãnh Hải Huệ nói đời quá khứ Quán Âm xuất thế gặp Đức Phật Không Vương, Quán Thế Âm bèn phát nguyện, nguyện đời vị lai tên Quán Thế Âm, hai tên còn lại không có nguyện, thì Quán Âm danh có hai: a) Hạnh. b) Nguyện. Hạnh: Quán gọi là cứu khổ. Nguyện: Là quá khứ phát nguyện.

Luận thoát nạn không thoát nạn. Hỏi: Xưng danh Bồ-tát vì sao có thoát khổ, không thoát khổ ư?

Đáp: Dốc lòng thì thoát, không dốc lòng nên không thoát.

Hỏi: Bồ-tát tự nên cứu đâu cần dốc lòng ư?

Đáp:

1) Nhờ dốc lòng thì mới diệt tội Bồ-tát mới ứng cho nên phải dốc lòng.

2) Tội nhẹ thì thoát khổ, tội nặng thì không thoát khổ.

3) Nhân huân tập có dày mỏng, mỏng thì thoát khổ, dày thì không thoát khổ.

4) Nghiệp có định bất định. Định: Thì không thoát, không định thì thoát.

Hỏi: Bất định có thể xưng danh, định nên không dùng xưng danh ư?

Đáp: Nay tuy vô tích mà gây nhân đời sau.

5) Có mật ích, hiển ích, thoát khổ gọi là hiển ích, chẳng thoát khổ gọi là mật ích.

6) Có lợi ích thì thoát khổ, không lợi ích thì không thoát khổ.

Hỏi: Xưng Quán Thế Âm có dùng thần lực giết hại chúng sinh hay

không?

Đáp: Như trước nói lấy lợi ích làm định, các thứ khác đều bất định. Nếu vậy hoặc khiến thoát lửa, hoặc khiến không thoát, hoặc cố thiêu chết, nay xưng danh mà không thoát khổ việc nầy khó biết.

Hai thứ nghĩa thứ lớp giải thích phẩm Diệu Trang Nghiêm,v.v....

Chư Phật Ba đời chỉ có một loại thứ lớp.

l) Căn duyên thứ lớp.

2) Tùy nghĩa thứ lớp.

Tùy nghĩa thứ lớp: Như trước nói Khổ đế, sau nói Tập đế v.v... Căn duyên thứ lơp là trước nói Tứ đế sau nói mười điều thiện chẳng phải thứ lớp Tứ đế là chỉ tùy căn duyên. Đức Phật nói pháp đầy đủ hai thứ thứ lớp nầy mà phần nhiều căn cứ căn duyên thứ lớp, các Bồ-tát làm luận cũng đầy đủ hai thứ thứ lớp, chỉ đệ tử muốn giải lời Phật phần nhiều y nghĩa môn thứ lớp, lựa chọn tụ hợp lời Phật thứ lớp giải thích.

Hỏi: Hai thứ lớp, loại nào là chánh?

Đáp: Dùng căn duyên thứ lớp làm chánh, vì sao? Vì Phật và đệ tử nói kinh soạn luận, chỉ khiến người ngộ giáo không nhất định.

Hỏi: Chẳng thể có nghĩa nhất định phải không?

Đáp: Như trước nói: Chỉ do ngộ nhập cho nên giáo không nhất định, như Đại Kinh nói: Hơn ba mươi việc tranh luận môn đều là Như Lai căn cứ căn duyên mà nói, do chúng sinh chẳng phải một cõi nước, một thứ căn tánh, mộtthiện tri thức vì vậy nên Như Lai không làm một nói, chỉ khiến chứng ngộ. Nếu vậy trước nói pháp thân tuổi thọ, sau nói các Bồ-tát, lại trước nói Đà-la-ni chú sau nói Bản Sự của vua Diệu Trang Nghiêm, căn duyên thứ lớp không hẳn nói về chú ở thứ nhất, vua Diệu Trang Nghiêm là thứ hai nên chẳng phải nghĩa thứ lớp. Ở đây giải thích chung hai mươi tám phẩm kinh và tám muôn bốn ngàn pháp tạng.

Hỏi: Thẳng nghe bản sự của vua Diệu Trang Nghiêm làm sao ngộ đạo ư?

Đáp: Đức Phật thấy căn duyên nói sẽ đắc đạo, bất luận sự lý, cho đến từ xưa đến nay ví như không thấy căn cơ tuy nói đạo mầu mà đối với duyên không có lợi ích.

Hỏi: Trên nói Diệu Âm qua lại được ngộ vô sinh, nay nghe việc xưa lại được mắt thnah tịnh, nhưng hai thứ ngộ Đại tiểu phải thấy Không rồi mới đắc đạo, nay nói sự hữu làm sao thành Thánh ư?

Đáp: Tuy chất là nghi tiểu, thật ra chỉ hỏi về Đại, người luận Thành Thật nói: Kiến Không thì đắc đạo, người Số Luận nói thấy hữu

thành Thánh, tranh luận lẫn lộn lý do rất lâu. Nay nói bốn câu như Số luận,v.v... đều không đắc đạo, vì sao biết? Vì Thích luận giải thích trong Bát-nhã độ rằng: không đắc năng lực Bát-nhã Phương Tiện lực cho nên học A Tỳ-đàm rơi vào trong hữu kiến, học không môn đoạ và không kiến, học môn hữu không rơi vào kiến vừa không vừa hữu, học môn phi hữu phi vô rơi vào ngu si luận. Cho nên biết bốn câu đều không đắc đạo. Nếu đắc Bát-nhã Phương Tiện học bốn câu này không rơi vào bốn kiến. Nếu vậy thiện xảo học bốn câu, bốn câu đều đắc đạo. Không thiện xảo học bốn câu, bốn câu đều không đắc đạo. Lại tức ở đây nói Bồ-tát qua lại mà đắc đạo, tức là thiện xảo phương tiện học hữu cho nên đắc đạo.

Hỏi: Làm sao thiện xảo?

Đáp: Bồ-tát đến thì đây là tướng không đến mà đến, tuy đến mà không đến, ngộ giải nghĩa đến nầy liền sinh hai tuệ do đó đắc đạo.

Hỏi: Thấy có đắc đạo là tác hữu giải cho nên đắc đạo hay tác không giải nên đắc đạo ư?

Đáp: Đã như trước nói: Tác hữu giải tức hữu kiến, tác không giải tức không kiến, bốn không như thế đều không đắc đạo, biết hữu là không, hữu tuy hữu mà không hữu, do đây được nhập đạo, hữu cuối cùng là phi đạo mới gọi là đạo môn, không,v.v. . . cũng như vậy.

Nghĩa chánh tượng: Nghĩa nầy giải thích chung trong các việc thọ ký pháp trụ lâu mau.

Hỏi: Pháp của Đức Phật Thích-ca trụ thế được bao nhiêu năm?

Đáp: Chánh pháp ngàn năm, Tượng pháp ngàn năm, mạt pháp muôn năm, xuất xứ từ bia ở tinh xá Kỳ Hoàn, trong luật Thiện Kiến, luận Tỳ-bà-sa cũng có nói điều này. Chỉ vì độ người nữ xuất gia làm cho chánh pháp bị giảm năm trăm năm. Có người nói: đều mất năm trăm năm, chánh pháp chỉ năm trăm, tượng pháp một ngàn năm, cho nên Kinh Ma-da chỉ nói một.năm trăm năm. Văn Trung luận cũng nói vậy. Có người nói: Tổn hại chánh pháp năm trăm lưu nhập tượng pháp liền có một ngàn năm trăm. Có người nói: Tu tám pháp kỉnh cho nên chánh pháp trở lại một ngàn năm.

Hỏi: Vì sao ba thời lại chỉ nói tượng pháp?

Đáp: Chỉ nói tượng, chánh là gồm nhiếp Mạt pháp vào Tượng. Nói mạt pháp là chia tượng làm hai: Gọi là Tượng và Mạt.

Hỏi: Vì sao biết tượng tức mạt ư?

Đáp: luận Thập Nhị Môn nói: Chúng sinh đời mạt pháp phước mỏng căn độn tức gọi Tượng là Mạt.

Hỏi: Vì sao gọi là tượng chánh ư?

Đáp: Có nhiều nghĩa.

l) Đức Phật tại thế là chánh, khi Phật diệt độ rồi là Tượng.

2) Chưa có bộ khác là chánh, có bộ khác là tượng, thì bị giảm năm trăm một trăm mười sáu năm sau mới gọi là Tượng pháp.

3) Đắc đạo nhiều là chánh, đắc đạo ít là tượng, cho nên đức Thích-ca trước năm trăm năm đắc đạo nhiều, người không đắc đạo ít, sau năm trăm năm người đắc đạo ít, người không đắc thì nhiều.

4) Phá chánh pháp chưa phá chánh pháp chia làm tượng, chánh.

Phẩm Tà Chánh trong Đại Kinh nói: Sau khi Ta diệt độ trong bảy trăm năm ma Ba-tuần dần dần sẽ phá hoại chánh pháp của ta, thì sáu trăm năm chưa phá là chánh, một trăm năm còn lại phá là tượng.

5) Các pháp ác khởi, chưa khởi chia làm tượng chánh. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: một ngàn một trăm năm các pháp ác khởi gọi là tượng, nếu trong một ngàn năm pháp ác chưa khởi là chánh. Nhưng trong một ngàn năm tuy có ác pháp khởi nhưng vẫn chưa mạnh nên thuộc Chánh pháp, ác mạnh là Tượng.

6) Hai ngàn năm đều thuộc chánh pháp, muôn năm chuyển suy yếu dần là Tượng pháp.

7) Các Bồ-tát thấy pháp Như Lai không có diệt, thường thấy Chư Phật thì muôn hai ngàn cho đến tất cả thời đều là chánh pháp, người Nhị thừa thấy Phật pháp có hưng suy cho nên có tượng, chánh.

Hỏi: Vì sao chánh pháp của Đức Thích-ca chỉ được một ngàn năm ư?

Đáp: Quá khứ chánh pháp của đức Thích-ca một ngàn năm trụ thế, mà đức Thích-ca xưa vốn làm người thợ gốm, nhân phát nguyện, nguyện ta thành Phật làm đức Thích-ca khiến chánh pháp của ta cũng một ngàn năm trụ thế, do việc này nên chánh pháp chỉ một ngàn năm.

Hỏi: Sau khi Đức Phật diệt độ đến nay được bao nhiêu năm?

Đáp: Đến nay đã được một ngàn năm trăm chín mươi sáu năm một ngàn năm.

Hỏi: Kinh vì sao nói chánh pháp trụ thế một ngàn năm, lại vì sao ngoài một ngàn có Phật pháp ư?

Đáp: Đây không trái nhau, vì sao? Phật pháp có hai thứ:

1) Chánh đắc.

2) Chánh giáo.

Chánh đắc: Là người đắc đạo. Chánh giáo: Là chánh giáo pháp của Phật. Nói một ngàn năm Phật pháp diệt, đây là căn cứ chánh đắc mà nói, trong một ngàn năm có nhiều người đắc đạo, ngoài một ngàn

rất ít người đắc đạo cho nên gọi là Phật pháp diệt. Chánh giáo pháp: Cho đến muôn năm trụ thế.

Hỏi: Thời Phật pháp diệt có bao nhiêu nhân duyên ư?

Đáp: Có bảy nhân duyên như Kinh Tư Ích nói rộng.

Hỏi: Có ba đại kiếp, ba tiểu kiếp, trong Kinh Pháp Hoa Thân tử chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp, vì sao chỉ nói tiểu kiếp chẳng phải Đại kiếp ư?

Đáp: Đúng là tiểu kiếp, vì sao? Vì Đại kiếp thì không còn thế giới đâu có Phật pháp trụ thế ư! Mà nay nói ba mươi hai kiếp đây là tiểu kiếp.

Hỏi: ba đại kiếp thông cõi tịnh uế, ba tiểu kiếp chỉ có cõi uế, nếu vậy Thân Tư thành Phật đều là Tịnh độ vì sao có tiểu kiếp khởi ư?

Đáp: tiếng Phạm là Kiếp ba, Hán dịch là phân biệt thời tiết. Nay chỉ có thời tiết lâu mau, như số tiểu kiếp khởi tận nên gọi là Tiểu kiếp, thật ra không có tiểu kiếp khởi.

Hỏi: Tiểu kiếp thời gian thế nào?

Đáp: Bắt đầu từ tám muôn bốn ngàn năm dần dần giảm xuống còn mười năm gọi là một tiểu kiếp.

Hỏi: Một Đại kiếp chỉ có tám mươi tiểu kiếp ư? Phẩm Thường Bất khinh nói: chánh pháp của Đức Phật kia trụ thế trong số kiếp nhiều như cát bụi?

Đáp: Đại kiếp có dài ngắn khác nhau, Đại kiếp ngắn chỉ có tám mươi tiểu kiếp, đại kiếp dài thì không nhất định, như một kiếp ở cõi Ta bà so với cõi Cực Lạc ở phương Tây là một ngày một đêm, như vậy mới có trăm muôn a-tăng-kỳ phẩm, như Hoa Nghiêm nói rộng. Do đây suy tìm không có nghi.

Nói về Đức Phật nhập Niết-bàn, kinh này giải thích việc Chư Phật nhập Niết-bàn. Chư Phật có sáu việc cho nên nhập Niết-bàn.

1) Sở ứng thành tựu cõi chúng sinh đã xong, cho nên nhập Niết-bàn.

2) Khiến người Nhị thừa xả tiểu Niết-bàn trở về đại Niết-bàn, vì sao? Vì Như Lai xả thân này trở về pháp thân người Nhị thừa cũng nên xả thân này cầu pháp thân Phật.

3) Vì dứt trừ tâm khinh mạn cho chúng sinh hiểu biết nông cạn họ tin là thân Như Lai có sinh, già, bệnh, chết đồng với thân mình, đối thân Như Lai khởi tưởng khinh chê thấp kém, cho nên nay nói Phật có hai thân: a) Trở lại xả hóa thân nhập diệt, đây đồng với người. b) Pháp thân, là không sinh, già, bệnh, chết đây khác với chúng sinh.

4) Vì muốn chúng sinh sinh tâm khát ngưỡng, nếu thường thấy bất diệt sẽ sinh nhàm chán nên thị hiện xả diệt khiến sinh tâm khát ngưỡng.

5) Khiến chúng sinh siêng tăng tinh tấn ngộ thế gian chẳng thường, Chư Phật có ba thứ lực hơn tất cả mọi người:

a) Năng lực cha mẹ sinh thân hơn tất cả trời người.

b) Năng lực thần thông hơn tất cả mọi người.

c) Năng lực giải thoát hơn tất cả mọi người. Tuy có ba lực mà vẫn bị vô thường huỷ diệt cho nên biết năng lực vô thường kia rất lớn, do đây ngộ thế gian mà siêng năng tu đạo.

6) Vì đã siêng tu đạo khiến cho mau thành tựu, cho nên hiện diệt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 120

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

SỐ 1721
(QUYỂN 1 →4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1721

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

Tác giả: Cát Tạng

QUYỂN 1

PHẨM TỰA THỨ NHẤT
(Phần 1)

Muốn đi vào văn kinh thì trước nói ba nghĩa, một là bộ loại khác nhau, hai là thứ lớp các phẩm khác nhau, ba là chi chia khoa toàn kinh.

I. Bổ loại khác nhau lược: chia làm bảy phần: Một là Kinh thuộc một hội được xếp vào một bộ, như kinh Thập Địa v.v... Hai là kinh thuộc nhiều hội xếp vào một bộ, như kinh Hoa Nghiêm. Ba là phần đầu kinh được xếp vào một bộ, như kinh Nê-hoàn (loại sáu quyển). Bốn là đầy đủ hai phần được xếp vào một bộ, như kinh Đại Bát Niết-bàn. Năm là bản lược được xếp vào một bộ, như kinh Tiểu Phẩm, v.v,v.v... Sáu là bản rộng được xếp vào một bộ, như kinh Đại Phẩm. Bảy là một phẩm được xếp vào một bộ, như phẩm Quán Thế Âm. Nay kinh Pháp Hoa này đối với bảy loại trên là bản đầy đủ, như y theo văn tiếng Phạn thì nói lược có sáu ngàn bài kệ.

II. Nói về thứ lớp phẩm khác nhau, lại chia ra năm nghĩa. Một là sanh khởi thứ lớp, hai là nói về ý nghĩa đầy đủ nhiều ít. Ba là nói về thứ lớp phẩm trước sau. Bốn là nói về phẩm có hoặc không. Năm là giải thích riêng phẩm tựa.

1. Sanh khởi thứ lớp tức phần lớn nói về thứ lớp, gồm có hai môn: Một là căn duyên thứ lớp, nghĩa là thích ứng căn cơ mà nói pháp. Hai

là nghĩa lý thứ lớp, tức dựa theo nghĩa lần lượt sanh nhau. Song, Phật nói kinh tuy có đủ hai môn này nhưng thường là y theo loại căn duyên thứ lớp. Các đệ tử soạn luận cũng đầy đủ hai môn này nhưng thường y theo nghĩa lý thứ lớp. Nay hai mươi tám phẩm thứ lớp sanh nhau nghĩa là. Hễ đến người nói pháp ắt có lý do ghi chép nên ban đầu nói phẩm Tựa, Tựa xong mới thích hợp khai mở phần chánh tông. Vì muốn nói lên Nhất thừa là chân thật, nên trước khai Ba thừa làm phương tiện, nên kế đến nói phẩm Phương tiện. Hàng thượng căn nghe nói pháp trước 1iền lãnh ngộ, người trung căn chưa thể lìa lời nói mà hiểu được pháp, cho nên đợi dùng thí dụ, nên kế là nói phẩm Thí Dụ dựa theo pháp đã nói trước mà nêu ra thí dụ sau. Lại đồng lãnh giải nên có phẩm Tín Giải, ấn chứng sự tin hiểu ấy là thật, khởi lại thí dụ thuật nghĩa thành tựu nên có phẩm Dược Thảo dụ.

Lãnh thọ sự hiểu biết ở trước, thuật thành ở sau đương quả có thể mong, nhận lãnh sự thọ ký nên có phẩm Thọ ký. Từ đầu đến phẩm này người thượng căn, trung căn đều đã lãnh ngộ, người hạ căn còn chưa hiểu rõ nên nói bắt đầu kết duyên ở quá khứ, ví dụ hóa thành hiện tại mà có phẩm Hóa Thành Dụ.

Người hạ căn nghe nói hai châu trên và nghe nhân duyên đời sau liền được hiểu rõ, có khả năng được thọ ký nên có phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký. Chúng hiển danh đã lãnh giải, người mật hạnh, lại được ngộ nên có phẩm Thọ Hữu học, Vô Học Nhân Ký.

Ba lần nói pháp đã rồi, ba căn đều được lãnh ngộ, lại muốn truyền pháp này cho thế gian khác đều nghe, nên khen ngợi pháp mầu nhiệm, khiến người mở rộng đạo lớn, nên có phẩm Pháp sư. Muốn chứng minh ba lần nói pháp trước đây là không luống dối, lại muốn chỉ bày pháp thân quả đức, nên có phẩm Hiện Tháp báu. Pháp sư, tháp báu, tuy là khen ngợi người chứng pháp nhưng chưa bằng lý do gần Đạt-đa mà tự đến thành Phật, đề cao vực nầy để chứng nghiệm khuyên muôn vật mở rộng kinh, nên có phẩm Đề-bà-đạt-đa.

Ba phẩm trên là khen người, khen pháp để khuyến khích mở rộng kinh, Bồ-tát Thanh văn vâng lời giảng nói giữ gìn nên có phẩm Trì. Đã ở trong đời ác muốn mở rộng đạo thiện thì có nhiều khổ nạn, nên nói về phương pháp mở rộng kinh khiến cho an trụ vào bốn hạnh, thân tâm vui sướng, nên có phẩm Hạnh an lạc. Nhân bốn hạnh thành tựu, quả mầu nhiệm thích hợp nói lên. Nhưng có Bồ-tát Dũng xuất mở ra duyên thọ từ lâu xa nên có phẩm Dũng xuất. Duyên khai phát rõ, tuổi thọ, chánh tông thích hợp nói lên nên kế là phẩm Thọ Lượng. Nghe nói tuổi thọ

được mười hao lợl ích, nay phân biệt rộng nên có phẩm Phân Biệt Công Đức.

Từ đầu cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức là nói về hai quyền hai thật, thường là nghịch tai trái tâm. Nếu có thể tùy hỷ thì phước ấy vô lượng, nên có phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Đệ tử tùy hỷ phước đã vô biên, Pháp sư giảng nói hành trì thì sáu căn được thanh tịnh, nên có phẩm Pháp Sư Công Đức.

Tuy đã nêu năm loại pháp sư được sáu ngàn công đức, nhưng nay lại dẫn việc tự thân chứng đắc không luống dối ở đời quá khứ, bao gồm nói về các công đức ở phẩm trên, nên có phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát. Các phẩm trước đây là khen pháp, khen người, nghĩa đã rõ, Chư Phật mười phương thấy chúng sanh trong hai đời tin hiểu và thọ trì kinh này nên tâm sanh vui mừng, hiện ra bảy thứ thần lực nêu có phẩm Như lai Thần Lực.

Nói về phần truyền bá thì gồm có hai phần, một là khen ngợi, hai là phó chúc. Trước đây đã khen ngợi rồi, nay kế phần phó chúc nên có phẩm Chúc Lụy. Ngài Dược Vương theo lời dạy của kinh, tự thân được lợi ích, xả bỏ thân mạng, tài vật để cúng dường báo ân, để làm gương cho người thọ mệnh mở rộng thông kinh, nay nói duyên xưa lợi ích cho hội bấy giờ, nên có phẩm Dược Vương Bồ-tát bổn sự.

Dược Vương tuy báo ân cúng dường mà vẫn chưa nói về nghĩa giảng nói truyền bá pháp này, nên mời ngài Diệu Âm nói về phân thân trong sáu đường vì chúng sanh để mở rộng kinh, nên có phẩm Diệu Âm Bồ-tát. Chúng sanh tuy muốn trì kinh nhưng có nhiều tai nạn, phải khắp, chỉ bày các pháp môn đại bi cứu giúp, nên kế là nói phẩm Quán Thế Âm. Đã nói người tức Quán Thế âm cứu nạn, kế nói pháp Thần chú để hộ trì nên có phẩm Đà-la-ni.

Vì chúng sinh mở rộng kinh, bởi chúng sanh này đúng là thiện tri thức, nên nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự. Tu hành Nhất thừa tức là thực hành hạnh của ngài Phổ Hiền, vì thế ngài Phổ Hiền từ phương xa đến khen ngợi khuyến khích phát khởi, nên có phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

Kế phần thứ hai là nói đầy đủ ý nghĩa nhiều ít. Tuy có hai mươi tám phẩm mà tên gọi thì có ba loại: Một là dùng một nghĩa mà được tên gọi. Hai là dùng hai nghĩa mà được tên gọi. Ba là do ba nghĩa mà được tên gọi.

Dùng một nghĩa mà được tên gọi: lược có bốn loại: Một là từ pháp mà được tên gọi, như phẩm Phương tiện v.v... Hai là từ thí dụ làm tên

gọi như phẩm Thí dụ. Ba là từ người mà được tên gọi như phẩm Đề-bà-đạt-đa. Bốn là từ việc mà làm tên gọi, như phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Do hai nghĩa mà được tên gọi: Hoặc nêu cả người và pháp như phẩm Phổ môn Quán Thế Âm, hoặc Năng sở hợp làm tên gọi như phẩm Hiện Tháp báu.

Do ba nghĩa mà được tên gọi: Như phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, Ngũ Bá là số, đệ tử là tên gọi của người, thọ ký là pháp.

Hỏi: Tên phẩm là do Phật nói, là do người kiết tập kinh đặt, hay do người đời sau chế ra?

Đáp: Nói đủ có ba nghĩa:

1) Nếu trong văn kinh có nêu tên phẩm như chép: "Nghe phẩm Dược Vương Bổn Sự này thì công đức vô lượng", đây chính là do Phật nói.

2) Nếu nêu tên phẩm đặt ở phần đầu văn kinh, đây là do người kiết tập kinh lấy ý của Phật mà đặt tên phẩm.

3) Như chín mươi chương của kinh Đại Phẩm, không có tên phẩm, đều là do người đời sau chế ra.

Trong bài tựa kinh Đại Phẩm do Duệ Pháp Sư thuật lại lời ngài Cưu ma la-thập rằng:

"Kinh Đại Phẩm chỉ có ba phẩm là phẩm Tựa, phẩm Ma-sự và phẩm A-bệ-bạt-trí. Do phẩm chẳng phải do Phật nói nên lược bỏ hai phẩm, chỉ giữ lại phẩm Tựa", vì vậy biết chẳng phải Phật nói mà do người đời sau chế ra.

Phần thứ ba nói về thứ lớp trước sau của các phẩm. Các kinh có phẩm Chúc Lụy thường là đặt ở cuối kinh, còn như kinh Pháp Hoa thì đặt sau phẩm Như lai Thần Lực, là do y theo bản Phạm và luận Pháp Hoa. Lại nữa, ở đất Tần lúc mới dịch kinh Pháp Hoa thì đặt phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh, sau đó ngài La-thập giỏi về ngôn ngữ đời Tần hiểu được ý chỉ kinh, liền đặt phẩm Chúc Lụy ở sau phẩm Như lai Thần Lực, hẳn là có ý sâu xa. Vì sao như vậy?

Vì nếu phẩm Chúc Lụy đặt ở cuối kinh thì khi nói kinh xong mới khiến phân thân trở về bổn quốc, như vậy khi nói kinh xong còn là Tịnh độ, sao khi Bồ-tát Diệu Âm đến Phật còn căn dặn là "ở cõi này chớ sanh ý tưởng thấp kém"?

Lại nữa, Bồ-tát phương dưới đã đảnh lễ khắp phân thân, bậc thượng nhân ở Đông độ không nên chỉ lễ Phật Đa Bảo, ngài Quan Âm dâng chuỗi hạt châu lẽ ra không nên chỉ chia làm hai phần theo đây mà

sét, thì biết phẩm Chúc Lụy không đặt ở cuối kinh, mà đặt sau phẩm Như lai Thần Lực.

Nói về Nhất thừa gồm có hai hạng, một là Phật thừa, hai là Bồ-tát thừa, cho nên trong luận Thập Nhị Môn chép: "Sở thừa của Chư Phật đại nhân lẽ ra gọi là Đại, sở thừa vững chắc của các Đại sĩ như Quán Âm, Di-lặc v.v... nên gọi là Đại.

Từ đầu kinh cho đến phẩm Như lai Thần Lực là nói pháp sở thừa của Chư Phật, Phân thân Chư Phật vì muốn nói lên tuổi thọ nên đến, nói lên tuổi thọ dài lâu xong mỗi vị đều trở về bổn quốc thì cõi trở lại uế, ý nghĩa chương này nói xong rồi cho nên phó chúc.

Từ phẩm Dược Vương Bồ-tát đến phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát là nói về sở thừa của Bồ-tát, hai thừa nhân quả đã tròn đầy nên đại chúng đều phân tán, vì nhân duyên này nên đặt phẩm Chúc Lụy trước phẩm Dược Vương Bổn Sự. Lại nữa, Một phẩm Chúc Lụy đã nói về việc phó chúc, mà các phẩm Dược Vương về sau là thọ nhận mở rộng kinh, do đây suy ra thì không nên để phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh.

Phần thứ tư nói về phẩm có và không. Ngài La-thập dịch kinh chỉ có hai mươi bảy phẩm, về sau lại có thêm phẩm Đề-bà-đạt-đa.

Theo sách của ngài Thích Đạo Tuệ đời Tống đời Tề chép: "Ngài Thích Pháp Hiến ở chùa Định Lâm Thượng thuộc nước Vu-điền tìm được phẩm này, Sa môn Thích Pháp Ý ở chùa Ngõa Quan dịch thành phẩm Đề-bà-đạt-đa vào tháng mười hai năm, niên hiệu Vĩnh Minh thứ tám đời Tề, nhưng chưa nhập vào kinh Pháp Hoa. Cuối đời Lương có người ở Ưu Thiền Ni thuộc nước Tây Thiên-trúc tên là Bà-la Mạt-đà (Hán dịch là Chân-đế) lại dịch phẩm này, mới xếp vào sau phẩm Hiện Tháp báu.

Hỏi: Ngài Trúc Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa, sau phẩm Hiện Tháp báu có việc Đề-bà-đạt-đa, vì sao ngài La-thập không dịch?

Đáp: Việc này lại khó nói về, nay tạm dùng ba nghĩa để giải thích.

1) Là do nước ngoài truyền vào, phía Tây vùng Lưu-sa thường có phẩm này, nhưng phía Đông vùng Lưu-sa thì không có phẩm này. Vì sao? Vì phái Tiểu thừa đều cho rằng kinh các nơi là do Điều-đạt sáng tác, cho nên các nước hoặc có, hoặc không có phẩm này, ngài La-thập lại ở nước Quy-tư nên không thấy phẩm này, vì vậy không dịch.

2) Ngài La-thập dịch kinh quán xét thấy căn cơ, tình lý mỗi việc quá nhiều nên lược bớt, nếu dịch đầy đủ như luận Trí Độ thì gấp mười lần ở đây, sợ rằng tìm tòi khó nên lược thành một trăm quyển. Nếu dịch

thành một trăm bộ luận thì vô ích ở Trung hoa còn năm mươi bài kệ, vì thế kinh Chánh Pháp Hoa gồm có mười quyển nên mà bỏ bớt văn rườm rà nên lược bảy quyển.

3) Phẩm Hiện Tháp báu làmệnh lệnh thọ trì, phẩm Trì ứng với mệnh lệnh nên nói về thế kế nối, nếu ở giữa chen vào phẩm Đề-bà-đạt-đa thì lời văn dường như sai, lại sợ người đời sau nghi ngờ nên lược bỏ.

Phần thứ năm giải thích riêng phẩm Tựa: Tựa nghĩa là dần dần, mượn thời gian, mượn nơi chốn mà làm mưa hoa, mặt đất rung chuyển để đến phần Chính là nói, do chuyển dần ấy nên gọi là tựa. Lại, Tựa cũng có nghĩa là thứ lớp, là kế đầu tiên nói về duyên khởi, kế là nói phần chánh kinh, nên là nghĩa lý thứ lớp. Lại nói tựa cũng là thứ lớp tốt lành, ở đầu kinh đã nêu việc thứ lớp tốt lành có thể xét thấy. Tựa cũng có nghĩa là mở ra, vì muốn nói lên sự và nghĩa mở rộng ra nên gọi là Tựa. Chữ phẩm, tiếng Phạm gọi là Bạt Cừ, Hán dịch là Phẩm, phẩm gọi là phẩm riêng, bởi hai mươi tám chương ý nghĩa mỗi chương khác nhau nên gọi là biệt, cũng gọi là phẩm loại, do ý nghĩa mỗi phần có bộ loại.

III. Phần thứ ba nói về chương đoạn khác nhau.

Hỏi: Nước Thiên-trúc và Trung hoa khi chép kinh hoặc truyền miệng để giảng nói kinh luận thì không ngoài hai thứ, một là khoa chương, hai là thẳng giải thích. Như ngài Thiên Thân giải thích kinh Niết-bàn có bảy phần, ngài Long Thọ giải thích kinh Bát-nhã không có chương môn, bởi các luận sư Thiên-trúc chia ra hai loại khai và không khai. Ngài Hà Tây chú sớ kinh Niết-bàn chia làm năm môn, Ngài Đạo Dung giảng bộ kinh Pháp Hoa bản tân dịch chia làm chín phần (Triệt) còn tập giải lời ngài Tịnh Danh soạn chú thích văn Pháp Hoa chỉ chia chẻ nhỏ nhặt mà không nói hết phần khoa, bởi các sư Trung quốc lấy hai nghĩa khai và không khai. Nay giải thích ý nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Luận rằng thích ứng việc giáo hóa thì không cần phương cách, rèn luyện dẫn dụ thì chẳng phải một, xét thấy tâm Thánh lấy dứt lo sanh tử đứng đầu đích, ý chủ thống giáo lấy việc khai đạo làm tông. Nếu do khai mà ngộ thì Thánh giáo sẽ vì khai, nếu do hợp mà thọ lãnh đạo thì Thánh giáo sẽ vì hợp, nếu cả hai cùng sáng tỏ là cam lộ còn cả hai đều mê thì thành thuốc độc. Như vậy, đâu thể giữ riêng một lối để ngăn chặn chín đường?

Hỏi: Có người chép: Kinh thì không có đại, tiểu, chia ra ba đoạn là phần tựa, chánh kinh và truyền bá, việc này thế nào?

Đáp: Lãnh giải hướng Viên mà luận thông suốt, vì khai đạo nói dứt mối lo sanh tử biết đủ các đường đúng sai, sao lại hỏi về sự được

mất của ba đoạn ư? Nếu tùy tiện chấp ba chương thì có nhiều lỗi, nếu do phần đầu mà ngộ thì phần đầu là chánh kinh, nhờ chương sau mà vào đạo thì chương sau chẳng phải phụ, sao lại nói là phần đầu phần sau chẳng phải chánh kinh, phần giữa mới là chánh tông? Đem điều trái chấp giữ khuôn phép, lấy hạn cuộc mà giải thích Đại ư!

Hỏi: Đoạn đầu nói việc nhập định, phát ra ánh sáng, hoa tuôn rãi như mưa, mặt đất rung chuyển là lý do dần dẫn đến chính là nói, sao gọi là chánh kinh?

Đáp luận rằng: Nê-hoàn, Pháp bảo vào có nhiều cửa, kinh khen ngợi kinh được ngộ khác nhau, Phật sự chẳng phải một hoặc dựa vào âm thanh để chuyển phàm, hoặc do im lặng mà thành Thánh, hoặc nhờ ánh sáng để ra đời tục, hoặc nhờ hương Phạn mà vào đạo, cho nên ba nghiệp đều là duyên thuận lợi, sáu trần đều là Phật sự. Đây chính là bậc Thánh trước đối với Viên hóa mà giống như ở cuối, bó buộc ở văn chật hẹp, chưa thể gọi là đúng!

Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chia kinh này thành năm đoạn.

1. Từ sau câu “Tôi nghe như vầy” đến hết phẩm Tựa là nói tướng chuyển của kinh Pháp Hoa.

2. Từ phẩm Phương Tiện đến hết phẩm Pháp Sư là nói về pháp không có hai thể của kinh Pháp Hoa.

3. Từ phẩm Hiện Tháp báu đến hết phẩm Như lai Thọ Lượng là nói về quả thường trú pháp thân của kinh Pháp Hoa.

4. Từ phẩm Phân Biệt Công Đức đến hết phẩm Chúc Lụy là nói về việc tu hành Pháp Hoa phát sanh công đức.

5. Từ phẩm Dược Vương Bồ-tát bổn sự cho đến hết kinh là nói về quy cách truyền bá của kinh Pháp Hoa.

Hai Pháp sư Long và Quang lại chia kinh này thành hai đoạn: Từ phẩm Tựa đầu đến phẩm Hạnh an lạc, mười ba phẩm này là khai Ba thừa bày Nhất thừa. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết kinh, mười bốn phẩm này là bỏ gần mà bày xa. Trong hai đoạn này, mỗi đoạn lại chia làm ba phần là tựa, chánh kinh và truyền bá, hợp lại thành sáu đoạn.

Pháp sư Ấn lại chia kinh này thành bốn đoạn.

1. Phẩm Tựa là phần lời tựa.

2. Từ phẩm Phương Tiện đến hết phẩm Hạnh an lạc, mười hai phẩm này là bỏ ba thừa bày Nhất thừa, nói về thừa phương tiện, thừa chân thật.

3. Từ phẩm tùng Địa Dũng Xuất đến hết phẩm Phân Biệt Công

Đức, Di-lặc nói kệ về trước gồm hai phẩm rưỡi là bỏ gần mà bày xa, nói về thân phương tiện, thân chân thật.

4. Từ phẩm Phân Biệt Công Đức đến hết kinh là phần truyền bá.

Tuy nói rằng trước phẩm Hạnh an lạc là phần nhân, nhưng từ phẩm Hiện Tháp báu trở xuống ba phẩm lại lý do thứ lớp của tông quả, phải hai hướng đều xem. Vì sao? Vì phẩm Hiện Tháp báu là Phật Đa Bảo giúp bảo tìm người truyền bá kinh, cho nên mới có phẩm Trì và phẩm Hạnh an lạc truyền bá ở nhân, vì thế thuộc về phần nhân. Kế đến có Bồ-tát từ đất vọt lên chánh là thứ lớp tuổi thọ, do trước có mang lệnh nên mới vọt lên, thì ba phẩm trước lại có ý nghĩa nói về tuổi thọ, cho nên phải luận cả hai hướng.

Hỏi: Lời các sư nói lấy gì hướng về tông?

Đáp: Nếu tất cả đều có thể khai đạo để thích ứng với cơ duyên, thì đối với lời nói đều là chánh tông. Nhưng suy văn xét nghĩa thì ba đoạn rất dài, cho nên phải sử dụng.

Hỏi: Ban đầu nói về ba đoạn có chỗ mất, sao nay lại sử dụng?

Đáp: Ý nghĩa có hai, là chung và riêng. Nói theo chung thì ngộ cả ba tức ba phần đều là chính là nói. Nói theo riêng thì nên chia làm ba đoạn, nếu lãnh ngộ đầy đủ ý nghĩa chung và riêng, theo lý thì không có thiếu sót.

Hỏi: Lập ba đoạn là có ý nghĩa gì?

Đáp: Nói lược có mười nghĩa:

1. Bậc thánh nói pháp thì có giải thích phần tựa, dùng lý sâu mà giáo hóa phàm phu phải làm cho tai mắt kinh sợ, tự nhiên nói thì không khởi tâm cung kính, cho nên phần đầu kinh phải đặt phần tựa. Đã tĩnh tâm tín ngưỡng thì mới khai tông trao pháp, vì vậy kế là có phần chính là nói kinh. Chúng sanh vô cùng nên tạm đại bi vô hạn, vì muốn truyền dạy nên kế là phần lưu thông.

2. Vì đối với ngoại đạo nên nói ba phần. Ngoại đạo nói rằng: Chỉ ban đầu là tốt lành, phần giữa phần sau không có tốt lành. Hoặc nói do phần đầu tốt nên phần giữa phần sau lại tốt. Phật Pháp thì không đúng, chia làm ba phần mà ba phần đều tốt. Cho nên trong kinh chép: Lời đầu thiện, lời giữa thiện, lời sau cũng thiện.

3. Luận Đại Trí Độ chép: Chư Phật có ba thời làm ích lợi: Lúc làm Bồ-tát ở thời quá khứ làm lợi ích chúng sinh, lúc thành Phật ở đời hiện tại làm lợi ích chúng sinh, sau khi diệt độ ở đời vị lai làm lợi ích chúng sinh. Phần tựa, phần chính là nói tức là đời hiện tại làm lợi ích chúng sinh, phần truyền bá tức là đời vị lai làm lợi ích chúng sinh.

4. Phần tựa nói phát khởi tín tâm, phần chánh kinh nói phát sanh trí tuệ. Cho nên trong Đại luận chép: Biển lớn Phật Pháp, tin là vào được, có trí là có thể vượt qua, hai thứ này là tự thực hành. Kế phần truyền bá là để giáo hóa mọi người, tức gọi là hóa tha.

5. Đây có hai hạng người, người có phước tuệ sâu dày gặp Phật nghe pháp nên hiểu phần tựa, nhập vào chánh kinh. Người phước tuệ yếu kém chỉ gặp kinh quyển thì phải dùng phần truyền bá. Cho nên phẩm Thường Đề trong luận Đại Trí Độ chép: Người có phước tuệ dày thì hướng về Bồ-tát Đàm Vô-kiệt nghe nói Bát-nhã, người phước tuệ mỏng thì chỉ gặp Bát-nhã trên giấy, tức là việc này.

6. Mở rộng chánh pháp của Như lai gồm có hai loại, một là thắp đèn sáng, hai là nối kế đèn. Thắp đèn sáng tức là phần tựa và phần chánh kinh, nối kế đèn là phần truyền bá.

7. Chư Phật ba đời gồm có hai việc: Một là nhận lời phó chúc của Phật đời trước, hai là phó chúc cho Phật đời sau. Phần tựa và chánh kinh tức là nhận lời phó chúc của. Phật trước, phần truyền bá là phó chúc cho Phật đời sau.

8. Đây chỉ có ba phần, một là tiền phương tiện tức phần tựa, hai là thể của kinh tức phần chính là nói, ba là dụng của kinh tức là phần truyền bá.

9. Đây cũng có ba phần: một là lý do dẫn nói, hai là chính là nói, ba là khen ngợi, khen ngợi tức là truyền bá.

10 Căn tánh có ba bậc thượng, trung, hạ, đức Như lai nói pháp có đủ ba thời. Một phẩm đầu gọi là phần tựa, từ phẩm phương tiện đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ bài kệ còn mười lăm phẩm rưỡi gọi là phần chánh kinh, từ bài kệ cho đến hết kinh gồm mười một phẩm rưỡi gọi là phần truyền bá.

Hỏi: Phần tựa đã gọi là phẩm Tựa, còn phần chánh kinh và phần truyền bá sao không gọi là phẩm Chính là nói và phẩm truyền bá?

Đáp: Phẩm tựa văn ít mà nghĩa sáng, không có lẫn lộn nên chỉ gọi là phẩm Tựa. Phần chính là nói thì văn dài mà nghĩa rộng, cho nên bỏ tên gọi chung, tùy theo nghĩa riêng mà gọi tên, phần truyền bá cũng vậy. Ba đoạn này mỗi đoạn lại chia làm hai chương, phần tựa có tựa chứng tín và tựa phát khởi. Chứng tín khiến cho chúng sanh đời sau sanh tâm tin đối với kinh, phát khởi là dựa vào sự linh thiêng khác thường mà phát khởi chánh kinh, lợi ích ở hiện tại để giáo hóa thấm nhuần đời này đời sau, cho nên nói cả hai lời tựa. Phần chính là nói có hai chương, từ phẩm Phương tiện đến phẩm Pháp Sư là nói về thừa phương tiện, thừa

chân thật, từ phẩm Hiện Tháp báu đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ bài kệ là nói về thân phương tiện, thân chân thật. Sở dĩ chia làm hai, vì thừa gọi là pháp sở thừa, thân gọi là người năng thừa, có hai thừa này thì nghĩa mới đầy đủ.

Hỏi: Thân phương tiện, thân chân thật sao lại là người?

Đáp:1uận Pháp Hoa giải thích tuổi thọ nói ba Phật mà kinh Kim Quang Minh nói ba Phật là phẩm Ba Thân, cho nên biết ba thân tức là ba Phật, Phật tức là người.

Hỏi: Thừa phương tiện, thừa chân thật, tức Nhất thừa là thật, hai thừa là phương tiện, còn ý nghĩa thân thì thế nào?

Đáp: Trong ba thân thì pháp thân là thật, ứng thân và hóa thân là thân phương tiện.

Hỏi: Pháp thân là thật, đến cảm là ứng, chỉ lập một chân một ứng, còn thừa có được như vậy hay không?

Đáp: Dùng Đại thừa làm thật, Tiểu thừa làm phương tiện, lại được một phương tiện, một chân thật.

Nhưng y cứ việc xưa nay khác nhau gồm có ba nghĩa: Song nói, song phú và song khai.

Song nói tức lúc đầu thành Chánh giác, nơi đạo tràng vắng lặng, Phật vì các Bồ-tát nói cả hai nghĩa. Như phẩm Tín Giải nói ông Trưởng giả là dụ cho thân chân thật, vật báu la liệt là dụ cho thừa chân thật. Song phú là cùng che, như cởi y phục quý giá để mặt y phục dơ xấu, đây là dùng thân phương tiện che thân chân thật, ẩn nấp bên người hầu lại sai khiến người khác, đây là dùng thừa phương tiện che thừa chân thật. Nhưng khai là cùng khai mở, nói ba thừa ngày trước là phương tiện, Nhất thừa ngày nay là thừa chân thật, nói thân ngày trước là phương tiện, thân nay là chân thật.

Nhưng thừa và thân chẳng phải hai thể, tức chỉ một chánh quán nhưng tùy nghi mà nói, vận dụng tự tại nên gọi là Thừa, thể có khuôn phép nên gọi là pháp, lấy pháp làm thân nên gọi là pháp thân.

Truyền bá cũng có hai phần, từ bài kệ trong phẩm Phân Biệt Công Đức cho đến phẩm Như lai Thần Lực gọi là khen ngợi truyền bá. Từ phẩm Chúc Lụy cho đến hết kinh là nói về phó chúc truyền bá. Sở dĩ nói hai nghĩa này, là vì muốn phó chúc khiến mở rộng kinh thìphải khen ngợi công năng kinh sâu xa, khen người có đức dày để chúng sanh ưa thích lợi ích này rồi mới thọ mệnh mở rộng kinh. Cho nên, trước nói hen ngợi, sau mới nói về phó chúc.

Nay giải thích phần tựa chứng tín gồm có hai ý: Một là giải thích

chung, hai là giải thích riêng, trong phần giải thích chung lại chia làm sáu phần:

1) Lý do lời tựa, Chư Phật ba đời giảng nói mười hai bộ kinh đều có sáu việc, nhưng phải đợi thị giả thưa hỏi rồi mới nói khiến được an ổn. Như kinh Tập Pháp Tạng chép: Thị giả A-nan hỏi bốn việc: một là lấy ai làm thầy, hai là nương vào đâu để hành đạo, ba là làm sao để ở chung với người xấu ác, bốn là trong kinh Phật trước tiên nên đặt lời gì?

Như lai đáp rằng: Giới luật có công năng dạy bảo nên lấy giới làm thầy, nương vào bốn niệm xứ mà hành đạo, dùng pháp im lặng phạm hạnh để hàng phục người xấu ác, và tất cả kinh trước đều phải nêu sáu việc thành tựu.

Hỏi: Vì sao ngài A-nan chỉ hỏi bốn việc mà không nhiều hơn hay ít hơn?

Đáp: Ban đầu nói về chánh hành, thứ hai nói về chánh giải, thứ ba nói về duyên trừ chướng ngại để tu hành, mà cả ba pháp này phải y vào Thánh giáo, hỏi bốn việc là đã gồm nhiếp tất cả, vì thế không nhiều hơn hoặc ít hơn.

2) Xét định về Pháp nhiều ít, các kinh sư xưa chỉ nói năm việc, giải thích này thiếu nghĩa, không có văn nên không dùng. Nay giải thích gồm có sáu việc. Một là như vầy: là pháp được nghe, hai là tôi nghe: tức là người nghe, ba là một thuở nọ: tức là nghe pháp có thời gian, bốn là Phật là vị giáo chủ, năm là xứ tức là chỗ nghe pháp, sáu là đại chúng cùng nghe pháp, đủ sáu nghĩa này thì ý nghĩa mới tròn đầy. Như bài kệ trong Đăng luận của ngài Thiên Thân chép: Ba việc trước nói về đệ tử, ba việc sau là làm chứng lời Phật nói, tất cả pháp môn Tu-đa-la đều là như vậy, cho nên biết sáu việc phát xuất từ lời văn chân thật.

Ba việc trước nói về đệ tử: “Như thị” nghĩa là lòng tin của đệ tử, câu kế là đệ tử tự gọi là “ngã”, câu thứ ba là nói về nghe pháp có thời gian. Từ chữ “Phật trừ’ trở đi là nói về Phật, cho nên biết ba câu sau là làm chứng lời Phật nói.

3) Ý nghĩa của lời tựa, lập sáu việc này gồm có ba ý: Một là sanh tâm tin, chữ như vầy là tin, năm câu kế theo cũng là sanh tâm tin. Luận Trí Độ chép: Nói “Thời, phương, người”, khiến cho sanh tâm tin. Thời là một thuở nọ, Phương là trú xứ, người là ngài A-nan, Phật, và đại chúng đồng nghe, cho nên ba việc này gồm nhiếp cả năm việc trước, do có thời gian, nơi chốn và người cho nên chỗ truyền bá là đáng tin cậy. Hai là: lập sáu việc này là để phân biệt ngoại đạo, kinh của ngoại đạo

ban đầu đều nêu hai chữ “A Ủ”, đức Như lai dạy ban đầu nêu sáu việc là xuyên suốt tất cả. Ba là để khác với luận, đệ tử soạn luận thì quy kính Ba bảo, kinh của Như lai thì để sáu việc này ở đầu kinh.

4) Nói về việc có và không: Ngay khi Phật nói kinh thì có đủ sáu thể, nhưng chưa viết thành văn, đến lúc sắp nhập Niết-bàn mới dạy khiến đệ tử sắp xếp lúc kết tập kinh tạng mới nêu ở đầu kinh.

5) Nói về đủ và không đủ: Các kinh khác đủ sáu việc, nhưng kinh kim Quang Minh thì không có việc thứ sáu là đại chúng đồng nghe, về sau mới có.

6) Nói về việc trước và sau, các kinh thường chép rằng: Tôi nghe như vầy: vì bởi tín là bước đầu tiên để vào Phật pháp cho nên trước nêu chữ “như vầy”, muốn chứng minh thành tựu nghĩa tin cho nên kế là nói “tôi nghe”. Như kinh Ôn Thất chép: “như vầy tôi nghe”, Đây là trước nêu người có khả năng tin, sau mới sanh tâm tin đối với kinh.

Hỏi: Lúc Phật nói kinh vì sao có sáu việc?

Đáp: Do có tín tâm mới có thể nói pháp, nên biết có lời “như vầy lúc Phật nói kinh, tức là có thị giả nghe pháp, thời gian giáo chủ, trú xứ, và đại chúng đồng nghe, cho nên biết thật có sáu việc.

Kế theo giải thích riêng sáu việc tức là sáu Pháp thành tựu: tín, văn, thời, chủ, xứ, chúng.

Tín: Chữ “như vầy” Chú giải kinh Pháp Hoa chép: Như vầy là đầu mối của cảm ứng, chữ như là do thuận căn cơ mà có tên, chữ vầy là do không có điều gì trái mà gọi là vầy. Chúng sanh lấy việc không có điều trái làm cảm, Đức Phật đùng thuận căn cơ làm ứng, người truyền kinh lấy tên gọi, giáo pháp từ chỗ cảm ứng cho nên nói là: như vầy.

Lại chú giải Kinh Vô Lượng Thọ rằng: Đến người nói pháp chỉ là nói lên chữ Như, chỉ có “Như” là đúng nên nói rằng “như vầy”. Dao Công chép: Chữ như vầy, là sắp truyền đạt lời nói đã nghe cho người chưa nghe, bởi là lý do đáng tin. Nay nói về lời nói có truyền đạt, tức nói là rốt ráo vậy, khéo hiểu lý ấy không mất cơ hội nên gọi là như vầy.

Đàm Sằn chép: Chữ như vầy, là lời nói không chê bai, không khen ngợi.

Ba tạng Chân-đế chép: Chữ như vầy là xa lìa năm thứ chê bai nên nói như vầy, năm loại ấy là:

1) Như nói kinh này quyết định nhân quả là có, gọi là tăng ích báng.

2) Như nói kinh này quyết định nhân quả là không, gọi là tổn giảm

báng.

3) Như nói kinh này nhân quả vừa có vừa không, gọi là Tương vi báng.

4) Như nói kinh này là nhân quả chẳng phải có chẳng phải không, gọi là ngu si báng.

5) Như nói kinh này nhân quả chẳng phải không có, chẳng phải không không, gọi là hý luận báng.

Xa lìa năm thứ báng này gọi là như vầy.

Quang Trạch chép: Chữ như vầy, là sắp truyền điều trước kia đã nghe mà nêu lên một bộ, như vậy một bộ kinh tôi đích thân nghe từ Phật, cho nên chữ "tôi nghe" nối liền sau đó.

Lương Vũ chép: Chữ như vầy, là lời nói như thế, là do Phật nói nên nói là như vầy.

Có người chép: Chữ như vầy, gồm có ba loại, một là Phật, hai là lý, ba là A-nan.

Nói là Phật: nghĩa là Chư Phật ba đời nói pháp không khác nhau nên gọi là như, do đồng nói nên gọi là thị, Chư Phật đồng nói cho nên đáng tin.

Nói là lý; nghĩa là thật tướng các pháp xưa nay chẳng khác nên gọi là như, đáng tin nên gọi là như vầy.

Nói là A-nan; bởi A-nan mong Phật giáo được truyền thừa không khác nhau nguồn gốc nên gọi là như, mong về lý tức là có pháp nói vô sai biệt nên gọi là thị.

Có người chép: Chữ như vầy, là văn như, lý thị, hai vật tương tợ nên gọi là như, một vật không trái nên gọi là thị. Do văn năng thuyên ở lý tương tợ nên gọi là như, lý là xác đáng không trái nên gọi là thị.

Nay nói chữ như vầy, luận Trí Độ hỏi rằng: Tất cả kinh điển, ban đầu vì sao gọi là như vầy. Đáp: Biển lớn Phật pháp tin thì vào được, có trí là vượt qua được. Chữ như vầy tức là tin, do lòng tin nên nói như vầy, nếu không tin tức là nói "bất như vầy", vì thế kinh Phật ban đầu nêu chữ "như vầy".

Hỏi: Như và thị có gì khác nhau?

Đáp: Như gọi là như thật không luống dối, thị có nghĩa là chính xác không trái, do tin Phật pháp như thật không luống dối, chẳng phải tà mà chánh, vì vậy tin gọi là như vầy.

Hỏi: Chữ như vầy là y cứ vào thể của tín hay do tướng của tín?

Đáp: Như thị là tướng của tín, chẳng phải thể của tín. Do lời nói phát ra bên ngoài nên gọi việc này là như vầy, tức tiêu biểu trong tâm

có thành tín, vì thế luận nói như vầy là tướng của tin.

Hỏi: Như thị là căn cứ năng tín hay sở tín?

Đáp: Biển lớn Phật pháp tin là vào được, tức biết Phật pháp là sở nhập, do vậy biết chữ như vầy là năng tín. Nếu nói việc này là như vầy, thì việc này thuộc về sở tín, tức nói như vầy là gồm cả năng và sở.

Hỏi: Như thị là tin chung hay tin riêng?

Đáp: Tin sự chân chánh của Phật pháp tức là không tin tà của ngoại đạo, bởi chữ thị là bắt đầu phân tà chánh, gieo trồng nền tảng các đức, nên thuộc về tin chung. Nhưng kinh thì có đại, tiểu, giáo pháp thì có quyền, thật, tin là tin đại chẳng phải tin tiểu, đây tức là tin riêng.

Hỏi: Nói ngài A-nan tin hay người khác tin?

Đáp: Người có tín tâm thì là vào Phật pháp, do vậy khuyến khích chung tất cả tin nhận, chẳng phải riêng ngài A-nan.

Hỏi: Hạng người nào có khả năng tin Nhất thừa?

Đáp: Có sáu hạng người không thể sanh tâm tin:

1. Chúng sanh khởi tâm ái, tham đắm sự vui ở đời không thể tin nhận.

2. Hạng người khởi tà kiến cho mình là đúng người khác là sai, không thể sanh tín.

3. Người cầu Nhị thừa chấp mắt cá là châu báu, ném dạ quang mà cầm dao cho nên người Đại thừa, Tiểu thừa ở nước ngoài chia sông mà uống nước, vì thế nói Nhất thừa thì không sanh tâm tin nhận.

4. Cho rằng giáo Pháp Hoa vẫn là vô thường, nghe nói thường trụ thì không sanh tâm tin nhận.

5. Cho rằng kinh này che lấp tướng nói về thường, khi nghe nói rõ về thường thì không sanh tâm tin nhận.

6. Cho rằng kinh này nói lên thường, chấp thành thường kiến, nghe nói đạo vắng lặng chẳng thường chẳng vô thường nên không sanh tâm tin nhận.

Cho nên phẩm Hiện Tháp báu chép: Dùng tay nắm hư không cũng chưa gọi là khó, tin nhận thọ trì kinh này mới gọi là khó. Lời nói này có thể chiêm nghiệm. Nay nếu lìa các lỗi trên, tâm còn nương tựa, chính là có thể tin nhận.

“Tôi nghe”: đối với câu “như vầy” là quả của tín sở sanh, năm việc sau là nhân của tín năng sanh. Bởi ngài A-nan thấy ba việc chê bai có tám công đức, nên tự thân làm thị giả đức Như lai hơn hai mươi năm, truyền bá lời Phật nói thì chúng sinh sẽ tin, cho nên chữ tôi nghe là nhân sanh tín.

Hỏi: Nửa đêm hôm Phật đắc đạo thì ngài A-nan ra đời, đến năm hai mươi lăm tuổi mới làm thị giả Phật, như vậy Phật nói kinh trong hai mươi lăm năm ấy ngài A-nan không nghe, những lời Phật nói trong hai mươi lăm năm sau ngài đều được nghe. Những kinh nghe trong hai mươi lăm năm gồm có ba thứ:

1. Được nghe, như nghe kinh Pháp Hoa,v.v...

2. Không nghe, như kinh Niết-bàn,v.v...

3. Vừa nghe vừa không, như kinh Tịnh Danh.

Lại gồm có bốn hội, hai hội Am-la thì A-nan được nghe, hai kiết tập ở Tỳ-da thì A-nan không nghe, vậy lấy nghĩa gì mà kinh điển trong một đời đều gọi là tôi nghe.

Đáp: Nay dẫn hai kinh căn cứ vào bản, tích để giải thích. Một là căn cứ kinh Niết-bàn, ngài A-nan là bậc học rộng, tự nhiên có thể hiểu rõ thường và vô thường, đã tự nhiên hiểu rõ thì cũng tự nhiên được nghe. Hai là theo kinh Báo Ân căn cứ tích mà giải thích, do Đức Phật nói lại nên nói là được nghe.

Hỏi: Ngài A-nan dựa vào đức gì, Tam-muội gì mà có thể thọ trì kinh Phật?

Đáp: Ngài Thích Đạo An chép: Trong kinh Thập Nhị Du có chép: Ngài A-nan được truyền Tam-muội ý Phật.

Kinh Kim cương Hoa chép: Ngài A-nan được truyền pháp tánh, giác ngộ Tam-muội.

Hỏi: Sự thật là tai nghe, sao lại xưng tôi nghe?

Đáp: Gồm có bảy ý nghĩa nên gọi là tôi nghe.

1. Phật có dạy gọi là tôi nghe, nay thuận lời Phật nên nói là tôi nghe.

2. Lúc kiết tập pháp, ngài Ca-diếp hỏi A-nan lần đầu tiên Phật nói pháp ở chỗ nào? A-nan liền đáp tăng chúng gọi là “tôi nghe như vầy”.

3. Do người truyền pháp chứng minh để tin nên gọi là tôi nghe. Cho nên, nói ba thứ thời gian, nơi chốn, và người lại khiến sanh tâm tin.

4. A-nan nghe Phật nói pháp mà phát sanh ba tuệ, tự tại xưng tôi, nên nói là tôi nghe.

5. A-nan nghe Phật nói pháp tâm không tán loạn, như đồ vật không bị che đậy, tâm không quên sót như đồ vật không bị chảy, tâm không điên đảo như đồ vật không bị hôi. Ban đầu là định lực, kế đến là trì lực, sau hết là trí tuệ lực. Đủ ba lực tự tại, được gọi là tôi nên nói là tôi nghe.

6. Tai là riêng, tôi là chung, lập chung bỏ riêng nên nói là tôi nghe.

7. Tôi là gốc, tai là ngọn, lập gốc bỏ ngọn nên nói là tôi nghe.

Hỏi: Nghe cái gì, là người nghe, căn nghe, thức nghe hay trần nghe?

Đáp: Do nhân duyên nên nghe, nhân duyên nghe tức là không có chỗ nghe.

Vì thế Trung luận chép: Pháp do nhân duyên sanh tức là tánh vắng lặng, cho nên nghe rõ ràng mà không nghe, cũng không nghe rõ ràng mà nghe. Do nghe rõ ràng mà không nghe nên không hoại, giả danh mà nói thật tướng; do không nghe rõ ràng mà như nghe nên không động đến Chân-đế mà kiến lập các pháp.

Lại, nghe rõ ràng mà không nghe, nên là nghe không nghe, không nghe rõ ràng mà nghe, nên là không nghe cái nghe. Không nghe cái nghe đâu phải là nghe, nghe cái không nghe đâu phải là không nghe, cho nên chẳng phải nghe, chẳng phải không nghe gọi là Trung đạo. Nghe mà không nghe gọi là giả danh, cho nên luận rằng: cũng là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo.

Nhưng Trung đạo, giả danh tức là nhân duyên, cho nên trung gọi là giả trung, giả gọi là trung giả trung giả chẳng phải giả, giả trung chẳng phải trung, cho nên chẳng phải trung chẳng phải giả.

Nói tướng vắng lặng, chẳng phải biến chuyển pháp trước mới gọi là vắng lặng, tức là nhân duyên nghe xưa nay vốn vắng lặng, cho nên kinh này chép: các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng.

Hỏi: Nói chữ nghe này được lợi ích gì?

Đáp: Kinh chính là nói về đại sự nhân duyên, nghĩa là khai tri kiến Phật.

Tri kiến Phật gọi là bốn trí gồm: Như lai trí, trí Phật, Tự nhiên trí và Vô sự trí. Do biết rõ nghe không có chỗ nghe nên sanh trí Như lai, không có chỗ nghe mà nghe nên sanh trí Phật. Hai trí này liên tục hiện tiền nên gọi là trí tự nhiên, ba trí này không do thầy mà có nên gọi là trí vô sư. Nghe đã phát sanh bốn trí, nếu làm việc gì đều phải biết rõ nhân duyên và sanh bốn trí, vào tri kiến Phật.

Thời: Chữ "nhất thời": nghĩa là Phật nói kinh có thời gian nên đáng tin, nay nói lược bốn nghĩa:

1. Đức Phật nói pháp trong năm mươi năm gồm có nhiều thời, nay đối với nhiều thời kia mà nói kinh này nói trong một thời nên nói một thời.

2. Chữ nhất là một bộ kinh, bởi đây là thời gian nói một bộ kinh nên gọi là nhất thời.

3. Khi tâm chúng sanh hành có thể nhất, tức là khi căn cơ Nhất thừa phát, nói giáo pháp Nhất thừa, nên nói là nhất thời.

Hỏi: Tất cả kinh đều gọi là nhất thời, có thể nói đều nói Nhất thừa chăng?

Đáp: Kinh này chép: Những điều đã làm đều vì một việc, cho nên biết nói tất cả giáo pháp là vì khai mở một đạo, đều gọi là nhất thời.

4. Căn cơ và giáo pháp phù hợp không khác thời nên gọi là nhất thời.

Hỏi: Là giả thời hay thật thời?

Đáp: Luận Chánh Quán chép: Chư Phật hoặc nói ngã, hoặc nói vô ngã, trong thật tướng các pháp không có ngã, không có vô ngã. Nên nói rằng: Chư Phật hoặc nói giả, hoặc nói phi giả, trong thật tướng các pháp chẳng phải giả, chẳng phải phi giả.

Hỏi: Vì sao nói giả và phi giả?

Đáp: Giáo hóa đệ tử mà kiết giới, nên nói là thời phi giả; giáo hóa chung cả tại gia và xuất gia nên nói là thời giả danh, như trong luận đã nói rộng.

Phật: Thứ tư là nêu giáo chủ, sở dĩ nêu chữ Phật gồm có năm nghĩa:

1. A-nan trả lời ngài Ca-diếp. Ca-diếp hỏi rằng: Lần đầu tiên Phật nói pháp ở chỗ nào. Vì thế nêu chữ Phật.

2. Nếu không nêu Đức Phật mà chỉ nói năm món thành tựu kia, thì không biết kinh này là ma nói hay Phật nói, là nội đạo nói hay ngoại đạo nói. Nay muốn phân biệt tà, chánh, nội, ngoại, cho nên nêu chữ Phật.

3. Trong Phật pháp có năm hạng người nói pháp đó là: Phật nói, đệ tử nói, chư nói nghiêng lệch, tiên nhân nói và hóa nhân nói. Nay muốn nói kinh này là Phật nói, chẳng phải người khác nói, cho nên nêu tên Phật.

4. Vì chúng sanh đời sau nghe Phật nói thì khởi lòng kính tin sâu xa cho nên nêu tên Phật.

5. Vì muốn thành tựu kinh cho nên nêu tên Phật. Hễ là Phật nói cũng phải nêu tên Phật, đệ tử nói càng phải nêu tên Phật, như kinh Duy Ma Cật, Thắng-man.v.v. đều nêu tên Phật. Nếu không nêu tên Phật thì không thành kinh.

Phật có ba nghĩa:

1. Tự giác, khác với kẻ phàm phu.

2. Giác tha, khác với người Nhị thừa.

3. Giác hạnh tròn đầy, khác với Bồ-tát.

Nếu y theo sự phán xét từ trước nói có ba hạng Phật thì chẳng phải nghĩa giác.

1. Nếu kinh này nói về Phật còn là vô thường thì chỉ là giác ở vô thường mà chưa ngộ về các pháp thật, cho nên không gọi là giác.

2. Nếu nói kinh này là che tướng nói về thường, đã là che giấu thì vẫn chưa giác, nên không gọi là Phật.

3. Nếu nói kinh này nói về Phật định là thường trụ, tức là thường kiến còn là vô minh, nên không gọi là giác. Nay nói chữ giác, là giác ngộ các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cũng chẳng phải là bốn câu nội ngoại, tột cùng liễu gipháp ác thật nên gọi là giác.

Hỏi: Trong kinh này thì chỗ nào có văn nói về nghĩa ấy?

Đáp: Phẩm Như lai Thọ Lượng chép: Như lai biết đúng như thật tướng của ba cõi, không có sanh tử, hoặc thoái đọa, hoặc ra ngoài, không có tại thế và diệt độ, chẳng thật, chẳng dối, chẳng như, chẳng khác, sáu đường chẳng có, bốn loài cũng không, chính là ý này.

Tiếng nước ngoài gọi Phật là trống trời, lúc giặc muốn đến trống trời tự kêu, lúc giặc muốn đi trống trời cũng kêu, khi trống trời kêu thì tâm chư ma trờịnh mẽ, lúc trống trời kêu thì Tu-la kinh sợ. Chúng sanh có phiền não đến thì Đức Phật liền nói pháp, chúng sanh hết phiền não thì Đức Phật cũng nói pháp. Lúc Phật nói pháp tâm đệ tử mạnh mẽ, lúc Phật nói pháp thì các ma kinh sợ.

Trống trời vô tâm nên có thể làm bốn việc, đức Như lai tuy nói pháp nhưng cũng vô tâm, cho nên nói Phật ví như trống trời. Lại nữa, Đức Như lai tuy giác mà thật không có chỗ ngộ, dụ cho trống trời tuy kêu mà vô tâm.

Xứ: Chữ trụ, nay lấy nghĩa là năng trụ, cho nên ý nghĩa chữ trụ thuộc về Phật. Trụ có hai thứ, là thân trụ và tâm trụ, thân trụ có bốn nghĩa:

1. Hóa xứ trụ: Chư Phật mười phương mỗi Phật đều có cõi nước riêng.

2. Dị tục trụ, Chư Phật trong ba đời thường là trú ở ià lam.

3. Chưa xả tuổi thọ trụ: Phật chưa nhận lời xin của ma vương nên có tuổi thọ vô lượng, do nhận lời xin mà chỉ ở lại đời hơn tám mươi năm và xả tuổi thọ. Luận Tạp Tâm chép: Xả phần thứ năm của tuổi thọ, Bởi tuổi thọ trong một trăm năm thì hai mươi năm làm một phần, Phật nhận

lời xin của ma vương mà xả tuổi thọ hai mươi năm, chỉ còn lại tám mươi năm, cho nên nói xả tuổi thọ phần thứ năm. Pháp Hoa cách Niết-bàn gần, nên là xả thọ phần Trụ.

4. Oai nghi trụ, nghĩa là đi đứng nằm ngồi đều gọi là Trụ.

Tâm trụ cũng có bốn nghĩa:

1. Thiên trụ: là trụ nơi bố thí, giữ giới, tinh tấn, nhẫn. nhục, thiền định, trí tuệ.

2. Phạm trụ: là trụ ở bốn tâm vô lượng.

3. Thánh trụ: là trụ ở Tam-muội, Không, Vô tướng, Vô nguyện.

4. Phật trụ: là trụ ở mười lực. v.v.

Đức Như lai đầy đủ tám thứ trụ này, tức là không trụ mà trụ, trụ mà không có chỗ trụ, cũng như ngài Văn-thù không đến mà đến, đến mà không có chỗ đến, cũng như phẩm Sư Tử Hống trong kinh Niết-bàn biện luận trụ ở rừng Sa-la.

Thành Vương Xá là phần thứ năm nói về trụ xứ: nói phải có nơi chốn cho nên đáng tin. Đây khác với ngoại đạo hoặc nói kinh là từ trong hư không trao cho, hoặc nói từ loài chim đỏ ngậm đem đến, đều không có căn cứ. Trụ xứ lại có hai nghĩa: đó là xứ chung và xứ riêng. Ngay cả hình người còn không có nơi nhất định, huống chi nơi chốn mà thường sao? Chỉ vì ý nghĩa thành tín nên phải nương theo quanh co để nói. Lại nữa, giáo hóa gồm cả nơi ồn náo và thanh tịnh nên nói cả tên núi, tên thành.

Nước tên là Ma-già-đà, Hán dịch là Bất Hại, người tuy phạm tội mà không bị hình phạt giết nên gọi là Bất Hại. Thành tên ương Xá, nước nhỏ thì gọi là thành, như nước Tỳ-da-ly cũng gọi là thành Tỳ-da-ly, nay là nước lớn cho nên nước và thành có khác. Tiếng nước ngoài nói đủ là La Duyệt-kỳ Ma-ha Già-la. La-duyệt-kỳ Hán dịch là Vương Xá, Ma-ha tức là lớn, Già-la dịch là thành, trong mười sáu nước lớn và sáu thành lớn thì thành này là lớn nhất, cho nên gọi là đại thành Vương Xá.

Luận Trí Độ chép: Sau khi Phật diệt độ, vì nhân dân ngày càng ít cho nên vua A-xà-thế mới bỏ thành lớn này xy6 một thành nhỏ, nhưng đối với các thành khác thì vẫn còn lớn, huống là thành Vương Xá cũ?

Thiện Kiến Tỳ-bà-sa chép: Thành ấy rộng mỗi bề ba trăm do tuần, có tám ức muôn hộ dân, có tám muôn thôn xóm, ấy là thành Vương Xá.

Hỏi: Sáu thành lớn đều có nhà của các vua, sao chỉ có thành này gọi là Vương Xá?

Đáp: Luận Trí Độ có ba cách giải thích: Thuở xưa vua Ma-ha-đà

sanh con có một đầu, hai mặt và bốn tay, người bấy giờ cho là điềm xấu nên chặt đầu và thân rồi đem quăng ở chỗ vắng, có quỷ La-sát nữ tên là Lợi-lam bèn ghép thân ấy lại và dùng sữa nuôi, sau thành người to lớn có sức lực có thể thâu tóm các nước, bắt lấy một muôn tám ngàn vua đặt ở năm ngọn núi này, rồi dùng sức lực trị vì cõi Diêm-phù-đề. Ý này nói về có nhiều vua ở thành này nên gọi là thành Vương Xá. Hai cách giải thích sau đều như văn luận. Lại có người chép: có vị vua không có chánh đạo, ngàn nước cùng phế vua và đặt ở Ngũ Sơn, sau đó vua suy nghĩ và sửa đổi lỗi lầm rồi cùng trị nước, cho nên gọi thành này là Vương Xá.

Ba Tạng Chân-đế dẫn lời trong luật Tỳ-bà-sa: Hễ khi có vua Chuyển Luân ra đời thì đều lần lược đến ở Ngũ Sơn, cho nên chỉ có thành này tên là Vương Xá.

Lại nữa, luật Tỳ-bà-sa giải thích rằng: Xưa có bốn vị Thiên Vương cùng đi nhặt sửa biển, tìm được cam lộ nhưng chưa chia, bèn cất nhà ở Ngũ Sơn để giữ, bảy ngày sau mới chia, cho nên gọi đây là Vương Xá. Trước thì nói vua loài người xây nhà sau thì vua cõi trời xây nhà.

Kinh Nhân Vương chép: vua Ban-túc bắt được ngàn vị vua và đem đến Ngũ Sơn, đây cũng từ ý nghĩa nhiều vua mà đặt tên. Các thành khác không có các việc này, cho nên chỉ riêng thành này là Vương Xá. Chung quanh Ngũ Sơn như ngôi thành, mà xây nhà ở trong đó, hai việc này hợp thành gọi là thành Vương Xá.

Hỏi: Nếu hai việc hợp lại gọi là thành Vương Xá, thì không nên có hai chỗ là núi và thành?

Đáp: Có tên là thành Vương Xá là do hai việc hợp lại mà nói, nhưng vua ở trong Ngũ Sơn lại xây thành riêng, cho nên có hai chỗ là núi và thành.

Núi Kỳ Xà Quật, Hán dịch là Thứu-đầu Sơn, bởi năm ngọn núi cao này mỗi ngọn đều có hình tượng, nay hòn núi này giống như đầu chim Thứu nên gọi là Thứu đầu. Sau khi Phật diệt độ, vua A-dục thấy đãnh núi này giống như chim Thứu, bèn sai thợ đẽo làm hai cánh, hai chân và đuôi, cho nên toàn bộ như hình chim Thứu. Trong Lục Đăng Địa Lý chép: Thành và núi cách nhau đến mười lăm dặm.

Hỏi: Tâm đại từ của Phật rộng cùng khắp, vì sao thường lại nói pháp ở thành Vương Xá?

Đáp: trong luận Pháp Hoa có hai nghĩa:

1. Muốn do nơi chốn mà biểu thị giáo pháp, tất cả các thành thì thành này lớn nhất, tất cả núi thì núi.này là cao đẹp nhất, đây biểu thị

kinh Pháp Hoa là trên hết trong các kinh.

2. Muốn thị hiện sự thành tựu công đức tự tại, ở đây chỉ nêu thành Vương Xá làm ví dụ, như vua tự tại ở thế gian, nói lên kinh này đứng đầu các kinh. Dùng Nhất thừa gồm nhiếp tất cả thừa, tất cả thừa quy về Nhất thừa.

Thích luận nói gồm có sáu nghĩa:

1. Vì muốn báo ân pháp thân, đức Như lai vốn thành đạo tại nước Ma-già-đà, vì muốn báo ân này cho nên Phật thường ngự ở đây.

2. Xứ này đất rộng dân nhiều, thọ nhận sự giáo hóa rộng rãi nên thường ngự ở đây.

3. Xứ này có nhiều vị, thông minh trí tuệ như ngài Ca-diếp, Xá-lợi-phất Lục sư, Trường trảo v.v,v.v... muốn hàng phục họ nên Phật thường ngự ở đây.

4. Nước này có hai anh em Long vương, thời gian luôn mưa nên trong nước không bị mất mùa, người xuất gia có thể giúp thân thì tu niệm cũng dễ nên Phật thường ngự ở đây.

5. Xứ này có nhiều Tinh xá, đất bằng phẳng lại có rừng trúc già lam, năm ngọn núi có năm Tinh xá, các nước khác có ít cho nên Phật thường ngự ở đây.

6. Là xứ này có hoa thơm cỏ lạ, yên tĩnh thanh khiết thật là nơi dừng chân của các Thánh, là chốn nương náu của thần tiên cho nên Phật thường ngự ở đây.

Chúng: Ở đây nói phần thứ sáu là đại chúng cùng nghe tức câu "dữ đại Ty-kheo chúng". Chương này lược chia thành sáu phần là: lai ý, định số chúng, quyền và thật, có và không, thứ lớp, đủ và không đủ.

Phần một: Nói lai ý, lược có mười nghĩa:

1. Là thành tựu sự nghe của A-nan, do A-nan cùng nghe với những người tối thắng, cho nên kinh truyền bá là đáng tin.

2. Vì nói lên đức hạnh của Phật, Phật là bậc tối thắng, đại chúng thường vây quanh nên đức hạnh của Phật càng tôn quý, đã tôn quý người thì phải thọ nhận pháp ấy.

3. Vì muốn phát khởi chánh kinh, như do ngài Xá-lợi-phất ba lần xin cầu mới khai thừa phương tiện, bày thừa chân thật, do Ngài Di-lặc ba lần xin mới bày thân phương tiện, thân chân thật.

4. Giúp Phật giảng nói giáo hóa, như Phật ba châu nói Pháp Hoa, các Thánh đệ tử nghe phần Tựa mà được lãnh ngộ cũng ba châu mà nói, ngài Di-lặc lãnh ngộ khen ngợi việc ấy cũng vậy.

5. Là muốn cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Đức Phật,

như phần sau kinh có nói.

6. Là muốn phát thệ nguyện mở rộng kinh, như phẩm Trì và phẩm Như lai Thần Lực có nói.

7. Là muốn dẫn dắt chúng sanh đến với Phật.

8. Là muốn nghe Phật nói pháp để mong cầu sự giác ngộ sâu xa.

9. Vì muốn chứng minh kinh nên đến, như phân thân Phật nhóm họp.

10. Ví thực hiện giáo môn nên đến, như phẩm Diệu Âm, Quán Âm, tức dùng Bồ-tát để thành Phật sự cho nên đến.

Phần hai: Là môn ấn định số chúng, kinh này từ đầu đến cuối gồm có hai hội chúng, hội đầu nhóm hợp có hai mươi ba chúng, hội sau nhóm hợp có sáu chúng, hợp lại là hai mươi chín chúng. Trong hai mươi ba chúng gồm có:

1. Tăng chúng có hai chúng
2. Ni chúng có hai chúng
3. Bồ-tát chúng có năm chúng
4. Thánh chúng có năm chúng
5. Phàm chúng có mười tám chúng
6. Các tầng trời cõi Dục có mười chúng
7. Chúng cõi trời Thiền quang
8. Chúng cõi trời Quang âm
9. Chúng cõi trời Vô lượng quang
10. Chúng cõi trời Tứ thiên vương
11. Chúng cõi trời Đế-thích
12. Chúng cõi trời Tự Tại
13. Chúng cõi trời Đại Tự Tại
14. Cõi sắc có hai chúng
15. Chúng cõi trời Thi-khí
16. Chúng cõi trời Quang Minh.
17. Chúng cõi trời Đại Phạm có mười hai chúng

Trên đây là mười bảy chúng, cộng với sáu chúng đủ loại, thành ra hai mươi ba chúng, đọc trong văn dễ biết.

Hội sau gồm sáu chúng

1. Trong phẩm Hiện Tháp báu có chúng của Phật Đa Bảo
2. Chúng phân thân tập hội
3. Chúng ở cung rồng trong phẩm Đề-bà-đạt-đa
4. Chúng ở phương dưới tập hội trong phẩm tùng Địa Dũng Xuất
5. Chúng tập hội trong phẩm Diệu Âm Bồ-tát

6. Chúng tập hội trong phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát

Phần ba: môn quyền thật. Có người chép: Đại chúng cùng nghe đều là chúng thực hành nghe kinh. Có người chép: Đều là những vị quyền hành ảnh hưởng chứng minh kinh. Nay nói việc này thật khó biết! Nếu cho là chúng thật hành thì mất chúng ảnh hưởng, nếu đều là chúng ảnh hưởng thì không có chúng thọ nhận giáo pháp, cho nên hai nghĩa đều lấy.

Nếu là vua, là chủ, thường là quyền hành, nếu là quyến thuộc thường là thật hành. Chẳng Đại, chẳng tiểu, làm phương tiện Tiểu để dẫn dắt Tiểu quyến thuộc đồng quy về Nhất thừa cho đến chẳng phải Thánh, chẳng phải phàm, làm phương tiện phàm để dẫn dắt quyến thuộc phàm cùng nhập pháp môn không hai.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Các Bồ-tát đều là bạn lành đời trước của Phật Lô-xá-na.

Luận Niết-bàn chép:

Nói đại chúng nhóm họp nhiều là nói lên thần thông bất khả tư nghị.

Luận Pháp Hoa giải thích chúng có bốn hạnh:

1. Hạnh Thanh văn, như phẩm Tựa nói các chúng Thanh văn.

2. Hạnh Bồ-tát, như phẩm Tựa nói các chúng Bồ-tát.

3. Hạnh Bất định, như Bồ-tát Thiện Thủ thị hiện làm bốn chúng, tám bộ v.v...

4. Định hạnh: người xuất gia hình nghi hoàn toàn nhất định. Do đây mà biết đại chúng gồm đủ cả quyền và thật.

Phần bốn: Là có và không. Ngài Long Thọ chép: Kinh Tiểu thừa ban đầu không có chúng Bồ-tát. Kinh Đại thừa ban đầu có đủ hai chúng Đại thừa và Tiểu thừa. Nhưng lời nói nầy là chưa tận cùng ý nghĩa. Các kinh Đại thừa gồm có bốn câu.

1. Chỉ có chúng Bồ-tát, không có chúng Thanh văn, như bảy hội Hoa Nghiêm.

2. Chỉ có chúng Thanh văn, không có chúng Bồ-tát, như kinh Kim cương, Bát-nhã.

3. Có đủ cả hai chúng, như kinh Pháp Hoa.

4. Không có cả hai chúng như kinh Kim Quang Minh.

Hỏi: Vì sao kinh Kim Quang Minh lại không có hai chúng?

Đáp: Lúc Phật Thích-ca ở núi Linh Thứu riêng nhập vào chánh định Tam-muội, chưa có chúng nhóm hội nên không có chúng đồng nghe, những người có lòng tin đều mộng thấy, đến sáng hôm sau đại

chúng mới cùng đến chỗ Phật.

Phần năm: Là nói về thứ lớp. Đại chúng chia thành ba phần riêng, trước là chúng Thanh văn, kế là chúng Bồ-tát và sau cùng là chúng Phàm phu.

Hỏi: Nếu theo thứ lớp số lớn thì chúng Bồ-tát trước, rồi đến chúng Thanh văn, sau cùng là chúng Phàm phu. Nếu theo số nhỏ thì chúng Phàm phu trước, rồi đến chúng Thanh văn, sau cùng là Bồ-tát. Nay vì sao nói chúng Thanh văn trước, rồi đến Bồ-tát, sau cùng là Phàm phu?

Đáp: Như phẩm Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Ngũ Trược, thì trước nêu Bồ-tát sau nêu Thanh văn, đây là ý nói đức hạnh mà làm thứ lớp từ cao quý đến yếu kém. Kinh này trước nêu Thanh văn sau nêu Bồ-tát là theo thứ lớp lấy hình tướng bên ngoài, tâm Thanh văn có đủ trí đoạn hình tướng đầy đủ pháp nghi, tâm và hình đều cao quý nên nêu trước. Tâm Bồ-tát tuy ngộ đạo nhưng hình tướng thì bất định, hoặc là đạo hoặc là tục, tâm cao quý nhưng hình tướng thì yếu kém nên nêu thứ hai; tâm và hình tướng phàm phu đều kém cho nên nêu sau cùng. Đây là xét theo hình nghi bên ngoài theo thứ lớp từ cao quý đến yếu kém.

Phần sáu: Là nói đủ và không đủ. Theo kinh Nhân Vương thì có chúng biến hóa, chúng Duyên giác, chúng cõi trời Vô sắc. Theo kinh Đà-la-ni thì có chúng địa ngục, nhưng hội này không có. Theo văn sau của kinh này thì có đủ bốn chúng tám bộ và chúng vua Chuyển Luân. Nay phần Tựa không có vua Chuyển Luân, trong tám bộ lại không có hai bộ chúng là Dạ-xoa và Ma-hầu-la-già, trong bốn chúng thì không có chúng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Lại chia chúng Thanh văn làm hai loại, trước là tăng, sau là ni. Vì sao nêu tăng trước ni sau, đây có bảy nghĩa:

1. Vì nam tôn quý, nữ thấp hèn, nên nêu tăng trước ni sau.

2. Vì tăng vào đạo trước, ni vào đạo sau.

3. Vì tăng làm thầy, ni làm đệ tử.

4. Vì tăng truyền bá và nắm giữ chánh pháp, cho nên trong hai mươi lăm người đều là tăng. Ni thì không thể.

5. Vì tăng có thể kết tập kinh tạng Đại thừa Tiểu thừa; Ni không thể làm.

6. Văng tăng được ở chung với Phật, Ni thì ở riêng.

7. Vì chúng tăng đông, chúng ni ít.

Nêu Tăng chúng có hai phần, một là chúng hiển danh, hai là chúng mật hạnh. Trước đã chép: "Chúng sở tri thức", nên biết đây là chúng hiển danh, phần sau không nói chúng sở tri thức mà nói đồng được thọ

ký thành Phật, đây là chúng mật hạnh. Do thích ứng nhiều cách giáo hóa, cho nên bậc Thánh hoặc hiển bày, hoặc bí mật. Lại nữa, ban đầu chỉ thuần là chúng Vô học, cho nên nêu trước, kế đến là bao gồm cả chúng Hữu Học và chúng Vô học cho nên nêu sau, và cũng do số chúng trước nhiều hơn số chúng sau cho nên như.

Chúng Vô học theo văn chia làm sáu phần: danh hiệu chung, nêu số lượng, phân địa vị, khen đức hạnh, nêu tên và tổng kết.

1. Danh hiệu chung, như câu: “cùng chúng đại Tỳ-kheo”. Xuất gia mà chưa thọ giới cụ túc bất luận Thánh, phàm đều gọi chung là Sa-di, thọ giới cụ túc rồi thì Phàm hay Thánh đều gọi chung là Tỳ-kheo.

Nay nói chữ đại Tỳ-kheo, bởi trong Tỳ-kheo có hai phần là Đại và Tiểu; ba quả của phàm phu gọi là tiểu Tỳ-kheo, người chứng quả A la hán thì gọi là đại Tỳ-kheo. Lại nữa, La-hán cũng có hai bậc, La-hán độn căn thì gọi là tiểu, La-hán lợi căn thì gọi là đại. Nói về Đại, trong luận Trí Độ có chép: Đại là lớn nhất trong tất cả chúng, là đã dứt hết các chướng ngại lớn, được hàng đại nhân, vua, trời cung kính. Ba Tạng Chân-đế chép: Đại gồm có ba nghĩa:

1. Thắng đại, như bậc đại vương cao quý hơn mọi người nên gọi là đại. Các bậc La-hán là tối thắng trong hạng Học và Vô học nên gọi là Đại.

2. Hình lượng đại, thí như núi, biển, vì hình lượng lớn nên gọi là đại sơn, đại hải, các bậc La-hán có công đức và trí tuệ hết sức cao rộng nên gọi là Đại.

3. Vì số nhiều nên gọi là Đại, ví như đại quân do số binh lính nhiều mà gọi là đại, các vị La-hán với số lượng một muôn hai ngàn nên gọi là Đại.

Nếu y theo kinh này thì có hai nghĩa:

Đại Tỳ-kheo là nêu chương môn, năm đoạn dưới đây là giải thích chương môn.

1. Nói một muôn hai nghìn người là số đại
2. Đều là A la hán tức vị đại
3. Các lậu đã dứt là đức đại
4. Tên của vị ấy là danh đại.
5. Mọi người đều biết là tri thức đại

Tỳ-kheo gọi là khất sĩ, trên khất cầu giáo pháp của Như lai để tu tinh thần, dưới xin cơm của người thế tục để nuôi thân, cho nên gọi là khất sĩ. Người xin ở thế gian thì chỉ xin cơm áo mà không xin pháp, cho nên không phải là Tỳ-kheo. Lại nữa, Tỳ-kheo xin cơm nhưng khác với

sự xin ăn của người thế gian, lùi thì không có sự phiền lụy về cất chứa, tiến thì có công ban phước cho mọi loài. Đây là lợi mình lợi tha, khác với người xin ăn ở thế gian. Còn ý nghĩa Bố ma, Phá ác, Tịnh mạng thì trong luận Trí Độ có giải thích rộng.

Hai là nêu số, tức câu: “cùng một muôn hai nghìn người”. Đây là giải thích nghĩa chữ chúng ở trên, từ bốn người trở lên cho đến số một muôn hai nghìn người thì gọi là chúng. Sở dĩ nêu số nhiều vì có hai nghĩa:

1. Nếu A-nan cùng nghe với ít người thì không đáng tin, do cùng nghe với số đông nên đáng tin

2. Nếu số ít vây quanh Phật thì đức hạnh chưa đủ để tôn quý, đông người cung kính mới nói lên đức hạnh tôn quý.

3. “Đều là A la hán” là nói về vị thứ ba, tuy nói là đại Tỳ-kheo mà chưa biết được là người ở địa vị nào, cho nên phải nói về địa vị.

Lại nữa, dùng địa vị để giải thích chữ đại, do địa vị là Vô học cho nên gọi là đại Tỳ-kheo. Chữ A-la-hán là tiếng Phạm, gồm có ba nghĩa:

1. Sát tặc, tức là đùng dao trí tuệ để giết giặc phiền não, đây là dứt nhân tai họa, là nói ở hiện tại.

2. Bất sanh, tức vất bỏ hạt giống phiền não nên không sanh trong ruộng đời sau nữa, đây là luận dứt quả tai họa ở vị lai.

3. Ứng cúng: tức là đầy đủ trí đoạn đáng thọ nhận cúng dường. Trong Luận Pháp Hoa gồm có mười lăm nghĩa để giải thích chữ cúng dường, nay nói lược đại ý, nghĩa là bên trong hợp với chân lý nên bên ngoài đáng cúng dường. Trong Tập Tâm dịch chữ La-hán là Vô trước, cho nên kinh dịch chữ A La Ha cũng là Vô trước, nghĩa là Như lai không mê đắm điều gì, là bậc chí chân đẳng chánh giác.

Là khen ngợi đức hạnh, tức câu: “các lậu đã hết” trở xuống: Trên là nói về địa vị La-hán, nay nói về đức hạnh, tức là địa vị đức hạnh thành một căn. Phần trên tuy nói có nhiều người nhưng không có đức hạnh cao quý, không đủ để làm chứng lòng tin và nói lên đức tôn quý của Phật, các bậc này có đức hạnh cao quý nên thành hai nghĩa. Câu đều là A-la-hán là nêu tên La-hán, câu các lậu đã hết trở xuống là giải thích tên La-hán tức nêu lên một cặp. Trong phần khen ngợi đức hạnh, lại có sáu nghĩa giải thích: trên và dưới, chung và riêng, đắc và lìa, ba hạng người, ba đức, bốn trí.

Trên và dưới, tức trên dưới giải thích cho nhau, gọi là A la hán vì các lậu đã hết, nói các lậu đã hết vì không còn phiền não. Đây là dùng

dưới giải thích trên, sau là dùng trên giải thích dưới, nếu không còn phiền não thì được lợi mình, đã hết các kết lậu nên tâm tự tại.

Chung và riêng: La-hán là nói chung bốn câu dưới: các lậu đã hết, v.v... là nói riêng.

Được và lìa: Khen ngợi Bồ-tát dùng lợi mình lợi tha làm chính, khen ngợi Thanh văn dùng được và lìa làm tông. Trong bốn câu này thì cả hai cặp đều nói về được và lìa, cặp đầu y cứ lìa nhân tai họa hiện tại mà luận về được và lìa, cặp kế căn cứ lìa quả tai họa vị lai mà nói về được và lìa. Nói các lậu đã hết là khen ngợi lìa.

Hỏi: Trong được và lìa, vì sao trước khen ngợi lìa, sau khen ngợi phần được?

Đáp: Đây có hai nghĩa: ý căn bản và nghĩa trước sau.

1. Ý căn bản là người Thanh văn sở dĩ xuất gia tu đạo là do sợ già, bệnh, chết cho nên dứt trừ tham sân si. Do tâm tham dục đưa đến bệnh, do sân nhuế đưa đến già, do ngu si đưa đến chết. Như kinh Pháp Hoa chép: Thuê gã cùng tử hốt phân, bởi đây là đại tông của Tiểu thừa.

2. Nghĩa trước sau tức là người Tiểu thừa ham thích Niết-bàn vô vi an vui, nhưng trước phải dứt phiền não sau mới được Niết-bàn, cho nên trước lìa sau được. Trong phẩm Tín Giải chép: Trước hỏi giá cả rồi mới hốt phân.

Nói các lậu đã hết, gồm có ba lậu:

- Tất cả phiền não trong cõi Dục trừ vô minh, gọi là dục lậu
- Tất cả phiền não trong cõi Sắc, Vô sắc trừ vô minh, gọi là hữu lậu
- Vô minh trong cả ba cõi thì gọi là vô minh lậu.

Hỏi: Các kinh sao không nói các lậu như bốn lưu, bốn thủ, cho đến mười sử v.v... mà chỉ nói về lậu tận?

Đáp: Ba lậu là tóm lược ý nghĩa tất cả, lại dùng vô minh làm gốc, nên bao gồm hết các tên lỗi lầm, người bộ khác nói có bốn lậu, thêm phần kiến lậu. Hoặc nói có bảy lậu: kiến lậu, tư duy lậu, hai phần này là thể của lậu, thọ lậu và niệm lậu, hai phần này là nhân lậu mà nói lậu, còn ba lậu căn bản trên là duyên theo lậu mà nói lậu. Luận A-tỳ-đàm cho rằng phiền não là thể của lậu, khổ và tập đều có ở lậu nên gọi là lậu. Luận Thành Thật cho rằng bỏ lý lấy tướng tâm thì gọi là lậu, vì tâm có ở lậu nên gọi là hữu lậu.

Kế là nói câu: không còn các phiền não.

Hỏi: Ba lậu gồm hết một trăm lẻ tám phiền não, vì sao nói không còn phiền não?

Đáp: theo luận Trí Độ, trong phần khen ngợi "lìa" gồm có hai thứ:

- Các lậu đã hết là riêng khen ngợi lìa
- Không còn phiền não là tổng khen ngợi lìa.

Ba lậu là một trong các khoa nên gọi là riêng. Các Ách, Lưu, Kiết, Phược, Triền, Cấu gọi chung là phiền não, tức gọi là chung lìa, đây là chung riêng một cặp.

Ý theo luận Pháp Hoa thì các câu lậu đã hết là nói về chương, không còn phiền não là giải thích chương. Vì không còn phiền não cho nên các lậu đã hết, đây là một cặp nêu tên và giải thích. Theo ý Luận Thành Thật thì do tâm lấy tướng bỏ lý nên gọi là lậu, tức là căn bản, thập sử phiền não gọi là ngọn. Các lậu đã hết là dứt trừ căn bản, không còn phiền não thì ngọn cũng mất nghĩa là nói một cặp gốc ngọn. Theo luận Tỳ-đàm chép: Đắc Tận trí nên gọi là lậu tận, đắc Vô sanh trí nên gọi là không còn phiền não. Lại thẳng theo văn giải thích thì do các lậu đã hết nên không thể khiến tâm phiền, không thể khiến tâm não nên nói không còn phiền não. Nói được lợi mình tức khen ngợi sở đắc, phiền não đã hết tức được Niết-bàn, nhưng quả Niết-bàn chỉ thuộc về La-hán, không thuộc về ba quả dưới, nên gọi là lợi mình. Luận Tỳ-bà-sa chép: Giải thoát là tên gọi chung Hữu học và Vô học, tên gọi Niết-bàn là chỉ riêng bậc Vô học, ý luận Pháp Hoa cũng như vây, chứng Niết-bàn nên gọi là lợi mình. Lại nữa, tài sản thế gian thuộc năm nhà thì không gọi là lợi mình, vật báu xuất thế gian chỉ thuộc về người tu hành nên gọi là lợi mình. Lại nữa, Bồ-tát tu hành chỉ vì lợi tha, người Nhị thừa tu tập chỉ vì mình nên gọi là lợi mình.

Diệt hết các hữu kiết, đây là nói về được và lìa. Hữu là ba cõi, kiết là kiết chiêu cảm ba cõi ở vị lai, do dứt hết kiết chiêu cảm ba cõi, cho nên kiết ba cõi cũng diệt, vì thế nói diệt hết các hữu kiết. Luận Trí Độ chép: Kiết gọi là chín kiết. Tham, sân, si, mạn, vô minh, năm độn sử này lấy làm năm kiết. Thân kiến, tà kiến, biên kiến, ba kiến này xếp vào kiến kiết. Giới thủ, kiến thủ, xếp vào thủ kiết, năm lợi sử này làm hai kiết. Lấy hai triền san tham và ganh ghét trong mười Triền hợp làm chín Kiết.

Hỏi: Vì sao chỉ nêu san tham và ganh ghét?

Đáp: Trong luận Tạp Tâm chép: Hai loại này chỉ là bất thiện, lại nó chỉ tự sanh riêng cho nên nói riêng. Luận Tỳ-bà-sa chép: Do Đế-thích và Tu-la, cho nên chỉ lấy san tham và ganh ghét đưa vào phần cửu kiết. Đế-thích thì bỏn sẻn thức ăn cam lộ mà ganh ghét gái đẹp của A

tu-la, Tu-la bỏn sẻn gái đẹp mà ganh ghét thức ăn cam lộ của Đế-thích. Vì vậy nên xếp san tham và ganh ghét vào phần chín kiết.

Câu: tâm được tự tại là nói về phần được, do không bị phiền não ở hiện tại sai khiến, lại không bị chiêu cảm kiết ràng buộc trong ba cõi ở vị lai, cho nên tâm được tự tại. Lại nữa, đắc lợi mình là nói công đức vô vi, tâm được tự tại là công đức hữu vi. Cho nên hai phần lìa mà có, trước sau khác nhau, hai phần được thì giữa hữu vi, vô vi khác nhau. Trên đây đã giải thích xong phần được và lìa.

Giải thích ba hạng người: Ba câu đầu: Cùng chúng đại Tỳ-kheo, một muôn hai nghìn người, đều là A la hán, tức giải thích đức hạnh của bậc La-hán. Câu: diệt trừ các hữu kiết là phân biệt khác với bậc Hữu học. Câu: tâm được tự tại là phân biệt khác với phàm phu. Ba hạng người này theo thứ lớp.

Giải thích về ba đức: Hai câu đầu là giải thích ý Sát tặc, đắc lợi mình là giải thích nghĩa Ứng cúng, hai câu sau là giải thích nghĩa Bất sanh.

Giải thích về bốn trí. Hai câu đầu là giải thích sự sanh tử của ta đã hết, đắc lợi mình là giải thích trí phạm hạnh đã lập, dứt trừ kiết các hữu là giải thích không còn thọ thân sau, tâm được tự tại là giải thích trí tạo tác đã xong.

Hỏi: Bốn câu này thuộc về trí nào?

Đáp: Luận Tỳ-bà-sa chép: Sự sanh tử của ta đã hết là thuộc về Tận trí; ba câu sau là thuộc về Vô sanh trí. Lại nữa, hiểu được sự sanh tử của ta đã hết là khổ trí, phạm hạnh đã lập là đạo trí, việc làm đã xong là diệt trí, không thọ thân sau là tập trí.

Là nên tên, tức câu: "Tên các vị ấy là".

Trước tuy là khen ngợi đức hạnh mà chưa biết tên các vị ấy, cho nên phải nêu tên. Các kinh nêu tên gồm có hai phần:

1. Y theo đức hạnh cao quý hay yếu kém để làm thứ lớp, như phẩm Đệ Tử trong kinh Tịnh Danh chép: Vì khiến đến thăm bệnh thì phải có trí tuệ biện tài.

2. Trong hai mươi mốt người này đều là theo thứ lớp xuất gia đắc đạo, cho nên lấy trước sau làm thứ lớp.

Kinh Thập Nhị Du chép: Lúc Phật mới thành đạo vào năm thứ hai nói pháp cho năm vị, năm thứ ba giáo hóa cho ba anh em Ca-diếp, năm thứ năm độ ngài

Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, do ngài Kiều-trần-như đắc đạo trước nhất cho nên nêu tên trước. Trong luận Phân Biệt Công Đức chép rằng:

Người lớn nhất trong Phật pháp là Kiều-trần-như, người nhỏ nhất là Tu-bạt-đà-la.

Hỏi: Vì sao kinh này lấy việc đắc trước sau làm thứ lớp?

Đáp: Thuở xưa chia một làm ba thì bắt đầu từ người này, nay gom ba về một cũng đối với đây, do ngài Trần-như ban đầu lãnh thọ sự giáo hóa nghiêng lệch nên làm gốc chê bỏ cho giáo nay.

Tên "A-nhã-kiều-trần-như", tên này có đầu có đuôi. Kiều-trần-như, Hán dịch là Hỏa khí, tên này vốn là từ họ mà gọi, A-nhã là tên sau khi đắc đạo mới thêm vào. Chữ A là nghĩa không, chữ Nhã là trí do ngộ "không" mà sanh trí nên gọi là A-nhã, đây là đạo tục đều nêu hợp cả tên và họ.

Hỏi: Những người khác cũng ngộ "không" mà sanh trí, vì sao không gọi là A-nhã?

Đáp: Bởi Trần-như là người đắc đạo đầu tiên, ngộ "không" ngay trước Phật cho nên được tên này, mọi người đắc đạo sau lại được tên khác. Kinh Vô Lượng Thọ chép: " Tôn giả đã liễu ngộ cùng tận căn bản", Tôn giả tức là Trần Như.

Các kinh khác lại dịch A-nhã là Sơ Trí, A là Sơ, Nhã là trí.

Hỏi: Ai đặt tên này?

Đáp: Kinh chép: Cõi trời Tịnh cư thấy Trần Như đắc đạo đầu tiên nên gọi là A-nhã.

Tên "Ma-ha Ca-diếp", kinh Văn-thù vấn dịch là Đại Quy, là dòng họ lớn của nước Ma-già-đà, đây là từ họ mà đặt tên. Tên khác là Tất Bát-la, do ngài hạ sanh dưới cây Tất-bát-la nên gọi là Tất-bát-la đồng tử. Lúc còn ở thế tục cha mẹ ngài cầu nguyện thiên thần, có vị Phạm thiên giáng trần và gá sanh như các kinh khác có nói rộng.

Thập Bát Bộ luận Sớ chép: Tên gọi đầy đủ là Ca-diếp-ba, Hán dịch Ca-diếp là Quang, Ba là Ẩm, hợp lại là Ẩm Quang. Ẩm là họ của ngài. Đời thượng cổ có vị tiên tên là Ẩm Quang, do vị tiên này thân có ánh sáng làm cấp át các ánh sáng khác. Nay ngài Ca-diếp là dòng họ của vị tiên Ẩm Quang, tức lấy việc lấn át ách sáng làm họ, từ họ mà đặt tên là Ẩm Quang. Lại nữa, vị La-hán này cũng có việc lấn át ánh sáng. Thân Ngài có ánh sáng sắc vàng, do vàng Diêm phù đàn ở dưới đáy nước phát ánh sáng lên khỏi mặt nước, lúc vua Chuyển Luân ra đời có các Dạ-xoa đến lấy vàng này đem vào nhân gian đổi chác, vì thế trong nhân gian có vàng này, khi có vàng này thì các thứ vàng trong nhân gian không hiện ra, nhưng vàng này cũng không sánh bằng sắc vàng của ngài Ca-diếp cho nên ngài, cũng có tên là Ẩm Quang.

"Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp", ba ngài Ca-diếp dưới đây là ba anh em, chẳng phải cùng hạng với ngài Đại Ca-diếp Ưu-lâu-tần-loa, Hán dịch là Mộc Qua Lâm, hoặc là Ưu-lâu-tần-loa Tụ Lạc. Chỗ rừng này có năm trăm nhà, cho nên người dịch kinh nêu cả hai việc là rừng và nhà. Ngài ở trong rừng này tu đạo cho nên đặt tên như vậy, trước kia kinh dịch là Thượng thời Ca-diếp.

"Dà-da Ca-diếp", Dà-gia là tên thành, Hán dịch là thành Thiết Trượng, ngài ở nơi thành này tu đạo cho nên đặt tên như vậy, trước kia kinh dịch là Tượng đầu Ca-diếp, chỗ này có núi Tượng đầu, nên từ núi mà đặt tên, do chỗ này cũng có thành, cho nên nêu cả hai nghĩa.

"Na Đề", Na Đề là tên sông, trước kia kinh dịch là Giang Ca-diếp.

"Xá-lợi-phất", nói đầy đủ là Xá-lợi-phất-la, Xá-lợi dịch là Thân, Phất-la dịch là Tử, lược bớt chữ La nên chỉ nói là Xá-lợi-phất. Gọi Xá-lợi-phất có hai nhân duyên. Một là từ quá khứ do phát thệ nguyện đặt tên, thuở quá khứ Thích-ca là người thợ gốm, khi gặp Phật Thích-ca, Phật liền phát thệ nguyện, nguyện đời sau thành Phật hiệu là Thích-ca, đệ tử tên là Xá-lợi-phất, cho nên từ nguyện xưa nay mà đặt tên. Hai là từ mẹ mà có tên, do mắt mẹ Ngài như mắt chim Xá-lợi cho nên tên mẹ Ngài là Xá-lợi, mẹ Ngài là người thông minh bậc nhất trong các người nữ, do người đời tôn trọng mẹ ngài nên gọi ngài là Xá-lợi Tử, đây là người đời đặt tên. Các kinh xưa thì gọi là Thu Lộ Tử, Thu Lộ Tử là lấy tên loài chim, có người nói chim Xá-lợi giống như chim Thu Lộ.

Cha ngài tên là Đề-xá theo cha mà đặt tên nên gọi là Ưu-bà-đề-xá. Ưu Bà là theo, Đề-xá là tên một vì sao. Kinh chép: Ban đầu Phật thấy có hai người đi đến, bèn khiến đổi tên Đề-xá, trở lại chữ gốc là Xá-lợi-phất, do thệ nguyện ở quá khứ nên tên là Xá-lợi-phất, nên đổi tên như ngày nay.

Mục-kiền-liên", Mục-liên họ là Đại Mục-liên, là họ mẹ. Hán dịch là Tán Tụng, cũng dịch là Lai Phục Căn, tự là Câu-luật-đà. Cha mẹ ngài không có con nên cầu nguyện ở thần cây Câu-luật-đà, do đó mà sanh Ngài, và lấy tên cây để đặt tên. Ba Tạng Chân-đế chép: Nên gọi là Vật-già-la. Vật-già, Hán dịch là Hồ Đậu, chữ La dịch là Thọ, hợp lại gọi là Thọ Hồ Đậu, đây là họ Ngài.

Thuở xưa có một vị tiên tên là Vật-già-la, không ăn vật gì, chỉ ăn thứ đậu này nên gọi tên là Thọ Hồ Đậu, ngài thuộc dòng họ vị tiên này nên lấy đó đặt tên.

"Ca-chiên-diên", xưa dịch là Kiên Thừa, hai chữ này là lầm, nên

đọc là Phiến Thằng. Cha Ngài mất sớm, mẹ ở vậy nuôi con như dây đạn quạt nên gọi Phiến Thằng. Ngài Ba Tạng chép: Thuở xưa có một vi tiên tên là Hà-la, Hán dịch là Tư Thắng, vị này có đủ sự nghe và hiểu biết hơn mọi người nên gọi là Tư Thắng, thuộc dòng họ vị tiên này nên cũng gọi là Tư Thắng.

Chú Pháp Hoa kinh chép: Dòng họ ngài Ca-chiên-diên là lớn nhất trong môn đồ nên gọi là Đại, nay y như chú thích.

Luận Trí Độ chép: Có vị đạo sĩ dòng Bà-la-môn họ là Ca-chiên-diên, cũng lấy tên là Phiến Thằng, cho nên Ca-chiên-diên là họ, Phiến Thằng là tên của ngài.

"A-nậu-lâu-đà", Hán dịch là Như Ý, cũng dịch là Vô Bần. Thời quá khứ ngài cúng dường cho vị Bích-chi-phật một bữa ăn, do đó trong mười lăm kiếp được sanh về cõi trời thọ hưởng vui sướng sau cùng đắc quả La-hán, thường được như ý không có nghèo khốn, là con của vua Cam Lộ Phạn.

"Kiếp-tân-na", Hán dịch là Phòng Túc, là trú ngụ trong phòng Tăng. Do Phật thấy duyên đạo của ngài sắp khởi, liền hóa thành Tỳ-kheo cùng Ngài chung phòng tá túc qua đêm, do đây Ngài đắc đạo, nên lấy việc đó đặt tên. Lại nói rằng do cha mẹ ngài cầu đảo sao Phòng mà sanh ngài nên lấy đó đặt tên. Lại nói Kiếp-tân-na cũng là tên nước, từ nước mà đặt tên.

"Kiều-Phạm-Ba-Đề", Hán dịch là Ngưu Ty. Kinh Vô Lượng Thọ chép: Thời quá khứ tôn giả Ngưu Vương có làm Tỳ-kheo, có bứt một cọng lúa dưới ruồng người, bỏ vào miệng nhai xem đã chín chưa, có vài hột rơi xuống đất mà năm trăm đời làm trâu để đền trả. Nay gặp Phật Thích-ca và đắc đạo, chân xoặc ra giống như chân trâu, sau khi ăn còn nhai lại, do đó mà gọi tên. Đức Phật sợ kẻ phàm phu chê cười đắc tội, nên đã dẫn ngài đặt dưới cây Thi-lợi-sa trên cung trời Đao-lợi. Ngài là đệ tử của Xá-lợi-phất, cùng tụng luật với ngài Ưu-ba-ly, sau khi Phật diệt độ, ngài ở trên cõi trời mà nhập Niết-bàn.

"Ly Bà Đa", Hán dịch là Giả Hòa Hợp, như trong luận giải thích việc hai con quỷ ăn thịt người, cũng dịch là Ly Việt.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: Tôn giả là Đại hiệu.

"Tất-lăng-già-bà-la", Hán dịch là Dư Tập, cũng dịch là ác miệng. Thuở Phật còn tại thế, tất cả Tỳ-kheo trở xuống trừ Phật đều gọi là Hương Nhữ, cho đến mắng nhiếc thần sông Hằng do đây Phật chế giới, từ nay về sau không được nói Hương Nhữ. Nhớ lời Phật dạy cho nên theo đó mà đổi tên, ngài đã làm vị Bà-la-môn trong năm trăm đời cho

nên có tập khí kiêu mạn này. Lại giải thích rằng Tất-lăng-già là họ, Bà-sa là tên.

"Bạc-câu-la", Hán dịch là Thiện Dung. Do ngài giữ giới không sát sanh nên được quả báo năm điều không chết.

1. Bỏ vào nồi nấu không chết
2. Bỏ vào chậu luộc không chết
3. Xuống nước bị chìm không chết
4. Vào bụng cá không bị nát vữa
5. Dao chém không thương tổn

Kinh chép: Ngài xuất gia trong tám mươi năm mà mắt không nhìn mặt người nữ, không bước vào chùa ni, cũng không vì người nữ nói một câu kệ. Vua A-dục cúng dường và bố thí trải qua rất nhiều tháp, đến tháp Bạc-câu-la nghe kể lúc ở đời ngài sống rất thiểu dục tri túc, không nói pháp cho người nữ dù là một câu kệ, vua cúng dường tháp một tiền nhưng tháp ấy không nhận. Vua A-dục chép: đây thật là chân thiểu dục tri túc cho đến một tiền cũng không nhận.

"Ma-ha Câu-hi-la", Hán dịch là Đại Tất, đây là vị Phạm Chí có móng tay dài, là cậu ngài Xá-lợi-phất.

"Nan-đà", Hán dịch là Vui mừng, hoặc nói là Mục Ngưu, Nan-đà đợi người ở thô A Do mới được đắc đạo. Hoặc nói ngài thuộc dòng họ Thích, dòng họ Thích có mười muôn người xuất gia, Nan-đà là một trong số ấy, tánh rất mềm mỏng mà thông minh, có âm thanh bặt diệu.

"Tôn-đà-la-nan-đà", đây là Nan-đà em của Phật, do bà Đại ái Đạo sanh ra, thân cao một trượng năm thước hai tấc, lúc Phật đến thành Ca-tỳ-la hai ngày và độ cho ngài xuất gia. Chữ Tôn-đà-la Hán dịch là Đoan chánh, cũng dịch là mềm mại, vì muốn phân biệt với ngài Nan-đà trước nên dùng tên vợ để gọi.

"Phú-lâu-na", Hán dịch là Mãn, là con của vị Bà-la-môn ở thành Vương Xá xưa kia ông Ngài dẫn cha mẹ Ngài ra bờ sông cúng tế trời để xin con sắp bày hương hoa cúng dường Phạm Thiên và tụng các bài chú. Đến đêm mẹ ngài mộng thấy có người cầm đồ vật đựng đầy đồ báu đến trao cho, người này đặt trước bụng mẹ ngài và đồ báu ấy bỗng nhiên đi vào bụng. Khi tỉnh dậy bà nói cho chồng nghe, người chồng bảo: Đây là vị Phạm Thiên đem con đến cho, đứa con này ngày sau sẽ là của báu, có thể hiểu biết tất cả. Do đây sanh ra ngài rất thông minh, học được tất cả kỹ thuật của thế gian, sau xuất gia thì đắc quả La-hán, lúc Phật nói pháp có thể tụng trì, khéo hiểu ý nghĩa, hàng phục ngoại đạo. Do điềm mộng là vật đựng thứ báu và hiểu biết nhiều nên gọi là Mãn.

"Di-đa-la", Hán dịch là Từ Hạnh, trong Tứ Viđà có tên phẩm này, mẹ ngài trì tụng và lấy đó đặt tên là Từ Hạnh.

Chữ Ni dịch là nữ, nước Thiên-trúc gọi nữ là Ni, gọi nam là Na, nhưng tên Phú-lâu-na thì có nhiều nên lấy tên mẹ để nêu. Đại ý chữ Mãn là con của bà Từ Hạnh. Xưa nói Phú-lâu-na cũng không khác trên. Di-đa-la cũng dịch là thiện tri thức, có chỗ gọi là Mãn Nguyện Tử.

"Tu Bồ-đề", Hán dịch là Không sanh, bởi lúc sanh Ngài thì các vật đều trống không. Thầy tướng nói: đứa con này chắc chắn là người hiểu về Không bậc nhất nên gọi là Không Sanh, cũng gọi là Thiện Cát. Nước Xá-vệ có Trưởng giả tên là Câu-lưu, vì không có con nên cầu xin thiên thần mà được, về sau lớn lên xin Phật xuất gia theo Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn và làm Tỳ-kheo, ấy chính là ngài.

"A-nan", Hán dịch là Vui mừng, một là do hình dáng khôi ngôđẹp đẽ người thấy vui mừng, hai là sanh ra trong đêm Phật đắc đạo, nghĩa là sanh trong ngày vui mừng nên gọi là Hoan Hỷ, ba là đời quá khứ có phát nguyện tên là Hoan Hỷ. Chi Đạo Lâm dịch là Bác Môn, hoặc là Vô Nhiễm Trước, do lúc mới chứng Sơ quả còn phiền não, nhưng thấy Long nữ cõi trời mà không khởi tâm nhiễm ô, vì vậy tên là Vô Nhiễm, là con của vua Hộc Phạn.

"La-hầu-la", Hán dịch là Phú Chướng, do sáu năm ở trong thai, bị thai che lấp nên gọi là Phú Chướng. am tạng chép: Phú Chướng vốn là tên của A-tu-la, A-tu-la này có thể lấy tay che mặt trăng, nếu dịch đầy đủ là Chướng Nguyệt Phật Tử, cho nên đặt tên này là mượn thí dụ để gọi. Phật tự chép: "Chánh pháp của ta như mặt trăng, người con này che lấp mặt trăng, muốn xuất gia học đạo mà có người con này sẽ chướng ngại, tuy là chướng ngại nhưng Như lai có thể xả bỏ. Phật tự chép: Trong đời quá khứ, La-hầu-la đã nhiều lần làm chướng ngại đạo, ta cũng nhiều lần có thể xả bỏ. Lại có tên là Cung Sanh. Phật xuất gia rồi Da-du mới có mang, dòng họ Thích tra vấn, Da-du đáp: Xin đợi sau khi sinh con sẽ chứng nghiệm. Sau khi sinh con, Da-du đốt đống lửa lớn rồi ôm con mà lập lời thề rằng: "Nếu chẳng phải con Phật thì mẹ con đều bị cháy". Nói xong bèn nhảy vào đống lửa, lửa liền tắt, mẹ con Da-du không hề gì, Dòng họ Thích nói rằng: Thật đúng là con Phật. Về sau Phật đến thành Ca-tỳ-la bảy ngày và độ cho La-hầu-la xuất gia.

Tổng kết: tức câu: "các vị mà mọi người đều biết như thế". Đại A-la-hán, luận Pháp Hoa chép: Đến bờ bên kia nên gọi là Đại A-la-hán. Luận Tạp Tâm gọi là: Thanh văn Ba-la-mật, cũng là một nghĩa mà thôi.

Câu chúng sở tri thức, luận Pháp Hoa nói có hai hạng chúng:

1) Vua trời, vua người là đại chúng tri thức.

2) Thanh văn, Bồ-tát, Phật là Thánh chúng tri thức

Biết đức hạnh bên trong, thức hình tướng bên ngoài. Lại nữa, chúng xa thì biết, chúng gần thì thức. Có biết mà không thức v.v... có bốn câu.

Lại có bậc Hữu Hữu học, Vô học gồm hai nghìn người: Câu này nêu mật hạnh của chúng. Trong sáu đoạn trên thì có phần nêu địa vị và số lượng nói về hạnh này, ba quả dưới thuộc về bậc Hữu học, quả La-hán là bậc Vô học, đều là tâm hội lý, có sự tấn cầu đầy đủ nên gọi là Hữu Hữu học, Vô học, đây đã là người có mật hạnh thường là Đại thừa phương tiện, nên y cứ Bồ-tát để nói về Hữu Hữu học, Vô học. Từ hàng Sơ địa trở lên cho đến Thất địa có công dụng đạo gọi là Học, từ Bát địa trở lên, vô công dụng đạo gọi là Vô học. Trong Đại phẩm có nói về Bồ-tát Hữu Hữu học, Vô học, tức nghĩa này. Lại nữa, trước nói là đại La-hán, hai nghìn người nầy đức hạnh chưa tròn đầy, chẳng phải chỗ kính ngưỡng của đại chúng, cho nên nói riêng.

Câu "Ma-ha Ba-xà-ba-đề", trở xuống,v.v... là nêu Ni chúng, cũng chia làm hai hạng: Đại danh văn chúng và Tiểu danh văn chúng. Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Hán dịch là Đại ái Đạo. Da-du-đà-la, Hán dịch là Danh Thinh. Kinh Biệt Hữu chép: Đà La là con gái của Kiền-kiền-bà, Kiền-kiền-bà có con trai tên là Lạc Thần, sanh con gái là Ngọc nữ, trong các người con gái có Danh Thinh. Bà Đại ái Đạo và Đà-la có thứ lớp trước sau, theo thế gian thì mẹ chồng cao, con dâu thấp theo luật thì Ba-xà-bà-đề vào đạo trước, Da-du vào sau.

Hỏi: Kinh Vị Tằng Hữu, kinh Tu Thái Noa và kinh Thụy Ứng đều chép: La-hầu-la là con của Cù-di, như kinh Pháp Hoa thì nói con của Da-du, Kinh chép: Da-du là vợ thứ hai, Cù-di là vợ thứ nhất. Vì thế kinh Thập Nhị Du chép: Thái tử có ba người vợ, thứ nhất tên là Cù-di, thứ hai tên là Da-du tức là Da-du-đà-la, thứ ba tên là Lộc-dã, ba người này mỗi người thống lãnh hai muôn thể nữ cho nên thái tử có sáu muôn thể nữ. Vì sao có hai nói khác nhau?

Đáp: La-hầu-la đúng là con của người vợ thứ hai, Cù-di là mẹ lớn, do các kinh khác nêu tên người mẹ lớn, kinh Pháp Hoa nêu tên người mẹ sanh ra La-hầu-la cho nên không trái nhau. Cù-di Hán dịch là Minh Nữ, Luận Đại Trí Độ chép: Cù-tỳ-đà là Bảo Ngọc Nữ cho nên không mang thai, Cù-tỳ-đà tức là Cù-di, tức là đã làm chứng cho việc này.

Lại nữa, kinh chép: Phật có ba người con, đó là Thiện Tinh, Ưu-

ba-ma-na và La-hầu-la, do ba phu nhân sanh ra, nhưng Cù-di không sanh con được đây là người mẹ lớn có nuôi nấng nên nói.

Kinh chú thích rằng: trong ni chúng chỉ nêu hai người này, không phải chỉ nêu người thân thuộc, mà do hai tên này để giao cho tông chỉ. Kinh Tịnh Danh chép: Trí độ Bồ-tát là mẹ, lấy phương tiện là cha, pháp hỷ là vợ, do muốn nói lên sự tu độ của mình từ nghĩa này mà sanh khởi, theo lời nói mà hiểu nghĩa, có thể không thấy tướng mà an tâm sao.

"Bồ-tát Ma-ha-tát", thứ hai là nói chúng Bồ-tát, sở dĩ nói chúng Bồ-tát gồm có ba ý:

1) Muốn chứng minh A-nan nghe kinh là có thể tin, nếu A-nan cùng với người Tiểu thừa nghe Đại pháp thì chưa đáng tin, nay cùng người Đại thừa nghe Đại pháp thì có thể tin.

2) Nếu người Tiểu thừa vây quanh Phật thì đức hạnh của Phật chưa tôn quý, nay cùng bậc Đại thừa vây quanh thì đức hạnh của Phật mới tôn quý.

3) Muốn nói lên kinh Đại thừa, do kinh Thanh Văn ban đầu không có chúng Bồ-tát.

Lời văn này gồm sáu phần: Nêu danh hiệu chung, nêu số lượng, nói về địa vị, khen ngợi đức, nêu tên và tổng kết.

1) Là nêu danh hiệu chung, Bồ-tát nói đủ là Bồ-đề-tát-đỏa, Bồ-đề dịch là Đạo, là quả đạo vô thượng chánh biến tri. Tát đỏa dịch là chúng sanh, vì cầu đạo quả nên gọi Đạo chúng sanh. Xưa dịch là Đạo sĩ, tiếng ấy là tối thắng, mà sự học ở thế gian như đạo của Trương, Lý vốn gọi là Trị Đầu và Quỷ Tốt, sau trộm lấy tên Đạo sĩ của Phật pháp.

Hỏi: Người Ba thừa đều có Bồ-đề, vì sao hai hạng đầu không gọi là Đạo chúng sanh?

Đáp: Vì muốn nói lên ý nghĩa cao thấp của ba thừa. Đạo Tiểu thừa thấp, từ Thanh giáo mà đặt tên nên gọi là Thanh Văn. Trung thừa ít cao quý, từ nghĩa mà đặt tên nên gọi là Duyên giác, mười hai nhân duyên là pháp nghĩa. Đại thừa là tối thắng, từ quả đức mà đặt tên. Lại nữa, hai hạng đầu chẳng phải Trung đạo, cho nên không gọi là Đạo, hạng sau là Trung đạo, cho nên xưa là chữ Đạo. Chữ Ma-ha-tát đỏa, Ma ha dịch là đại. Luận Thập Địa chép: Đại có ba hạng: Nguyện đại, Hạnh đại, và độ chúng đại. Tát đỏa dịch là Chúng sanh, tức là đại chúng sanh.

Hỏi: Vì sao Thanh Văn, Duyên giác chỉ có một tên, Bồ-tát lại có cả hai tên gọi?

Đáp: Hai thừa trên chỉ có thể siêu phàm cho nên chỉ đặt một tên, Bồ-tát có đức hạnh vượt cả phàm Thánh cho nên có hai tên gọi. Bồ-tát

khác với phàm phu, do phàm phu không cầu ở đạo nên chẳng phải là Đạo chúng sanh. Ma-ha-tát cũng khác với hai thừa trên chỉ cầu đạo nhỏ, nay nói cầu ở đạo lớn nên gọi là Đại chúng sanh. Luận Nhiếp Đại Thừa Sớ có ba nghĩa giải thích:

a) Đầy đủ Bát-nhã nên gọi là Bồ-tát, đầy đủ đại bi nên gọi là Ma-ha-tát.

b) Đầy đủ tuệ chân thật nên gọi là Bồ-tát, đầy đủ tuệ phương tiện nên gọi là Ma-ha-tát.

c) Đầy đủ trí tuệ nên gọi là Bồ-tát, đầy đủ phước đức nên gọi là Ma-ha-tát. Đây là nội tâm đắc Trung đạo chánh quán, dựa theo đức mà đặt tên Trung đạo.

2) Nêu số lượng, tức câu: “tám muôn người” ở trên tuy nêu danh hiệu chung mà chưa biết có bao nhiêu người, cho nên ở đây nói về số lượng.

3) Nói về địa vị, tức câu: “đều Bất thoái chuyển đối với đạo Bồ-đề”. Ở trên tuy nói số lượng mà Bồ-tát gồm hai hạng, nói lược thì có mười bốn địa vị Hiền Thánh, nói rộng thì có năm mươi mốt địa vị. mười bốn địa vị Hiền Thánh gồm có: ngoại phàm và ba Hiền, Thập địa của nội phàm. Năm mươi mốt địa vị gồm có: Thập tín, Thập trụ; Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác địa. Diệu giác địa thuộc Phật địa, không thuộc Bồ-tát địa. Nay chưa biết người ở địa vị nào, cho nên nói về là người ở Vị Bất thoái chuyển. Nhưng trong văn kinh chỉ nói Bất thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề, chỉ vì xưa nói có ba hạng bất thoái: Vị Bất thoái, Hành Bất thoái và Niệm Bất thoái.

Giải thích ba hạng Bất thoái gồm có bốn nói khác nhau:

1) Trong Thập trụ thì sáu tâm trước chưa hiểu về Giả nên lui sụt tâm Bồ-đề là người Nhị thừa. Từ tâm thứ bảy trở lên đã hiểu về Giả nên gọi là Bồ-tát, chỉ thành tựu riêng tánh Địa mới thoát khỏi vị thoái chuyển.

Từ Sơ địa, cho đến Lục địa, mọi người tu tập có lúc không tiến lên, gọi là Hành thoái, Thất địa không có hành thoái, Địa thứ bảy có khi khởi ái tập còn có công dụng nên gọi là Niệm thoái. Từ Bát địa trở lên đã nhập đạo vô công dụng, không bao giờ có ba loại thoái trên nên gọi là Bất thoái chuyển.

2) Sáu tâm của ngoại phàm gọi là Vị thoái, từ tâm thứ bảy trở lên gọi là Vị Bất thoái, hai Bất thoái còn lại giải thích không khác trước.

3) Tập chủng tánh gọi là Vị Bất thoái, đạo chủng tánh giải hành thuần thục nên gọi là Hành Bất thoái. Từ Sơ địa trở lên đắc Vô sanh

nhẫn không còn Sanh tâm động niệm, nên gọi là Niệm Bất thoái.

4) Có người nói có bốn loại Bất thoái: Thập tín. Thập trụ là Tín Bất thoái; Thập hạnh là Vị Bất thoái, Thập hồi hướng là Hành Bất thoái, Thập địa là Niệm Bất thoái. Nay cho rằng kinh, luận khác nhau, khó có thể hiểu rõ ràng.

Kinh Bổn Nghiệp Anh Lạc chép: Trong Thập trụ thì trụ thứ sáu vẫn còn thoái tạo năm tộinghịch, huống chi là người Nhị thừa? Trong Thập Tín thì tín thứ sáu gọi là Bất thoái tâm, tức biết tử tín thứ sáu trở lên gọi là Bất thoái.

Luận Địa Trì chép: Chủng tánh Bồ-tát hoặc tiến hoặc lùi, tức ý này hơi có chỗ đồng với kinh Bổn Nghiệp. Nhưng thường là tâm thứ sáu của ngoại phàm đã thoát khỏi địa vị thoái, làm sao biết như vậy? Trong Thập Tín thứ sáu gọi là Bất thoái tâm, do năm căn đã lập nên về sau được Bất thoái, tức biết từ tâm thứ sáu trở lên không có thoái chuyển. Lại kinh chép: Bồ-tát Thập tín hành đạo trong mười ngàn kiếp.

Luận Nhiếp Đại thừa nói là tu hành trong một a tăng kỳ kiếp, mà Ngài Xá-lợi-phất hành đạo trong sáu mươi kiếp trụ và thoái ở tâm thứ sáu, đây là kính ngưỡng tín thứ sáu mà chưa đến tín thứ sáu. Nhưng kinh Anh Lạc chép: Lục trụ thoái. Ngài Long Thọ giải thích lời nầy rằng: Vì muốn làm cho, Bồ-tát Địa liền sợ hãi mau vào Sơ địa nên nói là thoái, thật ra là Bất thoái. Nay kinh nói Bất thối chuyển: Luận Pháp Hoa chép: Đó là hàng Bồ-tát Bát-địa trở lên thuộc Vị Bất thoái.

Hỏi: Kinh Tích La-hán chép: Thất địa bất thoái, cho nên A Bệ Bạt Trí nói việc Thất địa, Bát Chu Tam-muội nói việc Bát đia, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm làm rõ việc Thập địa. Nay vì sao nói Bát địa bất thoái?

Đáp: Thất địa đắc vô sanh nhẫn gọi là Bất thoái, Bát địa đắc vô công dụng nên gọi là Bất thoái, vì thế cũng gọi là Bất động địa.

Hỏi: Bất thoái và Bất chuyển có gì khác nhau?

Đáp: Kinh luận giải thích lời Di-lặc hỏi rằng: Được công đức bên trong gói là Bất thoái, được công đức bên ngoài gọi là Bất chuyển. Lại nói rằng: Đắc trí tuệ là Bất thoái, được công đức là Bất chuyển. Lại chép: Được Bát-nhã là Bất thoái, được phương tiện là Bất chuyển. Ý của luận Pháp Hoa là: Bát địa đắc vô công dụng, không bị công dụng làm động, lại không bị địa trên làm động, tự nhiên mà hành nên gọi là Bất thoái.

Bốn là phần khen ngợi đức, tức câu: "đều được Đà-la-ni" trở xuống. Sở dĩ nói khen ngợi đức, bởi ở trên nói địa vị, nay nói về đức

hạnh, tức là địa vị và đức hạnh cùng nêu. Theo luận Pháp Hoa thì trên nói chung về Bất thoái, nay giải thích riêng về Bất thoái. Luận Trí Độ chép: Trên nêu Bồ-tát Ma-ha-tát, nay nói đủ về đức này nên gọi là Bồ-tát, tức dùng đức để giải thích tên. Lại, muốn phân biệt bí mật để nói lên hai giáo. Nói lên giáo là giáo Tiểu thừa, nói Bồ-tát vẫn còn là phàm phu. Nay khen ngợi Bồ-tát được Vô sanh nhẫn đầy đủ sáu thông, phiền não thanh tịnh, gọi là bí mật giáo Đại thừa. Lại khen ngợi Bồ-tát, khiến mọi người tìm kinh mà bỏ Tiểu thừa tin Đại thừa. Văn khen ngợi đức chia làm bốn phần: khen ngợi đức hiện tại, khen ngợi nhân quá khứ, khen ngợi thật thể và khen ngợi danh hiệu. Ban đầu cả nhân và quả đều tốt, sau thì cả thể và danh đều khen ngợi, là lược nhiếp đức hạnh của Bồ-tát.

1) Khen ngợi đức hiện tại, trước khen ngợi tự hành, sau khen ngợi hóa tha.

Hỏi: Vì sao khen ngợi Đà-la-ni trước?

Đáp: Có hai nghĩa, một là Đà-la-ni là năng trì, các đức ở dưới là sở trì, cho nên trước khen ngợi gốc, sau khen ngợi ngọn. Ngài Tịnh Danh chép: Tổng trì là bao quanh, tức làm chứng việc này. Hai là trong pháp Tiểu thừa không nói Đà-la-ni, nay khen ngợi Bồ-tát Đại thừa, cho nên trước khen ngợi Tổng trì Đà-la-ni.

Hỏi: Trong pháp Tiểu thừa sao không nói về pháp Tổng Trì?

Đáp: Người Tiểu thừa vì sợ khổ sanh tử nên muốn mau chứng Niết-bàn, không muốn rộng tu các hạnh, vì thế không nói. Bồ-tát đã độ khắp chúng sanh, lại tu đủ các hạnh, muốn khi qua đời không mất sự tu hành trong nhiều kiếp, cho nên Phật vì nói pháp này. Tổng trì có hai nghĩa là giữ thiện không để mất và ngăn ác không để sanh.

Hỏi: Lấy gì làm thể của trì?

Đáp: Luận Trí Độ chép: Hoặc nói niệm, hoặc nói định hoặc nói tuệ, nay nói một chánh quán, tùy theo nghĩa mà khác tên, nhớ nghĩ không mất, có thể chiếu rõ thật pháp nên gọi là Bát-nhã. Luận chép: Ở tâm Thanh văn gọi là đạo phẩm ở tâm của Bồ-tát gọi là Đà-la-ni.

Hỏi: Trong đây nói về Đẳng trì nào?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Là Văn trì Đà-la-ni, nhưng Bồ-tát pháp thân đầy đủ văn nghĩa Đẳng trì, nay chỉ nói lược một loại đầu mà thôi.

"Nhạo nói biện tài": là khen ngợi hóa tha, trên là năng trì, nay nói về sở trì, do bên trong có đức tổng trì, bên ngoài có ngộ vật. Bồ-tát có bốn pháp vô ngại. Nay nói về đức hóa tha nên chỉ nêu pháp sau cùng là

nhạo nói biện tài. Nói nhạo nói biện tài gồm có hai nghĩa:

Một là Bồ-tát tự đắc pháp cao quý nên ưa nói pháp cho chúng sinh nghe, thí như cha mẹ được việc lợi nên vui mừng muốn trao cho con.

Hai là biết chúng sanh ưa thích nên nói pháp cho họ nghe, vì có đủ hai pháp này.

Nói biện có chung và riêng. Nếu đối cảnh mà phân biệt được thì bốn thứ đều gọi là biện, đó là ở mắt thì thấy, ở tai thì nghe, ở tâm thì trí, ở miệng thì nói, đây là nghĩa riêng. Mau chóng thích ứng căn cơ gọi là biện, lời nói bao gồm cả văn lẫn nghĩa thì gọi là tài, đây là nghĩa chung. "Xoay bánh xe pháp bất thối chuyển", ban đầu nói nghe pháp không quên, thứ kế nói bên trong biết căn cơ ham muốn, bên ngoài có lời nói vô phương, đủ hai món này mới có thể nói pháp cho người nghe.

Nay chính là nói về pháp được nói, tức ba câu thứ lớp. Thể của chánh quán vô sánh có thể làm gương mẫu thì gọi là Pháp, truyền bá viên thông ràng không buộc người nào thì gọi là luân, chánh quán Vô sanh không lụy không hoại cũng gọi là luân, sở đắc không mất gọi là bất thoái, từ mình đến người nên gọi là chuyển.

Hỏi: Ở đây khen ngợi người ở địa vị nào?

Đáp: Theo luận Pháp Hoa, ban đầu nói bất thoái chuyển là khen ngợi người Bát địa, đều được tổng trì nhạo nói biện tài là khen ngợi người Cửu địa, do Bồ-tát người Cửu địa đắc thắng tấn Đà-la-ni và mười loại, bốn vô ngại trí, ở địa vị Đại pháp sư. Xoay bánh xe bất thoái là khen ngợi người Thập địa, chỉ mình Phật mới có khả năng xoay bánh xe pháp, Bồ-tát Thập địa đã họ địa vị Phật, nên biết như Phật cũng có thể chuyển.

2) Khen ngợi nhân quá khứ, tức câu "cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật". Do nhân quá khứ mà có đức hiện tại, khen ngợi nhân quá khứ là giải thích đức hiện tại. Do quả rõ nhân vi tế, cho nên trước khen ngợi quả hiện tại sau khen ngợi nhân quá khứ, cũng có hai câu: Câu đầu nói cúng dường Phật, Phật là chân thiện tri thức của chúng sanh, các công đức trước do Phật mà có cho nên nói cúng dường Phật, cúng dường thì dùng hai thứ tài và pháp, hoặc thân miệng cung kính khen ngợi, gọi chung là cúng dường. Câu kế là: "Gieo trồng gốc các đức đối với Chư Phật". Tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật gọi là các đức, dùng các đức này làm gốc Bồ-đề nên gọi là gốc, Bồ-tát y theo giáo pháp tu hành tức là gieo trồng. Lại nữa, các đức là quả đức của Phật, tu hành là gốc của các đức; cũng như kinh Tịnh Danh chép: Đại trí là gốc, thực hành đều được thành tựu. "Thường được Chư Phật khen ngợi", trên nói

sự tu hành do Phật mà thành tựu, nay nói về đạo hợp với Phật. Nếu tu hành có thiện sở đắc thì sự tu hành trái với Phật, không phải là gốc Bồ-đề, cho nên bị Phật quở trách. Nay tu hành thiện vô sở đắc, tức đạo hợp với Phật, cho nên được Phật khen ngợi. Mà nói thường khen ngợi, là do Bồ-tát thường thực hành quán sát không mê đắm, không để tâm niệm gián đoạn, cho nên thường được Phật khen ngợi. Luận Pháp Hoa chép: Do dứt nghi nên được Phật khen ngợi.

3) Khen ngợi thật thể: tức câu "dùng đức từ để tu thân". Cũng có hai câu: ban đầu khen ngợi thân, sau khen ngợi tâm. Bồ-tát đã gieo trồng gốc đức, nay muốn dạy chúng sanh cùng gieo trồng gốc lành, nên vì chúng sinh mà thọ thân, cho nên khen ngợi thân. Người phàm phu, Nhị thừa do kết nghiệp huân tập nên thọ thân trong ba cõi. Bồ-tát dùng tâm vô duyên đại từ nên có thể hiện thân trong sáu đường. Ngài Tăng Triệu nói: Pháp thân vô sanh mà chẳng chỗ nào không sanh, vì vô sanh nên cửa các đường đều đóng, chẳng chỗ nào không sanh mà sanh năm đường. "Khéo hội nhập trí tuệ Phật" là phần khen ngợi tâm. Lại trước là khen ngợi công đức, nay là khen ngợi trí tuệ. Luận Trí Độ chép: Bồ-tát ở bậc Thất trụ định tuệ đều bình đẳng, đắc Vô sanh nhẫn nên gọi là nhập mắt Phật địa, nhưng vẫn là công dụng nên chưa gọi là khéo nhập. Nay khen ngợi Bồ-tát Bát địa là vô công dụng tâm gọi là khéo nhập. "Thông đạt đại trí", trong kinh luận thường nói tuệ môn thì chiếu không, trí môn thì chiếu hữu. Trên nhập tuệ chiếu không, của Phật, là dùng tâm Bát-nhã mà nhập Tát-bà nhã, nay thông đạt đại trí dùng phương tiện của Bồ-tát mà chứng nhập Nhất thiết chủng trí của Phật. Vì thế Bồ-tát dùng hai tuệ làm năng nhập, Như lai có hai trí là sở nhập, nhưng hai tuệ hai trí không có hai thể, do mê và ngộ khác nhau nên chia ra nhân và quả khác nhau. Cho nên nói rằng: ở tâm Bồ-tát gọi là Bà-nhã, ở tâm Phật gọi là Tát-bà-nhã.

Hỏi: Luận Pháp Hoa chép: Thông đạt đại trí là trí chiếu không, vì sao còn chiếu hữu?

Đáp: Như trước đã giải thích, trong kinh thường nói chiếu không là tuệ, chiếm hữu là trí. Nay luận nói chiếu không là trí, chiếu hữu là tuệ, tức lại có một nghĩa nầy. Đắc trí môn thì rõ cả không và hữu, cho nên phẩm Ba tuệ Bát-nhã chép: Biết tất cả pháp là một tướng, đó là Nhất thiết trí. Lại chép: Biết đủ các thứ tướng nên gọi là nhất thiết chủng trí, ở trí rõ cả không và hữu, nghĩa chữ tuệ cũng vậy. "Đến bờ giải thoát", trước khen ngợi hai tuệ năng chiếu, nay khen ngợi hai cảnh sở chiếu. Do hiểu cùng tận nguồn chân và tục nên gọi là đến bờ kia. Nên kinh Đại

Phẩm chép: Đến bờ kia của hữu vi, vô vi, tức là việc này. Lại nữa, trước khen ngợi năng liễu tuệ của Phật, tuệ ấy gọi là liễu ngộ quả Bồ-đề. Nay khen ngợi đến bờ giải thoát, tức liễu ngộ đức đại niết bàn của Phật. Lại, trước khen ngợi "quán" chẳng có gì là không rõ, nay khen ngợi "lụy" chẳng có gì là không vắng lặng, tức là bờ vắng lặng vậy, như nói xưa nay vắng lặng, tức là Niết-bàn.

4) Khen ngợi danh dự, tức câu "tiếng tăm truyền khắp" cũng có hai câu: Do đức bên trong đầy nên danh tràn ra ngoài. "Có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh", đức vững danh truyền cho nên có công độ khắp. Trong bốn lần khen ngợi trên mỗi lần đều có hai câu cũng là sự kế nối chặt chẽ, có thể tìm hiểu ý chỉ văn này. Luận Pháp Hoa dùng bốn phương tiện để gồm nhiếp các câu này:

Một là: Nhiếp thủ diệu pháp phương tiện, nghĩa là ban đầu đắc Văn trì Đà-la-ni, kế đến đắc Nhạo nói biện tài, sau là vì người xoay bánh xe pháp, tổng hợp ba câu này gọi là thâu lấy phương tiện diệu pháp.

Hai là: Nhiếp thủ thiện tri thức phương tiện: nghĩa là cúng dường Chư Phật, gieo trồng các gốc lành, thường được Chư Phật hộ niệm, gọi là gồm nhiếp phương tiện thiện tri thức.

Ba là: Nhiếp thủ chúng sanh phương tiện, nghĩa là không bỏ chúng sanh, do dùng đức từ tu thân nên không bỏ chúng sanh.

Bốn là: Nhiếp thủ trí phương tiện, là giáo hóa chúng sanh khiến chứng nhập trí Bát-nhã của Phật, tức là khéo nhập tuệ Phật, gọi là gồm nhiếp phương tiện trí.

Bốn phương tiện này là thứ lớp, có thể xét kỹ.

5) Nêu tên: tức câu "tên các vị ấy là": Ở trên tuy khen ngợi chung đức hạnh nhưng chưa nêu tên từng vị, nay nói về nêu tên.

Hỏi: Trong đây nêu tên mười tám vị, vì sao nêu ngài Văn-thù trước?

Đáp: Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh do Bồ-tát Diệu Quang xin mà nói kinh Pháp Hoa, Phật Thích-ca Mâu-ni cũng do ngài Văn-thù-sư-lợi xin mà nói kinh Pháp Hoa, đã có công khai mở giáo pháp cho nên nêu đầu tiên.

Hỏi: Vì sao do ngài Văn-thù mà nói kinh này?

Đáp: Do ngài Văn-thù giải thích sự nghi ngờ của đại chúng mà nói về Phật xưa nói kinh, rồi nói về Phật Thích-ca mở bày giáo pháp. Biết trước sự nhen nhúm nghi ngờ và chê bai trong chúng mà ngăn dứt, khai mở tin hiểu dần cho người, sau đó Phật Thích-ca mới xuất định nói

pháp, vì thế nói do ngài Văn-thù mà nói kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao không do Bồ-tát khác mà lại do ngài Văn-thù?

Đáp: Do ngài Văn-thù nên được khai thừa phương tiện, thừa chân thật, vì vậy nhờ ngài Văn-thù mà nói phần đầu kinh Do ngài Văn-thù là thầy Phật Nhiên Đăng, mà Phật Nhiên Đăng là thầy của Phật Thích-ca, do đây che xa mà nói, được nói thân phương tiện, thân chân thật, tức là phần sau kinh, văn dưới sẽ nói đủ. Lại nữa, ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Văn-thù là Bồ-tát có mặt khắp nơi, các pháp hội trong mười phương phần nhiều do ngài khai phát, cho nên nói nghiêng về ngài Văn-thù. Lại nữa, ngài Văn-thù là Phật Vui mừng Tạng Ma Ni Bảo Tích ở thế giới Vui mừng phương Bắc, trong hiện tại nếu ai nghe được danh hiệu Phật này còn diệt được bốn tội nặng, nay ngài thị hiện làm Bồ-tát để giúp đỡ Phật Thích-ca, do có công đức này nên nêu ở đầu. Lại nữa, Văn-thù có đủ Phật ba đời, đời quá khứ là Phật Long Chủng Tôn, đời hiện tại là Phật Ma-ni Bảo Tích, đời tương lai cũng thành Phật, cho nên nêu tên ngài trước.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm cũng nói tại thành Vương Xá, vì sao nêu tên Bồ-tát Bạt Đà trước?

Đáp: Bạt-đà là người cũ ở thành Vương Xá, kinh Đại Phẩm thì Phật tự khai nói, cho nên người cũ là khách làm thứ lớp. Kinh Pháp Hoa là do người khác mà khai nói, vì thế nên nêu ngài Văn-thù ở đầu.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm vì sao Phật tự khai nói, còn kinh này lại do người khác mà khai nói?

Đáp: Kinh Đại Phẩm là nói lên giáo pháp Bồ-tát thành Phật, nghĩa ấy rất dễ hiểu, do Bồ-tát không tự chấp thủ, lại có căn tánh lanh lợi. Kinh này nói lên để dạy người Thanh Văn, Thanh Văn còn tự chấp thủ, lại là căn tánh chậm lụt cho nên phải do ngài Văn-thù khai kinh. Văn-thù, Hán dịch là Diệu Đức, do thấy rõ Phật tánh, về đức thì chẳng gì không tròn đầy, sự hệ lụy chẳng gì không trừ sạch, nên gọi là Diệu Đức. Bồ-tát Quán Thế Âm ở phẩm sau sẽ giải thích rộng. Bồ-tát Đại Thế Chí: Những chỗ đi qua thế giới đều rung chuyển, không có đường ác. Thường Tinh Tấn: do chúng sanh thường có các khổ cho nên Bồ-tát thường phải cứu vớt, vì vậy nói Thường Tinh Tấn.

Bất Hưu Tức: ở trên lấy sự tinh tấn làm tên, nay lấy việc lìa lỗi làm tên, như cứu lửa cháy đầu, không thể dừng nghỉ.

“Bảo Chưởng”: Tay lấy ra các của báu ban phát không có cạn kiệt.

“Dược Vương”: Do đời quá khứ dùng thuốc để chữa bệnh, do

đây mà gọi tên. Nhưng Bồ-tát nầy có hai thứ thân. Một là Như Ý Châu Vương thân, có thể tùy ý ban cho tất cả thuốc, y theo đây đặt tên nên gọi là Bảo Chưởng. Hai là Dược Thọ Vương Thân, nếu ai thấy nghe thì chẳng khổ nào không diệt, y theo đây đặt tên nên gọi là Dược Vương.

"Dũng Thí": Bồ-tát hiểu rốt ráo về không, xả bỏ thân mạng tài vật mà không sanh khiếp sợ, nên gọi là Dũng Thí.

"Bảo Nguyệt", do trí tuệ sáng suốt mát mẻ không có ba độc nóng bức, quí giá như mặt trăng.

"Nguyệt Quang": do trí tuệ xua tan bóng tối, như ánh sáng mặt trăng.

"Mãn Nguyệt": các đức đều tròn đầy, chiếu sáng cùng khắp.

"Đại lực": Nói theo sự thì có thể rung chuyển cả Đại thiên, theo lý thì nếu có phiền não đầy ba cõi, người Nhị thừa mê muội, Bồ-tát có sức mạnh có thể phá trừ đại ác này, nên gọi là Đại lực.

"Vô lượng lực", theo sự thì có thể nhấc cả mười phương làm vô lượng lực, theo lý là lực Vô tướng, không dùng hữu lượng làm tên.

Vượt ba cỏi: Vì trí tuệ vượt khỏi đạo sanh diệt, vượt qua ba cõi.

"Bạt-đà-bà-la", Hán dịch là Hiền Thủ, gần sát bậc Thánh nên gọi là Hiền, mở rộng đạo vững chắc nên gọi là Thủ.

"Bảo Tích": Vì tài báu và pháp báu đều chứa nhóm đầy đủ.

"Di-lặc", Hán dịch là Từ Thị, do đời quá khứ gặp Phật Di-lặc mà phát nguyện lấy tên Di-lặc. Kinh Nhất Thiết Trí Quang Tiên Nhân chép: Thuở xưa, Di-lặc là vị tiên Nhất Thiết Trí Quang, gặp Phật Từ Thị nói kinh Từ Tâm Tam-muội, nên gọi là Từ.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Ban đầu chứng đắc Tam-muội từ tâm gọi là Từ.

"Đạo Sư", dùng pháp dẫn chúng sanh khéo đạt chánh tà, như người thầy đi biển khéo chỉ bày chỗ bằng phẳng, hiểm nguy.

Hỏi: Trang, Chu còn nói rằng: Đến như người vô tâm, thần nhân vô công, Bậc Thánh vô danh. Còn Bồ-tát pháp thân không thể dùng tượng để biết hình, không thể dùng trí để biết tâm, vì sao còn đặt tên?

Đáp: Kinh Niết-bàn chép: Đê-la-bà-di thật không ăn dầu mà gượng gọi là ăn dầu, Niết-bàn cũng như vậy, trong không có tên tướng mà gượng nói danh tướng. Niết-bàn là pháp sở thể nay đã không tên mà ép đặt tên, người thể theo đạo không tên mà gượng đặt tên. Đây là lời nói một chiều mà thôi, còn chưa đủ để hiểu trong ngoài. Còn như người chẳng danh chẳng vô danh, có thể danh, có thể vô danh; tuy có thể danh có thể vô danh mà bất động danh tướng của chẳng danh chẳng

vô danh.

Cho nên Thiên nữ vặn hỏi Xá-lợi-phất: Ngài tuy biết giải thoát là vô danh, mà chưa ngộ danh là giải thoát. Nay cũng vậy.

6) Phần tổng kết, tức câu: “như vầy đẳng” trở xuống.

Hỏi: Số lượng Bồ-tát đông nhiều, vì sao chỉ nêu mười tám vị?

Đáp: Tuy nói mười tám vị, mà bao gồm tất cả, như ngài Hiền Thủ,v.v... là Bồ-tát tại gia, ngài Văn-thù,v.v... là Bồ-tát xuất gia. Lại nữa, Di-lặc,v.v... là Bồ-tát sẽ thành Phật, Quán Âm,v.v... là Bồ-tát đã thành Phật. Văn-thù, Di-lặc ở cõi này, Quán Âm ở cõi khác, Hiền Thủ là người cũ ở thành Vương Xá, Bảo Tích là khách ở nước Tỳ Da ly, do bốn cặp này mà tóm thâu cả tám muôn người.

“Lúc bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân”: đây là nói chúng phàm. Trên nói về Thanh văn, Bồ-tát chắc chắn là Thánh chúng. Nay chẳng phải Đại thánh, Tiểu thánh nên chỉ bày phàm phu, vì vậy nói phàm chúng. Nhưng hễ Chư Phật giáng sanh thì có đồng hành, thân ở khắp trong sáu đường, lúc Phật nói pháp thì đều dẫn quyến thuộc của họ đồng vào Nhất thừa, vì thế theo chủ mà nói, thì phần nhiều là phương tiện.

Văn này chia hai phần là chúng ẩn và chúng hiển, chúng ẩn có đạo hạnh cao quý, có thế lực lớn nên nêu trước, chúng hiển đạo kém, không có thế lực nên nêu sau, tức là từ cao đến thấp. Như trước nói Thanh văn hơn Bồ-tát, tăng chúng hơn ni chúng, trước nói chúng khách, sau nói chúng cũ.

Trong phần chúng ẩn gồm có sáu chúng như trong văn đã nói trong sáu đường thì không có chúng địa ngục, do chịu khổ nặng nên không đến được. Kinh Đà-la-ni có nói chúng địa ngục, là có nhân duyên riêng, như văn ấy đã giải thích. Trong ba cõi thì không có cõi Vô sắc gồm có hai nghĩa: một là do các kinh Đại thừa, Tiểu thừa phần nhiều nói về cõi Vô sắc vì không có hình tướng nên không đến nghe pháp. Hai là nếu có hình thể nhỏ bé mà vì không có nhân duyên nên không thể đến.

Hỏi: Chỉ kinh Đại thừa nói cõi Vô sắc có hình sắc nhỏ, kinh Tiểu thừa có nói như vậy không?

Đáp: Kinh A-hàm chép: Cõi trời Vô sắc thấy Xá-lợi-phất Niết-bàn mà khóc như mưa. Tức biết Tiểu thừa cũng nói có sắc, nhưng theo phần nhiều mà nói Vô sắc mà thôi.

Trong tám bộ thì không có Dạ-Xoa và Ma-hầu-la-già, do lược cho nên nói.

Ban đầu nói chúng cõi trời gồm chúng cõi trời cõi Dục và chúng cõi trời cõi Sắc. Trước đây nói chúng thường là từ cao đến thấp, nay thì

từ thấp đến cao, gồm có hai nghĩa.

1. Nói lên ý Tiểu thừa: Trời cõi Dục có sơ nhập Thánh đạo, trời cõi Sắc thì không thể, tức là từ cao đến thấp.

2. Trời cõi Dục là đàn việt của Phật, là côi gần gũi Phật cho nên nêu trước.

"Thích-đề-hoàn-nhân", Tiếng nước ngoài nói đủ là Thích-ca-đề-hoàn-nhân-đà-la. Thích-ca là Năng, Đề-hoàn là Thiên, nhân-đà-la là Chủ, do trời ấy ở Pháp thiện đường giáo hóa khiến chư thiên hài lòng, nên gọi là Năng Thiên Chủ. Trong cõi trời ba mươi ba thì có ba mươi hai hần, bốn phương mỗi phương có tám vị thần thành ba mươi hai, một trời giữa là chủ, thành ra ba mươi ba Trời.

Luận Đại Trí Độ chép: Trong Ba tạng thì nói Thích-đề-hoàn-nhân đắc quả Tu-đà-hoàn, trong Ma-ha-giảng nói ngài là Bồ-tát pháp thân. Lại nữa, Thích-đề-hoàn-nhân là họ, tên là Kiều-thi-ca, vốn là người cũ ở nước Ma-kiệt-đà, vì thế nêu tên trước.

Lại có "Minh Nguyệt Thiên Tử", Chú giải rằng: là thần phụ tá của Đế-thích. Có người chép: Nguyệt Thiên Tử là vua mặt trăng. "Phổ Hương Thiên Tử" là vua các vì sao. "Bảo Quang Thiên Tử" là vua mặt trời, là ba thứ ánh sáng cho nên nêu sau, ý này lấy từ kinh Chánh Pháp Hoa.

Lại có kinh chép: Quán Thế Âm tên là Bảo Ý. Làm thiên tử mặt trời, Đại Thế Chí tên là Bảo Cát Tường, làm thiên tử mặt trăng, Hư Không Tạng tên là Bảo Quang, làm thiên tử các vì sao.

"Bốn vị đại thiên vương cùng với quyến thuộc,v.v..." Phẩm Thế Ký trong Kinh Trường A-hàm nói về Bốn Thiên Vương rằng: cách núi Tu-di về phía Đông khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Đề-đầu-lại-tra tên là Hiền Thượng, rộng mỗi bề sáu ngàn do tuần, thành này tô điểm bằng bảy thứ báu. Cách núi Tu-di về phía Nam khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Tỳ-lưu-lặc-xoa tên là Thiện Kiến. Cách núi Tu-di về phía Tây khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Tỳ-lâu-bác-xoa tên là Châu-la Thiện Kiến. Cách núi Tu-di về phía Bắc khoảng ngàn do tuần có thành của Thiên Vương Tỳ-sa-môn, thành này có ba tên là Khả Úy, Thiên Kính và Chúng Quy, rộng mỗi bề sáu ngàn do tuần. Luận Trí Độ chép: Thiên Vương ở phương Đông tên là Đề-đầu-lại-tra, Hán dịch là Trị Quốc Chủ, thống lĩnh hai bộ quỷ thần là Kiền-thát-bà và Tỳ-xá-xà, ủng hộ người ở cõi Phất-bà-đề không bị quỷ thần xâm phạm. Thiên Vương ở phương Nam tên là Tỳ-lưu-ly, Hán dịch là Thêm lớn Chủ, thống lĩnh Cưu-bàn-trà và Tiết-lệ-đa, che chở

người Diêm-phù-đề không để cho xâm hại Thiên vương ở phương Tây tên là Tỳ-lưu-bác-xoa, Hán dịch là Tạp Ngữ Chủ, cai quản tất cả các rồng và Phú-đơn-na, che chở người Cù-da-ni không để cho xâm hại. Thiên Vương ở phương Bắc tên là Tỳ-sa-môn, Hán dịch là Đa Văn Chủ, cai quản Dạ-xoa và các La-sát, che chở người Uất-Đan-Việt không để cho xâm hại, cho nên gọi là Bốn Thiên Vương hộ thế.

"Tự Tại Thiên Tử trở xuống, Chú giải rằng: Tự Tại thiên tử tức là đại thần binh chủ của Đế-thích. "Đại Tự Tại Thiên Tử", là Ma-hê-thủ-la, tức là Thầy của Đế-thích.

Trên đã nêu hai vị trời đầu tiên của cõi Dục, Đế-thích đứng đầu cõi mặt trời, mặt trăng, tinh tú, còn bốn góc chung quanh làm thần. Nay nêu hai cõi trời sau ở cõi Dục là trời Hóa Lạc và trời Tha Hóa Tự Tại. Vì sao không nói cõi trời Dạ Ma và Trời Đâu-suất, do nêu bốn cõi trước và sau, thì hai cõi giữa có thể biết, vì vậy không nêu. " Chủ cõi Sa bà: đây là nêu chung các trời cõi Sắc. Thế giới Sa bà, Hán dịch là Tạp Ác, cũng dịch là Tạp Hội. Đại Phạm Thiên Vương tên là Thi-khí. Có người chép: Đại Phạm Thiên Vương là Phạm Vương ở cõi Sơ thiền, Thi-khí là Phạm Vương ở cõi Nhị thiền, Quang Minh Đại Phạm là Phạm Vương ở cõi Tam thiền. Chữ vân vân là những vị ở cõi Tứ thiền, như Ngài Quang Trạch đã giải thích.

Có người chép: Chủ thế giới Ta-bà là Ma-hê-thủ-la, là Phạm Vương ở cõi Tứ thiền, Thi-khí là Phạm Vương cõi Tam thiền, Quang Minh là Phạm vương ở cõi Nhị thiền, chữ vân vân là những vị ở cõi Sơ thiền.

Theo luận Trí Độ chép quyển thứ 1: Chủ cõi Sa bà là Phạm thiên vương tên là Thi-khí. Nói chủ cõi Sa bà, là nêu nơi chốn để nói lên người đứng đầu, Đại Phạm thiên vương ở địa vị này, Thi-khí là tên của vị chủ này. Trong kinh Kim Quang Minh cũng giải thích như. Thi-khí, Hán dịch là Hỏa. Có người chép: vị Phạm thiên vương này nhập định Hỏa Quang, trên đảnh có ánh lửa nên gọi là Hỏa.

Có người chép: Các vị Phạm thiên khác đều bị hỏa tai đốt cháy, riêng vị này không bị đốt cháy nên gọi là Hỏa.

Lại dịch là Đảnh Kế, có chỗ nói vị Phạm thiên này trên đảnh đầu có ngọn lửa như búi tóc, nên gọi là Đảnh Kế.

Kinh Trường A-hàm chép: Thi-khí là Phạm Vương ở cõi sơ thiền, cũng tên là Cưu-ma-la-già, Hán dịch là Đồng Tử thiên, do nhan sắc như đồng tử nên gọi như vậy, tay cầm linh, nắm phướn đỏ, cưỡi chim công.

Hỏi: Kinh Thập Địa nói Ma-hê đứng đầu ngàn thế giới, nay vì sao

nói Phạm Vương ở cõi Sơ thiền đứng đầu ba ngàn thế giới?

Đáp: Có bốn loại Phạm Vương:

1. Kinh chép: Trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Phạm vương, trăm ức Phi tưởng, đây là hạ phẩm Phạm vương.

2. Luận Trí Độ chép: Phạm vương đứng đầu ngàn thể giới, Trường A-hàm cũng nói như vậy, đây là thứ phẩm Phạm vương.

3. Bồ-tát Cửu Địa làm Phạm Thiên Vương, cai quản hai ngàn thế giới, đây là thượng phẩm Phạm vương.

4. Cai quản ba ngàn đại thiên thế giới, đây là thượng thượng phẩm Phạm vương. Ma Vương, vua Chuyển luân cũng có hai loại: Kinh Đại Tập chép: Có Ma Vương cai quản ba ngàn thế giới.

Kinh Đại Phẩm chép: Hóa thành vua Chuyển luân, cũng cai quản ba ngàn thế giới.

Vì thế không thể phán xét theo một chiều.

Hỏi: Thi-khí là vua cõi Đại thiên, vậy trụ ở trung gian thiền nào?

Đáp: Có trăm ức trung gian thiền, nay trụ ở trung tâm, như Phật trụ ở trung ương thế giới đại thiên. Quang Minh Đại Phạm, là vị Phạm thiên ở cõi Nhị thiền, cho nên cõi Nhị thiền gọi là Quang Âm, Thiểu Quang, Vô Lượng Quang.

"Có tám vị Long vương": phần này nêu long chúng, rồng là loài súc sanh kém trong các cõi. Nói chúng rồng sau trời là có bốn nghĩa:

1. Sức lực lớn nhất, trong năm thứ bất tư nghị thì rồng là bậc nhất.

2. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Rồng ác trợ giúp Tu-la, rồng thiện trợ giúp trời, nay là rồng thiện cho nên xếp ở sau chúng trời.

Luận Bà-sa chép: Lúc trời sắp đánh nhau với A-tu-la, trước sai rồng đi đánh, cho nên biết rồng giúp Trời.

3. Có ân đức điều hòa âm dương ởnhân gian, cho nên xếp ở sau cõi trời.

4. Giữ gìn ngàn tạng kinh Phật, nên xếp ở kế sau cõi trời.

Có sách chép rằng: Rồng là loài lớn nhất trong loài có vảy, có thể lớn hoặc nhỏ, có thể ẩn hoặc hiện, mùa xuân thì bay lên trời, mùa đông thì ẩn trong khe sâu.

Sách Quãng Nhã chép: Rồng có vảy gọi là giao long, có cánh gọi là phi long, có sừng gọi là cầu long, không có sừng gọi là ly long. Trong Phật Pháp nói rồng có bốn thứ sanh:

1. Noãn sanh: Chim cành vàng có thể ăn trứng sanh ra rồng.

2. Thai sanh: Chim cành vàng có thể ăn thai rồng và trứng rồng.

3. Thấp sanh: Chim cành vàng có thể ăn ba loài rồng sanh bằng trứng, bằng thai, và loài rồng sanh nơi ẩm ướt.

4. Hóa sanh: Chim cành vàng có thể ăn hết bốn loài rồng nầy.

Nan-đà, Hán dịch là Vui mừng.

Bạt Nan-đà, Hán dịch là Hiền Vui mừng, hai vị Long vương này là anh em, thường sai khiến gió không thành bão, mưa không làm lụt, người thấy đều vui mừng nên gọi là Vui mừng, xưa kia cũng ở thành Vương Xá cho nên nêu trước.

Ta-dà-la, có chỗ nói đây là theo tên nước mà gọi, do ở tại nước Ta-dà-a. Nước này có vị tiên ở gần, do nhà vua xúc phạm đến vị tiên, vị tiên liền đọc chú khiến nước này thành biển, rồng Tà-dà-la ở trong này, cho nên nói theo nước cũ mà đặt tên. Có chỗ cho rằng Tà-dà-la là tên biển này.

Hòa-thuyết-cát, Hán dịch là Đa đầu, rồng này có chín đầu gọi là Thủy sanh long, vì sống dưới nước.

Đức Xoa Ca, Hán dịch là Đa thiệt (nhiều lưỡi), rồng này ở trên mặt đất.

A-Na-Bà-Đạt-Đa, Hán dịch là Vô Nhiệt, đây là theo ao mà gọi tên, ao này ở trên đảnh Hương Sơn, phía Bắc Diêm-phù-đề và dưới vì sao Thiên Tề, nước ao mát mẻ nên gọi là Vô Nhiệt, trong ao có năm cây cột nhà, rồng ở trong ấy. Luận Trí Độ chép: Rồng này là Bồ-tát Thất trụ. Kinh Hoa Nghiêm chép: Đối với pháp môn mây lớn trùm khắp lìa được khổ nên được tự tại. Lại, giải thích Vô Nhiệt là: Tất cả loài rồng có ba thứ khổ, một là gió thổi, cát nóng dính vào thân, thân thể tan nát. Hai là: Gió thổi khiến mũ báu và y phục bay mất, thân rồng lộ ra, nên tâm sanh buồn khổ. Ba là lúc quyến thuộc rồng vui chơi, chim chim cành vàng vào cung bắt quyến thuộc của rồng mang đi, vì thế tâm sanh nóng bức. Lại nữa, kinh chép: Các loài rồng ăn cơm thơm ngon biến thành cóc nhái, hoặc thân có vảy ngược nên đất đá bám vào thân, lại khi giao cấu thân rồng lộ ra như hai con rắn quấn nhau. Nhưng loài rồng Vô Nhiệt không có các thứ khổ trên.

Ma-Na-tư Long Vương: Hán dịch là Từ Tâm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Lúc muốn làm mưa thì trước đó bảy ngày kéo mây, đợi khi làm xong việc mới cho mưa xuống, tức có tâm từ. Cũng dịch là Duyệt Ý. Ưu Bát La Long Vương, là lấy tên của ao sen. Có bốn vị Khẩn-na-la Vương.

Hỏi: Khẩn-na-la thuộc loài nào?

Đáp: Luận Tạp Tâm chép: Thuộc loài súc sanh.

Hỏi: Trong tám bộ chúng thì thường nêu tên sau Càn-thát-bà, nay vì sao nêu trước?

Đáp: Càn-thát-bà là loài quỷ thần, Khẩn-na-la là loài súc sanh cho nên nêu ở sau. Nay vì loài này tấu pháp nhạc nên nêu trước.

Khẩn-na-la, Hán dịch là Nghi Thần, cũng dịch là Phi nhân. Do thân hình giống như người mà trên đầu có một sừng, vì nghi ngờ chẳng biết có phải là người hay không, bèn dùng đó đặt tên. Khẩn-na-la Vương tên là Đồn luân Ma, gẫy đàn cầm khen ngợi Phật cho đến ngài Ca-diếp không thể tự an.

Pháp: là Khẩn-na-la Vương, tấu pháp Tứ Đế. Diệu Pháp: Khẩn-na-la Vương tấu pháp mười hai nhân duyên. Đại Pháp: Khẩn-na-la Vương, tấu pháp sáu độ. Trì Pháp: Khẩn-na-la Vương tổng trì ba pháp trên, tức là Đà-la-ni. Càn-thát-bà, Hán dịch là Hương Ấm, do vị này ăn hương ở hư không, lại nữa, thân thường toát ra mùi thơm nên gọi là Hương Ấm. Luận Trí Độ chép: Càn-thát-bà vương tên là Đồng Lũng Ma, Hán dịch là Thọ, ở trên mặt đất trong núi mười báu. Lúc chư thiên trổi nhạc, thân vị này có tướng khác lạ và bay lên trời, cùng với Khẩn-na-la nghỉ trên đó.

Nói Nhạc là gồm nhạc không tiếng, nhạc có tiếng, nhạc hay nhất trong nhạc không tiếng, nhạc hay nhất trong nhạc có tiếng.

Hỏi: Càn-thát-bà thuộc loại nào?

Đáp: thuộc loài quỷ, thuộc A-tu-la. A-tu-la, Hán dịch là Vô Tửu, do đời quá khứ giữ giới không uống rượu mà được quả báo thân này. Có chỗ nói do lấy các thứ hoa ủ ở biển để làm rượu nhưng không thành nên gọi là Vô Tửu.

Luận Tỳ-bà-sa cchép: Chữ A là không, Tu-la là đẹp đẽ, nghĩa là không đẹp đẽ, vì nam xấu nữ đẹp.

Trong kinh Đạo Hạnh do ngài Thích Đạo An dịch chép: Tu-la gọi là Chất Lượng, do thường siểm nịnh nên đặt tên này khiến Tu-la ngay thẳng, thành tín. Chữ Lượng là tín. Bà-tẩu Truyện chép: Là phi thiên, cũng chẳng phải khéo vui chơi, chư thiên dùng pháp thiện để vui chơi, Tu-la thường dùng pháp bất thiện để vui chơi. "Bà-trĩ", Hán dịch là Phược, người này là vị tiên phong trong loài Tu-la. Lúc đánh nhau với Đế-thích bị trói, do đó thệ nguyện được thoát ra nên xếp vào tên, cũng dịch là Tối thắng.

Hỏi: Vì sao Tu-la thường đánh nhau với Đế-thích?

Đáp: Luận Tỳ-bà-sa chép: Tu-la có gái đẹp mà không có thức ăn ngon, chư thiên có thức ăn ngon mà không có gái đẹp, hai bên ganh

ghét nhau nên đánh nhau.

"Khư-la-khiên-thái", Hán dịch là Quảng Kiên Giáp, hoặc dịch là Bảo Cẩm, hoặc gọi là Dục Cẩm.

"Tỳ-Ma-Chất-Đa-la", Hán dịch là Hưởng Cao, do vị này ở trong nước lớn phát ra âm thanh lớn, tự xướng rằng: Ta là Tỳ-ma-chất-đa-la, nên gọi là Hưởng Cao, cũng gọi là Các thứ Nghi, cũng gọi là Huyệt Cư, vì ở chỗ thấp nhất trong biển.

Tu-la có hai chỗ ở, một là trên các núi ở trong mặt đất, sức lực rất kém, hai là vùng biển phía Bắc núi Tu-di cách một van hai ngàn do tuần có La-hầu A-tu-la Vương, cai quản vô lượng chúng A-tu-la. Cách chỗ La-hầu phía dưới một muôn hai ngàn do tuần có Tu-la tên là Dũng-kiện, dưới chỗ Dũng-kiệm một muôn hai ngàn do tuần có Tu-la tên là Mỹ Kế. Dưới chỗ Mỹ Kế một muôn hai ngàn do tuần có Tu-la tên là Tỳ-ma-chất-đa, vì thế gọi là Huyệt Cư.

Kinh A-hàm chép: Chư thiên cõi trời Quang Âm xuống biển, chất bất tịnh chảy trong nước thành một cái trứng, trải qua tám ngàn năm sanh ra nữ Tu-la, thân như núi Tu-di có chín trăm chín mươi chín cái đầu, do nước đụng vào thân người nữ này mà sanh ra Tỳ Ma Chất Đa, thân hình gấp bốn mẹ mình, có chín đầu tám chân và chín trăm chín mươi chín tay, lấy Càn-thát-bà nữ ở Hương Sơn mà sanh ra Xá Chỉ.

"La-hầu A-tu-la Vương", Hán dịch Là Phú Chướng, cũng gọi là Hấp Khí.

Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Tu-la Vừa là quỷ vừa là súc sanh, mà La-hầu-là dòng dõi sư tử. Luận Bà-sa và kinh Già-đà chép: Tu-la có quỷ, có súc sanh, có chư thiên.

Hỏi: Vì sao Tu-la lấy tay che mặt trăng?

Đáp: Luận Bà-sa chép: Mặt trăng là quân tiên phong của Đế-thích, vì thế dùng tay che mặt trăng và muốn ăn mặt trăng. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Mặt trời mặt trăng phát ra ánh sáng che mắt Tu-la, khiến Tu-la không thấy chúng trời, vì thế dùng tay che. Ca-lầu-la Vương, Hán dịch là Chim cành vàng, do cánh và đầu của nó có mầu vàng nên do đó gọi tên. Kinh Hải Long vương dịch là Phượng Hoàng. Đại Oai Đức Ca-lầu-la Vương: do lúc ăn thịt rồng có oai đức lớn nên do đó gọi tên. Đại Thân Ca-lầu-la Vương: kinh nói hai cánh của loài này cách nhau ba trăm ba mươi sáu muôn dặm cõi Diêm-phù-đề chứa đủ một chân của nó.

Đại Mãn Ca-lầu-la Vương: các chim khác ăn thịt rồng thường không đủ no, chim này thường no đủ nên gọi là Đại Mãn.

Như Ý Ca-lầu-la Vương: chim này dưới cổ có hạt châu Như Ý, có chỗ nói không thể động. Có chỗ nói: Do ăn thịt ba loài rồng nên gọi là Đại Mãn, do ăn thịt đủ bốn loài rồng, có thế lực tự tại nên gọi là Như Ý.

"Con Bà Vi-đề-hy,v.v...", đây là phần nói về chúng cũ. Vi-đề-hy dịch là Tư Duy, cũng gọi là Tứ Duy. A-xà-thế, Hán dịch là Vị Sanh Oán, dùng việc của mẹ để nêu tên, lúc ấy đã hại cha rồi nên không nêu cha. Lại nói do quăng dưới đất bị gãy ngón tay, nên tên là Chiết Chỉ.

Kinh A-hàm chép: Vua A-xà-thế sám hối rồi còn đọa vào địa ngục Phách Cúc, từ địa ngục ra thành Bích-chi-phật. Kinh Niết-bàn chép: Nếu vua A-xà-thế không gặp đại thần Kỳ-bà, thì ngày mồng bảy tháng tới sẽ đọa địa ngục, nhưng đã sám hối rồi nên không đọa. Lại nữa, kinh chép: Sám hối rồi đắc Nhu thuận Nhẫn.

Sở dĩ có sự khác nhau giữa kinh Đại thừa và Tiểu thừa, do kinh Tiểu thừa lực kém, nên tội nặng được nhẹ, vẫn dọa vào địa ngục nhẹ. Kinh Đại thừa có sức lực mạnh nên tội nặng đều diệt, vì thế không đọa lạc.

Lại nữa, vua A-xà-thế hại cha mà thân chưa phát mụt ghẻ nên đến nghe kinh Pháp Hoa, đến thời Niết-bàn thân mới phát mụt ghẻ.

Kinh Niết-bàn nói là sẽ diệt năm tội nghịch, vua A-xà-thế thực hành phương tiện, muốn nói lên chánh giáo là có thể diệt tội, còn tà giáo thì không thể, vì chúng sanh mà làm bạn lành diệt tội, nên đến cuối mới phát bịnh. Kinh này không nói về dụng của diệt tội, nên thân không phát mụt ghẻ, mà nói về dụng cao quý của công đức, có chút việc lành đều được thành Phật. Vua A-xà-thế tuy gây ra năm tội nghịch mà không mất gốc lành nên cũng sẽ thành Phật, đây là vì chúng sanh mà làm bạn lành thành Phật, vì nghĩa này cho nên đến nghe pháp.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói vua A-xà-thế sám hối rồi đắc vô căn tín, các kinh khác nói đắc Nhu thuận Nhẫn. Như thuận nhẫn có hai chỗ là tâm Thập hồi hướng và Sáu địa, vì sao không giống nhau?

Đáp: Kinh Niết-bàn là căn cứ dấu vất nói là người tội, nên chỉ đắc tín tâm. Nếu nói đắc nhu thuận nhẫn thì mọi người liền cho rằng người phạm tội thật sự không thể diệt. Các kinh khác căn cứ nơi bản nên nói nhu thuận nhẫn, lại tùy duyên mà diệt tội nặng. "Mọi người lễ Phật rồi ngồi qua một bên,v.v...". Luận Trí Độ chép: Người thế tục là khách đến chỗ Phật, cho nên ngồi nghe pháp. Hàng Thanh Văn Bồ-tát là đệ tử, vì thế đứng hầu, cũng có thể đại chúng nhóm họp rồi, nay tổng kết nghi thức chúng nhóm họp nên nói rằng: Lễ Phật mà ngồi.

Pháp Hoa nghĩa sớ quyển thứ nhất hết.

Thượng tuần năm Quý Tỵ, Niên Hiệu Vĩnh Nhân, đại chúng chùa Quang Long đồng góp tịnh tài in bản Pháp Hoa nghĩa sớ quyển I.

Trộm nghĩ thuở xưa vua nhà Hán mộng thấy người vàng, mà hơn ngàn năm Tây Vực mới truyền pháp thượng thừa, đến bảy trăm năm mà chưa trọn nghe chân tông của ba luận, huống gì là nhất thừa Pháp Hoa nghĩa sớ! Tố Khánh tôi tuy sanh nơi miền biên địa xứ Phù Tang, nhưng may mắn gặp được tập sớ Pháp Hoa mầu nhiệm này, nếu không truyền bá kinh rộng rãi, e rằng sẽ bị mai một. Do đây cố gắng góp sức trọn một bộ để khuyến hóa khai mở tông chỉ Pháp Hoa, ngõ hầu thấm nhuần đạo mầu nhiệm ởhời tượng pháp mạt pháp muôn năm, thắp đèn chánh pháp ở ba hội Long Hoa, soi sáng bốn loài vọng chấp tám không chánh quán.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 2

PHẨM TỰA
(Phần 2)

"Lúc bấy giờ, đức Thế tôn được bốn chúng vây quanh", đây là nói phần khai phát tựa, gồm có sáu chương: Chúng nhóm họp, nói kinh, nhập định, hiện điềm lành, nghi vấn và trả lời câu hỏi.

Sáu chương này tựa chứng tín ở trước hợp thành mười hai phần tựa. Do chúng nhóm họp nên nói kinh, do nói kinh nên nhập định, do nhập định nên hiện điềm lành, do không hiểu điềm lành nên sanh nghi ngờ, do có nghi nên phải giải đáp. Do sáu phần này khai phát chánh kinh, nên gọi là khai phát tựa. Vì thế đoạn sau có chép: Nay Phật phát ra ánh sáng là giúp khai phát nghĩa thật tướng.

Hỏi: Vì sao do sáu việc này mà khai kinh Pháp Hoa?

Đáp: Do đại chúng nhóm họp tức là làm duyên cho giáo pháp, nên được nói kinh, vì thế chúng nhóm họp là phần tựa. Sắp nói gom ba thừa về một, nên trước nói từ Nhất thừa sanh ra ba, vì thế nói Vô Lượng Nghĩa làm phần tựa. Do Phật nhập Tam-muội một đạo thanh tịnh, tiêu biểu sẽ nói một đạo thanh tịnh, cho nên nhập định là phần tựa. Sắp nói thừa rốt ráo, nên trước hiện tướng rốt ráo,vì thế hiện điềm lành là phần tựa. Do hiện điềm lành mà phát sanh nghi vấn, nên xin ngài Văn-thù giải đáp, vì thế nghi vấn là phần tựa. Do ngài Văn-thù giải đáp mà Phật mới xuất định nói pháp, nên giải đáp là phần tựa. Sáu việc này chia làm ba phần: Phần đầu nói nhân duyên giáo pháp, ba việc kế theo là giáo pháp năng hóa, hai việc sau là Bồ-tát phát khởi giáo pháp. Ba phần giữa dùng ba việc làm tướng của Pháp Hoa:

1. Miệng nghiệp, nói nhiều pháp từ một sanh ra, tiêu biểu cho việc Pháp Hoa thâu nhiều quy về một.

2. Ý nghiệp, tiêu biểu cho việc Phật nhập Tam-muội nhất đạo, sau dó xuất định nói đạo Nhất thừa.

3. Thân nghiệp, tiêu biểu cho việc Phật nói tướng Nhất thừa, lại tiêu biểu cho chúng sanh nghe kinh được thành Phật.

CHƯƠNG I:

"Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn", đây là nêu vị Hóa chủ. "Bốn chúng vây quanh", luận Pháp Hoa chép: Từ đây cho đến hết câu "tôn trọng khen ngợi" vẫn là phần chúng nhóm họp, gọi là oai nghi như pháp trụ thành tựu, nói về đại chúng và trời, rồng nhóm họp.

Oai nghi tức là vây quanh trước sau, cho đến tôn trọng khen ngợi, nếu dối chiếu phần tựa chứng tín thì thuộc phần thứ sáu là đại chúng đồng nghe, nếu đối chiếu phần sau tức thuộc phần khai phát chánh kinh tựa. Vì sao như vậy? Vì bốn chúng nhóm họp sanh khởi ba nghiệp cúng dường, có lòng khát ngưỡng muốn nghe nên đức Như lai nói pháp.

Bốn chúng, có người nói hai chúng trời là Ma chúng, Phạm chúng, là lớn nhất trong cõi Dục, cõi Sắc. Và hai chúng cõi người là Sa môn, Bà-la-môn. Luận Trí Độ chép: Người trí tuệ chia làm hai hạng, tại gia gọi là Bà-la-môn, xuất gia gọi là Sa môn. Đức Phật là thầy trời người, nên nêu bốn chúng này. Thiền sư Khải chép: Bốn chúng gồm có:

1. Chúng ảnh hưởng, là chúng ngồi im lặng trong pháp hội.

2. Chúng phát giáo, là chúng khiến Phật khởi giáo pháp, như Xá-lợi-phất và Di-lặc.

3. Chúng đương cơ, là chúng lãnh ngộ chánh giáo.

4. Chúng kết duyên, là chúng nghe pháp mà chưa hiểu, chỉ kết nhân duyên xa mà thôi.

Nay theo văn kinh này thì bốn chúng chia làm hai nhóm, Thánh chúng có hai là Thanh Văn và Bồ-tát, phàm chúng có hai là chúng cũ và khách mới, đó là bốn chúng.

Phần văn sau nêu bốn chúng là hai chúng xuất gia, hai chúng tại gia.

Chữ vây quanh, Thích Luận chép: Đại chúng vây quanh tức khiến cho đức hạnh của Phật càng tôn quý, đã tôn trọng, thì người sẽ lãnh thọ giáo pháp ấy nên nói vây quanh. Ngoài ra còn có các Phạm thiên, Phạm Vương ở cõi trời Đao-lợi và Đế-thích vây quanh, tập Đàn Lâm Sư Tử cũng nói ý nghĩa như. Trời rảicác thứ hoa thơm gọi là cúng, dâng lên trước Phật gọi là dường. Khiêm tốn nể sợ gọi là cung, suy tôn trí đức gọi là kính, trong tất cả chúng sanh không ai bằng Phật gọi là tôn, tâm che chở còn hơn trời đất che chở gọi là trọng. Khen ngợi đức thật gọi là tán, tán chưa đủ lại còn xưng dương nên gọi là thán.

Tuy có bốn câu nhưng không ngoài ba nghiệp, hai câu đầu là thân nghiệp, câu thứ ba là ý nghiệp, câu sau là miệng nghiệp, tức khen ngợi, đây đều là việc trong kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh ấy chép: Do trời rải hoa thơm cúng dường, mà Bồ-tát Đại Trang Nghiêm Vương chấp tay cung kính tôn trọng, như dùng kệ thất ngôn khen ngợi gọi đó là khen ngợi. Người kết tập kinh đã lược bỏ ý kinh này, để khai phát phần chánh giáo.

CHƯƠNG II:

Là phần tựa nói kinh, tức câu "vì các Bồ-tát mà nói kinh Đại thừa", chương này gồm có hai nghĩa. Một là đối chiếu văn trước thì có đủ ba việc, "Lúc bấy giờ Thế tôn" tức nêu vị Hóa chủ, từ câu "Bốn chúng" trở xuống là nói người lãnh thọ giáo pháp, "nói kinh Vô Lượng Nghĩa" là giáo môn.

Vị giáo chủ như thầy thuốc giỏi, người lãnh thọ dụ cho người bịnh, giáo môn dụ cho thuốc hay. Đủ ba việc này thì sanh tử có lúc dứt, không đủ ba việc này thì trôi lăn vô tận. Như luận Tứ Bách Quán chép: Chân pháp, người nói, và người nghe là nan đắc, như vậy thì sanh tử chẳng có hữu biên vô biên.

Lại nữa, ở trên nói ba nghiệp cúng dường là phước của chúng sanh, nay nói kinh Đại thừa là phát sinh trí tuệ, đầy đủ phước và tuệ thì Phật đạo có thể thành.

Hai là đối chiếu theo văn sau, tức là sáu chương khai phát tựa thì ở đây thuộc chương thứ hai là tựa nói kinh. Do nói kinh Vô Lượng Nghĩa mà kinh Pháp Hoa được nói, cho nên nói kinh gọi là tựa. "Vì các Bồ-tát", ở đây nói giáo pháp được nói là vì người.

Hỏi: Trên đã nói bốn chúng vây quanh, nay vì sao nói riêng vì Bồ-tát?

Đáp: Nay nói vì các Bồ-tát, là thầm nói lên chỉ có Bồ-tát, không có người Nhị thừa, nói kinh Đại thừa là nói giáo pháp có thể trùm khắp.

Trong luận Thập Nhị môn, ngài Long Thọ giải thích Đại thừa có sáu nghĩa:

1. Vượt trên Nhị thừa nên gọi là Đại.
2. Chư Phật lớn nhất là thừa năng đến, nên gọi là Đại.
3. Do thừa này là của Chư Phật bậc đại nhân nên gọi là Đại.
4. Dứt khổ lớn cho chúng sanh, ban cho lợi ích an vui lớn nên gọi là Đại.
5. Do thừa này của ngài Quán Âm, Di-lặc, nên gọi là Đại.

6. Có thể dứt hết các pháp nên gọi là Đại.

Theo luận Địa Trì, giải thích chữ đại có bảy nghĩa:

1. Pháp Đại: là kinh Đại thừa.

2. Phát tâm đại: do kinh Đại thừa mà phát tâm Bồ-đề.

3. Giải hành đại: tức là đạo chủng tánh, giải hành của Bồ-tát đã thành tựu.

4. Tịnh tâm đại: tức Bồ-tát hàng Sơ địa.

5. Chúng cụ đại: tức có hai thứ trí tuệ và phước đức đầy đủ.

6. Thời đại: tức là thực hành trong ba a tăng kỳ kiếp.

7. Quả đại: là quả đại Bồ-đề.

Vì thế nói "kinh Đại thừa"

"Tên là Vô Lượng Nghĩa", Đại thừa là tên chung của kinh, Vô Lượng Nghĩa là tên riêng. Sở dĩ nêu Đại thừa, là thầm nói lên chỉ có Đại thừa, không có Tiểu thừa làm phần tựa Pháp Hoa. Chữ Vô Lượng Nghĩa, có sự giải thích khác nhau. Pháp sư Ấn chép: Kinh này nói về vô lượng muôn thiện, do hiện tại thực hành vô lượng muôn thiện nên vị lai thành Phật.

Hỏi: Nếu nói muôn điều thiện thành Phật, thì có gì khác với Pháp Hoa?

Sư đáp : Trong đây chỉ che tướng nói muôn điều thiện thành Phật, không nói ngoài muôn điều thiện, không có riêng Ba thừa nghĩa, đây chỉ nói lên thật, chưa khai phần phương tiện, cho nên có khác với kinh Pháp Hoa, gọi dó là phần tựa. Pháp Sư Cơ giải thích rằng: Vô Lượng Nghĩa là "không", nếu là pháp hữu tức có phần hạn, gọi là hữu lượng, do nghĩa chữ "không" sâu rộng nên gọi là vô lượng.

Hỏi: Nếu vậy có gì khác so với thời thứ hai trong kinh Đại Phẩm?

Sư đáp: Giáo pháp trước nói về không, là căn bản thực hành Ba thừa, không phải là tựa của Pháp Hoa, đây nói "Không" là căn bản thực hành Đại thừa, nên được là lời tựa của Pháp Hoa, cho nên khác nhau.

Danh Tăng truyện chép: Pháp sư Cơ nghe ngài Trúc Đạo Sanh giảng về thiện trong kinh Pháp Hoa, tuy có hai lần phán xét mà không biết lấy gì để quyết định, kế đến chú thích kinh Vô Lượng Nghĩa rằng:

Kinh Vô Lượng Nghĩa tuy là chép ở đầu kinh Pháp Hoa, mà Trung hoa chưa thấy thuyết ấy, mỗi khi nghe giảng không hề không bỏ phế bàn luận mà kính trọng văn ấy. Bỗng nhiên có Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở núi Võ Đang, sanh ở Thương Tào, là con của vua Diêu Lược Tùng nhà Ngụy, ngày nước bị mất có quân nhà Tấn tên là Hà Đạm nhặt được đem

về làm con nuôi, chữ Đạm gọi là Minh Linh, mới mấy tuổi mà rất thông minh, sau dó Hà Đạm cho đi xuất gia. Ngài siêng tu khổ hạnh để cầu đạo, đi khắp Nam Bắc không kể yên bình hay hiểm nguy, cho đến niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ ba đời Tề lại tham vấn ở Kỳ Phục Bí, đến Lĩnh Nam ở chùa Triều Đình tỉnh Quảng Châu và gặp Sa-môn Đàm-Ma Già-Đa Da-Xá người nước Thiên-trúc, tay có thể mở sách xem mà hiểu được ngôn ngữ nước Tề, muốn truyền bá kinh này mà chưa biết trao cho ai. Tuệ Biểu liền hết lòng cầu xin, thân tâm đều cung kính, trải qua thời gian lâu mà chỉ được một bộ, bèn đem về núi Võ Đang.

Đến nay ngày mười tám tháng chín niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba mới đem ra khỏi núi, trao cho Mở rộng Thông Phụng xem chân văn, vui mừng khen ngợi không ngớt, bèn chú giải rằng: Chánh là lấy "không: làm Vô Lượng Nghĩa. Pháp sư Cơ xem kinh bổn liền cho rằng lời chú giải phù hợp với kinh, nhưng Pháp sư Ấn cố chấp không thay đổi, bảo rằng: Nói về "không" ở kinh Vô Lượng Nghĩa là thuyết riêng ở các khác thời mà thôi, chẳng phải trước kinh Pháp Hoa mà nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh Vô Lượng Nghĩa trước Pháp Hoa là nói về muôn thiện thành Phật, không đem đến cõi này, Pháp sư Quang Trạch còn giữ lời giải thích của Ấn sư.

Nay có năm nghĩa để làm chứng kinh Vô Lượng Nghĩa này là kinh Vô Lượng Nghĩa đặt trước kinh Pháp Hoa.

1. Xứ đồng, tức đồng nói tại thành Vương Xá, núi Linh Thứu.

2. Số chúng đồng, đều có một muôn hai ngàn Thanh văn, tám muôn Bồ-tát.

3. Thời gian đồng, kinh Pháp Hoa chép: Ta thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm mới nói kinh này. Kinh Vô Lượng Nghĩa cũng chép: Ta thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm mà chưa hề nói pháp thật tướng.

4. Ý nghĩa đồng, tuy chưa nói bỏ ba thừa bày Nhất thừa, mà ý thú mật khai nhất thừa.

5. Người dịch kinh Trung quốc và Sa-môn nước Thiên-trúc tự nói rằng: Đây là kinh trước kinh Pháp Hoa, nên sử dụng như.

Nay nói Vô Lượng Nghĩa gồm có hai ý:

1. Thể của thật tướng không có hạn lượng, tức là thể vô lượng.

2. Từ một pháp thật tướng xuất ra cả giáo pháp, tức là dụng vô lượng.

Thể và dụng này đều sâu xa cho nên gọi là nghĩa.

Hỏi: Vì sao biết một pháp vô tướng rộng sanh tất cả giáo pháp?

Đáp: Như kinh đã nói, bắt đầu từ hội Hoa Nghiêm, cho đến cuối

cùng nhóm hợp trước kinh Pháp Hoa, hoặc Đại, hoặc Tiểu, thế gian, xuất thế gian tất cả các giáo đều từ một pháp vô tướng sanh ra. Chẳng những một giáo pháp vô tướng sanh ra tất cả giáo, mà cũng từ một pháp vô tướng sanh ra tất cả thân, cho nên có phàm, Thánh, hữu tình, vô tình, tất cả thân đều từ một pháp vô tướng sanh ra.

Hỏi: Thế nào là một pháp vô tướng sanh ra tất cả giáo, tất cả thân?

Đáp: Một pháp vô tướng tức là pháp thân, do pháp thân thị hiện tất cả thân, nói tất cả giáo.

Câu "pháp giáo Bồ-tát", tức là nói một pháp vô tướng sanh ra tất cả pháp, để dạy bảo các Bồ-tát căn tánh thuần thục. Bồ-tát tu pháp này thì hạnh tương ưng với Phật. "Cho nên được Chư Phật hộ niệm". Ngăn phàm phu, Nhị thừa, ngoại đạo, ác kiến, gọi là hộ, khiến sanh Trung đạo chánh quán là niệm.

Hỏi: Nay nói Pháp Hoa, vì sao nói kinh Vô Lượng Nghĩa trước?

Đáp: Pháp Hoa là hội tất cả thừa đồng vào Nhất thừa, nay sắp nói nghĩa thâu nhập nên trước phải nói về sanh ra. Do từ một pháp sanh ra tất cả pháp, nên tất cả pháp quay về một pháp. Vì sắp nói thâu nhập nên trước nói sanh ra, cho nên nói sanh là phần tựa của thâu nhập.

Hỏi: Vì sao sắp nói thâu nhập mà trước phải nói sanh ra?

Đáp: Do thừa hơn bốn mươi năm chấp chặt Ba thừa, bỗng nhiên nghe nói quay về nhất, tâm ắt là kinh sợ nghi ngờ, vì thế trước nói tất cả giáo vốn từ một sanh ra, chẳng lẽ không phải là quay về một hay sao.

Hỏi: Chỉ tất cả giáo từ một sanh nên trở về một, hay cũng là tất cả chúng sanh từ một hạnh để trờ về một ư?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa nói tất cả chúng sanh do mất một đạo thanh tịnh mà có các đường, Chư Phật dùng lòng đại bi vô duyên muốn giúp chúng sanh quay về một đạo, cho nên từ một đạo mà sanh ra vô lượng giáo.

Hỏi: Nếu vậy thì có gì khác với kinh Pháp Hoa?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa nói thẳng chúng sanh do mất một đạo mà thành ra các đường, cũng nói thẳng Chư Phật vì chúng sanh mất một đạo nên nói từ một đạo sanh ra tất cả giáo, chính là nói duyên và giáo đều từ một đạo sanh ra, mà chưa nói duyên và giáo đều quy về một.

Hỏi: Duyên và giáo quy về một đạo, cái gì là ý chính?

Đáp: Duyên là chính, do một đạo bản tánh thanh tịnh, mà chúng sanh luống dối mất một đạo này nên thành sáu đường, nay muốn cho chúng sanh ngộ một đạo nên nói từ một pháp sanh ra tất cả giáo mà

thôi. Nếu không nói chúng sanh vốn mất một đạo, thì dù nói tất cả giáo đều từ một pháp sanh ra, mà không thể nào khiến chúng sanh quy về một đạo.

Nghĩa này là ý chính của Pháp Hoa gom ba về một, cũng là ý chính khiến tất cả chúng sanh thành Phật. Nếu trước không nói ý nay, thì kinh Pháp Hoa không thể nói tất cả chúng sanh đều thành Phật.

Pháp Hoa nói về Nhất thừa, nay sẽ nói về Nhất thừa, nên trước nói căn bản của thừa. Căn bản của thừa tức là thật tướng, phải do ngộ thật tướng mà phát sanh Bát-nhã, do Bát-nhã nên tu hành chẳng gì không thành tựu, hệ lụy, chẳng có gì không trừ hết, cho nên có thể nói ra khỏi ba cõi, đến trí Tát-bà nhã thì ý nghĩa của thừa mới thành tựu.

Cho nên, môn Luận Thập Nhị chép: Phần lớn nghĩa sâu xa thì gọi là Không, nếu thông đạt nghĩa này tức là thông đạt Đại thừa, đầy đủ sáu Ba-la-mật không có chướng ngại. Nếu không ngộ thật tướng, tuy rộng tu muôn điều thiện, đều là có sở đắc, điên đảo không động không xuất, tức là ý nghĩa của thừa không thành tựu.

Kinh Vô Lượng Nghĩa thầm hiển ở một, hiển phá ở ba, Kinh Pháp Hoa thầm minh ở một, hiển phá ở ba, do chấp Ba thừa khó lay đổ mà Nhất thừa lại khó tin. Nay chỉ bày lý do dẫn đến nói Pháp Hoa, nên trước mật sau hiển.

Hỏi: Thế nào là ý nghĩa của mật và hiển?

Đáp: Đã từ một sanh ra nhiều, đã mật hiển một là gốc của nhiều, nên nhiều sẽ quy về một, vì thế tức là hiển chỉ có Nhất thừa, không có ba thừa.

Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Như nước là một mà giếng ao không giống nhau, nước pháp là một mà chúng sanh đắc đạo có khác nhau. Nhưng pháp đã là một, đắc đạo không nên có khác, nay khiến chúng sanh nghi ngờ, nên sau khi nghe một nói ba, rồi nói ba quy về một tức cho họ tin hiểu.

Nói Phật giáo hóa gồm có bốn môn:

1. Một hội, một nói, môn này có rất nhiều.

2. Nhiều hội, nhiều nói, như kinh Hoa Nghiêm có bảy chỗ, tám hội.

3. Nhiều hội, một nói Thích. Luận giải: Bát-nhã chẳng phải nói trong một thời, một hội, bởi người đến trước được ngộ đã đi, người đến sau lại vì họ mà nói, do hội có trước sau nên gọi là nhiều hội, nhưng Bà-nhã thì không khác nên nói một nói.

4. Là một hội, nhiều nói, như nói kinh Tịnh Danh, trước nói kinh

Phổ Tập, cũng như ở đây sắp nói kinh Pháp Hoa, trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Bốn việc này đều thích hợp cơ duyên, không nên trách lý do.

Pháp Hoa đã nói gom ba về một, dường như nói tướng sợ người nghe khởi chấp nên trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa thuộc về vô tướng. Đại Trang Nghiêm Vương hỏi Phật thực hành các pháp gì để mau thành Bồ-đề? Phật dạy: thực hành một pháp vô tướng thì mau thành Bồ-đề.

Như kinh Niết-bàn nói có sở đắc tức là Nhị thừa, không có sở đắc là Bồ-tát, cũng như nay. Trong mỗi câu không có tướng chữ, không có tướng nghe, do vô tướng nên đắc Bồ-đề vô thượng. Vì thế sắp nói kinh Pháp Hoa thì trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa.

Hỏi: Như kinh Đại Phẩm v.v... là trước Pháp Hoa đã nói vô tướng, vì sao còn nói kinh. Vô Lượng Nghĩa nói vô tướng nữa?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa nói về tướng, lại nói một pháp, có phần tương tợ Pháp Hoa nên nói trước Pháp Hoa.

CHƯƠNG III:

Là phần tựa nhập định, tức câu "Phật nói kinh này xong". Ở đây gồm có bốn phần:

Một là: Câu Phật nói kinh xong là kết thúc phần trước để nêu phần sau, là nghĩa thời gian nhập định.

Hai là: "Ngồi kết già" là nói duyên nhập định.

Hỏi: Cách ngồi không giống nhau, vì sao lại ngồi kết già?

Đáp: Ngồi như vậy là để khác với người thế tục, cũng là khác với ngoại đạo, ngoại đạo thường đứng hoặc co một chân, do thân không ngay nên tâm không thẳng. Ngồi kiết già là pháp của Chư Phật thường ngồi, ngồi như vậy là thân ngay mà tâm thẳng. Vì muốn tĩnh tâm nên thân phải ngay, ngồi như vậy là dễ vào đạo, cũng khiến ma vương kinh sợ nên ngồi kết già.

Ba là: Câu "nhập Tam-muội Vô Lượng Nghĩa xứ", tức nói về nhập định.

Hỏi: Chư Phật không hề xuất nhập, nay vì sao nhập Tam-muội?

Đáp: Phải biết trong đây có ba loại nói Pháp Hoa.

a. Nói Vô Lượng Nghĩa là nói thẳng một đạo thanh tịnh, gọi là nói Pháp Hoa.

b. Phật nhập Tam-muội một đạo thanh tịnh mà nói Pháp Hoa.

c. Hiện điềm lành tức sắp nói Pháp Hoa.

Nay nhập định có hai ý chính:

1. Nhập Tam-muội, hiện điềm lành: là khiến cho đại chúng lúc ấy nghi ngờ, đợi ngài Văn-thù giải quyết nghi ngờ Phật mới xuất định.

2. Nhập định Vô Lượng Nghĩa, là biểu hiện Phật nói nín thường trụ một đạo thanh tịnh.

Nếu theo các kinh thì nhập định nói lược có mười nghĩa:

1) Là căn duyên thích hợp, nghĩa là xuất nhập thích ứng theo duyên, động tĩnh thích ứng theo chúng sanh.

2) Là muốn hiển hiện điềm lành, vì thế nhập định là gốc của điềm lành. Nếu không nhập định thì điềm lành không do đâu mà hiện, lại không nhập định mà hiện điềm lành, sợ mọi người cho rằng chẳng phải Phật hiện điềm lành, vì vậy nên phải nhập định.

3) Muốn hợp duyên nói pháp, thì phải xem xét pháp, xem xét căn cơ, nay sắp giảng nói Phật thừa cho nên nhập định.

4) Muốn cho chúng sanh trọng pháp quý người, do Phật muốn nói pháp tướng mầu nhiệm nên phải nhập định, cho nên biết pháp này là không thể nghĩ bàn.

5) Sáu vị giáo chủ ngoại đạo cho rằng tất cả thời thường có trí tuệ, Phật vì phá chấp này nên nói các pháp do nhân duyên mà thành, do định phát tuệ, cho nên thật vắng lặng thì soi thấy rõ ràng.

6) Chỉ bày Phật có định và tuệ tròn đầy, nhập định là nói lên định của Phật đầy đủ, xuất định nói pháp là nói tuệ của Phật tròn đầy. Nếu không nhập định thì định môn không hiển, nếu không nói pháp thì nghĩa tuệ không sáng.

7) Vì đời Mạt pháp mà làm khuôn pháp, Phật muốn nói pháp còn phải nhập định tĩnh tâm, huống là người khác có tâm tán loạn mà muốn nói pháp sao? Cho nên cần học theo trí tuệ Phật.

8) Muốn thị hiện tướng của người thông minh, có thể khéo suy nghĩ, có thể khéo nói pháp.

9) Nhập định hiện điềm lành là phát sanh lý do cho ba việc hỏi đáp ở sau, liền được lược khai việc Phật xưa đã nói Pháp Hoa, khiến đại chúng lúc ấy nghe mà không sanh nghi ngờ kinh sợ.

10) Có ba mật lợi ích chúng sanh, đó là ý mật nhập định, thân mật phát ra ánh sáng, miệng mật nói pháp. Lại nữa, ngay nơi vắng lặng mà dụng gọi là xuất, ngay nơi dụng mà vắng lặng gọi là nhập, đây là vắng lặng và dụng vô ngại, nên gọi là xuất nhập định.

Luận chép: Nhập Tam-muội, là nói lìa tất cả chướng ngại, tùy theo năng lực mà được tự tại. Lực này có hai ý:

1. Thuận theo chúng sanh đối trị nhiếp giữ giác Bồ-đề phần, đây

là Bồ-đề vô thượng, gọi là thuốc hay.

2. Vì đối trị vô lượng đời sau chấp chặt phiền não, tức bịnh chấp của Ba thừa, cũng là ý nghĩa khiến biết bịnh, biết thuốc. Tam-muội, Hán dịch là chánh tâm hành xứ, cũng gọi là Điều trực định.

Hỏi: Vì sao không nhập Tam-muội Pháp Hoa mà nhập định Vô Lượng Nghĩa?

Đáp: Có người chép: Đã là phần tựa của Pháp Hoa, chưa phải chánh kinh nên không nhập. Có người chép: Nếu nhập Tam-muội Pháp Hoa, thì ngài Di-lặc có thể suy biết, nay muốn không thể so lường, cho nên không nhập Tam-muội Pháp Hoa.

Nay nói tông chỉ của kinh này gồm có hai môn:

1. Đối với một Phật thừa mà phân nói riêng ba, nghĩa là từ gốc khởi ngọn.

2. Gom ba thừa về một, tức nhiếp ngọn về gốc.

Kinh Vô Lượng Nghĩa là nói ý nghĩa sanh ra, tức nói lên Pháp Hoa từ gốc khởi ngọn, nay lại nhập định Vô Lượng Nghĩa xứ, là nói lên kinh này nhiếp ngọn về gốc. Hai phần này là đầu và cuối của kinh, cho nên gọi là khai phát tựa.

Lại nữa, kinh Vô Lượng Nghĩa là từ một sanh ra nhiều, tức là nói một pháp, nay nhập định Vô Lượng Nghĩa xứ là lại nhập vào một pháp, tức xuất nhập đều là một đạo thanh tịnh. Vì nói lên Pháp Hoa cũng như vậy, cho nên là phần tựa Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao nói nín đều trụ nơi một?

Đáp: Vì nói lên chỉ có một đạo không có hai, vì thế nói nín đều trụ nơi một.

Lại nữa, Phật dạy đệ tử thường thực hành hai việc:

1. Bậc Thánh nói pháp, tức là từ quán thật tướng mà nói pháp thật tướng.

2. Bậc Thánh im lặng, tức là nói thật tướng xong lại nhập quán thật tướng. Cho nên động tĩnh, nói nín đều thích ứng thật tướng, thật tướng tức là một đạo thanh tịnh. Trên nói kinh Vô Lượng Nghĩa là bậc Thánh nói pháp, nay nhập định Vô Lượng Nghĩa tức là bậc Thánh im lặng.

Hỏi: Trước nói là kinh Vô Lượng Nghĩa, nay vì sao gọi là Tam-muội?

Đáp: Chiếu mà thường vắng lặng gọi là Định, vắng lặng mà thường chiếu gọi là Tuệ, tuệ phát ra bên ngoài gọi là Kinh, thật vắng lặng bên trong gọi là Định.

Bốn là: Câu “thân tâm không lay động”, tức kết thúc hai nghĩa trên. Thân không động là kết quả của thân ngay ngắn, tâm không động là kết quả của tâm vắng lặng. Thể thật tướng của người có thân và tâm, tuy thân mà chẳng phải thân, thân không động, tuy tâm mà chẳng phải tâm, tâm không động, cho nên thân như cây khô tâm như tro nguội. Lại nữa, thân tâm không động là nói lên chưa đến thời Phật xuất định, lại sanh nghi hỏi ở sau.

CHƯƠNG IV: Là hiện điềm lành tựa, tức câu: “Khi ấy trời rải hoa Mạn-đà-la” như mưa.

Hỏi: Thích ứng mà nói pháp vì sao phải hiện điềm lành?

Đáp: Đây là lúc sắp nói Pháp Hoa, có mưa hoa, đất rung chuyển, là nêu tướng sở hóa thành Phật, phát ra ánh sáng là nêu tướng năng hóa nói Pháp Hoa. Lại nữa, đã nói giáo pháp đặc biệt là phải cảm điềm lành phi thường, theo lý như. Nếu chợt nói pháp thì người nghe không sanh tâm tôn trọng, phải làm cho tai mắt kinh ngạc mới có lòng khát ngưỡng. Lại nữa, hiện điềm lành để chúng sanh phát khởi tín tâm, khi nói pháp mới sanh khởi sự liễu ngộ, hiện điềm lành là khiến chúng gieo phước, nói pháp là khiến trồng cội trí tuệ. Lại tức là thí dụ Trưởng giả bên dưới dùng hai thứ tay áo và bàn ghế để dụ con ra. Dùng tay áo ví như thần thông, bàn ghế ví như nói pháp. Ban đầu Phật thành đạo đã không dùng được, nay sắp vắng lặng mới dùng được.

Hỏi: Có mấy thứ điềm lành?

Đáp: Pháp sư Quang Trạch chép: trước hiện sáu điềm lành ở cõi này, sau hiện sáu điềm lành ở cõi khác, hợp lại là mười hai điềm lành.

Sáu điềm lành ở cõi này là: Nói pháp, nhập định, mưa hoa, đất rung chuyển, chúng vui mừng, và phát ra ánh sáng. Tóm lược sáu điềm lành này thành ba cặp:

Nói kinh là hợp căn cơ mà khai giáo, nhập định là vắng lặng soi rõ lý trước, đây là một cặp động và tĩnh. Trên thì trời tuôn rải bốn thứ hoa như mưa, dưới thì đất sáu lần rung chuyển, đây là một cặp trên và dưới. Bấy giờ đại chúng trong tâm sanh vui mừng, bên ngoài thì Như lai phát ra ánh sáng, đây là một cặp trong và ngoài.

Trong sáu câu nầy thì có ba câu chẳng phải điềm lành, vì sao biết? Vì Thích Luận chép: Phật nhập Tam-muội vương hiện bảy điềm lành mà không thường nhập định, cho nên biết nhập định chẳng phải điềm lành. Bấy giờ đại chúng thấy điềm lành liền sanh vui mừng, như kinh Đại Phẩm đại chúng thấy đất rung chuyển mà tâm sanh vui mừng, nên

biết chúng vui mừng cũng chẳng phải điềm lành. Nói kinh chính là giáo pháp hợp cơ duyên, cũng không gọi là điềm lành. Nếu nói kinh là điềm lành, vì sao Di-lặc hỏi các điềm lành khác mà không hỏi ý nói kinh? Nhập định cũng vậy, ngài Di-lặc không hỏi vì sao. Vậy trong sáu câu chỉ có ba điềm lành là mưa hoa, đất rung chuyển và phát ra ánh sáng.

Luận Trí Độ chép: Phật nhập Tam-muội vương hiện bảy điềm lành, nay nhập Tam-muội Vô Lượng Nghĩa hiện ba điềm lành.

Hỏi: Vì sao chỉ hiện ba điềm lành?

Đáp: Nay nói về pháp cùng tận, nên có điềm lành lớn nhất. Nói lớn không ngoài ba thứ: Trời là điềm lành, đất là điềm lành, Phật là chủ của trời đất còn thị hiện lên điềm tốt; lớn thuộc về xấu ác thì có: Trời là tai, đất là họa, thần hiện là quái.

Lại tiêu biểu Chư Phật ba đời đồng nói Nhất thừa, ba hạng căn cơ chúng sanh đồng quy về một, cho nên hiện ba điềm lành.

Hỏi: Thư chép: Bậc minh chủ dùng việc hiếu thuận từ bi để dạy đời, tức chim đỏ bay mà người già hiện, dùng nhân đức che chở vật thì suối ngọt chảy lúa tốt sanh. Kỳ lân xuất hiện thì thiên hạ thái bình, đắc trị nhân tâm thì sen, lý nảy sanh. Vì thế đức bên trong đủ thì bên ngoài tự phát điềm lành, nay ba điềm tốt này do đâu mà biểu hiện?

Đáp: Vì muốn biểu hiện Thanh văn bốn chúng đồng quy về Nhất thừa, nên trời tuôn rải bốn thứ hoa như mưa, biểu hiện trời người sáu đường đều thành Phật nên đất sáu lần rung chuyển. Hai thứ thành Phật nầy phải nhờ vào nói Pháp Hoa, nên phát ra ánh sáng để biểu hiện.

Lại nữa, trời rải bốn thứ hoa như mưa là biểu hiện bốn thừa chúng sanh đều thành Phật, đất sáu lần rung chuyển là biểu hiện chúng sanh sáu đường đồng ngộ không hai. Hai thứ thành Phật này đều do nói Pháp Hoa, cho nên phát ra ánh sáng để biểu hiện:

Lại, trời rải bốn thứ hoa như mưa là biểu hiện chúng sanh trên cõi trời nên ngộ Nhất thừa, đất sáu lần rung chuyển là biểu hiện hàm thức dưới đất, đồng đến Nhất thừa. Trên trời dưới đất đều ngộ, do đây mà Phật nói Pháp Hoa, nên hiện điềm lành để biểu hiện.

Lại nữa, trời mưa hoa là biểu hiện nói Nhất thừa khiến thiên linh vui mừng, đất rung chuyển là biểu hiện nói Nhất thừa khiến địa kỳ hớn hở. Vui mừng hớn hở đều nhờ Phật, cho nên phát ra ánh sáng để biểu hiện.

Văn này có bốn đoạn:

1. Điềm lành mưa hoa, đất rung chuyển.
2. Đại chúng lúc ấy thấy điềm lành sanh vui mừng.

3. Điềm lành Phật phát ra ánh sáng.

4. Đại chúng lúc ấy thấy điềm lành phát ra ánh sáng.

Đây có hai cặp về cảm ứng, trước nói mưa hoa, sau nói đất rung chuyển.

Nói thời gian ấy tức là lúc mưa hoa, chính là lúc bốn chúng nghe kinh ngộ Nhất thừa. Trời mưa tức là chỗ mưa hoa.

Nói theo sự, thì khi nói pháp phi thường, có cảm ứng chư thiên cúng dường, nên ngài Văn-thù nói kệ rằng:

Trời mưa hoa Mạn-Đà
Trống trời tự nhiên kêu
Trời, rồng, chúng quỷ thần
Cúng dường Nhân Trung Tôn

Nói theo lý, thì trời là tịnh, do tâm cố chấp của bốn chúng đã tịnh nên được nghe kinh thành Phật.

"Hoa Mạn-đà-la", chính là tên bốn thứ hoa mà trời rải xuống, trời mưa bốn thứ hoa chính là biểu hiện bốn chúng thành Phật. Hai thứ hoa trước là biểu hiện hai chúng xuất gia thành Phật, hai thứ hoa sau là biểu hiện hai chúng tại gia thành Phật.

Lại nữa, xưa không nói bốn thừa thành Phật, nay đều quy về Phật thừa, cho nên chỉ mưa bốn thứ hoa. Hai loại trước là hoa trắng, biểu thị cho Thanh văn, Duyên giác có thiện vô lậu mà thành Phật, hai loại sau là hoa đỏ, biểu thị trời người có bạn lành lậu cũng thành Phật. Bốn thứ hoa này trước hoa nhỏ, sau hoa lớn, biểu thị tu hành từ nhỏ tới lớn, từ cạn đến sâu.

Hoa Mạn-đà-la, ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Đây là tên hoa trời, ở Trung quốc cũng có, sắc như đỏ mà vàng, dường như xanh mà tía, dường như lục mà hồng.

"Hoa Mạn-thù-sa", cũng là tên hoa trời, sắc trắng tươi không có màu trắng nào có thể dụ được. Chú giải kinh nói là hoa Như ý, tùy theo ý của chư ma trời hoa xuất hiện nên lấy đó làm tên.

"Hoa Ma-ha Mạn-đà-la", gọi là hoa Đại Như Ý, đây là tên từ kinh Chánh Pháp Hoa. Ngài Đạo Hạnh dịch là hoa Thành Ý.

Hoa Mạn-thù-sa là hoa tròn đầy, Hoa Ma-ha Mạn-thù-sa là hoa Đại Tròn đầy.

Ngài Quang Trạch chép: Hai hoa đầu là hoa Xích Viên, Đại Xích Viên, hai hoa sau là Bạch Viên, Đại Bạch Viên.

"Rải trên Phật và đại chúng". Nói theo sự, tức cúng dường Phật và đại chúng, về lý tiêu biểu đại chúng thực hành nhân sẽ được thành

Phật.

“Khắp thế giới Phật sáu điệu rung chuyển”, đây là nói về điềm lành mặt đất rung chuyển, trước nói trời rải hoa, nay nói đất là theo thứ lớp. Tóm lược ý nghĩa, thì kinh này tuy hội bốn thừa đồng quy về một đạo, nhưng giáo tông chính là vì Thanh văn, Duyên giác, phụ là hai thừa Trời và Người. Vì thế trước rưới bốn thứ hoa là biểu hiện bốn chúng Thanh văn vào Phật thừa, sau thì sáu đường trời người đồng quy về Nhất thừa. Nên phẩm Thí Dụ chép: “Vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa”, chính là không nói vì trời, người, tức đủ làm chứng.

Khắp cả cõi Phật, do đức Thích-ca đứng đầu, cả cõi đều động nên gọi là khắp.

Đoạn văn sau chép: Thế giới này sáu lần rung chuyển, cũng có thể cõi Phật mười phương đều động nên gọi là khắp. Vì thế ngài Văn-thù nói kệ rằng:

Tất cả cõi Chư Phật
Tức thời rung chuyển mạnh.

Lại, kinh Đại Phẩm chép: “Cõi ấy ở sát gần biên hạn, tức biên hạn nhân duyên hóa độ của đức Thích-ca.” Nay nói nghĩa chữ khắp cũng là nhân duyên độ khắp.

Sáu điệu rung chuyển gồm có hai loại:

1. Thời động, tức là nhập thai, đản sanh, xuất gia, thành đạo, nói pháp và Niết-bàn. Nay nói pháp là một trong sáu thời động này, do xoay bánh xe đại pháp gọi là đại động.

2. Sáu thứ động gồm: động, khởi, dũng, chấn, giác, hống. Dao động không yên gọi là động, nhấp nhô lồi lõm gọi là dũng, từ thấp lên cao gọi là khởi, ẩn kín mà có tiếng gọi là chấn, phát ra tiếng vang gọi là hống, khiến chúng sanh giác ngộ gọi là giác. Trong mỗi tướng này có lại có ba thứ thành ra mười tám tướng động. Trong Đại Phẩm nói mỗi món động chia làm sáu, thành ra ba mươi sáu tướng động. Này văn này nói lược hai tướng là chấn và động.

“Lúc bấy giờ trong hội chúng”: đây là đoạn hai thấy điềm lành sanh vui mừng. Văn nầy chia làm hai phần, trước nói về người thấy điềm lành, đó là bốn chúng và trời rồng. Bốn thứ hoa tuôn rải như mưa là biểu hiện bốn chúng ngộ nhập Nhất thừa, nên nói bốn chúng thấy điềm lành sanh vui mừng. Đất có sáu điệu rung chuyển là biểu hiện trời người sáu đường đều thành Phật, nay nói chúng vui mừng là một trong sáu đường.

Không nói Bồ-tát thấy điềm lành sanh vui mừng, do từ xưa đến nay đã nói Bồ-tát thành Phật nên không biểu hiện điềm lành. Không nói Bồ-tát vui mừng, bởi từ trước chưa gom bốn thừa thành Phật nên có biểu hiện điềm lành, vì thế nói người bốn thừa thấy điềm lành sanh vui mừng.

Người, chẳng phải người: tức là tám bộ quỷ thần vốn chẳng phải người, nhưng biến hóa thành hình người để đến nghe nói pháp, nên nói người, chẳng phải người. Sau là nói về vui mừng, tức là đại chúng.

Chắp tay là biểu hiện hình không có dụng riêng, nhất tâm là biểu hiện ý không có duyên nào khác; vui mừng và cung kính hợp với lòng khát ngưỡng, điềm lạ và nghi ngờ tức có nói pháp phi thường.

"Lúc bấy giờ, Phật phát ra ánh sáng giữa hai đầu chăng mày", đây là đoạn ba nói điềm lành phát ra ánh sáng.

Hỏi: Mưa hoa, động đất, phát ra ánh sáng, sao không hợp thành một loại; mà trước nói hai điềm lành sau nói thấy điềm lành, nay lại phát ra ánh sáng, sau nói thấy điềm lành ư? Đáp: Điềm lành tuy có ba nghĩa mà môn chỉ có hai, hai điềm lành trước tiêu biểu cho sở hóa, nên nói sở hóa thấy hai điềm lành, nay nói phát ra ánh sáng tức là điềm lành năng hóa, cho nên trước nói điềm lành ánh sáng, sau nói thấy điềm lành. Lại, hai điềm lành trước là điềm lành y quả, điềm lành sau là điềm lành chánh quả. Lại hai điềm lành trước là ý nghiệp hiện điềm lành, sau là thân nghiệp hiện điềm lành, nay muốn phân chia hai điềm lành khác nhau nên hai lần thấy cũng khác nhau.

Theo Luận Pháp Hoa: thì sanh khởi là ban đầu nhập định hiện điềm lành, đại chúng thấy điềm lành sanh tâm khát ngưỡng muốn nghe pháp nên Phật phát ra ánh sáng, vì thế có chương này. Nói lúc ấy, tức là lúc Phật phát ra ánh sáng, Phật là người phát ra ánh sáng. Giữa hai đầu chân mày là chỗ phát ra ánh sáng. Dưới không tới chân, trên không tới đảnh, mà phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày tức biểu hiện pháp Nhất thừa là Trung đạo. Lông trắng là biểu hiện lý sáng rỡ nên gọi là Bạch, giáo pháp không chút ẩn dấu nên gọi là lông.

Luận Trí Độ theo ý người Tiểu thừa giải thích về sợi lông trắng rằng: Duỗi ra thì dài năm thước, co lại thì như xoắn ốc. Kinh Quán Phật Tam-muội chép: Lúc làm Thái tử tướng ấy dài năm thước, lúc ngồi dưới gốc cây thì dài một trượng bốn thước năm tấc, lúc thành đạo thì dài một trượng năm thước. Duỗi ra thì trong ngoài có ánh sáng trắng tinh trong suốt, để yên thì không có ánh sáng và cuộn lại ở giữa hai đầu chân mày.

Có kinh chép: Sợi lông trắng ấy xoay quanh về bên phải như mặt trời giữa trưa, hoặc nói như báu trắng cõi trời.

Ánh sáng, tức là phát ra ánh sáng, biểu thị trí tuệ bình đẳng như đuốc sắp chiếu nên thân phát ra ánh sáng trước. ánh sáng có hai nghĩa:

1. Khả năng soi sáng vật, dụ cho kinh này nói lên lý Nhất thừa.

2. Khả năng dứt tối tăm, biểu thị kinh này dứt trừ sự mê hoặc của Nhị thừa.

"Chiếu ở Phương Đông", đây là chỗ ánh sáng chiếu đến, chỉ chiếu một phương này mà không chiếu chín phương khác, là biểu hiện chỉ có Nhất thừa, không có các thừa khác.

Trong mười phương mà chỉ chiếu phương Đông, bởi phương Đông là gốc của các phương, biểu hiện Nhất thừa là gốc của Ba thừa, xưa từ một nói ba, nay thâu ba về một.

Nói "một muôn tám nghìn thế giới": là biểu hiện nói quả Nhất thừa tròn đầy như một muôn, nhân của Nhất thừa chưa đủ như tám ngàn. Lại biểu hiện Nhất thừa chân thật nghĩa đầy đủ như muôn, ba thừa phương tiện chưa đủ như tám ngàn.

Lại nữa, giải thích thế giới có số lượng nhất định, đây là cảm ứng tương đồng, cảm của chúng sanh đã không đầy thì ứng của Chư Phật cũng không khắp.

Chẳng ở đâu không cùng khắp, thừa có mười nghĩa, mười tướng để biểu hiện:

1. Có nghĩa trên hết, dùng đầu để biểu hiện.

2. Có nghĩa Trung đạo, dùng tướng giữa hai đầu chân mày để biểu hiện.

3. Có nghĩa sáng rỡ, dùng màu trắng để biểu hiện.

4. Có nghĩa không che giấu, dùng sợi lông giữa hai đầu chân mày để biểu hiện.

5. Có nghĩa trừ tối tăm, dùng ánh sáng để biểu hiện.

6. Có nghĩa không hai, dùng một phương Đông để biểu hiện.

7. Có nghĩa căn bản, dùng phương Đông là căn bản để biểu hiện.

8. Có nghĩa quả thừa đầy đủ, dùng số muôn để biểu hiện.

9. Có nghĩa nhân thừa chưa đầu đủ, dùng số tám ngàn để biểu hiện.

10. Có nghĩa nói về lý nhân quả cùng tận, dùng biến khắp để biểu hiện.

"Dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời Sắc Rốt ráo". Trên nói theo chiều ngang chiếu khắp việc Chư Phật, nay nói theo chiều dọc

chiếu khắp chúng sanh, chiếu địa ngục nói về khổ đáng thương xót, chiếu Hữu Đỉnh nói vui cũng vô thường. Đã là khổ, là vô thường, nên khiến chúng sanh chán ghét mà ngộ nhập Phật thừa.

"Ở cõi này mà đều thấy cõi kia", đây là đoạn bốn nói đại chúng lúc ấy thấy điềm lành phát ra ánh sáng, gồm có bảy phần:

1. Thấy sáu đường.
2. Thấy hóa chủ.
3. Nghe giáo môn.
4. Thấy bốn chúng.
5. Thấy Bồ-tát.
6. Thấy Niết-bàn.
7. Thấy xây tháp thờ.

Hỏi: Vì sao Phật khiến đại chúng thấy bảy việc này?

Đáp: Bảy việc này là pháp môn rốt ráo từ đầu đến cuối một đời giáo hóa của Chư Phật ở phương khác. Nay muốn dùng kia để nói đây, nói lên Đức Thích-ca nói Pháp Hoa cũng là pháp môn rốt ráo giáo hóa trọn vẹn, do Đức Phật phát ra ánh sáng mà thấy được việc giáo hóa trọn vẹn ở các cõi, biểu hiện do Đức Thích-ca nói kinh Pháp Hoa mà nói lên môn rốt ráo giáo hóa trọn vẹn.

Hỏi: Vì sao bảy việc lại gồm nhiếp cả sự giáo hóa trọn vẹn?

Đáp: Kinh Đại Phẩm chép: Các pháp không thật có, như thế có các pháp. Không thật có: bởi bản tánh tất cả các pháp là vắng lặng mà có như thế: các pháp tuy không thành có, nhưng do chúng sanh điên đảo mà thành có, từ đây có sáu đường sanh tử. Đã không thật có nhưng đối với chúng sanh thành có, nay muốn cho chúng sanh ngộ hữu là không thật có, nên kế là nói có Đức Phật xuất hiện ở đời, tức là bậc hóa chủ. Đã có bậc hóa chủ thì có nói giáo môn, đã có giáo pháp được bẩm thọ trì có người bẩm thọ giáo pháp.

Sau khi bẩm thọ giáo pháp Ba thừa, đều thành Bồ-tát, thành Bồ-tát rồi tất cả việc giáo hóa đã xong và liền nhập Niết-bàn. Vì lợi ích chúng sanh nên xây tháp cúng dường. Cho nên nói bảy việc mà tóm thâu hết việc giáo hóa rốt ráo trọn vẹn.

Phật ở một phương đã đầy đủ bảy việc như vậy, Chư Phật mười phương ba đời cũng đồng như vậy, nên hiện việc ở cõi kia để làm tướng nói kinh ở cõi này.

Nghĩa tuy có bảy mà không ngoài hai thứ:

1. Là việc của chúng sanh
2. Là việc của Chư Phật, tức sáu việc sau.

Việc của Chư Phật có sáu, việc của chúng sanh cũng có sáu, tức là sáu đường, cho nên chia thành mười hai việc.

Luận Pháp Hoa chép: Phiền não khác nhau, thanh tịnh khác nhau.

Phiền não khác nhau nên có sáu đường, thanh tịnh khác nhau nên có sáu việc của Chư Phật. Nay trước thấy chúng sanh sáu đường, bởi nói chúng sanh là gốc của bảy việc, nên thấy chúng sanh trước, cũng là theo sự tiếp nối của lời văn. Trên thì ánh sáng chiếu khắp cõi Chư Phật, kế đến là chiếu rõ việc chúng sanh, vì kế nối lời văn nầy nên nói thấy chúng sanh trước.

"Lại thấy các Đức Phật hiện tại ở các cõi ấy": câu này là việc thứ hai thấy vị Hóa chủ.

"Và nghe kinh pháp của các Đức Phật ấy nói", câu này là việc thứ ba nghe giáo pháp.

"Cùng thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ", câu này là việc thứ tư thấy người lãnh thọ giáo pháp.

"Tu hành đắc đạo", tuy có bốn chúng mà không ngoài nhân quả, tu ba môn học giới định tuệ là nhân, đắc bốn đạo quả là quả.

"Lại thấy các Bồ-tát ở cõi kia": câu này là việc thứ năm thấy người tu pháp Nhất thừa thành Bồ-tát.

Bồ-tát có vô biên nhưng lược dùng ba môn để nhiếp chung tất cả.

1. Các thứ nhân duyên, là đời quá khứ chứa nhóm nhân làm nhân, bên ngoài gặp bạn lành làm duyên, mà nhân bên trong khác nhau, duyên bên ngoài chẳng phải một, nên nói là các thứ, đây là môn nhân duyên nhiếp Bồ-tát.

2. Các thứ tin hiểu: ban đầu gọi là tín, sau gọi là hiểu, độn căn gọi là tín, lợi căn gọi là giải. Trên đã nói nhập đạo mỗi loại đều có nhân duyên, nay nói nhập đạo có trước, sau, lợi, độn, vì thế dùng môn tin hiểu để nhiếp Bồ-tát.

3. Các thứ tướng mạo: Bồ-tát tu hành thì có tướng mạo, biểu hiện sự thực hành ở thân, miệng bên ngoài gọi là tướng, biểu hiện sự thực hành trong ý nghiệp gọi là mạo, vì thế dùng môn tướng mạo, để nhiếp Bồ-tát.

"Thực hành đạo Bồ-tát", tổng hợp ba việc trên thì gọi là thực hành đạo Bồ-tát.

Luận Pháp Hoa: Dùng bốn nhiếp pháp mà nhiếp lấy chúng sanh gọi là hành đạo Bồ-tát.

"Lại thấy các Đức Phật nhập Niết-bàn", câu này là việc thứ sáu thấy nhập Niết-bàn.

"Lại thấy Chư Phật sau khi nhập Niết-bàn", câu này là việc thứ bảy thấy xây tháp thờ.

CHƯƠNG V:

Là phần Nghi vấn tựa, tức câu "Lúc bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc". Sở dĩ có sự nghi hỏi là vì đã thấy điềm lành kỳ lạ nên biết có nói pháp phi thường, nhưng chưa lường hết lý do nên sanh nghi hỏi.

Hỏi: Kinh Niết-bàn, kinh Đại Phẩm cũng đều hiện điềm lành, vì sao không nói về nhân duyên điềm lành?

Đáp: Thích ứng sự giáo hóa là khác nhau nhau, chẳng phải chỉ một cách. Lại nữa, kinh Đại Phẩm đều là xuất định hiện điềm lành, là Phật sắp nói pháp chẳng phải đợi lâu nên đại chúng không nghi ngờ. Còn như kinh Nhân Vương và kinh này đều là ở trong định mà hiện điềm lành, Phật đã nhập định Tam-muội, e rằng khi xuất định chưa rõ lý do, cho nên để chúng suy đoán điềm lành.

Hỏi: Vì sao đối với kinh này Phật nhập định hiện điềm lành mà không phải xuất định?

Đáp: Ba thừa chấp khó bỏ mà Nhất thừa khó tin, vì thế nhập định hiện điềm lành để phát khởi sự nghi ngờ, sau đó khiến ngài Di-lặc hỏi và ngài Văn-thù giải đáp.

Nói Phật xưa nói pháp, sau nói Phật Thích-ca tức khai mở dần sự tin hiểu bị tình thức che lấp, nghi ngờ, chê bai, rồi đức Thích-ca mới xuất định nói pháp. Văn chia làm hai phần, ý nghi ngờ và phát lời hỏi.

Trước nói ngài Di-lặc nghi, sau nói đại chúng nghi. Ngài Di-lặc nghi có ba phần:

1. Nghi vì sao Phật hiện điềm lành, tức câu "Hôm nay đức Thế tôn hiện thần biến tướng". Âm dương không thể so lường gọi là thần, sửa dổi việc thường gọi là biến, có sự biểu hiện gọi là Tướng. Câu "vì sao" chính là sanh nghi ngờ

2. Tìm người giải thích nghi ngờ, tức câu "Nay Đức Thế tôn đang nhập chánh định", sự nghi này là do Đức Phật nhập định mà có. Đức Thế tôn đã nhập chánh định, sợ rằng xuất định chưa có lý do, cho nên không thể hỏi Phật.

"Là không thể nghĩ bàn", hiện điềm lành này là sâu xa, tâm có thể suy nghĩ, miệng chẳng thể chẳng phải bàn luận, vì thế tự ngài Di-lặc không thể giải thích.

"Việc biến hiện ít có", từ xưa không hề có nên gọi là ít có, do có ít có nên phải muốn biết, ba câu này là ly do muốn hỏi người khác. "Nay nên hỏi ai", chính là tìm người để hỏi điều nghi ngờ, ai là người có khả năng, tức chuẩn bị bám víu cửa trí tuệ.

3. Tìm được người giải thích, tức câu "lại suy nghĩ rằng", do có người giải thích nên nghi thứ hai trước liền hết, ở đây có hai phần:

a) Khen ngợi đức của ngài Văn-thù có thể giải quyết nghi ngờ. Câu "ta sẽ hỏi" trở xuống là hỏi.

Hỏi: Vì sao lại hỏi ngài Văn-thù?

Đáp: Đã nói quả Phật nhất thừa chỉ có Phật mới hiểu, nay Phật Thế Tôn đã nhập định nên không thể hỏi Phật. Ngài Văn-thù là Phật quá khứ, có thể thấu đạt việc Phật, cho nên hỏi ngài Văn-thù.

b) Như ngài Quán Âm cũng là cổ Phật nhưng chỉ hỏi ngài Văn-thù, bởi ngài Di-lặc và Văn-thù đời trước cùng ở chỗ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nên được hỏi. Hỏi ngài Văn-thù được khai phát hai phần kinh, ngài Văn-thù dẫn việc Phật Đăng Minh hiện điềm lành thì được khai phát thừa phương tiện, thừa chân thật.

Ngài Văn-thù là thầy của Phật Nhiên Đăng tức được khai phát thân phương tiện, thân chân thật. Do sắp bỏ gần bày xa, nên trước đem việc gần mà che việc xa.

Lại, trước nói việc Phật Đăng Minh lược bỏ ba bày một, sau nói ngài Văn-thù là lược bỏ gần bày xa. Văn-thù thuở xưa là thầy, nay phương tiện làm đệ tử, tức nói lên Phật Thích-ca là đệ tử Phật Nhiên Đăng cũng là phương tiện làm thầy. "Lúc bấy giờ bốn bộ chúng", đây là phần chúng sanh nghi ngờ. Ngài Di-lặc có đạo cao nên biết có người giải thích sự nghi, còn đại chúng đức kém nên chỉ nghi tướng lành của Phật mà không biết ai là người giải thích.

"Lúc bấy giờ ngài Di-lặc", đây chính là phần phát câu hỏi, gồm có hai phần, trước là hỏi, sau xin giải đáp. Chính hỏi có hai phần, trước là văn xuôi chỉ lược hỏi, sau là kệ tụng hỏi rộng. Trong phần văn xuôi lại chia làm hai, trước hỏi hai điềm lành đầu, sau hỏi điềm lành phát ra ánh sáng. Hai điềm lành trước là điềm lành bên ngoài, là y báo, cũng là ý nghiệp hiện ra nên nói là tướng thần thông, vì thế hợp chung thành một câu hỏi. Phát ra ánh sáng là điềm lành bên trong, là chánh báo, lại là thân nghiệp nên thành một câu hỏi. Trong phần phát ra ánh sáng thì trước nói hiện điềm lành, sau nói thấy điềm lành, tức câu "đều thấy".

"Bồ-tát Di-lặc,v.v..." đây là phần. Hỏi rộng bằng kệ tụng.

Hỏi: Vì sao các kinh đều có văn xuôi và kệ tụng?

Đáp: Văn xuôi và kệ tụng nói lược có mười thể và năm phần. Nói về mười thể, luận Thập Địa Tỳ-bà-sa do ngài Long Thọ soạn có chép:

1. Pháp tùy theo mỗi nước khác nhau, như Trung quốc có văn về tựa và minh, Thiên-trúc có nói rải hoa xâu hoa. (văn và kệ)

2. Sự ưa thích khác nhau. Luận ấy chép: Hoặc có người ưa văn xuôi hoặc có người thích kệ tụng, hoặc Thích-cả văn lẫn kệ, tùy theo sở thích khác nhau nên cũng theo mà không bỏ.

3. Sự ngộ khác nhau, hoặc có người nghe văn xuôi không ngộ mà nghe kệ lại ngộ, hoặc nghe riêng mỗi thứ thì mê mà nghe chung thì ngộ, cho nên nói cả hai.

4. Chỉ bày căn tánh có lợi, độn, người lợi căn vừa nghe liền ngộ, kẻ độn căn không hiểu nên phải nói lại mới ngộ.

5. Muốn biểu hiện Chư Phật tôn trọng chánh Pháp, ân cần cho đến một lời mà nói hai lần.

6. Khiến người đời sau sanh tâm tin đối với kinh, theo văn xuôi mà không hiểu hoặc sợ kinh có sai lầm, khi đọc bài kệ thấy giống như văn trước mới biết mình mê hoặc.

7. Muốn lời văn dễ hiểu mà chuyển cách nói pháp, giốngnhư người sắp hết bịnh lại muốn ăn vị ngon.

8. Chỉ bày nghĩa vị có vô lượng, văn xuôi đã nói một mà kệ tụng thì nói hai.

9. Biểu thị con người bên trong có trí vô ngại, bên ngoài có lời nói vô phương, có thể tự tại co duỗi, rộng hẹp tùy duyên.

10. Nói về chúng nhóm họp trước sau, nên có văn xuôi và kệ tụng, như kinh Niết-bàn nói.

Hỏi: Các kinh khác không cần đầy đủ cả văn xuôi và kệ tụng, vì sao kinh này bao gồm cả hai?

Đáp: Là do thích ứng sự giáo hóa, như trên đã nói. Chỉ vì kinh này bắt đầu trái với Nhị thừa mà nói về Nhất thừa, vì khó tin khó hiểu nên phải ân cần lặp lại. Lại nữa, các kinh Đại thừa khác là giáo hóa cho Bồ-tát, Bồ-tát có căn tánh lanh lợi nên chỉ nói một lần kinh này riêng vì người Nhị thừa, nhị thừa căn tánh chậm lụt nên phải nói hai lần.

Năm phần gồm có:

1. Bốn câu rộng và lược, văn xuôi rộng mà kệ tụng lược, vì để dễ trì tụng. Văn xuôi lược mà kệ tụng rộng, vì để giải nghĩa; văn xuôi và kệ tụng đều rộng, đều lược tức vì người độn căn nên nói hai lần, cũng là vì người đến sau.

2. Bốn câu có và không, văn xuôi không mà kệ tụng có, văn

xuôi có mà kệ tụng không, văn xuôi và kệ đều có, văn xuôi và kệ đều không.

Hỏi: Có và không tức là rộng và lược, vì sao lại giải thích riêng?

Đáp: Có và không khác với rộng và lược, như văn xuôi lược mà kệ rộng, văn xuôi hoàn toàn không nói mà kệ lại nói.

3. Bốn câu lìa và hợp, văn xuôi hợp mà kệ tụng ly, văn xuôi ly mà kệ tụng hợp, văn xuôi và kệ đều hợp, văn xuôi và kệ đều lìa.

4. Bốn câu trước sau, văn xuôi nói nghĩa ở trước, kệ tụng nói ở sau, nói nghĩa ở sau, kệ tụng nói ở trước, văn xuôi và kệ tụng đều ở trước, văn xuôi và kệ tụng đều ở sau.

5. Bốn câu “hỏi và dùng văn”, văn xuôi hỏi mà kệ tụng dùng văn, văn xuôi dùng văn mà kệ tụng hỏi, cả hai cùng dùng văn, cả hai cùng chất vấn, muốn dùng lời văn, xen hỏi nhau khiến người nghe vui mừng.

Năm phần nầy là để dễ hiểu mà chuyển cách nói pháp, dùng mười thể trước và năm phần sau quán thông cả các bộ, chẳng phải riêng kinh Pháp Hoa. Kệ có hai loại:

1. Thủ-lô kệ, (tên gọi để tính số văn tự kinh luận) gồm có ba mươi hai chữ, đây là phép đếm số kinh của nước ngoài. Dù văn xuôi hay kệ tụng nếu đủ ba mươi hai chữ thì gọi là một Thủ-lô.

2. Kết cú kệ, dùng bốn câu để làm bài kệ, dù bốn chữ hay bảy chữ cũng phải đủ bốn câu.

Kinh Niết-bàn chép: Bốn câu thành bài kệ thì gọi là Cú thế, Cú thế tức văn lưu hành trong thế gian đều dùng bốn câu làm một bài kệ. Cú thế có hai loại:

1. Già-đà, nghĩa là kệ cô khởi, cũng gọi là Bất Đẳng tụng.

2. Lộ-già, nghĩa là kệ tụng văn xuôi.

Có người chép: Nước ngoài gọi là Kỳ-dạ hoặc Kệ-dạ, nay lược bỏ chữ Dạ mà gọi thẳng là kệ, Hán dịch là Cú, Tụng.

Có người chép: Kệ là tiếng của Trung hoa, dùng để nói cho hết nghĩa thì gọi là kệ. Trong văn nầy gồm có năm mươi bốn bài kệ, chia làm hai phần:

1. Có bốn bài kệ nói về ba điềm lành và thấy điềm lành.

2. Có năm mươi bài kệ nói về điềm lành phát ra ánh sáng và thấy điềm lành.

Sở dĩ chia làm hai phần, bởi ban đầu hiện ra ba điềm lành ở cõi này, sau hiện điềm lành ở cõi khác, nên chia làm hai bài kệ tụng.

Hỏi: Vì sao hiện điềm lành ở cõi này và hiện ở cõi khác?

Đáp: Muốn biểu hiện đức Thích-ca vì chúng sanh ở cõi này mà nói pháp Nhất thừa, nên hiện điềm lành ở cõi này. Nhưng ba chấp khó bỏ, Nhất thừa khó tin, sợ chúng sanh cõi này không chịu tin, nên dùng kia để hiển đây, vì thế hiện điềm lành ở cõi khác. Ban đầu là điềm lành chính là nói, sau là điềm lành làm chứng.

Phần hiện điềm lành ở cõi này chia làm hai:

1. Kệ tụng hiện điềm lành.
2. Kệ tụng thấy điềm lành.

Phần hiện điềm lành chia làm ba:

1. Kệ tụng điềm lành phát ra ánh sáng.
2. Kệ tụng điềm lành rải hoa như mưa.
3. Kệ tụng điềm lành đất rung chuyển.

Hỏi: Trong phần văn xuôi trước nói mưa hoa, đất rung chuyển, sau nói phát ra ánh sáng. Vì sao phần kệ tụng trước nói phát ra ánh sáng, sau nói mưa hoa, đất rung chuyển?

Đáp: Kệ và văn xuôi mỗi thứ chỉ bày một nghĩa, văn xuôi từ sở hóa đến năng hóa, mưa hoa và đất rung chuyển là biểu thị chúng sanh sở hóa thành Phật, vì thế trước nói mưa hoa, đất rung chuyển. Sở hóa thành Phật là do năng hóa nói kinh, vì thế kế là ói phát ra ánh sáng.

Kệ tụng thì từ năng hóa đến sở hóa, do năng hóa nói kinh mà sở hóa mới được thành Phật, vì thế là bài trước tụng phát ra ánh sáng, sau tụng mưa hoa, đất rung chuyển.

Lại nữa, là do thế văn nối tiếp, ngài Di-lặc hỏi lời sau cùng là hỏi sự phát ra ánh sáng, vì thế sự gần bài tụng phát ra ánh sáng trước.

Gió thơm mùi Chiên-đàn, mưa hoa nói lên sự hiểu biết thất thừa, gió thơm biểu thị diệt hết mê hoặc của Nhị thừa, hoa trời che dơ uế, gió thơm diệt mùi hôi, cho nên đất ngoài được nghiêm trang thanh tịnh, biểu thị hiểu rõ Nhất thừa, diệt mê hoặc Nhị thừa mà trong tâm trang nghiêm thanh tịnh.

"Ánh sáng giữa hai đầu chân mày Phật", đây là phần kệ tụng nói về hiện điềm lành ở cõi khác.

Hỏi: Trước đã hỏi về ánh sáng, sao nay lại hỏi nữa?

Đáp: Văn xuôi nói thẳng một lần ánh sáng chiếu khắp cõi kia, cõi này, nay ngài Di-lặc muốn chia ra nên nói hai lần ánh sáng. Ánh sáng trước là chiếu cõi này, nay kệ tụng là ánh sáng chiếu cõi khác, y cứ chiếu cõi này cõi kia nên chia thành hai lần ánh sáng. Vì thế phần kệ sau chép:

Phật phát một luồng sáng

Tôi cùng cả chúng hội
Thấy ở cõi nước nầy
Các thứ thật tốt đẹp
Đây là ánh sáng cõi này.

Lại chép: Phóng một luồng ánh sáng trong suốt, chiếu vô lượng cõi nước. Đây là ánh sáng cõi khác.

Hỏi: Vì sao cõi này có ba điềm lành mà cõi khác chỉ có một điềm lành phát ra ánh sáng?

Đáp: Một thời kỳ đức Thích-ca ra đời thì đạo duyên chúng sanh thích ứng thuần thục, Phật vì đó nói pháp Nhất thừa, nên có điềm lành năng hóa, sở hóa. Chúng sanh ở cõi khác chẳng phải do đức Thích-ca giáo hóa nên không có ba điềm lành, nhưng Phật muốn đem cõi kia để nói lên cõi này, phát ra ánh sáng chiếu đến, vì thế chỉ có điềm lành phát ra ánh sáng. Văn này cũng có hai phần, trước tụng điềm lành phát ra ánh sáng, sau là tụng thấy điềm lành.

"Đều ánh như sắc vàng": cõi khác tuy có bảy việc mà đồng là nói đạo không hai, đem một sắc ở cõi kia để nói lên cõi này nói Nhất thừa. Lại, cõi kia cõi này đồng một đạo nên ánh sáng cõi này chiếu cõi kia, đem kia để làm chứng đây.

"Từ địa ngục A Tỳ, lên đến trời Hữu Đảnh". Trước là tụng chiếu soi Chư Phật theo chiều hòa ngang, phần tụng nay là chiếu dọc suốt tất cả chúng sanh.

Trong văn xuôi nói là trời Sắc Cứu Cách, nay gọi là trời Hữu Đảnh. Kinh Lâu Thán chép: Sắc Rốt ráo ở trên đảnh của cõi Sắc.

"Trong các thế giới đó v.v..." đây là phần kệ tụng thấy điềm lành. Văn xuôi có bảy việc, nay kệ tụng có năm, là tụng giáo môn kiêm tụng bốn chúng; bài tụng xây tháp kiêm tụng Niết-bàn, tụng còn lại có năm việc.

Ngài Di-lặc chia làm ba môn.

1. Kệ tụng về chúng sanh, vị hóa chủ và giáo môn.
2. Kết việc trước, khởi việc sau.
3. Kệ tụng việc Bồ-tát và xây tháp.

Sở dĩ môn đầu tụng ba việc, bởi chúng sanh sáu đường là sở hóa, Chư Phật là bậc hóa chủ, kế theo kệ tụng về giáo môn. Dối tượng giáo hóa là người bịnh, hóa chủ là thầy thuốc, giáo môn là thuốc hay, ba việc này liên quan nhau nên là một loại tụng.

Lại, chúng sanh sáu đường là năng cảm, chủ và giáo môn là hai loại ứng hình, thanh năng cảm không ngoài chúng sanh sáu đường, năng

ứng chẳng gì lìa hình thanh. Lại nữa, sáu đường là người nghe, Chư Phật là người nói, giáo môn là pháp chân thật, được ba việc này thì sanh tử có hạn, cho nên chỉ tụng ba việc.

Trong các thế giới, tức là khí thế giới, chúng sanh sáu đường tức là chúng sanh thế gian, đây là một cặp y báo và chánh báo. Nghiệp duyên thiện ác trong đường sanh tử là nhân, thọ báo tốt xấu là quả, đây là một cặp nhân và quả.

"Nơi đây đều thấy rõ", trên nói về ánh sáng năng chiếu và việc sở chiếu, chữ "đều" là sở kiến, đại chúng là năng kiến, đây là một cặp năng và sở. Do thấy việc chúng sanh nên dùng câu "đều thấy" làm lời kết.

"Lại thấy các Đức Phật, bậc Thánh chúa sư tử", đây là phần kệ tụng về bậc hóa chủ.

Trung Luận chép: Bậc Thánh có ba loại:

1. Ngoại đạo năm thần thông.
2. Bích Chi, La-hán.
3. Bồ-tát Pháp thân.

Trong ba bậc Thánh nầy thì Phật là cao nhất, nên gọi là Thánh chúa. Đã là chủ của ba Thánh, lại là thầy của chúng sanh sáu đường, đối với phàm thánh được tự tại không sợ sệt nên gọi là Sư Tử.

"Đang giảng nói kinh điển", đây là phần kệ tụng về giáo môn, văn có hai phần:

1. Kệ tụng về pháp luân căn bản Nhất thừa.
2. Kệ tụng về pháp luân ngọn ngành Ba thừa.

Chư Phật ở phương Đông đã có hai giáo môn này, nay dùng việc ấy để bày việc cõi này, nói Đức Thích-ca trước khi nói Pháp Hoa cũng có hai giáo môn này. Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, sau dó nói Ba thừa là giáo pháp ngọn ngành. Kệ tụng pháp luân căn bản có ba phần:

1. Nói Phật nói Nhất thừa một phương.
2. Nói về tất cả Phật nói pháp thì đồng, xứ sở thì khác.
3. Nói về ý nghĩa của giáo pháp, tức nói chung tất cả Phật.

Giảng nói kinh điển, là giáo pháp Nhất thừa năng thuyên.

"Mầu nhiệm bậc nhất", đây là lý Nhất thừa sở thuyên".

"Tiếng Chư Phật thanh tịnh, âm thanh thật êm dịu": Đây là khen ngợi âm thanh có thể giảng nói giáo pháp. Quét sạch bụi trần gọi là thanh tịnh, thuận theo căn duyên gọi là êm dịu, đây là dụng của thanh.

Lại nữa, âm thanh của Phật không đục gọi là trong, tiếng của Phật không ồn gọi là tịnh. Tiếng Phật nhu hòa gọi là êm, không thô xẳng gọi

là dịu.

"Chỉ dạy các Bồ-tát", là chỉ dạy cho đối tượng hợp duyên, bởi pháp luân căn bản không lẩn lộn ba thừa nên chỉ gọi là Bồ-tát. Nói pháp Nhất thừa phải đủ bốn việc. Đó là văn năng thuyên, lý sở thuyên, âm thanh năng tuyên và Bồ-tát sở hóa.

"Tiếng Phạm âm sâu mầu", đây là phần nói về nói pháp thì đồng, xứ sở lại khác. Trước khen ngợi âm thanh Phật thanh tịnh êm dịu nghĩa là giáo pháp xứng hợp duyên, nay nói "Khiến mọi người thích nghe" là căn cơ xứng hợp giáo Pháp.

"Chư Phật riêng mỗi cõi: tức nói Chư Phật ở chỗ khác nhau.

"Đang giảng nói chánh pháp", tức nói đạo ấy đồng nhau.

"Dùng các thứ nhân duyên v.v..." đây là phần nói về ý nghĩa giáo pháp.

Nửa bài tựa trên là Phật nói giáo, nói giáo có hai:

1. Pháp

2. Thí dụ.

Nữa phần dưới là nói ý Phật nói giáo, ý Phật nói giáo cũng có hai phần:

1. Trên thì mở rộng pháp Phật.

2. Dưới thì lợi ích chúng sanh.

Nói theo Phật thì giáo có thể hiển lý như đèn chiếu sáng, lý là sở thuyên gọi là Phật pháp.

"Để khai ngộ chúng sanh": đây là dưới làm lợi ích chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, do vô minh che lấp, tà kiến nghi ngờ nên Không ngộ Phật tánh. Chư Phật phá ải tà nghi, mở cửa vô minh khiến thấy Phật tánh, nên gọi là ngộ.

"Nếu có ai gặp khổ" v.v... đây nói về giáo pháp Ba thừa, tức pháp luân ngọn ngành. Chư Phật ở phương Đông vì chúng sanh căn tánh thấp kém không thể lãnh thọ

Nhất thừa, nên Nhất thừa mà nói thành ba, ý nói đức Thích-ca trước khi nói Pháp Hoa cũng vậy.

Pháp luân Nhất thừa có ba câu, nay pháp luân Ba thừa cũng có ba câu.

Các kinh sư xưa nói: Ba câu trước là nói chung về giáo, ba câu sau là nói riêng về giáo, do không hiểu pháp luân căn bản và pháp luân ngọn ngành nên mất ý chỉ của giáo. Tuy là một chương trong kinh mà thật là đại sự. Nếu trong Pháp Hoa có Hoa Nghiêm thì thành kinh sâu xa, nếu y theo bốn thời để giải thích thì thành giáo pháp nông cạn.

"Ngài Văn-thù-sư-lợi", đây là kết việc trước khởi việc sau, ba câu kết việc trước, ba câu khởi việc sau.

Hỏi: Vì sao không thứ lớp hỏi bảy việc như văn xuôi mà lại kết việc trước khởi việc sau?

Đáp: Do ngài Di-lặc muốn nói lên Phật ở phương khác trước khi nói Pháp Hoa có ba việc:

1. Có chúng sanh sáu đường.

2. Có Chư Phật ra đời.

3. Nói pháp luân căn bản và ngọn ngành. Đem kia để hiển đây, nói Đức Thích-ca trước khi nói Pháp Hoa cũng có ba việc:

1. Có sở hóa là chúng sanh.

2. Có Đức Thích-ca ra đời.

3. Nói pháp căn bản là Hoa Nghiêm, nói pháp luân ngọn ngành là ba thừa.

Ba câu kết việc trước, tức là nói vềviệc trước khi nói Pháp Hoa. Ba câu khởi việc sau, tức là nói lên Phật ở phương khác sau khi nói Pháp Hoa. Trước khi nói Pháp Hoa gồm có pháp luân căn bản và ngọn ngành, sau khi nói Pháp Hoa cho đến Niết-bàn là gam ngọn về gốc, tức là pháp luân Nhất thửa. Nếu không kết việc trước khởi việc sau, thì không thể nói lên giáo môn Pháp Hoa có hai thời trước và sau.

"Nay sẽ nó lược: trên là việc rộng mà nói lược, việc rộng là chúng sanh sáu đường, vị hóa chủ và giáo môn. Nói lược là phần kệ tụng có ít. Nay thì việc lược mà nói rộng, việc lược là nói hai việc Bồ-tát và xây tháp. Nói rộng tức phần kệ tụng nhiều, bởi đối chiếu ở trước mà nói rộng, lược, căn cứ ở sau nói rộng lược tức là do thấy các Bồ-tát và việc xây tháp nhưng lại chép: "nay chỉ lược nói", tức là thấy thì rộng mà nói thì lược. Như văn trước chép: "Cho đến trăm ngàn việc, tức là chúng nhiều, việc nhiều, mà nay nói lược nên gọi là lược.

"Tôi thấy cõi kia" v.v... đây là phần kệ tụng về Bồ-tát và việc xây tháp, việc Bồ-tát chia làm hai:

1. Tụng chung

2. Tụng riêng.

Tụng chung như trong văn, phần biệt tụng lược dùng ba môn để gồm nhiếp, Bồ-tát ở phương Đông tuy vô tận mà không ngoài ba hạng:

1. Bồ-tát thứ lớp hành sáu độ.

2. Bồ-tát ba nghiệp làm lợi ích.

3. Bồ-tát vô phương hành sáu độ.

Phần tụng đầu là các thứ nhân duyên; phần tụng giữa là các thứ

tướng mạo, phần tụng sau là các thứ tin hiểu.

Hỏi: Vì sao chỉ có phần kệ tụng Bồ-tát?

Đáp: Muốn nói Chư Phật ở phương đông ban đầu nói ba thừa, sau chỉ nói Nhất thừa, dùng kia để hiển đây, đức Thích-ca ban đầu nói Ba thừa, sau chỉ nói Nhất thừa. Đã nói Nhất thừa tức là chỉ dạy các Bồ-tát, cho nên kinh Pháp Hoa gọi là: "Giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niệm".

Từ đây trở xuống bao gồm phần kệ tụng ba hạng Bồ-tát. Trên nói rằng: "Chỉ dạy các Bồ-tát, muôn ức vô số vị", nghĩa là Bồ-tát pháp luân căn bản.

Kế là nói: "Nếu có các Phật tử, tu tập các công hạnh", đây là Bồ-tát pháp luân ngọn ngành trong ba thừa.

Nay đang nói là Bồ-tát Nhất thừa, tức gom gọn về gốc.

Hỏi: Vì sao Ba hạng Bồ-tát có rộng hẹp?

Đáp: Trong hai pháp luân trước chỉ có Bồ-tát trực vãng, pháp luân sau gom ngọn về gốc thì có đủ hai hạng Bồ-tát.

Hỏi: Đã biết chỉ tụng Bồ-tát sao còn nói về sáu độ?

Đáp: Những thực hành của Bồ-tát thì không ngoài sáu độ, sáu độ là thể của nhân thừa.

Luận Trí Độ chép: Sáu pháp Ba-la-mật là thể của thừa. Nay muốn cho Bồ-tát nương xe báu ấy thẳng đến đạo tràng, nên nói về hạnh sáu độ.

Bó thí độ chia làm hai phần:

1. Ngoại thí.
2. Nội thí.

Ngoại dễ, nội khó nên nói từ dễ đến khó.

Ngoại thí chia làm hai phần:

1. Nói về thí tất cả.
2. Nói về thí đồ vật tốt đẹp.

Ba câu trước nói về hạnh bố thí, vui mừng bố thí là nói về địa vị bố thí, nên Thập hạnh trước Địa thì hạnh đầu gọi là hạnh Hoan hỷ, Sơ địa hành bố thí gọi là Vui mừng địa, nên biết đây là địa vị bố thí.

Hỏi: Thế nào là vui mừng thí?

Đáp: Như cha hiền cho con dồ vật tâm sanh vui mừng, Bồ-tát cũng vậy. Lại như người thế gian biết lửa sẽ đốt cháy nhà, nên lấy được của cải ra, nhà tuy bị cháy mà vật không mất nên chủ nhà vui mừng, biết thân sẽ hoại diệt nên dùng của cải bố thí và sanh vui mừng cũng thế.

"Hồi hướng cầu Phật đạo", trên nói về hạnh bố thí, nay nói về hạnh chuyển, nghĩa là dùng điều thiện bố thí này hướng về Phật đạo,

nên gọi là hạnh chuyển.

Hỏi: Vì sao phải hồi hướng?

Đáp: Kinh Tịnh Danh chép: Hồi hướng vì lợi ích lớn, nếu hồi hướng cho ba cõi hoặc Nhị thừa thì được lợi ích nhỏ, nếu đem điều thiện hướng về Phật đạo thì có lợi ích lớn, cho nên phải hồi hướng. Lại nữa, hướng điều thiện này đến tất cả chúng sanh cũng gọi là lợi ích lớn, nếu hướng điều thiện về mình thì phước rất ít, nếu hướng cho những người khác thì do họ có nhiều người nên điều lợi ích cũng lớn.

Lại nữa, hướng điều thiện này về thật tướng thì cũng gọi là lợi lớn, vì sao như vậy? Nếu không hướng thật tướng thì thành mê đắm không động không xuất, không gọi là thừa, lợi ích sẽ nhỏ. Nếu biết bố thí tức là thật tướng, thật tướng vô biên, bố thí phù hợp với lý thật tướng thì phước đức cũng vô biên. Hồi hướng thì có nhiều mà chỉ có ba điều quan trọng như trên.

"Nguyện chứng đắc Phật thừa", ở trên nói về hạnh bố thí, nay nói về sự phát nguyện, hạnh bố thí như xe, phát nguyện như người lái xe.

Hỏi: Vì sao nói nguyện chứng đắc Phật thửa là bậc nhất trong ba cõi?

Đáp:Kệ tụng về nguyện đắc Nhất thừa ở cõi khác để làm tướng hành Nhất thừa của Bồ-tát ở cõi này, tức là dùng kia hiển đây, thầm thuyết Nhất thừa.

"Hoặc có vị Bồ-tát", ở đây nói về bố thí tốt đẹp.

Hỏi: Trên đã nói bố thí xe, nay vì sao lại nói bố thí xe?

Đáp: Là dùng kia để hiển đây, nói về tướng Nhất thừa, cũng gọi là thí sau rốt, như Thái tử Tu Đại Noa, bố thí dồ vật đã hết sạch chỉ còn chiếc xe mình cỡi, có người đến xin và Bồ-tát cũng xả.

Chữ "hiên sức", xe của đại thần gọi là hiên, che trên xe cũng gọi là hiên, nay nói hiên sức, thì biết đồ vật che xung quanh xe.

"Lại thấy có Bồ-tát",v.v... đây là phần nói về nội thí, cũng chia ra hai phần là khinh thí và trọng thí. Sở dĩ nói nội thí, do trước đã nói về hai thứ ngoại thí, chỉ còn tự thân và vợ con, nên nay nói bố thí thịt thân mình và vợ con. Nói bố thí thịt thân mình là chỉ dùng thịt bố thí như vua Thi-tỳ, chỉ dùng thân bố thí như vua Trường Thọ.

Thuở xưa có vị vua, vì nước mất mà trốn vào rừng sâu, có người đến xin thân mạng, vua bố thí thân, khiến họ đem về nước kẻ thù.

Câu "Lại thấy có Bồ-tát" trở xuống là nói về trọng thí, như vua Quang Minh bố thí ngàn đầu, Bồ-tát-đề-bà bố thí mắt, Ma-ha-tát-đỏa bố thí thân.

"Đều vui mừng thí cho", như người đem dồ bằng gạch đổi được bình báu tâm sanh vui mừng, bố thí thân thịt mà được pháp thân, ý nghĩa cũng vậy.

Hỏi: Vì sao không có nội ngoại thí?

Đáp: Trong kinh nói nội ngoại thí bao gồm tất cả thí, hoặc nói về ba thứ bố thí: nội thí, ngoại thí, nội ngoại thí. Nội ngoại thí, như Bồ-tát nhổ thức ăn của mình thí cho ngạ quỷ.

Hỏi: Trong kinh Kim cương Bát-nhã nói về ba thứ bố thí, đây là loại bố thí nào?

Đáp: Kinh ấy dùng hạnh bố thí gồm nhiếp cả sáu độ, hạnh đầu là bố thí của cải, hai hạnh kế theo là bố thí vô úy, ba hạnh sau là bố thí pháp, nay đã có sáu độ riêng, chỉ là bố thí của cải mà thôi.

Hỏi: Lấy gì làm thể của bố thí?

Đáp: Luận Tỳ-đàm dùng vô tham tương ưng tư, khởi ở thân nghiệp, miệng nghợp xếp vào thể bố thí. Có người chép: Trong các tâm sở có tâm sở xả riêng gọi là thể của thí. Có người chép: Tâm bố thí, tài vật, cho đến người nhận, nhân duyên ấy hòa hợp gọi là thể của thí.

"Ngài Văn-thù Sư Lợi", phần này nói về giới, trước là Bồ-tát tại gia, đây là Bồ-tát xuất gia, trước nói về hành thiện, nay nói về dứt ác.

Xưa có năm vị vua hỏi nhau về nhưng điều mà họ ưa thích. Một người nói thích vườn rừng hoa quả, một người nói thích sắc đẹp phụ nữ, một người nói thích quân đội binh mã, một người nói thích săn bắn vui chơi. Chỉ có một vị đại vương lần nói lược về tai họa, hoa quả sẽ có khô héo rơi rụng, phụ nữ sẽ có ân ái xa lìa, quân đội thì có tranh đấu giết hại lẫn nhau, săn bắn thì trái với lòng tử bi, không bằng nhàm chán già bịnh chết mà cầu Niết-bàn thường an vui. Bốn vị vua nghe xong đều đến chỗ Phật xuất gia tu đạo.

Bồ-tát có ba loại giới.

1. Dứt tất cả ác tức giới nhiếp luật nghi.

2. Làm tất cả thiện tức giới nhiếp pháp thiện.

3. Độ tất cả chúng sanh tức giới độ chúng sanh.

Văn này nói Bồ-tát xuất gia, phải thọ đủ ba thứgiới trên, nhưng chưa thực hành hai giới kia, chỉ nói về giới nhiếp luật nghi.

Hỏi: Ba giới lấy gì làm thể?

Đáp: Có người chép: Giới đầu lấy dứt ác làm thể, hai giới sau dùng hành thiện làm thể. Điều nầy không đúng, nếu hai giới sau dùng hành thiện làm thể, thì lúc đầu thọ giới chưa tu hạnh độ người, lẽ ra chỉ thọ được một giới, vậy giới của Bồ-tát sẽ không đầy đủ.

Nay nói ba giới đều lấy dứt ác làm thể, giới đầu là dứt ác của oai nghi, giới thứ hai là dứt ác về không làm thiện, giới sau là dứt ác về không độ người. Vì thế lúc đầu là thọ đủ ba giới mà lúc sau mới thực hành pháp thiện và độ chúng sanh.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thứ giới?

Đáp: Giới dứt tất cả ác thì về sau đắc quả không có lệ lụy nào không dứt hết. Giới làm tất cả việc lành sau được đức pháp thân chẳng có gì không tròn đầy, giới độ chúng sanh cũng giúp cho người khác được hai quả báo này, cho nên giữ gìn ba giới thì mình và người đều chứng pháp thân.

Hỏi: Giới lấy gì làm thể?

Đáp: Luận Tỳ-đàm lấy sắc thể, luận Thành Thật lấy phi sắc phi tâm làm thể, thí dụ tăng kỳ là nói lìa suy nghĩ không có nhân báo, lìa thọ nhận không có quả báo, cho nên lấy tâm làm thể. Nay nói Đại thừa thích ứng cơ duyên không có chấp nhất định, nếu có chấp nhất định thì thành tranh luận, rơi vào xiển-đề.

"Hoặc lại thấy Bồ-tát" v.v... đây là nói về nhẫn nhục độ, giữ giới tức tự mình không làm ác, hành nhẫn nhục là chịu đựng người khác đánh mắng, nhẫn nhục có ba thứ:

1. Người khác không lợi ích nhẫn.
2. An nhiên chịu khổ nhẫn.
3. Pháp tư duy nhẫn.

Nay nói rằng "ở một mình nơi vắng vẻ", xa lìa năm dục kiềm chế sáu căn, đó là an nhiên chịu khổ nhẫn và pháp tư duy nhẫn.

"Cũng thấy có Bồ-tát", đây là nói về hạnh tinh tấn, tinh tấn có ba loại:

1. Mở rộng thệ tinh tấn, do phát nguyện lớn.
2. Tập thiện tinh tấn, là tự tu các điều thiện.
3. Lợi ích chúng sanh tinh tấn: do độ chúng sanh.

Nay trong văn là nói hai phần tinh tấn trước. "Lại thấy người lìa dục, thường ở chỗ trống vắng, sâu tu môn thiền định, đắc năm pháp thần thông", đây là phần kệ tụng về thiền định, thiền có ba loại:

1. Hiện pháp lạc thiền, là trong tâm vắng lặng.
2. Sanh ra công đức thiền, là phát sanh bốn thiền định, năm thứ thần thông.
3. Lợi ích chúng sanh thiền, là độ chúng sanh. Nay trong văn chưa nói phần độ chúng sanh, nên chỉ là hai phần thiền trước mà thôi. Phần kệ đầu là nói về tu thiền đắc quả, phần kệ sau là nói động tĩnh như

nhau, Tiểu thừa chỉ nói tu Bốn thiền mới có công năng phát sanh thần thông, Đại thừa nói tất cả thiền định đều có công năng phát sanh thần thông.

Kinh chép: Bồ-tát hoặc đắc năm thông, hoặc đắc sáu thông, gồm có hai nghĩa:

1. Khi mới thực hành Bồ-tát chỉ đắc năm thông.

2. Bồ-tát pháp thân đắc sáu thông.

Lại, Bồ-tát đã hết phiền não nhưng vẫn còn thân phàm phu nên nói đắc sáu thông. Nhưng so với Phật vẫn còn chút tập khí nên nói đắc năm thông.

Câu kệ kế: "Chắp tay trụ thiền định": là nói về động tĩnh như nhau, tức là tĩnh mà có thể động, tâm an trong thiền định thì động thân chắp tay, miệng khen ngợi đấng Pháp Vương.

Nên, Kinh Tịnh Danh chép: Không khởi diệt định mà thể hiện các oai nghi.

Nước Tần có người biết sách tiếng Phạn chép: Nước ngoài gọi là an thiền, Hán dịch là chắp tay, vì vậy nêu cả hai nghĩa. Chính là thuộc về Tuệ hạnh, chẳng phải thiền môn. Nay cho rằng không đúng, nếu nêu cả hai thì trong văn thành phiền phức, giả sử muốn thành lời kệ thì phải nói rằng: "Cung kính chắp tay", không thể một việc mà trình bày cả hai.

"Lại thấy có Bồ-tát, trí sâu chí bền chắc, thưa hỏi pháp với Phật, nghe hiểu mới thọ trì": đây là phần kệ tụng nói về tuệ hạnh. Tuệ có ba loại:

1. Bậc nhất nghĩa Tuệ

2. Tuệ biết năm minh thế gian

3. Tuệ độ chúng sanh.

Nay trong ý văn thì đủ cả ba nhưng chưa nói về độ chúng sanh.

"Lại thấy có Phật tử, định tuệ đều đầy đủ, dùng vô lượng thí dụ, vì chúng mà giảng pháp": đây là nói về ba nghiệp làm lợi ích. Có người chép: Vẫn thuộc về Bà-nhã độ, trước nói trên cầu Chư Phật, nay nói dưới lợi chúng sanh, trong sáu độ thì phần đầu, phần sau nói rộng, phần giữa nói lược.

Có người chép: Trước nói Bà-nhã rồi, nay nói về phương tiện Ba-la-mật, làm sao biết? Phẩm Phát Thú trong kinh Đại Phẩm chép: Địa thứ bảy gọi là Đẳng định tuệ địa, địa thứ bảy thuộc về phương tiện, nay văn có định tuệ đầy đủ, tức là định tuệ bình đẳng, nên biết thuộc về phương tiện.

Nay nói về ba nghiệp làm lợi ích, tức là các thứ tướng mạo, thân miệng hiện bên ngoài gọi là tướng, ý nghiệp bên trong cũng nói lên gọi là mạo. Hai câu kệ đầu là nói về bậc Thánh nói pháp, tức miệng nghiệp làm lợi ích chúng sanh, kế có một bài kệ nói bậc Thánh vắng lặng:, tức là ý nghiệp lợi ích chúng sanh.

Kế có một bài kệ nói: "Ở rừng phát ánh sáng: là thân nghiệp cứu giúp. Lại nữa, ba nghiệp này làm lợi ích ba hạng người, ban đầu lợi ích Bồ-tát là thượng phẩm, kế đến là lợi ích trời, rồng là trung phẩm, sau cùng cứu vớt địa ngục là hạ phẩm. Lại nữa, hai lợi đầu là đại từ ban vui, lợi sau là đại bi cứu khổ, hai phần đầu là lợi ích trời người, phần sau là cứu vớt đường ác.

"Định tuệ đều đầy đủ", là tịch chiếu tròn đầy, tức bên trong có đủ đức để nói pháp. "Dùng vô lượng thí dụ", bên trong đã tịch chiếu tròn đầy, bên ngoài có biện tài vô ngại. "Ưa thích nói giáo pháp, chỉ dẫn các Bồ-tát", thích sở đắc của mình, vui vì ban lợi ích cho bạn đồng hành. "Phá dẹp các binh ma, mà đánh rền trống pháp", trên là nói lợi ích cho người, nay nói phá các tà kiến. Ma là bốn ma, binh chúng là mười quân. Bồ-tát nói pháp giúp người đắc đạo, phá ma phiền não mà được pháp thân, nên phá trừ ma năm ấm. Do hai việc đắc đạo và pháp thân nên phá ma chết. Do đắc Tam-muội Bất động nên phá trừ ma trời. Nói mười quân, tâm dục là quân thứ nhất, cho đến tự cao khinh người là mười quân. Dùng giáo pháp làm dùi, dùng lý làm trống, dùng lời khuyên nói là đánh rền.

"Lại thấy các Phật tử, không hề có ngũ nghỉ,v.v...", đây nói về hạnh sáu độ vô phương, tức la các thứ tin hiểu. Nói chữ vô phương gồm có hai nghĩa:

1. Thích ứng cơ duyên trước sau không nhất định.
2. Căn tánh chẳng phải một nên việc làm không như nhau.

Nói sáu độ là gồm sáu hạnh, đây nói về hạnh tinh tấn, tinh tấn là gốc của các đức, Bồ-tát nghe việc này cho nên phát khởi thì gọi là hành. Luận Thành Thật chép: Thân tâm mờ tối nặng nề gọi là thùy, nhiếp tâm lìa giác gọi là miên. Luận Tỳ-đàm chép: có số Thùy miên riêng Mê đắm cảnh ở trước nên gọi là thùy, thân tâm mê muội duyên theo cảnh giới gọi là miên. Đại thừa cho rằng tất cả mê đắm hôn mê đều gọi là thùy miên, tâm Bồ-tát không đắm nhiễm thì gọi là không hề thùy miên, không động mà du hành gọi là kinh hành, niệm niệm thường tu tập vô sanh chánh quán gọi là Tinh tấn.

Hỏi: Trên có nói về tinh tấn, so với ở đây có gì khác?

Đáp: Trên là nói về siêng năng, nay là nói về dứt lỗi, trên nói về tĩnh tọa, nay nói về kinh hành. “Cũng tu đủ giới đức”, đây nói về giới hạnh, tinh tấn là siêng năng các hạnh, giới là nền tảng của muôn đức, trong đây ngăn ngừa phàm phu, Nhị thừa có sở đắc xấu ác nên gọi là giới, giữ giới trọng gọi là đầy đủ giới. Không phạm điều ganh ghét xứng hợp oai nghi không thiếu sót, đối với giới có ba loại:

1. Thanh tịnh như châu báu.
2. Tròn đầy không thiếu nên gọi châu báu.
3. Giới đáng quý trọng nên như châu báu

Hỏi:Trên đã nói về giới, so với đây có gì khác?

Đáp: Trên đã nói về việc khó xả mà xả được nên xả bỏ nhà cửa, nay nói về việc khó giữ mà giữ được, oai nghi không thiếu sót. Lại nữa, xuất gia là bắt đầu, giữ giới là kết thúc. Lại nữa, trên nói riêng về vị vua chúa, nay nói chung tất cả. “Lại thấy các Phật tử, an trụ sức nhẫn nhục”: đây là nói về độ nhẫn nhục. Trong đây nói Bồ-tát nhẫn nhục, vì thấy có chúng sanh nên có thể chịu đựng được, vì biết chúng sanh rốt ráo không sanh gọi là vô sanh nhẫn, pháp nhẫn cũng vậy. Kinh A-hàm chép: Có sáu thứ lực:

1. Trẻ con lấy khóc làm sức mạnh, khi muốn đòi hỏi việc gì trước là khóc.
2. Người nữ dùng giận dỗi làm sức mạnh, khi muốn đòi hỏi việc gì trước là giận dỗi.
3. Quốc vương lấy kiêu ngạo, giàu sang làm sức mạnh.
4. La-hán lấy tinh tấn làm sức mạnh.
5. Chư Phật lấy đại bi làm sức mạnh.
6. Tỳ-kheo lấy nhẫn nhục làm sức mạnh.

“Bị kẻ tăng thượng mạn, mắng chửi và đánh đập”, đây là thmầ phá Tiểu thừa, người Tiểu thửa chấp chặt tự cho mình đã rốt ráo, gọi là tăng thượng mạn, cây roi đánh ngựa gọi là quất, đánh.

Hỏi: Trên đã nói về nhẫn, so với đây có gì khác?

Đáp: Trên nói về ức chế tình thức bên trong gọi là an khổ nhẫn, nay nói không động bởi duyên bên ngoài gọi là tha không lợi ích nhẫn, trên chỉ nói Tỳ-kheo, nay nói chung cả đời và đạo, trên nói ở trong rừng suối, nay nói ở cả thành ấp. “Lại thấy “Bồ-tát, xa rời sự vui chơi,v. v...”, đây nói về hạnh thiền định. Xa rời sự vui chơi là tránh xa duyên tạp loạn. “Tránh quyến thuộc si mê”, bởi chúng sanh chưa thể độ được. Hai câu xa rời nầy là nói về thân xa rời, “nhất tâm trừ náo động” là nói về tâm xa rời. “Trải ngàn muôn ức năm, để cầu chứng Phật đạo”, đây

là nói về ý tu tập thiền định. Kinh Tịnh Danh chép: Không ở nơi ba cõi mà hiện thân, ý, đó là Bồ-tát thiền, do thấu đạt thân tâm xưa nay là bốn bặt, không thấy thân ý, không bị thân ý làm loạn động. Khác với Thiền độ trên: Ở phần kệ trên nói tu thiền đắc quả, nay chỉ nói nhân hạnh tu tập vắng lặng, ở trên nói người lợi căn thấy rõ lý, nay nói hạng độn căn dựa vào thầy hướng dẫn. Hoặc thấy vị Bồ-tát, dâng thức ăn ngon quý, cùng trăm thứ thuốc men, lên cúng Phật và Tăng,v.v...", đây là nói về độ bố thí. Kinh Niết-bàn chép: Nếu khởi tâm Nhị thừa không bố thí, đó là phá giới tà kiến. Nếu dùng tâm phàm phu thấy có người cho, vật cho và người nhận, cũng là phá giới, tà kiến. Nay hiểu rõ ba việc là tự nhiên mà thường vắng lặng, chính là siêu phàm nhập Thánh, là giữ giới, chánh kiến bố thí. Có năm phần riêng:

1. Bố thí thức ăn và thuốc men.
2. Bố thí y phục
3. Bố thí giường ghế, mền nệm.
4. Bố thí vườn rừng.
5. Một bài kệ tổng kết ý bố thí

Nói thức ăn ngon, dó là thịt xắt nhuyễn, kinh này chưa chế không được ăn thịt, nên nói Bồ-tát bố thí thịt. Từ phẩm Tứ Tướng trong kinh Niết-bàn trở đi là đã dứt ăn thịt, đến phẩm Đại Chúng Vấn có việc Thuần-đà đem các thức ăn ngon đến, vì Thuần-đà trở về nhà từ phẩm Ai Thán, nên đến phẩm Tứ Tướng không nghe chế giới. Phẩm Đại Chúng Vấn chép: Thức ăn không khác, đồng biến thành thức chay. "Y phục quý giá ngàn muôn": ca sa của ngài Ca-diếp trị giá mười muôn lượng vàng, được dâng lên Phật. Kỳ Vức dâng Phật y nhuộm màu ngọc báu cũng giá trị mười muôn lượng vàng, Phật dạy ngài A-nan cắt rọc may thành ca sa khác với bố thí độ ở trên là: Trước nói bố thí cho bốn loài, nay nói cúng dường Ba Bảo nên có khác nhau, trên nói về nội thí ngoại thí, nay chỉ nói tài thí. "Lại thấy vị Bồ-tát, giảng nói pháp vắng lặng", đây nói về Bát-nhã độ, gồm có ba hạng người: Ban đầu nói về pháp vắng lặng tức là diệu pháp nhất thừa trong kinh này, vì thế phẩm Phương Tiện chép: "Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng". Dùng đủ lời hướng dẫn, dạy vô số chúng sanh", như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt dùng sáu trăm muôn ức pháp môn để nói cho Thường Đề. Lại như ngài Tịnh Danh dùng ba cấp để nói về không hai:

1. Các Bồ-tát dứt hết các hai mà nói không hai, chưa nói về không hai vô ngôn

2. Ngài Văn-thù tuy nói không hai vô ngôn, mà còn nói ở không

hai.

3. Ngài Tịnh Danh nói không hai vô ngôn, mà có thể vô ngôn ở không hai. Cho nên chép: "dùng đủ lời hướng dẫn". "Hoặc có vị Bồ-tát, quán sát các pháp tánh", đây nói về hạnh quán pháp, do tánh của tất cả các pháp vốn chẳng có hai tướng, tức nói lên chỉ có Nhất thừa. "Lại thấy cácPhật tử, tâm chẳng hề chấp đắm", đây là nói về hạnh không mê đắm. Trước nói hiển bày Nhất thừa, nay phá chấp Ba thừa, trước nói không hai, nay cũng chẳng chấp không hai. Kinh Hoa Nghiêm chép: Chẳng đắm chấp pháp không hai, do không có một và hai. Lại nữa, hợp ba hạng người thành hai, ban đầu nói người tu Bà-nhã, kế là nói người thực hành Bát-nhã. Nói Trung đạo không ngoài ba cấp, như nhập pháp môn không hai, thực hành Trung đạo không ngoài hai quán pháp:

1. Quán không hai.

2. Quán không mê đắm.

Trên nói về bậc Thánh nói pháp, nay nói về bậc Thánh im lặng.

Hỏi: Kinh nói về mười độ, so với sáu độ có khác nhau?

Đáp: Trong kinh chia ra hai đoạn:

1. Ba độ trước lấy phương tiện làm bạn.

2. Ba độ trước làm bạn với ba độ sau, nguyện làm bạn với tinh tấn, lực làm bạn với thiền, trí làm bạn Tuệ.

Gọi chung là Độ gồm có:

1. Thời độ, nghĩa là đủ ba A tăng kỳ kiếp.

2. Quả độ, là đắc quả Bồ-đề.

3. Thanh tịnh độ, là suy xét cùng tận thật tướng.

Trong mỗi độ gồm có bốn trường hợp:

1. Là thí chẳng phải trong hai tăng kỳ kiếp đầu thực hành bố thí.

2. Là độ chẳng phải thí, tu tậ p các hạnh khác trong tăng kỳ kiếp thứ ba.

3. Vừa độ vừa thí, trong tăng kỳ kiếp thứ ba thực hành bố thí.

4. Chẳng phải thí chẳng phải độ, tu tập các hạnh khác trong hai tăng-kỳ kiếp đầu.

"Thưa Bồ-tát Văn-thù, lại thấy vị Bồ-tát, sau khi Phật diệt độ, cúng dường Xá-lợi Phật". Đây là phần kệ tụng nói về Bồ-tát xây tháp.

Hỏi: Vì sao hai đoạn trước đều nói về Bồ-tát?

Đáp: Muốn nói lên từ lúc nói kinh Pháp Hoa trở đi, đến Niết-bàn đều là nhiếp ngọn về gốc, không có khác nhau giữa năm thừa, nên đều là Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao trước nói Bồ-tát, nay nói Niết-bàn?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1. Muốn nói Bồ-tát thực hạnh nhân mà được quả niết bàn.

2. Muốn nói lên Pháp Hoa là giáo pháp rốt ráo, nói pháp rốt ráo rồi liền nhập Niết-bàn.

3. Nói Pháp Hoa rồi nhập Niết-bàn, khiến chúng sanh lúc ấy luyến tiếc, sau nghe pháp nhất thừa thì liền tin nhận.

Hỏi: Vì sao có hai chương nói về Bồ-tát?

Đáp: Ban đầu nói lúc Thế tôn còn tại thế tu hạnh Bồ-tát, nay nói sau khi Phật diệt độ tu hạnh Bồ-tát. Lược nên hai môn này để gồm nhiếp tất cả hạnh. Trong văn có bảy hàng kệ chia làm hai phần: 1. Một hàng nói về cúng dường Xá-lợi, như sau khi Đức Thích-ca nhập Niết-bàn. Từ rừng Sa-la đem Phật về chùa Thiên Quan an trí bảy ngày mà cúng dường toàn thân Phật, đợi sau bảy ngày ngài Ca-diếp về mới hỏa táng, cúng dường thân đã nát vụn chính là xây tháp cúng dường. Lại nữa, cúng dường Xá-lợi gồm có hai cách:

1) Cúng dường trực kế không xây tháp, dùng hợp bằng bảy thứ báu đựng Xá-lợi như cúng dường thân Phật.

2) Dựng tháp cúng dường.

1. Có sáu hàng kệ nói về xây tháp miếu.

Hỏi: Người phàm phu ở thế gian cũng có xây tháp, có gì khác so với xây tháp ở đây?

Đáp: Bồ-tát biết tháp là do nhân duyên tạo thành, tức là tánh vắng lặng, tuy có vận dụng mà thật không có làm, tức đầy đủ bốn trí, trong sáu hàng kệ lại chia làm hai phần:

1. Bốn hàng kệ đầu là nói về xây tháp.

2. Hai hàng kệ sau là giải thích nghi ngờ.

Bốn hàng kệ đầu chia ra như sau: Hàng kệ đầu nói về xây tháp, hàng kệ thứ hai nói về chiều cao chiều rộng, hàng kệ thứ ba nói về trang hoàng tháp. Hàng kệ thứ tư nói về cúng dường tháp. Bồ-tát xây tháp gồm có hai nghĩa:

1. Cúng dường Xá-lợi.

2. Lợi ích chúng sanh.

Ba hàng kệ trên nói về cúng dường Xá-lợi, một hàng kệ sau nói về trời rồng cúng dường, tức lợi ích cho chúng sanh. Kế là giải thích nghi ngờ, trên nói tô điểm cõi nước, như vậy xây tháp chính là làm trang nghiêm cõi nước chẳng phải cúng dường pháp thân.? Vì thế nay nói vì tôn trọng pháp thân mà cúng dường Xá-lợi, cõi nước tự nhiên tốt đẹp trang nghiêm.

Nói “Như cây Thiên thọ vương, bông hoa đang bừng nở”, đó là dùng thí dụ để giải thích sự tốt đẹp. Hoa nở vốn vì kết trái, mà cây tự nhiên trang nghiêm, xây tháp vốn là cúng dường thân Phật, mà cõi nước tự nhiên tốt đẹp.

Lại nữa, giải Thích-cây nở hoa, là vô tâm khiến người ưa thích, nên người tự nhiên ưa thích; xây tháp là vô tâm trang nghiêm cõi nước, mà cõi nước tự nhiên trang nghiêm, cũng là dùng thí dụ đây để giải thích sự tốt đẹp trang nghiêm đã nói trên mà thôi.

Cây thọ vương nở hoa là tốt đẹp đáng ưa thích, cõi nước có tháp cũng là tốt đẹp mầu nhiệm.

“Phật phát ra ánh sáng sáng”, từ câu kệ này trở xuống là nói cầu xin giải đáp, văn gồm có hai phần:

1. Thấy điềm lành sanh nghi nên xin giải đáp.
2. Suy lường về điềm lành chưa rõ nên xin giải đáp.

Sở dĩ có hai phần này là do trước nay thấy nghe mà không rõ nên xin giải đáp, trong tâm suy lường cũng chưa hiểu được nên lại xin nữa, vì thế chia làm hai phần thưa thỉnh. Ban đầu nói thấy nghe mà không rõ là bao gồm cả đại chúng, kế nói suy lường mà chưa hiểu là nói riêng ngài Di-lặc, do đại chúng chưa thể suy lường, còn ngài Di-lặc thấy tướng mà không rõ, chưa thể quyết định được nên xin giải đáp, vì có hai người nên chia thành hai lần thỉnh. Lại nữa, sở dĩ chia ra làm hai nghĩa này, bởi lúc đầu từ phàm phu cho đến bậc Bổ xứ đều thấy điềm lành mà sanh nghi, lại suy lường mà chưa hiểu, nên biết điềm lành là phi thường biểu hiện pháp được nói phải là lớn, tất cả đều kinh hãi mà sanh ý tưởng khó gặp, khiến sau khi nghe pháp liền tin nhận. Trong văn lại chia làm ba ý:

1. Ba bài kệ đầu nói việc nghi ngờ dẫn đến xin cầu.
2. Một bài kệ kế nói ý đại chúng xin đáp.
3. Một bài kệ sau là xin thúc dục đáp.

Hai bài rưỡi kệ là nêu việc nghi ngờ, nửa bài kệ sau là xin đáp. Trên nói hiện ba điềm lành, nay chỉ nêu việc phát ra ánh sáng, là do trong ánh sáng hiện ra nhiều việc, ánh sáng cũng là gốc của các điềm lành.

Hỏi: Vì sao nói ánh sáng hai lần?

Đáp: Muốn nói lên ba điềm lành có chung và riêng, mưa hoa, đất rung chuyển chỉ hiện ở cõi này, điềm lành phát ra ánh sáng là bao gồm cõi này và cõi khác.

Hỏi: Mưa hoa, đất rung chuyển hiện vang cõi này có ý nghĩa khác

nhau không?

Đáp: Nói theo văn, mưa hoa chỉ có ở hội nầy, nên nói rằng: “Rải trên Phật và đại chúng” Đất rung chuyển thì nói rằng: “Thế giới này sáu lần rung chuyển”, ánh sáng chiếu cả cõi này cõi kia, như vậy thì điềm lành mưa hoa là giới hạn nhỏ nhất, kế đến là đất rung chuyển, sau là ánh sáng chiếu khắp.

Hỏi: Vì sao có ba cấp bậc này?

Đáp: Nay nói Pháp Hoa chính là khiến bốn chúng trong hội nầy ngộ đạo, nên mưa hoa chỉ rơi một chỗ, cũng khiến cho trời, người trong sáu đường ở cõi Ta-bà do đức Thích-ca đứng đầu đều ngộ đạo, nên một thế giới mà sáu lần đất rung chuyển, đem kia hiển đây nên có ánh sáng chiếu cõi khác.

Hỏi: Vì sao đoạn văn này chỉ khen ngợi ánh sáng?

Đáp: Gồm có hai nghĩa:

1. Muốn khen ngợi thần thông ít có của Phật, tức khen ngợi Phật thừa khiến người bốn thừa vui thích kính mến.

2. Muốn biểu hiện nói Nhất thừa nên khen ngợi một điềm lành ánh sáng.

“Bốn chúng đều mong đợi”: đây là nói ý đại chúng muốn cầu giải đáp. “Nhìn ngài và nhìn tôi, tôi hỏi xin Ngài đáp, giải nghi cho chúng mừng, Phật phát ra ánh sáng như thế, được những lợi ích gì”: đây là nghi vì sao phát ra ánh sáng này, hỏi ánh sáng mở rộng những gì? “Bồ-tát kịp thời đáp”, đây là xin làm lợi ích, do nghi là giải thích liền được lợi ích nên xin cầu Bồ-tát kịp thời đáp.

“Khi Phật ngồi đạo tràng, chứng pháp được sâu mầu”, đây là ngài Di-lặc suy nghĩ về điềm lành. Nếu ngài Di-lặc không biết, thì cũng như người Nhị thừa phàm phu và các Bồ-tát ở địa vị thấp đâu có gì khác. Nhưng ngài đã là địa vị Bổ xứ, suy nghĩ biết Phật nói pháp lớn, nhưng chưa biết nói pháp gì nên cầu giải đáp mà thôi, văn nầy có ba ý:

1. Suy lường điềm lành biểu hiện sắp nói pháp lớn.

2. Suy lường biểu hiện điềm lành chẳng phải uyên nhỏ.

3. Chưa dám quả quyết nên lại xin giải đáp nữa.

Phật ngồi đạo tràng chứng pháp sâu mầu là quả Nhất thừa, sắp thọ ký là nói nhân của Nhất thừa. Lại nữa, Phật ngồi đạo tràng là nói lên Nhất thừa, sắp thọ ký là phá ba thừa.

Hỏi: Ngài Di-lặc suy lường có đúng với tướng hiện điềm lành hay không?

Đáp: Đúng là phù hợp, phát ra ánh sáng là biểu hiện nói quả đại

tuệ bình đẳng, vì thế nói Phật ngồi đạo tràng chứng pháp sâu mầu. Mưa hoa, đất rung chuyển là biểu hiện chúng nghe pháp được thành Phật, vì thế nói thọ ký. Thọ ký ba hạng căn cơ, trong ba châu phẩm Pháp Sư nói thọ ký chung cho tất cả phàm phu, nhưng phát ra ánh sáng là biểu hiện chứng quả pháp ở đạo tràng, vậy ngài Quang Trạch không nên nói phần đầu kinh là nói về nhân, sẽ mất đi ý điềm lành phát ra ánh sáng. Trong phần biểu hiện điềm lành, ban đầu hiện y báo của Phật, sau hiện chánh báo, tức là thấy Chư Phật. Điềm lành biểu hiện là nói cả y báo chánh báo của Phật, tức biểu hiện chính là nói quả Phật, chẳng phải nói về nhân, cho nên chỗ biểu hiện bao gồm cả nhân quả, có thể biểu hiện y báo chánh báo. Trong ba câu kết thúc lời xin có lặp lại ý đại chúng, một câu nói về tông chỉ của điềm lành. Ngài Quang Trạch chép: Ngài Văn-thù có bốn thứ điều phục khó để ngăn lời xin, ngài Di-lặc giải thích bốn điều khó để trình bày sự nghi ngờ. Nay cho rằng bốn điều phục khó này là ý cạn mà văn quanh co, phải nên bỏ đi. Ngài Di-lặc đạo thấp mà còn thấy rõ đại chúng nghi ngờ, huống chi là ngài Văn-thù đức cao đâu thể nói không thấu đạt! Ngài Di-lặc tự nghi ngờ và thêm đại chúng nghi chính là hợp lý, đâu có gì khó thông. Nếu văn này là giải thích điều khó, thì phần sau ngài Xá-lợi-phất xin rằng: "Thời là như thật nói", cũng phải là giải thích điều khó. Đoạn sau không đúng, thì nay đâu phải giải thích điều khó.

"Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù Sư Lợi nói với ngài Di-lặc cùng các vị đại sĩ rằng,v.v...", đây là ngài Văn-thù giải đáp, tức phần thứ sáu "giải đáp tựa". Trước nói dùng cõi kia nói lên cõi này, nay ngài Văn-thù đem việc xưa để làm chứng việc ngày nay. Đem cõi kia hiển bày việc cõi này, tức là đức Thích-ca phát ra ánh sáng, ngài Di-lặc nói kệ, đem bảy việc ở phương khác mà nói lên cõi này nên nói pháp Nhất thừa. Ngài Văn-thù đem việc xưa để làm chứng việc ngày nay, tức là nói Phật xưa nói trước, đức Thích-ca thuận theo nói sau.

Hỏi: Vì sao đem cõi kia hiển bày cõi này, đem việc xưa làm chứng việc nay?

Đáp: Đem kia hiển địa, là muốn nói lên Chư Phật mười phương có đạo giống nhau: dẫn việc xưa làm chứng việc nay, là nói Phật pháp ba đời chẳng khác nhau. Sở dĩ nói như vậy, là do tâm Tiểu thừa khó bỏ mà Đại pháp khó tin.

Hỏi: Vì sao đức Thích-ca phát ra ánh sáng mà ngài Di-lặc nghi ngờ, ngài Văn-thù giải đáp?

Đáp: Đức Thích-ca hiện điềm lành nghĩa là Phật hiện tại, ngài Di-

lặc nghi ngờ tức là Phật vị lai, ngài Văn-thù giải đáp là Phật quá khứ, ba vị Thánh đồng hội Linh Sơn, cùng khai phát đạo Nhất thừa. Ba vị Phật nói có thứ lớp, Phật hiện tại hiện điềm lành là nói lên nói quả thừa rốt ráo, Di-lặc là người ở địa vị nhân tương lai còn chưa thấu đạt quả thừa, cho nên Phật đương lai phải nghi ngờ, cầu Phật xưa thông đạt việc xưa, tức Phật quá khứ giải thích điều nghi. Tuy có ba vị Phật nhưng chỉ có hai việc, Phật hiện tại hiện điềm lành là thần thông luân, ngài Di-lặc hỏi, ngài Văn-thù đáp là nói pháp luận, tức là dùng tay áo, bàn ghế cứu con ra khỏi nhà lửa. Lại nữa, ban đầu là Phật phương tiện, chính là muốn nói giáo, hai Phật sau là Bồ-tát phương tiện, phát khởi giáo pháp. Lại nữa, đức Thích-ca là Hòa thượng, Văn-thù là A-xà-lê, Di-lặc là Giáo thọ sư, ba vị này là Bồ-tát Giới sư của chúng sanh trong hai đời, cùng mở rộng đạo Nhất thừa để lợi ích chúng sanh. Lại nữa, ba vị này thời quá khứ đã cùng học kinh Pháp Hoa với Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nay muốn báo ân Đức Phật nên cùng khai pháp Nhất thừa. Văn chia làm hai phần, ban đầu là chánh đáp, sau có hai phần kệ là khai phát tâm sanh và sau Phật tự nói tức từ câu: Các người nay sẽ biết" trở xuống phần đầu chánh đáp cũng có hai phần là văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi gồm có bốn phần:

1. Đáp môn khiêm nhường.
2. Dẫn việc để lược đáp.
3. Rộng dẫn việc xưa làm chứng việc nay.
4. Kết thúc lời đáp rõ ràng.

Bốn lời đáp này là từ ẩn đến rõ, lần lượt giải thích. Ngài Di-lặc đạo đã cao mà còn suy tôn ngài Văn-thù, nên ngài Văn-thù phải khiêm nhường. Tuy ngài Văn-thù nói tự mình suy lường mà biết nhưng chưa có việc để làm chứng, vì thế dẫn việc quá khứ để trả lời. Nhưng dẫn chung việc quá khứ chưa biết là vị Phật nào, nên dẫn riêng Phật Đăng Minh. Dẫn việc xưa để làm chứng việc nay, nay cần gì phải giống xưa, vì thế phần thứ tư có kết thúc lời đáp rõ ràng. Nói đáp môn khiêm nhường, bởi ngài Văn-thù tích ở địa vị tu nhân, trí vẫn chưa mãn,, mà nay muốn dùng thấp để suy lường cao, nên phải khiêm nhường. Lại nữa, ngài Di tặc hoài nghi, ngài Văn-thù suy lường, tức biết việc sắp biểu hiện là lớn, tăng thêm tâm cung kính của đại chúng. Lại nữa, pháp của bậc đại nhân chỉ bày không có tự cao, kiêu căng ngạo mạn nên tuy hiểu mà khiêm nhường.

"Ngài Văn-thù Sư Lợi": là nêu người chủ năng đáp "nói với ngài Di-lặc": là người đối chất nghi vấn. "Cùng các vị đại sĩ", là tám muôn

Bồ-tát từ ngài Di-lặc trở xuống. "Các người thiện nam", là bốn chúng Thanh văn, Trời rồng tám bộ chúng.

"Như nay ta xét nghĩ": là nói lời khiêm nhường, chữ tư là suy nghĩ, chữ thốn là tìm cầu.

"Nay đức Thế tôn,v.v...", là việc suy lường phát xuất ra, sách xưa chép: Trong năm câu dưới đây thì hai câu trước và sau đều là nói một pháp, ba câu giữa là ví dụ, năm câu gồm có:

"Muốn nói pháp lớn", đây là đoạn đầu kinh bỏ Ba thừa bày Nhất thừa.

"Nói nghĩa pháp lớn", là đoạn sau kinh bỏ gần bày xa. Lại nữa, đoạn đầu lược bỏ ba bày một, đoạn sau lược bỏ gần bày xa. Nói nghĩa pháp lớn, là ban đầu rộng bỏ ba bày một, về sau rộng bỏ gần bày xa.

"Tuôn mưa pháp lớn": đây là nằm trong ba câu thí dụ, bao gồm hai nghĩa sau:

Thổi loa pháp lớn, thổi loa là để dổi đanh hiệu, tức dụ cho dổi danh hiệu ba thừa.

Đánh trống pháp lớn, đánh trống là dạy binh lính ngay ngắn, ví dụ cho lý thật tướng để bỏ danh hiệu ba thừa, tức mở bày pháp môn phương tiện.

Nói lý thật tướng tức nói lên nghĩa chân thật, đoạn sau là bỏ danh hiệu gần để bày lý xa. Nói tuôn mưa pháp lớn là thấm ướt cây khô Nhị thừa, để sanh trưởng hiểu biết về Nhất thừa, chung cho cả hai đoạn trên. Nay y theo văn kinh hợp năm câu này chia ba loại:

1. Nói về thể của Đại pháp tức câu đầu.

2. Nói về dụng của Đại pháp tức là ba câu giữa

3. Câu sau nói về nghĩa của Đại pháp.

Chỉ nói ba nghĩa này, bởi muốn nói thì phải đủ ba thứ:

1. Giáo thể

2. Giáo dung

3. Giáo tiểu biểu lý

Vì thế chỉ nói ba việc. Thể của Đại pháp, nghĩa là Phật muốn nói thừa phương tiện, thừa chân thật, thân phương tiện và thân chân thật. Mưa tuôn pháp lớn là nói về dụng của Đại pháp. Trong ba thí dụ trên gồm có bốn dụng, thí dụ mưa là có hai dụng năng sanh và năng diệt. Thí dụ thổi loa và đánh trống là có hai dụng xa đều nghe và vui mừng. Nói mưa lớn, giáo pháp Tiểu thừa chưa viên, chẳng phải lý rốt ráo, do gieo trồng chờ đợi thấm nhuần thường khổ, chẳng đủ. Giáo pháp Đại thừa chẳng gì không viên, lý chẳng gì không cùng cực, do mưa thường

giáng xuống không đâu chẳng thấm nhuần, đều được như nguyện, đây đối việc nhỏ để nói việc lớn, vì thế nói tuôn mưa pháp lớn. Mưa có hai nghĩa là năng diệt và năng sanh.

1. Năng sanh nghĩa là lúc mưa chưa rưới xuống đất, tuy có hạt giống mà không nẩy mầm được, mầm đã nẩy rồi không thêm lớn, chẳng những không lớn mà còn khô héo. Mưa pháp đã ướt khiến người chưa phát tâm lớn liền phát tâm, tức bỏ Tiểu thừa vào Đại thừa; người đã phát tâm liền được thêm lớn, tức người thẳng đi. Người đã thêm lớn liền được thành tựu, tám đời, một đời sẽ đắc quả. Phật. Người đáng lui sụt mà không đọa lạc tức là Bồ-tát đã dứt hết lưới nghi

2. Năng diệt là mưa lớn diệt trừ được bốn thứ:

a. Lấp bụi đất

b. Diệt các dốc

c. Xua tan khí nóng

d. Ngăn gió xấu

Mưa pháp cũng vậy:

a. Diệt được bụi đất là ác giác quán của Nhị thừa, phàm phu.

b. Diệt được các độc là ái kiến của Nhị thừa, phàm phu

c. Xua tan khí nóng là thầy tà của Nhị thừa, phàm phu

d. Ngăn gió xấu là tà giáo của Nhị thừa, phàm phu.

Thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, trên khen ngợi pháp lớn có dụng năng sanh năng diệt, nay khen ngợi pháp lớn có công năng vang xa, thích ứng căn cơ. Nước ngoài dùng loa và trống làm niềm vui cho thế gian có hai nghĩa:

1. Vui thích, có hai nghĩa.

a. Thỏa thích tâm Phật trong mười phương, như nay ta vui vẻ không sợ sệt.

b. Hợp ý căn tánh, như ba hạng Thanh văn và Di-lặc cùng mười hai hạng người được lợi ích vui vẻ.

2. Loa và trống vang xa, nói lên pháp lớn có công năng trùm khắp, như có ba hội. Ban đầu khiến hội Linh Sơn nghe pháp, kế đến là hội Tịnh độ, sau cùng thông đạt mười phương vô ngại nên mười phương được nghe, cho đến đời vị lai cũng được nghe. "Diễn ý nghĩa pháp lớn", đây là nói về diễn ý nghĩa pháp lớn.

Hỏi: Trước đã nói về pháp lớn, so với nay có gì khác nhau?

Đáp: Trước nói về giáo pháp, nay nói về lý pháp, giáo pháp chỉ gọi là pháp, giáo biểu hiện lý gọi là nghĩa.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Nếu pháp vô ngại thì nghĩa vô ngại, tức là nói về giáo lý. Lại như kinh Niết-bàn giải thích bảy điều thiện, người biết pháp tức biết mười hai bộ kinh, người biết nghĩa thì biết nghĩa của mười hai bộ kinh biểu hiện.

Hỏi: Thế nào gọi là Pháp, thế nào gọi là Nghĩa?

Đáp: Giáo pháp Đại thừa có thể giải thích hai phương tiện, hai chân thật thì gọi là Giáo. Lý để giải thích lý sâu nói hai phương tiện, hai chân thật gọi là Nghĩa. Lại, hai phương tiện hai chân thật đều là giáo, chẳng phương tiện, chẳng chân thật, chẳng phải một, chẳng phải hai, đạo mầu nhiệm sâu xa vắng lặng, gọi là Nghĩa. Bởi đây là tông chỉ lớn của kinh, nên đoạn văn sau chép: Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng, hoàn toàn quy về không, không khác với kinh Đại Niết-bàn, nên biết Pháp Hoa là giáo pháp rốt ráo. "Các người Thiện nam", đây là nêu việc lược đáp. Lúc ấy đại chúng nghi rằng: Vì sao ngài Văn-thù biết Phật muốn nói pháp lớn? Vì thế nay giải thích rằng: Vào thuở quá khứ tôi từng thấy việc này, nên biết Phật muốn nói pháp lớn. Bởi sợ đại chúng không tin nên chỉ ra việc quá khứ để trả lời, cũng còn là lời giải thích khiêm nhường, ngài Văn-thù tuy thông đạt, nhưng không nói sở hiểu biết của mình, mà chỉ suy lường việc xưa để trả lời, tức là giải thích khiêm nhường. Lại nữa, trước dùng trí hiện tại biết Phật sẽ nói pháp, nay dùng túc mạng trí mà biết Phật sẽ nói pháp, văn chia hai phần:

1. Dẫn việc xưa làm chứng việc nay
2. Nói việc nay so sánh với việc xưa.

Cho nên đoạn văn sau là dẫn việc nay so sánh với việc xưa. "Ai cũng đều nghe biết", nghe là nghe giáo pháp, biết là biết lý. Nói về pháp khó tin, nếu nói chỉ cúi đầu, giơ tay đều thành Phật, thì có gì mà khó tin? Dù cho bậc La-hán thành Phật và chẳng phải khó tin, nay nói tất cả thế gian tâm hạnh có sở đắc, khi nghe không có sở đắc thì trái với tâm mình , vì thế sợ rằng khó tin. Nói không có sở đắc là không hề có một, vì sao lại chấp ba, do tâm không nhiễm ba, một, nên gọi là khó tin. Lại, giảng Pháp Hoa, người nghe không hề có ba thừa, Nhất thừa, liền cho là chân-đế chẳng phải Nhất thừa, nói Nhất thừa liền cho là muôn điều thiện, cho nên khởi hai kiếp chấp có, không, gọi là có sở đắc, nếu có thể xa lìa kiến chấp này thì gọi là không có sở đắc, tức tin hiểu Nhất thừa. Từ câu: "Các người thiện nam" trở xuống là rộng dẫn việc quá khứ để giải thích đáp. Giải thích đáp: Ở trên tụng đã dẫn quá khứ mà chưa biết là vị Phật nào, nên nay riêng dẫn việc ấy. Trên là nêu chung làm chương môn, nay rộng dẫn việc xưa là giải thích chương, văn có

hai phần:

1. Nói những việc quá khứ trước khi Phật nói Pháp Hoa.

2. Nói những việc ngay sau khi nói Pháp Hoa xong.

Sở dĩ chia làm hai việc này, do ở trên nói về Chư Phật ở phương Đông thì ngài Di-lặc chia làm hai việc, nay ngài Văn-thù dẫn việc Phật quá khứ thì cũng chia ra hai việc, muốn nói lên đức Thích-ca cũng có hai việc ấy. Trong hai chương này mỗi chương lại chia làm hai.

1. Nói vị Phật đầu tiên

2. Nói về tất cả Phật.

Phần đầu lại có ba ý:

1. Thời gian.

2. Bậc hóa chủ

3. Giáo môn

Luận Trì Địa nói về kiếp có hai loại:

1. Năm tháng không thể kể gọi là Tiểu A tăng kỳ kiếp, Bồ-tát có thể vượt qua.

2. Đại kiếp không thể đếm kể gọi là Đại A tăng kỳ kiếp, Bồ-tát không thể vượt qua.

Hỏi: Vì sao không dẫn việc gần mà nói việc ở kiếp lâu xa?

Đáp: Muốn nói lên Nhất thừa là pháp xưa, khiến chúng sanh tin hiểu. Lại nữa, thuở lâu xa ấy ba vị Thích-ca, Văn-thù và Di-lặc cùng ở trong hội dó, các thời gian khác không hẳn ở chung.

"Đức Phật ấy hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, đây là nói về bậc hóa chủ, văn chia ra hai phần:

1. Nói danh hiệu riêng.

2. Nói danh hiệu chung

- *Danh hiệu riêng:* là nói sự tu hành khác nhau của Chư Phật ứng tích có hơn kém danh hiệu chung là nói lên pháp thân Chư Phật vốn ngang với đức hạnh của Chư Phật.

Hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, Chú thích kinh rằng: Bậc Thánh không có danh hiệu mượn nghĩa để xưng gọi, người nhân thì gọi là nhân, người trí thì gọi là trí. Bậc hượng căn do sở đắc sáng như mặt trời, người trung căn do sở đắc sáng như mặt trăng, người hạ căn do sở đắc sáng như ánh đèn, cả ba căn giúp nhau sở đắc được sáng nên gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Có người chép: Mặt trời dương mà động dụ cho tuệ phương tiện, mặt trăng âm mà lặng dụ cho tuệ chân thật, cả hai tuệ làm lợi ích chúng sanh như đèn sáng ở thế gian.

Lại nữa, mặt trời mặt trăng dụ cho định tuệ, lấy định tuệ làm đèn sáng.

Có người chép: Đức Phật này ra đời thân sáng như mặt trời mặt trăng, thường chiếu ở thế gian, làm đèn sáng cho thế gian.

- *Nói về mười hiệu của Phật:* các kinh nói không giống nhau. Chung thì gọi là hiệu, hiệu là hiệu lệnh, nói lên sự lợi tha, riêng thì gọi là danh, danh là có tự thể nhất định, tức là lợi mình. Lại nữa, chung và riêng đều gọi là hiệu, đều gọi là danh, nên nói hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, tên là Như lai Ứng Cúng.

Hỏi: Hiệu thì lấy gì làm thể?

Đáp: Hiệu là danh tự, theo luận Thành Thật thì danh hiệu là âm thanh nhiếp nhập pháp tánh. Theo luận Tỳ-đàm thì có riêng phi sắc phi tâm danh tự cú, hòa hợp với thanh nên có danh hiệu. Hoặc mười loại này là vì người mà lập hiệu, tức lấy người làm thể, nếu y theođức cùng tột để lập mười hiệu, thì phước tuệ làm thể.

Hỏi: Vì sao nói mười?

Đáp: Kinh luận nói không đồng nhau, kinh Anh Lạc chép: Từ hiệu thứ nhất là Như lai, đến hiệu thứ mười là Phật Thế tôn. Phật Thế tôn hợp chung thành một hiệu.

Luận Trí Độ chép: Hiệu thứ mười là Phật. Thế tôn là hiệu chung nằm ngoài mười hiệu.

Luận Thành Thật chép: Đầy đủ chín hiệu trên thì gọi là Thế tôn.

"Giảng nói chánh pháp", đây là nói về giáo môn, văn chia làm hai phần, gồm giáo Nhất thừa và giáo Ba thừa. Như trên dùng cõi kia bày cõi này, trước khi nói Pháp Hoa có hai giáo môn; nay dẫn việc xưa làm chứng việc nay, trước khi nói Pháp Hoa có hai giáo.

Hỏi: Vì sao Chư Phật ba đời khi sắp nói Pháp Hoa lại nói về hai giáo môn?

Đáp: Pháp Hoa đã gom ba thừa về một, thì trước phải nói do một nói thành ba. Như Chư Phật ba đời muốn nói Pháp Hoa thì trước phải nói kinh Vô Lượng Nghĩa, nhập định Vô Lượng Nghĩa là muốn nói lên nghĩa xuất, nhập lập ra giáo pháp thỉ chung. Giảng nói chánh pháp, diễn pháp Nhất thừa gọi là chánh pháp, ngài Di-lặc kể về Phật pháp ở phương Đông đã nói rộng, nay chỉ lược nói pháp.

Kế là nói về bảy điều thiện, do đủ bảy điều thiện nên gọi là chánh pháp, vì thế nêu bảy điều thiện để giải thích chánh pháp. Bảy điều thiện là bao gồm cả Đại thừa, Tiểu thừa để khen ngợi pháp luân căn bản. Thứ lớp bảy điều thiện khác nhau, có chỗ chép: Hợp sơ thiện khai

hậu thiện nên gọi là bảy:

1. Ban đầu
2. Chặng giữa
3. Rốt sau

Hợp cả ba gọi chung là thời thiện, hai là nghĩa thiện, ba là lời thiện, bốn là thuần một không xen lẫn, năm là đầy đủ, sáu là thanh tịnh mềm mại, bảy là tướng phạm hạnh, đây là ý của luận Thành Thật. Có người chép: Khai sơ thiện hợp hậu thiện, ba chặng là ba đời thiện, bốn là nghĩa thiện, năm là lời thiện, sáu là thuần một không xen lẫn, bảy là đầy đủ, tướng phạm hạnh thanh bạch thuộc vào thuần một không xen lẫn, đây là ý của luận Trí Độ và Chú giải kinh. Phẩm Ba Thiện trong luận Thành Thật nói về ba thời thiện rằng: Lúc tuổi trẻ nói pháp là sơ thiện, tuổi trung niên nói pháp là trung thiện, lúc tuổi già nói pháp là hậu thiện. Lại nữa, ban đầu xả tội, chặng giữa xả phước, chặng sau xả tất cả. Luận Trí Độ chép: Khen ngợi bố thí độ là sơ thiện, khen ngợi Giới là trung thiện, hai Ba-la-mật này có được quả báo hoặc sanh vào thời Chư Phật và làm trời, người gọi là hậu thiện. Lại nói Thanh văn là sơ thiện, Duyên giác là trung thiện, Bồ-tát là hậu thiện. Theo Kinh nói Thanh Văn và Bồ-tát đều có ba điều thiện. Ba điều thiện của Thanh văn là: Sơ thiện tức nghe pháp từ người khác, trung thiện như nói tu hành, hậu thiện là đắc chánh kiến của bậc Thánh. Lại nữa, sơ thiện là Kiến khổ mà dứt tập, trung thiện là tu đạo, hậu thiện là chứng diệt đế. Ba điều thiện của Bồ-tát là: Sơ thiện tức phát tâm Bồ-đề, trung thiện là không nhớ nghĩ Nhị thừa, hậu thiện là hồi hướng nhất thiết trí. Lại nữa, sơ thiện là thực hành sáu độ, trung thiện là phá trừ sáu tế vững chắc, hậu thiện là hồi hướng Nhất thiết trí.

Theo văn giải thích, thì trong một bộ pháp luân căn bản có ba phần tựa, chánh kinh truyền bá, làm ba điều thiện, bởi một bộ Đại thừa đều đủ ba phần này. Nếu so với giáo thỉ chung thì sơ thiện là căn bản pháp luận, trung thiện là pháp luân ngọn ngành, hậu thiện là thu nhiếp ngọn ngành trở về pháp luân căn bản.

"Ý nghĩa sâu xa, lời lẽ khéo mầu": tự có lời lẽ tuy khéo mầu mà ý nghĩa cạn cợt, tự có ý nghĩa tuy sâu xa mà lời lẽ thô thiển, tự có cả hai, tự không có cả hai. Phật pháp cao mà không thấy đáy nghĩa là bặt bốn câu gọi là sâu, ngang thì không thấy bờ mé, nghĩa là vượt trăm phi gọi là xa. Lại nữa, tâm hành diệt nên gọi là sâu, ngôn ngữ dứt gọi là xa, chính là ý nghĩa pháp luân căn bản như thế. Chú thích rằng: Thăm dò không thể hết gọi là sâu, xa vời không thể kịp gọi là xa.

Lời lẽ khéo mầu, nói mà thích hợp căn cơ gọi là khéo, lời có thể nói lên lý gọi là diệu. Chú thích chép: Vuông tròn không sai gọi là khéo, tìm cầu không thể thấy gọi là diệu. Thuần một không xen lẫn tức pháp luân căn bản, là thuần một đạo thanh tịnh, không xen lẫn nói pháp của năm thừa. Luận Trí Độ chép: Lìa ba độc nhơ uế gọi là thuần nhất, chỉ nói chánh pháp không lẫn lộn phi pháp gọi là không xen lẫn, cũng là thanh tịnh. Luận Thành Thật chép: Pháp này gọi là Độc pháp, Phật có pháp này. Lại nữa, độc hành là sự đắc đạo trong Phật giáo mà thôi. Đầy đủ thiện là giáo lý tròn đầy của pháp luân căn bản, nói chung là Phật pháp không có ngắn ngủi thiếu hụt. Luận Trí Độ chép: Bát Thánh đạo và sáu Ba-la-mật đủ thì gọi là đầy đủ thiện. Thanh bạch tức là: trên nói về thuần một chánh pháp không lẫn phi pháp, tức là nói về thể của giáo. Nay nói giáo pháp pháp luân căn bản có thể khiến xa lìa phiền não cấu uế của Nhị thừa phàm phu nên gọi là thanh tịnh, tức là dụng của giáo. Tướng phạm hạnh thanh bạch, phạm là Niết-bàn, tức pháp luân căn bản đại Niết-bàn, hạnh là muôn hạnh tức đến đại Niết-bàn. Nếu theo Tiểu thừa thì gọi là Tiểu niết bàn, hạnh là tám chánh đạo, tu tám chánh đạo sẽ đến Niết-bàn, mà tám chánh đạo đây là tướng của nhà Niết-bàn, nên nói rằng: tướng phạm hạnh. Lại nữa, phạm gọi là Niết-bàn thực hành hạnh Niết-bàn là phạm hạnh, nghĩa của hạnh rõ ràng thì gọi là tướng, giáo pháp là duyên của các hạnh, trong duyên nói quả nên nói là tướng phạm hạnh. Lại nữa, giáo pháp họ Thích có công năng giải thích phạm hạnh là tướng của nhà phạm hạnh. “Phật vì Thanh văn mà nói pháp Tứ Đế”, đây là nói về giáo pháp ba thừa, Phật xưa cũng có người không thể lãnh thọ pháp Nhất thừa, nên đối với Nhất thừa mà nói ba thừa. Theo tông chỉ của luận Tỳ-đàm thì thực hành hạnh Ba thừa, có khác nhau, mà cùng thấy Tứ đế để thành quả Ba thừa. Theo tông chỉ của luận Thành Thật thì hạng Ba thừa đồng thấy Diệt đế mà thành quả Ba thừa. Nói Duyên giác quát sát nhân duyên, đây là do thời gian tu quán mà ngộ đạo, làm duyên xa mà thôi. Y theo Đại thừa thì cả ba thừa đồng quán thật tướng. Vì thế luận Chánh Quán có chép: Người đắc pháp thật tướng có ba hạng, vì căn tánh có lợi độn, thấy Không có sâu cạn nên chia làm ba hạng. Nay văn kinh chép: Thích ứng mà nói pháp Tứ Đế, căn cơ tương xứng với giáo pháp nên mới gọi là thích ứng. Từ câu: “Kế lại có Đức Phật” trở đi là nói về tất cả Phật.

Hỏi: Vì sao nói có hai muôn Đức Phật?

Đáp: Muốn dẫn nhiều vị Phật đời quá khứ để làm dẫn chứng, khiến đại chúng nghe pháp Nhất thừa liền tin nhận. Trong văn có bốn

câu hợp thành hai cặp, ban đầu gọi là đạo và họ tục giống nhau, Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên đạo, họ Phả-la-đọa là họ của thế gian. Ba Tạng Chân-đế chép: Phả La đọa dịch là tiên nhân lợi căn, là một dòng họ trong sáu dòng Bà-la-môn. Lại dịch là Biện Tài, lại dịch là Mãn, Mãn chánh. Tôi đích thân nghe vị tăng người Thiên-trúc gọi là Nhĩ Mãn. Từ câu: "Ngài Di-lặc nên biết v.v..." trở đi là nói Phật có mười tôn hiệu và bảy pháp thiện. Các Đức Phật đều có mười hiệu và bảy pháp như nhau, tên đạo, họ thế gian và mười hiệu, ba câu này là nói người giống nhau, bảy pháp thiện là pháp giống nhau. Sở dĩ nói các việc giống nhau, là đạo đồng một thể, dẫn việc xưa so sánh việc nay là muốn nói nay Phật muốn nói pháp Nhất thừa. Từ câu: "Đức Phật rốt sau" trở đi là nói từ việc nói kinh Pháp Hoa trở đi, văn chia hai phần:

1. Việc nói Pháp Hoa
2. Việc Phật Niết-bàn

Việc nói Pháp Hoa có hai phần là phần tựa và chánh kinh. Phần tựa lại chia làm sáu, đó là chúng nhóm họp, nói phần tựa kinh, nhập định, hiện điềm lành, nghi vấn và giải đáp.

Hỏi: Các đức quá khứ đều nói Pháp Hoa, vì sao lại dẫn riêng Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng?

Đáp: Ở đây có hai nghĩa:

1. Đức Thích-ca, Văn-thù và Di-lặc, ba vị Thánh này thuở ấy đều ngồi dưới đạo tràng Phật Đăng Minh, ba vị Thánh cùng nghe kinh, nay muốn ngài Di-lặc tự chứng nghiệm nên dẫn Phật Đăng Minh, các đức Phật quá khứ khác không có ba vị cùng ngồi nên không dẫn.

2. Trong tám vương tử của Phật Đăng Minh thì người thứ tám là Phật Nhiên Đăng cũng ngồi trong đạo tràng của Phật Đăng Minh, mà đức Thích-ca được Phật Nhiên Đăng thọ ký, đây là lấy gần mà che xa. Nay muốn bỏ gần bày xa nên phải dẫn việc Phật Nhiên Đăng. Nếu dẫn các vị Phật khác thì không có người con thứ tám là Phật Nhiên Đăng ngồi trong đạo tràng, vì thế không dẫn.

Hỏi: Vì sao ban đầu lại dẫn việc tám người con?

Đáp: Tám người con ấy là nhân duyên của kinh Pháp Hoa, như mười sáu vị vương tử của Phật Đại Thông Trí Thắng xin nói kinh Pháp Hoa. Văn có hai phần:

1. Nêu tên tám vị vương tử
2. Khen ngợi đức hạnh của họ

Trước khen ngợi đức hạnh việc trị hóa thế tục, sau khen ngợi đức hạnh xuất gia của họ. Theo cha xuất gia là nói thân lìa, phát tâm Đại

thừa là nói tâm lìa. Ban đầu là nói tâm Bồ-đề tức theo cha xuất gia, thường tu phạm hạnh tức thực hành đạo Bồ-tát. "Đã từng ở chỗ nghìn muôn Đức Phật", đây là khen ngợi nhân đời trước của họ. "Lúc bấy giờ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh" đây là phần nói tựa kinh. "Phật nói kinh này rồi" là phần tựa nhập định. "Bấy giờ, trời rải các thứ hoa như mưa", là phần tựa hiện điềm lành, phần này chia ra bốn phần:

1. Trời mưa hoa, đất rung chuyển

2. Thấy điềm lành

3. Điềm lành phát ra ánh sáng như nay đang thấy.

4. Là cõi Chư Phật,v.v... đây là nói thấy điềm lành phát ra ánh sáng, lẽ ra cũng nêu. Cũng có đủ bảy việc như trước đã nói. "Ngài Di-lặc nên biết", đây thuộc phần tựa nghi vấn. "Bấy giờ có Bồ-tát tên là Diệu Quang", đây là tựa giải đáp lời hỏi. Có người chép: Phật Đăng Minh là nhân ngài Diệu Quang mà nói Pháp Hoa, Phật Thích-ca là nhân ngài Dược vương mà nói Pháp Hoa. Nay cho rằng không đúng. Phật Đăng Minh là do ngài Diệu Quang nói nhưng Phật Thích-ca thì do ngài Văn-thù mà nói, do ngài Văn-thù dẫn việc xưa làm chứng việc nay để giải thích nghi ngờ cho đại chúng lúc ấy. Đức Như Lại mới xuất định mà nói pháp, vì thế biết do ngài Văn thù.

Hỏi: Nay chỉ chép: "Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Diệu Quang", vì sao biết đây là phần tựa giải đáp?

Đáp: Như hiện nay thấy các cõi Chư Phật, xưa thấy cũng như nay thấy, thì sự giải đáp xưa và nay không khác nhau, vì thế chỉ nêu ngài Diệu Quang để lược lời giải đáp. Lại nữa, người xưa và người nay không khác nhau, tức nay và xưa cùng một lời giải đáp, vì vậy chỉ nêu người thì có thể biết lời đáp. Nay người hỏi là ngài Di-lặc, so sánh việc nay với việc xưa tức người hỏi là Bồ-tát Đức Tạng.

Hỏi: Vì sao nói có tám trăm người đệ tử?

Đáp: Muốn thuật lại bổn duyên của ngài Di-lặc, do đời trước ngài Di-lặc là đệ tử ngài Văn-thù, ngài Văn-thù đã giúp Di-lặc nên ngày nay phải trả lời. "Bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh xả định", đây nói phần chính là nói Pháp Hoa. Từ đoạn văn trước đến đây có ba thứ đồng nhau:

1. Từ đầu đến pháp có thể nói là sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa là chỗ đã từng thấy và đã từng nghe thấy đồng nhau.

2. Từ Đức Phật rốt sau cho đến tám trăm vị đệ tử, nói về từng thấy và hiện thấy là đồng.

3. Từ đoạn văn này đến hết là nói từng thấy và sẽ thấy là đồng.

"Ngồi nghe pháp trải qua sáu mươi tiểu kiếp mà không rời chỗ ngồi". Luận Trí Độ chép: Trong pháp Tiểu thừa không có việc không thể nghĩ bàn, chỉ pháp Đại thừa mới có, như nói kinh Pháp Hoa trong sáu mươi Tiểu kiếp mà cho là như khoảng bữa ăn.

Hỏi: Vì sao ngài Văn-thù lại dẫn lời này?

Đáp: Ở đây có hai ý:

1. Việc này không thể nghĩ bàn. Tiểu thừa không có mà Dại thừa có, muốn cho chúng nghe Phật nói Pháp Hoa liền khởi ý tưởng kỳ lạ đặc biệt.

2. Muốn nói lên kinh Pháp Hoa nghĩa giàu, văn rộng, cho nên nói trong thời gian lâu dài, cũng là khen ngợi Pháp Hoa để chúng sanh phát tâm cung kính tin nhận.

Hỏi: Đúng là sáu mươi tiểu kiếp, sao nói bằng khoảng bữa ăn?

Đáp: Dài nếu nhất định dài thì không thể co dài khiến cho ngắn, ngắn nếu nhất định ngắn thì không thể kéo ngắn ra thành dài. Do dài ngắn không có tính nhất định, do ngắn nên dài, thì dài là dài của ngắn, do dài mà ngắn thì ngắn là ngắn của dài. Do ngắn là ngắn của dài nên ngắn có thể làm dài. Vì sao như vậy? Bởi đạo đã như nhau, thì dài ngắn không hai, không hai tức dài ngắn vô ngại, có thể rút dài làm ngắn.

Hỏi: Tuy nói vậy nhưng tướng khó thấy rõ ràng?

Đáp: Như trong một đêm nằm mộng thấy việc cả một trăm năm, như vậy thời gian dài trăm năm bỗng nhiên rút ngắn trong một đêm, tức là việc này. Chú thích kinh rằng: Ngài Duy-ma có thể kéo dài bảy ngày thành một kiếp, rút ngắn một kiếp thành bảy ngày, huống nữa khai mở một pháp môn chân thật sao không thể rút kiếp dài thành thời gian ngắn ư! Đây hoặc là mượn nghĩa mà nêu danh, chưa hẳn là thần thông thật sự. Thế gian có câu: Một lời nói trị giá ngàn vàng, một tấc thời gian còn hơn thước đất. Tuy là chỉ nói một khoảng nhỏ, mà thực ra nhiều kiếp đã qua. Theo luận Duy Thức thì dài, ngắn, lấy tâm làm thể, vì thế dài ngắn không nhất định, như ở thế gian nói chuyện với người hợp ý thì không cảm thấy đêm dài. Nên biết thân tâm không động thì một ngày đã ngàn năm rồi.

1. Từ câu: "Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh" trở đi, là nói việc sau khi nói Pháp Hoa, văn chia làm sáu phần là: tuyên bố diệt độ, thọ ký, chánh diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang mở mang truyền bá giáo pháp, tám người con học đạo, nói việc đời trước của ngài Di-lặc. Sở dĩ tuyên bố diệt độ là muốn nói kinh này biện luận lý của hai phương tiện, hai chân thật đã rốt ráo, người đáng độ, đã độ xong, nên tuyên bố diệt độ.

Hỏi: Phật Đăng Minh nói kinh này xong liền diệt độ, vì sao đức Thích-ca còn nói kinh Niết-bàn?

Đáp: Có chỗ chép: Phật Đăng Minh nói Pháp Hoa xong cũng nói Niết-bàn, nhưng văn ẩn một bên nên nói không nói. Nay cho rằng không đúng, Chú thích kinh rằng: Sáng nói kinh xong tối liền diệt độ, nên biết Phật Đăng Minh không nói Niết-bàn. Lại, thời Phật Ca-diếp tuy có Niết-bàn nhưng do con người căn tánh lanh lợi nên không cần nói, Phật Đăng Minh cũng vậy, đức Thích-ca xuất hiện ở đời ác, người căn tánh lanh lợi nghe Pháp Hoa xong đã ngộ, nên nói Niết-bàn tức chỉ cho Pháp Hoa nói rằng: Tám ngàn vị Thanh văn được thọ ký riêng thành quả lớn, như mùa Thu thu hoạch mùa Đông cất giữ, không còn làm nữa, vì thế biết ý nghĩa Pháp Hoa đã tròn đầy thì hàng lợi căn sớm ngộ. Nhưng người căn tánh chậm lụt chưa hiểu rõ nên phải nói Niết-bàn.

2. Nói về thọ ký, tức câu: "Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Đức Tạng". Đại chúng nghe Phật sắp Niết-bàn đều sanh tâm luyến mến, nay muốn dứt tình thương xót của chúng sanh mà nói về thọ ký, Phật trước tuy diệt độ thì có Phật sau xuất hiện, không nên đau buồn.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa chép: Muốn cho chúng sanh sanh vui mừng thiện nên thị hiện sanh ở cung vua, muốn cho chúng sanh sanh tâm luyến mến thiện nên thị hiện diệt độ ở Song Lâm. Nay Phật Đăng Minh sao chỉ nói dứt tâm luyến mến?

Đáp: Tuyên bố diệt độ khiến chúng sanh phát sanh luyến mến thiện, ngăn dứt sự đau buồn là đoạn diệt điều ác trong các đường của chúng sanh, nghĩa trước và sau có khác nhưng không trái nhau. "Danh hiệu là Tịnh thân", hệ lụy chẳng có gì không trừ hết nên gọi là Tịnh, đức hạnh chẳng có gì không tròn đầy nên gọi là Thân. Nói rộng mười hiệu là nêu tên cõi này, lược nói ba hiệu tức giữ lời xưng của cõi kia.

Như lai là người, Ứng Cúng là đoạn, Chánh Biến Tri là trí, người có đầy đủ trí, đoạn, nghĩa hơi tròn đầy, nên chỉ xưng ba hiệu.

3. Là phần chánh diệt độ, tức câu: "Phật thọ ký rồi", Nói Niết-bàn vô dư gồm có ba nghĩa:

a. Tiểu thừa nói có hữu dư và vô dư, người tu học đã dứt hết phiền não nhưng vẫn còn thân thể có trí hiểu biết gọi là Niết-bàn hữu dư, khi quả báo thân thể đã hết, không còn thọ thân sau nữa gọi là Niết-bàn vô dư.

b. Theo nói Đại thừa, nhân năm trụ sạch hết là Niết-bàn hữu dư, quả sanh tử sạch hết là Niết-bàn vô dư. Tiểu thừa thì trước đắc hữu dư sau đắc vô dư, Đại thừa cùng lúc đắc cả hai, nhưng nêu quả Phật thì đối

với hai tai họa, không còn nhân tai họa gọi là hữu dư, không còn quả tai họa gọi là vô dư. Lại nữa, theo ý Nhiếp Đại thừa quyển bảy và Kim Quang Minh thì đắc pháp thân rốt ráo gọi là vô dư, ứng thân và hóa thân chẳng phải rốt ráo gọi là hữu dư. Phẩm Ba Thân lại chép: Ba thân hợp lại gọi là Niết-bàn vô trụ xứ, ứng thân và hóa thân không trụ Niết-bàn, bởi pháp thân xưa nay thường vắng lặng nên không nhập Niết-bàn, tức là pháp thân không trụ sanh tử nên gọi là Niết-bàn vô trụ xứ.

c. Theo ý hợp cả Đại thừa và Tiểu thừa thì Tiểu thừa còn có tàn dư của nghiệp khổ nên gọi là hữu dư, Đại thừa hết sạch tàn dư nên gọi là vô dư. Như Kinh Thắng-man chép: Sanh tử có hữu vi và vô vi, nên Niết-bàn cũng có hữu dư và vô dư. Phàm phu sanh tử gọi là hữu vi, bậc Thánh sanh tử gọi là vô vi.

Trừ được phần đoạn sanh tử gọi là hữu dư, do thấy còn có sanh tử, còn có Niết-bàn nên gọi là hữu dư. Không có chỗ của sanh tử, đắc Niết-bàn thì gọi là vô dư, do đối với thân sau không còn sanh tử, không còn Niết-bàn nên gọi là vô dư. Nói chứng nhập gồm có ba loại:

c.1. Y cứ Thật luận mà nhập, nhập là do chứng, do chứng ba đức Niết-bàn nên gọi là nhập.

c.2. Y cứ Ứng thân mà nói nhập, tích thân còn là hữu dư, diệt tích thân rồi quy về vô dư, tức xả hữu nhập vô gọi là Nhập.

c.3. Chân thân, ứng thân hợp lại gọi là nhập, nghĩa là dứt ứng quy về chân.

Trong ba thứ nhập thì chữ nhập trong văn kinh thuộc loại thứ ba.

4. Là phần Bồ-tát Diệu Quang mở rộng kinh, tức là câu: "Sau khi Phật diệt độ", v.v... Thuở xưa, Bồ-tát Diệu Quang có khả năng mở rộng kinh, để nói lên nay có đức giải thích nghi. Trước nói về thọ ký nghĩa là đời sau có Phật, nay nói ngài Diệu Quang hiện nay có thầy, cả hai đời đều có người đáng nương tựa có pháp để giác ngộ, vì tình thương xót vừa dứt nên nói việc ngài Diệu Quang mở rộng kinh: Lại nữa, trên nói người có duyên với Phật nên nghe Phật Đăng Minh nói Pháp Hoa, nay nói người có duyên với Bồ-tát nên nghe Diệu Quang nói pháp. Lại muốn nói Phật Nhiên Đăng là duyên xa để mở bày ý nghĩa tuổi thọ ở sau, cho nên phải nói ngài Văn-thù mở rộng pháp.

5. "Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người người con", đây là phần nói tám người con học đạo, đầu tiên nêu tám người con, vì nhân duyên đức Thích-ca nói Pháp Hoa mà nêu ở đầu kinh. Nay nói tám người con mà ý là ở người thứ tám tức Phật Nhiên Đăng, để khai mở ý nghĩa đức Thích-ca có tuổi thọ dài lâu ở phần kinh sau. Vì sao? Vì Phật

Nhiên Đăng thọ ký cho Phật Thích-ca, mà Phật Nhiên Đăng là người thứ tám do ngài Diệu Quang giáo hóa, ngài Diệu Quang tức là ngài Văn-thù, vậy ngài Văn-thù là tổ sư thứ chín của Phật Thích-ca, đây là dùng việc gần che việc xa.

Nay ngài Văn-thù là đệ tử Phật Thích-ca, tức muốn nói lên Phật Thích-ca là thầy của ngài Văn-thù, nên biết ngài đã thành Phật từ lâu, đây là bỏ gần bày xa. Phần sau bỏ gần bày xa, nay trước lấy việc gần che việc xa.

6. "Trong tám trăm vị đệ tử có một người tên là Cầu Danh": đây là nói về việc trước của ngài Di-lặc. Từ trước tới nay đã trả lời ngài Di-lặc và việc nói đức Thích-ca nói Pháp Hoa đã rồi, nay đoạn này giải thích đều nghi ngờ. Nghi rằng: Ngài Di-lặc đã ở địa vị Bổ xứ, vì sao còn hỏi ngài Văn-thù, vì thế nay nói đời quá khứ ngài Văn-thù vốn là thầy nên nay có việc hỏi và đáp, ngài Văn thù là thầy đời thứ mười của ngài Di-lặc.

"Nay thấy điềm lành không khác với xưa", đây là lời kết thúc rõ ràng, tuy có bốn môn mà không ngoài ba việc là nói lên, giải thích và kết thúc. Ban đầu nêu là Phật muốn nói pháp lớn, thứ đến dẫn việc xưa làm chứng việc nay, tức giải thích muốn nói pháp lớn, nay kết thúc muốn nói pháp lớn. "Bấy giờ, ngài Văn-thù muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng", đây nói phần kệ tụng. Ngài Di-lặc nói kệ hỏi mà không hỏi đại chúng, bởi muốn nói lên ngài Văn-thù thấy việc xưa khéo giải Thích-các điều nghi có ích cho đại chúng nên nói đại chúng, còn ngài Di-lặc không đúng nên không nói đại chúng, lại nói lên sự việc rõ ràng lời nói về ràng nên xưng là đại chúng.

Ngài Di-lặc là khách, đã có văn xuôi và kệ tụng, Văn-thù là chủ thì cũng có như. Có bốn mươi ba bài kệ tụng lại phần văn xuôi. Văn xuôi có bốn môn: Một là lời khiêm nhường, hai là dẫn việc xưa để trả lời, hai phần này còn chưa rõ ràng, nay lược không nói trong kệ tụng, chỉ tụng phần thứ ba là rộng dẫn việc quá khứ trả lời và phần thứ tư là trả lời rõ ràng. Trong phần một của văn xuôi chia làm hai phần nói việc trước khi nói Pháp Hoa và việc từ khi nói Pháp Hoa trở đi, nay kệ tụng cũng. Việc trước khi nói Pháp Hoa lại chia làm hai, ban đầu nói về Phật, sau biện luận tất cả Phật, nay hợp chung kệ tụng gồm có bốn trường hợp: Nửa bài kệ đầu nói về thời gian, nửa bài kệ kế nói về bậc hóa chủ, một câu nói về giáo pháp và ba câu nói về đồ chúng. Bậc hóa chủ là thầy thuốc, giáo pháp là thuốc hay, đồ chúng uống thuốc thì bệnh sẽ lành, chỉ nói ba việc này thì tóm thâu tất cả việc. "Khi Phật chưa xuất

gia, vua sanh tám vương tử,v.v...” đây là phần kệ tụng nói về việc nói Pháp Hoa trở đi. Phần văn xuôi có hai phần, một là nói việc Pháp Hoa, hai là nói Niết-bàn, nay kệ tụng hai phần này. Phần tựa trong văn xuôi có sáu việc, nay kệ tụng chỉ có năm việc: Một bà tụng đầu nói chúng nhóm họp, một bài kế nói phần tựa nói kinh, một hàng kế nói nhập định, “Trời mưa hoa Mạn đà và trống trời tự nhiên vang”, hai việc này là nói điềm lành tựa. Văn xuôi chia làm bốn phần:

1. Mưa hoa, đất rung chuyển
2. Đại chúng thấy điềm lành
3. Hiện điềm lành phát ra ánh sáng
4. Thấy điềm lành ánh sáng.

Hai điều cảm, hai điều ứng này làm rõ ràng cho nhau. Nay phần kệ tụng là chuyển thế lời tụng, ba điềm lành đều là việc năng hóa nên xếp vào một loại, hai lần thấy điềm lành là việc sở hóa, lại xếp vào một loại, lại xếp năng và sở vào một loại. Một hàng kệ nói là rải hoa như mưa, Nửa bài kệ nói về đất rung chuyển, một hàng rưỡi nói về điềm lành phát ra ánh sáng. “Các trời rồng quỷ thần, cúng dường đấng Thế tôn”, trong văn xuôi chỉ nói là mưa hoa, nay giải thích lý do có mưa hoa tức là trời rồng cúng dường Phật.

Hỏi: Đã là chư thiên cúng dường, vì sao nói Phật hiện điềm lành?

Đáp: Do thần lực của Phật và thần lực nói Pháp Hoa, có công năng cảm đến chư thiên cúng dường. “Lại thấy các cõi Phật, đồng các báu trang nghiêm”, đây là phần kệ tụng thấy điềm lành ánh sáng. Trong văn xuôi nói trước thấy điềm lành mưa hoa, đất rung chuyển, sau mới thấy điềm lành ánh sáng. Nay phần kệ tụng lại chuyển ý, trước theo việc gần mà nói thấy điềm lành ánh sáng, kế đến thấy mưa hoa và đất rung chuyển. Trong kệ tụng thấy điềm lành ánh sáng có sáu phần:

1. Một hàng kệ tụng thấy rõ các Đức Phật.
2. Mộ hàng kệ tụng thấy chúng sanh
3. Một hàng rưỡi kệ thấy hóa chủ
4. Nửa bài kệ nói nghe giáo pháp
5. Hai hàng kệ tụng thấy các Thanh văn
6. Ba hàng kệ tụng thấy các Bồ-tát

Sáu phần này tụng theo thứ lớp, trước phải có cõi nước nên ban đầu nói thấy cõi nước, có cõi nước nên có chúng sanh, có chúng sanh nên có bậc hóa chủ, có bậc hóa chủ nên có nói giáo pháp, trước chỉ lãnh thọ pháp Tiểu thừa nên có Thanh văn, sau lãnh thọ pháp Đại thừa

nên có Bồ-tát. Trong phần kệ tụng bậc hóa chủ có nửa hàng khen ngợi công đức Phật, một hàng là khen ngợi hình tướng Phật. "Bấy giờ, bốn chúng" v.v... trở xuống là một hàng tụng nói bốn chúng thấy điềm lành mưa hoa và đất rung chuyển. "Mỗi người tự hỏi nhau, việc này nhân duyên gì", đây là kệ tụng thuộc phần nghi vấn tựa, dùng việc xưa để trả lời việc hiện tại, do trả lời lại không có người khác nên lược không nói phần giải đáp tựa. "Được trời người tôn kính" v.v... trở xuống bốn hàng, đây là phần kệ tụng chính là nói Pháp Hoa. "Khen Diệu Quang Bồ-tát", do ngài Diệu Quang khéo giải đáp điều nghi ngờ, ngăn ngừa chúng sanh chê bai, khai mở sự tin hiểu tức là mắt sáng cho thế gian. "Ông là mắt của đời, tất cả đều tin về", trước khen ngợi ngài có công năng giải quyết nghi ngờ tức khai phát nói Pháp Hoa, nay khen ngợi đức hạnh trì pháp, chứng pháp mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ, Trì, nghĩa là giải ngữ, chứng nghĩa là giải nghĩa, đủ hai đức này thì có thể mở rộng kinh. Do ngài Diệu Quang mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ, khiến chúng sanh tin nhận nên khen ngợi hai đức hạnh này. "Phật nói Pháp Hoa này, khiến chúng vui mừng rồi", đây là phần kệ tụng về phần Niết-bàn. Văn xuôi có sáu việc là: tuyên bố diệt độ, thọ Ký, chánh diệt độ, mở rộng hóa giáo pháp, tám người con học đạo, nói việc đời trước của ngài Di-lặc. Trong văn xuôi tóm nói lược phần tuyên bố diệt độ, ở kệ tụng thì giải thích rộng, tức văn xuôi làm chương môn, kệ tụng là giải thích. Trong kệ này có bốn phần:

1. Hai hàng đầu là tuyên bố diệt độ
2. Một hàng kế là Phật khuyên răn, đệ tử
3. Một hàng kế nói đại chúng sầu não
4. Một hàng kế là Phật an ủi đại chúng.

Hai hàng kệ đầu chia làm hai:

1. Một hàng rưỡi là tuyên bố diệt độ
2. Nữa hàng kế là chánh diệt độ

Phần đầu nói có hai ý, khiến đại chúng vui mừng là việc lợi ích đã rồi, thật tướng các pháp đã nói xong tức nói giáo pháp đã tròn đầy, do hai việc này nên Phật diệt độ. "nay Ta đúng nữa đêm, sẽ vào cõi Niết-bàn đây là lời tuyên bố diệt độ.

"Bồ-tát Đức Tạng đây v.v...", một hàng rưỡi kệ nầy là nói việc thọ ký, ba câu đầu nói về đức hạnh có thể nhận thọ ký, ba câu sau chánh là nói về thọ ký cũng là phần kệ tụng giải thích văn xuôi.

"Đêm đó Phật diệ độ, như củi hết lửa tắt", trở xuống hai hàng kệ tụng là nói về phần chánh diệt độ, gồm có ba phần:

1. Nửa bài kệ nói về chánh diệt độ

2. Nửa bài kệ nói người tại gia dựng tháp cầu phước.

3. Một hàng kệ nói về người xuất gia tu đạo phát sanh trí tuệ.

Đây là nói về lợi ích của sự diệt độ. Trước tuyên bố diệt độ để sanh luyến mến điều thiện, nay nói chánh diệt độ là sanh lợi ích phước tuệ. "Như củi hết lửa tắt": y theo nghĩa Tiểu thừa dùng thân làm củi, trí tuệ làm lửa, trí tuệ nương vào thân, thân hết thì trí diệt. Lại dùng phiền não làm củi, dùng thân làm lửa, phiền não của Phật đã hết nên thân mãi mãi bất sanh, cho nên khác với diệt độ của phàm phu. Theo Đại thừa giải thích củi dụ cho cảm, lửa dụ cho ứng, chúng sanh hết cảm thì Chư Phật hết ứng.

"Riêng Pháp sư Diệu Quang, vâng giữ Phật pháp tạng",v.v... trở xuống một hàng kệ là nói việc mở rộng kinh.

"Còn tám vị vương tử, được Diệu Quang khai mở,v.v..." trở xuống ba hàng kệ là nói tám người con học đạo.

"Pháp sư Diệu Quang đây, có một người đệ tử,v.v..." sáu hàng kệ kế đây là nói về việc đời trước của ngài Di-lặc, chia làm ba phần:

1. Hai hàng rưỡi kệ đầu nói lỗi lầm xưa kia của ngài Di-lặc

2. Hai hàng kệ rưỡi kế nóisở đắc của ngài Di-lặc

3. Một hàng kệ sau kết thúc hội xưa và nay.

"Ta thấy Phật Đăng Minh, điềm lành trước như thế"; hai hàng kệ tụng nầy là kết thúc lời giải đáp. Nửa bài là đem việc xưa so sánh việc nay, nửa hàng là so sánh việc nay với việc xưa, Nửa bài kệ kế theo là giải thích ý Phật xưa hiện điềm lành, Nửa bài kệ cuối là giải thích ý Phật nay phát ra ánh sáng.

"Các người nay nên biết, chấp tay một lòng chờ,v.v..." hai hàng kệ này là khai phát tâm chúng sanh. Hàng kệ đầu nói về việc tốt sẽ đến, tức là sanh ra kiến giải đối với pháp Nhất thừa, hàng kệ sau nói về việc ác nên diệt tức kiến hoặc cửa ba thừa diệt, Phật nói Nhất thừa mà có hai lợi ích là sanh hiểu biết và diệt ác. Lại nữa, hiểu biết Nhất thừa sẽ đưa đến thành Phật; nghĩa là đức hạnh chẳng có gì không tròn đầy, dứt hết hoặc ba thừa, không hệ lụy nào chẳng trừ sạch, hai việc này rất lớn cho nên phải vui mừng. "Chấp tay một lòng chờ", là khiến trụ ở hai oai nghi đợi Phật nói pháp. Chấp tay là thân trụ chánh oai nghi nghĩa là thân không làm việc gì khác, nhất tâm là tâm trụ chánh oai nghi, nghĩa là ý không theo các duyên khác. "Đầy khắp người cầu đạo", thuở trước nói pháp Tiểu thừa nên giáo lý chưa tròn đầy, vì thế hiểu biết không đủ, nay nói pháp Đại thừa là trái với trước nên nói là đầy đủ, đầy đủ tức là

chứng đắc quả pháp thân: Bài kệ kế thì nửa bài trên nói về người cầu ba thừa nếu có nghi ngờ, nửa bài kệ sau là nói Phật sẽ dứt trừ khiến cho không còn nghi.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 3

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI
(Phần 1)

Phẩm này gồm có bốn môn quan trọng: Ý nghĩa, giải thích tên, đồng khác và, chung riêng.

Hỏi: Kinh này ban đầu chủ trương khen ngợi trí tuệ sâu rộng của Phật, ngài Đa Bảo khen ngợi, gọi là đại tuệ bình đẳng, nên văn tuy có bảy trục mà tông quy về Nhất thừa, nay sao đầu tiên lại nói về phương tiện.

Đáp: Muốn nói lên Nhất thừa là chân thật thì trước phải nói Ba thừa là phương tiện. Nếu trước không nói Ba thừa là phương tiện, thì Nhất thừa là chân thật không được nói lên. Vì thế Kinh này chép: Khai pháp môn phương tiện để chỉ bày tướng chân thật. Chú thích kinh chép: đã đề xướng dự định quy về một mối, trước phải nói về ý nghĩa phân ra ba để làm chứng.

Hai là phần giải thích, tiếng Phạm gọi là Ủ-hòa Câu-xá-la, Ủ-hòa gọi là phương tiện. Câu-xá-la là thắng trí, nghĩa là phương tiện thắng trí. Nhưng tên của phương tiện thì có ly và hợp, ly gồm có ba nghĩa:

1. Theo lý giáo mà giải thích, lý chân chánh gọi là phương, lời nói khéo gọi là tiện, tức là ý nghĩa sâu xa lời lẽ khéo léo, văn và ý nghĩa cùng nêu nên gọi là phương tiện, ở đây giải thích chung cả Đại thừa Tiểu thừa, không phải chỉ riêng Ba thừa.

2. Nơi chúng sanh duyên vào gọi là phương, pháp của Như lai thích ứng giáo hóa gọi là tiện, bởi muốn do bịnh mà cho thuốc, nương vào phương mà ban tiện, căn cơ giáo pháp đều nêu nên gọi là phương tiện, đây cũng có cả Đại thừa Tiểu thừa, chẳng phải riêng Ba thừa.

3. Đạp trên nguy hiểm mà được an ổn gọi là phương, lãnh thọ giáo pháp được lợi ích gọi là tiện. Nguy hiểm trong cõi đời năm trược ác nếu không có ba thừa thì không an, nên nói đạp trên nguy hiểm được an.

Lãnh thọ giáo pháp ba thừa thì liền được lợi, vì thế lấy giáo làm phương, lấy lợi làm tiện, giáo pháp và lợi ích cùng nêu nêu gọi là phương tiện, ở đây có cả Đại thừa Tiểu thừa, chẳng phải riêng Ba thừa.

Hợp giải thích cũng gồm có ba nghĩa:

1. Phương tiện là tên của khéo léo, khéo léo là dụng của trí. Lý thật không có ba, dùng năng lực phương tiện cho nên nói ba, vì thế gọi là khéo léo (khéo léo).

Hỏi: Không có ba thừa mà nói ba, sao gọi là khéo léo?

Đáp: Do không có ba mà nói ba khiến chúng sanh được lợi ích chân thật, vì thế gọi là khéo léo.

Hỏi: Đã được lợi ích chân thật thì nên gọi là thật, sao còn gọi là phương tiện?

Đáp: Theo lợi ích mà nói cũng được gọi là thật, nhưng theo lý thì thật không có ba mà giả danh nói ba, y theo giáo, nên gọi là Phương tiện.

2. Nói Ba thừa là để giúp cho chúng sanh ngộ nhập Nhất thừa nên Ba thừa này là lý do dần hướng đến Nhất thửa, nên gọi là phương tiện. Như văn sau chép: Ta lập ra phương tiện này là khiến chúng sanh được nhập trí tuệ Phật. Lại chép: Chín bộ pháp của ta lấy nhập Đại thừa làm gốc. Vì thế nói ba thừa là phương tiện của Nhất thừa.

3. Hợp hai nghĩa trên viên thành một ý chỉ, sở dĩ không có ba mà nói ba, là khiến do ba mà ngộ không ba, vì thế hai lời nói trên hợp thành một ý.

Hỏi: Ba thừa phương tiện có mấy loại?

Đáp: gồm có ba loại:

1. Thân phương tiện, như Phật Thọ Vương hiện làm người Nhị thừa và Trưởng giả mặc áo dơ xấu.

2. Miệng phương tiện, tức không có ba mà nói ba, như chỉ khống ngoài cửa có ba thứ xe.

3. Ý phương tiện, tức hai lần suy nghĩ. Một là suy nghĩ về Phật quá khứ. Hai là suy nghĩ. Ta xuất hiện trong đời ác, đây là trên đồng với Phật xưa, dưới thuận theo chúng sanh, hai thứ nhân duyên này phát khởi trí phương tiện, nghĩa là ý phương tiện.

- Nói đồng và khác:

Hỏi: Xưa cũng nói ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, so với nay có gì khác?

Đáp: Nay phần tựa trước sau có bốn ý:

1. Dùng ba thừa làm phương tiện, dùng Nhất thừa làm chân thật.

Sở dĩ nói nghĩa này, bởi xưa người lãnh thọ giáo pháp chấp ba làm thật, không biết ba thừa là phương tiện. Vì muốn thực hành pháp ấy nên nói ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, khiến họ bỏ ba thừa vào Nhất thừa.

2. Người lãnh thọ giáo pháp tuy bỏ ba thừa nhưng phong kín một thật, tuy trừ bỏ thô hoặc mà nhiễm ô vi tế lại sanh. Để đối trị hạnh này nên nói ba thừa và Nhất thừa đều là phương tiện, chẳng phải ba chẳng phải một mới gọi là thật.

3. Người bẩm thọ giáo pháp bèn hiểu ba thừa và Nhất thừa đều là phương tiện, lại phong kín chẳng phải hai là lý rốt ráo, nên nói ba, một, là hai, chẳng phải ba, chẳng phải một, gọi là không hai, hai và không hai là phương tiện. Chẳng phải hai, chẳng phải không hai chính là chân thật.

4. Hai và không hai, cho đến chẳng phải hai, chẳng phải không hai vẫn còn là bốn câu, chưa thoát khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Tướng các pháp là vắng lặng, không thể dùng lời nói năng, đó chính là chân thật.

Thừa phương tiện, thừa chân thật đã có bốn cấp bậc như thế, thân phương tiện, thân chân thật cũng có bốn trường hợp:

1. Dùng ngắn làm phương tiện, dài làm chân thật.

2. Dài ngắn đều là phương tiện, chẳng dài chẳng ngắn là chân thật (Ngắn dài là tuổi thọ).

3. Dài ngắn là hai, chẳng dài chẳng ngắn là không hai, hai và không hai đều là phương tiện. Chẳng phải hai, chẳng phải không hai chính là chân thật.

4. Hai cùng với không hai, chẳng hai chẳng không hai vẫn là bốn trường hợp, chưa thoát khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Pháp thân Như lai không có bốn trường hợp, dứt bặt trăm phi, chính là chân thật. Cho nên, phẩm Như Lai Thọ Lượng giải thích pháp thân rằng: Chẳng thật, chẳng hư, chẳng giống, chẳng khác, chẳng sạch, chẳng dơ, chẳng đi, chẳng đến, chẳng có, chẳng không, tổng cộng gồm mười không.

- Là nói phần chung và riêng: Theo phần riêng thì dùng ba thửa làm phương tiện. Theo phần chung thì phương tiện lấy khéo léo làm nghĩa, khéo léo có ở cả xưa và nay. Nay muốn dung thông lý do gom ba về một, nên khen ngợi khéo léo của Chư Phật. Vì sao như vậy? Vì xưa nói ba thừa nay nói Nhất thừa, trước sau trái nhau nên nghĩa thành mâu thuẫn, chúng sanh không sanh tín nên hợp giải thích rằng: Sở dĩ xưa nói

ba nay nói một, bởi thấy rõ căn cơ chúng sanh mà khéo léo nói giáo, nên không trái nhau, cho nên chữ phương tiện là tên chung cả ba thừa và Nhất thừa, xưa nay dùng chung, nên ở đầu nêu tên là phẩm Phương Tiện. Nghĩa này khó rõ, nay dùng bốn trường hợp để nói lên:

1. Xưa khai nay che, nghĩa là xưa khai ba nay che ba.
2. Xưa che nay khai, nghĩa là xưa che một nay khai một.
3. Xưa nay đều che, xưa che một nay che ba
4. Xưa nay đều khai, xưa khai ba nay khai một

Sở dĩ có bốn trường hợp này, là do Như lai biết căn cơ, rõ pháp, dùng khéo léo làm duyên nên không trái nhau, vì thế đều gọi là phương tiện, và phương tiện có ở xưa và nay. Kế là nêu bốn trường hợp vô phương tiện để nói lên:

1. Xưa duyên chấp ba che Phật một, không biết nói ba thừa là bỏ một thừa.
2. Nay duyên chấp một che Phật ba, không biết tuy một mà không mất ba.
3. Chấp tự tánh ba, che Phật nhân duyên một, ba
4. Chấp tự tánh một, che Phật nhân duyên ba, một

Xưa chấp như ở đây là đều là vô phương tiện, vì thế vô phương tiện cũng có ở cả xưa và nay.

Hỏi: Đoạn văn nào nói phương tiện có ở cả xưa và nay.

Đáp: Đoạn văn ba lần xin: Pháp phương tiện bậc nhất của Chư Phật. Luận rằng ba thừa là phương tiện không gọi là bậc nhất, Nhất thừa là bậc nhất không gọi là phương tiện, nay nói bậc nhất phương tiện, tức biết trí khéo léo của Chư Phật gọi là bậc nhất phương tiện, có trí khéo léo này nên có thể nói Nhất thừa, ba thừa.

Hỏi: Nhất thừa cũng gọi là phương tiện nên gọi là phẩm Phương Tiện phải không?

Đáp: Cũng có thể như thế, cho nên kinh Thắng-man chép: Nhất thừa đại phương tiện, tức là đại khéo léo của Chư Phật. Kinh Thắng-man nói về Nhất thừa mà đề gọi là Nhất thừa đại phương tiện, kinh Pháp Hoa khai mở tông đầu lẽ ra cũng dùng Nhất thừa làm phương tiện.

Hỏi: Vì sao dùng Nhất thừa làm phương tiện?

Đáp: như Bách luận y theo "không" xả phước, mà văn luận chép: dùng vô tướng xả phước. Giải thích nói dùng phương tiện này thì có thể xả phước. Nếu xả "có" mà chấp đắm "không", thì chẳng gọi là phương tiện, xả "có"mà chẳng đắm "không" nên gọi là Phương tiện. Luận Trí Độ chép: Phá thường mà đắm vô thường gọi là vô phương tiện vô

thường. Phá thường mà không đắm đối với vô thường gọi là hữu phương tiện vô thường. Lại chép: Phá hai không đắm một gọi là pháp nhẫn. Nay cũng như vậy, vì phá hai thừa nên nói Nhất thừa, cũng không khiến đắm một, vì thế Nhất thừa nầy gọi là phương tiện. Vì sao như vậy? Vì sanh tử lấy chấp tướng làm nguồn, nhập đạo lấy không đắm làm gốc, vì thế đoạn văn sau chép: "Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến xa lìa mê đắm".

Hỏi: Kinh Thắng-man, kinh Đại Phẩm và kinh này đều nói phương tiện, có gì khác nhau?

Đáp: gồm có bốn trường hợp:

1. Hợp thừa hợp tuệ, như kinh Thắng-man hợp năm thừa thành Nhất thừa, gọi là hợp thừa. Hoặc phương tiện, hoặc thật, đều gọi chung là đại phương tiện, gọi là hợp tuệ.

2. Khai thừa khai tuệ, như kinh Pháp Hoa chép: Chiếu ba là phương tiện, chiếu một là chân thật.

3. Khai thừa hợp tuệ , cũng như phần tựa kinh này, xưa hai nay một là khai thừa. Nhất thừa, ba thừa này đều là do Như lai biết căn cơ, rõ giáo pháp mà dùng phương tiện khéo léo nên gọi là hợp tuệ.

4. Hợp thừa khai tuệ, như kinh Đại phẩm nói chung tất cả thừa đều nhập Đại thừa. Như Phẩm Hội Tông chép: Hoặc pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp Nhị thừa đều nhập Ma-ha-diễn, nên gọi là hợp thừa. Trong Đại thừa tự khai hai tuệ Không, Hữu nên gọi là khai tuệ.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói tất cả pháp đều nhập Đại thừa, có gì khác so với kinh Pháp Hoa?

Đáp: Kinh Đại Phẩm đã hội ở pháp nhưng chưa hội ở người. Hội ở pháp tức là muốn nói Đại thừa chẳng có pháp nào không gồm nhiếp, vì thế Đại Phẩm chép: Nếu có thật ngữ nhiếp tất cả các thiện, ấy là Bà-nhã. Chưa hội ở người tức lúc nói kinh Đại Phẩm người Nhị thừa căn cơ Đại thừa chưa thuần thục nên chưa hội ở người. Nay kinh Pháp Hoa hội cả người cả pháp, do hội ở người nên đồng gọi là Bồ-tát, hội ở pháp nên gọi là Nhất thừa. Luận Nhiếp Đại thừa nói có hai thứ hội:

1. Mật hội, như kinh Đại Phẩm nói tất cả các pháp đều nhập và Đại thừa.

2. Hiển hội, như kinh Pháp Hoa hội ở người

Lại có hai thứ hội:

1. Lý hội, như kinh Đại Phẩm nói tất cả các pháp đều nhập thật tướng, thật tướng đã không hai, há lại có ba thừa khác nhau sao?

2. Giáo hội: Quyển thứ bảy trong kinh Kim Quang Minh chép:

Pháp giới không có hai nên thừa không có ba, chỉ vì chưa hội nhập ba giáo nên không gọi là giáo hội. Kinh Pháp Hoa thì lý và giáo đều hội.

Hỏi: Ba thừa là phương tiện, có được gọi là thật hay không?

Đáp: Gồm có bốn trường hợp:

1. Xưa là thật nay là phương tiện, nghĩa là nay đối với một thì xưa là ba.

2. Xưa nay đều thật, xưa dùng ba thừa làm thật, nay dùng Nhất thừa làm thật.

3. Ba thừa, Nhất thừa đều là phương tiện, nói theo chánh đạo thì không hề có ba, một; ba, một đều là khai đạo, gọi là đạo môn, cho nên đều à phương tiện.

4. Nay thật, xưa là phương tiện, nay dùng Nhất thừa làm thật, xưa vì chẳng phải thật nghĩa nên gọi là phương tiện.

Hỏi: Nhân thừa, thiên thừa, có là phương tiện hay không?

Đáp: Nếu ba mươi ba cõi trời là thường lạc ngã tịnh, thì chỉ lá vàng nói là vàng thật cũng là phương tiện. Nếu nói năm giới mười thiện đều được thân trời người thì không gọi là phương tiện. Kế đây là khai câu văn. Từ Phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ phần kệ, tức gồm mười lăm phẩm rưỡi, gọi là phần chính là nói kinh, chia thành hai phần lớn gồm có mười thứ:

1. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Pháp Sư gồm có chín phẩm, nói về thừa phương tiện, thừa chân thật. Từ phẩm Hiện Tháp báu về sau gồm có sáu phẩm rưỡi là nói thân phương tiện, thân chân thật. Thuở trước ba thừa gọi là thừa phương tiện, nay nói Nhất thừa là thừa chân thật, thuở trước thân sanh diệt gọi là thân phương tiện, nay thân không sanh diệt là thân chân thật. Sở dĩ khai hai điều này, vì sự giáo hóa của Đức Thích-ca gồm có ba thời: cùng nói, cùng che, cùng khai.

a) Cùng nói: ban đầu Phật thành đạo, ở trong hội Hoa Nghiêm vì các Bồ-tát mà nói pháp rốt ráo, nói thân tròn đầy. Như ông Trưởng giả ngồi trên ghế sư tử có vật báu xung quanh, tức là việc này, nên nói là cùng nói.

b) Cùng che, là người căn tánh nhỏ chưa kham nổi pháp Đại thừa, nên ở vườn Nai che Nhất thừa nói ba thừa, tức che bổn khai tích, như ông Trưởng giả ngăn người bên cạnh đừng bắt gã cùng tử nhưng lại sai người khác, ông lại cởi y phục quý giá mà mặc áo dơ xấu, tức là việc này, nên nói là cùng che.

c) Cùng khai: trong hội Pháp Hoa cùng khai hai phương tiện, cùng chỉ bày hai chân thật, tức gọi là cùng khai. Cùng nói là pháp luân căn

bản, cùng che là giáo pháp ngọn ngành, cùng khai là gom ngọn về gốc. Ba môn này không chỉ mình đức Thích-ca giáo hóa, mà gồm nhiếp tất cả giáo môn của Chư Phật, hội Pháp Hoa trước đủ đều ba môn này, nhưng đối với xưa là cùng che, cho nên nói cùng khai mà thôi.

2. Nói về Phật giáo hóa gồm có ba môn, trước khi nói Pháp Hoa nhiếp tất cả tà quy về chánh của năm thừa, gọi là môn nhiếp tà quy chánh. Phần đầu kinh này hội năm thừa khác nhau, đồng quy về một đạo, gọi là môn nhiếp dị quy đồng. Phần sau kinh này nói về quả của pháp thân, gọi là môn dẫn nhân hướng đến quả. Ba môn này chẳng giáo pháp nào không gồm nhiếp, chẳng có hạng người nào không giáo hóa. Kinh này đối với xưa chỉ có hai môn, mà kết thúc hội trước sau lại đầy đủ ba môn, như bài tựa trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói.

3. Nói về việc của Phật gồm có ba luân, dó là biết tâm người khác hiện thần lực và nói giáo môn. Ba luân này chẳng có Phật sự nào không gồm nhiếp, không có chúng sanh nào không giáo hóa. Phần đầu kinh gom giáo pháp năm thừa về Nhất thừa, nghĩa là nói pháp luân; phần sau kinh nói kéo dài thâu ngắn tự tại thích ứng sự giáo hóa, nghĩa là thần thông luân. Vì thế đoạn văn trước chép: "Vì nói trí tuệ Phật nên Chư Phật xuất hiện ở đời, chương sau chép: Lực thần thông bí mật của Như lai, tức làm chứng việc này.

4. Nói về đức của Phật gồm có ba thứ: Pháp thân, Bà-nhã và giải thoát. Dùng chánh pháp làm thân nên gọi là Pháp thân, chẳng có cảnh nào không chiếu nên gọi là Bà-nhã, không hệ lụy nào không sạch hết nên gọi là Giải thoát. Sở dĩ đức của Phật chỉ nói ba thứ này, vì Pháp thân, Bà-nhã chẳng đức nào không tròn đầy, một môn giải thoát chẳng hệ lụy nào không dứt sạch. Đức không gì không tròn đầy lại chia làm hai là pháp thân và trí tuệ, như người thế gian có thân có trí hiểu biết. Lại nữa, pháp thân là thể, trí tuệ là dụng, nội trí chẳng có gì không chiếu gọi là Bà-nhã, ngoại cảm chẳng có gì không ứng bởi pháp thân. Lại nữa, vì đối sanh tử chỉ nói ba, vì đối sanh tử báo chướng nên nói pháp thân, vì đối với sanh tử nghiệp chướng nên nói giải thoát, vì đối phiền não chướng nên nói Bà-nhã. Lại, tất cả mười hai nhân duyên không ngoài ba đạo là khổ đạo, nghiệp đạo, và phiền não đạo. Đức Như Lại ở trên đảnh của Trung đạo bậc nhất nghĩa riêng biệt với cha mẹ vô minh có đủ ba đức. Lại đối với Nhị thừa chưa tròn đầy ba đức mà nói Như lai có ba đức tròn đầy. Lại, pháp thân nói là thân nghiệp của Như lai, Bà-nhã là nói về miệng nghiệp của Như lai, nói giải thoát là nói lên ý nghiệp của Như lai, như Phẩm Tứ tướng đã nói. Nay kinh này có đủ ba

đức nên gọi là diệu, người phàm phu Nhị thừa không đủ ba đức nên gọi là thô. Phần đầu kinh nói về Bà-nhã, phần sau kinh nói về Pháp thân, hai thứ này không còn hệ lụy là Giải thoát.

Hỏi: Phần sau kinh nói về Pháp thân có thể thấy trong văn, phần đầu kinh nói thế nào là Bà-nhã?

Đáp: Như trước chép: Kinh này ban đầu chủ trương khen ngợi trí tuệ sâu xa của Phật, đức Đa Bảo khen ngợi trí tuệ bình đẳng, tức là việc này.

Hỏi: Đoạn nào nói về đức giải thoát?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: người Nhị thừa chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả. chỉ lìa hư vọn gọi là giải thoát, đó chỉ thoát khỏi phần đoạn sanh tử trong ba cõi và kiến hoặc tư hoặc, nếu dứt hết năm trụ dứt hai sanh tử, gọi là giải thoát tất cả. Dùng pháp này chính là để phân biệt khác với Nhị thừa, khiến họ bỏ chấp ba mà về một.

5. Nói chung tất cả pháp Đại thừa Tiểu thừa đều không ngoài pháp môn nhân quả, nhân quả Đại thừa gồm có hai môn:

a) Nhân chung quả chung, nói tất cả Chư Phật ba đời mười phương có nhân thực hành không khác và đồng đắc quả nhất thừa, phần đầu văn kinh chính là nói về pháp này, tức nhân chung quả chung.

b) Nhân riêng quả riêng, nói về đức Thích-ca thành Phật đã lâu, có nhân thực hành lâu xa từ đời quá khứ, đời vị lai chứng quả thường trú bất diệt, đoạn sau kinh ý chính là nói pháp này, tức nhân riêng quả riêng.

6. Nói chung Chư Phật không ngoài hai trí quyền và thật, không ngoài chân thân và ứng thân. Trí thấy rõ ba thừa là quyền, trí thấy rõ nhất thừa là thật, phần đầu kinh chính là nói hai trí này. Hiện sanh ở cung vua, thành đạo ở Già-da là ứng thân, không đầu, không cuối, chẳng sanh, chẳng diệt là chân thân, đoạn sau kinh có nói về nghĩa này, vì thế luận ở hai thân.

7. Kinh này gọi là diệu pháp, tức là nhất thừa, nên phẩm Thí Dụ Thừa này là mầu nhiệm, thanh tịnh bậc nhất, dối với thế gian không còn pháp nào hơn. Thừa có hai thứ là pháp sở thừa và người năng thừa. Năng thừa, sở thừa tức nghĩa thừa mới viên. Phần đầu nói về pháp sở thừa tức pháp mầu nhiệm, kế là từ phẩm Hiện Tháp báu trở đi là nói về người năng thừa, tức là người mầu nhiệm. Vì sao biết? Như phẩm Phương Tiện chép: Phật tự trụ trong pháp Đại thừa, như pháp sở đắc, sức định tuệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sanh, đây là pháp sở thừa. Từ

phẩm Hiện Tháp báu trở đi là giải thích Như lai nói nghĩa thường, vô thường, tức là người năng thừa. Người và pháp lại không có hai thể tức nói một mà chính là quán hai nghĩa để nói, nghĩa thống ngự là người, nghĩa vâng theo khuôn phép là pháp, nhưng chánh quán xét không hề có người, pháp, vì chúng sanh nên gượng gọi là người, pháp.

8. Luận chung về chúng sanh mê muội có hai hạng, đó là mê nhân và mê quả. Phần đầu kinh phá chấp mê nhân, phần sau kinh bác bỏ mê quả. Xưa đối với một Phật thừa mà chia ra nói ba, tức chỉ nhân lớn là quả nhỏ, người nghe bèn chấp quả nhỏ này là rốt ráo, không biết quả nhỏ tức là nhân lớn, đó gọi là mê nhân. Nay chép: “Việc làm của các ông là đạo Bồ-tát”, tức lại chỉ quả nhỏ là nhân lớn, phá sự cố chấp rốt ráo của những người ấy, đó là phá chấp mê nhân.

Phần sau nói thân chân thật của Như lai là không sanh diệt, người Nhị thừa phàm phu cho là sanh diệt vô thường, vì phá sự mê này nên nói pháp thân thường trú, đó gọi là bác bỏ mê quả.

Hỏi: Xưa nói nhân lớn là quả nhỏ, nay lại chỉ quả nhỏ là nhân lớn, cũng có thể: Xưa nói pháp thân là sanh diệt, nay lại chỉ sanh diệt là pháp thân được không?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì xưa che tướng mà nói thân Như lai có sanh diệt, nay mở cửa phương tiện, nói lên nghĩa chân thật, cho nên nói sanh diệt là ứng tích thân, không sanh diệt là pháp thân. Nhưng đối với những người chấp tích mê bổn, nên chia làm hai thân là ứng và chân, thật ra quả nhỏ nhân lớn không có hai pháp, so với thân chẳng so sánh được.

9. Nhiếp thâu chung về sự mê hoặc trái ngược gồm có hai thứ, đó là trái ngược, chính mình và trái ngược với người. Phần đầu kinh phá ở mình trái ngược, phần sau kinh phá trái ngược ở người khác.

Người Nhị thừa thật chẳng phải rốt ráo, do điên đảo nên tự cho là rốt ráo, ngài Xá-lợi-phất nói: “Nay con nơi trí mình, nghi ngờ không thể hiểu, đó là pháp rốt ráo, hay là đạo thực hành”, tức là việc này, đó là tự mình điên đảo

Phần sau kinh là phá trừ điên đảo ở người. Quả đức Như lai đối với người Nhị thừa gọi là người khác, tự mê hoặc thân mình đã nhập vô dư, cho rằng thân Như lai cũng như tro đã tắt, đó là điên đảo ở người. Nay hai đoạn kinh cùng phá hai sự điên đảo, đoạn đầu nói lên người Nhị thừa chẳng phải rốt ráo, đó là phá trừ điên đảo của bản thân, đọan sau kinh nói pháp thân thường trú, đó là phá trừ điên đảo ở người, trừ hai sự điên đảo rồi thì tất cả hoặc đều hết, bỏ chí nhỏ phát tâm lớn. Lại

nữa, phần đầu kinh phá trừ điên đảo bản thân, tức khiến người Nhị thừa biết Niết-bàn kia chẳng phải thường trụ, đó là phá chấp thường điên đảo. Đoạn sau kinh phá trừ điên đảo với người tức nói lên thân thường trú của Như lai, phá trừ điên đảo vô thường. Hai điên đảo đã trừ hết thì mong được ngộ đạo.

Hỏi: Phần đầu kinh nói phá trừ thường đảo, vậy có phá đủ cả bốn đảo hay không?

Đáp: Phá đủ cả bốn đảo. Hàng Nhị thừa tự cho rằng Niết-bàn kia là thường tức có lạc, tịnh, tuy không có nhân ngã mà có pháp ngã, tức cũng có ngã đảo. Nên biết phần đầu kinh phá trừ đủ cả bốn thứ điên đảo thường, lạc, ngã, tịnh. Phần sau kinh người Nhị thừa cho rằng Phật là vô thường, khổ, không vô ngã, bất tịnh, nên phá trừ sai lầm này tức cũng phá đủ bốn thứ điên đảo. Kinh này trước sau đã phá đủ tám thứ điên đảo, tức là nói Niết-bàn đã rồi, người đáng ngộ đều đắc đạo, Phật Đăng Minh không cần nói kinh Niết-bàn, ý là ở đây. Chỉ vì đức Thích-ca vì người căn tánh chậm chạp chưa được ngộ, nên nói rộng Pháp Hoa, sau lại nói Niết-bàn.

Hỏi: Đoạn văn trước chỗ nào nói phá thường đảo?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: Chỉ hết sanh tử mà thật ra là chưa diệt, chưa diệt há là thường sao? Đoạn sau phá vô thường đảo, văn ấy hiển rõ dễ thấy.

Hỏi: Người Nhị thừa nhân quả đều mê, tự tha đều điên đảo, đó là hoặc nào? Đáp: Người này dối với Bốn trụ đã phá đổ, chỉ có vô minh nên sanh ra sai lầm.

10. Nói về nói pháp gồm có hai môn, một là nói thẳng, hai là nói thành nhau. Phần đầu kinh gọi là nói thẳng, nghĩa là nói thẳng lý không hai chỉ một đạo thanh tịnh, gọi là diệu. Trong văn kinh “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Nói một là không có chín mươi sáu thứ khác, cũng không sự khác nhau của năm thừa, chỉ có một đạo thanh tịnh nên gọi là một. Chí diệu, rỗng rang gọi là cửa, không chứa tâm ái kiến của phàm phu nên gọi là hẹp, cũng không chứa kiến chấp đoạn thường của Nhị thừa nên gọi là nhỏ. Phần đầu kinh chính là nói về một đạo thanh tịnh, bác bỏ ái kiến của phàm phu, kiến chấp đoạn thường của Nhị thừa nên gọi là nói thẳng. Phần sau kinh gọi là nói thành nhau, trước tuy nói một đạo thanh tịnh, mà chưa biết một đạo nầy là vô thường hay thường trụ. Nếu là vô thường thì cũng đồng như chín mươi sáu thứ, nếu là thường thì cũng không khác bốn thừa, chính là pháp thô, không phải pháp diệu. Một đạo thanh tịnh là thường hằng bất biến, vượt khỏi

thường, vô thường nên gọi là diệu. Nhưng thể của pháp đã là thường, thì người chứng pháp cũng là thường trụ, cho nên kinh Niết-bàn chép: "Chỗ quy thú của Chư Phật là pháp. Do pháp là thường nên Chư Phật cũng thường". Do ở sau thường nên ở trước là độc nhất, diệu nghĩa bắt đầu sáng gọi là nói thành nhau.

Mười nghĩa trên đây đều là phân chia đại khái, chương trước chẳng phải không có ý sau, chương sau chẳng phải không có ý trước, nhưng một bề chỉ bày là từ số nhiều mà luận, cho nên có sự phân chia này.

Hỏi: Chia làm hai đoạn như mười môn trên, nếu không khai thì làm sao biết giáo pháp?

Đáp: Kinh tên là Diệu Pháp Liên Hoa, trước sau đều nói về Trung đạo, chánh quán không hai nên gọi là diệu, không đắc, không nương dựa, không đắm nhiễm nên gọi là Liên Hoa. Phàm phu đắm "có", Nhị thừa mê "không", Bồ-tát đắm Trung đạo, như vậy một và ba, thường, vô thường, cho đến một mảy may mê đắm đều là pháp thô, không gọi là diệu, đều là nhiễm ô, không phải Liên Hoa. Nay chỉ khiến đắc nhất chánh quán tức đầy đủ tất cả Phật pháp, chánh quán mầu nhiệm nên gọi là pháp diệu, đến như người dùng pháp này làm thân nên gọi là pháp thân. Chư Phật dùng pháp này làm tánh nên gọi là Phật tánh, chỉ một tự tại nên gọi là Nhất thừa, chẳng cảnh nào không chiếu nên gọi là Bà-nhã, chẳng hệ lụy nào không vắng lặng nên gọi là Niết-bàn, nên nói rằng: Bà-nhã là một pháp. Phật nói các món gọi là tùy các chúng sanh, vì đó mà đặt ra các danh tự khác nhau, cho nên người học chỉ cần quán xét tâm thanh tịnh. Trong văn kinh chép: Phật vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ra đời, đó là khai tri kiến Phật, tri kiến Phật tức là chánh quán. Tuy có mười nghĩa nhưng nay tạm y theo thừa phương tiện thừa chân thật và thân phương tiện, thân chân thật, để chia thành hai đoạn.

Hỏi: Đoạn đầu nói về thừa chân thật, là nói nhân hay nói quả?

Đáp: Đoạn đầu nói lược rộng và đoạn sau làm chứng lời nói đều là khen ngợi trí tuệ của Phật, tức là nói về nghĩa của của quả thừa. Sở dĩ như vậy vì gồm có hai nghĩa:

1. Quả thừa đức: chẳng có gì không tròn đầy, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết nên gọi là diệu, có thể ví dụ như hoa sen. Hoa sen có đài, lá đầy đủ như đức chẳng có gì không tròn đầy, thanh tịnh không nhiễm ô, như hệ lụy chẳng có gì không trừ hết, cho nên nói thừa này là mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, vì thế dùng quả thừa làm chính. Nhân thừa do đức chưa tròn đầy, hệ lụy chưa trừ hết nên gọi là diệu, thiếu hai nghĩa này nên không được dụ như hoa sen.

2. Phần đầu kinh chính là nói quả Nhị thừa là phương tiện, nên nói một Phật thừa là chân thật, tức khiến xả bỏ quả Tiểu thừa mà cầu quả Đại thừa, vì thế nói quả thừa là chính. Đã nói có một quả Phật thừa, tức là quả Nhị thừa thuộc về nhân thừa, khiến kia tu nhân Phật mà cầu quả Phật.

Hai đoạn trước sau mỗi đoạn chia làm bốn phần: Bốn đoạn trước gồm:

1. Lược bỏ ba bày một động chấp sanh nghi ngờ.
2. Động chấp sanh nghi bày tỏ nghi dẫn đến thưa thỉnh.
3. Rộng bỏ ba bày một tức dứt nghi sanh tín.
4. Nói về truyền bá.

Sở dĩ có bốn đoạn này là do đại chúng lúc này căn cơ Đại thừa đã phát động, ứng khai nói Nhất thừa, chỉ vì chấp Ba thừa đến nay đã lâu nên chưa được giảng rộng, tạm lược bỏ ba bày một để động chấp sanh nghi ngờ. Người lãnh thọ giáo pháp bỗng nghe thuyết phi thường, nên sanh tâm nghi, dẫn đến thưa hỏi. Động sự cố chấp nghĩa là đáng trừ bỏ, nghi ngờ sanh có lý đáng được hiểu, đã có lời xin nên có nhận lời thỉnh mà nói rộng, phá sự chấp ba thừa, dứt sự nghi ngờ mà sanh tin hiểu. Một châu nầy nói đã tròn đầy, còn muốn che chở xa đến đời vị lai, cho nên lần lượt truyền bá.

Phần văn thể hiện bốn đoạn này là:

1. Từ phẩm Phương tiện cho đến hết phần văn xuôi và kệ tụng đầu là đoạn thứ nhất.
2. Từ câu: Bấy giờ trong đại chúng, cho đến hết ba lần xin của ngài Xá-lợi-phất là đoạn thứ hai.
3. Từ câu: Bấy giờ, đức Thế tôn bảo ngài Xá-lợi-phất cho đến hết phẩm Thọ Học Vô Nhân Ký gồm bảy phẩm rưỡi là đoạn thứ ba.
4. Một phẩm Pháp Sư là đoạn thứ tư.

Đoạn thứ nhất chia làm hai phần:

1. Nhân khen ngợi hai trí, dường như khai tông
2. Nói rõ, nói lược.

Sở dĩ trước dường như khai tông, phần sau lại nói lược, bởi lý Nhất thừa chân thật không thể nói thẳng, ba chấp không thể bác bỏ ngay. Nay muốn khai ngộ chúng sanh để dứt nghi, cho nên khen ngợi hai trí của Phật, chẳng phải chỗ hiểu biết của người Nhị thừa.

Khen ngợi hai trí của Phật tức là dường như nói lên chân thật, nói người Nhị thừa không biết tức dường như khai phương tiện. Chương trước đã có nghĩa dường như cho nên phần sau phải dần dần rõ ra; vì

chưa thể nói rộng nên gọi là nói lược.

Phần đầu chia làm hai, là văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi lại có hai phần:

1. Nói lời kỳ diệu khen ngợi hai trí.

2. Im lặng mà khen ngợi hai trí.

Phần đầu lại có hai ý:

1. Khen ngợi hai trí của Chư Phật

2. Khen ngợi hai trí của đức Thích-ca

Phần khen ngợi hai trí của Chư Phật lại có hai ý:

1. Lời tựa của nhà dịch kinh nói Phật xuất định và xuất hiện người đối đáp.

2. Chính là khen ngợi hai trí.

"Lúc bấy giờ đức Thế: Phật nhập Tam-muội việc làm đã rồi, nay là lúc nói pháp đến nên xuất định. Nói theo ba nghiệp, thì nhập định là ý nghiệp làm lợi ích, phát ra ánh sáng là thân nghiệp làm lợi ích, nay muốn nói miệng nghiệp làm lợi ích nên xuất định. An lành: là bày tướng của bậc đại nhân, muốn nói pháp lớn nên trước phải bày tướng của đại nhân. Lại nữa, an lành là động tịch vô ngại, cho nên luận chép: Nói lên định lực tự tại của Như lai mà không ai kinh động nên gọi là an lành.

"Bảo với Xá-lợi-phất": đó là nói với người đối diện.

Hỏi: Vì sao không bảo các Bồ-tát?

Đáp: Thanh Văn tự chấp mình là rốt ráo, vì muốn chê trách nên nói với họ, Bồ-tát không có chấp này nên không nói với Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao không nói với Duyên giác?

Đáp: Trong hội Pháp Hoa không có người chứng quả Duyên giác, tuy có người tu nhân Duyên giác mà lợi căn không bằng Thanh Văn nên không nói.

Hỏi: Kinh này phần khai tông liền bảo với ngài Xá-lợi-phất, so với kinh Đại Phẩm có gì khác nhau?

Đáp: Kinh Đại Phẩm là thầm bảo, dùng thầm khai khiến người Tiểu thừa học Đại thừa. Kinh này là hiển bảo, nói lên khiến Thanh Văn tu đạo Bồ-tát.

Hỏi: Nếu vậy vì sao luận Trí Độ chép: Kinh Đại Phẩm chẳng phải bí mật, kinh Pháp Hoa là bí mật?

Đáp: Kinh Đại Phẩm không nói người Nhị thừa thành Phật, chỉ nói Bồ-tát thành Phật, nghĩa ấy dễ hiểu, như dùng cỏ thuốc làm thuốc, nên không gọi là bí mật Kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật so với xưa là khó hiểu, như lấy chất độc làm thuốc, nên gọi là bí mật.

Hỏi: Kinh này đối với ai là khó, dễ?

Đáp: Kinh Đại Phẩm xưa dạy A-nan là dễ hiểu, do Bồ-tát là bậc đại nhân lại nói bậc đại nhân thành Phật, cho nên A-nan liền hiểu, vì thế kinh Đại Phẩm phó chúc cho Ngài A-nan.

Kinh Pháp Hoa nói người Nhị thừa thành Phật khác với xưa dạy, đối với Thanh Văn là khó hiểu, cho nên kinh Pháp Hoa không phó chúc cho Ngài A-nan. Sở dĩ Phật bảo với Thanh văn, theo ý của luận Pháp Hoa gồm có năm nghĩa:

1. Giúp Thanh Văn tu hành nhân Đại thừa

2. Giúp chứng được quả Đại thừa

3. Giúp Thanh Văn tu nhân Đại và quả Đại tâm không khiếp sợ.

4. Muốn giúp người khác khéo suy nghĩ nên nói, đối với người tâm Tiểu thừa còn nói họ thành Phật, huống là người khác há không cầu thành Phật sao?

5. Khiến hàng Thanh Văn không khởi tâm cho rằng việc phải làm đã làm xong, vì thế trước khiến họ chứng quả lớn, nay khiến họ bỏ quả nhỏ.

Hỏi: Vì sao không bảo các Thanh Văn khác mà lại bảo riêng Ngài Xá-lợi-phất?

Đáp: Ngài Xá-lợi-phất căn duyên thành thục, lãnh ngộ trước nhất, lại là đại tướng theo Phật xoay bánh xe pháp. Nay nói về bình đẳng trí tuệ bậc nhất, nên phải đối với người trí tuệ mà nói, cũng là thích hợp căn duyên.

"Trí tuệ của Chư Phật là sâu xa vô lượng", đây là phần chánh khen ngợi hai trí của Chư Phật. Không có người xin mà Phật tự nói gồm có hai nghĩa:

1. Nói lên Như lai có tâm đại bi thuần nhất biết căn cơ động thì nói không đợi người xin. Ngài Tăng Triệu chép: Bạn chân thật không đợi mời, như mẹ hiền đến với con thơ.

2. Muốn nói lên lý sâu xa huyền diệu không ai có thể hỏi, cho nên tự nói. Như kệ sau chép: "Pháp đắc nơi đạo tràng, không ai có thể hỏi".

Nói về trí tuệ, thì kinh nói khác nhau nhau, hoặc chỉ một quả trí gọi là Như thật trí. Nếu trong nhân mà chưa dứt hết hoặc thì sở chiếu chưa chân thật, quả địa hết hoặc nên trí tuệ chẳng có gì là không chân thật. Hoặc chia ra hai trí; chiếu "không" là Nhất thiết trí, thấy ở "có" là nhất thiết chủng trí, đây là từ chỗ chiếu hai đế mà gọi tên; do pháp không lìa chân, tục, nên trí chỉ khai ở hai. Hoặc khai ba trí, như phẩm Chúc Lụy ở

kinh này nói trí Phật, Như lai trí, tự nhiên trí, trí Phật là Nhất thiết chủng trí, Như lai trí tức Nhất thiết trí, tự nhiên trí tức vô công dụng trí. Hai trí trên tùy ý mà biết, không phải tác ý nên gọi là tự nhiên trí.

Lại nói là Bốn trí, như phẩm Thí dụ nói, ba trí trước đồng như trên, thứ tư là Vô sư trí. Vô sư trí là ba trí trên không từ thầy mà có. Bốn trí này là chánh tông của kinh nên gọi là trí tuệ của Chư Phật.

Văn nầy chia làm ba phần: nêu cả hai, giải thích cả hai kết luận cả hai.

Trí tuệ của Chư Phật, là nêu thật trí của Phật, rất sâu vô lượng là khen ngợi thật trí của Phật. Phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát đều không thể so lường nguồn trí của Phật nên gọi là rất sâu, cũng không thể so lường bờ mé trí Phật nên gọi là vô lượng.

Kinh Vô lượng thọ chép: Biển trí tuệ của Như lai là sâu rộng không có bờ, đáy, Nhị thừa chẳng thể so lường, chỉ có Phật mới biết.

Luận Pháp hoa nói về nghĩa rất sâu gồm có năm thứ:

1. Nghĩa rất sâu: tức là quả đức của Phật có Vô Lượng Nghĩa.

2. Thể rất sâu: tức là pháp thân bình đẳng không có khác nhau.

3. Nội chứng rất sâu: tức là Phật chứng pháp thân tương ưng với pháp thân, gọi là nội chứng.

4. Y chỉ rất sâu: tức Chư Phật mười phương đồng y chỉ pháp thân.

5. Vô thượng rất sâu, Bồ-đề vô thượng là sở chứng của Chư Phật.

Quả đức thì phải có đủ năm thứ này.

Lại sự sâu xa thì bốn trường hợp cũng không thấy được bờ đáy của trí ấy nên gọi là rất sâu, trăm phi không so lường được bờ mé ấy nên nói là vô lượng.

Hỏi: Lẽ ra chỉ nói là sâu, sao gọi là rất sâu?

Đáp: Rất trong sâu nên gọi là rất sâu. Nhưng diệu quán của Như lai không hề có ngu hay trí, vì đối sự ngu của Nhị thừa nên gượng gọi là trí, cũng chẳng có sâu, cạn, lượng hay vô lượng, vì đối với Nhị thừa không thể so lường nên nói là vô lượng.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp giới chẳng có lượng cũng chẳng có vô lượng, đức Mâu-ni đều vượt ngoài lượng và vô lượng.

Lại khen ngợi nghiêng về hai trí của Phật, ý muốn nói chỉ có trí Phật là rốt ráo, các trí khác chưa rốt ráo, đây là nói lên rốt ráo để ngầm bác bỏ Nhị thừa chưa rốt ráo. Luận lại chép: Vì các đại chúng mà sanh tâm tôn trọng cuối cùng muốn nghe Như lai nói pháp, cho nên khen ngợi trí Phật.

Lại nói pháp gồm có hai môn là khen ngợi thuốc và cho thuốc.

Nay lược nói là khen ngợi thuốc, sau nói rộng là trao thuốc.

Hỏi: Đức của Phật là vô cùng, vì sao khen ngợi nghiêng về trí tuệ?

Đáp: Nhất thừa lấy muôn đức làm thể, ở trong muôn đức thì tuệ là chính, cho nên khen ngợi nghiêng về trí tuệ.

"Môn trí tuệ đó khó hiểu khó vào": phần này nêu trí phương tiện, khen trí phương tiện. Trí tuệ ấy là trí tuệ đã nói trên, chữ môn là trí tuệ phương tiện, nói tất cả giáo là có cả trí Phật, cho nên dùng tất cả giáo làm môn trí tuệ Phật, chánh lấy tất cả giáo làm môn. Như phẩm Dược Thảo Dụ chép: Đối với tất cả pháp, trí phương tiện mà giảng nói, pháp được nói đó đều đến nhất thiết trí, đây đủ làm chứng.

Lại nữa, giáo năng thông sanh quán giải, là giải là môn, nhưng giáo năng sanh thật giải, thì cùng thật giải làm môn, cũng khiến biết quyền và quyền giải làm môn.

"Khó hiểu khó vào", ban đầu không thể biết là khó hiểu, sau không thể ngộ gọi là khó vào.

"Tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật không thể biết được": nói người không thể hiểu. Trên khen ngợi trí Phật sâu xa, là muốn nói lên Nhất thừa, môn trí tuệ ấy khó hiểu khó vào, cho đến Nhị thừa đều không thể biết, là muốn bác bỏ Nhị thừa. Sở dĩ Nhị thừa không thể biết, là vì Như lai đối với một mà nói ba, muốn cho do ba mà hiểu một, cho nên lấy ba làm một môn, người Nhị thừa bèn chấp ba, không thể do ba mà ngộ một, vì thế không thể biết ba thừa. Người Nhị thừa không hiểu ba, lại không nhập Nhất thừa, tức ở bên ngoài môn. Vì thế kệ sau có chép: "Còn đứng ở ngoài cửa".

Hỏi: Trên đã nói khó hiểu khó vào, sao nay chỉ nói không thể biết?

Đáp: Nhị thừa còn không thể biết nói ba thừa là để biểu hiện Nhất thừa, huống gì có thể do ba để nhập Nhất thừa?

"Vì sao như vậy": đoạn văn dưới đây là phần giải thích cả hai trí của Chư Phật.

Sở dĩ thật trí rất sâu vô lượng, quyền trí khó hiểu khó vào, do nhân thực hành đã chứa nhóm, cho nên quả sâu mầu khó hiểu khó vào, lẽ ra cũng đối với Nhị thừa. Sở dĩ không hiểu, là do gieo nhân đã gần mà quả trí lại chậm lụt nên không thể hiểu.

Văn nầy có hai phần: câu đầu nói gặp Phật đã nhiều, câu kế nói tu hành đã lâu. Phần sau lại có hai câu, câu đầu chính là nói tu hành tất cả hạnh, câu kế nói tuy tu hành mà siêng năng mạnh mẽ, câu đầu nói hạnh

là chỗ để cố gắng, câu sau nói siêng năng là tự cố gắng. "Tiếng tốt đồn khắp": do đức vững ở bên trong nên tiếng tốt truyền ra bên ngoài. Sở dĩ biết Phật tu đủ các hạnh và tinh tấn mạnh mẽ, do lúc tu các hạnh thì tiếng tốt dồn khắp nên tự chứng biết.

Theo luận Nhiếp Đại thừa nói có bốn thứ tu:

1. Cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật, tức gần gũi rất nhiều Đức Phật, thời gian lâu dài, đây gọi là trường thời tu.

2. Thực hành tất cả vô lượng đạo pháp của các Đức Phật, chẳng có hạnh nào không tu, gọi là vô dư tu.

3. Mạnh mẽ tức lúc tu hành không có tâm biếng nhác, đây gọi là tôn trọng tu.

4. Tinh tấn tức là liên tục nghĩ đến pháp lành không để các niệm khác xen vào, gọi là vô gián tu. Trước là đốn phương tiện, nay là thường phương tiện tu bốn thứ này tức có đức bên trong, do đức bên trong đã đủ nên tiếng tốt đồn khắp.

"Thành tựu pháp rất sâu không hề có", đây là câu nói kết thúc hai trí, trước là lời kết về thật trí, tùy theo sự thích ứng mà nói, kế nói lời kết về phương tiện trí. Sở dĩ nói lời kết là do có ba môn mà nêu ra, giải thích và kết thúc thì nghĩa mới đầy đủ.

"Xá-lợi-phất! từ khi ta thành Phật đến nay": theo luận Pháp Hoa thì trước đã nói về môn diệu pháp công đức, nghĩa là diệu pháp Như lai chứng đắc rất sâu khó hiểu khó vào. Nay khen ngợi công đức Pháp sư của Như lai, do Phật thành tựu, các công đức nên có thể giáo hóa chúng sanh. Trước đã khen ngợi hai trí của Chư Phật, nay khen ngợi hai trí của đức Thích-ca. Sở dĩ trước nói về Chư Phật sau nói về đức Thích-ca, do chỉ bày sự ngộ dần cho chúng sanh. Trước nói Chư Phật là khai tông, sau nói đức Thích-ca là thuận theo, tức khiến người chấp ba thừa không sanh nghi ngờ chê bai. Văn nầy cũng có ba phần:

1. Khen ngợi quyền trí.

2. Khen ngợi thật trí.

3. Lại khen ngợi quyền trí

Hỏi: Nay khen ngợi hai trí của đức Thích-ca, có gì khác với trước?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1. Trên là tóm lược khen ngợi hai trí, nay là khen ngợi rộng các đức, ban đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa, hai trí là chủ của Nhất thừa, cho nên ban đầu lược khen ngợi hai trí, quả thừa chẳng có đức nào không đầy đủ, cho nên sau rộng khen ngợi các đức.

2. Khen ngợi Chư Phật từ thật mà khởi quyền, khen ngợi đức Thích-ca dùng quyền giải thích thật.

3. Khen ngợi Chư Phật nêu nhân giải thích quả, khen ngợi Đức Thích-ca là nêu quả giải thích quả.

Câu "từ khi ta thành Phật đến nay" là khen ngợi quyền trí gồm có hai nghĩa:

1. Như trên giải thích Chư Phật từ thật khởi phương tiện, nay từ phương tiện khởi thật.

2. Theo thế văn liên tục, trên nói lược trí phương tiện, nói về khó hiểu khó vào, nay giải thích rộng trí phương tiện nói ý khó hiểu khó vào. "từ khi ta thành Phật đến nay": là nói thành đạo có hai nghĩa:

a) Hiện sanh cung vua, thành đạo ở Già-da, từ đây trở đi là thí pháp phương tiện.

b) Y theo đoạn văn sau nói thành Phật đã lâu, từ nay trở đi là ban pháp phương tiện, đây là nói về thời gian dùng quyền. Các thứ nhân duyên", đây là nói về sử dụng quyền trí.

Nhân duyên tức là nhân duyên để độ người ba thừa, nói nhập đạo khác nhau, do sự nương duyên mỗi người khác nhau nên nói là các thứ. "Các thứ thí dụ": gồm có hai nghĩa:

1. Vì người ba thừa mà nói các thí dụ, như luận Trí Độ chép: trong ba tạng, Phật vì các Thanh Văn mà nói các thí dụ, nhưng không nói về thí dụ thành Kiền-thát-bà, cho đến vì các Bồ-tát mà nói rộng mười loại thí dụ. Sở dĩ trong ba tạng không nói thí dụ thành Kiền-thát-bà, là vì ba tạng không nói bản tánh tất cả pháp vốn không, mà thí dụ thành Kiền-thát-bà nói về nhân năng thành và quả sở thành vốn không, cho nên trong ba tạng không nói Trong luận Thành Thật cũng có thí dụ này, dẫn thí dụ trong Bồ-tát tạng và trong pháp Tiểu thừa mà giải thích.

2. Hợp hạng người Ba thừa mà ví dụ, như ba chim thoát lưới, ba thú qua sông. "Rộng nói ngôn giáo": trên là thí dụ, nay là pháp. "Dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh", trên nói thí dụ và pháp, đều khéo léo nên gọi là phương tiện. Lại nữa, thí dụ và pháp trên đều thuộc về miệng nghiệp, nay nói thân nghiệp hiện thần thông, ý nghiệp thầm giáo hóa, dó là dùng vô số phương tiện.

Luận Pháp Hoa chép: Phương tiện tức là từ cung trời Đâu-suất hiện sanh cho đến thị hiện nhập Niết-bàn. Lại chép: Vô số phương tiện là thị hiện tà pháp ngoại đạo, nói lên lỗi lầm trong ấy, thị hiện chánh pháp công đức. Lại có bốn thứ phương tiện:

1. Khiến nhập các pháp lành

2. Khiến dứt trừ nghi ngờ

3. Khiến nhập trí tăng thượng cao quý

4. Y theo bốn nhiếp pháp mà nhiếp lấy chúng sanh.

Nói tám tướng là chánh phương tiện, nay là chỉ bày tà phương tiện. "Dẫn dắt chúng sanh khiến xa lìa các chấp", đây nói sử dụng ý phương tiện. Sở dĩ dùng vô số phương tiện là vì khiến chúng sanh xa lìa chấp trước. Do chúng sanh đắm nhiễm ba cõi, muốn giúp họ xa lìa nên nói pháp ba thừa, nhưng không nói thật có ba thừa rốt ráo, mà chúng sanh lại chấp ba thừa là rốt ráo, vì thế không hiểu ý Phật, nên đoạn văn trên nói khó hiểu khó vào.

Lại, Đức Phật lập ra phương tiện vốn là giúp cho chúng sanh lìa chấp trước, mà chúng sanh lại chấp ba thừa, đây là đắm ở chỗ vô chấp, vì thế không hiểu ý Phật. Luận Pháp Hoa chép: có bốn thứ chấp:

1. Chấp giới, tức chấp ba cõi.

2. Chấp địa, nghĩa là chấp từ Sơ thiền cho đến Phi phi tưởng và định Diệt tận.

3. Chấp phần, nghĩa là phần tại gia và phần xuất gia. Phần tại gia là chấp mình đồng loại làm các thứ nghiệp và tà kiến. Phần xuất gia là chấp tiếng tăm lợi dưỡng, các thứ phiền não và hiểu biết.

4. Chấp thừa, là chấp Tiểu thừa và Đại thừa.

"Vì sao như vậy? Đức Như lai đầy đủ phương tiện v.v...": đây là giải thích trí phương tiện. Do đức bên trong tròn đầy nên bên ngoài dùng sự khéo léo để lợi ích chúng sanh.

"Xá-lợi-phất! Tri kiến Như lai rộng lớn sâu xa": đây là phần khen ngợi trí chân thật. Trên dùng phương tiện để nêu tri kiến, đó là trí phương tiện, nay nói thẳng tri kiến là rộng lớn sâu xa gọi là thật trí. Có bốn nghĩa để khen ngợi tri kiến:

1. Chiếu không chỗ nào không đến nên gọi là rộng.

2. Vượt khỏi Nhị thừa nên gọi là lớn.

3. Chiều dọc không thể thấy đáy nên gọi là sâu.

4. Chiều ngang không thấy bờ mé nên gọi là xa.

"Đức vô lượng vô ngại lực", xưa chép: Bốn tâm vô lượng gọi là vô lượng, bốn biện tài vô ngại gọi là vô ngại, nay y theo Luận Pháp Hoa mà nói vô chướng vô ngại. Trên đã nêu tri kiến, nay dùng hai môn để khen ngợi.

1. Rộng lớn sâu xa là khen ngợi trí tròn đầy.

2. Vô chướng vô ngại là khen ngợi sự hệ lụy không gì không trừ hết.

"Lực vô sở úy", từ đầu phẩm cho đến đoạn này tuy có nói Chư Phật và đức Thích-ca nhưng chỉ là khen ngợi trí tuệ. Từ đoạn văn này về sau là khen ngợi đủ tất cả đức, không chỉ trí tuệ sâu rộng mà tất cả các đức cũng rất sâu rộng vô lượng. Sở dĩ khen ngợi đủ tất cả các đức, gồm có hai nghĩa:

1. Dùng các đức làm thừa, nay muốn khen ngợi Nhất thừa cho nên khen ngợi đủ tất cả đức.

2. Người mê hoặc nghe khen ngợi trí tuệ Phật sâu xa cho rằng còn lại các đức không được, cho nên khen ngợi các đức là sâu xa, chẳng phải chỗ hiểu biết của người Nhị thừa.

Mười lực là đức bên trong của Phật nên khen ngợi trước, do biết căn cơ, hiểu rõ thuốc nên nói mười lực, bên trong nói mười cảnh nên bên ngoài nói không sợ sệt, vì thế kế là nói lên sự vô úy. Nói lực vô úy là khen ngợi trí tuệ Phật; thiền định, giải thoát, Tam-muội là khen ngợi công Đức Phật. Thiền là Tứ thiền, định là bốn định Vô sắc, giải thoát là tám giải thoát, Tam-muội là không, vô tướng, vô nguyện, bốn môn nay là theo thứ lớp. Ban đầu đắc Bốn thiền, kế là đắc Bốn không định, đủ tám thứ thiền này thì đắc tám giải thoát, do đắc tám giải thoát nên có thể chứng ba không môn. Nhưng đây đều là một thể, tùy theo nghĩa mà phân chia ra. Công đức chứa nhóm thì gọi là thiền, gồm nhiếp không tán loạn thì gọi là định, muôn lụy đều dứt gọi là giải thoát, tâm ấy ngay thẳng nên gọi là Tam-muội.

"Sâu vào chốn không ngằn mé", trên nói các tức chia ra tám khoa, nay khen ngợi chung, đối với mỗi đức, Phật đều biết rõ cùng tột, người khác không thể biết đến ngằn mé nên nói là không ngằn mé.

"Thành tựu tất cả các pháp không hề có": trên chánh là khen ngợi các đức gồm tám khoa còn chưa hết, nên nay tông kết lời khen ngợi.

"Xá-lợi-phất! Như lai hay dùng các thứ phân biệt": đây là phần khen ngợi lại quyền trí. Trên nói thành tựu tất cả pháp không hề có, do đức bên trong đã tròn đầy nên bên ngoài khéo nói pháp, khéo nói pháp gồm có hai nghĩa:

1. Khéo nói pháp.

2. Khéo thích hợp căn cơ.

"Lời lẽ êm dịu": trên là khen ngợi bốn trí vô ngại, nay khen ngợi năm thứ âm thanh, ở đây khác với khen ngợi quyền trí ở trên. Trên là nói ý phương tiện, tức là khiến chúng sanh lìa các chấp trước, không mê đắm Tiểu thừa, tức là bỏ Tiểu thừa. Nay khen ngợi đức khéo nói pháp của Phật, khiến chúng sanh ưa thích Đại thừa. "Xá-lợi-phất! Tóm

lại, vô lượng, vô biên pháp không hề có, Phật đều thành tựu”. Như lai chẳng những có lời lẽ khéo léo nói pháp Nhất thừa, mà còn đầy đủ công dụng cao quý của tất cả pháp ít có. “Thôi Xá-lợi-phất! Chẳng cần nói nữa”: đây là ngừng nói mà lại khen ngợi hai trí. Trên tuy khen ngợi trí tuệ sâu xa vô lượng, mà còn dính mắc danh ngôn, chưa cùng tận cái đẹp của khen ngợi. Còn như trí của người mà tâm thực hành đã dứt, ngôn ngữ cùng diệt, khen ngợi chỗ không thể khen ngợi, đó chính là sự cùng tận sự tốt đẹp về khen ngợi, cho nên tuy ngừng nói mà lại khen ngợi hai trí. Lại nói “Thôi” là tóm lại văn trên quy về chỗ không danh tướng. Trên là khai hai trí của Chư Phật và quyền trí, thật trí của đức Thích-ca, khen ngợi thật trí là sâu xa, khen ngợi quyền trí là khó hiểu khó vào, đây đều là ở chỗ không danh tướng mà mượn danh tướng để nói. Nhưng thật tướng các pháp là không hề có Chư Phật và Đức Thích-ca, sâu và không sâu, phương tiện và thật, vì thế Bát-nhã chép: Các pháp chẳng sâu, chẳng diệu, cho đến chẳng trí, chẳng ngu, chẳng quyền, chẳng thật.

Lại nữa, ngừng nói là muốn cho đại chúng khởi tâm tôn trọng dối với pháp, mà sau có ba lần xin cầu:lại muốn cho năm ngàn người tăng thượng mạn rời khỏi chỗ ngồi.

Luận Pháp Hoa chép: Chỉ bày pháp khí, tâm chúng sanh đã đầy đủ. Ý này nói Bồ-tát có căn tánh lanh lợi, khi nghe lời nói trên thì đã liễu ngộ, không cần nói lại, cho nên ngừng nói. Theo ý nầy thì khi nói lược một châu chính vì Bồ-tát, do Bồ-tát có căn tánh lanh lợi, nghe lược nói thì liền lãnh ngộ, hàng Thanh văn căn tánh chậm lụt chưa thể tỏ ngô, vì thế ba lần cầu xin, khi nghe nói rộng mới được hiểu. Cho nên nói lược chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa, mà Bồ-tát hiểu trước, nên nói rộng là riêng cho Thanh Văn. Xưa cùng có sự giải thích như thế. Theo văn có hai phần:

1. Tuyên bố ngừng nói.
2. Giải thích vì sao ngừng nói.

Phần tuyên bố như văn trên, giải thích ngừng nói tức là câu “vì sao”, ở đây có hai ý:

1. Nói về pháp diệu: vì chúng sanh không hiểu nên không thể nói.
2. Chỉ có Phật mới hiểu được nên không cần nói; ý nghĩa vì sao không nói chỉ có hai điều này.

Hỏi: Xưa nay nói kinh này chiếu ba thừa là phương tiện, chiếu Nhất thừa là trí chân thật, thể ấy là có pháp, sao lai gọi là bặt lời?

Đáp: Có người chép: Trí Nhất thừa là dứt bặt ngôn ngữ của ba thừa. Lại có người vấn nạn: Tuy dứt bặt ngôn ngữ ba thừa mà còn có ngôn ngữ của Nhất thừa, sao gọi là bặt ngôn ngữ?

Lại hoặc nhất thừa dứt bặt ngôn ngữ của ba thừa mà gọi là bặt lời, thì ba thừa cũng dứt bặt ngôn ngữ của nhất thừa, cũng là bặt lời. Nếu ba thừa, Nhất thừa không dứt bặt lẫn nhau, thì trâu, ngựa cũng chẳng thể không có. Nay nói đây chính là khen ngợi trí Phật, nên đoạn văn sau chép: "Trí tuệ mà Ta chứng đắc là mầu nhiệm bậc nhất". Lại nói, "Pháp này không thể chỉ bày, tướng lời lẽ vắng lặng". Vì thế trí tuệ của Như lai là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải ba, không một, lìa người, lìa pháp, bặt quán, bặt duyên, tất cả danh ngôn đều không sánh bằng, nên nói là bặt lời.

Kinh Đại Phẩm chép: Ban đầu Phật thành đạo thường ưa im lặng, không ưa nói pháp.

Sở dĩ không nói, theo Khải sư thì nói sẽ mất đi sự chân thật của nó, người biết lại thành ngu, người chấp có thành trái với tánh, người chấp không thì thương tổn thân, vì nghĩa này cho nên không nói.

"Chỉ có Phật và Phật mới thấu tột": ý lời này nói chỉ có Phật mới hiểu nên không cần nói. Thích luận chép: Nếu có hai Đức Phật đối nhau thì không có ngôn ngữ, tức là việc này.

"Thật tướng các pháp": Luận Pháp Hoa chép: Thể của Như lai tạng pháp thân bất biến, cho nên ở đây vừa gọi là thật tướng, vừa gọi là Phật tánh chánh pháp, là tên khác của chánh quán.

"Các pháp tướng như vậy", trước nêu thật tướng nghĩa là nhất tướng môn, sau nói mười việc là: tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, trước sau rốt ráo, là nêu sai khác tướng môn. Sở dĩ nói hai môn này, là nói các pháp không ngoài hai cảnh sai khác, vô sai biệt, trí của Chư Phật cũng không ngoài hai trí sai khác, vô sai biệt.

Biết vô sai biệt gọi là nhất thiết trí, tức Như lai trí, chiếu rõ ở sai khác gọi là Nhất thiết chủng trí, tức là trí Phật. Nay đã khen ngợi trí Phật, cho nên nêu cảnh để nói lên.

Hỏi: Lấy gì để biết hai nghĩa là sai khác và vô sai biệt?

Đáp: Phần kệ sau có nói đủ hai nghĩa này: "Như vậy quả báo lớn, các thứ nghĩa tánh tướng". Đây là môn sai khác. "Pháp này không thể nói, tướng lời lẽ vắng lặng". Đây là môn vô sai biệt. Nay nói sai khác, vô sai biệt; sai khác tự nhiên mà vô sai biệt, nên nói rằng: Không hư giả danh mà nói thật tướng. Tuy vô sai biệt mà tự nhiên sai khác, nên nói rằng: không động chân tế mà lập các pháp. Liễu ngộ như thế thì chỉ có

Phật nên khen ngợi trí Phật.

Hỏi: Câu trước nói chỉ có Phật và Phật mới biết cùng tận thật tướng các pháp, nay thì nói các pháp có tướng như vậy, tánh như vậy, tức là giải thích thật tướng. Vì sao nói trước là vô sai biệt, sau là sai khác?

Đáp: Trước nêu thật tướng, sau nói tánh tướng, là muốn nói sai khác, vô sai biệt, nên nêu sai khác để giải thích vô sai biệt.

Hỏi: Mười câu trong văn này là nói pháp gì?

Đáp: Nói chung tất cả các pháp đều đủ mười môn, nên trong luận Trí Độ nói tất cả pháp đều có chín thứ, cùng với đây là như nhau. Luận Pháp Hoa nói lược năm pháp, là chung tất cả pháp. Nay theo phần kệ sau, tạm nói nhân quả của Phật gồm cổ 10 pháp, vì thế kệ chép: "quả báo lớn như vậy, các thứ nghĩa tánh tướng". Cho nên, biết là căn cứ nhân quả của Phật là nói nghĩa tánh tướng.

Nhân quả của Phật là gồm đủ muôn hạnh muôn đức, nay lại đối với nhân quả Bà-nhã để nói lên. "Tánh như vậy, tướng như vậy". Tức là Bà-nhã không chấp

Là tướng, tướng không chấp trước thì thể không thay dổi nên gọi là tánh, Bà-nhã dùng chánh quán làm thể. Bà-nhã có công năng dứt hoặc nên gọi là lực, Bà-nhã có dụng chiếu cảnh nên gọi là Tác, từ chỗ tu tập không có sở đắc mà sanh quán nên gọi là Nhân, tức là nhân duyên trong bốn duyên. Do cảnh thật tướng phát trí thật tướng nên gọi là duyên, tức là duyên trong bốn duyên.

"Quả như vậy, báo như vậy". Có chỗ nói: thể là một mà nghĩa là khác theo nhân lực làm quả, nghĩa đáp nhân làm báo.

Thảo luận Tỳ-đàm thì quả chung báo riêng. Hữu vi vô vi đều gọi là quả, báo chỉ là quả hữu vi. Chung thì có hữu lậu vô lậu, báo thì chỉ có hữu lậu, quả thì có cả ba tánh, báo thì chỉ có tánh vô ký.

Kinh Niết-bàn chép: Pháp vô lậu từ nhân sanh ra, lại không tạo nhân nên gọi là quả. Pháp hữu lậu lại năng sanh quả nên gọi là báo. Luận Nhiếp Đại thừa chép: Nghĩa sanh ra gọi là quả nghĩa thuần thục gọi là báo, cộng dụng gọi là quả, dụng riêng gọi là báo. Nay tạm y theo nghĩa nhân quả của Phật để giải thích: Bà-nhã là nhân, Tát-bà nhã là quả, năm độ là nhân, phước đức trang nghiêm là báo, đức của Phật đáp nhân là quả, khởi ứng dụng là báo, pháp thân là quả, báo thân là báo.

Cho nên, Kinh Niết-bàn chép: Niết-bàn vô nhân mà thể là quả, tức là pháp thân vốn có tu nhân, sở đắc nên gọi là báo. "Các thứ trước sau rốt ráo như vậy", Bà-nhã làm nhân gọi là trước, Tát-bà nhã làm quả

gọi là sau, cũng nói rằng: do Tát-bà nhã nên nói Bà-nhã, nên Tát-bà nhã là trước, Bà-nhã là sau.

Luận Trí Độ chép: Bà-nhã là sanh nhân của Phật, Phật vì Bà-nhã mà nói nhân. Kinh Thập Địa chép: Thập địa như vậy là căn bản của Chư Phật, tức Thập địa là gốc, Phật là ngọn. Lại chép: Thập địa như vậy từ trí tuệ Phật sanh ra, tức Phật là gốc, Thập địa là ngọn. "Tất cả rốt ráo" tức thâu nhân quả trên quy về lý phi nhân phi quả không hai. Cho nên phẩm Dược Thảo Dụ chép: Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về không. Kế là phần kệ tụng chia làm hai:

1. Kệ tụng nói nhờ ngôn từ khen ngợi hai trí.

2. Hai kệ tụng dứt ngôn từ, thêm khen ngợi hai trí. Trong văn xuôi thì phần nói khen ngợi hai trí chia làm hai, trước khen Chư Phật sau khen đức Thích-ca.

Nay phần kệ tụng lại chia làm hai ý khác:

1. Hai bài tụng đầu khen ngợi hai trí tuệ của Phật.

2. Hai bài kế là giải thích sự khen ngợi hai trí.

Hai bài kệ đầu lại chia thành bốn cặp để giải thích:

1. Bài kệ đầu khen ngợi chung hai trí của Chư Phật, bài kế khen ngợi hai trí của đức Thích-ca.

2. Bài kệ đầu khen ngợi chung đức của Phật, bài kệ kế là khen ngợi riêng đức của Phật. Cho nên kệ chép: "Phật lực chẳng sợ gì": ở đây nói về thật trí của Phật. "Và phá khác của Phật", đây là trí phương tiện của Phật. Do trí phương tiện chỉ vì hóa tha nên gọi là pháp khác.

3. Bài kệ đầu là khen ngợi người, cho nên chép: "Đấng Thế Hùng khó lường": Bài kệ kế là khen ngợi đức cùng tột, nên chép: "Phật lực chẳng sợ gì".

4. Kệ đầu là khen ngợi trí vô sai biệt, nghĩa là trong ngoài đều sâu xa duyên quán đều vắng lặng, bài kệ kế khen ngợi trí sai khác, sáng ở cảnh trí, như mười lực chiếu mười cảnh.

"Vốn từ vô số Phật, tu đầy đủ các đạo": đây là hai bài kệ sau nêu nhân để giải thích quả, cũng chia ra hai phần:

1. Bài kệ đầu là nêu nhân để giải thích quả của Chư Phật.

2. Bài kệ sau là nêu nhân của đức Thích-ca để giải thích quả của đức Thích-ca.

Lại bài kệ đầu nêu nhân để giải thích quả là nói quả sâu xa mầu nhiệm chúng sanh không hiểu được. Bài kệ sau nêu nhân giải thích quả là nói chỉ có Phật mới hiểu được. Lại bài kệ đầu là nói về nhân tu hành của Phật cho nên có quả sâu xa, bài kệ kế là nói thực hành nhân đắc quả

mầu nhiệm. "Quả báo lớn như vậy", đây là phần kệ tụng về ngừng nói lại khen ngợi hai trí. Trong văn xuôi thì trước nói nghĩa ngừng nói, sau giải thích ngừng nói, nay phần kệ tụng chỉ giải thích ngừng nói. Trong văn xuôi giải thích ngừng nói có hai ý, một là do chúng sanh không hiểu, hai là chỉ có Chư Phật mới biết cho nên ngừng nói. Nay tụng lại hai phần này gồm có mười ba hàng kệ rưỡi, chia làm bốn chương:

1. Một bài kệ nói chỉ có Phật mới hiểu được.
2. Một bài kệ rưỡi là nói chúng sanh không hiểu.
3. Chín bài kệ rưỡi là giải thích vì sao chúng sanh không hiểu.
4. Một bài kệ rưỡi là giải thích vì sao chỉ có Phật mới hiểu.

Trong văn xuôi thì trước nói chúng sanh không hiểu, sau nói chỉ có Phật hiểu, nay phần kệ muốn kế văn kệ trước nên trước nói chỉ có Phật mới hiểu. Nửa bài kệ trên là nêu pháp sở giải, nữa bài kệ dưới là nêu người năng giải.

"Quả báo lớn như vậy", đây là nói hai câu quả và báo trong mười việc trên.

"Các thứ nghĩa tánh tướng", tánh và tướng là tụng hai câu trong phần nhân, trong quả thì có pháp thân và báo thân, trong nhân thì có tướng bên ngoài và tánh bên trong.

"Pháp dó không thể chỉ": đây là nói chúng sanh không hiểu, nửa bài kệ trên là nói pháp khó hiểu, nửa bài kệ dưới là nói người không hiểu. Nói pháp ấy không thể chỉ là do pháp của quả báo lớn, tướng lời lẽ vắng lặng, cho nên không thể chỉ. Trên nói trong chỗ không danh tướng mà mượn danh tướng để nói, nên chia nhân quả làm hai. Nhưng chia nhân quả làm hai vì muốn chúng sanh ngộ phi nhân phi quả, không hai cho nên nói là vắng lặng.

"Trừ các chúng Bồ-tát, người sức tin bền vững", nửa bài kệ này là muốn giải Thích-câu nghi ngờ và bác bỏ Nhị thừa. Nói giải thích nghi ngờ, do kệ trước nói chỉ có Phật mới hiểu. Bài kệ kế là nói trừ Phật ra còn tất cả chúng sanh đều không hiểu, vậy thì chúng sanh nhờ đâu mà ngộ trí Phật? Vì thế giải thích rằng: Trừ các chúng Bồ-tát, người sức tin bền vững thì có thể tin hiểu, đến lúc thành Phật mới gọi là chứng hiểu.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát Thập địa gọi là văn kiến Phật tánh, chỉ có Phật mới được gọi là Nhãn kiến Phật tánh. Phật tánh tức là trí tuệ của Chư Phật. Kinh Niết-bàn chép: Phật tánh gọi là bậc nhất nghĩa Không, bậc nhất nghĩa Không gọi là trí tuệ.

Nói bác bỏ Nhị thừa, vì chỉ có Bồ-tát mới tin hiểu được, tức nói lên Nhị thừa không thể tin, muốn cho Nhị thừa bỏ không tin mà được

tin.

"Các hàng đệ tử Phật": phần này giải thích vì sao chúng sanh không hiểu, văn chia ba phần:

1. Nói Thanh Văn không hiểu.

2. Nói Duyên Giác không hiểu

3. Nói Bồ-tát không hiểu.

Ba bậc Thánh còn không hiểu, huống là chúng sanh sáu đường, cho nên không nói. Lại kệ đầu đã nói chúng sanh sáu đường không hiểu, nay chỉ nói ba thừa không hiểu.

Tóm lại, thì chú Trí của Như lai là phi Thánh phi phàm, bặt duyên, bặt quán, cho nên phàm Thánh, chúng sanh đều không thể hiểu.

Phần nói Thanh Văn không hiểu chia làm ba chương:

1. Nói Thanh Văn độn căn không hiểu.

2. Nói Thanh Văn lợi căn không hiểu.

3. Người lợi căn và độn căn cùng suy lường cũng không hiểu được.

Chương đầu nói "Sức lực không kham nổi", gồm hai nghĩa:

1. Trước nói Bồ-tát có khả năng tin hiểu, nay nói chung lợi căn, độn căn, tất cả Thanh Văn không thể tin hiểu, nên nói rằng sức không kham nổi.

2. Muốn nói Thanh Văn độn căn không thể hiểu ở trí Phật, nên nói rằng không kham nổi.

Hai chương kế như văn đã nói dễ biết.

"Duyên Giác trí lanh lợi": đây nói người Duyên Giác không hiểu. Thanh Văn thì nêu đủ cả lợi căn và độn căn, Duyên giác thì chỉ nêu người lợi căn. Luận Trí Độ chép: Người Duyên Giác độn căn còn không bằng Ngài Xá-lợi-phất, cho nên không nêu.

"Bồ-tát mới phát tâm", đây là nói Bồ-tát không hiểu, văn chia hai phần:

1. Nói Bồ-tát mới thực hành không hiểu.

2. Bồ-tát Bất thoái trở lên không hiểu, ở đây chia làm hai hạng người:

1. Nói người Tiểu thừa không hiểu, trong Tiểu thừa thì có Thanh Văn, Duyên giác.

2. Nói người Đại thừa không hiểu, trong Đại thừa thì có mới phát tâm và thực hành, cộng với sáu đường hợp thành mười người.

Hỏi: Vì sao người Nhị thừa và Bồ-tát không hiểu?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay lại nói vì sao Nhị thừa không hiểu.

Do có tâm chấp thường, chấp đoạn, có sở đắc, làm sao hiểu được chánh quán không thường, không đoạn, không có sở đắc của Chư Phật!

Hỏi: Hàng Nhị thừa cũng có không thường không đoạn vì sao nói đều là chấp đoạn chấp thường?

Đáp: Nhị thừa chính là không chấp thường chấp đoạn của phàm phu ngoại đạo, nhưng nếu theo Chư Phật Bồ-tát thì tâm có ngăn, có khởi vào thường, đoạn. Trung luận chép: Nếu có chỗ thọ pháp thìrơi vào thường, đoạn.

Nói Bồ-tát không hiểu, như người không biết quả thì nói dễ tin, như kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát Thập trụ có chỗ trụ nên thấy không liễu mà liễu, Chư Phật Như lai không có chỗ trụ nên thấy liễu là liễu.

"Lại bảo Xá-lợi-phất, pháp nhiệm mầu rất sâu, vô lậu khó nghĩ bàn": đây là phần giải thích chỉ có Phật mới hiểu. Vô lậu khó nghĩ bàn, trên nói Nhị thừa vô lậu, dó là vô lậu nói theo luận Thành Thật và Tỳ-đàm, nay nói chung người Nhị thừa và Bồ-tát đều là hữu lậu, do có tâm sở đắc chưa thanh tịnh. Pháp nầy không có các lậu trên nên gọi là vô lậu. Khó nghĩ bàn, do tâm thực hành đã dứt nên không thể suy nghĩ, lời lẽ cũng dứt nên không thể nghĩ bàn. Do trí tuệ Phật là khó nghĩ bàn nên phàm, Thánh, Đại thừa, Tiểu thừa đều không thể hiểu, tức đã giải thích nghĩa trên.

"Chỉ ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng vậy", nửa bài kệ nầy là nói chỉ có Phật và Chư Phật mới hiểu.

"Xá-lợi-phất phải biết, lời Phật nói không khác": phần này là nói lược, chương trước đã dùng hai chữ dường như, nên phần này nói là rõ ràng, vì văn rộng mà nói ít nên gọi là nói lược. Văn nầy kế phần trên xuống là: Trên đã nói chúng sanh chín đường không hiểu trí Phật, chỉ có Phật mười phương mới hiểu, lại sợ Nhị thừa tự cho là bặt không sanh tâm tin nhận, nên nay nói lược hai trí quyền và thật khiến sanh tâm tin nhận, nên có văn này kế theo. Văn chia làm hai phần:

1. Nói Chư Phật để bày nhất thừa.
2. Nói đức Thích-ca để chia ra ba thừa.

Mỗi phần lại chia làm ba, phần đầu có ba ý:

1. Nửa bài kệ nêu nói của Chư Phật là như nhau.
2. Nửa bài kệ kế là khuyên nên tin nhận.
3. Nửa bài kệ sau là chính là nói lên chân thật.

"Lời Phật nói không khác": vì lý đã không hai, giáo pháp biểu hiện ở lý nên giáo pháp cũng không khác. Phật lại sợ chúng lúc ấy nghi rằng xưa nói ba nay nói một là có khác nhau, nên nay nói lời Phật là

không khác.

Lại nữa, xưa nói ba thừa chẳng' phải chân thật thì lời nói có thể khác, nay Nhất thừa đã là chân thật nên nói không thể khác.

"Nên sanh sức tin lớn": xưa tin Ba thừa gọi là tin nhỏ, nay tin Nhất thừa gọi là tin lớn.

"Cần phải nói chân thật", Chư Phật nói pháp do thích ứng cơ duyên nên khác nhau nhau, hoặc trước sau đều nhỏ, hoặc trước sau đều lớn, hoặc trước nhỏ sau lớn, hoặc trước lớn sau nhỏ. Tóm lại, thời gian sau nhất định là nói lớn, do không trụ trong bốn thừa thì sẽ thành Phật, vì thế thời gian sau nhất định là nói nhất thừa việc này là quyết định nên chép: "Pháp của Phật về sau, cần phải nói chân thật".

Kế là nói phần đức Thích-ca khai ra ba thừa:

1. Một hàng kệ nói với người đối diện.

2. Nửa bài kệ nói khai mở phương tiện.

3. Nửa bài kệ giải thích ý khai mở phương tiện.

"Chỗ nào cũng tham đắm": tức là nói tham đắm ba cõi, do chứng sanh chấp ba cõi nên giả nói ba thừa để dẫn dắt khiến ra khỏi, vì muốn ra khỏi ba cõi nên nói ba thừa, mà không nói đạo lý có ba thừa nói ở ba. Lại nữa, do đại chúng nghi rằng: Đạo lý đã không có ba, vì sao nói ba? Vì thế giải thích rằng: Do chúng sanh chấp ba cõi, vì muốn dẫn dắt ra khỏi nên nói ba thừa:

"Khi ấy, trong đại chúng có Thanh Văn v.v..." đây là đoạn lớn thứ hai nói đại chúng sanh nghi và bày tỏ sự nghi để cầu đáp, văn chia hai phần:

1. Nói về sanh nghi.

2. Nói về cầu đáp.

Phần sanh nghi lại chia làm hai phần:

1. Nói chúng có nghi như trong văn.

2. Nói sự nghi ngờ của chúng tức câu: "mỗi người tự suy nghĩ".

Phần hai này lại chia làm ba:

1. Nhắc lại hiện tại nghi.

2. Nói thuở xưa nghi

3. Xưa và nay đều nghi.

"Vì sao hôm nay Đức Phật lại ân cần khen ngợi pháp phương tiện". Trên Đức Phật đã khen ngợi hai pháp quyền và thật, nay nghiêng về nghi phương tiện, chính là dùng phương tiện để phá người Nhị thừa chấp Ba thừa là thật. Lại muốn trước mở cửa phương tiện để sau chỉ bày tướng chân thật.

Lại nữa, phần sanh nghi cũng là kế lời văn gần, phần cuối văn kệ trên chép: “Phật dùng năng lực phương tiện, chỉ bày ba thừa giáo”, nay văn liền kế nối nên nói trước nghi phương tiện.

“Mà nói thế này”, đây là nhắc lại phần trên là Thật trí nội chứng, tức la môn trí tuệ khó hiểu. Hai câu này là nói pháp khó hiểu, câu sau là nói người khó hiểu, tức là: “Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể hiểu”.

“Đức Phật chỉ nói một nghĩa giải thoát”, đây là nói nghi về thuở xưa. Xưa nói ba thừa đồng nơi dứt phiền não đắc Niết-bàn hữu dư, một giải thoát; đồng ở diệt thân trí đắc vô dư một giải thoát. “Mà nay chẳng biết nghĩa ấy về đâu?”: tức là nói phần nay sanh nghi, gồm có ba ý:

1. Nghi giáo pháp.
2. Nghi người.
3. Tự nghi.

Nghi giáo pháp là xưa nay nghi lẫn nhau, xưa nói ba thừa sở đắc đồng nhau, nay nói Đại thừa, Tiểu thừa hơn kém có khác nhau. Xưa nói ba thừa sở đắc đồng nhau thì Đại thừa Tiểu thừa đều chân thật, nay nói Đại thừa Tiểu thừa có hơn kém nên Đại thừa là thật, Tiểu thừa là phương tiện, chưa biết xưa sai nay đúng hay xưa đúng nay sai, hoặc xưa nay đều sai, hoặc xưa nay đều đúng? Vì thế nói nay chẳng rõ nghĩa ấy về đâu?

Nghi người là do giáo pháp giảng nói đã trái nhau, nên không biết người nói hay ma nói.

Tự nghi ngờ tức nghi pháp sở đắc, như Ngài Xá-lợi-phất chép: “Nay con đối trí mình, nghi ngờ không rõ được, đó là pháp rốt ráo, hay là đạo thực hành.

Hỏi: Trên nói do chấp ba thừa nên sanh nghi đối với ba thừa nên Phật dùng năng lực phương tiện, chỉ bày ba thừa giáo. Đoạn văn dưới lại chép: “Bồ-tát nghe pháp này, lưới nghi đều đã trừ”, vì sao nay chỉ nói người Nhị thừa nghi mà không nói Bồ-tát nghi?

Đáp: Dùng đoạn văn này để trách ngài Quang Trạch, nói chỉ có Bồ-tát nghiêng về thực hành sáu độ, thêm Nhị thừa nữa là ba, sao không nói Bồ-tát nghi? Nếu nói rằng vì lược nên không nói, thì Bồ-tát là lớn, sao lại lược lớn mà giữ nhỏ? Lại trong ba châu sau đều nói ba căn Thanh Văn được ngộ mà không nói Bồ-tát lãnh giải, theo đây suy ra, thì biết không nói người nghiêng về thực hành sáu độ. Nay điều muốn nói là Nhị thừa xưa có tự chấp là rốt ráo, nay bỗng nghe ba thừa chẳng phải rốt ráo nên sanh nghi ngờ, vì thế ở đây nói người Nhị thừa, do Bồ-tát không

có chấp này, nên đoạn văn này không nêu Bồ-tát nghi.

Hỏi: Nếu vậy vì sao chép: “Bồ-tát nghe pháp này, lưới nghi đều đã trừ”?

Đáp: Đoạn văn sau có nói Bồ-tát nghi ngờ, trong pháp Hoa Huyền Nghĩa đã giải thích điều này. Không phải tự chấp rốt ráo rồi khi nghe chẳng phải rốt ráo mà sanh nghi, nhưng đây là nghi ngờ Như lai thuở trước sao nói ba thừa nay nói Nhất thừa. Do điều Bồ-tát nghi khác với Nhị thừa, khi nghe nói lược thì tâm nghi đã dứt vì thế trong đây không nói Bồ-tát. Lại nữa, trong phần kệ trên chỉ nêu hai hạng người là Thanh Văn và chúng cầu Duyên giác, vì thế chỉ có hai hạng này sanh nghi. “Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất biết tâm nghi của bốn chúng,v.v...”, đây nói ngài Xá-lợi-phất khởi sự nghi và cầu Phật đáp.

Hỏi: Lúc hiện điềm lành thì ngài Di-lặc sanh nghi sao trong phần chính là nói thì ngài Xá-lợi-phất cầu đáp?

Đáp: Hiện điềm lành là tiêu biểu nói chung nghĩa nhân quả của một kinh chỉ có Phật mới hiểu, người Học chưa biết nên nghi ngờ, Trong phần chính là nói là riêng đối với ngài Xá-lợi-phất, là đại diện cho người chấp sanh nghi mà cầu đáp.

Hỏi: Vì sao phải xin cầu?

Đáp: Luận Pháp Hoa nói có ba nghĩa:

1. Muốn đại chúng suy xét cảnh giới sâu xa của Phật.

2. Muốn đại chúng sanh tâm tôn trọng rốt ráo muốn nghe.

3. Muốn cho người tăng thượng mạn rời chỗ ngồi mà đi.

Nhưng nói theo đầu cuối thì có ba lần Đức Phật ngăn lại không nói và ba lần Xá-lợi-phất xin; Ba lần Đức Phật ngăn là:

1. Khen ngợi pháp sâu xa mà chúng sanh chín đường không hiểu, chỉ có Phật mới hiểu cho nên ngăn lại, chúng sanh sáu đường và ba thửa thành ra chín đường.

2. Nếu nói việc dó thì các phàm phu và trời, người, sẽ kinh sợ nghi ngờ.

3. Vì sợ Nhị thừa tăng thượng mạn chê bai cho nên ngăn lại.

Đây là trời, người, Thanh Văn, Duyên giác, bốn loại chúng sanh nghe nói Nhất thừa không thể tin nhận. Vì sao như vậy? Vì trời, người khởi ái, Nhị thừa khởi kiến, do ái và kiến ngăn ngại chánh quán nên không tin Nhất thừa. Lại nữa, trời, người đắm vui sanh tử, Nhị thừa đắm vui Niết-bàn, đều là chấp chặt vui Tiểu thừa không kham nhận sự vui của Phật, cho nên ngăn không nói. Lại nữa, trời người đắm có, Nhị thừa đắm không, có hai chấp này trung tâm thì không thể kham nhận pháp

Trung đạo, vì thế ngăn không nói.

Hỏi: Vì sao ở trên nói chúng sanh chín đường không hiểu nên ngăn lại, là nay chỉ nói bốn thừa không hiểu nên phải ngăn lại?

Đáp: Trên là khen ngợi trí tuệ rất sâu của Phật, ngoài Phật ra còn chín đường chúng sanh đều không thể so lường trí Phật, vì thế ngăn lại không nói. Nay là sắp nói pháp Nhất thừa, mà chúng sanh bốn thừa không thể tin nhận, cho nên ngăn nói.

Ba lần xin gồm có:

1. Có nghi nên thưa hỏi.

2. Nói đại chúng ở đời quá khứ có gieo trồng gốc lành, khi nghe pháp không sanh nghi nên thưa hỏi.

3. Nói đại chúng hiện tại có đức có thể nghe pháp sẽ tin nhận nên thưa hỏi.

Nhưng đã có ba lần xin, ba lần ngăn thì lẽ ra không nói, chỉ vì lần đầu là ngăn trước khi xin, cho nên tính theo lần xin thì chỉ có hai lần ngăn, lần thứ ba thỉnh, Phật đã đồng ý. Ba lần xin và hai lần ngăn thành năm đoạn. Trong phần xin đầu có hai ý:

1. Nói về sanh nghi.

2. Nói về xin cầu.

Trong phần sanh nghi thì trước nói đại chúng nghi, sau nói tự nghi như trong văn.

"Mà bạch Phật rằng": đây là bày tỏ sự nghi và xin đáp, lại có hai phần là văn xuôi và kệ tụng. Trong phần văn xuôi thì trước bày tỏ sự nghi, sau cầu đáp. Trong phần bày tỏ sự nghi thì trước bày tỏ tự mình nghi, sau nói đại chúng nghi. Trong phần tự nghi thì trước là nghi hiện tại, sau là nghi thuở xưa.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp phương tiện bậc nhất?

Đáp: Chỉ Phật có sự khéo léo, từ giai vị Thập địa trở xuống tuy có khả năng giáo hóa mà sự khéo léo chưa tột cùng, vì những người khác không có nên gọi là bậc nhất. Lại nữa, Phật thừa là bậc nhất, xưa nói ba thừa là khiến cho ngộ Nhất thừa, tức cùng với bậc nhất làm phương tiện nên gọi là bậc nhất.

Hỏi: Trong phần nghi trên thì trước nói chúng nghi, sau là tự nghi, nay bày tỏ sự nghi sao trước lại nói tự nghi sau là đại chúng nghi?

Đáp: Trên muốn nói lên trước người, sau mình, nay luận về cần cởi trói mình trước, sau mới cởi cho người.

"Hôm nay bốn chúng đều có lòng nghi": đây là đại chúng nghi ngờ.

"Cúi xin Đức Thế tôn bày nói việc đó": đây là lời xin giải quyết sự nghi, gồm có hai phần, ban đầu là chánh xin, sau là giải thích lý do xin.

"Vì sao đức Thế tôn lại khen ngợi pháp sâu xa": đây là việc để xin, vì sâu xa nên mới xin, nếu là cạn thì đã biết không cần thỉnh.

Trong phần kệ tụng lại chia làm hai:

1. Tám hàng kệ đầu nói về sanh nghi.

2. Phần kệ sau cầu giải quyết nghi.

Trong tám bài kệ đầu lại chia làm hai:

1. Bài

2. Bốn bài rưỡi nói về sanh nghi.

"Đấng Tuệ Nhật Đại Thánh": trong phần xin nói đều có ba lần khen, ba lần xin, vì vậy ban đầu nói đấng Tuệ Nhật Đại Thánh là khen ngợi Phật có đức kham nổi giải quyết nghi.

Chữ Nhật là mặt trời có hai nghĩa:

1. Xua tan được tối tăm của vô minh.

2. Hiển bày được lý nhất thừa chân thật.

Trong chúng hội nầy gồm có ba bậc Thánh:

1. Hạ Thánh, là những vị tiên có năm thông.

2. Trung Thánh, là những vị A-la-hán.

3. Đại Thánh, là Bồ-tát pháp thân.

Đối với ba bậc thánh thì Phật là cao nhất, nên gọi là đấng đại Thánh, nếu chẳng phải bậc đại Thánh thì không thể giải quyết nghi cho ba bậc Thánh được, như voi lún xuống bùn cần có voi khác kéo lên.

"Lâu mới nói pháp này": trên là khen ngợi người giải quyết nghi, nay khen ngợi pháp là hi hữu. "Tự nói ra các thứ, lực, vô úy, Tam-muội", gồm là việc để nghi ngờ, đây có hai phần:

1. Hai chương tự nói tự khen.

2. Giải thích hai chương này.

"Tự nói ra các thứ, lực, vô úy, Tam-muội, thiền định và giải thoát": đây là tự nói.

"Là pháp chẳng nghĩ bàn": đây là phần tự khen. "Pháp chứng tại đạo tràng, không ai hỏi đến được", đây là giải thích tự nói và tự khen. Ban đầu có năm câu để giải thích tự nói, kế là có ba câu để giải thích tự khen, nửa bài kệ đầu là nói Phật tự nói thật trí.

"Ý con khó lường được": đây là nói Phật tự nói trí phương tiện.

"Không hỏi mà tự nói": câu này là kết thành nghĩa trên. Do lúc mới xuất định không ai có thể hỏi về hai trí của Phật cho nên Phật tự

nói. Trong ba câu tự khen ngợi, câu đầu nói về nhân tự khen ngợi, hai câu sau nói về quả tự khen ngợi. Ban đầu Phật mới xuất định đã tự nói về hai trí quyền và thật mà Ngài chứng đắc, tự khen ngợi nhân và quả mà ngài thực hành. Ngài Xá-lợi-phất muốn giải thích ý của Phật tự nói và tự khen cho đại chúng biết, nên nói từ lúc Phật mới xuất định không ai có thể hỏi, cũng không ai có thể khen, cho nên Phật tự nói tự khen.

"Các La-hán vô lậu": đây là phần biện nói về sanh nghi, chia làm hai phần:

1. Kệ nói đại chúng nghi.
2. Kệ nói tự nghi.

Trong phần đại chúng nghi lại chia làm ba phần:

1. Một bài kệ nói chúng Thanh văn nghi.
2. Nửa bài kệ nói chúng Duyên giác nghi.
3. Nửa bài kệ nói chúng phàm phu nghi, tức câu "chúng Trời rồng quỷ thần, cùng với Càn-thát-bà".

Ba chúng nầy là theo thứ lớp, trong chúng Thanh Văn có người La-hán cho nên nêu trước. Chúng Duyên giác chỉ có người xuất gia nên nêu thứ hai, chúng Trời rồng kém hơn hai chúng trên nên nói sau cùng.

"Trong các chúng Thanh Văn, Phật nói con hạng nhất, nay con đối trí mình, nghi ngờ không rõ được": Phần này nói tự nghi. Nếu theo giáo pháp thuở xưa là rốt ráo, mà nay là đạo thực hành.

"Con từ miệng Phật sanh, chắp tay cúi trông chờ": phần kệ này là xin giải quyết nghi, chia làm hai phần:

1. Một bàikệ nói về hai chúng Thanh văn, Duyên giác thỉnh riêng.
2. Từ câu: "Các Trời rồng thần thảy" v.v... là hợp ba chúng ưa nghe xin Phật nói.

"Xin ban tiếng nhiệm mầu, nói cho lời như thật", xưa nói đã không thật nên nay xin cầu nói như thật.

"Các trời, rồng, quỷ thần", đây nói cả ba chúng ưa nghe lời xin nói pháp.

"Muốn nghe đạo đầy đủ', xưa nói cho Nhị thừa chỉ là bán tự nên gọi là không đầy đủ, nay xin nói Nhất thừa là giáo môn mãn tự nên gọi là đầy đủ.

"Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất", đây là lần thứ nhất Phật ngăn lại sau khi xin.

Hỏi: Chỉ nói một chữ thôi là được, vì sao phải chép: Thôi! Thôi!

Đáp: Luận Trí Độ chép: Thiện cùng tột gọi là Thiện tai! Nay dừng cùng cực nên gọi: Thôi! Thôi.

Lại nữa, do Nhị thừa không hiểu nên nói một lần "thôi", các trời người không hiểu nên lại nói thêm chữ thôi. Lại nữa, người ngộ lý thì vì lý mà mê hoặc giáo nên nói một chữ thôi, người chưa ngộ lý thì vì giáo mà mê hoặc lý nên nói một chữ thôi.

Theo văn mà phán xét, thì Phật tự giải thích rằng: "vì trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ" nên nói Thôi! Thôi!

Hỏi: Có mấy thứ kinh sợ nghi ngờ?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Tổng quát đầu cuối của một kinh gồm có năm thứ:

1) Sợ hãi tổn thất, nghĩa là người Tiểu thừa chấp Niết-bàn Tiểu thừa là rốt ráo, chê bai Niết-bàn Đại thừa, do tổn thất Đại nên gọi là sợ hãi tổn thất.

2) Sợ hãi sự nhiều, người Đại thừa nghe Phật đạo dài lâu, thực hành nhiều, nên khởi tâm chấp lấy quả Tiểu thừa.

3) Sợ hãi điên đảo: tức là ngoại đạo chấp có ngã và ngã sở, nghe kinh này nói người vô ngã, pháp vô ngã, liền sanh tâm kinh sợ.

4) Sợ hãi ăn năn: Như ngài Xá-lợi-phất hối hận đã chứng quả Tiểu thừa, tâm hối hận này gọi là sợ hãi.

5) Sợ hãi lừa dối: kẻ tăng thượng mạn tự nghĩ rằng: Sao Phật mê hoặc chúng ta? Đây gọi là sợ hãi lừa dối. Năm việc này là gồm thâu cả việc Đại thừa, Tiểu thừa, phàm, Thánh, nội đạo và ngoại đạo.

"Ngài Xá-lợi-phất lại Bạch Phật rằng", đây là lời xin cầu thứ hai, gồm có văn xuôi và kệ tụng. Trong văn xuôi trước nói lời chánh xin, tức câu "Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó".

"Vì sao: đây là ngài Xá-lợi-phất nói lý do vì sao mà xin. Sở dĩ lặp lại lời cầu xin Phật nói, là để đáp lại lời ở trên nói thôi! Thôi.

Người Nhị thừa có thể tin nên gọi là cúi xin, trời, người có khả năng lãnh thọ nên nói lần thứ hai. Lại nữa, người đã ngộ thì do lý mà biết giáo nên nói xin giảng nói, người chưa ngộ thì nhờ giáo mà ngộ lý nên xin giảng nói lần thứ hai. Trời và người theo đây có thể biết. "Vì sao vậy" vì Ngài Xá-lợi-phất đã nói chúng sanh trong hội này có gieo trồng gốc lành từ thuở lâu xa nên xin Phật nói giáo.

Phần kệ chia làm hai phần:

1. Câu đầu là khen ngợi Phật.

2. Ba câu sau là chánh xin.

Xưng là Pháp Vương: bởi đối với xưa, nay, phương tiện, chân thật,

đều tự tại vô ngại nên gọi là Vương. Câu "Cúi xin nói chớ lo": đây là phần chánh xin, câu đầu là xin, hai câu sau giải thích vì sao mà xin.

"Đức Phật lại ngăn Xá-lợi-phất", Đây là lần thứ hai Phật ngăn lại sau khi xin, trước là văn xuôi sau là kệ tụng. Trong văn xuôi chỉ ngăn một lần, chủ ý là nói các Tỳ-kheo tăng thượng mạn không thể tin nhận nên chỉ ngăn một lần. "Nếu nói việc này thì tất cả trời người sẽ kinh nghi", đây là lời Phật giải thích vì sao không nói. Trước nói ba đường thiện trong phàm phu kinh nghi nên không nói, nay nói bốn chúng tăng thượng mạn sẽ xa vào hầm lớn, cho nên không nói, tuy nêu hai hạng người mà ý muốn nói kẻ tăng thượng mạn. Hầm lớn có ba loại:

1. Tà kiến chê bai pháp.
2. Nghiệp chê bai pháp hai loại này là nhân.
3. Hầm lớn địa ngục Vô gián, một loại này là quả.

Như lai sẽ nói, cho nên kẻ tăng thượng mạn sẽ đọa, nếu chính là nói sẽ là chánh đọa cho nên không nói.

Phần kệ tụng nên chia làm hai phần:

1. Một câu đầu tuyên bố ngừng nói
2. Ba câu sau là giải thích vì sao không nói.

Trong phần kệ lại chép: Thôi! Thôi, một chữ là ngăn trời, người, một chữ là ngăn kẻ thượng mạn. Lại, một lần ngăn là vì pháp mầu nhiệm, một lần ngăn là vì kẻ căn tánh chậm lụt.

Ba câu giải thích lại chia làm hai:

1. Câu đầu nói về pháp mầu nhiệm
2. Hai câu sau nói về kẻ tăng thượng mạn.

"Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng", đây là lần xin thứ ba, trước là văn xuôi sau là kệ tụng. Trong văn xuôi trước nêu lời xin sau là giải thích lời xin, đây cũng nói câu "cúi mong giảng nói" đến hai lần, bởi Phật sợ trời người kinh nghi và kẻ tăng thượng mạn chê bai nên nói hai chữ thôi thôi, mà ngài Xá-lợi-phất cũng vì hai hạng người này nên xin Phật nói, một là tự ngài có thể hiểu nên xin Phật nói, hai là các đại chúng cũng có người tin hiểu nên xin Phật nói.

"Nay trong hội nầy": là lời ngài Xá-lợi-phất giải thích để xin Phật nói, trước nói con có thể hiểu tức ngài Xá-lợi-phất là bậc thượng căn nên được ngộ, sau nói "những hạng người sánh bằng con", là ngoài Xá-lợi-phất ra còn có bậc trung căn, hạ căn, phàm phu có thể tin nhận.

"Đời đời đã từng theo Phật học hỏi": đây là giải thích những người sánh bằng ngài Xá-lợi-phất có thể tin hiểu, người có nhân nông cạn ở đời quá khứ còn được Phật giáo hóa, huống là những người có nhân sâu

dày ở đời hiện tại có thể tin hiểu. Người không tin thì ít, mà người thuận theo giáo pháp thì nhiều, do có nhiều người tin nên nói. Lại nữa, Như lai có cả lời nói bí mật và thần thông. Dùng lời nói bí mật và thần thông, dùng lời nói bí mật thì có những người tuy đồng ngồi mà không nghe, dùng thần thông thì khiến những kẻ tăng thượng mạn rời chỗ ngồi, tiến lùi mà nói thì không thể không nói. Phần kệ tụng chia làm hai ý:

1. Câu đầu là khen ngợi Phật.

2. Chánh xin nói pháp.

"Đấng Vô Thượng Lưỡng Túc", đã là bậc tôn quý lưỡng túc, thì sẽ vì trời người mà nói pháp, nếu không nói thì đâu gọi là Lưỡng Túc Tôn.

"Xin nói pháp bậc nhất", đây là phần chánh thỉnh, văn chia làm hai phần:

1. Nói lời xin.

2. Giải thích lời xin.

"Xin nói pháp bậc nhất", đây là nói lời xin, trong ba thừa thì Phật thừa là bậc nhất.

"Con là trưởng tử Phật", đây là bài tụng giải thích lời xin, gồm có hai phần:

1. Ý hai hàng tụng trên: ngài Xá-lợi-phất và đại chúng có thể kham nhận và tin hiểu.

2. Một bài rưỡi nói ngài Xá-lợi-phất và đại chúng khát ngưỡng muốn nghe pháp.

Phần đầu lại chia làm ba ý.

1. Nửa bài kệ nói tự thân ngài Xá-lợi-phất có thể tin hiểu.

2. Nửa bài kệ nói đại chúng cũng có thể tin hiểu.

3. Một hàng kệ nêu việc so sánh nay giải thích ngài Xá-lợi-phất và đại chúng có thể tin hiểu. Trong văn xuôi thì nói chúng sanh đời đời đã được sự giáo hóa của Phật cho nên xin, phần kệ tụng thì nói Phật đời đời giáo hóa chúng sanh cho nên xin.

"Chúng con nghìn hai trăm", đây là nói ngài Xá-lợi-phất cùng đại chúng khát ngưỡng muốn nghe pháp, cũng chia ra ba phần:

1. Nửa bài kệ đầu nêu cả hai chúng.

2. Nửa bài kệ kế lặp lại lời xin.

3. Nửa bài kệ cuối nói đại chúng ưa nghe pháp nên sanh vui mừng lớn.

Nghe nói pháp Nhất thừa thì đều thành Phật, vì thế ba loại Thanh văn và các Bồ-tát trong phẩm Phân Biệt Công Đức đều vui mừng lớn.

"Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo ngài Xá-lợi-phất", trở xuống: đây là đoạn lớn thứ ba chép: Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn, chia thành sáu cặp:

1. Trên nói lược là vì Bồ-tát lợi căn, nay nói rộng là chung cho cả ba thừa, đây là một cặp lợi căn độn căn.

2. Trên lược bỏ ba bày một, là khiến người chấp sanh nghi, nay rộng bỏ ba bày một là dứt nghi sanh tín, tức là một cặp rộng lược.

3. Trên nói chung về người chấp sanh nghi, nay nói riêng dứt nghi sanh tín, tức là một cặp chung riêng. Nói chung người chấp sanh nghi, là khiến ba căn sanh nghi ngờ, riêng dứt nghi sanh tín là riêng vì ba hạng người mà nói pháp ba châu, khiến dứt ba sự nghi ngờ, sanh ba sự tin hiểu. Người chấp sanh nghi thì dễ cho nên chỉ nói một lần, dứt nghi sanh tín thì khó cho nên nói ba châu.

4. Trên là khen ngợi, nay là trao pháp, thuốc hay và trị bịnh phải có đủ, trước là khen thuốc hay, sau là cho thuốc. Chư Phật nói pháp cũng có đủ hai môn, ban đầu là khen ngợi Nhất thừa, sau là chính là nói Nhất thừa, tức là một cặp khen ngợi và trao cho.

5. Trên là thầm bày nhất thừa, thmầ bỏ ba thừa, tức là môn thầm nói. Nay bỏ ba thừa, bày nói nhất thừa, tức là môn hiển thuyết, đây là một cặp hiển mật.

6. Xét chung nghi thức nói pháp của Chư Phật gồm có ba môn:

a) Chỉ tự nói, như kinh Đại phẩm, sau khi hiện điềm lành, chúng nhóm họp rồi, không có ai hỏi mà Phật tự nói.

b) Nhân người khác mà nói, như kinh Niết-bàn, sau khi hiện điềm lành, chúng đã nhóm họp, đợi người khác hỏi, sau đó Phật mới nói.

c) Vừa tự nói, vừa nhân người khác mà nói, như kinh Thập Địa, trước Phật tự nói danh Thập địa, sau do người khác xin mà nói rộng nghĩa Thập địa. Kinh này cũng như vậy, ban đầu Phật tự nói, nay do người khác xin mà nói, tức là một cặp mình người.

Hỏi: Ban đầu sao lại tự nói, sau lại nhân người khác mà nói?

Đáp: luận Thập địa chép: Nếu ban đầu Phật không tự nói thì đại chúng không biết Phật nói hay không nói, cho nên phải tự nói. Sau là muốn cho đại chúng ân cần xin ba lần, cho nên nhân người khác mà nói. Lại muốn chỉ bày pháp sâu xa mầu nhiệm không ai hỏi được nên Phật tự nói, như ngài Xá-lợi-phất chép: "Pháp chứng nơi đạo tràng không ai hỏi đến được, ý con khó lường được, cũng không thể hỏi được". Cho nên trong mười hai bộ kinh có khi dùng loại vô vấn tự nói để khai tông. Do người khác mà nói là muốn cho đại chúng tôn trọng người và pháp

cho nên đợi xin mới nói. Chương này chia làm ba đoạn:

1. Nói về pháp.

2. Nói về thí dụ.

3. Nói cả pháp và thí dụ.

Sở dĩ có ba đoạn này, bởi pháp là gốc của thí dụ cho nên trước nói pháp, chưa hiểu pháp nói nên nói thí dụ để nói lên, vì thế kế là nói về thí dụ, những người nghe pháp, nghe thí dụ còn chưa hiểu, phải nói đủ cả hai môn mới được chứng ngộ, cho nên trước phẩm Hóa Thành Dụ gọi là nói về pháp, sau phẩm Hóa Thành Dụ gọi là nói về thí dụ. Lại nữa, đây là chỉ bày Chư Phật bên trong có trí vô ngại, bên ngoài có biện tài vô phương, có thể đối với một nghĩa mà nói ra các nói, điều được nói tuy nhiều mà không ngoài pháp và thí dụ, cho đến vừa pháp vừa thí dụ. Lại do chúng sanh ngộ nhập khác nhau cho nên thích ứng giáo hóa phải có nhiều thứ. Hoặc có người phải nghe cả thí dụ và pháp mới chứng nhập. Lại nữa, ban đầu nói Đại thừa sanh ra Văn tuệ, kế nói là sanh Tư tuệ và sau nói là sanh Tù Tuệ. Ban đầu nói thì bậc thượng căn được ngộ, lần thứ hai nói thì bậc trung căn được ngộ, lần sau nói thì bậc hạ căn được ngộ. Vì sao như vậy? Bởi bậc thượng căn vừa nghe liền hiểu, bậc trung căn phải nói lại mới hiểu, bậc hạ căn thì phải nói ba lần mới hiểu.

Hỏi: Do hoặc chướng gì mà ba căn không hiểu?

Đáp: Đây chẳng phải chín mươi tám kiết sử, vì sao biết? Vì bậc La-hán đã phá đổ bốn trụ có khi còn chưa hiểu Nhất thừa chân thật, cho nên biết chẳng phải chín mươi tám kiết sử. Đối với năm trụ thì chính là vô minh trụ địa, trong hai chướng thì thuộc về trí chướng hoặc, trong hoặc này thì chia ba bậc, hoặc chướng nhẹ ở bậc thượng căn, hoặc chướng vừa ở bậc trung căn, hoặc chướng nặng ở bậc hạ căn.

Hỏi: Hoặc chướng này vì sao chướng ngại ba căn?

Đáp: Do có hoặc này nên mê muội ở phương tiện và thật, không hiểu ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, cũng mê muội Nhất thừa vốn có, Nhị thừa vốn không có, nên gọi là chướng ngại ba căn.

Trong nghĩa ba lần nói này thì có riêng từng phẩm, như trong kinh nói rộng, nay trong phần nói pháp chia làm bốn đoạn:

1. Từ đoạn văn này trở đi cho hết phẩm Phương Tiện là chánh về nói pháp.

2. Đầu phẩm Thí Dụ gồm một phần văn xuôi, một bài kệ là nói bậc thượng căn lãnh ngộ.

3. Từ câu: Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến câu: vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Giáo

Bồ-tát Pháp Thật Sở Hộ Niệm là nói đức Như lai thuật lại việc đã thành tựu.

4. Từ câu "Xá-lợi-phất, ông ở đời vị lai v.v..." cho đến hồi hướng Phật đạo là nói Phật thọ ký cho bậc thượng căn.

Phần đầu lại chia làm hai đoạn:

1. Vì bậc thượng căn mà nói pháp.

2. Từ câu: Các ông Xá-lợi-phất, Thanh văn và Bồ-tát" là khuyến khích mở rộng kinh. Dứt một chính là nói là khiến phát tâm Bồ-đề, khuyến khích mở rộng kinh là khiến tu hạnh Bồ-tát. Như trong kinh Hoa Nghiêm đồng tử Thiện Tài đến chỗ thiện tri thức đều nói hai việc:

1. Phát tâm Bồ-đề.

2. Tu hạnh Bồ-tát.

Kinh này gọi là pháp dạy Bồ-tát cũng có đủ hai việc: Ban đầu nói pháp là khiến bỏ Tiểu thừa, tin Đại thừa, nghĩa là phát tâm Bồ-đề, sau đã ngộ lý như thật, lại khiến nói như thật, khiến tu hạnh Bồ-tát. Lại nữa, ban đầu nói để diệt trừ chấp Tiểu thừa, sanh ra sự hiểu biết Đại thừa, nghĩa là môn trí tuệ, sau khiến mở rộng kinh tức là tu từ bi, là môn phước đức. Kinh này khiến người Tiểu thừa tu đầy đủ phước tuệ của Đại thừa, cho nên gọi là pháp giáo hóa Bồ-tát. Văn nầy cũng có hai phần là văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi lại có hai phần:

1. Duyên khởi.

2. Chính là nói.

Phần duyên khởi có ba ý:

1. Phật nhận lời nói và răn dạy chúng lắng nghe.

2. Phân biệt với chúng không thanh tịnh.

3. Khen ngợi chúng thanh tịnh.

Phần đầu lại có ba câu:

1. Nói là chẳng thể không nói pháp, do lời xin đã hợp lý xứng căn cơ, nếu Phật không nói là trái lý lỡ mất căn cơ, cho nên nói rằng: "chẳng lẽ ta không nói!"

2. Răn dạy lắng nghe, tức câu: "nay ông phải lắng nghe", lắng nghe là khiến sanh Văn tuệ, khéo suy nghĩ là khiến sanh Tư tuệ, nhớ lấy là khiến sanh Tư tuệ. Lại lắng nghe là khiến lìa tâm tán loạn, như đồ đựng vật không bị che, khéo suy nghĩ là khiến được hiểu như đồ đựng vật không bị dơ, nhớ lấy là khiến nắm giữ như đồ đựng vật không bị chảy.

3. Phật nhận lời nói, tức câu: "Ta sẽ nói cho ông nghe".

Phần thứ hai là phân biệt với chúng không thanh tịnh, tức câu:

"Khi nói lời này, trong hội có năm nghìn người đứng dậy lễ Phật mà lui", phần này chia làm ba câu:

1. Chính là nói người có tội rời chỗ ngồi.

2. Giải thích lý do bỏ về, tức câu: "vì sao", ở đây có hai nghĩa:

a) Gốc tội sâu nặng.

b) Có tăng thượng mạn.

Lại có hai nghĩa là đối với Đại thừa có chỗ mất, và đối với Tiểu thừa có chỗ mất. Cái gọi là tội là do chấp Tiểu thừa là rốt ráo, trái với lý của Đại thừa nên gọi là tội. Vì thế kinh Niết-bàn chép: "Người cầu Nhị thừa gọi là bất thiện". Nói gốc tội có hai nghĩa:

a) Đời quá khứ tu tập Tiểu thừa nên gọi là gốc.

b) Do chấp Tiểu mà sanh chê bai Đại nên gọi là gốc.

Nói sâu nặng, là vì giải thích sự nghi ngờ. Lời nghi rằng: Nếu chấp Tiểu thừa là chướng ngại Đại thừa, vì sao chỉ riêng năm ngàn người bỏ đi mà ba căn Thanh văn còn trụ lại. Vì thế giải thích rằng: năm ngàn người ấy là gốc tội sâu nặng, Chư Phật mười phương không thể cứu vớt cho nên bỏ đi. Hạng người ba căn tuy có tu tập Tiểu thừa mà gốc tội cạn, yếu cho nên ở lại nghe.

"Lại tăng thượng mạn", phần trên nói do chấp Tiểu thừa mà chướng ngại Đại thừa, đây là nói chính Tiểu thừa cũng có chỗ mất, thật sự chưa đắc đạo quả Tiểu thừa nên gọi là có chỗ mất. Lại gốc tội sâu nặng là do đời quá khứ ngăn người khác nghe pháp Đại thừa, cho nên đời nay không nghe chánh pháp, đây là chỗ mất ở đời quá khứ. Trong đời hiện tại gặp Phật Thích-ca tu tập Tiểu thừa, chưa đắc quả nhỏ mà cho là đã đắc, lại cho rằng quả này là rốt ráo, không thọ nhận pháp Đại thừa, đây là chỗ mất ở đời hiện tại, đó chính là tăng thượng mạn. Do họ có chỗ mất này mà phân biệt với các Thanh văn khác các Thanh văn khác chỉ chấp Tiểu thừa, không có chưa đắc mà nói là đắc, vì thế họ ở lại mà năm ngàn người kia bỏ đi. Chưa đắc đạo đế mà nói đã đắc, chưa chứng diệt đế mà nói đã chứng, cho nên chép: "Chưa đắc mà nói đã đắc, chưa chứng mà nói đã chứng", đây là giải thích tăng thượng mạn. "Có lỗi dường ấy" câu này tổng kết kết hai nghĩa mất ở trên.

3. "Đức Thế tôn im lặng không ngăn cản": Nếu họ ở lại thì có hai điều tổn thất cho nên Phật không ngăn lại. Một là khi nghe sẽ chê bai và sẽ đọa vào đường ác, hai là đời vị lai sẽ là nhân duyên chướng ngại Đại thừa.

"Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất": đây là phần khen ngợi chúng thanh tịnh, gồm có bốn trường hợp:

1. Khen ngợi chúng thanh tịnh.

2. Chê bai chúng không thanh tịnh.

3. Răn bảo lắng nghe.

4. Xá-lợi-phất vâng theo.

Luận Trí Độ chép: Nhành lá không thể sử dụng, như năm ngàn người không có công dụng pháp khí, tuy có thể nghe pháp Nhất thừa mà không thể phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, nối kế nghiệp Phật, vì thế vô dụng.

Hạt chắc thì có dụng làm rường cột, như chúng thanh tịnh là pháp khí, nghe kinh kham nhận là có dụng nối kế nghiệp Phật.

"Xá-lợi-phất! Những kẻ tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt", đây là chê bai chúng không thanh tịnh, trên nói nếu họ ở lại thì có hai điều tổn thất, nay nói họ bỏ đi thì có hai điều lợi ích.

1. Hiện tại không khởi tội chê bai pháp, đời vị lai không có quả khổ.

2. Khi nghe lời lược nói trên sẽ làm nhân tin hiểu cho đời vị lai.

Lại răn bảo lắng nghe có hai nghĩa:

1. Khi năm ngàn người bỏ đi khiến đại chúng xao động, cho nên Phật nói khiến lắng nghe lần nữa.

2. Đã là chúng thanh tịnh có thể nghe pháp cho nên khiến lắng nghe.

Kế là nói phần Xá-lợi-phất vâng theo, tức câu: "Vâng! Bạch Đức Thế tôn, con rất muốn nghe".

Hỏi: Năm ngàn người đã không thể nghe Pháp Hoa, vì sao Phật không xuất định dùng thần lực, khiến họ bỏ đi?

Đáp: Nếu lúc mới xuất định Phật dùng thần lực khiến năm ngàn người ấy bỏ đi, thì họ sẽ không được nghe phần nói lược làm nhân duyên được độ ở đời vị lai, nhưng nếu nghe nói rộng thì sẽ khởi việc chê bai, không có lợi ích ở hiện tại, do Phật thấy rõ việc ba đời nên có lúc khiến họ bỏ đi có lúc không khiến. Lại nữa, ban đầu khen ngợi hai trí của Phật thì ngài Xá-lợi-phất chưa xin, vì không có nhân duyên nên Phật không khiến họ bỏ đi, nay đợi xin rồi, sau hứa nói pháp, cần phải gạt bớt chúng không thanh tịnh nên mới khiến họ bỏ đi.

Hỏi: Nếu Phật biết họ ở lại sẽ chê bai nên không vì họ mà nói, cho nên Thích luận có nói hai hạng người hỷ căn và thắng ý, thắng ý thì chấp Tiểu thừa, hỷ căn thì ngộ Đại thừa, Phật vì hạng thắng ý mà nói Đại thừa, mà thắng ý liền chê bai và đọa địa ngục lớn, đời vị lai do quả khổ này mà được giải thoát, nay vì sao Phật không vì hạng người

ấy mà nói?

Đáp: Người đi hay ở đều khởi chê bai thì nên vì họ mà nói, như hạng hỷ căn biết thắng ý dù nghe nói hay không đều khởi chê bai, cho nên vì họ mà nói pháp để làm nhân duyên được độ ở đời vị lai. Nay bỏ đi thì có ích, ở lại thì tổn hại, cho nên khiến họ đi. Nói theo lý thì có ba nghĩa:

1. Nghe mà chê bai thì không nên nói pháp cho họ, như năm ngàn kẻ tăng thượng mạn.

2. Nghe rồi chê bai vẫn vì họ nói, như Bồ-tát Thường Bất Khinh.

3. Biết họ khởi chê bai mà vừa nói vừa không nói, như năm ngàn người.

Ban đầu vì muốn sanh điều thiện ở đời vị lai nên khiến họ nghe nói lược bỏ ba bày một, nhưng sợ họ chê bai ở hiện tại nên không nói rộng.

Hỏi: Khi nghe nói lược vì sao không chê bai?

Đáp: Có ba hạng người:

1. Bồ-tát Bậc thượng căn nghe nói lược liền hiểu.

2. Thanh văn Bậc trung căn nghe nói lược liền sanh nghi, nghi là gần hiểu có thể nghe nói rộng.

3. Người hạ căn như năm ngàn người nghe nói lược thì mơ hồ không hiểu, nghe nói rộng thì khởi nghi ngờ chê bai.

Lại có ba hạng người:

1. Bậc hạ không nghe nói lược và nói rộng.

2. Bậc trung nghe nói lược không nghe nói rộng.

3. Bậc thượng nghe đủ cả nói lược và nói rộng.

Hỏi: Như trong hội Hoa Nghiêm có năm trăm Thanh Văn, tuy ở tại chỗ ngồi mà không thấy không nghe, nay vì sao không đúng?

Đáp: Do duyên thích ứng khác nhau nhau, nay nói chúng bỏ đi là muốn chứng minh lời Phật nói không luống dối. Trên Phật đã chép: Nếu nói pháp thì mọi người sẽ kinh sợ, nghi ngờ, kẻ tăng thượng mạn phải sa vào hầm lớn. Nên nay nói năm ngàn người bỏ đi chính là hạng ấy. Cũng là muốn đại chúng tăng thêm lòng tôn kính, người dự nghe pháp là đã gieo nhân lành từ lâu xa cho nên vui mừng. Nói người mắc tội nặng không thể nghe pháp, là khen ngợi pháp sâu xa mầu nhiệm, nhưng chúng đây có đủ hai nghĩa, một là người thực hành, hai là chúng hóa hiện, như kinh Niết-bàn hiện đồng tử và thần Kim cương.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà mọi người đều lãnh thọ pháp Tiểu thừa, nhưng có người được nghe kinh Pháp Hoa và tin hiểu, có người

không nghe?

Đáp: Đây có bốn nghĩa:

1. Mới tập học Đại thừa, cuối cùng cũng được nghe Đại thừa, hạng người này có lòng tin xa vời.

2. Mới tập học Đại thừa nhưng giữa chừng quên ý chí, vì thế ban đầu vì họ mà nói Tiểu thừa, khi tâm Tiểu thừa dần thay đổi, cuối cùng vì họ mà nói Đại thừa, người này nghe Pháp Hoa cũng tin hiểu.

3. Vốn học Đại thừa nhưng sau nghe nói Đại thừa lại lui chấp Tiểu thừa, như sáu mươi vị Bồ-tát thành La-hán nói trong kinh Đại phẩm, cũng như kinh Niết-bàn tuy nghe có Phật tánh mà còn thành La-hán. Dùng đây để so sánh, thì nghe kinh Pháp Hoa cũng có người thành A-la-hán, hạng người này nghe pháp Đại thừa cũng tin hiểu.

4. Ban đầu học Tiểu thừa mà sau nghe nói Đại thừa, người này thường không sanh tâm tin, do tu tập Tiểu thừa đã lâu ngày, khi nghe đại thửa thì trái với bổn tâm, cho nên không sanh tín. “Phật bảo Xá-lợi-phất! Pháp mầu như thế, các Đức Phật khi đúng thời mới nói”. Phần trước nói về duyên khởi, tức là tịnh khí,

Nay là phần chính là nói, tức trao pháp mầu. Nếu không có tịnh khí thì không biết lấy gì để nhận pháp mầu, nếu không có pháp mầu thì không do đâu để trao tịnh khí, cho nên hai thứ này phải tương xứng, trong phần chính là nói gồm có bốn môn:

1. Nói về môn Nhất thừa chân thật.

2. Nói về môn Nhị thừa phương tiện.

3. Chỉ bày chỗ được mất.

4. Khuyên tin nhận vâng giữ.

Sở dĩ nói bốn môn này, là trong hội Linh Sơn căn cơ lớn đã thuần thục đáng nghe pháp lớn, cho nên nói về môn Nhất thừa chân thật. Nay đã chỉ bày nhất thừa là chân thật, thì nên bỏ ba thừa xưa là phương tiện, cho nên nói về ba thừa xưa là phương tiện. Môn đầu nói nay Nhất thừa chân thật, môn sau nói xưa ba là phương tiện, vì là một cách giáo hóa trước sau mà lý cùng tận. Nếu có thể tin nhất thừa là thật, ba thừa là phương tiện thì gọi là được chẳng mất. Nếu không tin thì gọi là mất chẳng được, vì thế môn thứ ba là chỉ bày chỗ được mất. Lý được mất đã rõ, cho nên sau cùng khuyên bỏ mất lấy được và tin nhận vâng giữ, vì thế có môn thứ tư.

Lại nữa, nhất thừa chân thật gọi là pháp luân căn bản, Chư Phật xuất hiện ở đời chỉ vì nói một việc lớn nhân duyên, đó là một đạo thanh tịnh tức pháp luân căn bản. Nhưng chúng sanh phước mỏng căn tánh

ám độn không thể thọ lãnh một đạo, cho nên đối với một Phật thừa mà phương tiện nói ba, gọi là pháp luân chi mạt. Đã từ một khởi ba trở lại muốn chúng sanh do ba mà hiểu một, nếu có thể biết ba là quy về một tức là được chẳng phải mất, nếu cố chấp ba không thọ nhận một, đó là mất chẳng phải được, vì thế môn được mất là pháp luân thâu ngọn quy về gốc. Việc trước sau giáo hóa ba luân đã tròn đầy, sau dó mới khuyên chúng sanh tin nhận, vì thế có môn thứ tư là khuyến tín.

Môn nhất thừa chân thật lại chia làm ba chương:

1. Đức Thích-ca tự nói Nhất thừa chân thật, cũng gọi là tự khai tông.

2. Dẫn Chư Phật để làm chứng và giải thích.

3. Đức Thích-ca thuận đồng theo.

Sở dĩ có ba môn này, bởi đức Thích-ca là bậc giáo chủ hiện tại cho nên trước tự khai tông, vì sợ chúng sanh không tin nên dẫn Chư Phật để làm chứng, làm chứng rồi mới thuận theo.

Phần đầu lại chia làm ba môn:

1. Môn khen ngợi.

2. Môn không luống dối.

3. Môn hiển bày ý giáo.

Sở dĩ có ba môn này, là trước khen ngợi khiến chúng sanh tin hiểu, không luống dối là ngăn sự chê bai, khai mở tin hiểu, phá trừ mê hoặc, nhân duyên đã xong nên nói lên ý giáo pháp. Phần đầu lại chia làm hai là pháp và thí dụ "Pháp mầu như thế", đây là nói lên ý chỉ quy của một bộ kinh, nghĩa là trước nói Nhất thừa chân thật, lấy hai chữ Diệu pháp làm đầu đề. Diệu có hai nghĩa:

1. Thể diệu, tức là chẳng phải một chẳng phải ba, quên ngôn ngữ, dứt suy nghĩ.

2. Dụng diệu, tức là chẳng phải ba chẳng phải một, không biết lấy gì để khen ngợi, vì đối với xưa có ba nên gượng khen ngợi một, cho nên chú thích kinh Pháp Hoa rằng: Chẳng phải ba chẳng phải một tận cùng tướng là diệu, chẳng lớn chẳng nhỏ, chung cho cả chúng sanh là pháp, bởi theo tông cũ của Ngài La-thập và Tăng Triệu, không phải nay mới dịch.

"Khi đúng thời mới nói": đây là khen ngợi pháp ít có, tăng thêm lòng kính tin cho chúng sanh. Nói xa thì như đọan văn sau chép: Ức ức muôn kiếp cho đến bất khả tư nghì Chư Phật Thế tôn mới nói kinh này, nói gần thì đức Thích-ca giáo hóa hơn bốn mươi năm mà chưa nói nay mới nói kinh này, cho nên biết là ít có.

"Như hoa Ưu-bát-la đúng thời mới hiện ra", thí dụ này là nói đúng thời Phật mới nói kinh. Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây chép: Hán dịch là Linh thoại hoa, lại gọi là Không khởi hoa. Ở nước Thiên-trúc có cây này mà không có hoa, nếu vua Chuyển Luân ra đời thì cây này mới nở hoa, ý nói chúng sanh ưa nghe pháp Nhất thừa thành vua Chuyển Luân, thì Chư Phật Thế tôn mới nói kinh này. Hoa Linh Thoại là tướng của vua Chuyển Luân, kinh Pháp Hoa là chứng minh thành Phật.

"Xá-lợi-phất! Các vị nên tin lời Phật nói không hề luống dối là nói môn bất hư. Xưa nói ba mà nay một thì lởi nói dường như trái nhau, sợ rằng chúng sanh không tin cho nên nay nói lời Phật là không luống dối, tức khuyên chúng sanh tin nhận.

"Xá-lợi-phất! Chư Phật tùy thời nghi nói pháp", đây là phần nói lên ý giáo pháp, hai câu trên là nói lý do, chương này là chính là nói căn cứ ý Hiển giáo chia làm hai phần:

1. Môn chúng sanh không hiểu giáo ý.
2. Môn chỉ có Phật mới có thể hiểu giáo ý.

"Tùy thời nghi nói ý thú khó hiểu, đây là nêu hai chương môn.

1. Môn tùy nghi nói pháp
2. Môn nêu ý thú khó hiểu

Chư Phật nói pháp tùy theo hai loại chép:

1. Tùy hiện thật mà nói.
2. Tùy căn cơ thích hợp mà nói

Nói Nhất thừa tức là tùy theo lý thật mà nói, nói Ba thừa là tùy căn cơ thích hợp mà nói, bởi lý thật không ba mà nói ba tức là tùy cơ thích nghi mà nói.

"Ý thú khó hiểu", trên nói thuyết giáo tùy nghi, nay nói giáo là chỗ biểu hiện lý. Nếu nói ba thừa mà ý cũng ba thì không gọi là khó hiểu, nhưng đây nói ba mà ý chẳng phải ba, lời nói thì gần mà ý xa, nên gọi là ý thú khó hiểu. Lại nữa, ý chẳng phải ba cũng không gọi là khó hiểu, nay nói chẳng phải ba rõ ràng đó không phải ba, cũng chẳng cho là không phải ba, tức tâm không có chỗ ký gởi là hợp với huyền tông, nên gọi là khó hiểu. Chữ "vì sao" là giải thích phần nói đầu của hai môn trên giải thích môn tùy nghi, kế là giải thích môn ý thú khó hiểu.

"Ta dùng vô số phương tiện", hoặc tà hoặc chánh, hoặc thuận hoặc nghịch, đều là khéo léo nên gọi là phương tiện. Lại khiến tất cả ngộ nhập một đạo thanh tịnh, chỉ bày các thứ giáo hóa vì làm nhân duyên của một đạo, do từng bước nên gọi là phương tiện.

"Các thứ nhân duyên": sở dĩ chỉ bày các thứ giáo hóa tà, chánh,

thuận, nghịch khác nhau nhau, là bởi chúng sanh căn tánh khác nhau, mỗi người đều có nhân duyên nhập đạo khác nhau, cho nên nói các thứ nhân duyên.

"Lời lẽ thí dụ giảng nói các pháp", trên nói vô số phương tiện là nói chung tám tướng thành đạo là chân chánh, chỉ bày chín mươi sáu pháp thuật là tà, hoặc ngỗ nghịch là Điều-đạt Thiện Tinh, hoặc thuận như A-nan, La Vân cho nên nói chung tất cả là khéo léo. Nay nói riêng một việc nói pháp, nói pháp có hai thứ là thí dụ và lời lẽ. Từ vô số phương tiện cho đến các thứ nói pháp, là nhiếp chung tất cả giáo pháp của đức Thích-ca.

"Pháp đó không phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu": đây là giải Thích-câu ý thú khó hiểu. Như lai nói tất cả giáo là khiến chúng sanh ngộ nhập Nhất đạo, cho nên đoạn văn sau chép: Đối với tất cả pháp mà dùng trí phương tiện để giảng nói, những sự nói pháp ấy đều dẫn đến Nhất thiết trí địa. Người lãnh thọ giáo pháp ba thừa thì suy lường phân biệt ba, cuối cùng không hiểu được ý của ba thừa giáo. Năm thừa thì dùng năm tâm khác nhau mà phân biệt, cuối cùng không hiểu tuy nói năm mà ý không phải năm. Cho nên nói chẳng phải suy lường phân biệt mà có thể hiểu. Lại nữa, tâm có sở đắc gọi là suy lường phân biệt, nên luận Nhiếp Đại thừa chép:

"Phân biệt là phiền não của Bồ-tát"

"Chỉ có các Đức Phật mới có thể biết", ở trên nói chúng sanh không hiểu, ở đây nói chỉ có Đức Phật mới hiểu.

"Vì sao", đây là giải thích vì sao chỉ có Phật hiểu, tức câu "Chư Phật chỉ do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời", cho nên Phật nói tất cả giáo pháp đều vì nói lên Nhất thừa.

"Xá-lợi-phất thế nào gọi là Chư Phật chỉ do một nhân duyên mà hiện ra ở đời", trên là nêu một đại sự nhân duyên để giải thích ý giáo pháp, ở đây giải thích việc lởn nhân duyên ấy. Vì muốn giải thích nên nêu việc ấy làm chương môn, kế đến là nói bốn câu khai, thị, ngộ, nhập tri kiến để giải thích chương môn, phần giải thích bốn môn này thì khác nhau nhau, nay nói lược ba nghĩa.

1. Theo sách xưa giải thích thì ban đầu khai mở tri kiến Phật là nói về lý của đạo, ba câu sau là ngộ lý đạo này mà phát sanh ba tuệ, cho nên nói thị, ngộ, nhập.

2. Theo Luận Pháp Hoa giải thích, khai là nói về nghĩa vô thượng, ngoài nhất thiết trí của Như lai thì không có việc gì khác, vì thế nói khai tri kiến Phật, khiến chúng sanh biết để được thanh tịnh. Tri kiến của

Như lai là Như lai có thể chứng nghĩa như thật, như phẩm Thọ Lượng chép: Như lai biết tướng như thật của ba cõi, không có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt độ. Chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải giống, chẳng phải khác, đây là pháp giới của Như lai. Nói chữ thị là có ý nghĩa như nhau, đó là pháp thân của Thanh văn, Duyên giác và Phật đồng nhau, pháp thân bình đẳng là Phật tánh pháp thân của Ba thừa không có khác nhau. Nói chữ ngộ là bởi trước dó không biết nghĩa lý, người Nhị thừa không biết chỉ một Phật thừa là rốt ráo, nay muốn cho họ biết nên gọi là ngộ. Nói chữ nhập là chứng đại bất thối chuyển, thị hiện vô lượng trí nghiệp. Luận nói bốn môn này là có thứ lớp, ban đầu nói khai tri kiến Phật tức khen ngợi tri kiến Phật là vô thượng, tuy khen tri kiến Phật là vô thượng. Nhưng có người cho rằng chỉ Phật mới có tri kiến này, còn người Nhị thừa không có, vì thế kế là thị tri kiến Phật chỉ bày ba thừa đều có Phật tánh pháp thân chỉ có Phật chứng ngộ Phật tánh thì gọi là pháp thân. Hàng Nhị thừa chưa hiển rõ nên gọi là Phật tánh. Tuy ba thừa đều có Phật tánh pháp thân, mà người Nhị thừa không biết chỉ có Nhất thừa không có hai thừa, nay muốn cho họ biết nên kế là nói ngộ tri kiến Phật. Đã biết chỉ có một Phật tánh, không có hai thừa tức chứng bất thoái chuyển, vì thế kế là nói nhập Tri kiến Phật. Luận lại giải thích ba câu sau, nói chữ Thị là vì các Bồ-tát có tâm nghi nên khiến họ biết như thật mà tu hành. Nói chữ Nhập là người chưa phát tâm Bồ-đề khiến họ phát tâm, người đã phát tâm thì khiến chứng nhập pháp Đại thừa. Chữ nhập cũng là khiến bỏ quả Thanh văn mà nhập đại Bồ-đề. Chữ ngộ là làm cho chúng sanh ngoại đạo phát sanh giác ngộ, ý này giải thích có khác với trước.

Bốn câu giải thích trước đều là giáo hóa Thanh Văn, ý ở đây là nói giáo hóa Bồ-tát và ngoại đạo, kinh này chính là giáo hóa Thanh Văn, sau mới giáo hóa Bồ-tát và ngoại đạo, giáo hóa ba hạng này là nhiếp chung tất cả khiến đồng quy về Phật thừa.

3. Theo luận Trí Độ và kinh Niết-bàn thì tuy có bốn câu mà không ngoài hai môn, hai câu đầu là nói về năng hóa, hai câu sau là nói về sở hóa, trong phần năng hóa có đại khai và chỉ bày khúc chiết, trong phần sở hóa có bắt đầu ngộ và cuối cùng nhập, cho nên bốn môn này bao gồm tất cả nghĩa. Nói chữ khai, Phật tánh của chúng sanh gọi là Tri kiến Phật, Phật tánh cũng gọi là Nhất thừa. Kinh Niết-bàn chép: "Tất cánh" có hai món:

1. Trang nghiêm tất cánh
2. Rốt ráo tất cánh

Trang nghiêm tất cánh là sáu Ba-la-mật, Rốt ráo tất cánh là tất cả chúng sanh chứng đắc Nhất thừa, nhất thừa gọi là Phật tánh, do nghĩa này nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Nhất thừa, vì vô minh che lấp nên không thể thấy; vì chúng sanh nên Phật nói Phật tánh, gọi dó là khai. Đã vì chúng sanh mà nói tức là vì chúng sanh mà khai, sở dĩ khai Phật tánh là khiến chúng sanh dứt bỏ vô minh phiền não, để được thanh tịnh, khai mở Phật tánh, tức là không đức nào không tròn đầy, để được thanh tịnh là không hệ lụy sao không dứt sạch.

Nói chữ thị, đó là chỉ bày nghĩa khác nhau của năm tánh, nên gọi là thị, như kinh Niết-bàn chép: "Đào ra kho vàng chỉ bày khắp chúng sanh hiểu là kho báu nên gọi là thị". Nói chữ ngộ, là khi nói xong hai môn khai và thị, nay kế đến biết đều có Phật tánh gọi là ngộ, do tu hành chứng nên gọi là nhập. Biết có Phật tánh là bậc Thập tín trở lên, chứng nhập Phật tánh là từ vị Diệu giác địa trở xuống. Nêu địa vị trước và sau thì chẳng có gì không bao gồm, kế nói lời kết, tức câu: "Đức Phật do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời".

Hỏi: Đã biết khai, thị, ngộ, nhập, vì sao gọi là tri kiến Chư Phật?

Đáp: Trên đã nói lược, nay là nói rộng, bởi là tên khác của Bà-nhã, hạng mục riêng của chánh quán. Nay y theo kinh này tức là bốn trí:

1. Nhất thiết trí, là biết chúng sanh sáu đường xưa nay vốn vắng lặng, tất cả chúng sanh vốn là Phật.

2. Nhất thiết chủng trí: tuy biết xưa nay vốn vắng lặng mà đối với chúng sanh thì thường không vắng lặng, cho nên đối với đạo chưa bắt đầu ở hai, đối với duyên chưa bắt đầu ở một. Đối với đạo chưa bắt đầu ở hai nên pháp thân thường ở trong sáu đường, đối với duyên chưa bắt đầu ở một cho nên pháp thân thường ở trong sáu đường, pháp thân thường gọi ở trong sáu đường là nhất thiết trí, pháp thân thường ở trong sáu đường gọi là nhất thiết chủng trí.

3. Tự nhiên trí: tức là nhậm vận mà trí biết hai pháp trên

4. Vô sư trí, ba trí này không do thầy mà được nên gọi là vô sư.

Bốn trí này là tâm của Chư Phật ba đời, tất cả chúng sanh nên thường dùng bốn trí này làm quán hạnh tức là sơ tâm Phật.

"Các Đức Phật Như lai chỉ giáo hóa Bồ-tát, những điều làm ra thường vì một việc", ở trên nói chỉ vì Nhất đạo nên xuất hiện ở đời, nay nói chỉ giáo hóa một người.

Hỏi: Chư Phật giáo hóa năm thừa chúng sanh, sao ở đây nói chỉ

giáo hóa một người là Bồ-tát?

Đáp: Tuy nói năm giáo nhưng nói lên một lý, tuy dạy năm hạng người cũng thành một người, đó là nói gởi năm, ý ở một. Lại nữa, đạo cần cầu đã là một thì người cầu đạo cũng là một. Cho nên nói chỉ dạy Bồ-tát.

"Những điều làm ra thường vì một việc": trên nói một lý, chỉ dạy một người, đó là theo miệng nghiệp. Nay nói những việc làm, đó là sự động tịnh bốn oai nghi, cho đến dùng ba nghiệp làm tất cả việc đều là nói lên một lý, tất cả đều vì dạy một người.

"Đức Như lai chỉ dùng một Phật thừa mà nói pháp cho chúng sanh nghe, không có các thừa nào khác, hoặc hai hoặc ba thừa". Sở dĩ có đoạn văn này, là để giải thích thành tựu nghĩa các câu trên, bởi đạo lý đã là một không có ba, cho nên Chư Phật chỉ vì một việc mà xuất hiện ở đời, chỉ vì giáo hóa một người, cho đến những điều làm ra đều vì nói lên một việc, văn nầy có hai ý:

1. Nói đạo lý chỉ có một, nên Chư Phật y theo một lý, chỉ nói Nhất thừa, cho nên chép: chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp.

2. Không có các thừa nào khác, chẳng hai hoặc ba thừa, ở trên nói lý chỉ có một Phật thừa, ở đây nói đạo lý không có các thừa khác. Thừa khác tức là thừa Thanh văn và thừa Duyên giác, thừa Duyên giác là thừa thứ hai, thừa Thanh văn là thừa thứ ba, cho nên chép: không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Theo thứ lớp của số thì đọc một, hai, ba, trên đã nói dùng một Phật thừa, cho nên nay nói không có thừa, thứ hai thứ ba đây là theo thứ lớp từ cao đến thấp. Sở dĩ trước nói có Phật thừa, là muốn giải thích ở trên chỉ có một việc, nên chỉ có Nhất thừa, văn đã rõ ràng không cần giải thích khác nữa.

Có chỗ nói "hoặc hai" là Thanh văn và Duyên giác, "hoặc ba" là Đại thừa trong ba thừa. Có chỗ nói "hoặc" hai là Đại thừa và Tiểu thừa, có chỗ nói hoặc hai là nhân thừa và thiên thừa, hoặc ba là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Đây chẳng giải thích cũng không cần bác bỏ. "Tất cả pháp của Chư Phật trong mười phương cũng là như vậy", cho nên nói đoạn văn này, bởi ở trên nói có Nhất thừa, không có các thừa khác, hoặc hai hoặc ba thừa. Lúc ấy đại chúng cho rằng chỉ có đức Thích-ca nói lời này nên không tin nhận, vì thế nay dẫn Chư Phật mười phương để làm chứng chẳng phải chỉ Phật nói có Nhất thừa mà Chư

Phật mười phương cũng nói như.

"Các Đức Phật thuở quá khứ" v.v.... Đây là lời dẫn chứng, văn chia hai phần:

1. Dẫn riêng Chư Phật ba đời để làm chứng.

2. Dẫn chung Chư Phật ba đời để làm chứng.

Trong mỗi phần đều có ba câu dó là bậc hóa chủ, giáo pháp và người lãnh thọ, ba câu này là thầy giỏi, thuốc hay và người bệnh. Lại nữa, hóa chủ là Phật bảo, giáo pháp là Pháp bảo, người lãnh thọ là Tăng bảo. Trong phần giáo pháp lại có hai câu:

1) Trình bày chung tất cả giáo, luận Pháp Hoa chép: Nhân duyên gọi là pháp Ba thừa, pháp Ba thừa chỉ có danh tự mà không có nghĩa thật. Thí dụ nghĩa là từ bò sanh ra sữa, sữa dụ cho Tiểu thừa, từ sữa sanh ra đề hồ, đề hồ dụ cho Đại thừa, pháp này đều là một Phật thừa.

2) Nói về lý biểu hiện ở giáo:

Người lãnh thọ giáo pháp cũng có hai câu, ban đầu là khai hiáo năm thừa, sau là đắc nhất thiết chủng trí "Xá-lợi-phất! Các Đức Phật chỉ giáo hóa Bồ-tát", trên là nói riêng về sự giáo hóa của Chư Phật ba đời, nay là nói chung sự giáo hóa của Chư Phật ba đời. Sở dĩ có đoạn văn này, bởi trước đó đức Thích-ca khai tông chỉ vì giáo hóa một một người, chỉ vì hiển một lý chưa nói về giáo pháp của Chư Phật ba đời, nên nay nói ở văn nầy. "Xá-lợi-phất! Nay ta cũng giốngnhư thế": là chương thứ ba nói ý ttuện theo. Vì Chư Phật ba đời đã nói như thế, đức Thích-ca thuận theo nên cũng nói như thế, vì lý đã không hai nên đạo của Chư Phật là như nhau, nếu không tin lời nói của đức Thích-ca thì trái với giáo pháp của chư Phật ba đời, tội ấy rất lớn. Nếu tin lời nói của đức Thích-ca tức là tin giáo pháp của Chư Phật nói, phước có được rất nhiều, đây là khuyên chúng sanh tin nhận cho nên nói chỗ thuận theo như nhau, văn chia hai phần:

1. Hiển bày Nhất thừa

2. Phá bỏ hai thừa

Trong phần hiển Nhất thừa thì trước nói về giáo môn, sau nói giáo biểu hiện lý.

"Biết rõ chúng sanh có những điều ưa muốn", đây là nói dục lạc của chúng sanh ở năm thừa có khác nhau.

"Thâm tâm chấp trước", Huân tập dục lạc ở năm thừa rất sâu, vì thế chúng sanh chấp đắm ở năm thừa.

"Ta tùy theo bản tánh kia", Huân tập dục lạc đã sâu thì thành bản tánh, tánh không thể đổi nên Đức Phật tùy theo dó mà nói pháp.

"Dùng các thứ nhân duyên", trên là nói biết căn cơ, nay là thuận theo căn cơ để nói giáo.

"Như thế đều vì để chứng đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí", ở trên là nói giáo môn, nay là nói giáo biểu hiện lý.

"Trong cõi nước ở mười phương, hai thừa còn không có, huống là có ba", ở trên nói chỉ có Nhất thừa, nay nói chẳng có hai, vì người Nhị thừa không biết chỉ có Nhất thừa, vì thế nói chỉ có Nhất thừa; không biết chẳng có hai, vì thế nay phá hai. Lại muốn phát khởi phần sau, phương tiện nói thành ba, cho nên trước nói đạo lý không có ba thừa. Kinh này phá hai thừa, gồm có ba môn:

1. Dùng Nhất thừa phá hai thừa, như trước có chép: "Chỉ có một Phật thừa, không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa". Phần kệ sau cũng chép: "Chỉ một việc là thật, nếu hai chẳng phải chân", đây là dùng Nhất thừa phá hai thừa.

2. Dùng hai thừa phá ba thừa, tức như đoạn văn nầy: "Hai thừa còn không có, huống chi là có ba?", hai thừa là Duyên giác, ba thừa là Thanh văn, Duyên giác là cao quý đối với lý mà còn không có, huống là Thanh văn yếu kém hơn mà có hay sao? Ý này nói về lý không thể có hai huống chi là có ba? Lại nữa nói phá ba thừa này là vì trong hội pháp Hoa chung là ba thừa nhưng chính là phá Thanh văn, cho nên phẩm Thí Dụ nói: "Vì các Thanh văn mà nói kinh Đại thừa". Nay nêu không có Duyên giác để phá bỏ Thanh văn tức là dùng hai thừa phá ba thừa.

3. Dùng ba thừa phá hai thừa, nghĩa là từ một Phật thừa mà phương tiện nói ba, ba thừa đã là phương tiện, há hai thừa là thật hay sao?

Hai môn trước là dùng không để phá có, môn sau là dùng quyền phá thật.

"Xá-lợi-phất! Chư Phật ra đời", ở đây là nói về ba thừa phương tiện, sở dĩ có đoạn văn này là có hai nghĩa gần và xa. Nói về xa, ba môn trên đã nói Nhất thừa là chân thật tức phải nói rõ xưa nói ba là phương tiện, bởi nói nay, xưa, trước, sau, quyền, thật, là ý của hai giáo. Nói nghĩa gần là từ trước dùng một phá hai và mượn hai phá ba, lúc ấy đại chúng nghi rằng: đạo lý chỉ có một, còn không có hai, huống chi là có ba? Đức Như lai là người thấu đạt lý, lúc mới ra đời thì nên giảng nói chỉ có một lý, không có ba thừa. Vì sao đạo lý có một lại không nói một; không có ba thừa mà lại nói ba? Há chẳng phải không mà nói có, có mà nói không, lừa dối chúng ta sao?

Cho nên giải thích rằng: Tuy lý chỉ có một không có ba, nhưng vì chúng sanh có chướng ngại năm trước sâu nặng không thể thọ lãnh Nhất

thừa, vì thế Chư Phật dùng phương tiện mà nói ba, lỗi là ở chúng sanh, chẳng phải do Chư Phật, đây là khiến người Nhị thừa tự hối hận trách mình mà quy ngưỡng Như lai. Kế là vì giải thích thành lý chỉ một. Do năm trược mà phương tiện nói ba, vì thế biết đạo chỉ có một, văn nầy chia ba phần:

1. Nêu chung Chư Phật xuất hiện ở cõi đời có năm điều vẫn đục.

2. Nói riêng tên của năm điều vẫn đục.

3. Giải thích kiếp trược là thời ác xấu.

Hỏi: Vì sao nói kiếp trược đầu tiên?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Chính là để giải thích nghi ngờ. Nghi rằng: Chư Phật ở trong thời nào mà nói ba thừa là phương tiện? Vì dứt sự nghi ngờ nên nói Chư Phật xuất hiện trong đời có năm thứ vẫn đục, đó là: Kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược, nên nói kiếp trược đầu tiên. Lại, kiếp trược là chung trong kiếp trược phân ra năm trược mà thôi. Nếu dùng pháp để biện luận thời gian thì nên nói là trược kiếp, nay dùng thời gian để gọi pháp nên nói là kiếp trược. Kế là nói phiền não trược, có kiếp trược rồi thì có chúng sanh trược, rồi đến Kiến trược, bởi chúng sanh khởi phiền não mà không hẳn khởi kiến, muốn nói trước là tại gia thì khởi ái chúng sanh, nay là xuất gia khởi kiến ngoại đạo vì thế nói kiến trược. Nên phần kệ sau đều trước nói ái, sau nói kiến, khởi đủ cả ái và kiến thì giảm gần ba tiểu kiếp, tuổi thọ chúng sanh ngắn ngủi, cho nên nói mạng trược. Trong kinh nêu năm trược này là theo thứ lớp, phiền não trược và kiến trược là thể của trược, hai trược này cấu thành chúng sanh nên gọi là chúng sanh trược, cho nên kinh chép: "Tâm nhơ uế nên chúng sanh nhơ uế.

Hỏi: Năm trược và ba chướng có gì khác nhau?

Đáp: Ba chướng ngăn ngại Thánh đạo và phương tiện Thánh đạo, nghĩa này là quan trọng, cho nên có ba chướng thì không thể nhập Thánh đạo. Năm trược là nói chung, vì thế Chư Phật vì chúng sanh năm trược mà nói ba thừa giáo.

Hỏi: Đã có nói nghiệp chướng, sao không nói nghiệp trược?

Đáp: Như kinh Tỳ-ni-Mẫu cũng nói nghiệp trược, không nói kiến trược thuộc phiền não trược. Nay nói chúng sanh trược là nghiệp trược, vì sao? Đã có ái, kiến, phiền não, tức khởi ba nghiệp ác của thân miệng ý, vì thế gọi là nghiệp trược; lấy gì để biết? Nếu nói chỉ ý địa các phiền não mà không khởi nghiệp thân miệng, thì chẳng phải chúng sanh xấu ác, không gọi là chúng sanh trược, vì thế biết chúng sanh trược tức là nghiệp trược.

Hỏi: Năm trược đều ngăn ngại Nhất thừa ba thừa, vì sao nói ba mà không nói một?

Đáp: Nhất thừa thì sâu mà ba thừa thì cạn, tuy có năm trược nhưng có thể nói ba thừa, gồm có bốn ý:

1. Có năm trược thì chướng ngại Nhất thừa, thuở xưa người Thanh văn không thể nghe Nhất thừa.

2. Năm trược không chướng ngại Nhất thừa, nghĩa là phàm phu có năm trược nhưng được nghe giáo Nhất thừa.

Hỏi: Đồng có năm trược, vì sao có hạng được nghe Nhất thừa, có hạng không nghe?

Đáp: Tuy đồng có năm trược, nhưng người có căn cơ với Nhất thửa thì được nghe, nếu không có thì không nghe.

3. Hạng người không có năm trược được nghe Nhất thừa, tức là Thanh văn trong hội Pháp Hoa.

4. Hạng không có năm trược mà không nghe Nhất thừa, tức là Thanh văn không nghe Pháp Hoa.

Hỏi: Cùng đồng không có năm trược, sao có hạng được nghe, hạng không được nghe?

Đáp: Tuy đồng không có năm trược, nhưng người có căn cơ với pháp Nhất thừa thì được nghe, nếu không thì chẳng được nghe.

Hỏi: Người có căn cơ với pháp Nhất thừa thì được nghe còn không thì chẳng nghe, thế nào là năm trược chướng ngại Nhất thừa và không chướng ngại?

Đáp: Năm trược chướng ngại Nhất thừa, nhưng nếu có căn cơ mạnh với Nhất thừa mà năm trược chướng ngại yếu nên được nghe pháp Nhất thừa.

Hỏi: Ba căn Thanh văn trong hội Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã nghe pháp Nhất thừa, thì có căn cơ với Nhất thừa, sau khi đắc A-la-hán vì sao không nghe Pháp Hoa?

Đáp: Tuy có căn cơ với Nhất thừa, nhưng sự chấp ba thừa mạnh mà căn cơ Nhất thừa yếu, phải đợi nghe các kinh Phương Đẳng, rèn luyện tâm ấy rồi mới nghe kinh Pháp Hoa được.

Hỏi:Thế nào gọi là trược?

Đáp: Trược nghĩa là không sạch, thí như nước đục không thể thấy vật, tâm chúng sanh trược nên không thể thấy rõ lý Nhất thừa, vì vậy gọi là Trược.

Kinh Tát-già-ni-kiền có nói mười hai thứ trược

1. Kiếp trược

7. Cõi nước bất tịnh trước

2. Thời trược
3. Chúng sanh trược
4. Phiền não trược
5. Mạng trược
6. Ba thừa sai khác trược
8. Chúng sanh khó dạy trược
9. Nói các phiền não trược
10. Ngoại đạo loạn trược
11. Ma trược.
12. Ma nghiệp trược

"Vào lúc kiếp loạn trược", đây giải thích nghĩa năm trược mà khởi giáo pháp ba thừa, trong năm trược mà nói riêng về kiếp loạn trược, bởi trong ba tiểu kiếp có ba tai, phiền não chúng sanh đều tăng nhiều, cho nên nói lúc kiếp loạn trược.

"Chúng sanh nhơ nặng, bỏn sẻn, tham lam, ganh ghét" , đây là các việc dơ nặng. Tham lam là một trong ba độc, bỏn sẻn, ganh ghét là hai triền trong mười triền, sở dĩ nói riêng ba thứ này là có hai ý:

1. Ba món này chỉ nặng ở cõi Dục cho nên nói

2. Bỏn sẻn là nghiệp nghèo khó, ganh ghét là nhân của thấp hèn. Trong nghiệp nghèo cùng thì tiếc vật của mình gọi là bỏn sẻn, lấy vật của người khác gọi là tham. Trong nghiệp thấp hèn thì ganh tài vật bên ngoài của người khác gọi là tật, ganh chánh báo bên trong của người khác gọi là đố.

Gây nhân bần cùng tạ tiện thì không được dự vào nhân thừa, thiên thừa, huống chi là Phật thừa là thừa giàu sang, vì trên hết trong năm thừa nên là giàu, đầy đủ muôn đức gọi là sang, cho nên đoạn văn sau chép: "Sang trọng như vậy, có thế lực lớn". Trưởng giả giàu sang ấy tức là Như lai.

"Thành tựu các căn chẳng lành", trên là nói riêng về một kiết sử và hai triền, tức là nói chúng sanh tại gia, gọi là phiền não trược, trong phẩm Thí Dụ gọi là trùng độc. Nay nói chung về hai căn bất thiện là sân và si, cùng các triền cấu, tức là ngoại đạo xuất gia, gọi là kiến trược, trong phẩm Thí Dụ gọi là ác quỷ.

"Cho nên các Đức Phật dùng năng lực phương tiện, đối với một Phật thừa mà phân nói riêng ba", trên là nói chúng sanh có năm trược tăng mạnh không thể thọ lãnh pháp Nhất thừa, cho nên nay nói dùng năng lực phương tiện mà nói ba thừa.

"Nếu đệ tử Ta tự cho rằng mình là A-la-hán, Duyên giác,v.v...", đây là chỉ bày chỗ được mất. Trên nói lý chỉ có một, kế nói vì năm trược mà phương tiện nói ba, quyền, thật, có, không, đã rõ ràng đáng tin, nếu không tin tức là người ác, nên nay nói về chỗ được mất. Nhưng giáo pháp có công năng trùm khắp thì không ngoài hai môn quyền và thật, người lãnh thọ giáo pháp cũng chỉ có hai môn là được và mất, việc này

bao gồm tất cả việc giáo hóa.Văn chia hai phần; trước nói về mất sau nói về được, trong mỗi phần lại có hai hạng người thành ra bốn hạng người.

Trong hai hạng người mất gồm:

1. Chưa đắc Tiểu thừa mà cho rằng đã đắc, không tin kinh Pháp Hoa.

2. Đã đắc quả Tiểu thừa chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, không cầu quả Đại thừa, đây cũng gọi là mất. Ban đầu là Phàm mất, sau là Thánh mất, hai điều này là bao gồm tất cả việc mất.

"Nếu đệ tử Ta tự cho rằng mình là A-la-hán", ở trên nói Nhất thừa là chân thật, ba thừa là phương tiện, nay là mất hai ý này, bởi nói chấp Tiểu thừa là thật, mê ba thừa là phương tiện, đây là nói chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đắc quả Tiểu thừa rốt ráo, tức là chỗ mất trong Tiểu thừa, chính là năm ngàn người bỏ hội ra đi.

"Không nghe không biết việc của các Đức Phật Như lai chỉ giáo hóa Bồ-tát", đây là nói do không biết đồng quy về Nhất thửa tức mê Nhất thừa chân thật, là nói chỗ mất trong Đại thừa. Không nghe là không nghe giáo pháp, không biết là không hiểu về lý, năm ngàn người ấy không nghe nói rộng Nhất thừa chân thật, nên nói rằng không nghe không biết.

"Người ấy chẳng phải đệ tử Phật", hai câu trên nói về vọng tình, đoạn văn này lại nói về được mất. Năm ngàn người chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho rằng đã đắc quả rốt ráo, cố chấp Tiểu thừa thì Tiểu thừa thuộc về Không mà không nghe không biết chỉ giáo hóa Bồ-tát, người này mê Đại thừa thì thuộc về không Đại thừa, vì thế chẳng phải là đệ tử Phật. Do chẳng phải đệ tử Phật thì chẳng phải nội phàm phu chẳng phải thất Thánh. "Lại nữa! Xá-lợi-phất": đây nói về chỗ mất của bậc Thánh, văn có ba câu:

1. Đã đắc A la hán tự chấp rốt ráo, chấp ba thừa giáo mà không biết đó là phương tiện.

2. Không biết nhất thừa chân thật, tức câu: "chẳng biết tiến cầu v.v..."

3. Nói về được mất tức câu: "Nên biết bọn đó v.v..."

La-hán so với Đại thừa thật chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, vì thế không tiến cầu Phật đạo, phải biết đây là kẻ tăng thượng mạn.

Hỏi: Nay kẻ tăng thượng mạn có gì khác với tăng thượng mạn đã nói ở trước?

Đáp: Ở trên đã giải thích rồi, nay nói về chỗ khác, phàm phu có

hai thứ tăng thượng mạn:

1. Chưa đắc Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đã đắc rốt ráo, đây là Tiểu thừa tăng thượng mạn.

2. Chấp vọng tình này mà không tiến cầu Đại thừa, đây là Đại thừa tăng thượng mạn.

Bậc Thánh đã đắc quả Tiểu thừa, nhưng tiểu quả so với Đại thừa chẳng phải rốt ráo mà cho là rốt ráo, đây là bậc Thánh tăng thượng mạn, nhưng chỉ có tăng thượng mạn trong Đại thừa mà Tiểu thừa không có.

Hỏi: Vì sao biết có hai hạng người này?

Đáp: Đoạn văn sau nói về người khác với ở trước, cho nên biết hai hạng người này là khác. Lại nữa, văn trước phán xét phàm phu, chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, Bích-chi-phật, cho nên biết là sự mất của phàm phu. Đoạn văn sau phán xét mất nói thẳng tăng thượng mạn, bởi đã là La-hán mà không chứng đắc, tức chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, tự cho rằng rốt ráo mà không tiến cầu Phật đạo, vì thế gọi là Tăng thượng mạn.

Hỏi: Đây nói chính xác là hạng người nào?

Đáp: Nói chung tất cả tự cho mình là A-la-hán rốt ráo, mà ý chính là ba căn Thanh văn. Cho nên, phẩm Thí Dụ chép: “Xá-lợi-phất lúc ấy trong tâm tự cho rằng đã được diệt độ“ , cho đến bậc trung căn Ca-diếp cũng có chấp này thể hiện trong phẩm Tín Giải và Hóa Thành Dụ.

Hỏi: Người phàm phu chưa đắc La-hán mà tự cho là rốt ráo, bậc Thánh thật đắc La-hán cũng tự cho là rốt ráo, hai hạng này có khác nhau không?

Đáp: Hai hạng này chưa nghe kinh Pháp Hoa tự cho là rốt ráo thì có như nhau, nếu khi nghe Pháp Hoa thì năm ngàn người phàm phu không sanh tin nhận, bậc Thánh thì có tin nhận, cho nên trong văn chép: “Nếu thật chứng quả A-la-hán mà không tin Pháp này thì không có việc ấy.”

“Vì vì sao”, ở đây nói phần được để giải thích phần mất, cũng có hai hạng người:

1. Khi Phật còn tại thế đắc quả La-hán

2. Sau khi Phật diệt độ đắc quả La-hán

Phần đầu lại chia làm hai nghĩa:

1. Bác bỏ phàm phu, nếu thật đắc La-hán thì khi nghe pháp Nhất thừa phải tin nhận, tức biết hạng người thứ nhất không tin Pháp Hoa chẳng phải La-hán, vì thế nêu phần được để bác bỏ phần mất.

2. Kích động bậc Thánh, nói thật đắc La-hán phải tin pháp này, nếu không tin thì chẳng phải La-hán, tức dùng văn này để kích động hạng người thứ hai thật đắc La-hán, khiến họ bỏ quả nhỏ để cầu đạo lớn.

"Trừ khi sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không Phật", ở đây nói sau khi Phật diệt độ mà đắc La-hán, trước là nghe Pháp Hoa đắc La-hán, nay không nghe Pháp Hoa đắc La-hán. Văn này là để giải thích sự nghi ngờ, nghi rằng: có trường hợp La-hán mà không nghe không biết việc Phật chỉ giáo hóa Bồ-tát hay không? Lại có La-hán mà không tin hai pháp quyền và thật hay không? Do hai đoạn văn trước mà sanh nghi này, cho nên giải thích rằng: Lúc Phật tại thế người chứng La-hán mà nghe Pháp Hoa thì phải tin nhận, chỉ trừ sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không có Phật. Đây là La-hán không tin Nhất thừa. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Cũng là để giải thích nghi ngờ, nghi rằng: Nghe pháp ở Phật mà khởi tâm huỷ báng, vì sao Phật không nói pháp để dứt trừ nghi này, chỉ trừ sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không có Phật cho nên khởi chê bai mà thôi.

"Vì sao như vậy", đây là giải thích hạng La-hán mà không tin Nhất thừa, do sau khi Phật diệt độ thì kinh Pháp hoa khó nghe khó hiểu, bậc La-hán khó được thành Phật. Luận Trí Độ chép: Kinh pháp Hoa nói La-hán thành Phật nghĩa rất sâu xa, La-hán thành Phật thì chỉ có Phật mới hiểu. Luận chính có thể bàn luận những việc khác ngài Long Thọ cũng nói là không hiểu, cho nên biết chỉ có Phật mới hiểu. Sở dĩ hạng người này khó đắc, là do không gieo hai duyên người và pháp, La-hán này không tin nhất thừa.

Phẩm Hiện Bịnh trong kinh Niết-bàn chép: Như lời Phật dạy thì tất cả A la hán đều sẽ đến Niết-bàn, như thế rất sâu xa, là hành xứ của Phật kẻ phàm phu ngu không thể biết được, vì thế nói La-hán thành Phật rất là khó hiểu, chỉ có Phật mới biết cho nên gọi là khó đắc.

"Nếu gặp Đức Phật khác đối với pháp này bèn được hiểu": Văn này cũng giải thích nghi ngờ. Nghi rằng: Bậc La-hán này đã không gặp Pháp Hoa và người giải nghĩa, lúc nào mới tin Nhất thừa? Vì thế giải thích rằng: La-hán này sanh trong tịnh độ ở ngoài ba cõi, lại gặp Phật khác được nghe kinh Pháp Hoa mà hiểu rõ. Hiểu rõ là biết ba, một, có, không, quyền thật.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ, La-hán không gặp người giải nghĩa, mà trực kế nghe kinh Pháp Hoa, có tin hiểu hay không?

Đáp: Việc này khó nói, giả sử gặp kinh mà không gặp người giải

nghĩa cũng không được hiểu rõ, vì thế văn chép: Nếu gặp Phật khác bèn được hiểu.

"Xá-lợi-phất! Các ông nên tin hiểu lời Phật dạy", đây là phần khuyên tin nhận vâng giữ. Sở dĩ có văn này gồm có ba nghĩa:

1. Giải thích nghi ngờ, nghi rằng ban đầu nói ba thừa sau nói Nhất thừa tức thành nói dối làm sao để tin vì giải thích nghi này nên khuyên tin nhận.

2. Trên là chỉ bày Nhất thừa chân thật, ba thừa phương tiện và nói lên việc được mất, nay khuyên tin nhận là khiến bỏ mất theo được, tin nhận vâng giữ.

3. Kế lời văn trên, nếu gặp Phật khác liền được hiểu rõ, không hề có rốt ráo mãi mãi trụ La-hán, phải nghe kinh Pháp Hoa sau sẽ thành Phật. Đại chúng các ông nay đã gặp Phật lại được nghe kinh, sớm phải tin nhận.

Hỏi: Trên đã khuyên tin, so với nay có gì khác?

Đáp: Trên là nói thẳng khuyên tin, nay nói pháp quyền thật chân, ngụy, đã rồi, thì khuyên chúng sanh tin hiểu thọ trì, vì thế khác lời ở trên.

Pháp Hoa Nghĩa Sớ quyển thứ ba hết. Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh Nhân, do có sư thuộc tông Trung Quán khuyến hóa khắc bản kinh Pháp Hoa Nghĩa Sớ cuốn ba, hồi hướng ngõ hầu Tỳ-kheo ni. Chánh Thiền và mẹ là Đặng Thị cùng ngồi xe báu này thẳng đến cõi tịnh, cho đến bốn ân ba cõi thấm nhuần lợi ích vô cùng.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 4

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI
(Phần 2)

"Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, có tâm" v.v... trở xuống là thứ hai kệ tụng có một trăm mười bốn hàng chia làm hai:

1) Bốn hàng tụng duyên khởi.

2) Một trăm mười hàng tụng chính là nói.

1. Duyên khởi có ba: Nay lược bỏ không tụng phần Phật hứa nói, khuyên răn lắng nghe, bài tụng thứ hai chê bai chúng bất tịnh, bài tụng thứ ba khen ngợi chúng thanh tịnh, chỉ tụng hai đoạn này gồm có hai nghĩa:

l) Muốn chứng minh Đức Phật ngăn Thân Tử và Thân Tử lại xin Phật nói. Dùng bài tụng chúng bất tịnh nói lên Đức Phật ngăn xin nói là không luống uổng. Kế tụng chúng thanh tịnh nói về Thân Tử xin là không lầm.

2) Bài tụng chúng bất tịnh, khuyên răn chúng sanh đời vị lai chớ chấp trước Tiểu thừa làm chướng ngăn Đại thừa. Kế là tụng chúng thanh tịnh, vì khuyên tất cả chúng sanh tu tập Đại thừa.

Ban đầu một bài tụng nhiếp bốn chúng làm ba lỗi: hai chúng xuất gia đồng có lỗi tăng thượng mạn, vì sao? Vì hai chúng xuất gia chuyên tâm đạo quả thường đạt được thiền định cho nên khi đắc Bốn thiền mà cho là đắc bốn quả nên gọi là tăng thượng mạn. Có người nói tăng trong mạn, hơn cả mạn gọi là tăng thượng mạn. Nay nói tăng thượng là pháp tăng hơn, chưa đắc pháp tăng hơn mà cho là đắc pháp tăng hơn ỷ lại đây tự cao gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn và tà mạn có gì khác nhau?

Đáp: ba tạng Chân-đế chép: Đều chưa đắc Thánh pháp mà ỷ lại tà pháp để khởi mạn gọi là tà mạn; Nếu đắc chút ít pháp như đắc Bốn thiền,v.v... mà cho là rốt ráo nên gọi Tăng thượng mạn.

Hỏi: Vì sao gọi là ôm lòng tăng thượng mạn?

Đáp: Chú giải Kinh rằng: Nếu vô tâm mà tiến đức thì sau đó hội ý! Có lòng đối với đạo tăng thượng, do đó gọi là mạn. Có trong lòng nghĩa là trong tâm có cưu mang, tức là có sở đắc.

"Ưu-bà-tắc ngã mạn": Nghĩa là người kia chưa đắc mà tự cho là đắc, nhưng đã là trượng phu thì giữ chí không thay dổi cho nên nói ngã mạn. Chú giải Kinh rằng: Tuy biết vô ngã mà dùng vô ngã làm ngã cũng là mạn, ý nầy nghĩa là ngã năng hiểu là vô ngã nên gọi là ngã mạn.

"Ưu bà di chẳng tin": Nhưng bốn chúng đều không tin Đại thừa, y theo không tin lại chia làm ba: hai chúng xuất gia thì có tăng thượng mạn nên không tin. Ưu bà tắc đã là trượng phu tự cho là có đủ tài năng mạnh mẽ quyết đoán giữ vững ý chí ta từ trước đến nay đã tin đạo lý La-hán rốt ráo, nay vì sao chấp nhận thay đổi chí, nên gọi là ngã mạn. Kế đã là người nữ lại không có nghĩa gì khác nên nói thẳng là chẳng tin. Chú giải Kinh rằng: Tuy nói tin chẳng có mà lấy chẳng có làm tin, đó gọi là chẳng tin. Tăng Triệu rằng: Nói kia chẳng có, là nói kia chẳng phải có, chẳng phải nghĩa là chẳng có, chỉ vì người nữ chấp chẳng có nên gọi là chẳng tin. "Hàng bốn chúng như thế v.v..." là nói số chúng.

"Không tự thấy lỗi mình": Hễ có lỗi mà có thể biết lỗi nầy gọi là người trí, nay nói có lỗi mà không tự biết gọi là người ngu. "Đối với giới có thiếu sót": ở trên nói không có Tiểu thừa rốt ráo giải mà cho là có giải, nay một câu nói về không có Tiểu thừa rốt ráo hành mà cho là có rốt ráo hành. Lại trên chưa đắc quả Tiểu thừa rốt ráo mà cho là đắc quả rốt ráo, lại không thọ Đại thừa vì không thể ngăn ngừa hai việc ác nầy cho nên nói giới có thiếu sót. Do phá giới nầy nên gọi là thiếu mà tín tâm rò rỉ nên gọi là lậu. Lại giới là bờ đê ngăn giữ nước phiền não, giới đã thiếu sót phiền não liền chảy ra.

Tiếc giữ tội xấu mình: Đây là giải thích nghi cho nên nói, nghi rằng đã không có hạnh giải lại không tự thấy lỗi mình, tâm đại bi của Phật sao không chỉ dạy mà khiến cho rời chỗ ngồi bỏ đi, vì vậy nên giải thích rằng không tự thấy lỗi, tiếc giữ tội xấu không thể hóa giải. Vết trong ngọc gọi là hà, dụ cho ý địa không hiểu, cho là có hiểu bệnh ngoài hòn ngọc gọi là tỳ dụ cho thân miệng không hành mà cho là có hành. Lại quá khứ tội căn sâu nặng là hà, hiện lại có tăng thượng mạn là tỳ. Lại trong tâm chấp Tiểu thừa không bỏ là hà, ngoài nghe nói Đại thừa không thọ là tỳ. Che đậy lỗi lầm là giữ, keo kiết sai trái là tiếc. "Bọn cám thóc trong chúng": Văn nầy giải thích nghi cho nên nói. Đây

là năm ngàn vị vào trong pháp Phật đâu có sở đắc (được) ư? Vì vậy nên giải thích rằng: năm ngàn người mất chân thật Trung đạo, v.v... chỉ đắc đoạn thường là cám, danh hiệu Ba thừa, như vỏ ngoài hạt gạo gọi là thóc, lý Nhất thừa như gạo trong vỏ thóc, chỉ biết danh hiệu Ba thừa mà không biết nghĩa Ba thừa cho nên gọi là thóc.

Lại, chúng thanh tịnh có thể dụng thí dụ đồng rượu gạo, người tội không thể dụng thí dụ như thóc cám. "Do oai Phật nên đi": Chú giải Kinh rằng: Gió sanh khởi thì cát bụi tự bay, mặt trời xuất hiện thì tối sáng tự phân biệt, đây là chẳng chuyển dời mà là chuyển dời. "Người này kém phước đức": Văn xuôi ở trên nói người có tội căn nay tụng nói lên kia vô phước. Kệ trước nói về kia chấp Tiểu thừa nên đứng dậy đi, nay nói họ không có khả năng thọ Đại thừa. "Chúng đây không cành lá": Là tụng chúng thanh tịnh.

"Xá-lợi-phất lắng nghe v.v..." trở xuống là phần chính là nói thứ hai. Trên có bốn môn:

1) môn Nhất thừa chân thật.
2) môn Ba thừa phương tiện.
3) môn Đắc thất.
4) môn Khuyến tín.

Nay kệ tụng chuyển thế nói pháp cũng có bốn môn:

1) Nhất thừa chân thật môn.
2) Ba thừa phương tiện môn.
3) Khen ngợi môn.
4) Khuyến tín môn.

Sở dĩ có bốn môn này là vì đầu tiên nêu Nhất thừa chân thật, kế Ba thừa phương tiện, hai môn này nói một phen giáo hóa từ đầu đến cuối nên thứ ba là khen ngợi, dùng khen ngợi xong khuyên chúng sanh tin nhận.

Nhất thừa chân thật có ba:

1) môn Đức Thích-ca tự nói.
2) môn Dẫn chứng.
3) môn Thuận đồng.

Nay tụng ba môn này chia làm ba đoạn.

Trong văn xuôi Thích-ca tự nói có ba:

1) môn Xưng tán.
2) môn Bất hư.
3) môn Hiển giáo ý.

Nay kệ chuyển thế tụng cũng chia ra ba môn.

1) môn Hiển giáo ý.

2) môn Thích nghi.

3) môn Khuyến tín.

Ban đầu chính là nói về nói giáo, đại ý là qui nhất thừa, kế là nói thời chúng nghi: Nếu chỉ là qui nhất thừa vì sao trước không nói một mà lại nói ba ư? Vì giải thích nghi này nên nói về vì sao trước ba sau một cho nên kế là nói môn giải thích nghi. Giáo ý đã rõ ràng trước sau lại nói lên cho nên thứ ba là khuyến tín.

Môn đầu lại có hai:

1) Nói về ý giáo thuyết pháp xưa tức văn xuôi trong bài tụng tùy nghi nói ý thú khó hiểu.

2) Nói về ý giáo nay, văn xuôi trong bài tụng nói vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời.

Y cứ môn đầu lại có hai:

1) Trước nói giáo ý Tiểu thừa xưa.

2) Nói trước nói giáo ý Đại thừa.

Môn đầu có hai:

1) Nói trước nói giáo Tiểu thừa tức văn xuôi trong bài tụng tùy nghi nói ý thú khó hiểu.

2) Tụng trước nói giáo tiêu biểu ý, tức tụng trên chỉ có Chư Phật mới biết.

Môn đầu lại có hai:

1) Trình bày trước nói gío trời người.

2) Trình bày trước nói giáo Nhị thừa.

Trong phần đầu lại có ba môn:

1) Kệ tụng khen ngợi quyền trí Phật có công khéo nói.

2) Kệ tụng khen ngợi trí Phật trong chiếu căn tánh.

3) "Đức Phật đều biết rồi" v.v... trở xuống: có bốn bài kệ chính là nói Phật nói giáo. Sở dĩ trước giáo chỉ có ba môn nầy vì đầu tiên khen ngợi quyền trí Chư Phật gọi là thầy thuốc, kế biết căn tánh gọi là biết bệnh sau nói giáo gọi là trao cho thuốc. Ban đầu kệ chép: pháp mà Chư Phật sở đắc nghĩa là thật trí, vô lượng năng lực phương tiện gọi là quyền trí, do bên trong có đủ hai thứ này bên ngoài năng vì vật nói pháp. Bài kệ thứ hai, ba câu trên nói biết tánh dục hiện tại, một câu dưới nói về chiếu nghiệp nhân quá khứ, vì dục hiện tại là do nghiệp đời trước cho nên kế là tụng.

Kế bốn bài kệ chia làm hai:

1) Kệ nêu chung về phó duyên nói giáo, giáo xứng với duyên.

2) Ba bài nói riêng riêng giáo môn, trước chung sau riêng để giải nghĩa. Trong phân biệt nầy, một hàng rưỡi đầu nói về chín bộ kinh gọi là giáo pháp, kế một hàng rưỡi nói về Niết-bàn quả pháp. Trong pháp Tiểu thừa nói chín bộ giáo khiến đắc quả Niết-bàn tức theo thứ lớp.

Lại chín bộ nói chung bốn thừa quả pháp chỉ nói về quả Nhị thừa, xưa nói tuy nhiều không ngoài hai thứ này. Lại chín bộ gọi là giáo trời người. Kế nói Niết-bàn gọi là giáo Nhị thừa, nhưng Kinh luận khác nhau gồm có bốn câu:

1) Đại Tiểu đều rộng, Đại thừa đầy đủ mười hai bộ, Tiểu thừa tùy phần mười hai, do đó chỉ nói về mười hai, vì mười hai là số trọn đủ, lại trị mười hai duyên bệnh cho chúng sanh.

2) Đại tiểu đều được đồng nói về chín bộ sở dĩ chỉ nói về chín vì cũng là một số trọn đủ. Lại vì chúng sanh trong chín đường nên nói chín bộ. Tiểu thừa y cứ pháp nông cạn cho nên trừ ba, do pháp Tiểu thừa cạn hẹp nên không có Phương Quảng, Phật thọ ký chẳng phải tông Tiểu thừa, lại người Tiểu thừa không có nghĩa Bổ Phật xứ cho nên trừ Thọ ký lại pháp Tiểu thừa cạn có người năng vấn cho nên trừ Vô vấn tự nói. Lại Đại Sĩ làm bạn với chúng sanh không cần xin cho nên có vô vấn tự nói, Tiểu thừa không thể cứu giúp chúng sinh phải đợi xin mới nói cho nên không có vô vấn tự nói, Đại thừa y cứ người lợi căn trừ ba, người Đại thừa lợi căn, nói thẳng liền hiểu, không cần Nhân duyên và dùng Thí dụ cũng không cần Luận nghĩa, cho nên lược bỏ ba bộ nầy.

3) Tiểu rộng mà đại lược như luận Địa Trì chép: Bồ-tát tạng gọi là kinh Phương Quảng, Tạng Thanh văn có mười một bộ Kinh. Ý nầy nói về mười hai bộ Đại thừa là nói về lý Phương Quảng. Từ lý sở thuyên đặt tên cho nên mười hai bộ đều gọi là Phương Quảng, mười hai bộ Tiểu thừa không nói về lý Phương Quảng cho nên còn lại mười một bộ.

4) Đại rộng Tiểu lược, nói lên Đại thừa là mãn tự cho nên đầy đủ mười hai bộ, Tiểu thừa là bán tự nên chỉ có chín bộ, thì như văn nầy nói, chính là tông Pháp Hoa. Mười hai bộ đều lấy ngôn giáo làm thể cho nên Kinh Niết-bàn nói về biết pháp, biết nghĩa: biết pháp của mười hai bộ kinh là biết pháp nên cũng là biết giáo.

Kế chia làm hai: Tuy có mười hai bộ mà không ngoài văn xuôi và kệ, cũng được chia làm ba: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, ba thứ này căn cứ giáo mà đặt tên thì dùng giáo làm thể của ba bộ này, chín bộ còn lại theo việc riêng mà thọ tên cũng không lìa ba thứ này. Tu-đa-la theo Luận Thành Thật và Trí độ thì ngôn ngữ nói thẳng là Tu-đa-la, cái gọi là Tu-đa-la tướng riêng. Kinh Niết-bàn từ "như vầy" đến vâng giữ gọi

là Tu-đa-la tướng chung. Trong ba tạng Tu-đa-la ngang hẹp dọc rộng, vì dọc dài cho nên thu nhiếp mười hai, vì ngang hẹp cho nên chỉ có một tạng. Trong mười hai bộ thì Tu-đa-la ngang rộng, dọc hẹp không nhiếp mười một bộ cho nên dọc ngắn, nhiếp ba tạng cho nên ngang rộng. Già-đà là: bộ thứ hai gọi là bất đẳng kệ.

Hỏi: Các Kinh luận chia mười hai bộ, bộ thứ hai gọi là Kỳ-dạ, nay vì sao gọi là Già-đà ư?

Đáp: Nay muốn nói về Phật nói pháp không định cho nên thay đổi phép tắc thường, vì trước nói chín bộ là nói về Tiểu, nay nói về chín bộ chính là thông Đại, muốn hiển nghĩa bất định cho nên nói lẫn lộn. Lại nay hiệp chín bộ này làm năm cặp: Ban đầu văn xuôi và kệ một cặp, Chư Phật hoặc vì chúng sanh nói thẳng gọi là Tu-đa-la, hoặc khiến ban đầu làm kệ nói gọi là Già-đà, do Kinh đều nêu hoặc chữ thì biết Tu-đa-la chưa hẳn ở trước Già-đà chưa hẳn ở sau. Hai bộ này Bổn sự, Bổn sanh là tự tha một cặp, Bổn sự nói việc đời quá khứ của người như Phẩm Dược Vương Bổn Sự v.v... nói việc đời quá khứ của mình là Bổn sanh; Vị tằng Hữu, Nhân Duyên ở đây nói việc thiện ác một cặp. Vị tằng Hữu gọi là Thiện Sự, như Trâu xanh hành bát, chó trắng nghe Kinh, mặt đất rung chuyển cả thân lượng chư thiên. Nhân Duyên nghĩa là khởi tội tùy việc gốc ngọn mà nói gọi là Nhân duyên. Thí Dụ Kỳ-dạ là pháp dụ một cặp, nên gọi đủ là Lộ già Kỳ-dạ Già-đà Kỳ-dạ. Trên giữ riêng bỏ chung, nay giữ chung bỏ riêng. Ưu Bà Đề-xá gọi luận nghĩa đó là năng luận, tám bộ bốn cặp trên gọi là sở luận, nghĩa là năng luận sở luận là một cặp.

Hỏi: Đại thừa Tiểu thừa đều gọi là Phương Quảng có gì khác nhau?

Đáp: Đại là đầy đủ Phương Quảng, Tiểu là tùy phần Phương Quảng. Lại Đại thừa lý chánh gọi là phương, nghĩa dồi dào gọi là quảng. Văn giải giảng lý phương quảng gọi là Kinh Phương Quảng. Tiểu thừa nói chính gọi là Phương, văn nhiều gọi là Quảng.

"Độn căn ưa pháp nhỏ" trở xuống,v.v... một bài kệ rưỡi nói về quả Tiểu thừa. Lại trước nói chín bộ gọi là giáo trời người, nay nói về giáo Nhị thừa. Trời người tuy khác mà không ngoài chín bộ, Nhị thừa tuy khác mà đồng cầu Niết-bàn, cho nên trong giáo trời người trước trình bày căn cơ trời người, kế nói về chín bộ giáo, ở đây cũng trước trình bày căn cơ Nhị thừa kế là nêu giáo Nhị thừa.

Hỏi: Đã nói ưa pháp nhỏ (Tiểu thừa) vì sao lại nói tham đắm sanh tử?

Đáp: Hiện tại cơ duyên ưa pháp nhỏ quá khứ lâu xa tham đắm sanh tử, lại căn cứ về cơ thì ưa pháp nhỏ, căn cứ ở tình thì tham đắm sanh tử. Lại ưa pháp nhỏ tức là tham sanh tử vì Tiểu Niết-bàn là sanh tử của Đại thừa vì vậy nói Niết-bàn thứ hai nói về giáo Tiểu thừa.

"Ta bày phương tiện đó" v.v... trở xuống: Trên nói về hai thứ giáo trước, nay nói về ý của hai thứ giáo:

1) Trước theo gần nói về ý giáo Tiểu thừa, nói về trước nói pháp Niết-bàn ý là khiến cho được nhập tuệ Phật. "Quyết định nói Đại thừa": Ngày trước nói Tiểu thừa ý ở Đại thừa, giáo không xứng ý không gọi là quyết định, nay nói ý đều hiển gọi là quyết định. Lại Đại Phẩm các Kinh hiển giáo Bồ-tát thmầ hóa độ Nhị thừa đối Bồ-tát là quyết định, đối Nhị thừa là chưa được quyết định Nay Bồ-tát hiển giáo Nhị thừa hiển giáo nên gọi là quyết định. Lại Đại thừa là pháp quyết định, như kinh Niết-bàn Sư Tử hống là thuyết quyết định, nghĩa là các chúng sanh đều có Phật tánh, kinh này cũng quyết định nói chúng sanh đều có Nhất thừa, vì đạo lý không có tánh khác chỉ có Phật tánh, nói Phật tánh tức là quyết định nói, Nhất thừa cũng vậy.

2) "Chín bộ pháp của ta" trở xuống,v.v... là nói về chín bộ giáo pháp, nửa trên là nói tùy nghi nói giáo pháp, nửa dưới nói ý nói giáo nói chín bộ này vì khiến cho ngộ nhập Đại thừa và giải Đại thừa làm bổn ý, cho nên nói nhập Đại thừa làm gốc.

"Có Phật tử tâm tịnh" v.v... trở xuống: ở trên nói xưa nói giáo Tiểu thừa, kế là nói xưa nói giáo Đại thừa. Nếu nói về năm thừa thì trên nói bốn thừa nay nói giáo Đại thừa thứ năm. Nếu làm ba giáo theo thứ lớp:

Trời người là hạ giáo, kế Nhị thừa làm trung giáo, nay Đại thừa làm thượng giáo, văn chính là ý nầy. Trong mỗi đoạn văn đều trước nói về căn cơ, kế là nói về giáo, xem văn thì thấy. Có người chép: Trên nói về xưa nói Tiểu thừa là phương tiện, nay nói về ngày trước nói Đại thừa trong Ba thừa cũng là phương tiện, sắp muốn hội Ba thừa qui Nhất thừa, trước nói về Tiểu thừa nay nói về Đại thừa, nay nói là không đúng. Trước nói về Tiểu thừa mà văn luận Tiểu thừa là phương tiện, nếu xưa Đại thừa là phương tiện thì lẽ ra cũng xưa nêu Đại thừa, kế nêu Đại thừa là phương tiện, nhưng văn không đúng mà nêu thẳng ngày trước Đại thừa không nói phương tiện. Cho nên biết xưa Tiểu thừa là phương tiện, xưa Đại thừa chẳng phải phương tiện. Lại vì Bồ-tát thiên về hành sáu độ nói Đại thừa có thể gọi là phương tiện. Nhưng văn chép: "Đối với vô lượng Chư Phật tu hành đạo sâu mầu", tức chẳng phải là người giả danh

thiên hành mà chính là Đại thừa chân thật. Lại Trung luận chép: Trước vì Thanh văn nói mười hai nhân duyên sanh diệt, kế là hạng người đã từng tu tập thực hành có tâm Đại thừa có khả năng thọ pháp sâu xa mầu nhiệm nói mười hai nhân duyên bất sanh bất diệt, Như vậy thì Đại, Tiểu thừa nầy đều là phương tiện, mà Trung luận nói về trước nói Tiểu thừa là phương tiện sau nói Đại thừa là chân thật, nay văn cũng vậy.

Hỏi: Chỉ nên nói về Tiểu thừa xưa là phương tiện, vì sao văn nay nói về Đại thừa xưa?

Đáp: Văn nầy song song nói hai tạng Đại tiểu của Như lai từ Hoa Nghiêm trở lên đến Linh Sơn về trước gồm hai thừa Đại tiểu tất cả các giáo. Sở dĩ nói cả hai giáo vì thứ nhất nói Tiểu thừa để hồi Tiểu nhập Đại, Bồ-tát độn căn trước không đắc ngộ nay mới lãnh giải; thứ hai là nói Đại thừa lẽ ra khen ngợi Bồ-tát đi thẳng từ Hoa Nghiêm đến nay trước hội Linh Sơn là Đại căn cơ sớm phát, lợi căn sớm ngộ. Đây chính là thường khen ngợi Bồ-tát thông đạt trước mà quở trách Thanh văn ngộ sau, chẳng liên quan với Đại làm phương tiện.

Hỏi: Sao biết như vậy?

Đáp: Dùng hai văn làm chứng: 1) Phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sanh ấy mới thấy thân ta nghe ta nói liền đắc nhập tuệ Như lai, ở đây nói về Bồ-tát thẳng đến trước sớm ngộ tuệ Phật kế là nói trừ trước đã từng tu học Tiểu thừa những người như vậy ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này nhập vào tuệ Phật, đây là nói hồi Tiểu nhập Đại Bồ-tát muộn mới ngộ. 2) Văn kinh này nói về Thanh văn muộn tu tập Đại thừa, muốn nghe Đại thừa, muộn được thọ ký, muộn sanh vui mừng. Đã là giáo chân thật tức Bồ-tát sớm tu tập Đại thừa, sớm nghe Đại thừa, sớm được thọ ký, sớm sanh vui mừng cũng là giáo chân thật. Nếu văn nầy nói Bồ-tát sớm nghe Đại thừa, sớm được thọ ký là phương tiện, thì các Kinh Hoa Nghiêm v.v... đều là phương tiện tức là chê bai pháp rất nặng!

Hỏi: Nếu xưa Đại thừa nói về Bồ-tát thọ ký thành Phật, đã là giáo chân thật, Thanh văn nhờ các Kinh Bát-nhã điều hòa tâm rồi sau mới được ngộ nhập Pháp Hoa, thì biết Bát-nhã là phương tiện Pháp Hoa đâu phải giáo chân thật ư?

Đáp: Bát-nhã hiển giáo Bồ-tát mật hóa Nhị thừa, người Nhị thừa nhờ giáo chân thật của Bồ-tát điều hoà tâm nên được nhập Pháp Hoa, đây chính là nhờ nơi khác trước thông đạt, sau mới được tiến lên, đâu thể nói giáo thông đạt trước gọi là phương tiện ư!

Hỏi: Đại thừa nầy có được gọi là phương tiện hay không?

Đáp: Đạo Kỳ vọng không hề có Đại, Tiểu chỉ vì duyên đến Đại, Tiểu nên trong vô danh tướng mượn danh tướng mà nói, vì thế Đại, Tiểu đều là phương tiện. Chẳng những Đại Tiểu đều là phương tiện mà ba thừa, Nhất thừa cũng đều là phương tiện. Nhưng nay vì Đại Tiểu đối nhau, Tiểu thừa chưa thông rõ gọi là phương tiện, Đại thừa đã thông suốt nên gọi là chân thật.

Văn nầy chia làm hai:

1) Khen ngợi Bồ-tát phước đức lợi căn có bảy thứ sớm, tức nói lên Thanh văn bạc phước, độn căn có bảy thứ muộn.

2) Tổng kết trước nói ý Đại thừa.

1.1 Có Phật tử tâm tịnh: Là khen ngợi đức Bồ-tát hiện tại sớm có khả năng nghe hiểu, thì nói lên Thanh văn muộn có khả năng nghe. Lìa phàm phu Nhị thừa và tâm có sở đắc cho nên gọi là tịnh. Nhu nhuyễn: Có tín tâm vô sở đắc thuận theo Chư Phật không trái với Đại thừa như da trâu ướt mềm dễ uốn cong. Lợi căn tin vì kia có trí tuệ từ đầu đến cuối nói lược năm căn từ đầu đến sau. Lại, pháp Đại thừa như biển cả, Tín thì vào được, trí tuệ năng độ chúng sanh, nên nêu hai thứ này.

1.2. "Vô lượng Chư Phật v.v..." là khen ngợi Bồ-tát sớm tu tập nhân Đại thừa, do gặp Phật đã nhiều tu hành cũng chứa nhóm, thì nói lên Thanh văn tu nhân Đại thừa muộn.

1.3. "Vì các Phật tử này,v.v..." là khen ngợi sớm vì Bồ-tát nói Đại thừa tức nói lên muộn vì Thanh văn nói Đại thừa, "Mà nói Kinh Đại thừa" tức là Pháp Hoa, xưa vì Bồ-tát thẳng đến nói Pháp Hoa rồi, cho nên phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sanh ấy mới thấy thân ta nghe ta nói liền nhập tuệ Phật, tuệ ấy là Pháp Hoa bình đẳng đại tuệ, chỉ xưa gọi Hoa Nghiêm, Bát-nhã! Nay vì người hồi tiểu nhập Đại nên nói Pháp Hoa cho nên biết Đại thừa hiển đạo nghĩa đồng, vì thế nói Bát-nhã là một pháp, Phật nói các thứ tên, tùy năng lực chúng sanh vì đặt các danh tự khác. Luận Trí Độ lại chép: Kinh Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã tức làm chứng rõ ràng.

1.4. "Ta thọ ký cho người dó đời sau thành Phật đạo": Là khen ngợi sớm thọ ký cho Bồ-tát, tức nói lên Thanh văn muộn được thọ ký.

1.5. "Bởi thâm tâm niệm Phật": Là khen ngợi Bồ-tát sớm tu chánh giải nên sớm được Phật thọ ký, thì hiển bày Nhị thừa muộn tu chánh giải cho nên muộn được Phật thọ ký. Bởi thâm tâm niệm Phật là liễu ngộ được thân Như lai vô sanh diệt. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả pháp bất sanh tất cả pháp bất diệt, nếu hiểu được như thế thì Chư Phật thường hiện tiền. Lại Đại Phẩm chép: Vì sao gọi là niệm Phật? Nghĩa là

không nhớ cho nên gọi là niệm Phật, đây là trong ngoài đều sâu duyên quán đều vắng lặng, là niệm Phật chân thật.

1.6. Tu trì tịnh giới: Là khen ngợi Bồ-tát sớm tu chánh hạnh nên sớm được Phật thọ ký. Giữ giới không phạm, lìa phàm phu nhị thừa có sở đắc nên gọi là tịnh giới. Nhưng hạnh giải lại không có hai thể, chỉ một chánh quán nghĩa phân ra, lìa hoặc là giải, lìa lỗi là hạnh.

1.7. "Hạng nầy nghe thành Phật" v.v... trở xuống là khen ngợi Bồ-tát sớm sanh tâm han hỷ, chê trách Thanh văn sau được thọ ký mới vui mừng, lạc của Tam thiền thế gian là lạc khắp thân, cũng là lạc Tiểu thừa, nay nhờ Phật thọ ký liền được sự an vui của Phật, nên gọi là đại hỷ (lạc Đại thừa), ngộ được thân tâm bổn tánh vắng lặng này gọi là thân.

"Phật biết tâm của kia,v.v..." là tổng kết trước nói ý đại giáo: Đức Phật khi mới thành đạo biết Bồ-tát phước đức lợi căn cho nên sớm nói Đại thừa cho nghe.

"Thanh văn hoặc Bồ-tát v.v..." là nói lên ý giáo nay, tụng trên nói chỉ vì một đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở đời, văn xuôi có ba ý:

1) Nói về vì đại sự nên ra đời.

2) Chỉ vì giáo Bồ-tát.

3) Nói cõi Phật mười phương chỉ có một không hai, giải thích thành hai việc trước.

Nay văn chuyển thế tụng cũng chia ba:

1) Nói về chỉ vì giáo một người.

2) Nói lý có một không hai.

3) Biện rõ đại ý Phật ra đời. Sở dĩ trước nói về chỉ giáo một người, vì đối trước hai giáo đều phó hai duyên, nay hai duyên đồng thọ một giáo, trước vì Thanh văn đại căn cơ chưa thuần thục nên nói Tiểu thừa cho họ nghe, Bồ-tát đại căn cơ sớm thuần thục nên nói Đại thừa cho họ nghe, do đó hai giáo đều ứng phó hai duyên. Nay đến hội Linh Sơn Thanh văn Bồ-tát đại căn cơ đều đã thuần thục cho nên hai duyên đồng nghe một giáo và đều thành Phật, vì nhân duyên này cho nên trước nói về chỉ giáo một người. Không nghi: Trước nói Ba thừa tức Thanh văn không tiến đạo Bồ-tát có đường lui sụt, nay nói về có một không ba tức Thanh văn có tiến đạo đường Bồ-tát không lui sụt nên nói không nghi. "Trong cõi Phật lọ phương:" Là nói về đạo lý có một không hai: bởi do đạo lý chỉ có Nhất thừa không có hai thừa cho nên Thanh văn Bồ-tát nghe Pháp Hoa một bài kệ đều thành Phật, tức dùng văn nay giải thích thành ý trên. "Trừ Phật phương tiện nói": Nghi rằng: đã có một không

hai trước vì sao nói có nhị thừa, cho nên giải thích rằng: Trên y cứ lý cho nên không có hai, chỉ trừ phương tiện nói có hai! "Chỉ dùng danh tự giả": Nghi rằng: Đã nghe trừ phương tiện nói có hai, hoặc cho rằng có pháp Nhị thừa thể của nhỏ nhặt vi tế, cho nên giải thích: Rốt ráo không có thể của pháp nhị thừa chỉ dùng danh tự giả thôi! "Dẫn dắt các chúng sanh": Nghi rằng: Đã không có pháp thể sao dụng nói đây là hư danh cho nên giải thích: Vì muốn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa, nhân không danh nầy mà đạt được lợi ích thật sư, nên gọi là khéo léo. Như kinh chép: Khi ta mới thành Phật, dùng Không độ tất cả chúng sanh. "Vì nói trí tuệ Phật": Là nói về đại ý Phật ra đời, do đạo lý có đại không có tiểu, Chư Phật là người thấu đạt lý đó, đạo lý có đại nên chỉ vì đại sự mà ra đời, đạo lý không có Tiểu nên không vì Tiểu mà ra đời vì vậy nên kế đạo lý trước mà sau nói về đại ý ra đời.

Văn nầy chia làm hai:

1) Nói về Chư Phật chỉ vì một đại sự mà ra đời, không vì tiểu sự.

2) Dẫn chứng giải thích thành.

Văn đầu chia làm hai:

1) Khai hai chương môn.

2) Giải thích hai chương môn:

a) Một bài kệ nói chỉ vì một đại sự mà ra đời.

b) Kế nửa bài không vì tiểu sự mà ra đời. Nửa trên bài kệ đầu nói về vì đại sự nên Phật ra đời, nửa bài dưới nêu chân ngụy giải thích thành. "Chỉ một việc này thật, hai thứ chẳng phải chân". Vì thế Chư Phật chỉ vì một việc nên ra đời.

Hỏi: Trên nói không hai không ba, nay vì sao lại nói hai chẳng chân thật ư?

Đáp: Trước nói về không hai nghĩa là không Duyên giác, không ba là không Thanh văn, tức là văn nay nói hai chẳng chân thật, chỉ trên nói về kia đều không, nay nói về phương tiện nói có, nhưng chẳng chân thật có. "Chẳng hề đem Tiểu thừa" v.v... nửa bài kệ dưới này nói không vì tiểu sự mà ra đời cũng là chỉ một sự thật nầy. Trên giải thích vì đại sự cho nên ra đời còn, hai thứ khác chẳng chân thật, nên "Không hề đem Tiểu thừa, mà cứu giúp chúng sanh.

"Phật tự trú Đại thừa v.v..." Giải thích hai chương môn: một hàng đầu giải thích Phật vì đại sự mà ra đời, vì Phật tự trụ Đại thừa, lại dùng pháp mà Phật đắc để độ chúng sanh.

Hỏi: Định tuệ là Đại thừa, vì sao nói trang nghiêm Đại thừa ư?

Đáp: một lặng một chiếu, dùng riêng trang nghiêm chung, cũng

dùng pháp trang nghiêm người, mà nói lực ấy do năng độ vật nên gọi là lực. Lại chỉ nói về định tuệ tức hệ lụy chẳng có gì không vắng lặng là định, đức chẳng có gì không tròn đầy là tuệ, lại chẳng có hệ lụy nào không vắng lặng làm tuệ là quả Niết-bàn, quả cảnh chẳng nơi nào không chiếu là quả Bồ-đề, hai thứ này nhiếp chung quả thừa cho nên nói.

"Tự chứng đạo vô thượng v.v..." là giải thích trên không vì tiểu sự nên ra đời: Nếu tự trú pháp Đại thừa bình đẳng dùng Tiểu thừa độ chúng sinh thì có hai lỗi:

1) Trái với Đại thừa bình đẳng.

2) Rơi vào lỗi san tham.

Tự tham Đại không cho vật nên gọi là san tham.

1) Lý không thể bình đẳng.

2) Tâm không sánh Chư Phật cho nên nói là việc ấy không được.

Kế "Nếu người tin về Phật v.v..." là chứng thành trên vì Đại không vì tiểu, cho nên ra đời gồm có ba dẫn chứng:

l) Dẫn tha làm chứng.

2) Dẫn tự làm chứng.

3) Dẫn xưa làm chứng.

Dẫn tha chứng: Nghĩa là người tín tâm quy y Phật biết lời Phật dạy không dối. Nếu tự trú nơi pháp chân thật mà dùng ngụy thừa dối ban cho chúng sinh thì gọi là dối, dùng lời này dẫn dắt người khác gọi là gạt, Đức Phật tự trụ thừa chân thật lại ban cho chúng sanh nên không dối gạt. "Cũng không lòng tham ganh: "Sở dĩ bên ngoài nói dối gạt bởi do trong tâm tham ganh, tự tham chân thừa ganh ghét chúng sanh nên cho rằng pháp ngụy vì thế là dối gạt. Đức Phật không tham ganh nên không dối gạt. "Dứt ác trong các pháp": chẳng những không có tham ganh mà còn dứt tất cả ác trong các pháp, do trong tâm có ác nên xúc xứ sanh sợ, Đức Phật không có các ác nên xúc xứ khắp mười phương mà không sợ hãi.

"Ta dùng tướng trang nghiêm v.v..." trở xuống là dẫn tự làm chứng, gồm có bốn câu:

l) Do ta có thân tướng tốt đây, thì biết trong không tham ganh ngoài không dối gạt.

2) Ta còn dùng thân chiếu sáng thế gian thì biết thân lợi ích đối với vật cho nên trong không tham ganh ngoài không dối gạt.

3) Nói vì vô lượng chúng tôn trọng kính ngưỡng cho nên chẳng phải người tham ganh dối gạt.

4) Nói vì người nói thật tướng ấn định các pháp thì biết tự trú Đại thừa cũng muốn người khác trú Đại thừa. Lại trước kệ nói Chư Phật không có tâm ác, kệ đây nói Phật có thiện tâm, đều là giải thích thành Phật tự trú Đại thừa cùng ban Đại thừa cho chúng sanh.

Xá-lợi-phất nên biết,v.v... là thứ ba dẫn thệ nguyện thuở xưa của Phật. Đầu kệ dẫn nguyện trước của Đức Phật kệ thứ hai nguyện thuở xưa đã mãn. Nói về sơ phát tâm còn nguyện khiến tất cả mọi người đều thành Phật huống chi nay thành Phật mà tự trụ Đại thừa ban Tiểu thừa cho chúng sanh ư!

Hỏi: Như lai mới phát tâm còn nguyện cho tất cả chúng sanh thành Phật, nay vẫn chưa thành Phật vì sao gọi là nguyện đã mãn?

Đáp: trong hội Linh Sơn Bồ-tát bỏ Tiểu về Đại đồng nhập Nhất thừa, từ đó về trước khiến Bồ-tát thọ ký thành Phật, một kỳ ra đời chỉ hai người này đều khiến thành Phật, thì đó là một kỳ nguyện mãn. Như trên dẫn Phẩm Dũng Xuất làm chứng. Chánh ý: Trước Pháp Hoa chỉ được vì một người nói Phật thừa là nguyện Phật chưa mãn, nay đều vì năm thừa sáu đường chúng sanh đều khiến thành Phật, cho nên nguyện Phật mãn. Lại vì người nói Nhất thừa tức là hợp ý Phật cũng gọi là mãn.

"Nếu ta gặp chúng sanh v.v..." là phần giải thích nghi. Văn nầy có hai ý nói gần và xa. Nói xa: Trên một chương đều nói về sở nói các giáo là tiêu biểu Nhất thừa khiến chúng sanh đều thành Phật, nếu vậy vì sao đức Như lai không vì tất cả mọi người đều nói Nhất thừa ư? Nói gần: Từ trên bổn thê nguyện sanh, trước đã phát nguyện khiến tất cả chúng sanh đều thành Phật, nay mãn bổn nguyện, khi mới ra đời vì sao nói ba mà không nói ngay một, nay mới nói một? Vì giải thích ý nầy cho nên có chương này.

Văn có bốn:

1) Nói không được đều vì tất cả nói Nhất thừa.

2) Giải thích lý do không thể nói Nhất thừa.

3) Nói đã không được nói Nhất thừa nên phương tiện nói Ba thừa.

4) Nói tuy là nói Ba thừa mà cuối cùng chỉ hiển bày Nhất thừa. "Nếu ta gặp chúng sanh, dùng Phật đạo dạy cả".

Nửa bài kệ trên là tự vấn giả sử gặp chúng sanh liền nói Nhất thừa, nửa bài dưới nói có tổn hại, không lợi ích, gồm có ba lỗi:

1) Căn cơ Tiểu, giáo hóa Đại có lỗi làm rối loạn.

2) Độn căn mê giáo hoặc lý.

3) Không tin, có lỗi chê bai.

"Ta biết chúng sanh này v.v..." là giải thích lý do không được nói một (nhất thừa), không được nói một gồm có hai nghĩa:

1) Biết chúng sanh không có gốc thiện.

2) Biết chúng sanh có các căn ác, dùng hai nghĩa giải thích ba lỗi trên như: "Kẻ vô trí rối sai v.v..." không có gốc thiện: Là không hề tu hành không có thiện sở đắc là gốc của Bồ-đề, cho nên chúng sanh nầy không tin hiểu Nhất thừa.

"Chấp chặt năm dục": Là nói chúng sanh có căn ác y cứ văn có hai:

1) Nói có ái ác.

2) Nói có kiến ác, sở dĩ chỉ nêu có ái kiến ấy vì hai thứ nầy nhiếp hất tất cả phiền não.

Lại người tại gia thường khởi ái, người xuất gia ngoại đạo thường khởi các kiến. Lại các ma ưa sanh tử nên khởi ái, ngoại đạo chấp các kiến nên khởi kiến. Lại ái là hành phiền não xưa, kiến là hoặc mới khởi, tất cả chúng sanh tuy đều thành tựu ái kiến trong ba cõi, mà ái thường hiện hành, nếu gặp thầy tà thì mới khởi kiến. Lại ái phiền não gọi là một lỗi, các ngoại đạo,v.v... do có ái hoặc mà ở trong đó lại khởi kiến đó gọi là trong lỗi lại sanh lỗi, vì nhân duyên nầy nên nói ái kiến.

Căn cứ vào ái chia làm hai chương: Nhân ái và quả ái. Chấp chặt năm dục là nơi khởi ái nơi sanh ra các sự ái. Si ái nên sanh não, sở dĩ ái năm dục, do si nên khởi ái. Như Kinh Niết-bàn chép: Vì lừa dối nên sanh tham. Tịnh Danh chép: Từ si có ái thì bệnh ta sanh. Não: Là từ nhân ái sanh nên hiện khổ não, như nói do nhân duyên ái nên thân tâm khổ não hoặc tự phiền não làm người phiền não, cho nên si là nhân của ái, não là quả của ái. "Do nhân duyên các dục". Ở trên nói sanh não gọi là hiện báo, từ đây trở xuống là nói sanh báo, hậu báo. Văn chia làm hai:

1) Báo chung.

2) Báo riêng.

Nửa bài kệ đầu nêu đắc sanh báo, nửa bài kệ sau nói về hậu báo. Đã nói luân hồi thì báo ở ba đường liên tục. Thân mọn thọ bào thai: Là báo riêng: thọ báo gọi là nhân báo. Sở dĩ chỉ nêu nhân báo ấy là Đức Phật hiện sanh trong loài người thường giáo hóa người. Nhân báo có đủ tám khổ: Nửa bài kệ trên lược nói khổ sanh đứng đầu tám khổ, nửa bài kệ dưới nói chung các khổ. "Đời đời thường thêm lớn": Là luận kỹ về thời phần trong thai khác nhau gọi là đời đời thêm lớn. Lại đại hạn là một đời, đời đời thường như thế, tức từ đời nay đến đời sau là nghĩa

thêm lớn.

Hỏi: Chúng sanh gá thai vì sao có nam nữ khác nhau ư?

Đáp: Tinh Cha nhiều tinh mẹ ít thì thành nam, tinh mẹ nhiều tinh cha ít thì thành nữ, tinh cha mẹ bằng nhau thì thành huỳnh môn hai căn.

"Vào rừng rậm tà kiến v.v..." là nói về khởi kiến. Văn có hai:

1) Nói về nhân kiến.

2) Nói về quả kiến.

Vào rừng rậm tà kiến, trong đây có một kiến, hai kiến cho đến sáu mươi hai kiến. Nói một kiến: Là tổng gọi các kiến ngoại đạo là một tà kiến, tà kiến rất nhiều dụ cho rừng rậm. Hoặc chấp có chấp không,v.v... đây nói về hai kiến. Luận Trí Độ chép: Người ái nhiều chấp có cho nên hữu kiến. Người kiến nhiều chấp không nên khởi vô kiến. Lại nói bốn kiến thường chấp có, tà kiến thường chấp không. Y chỉ các kiến nầy nên có sáu mươi hai kiến: Đại Phẩm dụ như ngã kiến thu nhiếp sáu mươi hai kiến thì ngã kiến là gốc của sáu mươi hai kiến. Đại Phẩm lại chép: một và khác làm gốc, kinh này lấy hữu vô làm gốc, ba thứ này không trái nhau, do chấp hữu ngã nên sanh các kiến thì ngã là gốc rễ, do hữu ngã cho nên chấp ngã và ấm là một, ngã và ấm là khác, cho nên dùng một và khác là gốc. Ngã và ấm là một thì ấm diệt ngã diệt, liền khởi đoạn kiến, ngã khác ấm thì ấm diệt ngã còn cho nên khởi thường kiến; Đoạn, thường tức là có, không. Cho nên dùng có không làm gốc, có không gọi là biên kiến, là gốc của sáu mươi hai kiến, ngã là gốc của biên kiến. sáu mươi hai kiến: Phẩm Phật Mẫu Trong kinh Đại Phẩm khai mười bốn nạn làm sáu mươi hai kiến. Mười bốn nạn là: Thần và thế gian thường vô thường v.v... có bốn, thần và thế gian biên vô biên, tử hậu như khứ bất như khứ v.v... có bốn, hiệp làm mười hai và thân cùng thần một, thân và thần khác, hiệp là mười bốn. Thường vô thường căn cứ trong năm ấm, một ấm đầy đủ bốn câu thường vô thường cho nên thành hai mươi, như khứ bất như khứ cũng thành hai mươi, hiệp làm sáu mươi, một, khác là gốc cọng thành sáu mươi hai.

Lại nữa giải thích tức sắc là ngã, lìa sắc hữu ngã, ngã trụ trong sắc, sắc trụ trong ngã, một ấm có bốn, năm ấm có hai mươi, ước đến ba đời tành sáu mươi, đoạn thường làm gốc, cộng thành sáu mươi hai, mười sáu là ấm, bốn mươi sáu là lìa ấm. Lại giải thích trên một ấm chấp có không hai thứ, năm ấm liền thành mười kiến, ba đời liền thành ba mươi, năm ấm phàm phu có ba mươi kiến, hiệp thành sáu mươi. Niết-bàn chẳng nhiếp ba đời, chỉ chấp Niết-bàn có không là hai hiệp thành

sáu mươi hai.

Hỏi: năm kiến có nhiếp sáu mươi hai kiến không?

Đáp: Ngã kiến là gốc của sáu mươi hai kiến, tà kiến bác bỏ không mà sáu mươi hai kiến chấp có cho nên không thu nhiếp tà kiến, kiến thủ dùng sáu mươi hai kiến làm bậc nhất, giới thủ gọi sáu mươi hai kiến là đạo thì bốn kiến chẳng thuộc về sáu mươi hai kiến, mà sáu mươi hai kiến thuộc biên kiến.

“Chấp chặt pháp luống dối”: Trước nói từ ái khởi kiến, nay từ kiến lại sanh ái, pháp luống dối nghĩa là các kiến, chấp chặt kiến nầy nên gọi là ái. Lại khi Đức Phật mới ra đời không thể đoạn ngay kiến nầy để nói Nhất thừa nên gọi là chấp chặt. Lại đã do kiến nầy cho là tốt vì thế trên kiến lại sanh kiến gọi là kiến thủ kiến. “Ngã mạn tự khoe mình”: Là ỷ lại các kiến nầy đề cao bản ngã tự cao, tức các ngoại đạo khi Đức Phật mới ra đời không thọ đạo Nhất thừa. “Dua nịnh lòng không thật”: Trên từ chánh sử sanh chánh sử, nay từ chánh sử sanh triền cấu. Xiểm tức là một trong sáu cấu, tâm tạp loạn gọi là từ kiến sanh xiểm cấu, vì khởi kiến phải là người lợi căn mới có thể xiểm khúc. Người độn căn thì không thể. Trên là nói ngã mạn không thọ sự giáo hóa của Phật, nay nêu môn đồ khác xiểm khúc giáo hóa.

“Trong ngàn muôn ức kiếp”: Là nói kiến chấp quả sở đắc, lấy ái làm gốc của sự thọ sanh cho nên dưới chiêu cảm sáu đường, kiến trái với chánh lý nên trên cách với ba tôn (ba bảo), do đó hai văn nói về quả ái, kiến khác nhau. Người như thế khó độ: Đây là tổng kết ái kiến của chúng sanh khó có thể dùng pháp Nhất thừa độ.

Hỏi: Ở đây là trình bày ái kiến chúng sanh ái kiến nầy từ đâu có?

Đáp: Khi Phật mới ra đời thì chúng sanh đã có ái kiến cho nên không thể nói Nhất thừa.

“Cho nên Xá-lợi-phất v.v...” là nói không được nói Nhất thừa nên phương tiện Ba thừa. “Nói các đạo dứt khổ” gọi là đạo đế, “chỉ cho đó Niết-bàn” tức diệt đế, nói lược nhân quả ra đời.

Hỏi: Trên nói chúng sanh khởi tà kiến ngàn muôn kiếp không nghe danh tự Phật cũng không nghe chánh pháp, nay vì sao lại được nói Niết-bàn ư?

Đáp: Trụ trong tà kiến nầy thì không được nghe, nhưng tà kiến nầy chúng sanh quá khứ đã từng tu tập Tiểu thừa có căn tánh nhỏ mà giữa đường khởi tà kiến, vì tiểu căn cơ sắp phát sanh tà kiến, chánh đã đổ nên vì họ nói Tiểu giáo.

"Ta tuy nói niết bàn v.v..." là nói tuy là nói ba cuối cùng chỉ hiển một. Nửa bài kệ đầu là mở cửa phương tiện cho nên nói chẳng chân thật diệt. "Các pháp từ xưa nay": có nói: Niết-bàn có ba thứ: Sơ giáo dùng khôi đoạn vô vi làm vắng lặng, Bát-nhã giáo lấy tứ đế bình đẳng làm vắng lặng, Kinh nay nói về đảo châu báu ngoài thế tục Niết-bàn làm vắng lặng. Nay là lúc nói nhân chưa được nói đảo châu báu diệt, hơn nữa dùng Kinh Đại Phẩm diệt để bác bỏ việc đoạn vô vi kia. Có người chép: Pháp muôn thiện xưa nay vắng lặng không có tướng Ba thừa cho nên nói vắng lặng. Nay nói hai thứ nầy đều chẳng giải thích. Nay văn chính là phân biệt hai thứ Niết-bàn Đại tiểu, Tiểu thừa diệt, chẳng phải chân diệt, đại Niết-bàn diệt mới là chân diệt, vì sao? Vì Tiểu thừa trước có hai lỗi nhân quả, cho nên diệt để đắc vô vi thì đó là hai kiến thường đoạn. Đại Phẩm chép: Nếu pháp trước có nay không thì Chư Phật Bồ-tát có tội lỗi, nay đối Tiểu thừa chẳng phải chân diệt cho nên nói về nhân quả hai lỗi xưa nay vắng lặng thì đó là Đại Niết-bàn diệt.

Hỏi: Nay nói Nhất thừa vì sao lại nói hai thứ Niết-bàn Đại tiểu khác nhau ư?

Đáp: Bởi quả nay khác với quả xưa cho nên được nhân nay khác với nhân xưa. Lại trước nói Tiểu thừa diệt chẳng phải chân diệt, nay Đại thừa chân diệt mới được khuyên xả tiểu diệt để cầu Đại diệt, vì chính là đại tông của Nhất thừa.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn Đại Tiểu có mấy thứ khác nhau?

Đáp: Kinh này từ đầu đến cuối có ba thứ khác nhau.

1) Tiểu thừa diệt hẹp chỉ diệt Bốn trụ và phần đoạn sanh tử, Đại thừa đều diệt năm trụ và hai loại tử, Kinh này hiện diệt ở cuối phẩm Thí Dụ cho nên chép: Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, kia thật chưa đắc tất cả giải thoát.

2) Tiểu thừa trước có phiền não và dùng thân trí nhưng sau diệt cho nên chẳng phải xưa nay vắng lặng, Đại thừa nói về phiền não và do thân trí bản tánh vắng lặng không còn diệt nữa. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Như pháp trước có, sau không thì Chư Phật, Bồ-tát có tội lỗi, Nhị thừa trước có nay không, thì Chư Phật, Bồ-tát là người tội lỗi, Kinh Niết-bàn chép: Nếu vì Thanh văn nói không bố thí thì gọi là phá giới tà kiến tức đây là bằng chứng.

3) Nhị thừa chỉ thấy không chẳng thấy bất không, tức chỉ thấy diệt chẳng thấy bất diệt, Đại thừa nói không và bất không thì đó là đầy đủ kiến đối với diệt và bất diệt. Vì thế phẩm Thí Dụ chép: Đều đem pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ thì đó là nghĩa diệt. Lại

nói cùng với thiền định trí tuệ của Chư Phật là nghĩa bất diệt. Cho nên luận Pháp Hoa chép: Chánh dùng Đại Niết-bàn làm Nhất thừa.

Hỏi: Các Kinh Đại Phẩm đã nói xưa nay vắng lặng, vì sao Thanh văn không được ngộ ư?

Đáp: Đại Phẩm tuy nói về xưa nay vắng lặng nhưng chưa nghe Tiểu thừa diệt chẳng chân diệt vì vậy Thanh văn không đắc ngộ. Nay nói về Tiểu thừa diệt chẳng phải chân diệt thì mở cửa phương tiện tướng xưa nay vắng lặng gọi là nghĩa hiển chân thật, cho nên Thanh văn mới đắc ngộ.

"Ta có năng lực phương tiện" v.v... là khuyên tin. Đầu kệ lặp lại pháp để tin, bài kệ thứ hai chính là nói khuyên tín. Nửa bài trên nương đức Thích-ca để nói về quyền, nửa bài kệ dưới căn cứ Chư Phật để nói lên Nhất thừa. "Nay trong đại chúng đây v.v..." là khuyên dứt trừ nghi. "Lời Phật nói không khác v.v..." là khuyên tin lời Phật dạy.

"Quá khứ vô số kiếp": Là dẫn chứng: tụng Chư Phật ba đời chia làm ba đoạn: Trong văn xuôi nói mỗi Đức Phật đều có ba môn:

1) Hóa chủ.

2) Giáo môn.

3) Đồ chúng.

Nay lại tụng ba môn này. Nửa bài trên nêu nhiều kiếp nhiều Đức Phật, bởi do một kiếp một Đức Phật chưa đủ làm chứng, cho nên nêu nhiều kiếp nhiều Đức Phật để chúng sanh sanh tín tâm. Nửa bài kệ dưới nói về nghi thức giáo hóa của Chư Phật khác nhau mà đồng nói đạo Nhất thừa. "Các Thế tôn như thế v.v..." là tụng về giáo môn, trong văn xuôi lược chỉ có một châu nói về giáo môn, nay kệ tụng chia rộng làm hai châu:

1) Căn cứ môn thuyết pháp nói về ý giáo.

2) Căn cứ môn thần thông nói về ý giáo, hai môn mỗi mỗi đều có ba: ba môn đầu: một bài kệ nói về nói giáo. Nửa bài kệ nói về giáo ý. Nửa bài kệ nói về duyên lợi ích. Ba môn kế: Lại các đại Thánh chúa,v. v... nửa bài căn cứ môn thần thông nói về ý giáo, cũng có ba nghĩa: một bài nói biết căn cơ, một câu hiện thần thông, một câu nói về ý hiện thần thông. "Lại dùng phương tiện khác", Có người nói trên nói về Ba thừa phương tiện nay nói về thừa trời người khác Ba thừa trên nên gọi là phương tiện khác. Có người chép: ở trên nói về Tiểu thừa phương tiện, nay nói về Đại thừa khác Tiểu thừa trên cho nên nói phương tiện khác. Nay nói không đúng. Văn trước nói về nói pháp là phương tiện, nay văn không nói pháp chính là nói thần thông, thần thông khác trên nói

pháp gọi là phương tiện khác. Vì nói pháp và hiện thần thông là lược thu nhiếp hết quá khứ giáo môn của Chư Phật, nói thẳng hoặc nói pháp hoặc hiện thần thông đều là hiển Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao hiện thần thông ư?

Đáp: Như trước diệt lửa hàng phục rồng khiến trừ tâm say của ngoại đạo, nay phát ra ánh sáng hiện tướng lành khiến bên trong đặc biệt phát tâm xin. Cho nên Phẩm Tựa chép: Tướng nay như điềm xưa là phương tiện của Phật, nay Phật phát ra ánh sáng giúp phát nghĩa thật tướng tức ý văn nầy.

Hỏi: Trước nói về nói pháp hương tiện cùng thần thông phương tiện có gì khác nhau?

Đáp: Nay văn hiện thần thông do khai phát chính là nói dần dần nên gọi là phương tiện, trước khai môn thuyết pháp dùng không ba nói ba cho nên gọi là phương tiện

Bậc nhất nghĩa là đạo nhất thật, lý tột cùng chẳng gì hơn gọi là bậc nhất, sâu xa nên gọi là nghĩa.

3) "Nếu có loại chúng sanh v.v..." là tụng văn xuôi đồ chúng lãnh thọ giáo.

Văn lại có ba:

1) Nói gặp Chư Phật quá khứ hiện tại tu hành được lợi ích.

2) Nói Chư Phật quá khứ diệt độ rồi tu hành được lợi ích.

3) Nói hai đời tu hành lợi ích. Giáo môn không goài hai thứ nói pháp hiện thần thông, tu hành không vượt quá ba thời khác nhau, ý đây muốn thu nhiếp hết các việc năng hóa sở hóa đời quá khứ.

Trong văn xuôi ban đầu nói nghe pháp cuối cùng đắc chủng trí, nay đây kệ tụng trước nói tu hành đến cuối cùng đều thành Phật, ban đầu thì gọi là hành sáu độ, vì sáu độ là gốc thành Phật cho nên ban đầu nói. "Các thứ tu phước tuệ" là hạnh bốn thừa. "Chư Phật diệt độ rồi v.v..." là nói về sau Phật diệt độ tu hành thành Phật. Văn chia làm năm:

1) Thấy Phật Niết-bàn khởi tâm luyến mến nên được thành Phật.

2) Cúng dường Xá-lợi.

3) Xây tháp.

4) Tạo dựng tượng.

5) Nói ba nghiệp cúng dường nên được thành Phật. Năm thứ này thì thành thứ lớp ban đầu thấy Phật Niết-bàn tâm sanh kính tiếc, Niết-bàn rồi sau là cúng dường Xá-lợi, cúng dường rồi lại muốn xây tháp, muốn làm cho đời sau tôn quí cho nên tạo tượng, tạo tượng rồi kế là nói

ba nghiệp cúng dường. "Nếu người tâm lành diệu": Nghĩa là tâm kính tiếc đó lại là tín tâm, thuận theo Chư Phật không trái giáo môn nên gọi là lành diệu. "Chư Phật diệt độ rồi" là nói cúng dường Xá-lợi. "xây muôn ức thứ tháp": Là nói việc xây tháp. Tiếng Phạm là Tháp bà hoặc là Thâu-bà hoặc gọi Đẩu-bà, Hán dịch là Phương phần cũng gọi là Mả. Tăng Nhất A-hàm chép: Có bốn việc được phước phạm:

1) Không có tháp xây tháp.

2) Hoà hiệp Thánh chúng.

3) Tu bổ sửa chùa hư hỏng.

4) Phật khi mới thành đạo xin xoay bánh xe pháp.

Phước Phạm: Chúng sanh trong bốn thiên hạ cho đến sáu tầng trời cõi Dục không một phước nào bằng Phạm thiên. Miếu là mạo, cung dường chùa tháp đối như thần hiện hữu có hình dáng tướng mạo. Mộc mật (gỗ mật): Hình dáng tợ bạch đàn mà có mùi thơm chỉ thấy ở Trường An. "Nếu như người vì Phật v.v..." là nói về tạo tượng. Kinh Ưu Bà Tắc rằng: Không cho dùng keo làm bằng da súc vật, được dùng keo gỗ. Có giải thích rằng: Không có giải thích chép: Khai giá có ý khác. "Nếu người nơi tháp miếu v.v..." là nêu ba nghiệp cúng dường.

"Nơi Chư Phật quá khứ,v.v..." là hiệp nói về hai đời tu hành thành Phật. "Có người nghe pháp này" là nghe trên nói pháp đều được thành Phật.

Hỏi: Cúi đầu đưa tay việc thiện này làm sao thành Phật?

Đáp: Thuở xưa, ngài Trúc Đạo Sanh soạn Luận Thiện Bất Thọ Báo, nói một mảy may điều thiện đều được thành Phật không thọ báo sanh tử, nay thấy Kinh Anh Lạc cũng có ý đây.

Sư luận Thành Thật: Nhất niệm thiện có hai nhân tập và báo, báo nhân thì chiêu cảm trời người, tập nhân thì dẫn dắt tánh tướng chúng sanh thành Phật. Nay nói nghĩa nầy đều thành khó hiểu. Kinh nói thiện có sở đắc bất động bất xuất, phàm phu tập nhân thiện đã có sở đắc làm sao được thành Phật ư! Dùng lời nói đây trở lại vặn hỏi Sanh Pháp Sư. Nay nói về nhân thiện có thọ báo và không thọ báo, thiện có sở đắc thọ báo có sở đắc, thiện không có sở đắc thọ báo không có sở đắc, gọi là nghĩa thọ báo. Thiện có sở đắc không thọ báo có sở đắc, thiện không sở đắc không thọ báo có sở đắc, gọi 1à nghĩa không thọ báo. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Thiện có sở đắc bất động bất xuất, thiện không sở đắc năng động năng xuất tức là chứng.

Hỏi: Gốc lành trời người đã là có sở đắc, vì sao kinh này nói đều thành Phật ư?

Đáp: Gốc lành trời người bởi là duyên xa thành Phật, cho lên nói thành Phật. Kinh Đại Phẩm nói về duyên gần không chọn duyên xa, cho nên nói thiện không sở đắc năng động năng xuất, thiện có sở đắc bất động bất xuất, Kinh này gần xa đều nói chung nên đều nói thành Phật.

Hỏi: Gốc lành trời người vì sao là duyên xa thành Phật?

Đáp: Gốc lành trời người có hai thứ:

1) Tập nhân.

2) Báo nhân.

Báo nhân thì cảm thân trời người, do có tập nhân gặp Phật, Bồ-tát nghe nói Đại thừa sanh một niệm tin vô sở đắc, tin này là hạt giống Phật đạo, nhờ trước có sở đắc sanh sau không có sở đắc vì thế luận Trí Độ chép: Có sở đắc là môn đầu của vô sở đắc nên gọi là duyên xa.

Hỏi: Tập nhân, Báo do nầy giải thích có gì khác với Thành luận?

Đáp: Luận nói về một niệm thiện đầy đủ hai nhân, nay nói về thiện có sở đắc thiện trước sau nương nhau sanh, tự chính nó là nghĩa tập nhân, cảm báo là nghĩa báo nhân, tập, báo nầy đều không thành Phật.

Cho nên luận Pháp Hoa giải thích: Đồng tử nhóm đất thành tháp Phật đều đã thành Phật đạo, tức phải phát tâm Bồ-đề mới được thành Phật, chẳng nói gốc lành của phàm phu và quyết định gốc lành của Thanh văn được thành Phật. Trung luận chép: Tuy là ân cần tinh tấn tu hành đạo Bồ-đề nếu trước chẳng có Phật tánh thì không bao giờ thành Phật.

Hỏi: Đã là gốc lành có sở đắc làm sao năng sanh vô sở đắc ư?

Đáp: Có sở đắc nếu tánh quyết định thì không thể năng sanh vô sở đắc, bởi các pháp không có tánh quyết định, gặp Phật Bồ-tát ngộ có sở đắc này vốn vô sở hữu liền sanh vô sở đắc.

Hỏi: Vô sở đắc có hai nhân tập, báo hay không?

Đáp: Cũng có hai nhân, tập vô sở đắc sanh vô sở đắc tức là tập nhân hành nhân vô sở đắc cảm báo vô sở đắc gọi là báo nhân. Vì thế kinh Đại Phẩm chép: Báo đắc Vô sanh pháp nhẫn, báo đắc sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao nói đều đã thành Phật đạo ư?

Đáp: Đức Phật quán chiếu thấy chúng sanh quá khứ tu hành gốc lành đã được thành Phật.

Hỏi: Nay nói về ý giáo hóa của Phật, quá khứ, cùng kệ trước nói Đức Thích-ca tự khai tông biện luận giáo ý có gì khác nhau?

Đáp: Trên chính là nói về chúng sanh Nhị thừa đều được thành

Phật, nay nói chung chúng sanh năm thừa đều thành Phật. Để phá trước nói hành nhân năm thừa mà đắc quả Năm thừa, cho nên nay nói về nhân không khác cảm quả không khác, cho nên đều thành Phật. Sở dĩ trước nói về Nhị thừa thành Phật sau nói về Năm thừa thành Phật là gồm có hai nghĩa:

1) Giáo đây chính sanh khởi vì người Nhị thừa và trời người cho nên nêu trước.

2) Nêu thừa trời người phá Nhị thừa chấp chặt.

Đức Phật chép: Ta dùng mắt Phật thấy quá khứ trời người nhất niệm gốc lành còn đều đã thành Phật, vì thế biết không có khôi thân diệt trí đồng với thái hư rốt ráo mãi mãi trụ trong Nhị thừa mà không thành Phật.

Chư Phật đời vị lai: Tụng trên Chư Phật đời vị lai, căn cứ văn có hai châu:

1) Lược tụng ba việc trên.

2) Giải thích rộng giáo ý của Chư Phật đời vị lai. Hai môn mỗi môn lược có ba.

Ba môn đầu: Nửa bài tụng hóa chủ. Một bài rưỡi tụng giáo ý. Nửa bài tụng bẩm thọ giáo được lợi ích. "Chư Phật vốn thệ nguyện": Là rộng tụng giáo ý của Chư Phật đời vị lai cũng khai ba môn:

1) Một bài nói bổn nguyện, nguyên nói về Nhất thừa.

2) một bài biện nói pháp, nói về Nhất thừa.

3) Hai bài căn cứ Phật sở chứng, nói về Nhất thừa. Hai bài kệ đầu như văn. "Chư Phật lưỡng túc tôn": Nêu để chứng minh Nhất thừa. Trên nói Phật quá khứ đều nói chung tất cả thiện có sở đắc, và không có sở đắc đều sẽ thành Phật. Nay văn chỉ nêu vô sở đắc thiện căn bản mới được thành Phật thì giải thích thành nghĩa trên. Lưỡng túc tôn: Hoặc dùng giới định làm nhị túc, quyền thật làm nhị túc, hoặc dùng phước tuệ làm nhị túc, hoặc dùng giải hành làm nhị túc, đây đều là nhị túc đức bên trong, ngoại hình dùng trời người làm nhị túc, Phật là bậc tôn quí nhị túc của hàng trời người. "Biết pháp thường không tánh": Là biết tất cả pháp không có tự tánh, mà nói thường chẳng phải là phá tánh cho nên nói không tánh, tánh vốn thường không có cho nên nói thường không tánh. "Giống Phật theo duyên khởi": Hạt giống có ba:

1) Dùng giáo Nhất thừa làm hạt giống, phẩm Thí Dụ chép: Đoạn hạt giống Phật thì đó là phá giáo.

2) Dùng tâm Bồ-đề làm hạt giống. Kinh Hoa Nghiêm chép: Hạt giống Phật ở ruộng chúng sanh phát sanh, mầm chánh giác.

3) Lấy Như lai tạng Phật tánh làm hạt giống.

Nay kệ đầu chính dùng tâm Bồ-đề làm hạt giống, ở trên nói về không tánh, nay nói nhân duyên, giống Phật: Tức là tâm Bồ-đề vô sở đắc làm hạt giống Phật, tâm Bồ-đề đây nhờ duyên mà sanh khởi thì phát, cho nên nói Nhất thừa là do tâm Bồ-đề mượn duyên mà khởi. Cho nên Phật nói cho họ nghe Nhất thừa khiến phát tâm Bồ-đề, Nhất thừa giáo tức là duyên phát tâm Bồ-đề. Lại nói chỉ có Nhất thừa không có Nhị thừa thì tâm Bồ-đề chỉ có tiến không có lùi. "Pháp đó trụ ngôi pháp": Trên nêu tâm Bồ-đề làm hạt giống, nay nêu bổn có Phật tánh lấy làm hạt giống Phật, nếu không có Phật tánh thì tuy nói Nhất thừa giáo và phát tâm Bồ-đề mà cuối cùng cũng không được thành Phật vì vậy nên phải nói Phật tánh. Gồm có ba ý: Nửa bài kệ đầu chính trình bày Phật tánh tức pháp ấy trụ ngôi pháp là tên khác của Phật tánh cũng là tên riêng của Nhất thừa. Tướng thế gian thường trụ: Chúng sanh thế gian vốn có Phật tánh cho nên Phật tánh thường trú Phẩm Tuổi thọ chép: Như lai thấy biết như thật tướng ba cõi, không có sanh tử cho đến chẳng phải thật chẳng phải hư tức 1à Như lai tạng pháp thân thường trú. "Kế đạo tràng biết rồi": Là ý thứ hai: Nói biết Phật tánh, nghĩa là khi ngồi đạo tràng mới thấy Phật tánh. Kế "Đạo Sư phương tiện nói": Là ý thứ ba nói về Phật tánh. Nhưng Phật tánh dứt bốn câu siêu trăm phi thật không thể nói, chỉ trong vô danh tướng vì chúng sanh có nên mượn danh tướng nói vì thế gọi là phương tiện. Đây khác với Ba thừa phương tiện trên, cũng khác với thần thông phương tiện cho nên Kinh này nói có nhiều thứ phương tiện.

"Của Trời người cúng dường": Là tụng Phật hiện tại, gồm có hai châu: một bài rưỡi lược tụng ba việc trên, một bài tụng nói về hóa chủ, một câu tụng nói về sở hóa, một câu tụng nói về giáo môn. "Biết vắng lặng bậc nhất": trở xuống ba bài kệ rộng tụng ba việc trên: một bài nói về ba thứ pháp luân, biết vắng lặng bậc nhất gọi là pháp luân căn bản, "dùng phương tiện lực" gọi là pháp luân chi mạt, là từ gốc khởi ngọn. "Thật ra là Phật thừa" gọi là nhiếp ngọn về gốc. "Biết các hành chúng sanh v.v..." trở xuống hai bài kệ nói rộng về pháp luân chi mạt. "Nay ta cũng như vậy":,v.v... trở xuống hai bài kệ nói về đức Thích-ca thuận đồng theo Chư Phật.

Lại có hai phần:

1) Kệ thuận đồng Chư Phật nói về pháp luân nhiếp ngọn về gốc.

2) Kệ thuận đồng Chư Phật từ pháp luân gốc khởi ngọn. Nhiếp ngọn về gốc gọi là nhiếp dụng về thể, từ gốc khởi ngọn gọi là từ thể

khởi dụng. Hai thứ này tuy lược mà nhiếp giáo cùng khắp. “Vì an ổn chúng sanh”: Do phàm phu chấp có nên ở trong nhà lửa ba cõi, Nhị thừa chấp không nên chưa vượt đường ác năm trăm do tuần, tất cả đều chẳng an ổn. Cho nên Trung luận chép: “Trí cạn thấy các pháp hoặc có hoặc không v.v... do dó không thể thấy diệt, thấy pháp an ổn”. Nay nói Trung đạo Nhất thừa khiến lìa hai kiến có không của phàm phu Nhị thừa cho nên gọi an ổn. “Dùng các loại pháp môn” dưa ra phương pháp an ổn khiến nhập Phật đạo an bày nơi an ổn.

Trong kệ nầy, nửa bài tụng trên nói về biết căn cơ tức câu: “Ta dùng sức trí tuệ, rõ tánh dục chúng sanh”. Tiếp một câu nói giáo. Kế một câu nói được lợi ích. “Xá-lợi-phất nên biết v.v...” Trên đây đã tụng Nhất thừa chân thật rồi, nay là tụng Ba thừa phương tiện. Trong văn xuôi văn lược chỉ nói chung Chư Phật ra đời ở đời năm trược phương tiện nói Ba thừa, nay văn giải thích rộng nói về đức Thích-ca ra đời ở đời năm trược. Một thời giáo hóa gồm có bốn ý:

1) Ở địa vị pháp thân thấy chúng sanh năm trược có khổ không vui nên khởi tâm đại bi.

2) Bi tâm đầy đủ bên trong vì bổn thùy tích, khi Phật mới thành đạo muốn nói Nhất thừa cứu chúng sanh rất khổ ban cho họ sự rất vui, nhưng tuy bậc Thánh có khả năng trao cho mà chúng sanh không có khả năng thọ nhận cho nên dứt hóa Nhất thừa.

3) Đã không có khả năng thọ giáo Nhất thừa nên đối với một Phật thừa phương tiện nóiBa thừa điều hòa tâm kia.

4) Nói về gom ba về một. Bốn môn nầy đều khởi ở đời năm trược cho nên giải thích chương năm trược ở trên. Ban đầu thấy năm trược nên khởi tâm đại bi, vì có năm trược nên không có khả năng thọ Nhất hóa, do có năm trược nên phương tiện nói ba, năm trược chướng tiêu nên sau vì nói một, vì thế bốn ý đây đều khởi ở đời năm trược.

Hỏi: Vì sao chỉ nói về bốn chương?

Đáp: Đức Thích-ca xuất hiện ở đời năm trược, một kỳ hạn từ đầu đến cuối chỉ có bốn môn nầy: Ví như cha mẹ thấy con bệnh khổ đầu tiên rất sanh tâm thương xót, kế muốn cho con uống thuốc hay để bệnh mau lành, nhưng bệnh con nặng không thể uống thuốc, Kế vì con không thể dùng thuốc hay nên phương tiện dùng thô dược trị bệnh nặng cho con, cuối cùng bệnh nặng đã trừ trở lại cho uống thuốc hay bệnh liền dứt hẳn. Cha trừ thân bệnh cho con chỉ bốn môn này không được thêm bớt, Phật trị tâm bệnh cho chúng sanh cũng chỉ bốn môn này không được thêm bớt, cho nên một kỳ hạn ra đời chỉ nói về bốn môn. Chẳng những

đức Thích-ca một kỳ ra đời đầy đủ bốn môn này, mà tất cả Chư Phật cũng không ngoài bốn môn này; tức cũng làm căn bản cho bốn thí dụ trong nhà lửa ở phần sau. Môn đầu là Trưởng giả thấy lửa, môn thứ hai là cứu con không được, môn thứ ba là dụ ba xe cứu được con và môn thứ tư là đồng ban xe lớn cho các con. Nhưng trước sau pháp và dụ do văn kia làm chính, chỉ có bốn dụ này không còn phát sanh cái khác để giải thích. Nếu nói có mười thí dụ căn bản sáu dụ căn bản đều không tương ưng với văn. Đời Mạt pháp đã không còn thấy Phật chỉ nương lời Phật dạy làm thầy không nên sanh tâm xuyên tạc.

Hỏi: Sau thí dụ đã có sáu nay vì sao chỉ có bốn?

Đáp: Trước văn xuôi nói về năm trược chỉ một chương, nay kệ chuyển thế nói pháp liền có bốn môn. Phẩm nầy pháp thuật có bốn; phẩm sau thí nói nêu sáu, cũng là chuyển thế nói pháp, hoặc nói sau hoặc trở lại đồng với trước, Kinh có ba châu là ý một châu, bởi thế các giảng sư phần nhiều sai lầm, đến phẩm Thí Dụ sẽ nói rộng.

Hỏi: bốn môn nầy có mấy loại thân?

Đáp: Đủ ba thân.

1) Nói về pháp thân thấy chúng sanh có khổ không vui liền khởi tâm đại bi.

2) Khi mới thành đạo vì chúng Bồ-tát nói Kinh Hoa Nghiêm, là thân Lô-xá-na.

3) Vì Thanh văn nói Ba thừa nghĩa là thân Phật Thích-ca, ban đầu là thân từ chỗ Phật thấy, kế đến là thân từ chỗ Bồ-tát thấy, sau là thân từ Nhị thừa thấy. Lại đầu là pháp thân, kế là ứng thân, sau là hóa thân, thứ tư là nghe Nhất thừa liễu ngộ giáo ý từ đầu đến cuối, đầy đủ ba thân, cho nên luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thọ Lượng đầy đủ nói về ba thân.

Hỏi: bốn môn đủ mấy thứ giáo?

Đáp: bốn môn nầy đầy đủ ba giáo, Như lai ở địa vị pháp thân soi thấy chúng sanh năm trược. Một kỳ từ đầu đến cuối căn tánh ứng đủ có khả năng nghe ba thứ giáo môn. Kế dùng bổn thùy tích vì chúng sanh nên nói ba thứ giáo.

1) Khi mới thành đạo vì các Bồ-tát nói pháp luân căn bản.

2) Không có khả năng thọ pháp luân căn bản nên từ gốc khởi ngọn nói về pháp luân chi mạt.

3) Gom ba về một cho nên nói pháp luân nhiếp ngọn về gốc.

Hỏi: Đã có ba thứ pháp luân, có được nói ba thân hay không?

Đáp: Cũng được như.

1) Ban đầu vì các Bồ-tát hiện thân Lô-xá-na là thân căn bản.

2) Nói Nhị thừa không thể thấy thân này cho nên ẩn bổn thùy tích khởi thân chi mạt, Phẩm Tín Giải chép: Cởi áo châu báu mặc áo thô xấu.

3) Đã lập một phế ba, cũng dứt tích về gốc thì nên nói cởi áo xấu lại mặc áo châu báu, cho nên giáo có ba thân cũng vậy.

Căn cứ bốn môn nầy mỗi môn có ba đoạn hiệp thành mười hai chương kinh. Ba môn đầu:

1) Nêu năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Khởi tâm bi. Ta dùng mắt Phật thấy là năng kiến.

Năm nhãn có hai môn:

1) Căn cứ ứng thân nói về năm nhãn, Phật thác thai cha mẹ nên có nhục nhãn. Ở dưới cội cây chứng đắc bốn nhãn, do có xa thấy cho nên có thiên nhãn, chiếu căn tánh Ba thừa cho nên có pháp nhãn, chiếu soi thật tướng cho nên có tuệ nhãn, chiếu soi cảnh giới Phật nên có mắt Phật.

2) Căn cứ Pháp thân nói về năm nhãn: chiếu năm thứ cảnh giới cho nên có năm nhãn, chiếu cảnh chướng bên trong gọi là nhục nhãn, chiếu cảnh chướng bên ngoài gọi là thiên nhãn, ba thứ còn lại như trên.

Hỏi: Nếu căn cứ năm cảnh nói về năm nhãn, nay chiếu sáu đường nên gọi là thiên nhãn vì sao gọi là mắt Phật?

Đáp: năm nhãn có hai môn: Trong nhân gọi là bốn nhãn, quả địa gọi là mắt Phật, nghĩa là người có nhục nhãn, trời có thiên nhãn, Thanh văn có tuệ nhãn, Bồ-tát có pháp nhãn, Phật có mắt Phật, cho nên bốn nhãn nhập vào mắt Phật đều gọi là mắt Phật. Nay nhân quả đối nhau cho nên nói mắt Phật thấy chúng sanh không gọi là thiên nhãn.

Căn cứ vào mắt Phật, y theo cảnh nói về năm dụng kia, người có năm nhãn, thấy chúng sanh trong sáu đường thì thuộc thiên nhãn, lại mắt Phật không chỗ nào không biết, chẳng có chỗ nào không thấy mà cũng thấy chúng sanh trong sáu đường.

Hỏi: Năm nhãn được gọi gồm có mấy thứ?

Đáp: Nhục nhãn tuệ nhãn căn cứ thể mà đặt tên, lấy nhục làm nhãn nên gọi là nhục nhãn, lấy tuệ làm nhãn nên gọi là tuệ nhãn, Pháp nhãn thì từ cảnh đặt tên. Do kia thấy pháp gọi là pháp nhãn, Thiên nhãn mắt Phật được tên gọi không nhất định, vì sao? Vì thiên nhãn được gọi gồm có ba thứ:

1) Từ người mà đặt tên gọi, người theo nghĩa được gọi, Chư Phật

Bồ-tát gọi là Tịnh thiên, sanh trong ngoài người báo được thiên nhãn thấy suốt đại thiên thế giới, từ Tịnh thiên kia dùng đặt tên ấy nên gọi là thiên nhãn.

2) Căn cứ thú mà đặt tên. Ban đầu từ Bốn Thiên vương lên đến Phi tưởng gọi chung là Thiên thú, sanh lên cõi trời kia báo được nhãn căn, thấy suốt và xa nên gọi là thiên nhãn.

3) Từ nhãn được tên, như Luận Địa trì chép.

Tất cả thiền định ở trong ba trụ gọi là Thiên trụ, y Thiên trụ nầy tu đắc tịnh nhãn, từ nhãn đặt tên nên gọi là thiên nhãn. mắt Phật được tên gồm có hai thứ:

1) Từ người đặt tên, Phật là người gọi, người có mắt nầy nên gọi là mắt Phật.

2) Phật gọi là giác, giác nầy năng khiếu soi nên gọi là mắt Phật.

Hỏi: Năm nhãn lấy gì làm thể?

Đáp: Nếu căn cứ pháp thân thì lấy trí làm thể trí có năm dụng cho nên gọi là năm nhãn, nếu căn cứ thiên nhãn, nhục nhãn của ứng thân đã là căn thì lấy sắc làm thể, ba thứ còn lại dùng trí làm thể. Nếu nói thiên nhãn thông tức theo nghĩa Tỳ-đàm cũng lấy trí làm thể.

Hỏi: Năm nhãn và mười nhãn trong Hoa Nghiêm làm sao nhiếp nhau?

Đáp: Nói mười nhãn:

1) Nhục nhãn thấy tất cả sắc.

2) Thiên nhãn thấy các chúng sanh chết đây sanh kia.

3) Tuệ nhãn thấy các chúng sanh căn tánh sai khác.

4) Pháp nhãn thấy các pháp tướng chân thật, nghĩa là thấy các pháp tướng bậc nhất nghĩa.

5) mắt Phật thấy mười lực của Phật.

6) Trí nhãn phân biệt biết rõ tất cả các pháp.

7) Minh nhãn thấy tất cả ánh sáng của Chư Phật.

8) Xuất sanh tử nhãn thấy pháp Niết-bàn.

9) Vô ngại nhãn thấy tất cả pháp không có chướng ngại.

10) Phổ nhãn là thấy pháp giới bình đẳng pháp môn. Nhục nhãn nầy là nhục nhãn trước bao gôm thiên nhãn, thấy thô tế xa gần là thiên nhãn. Thiên nhãn là thiên nhãn trước. Tuệ nhãn, mắt Phật, Trí nhãn, Minh nhãn, xuất sanh tử nhãn, vô ngại nhãn, sáu thứ nhãn này là pháp nhãn trước. Pháp nhãn nầy là tuệ nhãn trước vì thấy Chân-đế. Phổ nhãn nầy là mắt Phật trước thấy khắp pháp giới chân thật bình đẳng.

Nói về sở kiến: “Thấy chúng sanh sáu đường”: Căn cứ trong sở

kiến chia làm hai:

1) Nêu chung thấy sáu đường.

2) Nói riêng thấy có không. Kinh Đại Phẩm nói năm nhãn không thấy chúng sanh, nay sao lại nói thấy?

Đáp: Kinh Tịnh Danh chép: Có đức Thế tôn đắc thiên nhãn chân thật đều thấy quốc độ Chư Phật không do hai tướng, không do hai tướng ấy nghĩa là thấy rõ ràng mà không hề thấy, tuy không hề thấy mà chẳng có chỗ nào không thấy, cho nên thấy và chẳng thấy không hai. Kinh Đại Phẩm nói thấy không chỗ thấy, kinh này nói không thấy mà thấy, cho nên không trái nhau.

Hỏi: Đã thấy sáu đường và sáu đường thấy có gì khác nhau ư?

Đáp: Đức Phật thấy không có sáu mà là sáu, biết sáu mà không có chỗ sáu, sáu đường làm sáu, sáu mà thấy, cho nên phẩm Thọ Lượng chép: Không như ba cõi thấy ba cõi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thuận theo chúng sanh cho nên đều nhập các thế gian, trí tuệ thường vắng lặng khác nhau cái thấy thế gian.

Lại nữa chúng sanh có hai:

1) Chúng sanh tánh điên đảo.

2) Chúng sanh nhân duyên giả danh. Kinh Đại Phẩm nói không thấy, trong đạo lý rốt ráo không có tánh thật chúng sanh nên không thấy. Kinh này nói nhân duyên chúng sanh cho nên mắt Phật thấy, cho nên văn trước đầy đủ hai nghĩa: “Nhân thiên lưỡng túc tôn biết pháp thường vô tánh” tức là nghĩa không thấy tánh. “Giống Phật theo duyên khởi” nghĩa là thấy nhân duyên. Lại Trung luận chép: Các pháp không có tánh quyết định, Đức Phật có vô lượng phương tiện hoặc nói bốn câu tất cả thật không thật v.v..., cũng nên nói pháp không có tánh quyết định tùy chúng sanh nên có bốn câu hoặc thấy không thấy. Vì thế luận chép: Chư Phật hoặc nói ngã hoặc nói vô ngã, trong các pháp thật tướng phi ngã phi vô ngã; cũng nên nói Chư Phật hoặc nói thấy hoặc nói không thấy, trong các pháp thật tướng chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy.

Nghèo cùng không phước tuệ: Nói riêng thấy có không: Ban đầu nói thấy không nghĩa là không phước không tuệ, nhưng tu hành có sở đắc phước tuệ nói là trông mong đạo cuối cùng là không có phước tuệ. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Có sở đắc thì không có đạo, không có quả. “Vào đường hiểm sanh tử”: ìà nói về thấy có, trên thấy không phước không tức có hai thứ không, nay thấy quả khổ, khổ nhân là hai thứ có. Ban đầu nói thấy quả khổ cũng nương văn trên lấy không phước

tuệ làm tư lương cho nên vào đường hiểm sanh tử đến nổi khiến chúng sanh có quả khổ liên tục. “Vào sâu trong năm dục”: Đây là nói thấy quả khổ. Lại trước vào đường hiểm sanh tử thực hành nhân khổ, đắc quả khổ, nay nơi quả khổ lại tạo nhân khổ. Khổ nhân có hai: Trước ái sau kiến.

Vào sâu trong năm dục chính là khởi ái, phiền não ba cõi gọi chung là dục, do tánh đắm nhiễm nên luận Thành Thật chép: La-hán dứt dục ba cõi. Nói chấp sâu: Là do có sở đắc thấy năm dục quyết định thật có rồi sau chấp; do đó gọi là sâu. “Như trâu mao mến đuôi”: Trâu do si mến đuôi, chúng sanh do si nên khởi ái. Lại do mến đuôi cho nên bị người bắt được làm hại, nên mến đuôi là hại thân, chúng sanh ưa đắm năm dục nên bị các khổ. Truyện Long Thọ chép: Dục là gốc của họa là nguồn các ác, bại đức nguy thân đều do dục đây khởi, nếu ta được thoát thì thệ nguyện xuất gia. “Do tham ái tự che”: Trên là nói do si khởi ái, nay là nói công dụng của ái, Ái có hai lực:

1) Cảm khổ sanh tử.

2) Mê cảnh chướng trí, trước nói nhập sanh tử đường hiểm gọi là cảm khổ sanh tử, nay nói mê cảnh chướng trí do ái che tâm làm chướng tuệ. “Đui mù không thấy biết” là mê cảnh. “Không cầu Phật thế mạnh” là đắm sâu năm dục gọi là người bệnh. Phật thế mạnh là Phật có thế lực mạnh mẽ dứt được bệnh ái cho chúng sanh gọi là thầy thuốc. Pháp đọan khổ nghĩa là bình đẳng đại tuệ là lương dược chúng sanh bị ái ngăn che tâm đui mù không thấy được, không biết tham ái là bệnh, lại không biết Phật là thầy thuốc giỏi pháp là thuốc hay.

“Sâu vào các tà kiến”: Là nói về kiến nhân. “Lấy khổ muốn bỏ khổ”: Như các ngoại đạo chấp khổ ba cõi là Niết-bàn, Bà-la-môn Đàn-Đề chỉ bụng là Niết-bàn là chấp khổ cõi dục là Niết-bàn, ngoại đạo A-la-la chấp vô tưởng là Niết-bàn, tức chấp khổ cõi Sắc làm xả khổ, Uất-Đầu-Lam-Phất chấp phi tưởng làm Niết-bàn là lấy khổ Vô sắc mà muốn xả khổ sanh tử tức là giải thích nghĩa tà kiến trên. Đây là tà kiến chung, đối với năm kiến chẳng lạc tịnh mà chấp lạc tịnh đó là độc đầu kiến thủ.

Hỏi: Chấp sanh tử là Niết-bàn, là mê sanh tử hay mê Niết-bàn ư?

Đáp: Chính mê sanh tử là Niết-bàn, như mê thú dữ là người.

“Phật vì chúng sanh nầy”: Là nói khởi tâm bi: Xa thương xót: Là thương cho chúng sanh kia không có hai thiện phước, tuệ, có khổ hai ác nhân quả. Gần thương: Là thương xót các ngoại đạo chấp phi đạo

là đạo, đạo là phi đạo. "Xưa ta ngồi đạo tràng": Là vì chúng sanh có năm trược nên khi mới thành đạo Phật nói Nhất thừa giáo hóa không được. Trên đã đầy đủ đại bi bên trong nay nêu phương tiện cứu giúp bên ngoài, nhưng bậc Thánh tuy năng cứu mà vật không có khả năng thọ. Văn cũng có ba:

1) Nêu nói Nhất thừa không được.

2) Chư thiên khuyến xin.

3) Trái thỉnh.

Văn đầu có ba: Nửa bài đầu nói về chỗ tư duy, nửa bài kế là nêu thời gian tư duy, sau một bài rưỡi là nêu việc tư duy. Xưa ta ngồi đạo tràng: Ở đạo tràng vắng lặng tại Ma-kiệt-đà mới thành Chánh giác, "Quán cây và kinh hành". Có người chép: do danh để nêu ý, Thọ: Muốn cây đứng thẳng như chúng sanh nương gốc lành Đại thừa. Hành: Là muốn nêu Như lai sẽ hành các việc như cây đứng thẳng. Có người chép: Đức Như lai ngồi dưới gốc cây thành Phật, nhớ ơn cây cho nên quán cây. Hành: Đi đến chỗ thành đạo mà ngồi, nay đắc đạo rồi nên kinh hành, tức muốn hành thiện lợi vật báo ân cây. Giải thích nầy xuất xứ trong kinh. Có người chép: Đây là theo pháp thế gian tức là tất đàn thế giới. Người đời tư duy gồm có hai thứ:

1) Quán vật tư duy.

2) Kinh hành tư duy.

Nay tùy pháp thế gian cũng chia làm hai: Chú giải kinh rằng: Cây lấy tĩnh làm thể, Hành lấy động làm tướng muốn phát sanh tư duy tốt quyết im lặng nói năng phù hợp căn cơ. Trong hai mươi mốt ngày: Là nói thời gian tư duy. Luật Di Sa tắc chép: Tam-muội bảy ngày, đây cùng luận Thập Địa.

Luận kia cũng hỏi: Vốn vì lợi ích chúng sinh mà thành đạo, vì sao bảy ngày tư duy không nói ư?

Đáp: Vì nói lên tự thọ lạc của đại pháp, đã nói lên pháp lạc khiến cho chúng sanh đối với Như lai thêm lớn tâm ái kính, lại xả bỏ diệu lạc ấy thương xót chúng sanh nói pháp cho họ nghe. Đây là bảy ngày đầu không nói, tuần thứ hai mới nói pháp. Kinh này nói trải qua ba tuần mới nói. Trong Luật và Tát-Bà-Đa bộ nói trải qua sáu tuần mới nói. Kinh Thập Nhị Du nói Đức Phật thành đạo xong qua năm thứ hai mới độ năm người, tức là một năm không nói. Luận Trí Độ nói năm đến mười tuần không nói pháp, hoặc có thể là năm mươi bảy ngày hoặc có thể năm mươi lần bảy ngày, gần một năm tương ưng với Kinh Thập Nhị Du. Thích ứng duyên thấy nghe không cần hiểu. Luận Tát-bà-đa chép:

Vì sao bốn mươi hai ngày không chép: Là do Phạm thiên chưa đến xin, lại chúng Kiều-trần-như gốc lành chưa thuần thục, lại trước tự an thân rồi sau mới nói, lại khiến chúng sanh tôn trọng. Nay nói về Như lai đã biết từ lâu nên nói hay không nên nói, chỉ là chỉ bày pháp mầu nhiệm, chúng sanh độn căn tùy theo pháp thế tục nên thị hiện tư duy kỹ rồi sau nói, bảy ngày là cùng tận của một số, ba tư là pháp thường của thế tục cho nên nói ba lần bảy.

Hỏi: bảy ngày sao lại cùng tận của một số ư?

Đáp: Pháp trong ngoài bảy ngày có đổi khác, trong thai bảy ngày thì biến chuyển, so sánh thân ăn uống bảy ngày không ăn thì chết.

"Tư duy việc như vậy ": Là nêu việc tư duy. Có người chép: bảy ngày đầu tư duy trí Phật mầu nhiệm. Bảy ngày tuần thứ hai tư duy chúng sanh độn căn. Bảy ngày tuần thứ ba tư duy không thể đem diệu tuệ trao cho người độn căn. Có người chép: bảy ngày đầu muốn nói pháp Nhất thừa mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng, bảy ngày thứ hai tư duy muốn nói Nhất thừa mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng. bảy ngày tuần thứ ba muốn nói nhân duyên đời trước mà chúng không có căn cơ liền dừng. Do suy tìm ba hạng căn cơ hạ, trung, thượng ngộ Nhất thừa mà không được nên có ba tuần. Lại nói bảy ngày đầu dùng khuyên để nói Đại thừa không được, bảy ngày thứ hai dùng răn dạy để nói Đại thừa không được, bảy ngày thứ ba dùng khuyên và răn hợp nói cũng không được. Nay nói về như trên biện luận tùy pháp thế tục cho nên nói ba lần bảy. "Trí tuệ của ta được": Nay văn nói thẳng ra ba việc tư duy:

1) tuệ Phật mầu nhiệm.

2) Chúng sanh độn căn.

3) Không thể dùng trí tuệ mầu nhiệm trao cho độn căn.

Tuệ Phật mầu nhiệm: Chẳng phải ngu chẳng phải trí, bặt quán bặt duyên nên gọi là mầu nhiệm. Chúng sanh các căn độn: Là nói về tuệ căn độn. "Tham si vui làm mù": Là căn ám độn không ngay thẳng, lại có hai lỗi:

l) Tham đắm sự vui gọi là ái.

2) Ngu si gọi là vô minh. Luận Tỳ-bà-sa chép: Dụ như có người bị trói cả tay chân bịt mắt lại đem thả trong rừng sâu không thể ra được, chúng sanh bị ái trói buộc, vô minh ngăn che không thể ra khỏi rừng sanh tử cũng như người mù kia. "Các hạng người như thế" là kết ý không thể trao diệu tuệ cho hạng độn căn ấy được.

"Bấy giờ, các Phạm vương v.v..." là chư thiên xin nói. Văn cũng có ba:

1) Một bài rưỡi nói về người năng xin.

2) Một câu nêu nghi thức xin.

3) Một câu chính nói về xin.

Luận Trí Độ chép: Chư thiên nghi pháp khác nhau, trời Tịnh cư khuyên Phật độ cho xuất gia, Tứ thiên vương bưng bát, Phạm vương xin xoay bánh xe pháp.

Hỏi: Đức Phật vì chúng sanh nên ra đời tự ứng nói pháp đâu có đợi xin ư?

Đáp: Luận nói Đức Phật tuy không đợi xin mà khiến người xin được lợi ích. Kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển chép: Xin Phật xoay bánh xe pháp năng diệt tội chê bai mười hai bộ kinh: Lại trước xin sau nói pháp Chư Phật như. Lại không xin mà nói là ngoại đạo chê trách. Lại ngoại đạo thường thờ Phạm Thiên, Phạm Thiên đã xin thì ngoại đạo tâm phục. Lại nếu không xin mà nói thì ứng đáp mười bốn nạn, do đợi xin mới nói cho nên không đáp.

Hỏi: Vì sao chư thiên xin mà không nói người xin ư?

Chư thiên hơn người cho nên nói chư thiên xin, lại người không thể xin, chư thiên có trí tuệ biết Phật thành đạo nên nói chư thiên xin. Lại Đức Phật ở một mình trong rừng thành Phật, trong đó không có người cho nên người không xin.

Hỏi: Thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng vì sao mười sáu vương tử thỉnh trước sau Phạm Vương mới thỉnh, nay vì sao chỉ nói chư thiên thỉnh không nói vương tử thỉnh ư?

Đáp: Chú giải Pháp Hoa chép: Trước Đức Phật xuất hiện đời tốt có con nối nghiệp cha nay Đức Phật ra đời đời ác nên con con không nối dõi.

"Ta liền tự suy nghĩ": Là nói không thuận thỉnh mà dứt hóa. Theo văn cũng có ba:

1) Giả thiết muốn nói Nhất thừa.

2) Nói không lợi ích có tổn hại.

3) Nói về dứt hóa.

Hỏi: Trên tư duy có gì khác với nay tư duy?

Đáp: Trên là nói không thể trao diệu tuệ cho người độn căn, nay tư duy giả thiết nhận lời xin của Phạm vương nói Nhất thừa thì tổn hại không có lợi ích. Chúng sanh chìm nơi khổ: Là nói về không lợi ích có tổn hại.

"Ta thà không nói pháp" trở xuống: Là nói trái thỉnh mà dứt hóa. Ban đầu dùng bổn thùy tích nói Nhất thừa vì muốn lợi ích chúng sinh,

nay nói Nhất thừa thì không lợi ích mà có tổn hại cho nên xả ứng qui chân gọi là nhập Niết-bàn thì không có tổn hại.

"Liền nhớ Phật quá khứ": Là đoạn nói khi Đức Phật mới thành đạo chúng sanh không có khả năng thọ Nhất thừa vì thế đối một Phật thừa phân nói riêng ba thừa.

Hỏi: Đức Phật vì tự nói Ba thừa hay đợi xin mới nói?

Đáp: Theo luận Trí độ chép: Phạm vương ban đầu xin nói pháp đức Như lai nói Phật pháp sâu xa chúng sanh độn căn không thuận lời xin, không nói. Kế Phạm Vương trình bày chúng sanh có thượng, trung, hạ căn lại xin nói pháp, Đức Phật nhận lời xin lại nên nói Ba thừa.

Văn cũng có ba:

1) Thấy rõ căn tánh chúng sanh.

2) Chính là nói giáo Ba thừa.

3) Lãnh thọ giáo có lợi ích, tức là phần Thí dụ sau: ba xe cứu được con.

Văn đầu cũng có ba:

1) Nói về thuận theo Chư Phật quá khứ nên nói Ba thừa.

2) Nhận lời khuyên hiện tại của Chư Phật khắp mười phương nói Ba thừa.

3) Thuận theo chúng sanh năm trược nên nói Ba thừa.

Hai ý đồng Chư Phật, một ý sau tùy thuộc chúng sanh tức là ba nhân duyên, cho nên nói Ba thừa. Nếu chấp thuận Phạm vương xin thì có bốn duyên riêng. Bài kệ đầu có hai:

1) Nửa bài kệ là tư duy cổ Phật.

2) Nửa bài là nói Đức Thích-ca thuận đồng cổ Phật. Đạo pháp nhất thừa hóa độ chúng sanh không được nên đối Nhất thừa nói Ba thừa, Đức Thích-ca tin mà khéo thích hợp thuận đồng với Phật xưa.

"Lúc ta nghĩ thế đó": Tức Chư Phật mười phương khuyên nói Ba thừa. Văn chia làm hai:

1) Xưng tán.

2) Khuyến khích.

Xưng tán có ba phần: Nửa bài nói về Chư Phật mười phương hiện thân, sở dĩ hiện thân: Là đức Thích-ca đối một nói ba hợp lý xứng căn cơ, lý số cảm Chư Phật ứng hiện thân. Kế nửa bài là an ủi khen ngợi. An ủi: Ẩn dấu thật đức, bớt đi chỗ vui mà pháp độ chúng sanh, đây là sự nhẫn khổ, nay thuận theo pháp thế gian cho nên an ủi. Kế là khen ngợi: Lập ra Ba thừa phương tiện hợp lý xứng căn cơ đây là đáng khen ngợi. Một bài kệ kế chính là nói lời khen ngợi, việc như văn.

Chúng ta cũng đều được v.v... là nói Chư Phật tự trình bày thì gọi là khuyến khích. Văn chia làm ba:

1) Nói Chư Phật hiện tại trên Phật quá khứ phương tiện nói Ba thừa.

2) Kệ nói về hiện tại Chư Phật dưới thuận căn tánh chúng sanh nên nói Ba thừa.

3) Nửa bài nói về Ba thừa.

“Xá-lợi-phất phải biết v.v...” trở xuống là nói Đức Thích-ca vui mừng nhận lời xin. Văn chia làm hai:

1) Một bài kệ nói về vui mừng đáp lại Chư Phật khen ngợi ở trên.

2) Kệ nói về thọ xin đáp lại trên Chư Phật đã khuyến khích Nam mô Quy mạng, là cứu ngã. Quy mạng: Là qui mạng nương tựa Chư Phật mười phương, Chư Phật khuyến khích nói Ba thừa kéo dài tuệ mạng của chúng sanh tức là kéo dài tuệ mạng của đức Thích-ca cho nên đức Thích-ca qui mạng nương tựa Chư Phật. Chư Phật khuyên nói Ba thừa, đã là cứu giúp chúng sanh tức là cứu giúp đức Thích-ca cho nên gọi là cứu ngã.

“Ta lại nghĩ thế này, ta ra vẫn đục v.v... trở xuống là thuận theo chúng sanh năm trược cho nên nói Ba thừa. Ta tức là tự tư duy: hai chương kinh từ đầu đến cuối có bốn tư duy. Không nói Nhất thừa có hai tư duy, như trước giải thích, nói Ba thừa cũng có hai tư duy. Sở dĩ có hai tư duy ấy: Là thuận theo pháp thế gian suy nghĩ và quyết định. Ban đầu tư duy trên đồng Chư Phật, sau tư duy dưới thuận căn tánh. Nói đời vẫn đục là tuy có Phật mười phương khuyên nhưng nếu xuất hiện ở đời tốt cũng không nói Ba thừa, Nay đức Thích-ca tự xét thấy xuất hiện đời ác cho nên thích ứng nhận lời khuyên nói Ba thừa.

“Suy nghĩ việc đó rồi v.v...” là chánh huyết Tiểu thừa. Văn có bảy câu: Trước nói thời gian muốn nói Ba thừa nghĩa là suy nghĩ lại rồi quyết định thích ứng nói Ba thừa. “Liền đến thành Ba-nại”: Là nói về nơi nói Ba thừa. Ba-la-nại nầy, Hán dịch là Lộc lâm. Xưa có Vua dùng rừng này để nuôi hươu nên gọi là Lộc lâm. Luận Tỳ-bà-sa gọi là Tiên nhân Viên (vườn Tiên nhân). Xưa có vị tiên ở đây, do đó đặt tên. Lại gọi là thành Giang Nhiễu, thành này có nước bao quanh. Nay gọi là Ba-la-nại tức xứ chung, Lộc lâm là xứ riêng trong đó. Nước Ca-tỳ-la chính là trung ương của đất Thiên-trúc, các nước đều ở bốn phương, Ba-la-nại ở phía tây nước Ca Tỳ-la cách chín trăm sáu mươi dặm, Đức Phật xoay bánh xe pháp ở phía Bắc thành Ba la Nại cách hai mươi dặm.

Hỏi: Vì sao ban đầu Đức Phật nói pháp trú ở thành này?

Đáp: Chúng sanh ở xứ này đã đợi thời gian lâu để được ngộ cho nên bậc Thánh giáo hóa; nơi chốn không nhất định. Nay nói hai nhân duyên nên đến thành này:

1. Luận Bà-sa chép: Có năm chỗ nhất định: là nơi sanh, nơi xuất gia, nơi thành đạo, nơi nói pháp và nơi diệt độ. Chư Phật ba đời đều ở các nơi này nói pháp nên gọi là xứ định.

Hỏi: Làm sao biết xứ định?

Đáp: Khi Phật chưa ra đời có vua chuyển luân đem binh chúng muốn vượt qua đường này, mà binh chúng dừng lại không chịu đi, giữa hư không có tiếng nói đây là nơi cổ Phật nói pháp vua phải nên tránh, cho nên biết dó là xứ định.

2. Năm người thối lui không trở về nước, sợ vua Tịnh Phạn trách phạt nên tiến vào rừng sâu không chịu theo giúp đỡ Thái tử, cho rằng Thái tử không đắc đạo vì thế họ dừng lại ở rừng Lộc lâm. Luận Tỳ-bà-sa chép: ba người chấp khổ hạnh đắc đạo, hai người chấp thọ lạc đắc đạo, hai người thấy Phật khổ hạnh liền cho là Phật không đắc đạo cho nên đến vườn vườn Nai, ba người hai năm cúng dường Phật, sau thấy Phật uống sữa nai lại cho rằng Phật thọ lạc nên không đắc đạo cũng bỏ Phật đến vườn Nai. Đức Phật thọ thỉnh xong liền nghĩ rằng: cửa Cam lộ mở ai nên được nghe trước, tự nghĩ A-la-la, Uất-Đầu-lam-Phất thông minh lợi căn nên trước độ cho đắc đạo. Chư thiên báo rằng: một vị tiên qua đời đã bảy ngày, một vị tiên ngày hôm qua qua đời. Đức Phật lại nghĩ rằng ai nên được nghe thì biết năm người nên kế tục thọ đạo cho nên Đức Phật đến chỗ ấy giáo hóa.

“Tướng các pháp vắng lặng”: Câu thứ ba là nói Ba thừa là phương tiện. Trước nói về gốc phương tiện, gốc phương tiện tức là pháp mà Phật chứng đắc chẳng quán chẳng duyên không ba không một, gọi là không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. “Bèn dùng năng lực phương tiện”: Câu thứ tư là nói về từ thật khởi quyền chẳng ba chẳng một mà quyền nói ba. “Vì năm Tỳ-kheo nói”: Câu thứ năm nói về vì người. Nói năm người là:

1) Kiều-trần-như.
2) Thập-lực Ca-diếp.
3) Á-bệ.
4) Bạt Đề.
5) Ma-nam Câu-lợi.

Nói Tỳ-kheo: Đức Phật nói pháp rồi mới có Tỳ-kheo. Năm người

ấy y cứ ban đầu gọi cho nên sau gọi.

Hỏi: Vì sao trước vì năm người nói pháp?

Đáp: Kinh nói không đồng, một nói thời Phật Ca-diếp có chín người đồng học, bốn người lợi căn đắc đạo trước năm người độn căn tự thệ Đức Thích-ca ra đời phải đắc đạo trước. Lại Kinh nói đức Thích-ca ở thời kiếp đói kém thân con cá lớn tự thệ rằng ai trước ăn thịt ta sẽ được độ trước hết, năm người ấy đến ăn thịt trước nên trước được độ. Lại kinh nói thời quá khứ có sáu người, năm người hái hoa lúa cúng dường Phật, một người nói đợi lúa chín cúng dường Phật, cho nên năm người ngộ trước, Tu-bạt sau mới ngộ.

"Đó là xoay bánh xe pháp": Câu thứ sáu tổng kết nói giáo danh tự. Nếu căn cứ tự tha mà nói, Đức Phật khi mới thành đạo tự xoay bánh xe pháp gọi là bắt đầu tự chuyển nay vì người nói pháp thì gọi là bắt đầu của tha chuyển. "Liền có tiếng Niết-bàn": Câu thứ bảy tổng kết giáo chỉ qui. Tuy chuyển tứ đế mà tông qui về nhất diệt, cho nên Đại thừa có bốn đế và một đế, Tiểu thừa cũng nói bốn đế một đế. Nói pháp Ba thừa chủ yếu đầy đủ bảy câu trên.

"Cùng với A la hán": Là nói lãnh thọ giáo được lợi ích. Văn chia làm hai:

1) Được lợi ích

2) Giải thích nghi.

Trước nói xoay bánh xe pháp Tứ đế, nay nói Ba bảo hiện đời. A la hán là Phật bảo. Luật nói Đức Phật vì năm người nói pháp, năm người gọi Phật là La-hán.

Hỏi: Kiều-trần-như đầu tiên đắc đạo, bốn người còn lại trú ở địa vi nào?

Đáp: Luận Bà-sa chép: bốn người trụ ở bốn thiện căn như Noãn v.v... đến mùa hạ đầu mới đắc đạo.

Hỏi: Tám muôn chư thiên đắc đạo là chư thiên nào?

Đáp: Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói là Diệm-ma Thiên tử.

Hỏi: Luận Trí Độ chép: tám muôn thiên tử đắc Vô sanh pháp nhẫn, các kinh khác nói đắc pháp nhãn tịnh việc nầy thế nào?

Đáp: Pháp nhãn tịnh của Tiểu thừa tức là Vô sanh pháp nhẫn của Tiểu thừa. Từ trước ngồi đạo tràng đến văn nầy đều là dẫn các sự trong kinh Chuyển Pháp Luân.

"Từ kiếp lâu xa đến nay": Là giải thích nghi thầm khai tuổi thọ nói Đức Thích-ca từ lâu đã hiểu vì Nhất thừa nói Ba thừa, chẳng phải thọ Chư Phật khuyên mới nói Niết-bàn. Lại nói về từ lâu xa đến nay có

phương tiện nầy lợi vật, chẳng phải nay mới chế tạo, ông chớ nghi ngờ. Muốn khuyên tín cho nên nói như. Từ trước là nói về việc phương tiện xong, cho nên đề phòng ngăn cản chúng sanh chớ nghi.

"Xá-lợi-phất nên biết": Là nói về giáo Nhất thừa. Văn chia làm ba phần:

1) Thấy căn cơ Đại thừa phát.

2) Chính vì nói Nhất thừa, Ba thừa.

3) Nghe Nhất thừa được ngộ giải.

Trước nói Ba thừa cũng chỉ ba ý nầy, tức thí dụ đồng ban cho con xe lớn ở phần sau. Căn cơ phát là Thí dụ xin xe ở sau. Vì nói nhất thừa là thí dụ đồng ban cho xe lớn. Nghe giáo ngộ giải là thí dụ được xe vui mừng ở phần sau sẽ nói.

Phần đầu lại có bốn:

1) Hai bài kệ nói về thấy đại căn cơ phát.

2) Một bài kệ niệm muốn sanh khởi giáo.

3) một bài kệ nêu không có căn cơ thì mất có căn cơ thì được.

4) một câu nói thấy có căn cơ phát cho nên vui mừng.

"Ta thấy các Phật tử": Đại căn cơ đã phát có khả năng nối kế thành Phật tử. Cơ phát chẳng phải một cho nên nói vô lượng ngàn muôn ức. "Đều đem tâm cung kính": Luận theo sự đã đến chỗ Phật nghe pháp thì tôn kính người mà trọng pháp. Theo duyên nói thì có lý bỏ Tiểu sùng Đại nên nói tâm cung kính. "Đồng đến chỗ Phật": Nói theosự là đến hội Linh Sơn. Trong lý thì cơ phát hợp Thánh gọi là đến; "Từng theo Chư Phật, nghe nói pháp phương tiện", là nói quá khứ từng thọ giáo phương tiện, trước không biết là phương tiện, nay giáo khởi mới gọi là phương tiện. Cho nên nói về phương tiện xưa, vì xưa nghe Ba thừa thật nhuần nhuyễn tâm mình là phương tiện nhập đạo Đại thừa.

"Ta liền nghĩ thế này": Là đã thấy rõ Đại thừa căn cơ đang phát, ý muốn phát khởi giáo. "Xá-lợi-phất nên biết" là nói về sự mất của người không có căn cơ gồm có bốn điều mất:

1) Do không biết nhân Ba thừa ngộ Nhất thừa nên gọi là độn căn, như chấp ngón tay quên mặt trăng.

2) Ưa pháp Nhị thừa gọi là tiểu trí, đó chỉ là đắc nhân vô ngã.

3) Chấp chặt Tiểu giáo gọi là chấp tướng.

4) Bảo thủ Tiểu thừa rốt ráo không tin Nhất thừa gọi là người kiêu mạn, như người này đã lìa pháp hội, các ông ở hội naỳ tức bên trong có thật đức khác nhau hạng người kia.

"Nay ta vui vô úy": là thấy có căn cơ cho nên vui mừng vô úy.

Nói pháp Nhất thừa là rất thuận theo tâm Phật nên gọi là vui, như Kinh Niết-bàn chép: Tâm ưa thích nói Chân-đế, cho nên biết chúng sanh năng tin nhận không chê bai pháp ấy.

"Ở trong hàng Bồ-tát": Chính nói về nói Nhất thừa, chỉ hàng Ba thừa gọi là Bồ-tát. "Chính bỏ ngay phương tiện": Là phế bỏ quyền giáo, hiển lộ phế bỏ quyền gọi là chính bỏ ngay. Trước hội ở vườn Nai chính lập quyền chưa được nói phế bỏ, cũng là ý bỏ mà nói không bỏ, đến lúc giao phó tài sản chỉ là thầm bỏ chưa được gọi là chính bỏ ngay. Lại xưa chấp ba là thật gọi là tà, nay liền xả bỏ gọi là chánh, Ba thừa trông mong Phật đạo quanh co, nên gọi là khúc khuỷu nay phế bỏ Ba thừa thẳng đến Phật đạo nên gọi là thẳng. "Chỉ nói đạo vô thượng": là nói về lập thật. Trước phế thật lập quyền, nay phế quyền lập thật. "Bồ-tát nghe pháp đó": là nghe Nhất thừa ngộ giải, Bồ-tát gọi là nghi đều đã trừ, La-hán nói đều sẽ thành Phật, ở văn nói về. Lại trước không nói La-hán thành Phật nên nay nói về La-hán thành Phật. Trước đã nói Bồ-tát thành Phật cho nên nay không nói về thành Phật, chỉ Bồ-tát trước nói có ba nay nghe không ba do đó sanh nghi. Nay biết trước nói ba là phương tiện nay nói một là chân thật hai lần nói không trái nhau, nên nghi được trừ. Lại Bồ-tát trước nghi xưa chưa biết là tiến Thành Phật hay thoái làm Nhị thừa, nay biết có một không hai vì thế chỉ tiến không thoái nên nghi xưa không còn.

"Như Chư Phật ba đời": Là đoạn lớn kế theo khen ngợi pháp. Phần đầu tụng Nhất thừa chân thật, kế tụng Ba thừa phương tiện, Trong Ba thừa phương tiện nói rộng việc đức Thích-ca một kỳ ra đời từ đầu đến cuối đã rõ ràng. Bày thật bỏ quyền đều là trong kinh Pháp Hoa nói. Khen ngợi pháp khiến vật tin nhận nên phải khen ngợi; có sáu việc khen ngợi: một bài đầu hợp nghi thức Chư Phật, khen ngợi Chư Phật đều trước ba sau một, đức Thích-ca cũng. Lại Chư Phật đều có pháp luân căn bản, chi mạt, thâu ngọn về gốc, đức Thích-ca cũng như vậy cho nên nói "như nghi thức Chư Phật". Kế nửa hàng khen ngợi Phật khó gặp, bậc Thánh thế gian dễ gặp cho nên nói ngàn năm một bậc Thánh, Chư Phật khó gặp cho nên nói kiếp số dài xa, vì sao? Vì chúng sanh phước ít, tội nhiều nên không gặp Phật, dù có nhiều công đức mà không có gốc lành thấy Phật nên nói Phật đối với người đó là khó gặp. Nửa bài kệ dưới nói Phật dễ gặp, khen ngợi nói Kinh Pháp Hoa là khó hơn, vì sao? Vì có người gặp Phật hơn bốn mươi năm mà không nghe nói Nhất thừa thì biết Nhất thừa khó nghe còn Phật dễ gặp. Vì sao? Vì chúng sanh thường có thiên căn Nhị thừa phàm phu, hạt giống tu Trung đạo

chánh quán ít nên không cảm được Phật nói Nhất thừa. Nửa bài kế là nói về các ông từ vô lượng kiếp đến nay nghe là khó, như từ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đến nay mới được nghe. Kế nửa bài kệ là nói về nghe thì dễ chuyên tâm lắng thọ sanh tin thì khó. "Ví như hoa Ưu đàm": Là dưới nói nghe thì dễ, mà nghe hiểu vui mừng đâ mới là khó. Nghe hiểu vui mừng: Do nghe pháp ngộ giải trong tâm vui mừng ngoài phát lời khen ngợi, Chư Phật ba đời đồng hành đạo này, nay vui mừng khen ngợi xứng hợp tâm Thánh tức là pháp cúng dường Chư Phật ba đời, người như thế còn hơn hoa Ưu đàm. Luân vương ra đời có hoa Ưu đàm mà khai Pháp Hoa là Pháp Luân Vương nên gọi là "còn hơn". Văn xuôi nêu hoa nầy khen ngợi pháp, nay nêu hoa nầy khen ngợi người.

"Các ông chớ có nghi v.v..." là đoạn lớn nói về khuyên tin. Xưng tán rồi, khuyên trừ nghi tin nhận.

"Xá-lợi-phất! Các ông! Là chỉ phương pháp mở rộng kinh của bậc thượng căn, một châu ở trên đã nói rồi, nay khuyên truyền chỉ bày cho ai chưa nghe, Thân Tử đắc ngộ thành Bồ-tát nên phải mở rộng đạo lợi người. Lại ở trên nói về thuyết pháp là Đức Phật Nhiên Đăng, nay nói về mở rộng kinh khiến truyền đăng. Lại một châu pháp nói cũng được chia làm ba đoạn: Ban đầu chọn chúng gọi là duyên khởi, kế là nói về chính là nói, nay là truyền bá Văn có hai:

1) Bốn bài kệ chỉ chung phương pháp mở rộng Kinh.

2) Ba bài kệ chỉ cho nghĩa được mất.

Văn đầu lại có hai:

1) Một bài khen ngợi kinh sở mở rộng.

2) Ba bài kệ chính nói về phương pháp mở rộng kinh.

Trước không nói cho nên là bí, nói bí ấy bởi là lời khen ngợi, như thế gian nói pháp bí mật ngàn vàng cũng không truyền, nay cũng vậy. Nói bí yếu ấy là tông qui nhất, lại chính là nói về thành Phật. Kế ba bài nói phương pháp mở rộng kinh chia làm ba:

Hai bài khuyên người không có pháp khí chớ truyền, kế một bài khuyên người ấy là pháp khí nên trao. Trong hai bài kệ đầu, trước kệ khuyên khiến chớ vì người khởi ái mà nói, bài kệ kế là khuyên chớ vì người khởi kiến mà nói. Ban đầu là phàm phu kiến chấp tiểu lạc mà quên đại lạc, kế là chấp chặt Tiểu thừa thì trái nghịch Đại thừa. "Người tàm quí, trong sạch v.v..." là khuyên vì người ấy nên trao, cũng có hai người: Tàm quí là người mới tu hành, khởi ái kiến và tâm phàm phu Nhị thừa liền sửa đổi hổ thẹn sám hối Trong sạch: Là người tu hành lâu, từ lâu huân tập Đại thừa, không sở đắc chánh quán không còn ái kiến

và cấu tâm phàm phu Nhị thừa nên gọi là trong sạch như trên chép: "có Phật tử tâm tịnh". "Xá-lợi-phất nên biết": Là nói về được mất. Một bài rưỡi đầu nói không học tập là mất, kế một bài rưỡi khen ngợi Thân Tử học tập là được. "Pháp Chư Phật như vậy ,v.v..." Là phải trước quyền sau thật. Đây là chỉ phép tắc sở học. Kế nửa hàng nêu không học Kinh này thì không biết. "Phật là thầy trong đời": Thân Tử ban đầu nghe nói lược cho rằng Phật là ma, sau nghe nói rộng mới biết là bậc thầy lớn của thế gian. Nửa bài nầy nói về người biết phân biệt chánh tà. Kế một câu khen ngợi quyền thật lãnh pháp. Câu dưới nói không còn nghi tổng kết quyết hiểu rõ người pháp. Kế nửa hàng nói về hai nghi đã trừ, vui mừng thành tựu một đạo Phật thừa.

Niên hiệu Vĩnh Nhân giữa năm Nhâm Ngọ, Sa-di Đạo Tôn vì báo hiếu công chưa tròn nên in bản Pháp Hoa quyển bốn này để báo hiếu kỹ niệm ngày giỗ mẹ, thương tiếc sầu muộn do ai. Than ôi! Trải qua nhiều kiếp cũng khó đền ân, may mắn gặp được bộ Pháp Hoa nầy như bộng cây trôi mà chưa mục, nên khắc in bản Nghĩa Sớ quyển thứ tư được lưu hành rất thịnh cho đến cõi trời Hữu Đảnh đến cõi A tỳ cứu độ chúng sanh vô biên.

Sa-môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.

■